TỔNG CỤC THUẾ

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ỨNG DỤNG HỖ TRỢ KÊ KHAI MÃ VẠCH 2 CHIỀU

(Dành cho người nộp thuế)

Phiên bản HTKK 3.8.7

MỤC LỤC

1. GIỚI THIỆU 10
1.1 Mã vạch 2 chiều 10
1.2 Hướng dẫn sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai 10
1.2.1 Cách sử dụng trợ giúp trong ứng dụng 10
1.2.2 Yêu cầu về cấu hình hệ thống 10
1.2.3 Hướng dẫn thiết lập thông số màn hình 11
1.2.4 Hướng dẫn cách gõ tiếng việt có dấu 11
1.2.5 Hướng dẫn kết nối máy in 13
1.2.6 Khởi động ứng dụng 14
1.2.7 Giao diện ứng dụng 14
1.2.8 Sử dụng hệ thống menu 15
1.2.9 Kê khai thông tin doanh nghiệp 16
1.2.10 Điều khiển nhập dữ liệu 17
1.2.11 Nhập mới, mở tờ khai thuế 19
1.2.12 Các chức năng trên màn hình kê khai tờ khai 20
1.2.13 Kiểm tra và thông báo kê khai sai 22
1.2.14 Sao lưu dữ liệu 23
1.2.15 Phục hồi dữ liệu 24
1.2.16 Kết xuất ra file PDF 25
1.2.17 Danh mục 29
1.2.18 Tra cứu tờ khai 31
2 ĐẢM BẢO CỦA CƠ QUAN THUẾ 33
2.1 Bản quyền 33
2.2 Tính tin cậy 33
2.3 Bạn cần in tờ khai 34
2.4 Lưu trữ tờ khai 34
3 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC CHỨC NĂNG KÊ KHAI 35
3.1 Kê khai thông tin chung của doanh nghiệp 35
3.2 Các quy định và tính năng hỗ trợ hướng dẫn kê khai chung của ứng dụng: 35
3.3 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế GTGT 36
3.3.1 Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ mẫu 01/GTGT theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và Thông tư số 26/2015/TT-BTC: đáp ứng công văn 4943/TCT-KK 36
3.3.2 Tờ khai thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư mẫu 02/GTGT theo Thông tư 156/2013/TT-BTC và Thông tư số 26/2015/TT-BTC 50
3.3.3 Tờ khai thuế giá trị gia tăng trực tiếp mẫu 03/GTGT theo Thông tư số

119/2014/TT-BTC 53
3.3.4 Tờ khai thuế GTGT mẫu 04/GTGT theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và Thông tư số 26/2015/TT-BTC 56
3.3.5 Tờ khai thuế GTGT mẫu 05/GTGT (Tạm nộp trên doanh số đối với kinh doanh ngoại tỉnh) theo thông tư số 156/2013/TT-BTC 59
3.3.6 Biểu xác định số thuế GTGT được ưu đãi theo Nghị quyết 08/2011/NQ13 62
3.4 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế TNDN 63
3.4.1 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính mẫu 01A/TNDN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và hiệu lực theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC 63
3.4.2 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính mẫu 01B/TNDN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và hiệu lực theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC 71
3.4.3 Tờ khai thu nhập doanh nghiệp cho chuyển nhượng BĐS - 02/TNDN theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC 76
3.4.4 Tờ khai Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm mẫu 03/TNDN theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC đáp ứng công văn 4943/TCT-KK 80
3.4.5 Tờ khai thu nhập doanh nghiệp cho trường hợp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu - 04/TNDN theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC 120
3.4.6 Tờ khai thu nhập doanh nghiệp - 06/TNDN theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC 123
3.4.7 Bảng kê gia hạn nộp thuế TNDN quý I, II, III đã thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước năm 2011 127
3.5 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Thu nhập cá nhân 128
3.5.1 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 01/KK-XS theo tháng theo thông tư số 156/2013/TT-BTC 128
3.5.2 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 01/KK-XS theo Quý theo thông tư 156/2013/TT-BTC 130
3.5.3 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/KK-TNCN theo Quý theo thông tư 156/2013/TT-BTC 132
3.5.4 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/KK-TNCN theo Tháng theo thông tư 156/2013/TT-BTC 134
3.5.5 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 03/KK-TNCN theo Tháng theo thông tư 156/2013/TT-BTC 137
3.5.6 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 03/KK-TNCN theo Quý theo thông tư 156/2013/TT-BTC 140
3.5.7 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 07/KK-TNCN (Cá nhân tự khai) theo thông tư số 156/2013/TT-BTC 144
3.5.8 Tờ khai tạm nộp thuế TNCN mẫu 08/KK-TNCN theo thông tư 156/2013/TT-BTC 147
3.5.9 Tờ khai tạm nộp thuế TNCN mẫu 08A/KK-TNCN theo thông tư

156/2013/TT-BTC 151
3.5.10 Tờ khai thuế với hoạt động cho thuê tài sản – 01/KK-TTS theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 154
3.5.11 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 01/KK-BHDC theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 156
3.5.12 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 02/KK-XS theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 159
3.5.13 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 02/KK-BHĐC theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 162
3.5.14 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 05/KK-TNCN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 167
3.5.15 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 06/KK-TNCN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 176
3.5.16 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 08B/KK-TNCN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 180
3.5.17 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 09/KK-TNCN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 183
3.5.18 Bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc 192
3.5.19 Phụ lục miễn giảm thuế TNCN theo nghị quyết 08/2011/QH13 195
3.5.20 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 01/XSBHDC theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC 196
3.5.21 Tờ khai thuế năm cho cá nhân làm đại lý xổ số, bảo hiểm mẫu 01/TKN-XSBHDC theo thông tư số 92/2015/TT-BTC 202
3.5.22 Tờ khai dành cho cá nhân khai trực tiếp với cơ quan thuế mẫu 02/KK-TNCN theo thông tư số 92/2015/TT-BTC 204
3.5.23 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/QTT-TNCN theo thông tư số 92/2015/TT-BTC 206
3.5.24 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 05/KK-TNCN theo thông tư số 92/2015/TT-BTC 211
3.5.25 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 05/QTT-TNCN theo thông tư số 92/2015/TT-BTC 213
3.5.26 Danh sách cá nhân nhận thu nhập mẫu 05/DS-TNCN theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC 223
3.5.27 Tờ khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân mẫu 06/TNCN theo thông tư 92/2015/TT-BTC 225
3.6 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Khoán và cho thuê tài sản 227
3.6.1 Tờ khai đối với hoạt động cho thuê tài sản mẫu số 01/TTS theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC 227
3.6.2 Tờ khai cá nhân kinh doanh mẫu số 01/CNKD theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC 236

3.6.3 Báo cáo sử dụng hóa đơn mẫu 01/BC-SDHD-CNKD theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC 243
3.7 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tài nguyên 245
3.7.1 Tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 245
3.7.2 Tờ khai Quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 02/TAIN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 248
3.8 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tiêu thụ đặc biệt 251
3.8.1 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC 251
3.8.2 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB theo Thông tư số 195/2015/TT-BTC 254
3.9 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Nhà thầu 261
3.9.1 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 01/NTNN theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC 261
3.9.2 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 02/NTNN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 263
3.9.3 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 03/NTNN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 267
3.9.4 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 04/NTNN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 270
3.10 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Phí, lệ phí 273
3.10.1 Tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu số 01/BVMT theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 273
3.10.2 Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu số 02/BVMT theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 277
3.10.3 Tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu số 01/PHLP theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 280
3.10.4 Tờ khai quyết toán phí, lệ phí mẫu số 02/PHLP theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 283
3.10.5 Tờ khai lệ phí môn bài mẫu số 01/MBAI theo Nghị định 139/2016/ND-CP 286
3.11 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thuế bảo vệ môi trường 291
3.11.1 Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 291
3.12 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thuế môn bài 295
3.12.1 Tờ khai thuế môn bài mẫu số 01/MBAI theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC 295
3.13 Hướng dẫn thực hiện chức năng tạo các mẫu Hoá đơn 299
3.13.1 Thông báo phát hành hóa đơn – Mẫu TB01/AC theo Thông tư số

26/2015/TT-BTC 299
3.13.2 Báo cáo tình hình nhận in hóa đơn– Mẫu BC01/AC theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC 303
3.13.3 Báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn– Mẫu BC21/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC 305
3.13.4 Thông báo kết quả hủy hóa đơn– Mẫu TB03/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC 307
3.13.5 Thông báo điều chỉnh thông tin – Mẫu: TB04/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC 308
3.13.6 Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn– Mẫu BC26/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC 310
3.13.7 Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo số lượng– Mẫu BC26/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC 316
3.13.8 Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng của tổ chức, cá nhân chuyển đía điểm kinh doanh khác địa bàn cơ quan thuế quản lý – Mẫu BK01/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC 319
3.13.9 Bảng kê sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN theo Thông tư số 33/2010/TT-BTC 321
3.14 Hướng dẫn thực hiện chức năng tạo các mẫu biên lai thu phí, lệ phí .. 322
3.14.1 Thông báo phát hành biên lai thu phí, lệ phí theo Thông tư số 303/2016/TT-BTC 322
3.14.2 Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in biên lai/cung cấp giải pháp biên lai điện tử theo Thông tư số 303/2016/TT-BTC 326
3.14.3 Báo cáo mất, cháy, hỏng biên lai theo Thông tư số 303/2016/TT-BTC 330
3.14.4 Thông báo kết quả hủy biên lai thu phí, lệ phí theo Thông tư số Thông tư số 303/2016/TT-BTC 333
3.14.5 Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí theo Thông tư số 303/2016/TT-BTC 336
3.15 Hướng dẫn thực hiện chức năng tạo các mẫu tem rượu 340
3.15.1 Thông báo kết quả hủy tem rượu – Mẫu 02 theo Thông tư số 160/2013/TT-BTC 340
3.15.2 Báo cáo mất tem rượu – Mẫu 03 theo Thông tư số 160/2013/TT-BTC 343
3.15.3 Báo cáo sử dụng tem rượu – Mẫu 06 theo Thông tư số 160/2013/TT-BTC ... 345
3.16 Hướng dẫn thực hiện chức năng lập báo cáo tài chính 350
3.16.1 Lập Bộ Báo cáo tài chính theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC 350
3.16.2 Lập Bộ Báo cáo tài chính theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC 357
3.16.3 Lập Bộ Báo cáo tài chính theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN..... 366
3.16.4 Lập Bộ báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 162/2010/TT-BTC 372
3.16.5 Lập Bộ Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC 379

3.16.6 Lập Bộ Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC..... 387
3.16.7 Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC 397
3.16.8 Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC 406
3.16.9 Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC 414
3.16.10Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC..... 419
3.16.11Lập Bộ Báo cáo tài chính theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN 424
3.16.12Lập Bộ Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN 433
3.16.13Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN 443
3.16.14Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ hợp nhất theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN..... 452
3.16.15Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN 460
3.16.16Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược hợp nhất hợp nhất theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN 464
3.16.17Lập Bộ Báo cáo tài chính (theo bộ mẫu số B01a - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục..... 470
3.16.18Lập Bộ Báo cáo tài chính (theo bộ mẫu số B01b - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục..... 501
3.16.19Lập Bộ Báo cáo tài chính (theo bộ mẫu số B01-DNNKLT) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục..... 533
3.16.20Lập Bộ Báo cáo tài chính dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ 551
3.17 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai các mẫu tờ khai thuế đối với đơn vị Thủy điện 558
3.17.1 Tờ khai thuế giá trị gia tăng dùng cho các cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN hoặc hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam theo mẫu 01/TĐ – GTGT đáp ứng công văn 4943/TCT-KK..... 558
3.17.2 Tờ khai thuế tài nguyên mẫu 03/TĐ-TAIN đáp ứng công văn 4943/TCT-KK 564
3.17.3 Tờ khai thuế quyết toán thuế tài nguyên dành cho thủy điện mẫu 03A/TĐ-TAIN đáp ứng công văn 4943/TCT-KK..... 569

3.18 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai các mẫu tờ khai thuế đối với đơn vị Dầu khí 574
3.18.1 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí mẫu 01A/TNDN- DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC 574
3.18.2 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với khí thiên nhiên mẫu 01B/TNDN- DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC 579
3.18.3 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí mẫu 02/TNDN- DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC 584
3.18.4 Tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí mẫu 01/TAIN- DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC 589
3.18.5 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu 02/TAIN- DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC 594
3.18.6 Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế mẫu 01/BCTL-DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC 600
3.18.7 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí mẫu 01/TNDN- DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC 602
3.18.8 Tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí mẫu 01/TAIN- DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC 607
3.18.9 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu 02/TAIN- DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC 612
3.18.10Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí mẫu 02/TNDN- DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC 619
3.18.11Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí mẫu 03/TNDN- DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC 625
3.18.12Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế mẫu 01/BCTL-DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC 630
3.19 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai các tờ Cổ tức lợi nhuận được chia 633
3.19.1 Tờ khai cổ tức lợi nhuận được chia cho phần vốn NN tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn nhà nước do Bộ, ngành, địa phương đại diện chủ sở hữu mẫu số 01/CTLNĐC theo Thông tư số 61/2016/TT-BTC 633
3.19.2 Tờ khai Quyết toán lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN của doanh nghiệp do nhà nước năm giữ 100% vốn điều lệ mẫu số 01/QT-LNCL theo Thông tư số 61/2016/TT-BTC 639
3.20 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Hoàn thuế 643
3.20.1 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (mẫu 01/ĐNHT) (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính) 643
4 THÔNG TIN HỖ TRỢ 647

Phụ lục 01: DANH MỤC CÁC KÝ TỰ ĐẦU CỦA MẪU HÓA ĐƠN 648
Phụ lục 02: MÃ HÓA ĐƠN CỦA CỤC THUẾ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG PHÁT HÀNH 649
Phụ lục 03: DANH MỤC NGÀNH NGHỀ VÀ TIỂU MỤC HẠCH TOÁN 651
Phụ lục 04: TỶ LỆ % THUẾ TNDN TÍNH TRÊN DOANH THU 654
Phụ lục 05: DANH MỤC NHÓM NGÀNH NGHỀ 655
Phụ lục 06: BIỂU THUẾ LŨY TIẾN TỪNG PHẦN 655
Phụ lục 07: DANH MỤC MÃ BIỂU THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 656
Phụ lục 08: DANH MỤC HÀNG HÓA CHỊU THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG . 657
Phụ lục 09: DANH MỤC LỆ PHÍ, LOẠI PHÍ 662
Phụ lục 10: DANH MỤC THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT 689
Phụ lục 11: DANH MỤC THUẾ TÀI NGUYÊN 738

1. GIỚI THIỆU

Tài liệu này được xây dựng để hỗ trợ người kê khai thuế hiểu rõ các quy định, hướng dẫn về kê khai thuế và cách thức sử dụng chương trình phần mềm hỗ trợ kê khai.

1.1 Mã vạch 2 chiều

Mã vạch 2 chiều là một kỹ thuật mã hoá thông tin thành dạng dữ liệu mà máy có thể đọc được. Hệ thống ứng dụng kỹ thuật mã vạch 2 chiều là hệ thống thực hiện việc mã hoá thông tin, tổ chức và in ra mã vạch, đồng thời cung cấp chức năng để nhận, giải mã dữ liệu từ máy đọc mã vạch.

1.2 Hướng dẫn sử dụng phần mềm hỗ trợ kê khai

1.2.1 Cách sử dụng trợ giúp trong ứng dụng

Duyệt qua các nội dung trợ giúp

Di chuyển chuột cho đến khi xuất hiện hình bàn tay, khi đó tương ứng sẽ có một mục trợ giúp liên quan đến thông tin đang hiển thị. Kích chuột trái để chuyển đến màn hình trợ giúp tiếp theo. Thông thường mục này sẽ hiển thị dưới dạng một đoạn chữ màu xanh và có gạch chân.

Người dùng có thể sử dụng tính năng trợ giúp bằng 2 cách sau:

Cách thứ nhất

Ở bất kỳ vị trí nào trên màn hình, khi bấm F1 sẽ xuất hiện màn hình trợ giúp.

Cách thứ hai

Trên menu, kích chuột trái vào mục "Trợ giúp". Có thể truy xuất nội dung hỗ trợ theo từng chủ đề (Contents): Các chủ đề được tổ chức dưới dạng từng chương, giống như cuốn sách giáo khoa.

1.2.2 Yêu cầu về cấu hình hệ thống

Yêu cầu về thiết bị phần cứng và hệ điều hành

Hầu hết các máy tính cá nhân sẽ chạy được ứng dụng hỗ trợ kê khai. Tuy nhiên hiện tại ứng dụng hỗ trợ kê khai mới chỉ chạy được trên nền phần cứng được Windows hỗ trợ.

Yêu cầu cấu hình tối thiểu của máy tính như sau: Bộ vi xử lý Intel hoặc các thiết bị xử lý tương thích, Tốc độ tối thiểu PII 400 MHz (hoặc Celeron 567 MHz), Hệ điều hành Window2000, XP hoặc Windows2003, Máy in Laser.

Yêu cầu về các phần mềm hỗ trợ gõ tiếng Việt Unicode

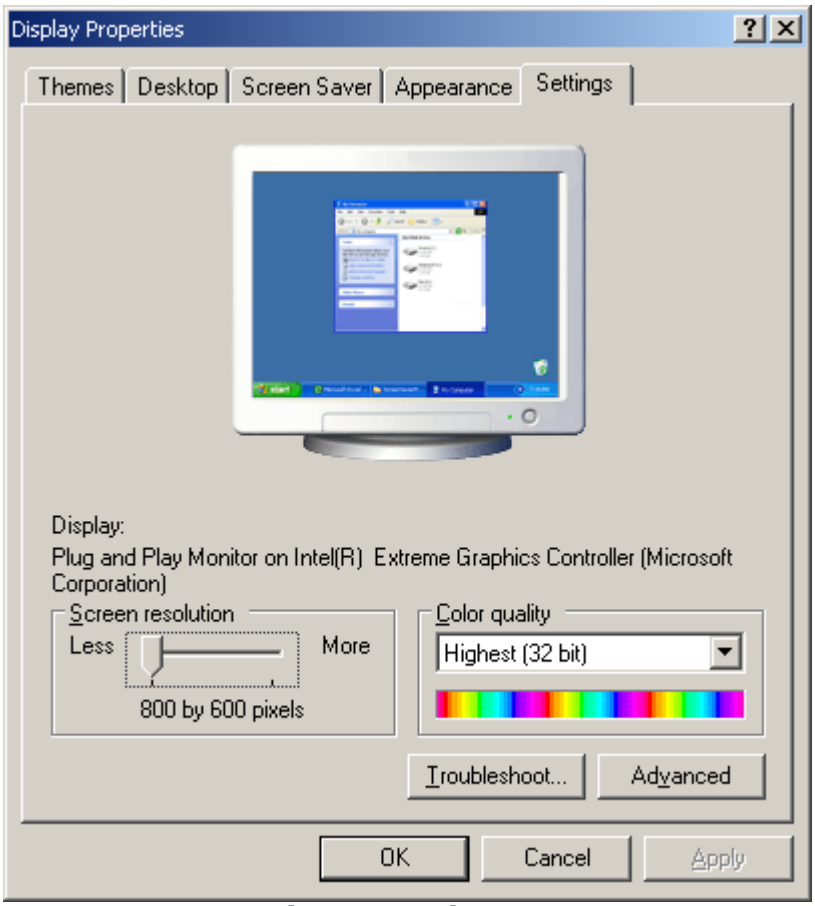
Ứng dụng hỗ trợ kê khai hỗ trợ font chữ Unicode do đó đòi hỏi máy tính phải được cài đặt phần mềm hỗ trợ gõ font Unicode.

Hiện tại ứng dụng chỉ nhận được tiếng Việt khi dùng bộ gõ VietKey và theo 2 kiểu gõ là TELEX và VNI.

1.2.3 Hướng dẫn thiết lập thông số màn hình

Ứng dụng hỗ trợ kê khai được thiết kế tốt nhất cho màn hình có độ phân giải 800x600. Nếu bạn thấy màn hình không hiển thị hết giao diện ứng dụng hoặc thấy chữ hiển thị lên quá nhỏ thì cần phải đặt lại về độ phân giải 800x600.

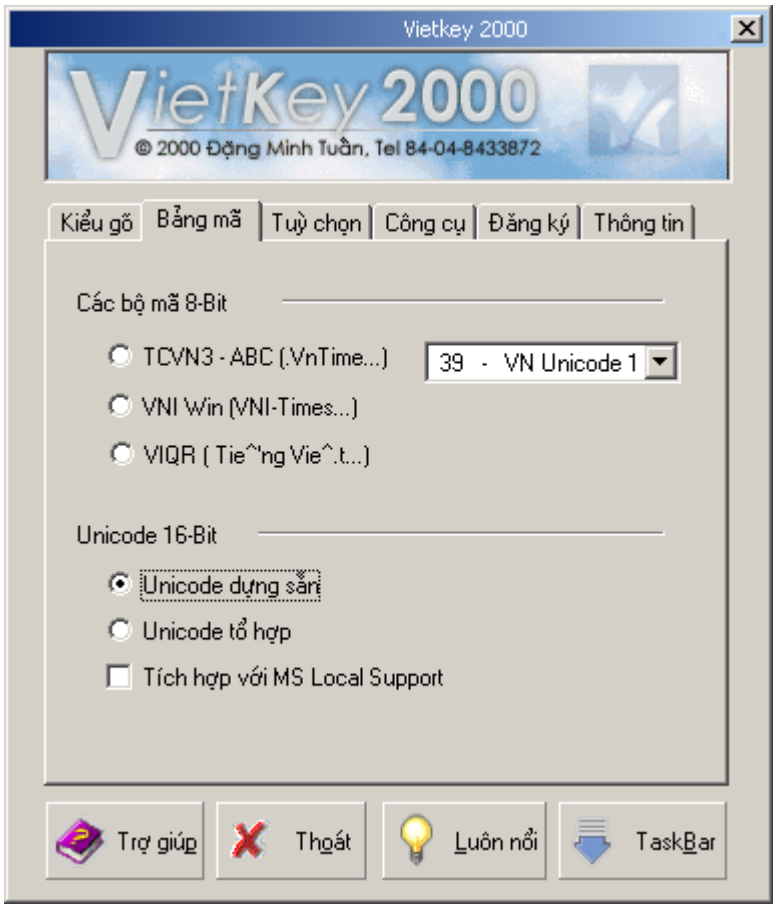
Để điều chỉnh lại độ phân giải màn hình bạn làm như sau: Vào START/Thiết lậptings/Control Panel/Display/ Thiết lậptings, và chỉnh độ phân giải như hình vẽ dưới đây:



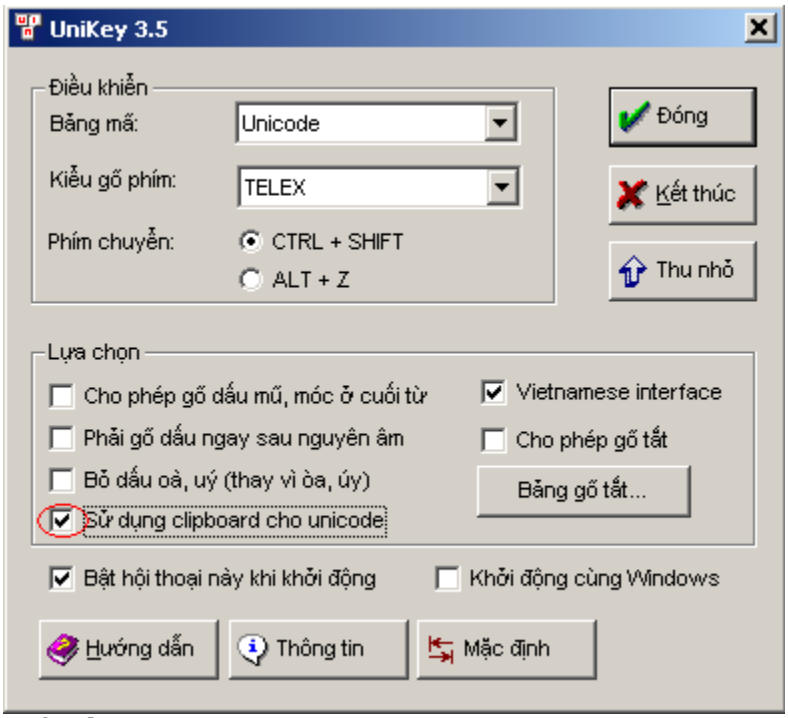
Chọn OK, màn hình sẽ được điều chỉnh về độ phân giải 800x600

1.2.4 Hướng dẫn cách gõ tiếng việt có dấu

Thực hiện cấu hình như dưới đây để gõ Unicode bằng bộ gõ VietKey2000:



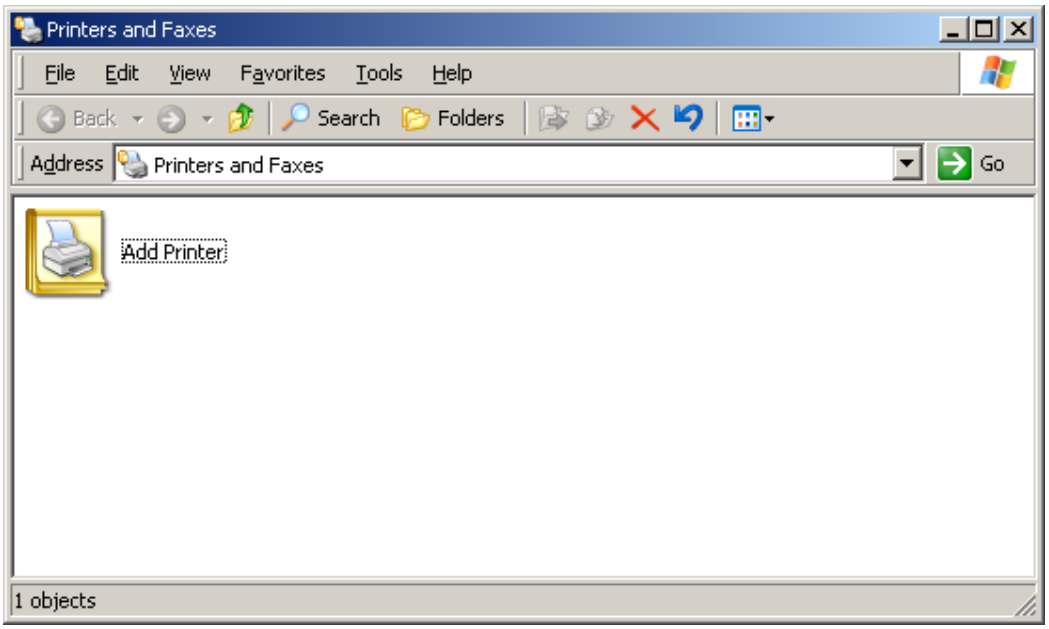
Để có thể thực hiện nhập dữ liệu vào chương trình HTKK bằng bộ gõ Unikey, Trong cửa sổ làm việc của phần mềm Unikey người sử dụng chọn nút "Mở rộng" sau đó tích chọn vào chức năng "Sử dụng clipboard cho unicode". Các thông số khác chọn mặc định như màn hình sau:



Chọn "Đóng" để kết thúc công việc.

1.2.5 Hướng dẫn kết nối máy in

Trước khi in thì máy in phải được nối với máy tính và máy tính cần phải được cài đặt phần mềm điều khiển máy in này. Trong windows việc thực hiện như sau: Vào START/Thiết lậptings/Printers and Faxes. Sau đó thực hiện Add Printer theo hướng dẫn của hệ điều hành Windows



1.2.6 Khởi động ứng dụng

Khởi động ứng dụng bằng cách kích kép chuột vào biểu tượng HTKK 3.8.7 trên màn hình hoặc vào START/Programs/Tong Cuc Thue/Ho tro ke khai/HTKK 3.8.7



Để bắt đầu sử dụng, cần phải nhập mã số thuế. Nếu là lần khai báo mã số thuế đầu tiên thì hệ thống sẽ hiển thị ngay màn hình để khai báo thông tin về doanh nghiệp, ngược lại nếu không phải khai báo lần đầu thì sẽ xuất hiện giao diện chính của ứng dụng.

Nếu người sử dụng thực hiện kê khai cho nhiều mã số thuế thì chọn lần lượt từng mã số để khai báo trong màn hình này. Khi đang kê khai cho một mã số thuế mà muốn chuyển sang mã số khác thì kích vào chức năng chuyển mã số khác… trong menu "Hệ thống".

1.2.7 Giao diện ứng dụng

Giao diện chính của ứng dụng hỗ trợ kê khai như sau:



Trên giao diện chính thể hiện menu điều khiển ở góc trên, bên trái và số hiệu phiên bản ứng dụng.

1.2.8 Sử dụng hệ thống menu

Menu được đặt phía bên trái trên màn hình. Khi vào màn hình chức năng thì menu sẽ biến mất, và sẽ hiện trở lại khi thoát chức năng.



Có thể dùng chuột hoặc bàn phím để điều khiển menu. Di chuột trên menu tương ứng với các phím mũi tên lên và xuống, kích chuột trái tương ứng với phím Enter. Mục không có hình kèm theo gắn với một màn hình chức năng, còn mục chữ đậm và có hình thể hiện nhóm các chức năng có cùng ý nghĩa. Bên trái các mục chọn có hình dấu + hoặc –. Khi kích chuột trái lên hình dấu + thì các mục chức năng sẽ hiển thị, ngược lại lên dấu – thì các mục này sẽ được thu gọn và biến mất

Các thông tin liên quan: Giao diện chính nhập mới, mở tờ khai

1.2.9 Kê khai thông tin doanh nghiệp

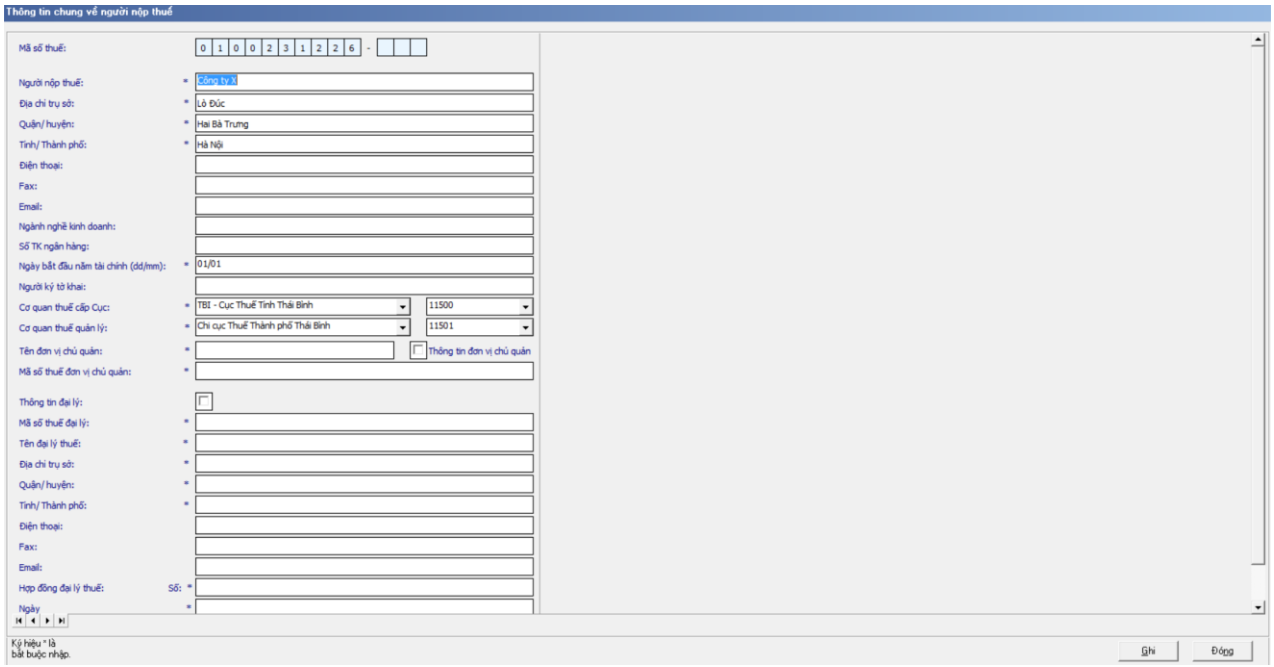
Có 2 hình thức khởi động chức năng này:

Từ menu "Hệ thống", chọn chức năng “Thông tin doanh nghiệp”.

Tự khởi động sau khi nhập mã số thuế mới trong bước khởi động ứng dụng

Các trường đánh dấu * là các trường phải nhập

Trường ngày bắt đầu năm tài chính phải là ngày đầu quý (01/01, 01/04, 01/07, 01/10). Giá trị này được sử dụng để xác định mẫu tờ khai TNDN tạm nộp quý và quyết toán TNDN năm. Do đó cần phải nhập chính xác giá trị này và không được sửa nếu đã kê khai các tờ khai thuế TNDN trên đây. Nếu thay đổi doanh nghiệp sẽ phải xoá và kê khai lại các tờ khai TNDN đã kê khai.



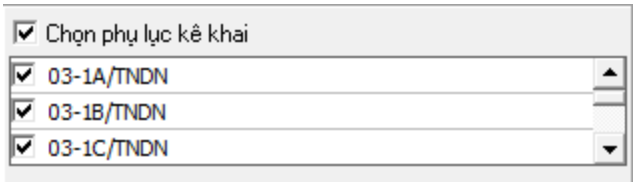
1.2.10 Điều khiển nhập dữ liệu

Nhập theo danh sách:



Khi bấm chuột trái vào nút "liệt kê danh sách" sẽ thấy xuất hiện các giá trị có thể chọn. Bạn không thể nhập thông tin khác vào đây được. Theo ví dụ hình bên thì chỉ có thể chọn giá **trị 11 hoặc 23** trong mục chọn này. Khi muốn xóa dữ liệu trên trường này phải bấm phím <Del> hoặc <Delete>

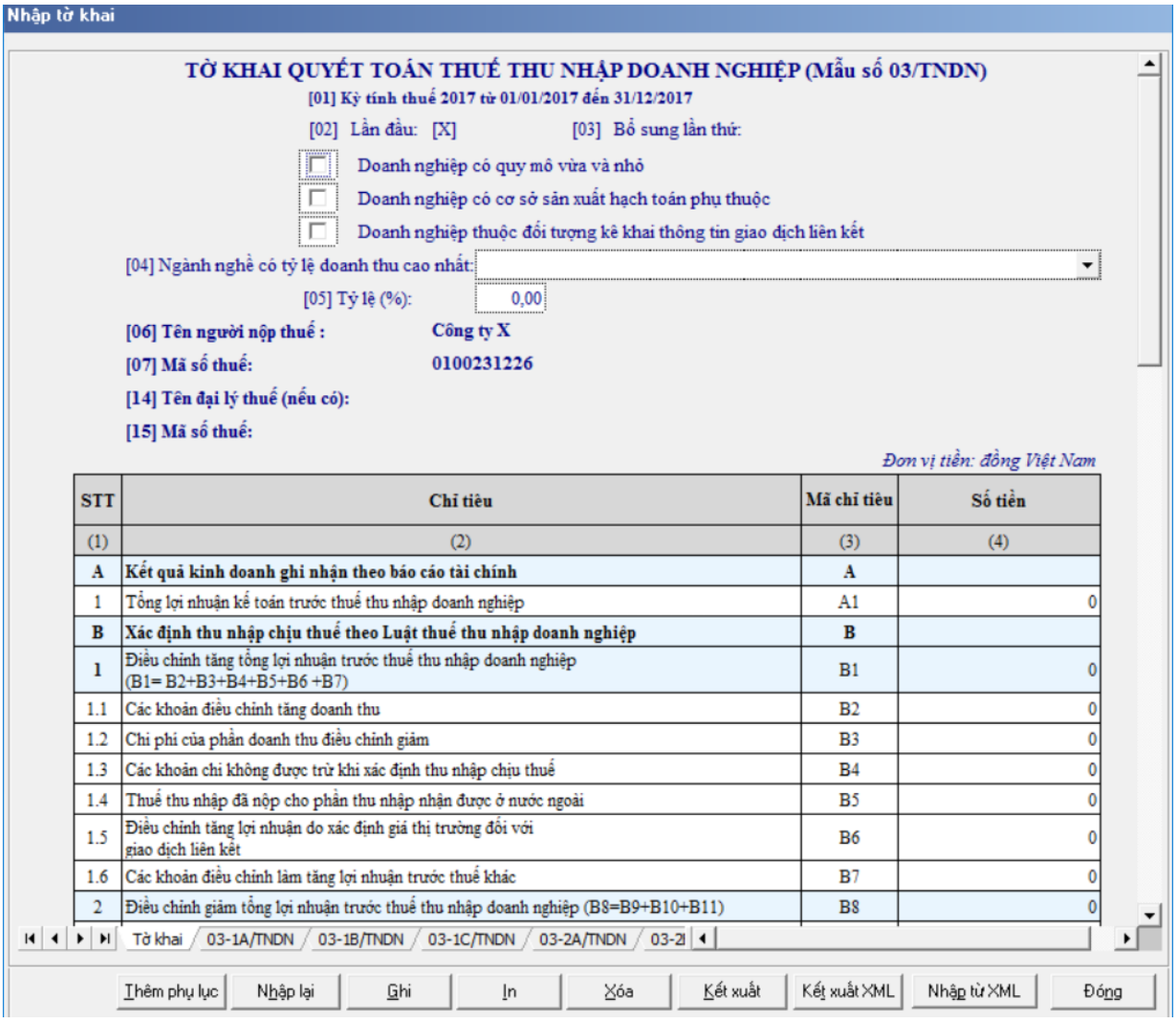
Chọn có hoặc không và lựa chọn nhiều phương án theo danh sách:



Mục chọn là câu trả lời có hoặc không cho câu hỏi đi kèm. Đánh dấu tương ứng với câu trả lời có, khi đó sẽ xuất hiện dấu tích ☑, ngược lại là trả lời không. Kích nút chuột trái hoặc phím <Space> để đặt hoặc bỏ dấu tích ☑. Trong ví dụ hình bên tương ứng với lựa chọn 2 phụ lục dưới và không chọn phụ lục trên cùng. Nếu đánh dấu vào "Chọn phụ lục kê khai" thì cả 3 mục dưới sẽ được đánh dấu và ngược lại.

Có thể dùng chuột hoặc bàn phím để di chuyển giữa các lựa chọn. Trong ví dụ hình bên dùng phím mũi tên lên, xuống để dịch chuyển giữa mục PL 03-1A/TNDN và PL 03-1B/TNDN. Hoặc dùng nút chuột trái để lựa chọn.

Nhập dữ liệu theo bảng:



Trên giao diện bảng bạn chỉ nhập được vào các dòng chi tiết màu trắng, các dòng màu xanh sẽ tự động tính giá trị theo công thức tương ứng. Bạn không thể di chuyển đến cũng như không thể sửa thẳng vào các dòng màu xanh này được.

- Bấm phím <Tab> hoặc <Enter> để di chuyển đến ô tiếp theo, nếu muốn di chuyển ngược về ô phía trước thì nhấn giữ phím <Shift> và bấm phím <Tab>. Có thể sử dụng chuột để thay thế cho tất cả các thao tác này.
- Bấm phím mũi tên lên hoặc xuống để dịch chuyển lên dòng trên hoặc xuống dưới.
- Sử dụng thanh cuốn  phía bên phải bảng để hiển thị các dòng còn lại. Nếu bạn bấm vào các nút mũi tên thì bảng sẽ dịch lên hoặc xuống từng dòng. Nếu bạn bấm, giữ và kéo hộp cuốn  thì sẽ hiển thị nhiều dòng một lúc.
- Bấm phím F5 để thêm dòng mới trong bảng. Bạn chỉ thêm được dòng mới khi đang ở dòng cuối cùng. Nếu bảng chia thành nhiều mục và mỗi mục được phép thêm dòng thì dòng cuối cùng là dòng cuối của các mục này.

- Bấm phím F6 để xóa dòng trong bảng. Bạn không thể xóa được dòng đầu tiên. Nếu bảng chia thành nhiều mục và mỗi mục được phép xóa dòng thì dòng đầu tiên là dòng đầu của các mục này.
- Dùng phím chuột trái hoặc giữ phím <Ctrl> và gõ phím <Page Up>, <Page Down> để chuyển đổi giữa các Tab trên màn hình có nhiều TAB (như hình vẽ ví dụ trên đây).

Kích thước và format dữ liệu:

Dữ liệu kiểu số nhập được tối đa 14 chữ số (không vượt quá 100 nghìn tỷ).

Các trường nhập số tiền cho phép nhập chi tiết đến đồng Việt Nam và không cho phép nhập số thập phân. Dấu phân cách 3 số là dấu chấm (.). Ví dụ 123.456.789

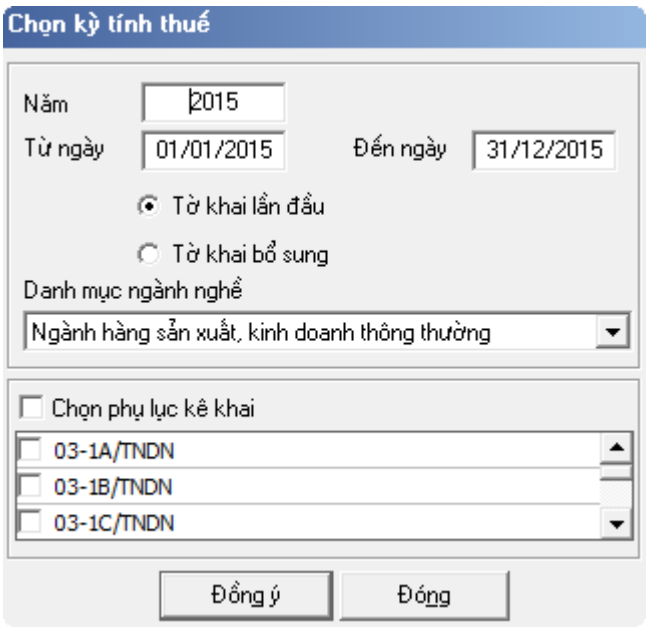
Các trường nhập tỷ lệ cho phép nhập đến 2 số thập phân. Dấu chấm (.) phân cách 3 số còn dấu phảy (,) để phân biệt phần thập phân. Ví dụ 65.234,25.

Trường kiểu ngày (dd/mm/yyyy), bạn phải nhập theo đúng định dạng kể cả dấu /. Nếu không nhập đúng định dạng giá trị sẽ biến mất khi nhảy sang ô khác.

Các trường được quy định chỉ cho phép nhập số thì không thể nhập chữ. Hệ thống sẽ không nhận và hiển thị chữ trong các trường hợp này.

1.2.11 Nhập mới, mở tờ khai thuế

Trong menu "Kê khai" chọn một tờ khai, xuất hiện màn hình nhập kỳ tính thuế. Kỳ tính thuế sẽ hiển thị theo tháng hoặc quý tuỳ thuộc vào mẫu tờ khai.



Nếu tờ khai có phụ lục đi kèm thì hệ thống sẽ hiển thị danh sách các phụ lục để lựa chọn. Chỉ những phụ lục được chọn thì mới xuất hiện trong màn hình tiếp theo.

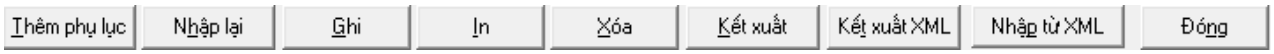
Sau khi chọn kỳ, nếu tờ khai của kỳ này đã được kê khai trước đó thì hệ thống sẽ tự đánh dấu những phụ lục đã được kê khai trước đó. Bạn không thể xoá bỏ

những phụ lục này được. Nếu muốn xoá bỏ phụ lục thì vào màn hình kê khai, chọ phụ lục muốn xoá và bấm nút "Xoá".

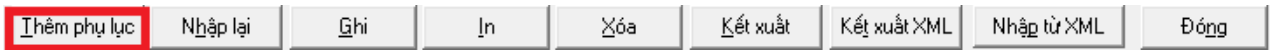
Ví dụ hình trên tương ứng với tờ khai GTGT khấu trừ tháng 10/2014. Tờ khai này đã được khai trước đó, có 2 phụ lục 01-1/GTGT, 01-2/GTGT đã được kê khai thể hiện bằng dấu check bị mờ. Bấm vào nút "Đồng ý" thì khi đó màn hình kê khai sẽ xuất hiện giao diện tờ khai và 2 phụ lục. Nếu muốn xoá phụ lục 01-2/GTGT thì chuyển đến màn hình của phụ lục này và bấm nút "Xoá".

1.2.12 Các chức năng trên màn hình kê khai tờ khai

Trên màn hình kê khai tờ khai có tất cả 7 chức năng:



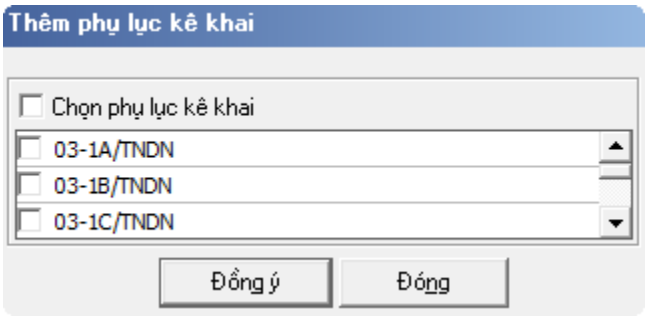
Thêm phụ lục



Sử dụng chức năng này cho phép thêm mới một phụ lục khác vào tờ khai.

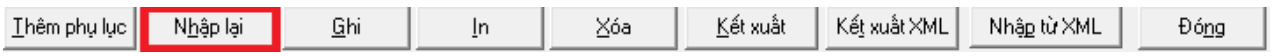
Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút “Thêm phụ lục” hoặc bấm phím tắt <Alt> + T.

Màn hình thêm phụ lục tờ khai xuất hiện như sau:



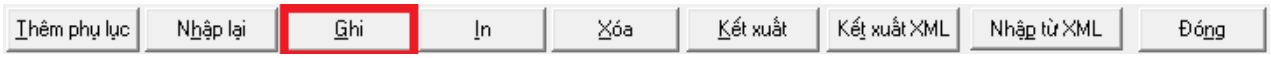
Nếu muốn thêm phụ lục nào thì chọn ô check tương ứng sau đó nhấn chuột trái vào nút "Đồng ý" (hoặc bấm phím tắt <Atl> + G) để thêm mới phụ lục. Hoặc có thể nhấn chuột trái vào nút "Đóng" (hoặc ấn phím tắt <Alt> + N) để thoát khỏi màn hình mà không thêm phụ lục nào.

Nhập lại thông tin



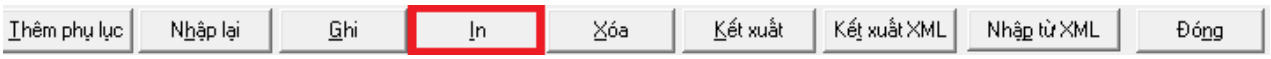
Sử dụng chức năng này để xoá bỏ toàn các thông tin đã kê khai trên màn hình để kê khai lại từ đầu. Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút “Nhập lại” hoặc bấm phím tắt <Alt> + H.

Ghi thông tin kê khai



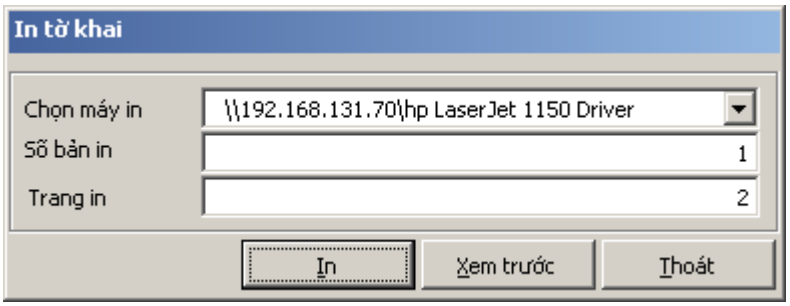
Sử dụng chức năng này để ghi lại các thông tin thay đổi trên màn hình tờ khai vào file tờ khai. Ứng dụng kiểm tra dữ liệu kê khai trước khi ghi, nếu thông tin sai hệ thống sẽ báo lỗi nhưng vẫn cho phép ghi. Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Ghi" hoặc bấm phím tắt <Alt> + G.

In tờ khai



Sử dụng chức năng này để in dữ liệu kê khai trên màn hình ra mẫu tờ khai, ứng dụng kiểm tra dữ liệu và chỉ xuất hiện màn hình in khi dữ liệu không còn lỗi. Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "In" hoặc bấm phím tắt <Alt> + I.

Màn hình in xuất hiện như sau:



Bạn có thể chọn máy in, số bản in và số trang in. Mục "Chọn máy in" sẽ hiển thị tên máy in mặc định được cấu hình trong Windows. Nếu không thấy tên máy in thì tức là máy tính này chưa được cài máy in. Khi đó phải cài máy in trước khi sử dụng ứng dụng.

Nếu muốn xem trước màn hình in ra thì bấm chuột trái vào nút "Xem trước". Màn hình xem trước xuất hiện trên đó có các nút để dịch chuyển giữa các trang, phóng to, thu nhỏ, nút in và thoát.



- Nút có hình mũi tên sang bên phải để dịch chuyển sang trang tiếp theo. Nếu là trang cuối cùng thì màu của mũi tên sẽ đổi thành .
- Nút có hình mũi tên sang bên trái để dịch chuyển sang trang trước. Nếu là trang đầu tiên thì màu của mũi tên sẽ đổi thành .
- Nút để phóng to hoặc thu nhỏ màn hình in.

- Nút  để in ra máy in đồng thời thoát màn hình xem trước.
- Nút  để thoát màn hình xem trước.

Xoá tờ khai

Sử dụng chức năng này để xoá tờ khai hoặc phụ lục nếu có. Nếu giao diện là màn hình tờ khai thì ứng dụng sẽ hỏi và cho xoá tờ khai (và các phụ lục kèm theo nếu có), ngược lại nếu là giao diện phụ lục thì sẽ hỏi có xoá phụ lục này không và cho phép xoá phụ lục hiện tại.

Đây là chức năng duy nhất để xoá phụ lục trong trường hợp phụ lục đó không cần thiết nữa.

Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Xoá" hoặc bấm phím tắt <Alt> + X.

Thông tin liên quan: Thêm mới phụ lục

Kết xuất tờ khai

Sử dụng chức năng này để kết xuất dữ liệu kê khai trên màn hình ra file excel, ứng dụng kiểm tra dữ liệu và chỉ cho phép kết xuất ra file khi dữ liệu không còn lỗi. Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Kết xuất" hoặc bấm phím tắt <Alt> + K.

Kết xuất XML

Sử dụng chức năng này để kết xuất dữ liệu kê khai trên màn hình ra file XML, ứng dụng kiểm tra dữ liệu và chỉ cho phép kết xuất ra file khi dữ liệu không còn lỗi. Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Kết xuất XML" hoặc bấm phím tắt <Alt> + T.

Nhập từ XML

Sử dụng chức năng này để nhận dữ liệu tờ khai từ file XML có cấu trúc theo đúng cấu trúc chuẩn quy định. Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Nhập từ XML" hoặc bấm phím tắt <Alt> + P

Thoát màn hình kê khai

Sử dụng chức năng này để thoát chức năng kê khai. Kích hoạt chức năng này bằng cách nhấn nút chuột trái vào nút "Đóng" hoặc bấm phím tắt <Alt> + N.

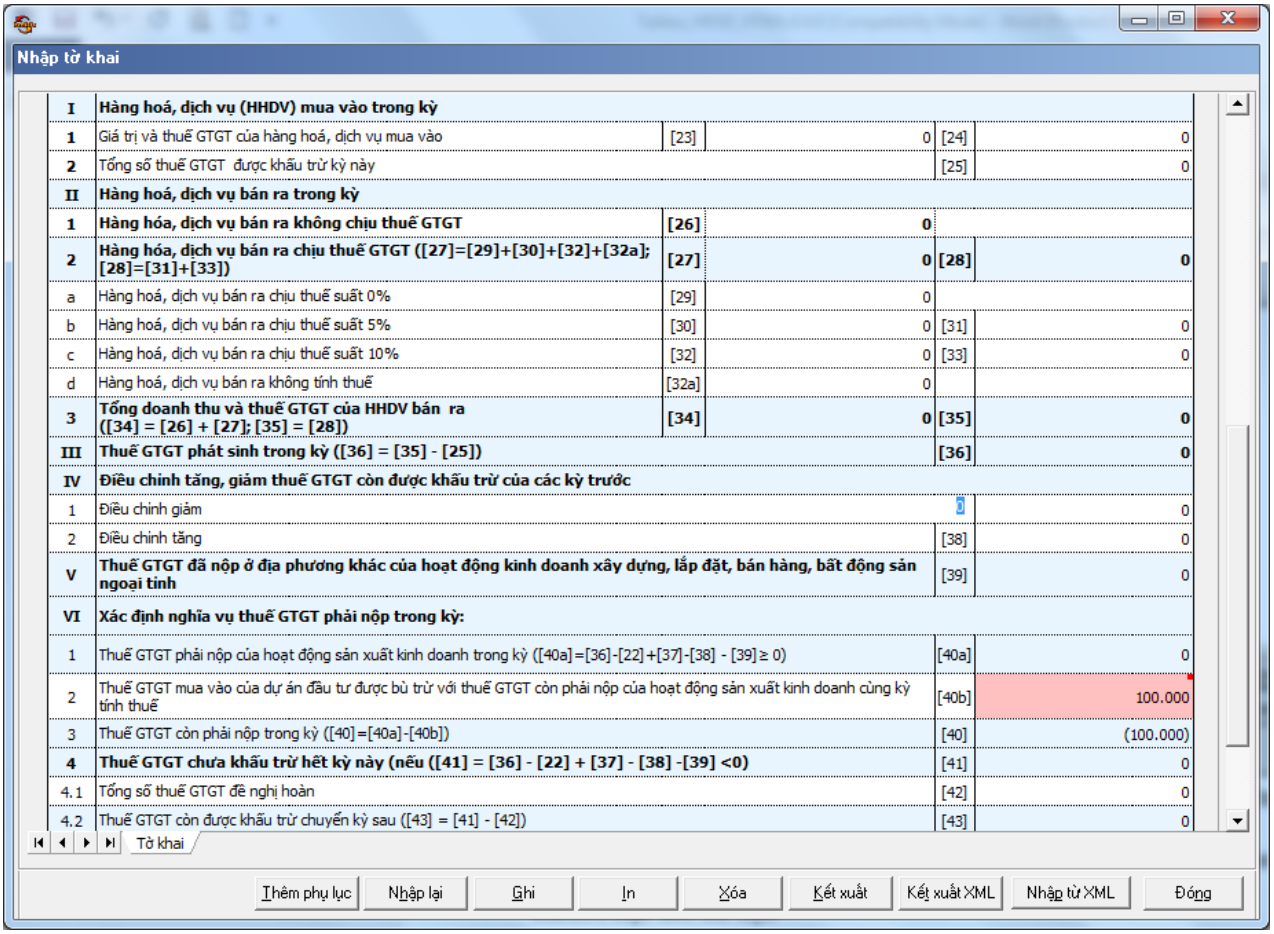
1.2.13 Kiểm tra và thông báo kê khai sai

Kiểm tra

Kiểm tra lỗi là bước được thực hiện đầu tiên trước khi ghi, in hoặc kết xuất tờ khai. Hệ thống sẽ kiểm tra xem tất cả các mục bắt buộc phải nhập đã được điền thông tin chưa? Đồng thời đối chiếu kiểm tra giữa các chỉ tiêu có đúng theo quy định kê khai không? Nếu có lỗi kê khai thì vẫn được ghi nhưng không thể in hoặc kết xuất tờ khai.

Thông báo sai

Nếu kê khai sai hệ thống sẽ thông báo có lỗi kê khai, tất cả các ô kê khai lỗi sẽ hiển thị với nền màu hồng và có một dấu đỏ phía góc trên bên phải . Khi đưa con chuột vào dấu đỏ này hệ thống tự hiển thị nội dung lỗi và hướng dẫn sửa. Hệ thống tự động nhảy về ô bị lỗi đầu tiên. Dưới đây là một ví dụ về thông báo lỗi.



I	**Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ**				
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	0	[24]	0
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này			[25]	0
II	**Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ**				
1	**Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT**	**[26]**	**0**		
2	**Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])**	**[27]**	**0**	**[28]**	**0**
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	0		
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0	[31]	0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	0	[33]	0
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	0		
3	**Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])**	**[34]**	**0**	**[35]**	**0**
III	**Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])**			**[36]**	**0**
IV	**Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước**				
1	Điều chỉnh giảm				0
2	Điều chỉnh tăng			[38]	0
V	**Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh**			[39]	0
VI	**Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:**				
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ([40a]=[36]-[22]+[37]-[38] - [39]≥ 0)			[40a]	0
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế			[40b]	100.000
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])			[40]	(100.000)
4	**Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu ([41] = [36] - [22] + [37] - [38] -[39] <0)**			[41]	0
4.1	Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn			[42]	0
4.2	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43] = [41] - [42])			[43]	0

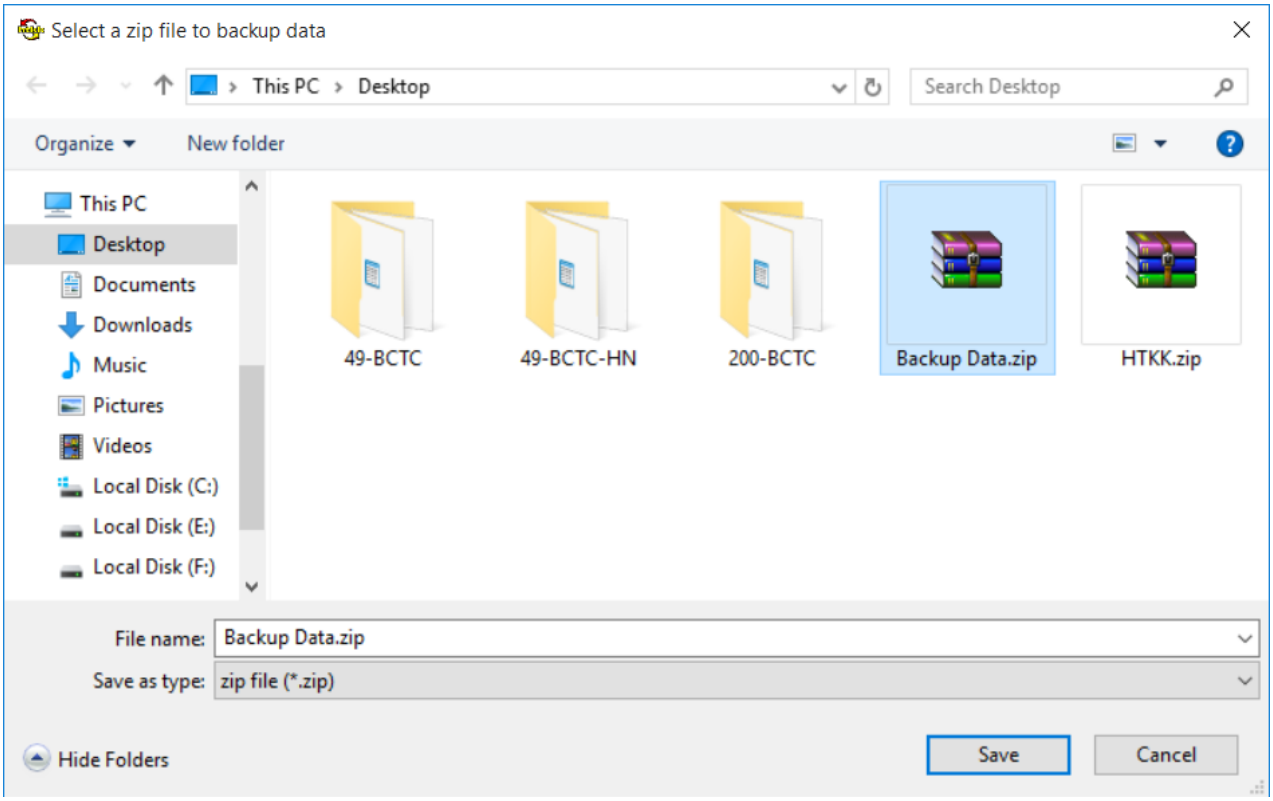
Thực hiện các bước sau đây để sửa lỗi:

- ***Bước 1:*** Đưa con chuột vào dấu màu đỏ để hệ thống hiển thị nội dung và hướng dẫn sửa lỗi
- ***Bước 2:*** Thực hiện sửa lỗi, hãy bấm F1 nếu cần hướng dẫn chi tiết cho mục kê khai này.
- ***Bước 3:*** Bấm nút "Ghi" hoặc "In" hoặc "Kết xuất" để hệ thống kiểm tra lại dữ liệu sau khi sửa.
- ***Bước 4:*** Lặp lại các bước từ 1 đến 3 cho đến khi hệ thống không xuất hiện thông báo lỗi.
- Khi đó có thể In hoặc kết xuất tờ khai.

1.2.14 Sao lưu dữ liệu

Trong trường hợp cần cài đặt lại máy tính hoặc chuyển ứng dụng từ máy này sang máy khác thì sẽ xuất hiện nhu cầu chuyển dữ liệu kê khai từ nơi này sang nơi khác. Việc đó được thực hiện bằng chức năng sao lưu và phục hồi dữ liệu.

Từ menu "Công cụ", chọn chức năng “Sao lưu dữ liệu”.

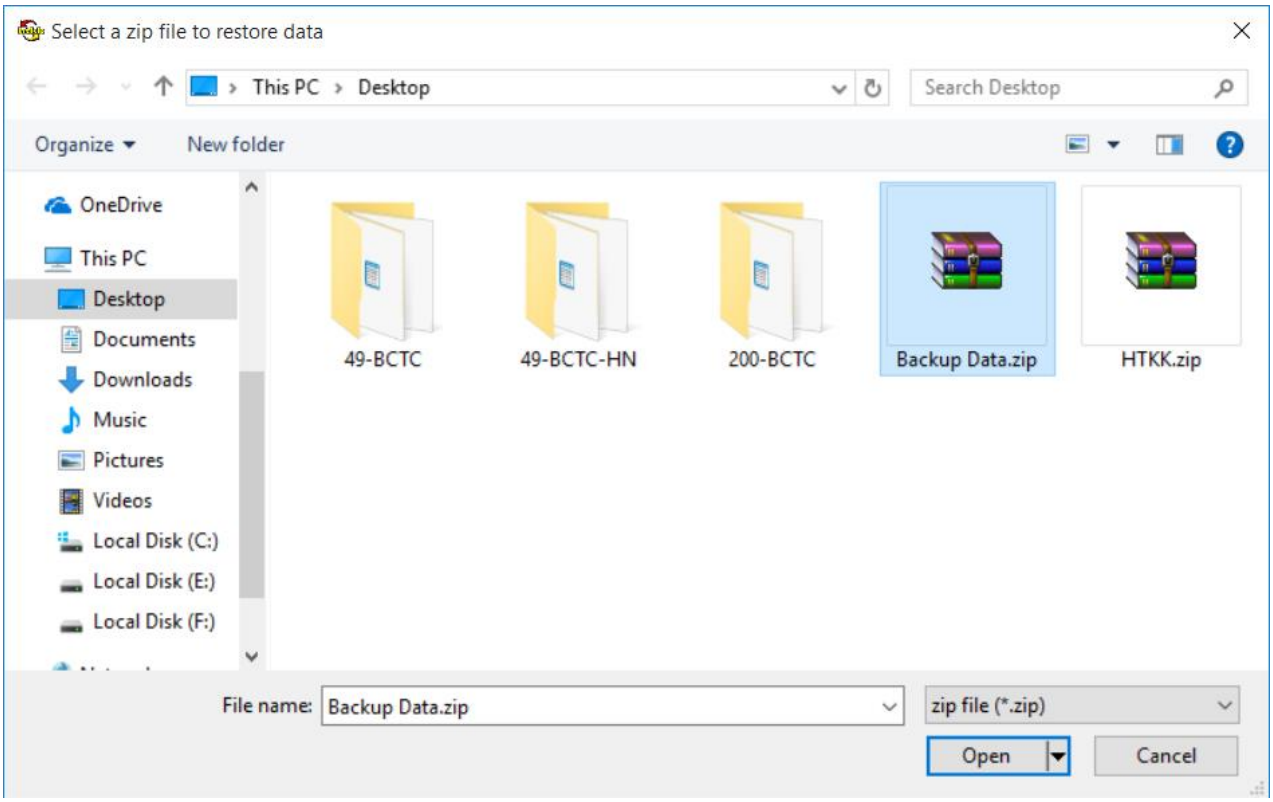


Nhập vào tên file để sao lưu (ví dụ backup). Bấm nút "Save" để thực hiện sao lưu toàn bộ dữ liệu đã kê khai ra file này.

Chạy chức năng "Phục hồi" để thực hiện khôi phục lại dữ liệu đã sao lưu.

1.2.15 Phục hồi dữ liệu

Từ menu "Công cụ", chọn chức năng “Phục hồi dữ liệu”.



Nhập vào file chứa dữ liệu đã sao lưu (đường dẫn đầy đủ). Bấm nút "Open" để thực hiện khôi phục lại toàn bộ dữ liệu đã sao lưu vào ứng dụng.

1.2.16 Kết xuất ra file PDF

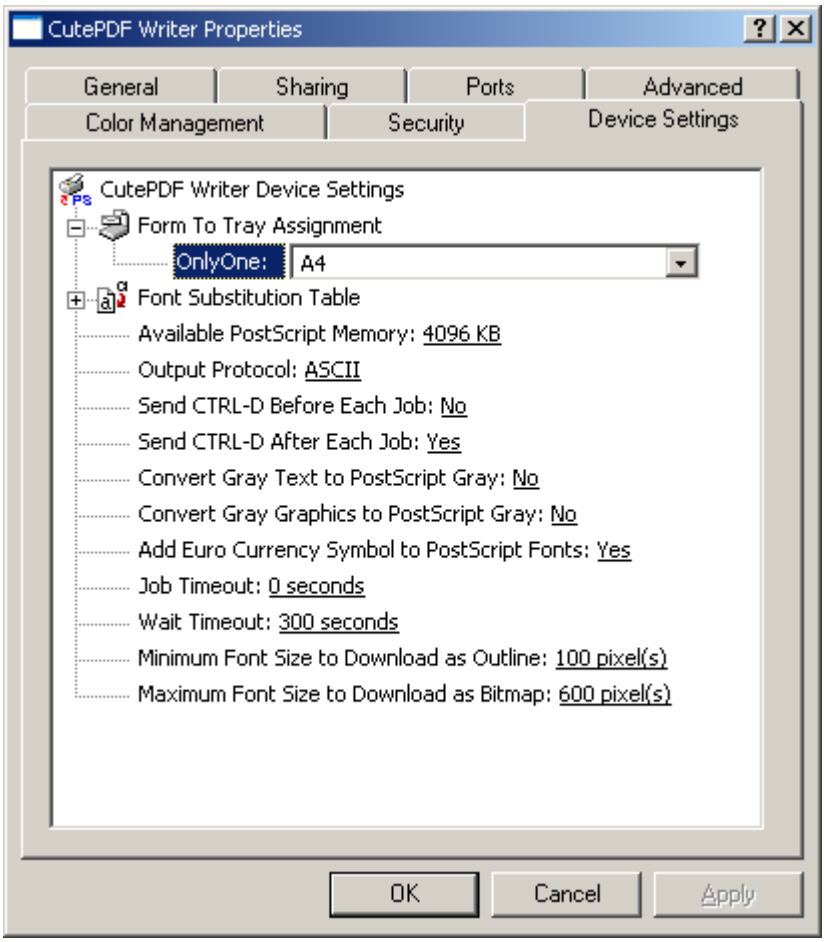
Trong trường hợp người sử dụng không có máy in laser hoặc có mục đích khác thì có thể kết xuất tờ khai ra file .PDF Để thực hiện điều đó cần làm 3 bước sau:

Cài đặt phần mềm hỗ trợ kết xuất ra file PDF

Vào thư mục PDF Writer, lần lượt chạy cài đặt 2 file Converter.exe và CuteWriter.exe (theo hướng dẫn trên màn hình).

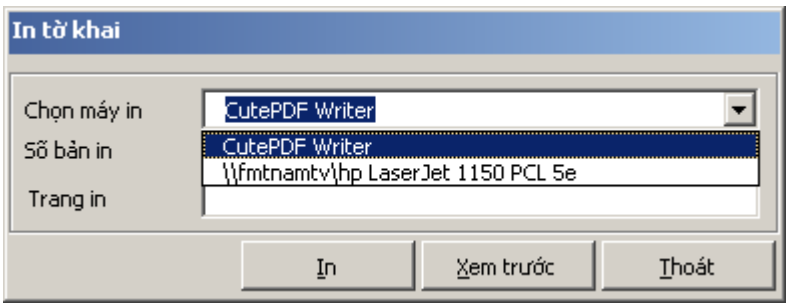
Cài xong trong mục Start -> Thiết lậptings -> Printers and Faxes sẽ xuất hiện máy in tên là CutePDF Writer.

Cấu hình kiêu giấy A4 cho máy in CutePDF Writer, bằng cách kích phải chuột vào tên máy in, chọn mục Device Thiết lậptings, tại mục From To Tray Assignment (Onlyone) chọn kiểu A4.

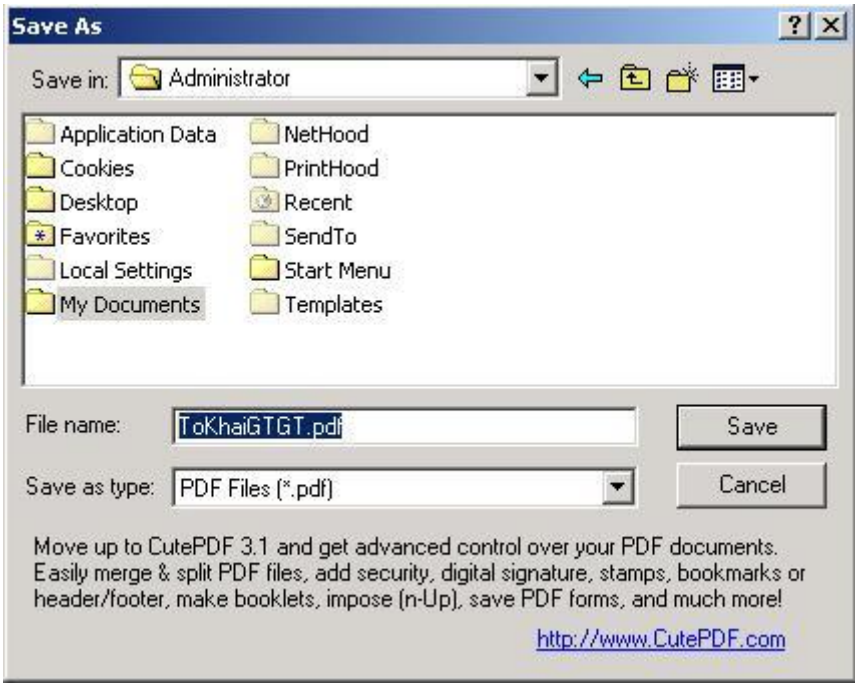


Kết xuất tờ khai ra file PDF

Từ ứng dụng hỗ trợ kê khai, mở tờ khai cần kết xuất. Chọn nút In sẽ xuất hiện màn hình:

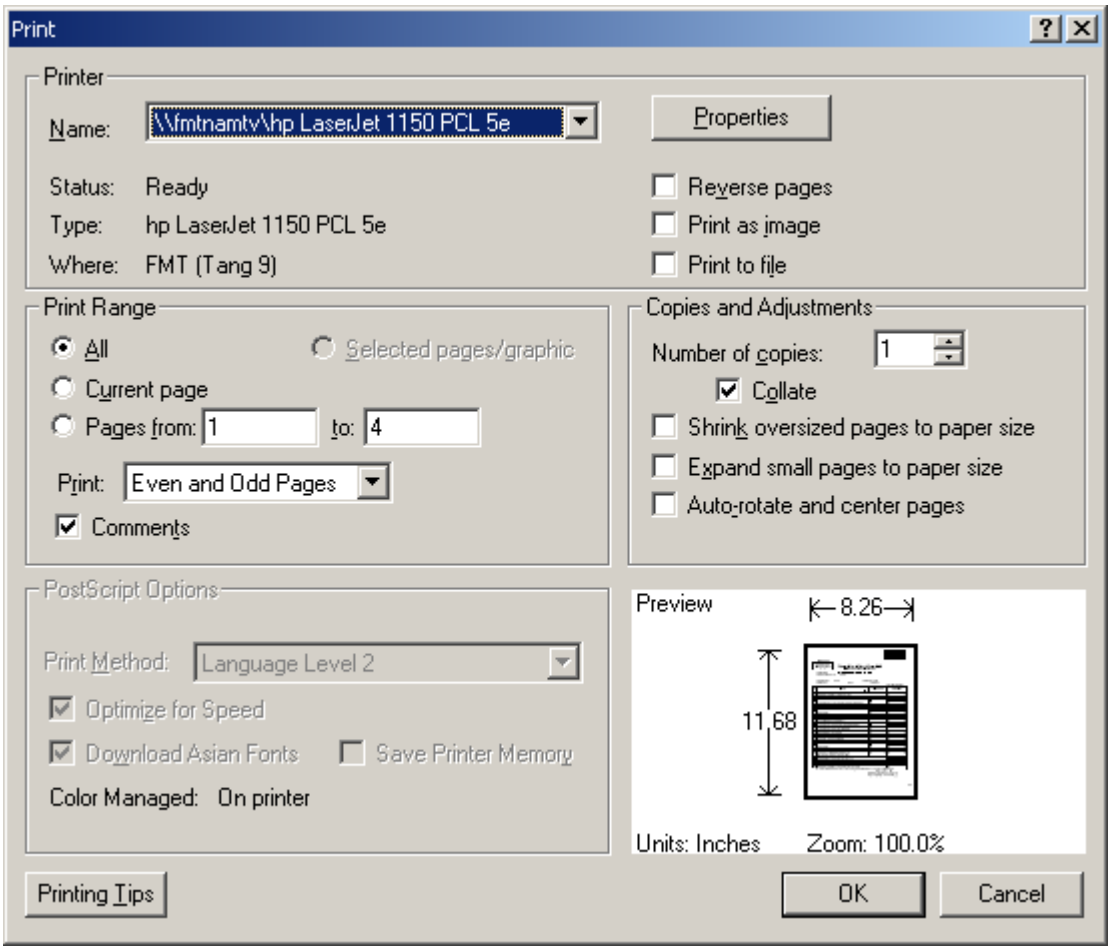


Chọn máy in tên là "CutePDF Writer", bấm nút In. Hệ thống sẽ hỏi tên file. Người dùng gõ tên file và bấm Save.

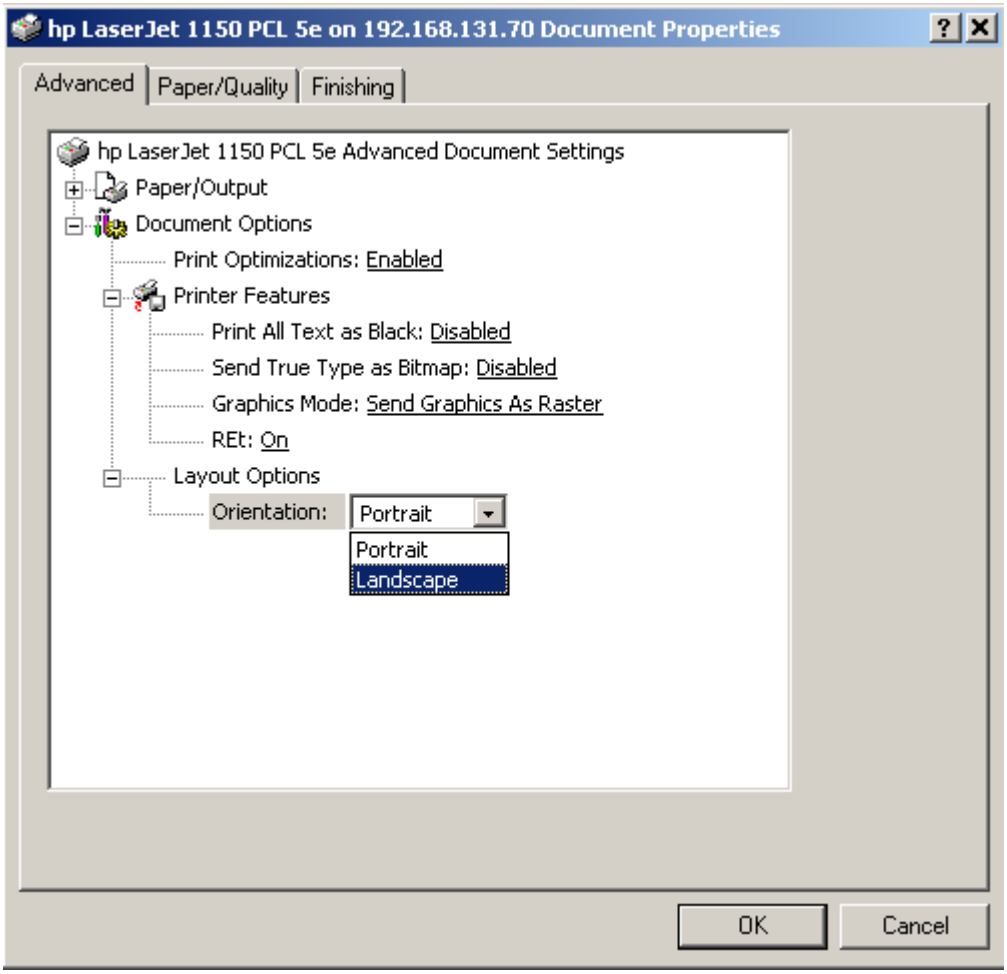


In tờ khai từ file PDF

Để in tờ khai ra đúng thì cần phải cài đặt và in từ bản Acrobat Reader 5. Cài đặt bằng cách chạy file AcrobatReader5.exe trong đĩa CD. Sau đó mở file tờ khai vừa kết xuất ra và chọn Print.



Chú ý: Nếu trong tờ khai bao gồm cả các trang có khổ giấy A4 dọc và A4 ngang thì khi in chỉ được phép chọn In lần lượt các trang. Khi in đến trang có khổ giấy A4 ngang nhấn vào nút Properties để thiết lập lại thông số trang In như sau:



Trong cửa sổ làm việc Advanced chọn mục Layout Options\Orientation và thiết lập lại thông số là Landscape (In ngang). Nhấm OK để trở lại màn hình chọn thông số In ban đầu.

Sau khi In xong các trang có khổ giấy A4 ngang cần thiết lập thông số Layout Options\Orientation trở lại giá trị Portrait để tiếp tục In các trang có khổ giấy A4 dọc.

Bỏ các check trước khi nhấm OK để In:

- Sharink oversized pages to paper size
- Expand small pages to paper size
- Auto-rotate and center pages

1.2.17 Danh mục

Chức năng đăng ký danh mục dùng để đăng ký các danh mục biểu thuế doanh nghiệp thường sử dụng của hai loại tờ khai thuế tài nguyên và thuế tiêu thụ đặc biệt. Nếu không sử dụng chức năng này thì mặc định tất cả các danh mục sẽ được đưa vào danh sách chọn trong các tờ khai này khi kê khai.

Ngoài ra, với danh mục biểu thuế tiêu thụ đặc biệt chức năng đăng ký danh mục còn cho phép người dùng thay đổi giá trị bao bì (nếu có) tương ứng với Thông

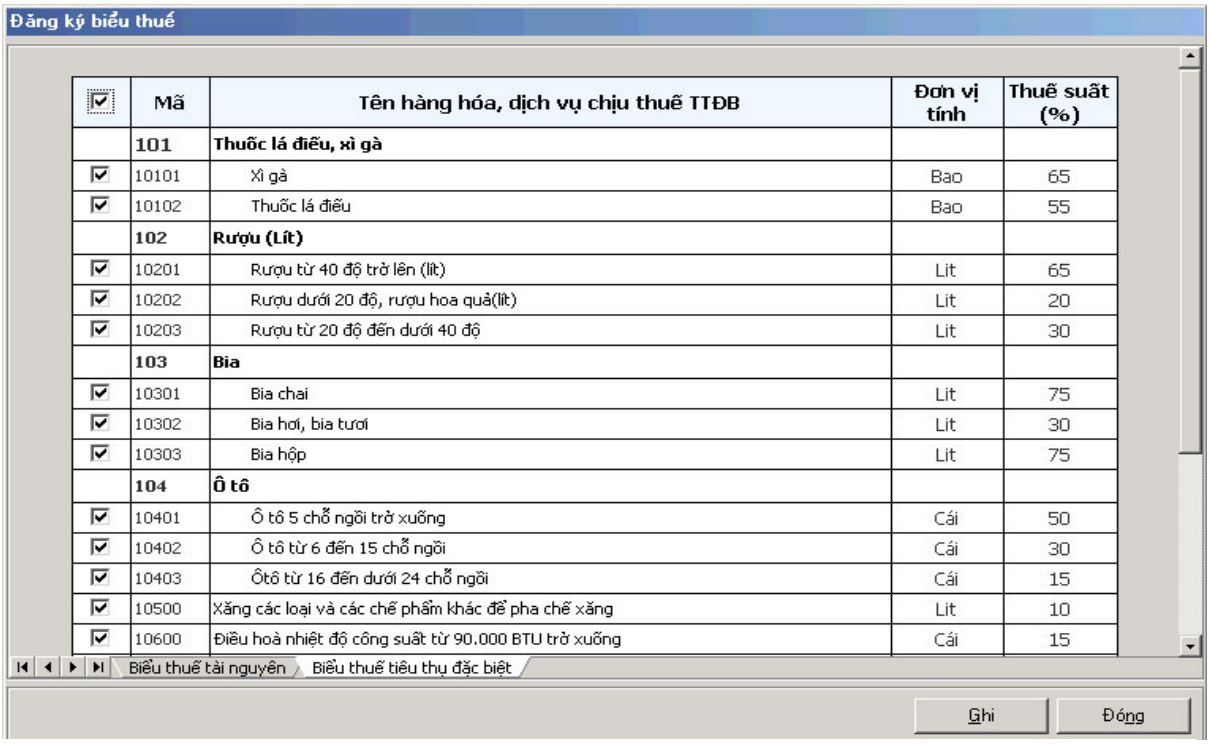
tư (quyết định) của tổng cục thuế phát hành.

Bảng danh mục thuế dùng để kê khai luôn là hiện hành đối với ngày hệ thống, không thể mở bảng danh mục đã hết thời hạn hiệu lực so với ngày hệ thống.

Chạy chức năng này như sau:

Sử dụng chức năng này để đăng ký danh mục biểu thuế tài nguyên và thuế tiêu thụ đặc biệt tồn tại trong hệ thống dữ liệu. Chạy chức năng này như sau:

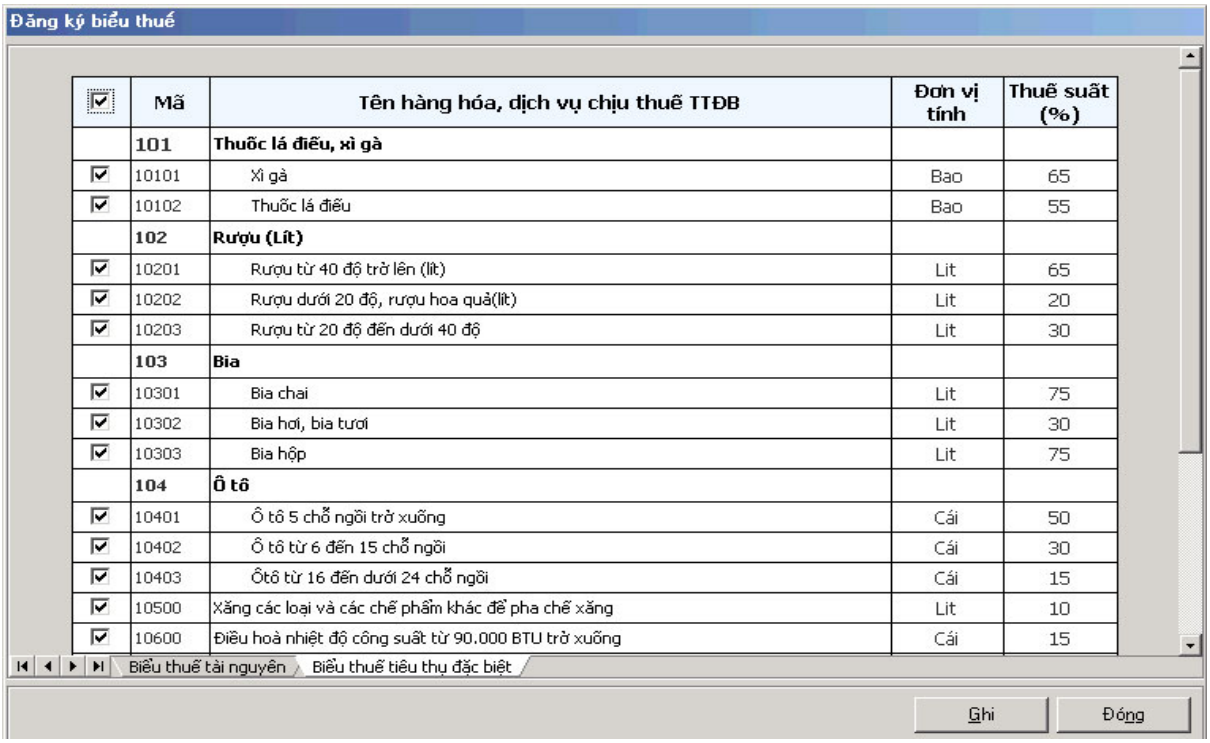
Từ menu "Công cụ", chọn chức năng "Đăng ký danh mục". Trên màn hình xuất hiện cửa sổ làm việc như sau:



Đây là danh mục "Biểu thuế tài nguyên". Muốn đăng ký biểu thuế nào người sử dụng chọn vào dòng có mặt hàng tương ứng.

Sau khi đã đăng ký xong danh mục cho biểu thuế ấn nút "Ghi" để lưu thông tin đã đăng ký vào dữ liệu riêng của doanh nghiệp. Và chọn nút "Đóng" để kết thúc làm việc.

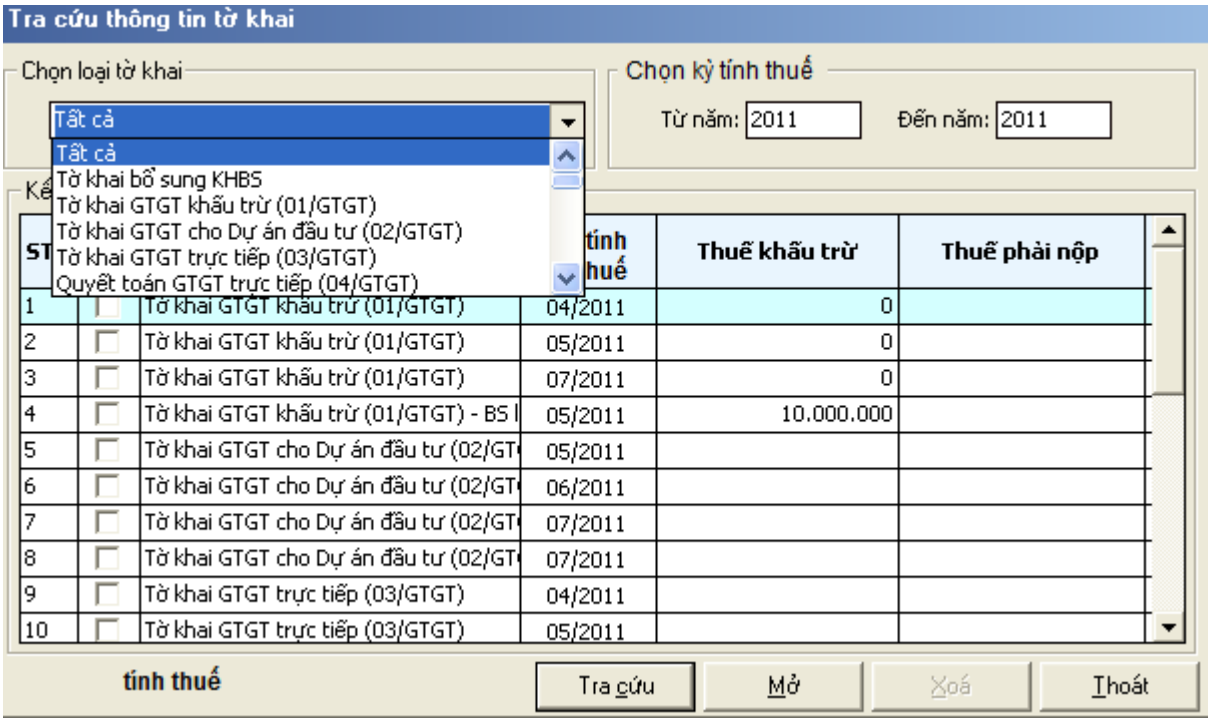
Tương tự như vậy để đăng ký danh mục biểu thuế tiêu thụ đặc biệt người sử dụng chọn cửa sổ làm việc tiếp theo "Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt" ở cuối cửa sổ làm việc:



1.2.18 Tra cứu tờ khai

Sử dụng chức năng này để tra cứu tờ khai tồn tại trong hệ thống dữ liệu của doanh nghiệp. Chạy chức năng này như sau:

Từ menu "Công cụ", chọn chức năng “Tra cứu tờ khai”. Trên màn hình xuất hiện cửa sổ làm việc như sau:



Khi bắt đầu làm việc hệ thống mặc định chọn loại tờ khai là tất cả và từ kỳ tính

thuế, đến kỳ tính thuế là năm hiện tại.

Trong danh sách thả xuống "Loại tờ khai" chọn loại tờ khai để thực hiện tra cứu.

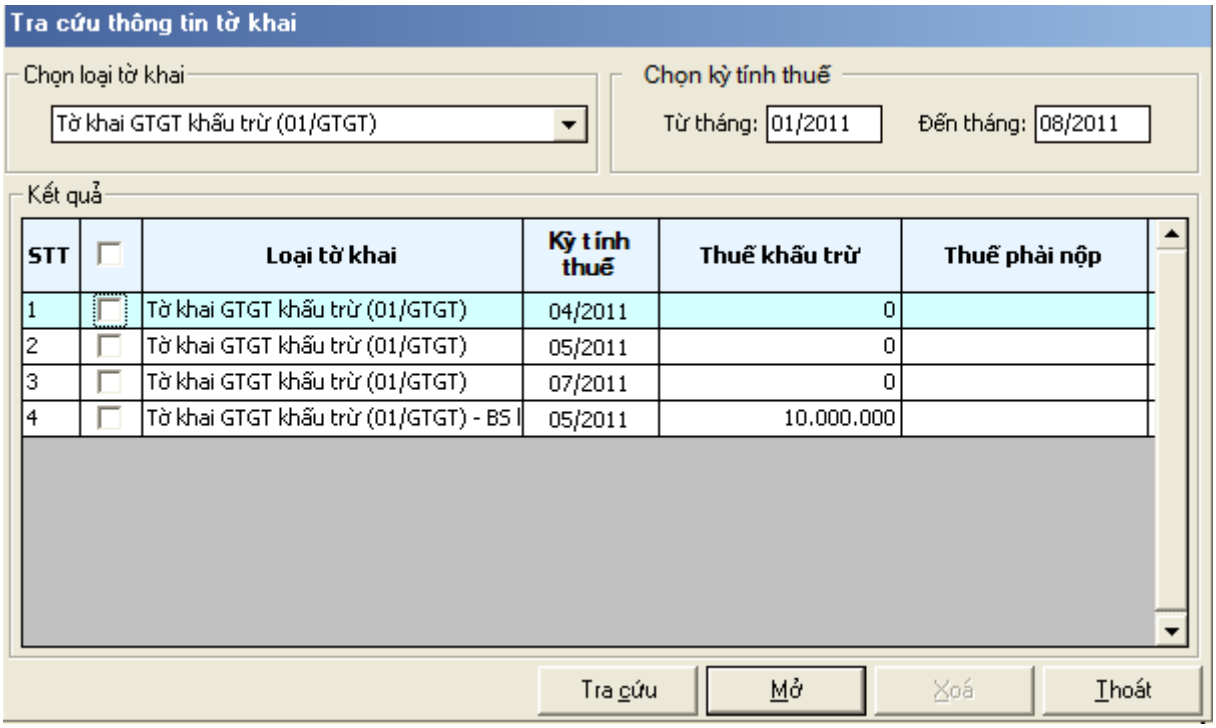
Sau khi lựa chọn xong loại tờ khai tra cứu hệ thống sẽ tự động thay đổi kiểu nhập kỳ tính thuế cho phù hợp. Người sử dụng có thể thay đổi giá trị từ kỳ, đến kỳ mặc định cho phù hợp với điều kiện tra cứu cụ thể.

Ví dụ: Khi chọn "Tờ khai GTGT khấu trừ" hệ thống sẽ tự động điền giá trị là năm và tháng hiện tại và 2 ô nhập từ kỳ đến kỳ (Từ kỳ: 08/2008, Đến kỳ: 08/2008). Tương tự nếu người sử dụng chọn "Tờ khai TNDN tạm nộp quý" 2 ô nhập từ kỳ đến kỳ sẽ có giá trị là quý và năm hiện tại (Từ kỳ: 01/2008, Đến kỳ: 04/2008). Trong trường hợp người sử dụng chọn loại tờ khai là "Tất cả" hoặc "Tờ khai quyết toán năm" thì giá trị 2 ô nhập từ kỳ đến kỳ chỉ là năm hiện tại (2011).

Chú ý: Nếu 2 ô nhập từ kỳ, đến kỳ được xóa trắng hệ thống sẽ cho phép cho cứu toàn bộ các tờ khai (không phụ thuộc và điều kiện kỳ tính thuế). Nếu một trong 2 ô nhập được xóa trắng hệ thống chỉ tra cứu dựa trên ô nhập có giá trị.

Sau khi đã lựa chọn xong các điều kiện loại tờ khai và kỳ tính thuế để thực hiện tra cứu người sử dụng có thể ấn phím "Enter", tổ hợp phím "Alt+C" hay nhấn vào nút "Tra cứu" để thực hiện tra cứu.

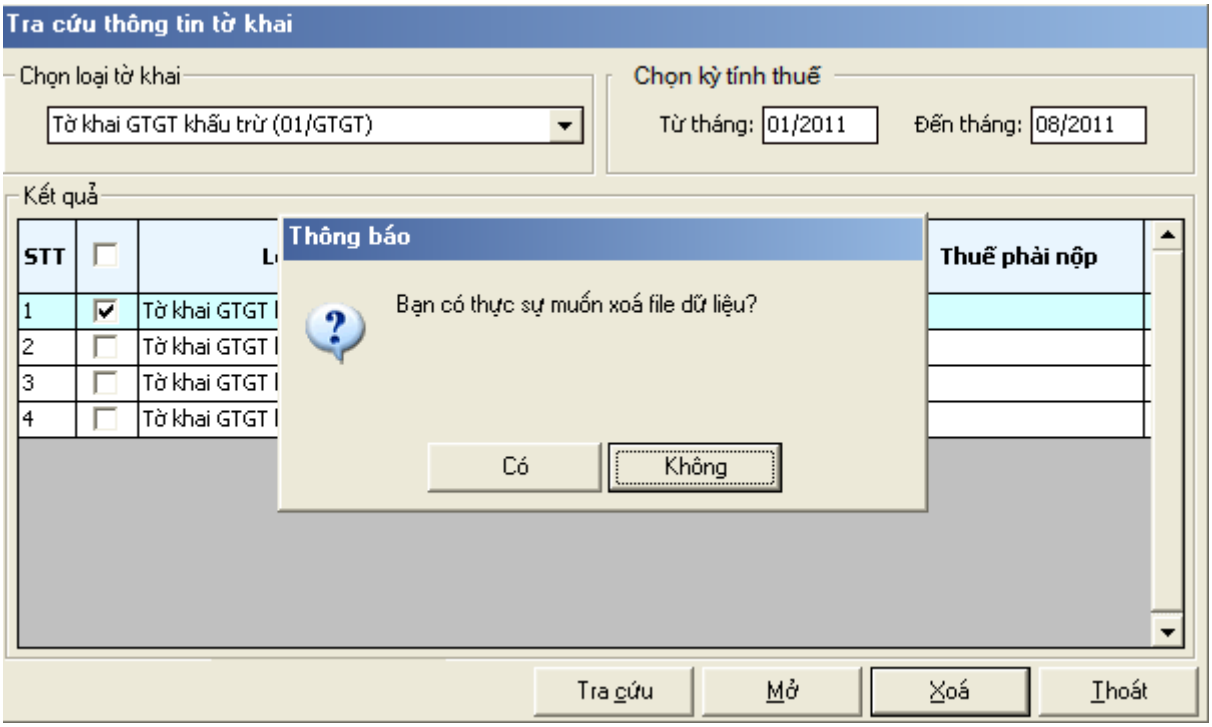
Ví dụ dưới đây thực hiện tra cứu tất cả các tờ khai có kỳ tính thuế từ tháng 1 đến tháng 8 năm 2011:



Để có thể mở một tờ khai đã hiển thị trên kết quả tra cứu người sử dụng chọn đúng tờ khai cần mở được đánh dấu bằng dòng màu xanh trên màn hình hiển thị kết quả sau đó có thể ấn tổ hợp phím "Alt+M" hoặc nhấn vào nút "Mở" để thực hiện chức năng mở tờ khai.

Chú ý: Những dòng có màu đỏ tương ứng với những tờ khai có kỳ hiệu lực không đúng. Người sử dụng không thể sử dụng chức năng "Mở" đối với những tờ khai này.

Để có thể xóa một hay nhiều tờ khai đã hiển thị trên kết quả tra cứu người sử dụng check chọn vào các ô chọn có dòng tương ứng với các tờ khai cần xóa sau đó có thể ấn tổ hợp phím "Alt+X" hoặc nhấn vào nút "Xóa" để thực hiện chức năng xóa tờ khai. Màn hình xuất hiện thông báo như sau:



Chọn "Có" nếu muốn thực sự xóa dữ liệu và "Không" nếu ngược lại.

Chú ý: Để lựa chọn tất cả các tờ khai hiển thị trên cửa sổ làm việc người sử dụng có thể check chọn vào nút chọn trên cùng của cửa sổ hiển thị kết quả tra cứu

2 ĐẢM BẢO CỦA CƠ QUAN THUẾ

2.1 Bản quyền

Ứng dụng hỗ trợ kê khai thuế thuộc bản quyền của Tổng cục thuế nhà nước Việt Nam. Ứng dụng hỗ trợ kê khai được Tổng cục thuế phát miễn phí cho các cơ sở sản xuất kinh doanh nhằm hỗ trợ các đơn vị này trong quá trình kê khai thuế. Bản quyền được pháp luật nhà nước Việt Nam bảo hộ.

2.2 Tính tin cậy

Tổng cục thuế Việt Nam đảm bảo chất lượng của ứng dụng hỗ trợ kê khai, mọi thông tin được kê khai và kiểm tra trong ứng dụng này đảm bảo đúng theo pháp luật quy định và được cơ quan thuế chấp nhận. Tuy nhiên khi sử dụng nên kiểm tra cẩn thận các thông tin kê khai để đảm bảo chính xác.

2.3 Bạn cần in tờ khai

Sau khi kê khai bạn cần phải in tờ khai có mã vạch 2 chiều, ký tên, đóng dấu và nộp cho cơ quan thuế theo đúng quy định hiện hành. Đợn vị kê khai ký tên đóng dấu thể hiện cam kết đảm bảo thông tin kê khai là chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin này. Mã vạch chỉ có ý nghĩa mã hoá các thông tin kê khai trên tờ khai thành dạng có thể đọc được bằng máy.

2.4 Lưu trữ tờ khai

Mặc dù dữ liệu tờ khai được lưu trong ứng dụng, nhưng cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn phải lưu trữ bản in đã được ký tên đóng dấu để phục vụ cho công tác thanh kiểm tra sau này.

3 HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CÁC CHỨC NĂNG KÊ KHAI

3.1 Kê khai thông tin chung của doanh nghiệp

- Cơ sở kinh doanh phải ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của cơ sở kinh doanh theo đăng ký thuế với cơ quan thuế vào các mã số trên tờ khai như:
- Mã số thuế: Ghi mã số thuế được cơ quan thuế cấp khi đăng ký nộp thuế.
- Tên Người nộp thuế: Khi ghi tên cơ sở kinh doanh phải ghi chính xác tên như tên đã đăng ký trong tờ khai đăng ký thuế, không sử dụng tên viết tắt hay tên thương mại.
- Địa chỉ trụ sở: Ghi đúng theo địa chỉ nơi đặt văn phòng trụ sở đã đăng ký với cơ quan thuế.
- Số điện thoại, số Fax và địa chỉ E-mail của doanh nghiệp để cơ quan thuế có thể liên lạc khi cần thiết.
- Ngành nghề kinh doanh chính, số tài khoản ngân hàng và ngày bắt đầu năm tài chính đối với tờ khai thu nhập doanh nghiệp và thu nhập cá nhân.
- Nếu cơ sở kinh doanh có Đại lý thuế thì ghi đầy đủ các thông tin cơ bản của Đại lý thuế theo đăng ký với cơ quan thuế vào các mã số trên tờ khai như các thông tin của cơ sở kinh doanh
- Nếu có sự thay đổi các thông tin trên, Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký bổ sung với cơ quan thuế theo qui định hiện hành và kê khai theo các thông tin đã đăng ký bổ sung với cơ quan thuế.

3.2 Các quy định và tính năng hỗ trợ hướng dẫn kê khai chung của ứng dụng:

- **Các quy định chung:**

Tờ khai thuế được gửi đến cơ quan thuế được coi là hợp lệ khi:

+ Tờ khai được lập và in đúng mẫu quy định
+ Có ghi đầy đủ các thông tin về tên, địa chỉ, mã số thuế, số điện thoại... của người nộp thuế.
+ Được người đại diện theo pháp luật của người nộp thuế ký tên và đóng dấu vào cuối của tờ khai.
+ Có kèm theo các tài liệu, bảng kê, bảng giải trình theo chế độ quy định.

- **Mục đích:**

Người dùng nhập các thông tin cho tờ khai, lưu lại vào hệ thống máy tính và in ra các tờ khai theo quy định hiện hành có mã hóa bằng mã vạch để nộp cho các cơ quan thuế.

- **Tính năng hỗ trợ hướng dẫn kê khai:**

Tài liệu hướng dẫn kê khai là một tài liệu độc lập nằm ngoài tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống HTKK 3.8.7 Tuy nhiên trong tài liệu trợ giúp của chương trình sẽ

nói chi tiết đến hướng dẫn kê khai cho từng chỉ tiêu. Bạn hãy xem tài liệu hướng dẫn kê khai hoặc ấn phím "F1" trên bàn phím khi sử dụng hệ thống HTKK 3.8.7 Bạn sẽ được trợ giúp chi tiết về Hướng dẫn kê khai thuế theo từng biểu mẫu thuế tương ứng trên ứng dụng.

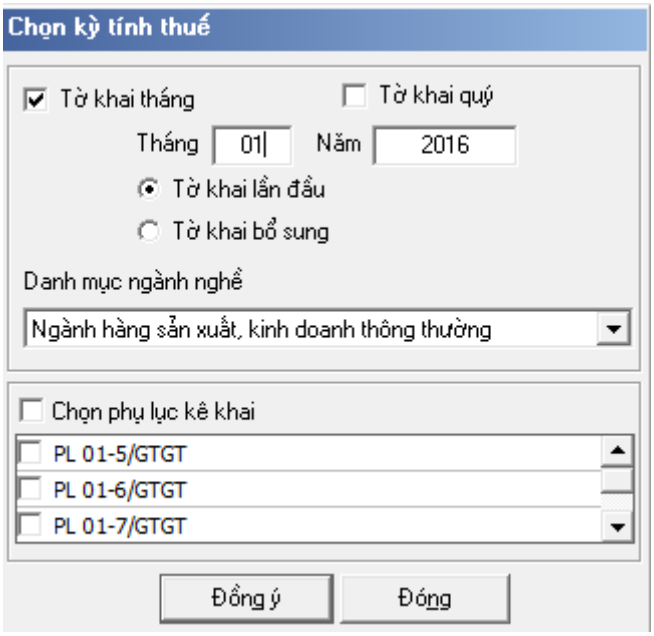
Người thực hiện các chức năng kê khai là: Kế toán doanh nghiệp.

3.3 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế GTGT

3.3.1 Tờ khai thuế giá trị gia tăng khấu trừ mẫu 01/GTGT theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và Thông tư số 26/2015/TT-BTC: đáp ứng công văn 4943/TCT-KK

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "01GTGT Tờ khai GTGT khấu trừ (TT156/2013, TT26/2015) khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



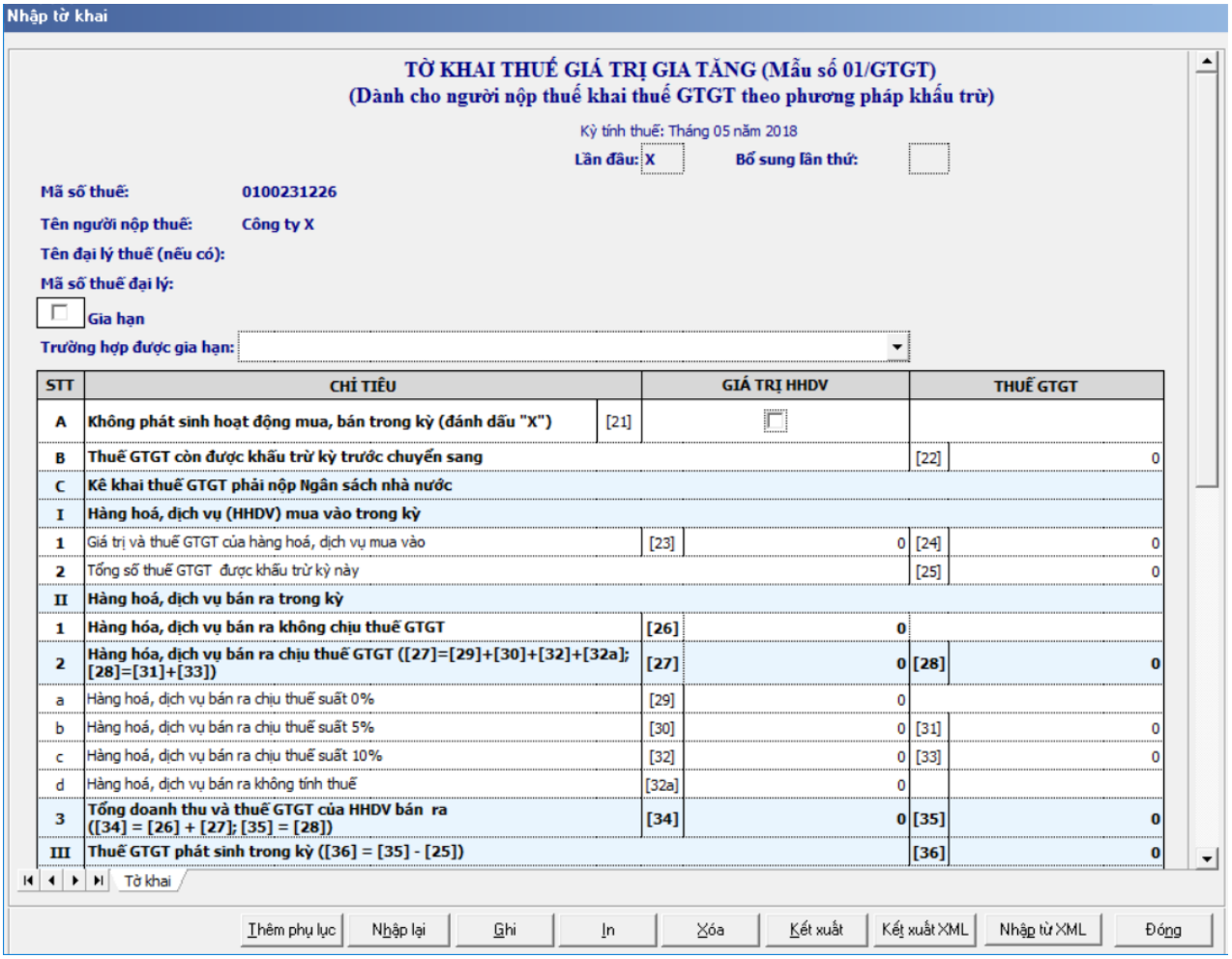
- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế bạn cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hoặc quý hiện tại -1, có thể nhập kỳ tính thuế nhưng kỳ tính thuế đó không được lớn hơn tháng hoặc quý hiện tại. Đối với tờ khai quý, hệ thống cho phép nhập từ quý 3/2013 trở đi và không được phép kê khai tờ khai tháng mà đã có tờ khai quý chứa trong đó và ngược lại.
  + Trạng thái tờ khai: Chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu hay Tờ khai bổ sung.
  + Chọn ngành nghề kinh doanh: Chọn ngành nghề kinh doanh trong Danh mục ngành nghề kinh doanh gồm có 3 loại ngành nghề:

- Ngành hàng sản xuất kinh doanh thông thường
- Từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên
- Từ hoạt động xổ số kiến thiết của các công ty xổ số kiến thiết

+ Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục cần kê khai. NSD có thể chọn các phụ lục cần kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai GTGT khấu trừ mẫu 01/GTGT.

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên màn hình "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



STT	CHỈ TIÊU		GIÁ TRỊ HHDV		THUẾ GTGT	
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	☐			
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang				[22]	0
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước					
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ					
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	0		[24]	0
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này				[25]	0
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ					
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	0			
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27]	0	[28]	0	
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	0			
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0	[31]	0	
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	0	[33]	0	
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	0			
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])	[34]	0	[35]	0	
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])			[36]	0	

- Chi tiết chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [21]: Để dưới dạng checkbox, mặc định là không check, cho phép sửa. Nếu NSD đánh dấu (x) vào chỉ tiêu [21] thì ứng dụng sẽ khóa không cho kê khai các chỉ tiêu từ [23] đến [35], [39], phụ lục 01-5/GTGT, 01-7/GTGT . Nếu các chỉ tiêu này đã kê khai thì ứng dụng đưa ra thông báo "Các số liệu đã có trong các chỉ tiêu phát sinh trong kỳ sẽ bị xóa bằng 0. Có đồng ý không?". Nếu NSD chọn "Có" thì ứng dụng thực hiện khóa các chỉ tiêu này và đặt lại giá trị bằng 0, nếu NSD chọn "Không" thì ứng dụng sẽ quay lại màn hình kê khai.
+ Chỉ tiêu số [22]: Chỉ tiêu Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22] được lấy từ chỉ tiêu [43] của kỳ trước chuyển sang cho phép sửa. Nếu sửa khác với chỉ tiêu [43] của kỳ trước thì ứng dụng đưa câu cảnh báo vàng "Giá trị của chỉ tiêu này khác với giá trị của chỉ tiêu kỳ trước chuyển sang. Đề nghị xem lại." và vẫn cho phép in tờ khai. Nếu không có tờ khai kỳ trước thì đặt giá trị mặc định bằng 0 và cho phép NSD nhập giá trị. Các trường hợp hỗ trợ chuyển từ chỉ tiêu [43] của kỳ trước sang chỉ tiêu [22] của kỳ sau là:
+ Chuyển từ tờ khai tháng sang tờ khai tháng
+ Chuyển từ tờ khai quý sang tờ khai quý
+ Chuyển từ tờ khai tháng sang tờ khai quý: chuyển từ tháng 3 sang quý 2, chuyển từ tháng 6 sang quý 3, chuyển từ tháng 9 sang quý 4, chuyển từ tháng 12 sang quý 1 năm sau.
+ Chuyển từ tờ khai quý sang tờ khai tháng: chuyển từ quý 1 sang tháng 4, chuyển từ quý 2 sang tháng 7, chuyển từ quý 3 sang tháng 10, chuyển từ quý 4 sang tháng 1 năm sau.
+ Chỉ tiêu [23], [24], [25], [26], [29], [30], [31], [32], [32a], [33]: Cho phép nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0
+ Chỉ tiêu [27] = Chỉ tiêu [29] + Chỉ tiêu [30] + Chỉ tiêu [32] + [32a]
+ Chỉ tiêu [28] = Chỉ tiêu [31] + Chỉ tiêu [33]
+ Chỉ tiêu [31]: UD hỗ trợ tính [31] = [30] * 5%, cho phép sửa. Kiểm tra với công thức (chỉ tiêu [30] * 5% + ngưỡng (0,01% và 100 000)), nếu vượt quá giá trị trên thì ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng "Số thuế không tương ứng với Doanh thu và thuế suất"
+ Chỉ tiêu [33]: UD hỗ trợ tính [33] = [32] * 5%, cho phép sửa. Kiểm tra với công thức (chỉ tiêu [32] * 10% + ngưỡng), nếu vượt quá giá trị trên thì ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng "Số thuế không tương ứng với Doanh thu và thuế suất"
+ Chỉ tiêu [34] = [26] + [27], không cho sửa
+ Chỉ tiêu [35] = [28], không cho sửa
+ Chỉ tiêu [36] = [35] - [25], không cho sửa

+ Chỉ tiêu [37], chỉ tiêu [38]: Cho phép NSD nhập kiểu số không âm, mặc định là 0
+ Chỉ tiêu [39]: Ứng dụng hỗ trợ tự động lấy từ dòng tổng cộng cột (6) trên bảng kê 01-5/GTGT sang. Trường hợp không có phụ lục 01-5/GTGT đính kèm thì khóa không cho kê [39]
+ Chỉ tiêu [40a]
+ Nếu [36]-[22]+[37]-[38] – [39] ≥ 0 thì [40a]=[36]-[22]+[37]-[38] – [39]
+ Nếu [36]-[22]+[37]-[38] – [39] <0 thì [40a] = 0
+ Chỉ tiêu [40b]: Cho phép NSD nhập, kiểm tra [40b] <= [40a], nếu không thỏa mãn thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [40]: Ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức [40] = [40a] – [40b], nếu [40] khác 0 thì không cho nhập [42]

  Trường hợp chỉ tiêu <40 - Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ> trên tờ khai = 0, NNT có đính kèm phụ lục và kê khai bảng kê phân bổ <> 0 , cụ thể ở các chỉ tiêu sau:

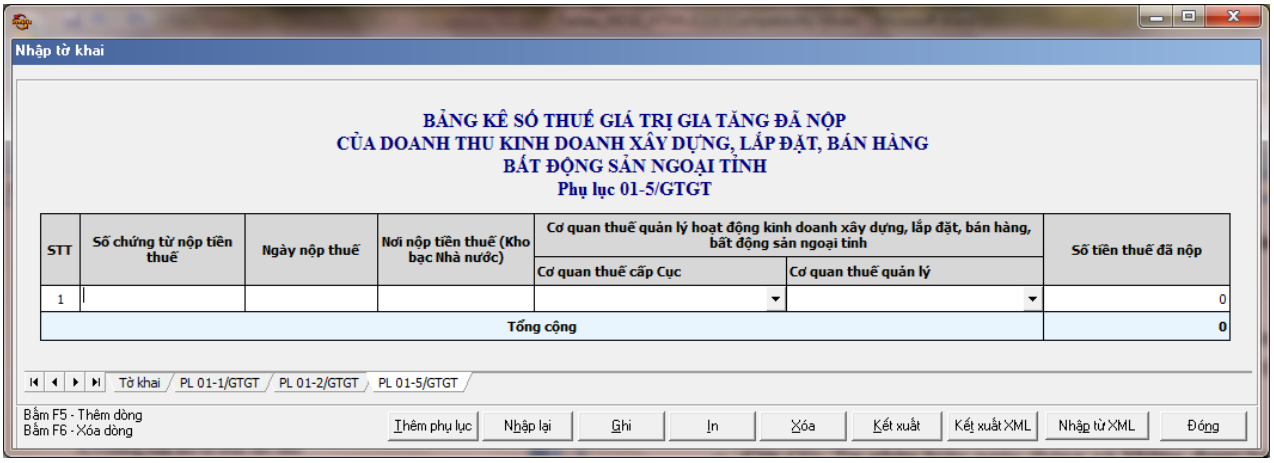
  • Phụ lục 01-7/GTGT : Chỉ tiêu [6] số thuế GTGT phải nộp <> 0

  • Phụ luc 01-6/GTGT : Chỉ tiêu [15] <> 0 và Chỉ tiêu [17] <> 0

  • Phụ lục 01-2/TĐ-GTGT: Chỉ tiêu [6] Số thuế GTGT phải nộp <> 0

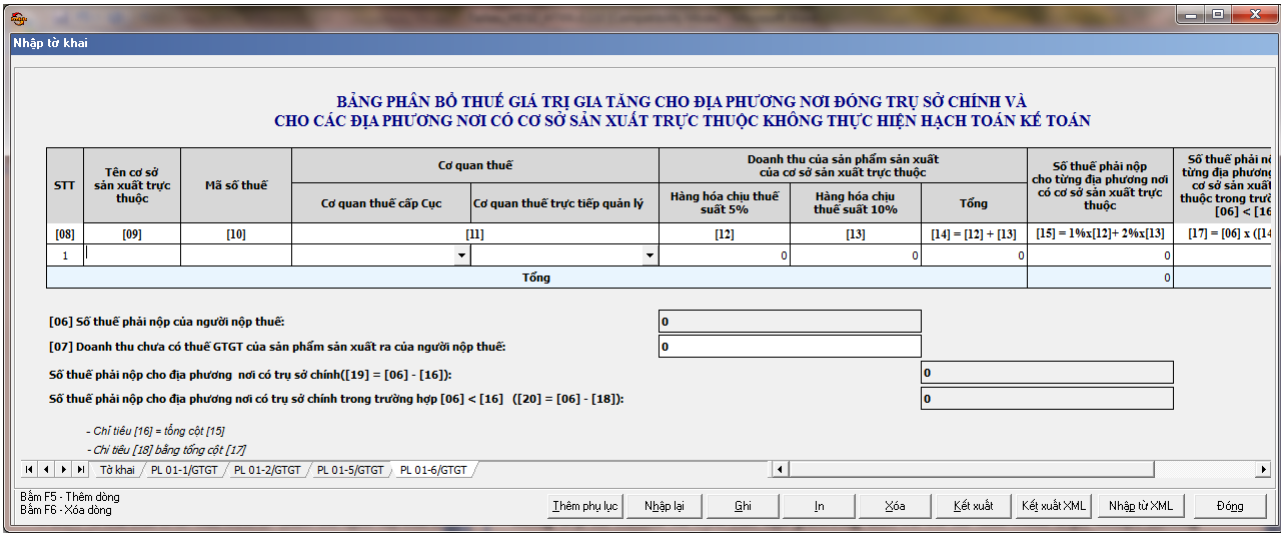
  → UD phải cảnh báo đỏ ở các phụ lục, tại các chỉ tiêu khác 0 nêu trên, không cho ghi và kết xuất tờ khai
+ Chỉ tiêu [41]
+ Nếu [36] - [22] + [37] - [38] -[39] < 0 thì [41] = [36] - [22] + [37] - [38] -[39]
+ Nếu [36] - [22] + [37] - [38] -[39] >=0 thì [41] = 0
+ Chỉ tiêu [42]: Cho phép NSD nhập kiểu số, không âm, kiểm tra điều kiện [42]≤[41] nếu không thỏa mãn thì hiển thị cảnh báo đỏ "Thuế GTGT đầu vào chưa khấu trừ hết phải nhỏ hơn hoặc bằng số thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này". Riêng đối với TH kê khai bổ sung thì không kiểm tra rang buộc này
+ Chỉ tiêu [43] = [41] –[42], Không cho sửa chỉ tiêu [43]. Chỉ tiêu này sẽ được chuyển lên chỉ tiêu [22] của kỳ tính thuế tiếp theo liền kề
+ Đối với kỳ tính thuế tháng 4, 5, 6 /2012 nếu NNT thuộc đối tượng được gia hạn thì check vào ô " Gia hạn" và lựa chọn lý do được gia hạn trong hộp chọn "Lý do gia hạn" gồm:
  - DN vừa và nhỏ được gia hạn theo NQ13/NQ-CP
  - DN có nhiều lao động được gia hạn theo NQ13/NQ-CP
  - Nếu NNT check "Gia hạn" mà không chọn 1 trong 2 giá trị trên thì ứng dụng sẽ đưa ra câu cảnh báo "Bạn phải chọn lý do gia hạn" và không cho in

Phụ lục 01-5/GTGT: Bảng kê số thuế GTGT đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng bất động sản ngoại tỉnh



- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  + Cột (1) - STT : Chương trình tự động tăng lên khi thêm dòng
  + Cột (2); (4): NNT tự nhập kiểu text. Nếu cột (6) >0 thì bắt buộc nhập cột (2)
  + Cột (5): Chọn trong danh mục cơ quan thuế quản lý (gồm CQT cấp Cục và CQT quản lý)
  + Cột (3): Tự nhập kiểu ngày tháng và không được lớn hơn ngày hiện tại. Nếu cột (6) >0 thì bắt buộc nhập cột (3)
  + Cột (6): Tự nhập kiểu số, không âm

Phụ lục 01-6/GTGT: Bảng phân bổ thuế giá trị gia tăng cho địa phương nơi đóng trụ sở chính và cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán



- Các chỉ tiêu nhập:
  + Chỉ tiêu [08]: Chương trình tự động tăng lên khi thêm dòng

+ Chỉ tiêu [09]: cho phép NSD nhập, dạng text, độ dài tối đa 100.
+ Chỉ tiêu [10] cho phép NSD nhập, kiểm tra cấu trúc của MST.
+ Chỉ tiêu [11]: Chọn trong Danh mục cơ quan thuế quản lý
+ Chỉ tiêu [12], [13] cho phép NSD nhập, dạng số không âm

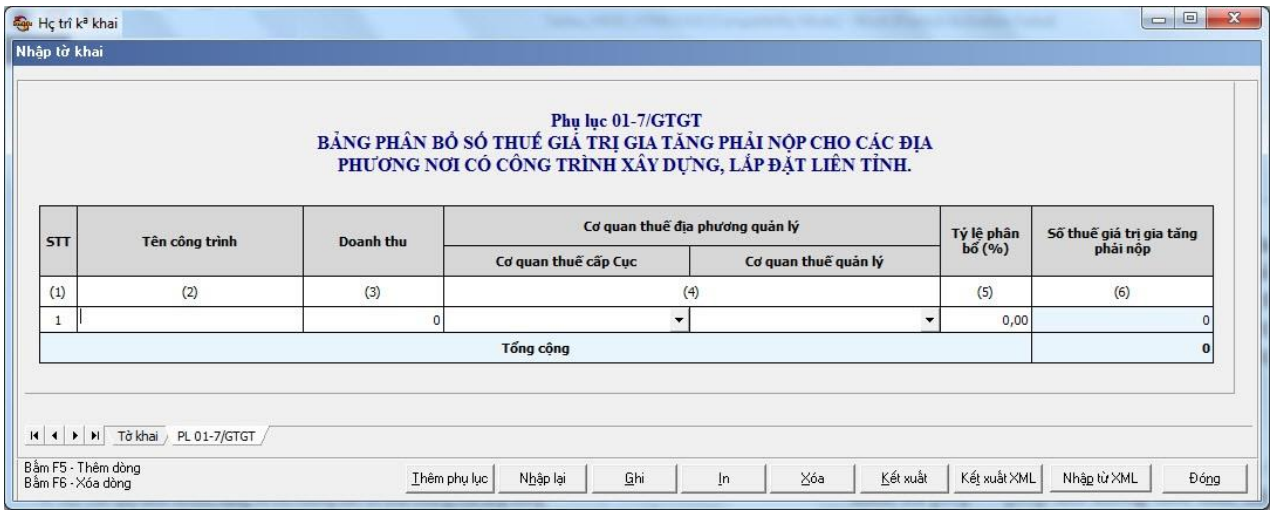
- Các chỉ tiêu tự tính toán: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức

+ Chỉ tiêu [06] = chỉ tiêu [40] trên tờ khai 01/GTGT
+ Chỉ tiêu [07] = chỉ tiêu [34] trên tờ khai 01/GTGT
+ Chỉ tiêu [14] = chỉ tiêu [12] + chỉ tiêu [13]
+ Chỉ tiêu [15] = (1% * [12]) + (2% * [13])

  Trường hợp chỉ tiêu <40 - Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ> trên tờ khai = 0, NNT có đính kèm phụ lục và kê khai bảng kê phân bổ Chỉ tiêu [15] <> 0 và Chỉ tiêu [17] <> 0 → UD phải cảnh báo đỏ không cho ghi và kết xuất tờ khai tại chỉ tiêu vi phạm "Chỉ tiêu 40 - Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ trên Tờ khai = 0 thì chỉ tiêu [15] phải = 0" (chỉ tiêu 17 cảnh báo tương tự"

+ Chỉ tiêu [16]= Tổng các chỉ tiêu [15]
+ Nếu [06] < [16] thì chỉ tiêu [17]= [06] *([14] / [07]), Khi Ghi dữ liệu thì kiểm tra [06] >= [16], nếu không thỏa mãn thì thông báo để xoá dữ liệu cột 17 (cột 9).
+ Chỉ tiêu [18] = tổng các chỉ tiêu [17], kiểm tra <= chỉ tiêu [06], ngược lại thì cảnh báo đỏ.
+ Chỉ tiêu [19]= [06] – [16]
+ Chỉ tiêu [20] = [06] – [18] nếu [06] < [16], ngược lại thì [20] = 0

Phụ lục 01-7/GTGT: Bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp cho các địa phương nơi có công trình xây dựng, lắp đặt liên tỉnh

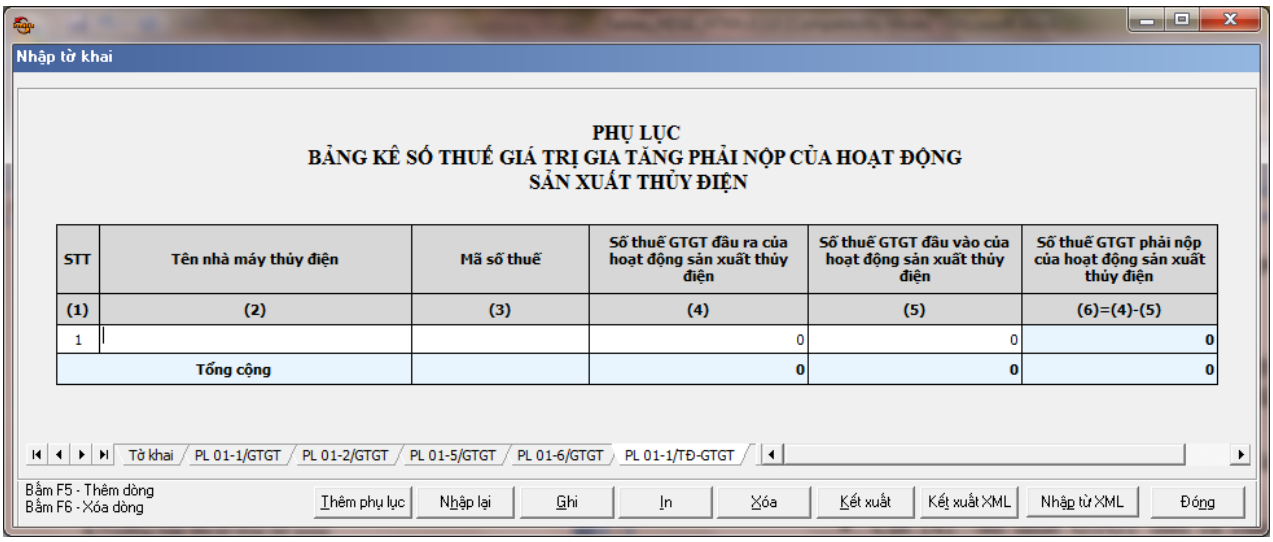


Các chỉ tiêu nhập:

+ Chỉ tiêu (01) – STT: UD hỗ trợ tự tăng khi thêm dòng
+ Chỉ tiêu (2) – Tên công trình: Nhập dạng text, tối đa 250 ký tự
+ Chỉ tiêu (3) – Doanh thu: Nhập dạng số, không âm
+ Chỉ tiêu (4) – Cơ quan thuế địa phương quản lý: UD hỗ trợ tách ra thành 2 cột Cơ quan thuế quản lý cấp Cục và cơ quan thuế quản lý, khi in thì chỉ in ra Cơ quan thuế quản lý, chọn trong danh mục
+ Chỉ tiêu (5) – Tỷ lệ phân bổ (%): Nhập dạng xx,xx%
+ Chỉ tiêu (6) – Số thuế giá trị gia tăng phải nộp: Ứng dụng hỗ trợ tính (6) = (3) * (5) * 2%

  Trường hợp chỉ tiêu <40 - Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ> trên tờ khai = 0, NNT có đính kèm phụ lục và kê khai bảng kê phân bổ <Chỉ tiêu [6] Số thuế GTGT phải nộp> <> 0 , → UD phải cảnh báo đỏ không cho ghi và kết xuất tờ khai "Chỉ tiêu 40 - Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ trên Tờ khai = 0 thì chỉ tiêu [6] phải = 0"
+ Dòng Tổng cộng: Hỗ trợ tính tổng cột (6) = tổng các dòng chi tiết

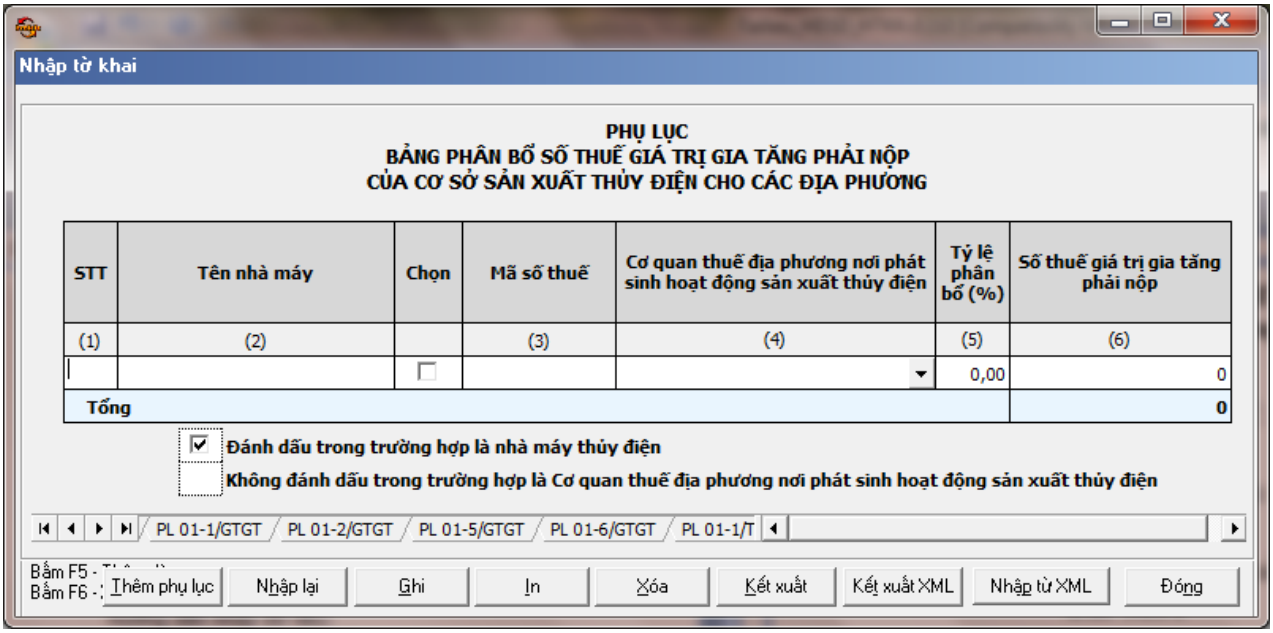
Phụ lục 01-1/TĐ-GTGT: Bảng kê số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất thủy điện



+ Cột (1) "STT": hỗ trợ tự động tăng, giảm.
+ Cột (2)"Tên nhà máy thủy điện": NSD tự nhập, kiểu text, tối đa 200 ký tự.
+ Cột (3) Mã số thuế: nhập tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc mã số thuế
+ Cột (4) "Số thuế GTGT đầu ra của hoạt động sx thủy điện": NSD nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
+ Cột (5) "Số thuế GTGT đầu vào của hoạt động sx thủy điện": NSD nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

+ Cột (6) "Số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sx thủy điện": (6) = (4) – (5)
+ Tổng cộng cột (4) = Tổng các dòng của cột (4)
+ Tổng cộng cột (5) = Tổng các dòng của cột (5)
+ Tổng cộng cột (6) = tổng các dòng của cột (6). Kiểm tra = dòng tổng cộng cột (6) trên PL 01-2/TĐ/GTGT. Nếu khác thì cảnh báo vàng "Dòng tổng cộng cột (6) trên PL 01-1/TĐ-GTGT phải bằng dòng tổng cộng cột (6) trên PL 01-2/TĐ-GTGT"

Phụ lục 01-2/TĐ-GTGT: Bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp của CSSX thủy điện cho các địa phương



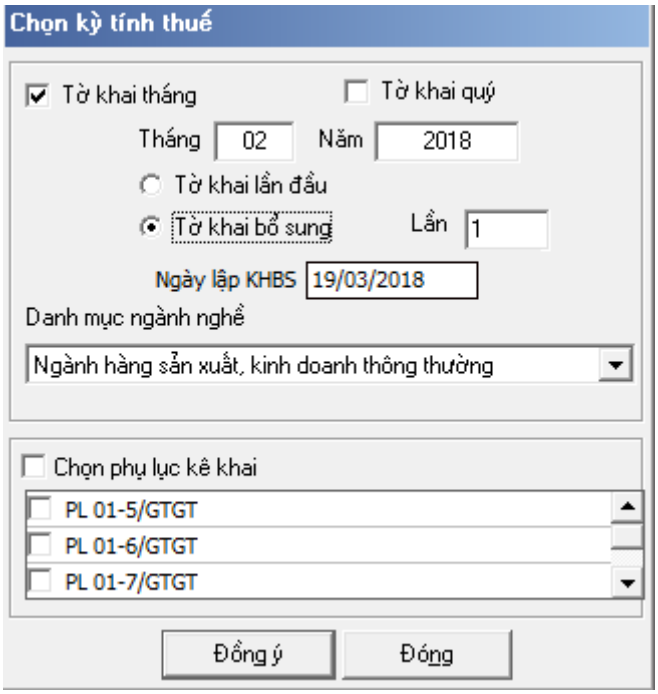
+ Cột (1) - STT: nhập kiểu text, NSD có thể nhập dạng 1, 1.1; 1.2....
+ Cột (2) - "Tên nhà máy": NSD tự nhập, kiểu text, tối đa 200 ký tự
+ Cột (3) - "Mã số thuế": NSD nhập tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
+ Cột "Chọn": Nếu là Nhà máy thủy điện thì đánh dấu vào ô chọn, còn nếu là Địa phương phân bổ thì để trống và Nếu là nhà máy thủy điện thì UD khóa không nhập dữ liệu tại cột Cơ quan thuế quản lý, Tỷ lệ phân bổ, số thuế giá trị gia tăng phải nộp.

+ Cột (4) - "CQT địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện": Chọn trong danh mục Cơ quan thuế quản lý cấp Cục
+ Cột (5) - "Tỷ lệ phân bổ (%)":NSD tự nhập dạng xx,xx

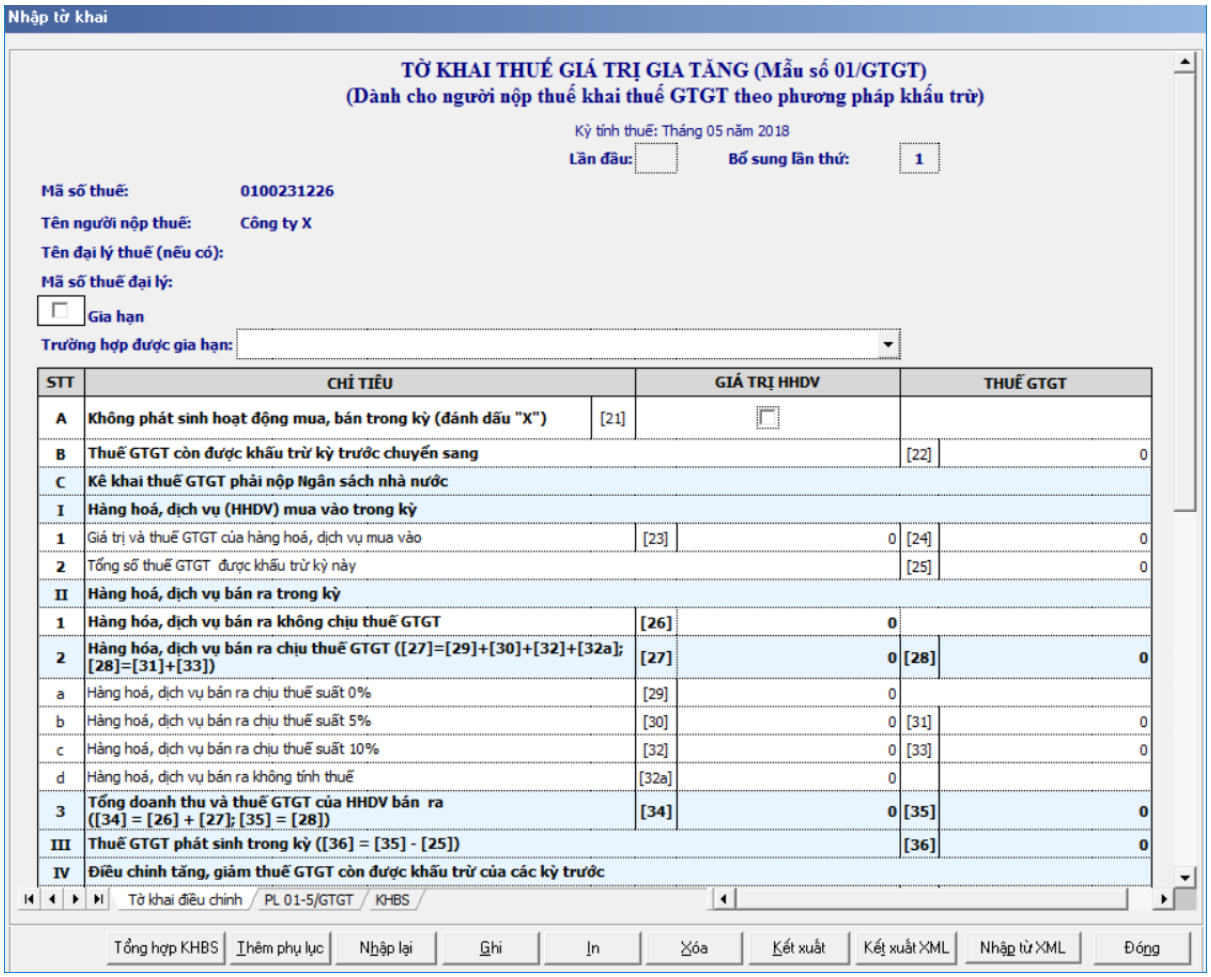
+ Cột (6) - "Số thuế GTGT phải nộp": NSD nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
+ Dòng Tổng cộng số thuế GTGT phải nộp: Cho phép NSD tự nhập, dạng số, không âm. Kiểm tra = dòng tổng cộng cột (6) trên PL 01-1/TĐ/GTGT. Nếu khác thì cảnh báo vàng "Dòng tổng cộng cột (6) trên PL 01-1/TĐ-GTGT phải bằng dòng tổng cộng cột (6) trên PL 01-2/TĐ-GTGT"
    - Trường hợp chỉ tiêu <40 - Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ> trên tờ khai = 0, NNT có đính kèm phụ lục và kê khai bảng kê phân bổ <Chỉ tiêu [6] Số thuế GTGT phải nộp> <> 0 , → UD phải cảnh báo đỏ không cho ghi và kết xuất tờ khai "Chỉ tiêu 40 - Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ trên Tờ khai = 0 thì chỉ tiêu [6] phải = 0"
    - Phụ lục 01-7/GTGT : Chỉ tiêu [6] số thuế GTGT phải nộp <> 0 Dòng Tổng cộng số thuế GTGT phải nộp: Cho phép NSD tự nhập, dạng số, không âm. Kiểm tra = dòng tổng cộng cột (6) trên PL 01-1/TĐ/GTGT. Nếu khác thì cảnh báo vàng "Dòng tổng cộng cột (6) trên PL 01-1/TĐ-GTGT phải bằng dòng tổng cộng cột (6) trên PL 01-2/TĐ-GTGT"

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

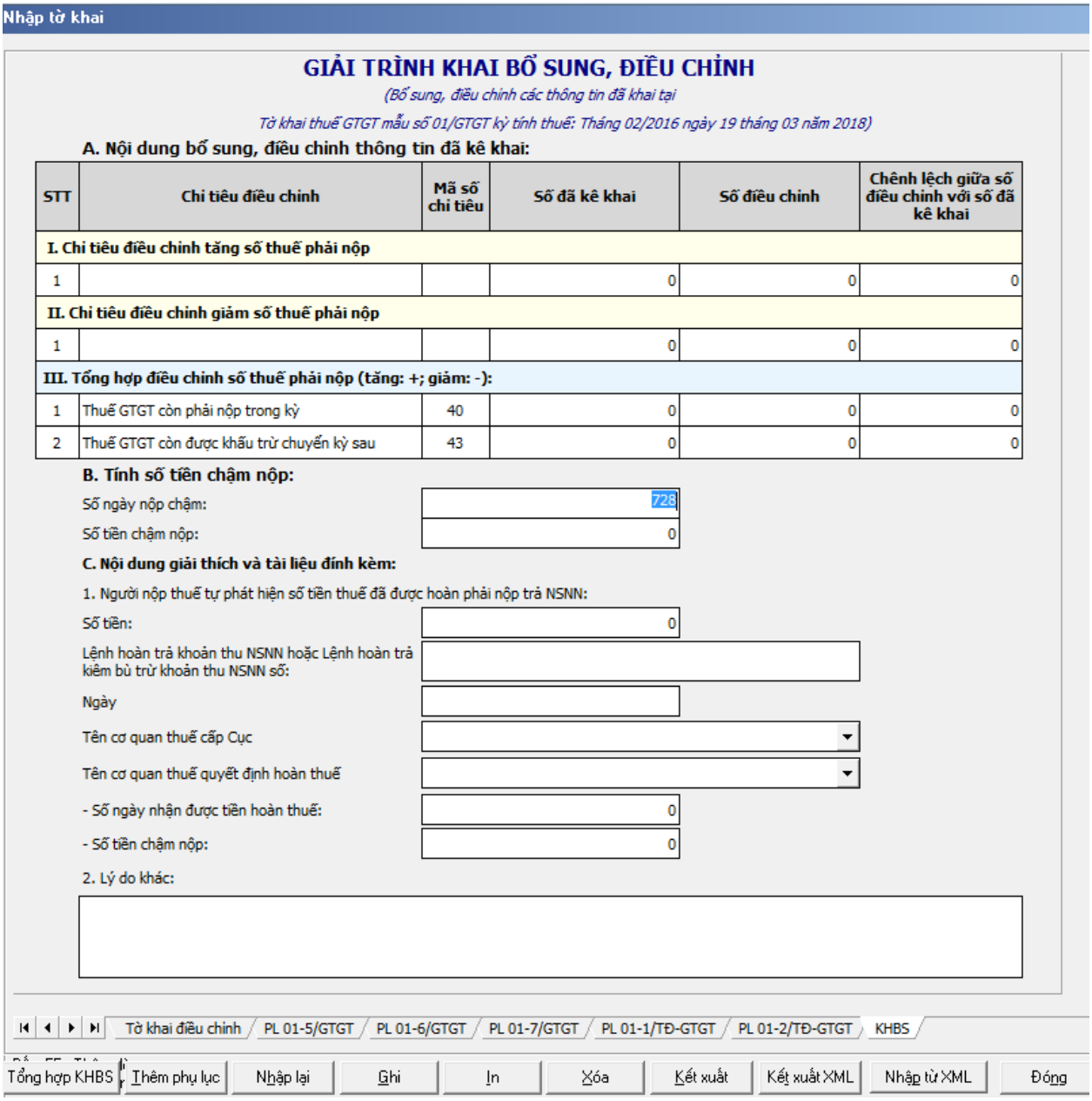
- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" NNT phải nhập thêm các thông tin về lần bổ sung, ngày lập tờ khai bổ sung và cho phép đính kèm các phụ lục 01-6/GTGT, 01-7/GTGT, 01-2/TĐ-GTGT như sau:
    + Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục nào thì ở Tờ khai bổ sung/ Tờ khai bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó và cho phép NNT đính kèm thêm cả các phụ lục khác chưa được kê khai.



- Chọn nút "Đồng ý" khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet "Tờ khai điều chỉnh", các phụ lục đã tích chọn (trong danh sách: 01-6/GTGT, 01-7/GTGT, 01-2/TĐ-GTGT) và "KHBS"



- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.
- Ứng dụng sẽ hiển thị dữ liệu đã kê khai lại lần kê khai liền trước trên các phụ lục đính kèm. NNT sẽ kê khai điều chỉnh trực tiếp trên phụ lục, sau đó ứng dụng sẽ ghi nhận số liệu kê khai tại các phụ lục đính kèm này thay thế cho các số liệu đã kê khai tại các phụ lục tại lần kê khai lần đầu hoặc lần kê khai bổ sung N-1.
- Ấn nút "Tổng hợp KHBS" các chỉ tiêu được đưa lên KHBS gồm: [22], [25], [31], [33], [42]



- Chi tiết các chỉ tiêu trên KHBS
  + Ở cột Số đã kê khai: lấy giá trị của tờ khai trước đó
  + Ở cột Số điều chỉnh: Lấy giá trị được điều chỉnh trên Tờ khai điều chỉnh
  + Cột Chênh lệch giữa số điều chỉnh với số đã kê khai = Số điều chỉnh - Số đã kê khai
  + Số ngày nộp chậm được tính từ ngày tiếp theo sau hạn nộp cuối cùng của tờ khai đến ngày lập KHBS trên ứng dụng HTKK bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ.

+ Số tiền phạt nộp chậm: Ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức chia theo các thời kỳ (theo 4 mốc tỷ lệ 0,05%, 0,07%, 0,05% và 0,03% trên 1 ngày), cho phép sửa, cụ thể như sau:
  - Nếu hạn nộp < 01/07/2013 (Tính tiền chậm nộp theo tỷ lệ 0,05%/ngày và 0,07%/ngày nếu quá 90 ngày từ ngày 01/7/2013) như sau:
    - Tính chậm nộp đến 28/09/2013 (khoản nợ <90 ngày từ 01/07/2013) → số tiền phạt nộp chậm = 0,05%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 29/09/2013 đến 31/12/2014 (khoản nợ >=90 ngày từ 1/7/2013):→ số tiền phạt nộp chậm = 0,07%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 1/1/2015 đến 30/06/2016: → số tiền phạt nộp chậm = 0,05%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 01/07/2016 trở đi → số tiền phạt nộp chậm = 0,03%* số tiền chậm nộp * số ngày
  - Nếu hạn nộp >= 1/7/2013 và hạn nộp<=31/12/2014
    - Tính chậm nộp đến 31/12/2014 như sau:
      - Trong thời hạn 90 ngày tính từ hạn nộp → số tiền phạt nộp chậm = 0,05%* số tiền chậm nộp * số ngày
      - Nếu quá 90 ngày tính từ hạn nộp → số tiền phạt nộp chậm = 0,07%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 1/1/2015 đến 30/06/2016 → số tiền phạt nộp chậm = 0,05%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 01/07/2016 trở đi → số tiền phạt nộp chậm = 0,03%* số tiền chậm nộp * số ngày
  - Nếu hạn nộp > 31/12/2014 và <= 30/06/2016
    - Tính từ hạn nộp+1 đến ngày 30/06/2016 → số tiền phạt nộp chậm = 0,05%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 01/07/2016 trở đi → số tiền phạt nộp chậm = 0,03%* số tiền chậm nộp * số ngày
  - Nếu hạn nộp từ 01/07/2016 trở đi → số tiền phạt nộp chậm = 0,03%* số tiền chậm nộp * số ngày

Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm:

+ 1. Người nộp thuế tự phát hiện số tiền thuế đã được hoàn phải nộp trả NSNN: Nhập dạng số, không âm mặc định là 0
+ Lệnh hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu NSNN:

- Số: Nhập dạng text
- Ngày…: Nhập dạng dd/mm/yyyy
- Của cơ quan thuế quản lý: UD hỗ trợ cho chọn theo danh mục cơ quan thuế quản lý

+ Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: Nhập dạng số, không âm
+ Số tiền chậm nộp: Ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức chia theo các thời kỳ (theo 4 mốc tỷ lệ 0,05%, 0,07%, 0,05% và 0,03% trên 1 ngày), cho phép sửa, cụ thể như sau:
  - Nếu hạn nộp < 01/07/2013 (Tính tiền chậm nộp theo tỷ lệ 0,05%/ngày và 0,07%/ngày nếu quá 90 ngày từ ngày 01/7/2013) như sau:
    - Tính chậm nộp đến 28/09/2013 (khoản nợ <90 ngày từ 01/07/2013) → số tiền phạt nộp chậm = 0,05%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 29/09/2013 đến 31/12/2014 (khoản nợ >=90 ngày từ 1/7/2013):→ số tiền phạt nộp chậm = 0,07%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 1/1/2015 đến 30/06/2016: → số tiền phạt nộp chậm = 0,05%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 01/07/2016 trở đi → số tiền phạt nộp chậm = 0,03%* số tiền chậm nộp * số ngày
  - Nếu hạn nộp >= 1/7/2013 và hạn nộp<=31/12/2014
    - Tính chậm nộp đến 31/12/2014 như sau:
      - Trong thời hạn 90 ngày tính từ hạn nộp → số tiền phạt nộp chậm = 0,05%* số tiền chậm nộp * số ngày
      - Nếu quá 90 ngày tính từ hạn nộp → số tiền phạt nộp chậm = 0,07%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 1/1/2015 đến 30/06/2016 → số tiền phạt nộp chậm = 0,05%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 01/07/2016 trở đi → số tiền phạt nộp chậm = 0,03%* số tiền chậm nộp * số ngày
  - Nếu hạn nộp > 31/12/2014 và <= 30/06/2016
    - Tính từ hạn nộp+1 đến ngày 30/06/2016 → số tiền phạt nộp chậm = 0,05%* số tiền chậm nộp * số ngày
    - Từ ngày 01/07/2016 trở đi → số tiền phạt nộp chậm = 0,03%* số tiền chậm nộp * số ngày
  - Nếu hạn nộp từ 01/07/2016 trở đi → số tiền phạt nộp chậm = 0,03%* số tiền chậm nộp * số ngày

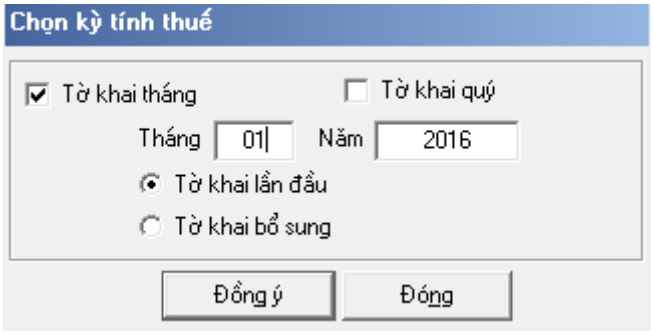
+ Lý do khác: Nhập text

Chọn nút "***Ghi***" để hoàn thành việc kê khai bổ sung

3.3.2 Tờ khai thuế giá trị gia tăng cho dự án đầu tư mẫu 02/GTGT theo Thông tư 156/2013/TT-BTC và Thông tư số 26/2015/TT-BTC

Cách gọi:

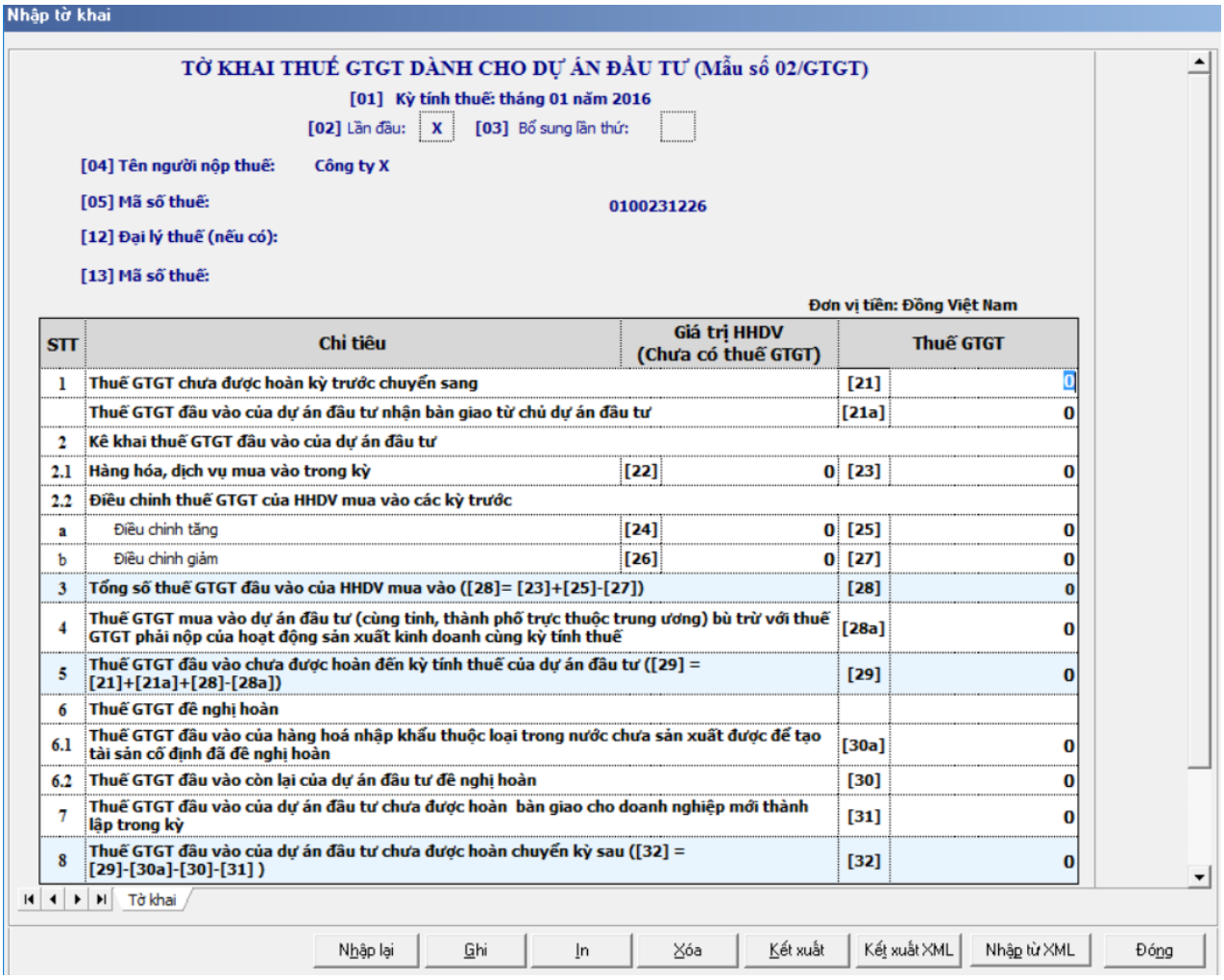
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai GTGT cho Dự án đầu tư (02/GTGT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



+ Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hoặc quý hiện tại -1, có thể nhập kỳ tính thuế mà muốn kê khai nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hoặc quý hiện tại. Đối với tờ khai quý, hệ thống cho phép nhập từ quý 3/2013 trở đi và không cho phép nhập tháng quý trùng nhau
+ Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) theo tháng hoặc quý, và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai GTGT cho Dự án đầu tư mẫu 02/GTGT.

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

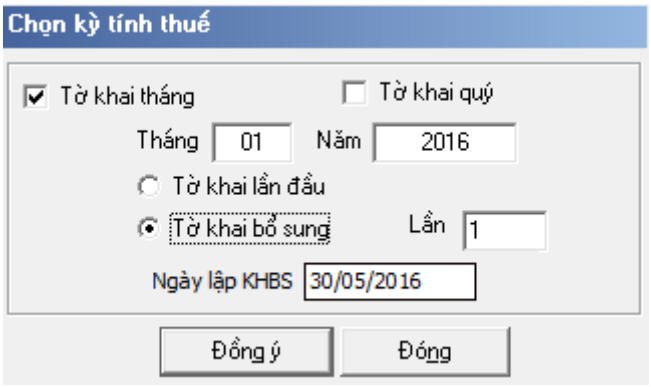
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



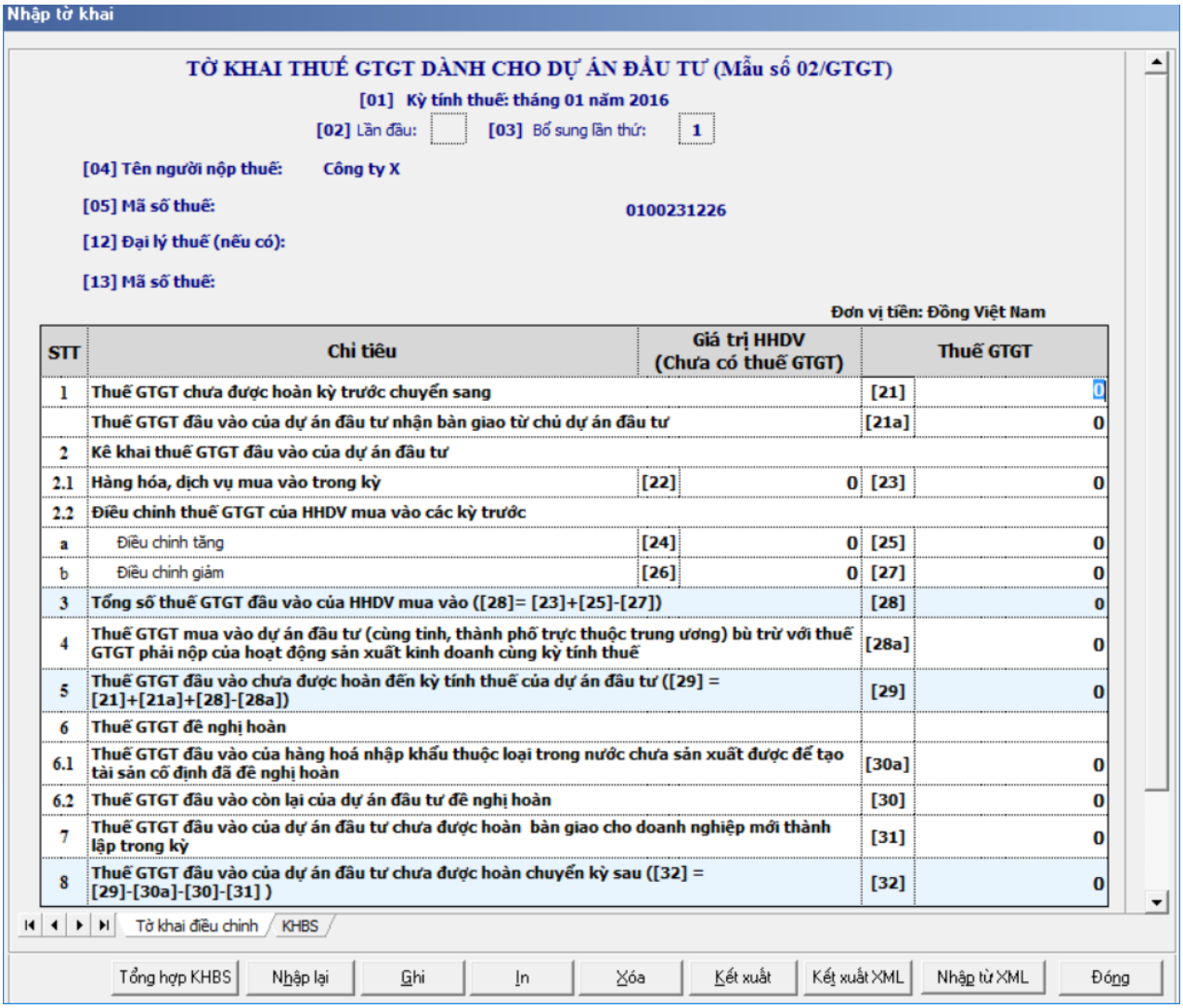
- Các chỉ tiêu tự nhập:
  + Các chỉ tiêu [21a], [24], [25] , [26], [27], [28a], [30a], [30], [31] kiểu số, không âm.
  + Kiểm tra [30] phải nhỏ hơn hoặc bằng ([29] - [30a]). Kiểm tra nếu [30] < 300tr thì UD cảnh báo vàng "Thuế GTGT đầu vào còn lại của dự án đầu tư đề nghị hoàn phải từ 300 triệu trở lên"
  + Kiểm tra [31] phải nhỏ hơn hoặc bằng [29]
  + Kiểm tra [28a] <= [21] + [21a]+ [28]
- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tự động tính toán:
  + Chỉ tiêu [21]: tự động chuyển từ chỉ tiêu [32] kỳ trước sang, cho phép sửa, nếu sửa khác thì cảnh báo vàng và vẫn cho in tờ khai.
  + Chỉ tiêu [22]: Nhập dạng số, có thể âm
  + Chỉ tiêu [23]: Nhập dạng số, có thể âm
  + Chỉ tiêu [28] = [23] + [25] – [27]
  + Chỉ tiêu [29] = [21] + [21a] + [28] – [28a]
  + Chỉ tiêu [32]= [29] – [30a] - [30] – [31]

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" , ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung:

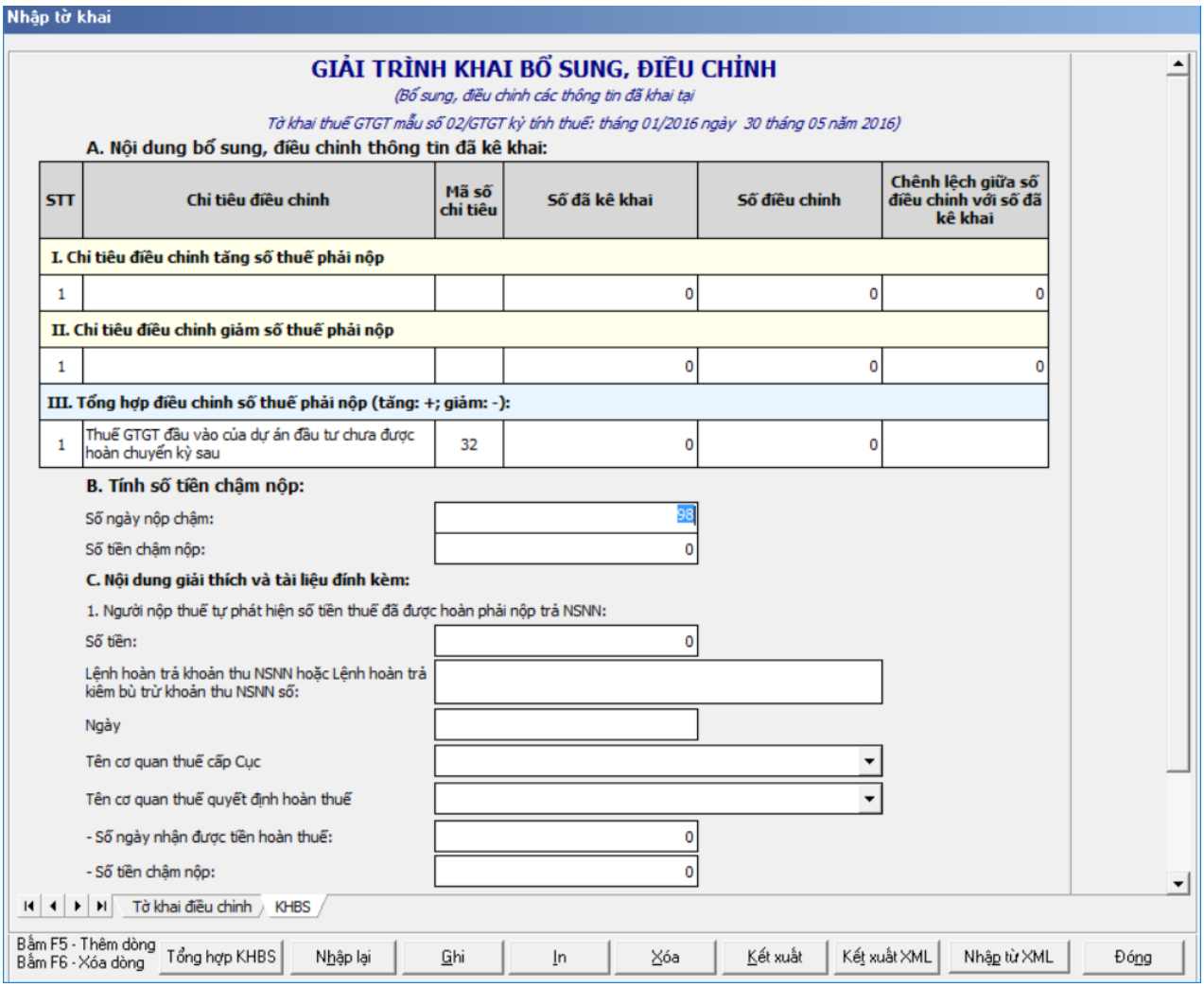


- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:



STT	Chỉ tiêu	Giá trị HHDV (Chưa có thuế GTGT)		Thuế GTGT	
1	Thuế GTGT chưa được hoàn kỳ trước chuyển sang			[21]	0
	Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư nhận bàn giao từ chủ dự án đầu tư			[21a]	0
2	Kê khai thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư				
2.1	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ	[22]	0	[23]	0
2.2	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước				
a	Điều chỉnh tăng	[24]	0	[25]	0
b	Điều chỉnh giảm	[26]	0	[27]	0
3	Tổng số thuế GTGT đầu vào của HHDV mua vào ([28]= [23]+[25]-[27])			[28]	0
4	Thuế GTGT mua vào dự án đầu tư (cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) bù trừ với thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế			[28a]	0
5	Thuế GTGT đầu vào chưa được hoàn đến kỳ tính thuế của dự án đầu tư ([29] = [21]+[21a]+[28]-[28a])			[29]	0
6	Thuế GTGT đề nghị hoàn				
6.1	Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá nhập khẩu thuộc loại trong nước chưa sản xuất được để tạo tài sản cố định đã đề nghị hoàn			[30a]	0
6.2	Thuế GTGT đầu vào còn lại của dự án đầu tư đề nghị hoàn			[30]	0
7	Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập trong kỳ			[31]	0
8	Thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư chưa được hoàn chuyển kỳ sau ([32] = [29]-[30a]-[30]-[31])			[32]	0

- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

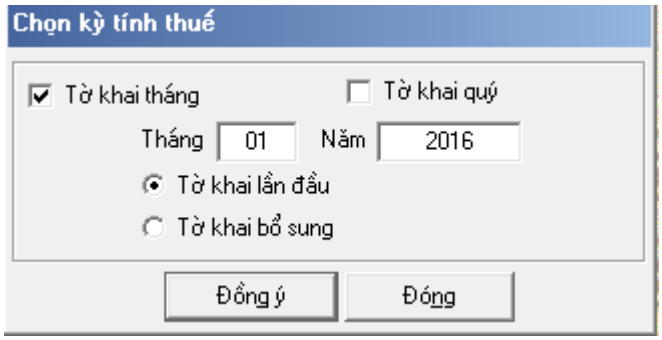


- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS gồm: [21], [21a], [23], [28a], [30], [30a], [31]. cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.3 Tờ khai thuế giá trị gia tăng trực tiếp mẫu 03/GTGT theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC

Cách gọi:

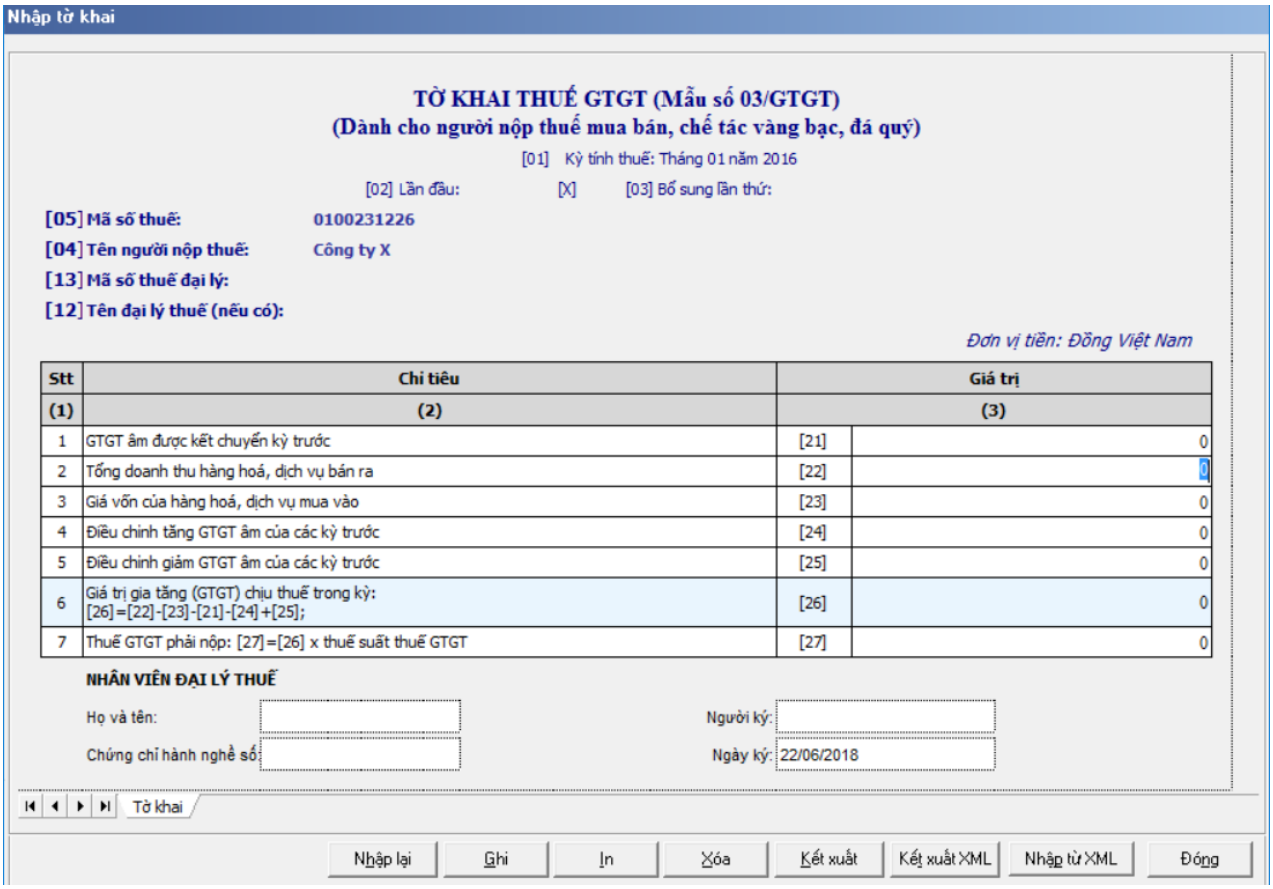
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai GTGT trực tiếp trên GTGT (03/GTGT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



+ Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hoặc quý hiện tại -1, có thể nhập kỳ tính thuế mà muốn kê khai nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hoặc quý hiện tại. Đối với tờ khai quý, hệ thống cho phép nhập từ quý 3/2013 trở đi và không cho phép nhập tháng quý trùng nhau
+ Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) theo tháng hoặc quý, và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai GTGT trực tiếp mẫu 03/GTGT.

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu NNT tự nhập:

+ Chỉ tiêu [22], [23], [24], [25], [27]: NSD tự nhập, kiểu số, không âm

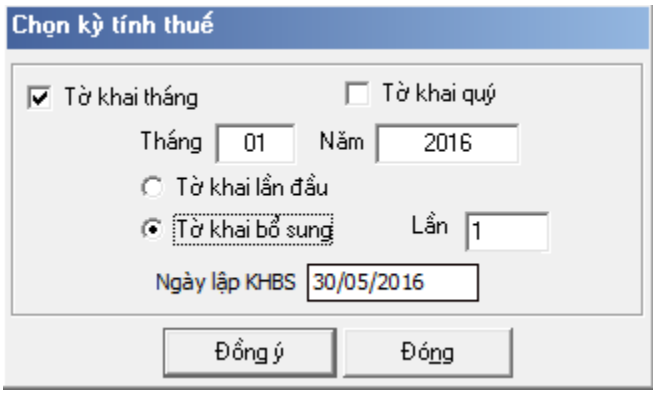
- Các chỉ tiêu tự tính

+ Chỉ tiêu [21]: hỗ trợ lấy giá trị âm từ chỉ tiêu [26] của kỳ trước sang, cho phép sửa, không âm, nếu sửa khác thì cảnh báo vàng: "Chỉ tiêu [21] khác với chỉ tiêu [26] kỳ trước chuyển sang" . Nếu kỳ tính thuế tháng/quý 1 thì mặc định [21] = 0, không cho phép sửa và không hiển thị câu thông báo.

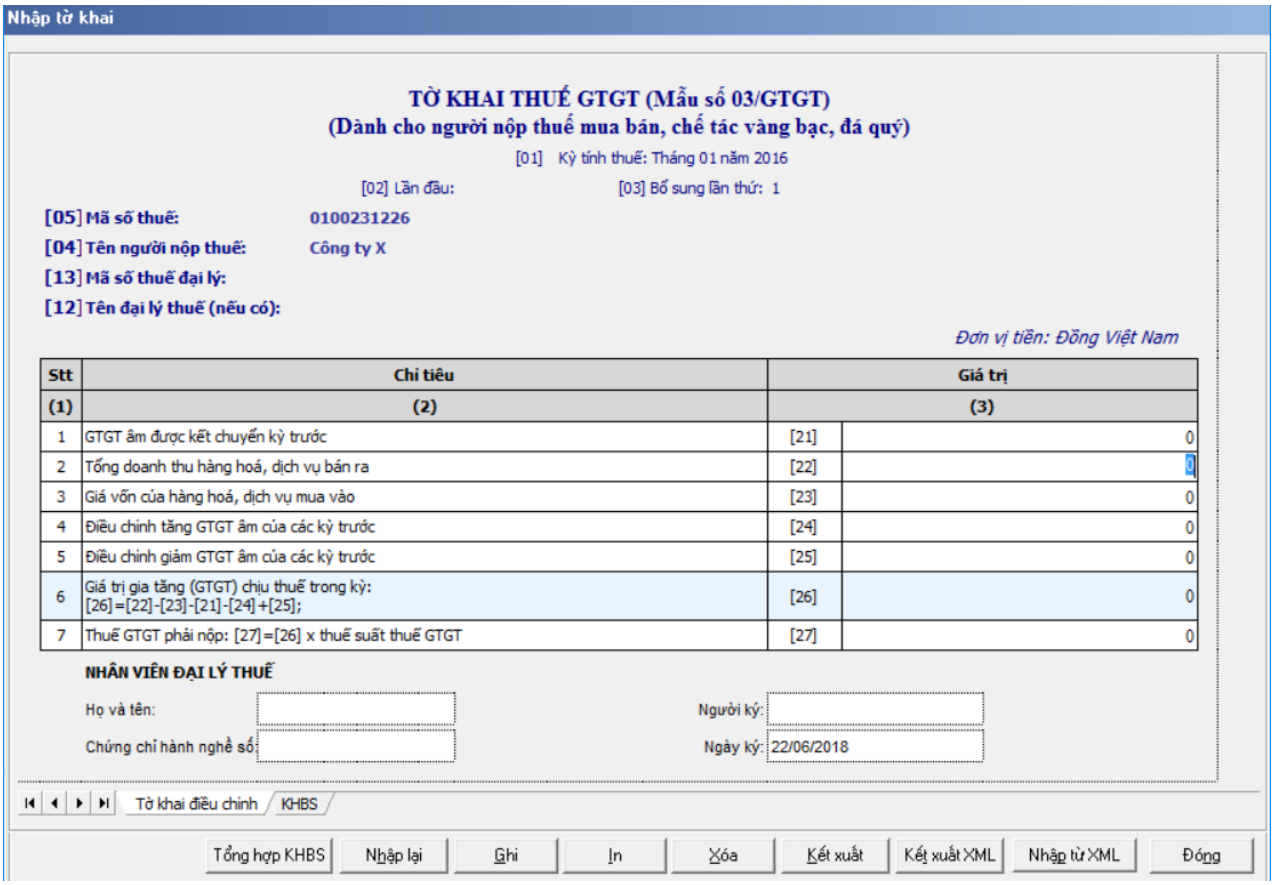
+ Chỉ tiêu [26]= [22] - [23] - [21] - [24] + [25]

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung.



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:

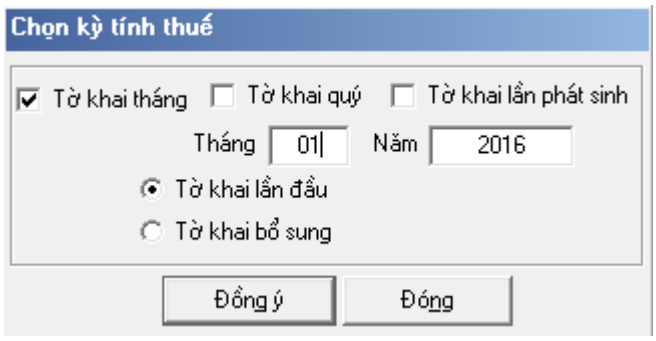


- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS gồm: [27] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.4 Tờ khai thuế GTGT mẫu 04/GTGT theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và Thông tư số 26/2015/TT-BTC

Cách gọi:

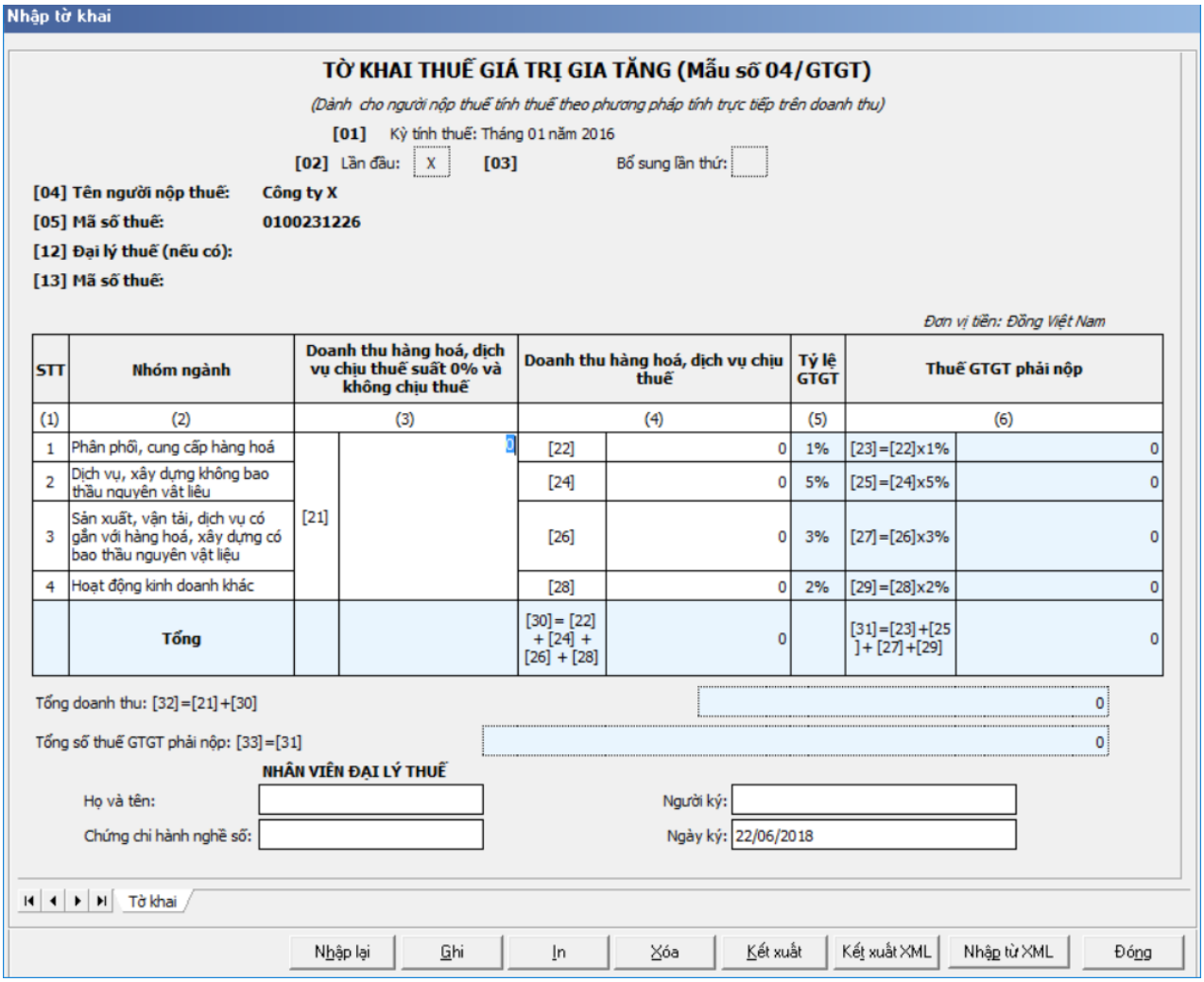
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai GTGT TT trên doanh thu (04/GTGT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



+ Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hoặc quý hiện tại -1, có thể nhập kỳ tính thuế mà muốn kê khai nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hoặc quý hiện tại. Đối với tờ khai quý, hệ thống cho phép nhập từ quý 3/2013 trở đi và không cho phép nhập tháng quý trùng nhau
+ Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) theo tháng hoặc quý, và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai GTGT trực tiếp trên doanh thu mẫu 04/GTGT.

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

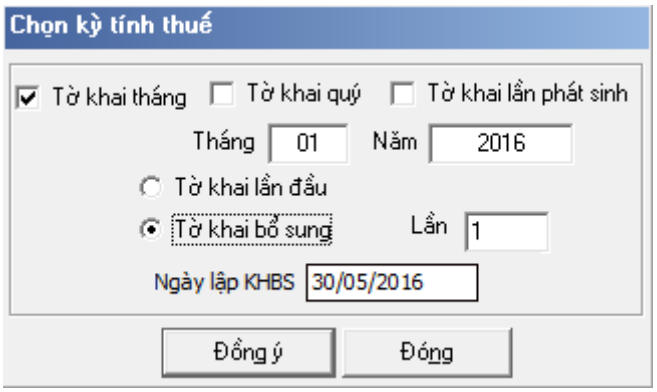


- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [21], [22], [24], [26], [28]: Nhập dạng số, có thể âm
  + Chỉ tiêu [23]= [22] * 1%

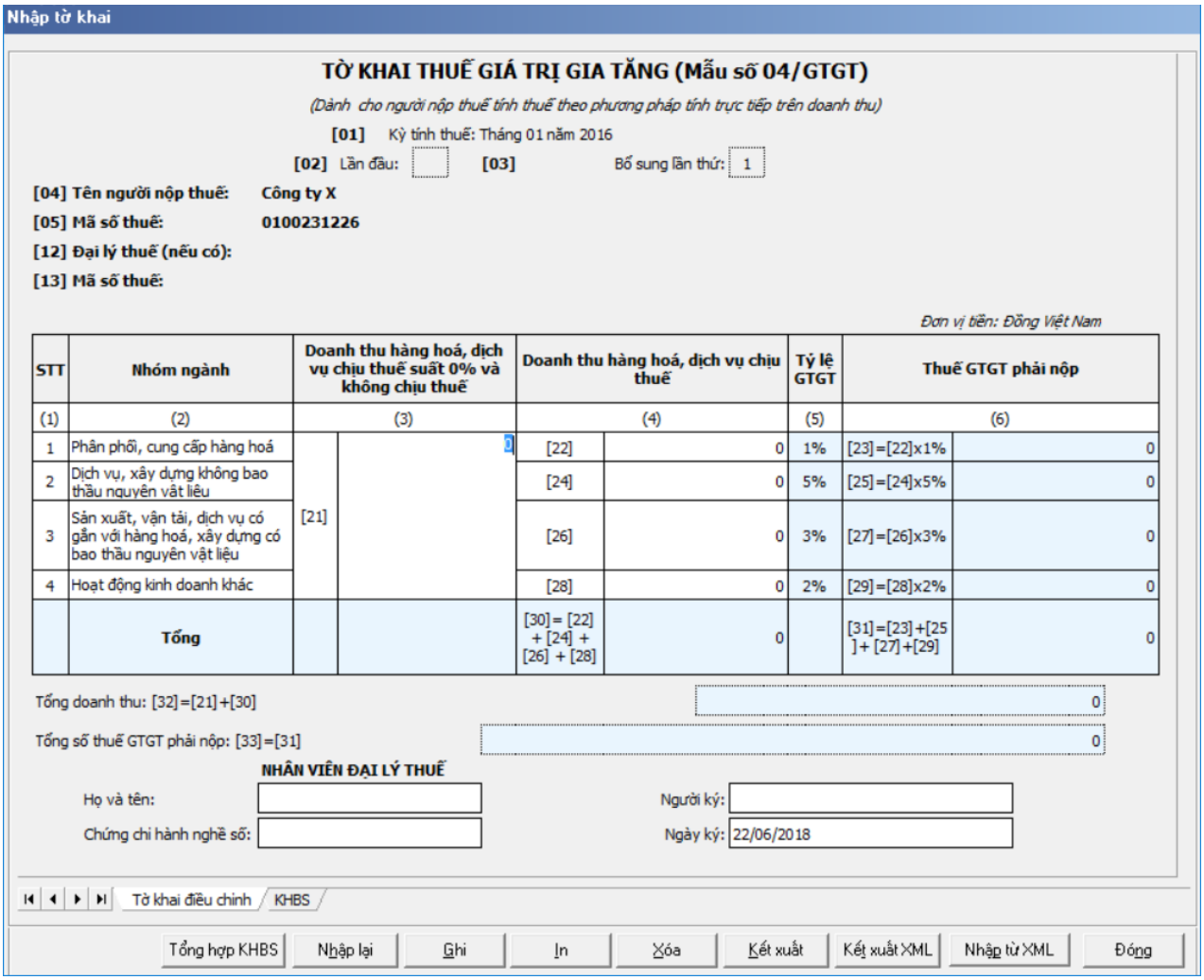
+ Chỉ tiêu [25] = [24] * 5%
+ Chỉ tiêu [27] = [26] * 3%
+ Chỉ tiêu [29] =[28] * 2%
+ Chỉ tiêu [30] = [22] + [24] + [26] + [28]
+ Chỉ tiêu [31] = [23] + [25] + [27] + [29]
+ Chỉ tiêu [32]= [21] + [30]
+ Chỉ tiêu [33] = [31]

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS".



- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS gồm: [23], [25], [27], [29] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.5 Tờ khai thuế GTGT mẫu 05/GTGT (Tạm nộp trên doanh số đối với kinh doanh ngoại tỉnh) theo thông tư số 156/2013/TT-BTC

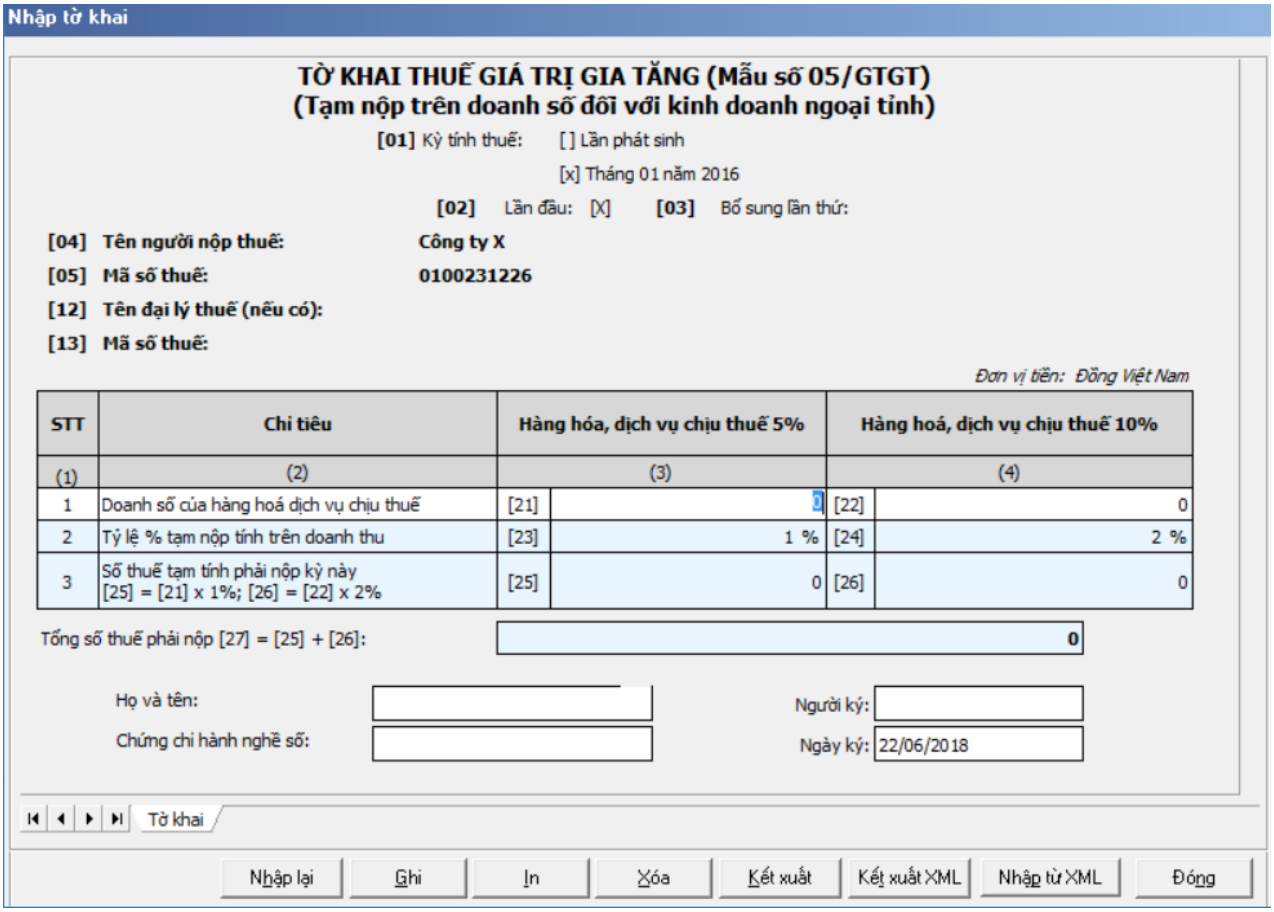
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế GTGT" chọn "Tờ khai GTGT (05/GTGT)" để hiển thị ra tờ khai GTGT mẫu 05/GTGT.



A.Trường hợp khai tờ khai lần đầu

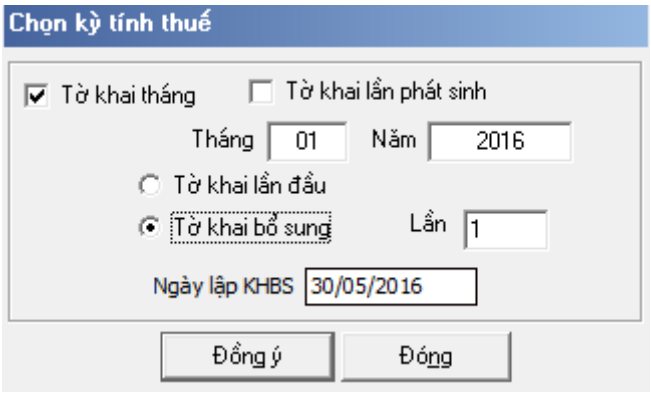
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



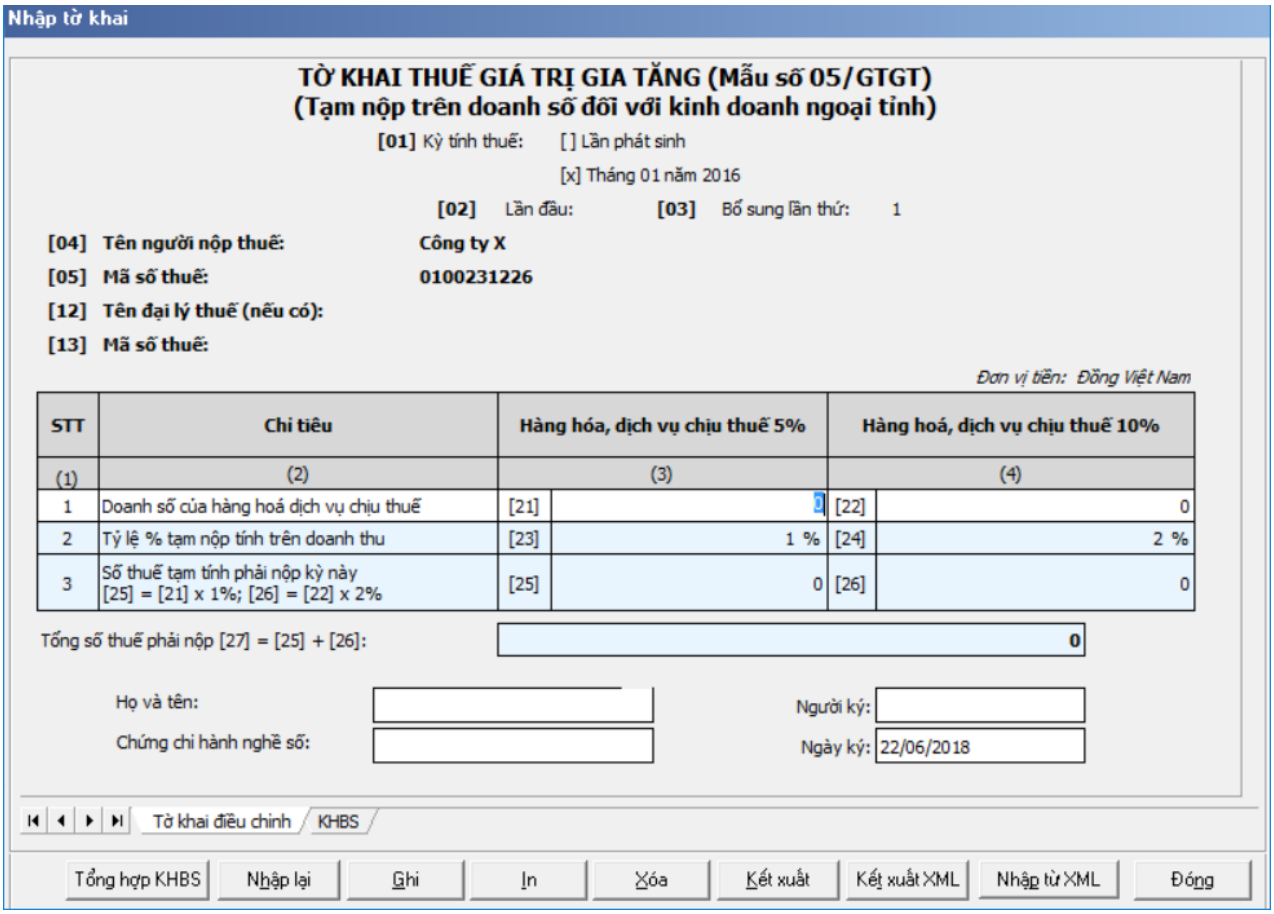
- Các chỉ tiêu NNT tự nhập:
  - + Chỉ tiêu [21], [22]: tự nhập, dạng số, không âm
  - + Chỉ tiêu [23]: Mặc định là 1%, không cho sửa
  - + Chỉ tiêu [24]: Mặc định là 2%, không cho sửa
- Các chỉ tiêu tự tính:
  - + Chỉ tiêu [25]= [21] * 1%
  - + Chỉ tiêu [26] = [22] * 2%
  - + Chỉ tiêu [27] = [25] + [26]

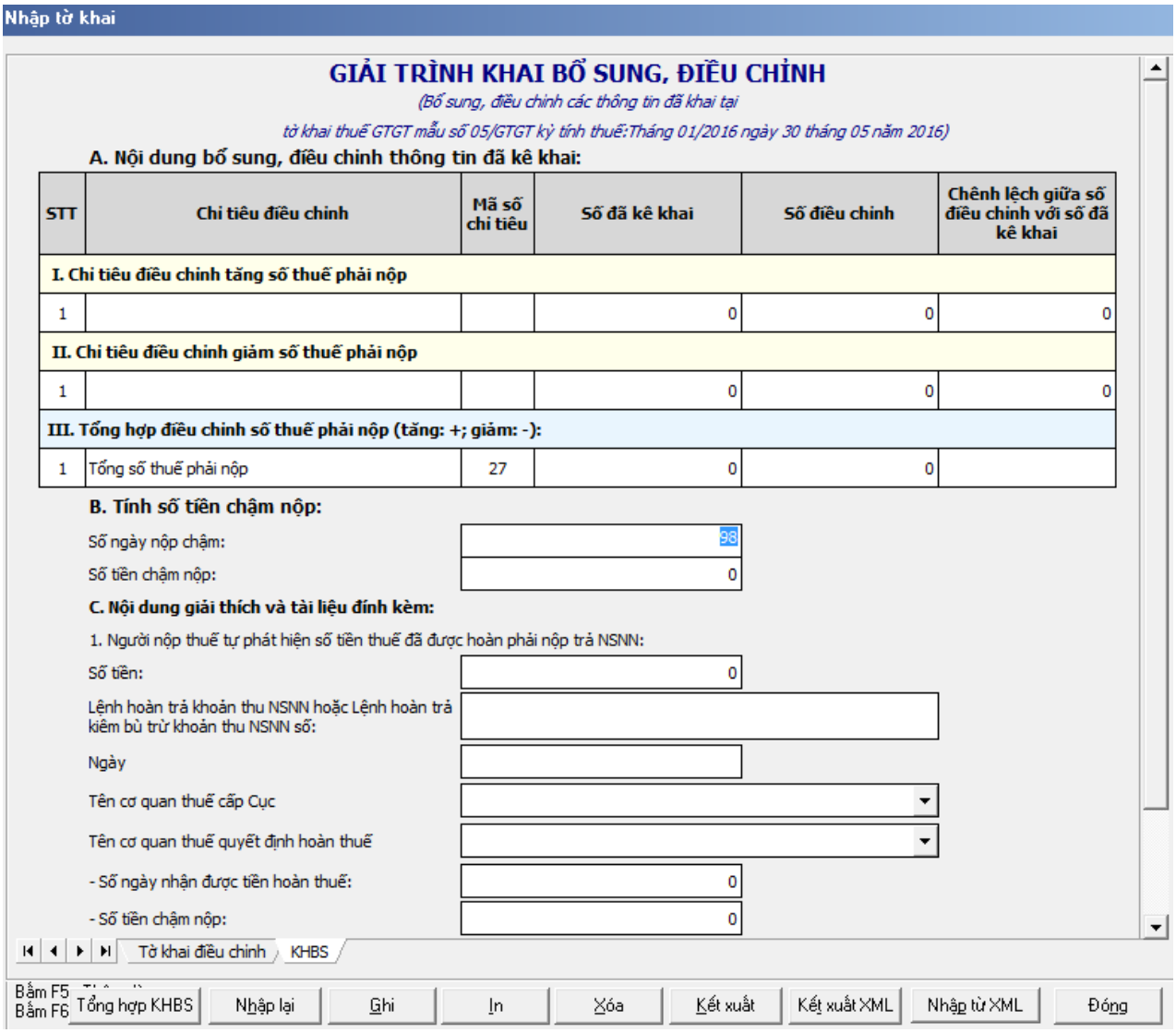
B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS".



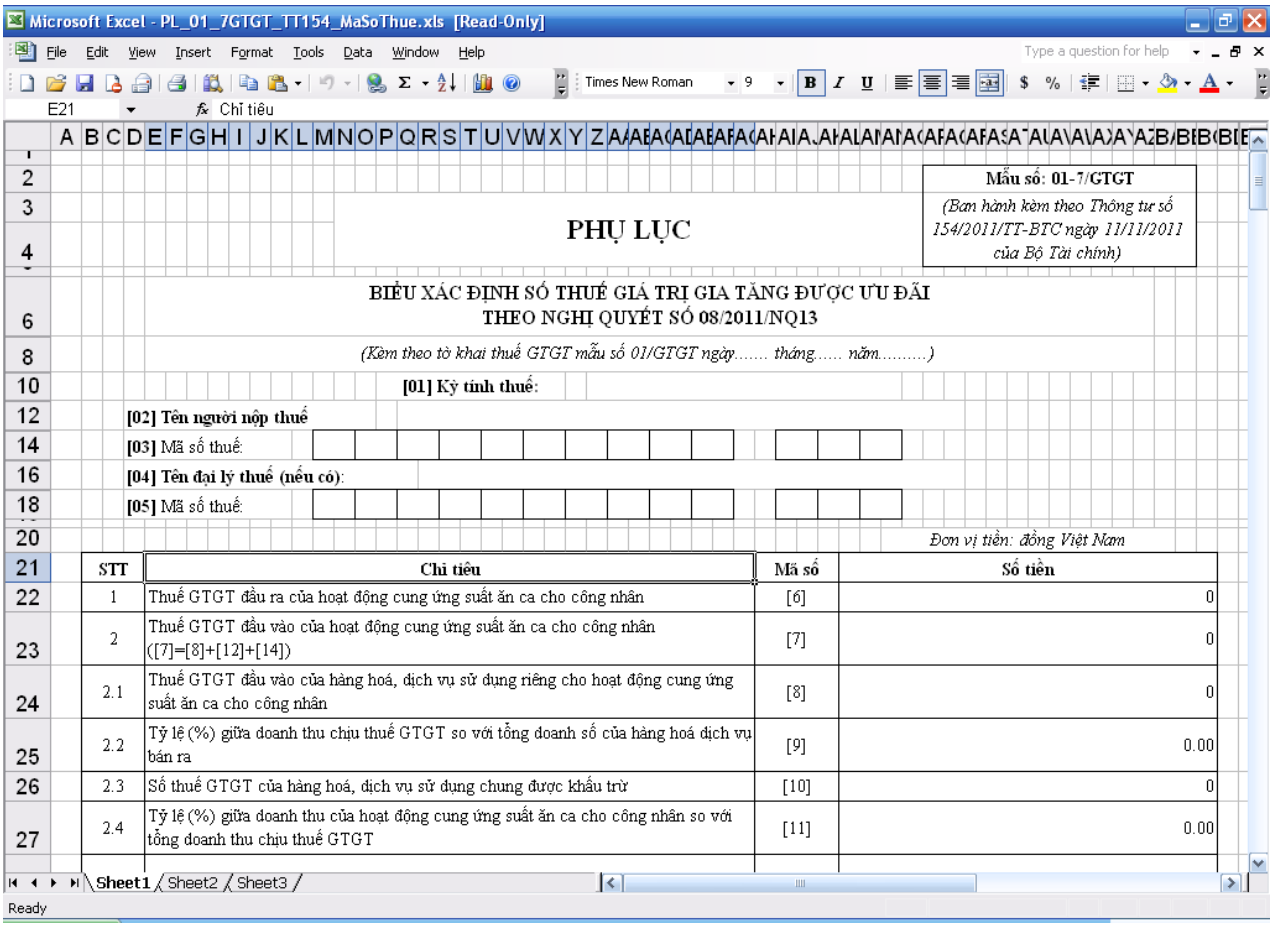


- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS gồm: [25], [26] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.3.6 Biểu xác định số thuế GTGT được ưu đãi theo Nghị quyết 08/2011/NQ13

Cách gọi:

- Từ menu chức năng chọn "Kê khai/ Thuế Giá Trị Gia Tăng" chọn PL thuế GTGT ưu đãi NQ08 (01-7/GTGT). Khi đó sẽ hiển thị tờ khai dưới dạng file excel:



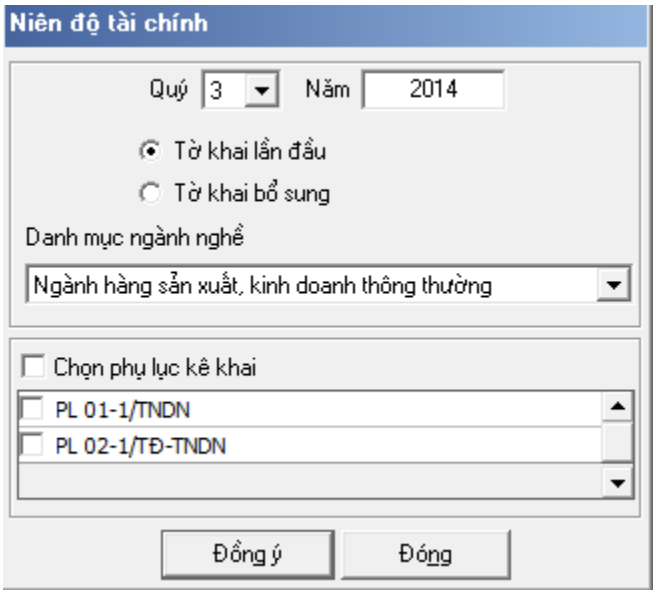
- NSD chọn Save As để tải file excel từ máy về, NSD nhập các chỉ tiêu trên phụ lục. Sau đó in ra đính kèm với tờ khai 01/GTGT để nộp cho Cơ quan Thuế.

3.4 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế TNDN

3.4.1 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính mẫu 01A/TNDN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và hiệu lực theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC

Cách gọi:

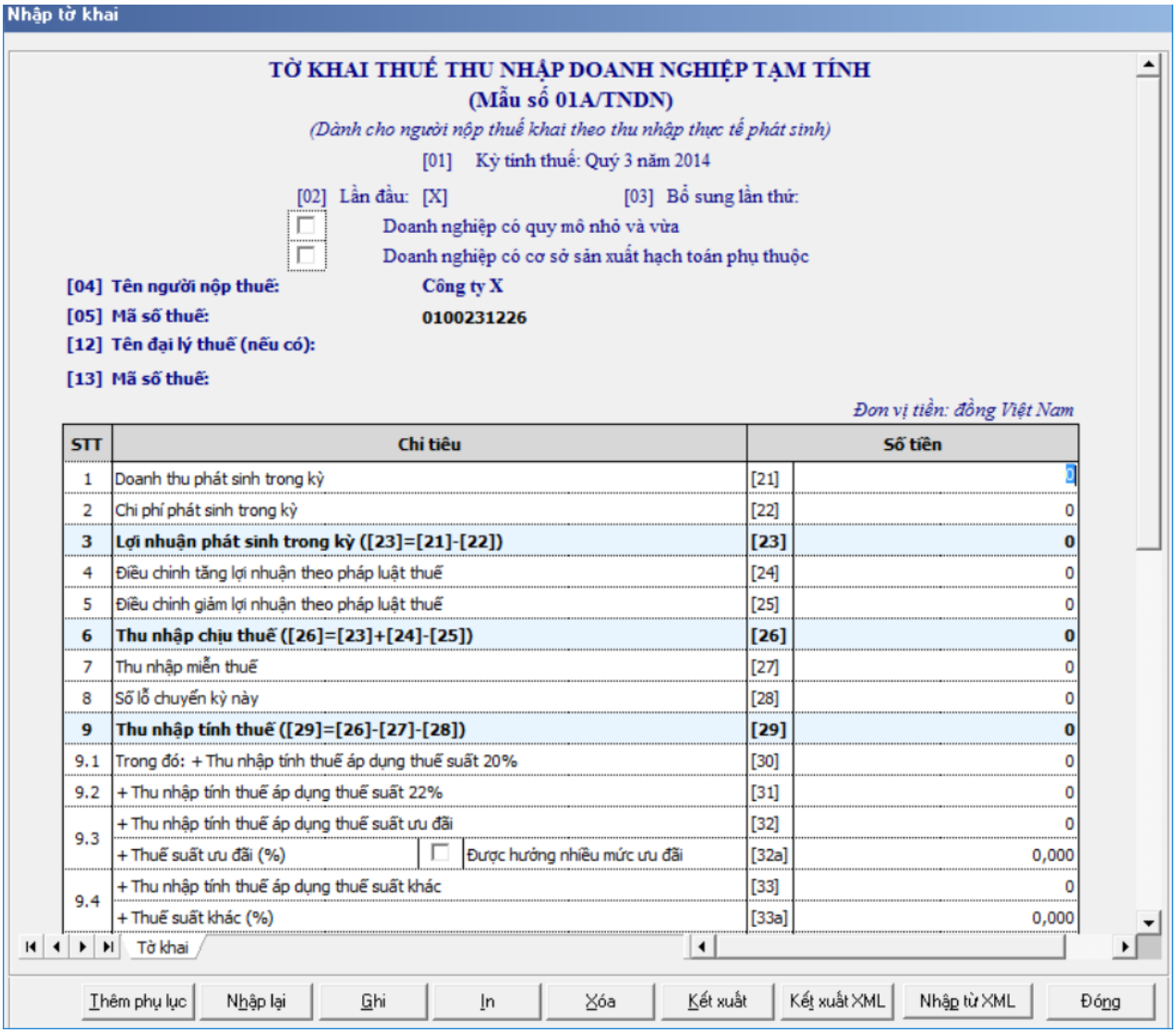
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "Tờ khai thuế TNDN tạm tính (01A/TNDN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị. Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, ngành nghề kinh doanh, phụ lục tương tự như tờ 01/GTGT. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNDN tạm tính mẫu 01A/TNDN



- Ứng dụng thực hiện hết hiệu lực của tờ khai có kỳ tính thuế từ Quý 4/2014 trở đi.

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  + Check vào ô <Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa> nếu doanh nghiệp thuộc đối tượng này.
  + Check vào ô <Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc> nếu doanh nghiệp thuộc đối tượng này.
  + Chỉ tiêu [21], [22], [24], [25], [27], [28], [30], [31], [32], [33], [33a], [35a], [35b], [37c]: NSD tự nhập dạng số, không âm
  + Chỉ tiêu [32a] cho phép NSD tự nhập, dạng xx%. Thêm ô check "Được hưởng nhiều mức ưu đãi", nếu NSD chọn ô check này thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo " Các chỉ tiêu liên quan đến mức thuế suất ưu đãi [32a], [34] sẽ bị xóa bằng 0. Bạn có đồng ý không?" Nếu NSD chọn "Có" thì ứng dụng sẽ đặt lại giá trị hai chỉ tiêu này bằng 0 và cho phép NSD nhập nhiều mức thuế suất tại chỉ tiêu [32a], nếu ngược lại thì ứng dụng sẽ quay về màn hình nhập tờ khai ban đầu.
  + Chỉ tiêu [35]: tự nhập, kiểm tra điều kiện [35] > = [35a] + [35b]

+ Chỉ tiêu [37]: Chọn ô check.
+ Chỉ tiêu [37a]: chọn trong danh mục gồm các lý do sau:
    - Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ
    - Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động
    - Doanh nghiệp đầu tư - kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở
    - Lý do khác
+ Chỉ tiêu [37b]: Nhập kiểu date

- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán

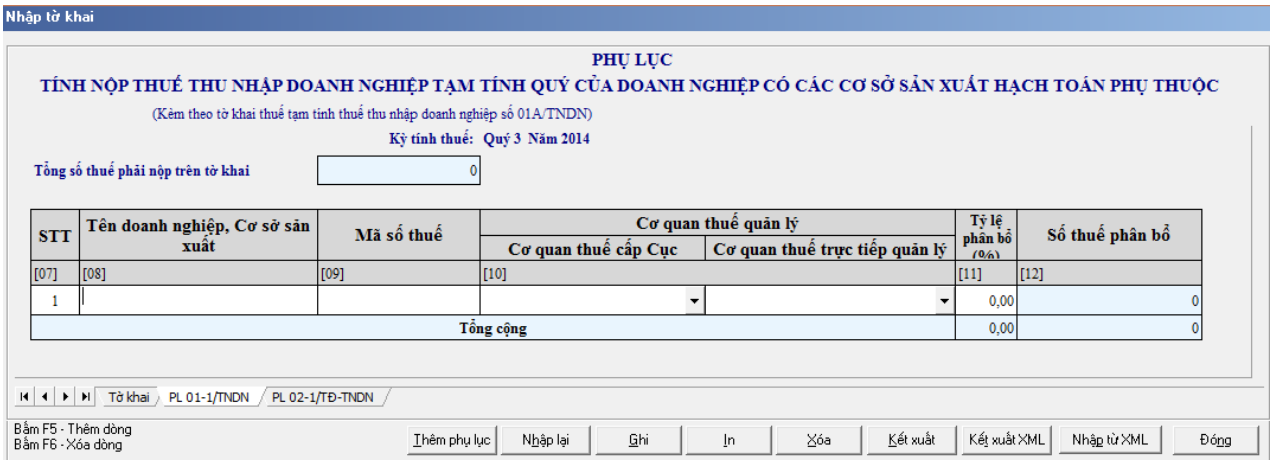
+ Chỉ tiêu [23] = [21] – [22]
+ Chỉ tiêu [26]= [23] + [24] – [25]
+ Chỉ tiêu [29] = [26] – [27] – [28], nếu âm thì [29] = 0.
+ Chỉ tiêu [34] = ([30] * 20%) + ([31] * 22%) + ([32] * [32a] + [33] * [33a])
+ Chỉ tiêu [36] = [34] - [35], nếu âm thì [36] = 0
+ Chỉ tiêu [37d] = [36] - [37c], cho phép sửa

- Chi tiết các điều kiện kiểm tra/ công thức

+ Nếu [26] – [27] < 0 thì không cho nhập chỉ tiêu [28]
+ Nếu [26] <0 thì không cho nhập các chỉ tiêu từ [28] đến [36]
+ Nếu chỉ tiêu [29] < 0 thì [30], [31], [32],[34], [35], [35a], [35b], [36] tự động thiết lập = 0 và không cho phép sửa.
+ Kiểm tra điều kiện: [29] = [30] + [31] + [32] + [33], nếu khác thì cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [29] phải bằng (chỉ tiêu [30] + chỉ tiêu [31] + chỉ tiêu [32] + Chỉ tiêu [33])"
+ Nếu [29] > 0 thì kiểm tra [35] < [34]. Nếu sai có cảnh báo "Số thuế TNDN dự kiến miễn, giảm [35] phải nhỏ hơn hoặc bằng số thuế TNDN phát sinh trong kỳ".
+ Nếu tích vào ô check "Được hưởng nhiều mức ưu đãi"
    - Đặt lại giá trị của chỉ tiêu [32a], [34] là 0
    - Cho phép nhập chỉ tiêu [32a] với nhiều thuế suất ưu đãi, được phân cách nhau bởi dấu chấm phẩy
    - Cho phép nhập chỉ tiêu [34]
+ Kiểm tra chỉ tiêu [37b] phải lớn hơn hạn nộp của tờ khai, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng " Thời hạn được gia hạn phải lớn hơn hạn nộp tờ khai"
+ Kiểm tra Chỉ tiêu [37c] <= [36], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng " Số thuế TNDN được gia hạn không được lớn hơn số thuế phải nộp trong kỳ"

+ Kiểm tra Chỉ tiêu [37d] <= [36], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng " Số thuế TNDN không được gia hạn không được lớn hơn số thuế phải nộp trong kỳ"

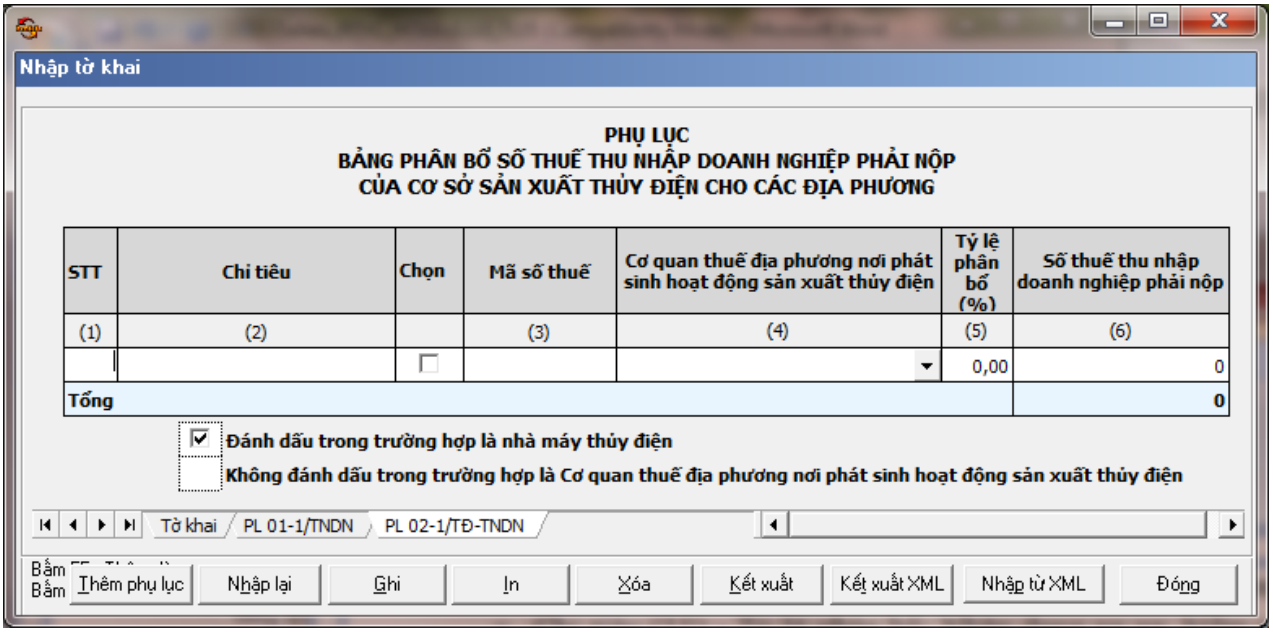
Nhập phụ lục 01-1/TNDN: Tính nộp thuế TNDN tạm tính quý của các Doanh nghiệp có các cơ sở hạch toán phụ thuộc



- Các chỉ tiêu cần nhập

+ Chỉ tiêu [06]: Tổng số thuế phải nộp trên tờ khai: Lấy từ chỉ tiêu [36] trên tờ khai, không cho sửa
+ STT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Chỉ tiêu (8) - Tên doanh nghiệp: Nhập kiểu text tối đa 100 ký tự
+ Chỉ tiêu (9) - Mã số thuế: Nhập text 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
+ Chỉ tiêu (10) - Cơ quan thuế quản lý trực tiếp: chọn trong danh mục
+ Chỉ tiêu (11) - Tỷ lệ phân bổ: Nhập dạng xx,xx, kiểm tra tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%
+ Chỉ tiêu (12)- Số thuế phân bổ = [5] * [9]
+ Chỉ tiêu (13): Tổng số thuế phân bổ, kiểm tra = chỉ tiêu [06].

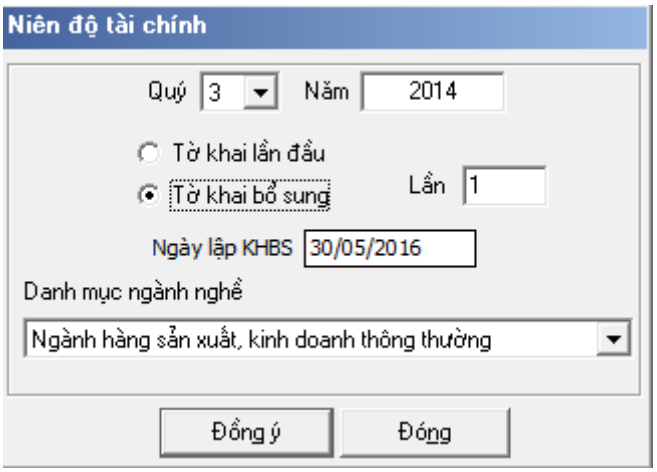
Phụ lục 02-1/TĐ-TNDN: Bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của cơ sở sản xuất thủy điện cho các địa phương



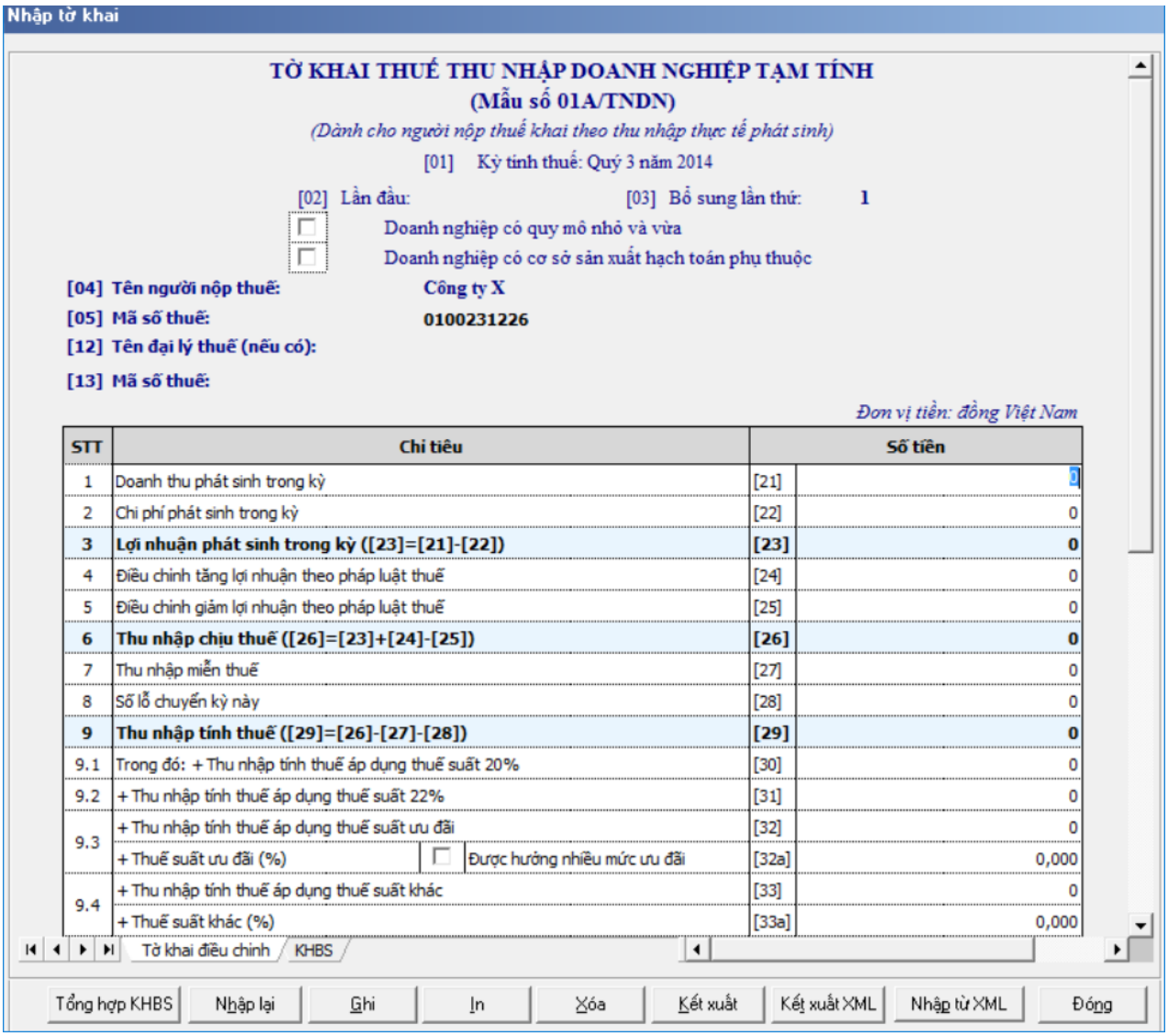
- Các chỉ tiêu cần nhập
  + STT: Cho phép nhập kiểu text, tối đa 10 ký tự
  + Chỉ tiêu: Cho phép nhập kiểu text, tối đa 200 ký tự
  + Mã số thuế: Cho phép nhập kiểu text, tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
  + CQT địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện: UD hỗ trợ chọn cột Cơ quan thuế quản lý cấp Cục trong danh mụcỨng dụng hỗ trợ tự động tăng
  + Tỷ lệ phân bổ (%): cho phép NSD tự nhập dạng xx,xx
  + Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: Nhập kiểu số không âm, mặc định là 0. Kiểm tra: Trên cùng 1 dòng dữ liệu các cột thì bắt buộc nhập cột "Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp", nếu khác thì cảnh báo đỏ
  + Dòng Tổng cộng cột "Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp": Cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

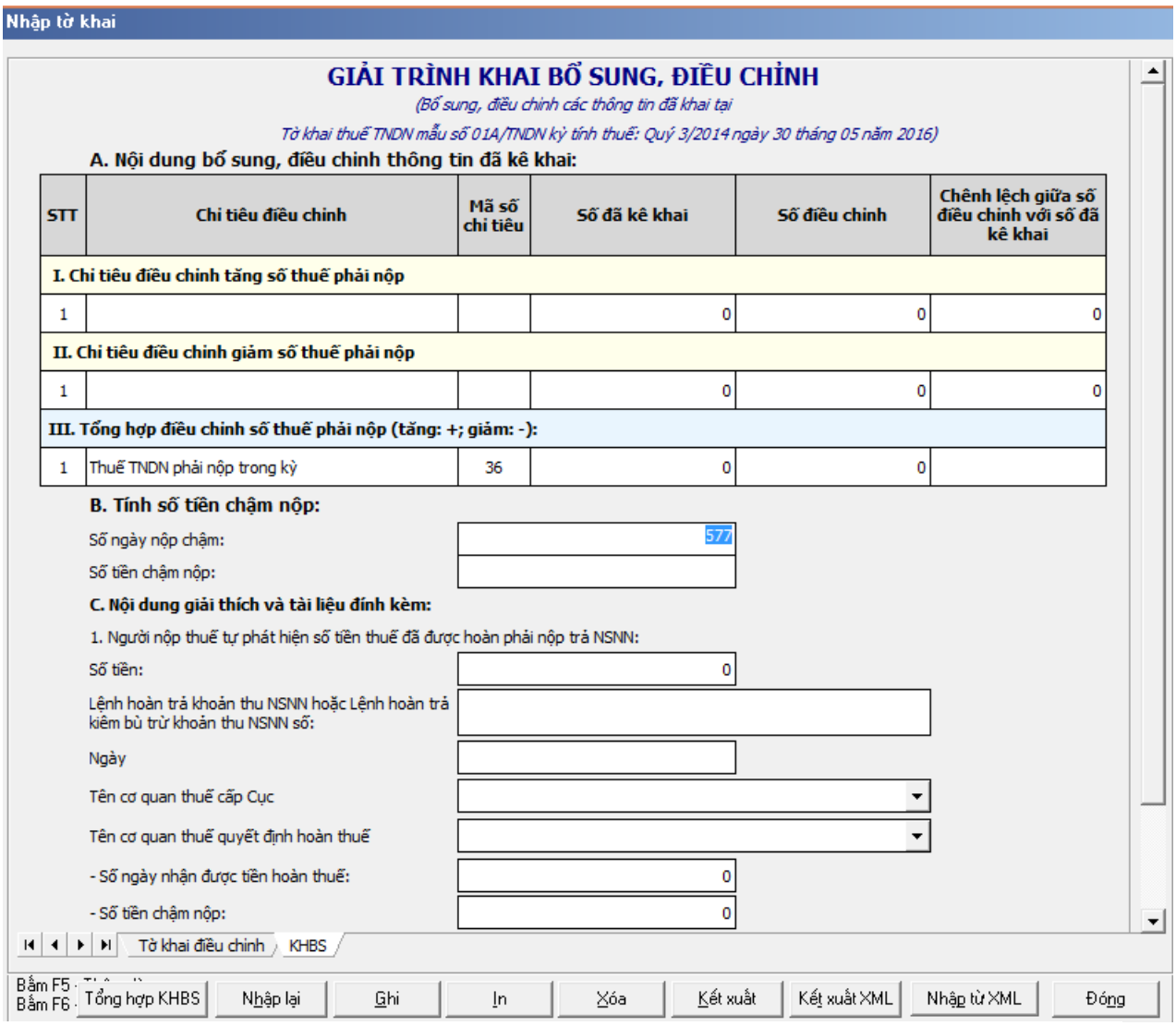
- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:



- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

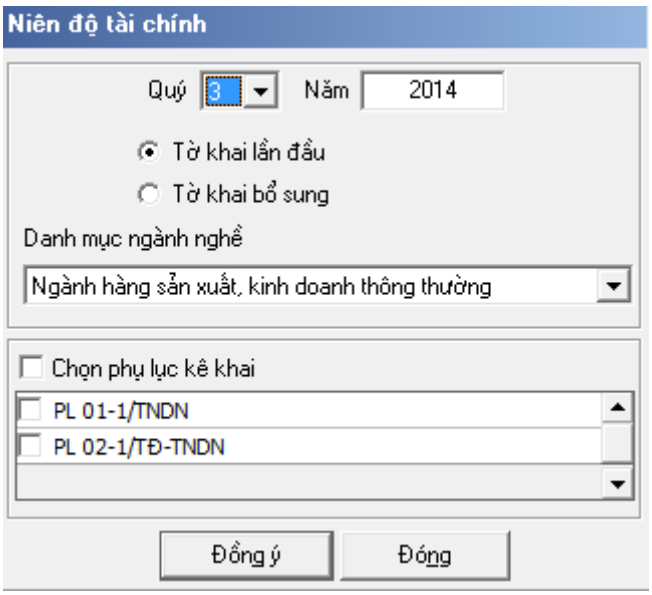


- Các chỉ tiêu được đưa lên KHBS gồm: [34] , [35], cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.4.2 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính mẫu 01B/TNDN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC và hiệu lực theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC

Cách gọi:

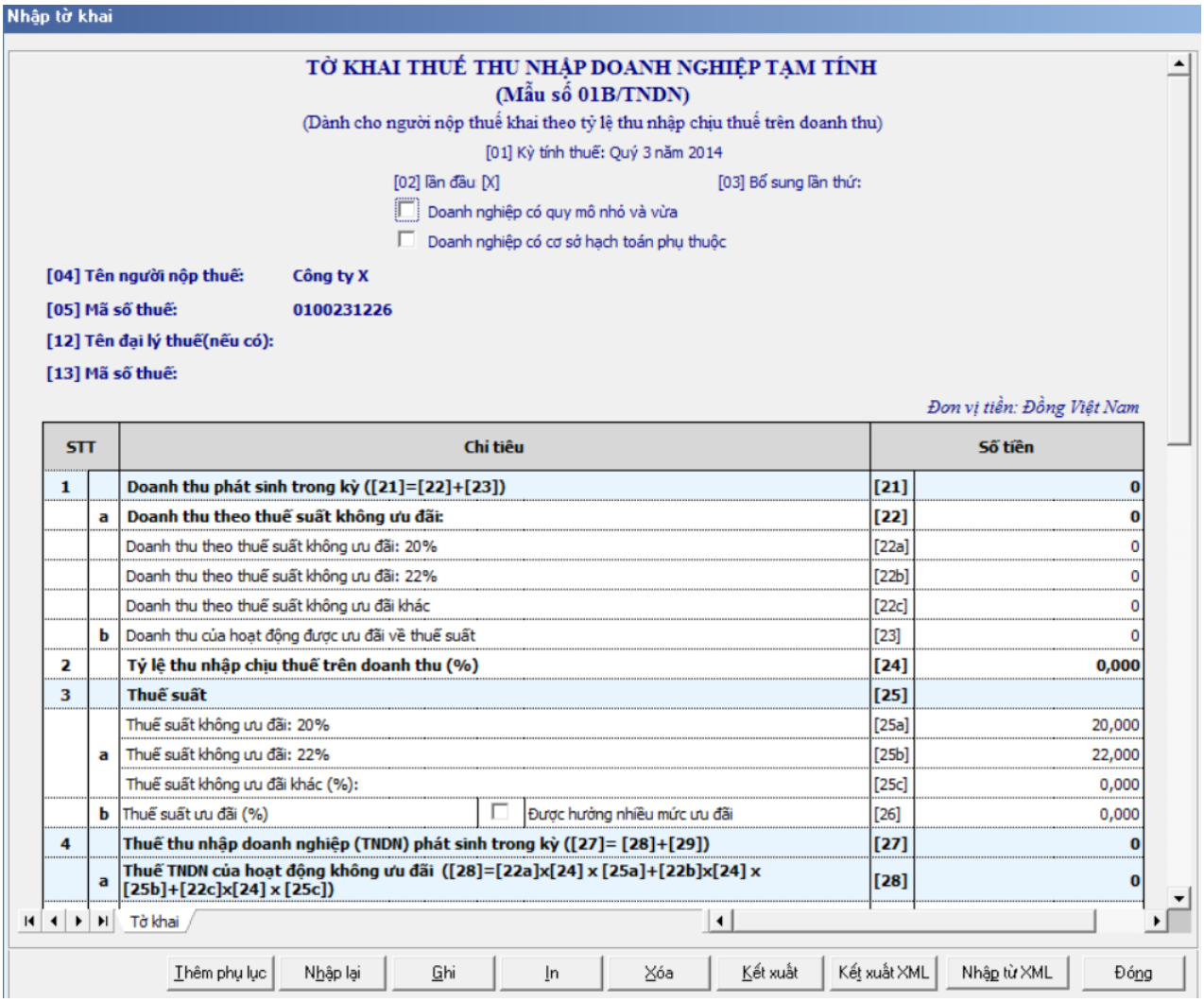
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "Tờ khai thuế TNDN tạm tính (01B/TNDN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị. Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, ngành nghề kinh doanh, phụ lục tươnng tự như tờ 01/GTGT.



- Ứng dụng thực hiện hết hiệu lực của tờ khai có kỳ tính thuế từ Quý 4/2014 trở đi

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Bạn nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNDN tạm tính mẫu 01B/TNDN:



- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  + Check vào ô <Doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa> nếu doanh nghiệp thuộc đối tượng này.
  + Check vào ô <Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc> nếu doanh nghiệp thuộc đối tượng này.
  + Chỉ tiêu [22a], [22b], [22c], [23], [30a], [30b], [32c] cho phép NSD tự nhập, kiểu số >= 0, mặc định là 0
  + Chỉ tiêu [24] cho phép NSD tự nhập, dạng xx,xxxx%, hỗ trợ cắt các chữ số 0 bên phải
  + Chỉ tiêu [25a]: mặc định là 20%, cho phép sửa.
  + Chỉ tiêu [25b]: mặc định là 22%, cho phép sửa.
  + Chỉ tiêu [25c]: cho phép NSD tự nhập, dạng xx%.

+ Chỉ tiêu [26] cho phép NSD tự nhập, dạng xx%. Thêm ô check "Được hưởng nhiều mức ưu đãi", nếu NSD chọn ô check này thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo " Các chỉ tiêu liên quan đến mức thuế suất ưu đãi [26], [29] sẽ bị xóa bằng 0. Bạn có đồng ý không?" Nếu NSD chọn "Có" thì ứng dụng sẽ đặt lại giá trị hai chỉ tiêu này bằng 0 và cho phép NSD nhập nhiều mức thuế suất tại chỉ tiêu [26], nếu ngược lại thì ứng dụng sẽ quay về màn hình nhập tờ khai ban đầu.

Lưu ý: Do chỉ tiêu này vừa nhập kiểu số vừa nhập kiểu text nên khi nhập tờ khai này cần chỉnh định dạng của máy tính về dạng 123.456.789.00 để không bị mất giá trị nhập sau dấu phẩy.

+ Chỉ tiêu [30]: NSD nhập số, không âm. Kiểm tra điều kiện [30] >= [30a] + [30b], nếu khác thì cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [30] phải lớn hơn hoặc bằng (chỉ tiêu [30a] + chỉ tiêu [30b])
+ Chỉ tiêu [32]: Nếu NSD check chọn, UD bắt buộc kê khai các chỉ tiêu từ [32a] đến [32d], ngược lại thì UD khóa lại.
+ Chỉ tiêu [32a]: Cho phép NSD chọn trong danh mục gồm các lý do sau:
    - Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ
    - Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động
    - Doanh nghiệp đầu tư - kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở
    - Lý do khác
+ Chỉ tiêu [32b]: Nhập kiểu date

- Các chỉ tiêu tính toán

+ Chỉ tiêu [21] = [22] +[23]
+ Chỉ tiêu [22] = [22a] + [22b] + [22c]
+ Chỉ tiêu [27]= [28] + [29]
+ Chỉ tiêu [28] = [22a] * [24] * [25a] + [22b] * [24] * [25b] + [22c] * [24] * [25c]
+ Chỉ tiêu [29] = [23] * [24] * [26]. Trong trường hợp nếu NNT được hưởng nhiều mức ưu đãi thì chỉ tiêu này không hỗ trợ tính toán mà được nhập.
+ Chỉ tiêu [31] = [27] – [30]
+ Chỉ tiêu [32d] = [31] - [32c], cho phép sửa

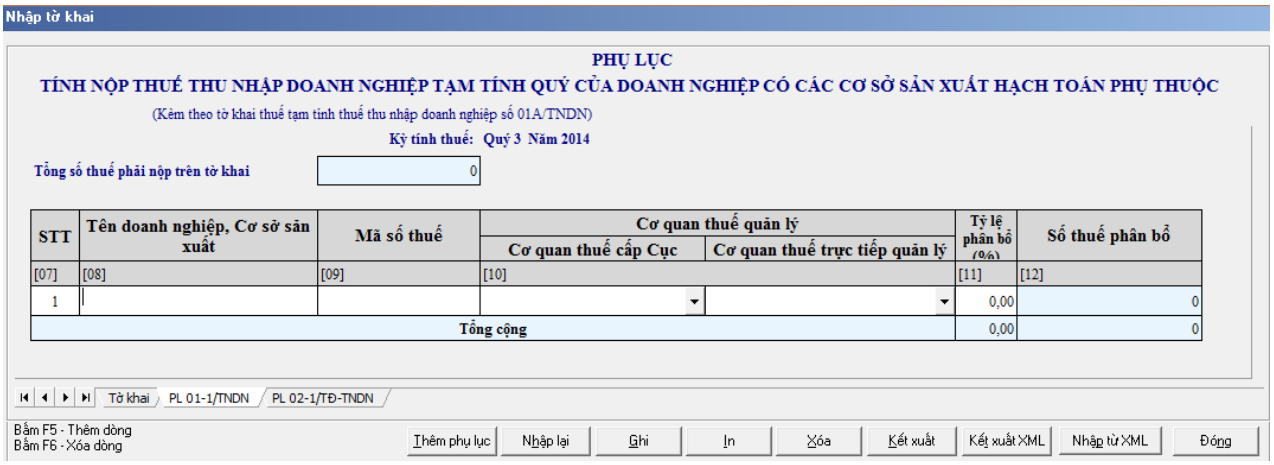
- Các điều kiện kiểm tra/ công thức

+ Kiểm tra chỉ tiêu [30] <= [27]. Nếu sai có cảnh báo "Thuế TNDN dự kiến miễn, giảm [30] phải nhỏ hơn hoặc bằng Thuế TNDN phát sinh trong kỳ [27]"
+ Nếu tích vào ô check "Được hưởng nhiều mức ưu đãi"
    - Đặt lại giá trị của chỉ tiêu [26], [29] là 0

- Cho phép nhập chỉ tiêu [26] với nhiều thuế suất ưu đãi, được phân cách nhau bởi dấu chấm phẩy
- Cho phép nhập chỉ tiêu [29]

+ Kiểm tra chỉ tiêu [32b] phải lớn hơn hạn nộp của tờ khai, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng " Thời hạn được gia hạn phải lớn hơn hạn nộp tờ khai"
+ Kiểm tra Chỉ tiêu [32c] <= [31], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng " Số thuế TNDN được gia hạn không được lớn hơn số thuế phải nộp trong kỳ"
+ Kiểm tra Chỉ tiêu [32d] <= [31], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng " Số thuế TNDN không được gia hạn không được lớn hơn số thuế phải nộp trong kỳ"

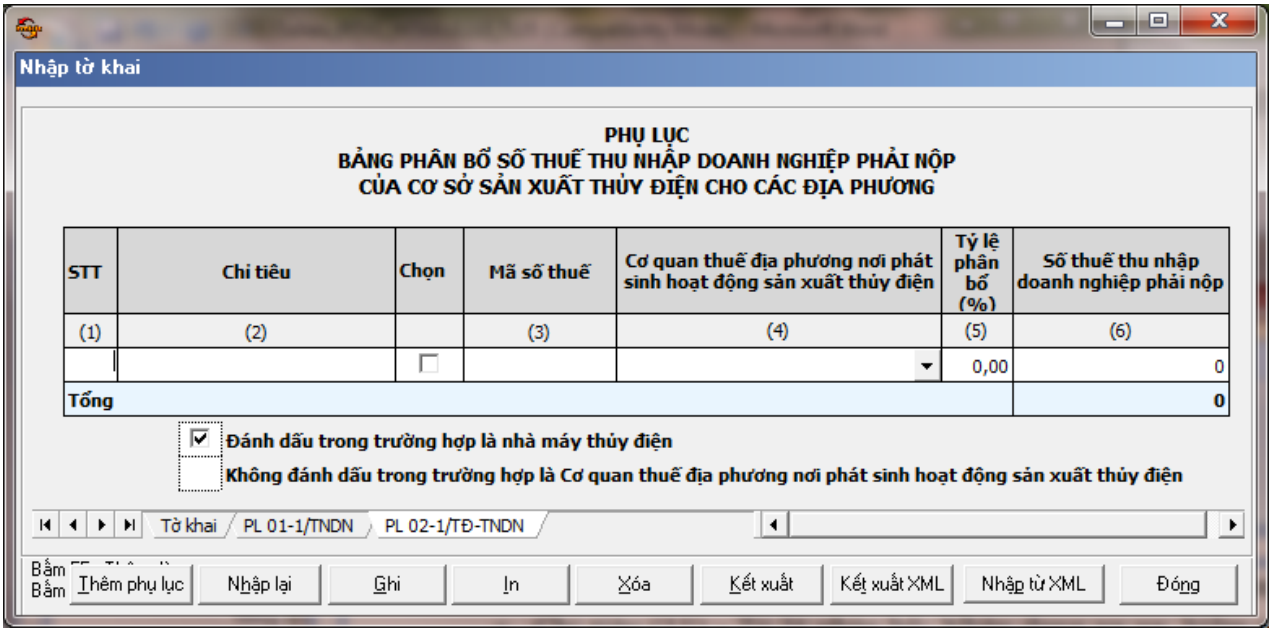
Nhập phụ lục 01-1/TNDN: Tính nộp thuế TNDN tạm tính quý của các Doanh nghiệp có các cơ sở hạch toán phụ thuộc



- Các chỉ tiêu cần nhập

+ Chỉ tiêu [06]: Tổng số thuế phải nộp trên tờ khai: Lấy từ chỉ tiêu [31] trên tờ khai, không cho sửa
+ STT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Chỉ tiêu (8) - Tên doanh nghiệp: Nhập kiểu text tối đa 100 ký tự
+ Chỉ tiêu (9) - Mã số thuế: Nhập text 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
+ Chỉ tiêu (10) - Cơ quan thuế quản lý trực tiếp: chọn trong danh mục
+ Chỉ tiêu (11) - Tỷ lệ phân bổ: Nhập dạng xx,xx, kiểm tra tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%
+ Chỉ tiêu (12)- Số thuế phân bổ = [5] * [9]
+ Chỉ tiêu (13): Tổng số thuế phân bổ, kiểm tra = chỉ tiêu [06].

Phụ lục 02-1/TĐ-TNDN: Bảng phân bổ số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của cơ sở sản xuất thủy điện cho các địa phương



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + STT: Cho phép nhập kiểu text, tối đa 10 ký tự
  - + Chỉ tiêu: Cho phép nhập kiểu text, tối đa 200 ký tự
  - + Mã số thuế: Cho phép nhập kiểu text, tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
  - + CQT địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện: UD hỗ trợ chọn cột Cơ quan thuế quản lý cấp Cục trong danh mụcỨng dụng hỗ trợ tự động tăng
  - + Tỷ lệ phân bổ (%): cho phép NSD tự nhập dạng xx,xx
  - + Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: Nhập kiểu số không âm, mặc định là 0. Kiểm tra: Trên cùng 1 dòng dữ liệu các cột thì bắt buộc nhập cột "Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp", nếu khác thì cảnh báo đỏ
  - + Dòng Tổng cộng cột "Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp": Cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm

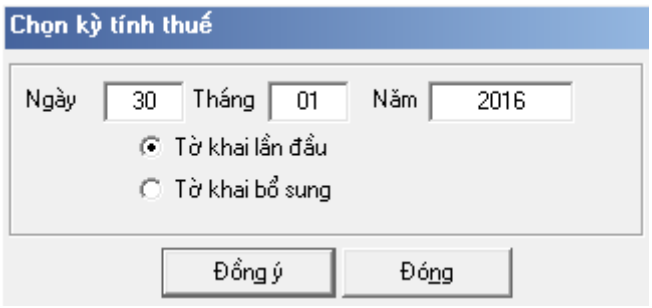
B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Việc kê khai tờ khai bổ sung của mẫu 01B/TNDN tương tự như tờ 01A/TNDN, kê khai điều chỉnh bổ sung cho các chỉ tiêu [28], [29], [30]

3.4.3 Tờ khai thu nhập doanh nghiệp cho chuyển nhượng BĐS - 02/TNDN theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC

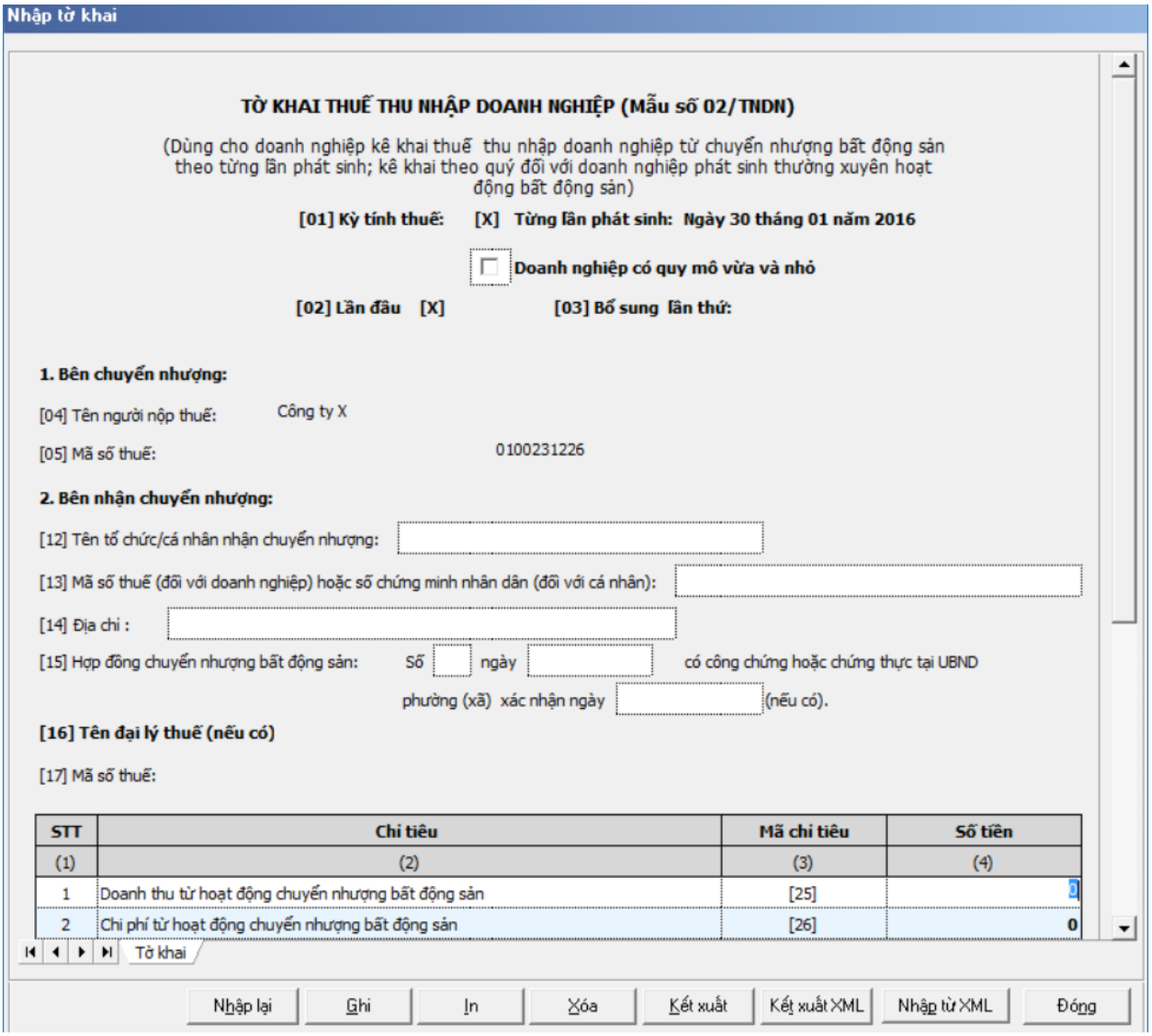
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "TK TNDN cho chuyển nhượng BĐS (02/TNDN)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị như sau:



A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

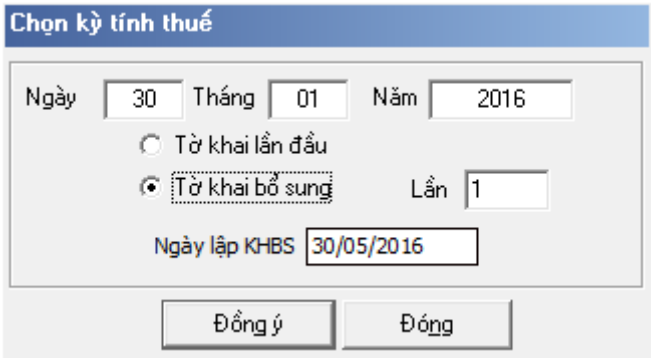
- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, loại tờ khai. Sau đó nhấn nút "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai TNDN chuyển nhượng BĐS mẫu 02/TNDN.



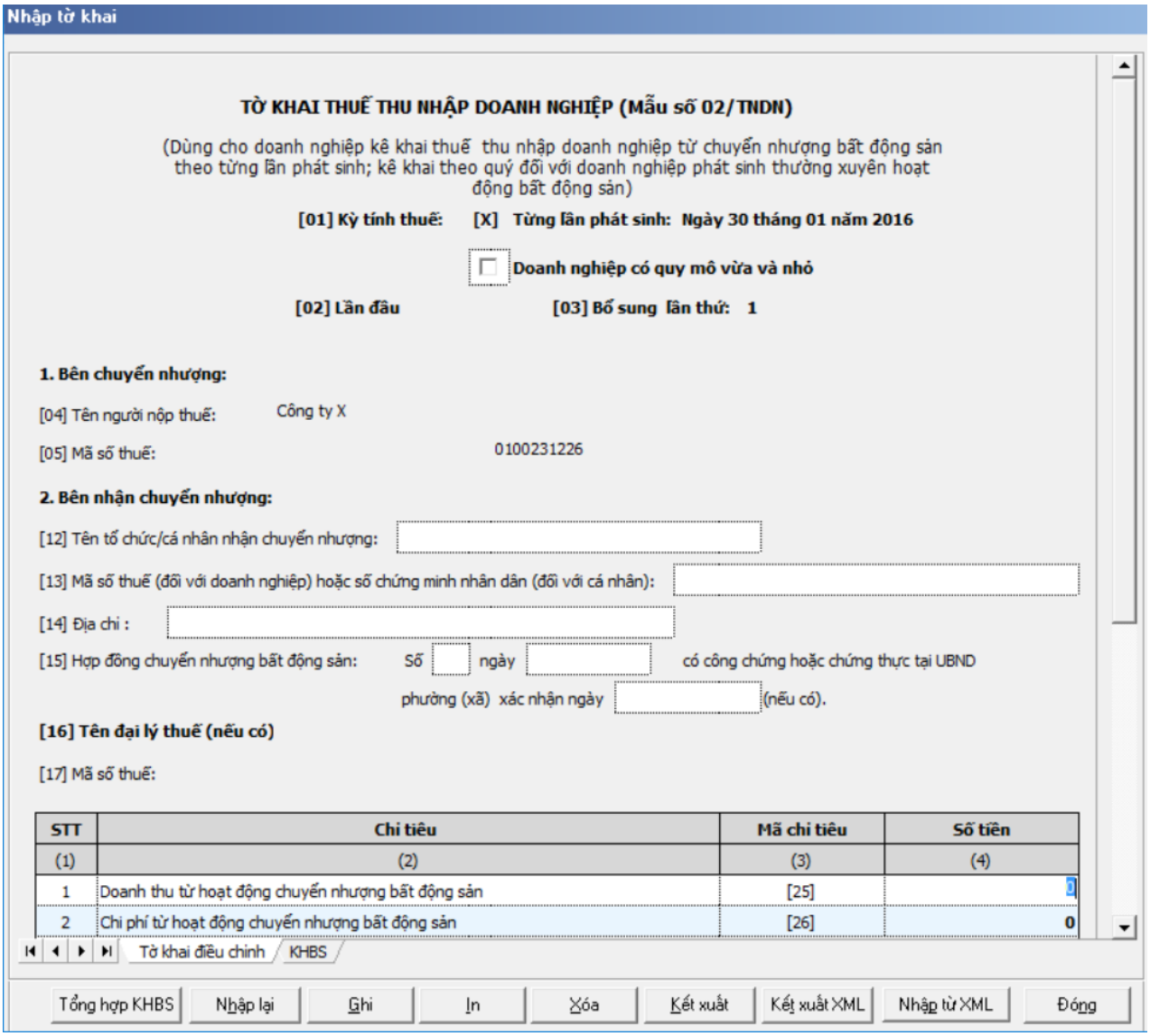
- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [25], [27], [28], [29], [30], [31], cho phép NSD tự nhập số không âm, kiểu số mặc định là 0
  + Chỉ tiêu [32]: Nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0
  + Chỉ tiêu [34] cho phép NSD tự nhập dạng xx,xx
- Các chỉ tiêu tính toán
  + Chỉ tiêu [26] = [27] + [28] + [29] + [30] + [31] + [32]
  + Chỉ tiêu [33]= [25] - [26] , kiểm tra nếu [33] < =0 thì không cho nhập chỉ tiêu [34] và chỉ tiêu [35] = 0
  + Chỉ tiêu [35] = [33] * [34]

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:



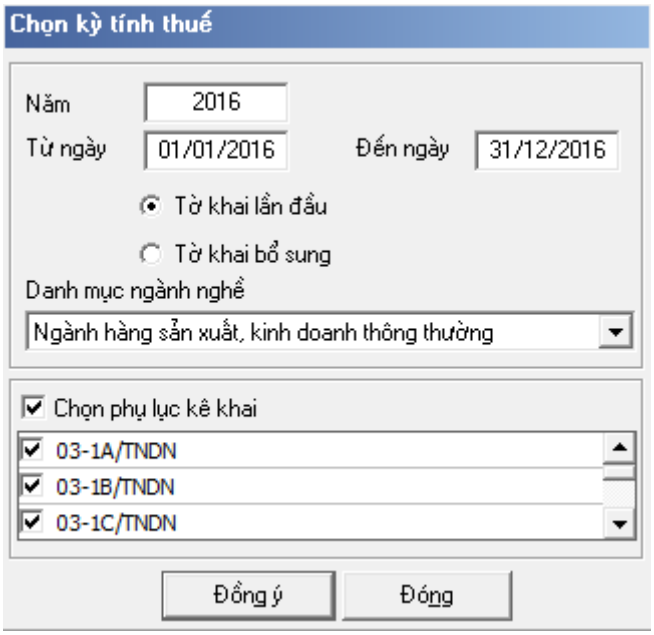
- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.
- Khai bổ sung chỉ tiêu [35] và đưa chỉ tiêu [35] lên KHBS

3.4.4 Tờ khai Quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm mẫu 03/TNDN theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC đáp ứng công văn 4943/TCT-KK

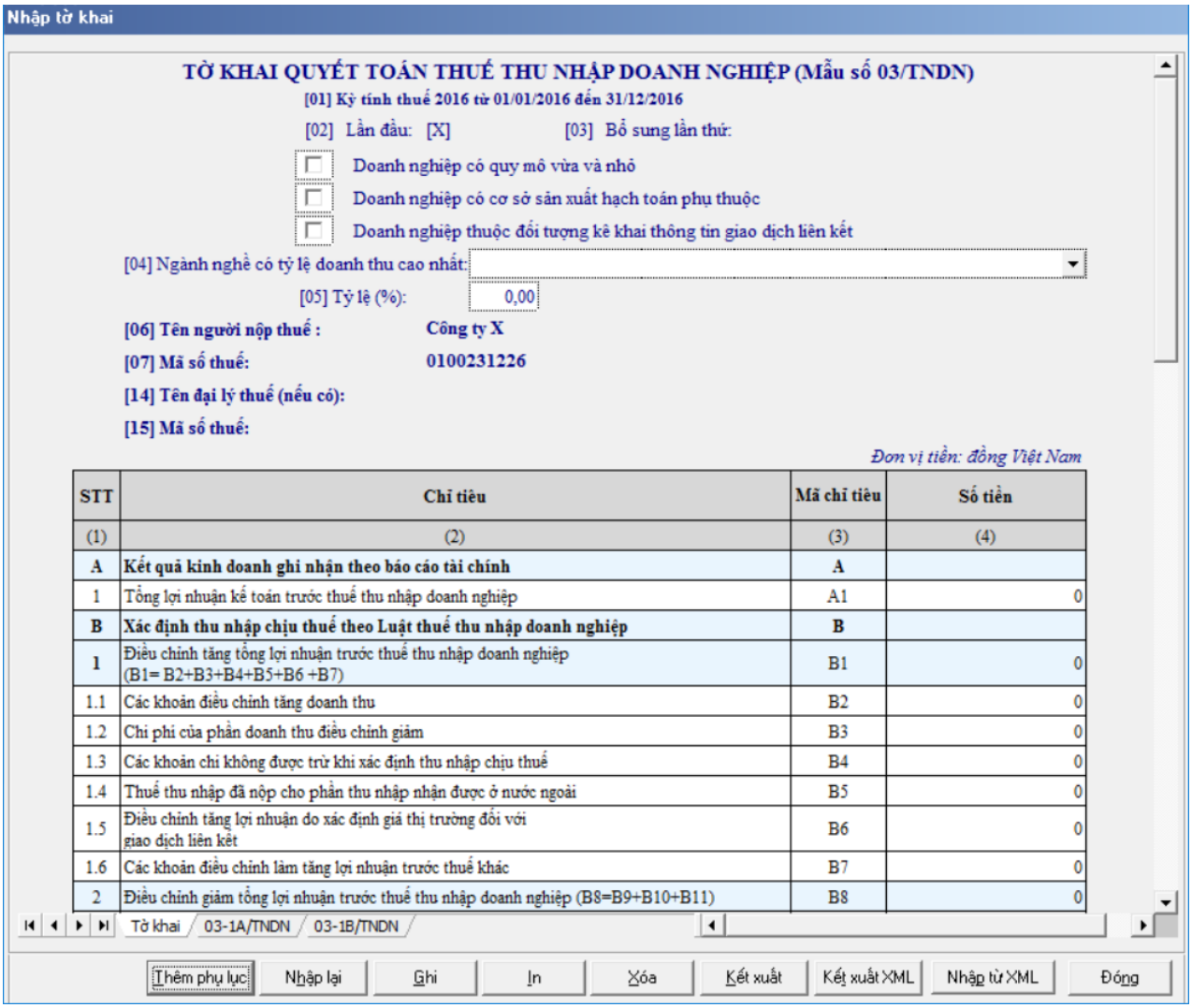
A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "Quyết toán TNDN năm (03/TNDN)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị. Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, ngành nghề kinh doanh, phụ lục tương tự như tờ 01/GTGT.



- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNDN mẫu 03/TNDN.



- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Check vào ô <Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ> nếu doanh nghiệp thuộc đối tượng này.
  + Check vào ô <Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc> nếu doanh nghiệp thuộc đối tượng này. Nếu NSD check vào ô này thì hệ thống hiển thị câu cảnh báo bắt buộc nhập PL 03-8/TNDN đính kèm.
  + Check vào ô <Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết> nếu doanh nghiệp thuộc đối tượng này. Nếu NSD check vào ô này thì hệ thống hiển thị câu cảnh báo bắt buộc nhập PL 03-7/TNDN đính kèm
  + Chỉ tiêu [04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất: Cho phép NSD chọn danh mục ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất
  + Chỉ tiêu [05] Tỷ lệ (%): Cho phép NSD nhập theo đúng dạng xx,xx%
  + Các chỉ tiêu B2, B3, B4, B6, B7, B9, B10, B11, C2, C3b, C7, C8, C9, C13, C14, D3, E1, E2, E3: cho phép NSD tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số

+ Chỉ tiêu C9a: Cho phép NSD tự nhập theo đúng dạng xx,xx%. Kiểm tra 0<C9a <= 100%, nếu khác thì cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu C9a phải nhỏ hơn hoặc bằng 100%".

- Các chỉ tiêu tính toán: Ứng dụng hỗ trợ tính toán theo công thức:
  + Chỉ tiêu A1: tự động tính bằng tổng [19] trên phụ lục 03-1A/TNDN cộng chỉ tiêu [16] trên phụ lục 03-1B/TNDN cộng chỉ tiêu [28] trên phụ lục 03-1C/TNDN, cho phép sửa. Nếu A1 < > 0 thì bắt buộc kê khai một trong ba phụ lục 03-1A/TNDN, 03-1B/TNDN, 03-1C/TNDN
  + Chỉ tiêu B1= B2 + B3 + B4 + B5 + B6 + B7
  + Chỉ tiêu B8= B9 + B10 + B11
  + Chỉ tiêu B5: UD hỗ trợ tự động lấy từ tổng cột (6) của PL 03-4/TNDN, cho phép sửa.
  + Chỉ tiêu B12= A1 + B1 – B8
  + Chỉ tiêu B13 = B12 – B14, cho sửa
  + Chỉ tiêu B14= chỉ tiêu [09] trên phụ lục 03-5/TNDN, cho phép sửa
  + Chỉ tiêu C1 = B13
  + Chỉ tiêu C3= C3a + C3b

    -Nếu C1 - C2 > 0 thì kiểm tra C3 phải <= C1 - C2 nếu không thỏa mãn thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ ở chỉ tiêu C3 " Lỗ từ năm trước chuyển sang [C3] phải nhỏ hơn hoặc bằng Thu nhập chịu thuế [C1] trừ Thu nhập miễn thuế [C2]"

    -Nếu C1 - C2 <= 0 bổ sung kiểm tra C3a, C3b = 0. Nếu vi phạm thì cảnh đỏ tại chỉ tiêu vi phạm. Cảnh báo đỏ "C1-C2 <= 0 thì chỉ tiêu C3a phải bằng 0" (các chỉ tiêu còn lại cảnh báo tương tự)
  + Chỉ tiêu C3a = tổng cột 5 phụ lục 03-2A/TNDN
  + Chỉ tiêu C4= C1 –C2 –C3a – C3b, Nếu C4<0 thì C5,C7,C8 =0 và khóa không cho chỉnh sửa
  + Chỉ tiêu C5: UD hỗ trợ tự động tổng cột (4) trên PL 03-6/TNDNNếu C4 > 0 thì kiểm tra C5 <= C4 * 10%, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Trích lập quỹ khoa học công nghệ tối đa bằng 10% thu nhập tính thuế"
  + Chỉ tiêu C6= C4 –C5, nếu C6 > 0 thì kiểm tra C6 = (C7 + C8 + C9), không thỏa mãn UD cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu C6 phải bằng (C7 + C8 + C9)"
  + Chỉ tiêu C10 = [(C7 x 22%) + (C8 x 20%) + (C9 x [C9a]))
  + Chỉ tiêu C11 = tổng (chỉ tiêu [4] trên phụ lục 03_3A/TNDN + chỉ tiêu [07] trên phụ lục 03_3B/TNDN)

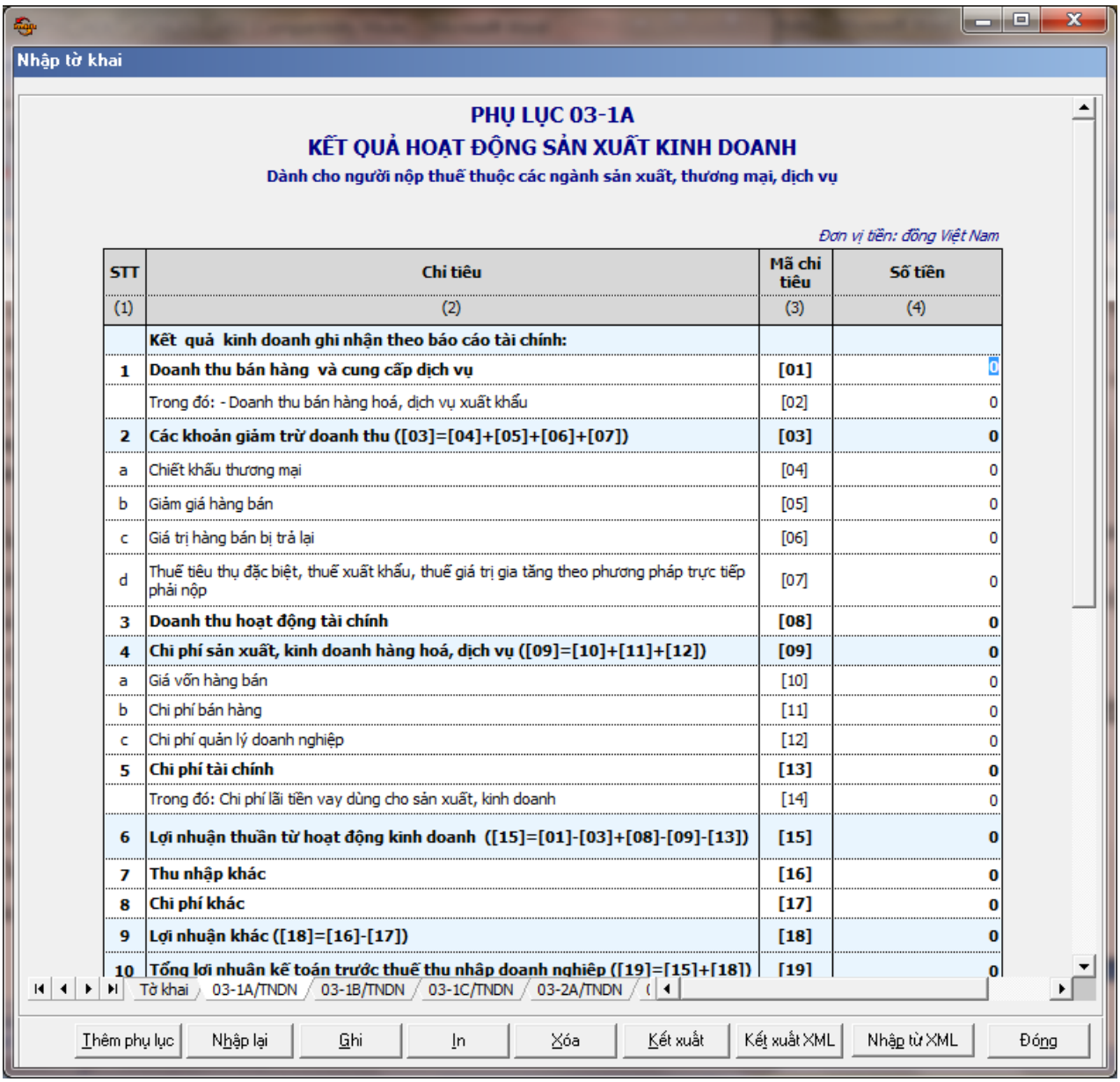
+ Chỉ tiêu C12 = tổng (chỉ tiêu [9] trên phụ lục 03_3A/TNDN + chỉ tiêu [11] trên phụ lục 03_3B/TNDN + chỉ tiêu [4] trên phụ lục 03_3C/TNDN). Kiểm tra C12 >= (C13 + C14), nếu không thỏa mãn thì UD cảnh báo đỏ "C12 phải lớn hơn hoặc bằng (C13 + C14)"
+ Chỉ tiêu C15: UD hỗ trợ tổng hợp từ tổng cột Số thuế đã nộp ở nước ngoài được khấu trừ (cột 11) trên phụ lục 03-4/TNDN
+ Chỉ tiêu C16= C10 – C11 – C12 – C15, C16 < 0 cảnh báo đỏ tại C16 "Số thuế TNDN của hoạt động SXKD chưa đúng. Đề nghị xem lại các chỉ tiêu liên quan
+ Chỉ tiêu D= D1 + D2 + D3
+ Chỉ tiêu D1 = C16
+ Chỉ tiêu D2 tổng hợp từ chỉ tiêu [15] trên phụ lục 03-5/TNDN, có thể âm.
+ Chỉ tiêu E= E1 + E2 + E3
+ G = G1 + G2 + G3, có thể âm
+ Chỉ tiêu G1 = D1 – E1, có thể âm
+ Chỉ tiêu G2 = D2 – E2, có thể âm
+ Chỉ tiêu G2 = D2 – E2, có thể âm
+ Chỉ tiêu H = D * 20%, không cho sửa
+ Chỉ tiêu I = G – H, có thể âm
+ Chỉ tiêu L1: Nếu NSD check chọn thì UD bắt buộc kê khai từ chỉ tiêu [L2] đến [L5], còn nếu không thì UD sẽ khóa lại không cho kê khai.
+ Chỉ tiêu L2: Cho phép NSD chọn trong danh mục gồm các lý do sau:
  - Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ
  - Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động
  - Doanh nghiệp đầu tư - kinh doanh (bán, cho thuê, cho thuê mua) nhà ở
  - Lý do khác
+ Chỉ tiêu L3: Nhập kiểu date. Kiểm tra chỉ tiêu [L3] phải lớn hơn hạn nộp của tờ khai, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng " Thời hạn được gia hạn phải lớn hơn hạn nộp tờ khai"
+ Chỉ tiêu L4: Cho phép NSD nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, , tối đa 15 chữ số
+ Chỉ tiêu L5 = D – L4
+ Chỉ tiêu M1:
  - Số ngày nộp chậm = (Đến ngày – từ ngày) + 1
  - Từ ngày: Mặc định theo năm tài chính, cho sửa

- Nếu ngày bắt đầu năm tài chính là 1/1 thì từ ngày là 1/2/(năm quyết toán + 1)
- Nếu ngày bắt đầu năm tài chính là 1/4 thì từ ngày là 1/5/(năm quyết toán + 1)
- Nếu ngày bắt đầu năm tài chính là 1/7 thì từ ngày là 1/8/(năm quyết toán + 1)
- Nếu ngày bắt đầu năm tài chính là 1/10 thì từ ngày là 1/11/(năm quyết toán + 1)

- Đến ngày: Nhập dạng date, kiểm tra không được lớn hơn hạn tính phạt, cụ thể:
  - Ngày bắt đầu năm tài chính là 1/1 thì kiểm tra đến ngày không được quá 31/3/ (năm quyết toán + 1)
  - Ngày bắt đầu năm tài chính là 1/4 thì kiểm tra đến ngày không được quá 30/6/ (năm quyết toán + 1)
  - Ngày bắt đầu năm tài chính là 1/7 thì kiểm tra đến ngày không được quá 30/9/ (năm quyết toán + 1)
  - Ngày bắt đầu năm tài chính là 1/10 thì kiểm tra đến ngày không được quá 31/12/ (năm quyết toán + 1)

+ Chỉ tiêu M2 = M1 * I * 0,03%, cho phép sửa
+ Trên mẫu in hỗ trợ in ra ghi chú về tiểu mục hạch toán ở cuối tờ khai như sau:
  - Nếu NSD chọn ngành nghề: "Ngành hang sản xuất, kinh doanh thông thường": Hạch toán chỉ tiêu [G] vào tiểu mục 1052
  - Nếu NSD chọn ngành nghề: "Từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên": Hạch toán chỉ tiêu [G] vào tiểu mục 1057
  - Nếu NSD chọn ngành nghề: "Từ hoạt động XSKT của các công ty XSKT": Hạch toán chỉ tiêu [G] vào tiểu mục 1056

Phụ lục 03-1A/TNDN



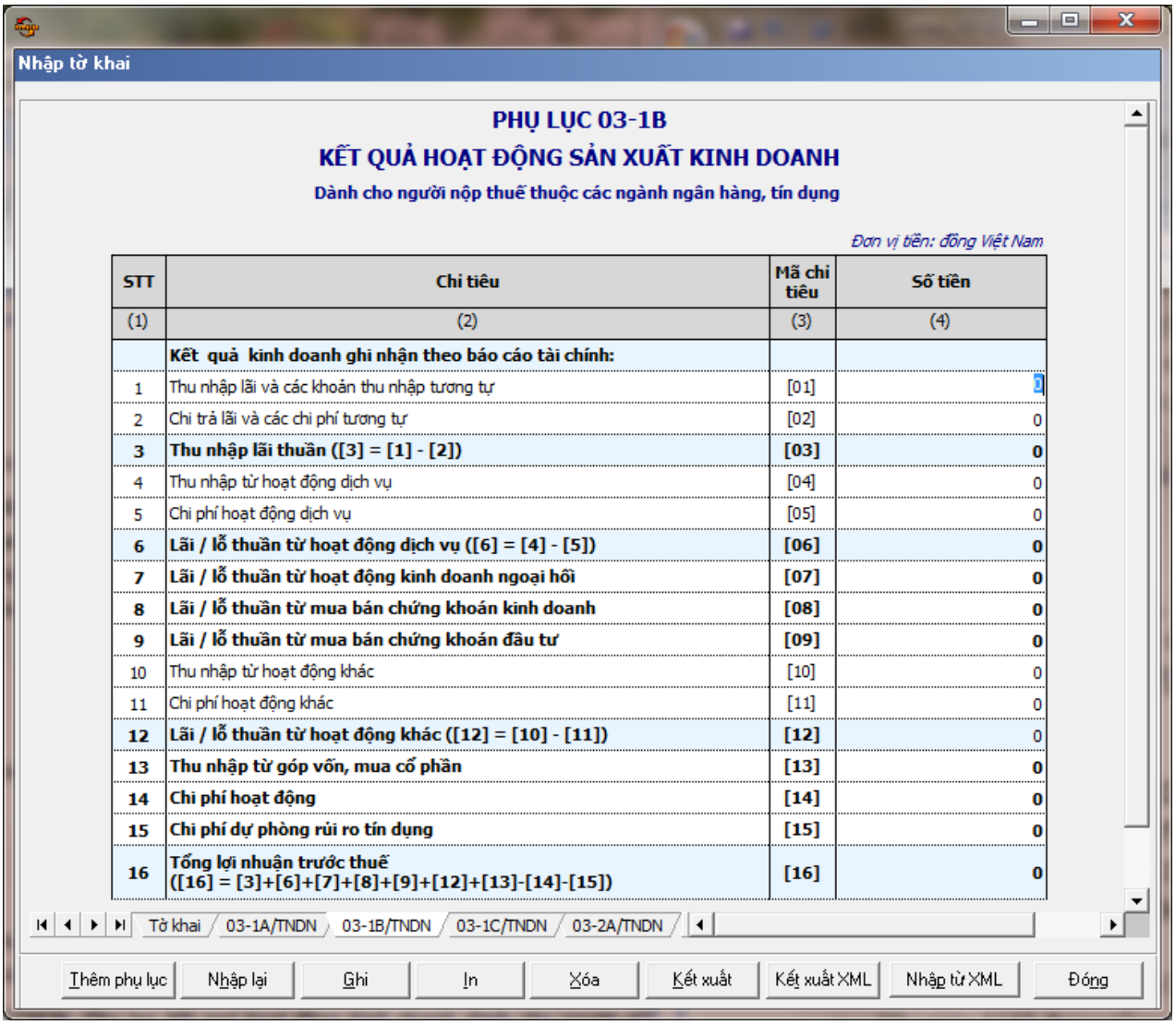
STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[01]**	0
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[02]	0
2	**Các khoản giảm trừ doanh thu ([03]=[04]+[05]+[06]+[07])**	**[03]**	**0**
a	Chiết khấu thương mại	[04]	0
b	Giảm giá hàng bán	[05]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[06]	0
d	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp	[07]	0
3	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**[08]**	**0**
4	**Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([09]=[10]+[11]+[12])**	**[09]**	**0**
a	Giá vốn hàng bán	[10]	0
b	Chi phí bán hàng	[11]	0
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[12]	0
5	**Chi phí tài chính**	**[13]**	**0**
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh	[14]	0
6	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([15]=[01]-[03]+[08]-[09]-[13])**	**[15]**	**0**
7	**Thu nhập khác**	**[16]**	**0**
8	**Chi phí khác**	**[17]**	**0**
9	**Lợi nhuận khác ([18]=[16]-[17])**	**[18]**	**0**
10	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([19]=[15]+[18])**	**[19]**	**0**

- Các chỉ tiêu cần phải nhập
  - + Các thông tin trong phần định danh lấy từ thông tin định danh chung của Người nộp thuế.
  - + Các chỉ tiêu [01], [02], [04], [05], [06], [07], [08], [11], [16], [17]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
  - + Chỉ tiêu [10], [12], [23], [14] : Nhập dạng số, có thể âm dương, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
- Các công thức tính toán: Ứng dung hỗ trợ tính toán theo công thức
  - + Chỉ tiêu [03] = [04] + [05] + [06] + [07]
  - + Chỉ tiêu [09] = [10] + [11] + [12]
  - + Chỉ tiêu [15] = [01] – [03] + [08] – [09] – [13], có thể âm

+ Chỉ tiêu [18] = [16] – [17], có thể âm
+ Chỉ tiêu [19] = [15] + [18], có thể âm

- Các chỉ tiêu kiểm tra logic bắt buộc đúng
  + Kiểm tra chỉ tiêu [02] <= [01]. Nếu sai đưa ra cảnh báo đỏ "Doanh thu bán hàng hóa xuất khẩu phải nhỏ hơn hoặc bằng Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ"
  + Chỉ tiêu [19] đưa lên chỉ tiêu A1 trên tờ kê khai 03/TNDN, có thể âm.

Phụ lục 03-1B/TNDN



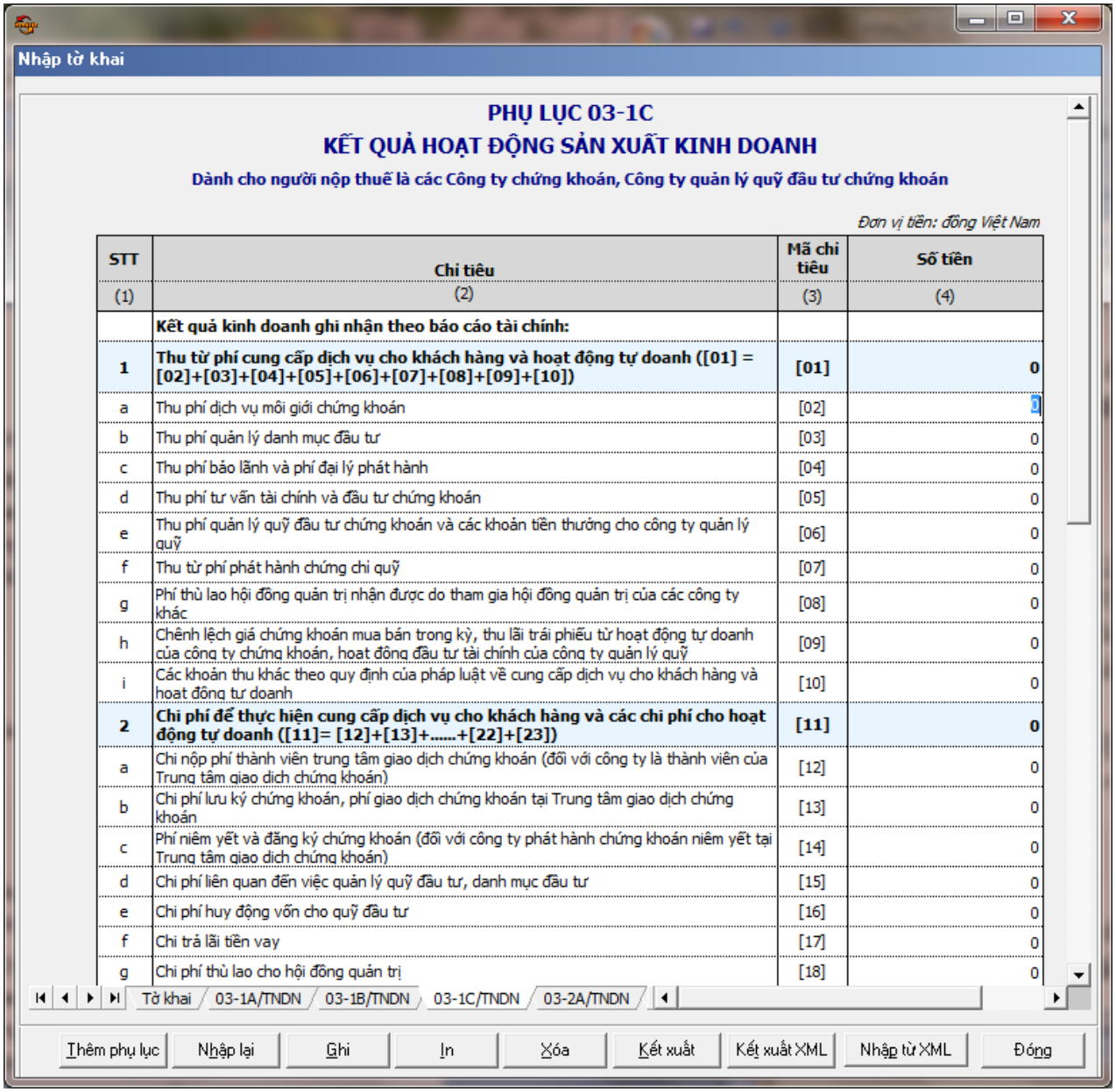
STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	[01]	0
2	Chi trả lãi và các chi phí tương tự	[02]	0
3	**Thu nhập lãi thuần ([3] = [1] - [2])**	**[03]**	**0**
4	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	[04]	0
5	Chi phí hoạt động dịch vụ	[05]	0
6	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ ([6] = [4] - [5])**	**[06]**	**0**
7	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**[07]**	**0**
8	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**[08]**	**0**
9	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**[09]**	**0**
10	Thu nhập từ hoạt động khác	[10]	0
11	Chi phí hoạt động khác	[11]	0
12	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động khác ([12] = [10] - [11])**	**[12]**	0
13	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**[13]**	**0**
14	**Chi phí hoạt động**	**[14]**	**0**
15	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**	**[15]**	**0**
16	**Tổng lợi nhuận trước thuế ([16] = [3]+[6]+[7]+[8]+[9]+[12]+[13]-[14]-[15])**	**[16]**	**0**

- Các chỉ tiêu cần phải nhập
  + Các chỉ tiêu [02], [05], [11], [13], [14]: NNT tự nhập, kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
  + Chỉ tiêu [01], [04], [07], [08], [09], [10], [15] : cho phép NSD nhập, có thể nhập số âm dương, tối đa 20 chữ số
- Các công thức tính toán

+ Chỉ tiêu [03] = [01] - [02], có thể âm
+ Chỉ tiêu [06] = [04] - [05], có thể âm
+ Chỉ tiêu [12] = [10] - [11], có thể âm
+ Chỉ tiêu [16] = [03]+[06]+[07]+[08]+[09]+[12]+[13]-[14]-[15]), có thể âm

- Các chỉ tiêu kiểm tra logic bắt buộc đúng
  + Chỉ tiêu [16] được tổng hợp để đối chiếu với chỉ tiêu A1 của tờ khai

Phụ lục 03-1C/TNDN



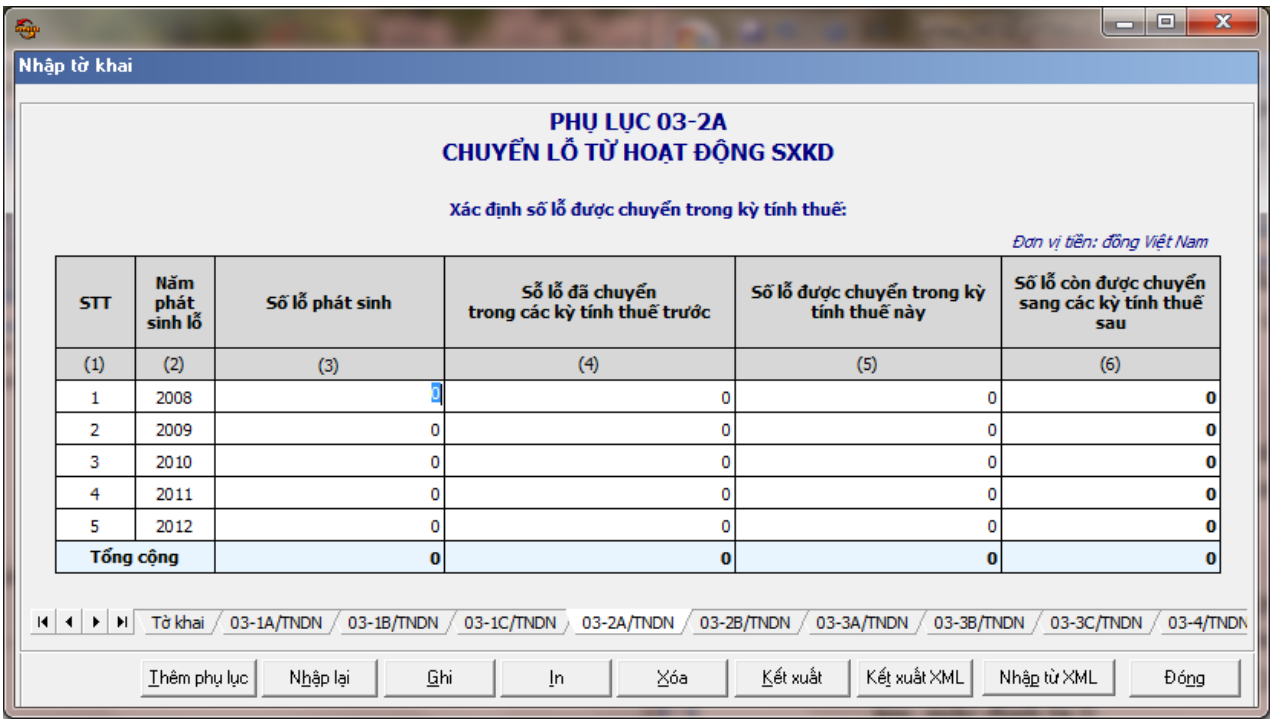
STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	**Thu từ phí cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh ([01] = [02]+[03]+[04]+[05]+[06]+[07]+[08]+[09]+[10])**	**[01]**	**0**
a	Thu phí dịch vụ môi giới chứng khoán	[02]	0
b	Thu phí quản lý danh mục đầu tư	[03]	0
c	Thu phí bảo lãnh và phí đại lý phát hành	[04]	0
d	Thu phí tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán	[05]	0
e	Thu phí quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các khoản tiền thưởng cho công ty quản lý quỹ	[06]	0
f	Thu từ phí phát hành chứng chỉ quỹ	[07]	0
g	Phí thù lao hội đồng quản trị nhận được do tham gia hội đồng quản trị của các công ty khác	[08]	0
h	Chênh lệch giá chứng khoán mua bán trong kỳ, thu lãi trái phiếu từ hoạt động tự doanh của công ty chứng khoán, hoạt động đầu tư tài chính của công ty quản lý quỹ	[09]	0
i	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về cung cấp dịch vụ cho khách hàng và hoạt động tự doanh	[10]	0
2	**Chi phí để thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng và các chi phí cho hoạt động tự doanh ([11]= [12]+[13]+.....+[22]+[23])**	**[11]**	**0**
a	Chi nộp phí thành viên trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với công ty là thành viên của Trung tâm giao dịch chứng khoán)	[12]	0
b	Chi phí lưu ký chứng khoán, phí giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán	[13]	0
c	Phí niêm yết và đăng ký chứng khoán (đối với công ty phát hành chứng khoán niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán)	[14]	0
d	Chi phí liên quan đến việc quản lý quỹ đầu tư, danh mục đầu tư	[15]	0
e	Chi phí huy động vốn cho quỹ đầu tư	[16]	0
f	Chi trả lãi tiền vay	[17]	0
g	Chi phí thù lao cho hội đồng quản trị	[18]	0

- Các chỉ tiêu cần phải nhập

+ Chỉ tiêu [02], [03], [04], [05],[06], [07], [08], [09], [10], [12], [13], [14], [15],[16], [17], [18], [19], [20], [21], [23], [25], [26]: NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
+ Chỉ tiêu [22]: NNT tự nhập kiểu số, cho phép nhập âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số

- Các công thức tính toán
  + Chỉ tiêu [01] = [02]+[03]+[04]+[05]+[06]+[07]+[08]+[09]+[10]
  + Chỉ tiêu [11]= [12]+[13]+.....+[22]+[23]
  + Chỉ tiêu [24]= [01]-[11], có thể âm
  + Chỉ tiêu [27]=[25]-[26], có thể âm
  + Chỉ tiêu [28]=[24]+[27], có thể âm
- Các chỉ tiêu kiểm tra logic bắt buộc đúng
  + Chỉ tiêu [28] được tổng hợp để đối chiếu với chỉ tiêu A1 của tờ khai

Phụ lục 03–2A/TNDN



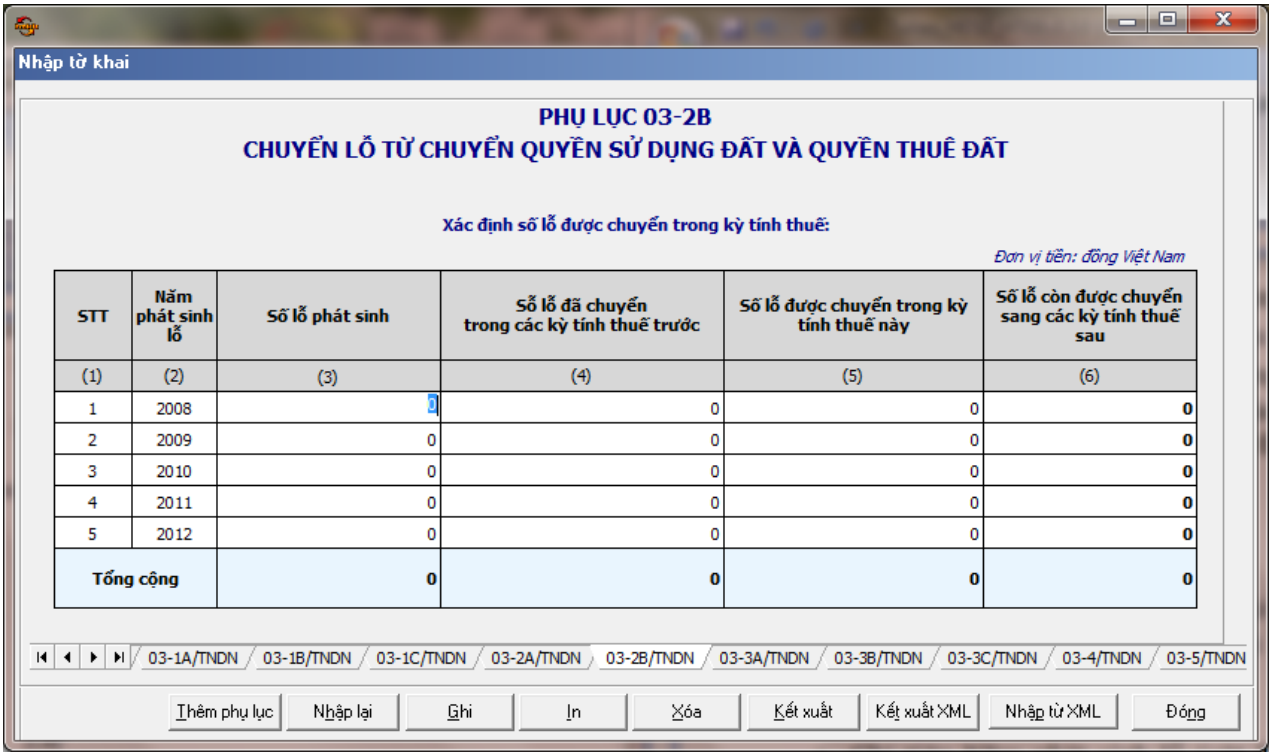
+ Giá trị năm phát sinh lỗ (cột 2) phải nhỏ hơn năm quyết toán thuế TNDN. Nếu không sẽ có thông báo "Năm phát sinh lỗ phải nhỏ hơn năm quyết toán thuế TNDN."

- Các chỉ tiêu cần phải nhập
  + Chỉ tiêu Năm phát sinh lỗ (cột 2): Ứng dụng hỗ trợ tự động sinh ra 5 dòng tướng ứng với 5 năm trước năm của kỳ quyết toán.
  + Chỉ tiêu Số lỗ phát sinh (cột 3): cho phép NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước (cột 4): cho phép NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0
+ Chỉ tiêu Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này (cột 5): cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

- Các công thức tính toán: Ứng dụng hỗ trợ tính toán theo công thức:
  + Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau:cột (6) = cột(3) - cột(4) - cột(5)
  + Dòng tổng cộng được tính bằng tổng các dòng trong cột tương ứng của cột (3), (4), (5) và cột (6).
- Các chỉ tiêu kiểm tra logic bắt buộc đúng
  + Số lỗ phát sinh (cột 3) >= ("Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước (cột 4)" + "Số lỗ chuyển trong kỳ tính thuế này (cột 5)"), nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng và vẫn cho in
  + Tổng cột (5) được đưa lên chỉ tiêu [C3] của tờ khai 03/TNDN.
  + Kiểm tra nếu (Tổng cột (5) + Tổng cột (6)) >= ([C1] – [C2]) và C3 < C1 –C2 thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ tại chỉ tiêu Tổng cột (6) "Không được chuyển lỗ sang các kỳ tính thuế sau khi còn phát sinh thu nhập tính thuế trong kỳ này [C4]"

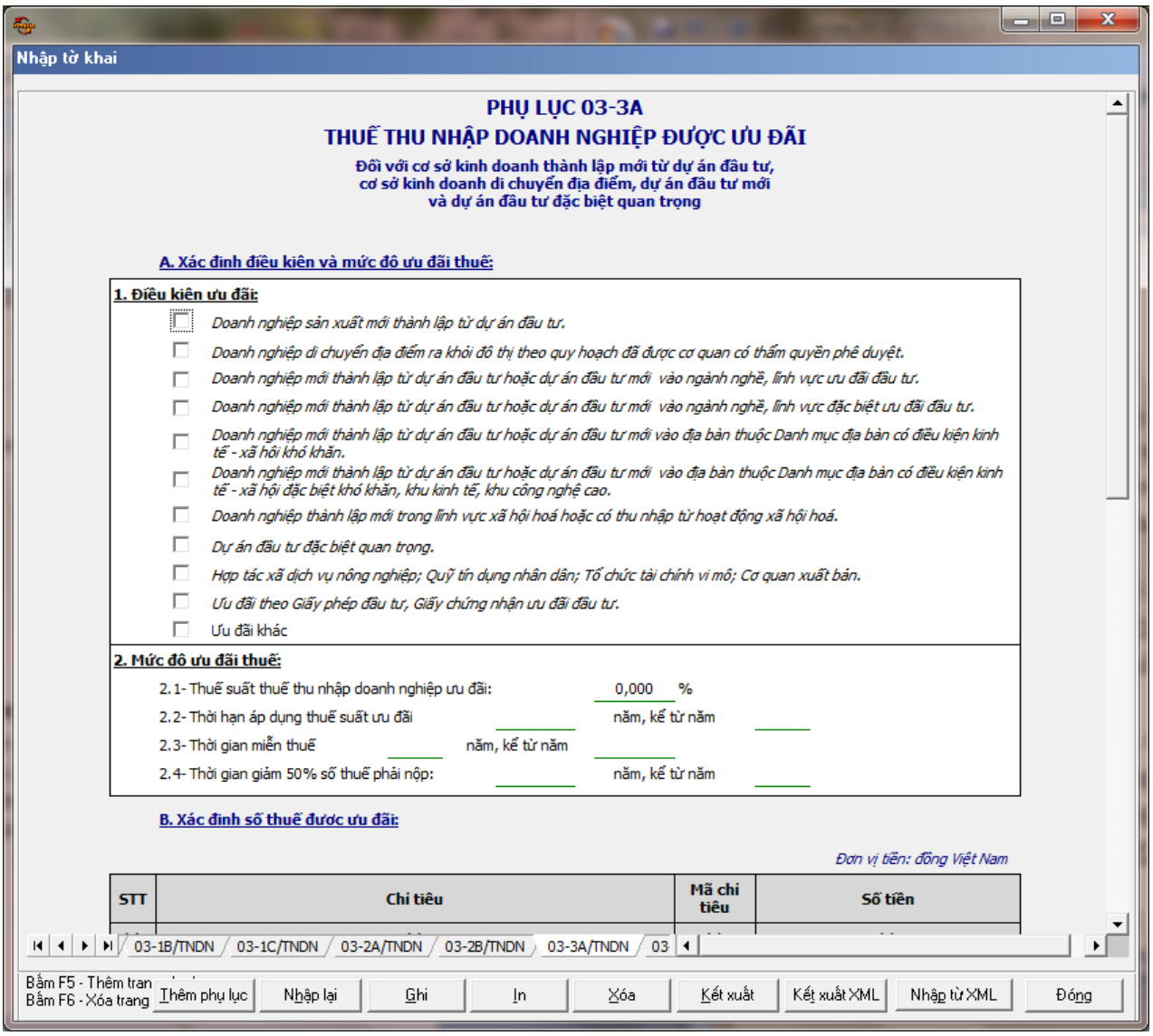
Phụ lục 03–2B/TNDN



+ Giá trị năm phát sinh lỗ (cột 2) phải nhỏ hơn năm quyết toán thuế TNDN. Nếu không sẽ có thông báo "Năm phát sinh lỗ phải nhỏ hơn năm quyết toán thuế TNDN."

- Các chỉ tiêu cần phải nhập
    + Chỉ tiêu Năm phát sinh lỗ (cột 2): Ứng dụng hỗ trợ tự động sinh ra 5 dòng tướng ứng với 5 năm trước năm của kỳ quyết toán.
    + Chỉ tiêu Số lỗ phát sinh (cột 3): cho phép NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0
    + Chỉ tiêu Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước (cột 4): cho phép NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0
    + Chỉ tiêu Số lỗ được chuyển trong kỳ tính thuế này (cột 5): cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Các công thức tính toán: Ứng dụng hỗ trợ tính toán theo công thức:
    + Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau: cột (6) = cột(3) - cột(4) - cột(5)
    + Dòng tổng cộng được tính bằng tổng các dòng trong cột tương ứng của cột (3), (4), (5) và cột (6).
- Các chỉ tiêu kiểm tra logic bắt buộc đúng
    + Số lỗ phát sinh (cột 3) >= (“Số lỗ đã chuyển trong các kỳ tính thuế trước (cột 4)” + “Số lỗ chuyển trong kỳ tính thuế này (cột 5)”), nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng và vẫn cho in
    + Tổng cột (5) được đưa lên chỉ tiêu [C3] của tờ khai 03/TNDN.
    + Kiểm tra nếu (Tổng cột (5) + Tổng cột (6)) >= ([C1] – [C2]) và C3 < C1 –C2 thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ tại chỉ tiêu Tổng cột (6) “Không được chuyển lỗ sang các kỳ tính thuế sau khi còn phát sinh thu nhập tính thuế trong kỳ này [C4]”

Phụ lục 03–3A/TNDN:



- Các chỉ tiêu cần phải nhập

Mục A: Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

+ Chỉ tiêu Điều kiện ưu đãi (1): NNT chọn trong danh sách điều kiện có sẵn bằng cách tích vào checkbox.
+ Chỉ tiêu Thuế suất thu nhập doanh nghiệp ưu đãi (2.1): NNT tự nhập dạng xx, xxx%
+ Chỉ tiêu Thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi (2.2): NNT tự nhập
+ Chỉ tiêu Thời gian miễn thuế (2.3): NNT tự nhập
+ Chỉ tiêu Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp (2.4): NNT tự nhập

Mục B: Xác định số thuế ưu đãi:

+ Chỉ tiêu [1], [3], [5]: NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0
+ Chỉ tiêu [6]: NNT tự nhập, dạng xx,xxx%

+ Chỉ tiêu [8]: NNT tự nhập, dạng xx,xxx%

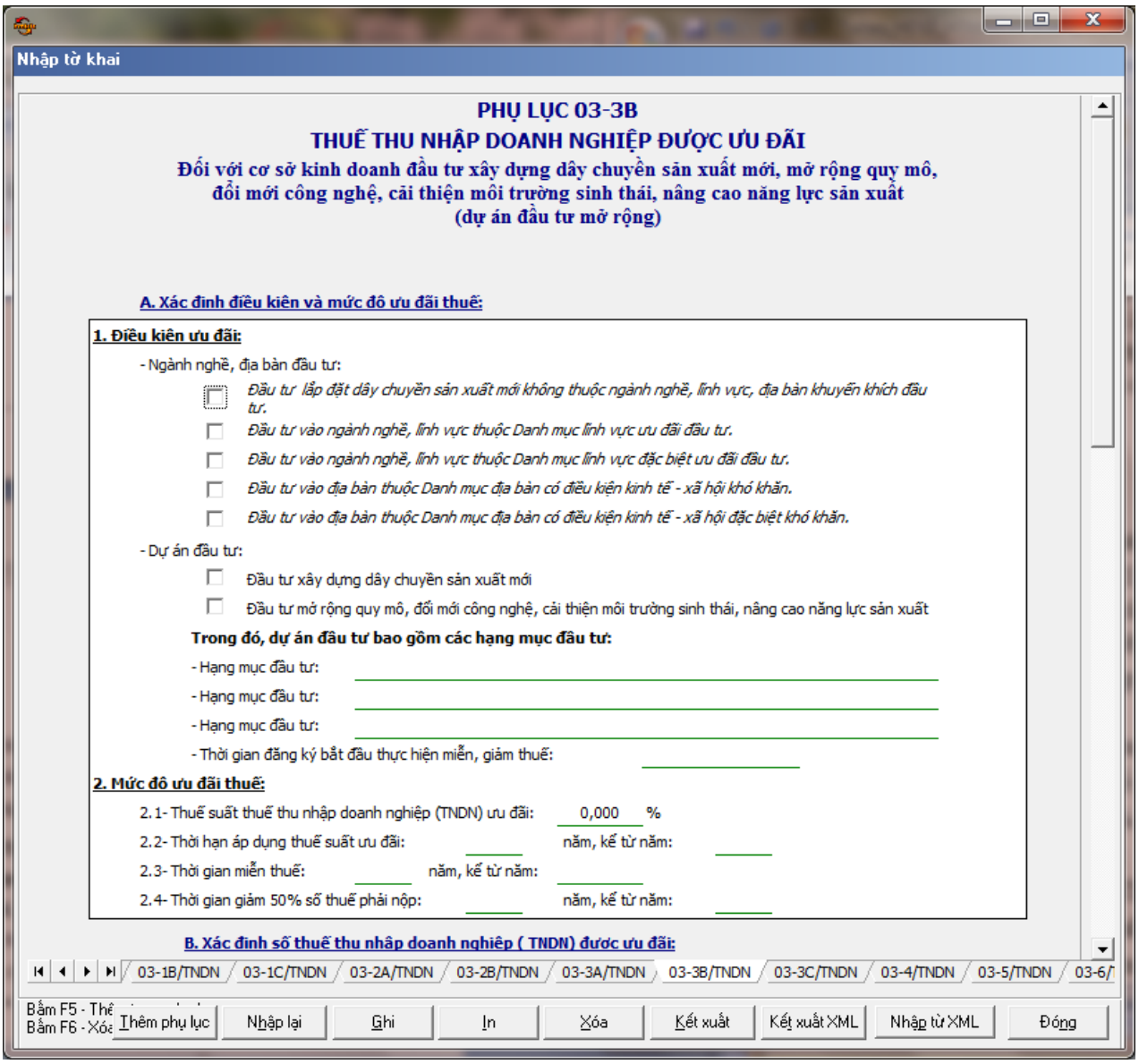
- Các chỉ tiêu tự tính: Ứng dụng hỗ trợ tính toán theo công thức:

  Mục B:

  + Chỉ tiêu [2] = 2.1 * chỉ tiêu [1]
  + Chỉ tiêu [4] = chỉ tiêu [3] – chỉ tiêu [2]
  + Chỉ tiêu [7]:
    - Nếu không nhập chỉ tiêu [5], [6] thì cho phép nhập chỉ tiêu [7] dạng số không âm, tối đa 20 chữ số
    - Nếu nhập chỉ tiêu [5], [6] thì chỉ tiêu [7] = chỉ tiêu [5] * chỉ tiêu [6], cho phép sửa. Nếu sửa khác thì không cảnh báo gì cả
  + Chỉ tiêu [9] = chỉ tiêu [7] * chỉ tiêu [8]

- Ràng buộc
  + Chỉ tiêu [4] được tổng hợp lên chỉ tiêu [C11] của tờ khai 03/TNDN
  + Chỉ tiêu [9] được tổng hợp lên chỉ tiêu [C12] của tờ khai 03/TNDN
  + Cho phép nhập nhiều phụ lục. Bấm F5 để thêm phụ lục mới và F6 để xoá phụ lục
- **Lưu ý:** Đối với NNT thuộc diện được miễn giảm 30% thuế TNDN theo Thông tư 154/2011/TT-BTC khi thực hiện quyết toán thuế năm 2011 thì kê khai số thuế được miễn giảm vào phụ lục 03-3A/TNDN trong đó Điều kiện ưu đãi: Chọn loại Ưu đãi khác. Trường hợp NNT được hưởng nhiều loại ưu đãi có thuế suất khác nhau thì mỗi loại ưu đãi kê khai trên 1 phụ lục 03-3A/TNDN (Ấn F5 tại phụ lục 03-3A/TNDN để thêm trang phụ lục). Ứng dụng sẽ hỗ trợ tổng hợp số thuế được miễn giảm trên tất cả các phụ lục 03-3A/TNDN lên tờ khai.

Phụ lục 03-3B/TNDN



- Các chỉ tiêu cần phải nhập

Mục A: Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

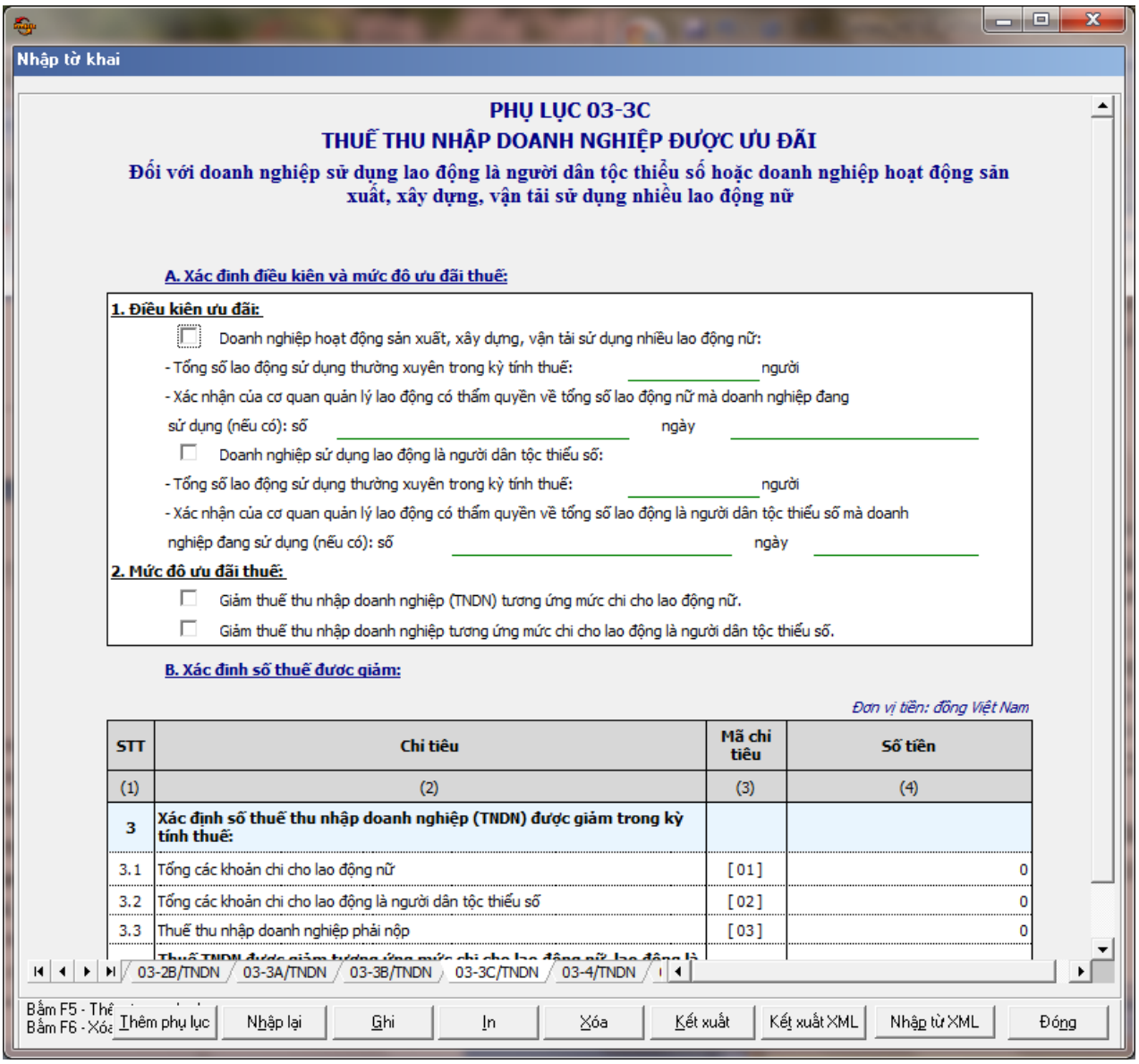
+ Chỉ tiêu Điều kiện ưu đãi (1): NNT chọn trong danh sách điều kiện có sẵn bằng cách tích vào checkbox và nhập các hạng mục đầu tư và Thời gian đăng ký bắt đầu thực hiện miễn giảm thuế
+ Chỉ tiêu Thuế suất thu nhập doanh nghiệp ưu đãi (2.1): NNT tự nhập dạng xx,xxx%
+ Chỉ tiêu Thời hạn áp dụng thuế suất ưu đãi (2.2): NNT tự nhập
+ Chỉ tiêu Thời gian miễn thuế (2.3): NNT tự nhập
+ Chỉ tiêu Thời gian giảm 50% số thuế phải nộp (2.4): NNT tự nhập

Mục B: Xác định số thuế ưu đãi:

+ Chỉ tiêu [01], [02], [03], [05]: NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
+ Chỉ tiêu [08], [10]: NNT tự nhập, dạng xx,xxx%

- Các chỉ tiêu tự tính: Ứng dụng hỗ trợ tính toán theo công thức
  + Chỉ tiêu [04]= chỉ tiêu [02] / [01] * [03], cho phép sửa
  + Chỉ tiêu [06] = 2.1 * chỉ tiêu [04]
  + Chỉ tiêu [07] = chỉ tiêu [05] – [06], có thể âm
  + Chỉ tiêu [09] = chỉ tiêu [04] * [08]
  + Chỉ tiêu [11] = chỉ tiêu [09] * chỉ tiêu [10]
- Ràng buộc:
  + Chỉ tiêu [07] được tổng hợp đưa lên chỉ tiêu [C11] trên tờ khai 03/TNDN
  + Chỉ tiêu [11] được tổng hợp lên chỉ tiêu [C12] trên tờ khai 03/TNDN
  + Cho phép nhập nhiều phụ lục. Bấm F5 để thêm phụ lục mới và F6 để xoá phụ lục

Phụ lục 03-3C/TNDN



- Các chỉ tiêu cần phải nhập

Mục A: Xác định điều kiện và mức độ ưu đãi thuế:

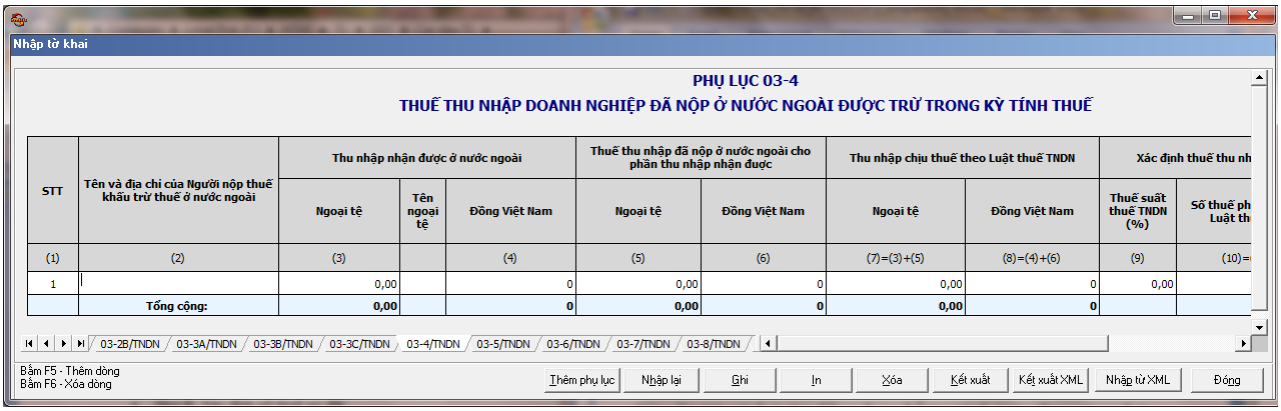
+ Chỉ tiêu Điều kiện ưu đãi (1): NNT chọn trong danh sách điều kiện có sẵn bằng cách tích vào checkbox;
+ Chỉ tiêu Điều kiện ưu đãi (1): NNT tự nhập các chỉ tiêu con sau: Tổng số lao động sử dụng thường xuyên trong kỳ tính thuế; Xác nhân của cơ quan quản lý lao động có thẩm quyền về tổng số lao động nữ mà doanh nghiệp đang sử dụng (nếu có)
+ Chỉ tiêu Mức độ ưu đãi (2): NNT chọn trong danh sách có sẵn bằng cách tích vào checkbox.

Mục B: Xác định số thuế ưu đãi:

+ Chỉ tiêu [01], [02], [03], [04]: NNT tự nhập, dạng số, không âm mặc định là 0

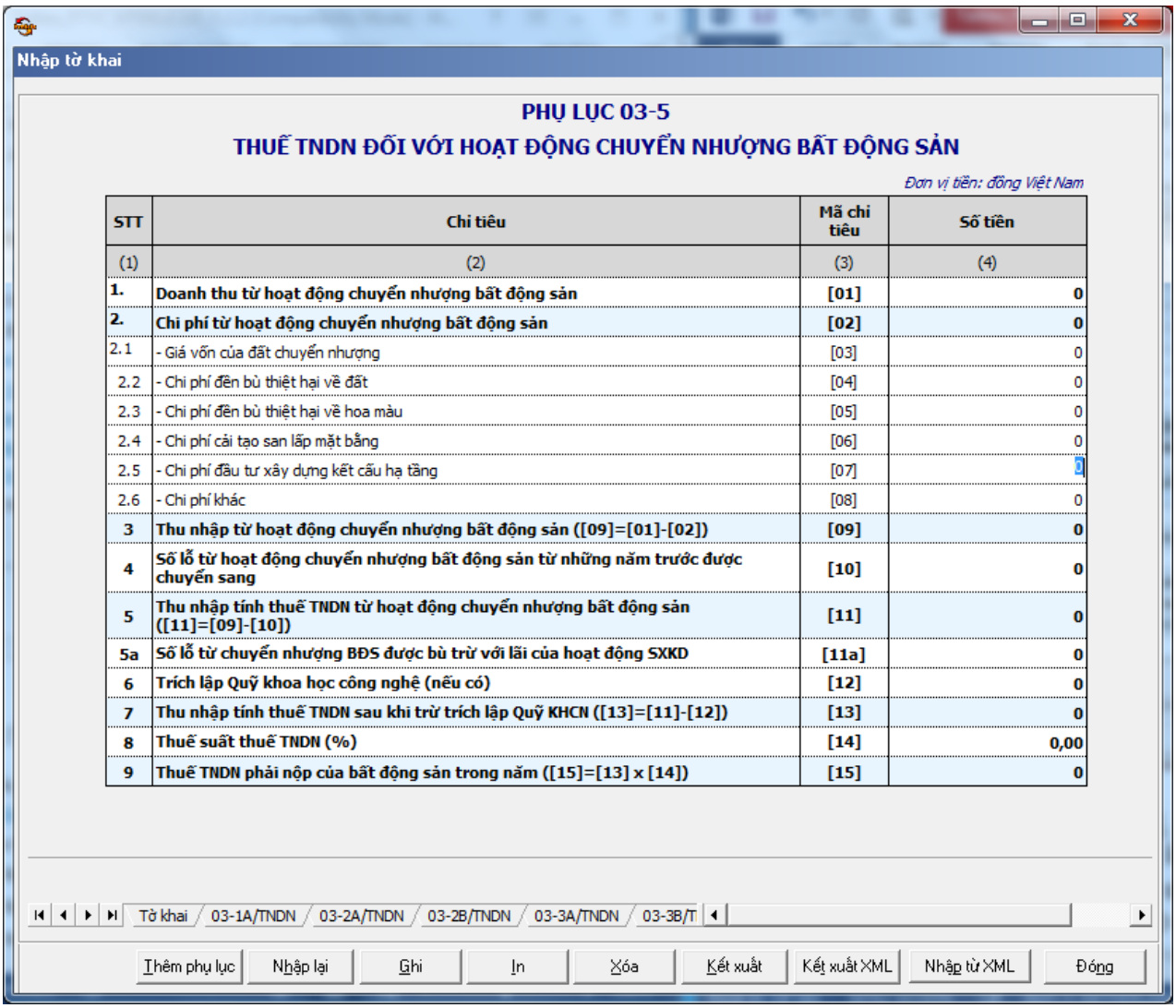
- Ràng buộc:
  + Chỉ tiêu [04] (thuế TNDN được giảm tương ứng mức chi cho lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số):
    - Nhập [04] <= chỉ tiêu [03]
    - Tổng hợp lên chỉ tiêu [C12] trên tờ khai 03/TNDN

Phụ lục 03-4/TNDN



- Các chỉ tiêu cần phải nhập:
  + Cột (2): NNT tự nhập,dạng text, độ dài tối đa 300 ký tự
  + Cột (3), cột (5): NNT tự nhập theo dạng xx,xxxx
  + Cột (4), cột (6), cột (11): NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
  + Chỉ tiêu cột (9): NNT tự nhập theo dạng xx,xxx%
- Các chỉ tiêu tính toán: Ứng dụng hỗ trợ tính toán theo công thức:
  + Cột (7) = cột(3) + cột (5), làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
  + Cột (8) = cột(4) + cột (6)
  + Cột (10) = cột(8) * cột (9)
  + Dòng tổng cộng được tính bằng tổng các dòng trong cột tương ứng
- Ràng buộc:
  + Chỉ tiêu cột (6): UD hỗ trợ tổng hợp dòng tổng cột (6) lên chỉ tiêu [B5] trên tờ khai 03/TNDN
  + Chỉ tiêu cột (11) (Số thuế đã nộp ở nước ngoài được khấu trừ):
    - Nhập (11) <= chỉ tiêu cột (10) và cột (6)
    - Tổng hợp lên chỉ tiêu [C15] trên tờ khai 03/TNDN

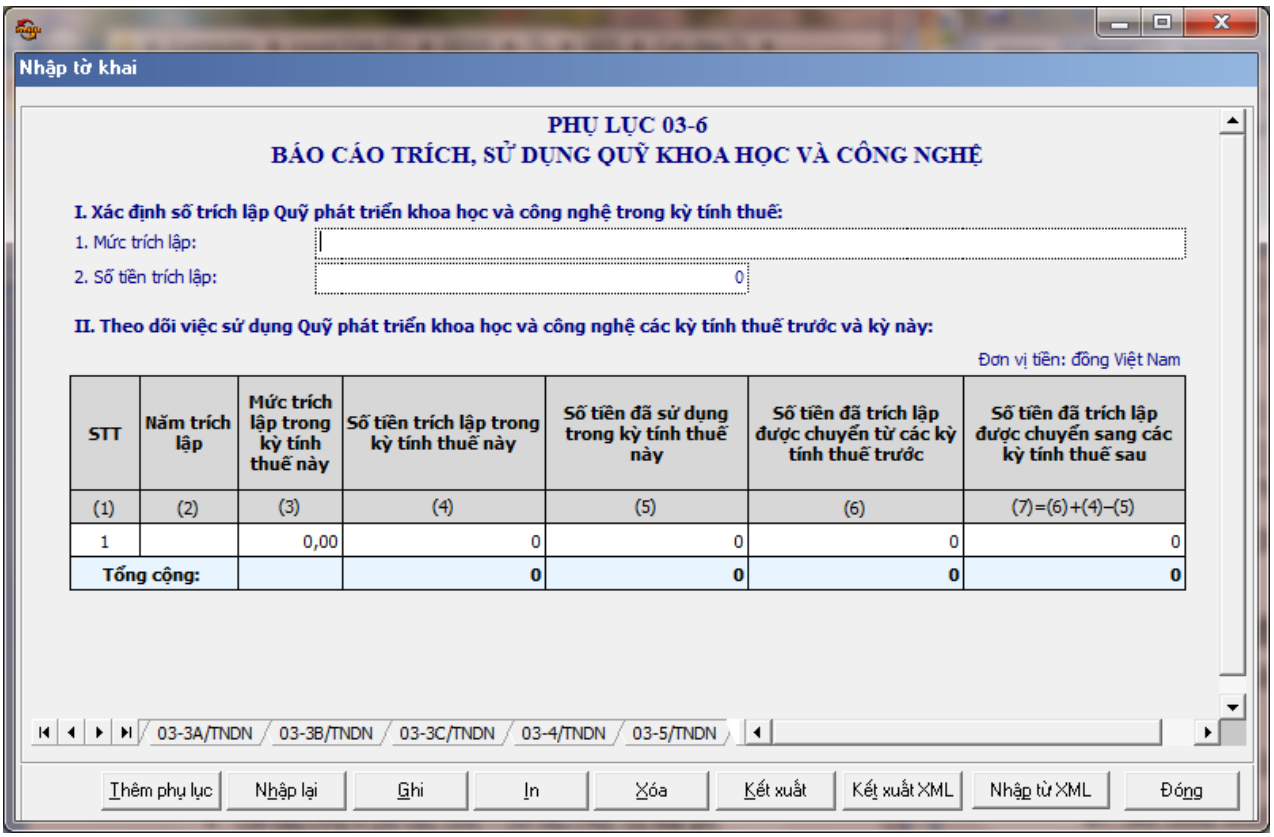
Phụ lục 03-5/TNDN



- Các chỉ tiêu cần phải nhập:
  - + Các chỉ tiêu [01], [03], [04], [05], [06], [07]: cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
  - + Chỉ tiêu [08]: Cho phép NSD nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0
  - + Chỉ tiêu [10]: cho phép NSD tự nhập dạng số không âm, tối đa 15 chữ số, Nếu [09] > 0 thì kiểm tra chỉ tiêu [10] < = tổng cột (5) trên phụ lục 03-2B/TNDN, nếu [09] < 0 thì [10] = 0
  - + Chỉ tiêu [11a]: Nếu chỉ tiêu [11] < 0 thì cho phép nhập [11a] dạng số dương. Nếu[11] > 0 thì khóa không cho nhập [11a]
  - + Chỉ tiêu [12]: cho phép NSD tự nhập, cho phép nhập số âm, tối đa 15 chữ số. Nếu [11] >= 0 thì kiểm tra chỉ tiêu [12] < = chỉ tiêu [11] * 10%, nếu [11] <0 thì khóa không cho nhập [12]
- Các chỉ tiêu tự tính: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức:
  - + Chỉ tiêu [02] = [03] + [04] + [05] + [06] + [07] + [08]

+ Chỉ tiêu [09] = chỉ tiêu [01] – chỉ tiêu [02], có thể âm
+ Chỉ tiêu [11] = chỉ tiêu [09] – chỉ tiêu [10], có thể âm
+ Chỉ tiêu [13] = chỉ tiêu [11] – chỉ tiêu [12], có thể âm
+ Chỉ tiêu [15] = chỉ tiêu [13] * chỉ tiêu [14], cho phép sửa

Phụ lục 03-6/TNDN



- Chọn kỳ tính thuế:
  + Hết hiệu lực kê khai của tờ Phụ lục 03-6/TNDN từ tháng 07/2016 trở đi.
- Các chỉ tiêu cần phải nhập:

I. Xác định số trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ trong kỳ tính thuế:

1. Mức trích lập : tự nhập dạng text
2. Số tiền trích lập: tự nhập dạng số, không âm

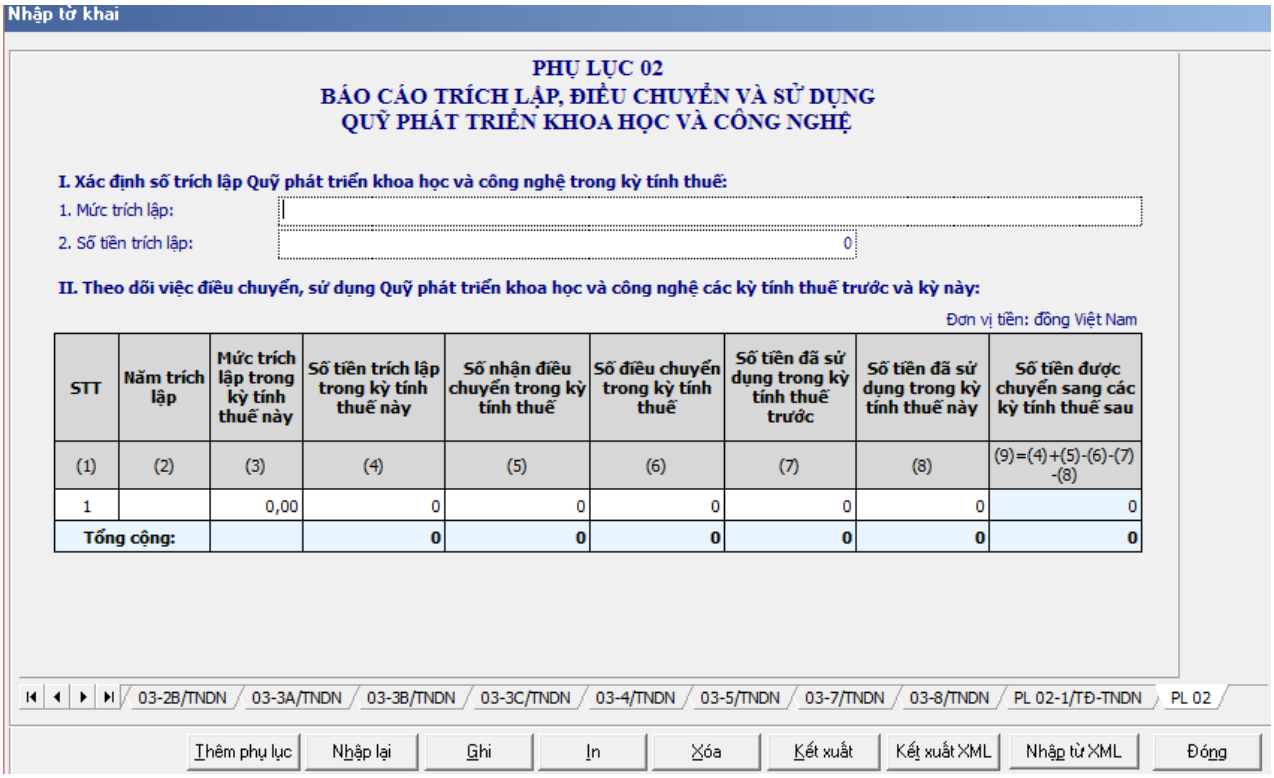
II. Theo dõi việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ các kỳ tính thuế trước và kỳ này:

+ Cột [1]: UD tự tăng giảm dòng
+ Cột [2]: NNT tự nhập dạng YYYY
+ Cột [3]: NNT tự nhập theo dạng xx,xx%

+ Các cột [4], [5], [6]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số

- Các chỉ tiêu tự tính: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức:
  + Cột [7] = [6] + [4] - [5], nếu kết quả âm thì [7] = 0
  + Dòng tổng cộng các cột (3), (4), (5), (6), (7) = tổng các cột tương ứng, không sửa
- Ràng buộc
  + Cột (3): ktra ràng buộc dòng tổng cột (3) không được quá 100%, nếu khác thì cảnh báo đỏ.
  + Cột [4]: Tổng hợp dòng tổng cột [4] lên chỉ tiêu [C5] trên tờ khai 03/TNDN

Phụ lục 02: Báo cáo trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ (ban hành theo Dự thảo thông tư liên tịch về thuế TNDN giữa Bộ KHCN và BTC)

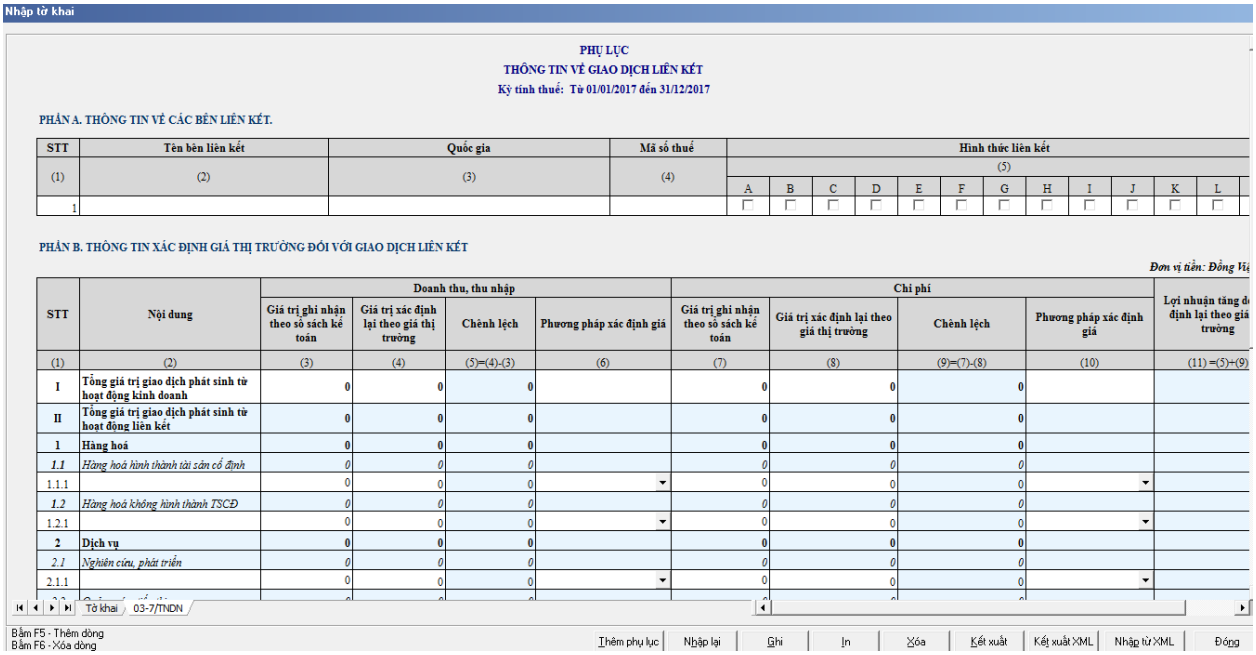


- Chọn kỳ tính thuế
  + Kỳ tính thuế: Mặc định tự hiển thị theo kỳ tính thuế của tờ quyết toán năm 03/TNDN
  + Hiệu lực mẫu biểu PL 02 được kê khai từ tháng 07/2016 trở đi.
- Nhập thông tin chi tiết:
  + Phần I: NSD tự nhập các chỉ tiêu :
    - 1. Mức trích lập: Kiểu text, tối đa 300 ký tự
    - 2. Số tiền trích lập: NSD tự nhập dạng số, không âm

+ Phần II: NSD tự nhập các chỉ tiêu :
  - Cột (1) UD tự động tăng giảm dòng
  - Cột (2): NSD tự nhập dạng YYYY
  - Cột (3): NSD tự nhập dạng xx,xx%
  - Cột (4), (5), (6), (7), (8): NSD tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
  - Cột (9) = (4) + (5) – (6) – (7) – (8), nếu kết quả âm thì set =0
  - Dòng tổng các cột = Tổng các dòng của các cột (3), (4), (5), (6), (7), (8), (9)
+ *Ràng buộc*
  - Cột (3): ktra ràng buộc dòng tổng cột (3) không được quá 100%, nếu khác thì cảnh báo đỏ.
  - Cột (4): Tổng hợp dòng tổng cột (4) lên chỉ tiêu [C5] trên tờ khai 03/TNDN

Phụ lục 03-7/TNDN

- NNT được phép kê khai phụ lục này tại tờ khai lần đầu cho các kỳ tính thuế ≤ 2016). Từ kỳ tính thuế 2017 trở đi, phụ lục 03-7/TNDN được thay thế bằng 4 phụ lục giao dịch liên kết: GDLK 01, GDLK 02, GDLK 03, GDLK 04



- Các chỉ tiêu cần nhập:

Phần A:

+ Cột (1) – STT: NNT tự tăng giảm dòng
+ Cột (2), (3): NNT tự nhập dạng text
+ Cột (4): NNT tự nhập tối đa 14 ký tự, không kiểm tra cấu trúc MST

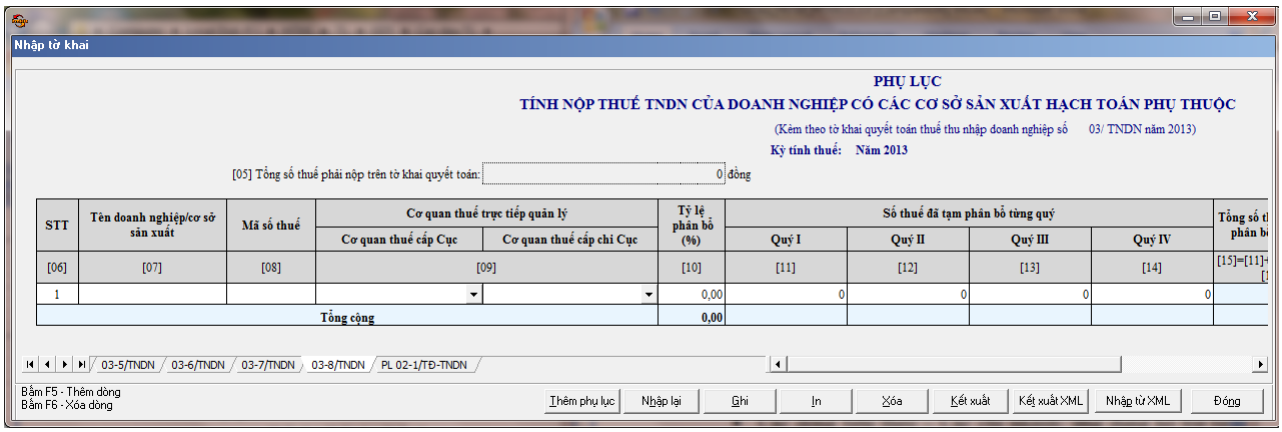
+ Cột (5): Bắt buộc NNT đánh dấu "x" vào 1 trong các ô hình thức liên kết A,B...

Phần B:

+ Đơn vị tiền: cho phép NNT tự nhập dạng text
+ Cột (1) – STT: UD hỗ trợ tự tăng dạng 1.1.1, 1.1.2,.....
+ Cột (2): NNT tự nhập các phần tương ứng với cột STT
+ Cột (3), (4), (7), (8): NNT tự nhập dạng số không âm, mặc định là 0
+ Cột (5) = cột (4) - cột (3), nếu kết quả âm thì UD đưa ra cảnh báo đỏ "Giá trị doanh thu, thu nhập ghi nhận theo giá thị trường không được nhỏ hơn Giá trị xác định lại theo sổ sách kế toán"
+ Cột (9) = cột (7) - cột (8), nếu kết quả âm thì UD đưa ra cảnh báo đỏ "Giá trị chi phí ghi nhận theo sổ sách kế toán không được nhỏ hơn Giá trị xác định lại theo giá thị trường"
+ Cột (6), (10): NNT chọn trong hộp chọn gồm các phương pháp sau:
    - PP1: Phương pháp So sánh giá giao dịch độc lập
    - PP2: Phương pháp Giá bán lại
    - PP3: Phương pháp Giá vốn cộng lãi
    - PP4: Phương pháp So sánh lợi nhuận
    - PP5: Phương pháp tách lợi nhuận
    - PP6: Phương pháp khác
+ Cột (11) = cột (5) + cột (9)
+ Hỗ trợ tính Tổng dòng cha bằng tổng các dòng con tại cột (3),(4),(5),(7), (8), (9), (11):
    - Phần II = Phần 1 + Phần 2
    - Phần 1 = 1.1 + 1.2
    - Phần 1.1 = 1.1.1 + 1.1.2 + ….
    - Phần 2 = 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5
    - Phần 2.1 = 2.1.1 + 2.1.2 + ….
    - ……

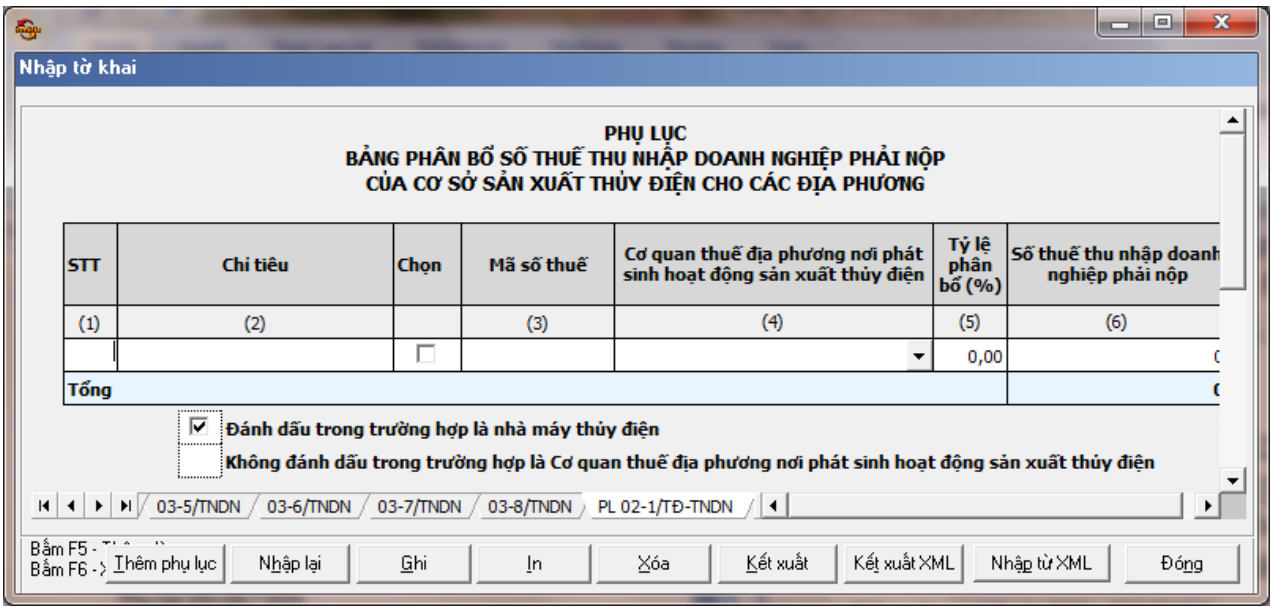
Chú ý: Nếu NSD không nhập các dòng chi tiết thì UD hỗ trợ cho phép nhập các dòng cha dưới dạng số không âm. Nếu NSD nhập các dòng chi tiết thì UD hỗ trợ tính tổng các dòng cha.

Phụ lục 03-8/TNDN



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [05] Tổng số thuế phải nộp trên tờ khai quyết toán: lấy từ chỉ tiêu [D1] của tờ khai 03/TNDN sang
  - + Chỉ tiêu [06] – Số TT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
  - + Chỉ tiêu [07] Tên doanh nghiệp/cơ sở sản xuất: Nhập kiểu text, tối đa 300 ký tự
  - + Chỉ tiêu [08]: Mã số thuế: tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
  - + Chỉ tiêu [09]: Cơ quan thuế trực tiếp quản lý: UD hỗ trợ tách 2 cột để NSD chọn trong danh mục cơ quan thuế cấp Cục và cơ quan thuế cấp Chi cục. Nếu là Cục thuế quản lý thì cột Chi cục để trống.
  - + Chỉ tiêu [10] – Tỷ lệ phân bổ: cho phép nhập dạng xx,xx%, kiểm tra tổng các dòng phải bằng 100%, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%".
  - + Chỉ tiêu [11], [12], [13], [14]: NNT tự nhập dạng số không âm, mặc định là 0
- Các chỉ tiêu tính toán
  - + Chỉ tiêu [15] = [11] + [12] + [13] + [14], không cho phép sửa
  - + Chỉ tiêu [16] = chỉ tiêu [5] * các dòng chỉ tiêu [10] tương ứng. Kiểm tra dòng tổng cột (16) phải bằng chỉ tiêu [5], nếu khác thì cảnh báo đỏ.
  - + Cột [17] = [16] - [15], không cho phép sửa.

Phụ lục 02-1/TĐ-TNDN



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + STT: cho phép NSD nhập kiểu text , tối đa 10 ký tự
  - + Chỉ tiêu: Tự nhập kiểu text, độ dài tối đa 200 ký tự
  - + Cột "Chọn": Nếu là Nhà máy thủy điện thì đánh dấu vào ô chọn, còn nếu là Địa phương phân bổ thì để trống và Nếu là nhà máy thủy điện thì Khóa tại cột Cơ quan thuế quản lý, Tỷ lệ phân bổ (%), Số thuế giá trị gia tăng phải nộp.
  - + Mã số thuế: Nhập tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
  - + CQT địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện: UD hỗ trợ chọn cột Cơ quan thuế quản lý cấp Cục trong danh mục.
  - + Tỷ lệ phân bổ (%): cho phép NSD tự nhập dạng xx,xx.
  - + Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp: Nhập kiểu số không âm, mặc định là 0. Kiểm tra: Trên cùng 1 dòng dữ liệu các cột thì bắt buộc nhập cột "Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp", nếu khác thì cảnh báo đỏ.
  - + Dòng Tổng cộng cột "Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp": Cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm.

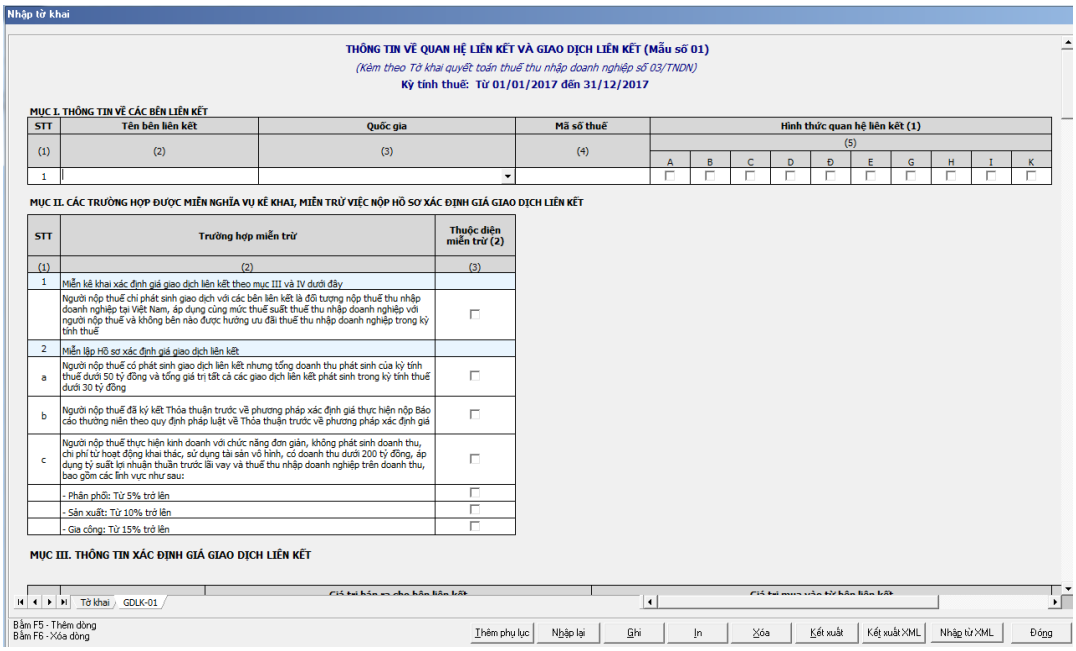
Phụ lục GDLK 01: Thông tin và quan hệ liên kết và giao dịch liên kết

- Ứng dụng hiển thị phụ lục này cho NNT kê khai từ kỳ tính thuế 2017.

MỤC I. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN KẾT

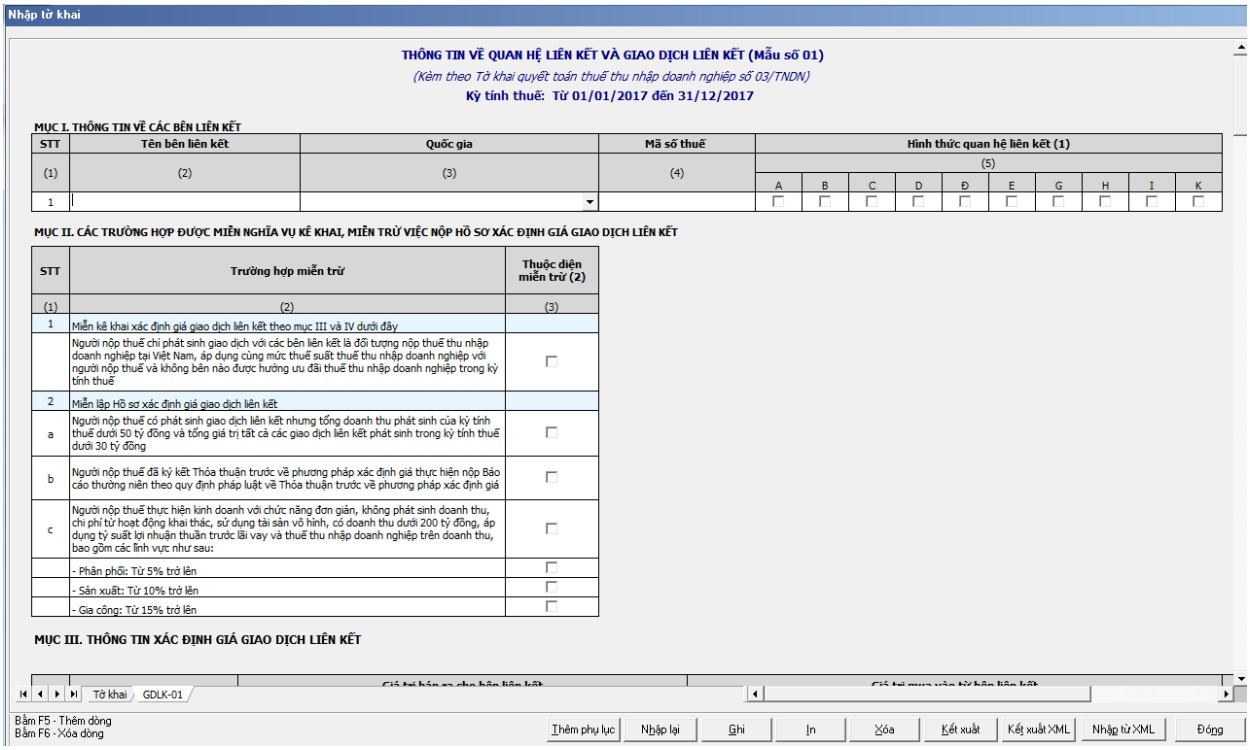
- + Chỉ tiêu (1) – STT: UD hỗ trợ tự tăng khi thêm dòng
- + Chỉ tiêu (2) – Tên bên liên kết: Bắt buộc nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự
- + Chỉ tiêu (3) – Quốc gia: Bắt buộc nhập, chọn trong danh mục quốc gia.

+ Chỉ tiêu (4) – Mã số thuế: bắt buộc nhập
  Nếu là VN: Kiểm tra cấu trúc mã số thuế
  Khác VN: không kiểm tra cấu trúc m ã số thuế(cho nhập tối đa 200 ký tự)
+ Chỉ tiêu (5) – Hình thức quan hệ liên kết: (A,B,C,D,Đ,E,G,H,I,K): cho phép NNT tích chọn, chỉ bắt buộc chọn ít nhất 1 loại hình thức quan hệ liên kết và cho phép tích chọn nhiều loại hình thức.



MỤC II. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN NGHĨA VỤ KÊ KHAI, MIỄN TRỪ VIỆC NỘP HỒ SƠ XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

- Có thể bỏ qua không tích chọn trường hợp miễn trừ nào, nếu chọn chỉ được chọn 1a hoặc 2a hoặc 2b hoặc 2c. Trường hợp chọn 2c thì bắt buộc phải chọn ít nhất 1 trong 3 loại, được phép tích chọn nhiều loại:
  + Phân phối: Từ 5% trở lên
  + Sản xuất: Từ 10% trở lên
  + Gia công: Từ 15% trở lên



MỤC III. THÔNG TIN XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

- Nếu 1 được tích chọn thì không phải kê khai mục III, IV
- Nếu 2a hoặc 2c ở mục II được check chọn thì kê khai mục III như sau:
  + Cột (3), (7): Các chỉ tiêu nhập >= 0, tối đa 15 ký tự
    - Ngoại trừ các chỉ tiêu tự động tính:
    - II = 1 + 2
    - 1 = 1.1 + 1.2
    - 1.1 = a+b+…
    - 1.2 = a+b+…
    - 2 = 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5
    - 2.1 = a+b+…
    - 2.2 = a+b+…
    - 2.3 = a+b+…
    - 2.4 = 2.4.1 + 2.4.2
    - 2.4.1 = a+b+…
    - 2.4.2 = a+b+…
    - 2.5 = a+b+…
  + Cột (12): Bắt buộc nhập tối thiểu 1 trong 4 cột, tách thành 4 cột: 12a - Tổng giá trị thu hộ, 12b - Tổng giá trị chi hộ, 12c - Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú, 12d = Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú
    - Riêng chỉ tiêu "Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động

kinh doanh": khóa không cho kê khai

- Các chỉ tiêu con: Nhập >=0, 15 ký tự
- Các chỉ tiêu hỗ trợ công thức theo hàng dọc vẫn hỗ trợ:
  - II = 1 + 2
  - 1 = 1.1 + 1.2
  - 1.1 = a+b+…
  - 1.2 = a+b+…
  - 2 = 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5
  - 2.1 = a+b+…
  - 2.2 = a+b+…
  - 2.3 = a+b+…
  - 2.4 = 2.4.1 + 2.4.2
  - 2.4.1 = a+b+…
  - 2.4.2 = a+b+…
  - 2.5 = a+b+…

+ Cột (4), (5), (6), (8), (9), (10) và (11) (13): Khoá, không cho kê khai.

- Nếu 2a và 2c ở mục II không được check chọn thì nhập như bảng sau: (tương ứng với trường hợp chọn 2b hoặc ko chọn thuộc trường hợp miễn trừ):

+ Cột (2) của tiểu mục: cho nhập text tên tiểu mục, tối đa 200 ký tự, UD cho phép thêm nhiều dòng
+ Cột (1) của các tiểu mục: … ứng dụng tự tăng theo (a,b,c,d,đ,e,g,h,I,k,l,m,n,o,p,q,r,s,t,u,v,x,y)
+ Dòng: "I - Tổng giá trị giao dịch phát sinh từ hoạt động kinh doanh":
  - Cột (3) (7): nhập >= 0, tối đa 15 ký tự
  - Cột (4), (5), (6), (8), (9), (10), (11), (12) và (13): Khóa không cho kê khai
+ Dòng II và các chỉ tiêu con của II:
  - Cột (3) (4) (7) (8) : nhập >= 0, tối đa 15 ký tự, ngoài trừ các chỉ tiêu tự động tính tổng:

    II = 1 + 2

    1 = 1.1 + 1.2

    1.1 = a+b+...

    1.2 = a+b+...

    2 = 2.1 + 2.2 + 2.3 + 2.4 + 2.5

    2.1 = a+b+...

    2.2 = a+b+...

    2.3 = a+b+...

2.4 = 2.4.1 + 2.4.2

2.4.1 = a+b+...

2.4.2 = a+b+...

2.5 = a+b+...

- Cột (5): (5) =(4)-(3), không cho sửa, nếu cột (5) >= 0 thì ghi thành công, nếu cột (5) <0 thì cảnh báo đỏ "Cột 5 = cột (4) – cột (3) phải >= 0"
- Cột (9): (9)=(8)-(7), không cho sửa, nếu cột (9) <= 0 thì ghi thành công, nếu cột (9) > 0 thì cảnh báo đỏ "Cột 9 = cột (8) – cột (7) phải <= 0"
- Cột (11): (11) = trị tuyệt đối của cột (5)+ trị tuyệt đối của cột (9)
- Cột (6), Cột (10): Chọn trong danh mục, Chỉ chọn chọn danh mục ở các tiểu mục a,b …..

  - Cột (6) bắt buộc chọn nếu cột (3) >0, nếu không cảnh báo đỏ "Dữ liệu bắt buộc"
  - Cột (10) bắt buộc chọn nếu cột (7) > 0, nếu không cảnh báo đỏ "Dữ liệu bắt buộc"
  - Danh mục bao gồm:

+ P1.1: Phương pháp so sánh giá giao dịch liên kết với giá giao dịch độc lập (phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập).

+ P1.2: Phương pháp so sánh giá giao dịch độc lập của các sản phẩm được niêm yết giá công khai trên các sàn giao dịch hàng hóa, dịch vụ trong nước và quốc tế.

+ P2.1: Phương pháp Giá bán lại

+ P2.2: Phương pháp Giá vốn cộng lãi

+ P2.3: Phương pháp so sánh tỷ suất lợi nhuận thuần.

+ P3: Phương pháp phân bổ lợi nhuận giữa các bên liên kết.

+ Cột (12): Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự tại các dòng co, hỗ trợ tính công thức theo hàng dọc tại các chỉ mục cha như các cột (3), (4), (7), (8)Tách thành 4 cột: 12a - Tổng giá trị thu hộ, 12b - Tổng giá trị chi hộ, 12c - Tổng giá trị doanh thu phân bổ cho cơ sở thường trú, 12d = Tổng giá trị chi phí phân bổ cho cơ sở thường trú.
+ Cột (13): Dạng checkbox, chỉ hiển thị checkbox ở các tiểu mục a,b, … …..

MỤC IV. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH SAU KHI XÁC ĐỊNH GIÁ GIAO DỊCH LIÊN KẾT

- Nếu 1 tại Mục II được check chọn thì không phải kê khai mục III, IV
- Nếu check 2b tại Mục II thì bắt buộc chọn Có/ Không tại mục "Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)"
- Cột (6) đang bắt buộc nhập tại bảng 1 và bảng 3 khi tích chọn 2a tại Mục II → Chỉ kiểm tra đã nhập cột (6) tại một trong các bảng là được.

1. Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ

- **Nếu 2a ở mục II được check chọn thì:**
  + Dòng từ 1 đến 14:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
  + Cột (6): Nhập >=0, tối đa 15 ký tự, bắt buộc nhập một trong các dòng sau > 0 (dòng 1, 4, 6, 7, 9) có hỗ trợ công thức theo hàng dọc tại các dòng tổng:
    - Cột (3) = cột (1) – cột (2)
    - Cột (5) = cột (3) – cột (4)
    - Cột (11) = (5) – (6) – (7) + (8) – (9)
    - Cột (12) = (5) – (6) – (7)
    - Cột (13) = (11) + (9.1) + (10)
    - Cột (14) = (9.1)/(13)*100 (dạng x,xxx)
  + Dòng 15: Khoá, không cho kê khai
- **Nếu 2c ở mục II được check chọn thì:**
  + Dòng từ 1 đến 14:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
  + Cột (6): Nhập >= 0, tối đa 15 ký tự, bắt buộc nhập một trong các dòng sau > 0 (dòng 1, 4, 6, 7, 9) có hỗ trợ công thức theo hàng dọc tại các dòng tổng:
    - Cột (3) = cột (1) – cột (2)
    - Cột (5) = cột (3) – cột (4)
    - Cột (11) = (5) – (6) – (7) + (8) – (9)
    - Cột (12) = (5) – (6) – (7)
    - Cột (13) = (11) + (9.1) + (10)
    - Cột (14) = (9.1)/(13)*100 (dạng x,xxx)
  + Dòng 15, các tiểu mục con a,b ….:
    - Cột (2): Bắt buộc nhập

      Cột (2): cho phép nhập text và UD cho nhập text, tối đa 200 ký tự, UD cho phép thêm nhiều dòng

Cột (1): hiển thị các tiểu mục a,b … ứng dụng tự tăng theo (a,b,c,d,đ,e,g,h,I,k,l,m,n,o,p,q,r,s,t,u,v,x,y)

Cột 6: Nhập dạng x,xxx >= 0

- Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai

- **Nếu 2a và 2c ở mục II không được check chọn (chọn 2b hoặc không check chọn trường hợp miễn trừ nào thuộc Mục II) thì nhập theo bảng:**
  + Chỉ tiêu "Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)": dạng check box. Nếu chọn "Không" thì cột (4) khóa không cho nhập

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Công thức
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự, kiểm tra <= mục 1	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự, kiểm tra <= mục 1	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự, kiểm tra <= mục 1	Công thức

2	Các khoản giảm trừ doanh thu	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Công thức
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=1-2	=1-2	=1-2	=1-2
4	Giá vốn hàng bán	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Công thức
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=3-4	=3-4	=3-4	=3-4
6	Chi phí bán hàng	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Công thức
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự	Công thức
8	Doanh thu hoạt động tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự
8.1	Trong đó: - Doanh thu lãi tiền vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự Kiểm tra dòng 8.1 phải < dòng 8, nếu không cảnh báo đỏ
9	Chi phí tài chính	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự
9.1	Trong đó: - Chi phí lãi tiền vay	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự

					Kiểm tra dòng 9.1 phải < dòng 9, nếu không cảnh báo đỏ
10	Chi phí khấu hao	Khoá	Khoá	Khoá	Nhập >=0, tối đa 15 ký tự
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Khoá	Khoá	Khoá	=5-6-7+8-9
12	Lợi nhuận thuần chưa trừ chi phí lãi vay và thuế thu nhập doanh nghiệp	=5-6-7	=5-6-7	=5-6-7	=5-6-7
13	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay cộng chi phí khấu hao (13=11+9.1+10)	Khoá	Khoá	Khoá	=11+9.1+10
14	Tỷ lệ chi phí lãi vay trên lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay và chi phí khấu hao (%)	Khoá	Khoá	Khoá	9.1/13 * 100 (dạng x,xxx)
15	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết (%)				
a	Cho phép nhập text, tối đa 200 ký tự	Nhập x,xxx	Nhập x,xxx	Khoá	Khoá
….	Cho phép thêm nhiều dòng (a,b,c,d,đ,e,g,h,I,k,l,m,n,o,p,q,r,s,t,u,v,x,y)	…	…	…	…

2. Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành ngân hàng, tín dụng

- **Cột (6): UD tự động tính theo công thức (6)=(3)+(4)+(5) ngoại trừ:**
  - + Chỉ tiêu 3 =1-2
  - + Chỉ tiêu 6 =4-5
  - + Chỉ tiêu 12 =10-11
  - + Chỉ tiêu 16 = = 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15
  - + Chỉ tiêu 17 = 16-12
- **Cột (3),(4),(5):**
  - + Chỉ tiêu 1,2,4,5,10,11,13,14: cho phép nhập >= 0, tối đa 15 ký tự
  - + Chỉ tiêu 7,8,9,15: cho phép nhập âm dương, tối đa 15 ký tự
  - + Chỉ tiêu 3 =1-2
  - + Chỉ tiêu 6 =4-5
  - + Chỉ tiêu 12 =10-11

+ Chỉ tiêu 16 = = 3+6+7 +8+9+12 +13-14-15
+ Chỉ tiêu 17 = 16-12
+ Chỉ tiêu 18 như bảng:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết		Giá trị giao dịch với các bên độc lập	Tổng giá trị phát sinh từ hoạt động kinh doanh trong kỳ
		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
18	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết (%)				
a	Cho phép nhập text, tối đa 200 ký tự	Nhập x,xxx	Nhập x,xxx	Khoá	Khoá
	Cho phép thêm nhiều dòng (a,b,c,d,đ,e,g,h,I,k,l,m,n,o,p,q,r,s,t,u,v,x,y)				

3. Dành cho người nộp thuế là các công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

- **Nếu 2a ở mục II được check chọn thì:**
  + Các chỉ tiêu trừ 12:
    - Cột (3), (4) và (5): Khoá, không cho kê khai
    - Cột (6): Bắt buộc nhập một trong các dòng sau >0 (dòng 1,2), tối đa 15 ký tự (nhập >= 0 trừ chỉ tiêu h cho nhập âm dương), trừ các chỉ tiêu UD tự động tính theo CT như sau:
      1 = a + …. + i
      2 = a + … + m
      k = k1 + k2
      3= 1 -2
      6 = 4 -5
      7 = 3 + 6
      8 = (7) - (6)
      9 = 8+2e

10 = (8) + (2e) + (2k1)
11=2e/chỉ tiêu 10 *100 (dạng x,xxx)

- *Chỉ tiêu 12: Khoá, không cho kê khai*

- **Nếu 2a ở mục II không được check chọn thì nhập như sau:**

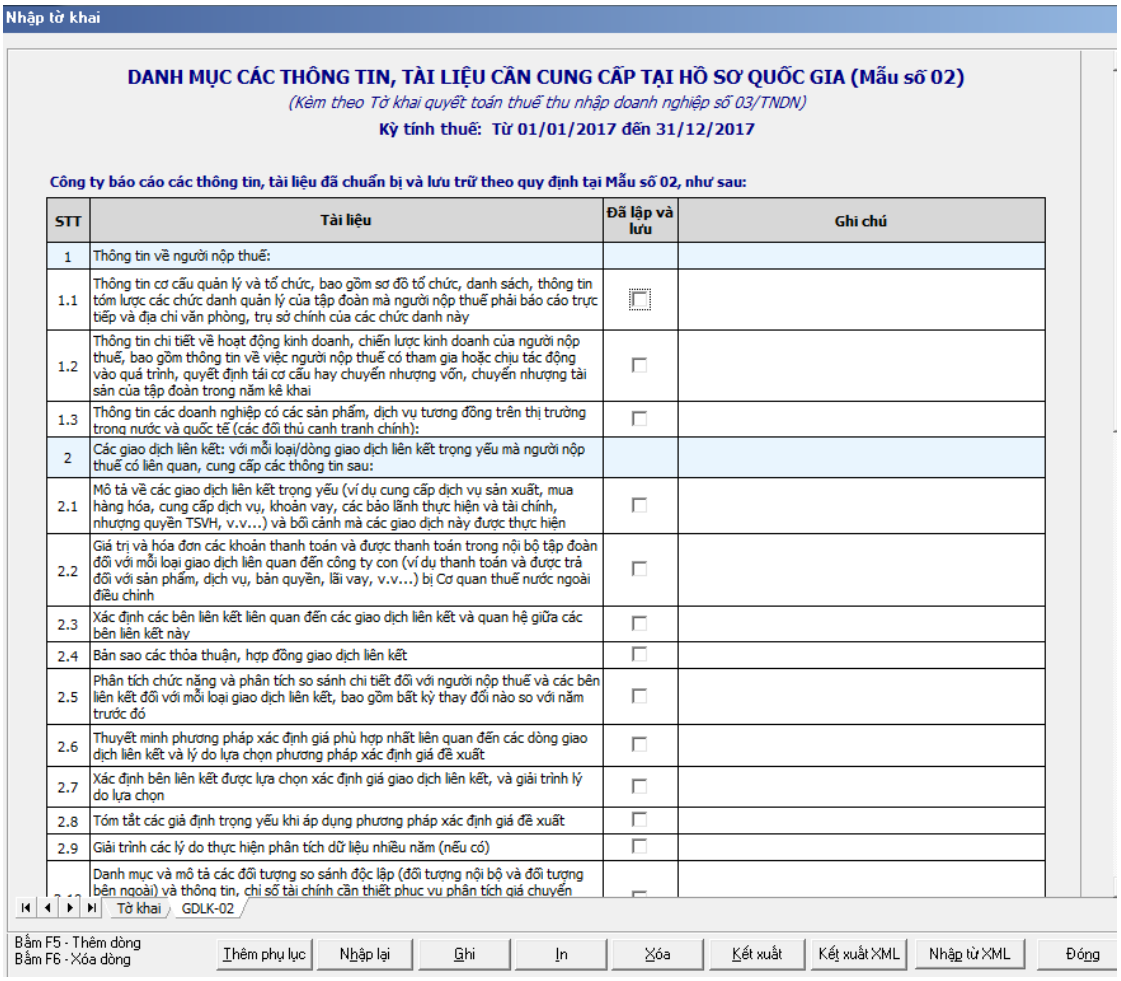
+ Chỉ tiêu "Người nộp thuế đã ký thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA)": dạng check box. Nếu chọn "Không" thì cột (4) khóa không cho nhập
+ Cột (6): UD tự động tính theo công thức (6)=(3)+(4)+(5) ngoại trừ:
  - 1 = a + …. + i
  - 2 = a + … + m
  - k = k1 + k2
  - 3= 1 -2
  - 6 = 4 -5
  - 7 = 3 + 6
  - 8 = (7) - (6)
  - 9 = 8+2e
  - 10 = (8) + (2e)+ (2k1)
  - 11=2e/chỉ tiêu 10 *100 (dạng x,xxx)
  - Chỉ tiêu 2c,2e,2k.1,2k.2: cho nhập >= 0
+ Cột (3),(4),(5):
  - Chỉ tiêu 1a, 1b, 1c, 1d, 1đ, 1e, 1g, 1i, 2a, 2b, 2d, 2đ, 2g, 2h, 2i, 2l, 2m, 4, 5: nhập >= 0, tối đa 15 ký tự
  - Chỉ tiêu 1h: cho nhập âm dương, tối đa 15 ký tự
  - Chỉ tiêu 2c, 2e, 2k, 2k.1, 2k.2, 10, 11: khóa không cho kê khai
  - 1 = a + …. + i
  - 2 = a + … + m
  - k = k1 + k2
  - 3= 1 -2
  - 6 = 4 -5
  - 7 = 3 + 6
  - 8 = (7) - (6)
  - 9 = 8+2e
  - 10 = (8) + (2e) + (2k1)
  - 11=2e/chỉ tiêu 10 *100 (dạng x,xxx)
  - Chỉ tiêu 12:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị giao dịch liên kết	Giá trị	Tổng giá trị phát sinh từ

		Giá trị xác định theo Hồ sơ xác định giá giao dịch liên kết	Giá trị xác định giá theo APA	**giao dịch với các bên độc lập**	**hoạt động kinh doanh trong kỳ**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(3)+(4)+(5)
12	Tỷ suất lợi nhuận sử dụng xác định giá giao dịch liên kết (%)				
a	Cho phép nhập text, tối đa 200 ký tự	Nhập x,xxx	Nhập x,xxx	Khoá	Khoá
	Cho phép thêm nhiều dòng (a,b,c,d,đ,e,g,h,I,k,l,m,n,o,p,q,r,s,t,u,v,x,y)				

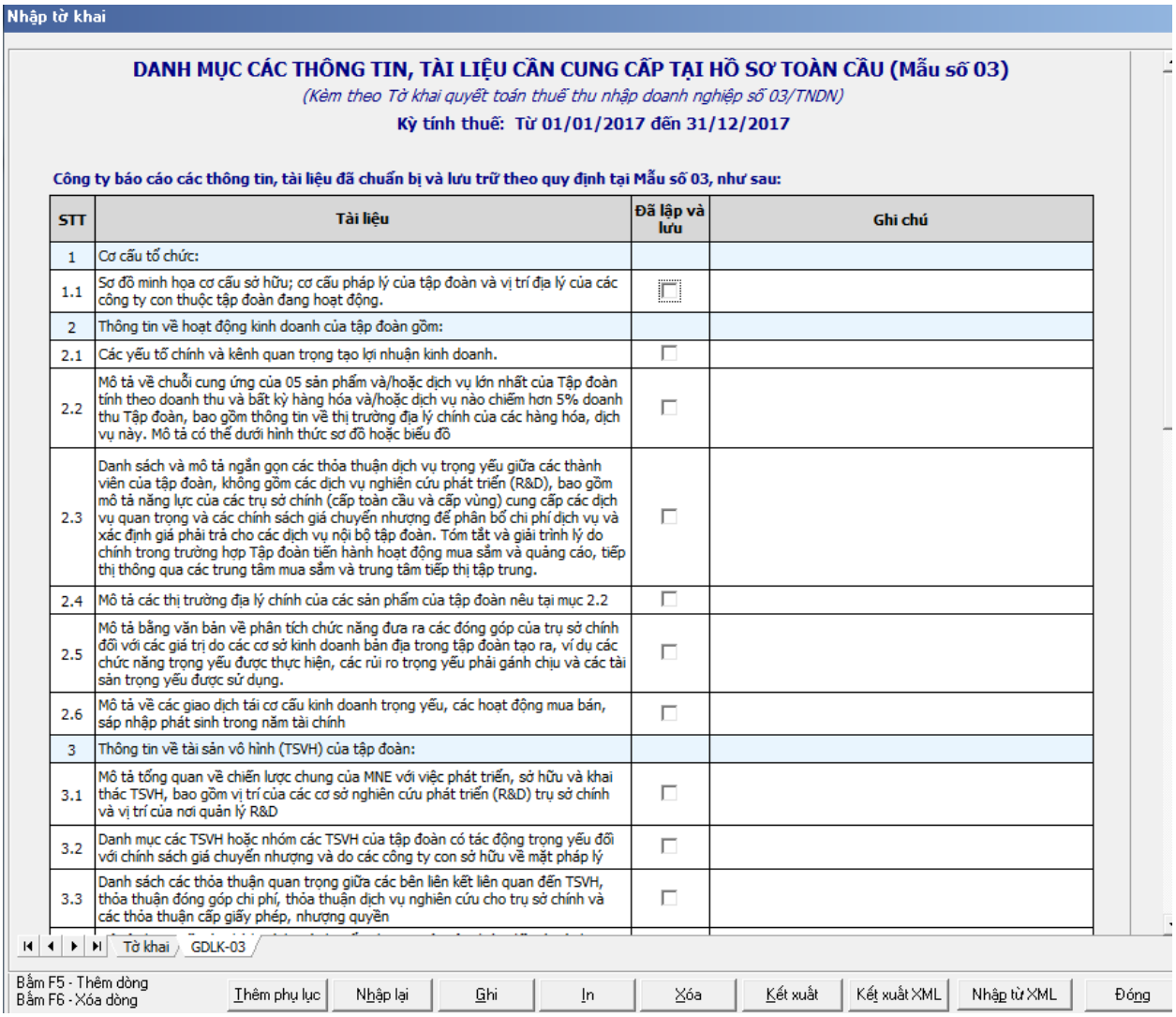
Phụ lục GDLK-02: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ quốc gia

- Cột "Đã lập và lưu": cho phép NNT tích chọn, được phép tích chọn nhiều tài liệu
- Ghi chú: cho phép NNT nhập text, tối đa 200 ký tự.



Phụ lục GDLK-03: Danh mục các thông tin, tài liệu cần cung cấp tại hồ sơ toàn cầu

- Cột "Đã lập và lưu": cho phép NNT tích chọn, được phép tích chọn nhiều tài liệu
- Ghi chú: cho phép NNT nhập text, tối đa 200 ký tự.



Phụ lục GDLK-04: Kê khai thông tin báo cáo lợi nhuận liên quốc gia

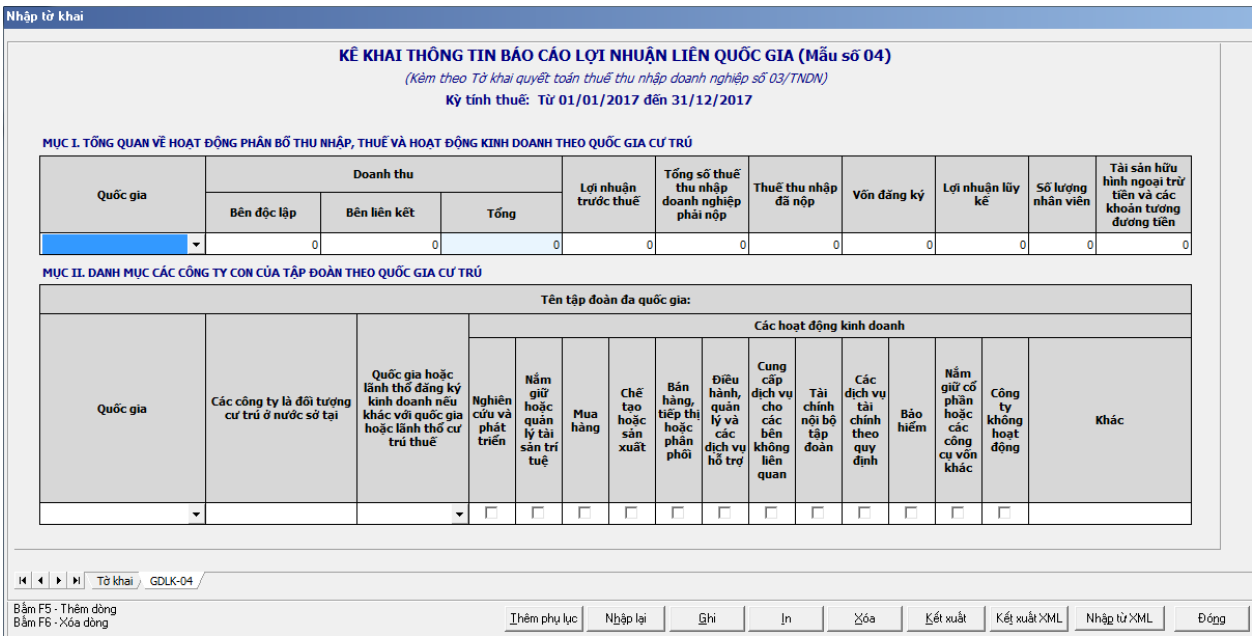
Mục I. Tổng quan về hoạt động phân bổ thu nhập, thuế và hoạt động kinh doanh theo quốc gia cư trú

- UD cho phép thêm dòng (F5) và xóa dòng (F6)
- Quốc gia: cho phép chọn trong danh mục quốc gia
- Doanh thu "Bên độc lập", "Bên liên kết": Nhập >=0, tối đa 15 ký tự
- Doanh thu "Tổng": =bên độc lập +bên liên kết
- Lợi nhuận trước thuế, Lợi nhuận lũy kế:Nhập âm dương, tối đa 15 ký tự
- Tổng số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp, Thuế thu nhập đã nộp, Vốn đăng ký, , Số lượng nhân viên, Tài sản hữu hình ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền: Nhập >=0, tối đa 15 ký tự

Mục II. Danh mục các công ty con của tập đoàn theo quốc gia cư trú

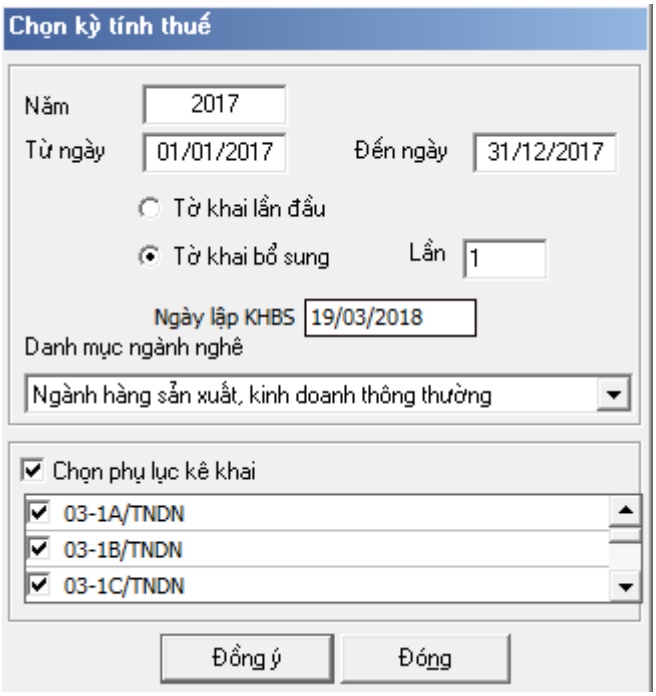
- UD cho phép thêm dòng (F5) và xóa dòng (F6)
- Cho phép check chọn nhiều hoạt động kinh doanh

- Nhập chi tiết:
  + Quốc gia: cho phép chọn trong danh mục
  + Các công ty là đối tượng cư trú ở nước sở tại: Nhập text, tối đa 200 ký tự
  + Quốc gia hoặc lãnh thổ đăng ký kinh doanh nếu khác với quốc gia hoặc lãnh thổ cư trú thuế: cho phép chọn trong danh mục
  + Nghiên cứu và phát triển: checkbox
  + Nắm giữ hoặc quản lý tài sản trí tuệ: checkbox
  + Mua hàng: checkbox
  + Chế tạo hoặc sản xuất: checkbox
  + Bán hàng, tiếp thị hoặc phân phối: checkbox
  + Điều hành, quản lý và các dịch vụ hỗ trợ: checkbox
  + Cung cấp dịch vụ cho các bên không liên quan: checkbox
  + Tài chính nội bộ tập đoàn: checkbox
  + Các dịch vụ tài chính theo quy định: checkbox
  + Bảo hiểm: checkbox
  + Nắm giữ cổ phần hoặc các công cụ vốn khác: checkbox
  + Công ty không hoạt động: checkbox
  + Khác: Nhập text, tối đa 200 ký tự

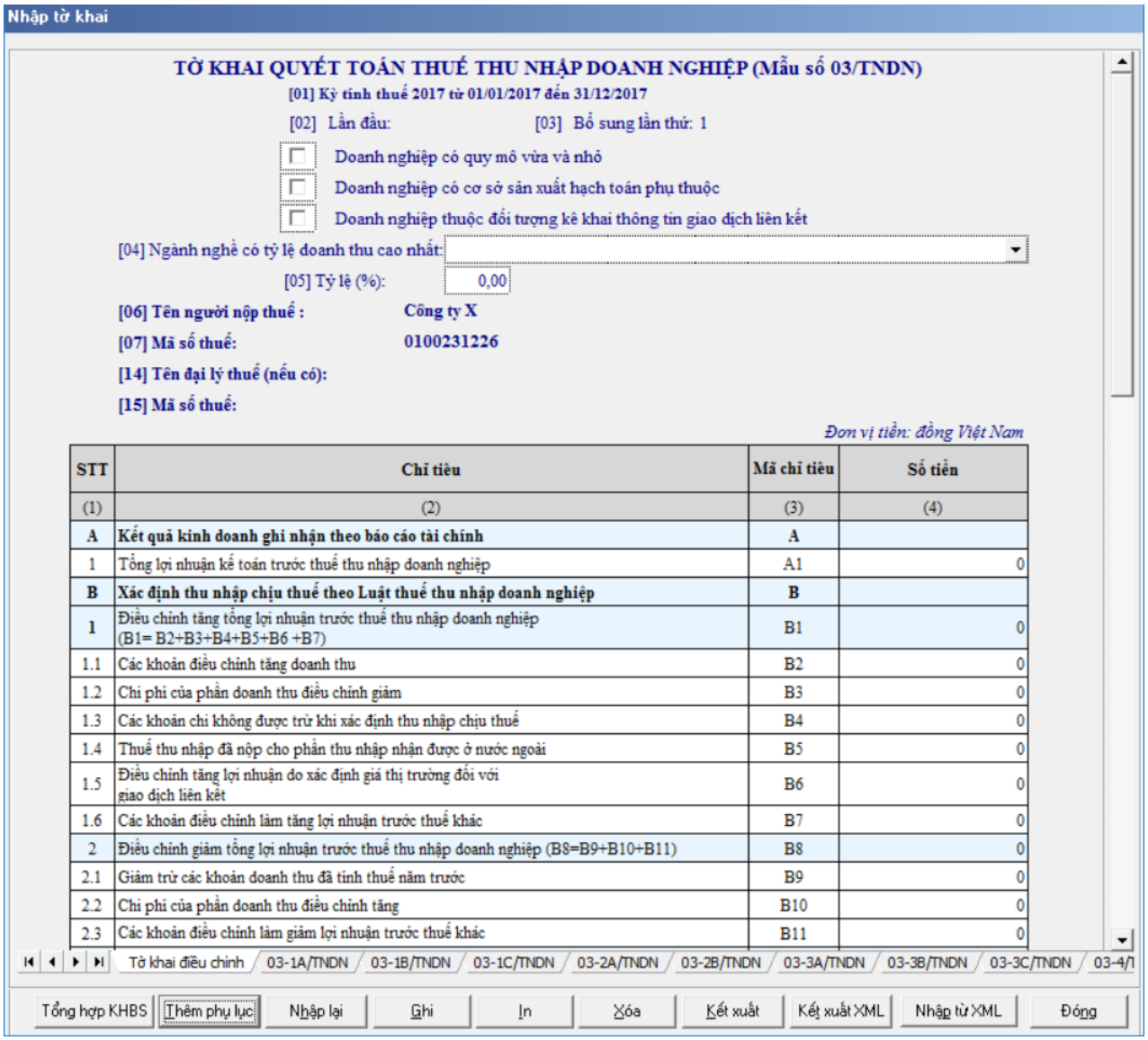


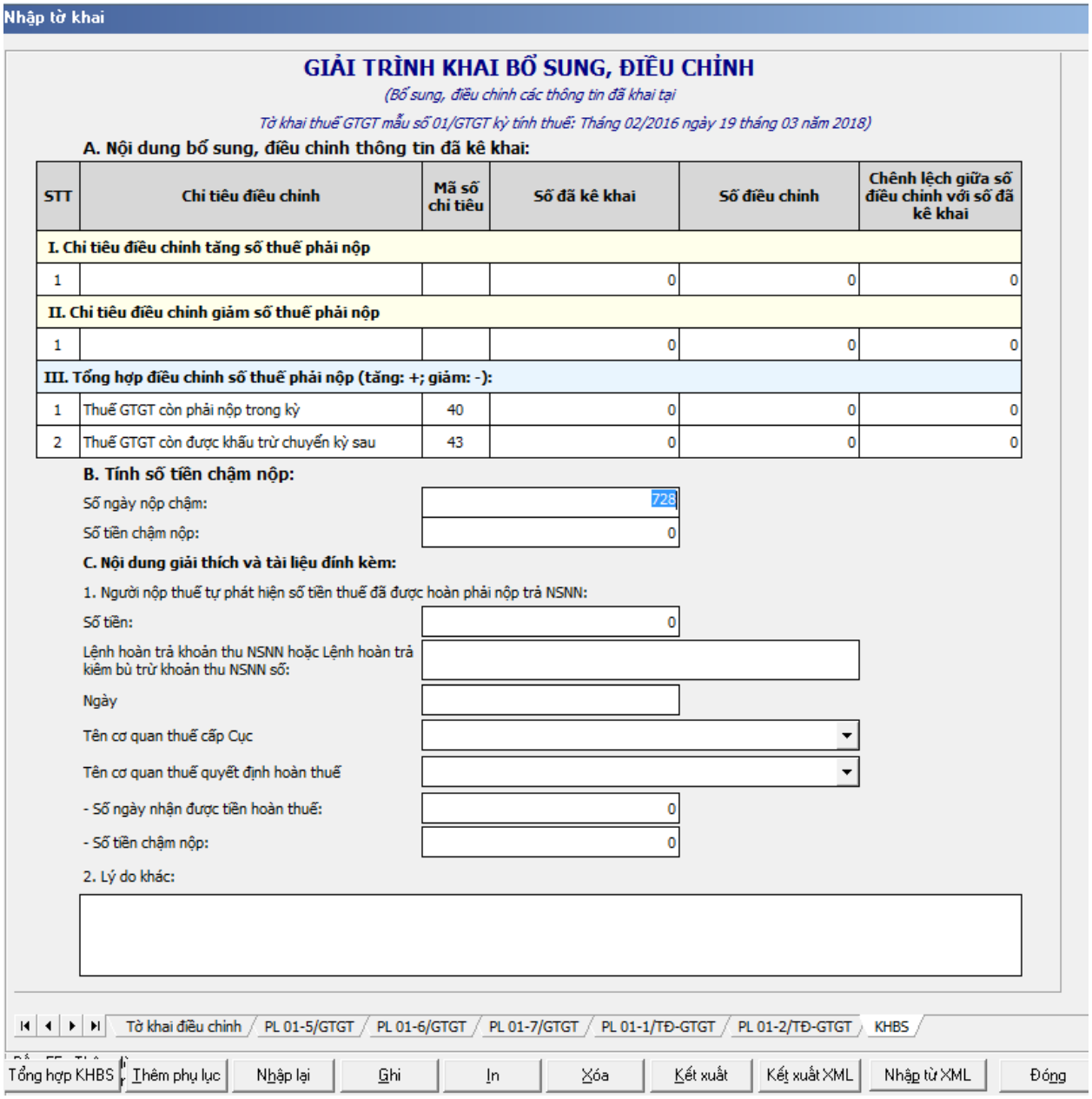
B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Đối với kỳ tính thuế ≤ 2016: Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" NNT phải nhập thêm các thông tin về lần bổ sung, ngày lập tờ khai bổ sung và cho phép đính kèm phụ lục 03-1A/TNDN, 03-1B/TNDN, 03-1C/TNDN, 03-2A/TNDN, 03-2B/TNDN, 03-3A/TNDN, 03-3B/TNDN, 03-3C/TNDN, 03-4/TNDN, 03-5/TNDN, 03-6/TNDN, 03-7/TNDN, 03-8/TNDN, 03-9/TNDN, 02-1/TĐ-TNDN, Phụ lục 02. Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục nào thì ở Tờ khai bổ sung/ Tờ khai bổ sung lần N ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó và cho phép NNT đính kèm thêm cả các phụ lục khác được kê khai.
- Đối với kỳ tính thuế từ 2017: Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" NNT phải nhập thêm các thông tin về lần bổ sung, ngày lập tờ khai bổ sung và cho phép đính kèm phụ lục 03-1A/TNDN, 03-1B/TNDN, 03-1C/TNDN, 03-2A/TNDN, 03-2B/TNDN, 03-3A/TNDN, 03-3B/TNDN, 03-3C/TNDN, 03-4/TNDN, 03-5/TNDN, 03-6/TNDN, GDLK 01, GDLK 02, GDLK 03, GDLK 04, 03-8/TNDN, 03-9/TNDN, 02-1/TĐ-TNDN, Phụ lục 02. Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục nào thì ở Tờ khai bổ sung/ Tờ khai bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó và cho phép NNT đính kèm thêm cả các phụ lục khác chưa được kê khai.



- Việc kê khai tờ khai bổ sung của mẫu 03/TNDN tương tự như tờ 01/GTGT, kê khai điều chỉnh bổ sung cho các chỉ tiêu [C10], [C11], [C12], [C15], [C16] và [D].

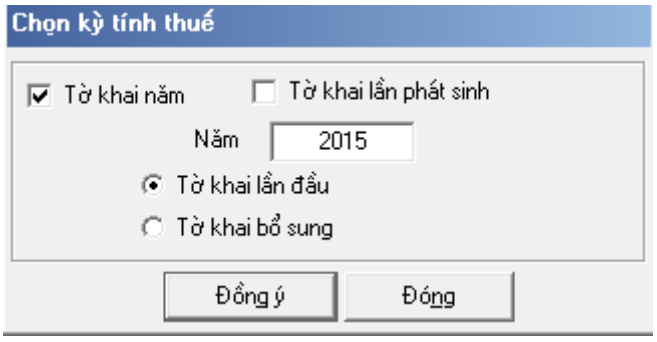

Nhập tờ khai
TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (Mẫu số 03/TNDN)
[01] Kỳ tính thuế 2017 từ 01/01/2017 đến 31/12/2017
[02] Lần đầu:
[03] Bổ sung lần thứ: 1
Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ
Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc
Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết
[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:
[05] Tỷ lệ (%): 0,00
[06] Tên người nộp thuế : Công ty X
[07] Mã số thuế: 0100231226
[14] Tên đại lý thuế (nếu có):
[15] Mã số thuế:
Đơn vị tiền: đồng Việt Nam
STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Số tiền
(1) | (2) | (3) | (4)
A | Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính | A |
1 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp | A1 | 0
B | Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp | B |
1 | Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6 +B7) | B1 | 0
1.1 | Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu | B2 | 0
1.2 | Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm | B3 | 0
1.3 | Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế | B4 | 0
1.4 | Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài | B5 | 0
1.5 | Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết | B6 | 0
1.6 | Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác | B7 | 0
2 | Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11) | B8 | 0
2.1 | Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước | B9 | 0
2.2 | Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng | B10 | 0
2.3 | Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác | B11 | 0
Tờ khai điều chỉnh
03-1A/TNDN
03-1B/TNDN
03-1C/TNDN
03-2A/TNDN
03-2B/TNDN
03-3A/TNDN
03-3B/TNDN
03-3C/TNDN
Tổng hợp KHBS
Thêm phụ lục
Nhập lại
Ghi
In
Xóa
Kết xuất
Kết xuất XML
Nhập từ XML
Đóng



3.4.5 Tờ khai thu nhập doanh nghiệp cho trường hợp tính thuế theo tỷ lệ % trên doanh thu - 04/TNDN theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC

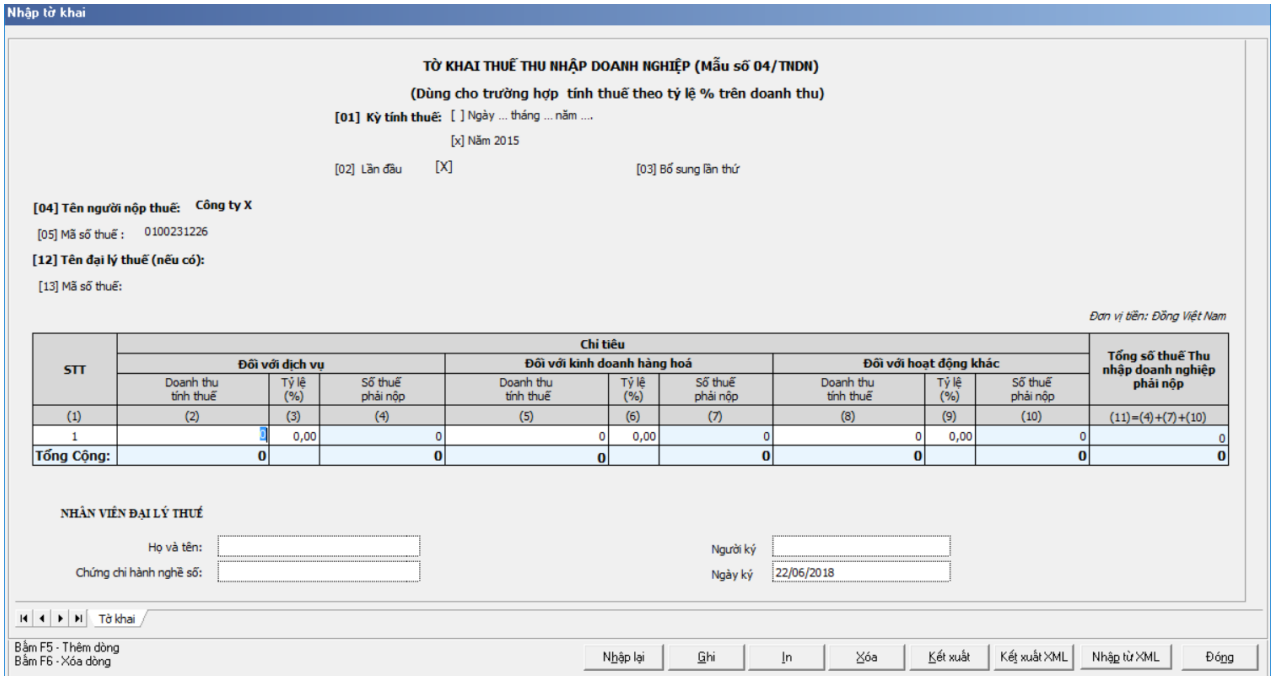
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "TK thuế thu nhập doanh nghiệp (04/TNDN)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị như sau:



A.Trường hợp khai tờ khai lần đầu

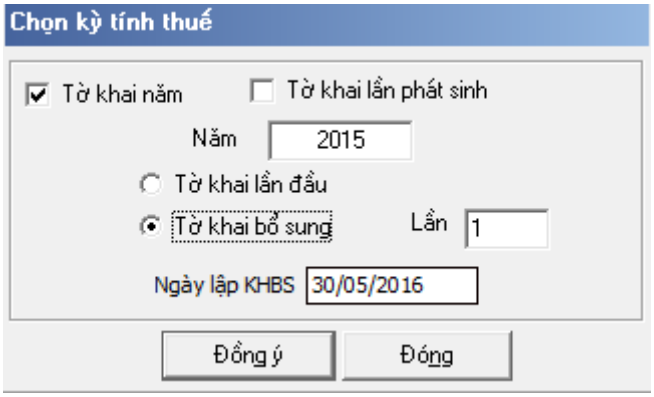
- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, loại tờ khai. Sau đó nhấn nút "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 04/TNDN.



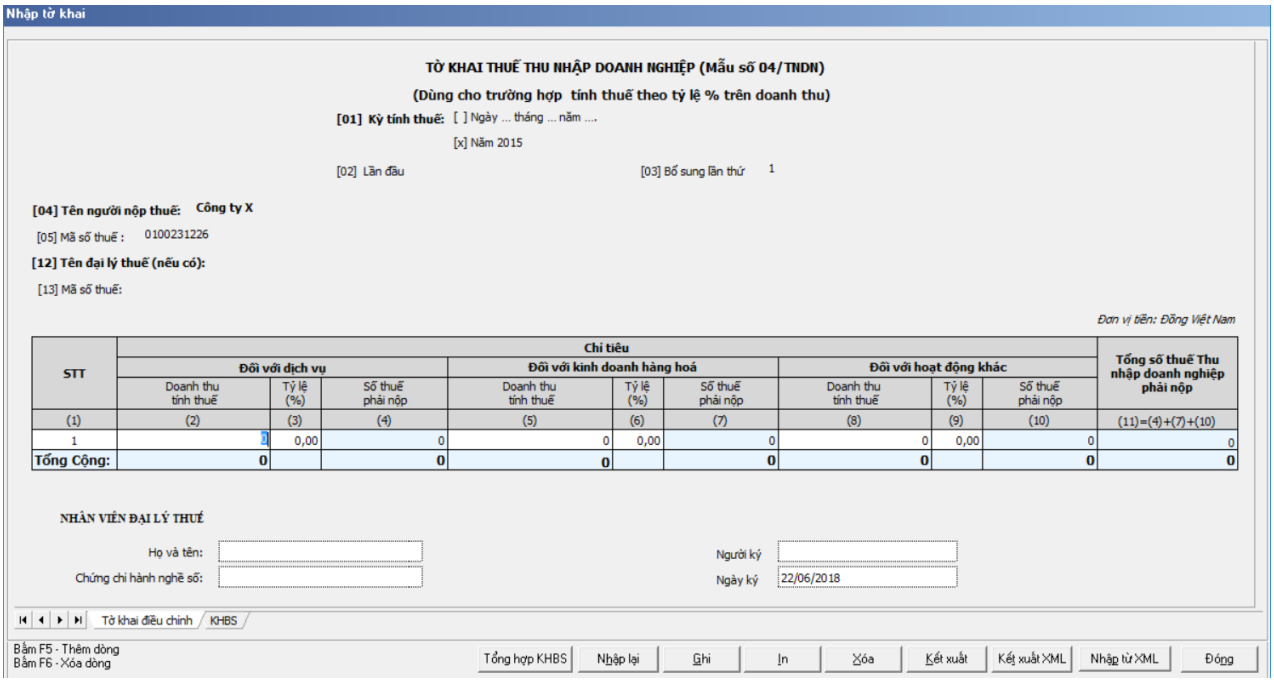
- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  - + Chỉ tiêu cột (2), (5) , (8): Nhập dạng số không âm
  - + Chỉ tiêu cột (3), (6), (9): Nhập dạng xx,xx
- Các chỉ tiêu tính toán
  - + Chỉ tiêu cột (4) = (2) * (3)
  - + Chỉ tiêu cột (7) = (5) * (6)
  - + Chỉ tiêu cột (10) = (8) * (9)
  - + Chỉ tiêu cột (11) = (4) + (7) + (10)
  - + Tổng cộng: Hỗ trợ tính tổng các cột (4), (7), (10), (11)

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

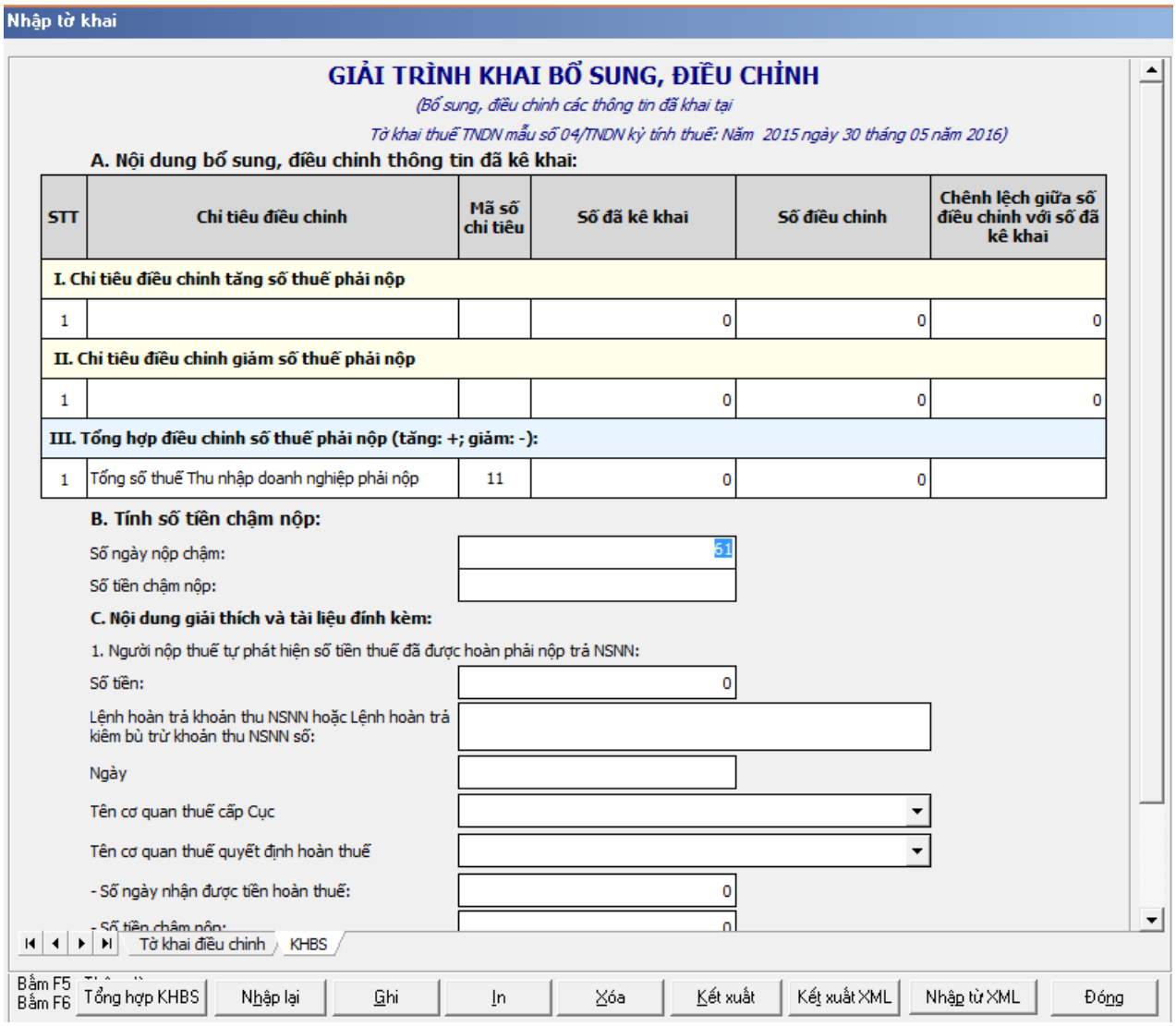
- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:



- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

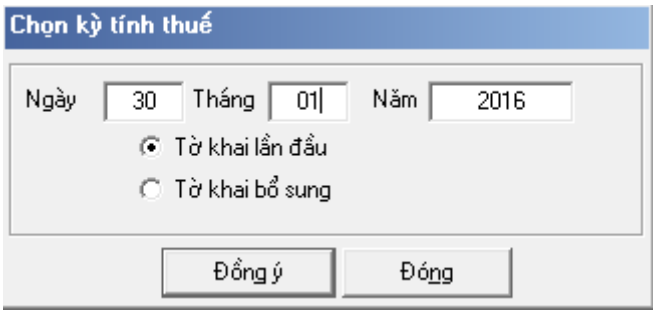


- Khai bổ sung chỉ tiêu cột (4), (7), (10). Đưa chỉ tiêu cột (11) lên phần Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp

3.4.6 Tờ khai thu nhập doanh nghiệp - 06/TNDN theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC

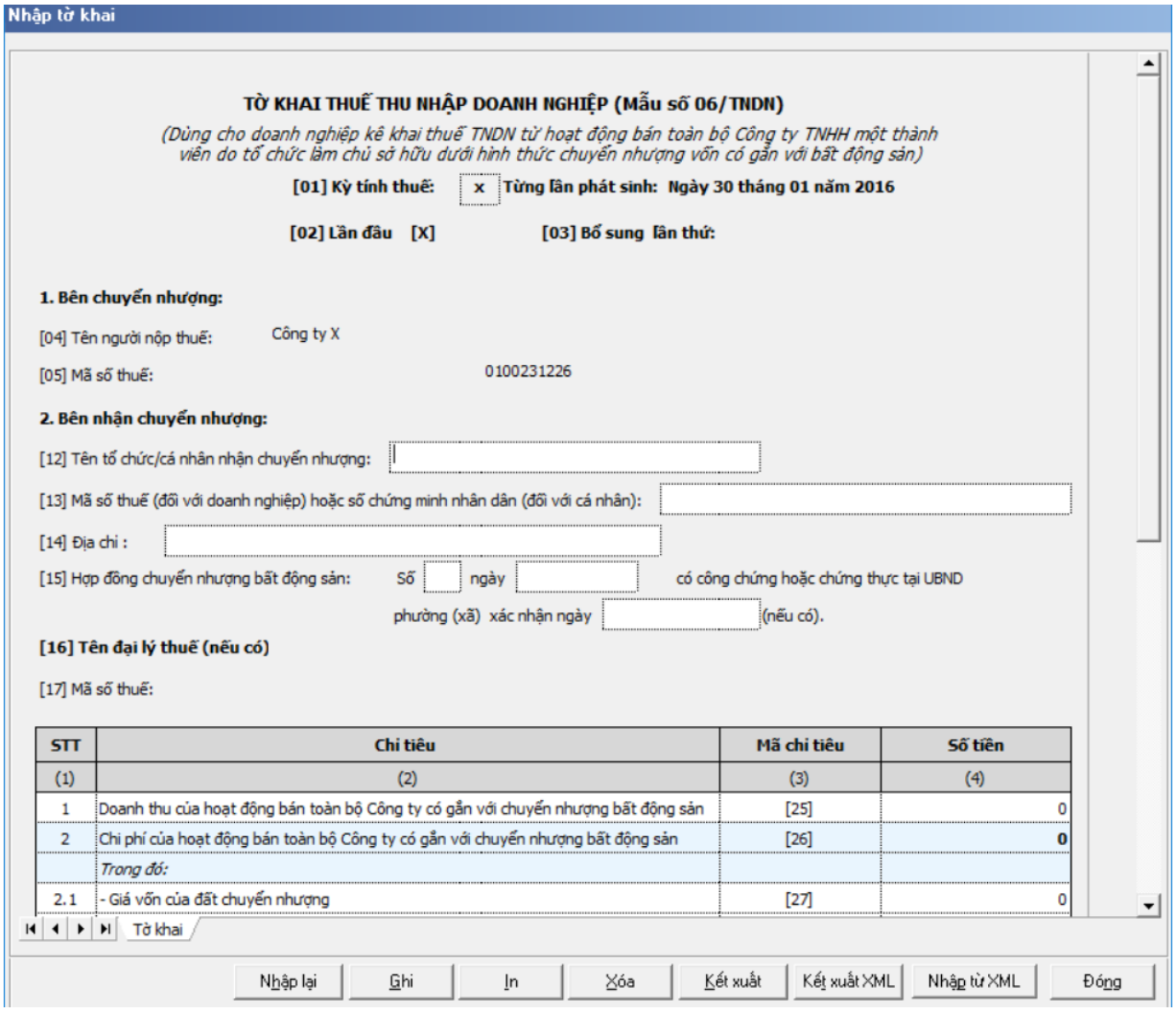
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp" chọn "TK thuế thu nhập doanh nghiệp (06/TNDN)" khi đó màn hình "Chọn kỳ tính thuế" sẽ hiển thị như sau:



A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu như kỳ tính thuế, trạng thái tờ khai, loại tờ khai. Sau đó nhấn nút "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp mẫu 06/TNDN.



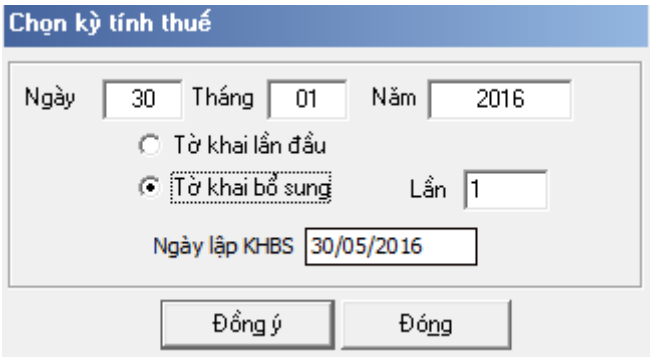
- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [12] :Tên tổ chức/cá nhân nhận chuyển nhượng: Nhập dạng text tối đa 250 ký tự
+ Chỉ tiêu [13]: Mã số thuế (đối với doanh nghiệp) hoặc chứng minh thư nhân dân (đối với cá nhân): Nhập dạng text tối đa 50 ký tự
+ Chỉ tiêu [14]: Địa chỉ: Nhập dạng text tối đa 250 ký tự
+ Chỉ tiêu [15]: Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản: Số:….ngày…tháng..năm có công chứng hoặc chứng thực tại UBND phường (xã) xác nhận ngày..tháng…năm…(nếu có)
+ Chỉ tiêu [25], [27], [28], [29], [30], [31], [34] cho phép NSD tự nhập số không âm, mặc định là 0
+ Chỉ tiêu [32]: Nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0
+ Chỉ tiêu [36] cho phép NSD tự nhập dạng xx,xx

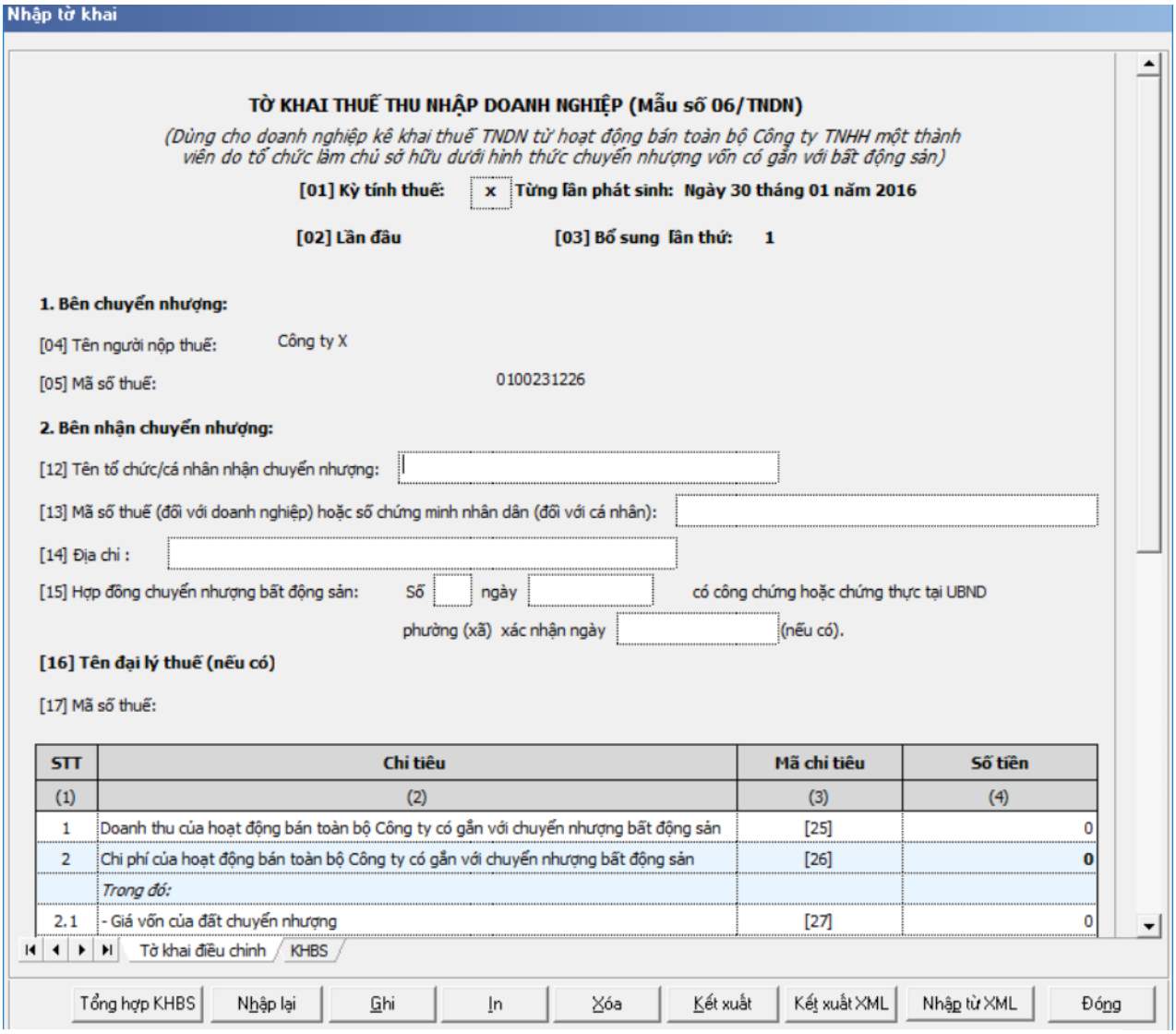
- Các chỉ tiêu tính toán
  + Chỉ tiêu [26] = [27] + [28] + [29] + [30] + [31] + [32]
  + Chỉ tiêu [33]= [25] - [26] , kiểm tra nếu [33] < =0 thì đặt chỉ tiêu [34] = 0, không cho sửa
  + Chỉ tiêu [35]= [33] - [34] , kiểm tra nếu [35] < =0 thì không cho nhập chỉ tiêu [36] và chỉ tiêu [37] = 0
  + Chỉ tiêu [37] = [35] * [36]
  + Trên mẫu in hỗ trợ phần ghi chú tiểu mục hạch toán ở cuối tờ khai:
  + Hạch toán chỉ tiêu [37] vào tiểu mục 1055

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

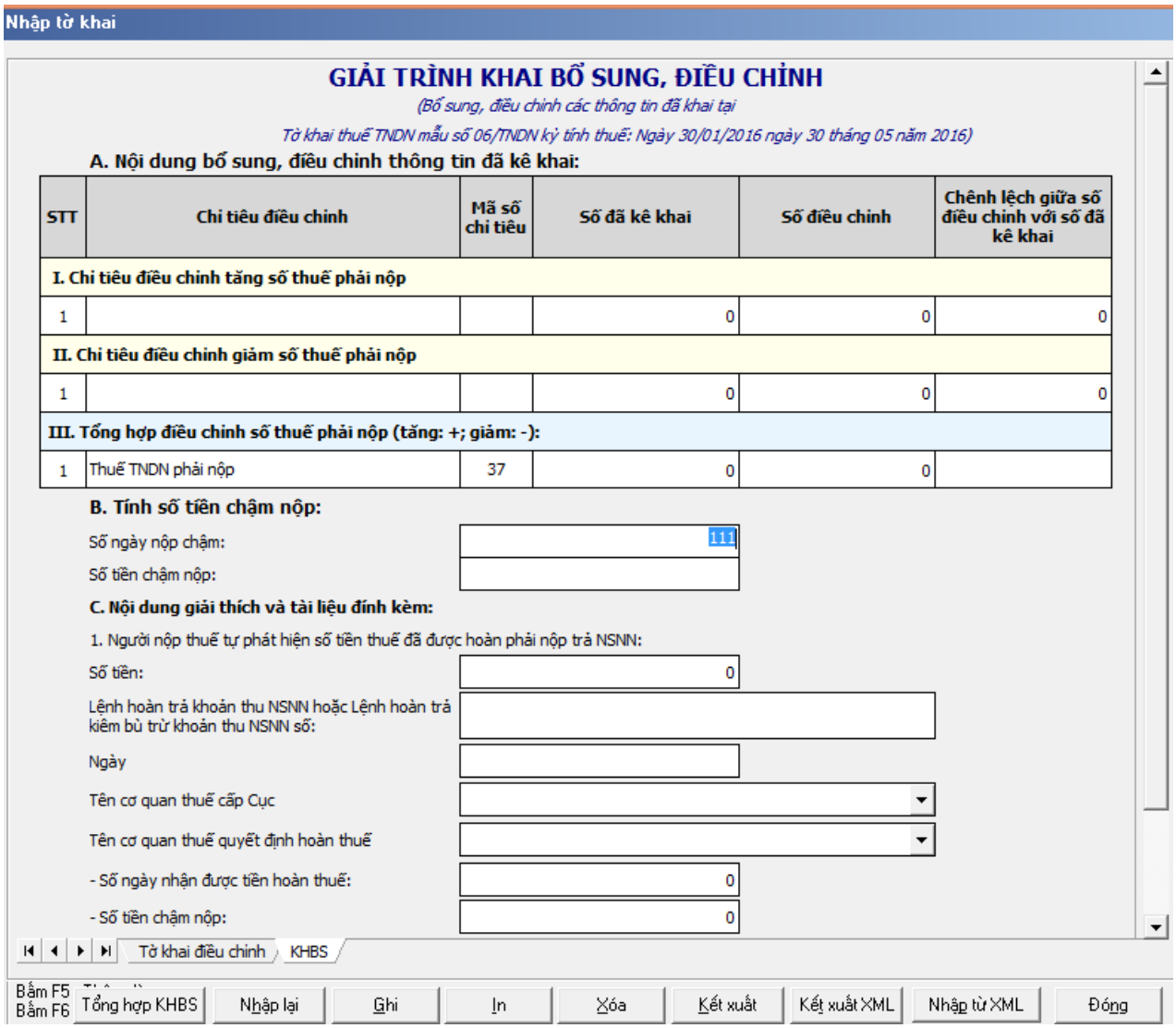
- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung



- Nhấn nút Đồng ý màn hình kê khai sẽ hiển thị, khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:



- Ứng dụng sẽ lấy dữ liệu của Tờ khai gần nhất trong cùng kỳ tính thuế làm dữ liệu mặc định trên Tờ khai điều chỉnh (Nếu là tờ khai bổ sung lần 1 thì lấy dữ liệu của tờ khai lần đầu, nếu là tờ khai bổ sung lần n thì lấy dữ liệu lần bổ sung n-1). NNT sẽ kê khai bổ sung điều chỉnh trực tiếp trên Tờ khai điều chỉnh, kê khai như tờ khai thay thế, sau đó ứng dụng sẽ tự động lấy các chỉ tiêu điều chỉnh liên quan đến số thuế phải nộp lên KHBS, NNT không kê khai trên KHBS.

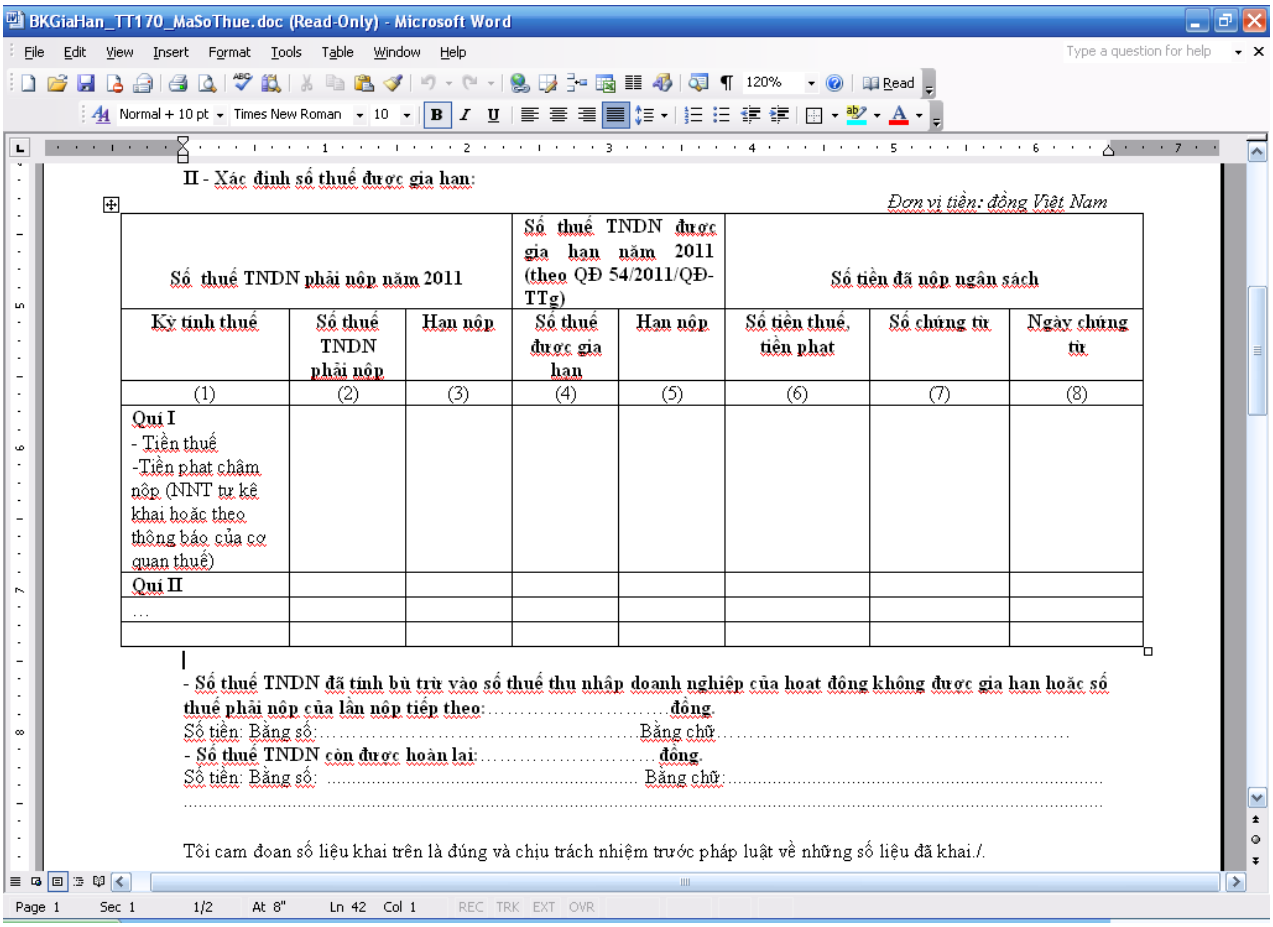


- Khai bổ sung chỉ tiêu [37]. Đưa chỉ tiêu [37] lên phần Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp

3.4.7 Bảng kê gia hạn nộp thuế TNDN quý I, II, III đã thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước năm 2011

Cách gọi:

- Từ menu chức năng chọn "Kê khai / Thuế Thu nhập doanh nghiệp" chọn Bảng kê gia hạn thuế TNDN. Khi đó hiển thị file word Bảng kê gia hạn thuế TNDN:



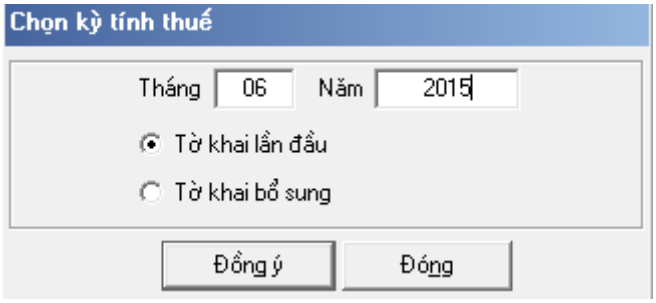
NSD chọn Save As để tải file word từ ứng dụng về và nhập chi tiết trên phụ lục. Sau đó in ra đính kèm tờ khai thuế TNDN để nộp cho Cơ quan Thuế.

3.5 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Thu nhập cá nhân

3.5.1 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 01/KK-XS theo tháng theo thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

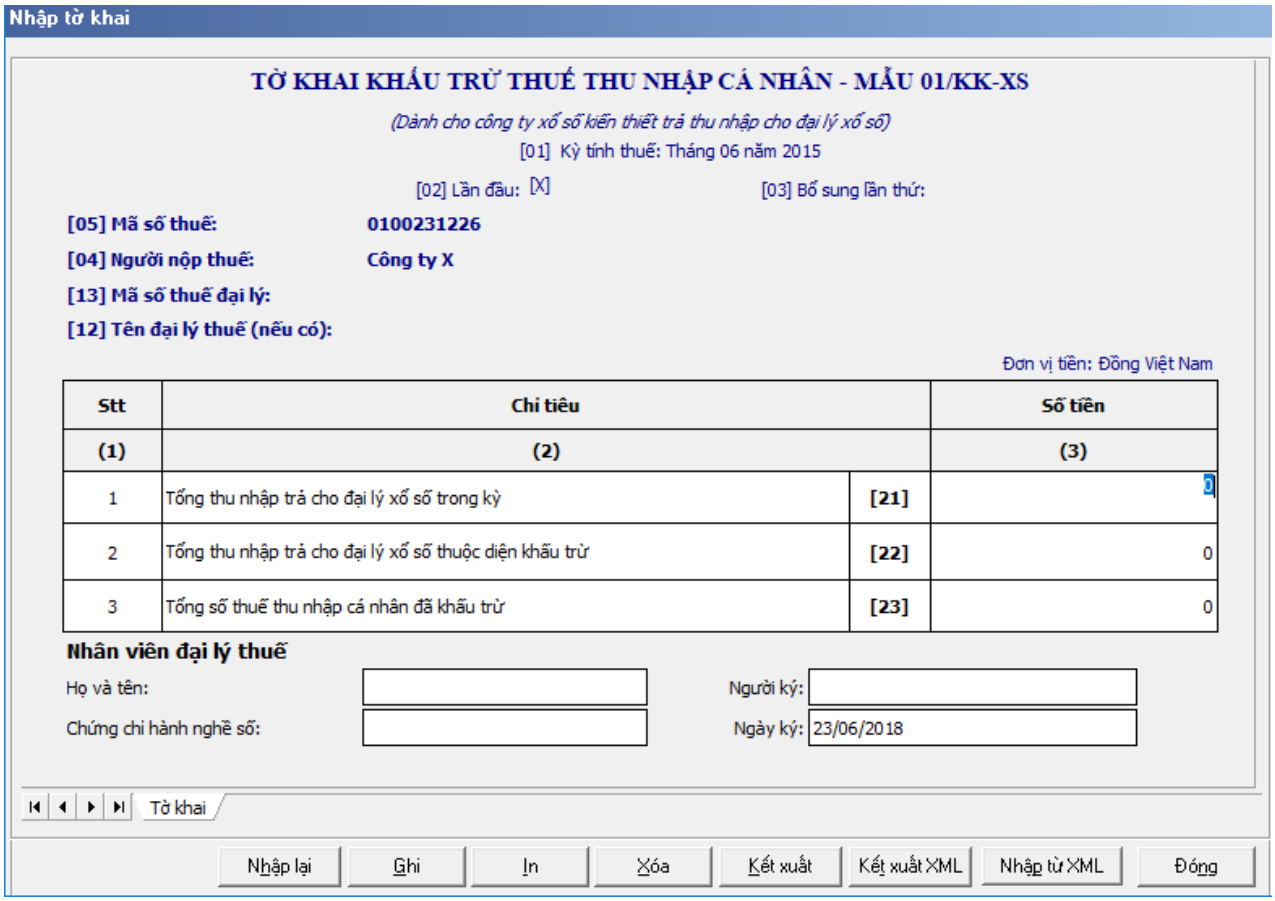
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "TK TNCN Mẫu 01/KK-XS theo tháng" khi đó màn hình chọn kỳ kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Ứng dụng thực hiện hết hiệu lực của tờ khai có kỳ tính thuế từ Tháng 07/2015 trở đi.

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

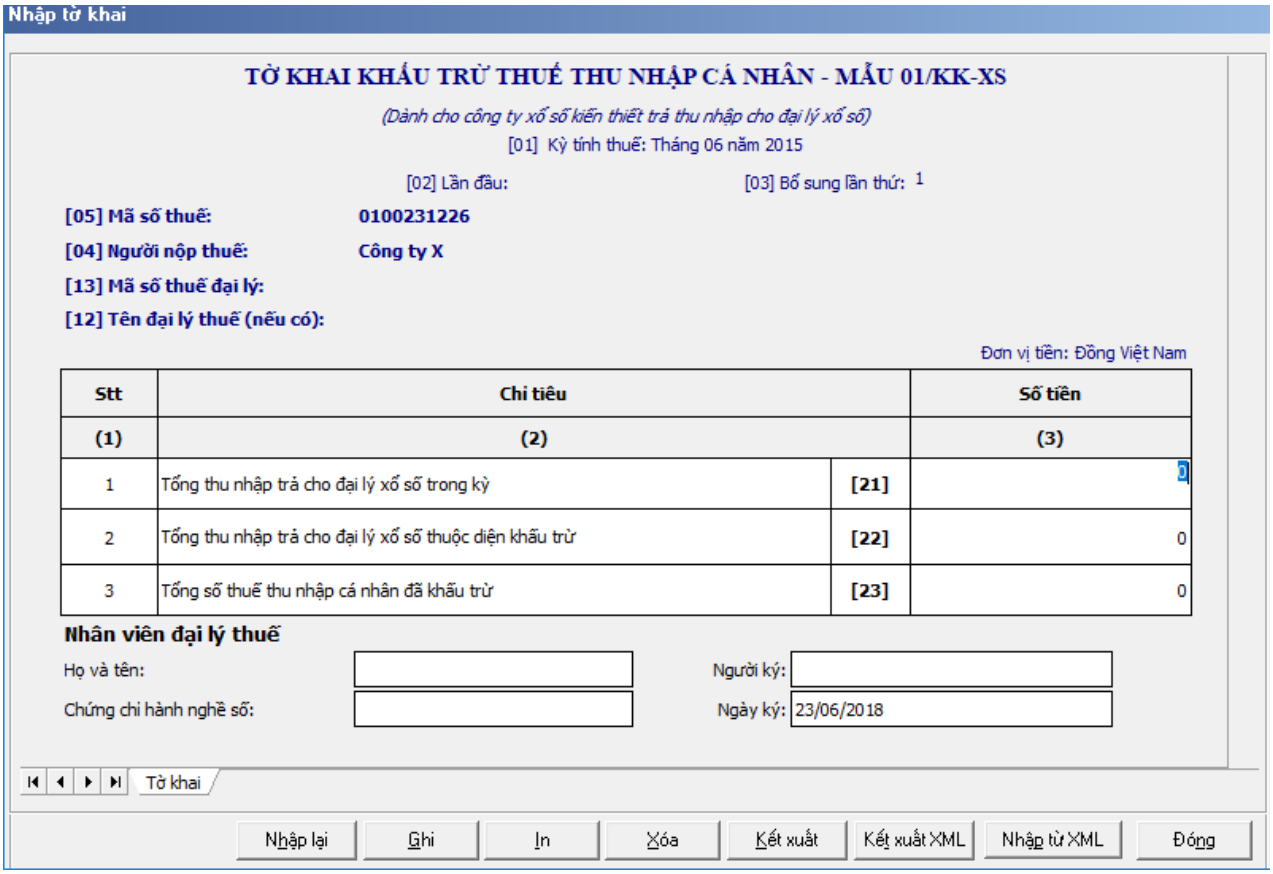
- Bạn chọn "Tờ khai lần đầu" nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 01/KK-XS – Tháng với hộp chọn "Lần đầu" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới.



- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Nhập các chỉ tiêu: [21], [22], [23] dạng số, không âm, và mặc định giá trị ban đầu là số 0.
- Các chỉ tiêu có ràng buộc :
  + Chỉ tiêu [22]: Nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [21]
  + Chỉ tiêu [23]: Nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [22]

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

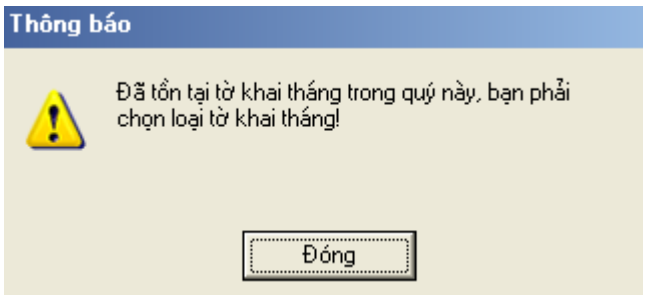
- Chọn "Tờ khai bổ sung" ,và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 01/KK-XS – Tháng với hộp chọn "Bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu "Lần" thứ mấy.



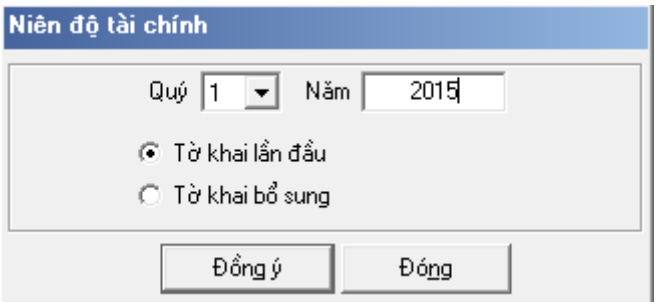
3.5.2 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 01/KK-XS theo Quý theo thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

- Để kê khai tờ khai thuế TNCN mẫu 01/KK-XS theo quý, từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "TK TNCN Mẫu 01/KK-XS theo Quý".
- Nếu trong cùng ứng dụng đã tồn tại tờ khai tháng nằm trong quý mà bạn chọn thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo



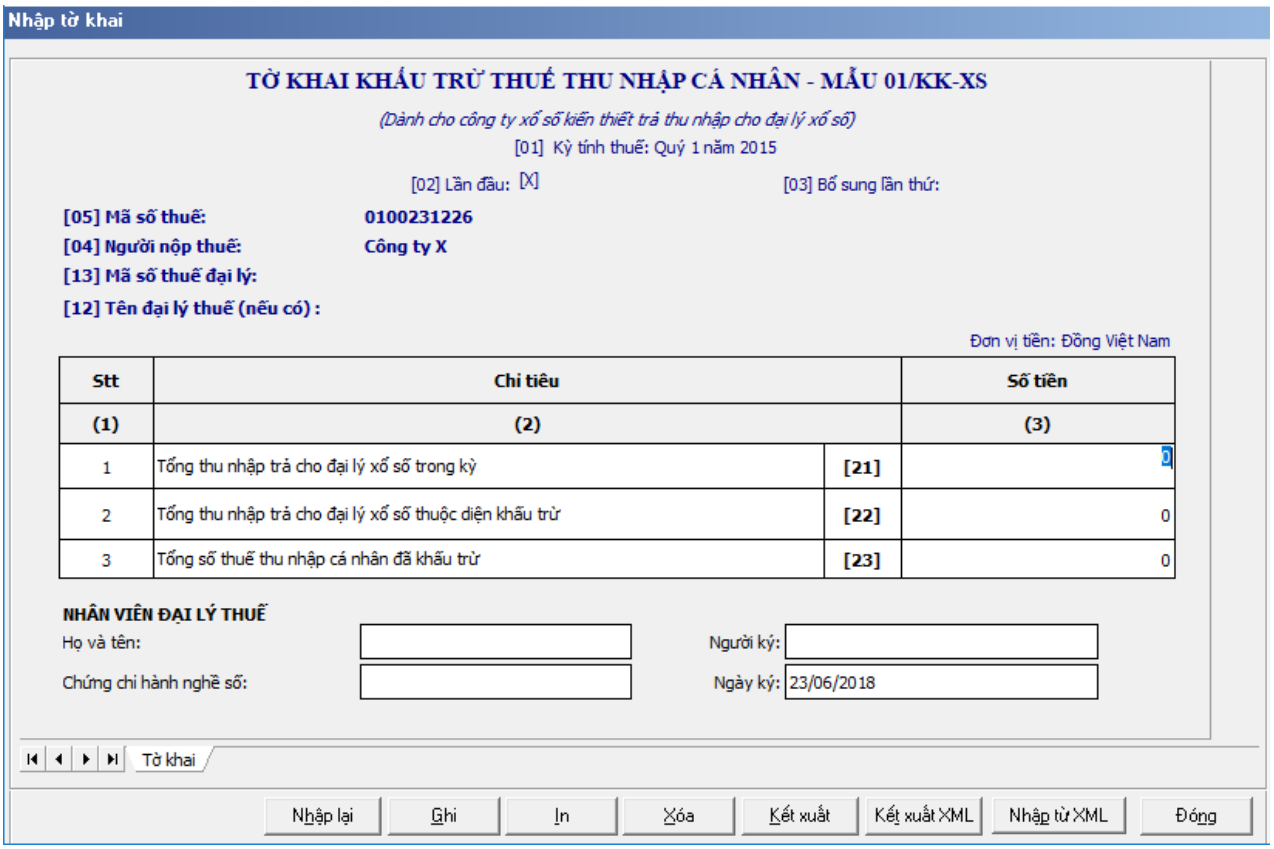
- Khi đó bạn sẽ không kê khai được tờ khai theo quý mà bạn phải quay lại tờ khai tháng để kê khai. Nếu chưa tồn tại tờ khai tháng trong quý thì bạn tiếp tục kê khai tờ khai theo quý với cách kê khai tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung tương tự như tờ khai theo tháng



- Ứng dụng thực hiện hết hiệu lực của tờ khai có kỳ tính thuế từ Quý 03/2015 trở đi.

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

- Bạn chọn "Tờ khai lần đầu" nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 01/KK-XS – Quý với hộp chọn "Lần đầu" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới.



- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Các chỉ tiêu chi tiết nhận giá trị mặc định là số 0.

+ Nhập các chỉ tiêu: [21], [22], [23] dạng số, không âm, và mặc định giá trị ban đầu là số 0.

- Các chỉ tiêu có ràng buộc :

+ Chỉ tiêu [22]: Nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [21]
+ Chỉ tiêu [23]: Nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [22]

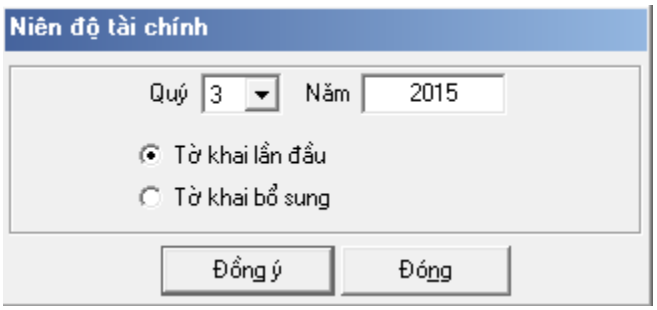
B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Chọn "Tờ khai bổ sung" ,và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 01/KK-XS – Quý với hộp chọn "Bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu "Lần" thứ mấy.

3.5.3 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/KK-TNCN theo Quý theo thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

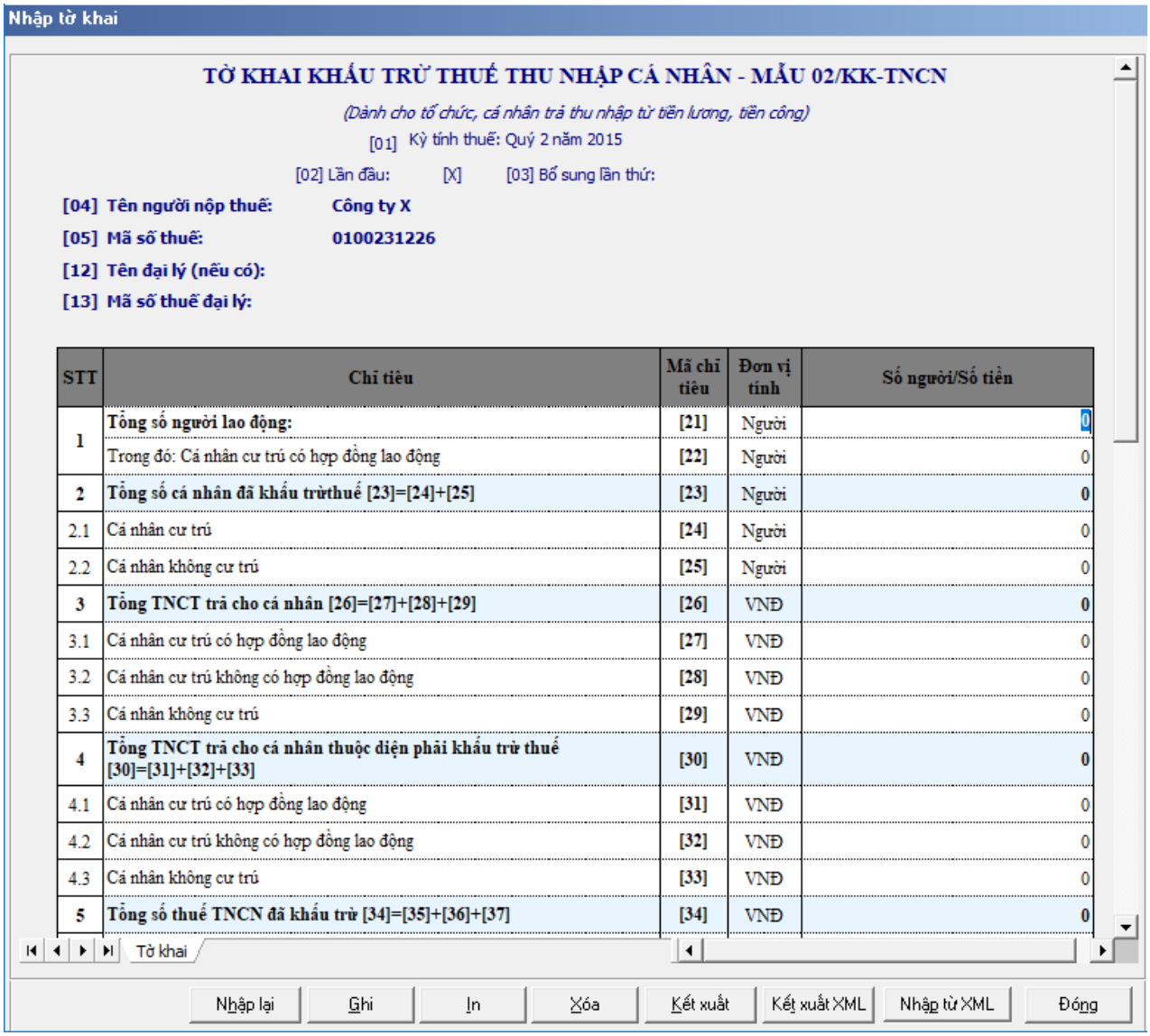
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "TK TNCN Mẫu 02/KK-TNCN theo Quý khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị.



- Ứng dụng thực hiện hết hiệu lực của tờ khai có kỳ tính thuế từ Quý 03/2015 trở đi.

A.Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Bạn chọn vào"Tờ khai lần đầu" chọn "quý" rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 02KK/TNCN theo Quý với hộp chọn "Lần đầu " trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới



- Các chỉ tiêu cần nhập:

Các chỉ tiêu chi tiết nhận giá trị mặc định là số 0.

+ Nhập các chỉ tiêu [21], [22], [24], [25], [27], [28], [29], [31], [32], [33], [35] dạng số, không âm, mặc định là 0.
+ Nhập chỉ tiêu [22] dạng số không âm, mặc định là 0, kiểm tra [22] <= [21]

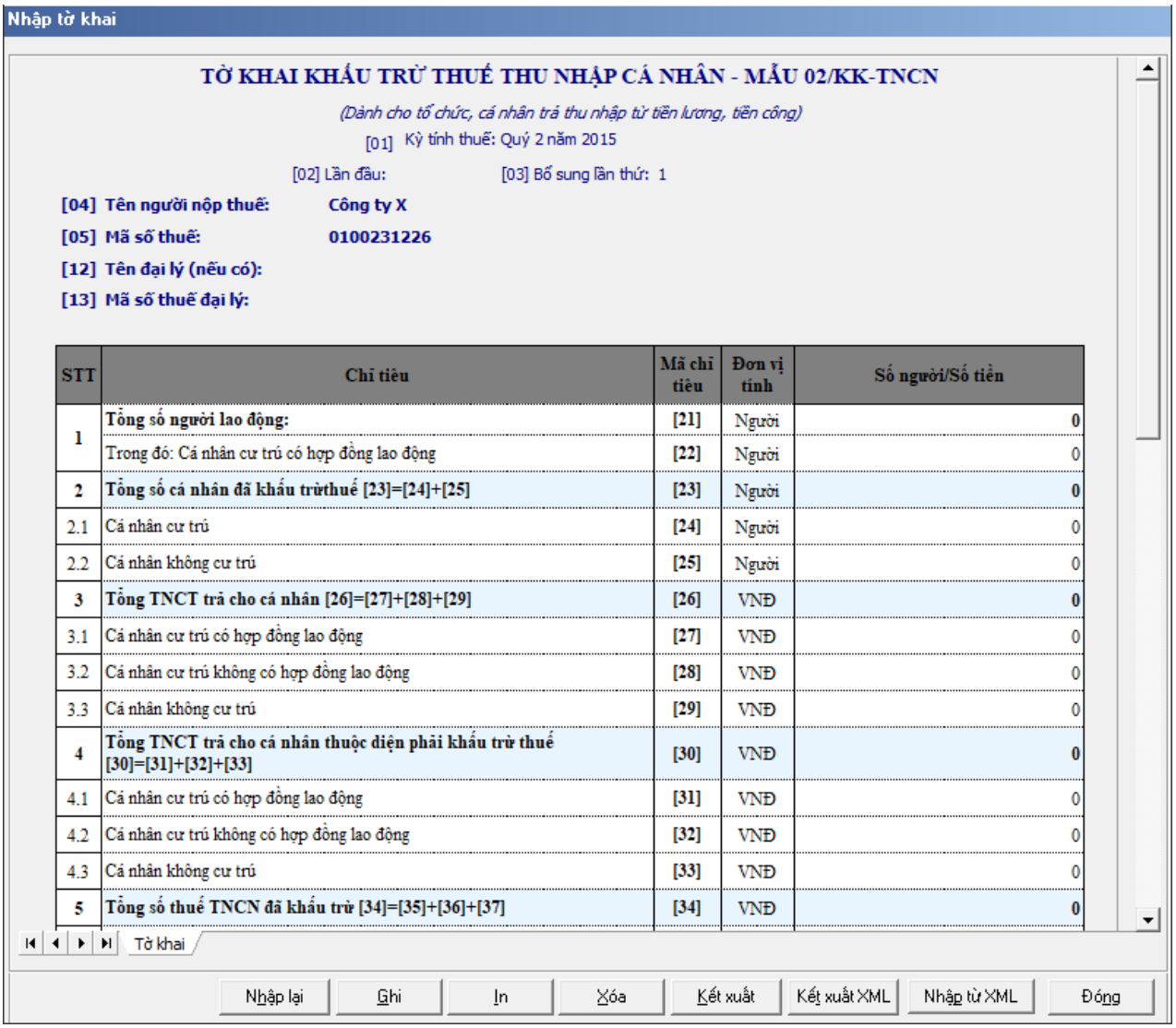
- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [23] = chỉ tiêu [24] + chỉ tiêu [25]
+ Chỉ tiêu [26] = chỉ tiêu [27] + chỉ tiêu [28] +chỉ tiêu [29]
+ Chỉ tiêu [30] = chỉ tiêu [31] +chỉ tiêu [32] + chỉ tiêu [33]
+ Chỉ tiêu [34]= chỉ tiêu [35] + chỉ tiêu [36] + chỉ tiêu [37]

+ Chỉ tiêu [36]= 10 % * chỉ tiêu [32], cho phép sửa nếu lớn hơn chỉ tiêu [32] thì ứng dụng đưa ra cảnh báo " Chỉ tiêu [36] không được lớn hơn chỉ tiêu [32]".
+ Chỉ tiêu [37]= 20% * chỉ tiêu [33], cho phép sửa nếu khác công thức thì ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng: "Số thuế không tương ứng với doanh thu và thuế suất".

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Chọn "Tờ khai bổ sung" ,và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 02/KK-TNCN – Quý với hộp chọn "Bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu "Lần" thứ mấy.



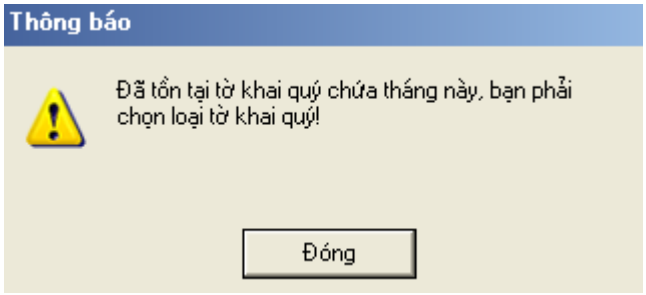
STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số người/Số tiền
1	**Tổng số người lao động:**	[21]	Người	0
	Trong đó: Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[22]	Người	0
2	**Tổng số cá nhân đã khấu trừthuế [23]=[24]+[25]**	[23]	Người	0
2.1	Cá nhân cư trú	[24]	Người	0
2.2	Cá nhân không cư trú	[25]	Người	0
3	**Tổng TNCT trả cho cá nhân [26]=[27]+[28]+[29]**	[26]	VNĐ	0
3.1	Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[27]	VNĐ	0
3.2	Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động	[28]	VNĐ	0
3.3	Cá nhân không cư trú	[29]	VNĐ	0
4	**Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế [30]=[31]+[32]+[33]**	[30]	VNĐ	0
4.1	Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[31]	VNĐ	0
4.2	Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động	[32]	VNĐ	0
4.3	Cá nhân không cư trú	[33]	VNĐ	0
5	**Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ [34]=[35]+[36]+[37]**	[34]	VNĐ	0

3.5.4 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/KK-TNCN theo Tháng theo

thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "TK TNCN Mẫu 02/KK-TNCN theo tháng" khi đó:
- Nếu trong cùng ứng dụng đã tồn tại tờ khai quý có chứa tháng mà bạn chọn thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo



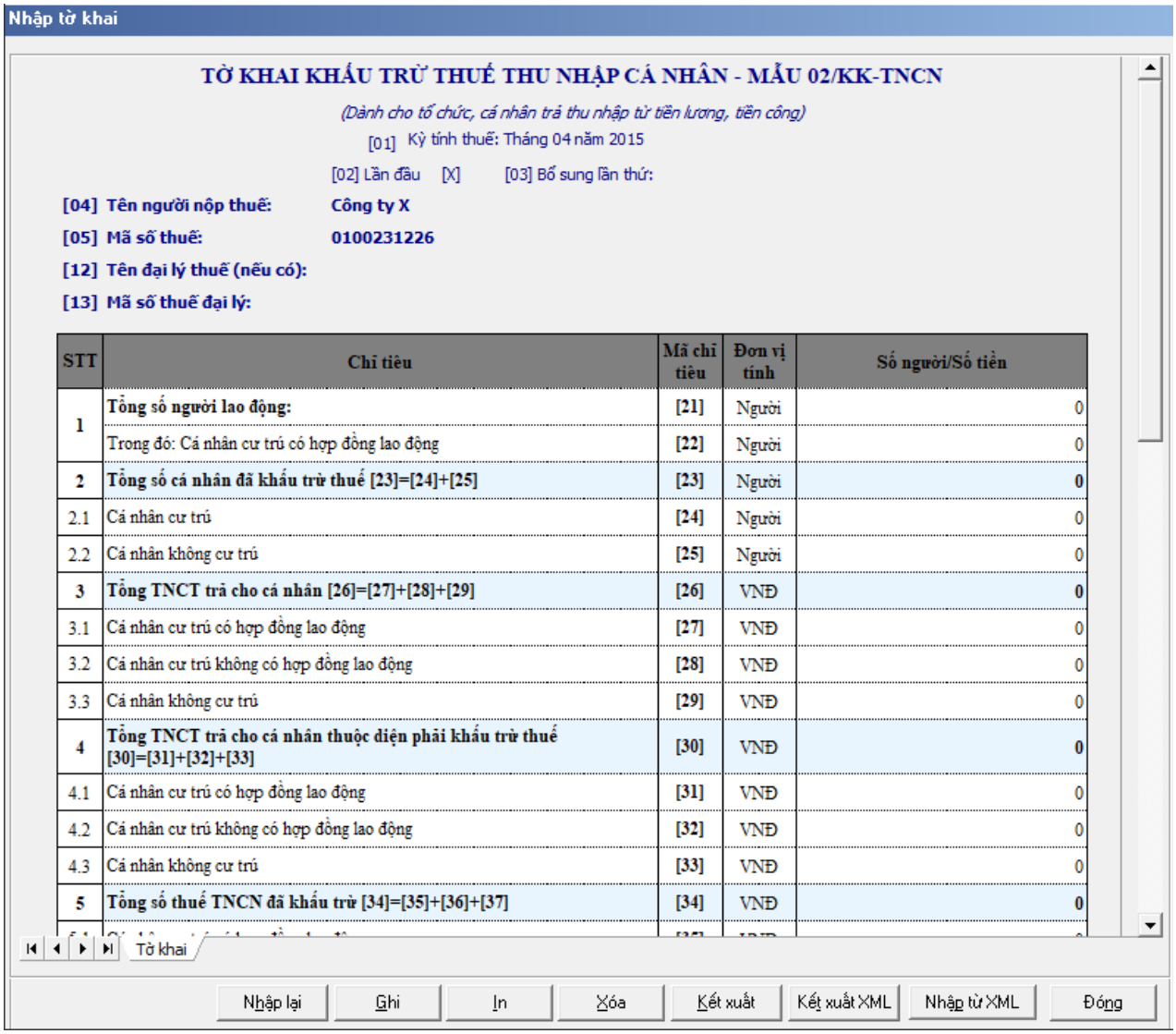
- Khi đó bạn sẽ không kê khai được tờ khai theo tháng mà bạn phải quay lại tờ khai quý để kê khai. Nếu chưa tồn tại tờ khai quý chứa tháng này thì bạn tiếp tục kê khai tờ khai theo tháng với cách kê khai tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung tương tự như tờ khai theo quý



- Ứng dụng thực hiện hết hiệu lực của tờ khai có kỳ tính thuế từ Tháng 07/2015 trở đi.

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

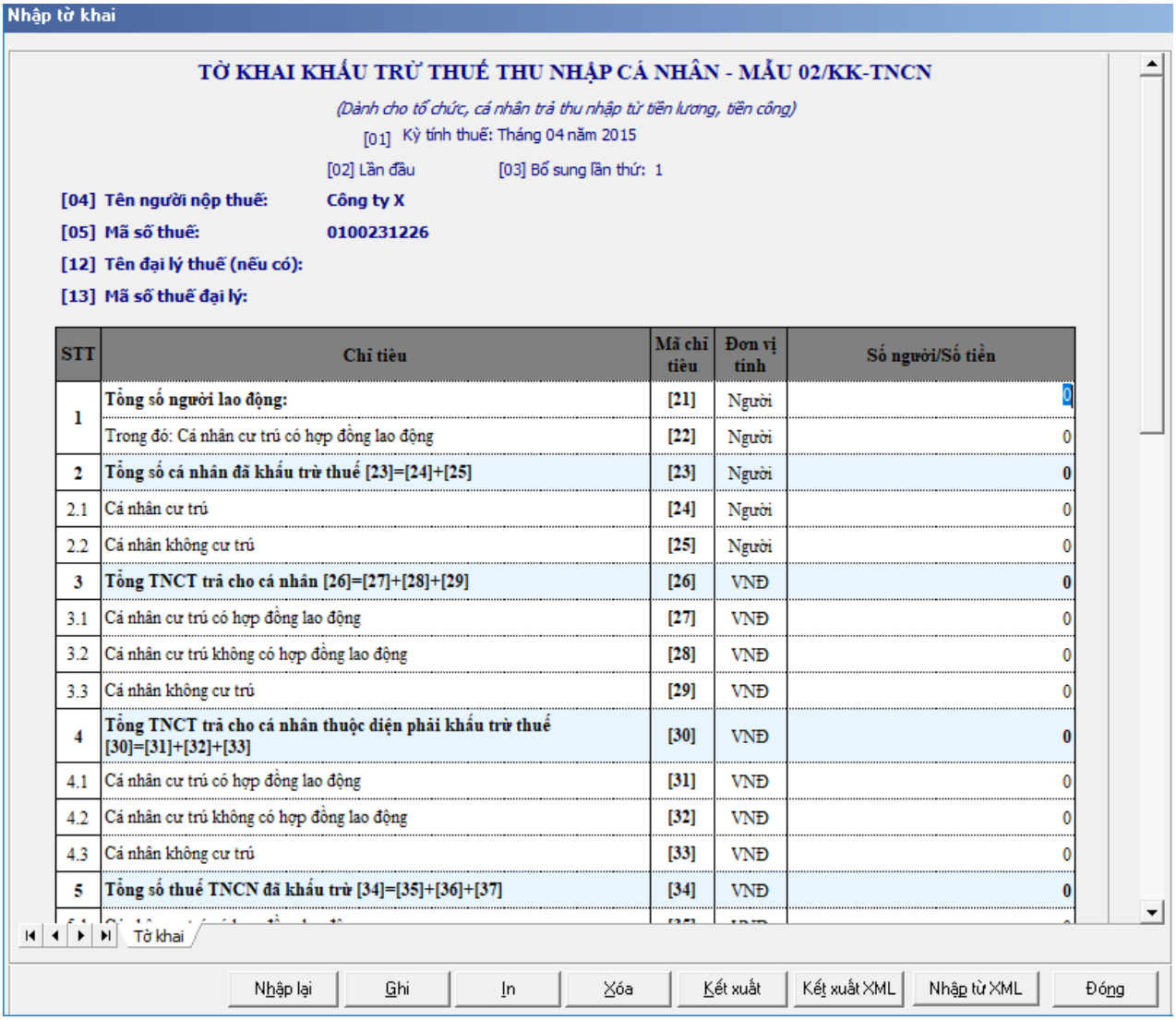
- Bạn chọn vào"Tờ khai lần đầu" chọn "Tháng" rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 02KK/TNCN theo Tháng với hộp chọn "Lần đầu " trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới



- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Nhập các chỉ tiêu [21], [22], [24], [25], [27], [28], [29], [31], [32], [33], [35] dạng số, không âm, mặc định là 0.
  + Nhập chỉ tiêu [22] dạng số không âm, mặc định là 0, kiểm tra [22] <= [21]
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [23] = chỉ tiêu [24] + chỉ tiêu [25]
  + Chỉ tiêu [26] = chỉ tiêu [27] + chỉ tiêu [28] +chỉ tiêu [29]
  + Chỉ tiêu [30] = chỉ tiêu [31] +chỉ tiêu [32] + chỉ tiêu [33]
  + Chỉ tiêu [34]= chỉ tiêu [35] + chỉ tiêu [36] + chỉ tiêu [37]
  + Chỉ tiêu [36]= 10 % * chỉ tiêu [32], cho phép sửa
  + Chỉ tiêu [37]= 20% * chỉ tiêu [33], cho phép sửa

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

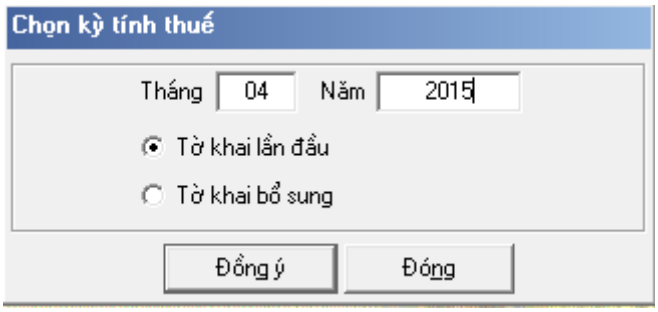
- Chọn "Tờ khai bổ sung" ,và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 02/KK-TNCN – Tháng với hộp chọn "Bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu "Lần" thứ mấy.



3.5.5 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 03/KK-TNCN theo Tháng theo thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

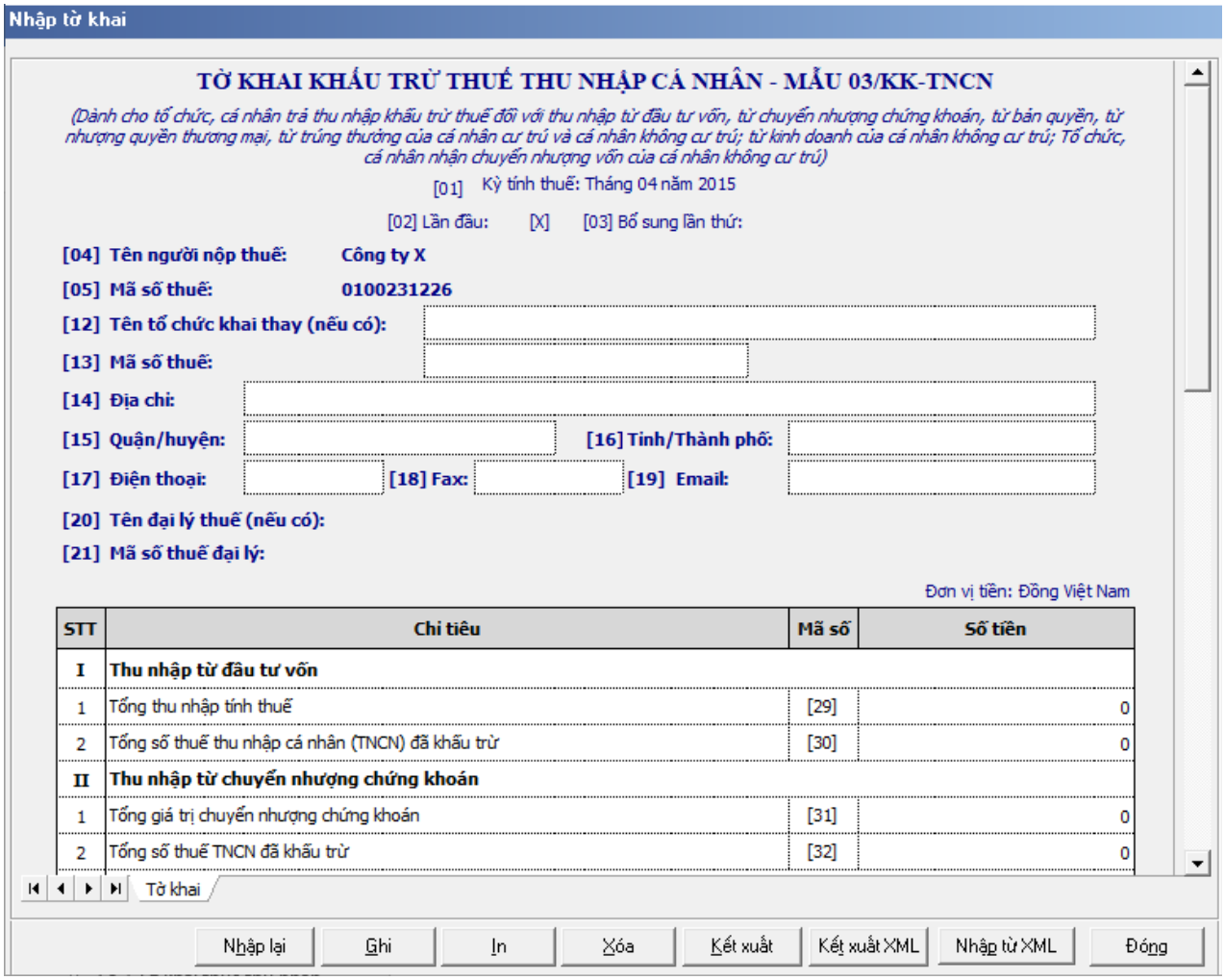
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "TK TNCN Mẫu 03/KK-TNCN theo Tháng " khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Ứng dụng thực hiện hết hiệu lực của tờ khai có kỳ tính thuế từ Tháng 07/2015 trở đi.

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Bạn chọn "Tờ khai lần đầu" rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 03/KK-TNCN theo Tháng với hộp chọn "Lần đầu" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới



- Thông tin tổ chức khai thay
  + Chỉ tiêu [13], [15], [16], [17], [18], [19]: Nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [14]: Nhập dạng text, kiểm tra cấu trúc MST

- Các chỉ tiêu cần kê khai

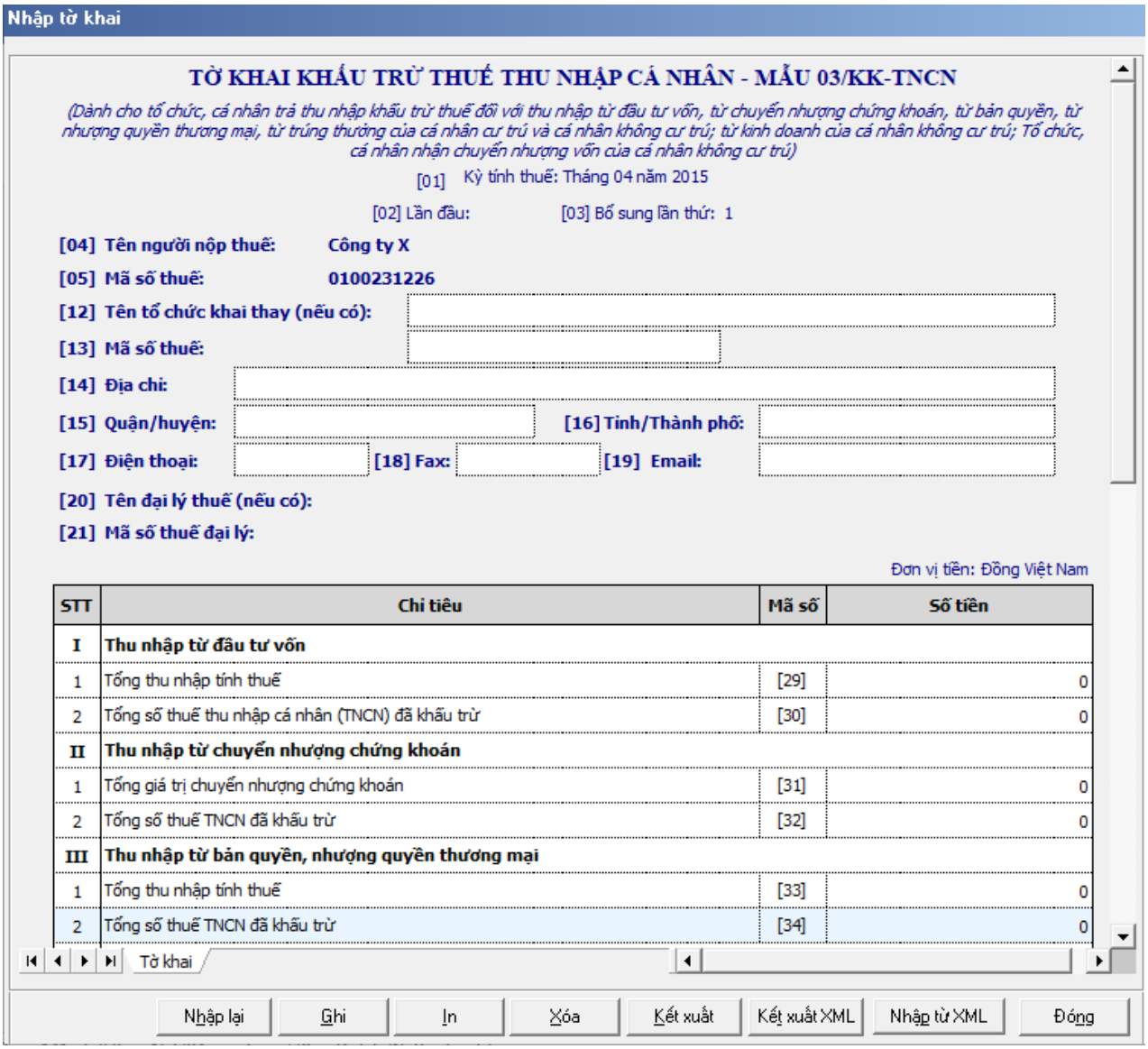
+ Nhập các chỉ tiêu [29], [32], [33], [35], [37], [39] dạng số ,không âm, mặc định là 0
+ Nhập chỉ tiêu [38], kiểm tra <= 5%* [37]

- Các chỉ tiêu tự tính: Ứng dụng hỗ trợ tính toán theo công thức:

+ Chỉ tiêu [30]= 5% * chỉ tiêu [29], cho phép sửa nếu vượt quá [29] thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [30] không được vượt quá chỉ tiêu [29]"
+ Chỉ tiêu [32]= 0,05% * chỉ tiêu [31], cho phép sửa nếu vượt quá [31] thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [32] không được vượt quá chỉ tiêu [31]"
+ Trường hợp nếu kỳ tính thuế từ tháng 01/2013 thì chỉ tiêu [32] = 0,1% * [31], cho phép sửa sửa nếu vượt quá [31] thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [32] không được vượt quá chỉ tiêu [31]"
+ Chỉ tiêu [34] = 5%* chỉ tiêu [33]
+ Chỉ tiêu [36] = 10% * chỉ tiêu [35]
+ Chỉ tiêu [40] = 0,1% * [39], cho phép sửa

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

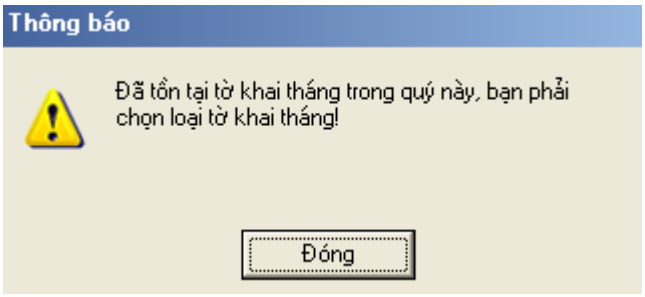
- Chọn "Tờ khai bổ sung" và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 03/KK-TNCN theo Tháng với hộp chọn " bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" và lần bổ sung số mấy như hình dưới



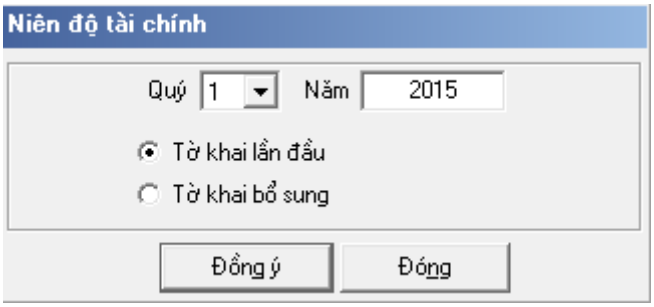
3.5.6 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 03/KK-TNCN theo Quý theo thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "TK TNCN Mẫu 03/KK-TNCN theo Quý" khi đó:
- Nếu trong cùng ứng dụng đã tồn tại tờ khai tháng nằm trong quý mà bạn chọn thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo



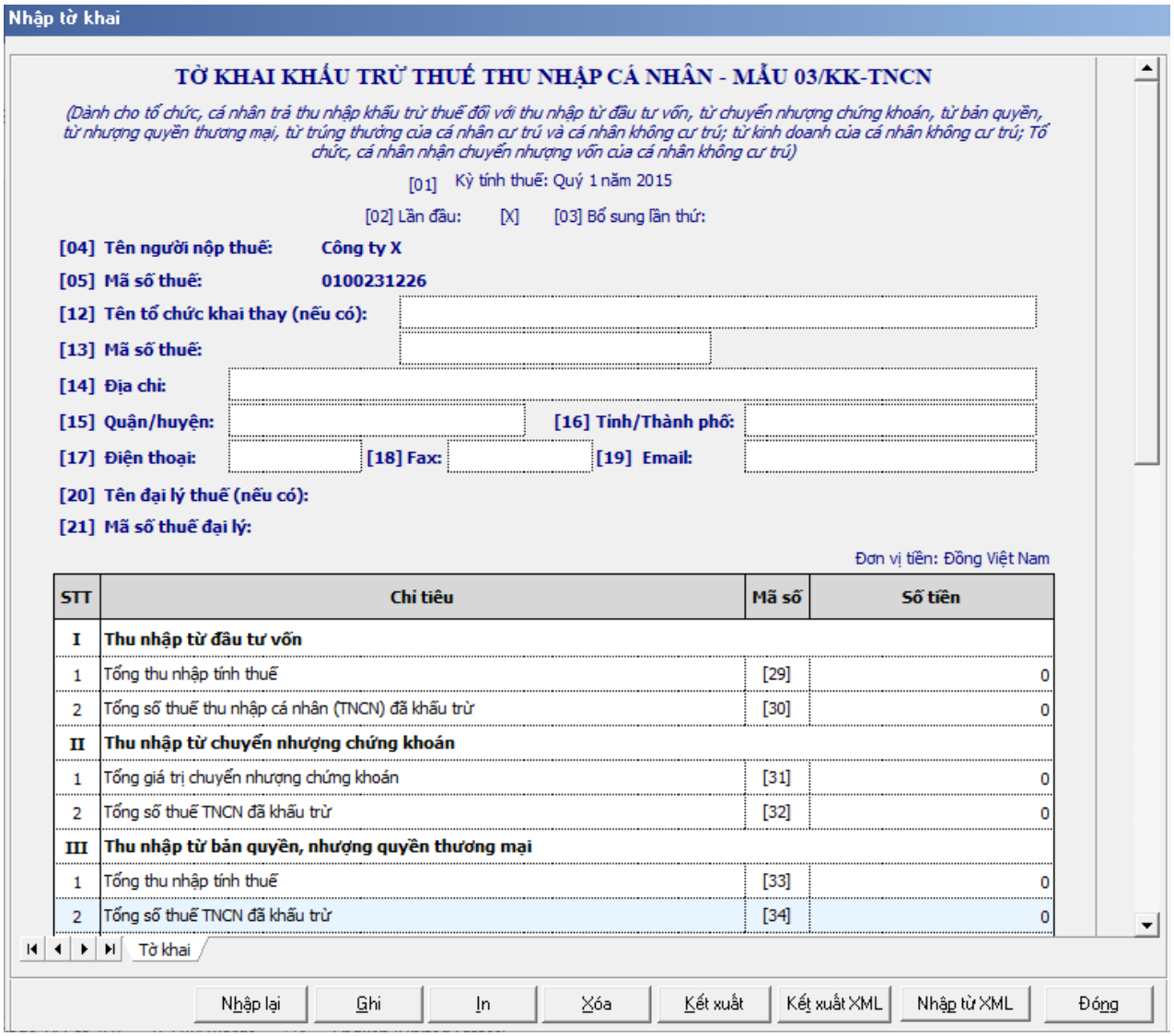
- Khi đó bạn sẽ không kê khai được tờ khai theo quý mà bạn phải quay lại tờ khai tháng để kê khai. Nếu chưa tồn tại tờ khai tháng trong quý thì bạn tiếp tục kê khai tờ khai theo quý với cách kê khai tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung tương tự như tờ khai theo tháng



- Ứng dụng thực hiện hết hiệu lực của tờ khai có kỳ tính thuế từ Quý 03/2015 trở đi

A.Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Bạn chọn "Tờ khai lần đầu" rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 03/KK-TNCN theo Quý với hộp chọn "Lần đầu" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới

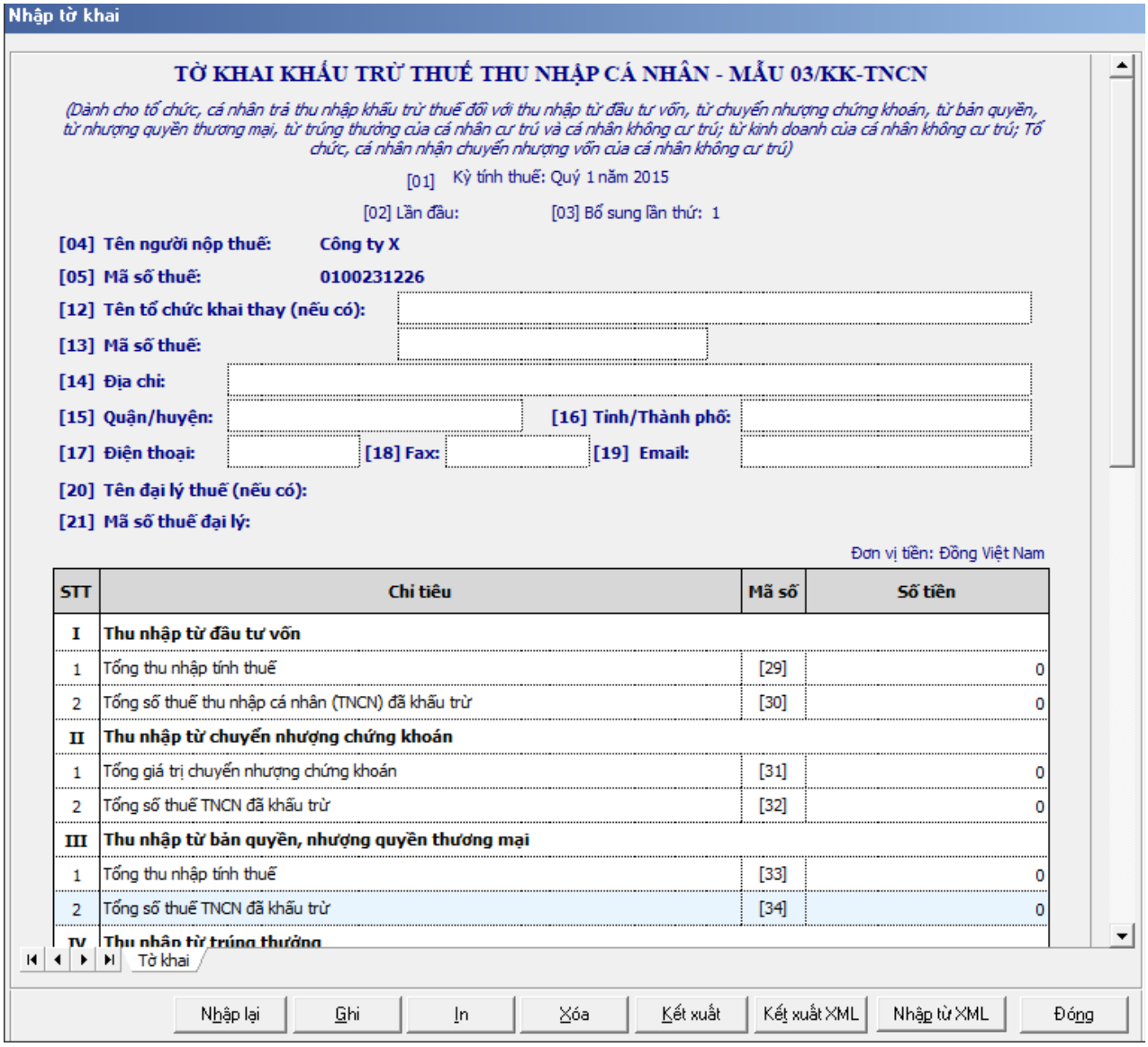


- Thông tin tổ chức khai thay
  + Chỉ tiêu [13], [15], [16], [17], [18], [19]: Nhập dạng text
  + Chỉ tiêu [14]: Nhập dạng text, kiểm tra cấu trúc MST
- Các chỉ tiêu cần kê khai
  + Nhập các chỉ tiêu [29], [32], [33], [35], [37], [39] dạng số ,không âm, mặc định là 0
  + Nhập chỉ tiêu [38], kiểm tra <= 5%* [37]
- Các chỉ tiêu tự tính: Ứng dụng hỗ trợ tính toán theo công thức:
  + Chỉ tiêu [30]= 5% * chỉ tiêu [29], cho phép sửa nếu vượt quá [29] thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [30] không được vượt quá chỉ tiêu [29]"
  + Chỉ tiêu [32]= 0,05% * chỉ tiêu [31], cho phép sửa nếu vượt quá [31] thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [32] không được vượt quá chỉ tiêu [31]"

+ Trường hợp nếu kỳ tính thuế từ tháng 01/2013 thì chỉ tiêu [32] = 0,1% * [31], cho phép sửa sửa nếu vượt quá [31] thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [32] không được vượt quá chỉ tiêu [31]"
+ Chỉ tiêu [34] = 5%* chỉ tiêu [33]
+ Chỉ tiêu [36] = 10% * chỉ tiêu [35]
+ Chỉ tiêu [40] = 0,1% * [39], cho phép sửa

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

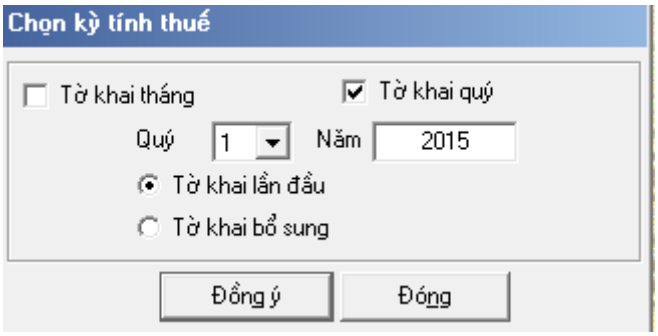
- Chọn "Tờ khai bổ sung" và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 03/KK-TNCN theo Quý với hộp chọn " bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" và lần bổ sung số mấy như hình dưới



3.5.7 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 07/KK-TNCN (Cá nhân tự khai) theo thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

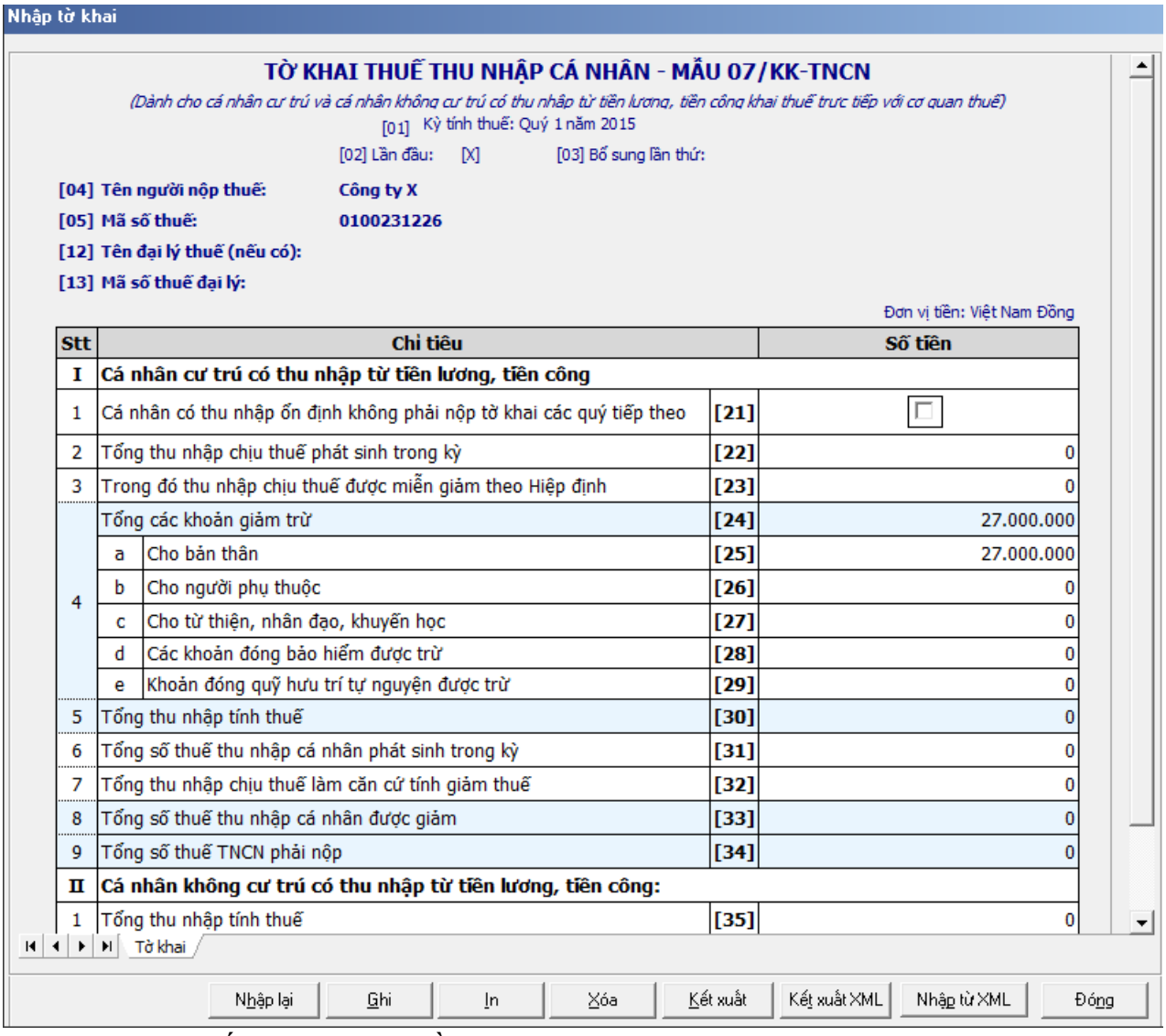
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "TK TNCN Mẫu 07/KK-TNCN" khi đó màn hình chọn kỳ kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Ứng dụng thực hiện hết hiệu lực của tờ khai có kỳ tính thuế từ Quý 03/2015 trở đi

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

- Chọn "Tờ khai lần đầu" theo tháng hoặc quý, nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 07/KK-TNCN (Cá nhân tự khai) với hộp chọn "Lần đầu" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới



- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [21] cho phép NSD có thể đánh dấu x hoặc để trống.
  + Các chỉ tiêu nhập: [22], [23], [27], [28], [29], [35], dạng số, không âm, mặc định là 0
  + Chỉ tiêu [23] kiểm tra <= chỉ tiêu [22]
  + Chỉ tiêu [29] kiểm tra <= 3 000 000
  + Chỉ tiêu [25]:
    - Đối với kỳ kê khai trước tháng 7/2013: mặc định là 4 000 000, cho phép sửa, kiểm tra bằng 4 000 000 hoặc bằng 0.
    - Đối với kỳ kê khai từ Quý 3/2013 trở đi: mặc định là 27 000 000, cho phép sửa, kiểm tra bằng bội số của 9 000 000 và không được lớn hơn 27 000 000
  + Chỉ tiêu [26] cho phép NSD nhập
    - Đối với kỳ kê khai trước tháng 7/2013: kiểm tra là bội của 1,6

triệu.

- Đối với kỳ kê khai từ Quý 3/2013 trở đi: kiểm tra là bội của 3,6 triệu.

+ Chỉ tiêu [32] cho phép NSD nhập,kiểm tra <= chỉ tiêu [22], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng thu nhập chịu thuế làm căn cứ tính giảm thuế phải nhỏ hơn hoặc bằng Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ (chỉ tiêu [22])".
+ Chỉ tiêu [36] mặc định là 20%, không cho sửa

- Các chỉ tiêu tự tính: Ứng dụng hỗ trợ tính toán theo công thức:

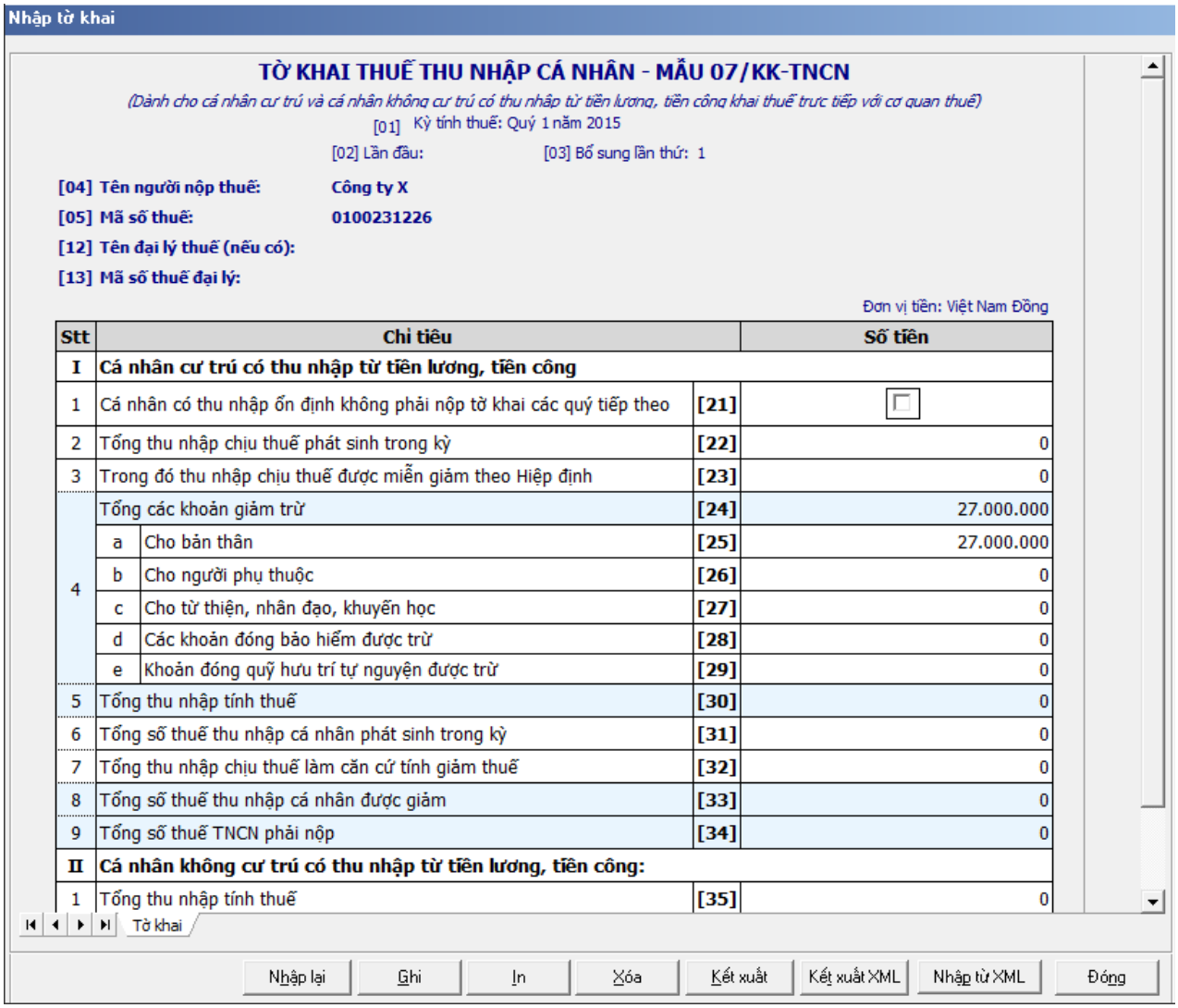
+ Chỉ tiêu [24]= [25] + [26] + [27] + [28] + [29]
+ Chỉ tiêu [30] = [22] – [23] -[24], nếu [22] – [23] - [24] < 0 thì [30] = 0
+ Chỉ tiêu [31]:
  - Đối với tờ khai có kỳ kê khai từ tháng 8/2011 đến tháng 12/2011 thì nếu chỉ tiêu [30] <= 5.000.000 thì [31] = 0, ngược lại tính theo biểu thuế lũy tiến, không cho phép sửa.
  - Đối với tờ khai ngoài kỳ kê khai từ tháng 8/2011 đến tháng 12/2011 thì tính theo biểu thuế lũy tiến, cho phép sửa, giá trị sửa phải >= 0 và nhỏ hơn chỉ tiêu [30]. Nếu [31] > [30] thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng số thuế thu nhập phát sinh trong kỳ không được lớn hơn Tổng thu nhập tính thuế"
  - Đối với kỳ kê khai từ quý 3/2013 trở đi thì [31] =([30] / 3) * biểu thuế lũy tiến * 3, cho phép sửa, giá trị sửa phải >= 0 và nhỏ hơn chỉ tiêu [30]. Nếu [31] > [30] thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng số thuế thu nhập phát sinh trong kỳ không được lớn hơn Tổng thu nhập tính thuế"
+ Chỉ tiêu [33]= [31] * [32] / [22] * 50 %
+ Chỉ tiêu [34] = [31] - [33]
+ Chỉ tiêu [37] = [35] * [36], cho phép sửa, kiểm tra <= chỉ tiêu [35] * chỉ tiêu [36]

- Kiểm tra các ràng buộc:

+ Nếu có số liệu kê khai trong mục I (chỉ tiêu [21] - [34]) thì không được có số liệu tại mục II. Và ngược lại có thông tin ở II thì không có ở phần I. Nếu không thỏa mãn UD đưa ra thông báo "Đề nghị xem lại. Nếu là cá nhân cư trú thì không kê khai phần II. Nếu là cá nhân không cư trú thì không kê khai phần I."

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

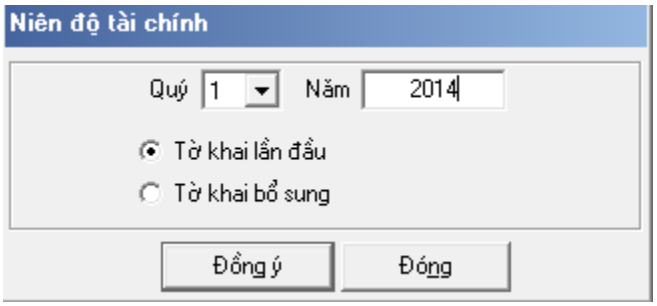
- Chọn "Tờ khai bổ sung" theo tháng hoặc quý ,và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 07/TNCN Cá nhân tự khai với hộp chọn "Bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu "Lần" thứ mấy.



3.5.8 Tờ khai tạm nộp thuế TNCN mẫu 08/KK-TNCN theo thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

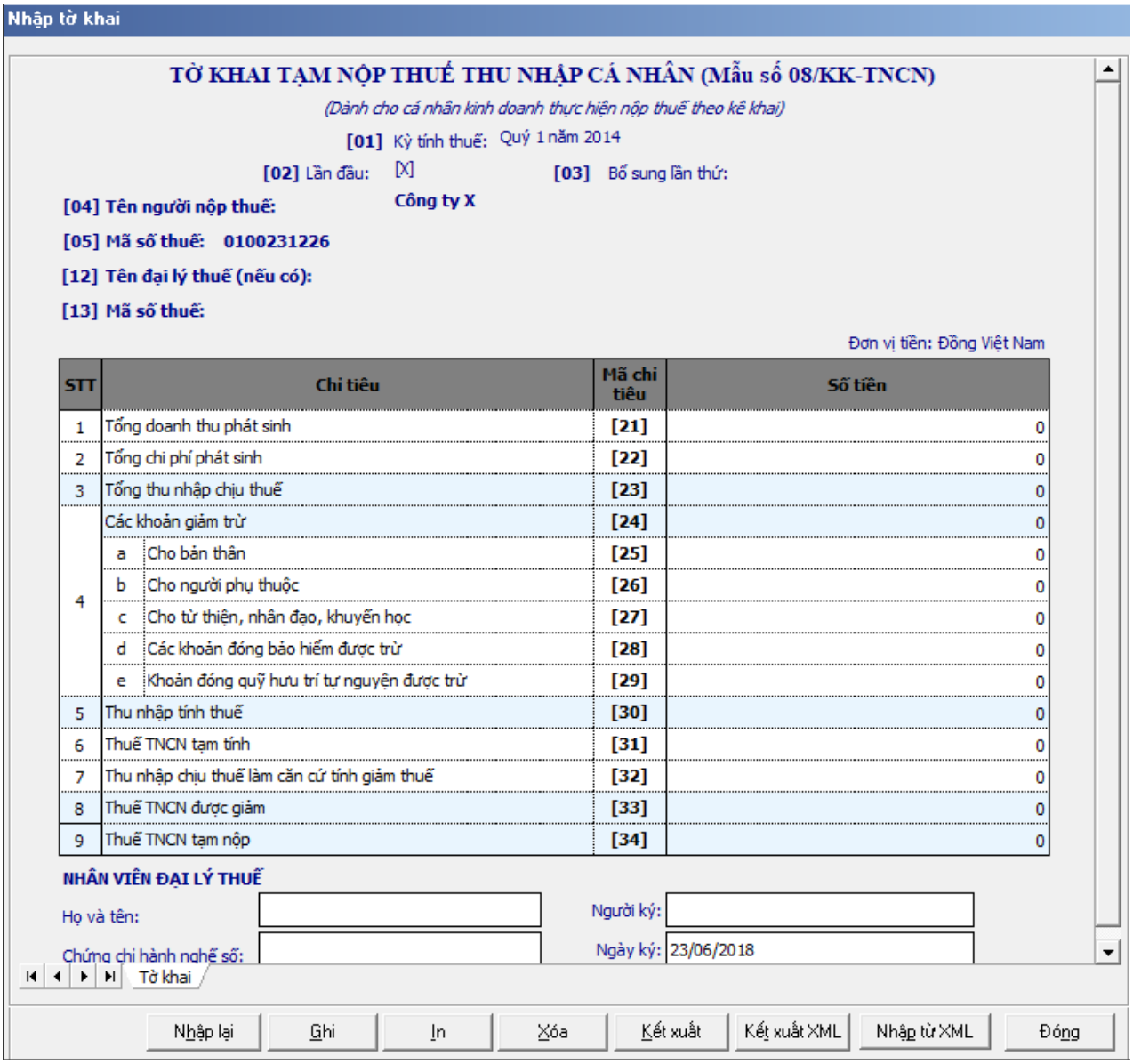
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "Tờ khai tạm nộp thuế TNCN (08/KK-TNCN)".



- Ứng dụng thực hiện hết hiệu lực của tờ khai có kỳ tính thuế từ Quý 01/2015 trở đi

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

- Chọn "Tờ khai lần đầu" theo quý, nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 08/KK-TNCN với hộp chọn "Lần đầu" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới



- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Chỉ tiêu [21], [22], [27], [28], [29]:cho phép NSD tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  + Chỉ tiêu [29] kiểm tra < = 3 000 000
  + Chỉ tiêu [25]: cho phép NSD tự nhập kiểu số, không âm
    - Đối với kỳ kê khai trước quý 3/2013 thì kiểm tra [25] bằng bội số của 4.000.000 hoặc = 0
    - Đối với kỳ kê khai từ quý 3/2013 trở đi thì kiểm tra [25] bằng bội số của 9.000.000 hoặc = 0, không được lớn hơn 27 000 000
    - Chỉ tiêu [26]: cho phép NSD tự nhập kiểu số, không cho nhập âm
    - Đối với kỳ kê khai trước quý 3/2013 thì kiểm tra [26] bằng bội số của 1.600.000

- Đối với kỳ kê khai từ quý 3/2013 trở đi thì kiểm tra [26] bằng bội số của 3.600.000

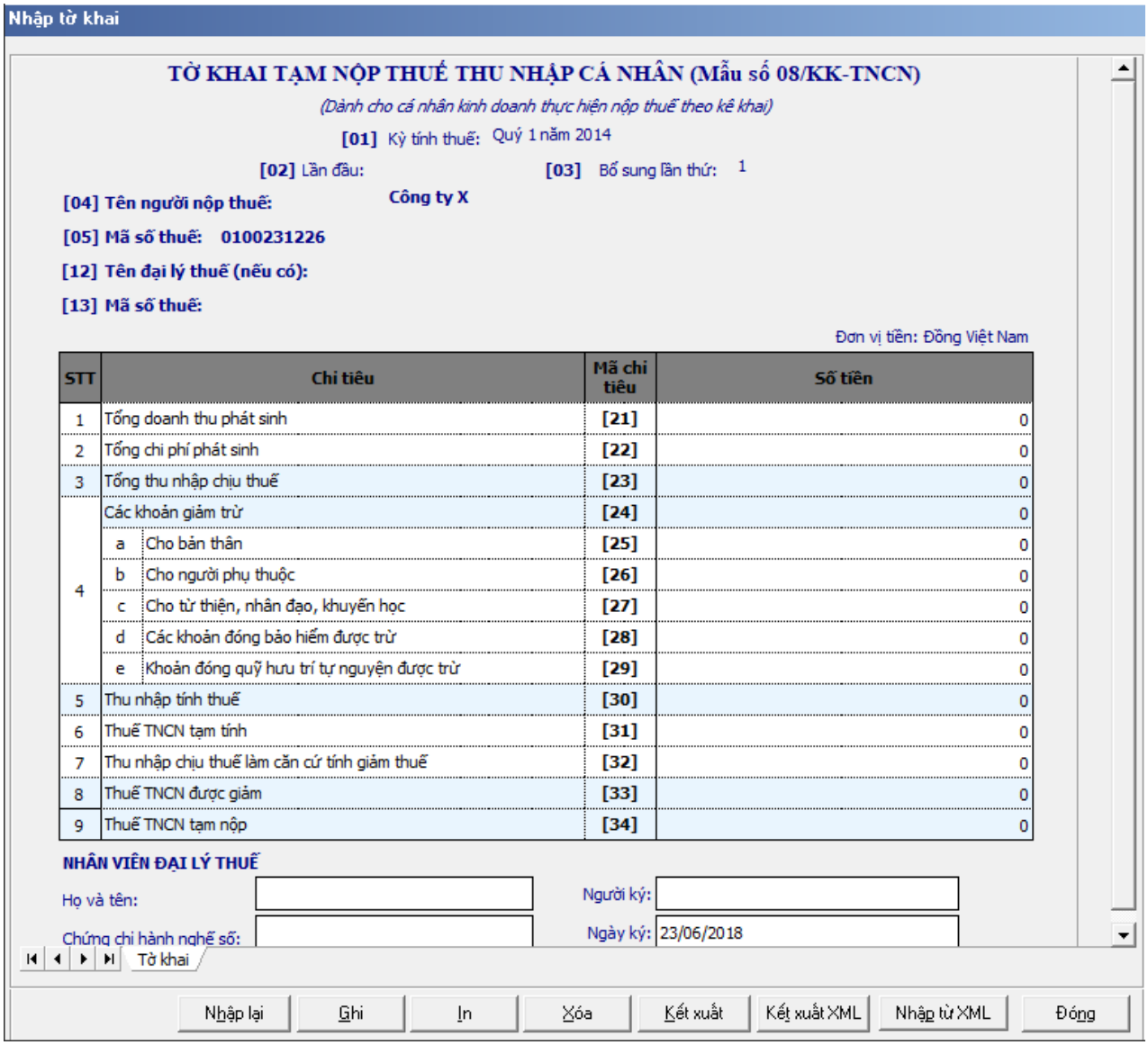
+ Chỉ tiêu [32]: cho phép NSD tự nhập kiểu số, kiểm tra <= chỉ tiêu [23]

- Các chỉ tiêu tính toán

+ Chỉ tiêu [23] = [21] - [22], kiểm tra nếu < 0 thì chỉ tiêu [23] = 0, cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [24] = [25] + [26] + [27] + [28] + [29]
+ Chỉ tiêu [30] = [23] - [24] , kiểm tra nếu < 0 thì chỉ tiêu [30] = 0
+ Chỉ tiêu [31] = ([30]/3) * biểu thuế * 3, cho sửa, kiểm tra chỉ tiêu [31] phải nhỏ hơn chỉ tiêu [30]
+ Chỉ tiêu [33] = [31] * [32] / [23] * 50%
+ Chỉ tiêu [34] = [31] - [33]

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

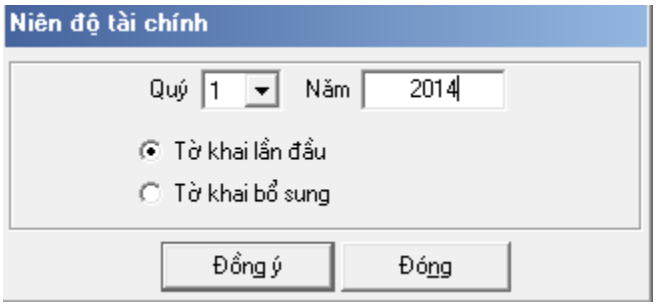
- Chọn "Tờ khai bổ sung" theo quý ,và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 08/TNCN với hộp chọn "Bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu "Lần" thứ mấy.



3.5.9 Tờ khai tạm nộp thuế TNCN mẫu 08A/KK-TNCN theo thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

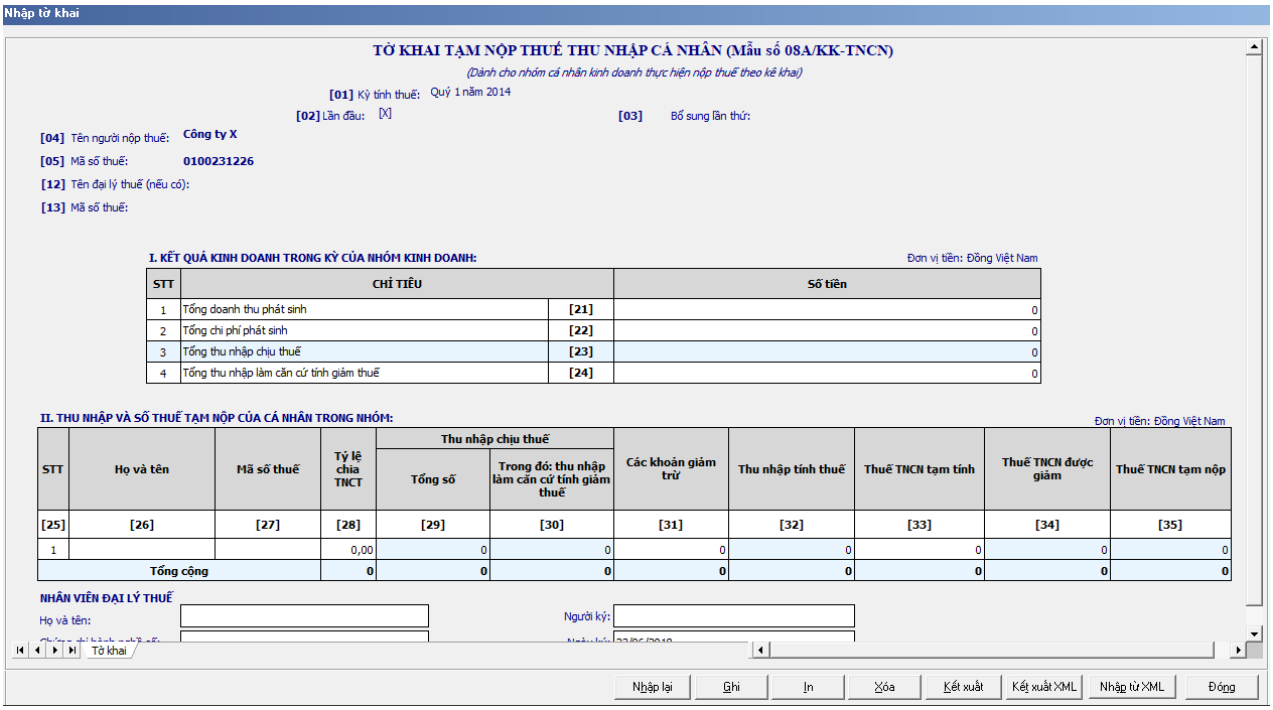
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "Tờ khai tạm nộp thuế TNCN (08A/KK-TNCN)".



- Ứng dụng thực hiện hết hiệu lực của tờ khai có kỳ tính thuế từ Quý 01/2015 trở đi

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

- Chọn "Tờ khai lần đầu" theo quý, nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 08A/KK-TNCN với hộp chọn "Lần đầu" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới

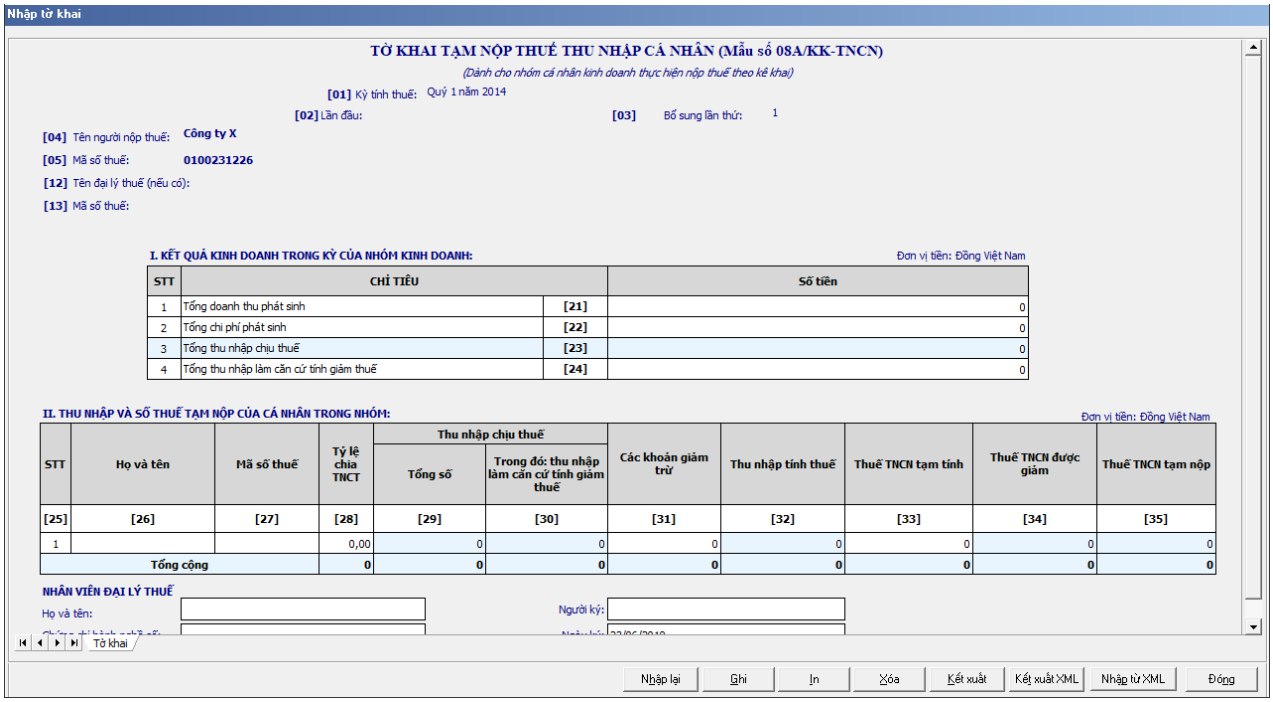


- Các chỉ tiêu cần nhập:
  - + Chỉ tiêu [21], [22], [31]: Cho phép NSD tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  - + Chỉ tiêu [24]: Cho phép NSD tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra chỉ tiêu [24] < = chỉ tiêu [23]
  - + Chỉ tiêu [25]: Ứng dụng hỗ trợ tự tăng
  - + Chỉ tiêu [26]: Cho phép NSD tự nhập dạng text, tối đa 200 ký tự
  - + Chỉ tiêu [27]: cho phép NSD tự nhập 10 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
  - + Chỉ tiêu [28]: Cho phép NSD tự nhập số theo dạng xx,xx
- Các chỉ tiêu tính toán:
  - + Chỉ tiêu [23] = [21] - [22], kiểm tra nếu <0 thì chỉ tiêu [23] = 0
  - + Chỉ tiêu [29] = chỉ tiêu [23] * [28]
  - + Chỉ tiêu [30] = chỉ tiêu [24] * [28]
  - + Chỉ tiêu [32] = chỉ tiêu [29] - [31]

+ Chỉ tiêu [33] = ([32]/3) * biểu thuế * 3, cho phép sửa, kiểm tra [33] <= [32]
+ Chỉ tiêu [34] = chỉ tiêu [33] * [30] / [29] * 50%
+ Chỉ tiêu [35] = chỉ tiêu [33] - [34], kiểm tra nếu kết quả âm thì [35]= 0
+ Chỉ tiêu [36] = tổng các dòng của cột chỉ tiêu [28], nếu khác 100% thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng tỷ lệ chia TNCT phải bằng 100%)
+ Chỉ tiêu [37] = tổng các dòng của cột chỉ tiêu [29], kiểm tra = chỉ tiêu [23], cho phép lệch không quá 5 đồng, nếu khác thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng thu nhập chịu thuế của cá nhân trong nhóm phải bằng chỉ tiêu [23]"
+ Chỉ tiêu [38] = tổng các dòng của cột chỉ tiêu [30], kiểm tra = chỉ tiêu [24], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế của cá nhân trong nhóm phải bằng chỉ tiêu [24]"
+ Chỉ tiêu [39] = tổng các dòng của cột chỉ tiêu [31]
+ Chỉ tiêu [40] = tổng các dòng của cột chỉ tiêu [32]
+ Chỉ tiêu [41] = tổng các dòng của cột chỉ tiêu [33]
+ Chỉ tiêu [42] = tổng các dòng của cột chỉ tiêu [34]
+ Chỉ tiêu [43] = tổng các dòng của cột chỉ tiêu [35]

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

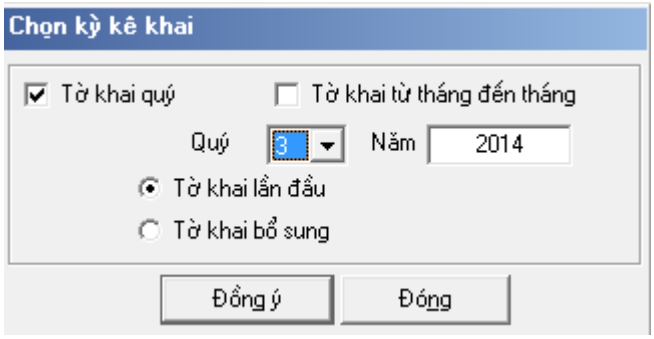
- Chọn "Tờ khai bổ sung" theo quý ,và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 08A/TNCN với hộp chọn "Bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu "Lần" thứ mấy.



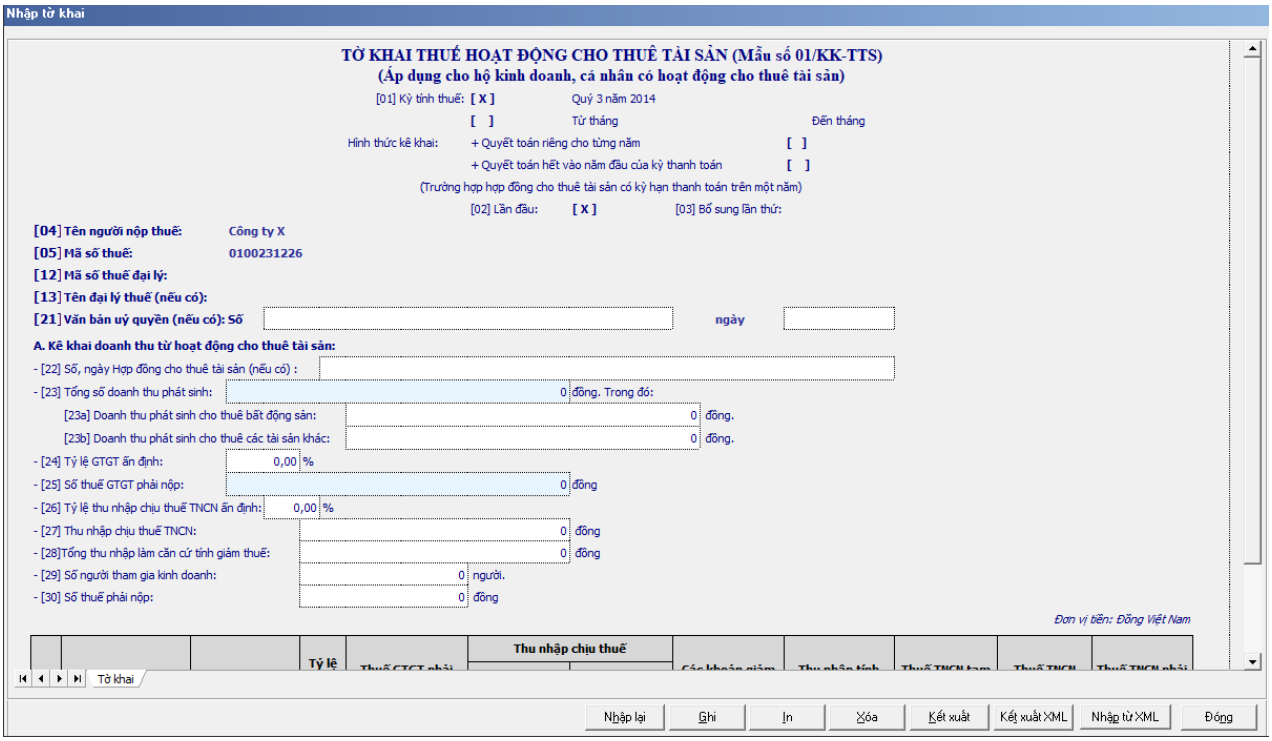
3.5.10 Tờ khai thuế với hoạt động cho thuê tài sản – 01/KK-TTS theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "Tờ khai cho thuê tài sản (01/KK-TTS)".



- Hết hiệu lực mẫu biểu tờ khai năm từ năm 2015 trở đi, tờ khai theo kỳ thanh toán từ kỳ 1/7/2015 trở đi
- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế bạn cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng Quý hiện tại -1 hoặc kỳ tính thuế theo Từ tháng - Đến tháng. Bạn có thể nhập kỳ tính thuế mà muốn kê khai nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hiện tại.
  + Trạng thái tờ khai: Bạn hãy chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu hay Tờ khai bổ sung.
  + Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 01/KK-TTS
- Việc kê khai tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung tương tự như tờ 01/KK-TTS, màn hình giao diện tờ khai như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [21], [22]: Nhập text độ dài tối đa 100 ký tự
  + Chỉ tiêu [23a], [23b]: Nhập kiểu số, không âm mặc định là 0
  + Chỉ tiêu [24] : Nhập kiểu xx,xx%
  + Chỉ tiêu [26]: Nhập kiểu xx,xx%
  + Chỉ tiêu [28], [29], [30]: Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  + Chỉ tiêu [31]: UD hỗ trợ tự động tăng
  + Chỉ tiêu [32]: Nhập text tối đa 250 ký tự
  + Chỉ tiêu [33]: Nhập text tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
  + Chỉ tiêu [34]: Nhập xx,xx%
  + Chỉ tiêu [38]: Nhập kiểu số, không âm mặc định là 0
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [23] = [23a] + [23b]
  + Chỉ tiêu [25] = [23] * [24].
  + Chỉ tiêu [27] = [23] * [26]
  + Chỉ tiêu [35] = [25] * [34]
  + Chỉ tiêu [36] = [27] * [34]
  + Chỉ tiêu [37] = [28] * [34]
  + Chỉ tiêu [39] = [36] – [38], nếu âm thì [39] = 0
  + Chỉ tiêu [40]: Ứng dụng hỗ trợ tính theo biểu thuế lũy tiến của chỉ tiêu [39], cho phép sửa
    - Đối với tờ khai quý thì [40] = ([39] / 3) * biểu thuế * 3

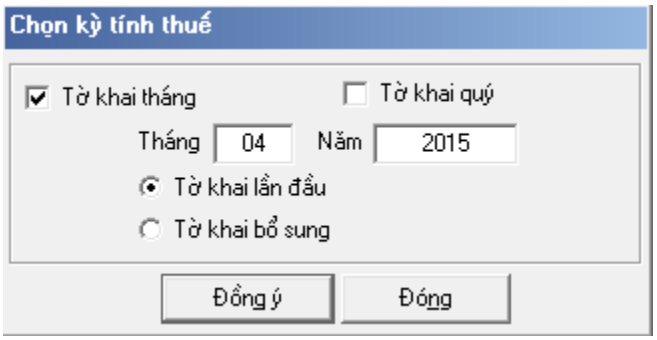
- Đối với tờ khai từ tháng … đến tháng thì [40] = ([39] / số tháng) * biểu thuế * số tháng

+ Chỉ tiêu [41] = [40] * [37] / [36] * 50%
+ Chỉ tiêu [42] = [40] – [41], nếu âm thì [42] = 0
+ Chỉ tiêu [43] = tổng các dòng của cột chỉ tiêu [34], nếu khác 100% thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng tỷ lệ chia TNCT phải bằng 100%)
+ Chỉ tiêu [45] = tổng các dòng của cột chỉ tiêu [36], kiểm tra = chỉ tiêu [27], nếu khác thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng thu nhập chịu thuế của cá nhân trong nhóm phải bằng chỉ tiêu [27]"
+ Chỉ tiêu [46] = tổng các dòng của cột chỉ tiêu [37], kiểm tra = chỉ tiêu [28], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế của cá nhân trong nhóm phải bằng chỉ tiêu [28]"
+ Chỉ tiêu [47] = Tổng các dòng của cột chỉ tiêu [38]
+ Chỉ tiêu [48] = Tổng các dòng của cột chỉ tiêu [39]
+ Chỉ tiêu [49] = Tổng các dòng của cột chỉ tiêu [40]
+ Chỉ tiêu [50] = Tổng các dòng của cột chỉ tiêu [41]
+ Chỉ tiêu [51] = Tổng các dòng của cột chỉ tiêu [42]

3.5.11 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 01/KK-BHDC theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

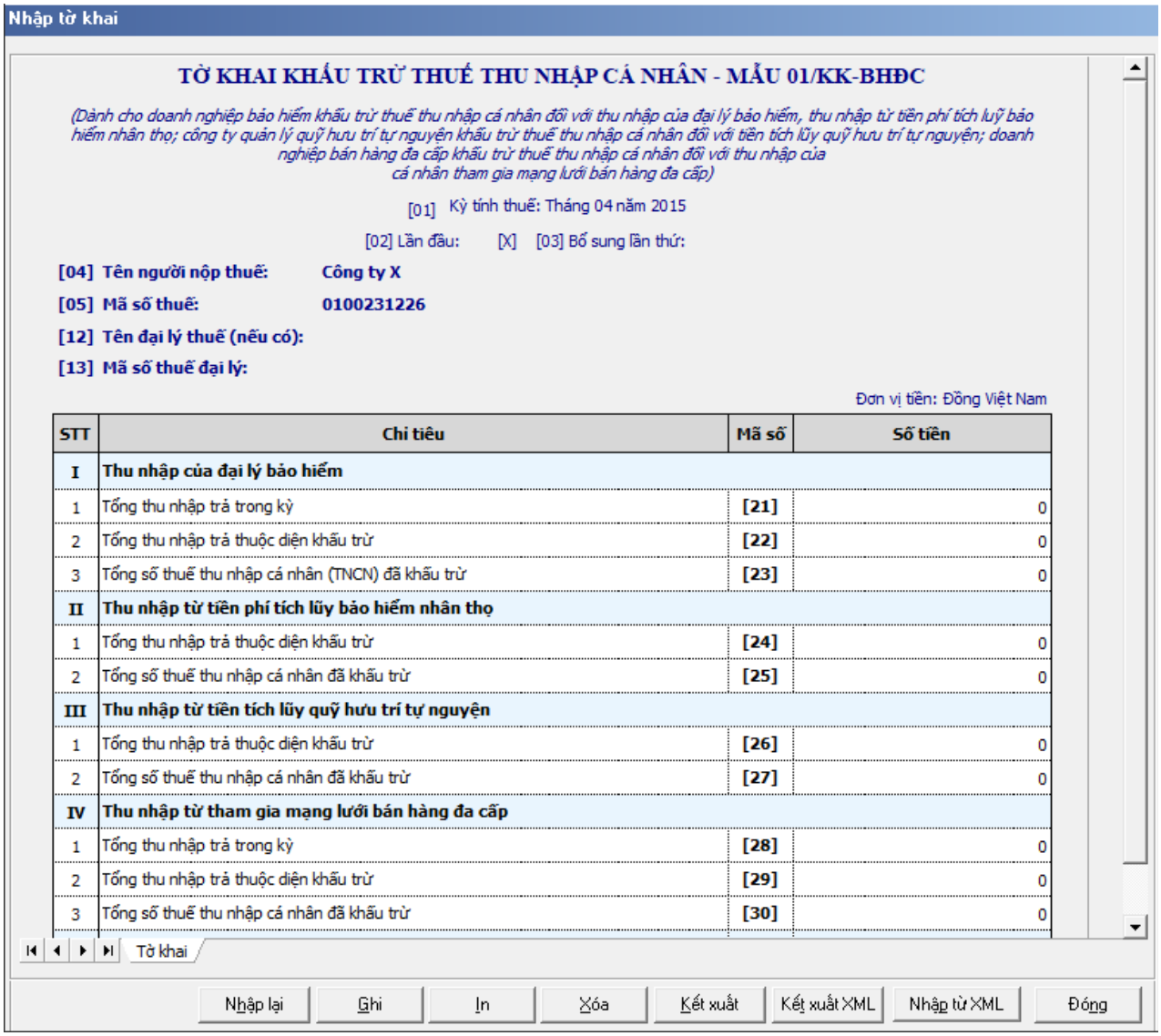
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "Tờ khai TNCN (01/KK-BHDC)".



- Hết hiệu lực kê khai mẫu biểu từ kỳ tháng 7/2015 và kỳ quý 3/2015 trở đi

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

- Chọn "Tờ khai lần đầu" theo tháng/quý, nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 01/KK-BHDC với hộp chọn "Lần đầu" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới

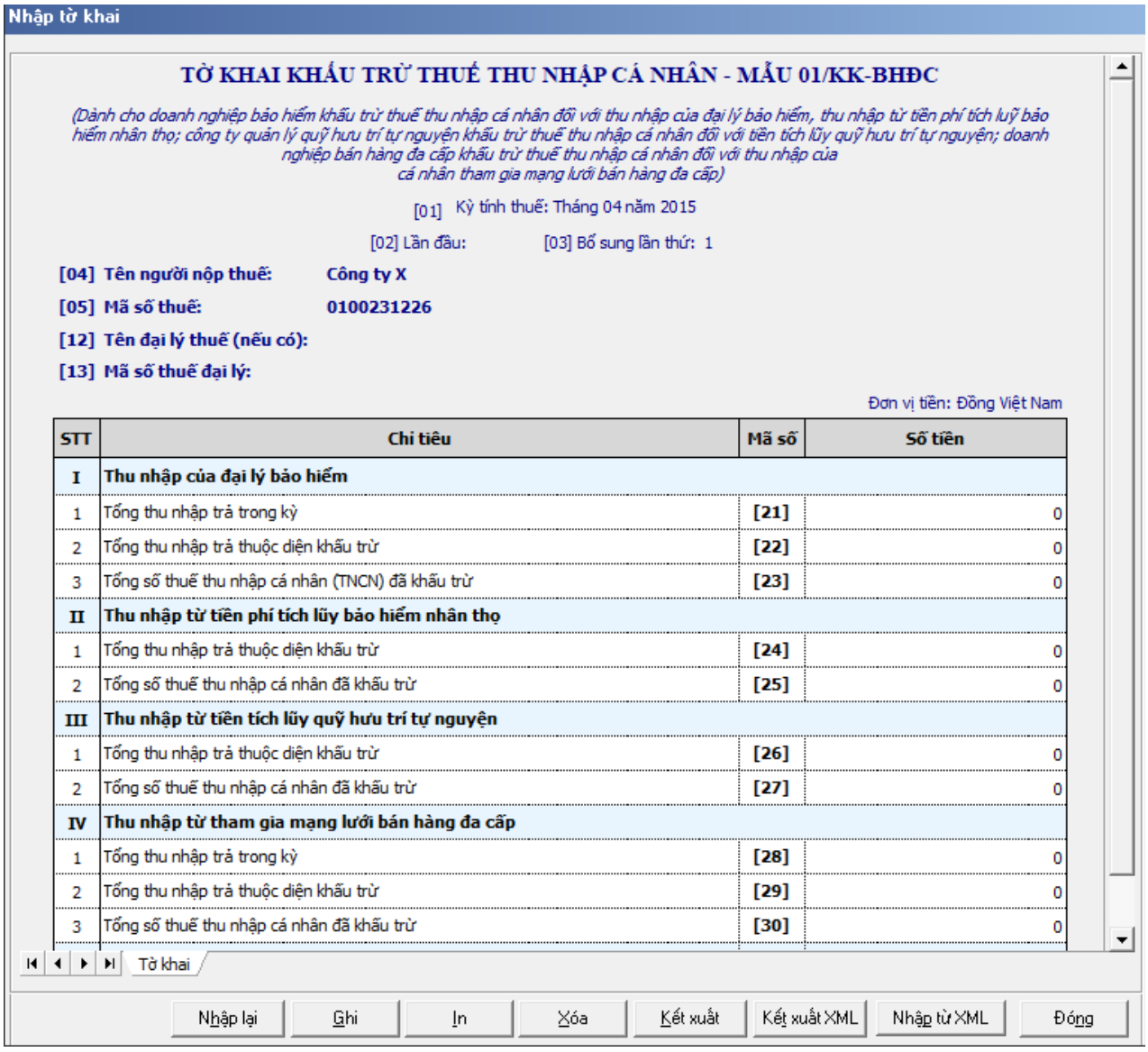


- Chi tiết các chỉ tiêu như sau:
  + Chỉ tiêu [21], [24], [26], [28]: Mặc định là 0, cho phép nhập số không âm.
  + Chỉ tiêu [22]: Mặc định là 0, cho phép nhập số không âm, kiểm tra chỉ tiêu [22] <= chỉ tiêu [21], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [22] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [21]"
  + Chỉ tiêu [23]: Mặc định là 0, cho phép nhập số không âm, kiểm tra chỉ tiêu [23] <= chỉ tiêu [22], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [23] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [22]"
  + Chỉ tiêu [25] = [24] * 10%, không cho phép sửa
  + Chỉ tiêu [27] = [26] * 10%, không cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [29]: Mặc định là 0, cho phép nhập số không âm, kiểm tra chỉ tiêu [29] <= chỉ tiêu [28], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [29] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [28]"
+ Chỉ tiêu [30]: Mặc định là 0, cho phép nhập số không âm, kiểm tra chỉ tiêu [30] <= chỉ tiêu [29], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [30] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [29]"
+ Chỉ tiêu [31] = [23] + [25] + [27] + [30]

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

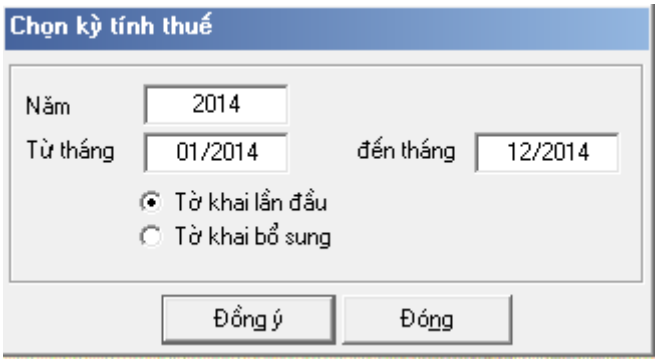
- Chọn "Tờ khai bổ sung" theo tháng/quý ,và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế TNCN mẫu 01/KK-BHDC với hộp chọn "Bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu "Lần" thứ mấy.



3.5.12 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 02/KK-XS theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

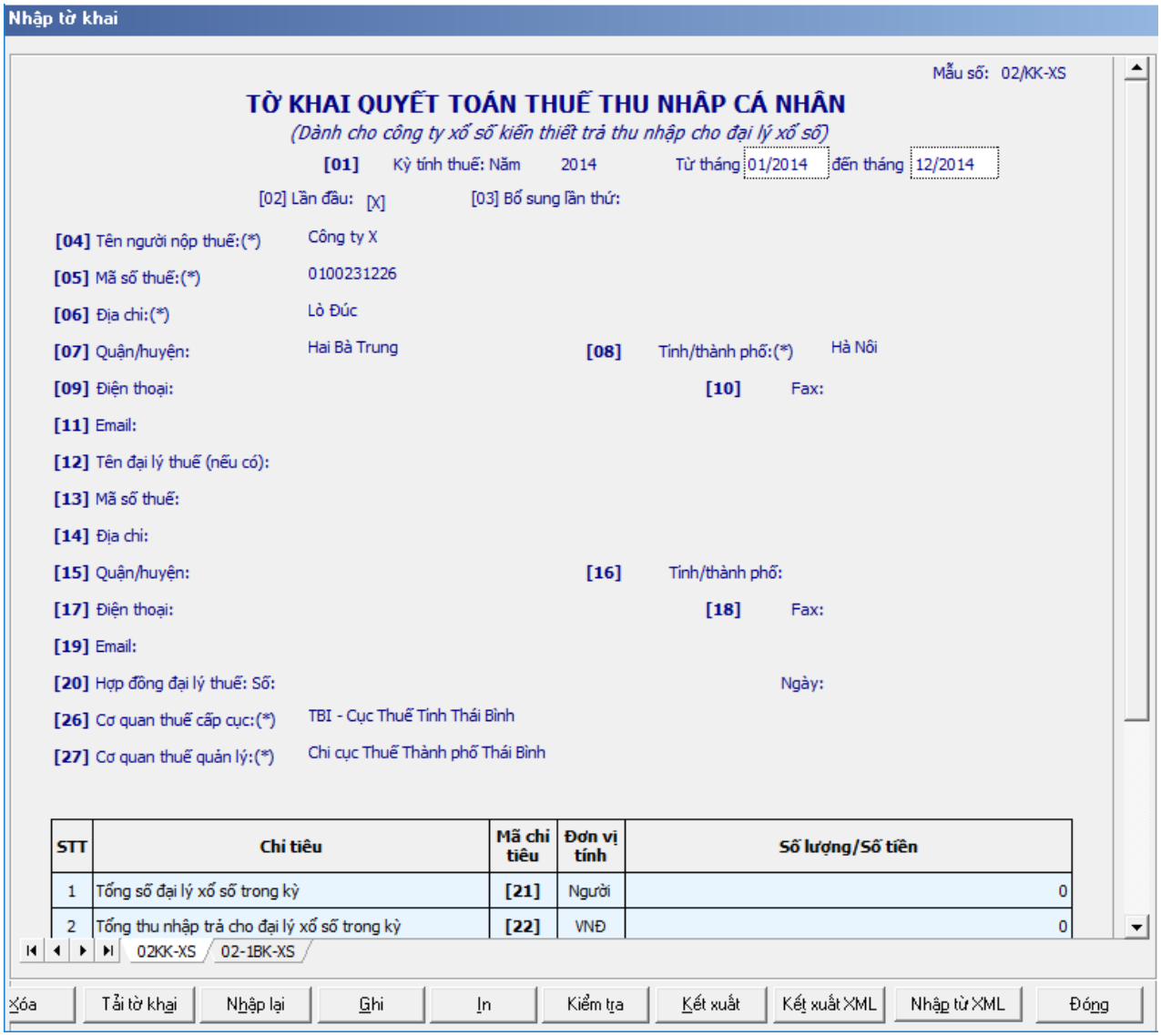
- Từ menu chức năng "Kê khai/Quyết toán Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "Tờ khai 02/KK-XS" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hết hiệu lực kê khai mẫu biểu từ kỳ năm 2015 trở đi

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

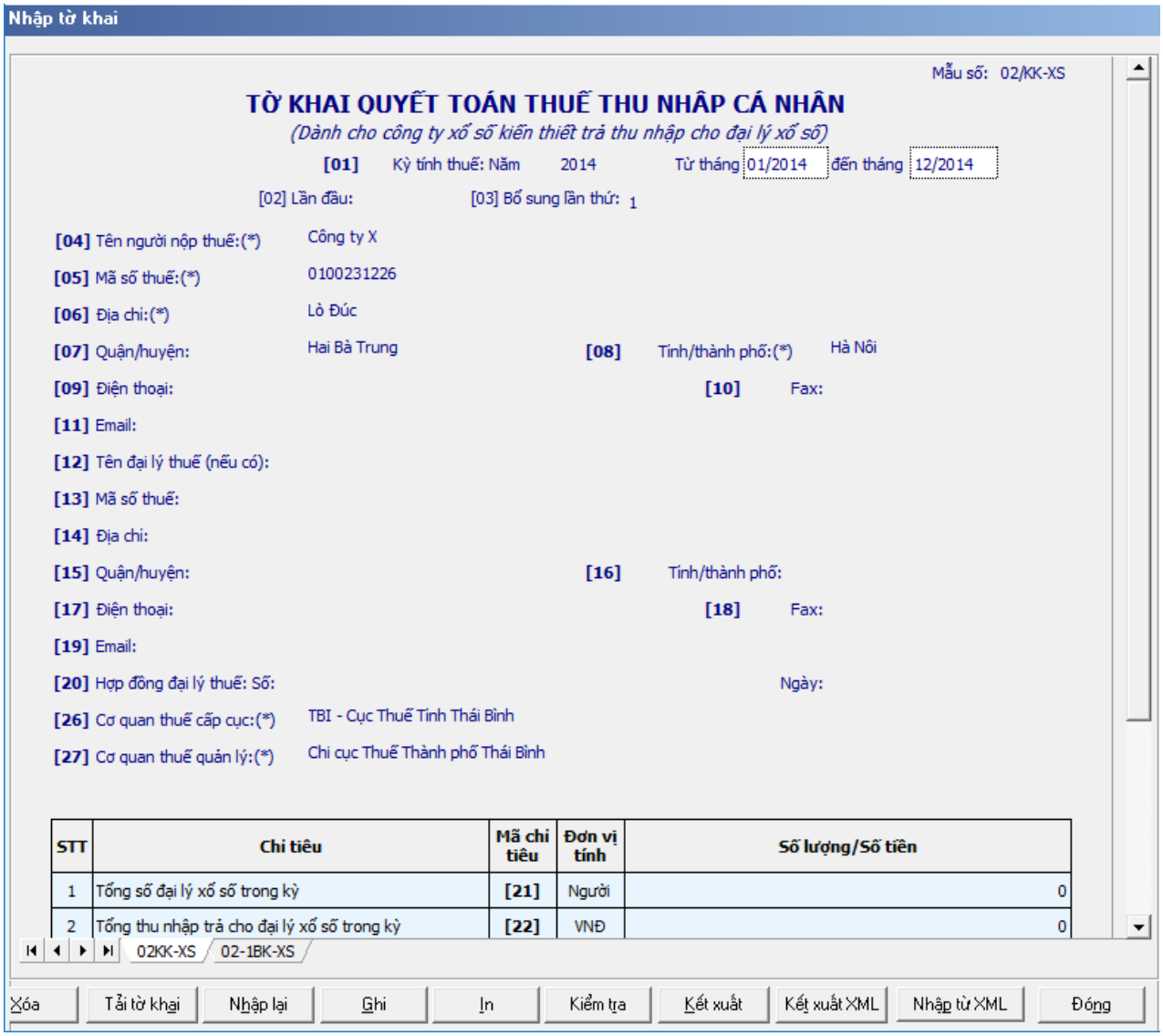
- Chương trình mặc định chọn các phụ lục cần kê khai. Chọn "Tờ khai lần đầu", sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý xổ số trả thu nhập cho đại lý xổ số (02/KK-XS) với hộp chọn "Chính thức" được đánh dấu.



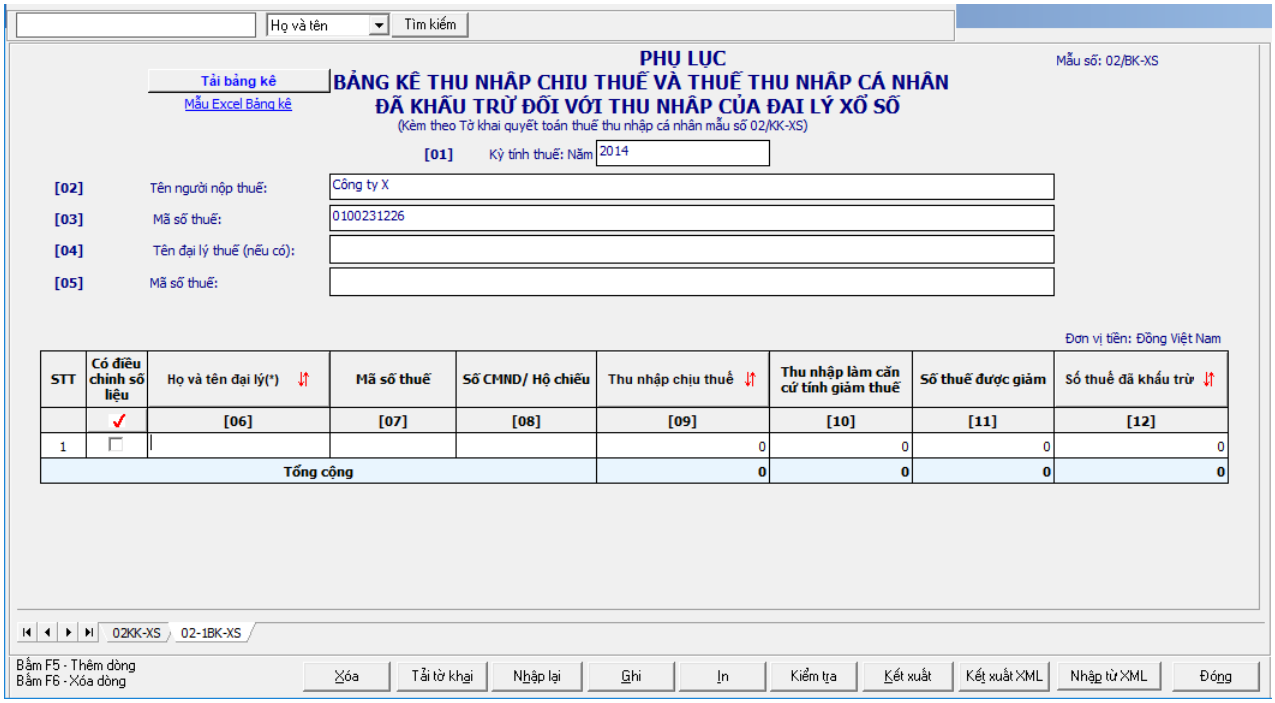
+ Các chỉ tiêu được tổng hợp từ bảng kê thu nhập chịu thuế : [21], [22], [23], [24], [25]

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Chọn "Tờ khai bổ sung" theo tháng/quý ,và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 02/KK-XS với hộp chọn "Bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu "Lần" thứ mấy.


Nhập tờ khai
Mẫu số: 02/KK-XS
TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho công ty xổ số kiến thiết trả thu nhập cho đại lý xổ số)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2014 Từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2014
[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1
[04] Tên người nộp thuế:(*) Công ty X
[05] Mã số thuế:(*) 0100231226
[06] Địa chỉ:(*) Lò Đúc
[07] Quận/huyện: Hai Bà Trưng
[08] Tỉnh/thành phố:(*) Hà Nội
[09] Điện thoại:
[10] Fax:
[11] Email:
[12] Tên đại lý thuế (nếu có):
[13] Mã số thuế:
[14] Địa chỉ:
[15] Quận/huyện:
[16] Tỉnh/thành phố:
[17] Điện thoại:
[18] Fax:
[19] Email:
[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:
Ngày:
[26] Cơ quan thuế cấp cục:(*) TBI - Cục Thuế Tỉnh Thái Bình
[27] Cơ quan thuế quản lý:(*) Chi cục Thuế Thành phố Thái Bình
STT
Chỉ tiêu
Mã chỉ tiêu
Đơn vị tính
Số lượng/Số tiền
1 Tổng số đại lý xổ số trong kỳ [21] Người 0
2 Tổng thu nhập trả cho đại lý xổ số trong kỳ [22] VNĐ 0
02KK-XS
02-1BK-XS
Xóa
Tải tờ khai
Nhập lại
Ghi
In
Kiểm tra
Kết xuất
Kết xuất XML
Nhập từ XML
Đóng

Bảng kê 02-1/BK-TNCN: Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ đối với thu nhập của đại lý xổ số



+ Cột bắt buộc nhập : Họ và tên, Một trong hai cột Mã số thuế hoặc Số CMTND
+ Nhập chỉ tiêu : [09]
+ Nhập chỉ tiêu [10] < [09]
+ Nhập chỉ tiêu [11] < [10]
+ Nhập chỉ tiêu [12] < [09]
+ Để thực hiện việc tải bảng kê thì NNT vào phần Mẫu excel bảng kê để lấy mẫu excel và nhập dữ liệu theo đúng định dạng của mẫu sau đó chọn chức năng Tải bảng kê và tải tương tự như các phụ lục trên tờ 01/GTGT

3.5.13 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 02/KK-BHĐC theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

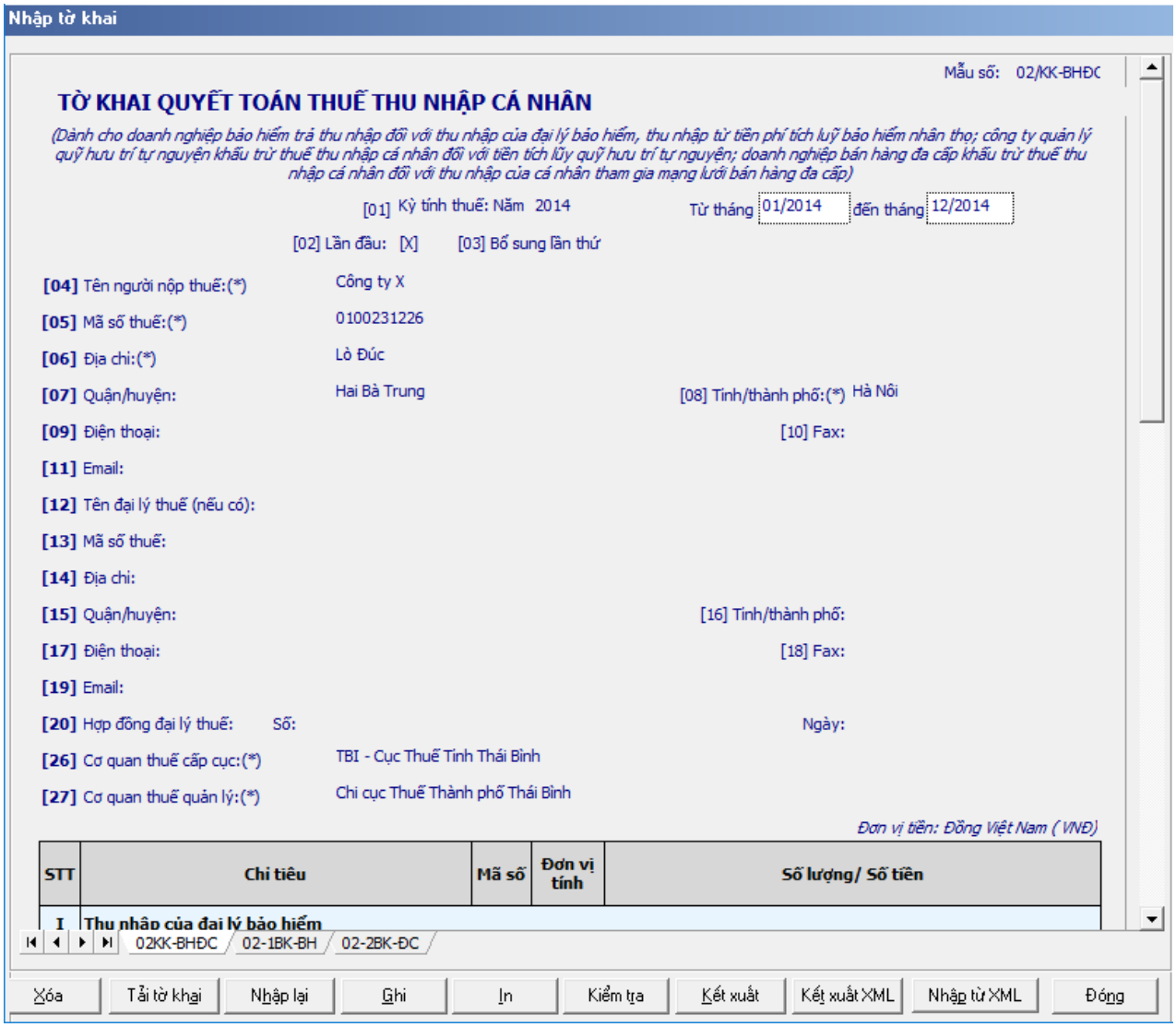
- Từ menu chức năng "Kê khai/Quyến toán Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "Tờ khai 02/KK-BHĐC" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hết hiệu lực kê khai mẫu biểu từ kỳ năm 2015 trở đi

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

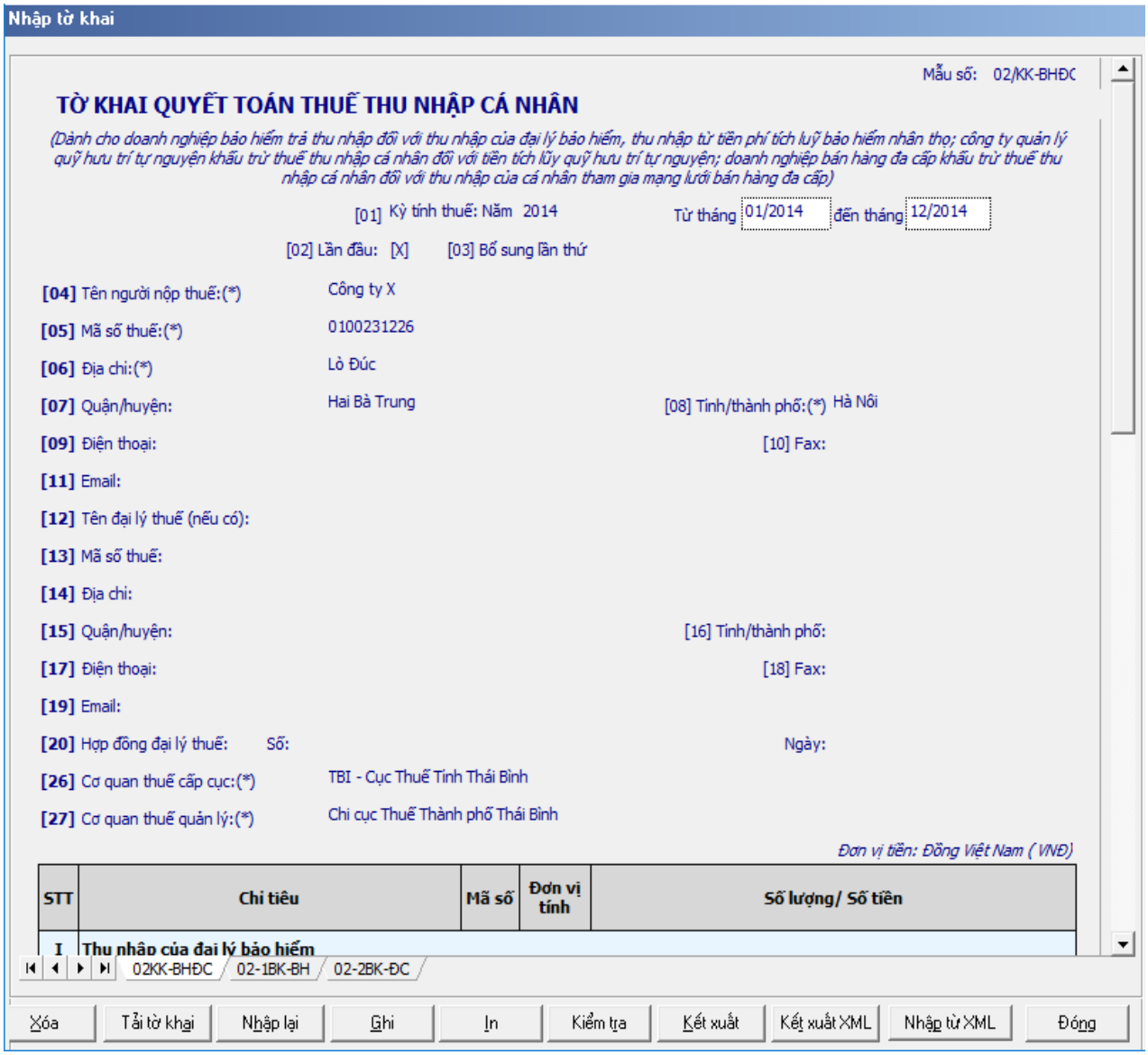
- Chọn "Tờ khai lần đầu", chương trình mặc định chọn các phụ lục cần kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý bảo hiểm trả thu nhập cho đại lý bảo hiểm đa cấp (02/KK-BHĐC) với hộp chọn "Chính thức" trên tờ khai được đánh dấu "x" như hình dưới



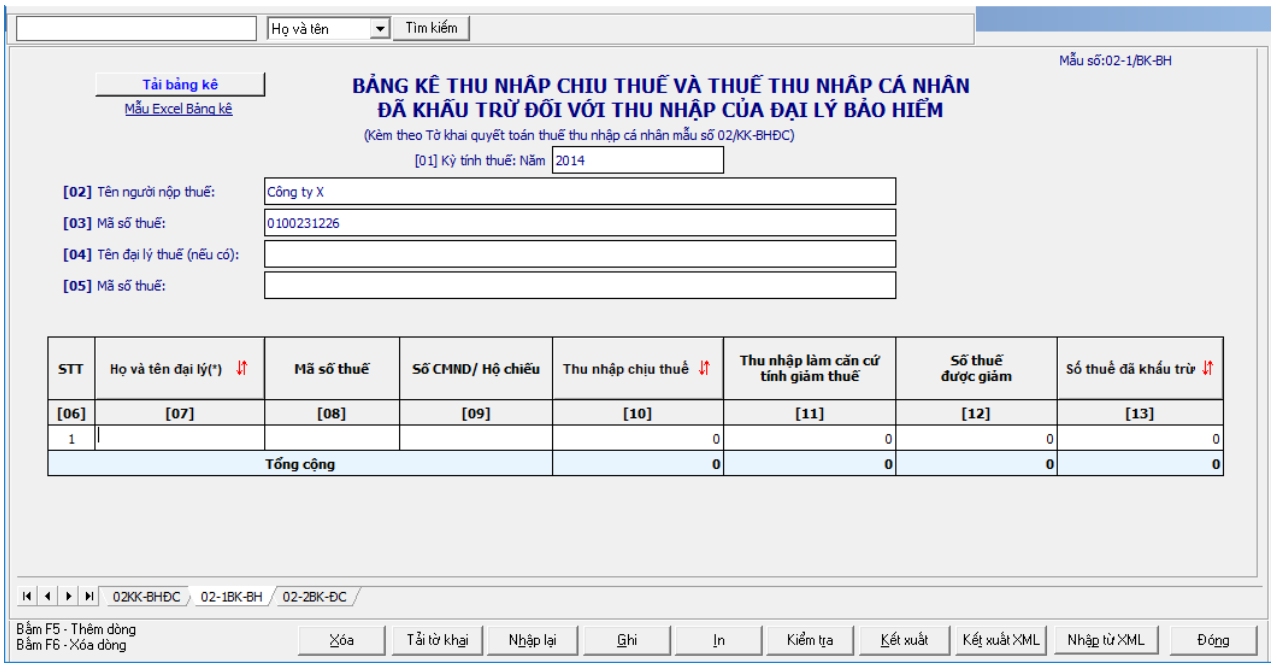
+ Các chỉ tiêu được tổng hợp từ bảng kê thu nhập chịu thuế : [21], [22], [23], [24], [25], [32], [33], [34], [35], [36]
+ Chỉ tiêu [26], [27], [28], [29], [30], [31]: Mặc định là 0, cho phép nhập số không âm, tối đa 20 chữ số
+ Chỉ tiêu [37] = [25] + [28] + [31] + [36]

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Chọn "Tờ khai bổ sung" ,và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN dành cho cơ sở giao đại lý bảo hiểm trả thu nhập cho đại lý bảo hiểm (02/KK-BHĐC) với hộp chọn "Bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu "Lần" thứ mấy

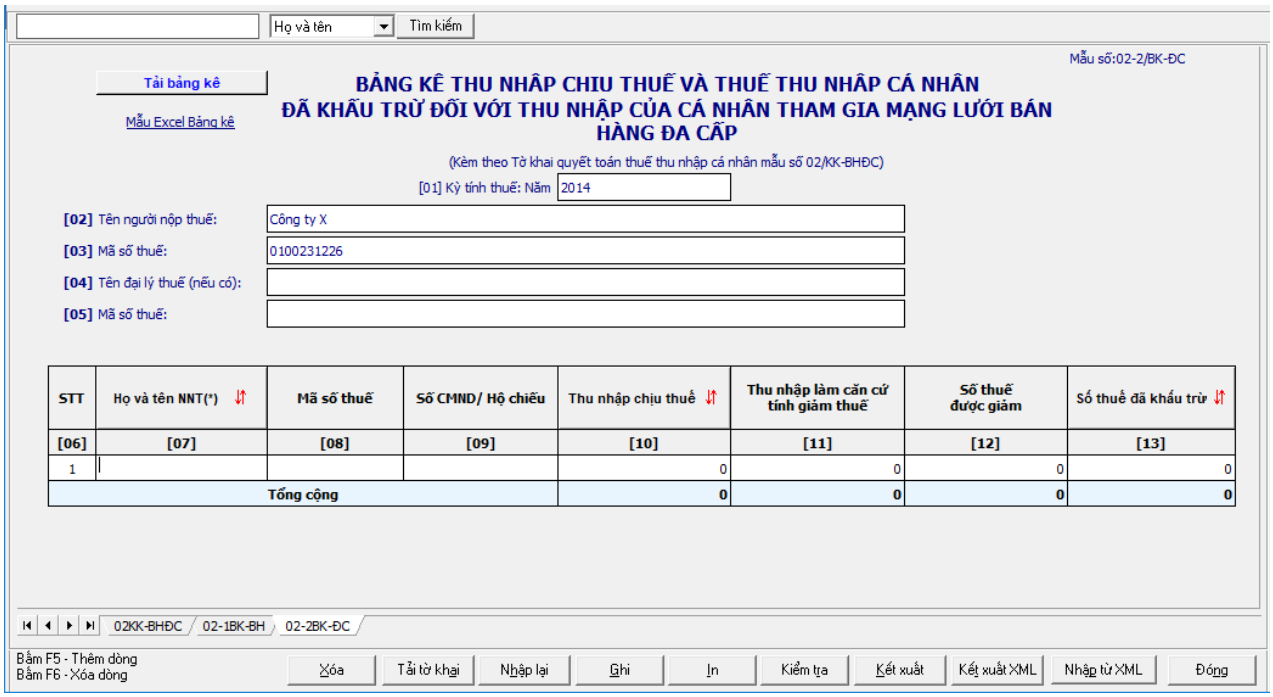

Nhập tờ khai
Mẫu số: 02/KK-BHĐC
TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho doanh nghiệp bảo hiểm trả thu nhập đối với thu nhập của đại lý bảo hiểm, thu nhập từ tiền phí tích luỹ bảo hiểm nhân thọ; công ty quản lý quỹ hưu trí tự nguyện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tiền tích lũy quỹ hưu trí tự nguyện; doanh nghiệp bán hàng đa cấp khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập của cá nhân tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2014 Từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2014
[02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ
[04] Tên người nộp thuế:(*) Công ty X
[05] Mã số thuế:(*) 0100231226
[06] Địa chỉ:(*) Lò Đúc
[07] Quận/huyện: Hai Bà Trưng [08] Tỉnh/thành phố:(*) Hà Nội
[09] Điện thoại: [10] Fax:
[11] Email:
[12] Tên đại lý thuế (nếu có):
[13] Mã số thuế:
[14] Địa chỉ:
[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:
[17] Điện thoại: [18] Fax:
[19] Email:
[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:
[26] Cơ quan thuế cấp cục:(*) TBI - Cục Thuế Tỉnh Thái Bình
[27] Cơ quan thuế quản lý:(*) Chi cục Thuế Thành phố Thái Bình
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)
STT
Chi tiêu
Mã số
Đơn vị tính
Số lượng/ Số tiền
I
Thu nhập của đại lý bảo hiểm
02KK-BHĐC
02-1BK-BH
02-2BK-ĐC
Xóa
Tải tờ khai
Nhập lại
Ghi
In
Kiểm tra
Kết xuất
Kết xuất XML
Nhập từ XML
Đóng

Bảng kê 02-1/BK-BH: Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ đối với thu nhập của đại lý bảo hiểm



+ Cột bắt buộc nhập : Họ và tên, Một trong hai cột Mã số thuế hoặc Số CMTND
+ Nhập các chỉ tiêu : [10]
+ Nhập các chỉ tiêu [11] kiểu số, không âm và [11] phải nhỏ hơn chỉ tiêu [10]
+ Nhập các chỉ tiêu [12] kiểu số, không âm và [12] phải nhỏ hơn chỉ tiêu [11]
+ Nhập các chỉ tiêu [13] kiểu số, không âm và [13] phải nhỏ hơn chỉ tiêu [10]
+ Để thực hiện việc tải bảng kê thì NNT vào phần Mẫu excel bảng kê để lấy mẫu excel và nhập dữ liệu theo đúng định dạng của mẫu sau đó chọn chức năng Tải bảng kê và tải tương tự như các phụ lục trên tờ 01/GTGT

Bảng kê 02-2/BK-ĐC: Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ đối với thu nhập của cá nhân tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp



+ Cột bắt buộc nhập : Họ và tên, Một trong hai cột Mã số thuế hoặc Số CMTND
+ Nhập các chỉ tiêu : [10]
+ Nhập các chỉ tiêu [11] kiểu số, không âm và [11] phải nhỏ hơn chỉ tiêu [10]
+ Nhập các chỉ tiêu [12] kiểu số, không âm và [12] phải nhỏ hơn chỉ tiêu [11]
+ Nhập các chỉ tiêu [13] kiểu số, không âm và [13] phải nhỏ hơn chỉ tiêu [10]
+ Để thực hiện việc tải bảng kê thì NNT vào phần Mẫu excel bảng kê để lấy mẫu excel và nhập dữ liệu theo đúng định dạng của mẫu sau đó chọn chức năng Tải bảng kê và tải tương tự như các phụ lục trên tờ 01/GTGT

3.5.14 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 05/KK-TNCN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

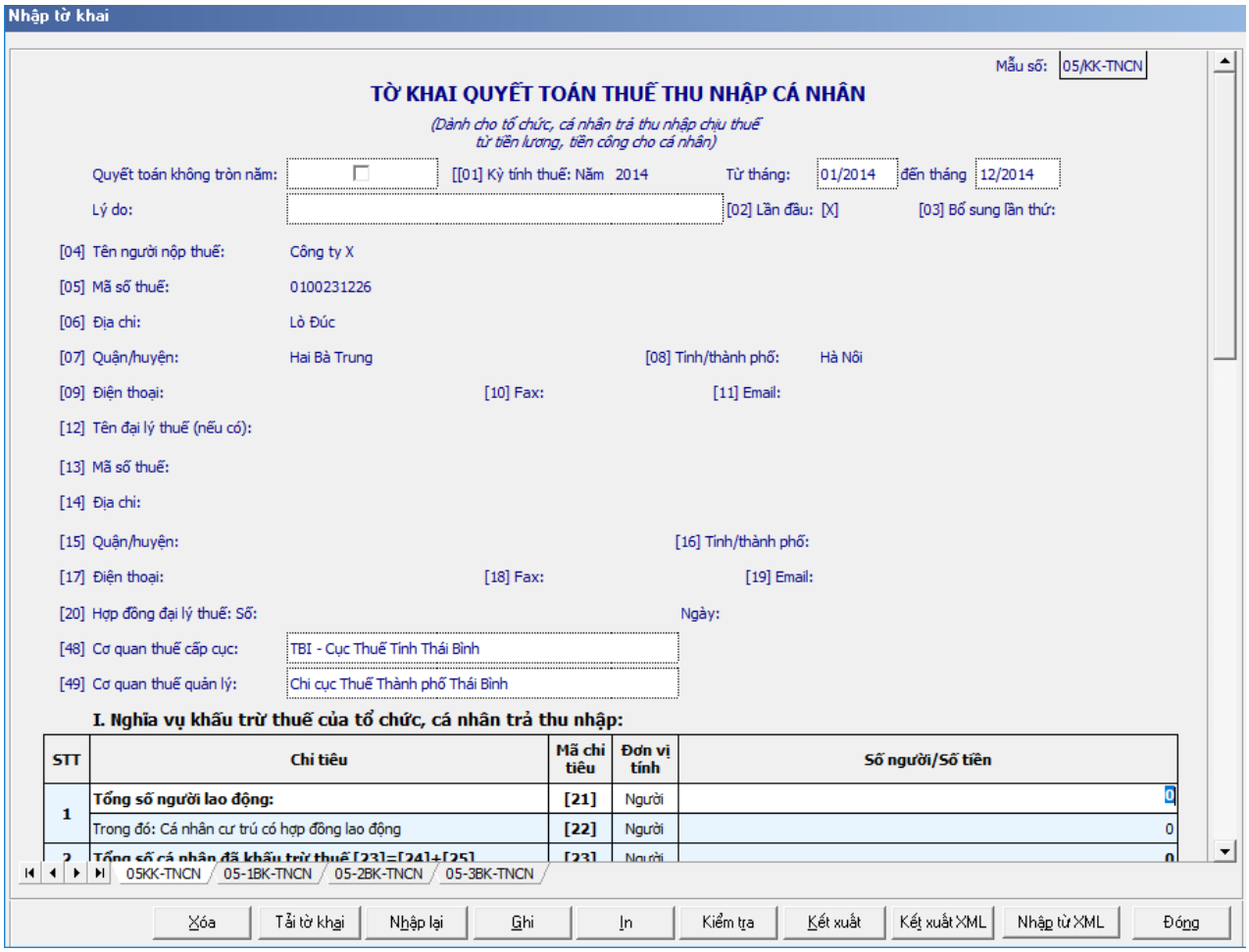
- Từ menu chức năng "Kê khai/Quyết toán Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "Tờ khai 05/KK-TNCN" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hết hiệu lực kê khai mẫu biểu từ kỳ năm 2015 trở đi

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục cần kê khai. Chọn "Tờ khai lần đầu", sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công (05/KK-TNCN) với hộp chọn "Chính thức" được đánh dấu "X"
- Đối với trường hợp quyết toán không tròn năm thì NSD đánh dấu x vào ô check Quyết toán không tròn năm và bắt buộc nhập Lý do quyết toán không tròn năm

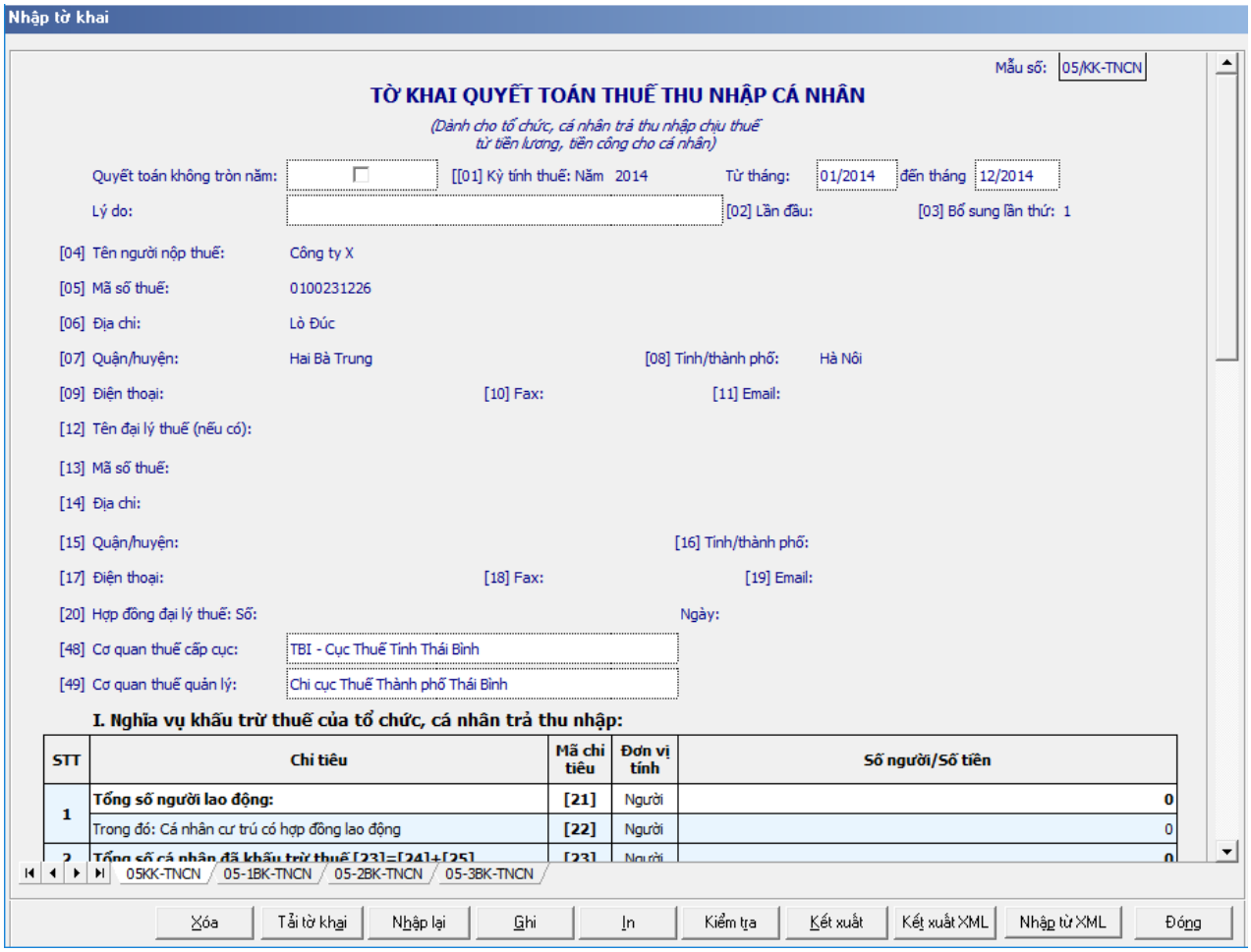


- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [21] được tổng hợp bằng tổng số dòng trên PL 05-1/BK-TNCN cộng với tổng số dòng trên PL PL 05-2/BK-TNCN, cho phép sửa, nhập tối đa 13 ký tự.
  + Chỉ tiêu [22] được tổng hợp bằng tổng số dòng trên PL 05-1/BK-TNCN
  + Chỉ tiêu [23] = [24] + [25], không sửa
  + Chỉ tiêu [24] được tổng hợp bằng tổng số dòng trên PL 05-1/BK-TNCN mà có cột (19) > 0 cộng số dòng trên PL 05-2/BK-TNCN mà có cột (14) > 0 và có cột (10) để trống, cho phép sửa, nhập tối đa 13 ký tự.
  + Chỉ tiêu [25] được tổng hợp bằng cách đếm số dòng trên PL 05-2/BK-TNCN mà có cột (14) > 0 và có cột (10) đánh dấu x, ko cho sửa
  + Chỉ tiêu [26] được tổng hợp bằng tổng số dòng trên PL 05-1/BK-TNCN có cột (13)>0 cộng với tổng số dòng trên PL 05-2/BK-TNCN có cột (13) > 0, cho phép sửa, nhập tối đa 13 ký tự.
  + Chỉ tiêu [27] = [28] + [29] + [30]
  + Chỉ tiêu [28] được lấy lên từ tổng cột (11) (chỉ tiêu [24]) của PL 05-1/BK-TNCN), cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
  + Chỉ tiêu [29] được tổng hợp bằng tổng cột (11) trên PL 05-2/BK-TNCN và có cột (10) để trống, cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
  + Chỉ tiêu [30] được tổng hợp bằng tổng cột (11) trên PL 05-2/BK-TNCN và có cột (10) được đánh dấu x, cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
  + Chỉ tiêu [31] = [32] + [33] + [34]
  + Chỉ tiêu [32] được tổng hợp bằng tổng cột (11) trên PL 05-1/BK-TNCN và có cột (19) lớn hơn 0, cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
  + Chỉ tiêu [33] bằng tổng cột (11) của PL 05-2/BK-TNCN có cột (10) để trống và cột (14) lớn hơn 0, cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
  + Chỉ tiêu [34] bằng tổng cột (11) của PL 05-2/BK-TNCN có cột (10) được đánh dấu x và cột (14) lớn hơn 0, cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
  + Chỉ tiêu [35] = [36] + [37] + [38]

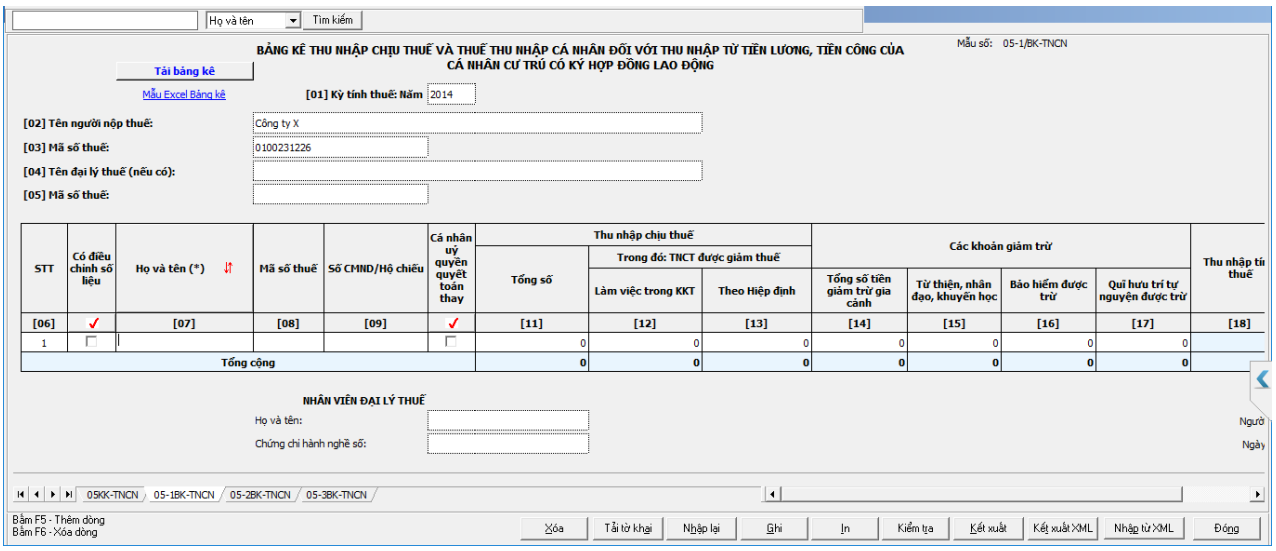
+ Chỉ tiêu [36] được lấy lên từ tổng cột (19) (chỉ tiêu [32]) của PL 05-1/BK-TNCN), cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [37] bằng tổng các dòng của cột (14) có cột (10) để trống của PL 05-2/BK-TNCN, cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [38] bằng tổng các dòng của cột (14) có cột (10) được đánh dấu x của PL 05-2/BK-TNCN, , cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [39] = [40] + [41] + [42], không sửa
+ Chỉ tiêu [40] được lấy lên từ tổng cột (20) (chỉ tiêu [33]) của PL 05-1/BK-TNCN), cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [41] bằng tổng các dòng của cột (15) có cột (10) để trống của PL 05-2/BK-TNCN
+ Chỉ tiêu [42] bằng tổng các dòng của cột (15) có cột (10) được đánh dấu x của PL 05-2/BK-TNCN, cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [43] được tổng hợp bằng tổng số dòng trên PL 05-1/BK-TNCN có cột (10) được đánh dấu x.
+ Chỉ tiêu [44] được tổng hợp bằng tổng cột (19) mà có cột (10) được đánh dấu x trên PL 05-1/BK-TNCN, cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [45] được lấy lên từ chỉ tiêu [34] (tổng cột chỉ tiêu (21) trên PL 05-2/BK-TNCN)
+ Chỉ tiêu [46] = [45] – [44] nếu [45] – [44] >=0
+ Chỉ tiêu [47] = [44] – [45] nếu [45] – [44] < 0

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục cần kê khai. Chọn "Tờ khai bổ sung" và lần bổ sung thứ mấy, sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công (05/KK-TNCN) với hộp chọn "Bổ sung" được đánh dấu "X"



Bảng kê 05-1/TNCN: Bảng kê chịu thuế và thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền công, tiền lương của cá nhân có ký hợp đồng lao động)



- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Chỉ tiêu [06] tự động tăng giảm

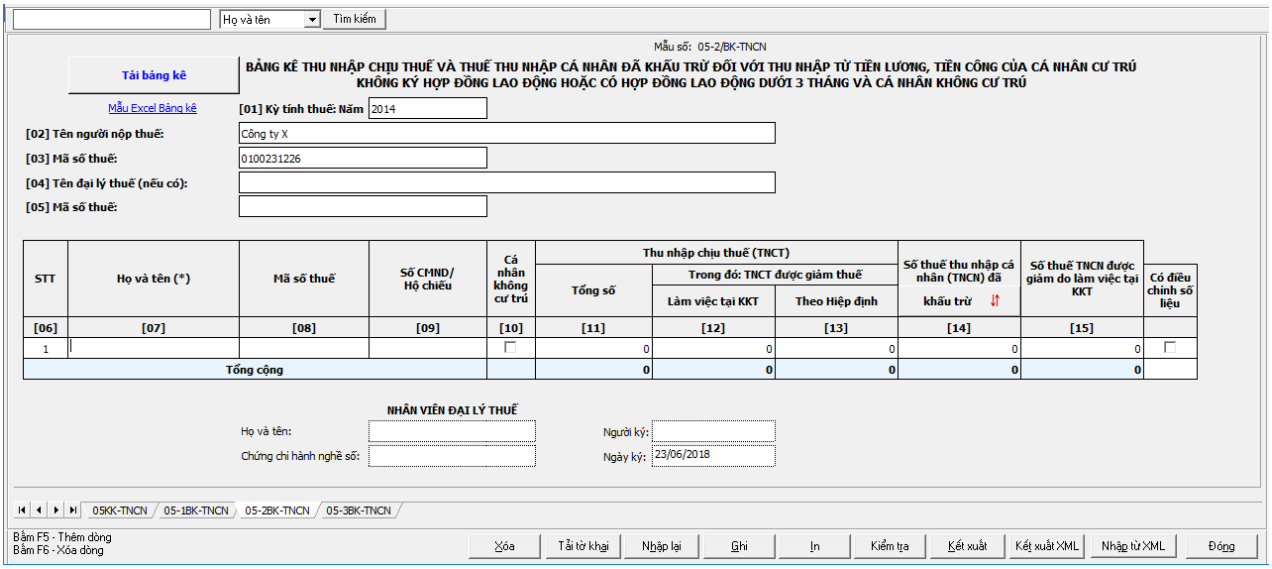
+ Các chỉ tiêu cần nhập: [07], [08], [09], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [17], [19].
+ Chỉ tiêu [10] cho phép NSD đánh dấu x nếu có ủy quyền quyết toán thay, để trống nếu không có

- Các chỉ tiêu tự tính:
  + Chỉ tiêu [18] = [11] – [13] – [14] – [15] - [16] - [17], nếu <0 thì [18] = 0
  + Chỉ tiêu [20] = ([18] x thuế suất biểu thuế lũy tiến) x {[12]/([11] – [13])} x 50%
    - Đối với kỳ tính thuế năm 2009 thì [20] = ([18]/6 * biểu thuế * 6 * {[12]/([11] – [13])} x 50%).
    - Đối với kỳ tính thuế khác năm 2011, 2012 thì [20] = ([18]/12 * biểu thuế * 12 * {[12]/([11] – [13])} x 50%).
    - Đối với kỳ tính thuế năm 2011 thì:
      - Nếu [18]/12 <= 5 000 000 thì [20] = ([18]/12* biểu thuế * 7 * {[12]/([11] – [13])} x 50%).
      - Nếu [18]/12 > 5 000 000 thì [20] = ([18]/12 * biểu thuế * 12 * {[12]/([11] – [13])} x 50%).
    - Đối với kỳ tính thuế năm 2012 thì:
      - Nếu [18]/12 <= 5 000 000 thì [20] = [([18]/12* biểu thuế * 12 * {[12]/([11] – [13])} x 50%)/12]* 6
      - Nếu [18]/12 > 5 000 000 thì [21] = ([18]/12 * biểu thuế * 12 * {[12]/([11] – [13])} x 50%).
  + Chỉ tiêu [21]: UD chỉ tính ra chỉ tiêu [21] = ([18] x thuế suất biểu thuế lũy tiến) – [20] khi NSD lựa chọn " Cá nhân ủy quyền quyết toán thay", cho phép sửa
    - Đối với kỳ tính thuế năm 2009 thì [21] = Số thuế theo biểu luỹ tiến tiến - Số thuế được miễn giảm do làm việc trong khu kinh tế (Tức là: [21] = ([18]/6 * biểu thuế * 6) – [20]. Trong đó:
      - Số thuế theo biểu luỹ tiến = Biểu thuế lũy tiến của chỉ tiêu [18]
      - Số thuế được miễn giảm do làm việc trong khu kinh tế = [20]
    - Đối với kỳ tính thuế khác năm 2011, 2012 thì [21] = Số thuế theo biểu luỹ tiến - Số thuế được miễn giảm do làm việc trong khu kinh tế (Tức là:[21] = ([18]/12 * biểu thuế * 12) – [20]. Trong đó:
      - Số thuế theo biểu luỹ tiến = Biểu thuế lũy tiến của chỉ tiêu [18]
      - Số thuế được miễn giảm do làm việc trong khu kinh tế = [20]
    - Đối với kỳ tính thuế năm 2011 thì:
      - Nếu [18]/12 <= 5 000 000 thì [21] = ([18]/12 * biểu thuế * 7) – [20]

    - Nếu [18]/12 > 5 000 000 thì [21] = ([18]/12 * biểu thuế * 12) – [20]
  - Đối với kỳ tính thuế năm 2012 thì:
    - Nếu [18]/12 <= 5 000 000 thì [21] = ([18]/12 * biểu thuế * 6) – [20]
    - Nếu [18]/12 > 5 000 000 thì [21] = ([18]/12 * biểu thuế * 12) – [20]
+ Chỉ tiêu [22] = [19] –[21] nếu [21] – [19] <0
+ Chỉ tiêu [23] = [21] – [19] nếu [21] – [19] >0
+ Các chỉ tiêu tổng cộng được tính bằng tổng các dòng trong cột tương ứng.

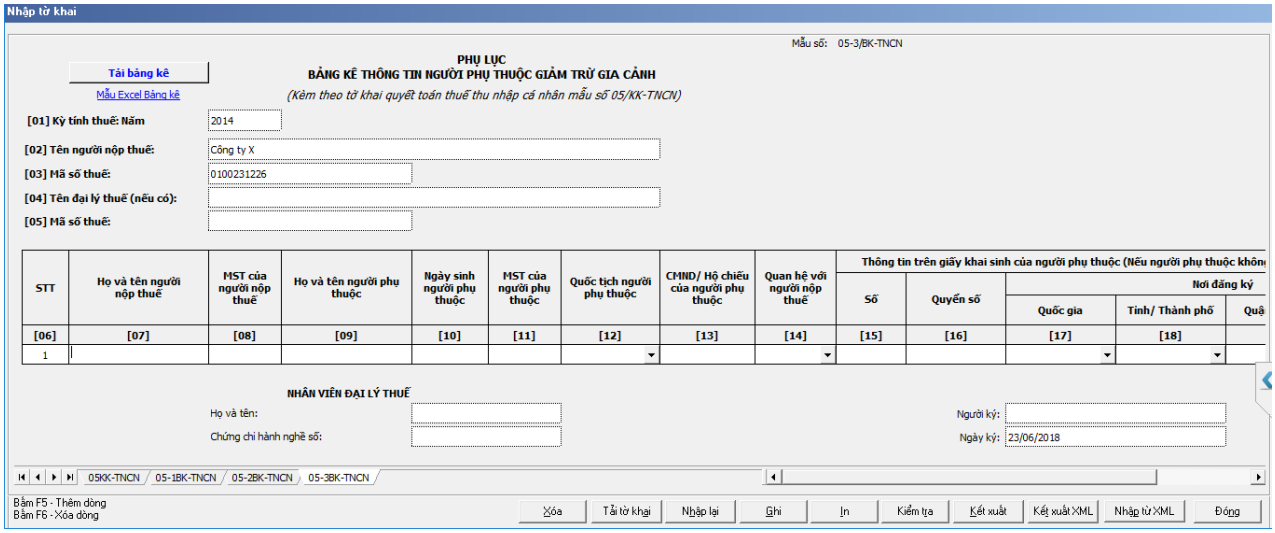
- Ràng buộc:
  + Chỉ tiêu [08]:
    - Không được nhập trùng MST cá nhân đã được nhập trong kỳ tính thuế có cùng MST cơ quan chi trả của cùng bảng kê
    - Không được nhập trùng MST cá nhân đã được nhập trong kỳ tính thuế giữa hai PL 05-1/BK-TNCN và 05-2/BK-TNCN
  + Chỉ tiêu [09]: UD cảnh báo vàng nếu NNT nhập trùng số CMT/Hộ chiếu giữa 2 PL 05-1/Bk-TNCN và 05-2/BK-TNCN
  + Chỉ tiêu [12]: Nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [11]
  + Chỉ tiêu [13]: Nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [11]
  + Chỉ tiêu [14]: Nhập chẵn đến trăm nghìn
  + Chỉ tiêu [17]: Kiểm tra <= (đến tháng-từ tháng+1)*1 000 000
  + Chỉ tiêu [19]: Nhỏ hơn chỉ tiêu [11]

Bảng kê 05-2/TNCN: Bảng kê thu nhập chịu thuế và thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ đối với thu nhập từ tiền công, tiền lương của cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng và cá nhân không cư trú)



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [06] tự tăng khi thêm dòng
  - + Chỉ tiêu [07], [08], [09] cho phép NSD tự nhập kiểu text
  - + Chỉ tiêu [10]: Cho phép NSD lựa chọn đánh dấu x nếu là cá nhân không cư trú
  - + Chỉ tiêu [11], [12], [13], [14] cho phép NSD nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  - + Chỉ tiêu [14]: Nếu có chọn (10) thì (14) = ([11] – [13]) * 20%, nếu không chọn (10) thì (14) = ([11] – [13]) * 10%, cho sửa
  - + Chỉ tiêu [12] kiểm tra < = chỉ tiêu [11]
  - + Chỉ tiêu [13] kiểm tra < = chỉ tiêu [11]
  - + Chỉ tiêu [14] kiểm tra < chỉ tiêu [11]
  - + Chỉ tiêu [15]: Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
- Ràng buộc:
  - + Chỉ tiêu [08]:
    - Không được nhập trùng MST cá nhân đã được nhập trong kỳ tính thuế có cùng MST cơ quan chi trả của cùng bảng kê
    - Không được nhập trùng MST cá nhân đã được nhập trong kỳ tính thuế giữa hai PL 05-1/BK-TNCN và 05-2/BK-TNCN
  - + Chỉ tiêu [09]: UD cảnh báo vàng nếu NNT nhập trùng số CMT/Hộ chiếu giữa 2 PL 05-1/Bk-TNCN và 05-2/BK-TNCN

Bảng kê 05-3/TNCN: Bảng kê thông tin người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [07] – Họ và tên người nộp thuế: cho phép NSD tự nhập kiểu text
  - + Chỉ tiêu [08] – MST của người nộp thuế: Bắt buộc nhập tối đa 10 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế và phải thuộc bảng kê 05-1/BK-TNCN hoặc 05-2/BK-TNCN
  - + Chỉ tiêu [09] – Họ và tên người phụ thuộc: cho phép NSD tự nhập kiểu text
  - + Chỉ tiêu [10] – Ngày sinh người phụ thuộc: NSD nhập kiểu dd/mm/yyyy. Kiểm tra ngày sinh không được lớn hơn ngày hiện tại và phải trước từ tháng giảm trừ
  - + Chỉ tiêu [11] - Mã số thuế của người phụ thuộc: Nhập tối đa 10 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế và không được trùng với MST của cơ quan chi trả
  - + Chỉ tiêu [12] – Quốc tịch người phụ thuộc: Chọn trong hộp chọn gồm Việt Nam và Khác, mặc định là trắng
  - + Chỉ tiêu [13] – CMND/hộ chiếu của người phụ thuộc: Nhập tối đa 50 ký tự, kiểm tra không được nhập dấu cách trong chuỗi ký tự nhập.
  - + Chỉ tiêu [14] – Quan hệ với người nộp thuế: Cho phép NSD chọn trong danh mục (Con, Vợ/chồng, Cha/mẹ, Khác)
  - + Chỉ tiêu [15] - Số: Nhập tối đa 50 ký tự
  - + Chỉ tiêu [16] - Quyển số: Nhập tối đa 50 ký tự
  - + Chỉ tiêu [17] - Quốc gia: Chọn trong hộp chọn gồm Việt Nam và Khác, mặc định là trống
  - + Chỉ tiêu [18] - Tỉnh/Thành phố:
    - Nếu chỉ tiêu [17] là "Việt Nam" thì UD bắt buộc chọn trong danh mục

Tỉnh/Thành phố, hỗ trợ tìm theo thông tin đã nhập, không cho phép chọn "Khác"

- Nếu chỉ tiêu [17] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác" (có mã hóa cho "Khác") và không cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [19] - Quận/Huyện:
  - Nếu chỉ tiêu [17] là "Việt Nam" thì UD bắt buộc chọn trong danh mục Quận/Huyện, hỗ trợ tìm theo thông tin Tỉnh/Thành phố đã nhập, không cho phép chọn "Khác"
  - Nếu chỉ tiêu [17] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác" (có mã hóa cho "Khác") và không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [20] - Phường/Xã:
  - Nếu chỉ tiêu [17] là "Việt Nam" thì UD bắt buộc chọn trong danh mục Phường/Xã, hỗ trợ tìm theo thông tin Quận/Huyện đã nhập
  - Nếu chỉ tiêu [17] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác" (có mã hóa cho "Khác") và không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [21] Từ tháng: thời gian tính giảm trừ (tháng/năm): Bắt buộc nhập kiểu mm/yyyy. Kiểm tra [21]<= [22]
+ Chỉ tiêu [22] Đến tháng: thời gian tính giảm trừ (tháng/năm):
  - Bắt buộc nhập, kiểu mm/yyyy
  - Kiểm tra chỉ tiêu [22] >= chỉ tiêu [21]
  - Kiểm tra chỉ tiêu [22] < (Đến tháng) của kỳ quyết toán

Các điều kiện kiểm tra:

+ Nếu [17] là Việt Nam thì [18], [19], [20] không được phép chọn giá trị "Khác", nếu [17] là Khác thì [18], [19], [20] mặc định là Khác và không cho sửa

3.5.15 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 06/KK-TNCN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

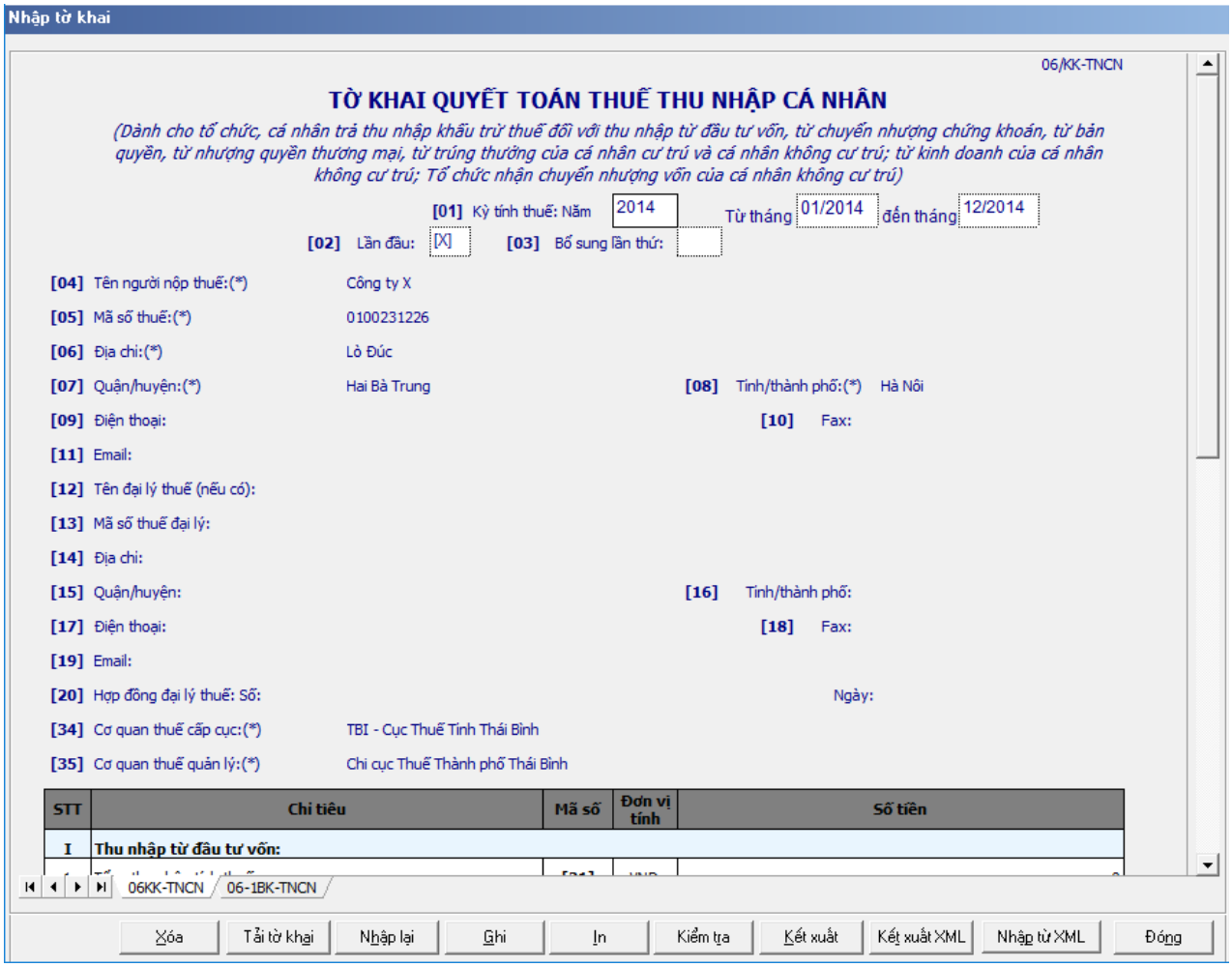
- Từ menu chức năng "Kê khai/Quyết toán Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "Tờ khai 06/KK-TNCN" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hết hiệu lực kê khai mẫu biểu từ kỳ năm 2015 trở đi

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục cần kê khai. Chọn "Tờ khai lần đầu", sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN 06/KK-TNCN (Dành cho tổ chức cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng cho cá nhân và trả thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú) với hộp chọn "Chính thức" được đánh dấu "x"



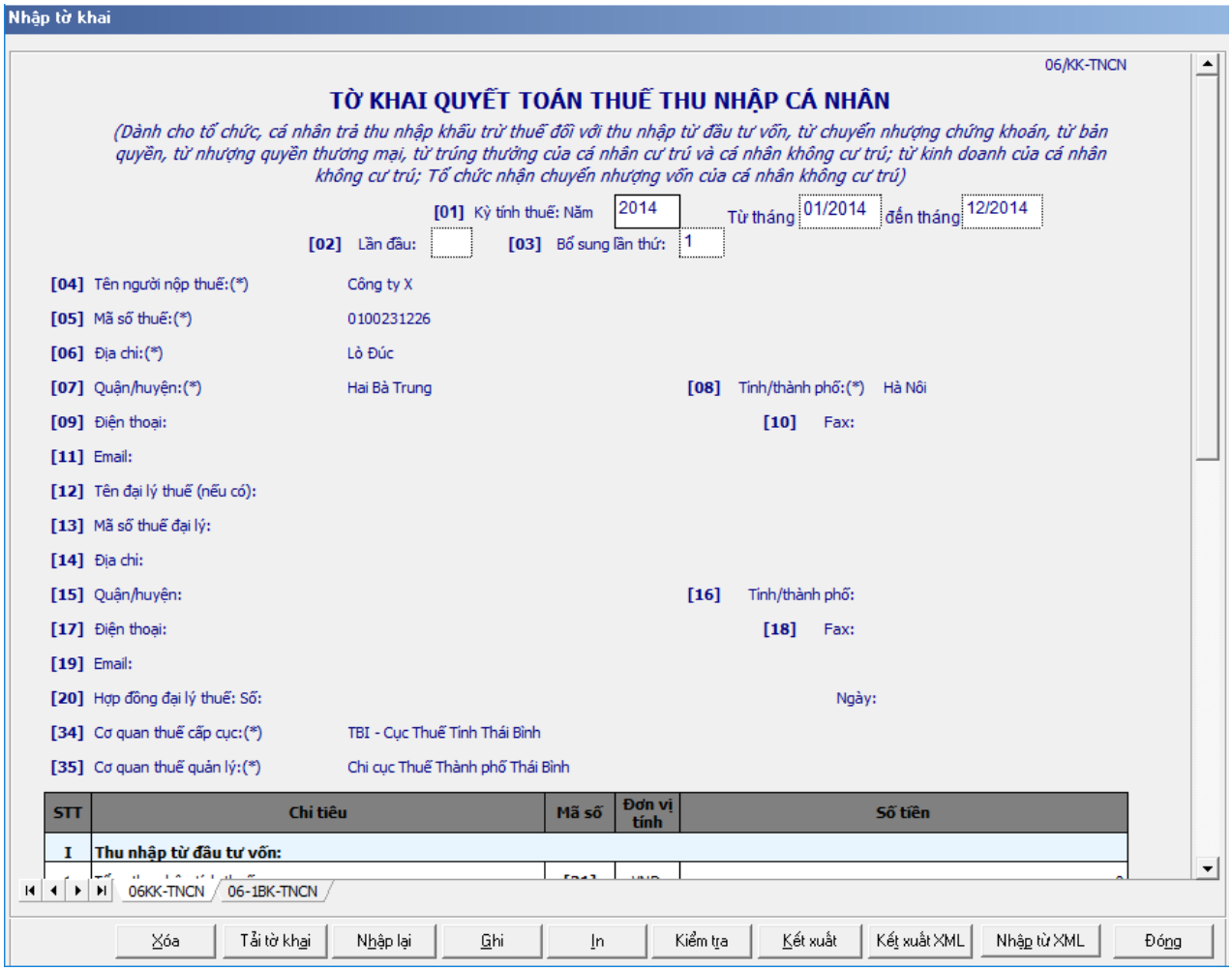
- Các chỉ tiêu cần nhập

+ Chỉ tiêu [21], [25], [27], [29], [30], [32]: NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số

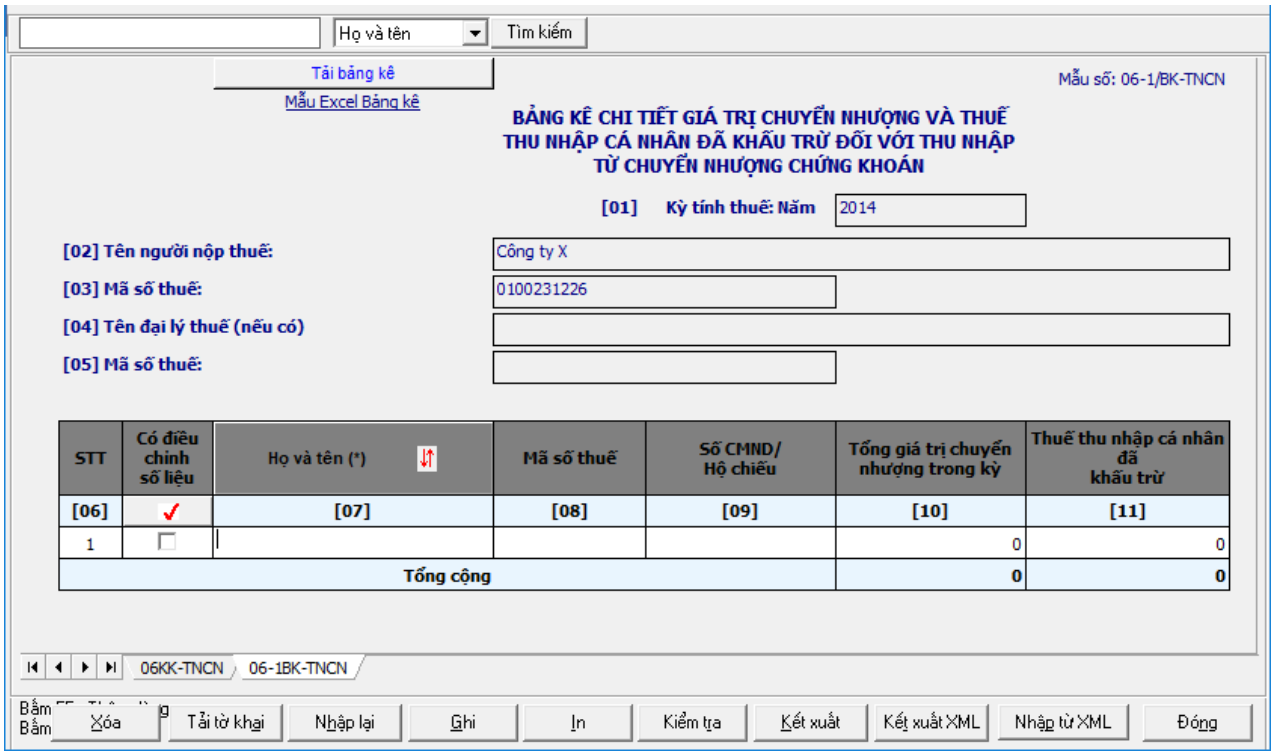
- Các chỉ tiêu tính toán
  + Chỉ tiêu [22] = [21] * 5%, cho phép sửa, kiểm tra [22] < [21]
  + Chỉ tiêu [23] được lấy từ chỉ tiêu [12] (tổng cột 10) của bảng kê 06/BK-TNCN
  + Chỉ tiêu [24] được lấy từ chỉ tiêu [13] (tổng cột 11) của bảng kê 06/BK-TNCN
  + Chỉ tiêu [26]= [25] * 5%, cho phép sửa, kiểm tra [26] < [25]
  + Chỉ tiêu [28] = [27] * 10%, cho phép sửa, kiểm tra [28] < [27]
- Các điều kiện ràng buộc
  + Chỉ tiêu [31] = 20% * [30], cho phép sửa, kiểm tra [31] < [30]
  + Chỉ tiêu [33] = [32] * 0,1%, cho phép sửa

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục cần kê khai. Chọn "Tờ khai bổ sung" và lần bổ sung thứ mấy, sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN 06/KK-TNCN với hộp chọn "Bổ sung" được đánh dấu "x"


Nhập tờ khai
06/KK-TNCN
TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập khấu trừ thuế đối với thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng của cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú; từ kinh doanh của cá nhân không cư trú; Tổ chức nhận chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú)
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2014 Từ tháng 01/2014 đến tháng 12/2014
[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1
[04] Tên người nộp thuế:(*) Công ty X
[05] Mã số thuế:(*) 0100231226
[06] Địa chỉ:(*) Lò Đúc
[07] Quận/huyện:(*) Hai Bà Trưng [08] Tỉnh/thành phố:(*) Hà Nội
[09] Điện thoại: [10] Fax:
[11] Email:
[12] Tên đại lý thuế (nếu có):
[13] Mã số thuế đại lý:
[14] Địa chỉ:
[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:
[17] Điện thoại: [18] Fax:
[19] Email:
[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:
[34] Cơ quan thuế cấp cục:(*) TBI - Cục Thuế Tỉnh Thái Bình
[35] Cơ quan thuế quản lý:(*) Chi cục Thuế Thành phố Thái Bình
STT
Chỉ tiêu
Mã số
Đơn vị tính
Số tiền
I
Thu nhập từ đầu tư vốn:
06KK-TNCN
06-1BK-TNCN
Xóa
Tải tờ khai
Nhập lại
Ghi
In
Kiểm tra
Kết xuất
Kết xuất XML
Nhập từ XML
Đóng

Bảng kê 06-1/BK-TNCN: Bảng kê chi tiết giá trị chuyển nhượng và thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.



- Các chỉ tiêu cần nhập :
  - + Chỉ tiêu bắt buộc nhập: Họ và tên, bắt buộc nhập một trong hai chỉ tiêu Mã số thuế hoặc Số CMND/hộ chiếu
  - + Chỉ tiêu [10] nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  - + Chỉ tiêu [11] = [10] * 0,1%, cho phép sửa. Kiểm tra giá trị sửa phải nhỏ hơn chỉ tiêu [10].

3.5.16 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 08B/KK-TNCN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

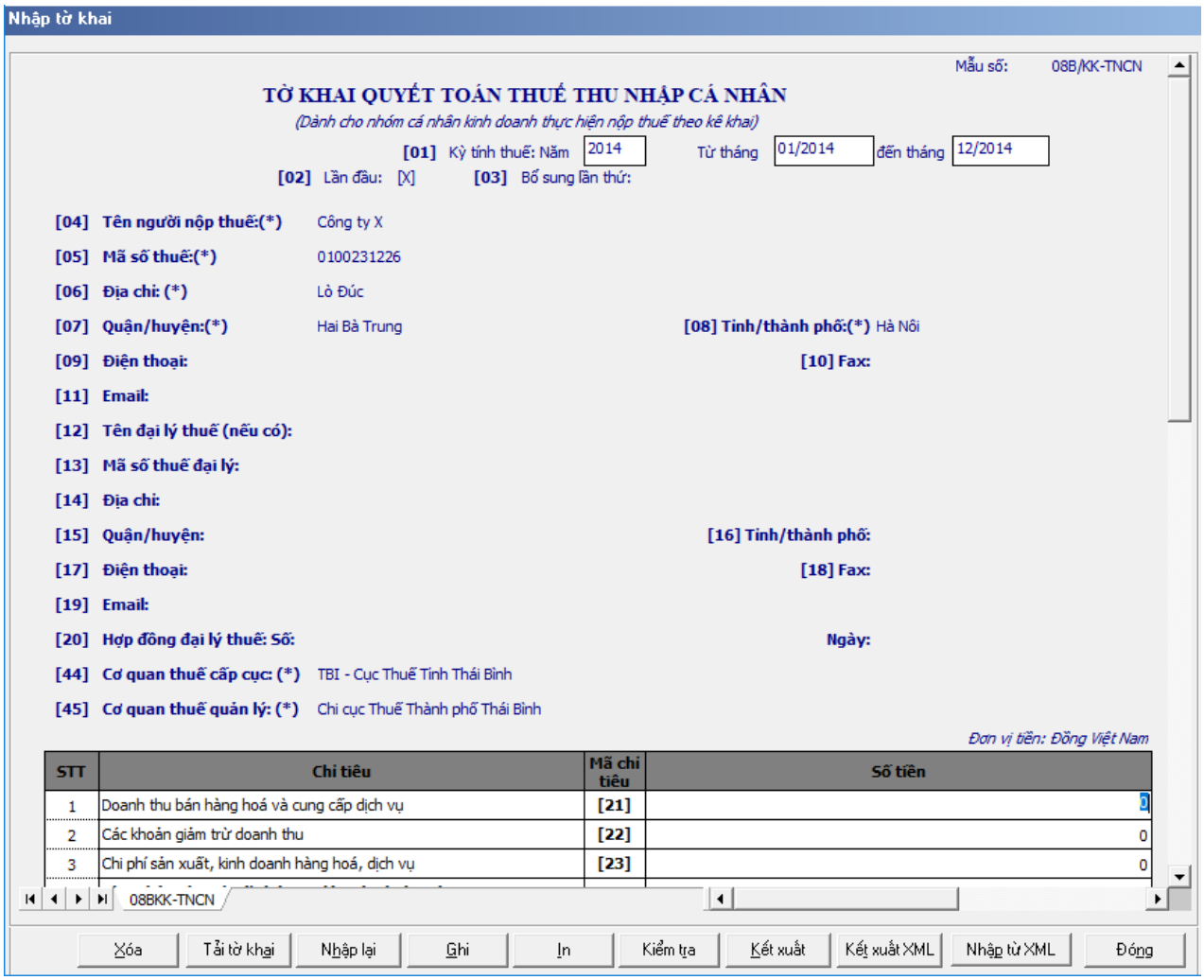
- Từ menu chức năng "Kê khai/Quyết toán Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "Tờ khai 08B/KK-TNCN" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hết hiệu lực kê khai mẫu biểu từ kỳ năm 2015 trở đi

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

- Chọn "Tờ khai lần đầu", sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN 08B/KK-TNCN (Dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo phương pháp kê khai) với hộp chọn "Tờ khai lần đầu" được đánh dấu "x"



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [21], [22], [23], [25], [26], [28], [29], [39], [43]: NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
  - + Chỉ tiêu [32]: NNT tự nhập dạng số không âm, mặc định là 0, kiểm tra [32] < = [31]
  - + Chỉ tiêu [33]: Ứng dụng hỗ trợ tự tăng
  - + Chỉ tiêu [34]: NNT tự nhập, kiểu text
  - + Chỉ tiêu [35]: NNT tự nhập gồm 10 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST và MST tại chỉ tiêu [05] phải thuộc danh sách MST tại chỉ tiêu [35]

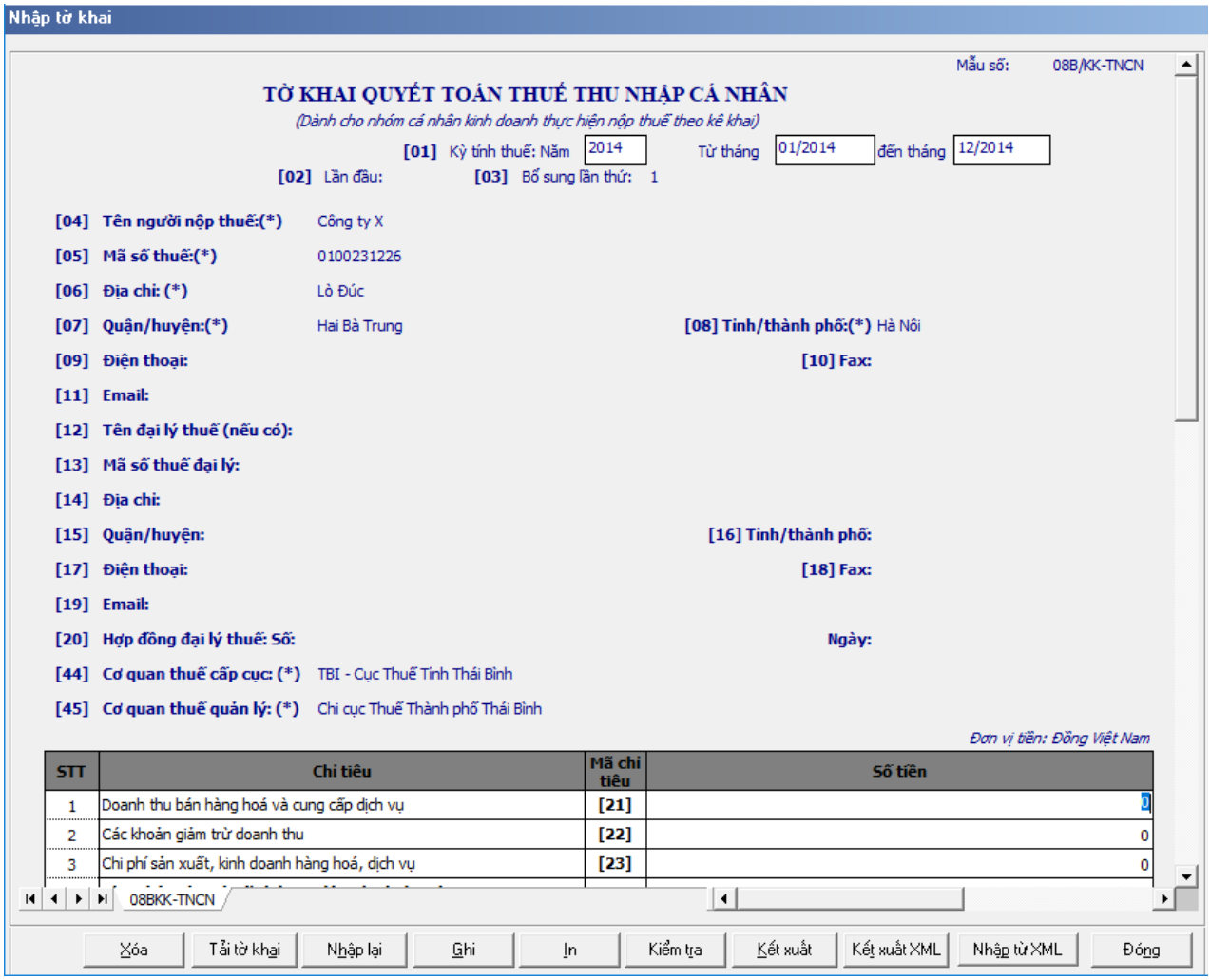
+ Chỉ tiêu [36]: NNT tự nhập kiểu số theo dạng xx,xx

- Các chỉ tiêu tính toán

+ Chỉ tiêu [24] = [21] - [22] - [23], có thể âm, cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [27] = [25] - [26], có thể âm, không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [30] = [28] - [29], có thể âm, không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [31] = [24] + [27] + [30]
+ Chỉ tiêu [37] = [31] * [36], cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [38] = [32] * [36], cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [40] = [37] - [39], kiểm tra nếu [40] < 0 thì [40] = 0
+ Chỉ tiêu [41]: Ứng dụng hỗ trợ tính theo biểu thuế lũy tiến, cho phép sửa
    - Đối với kỳ tính thuế năm 2009 thì [41] = [40]/6 * biểu thuế * 6
    - Đối với kỳ tính thuế năm 2011 thì:
        - Nếu [40]/12 <=5 000 000 thì [41] = [40]/12 * biểu thuế * 7
        - Nếu [40]/12 > 5 000 000 thì [41] = [40]/12 * biểu thuế * 12
    - Đối với kỳ tính thuế khác năm 2011 thì [41] được tính bằng biểu thuế lũy tiến của (chỉ tiêu [40]/12) * 12
+ Chỉ tiêu [42] = [41]* [38] / [37] * 50% cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [43] : tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
+ Chỉ tiêu [44] = tổng các dòng của cột [36], kiểm tra nếu khác 100% thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng tỷ lệ chia TNCT phải bằng 100%"
+ Chỉ tiêu [45] = tổng các dòng của cột [37]
+ Chỉ tiêu [46] = tổng các dòng của cột [38]
+ Chỉ tiêu [47] = tổng các dòng của cột [39]
+ Chỉ tiêu [48] = tổng các dòng của cột [40]
+ Chỉ tiêu [49] = tổng các dòng của cột [41]
+ Chỉ tiêu [50] = tổng các dòng của cột [42]
+ Chỉ tiêu [51] = tổng các dòng của cột [43]

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục cần kê khai. Chọn "Tờ khai bổ sung" và lần bổ sung thứ mấy, sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN 08B/KK-TNCN với hộp chọn "Bổ sung" được đánh dấu "x"



3.5.17 Tờ khai Quyết toán thuế TNCN mẫu 09/KK-TNCN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

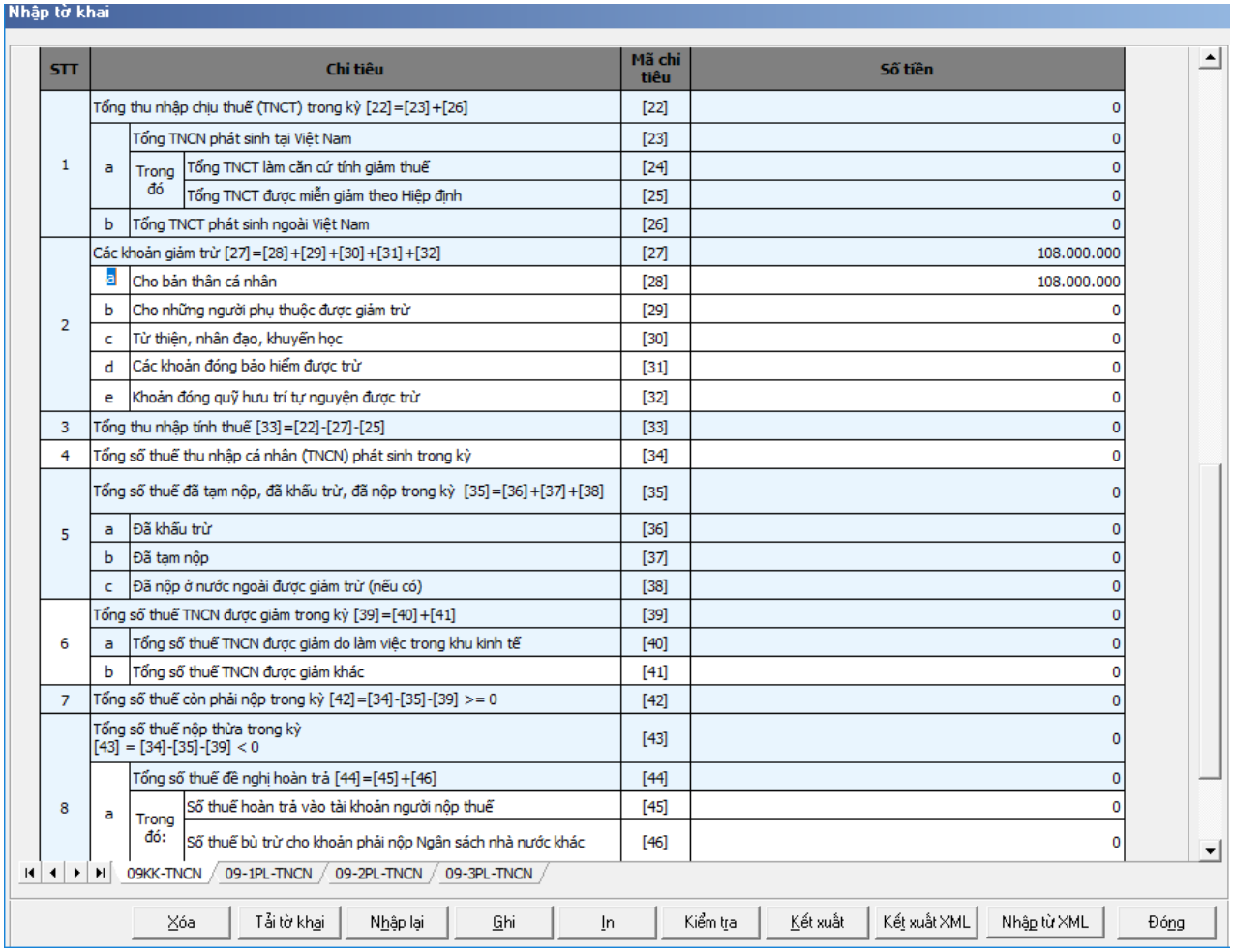
- Từ menu chức năng "Kê khai/Quyết toán Thuế Thu Nhập Cá Nhân" chọn "Tờ khai 09/KK-TNCN" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hết hiệu lực kê khai mẫu biểu từ kỳ năm 2015 trở đi

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu:

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục cần kê khai. Chọn "Tờ khai lần đầu", sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh (09/KK-TNCN) với hộp chọn "Chính thức" đánh dấu "X" như hình bên dưới



- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [30], [31], [32], [41], [45], [46]: NNT tự nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
  - + Chỉ tiêu [32] <= (Đến tháng - Từ tháng) * 1 000 000. Nếu khác, UD cảnh báo đỏ " Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện không được lớn hơn 1.000.000/ 1 tháng"
- Các chỉ tiêu tính toán
  - + Chỉ tiêu [22] = [23] + [26], không cho phép sửa
  - + Chỉ tiêu [23] = chỉ tiêu [07] trên PL 09-1/PL-TNCN + chỉ tiêu [16] trên 09-2/PL-TNCN + chỉ tiêu [08] trên PL 09-4/BK-TNCN

+ Chỉ tiêu [24]= chỉ tiêu [08] trên 09-1/PL-TNCN + chỉ tiêu [17] trên 09-2/PL-TNCN + chỉ tiêu [09] trên PL 09-4/BK-TNCN
+ Chỉ tiêu [25] = chỉ tiêu [09] trên 09-1/PL-TNCN
+ Chỉ tiêu [26] = chỉ tiêu [10] trên 09-1/PL-TNCN + chỉ tiêu [19] trên 09-2/PL-TNCN + chỉ tiêu [14] trên PL 09-4/BK-TNCN
+ Chỉ tiêu [27]= [28] + [29] + [30] + [31] + [32], không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [28]: Hỗ trợ tính, cho sửa giá trị bằng số UD tự tính hoặc bằng 0:
  - Nếu đến tháng < T7/2013 thì [28] = (Đến tháng - Từ tháng +1)*4.000.000
  - Nếu từ tháng < T7/2013 và đến tháng>= T7/2013 thì = (T6/2013-Từ tháng+1)*4.000.000 + (Đến tháng -T7/2013+1)*9.000.000
  - Nếu T7/2013<= từ tháng thì = (Đến tháng -Từ tháng +1)*9.000.000
+ Chỉ tiêu [29]: Hỗ trợ tính, không cho sửa:
  - Nếu đến tháng <T7/2013 thì [29] = (Đến tháng - Từ tháng +1) *1.600.000
  - Nếu từ tháng <T7/2013 và đến tháng>= T7/2013 thì [29] = (T6/2013-Từ tháng+1)*1.600.000 + (Đến tháng -T7/2013+1)*3.600.000
  - Nếu T7/2013<= từ tháng thì [29] = (Đến tháng -Từ tháng +1)*3.600.000
+ Chỉ tiêu [33]:
  - Nếu [22] - [25] - [27] > 0 thì [33]= [22] – [25] - [27], không cho phép sửa
  - Nếu [22] - [25] - [27]< 0 thì [33] = 0, không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [34]: Hỗ trợ tính, cho phép sửa
  - Đối với kỳ tính thuế khác năm 2011 thì [34] được tính bằng biểu thuế lũy tiến của chỉ tiêu [31] * số tháng
  - Đối với kỳ tính thuế năm 2009 thì [34] = [33]/6 * biểu thuế * 6
  - Đối với kỳ tính thuế năm 2011 thì:
    - Nếu [33]/STKK <=5 000 000 thì [34] = [33]/STKK * biểu thuế * (STKK – STMG)
    - Nếu [33]/STKK > 5 000 000 thì [34] = [33]/STKK * biểu thuế * STKK. Trong đó:
      - STKK là Số tháng kê khai = Đến tháng – từ tháng + 1
      - STMG: là số miễn giảm (nằm trong khoảng từ tháng 8/2011 đến 12/2011)
        - ✓ STMG = 0 (nếu Đến tháng < 08/2011 hoặc Từ tháng > 12/2011)

- ✓ STMG = Đến tháng - Từ tháng + 1 (nếu Đến tháng <=12/2011 và Từ tháng >= 08/2011)
- ✓ STMG = Đến tháng – 08/2011 + 1 (nếu Từ tháng < 08/2011 và 08/2011 <= Đến tháng <= 12/2011)
- ✓ STMG = 12/2011 - Từ tháng + 1 (nếu 08/2011 <= Từ tháng <= 12/2011 và Đến tháng > 12/2011)
- ✓ STMG = 5 (nếu Từ tháng < 08/2011 và Đến tháng > 12/2011)

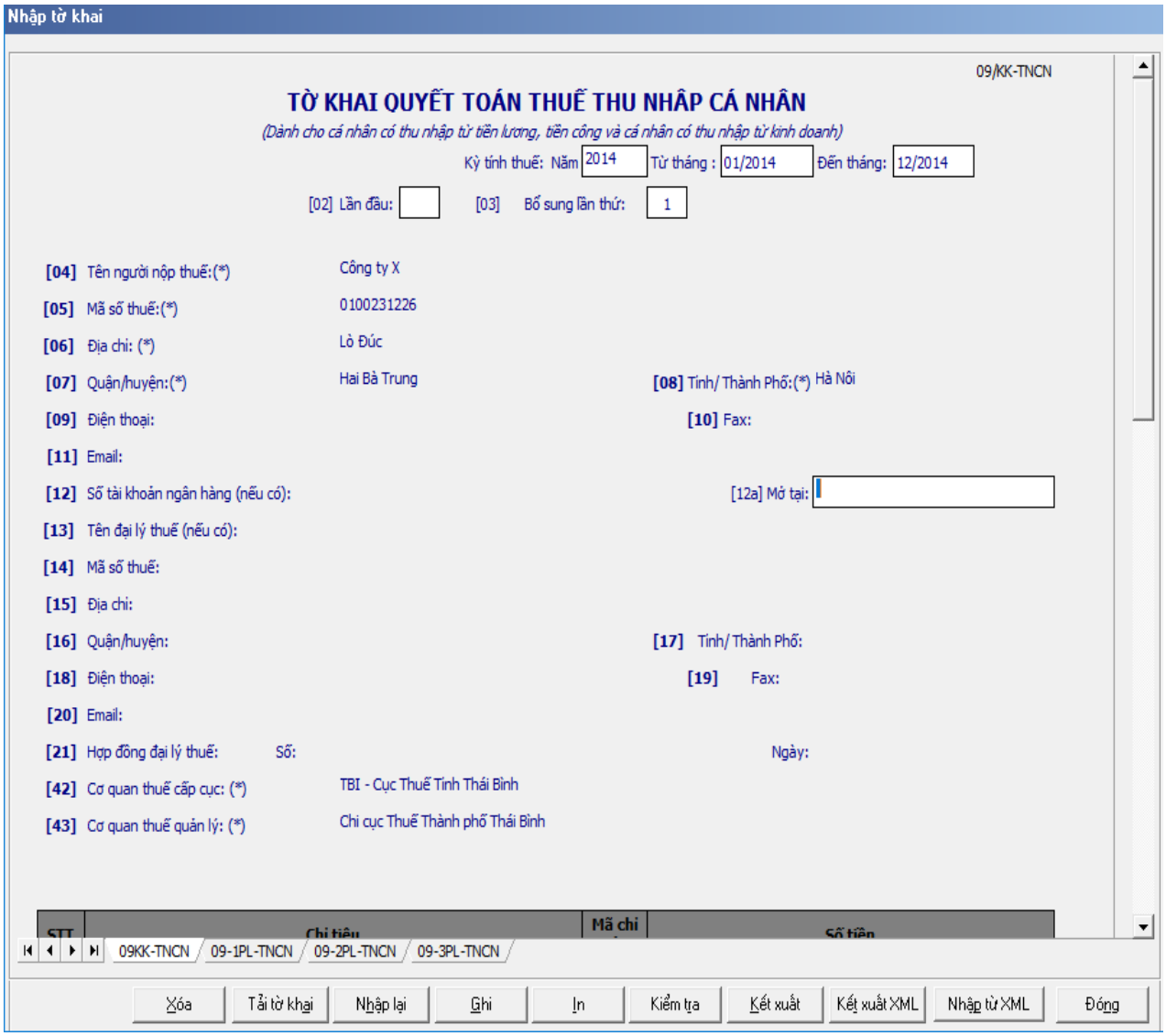
- Đối với kỳ tính thuế năm 2012 thì:
  - Nếu [33]/STKK <=5 000 000 thì [34] = [33]/STKK * biểu thuế * (STKK – STMG)
  - Nếu [33]/STKK > 5 000 000 thì [34] = [33]/STKK * biểu thuế * STKK. Trong đó:
    - STKK là Số tháng kê khai = Đến tháng – từ tháng + 1
    - STMG: là số miễn giảm (nằm trong khoảng từ tháng 8/2011 đến 12/2011)
      - ✓ STMG = 0 (nếu Đến tháng < 07/2012 hoặc Từ tháng > 12/2012)
      - ✓ STMG = Đến tháng - Từ tháng + 1 (nếu Đến tháng <=12/2012 và Từ tháng >= 07/2012)
      - ✓ STMG = Đến tháng – 07/2012 + 1 (nếu Từ tháng < 07/2012 và 07/2012 <= Đến tháng <= 12/2012)
      - ✓ STMG = 12/2012 - Từ tháng + 1 (nếu 07/2012 <= Từ tháng <= 12/2012 và Đến tháng > 12/2012)
      - ✓ STMG = 6 (nếu Từ tháng < 07/2012 và Đến tháng > 12/2012)
- Kiểm tra [33] <= 0 thì [34] = 0

+ Chỉ tiêu [35] = [36] + [37] + [38], không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [36] = chỉ tiêu [11] trên 09-1/PL-TNCN + chỉ tiêu [10] trên PL 09-4/BK-TNCN
+ Chỉ tiêu [37]= chỉ tiêu [14] trên 09-1/PL-TNCN + chỉ tiêu [18] trên 09-2/PL-TNCN
+ Chỉ tiêu [38] = giá trị nhỏ giữa (chỉ tiêu [15] trên 09-1/PL-TNCN + chỉ tiêu [20] trên 09-2/PL-TNCN + chỉ tiêu [15] trên PL 09-4/BK-TNCN) và ([34] * {[26]/ ([22]-[25]}*100%, không sửa. Kiểm tra [38] <= [34] nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ “Chỉ tiêu [38] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [34]”
+ Chỉ tiêu [39] = [40] + [41], không cho phép sửa

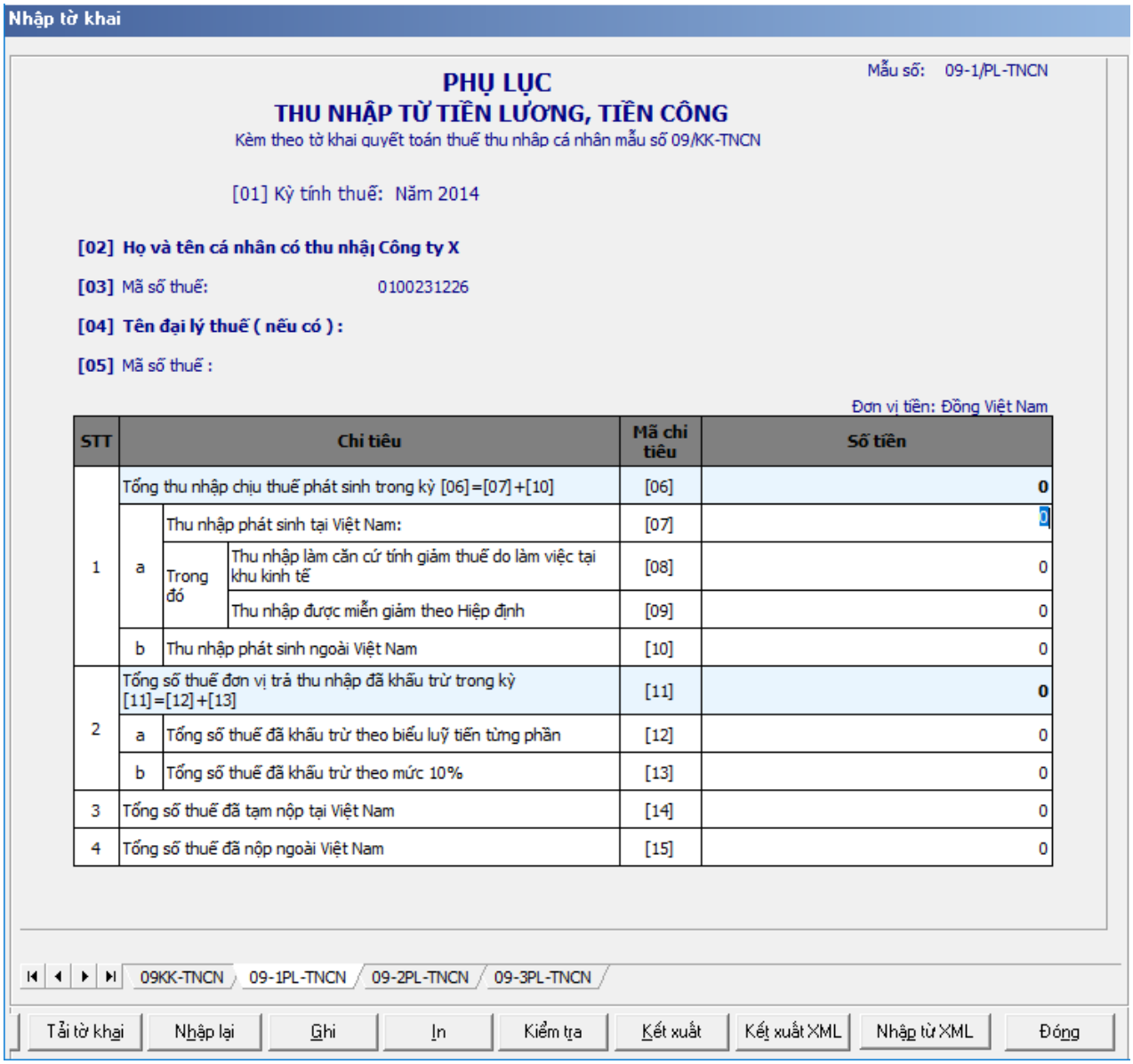
+ Chỉ tiêu [40] = [34] * [24] / ([22] - [25]) * 50%, nếu kết quả âm thì [40] = 0
+ Chỉ tiêu [42] = [34] – [35] – [39] nếu [34] – [35] – [39] >=0, không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [43] = trị tuyệt đối của ([34] – [35] – [39]) nếu [34] – [35] – [39] <0, không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [44] = [45] + [46], kiểm tra [44] <= [43]
+ Chỉ tiêu [47] = [43] – [44], không cho phép sửa

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục cần kê khai. Chọn "Tờ khai bổ sung" và lần thay đổi thứ mấy, sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh (09/KK-TNCN) với hộp chọn "Bổ sung" đánh dấu "X":

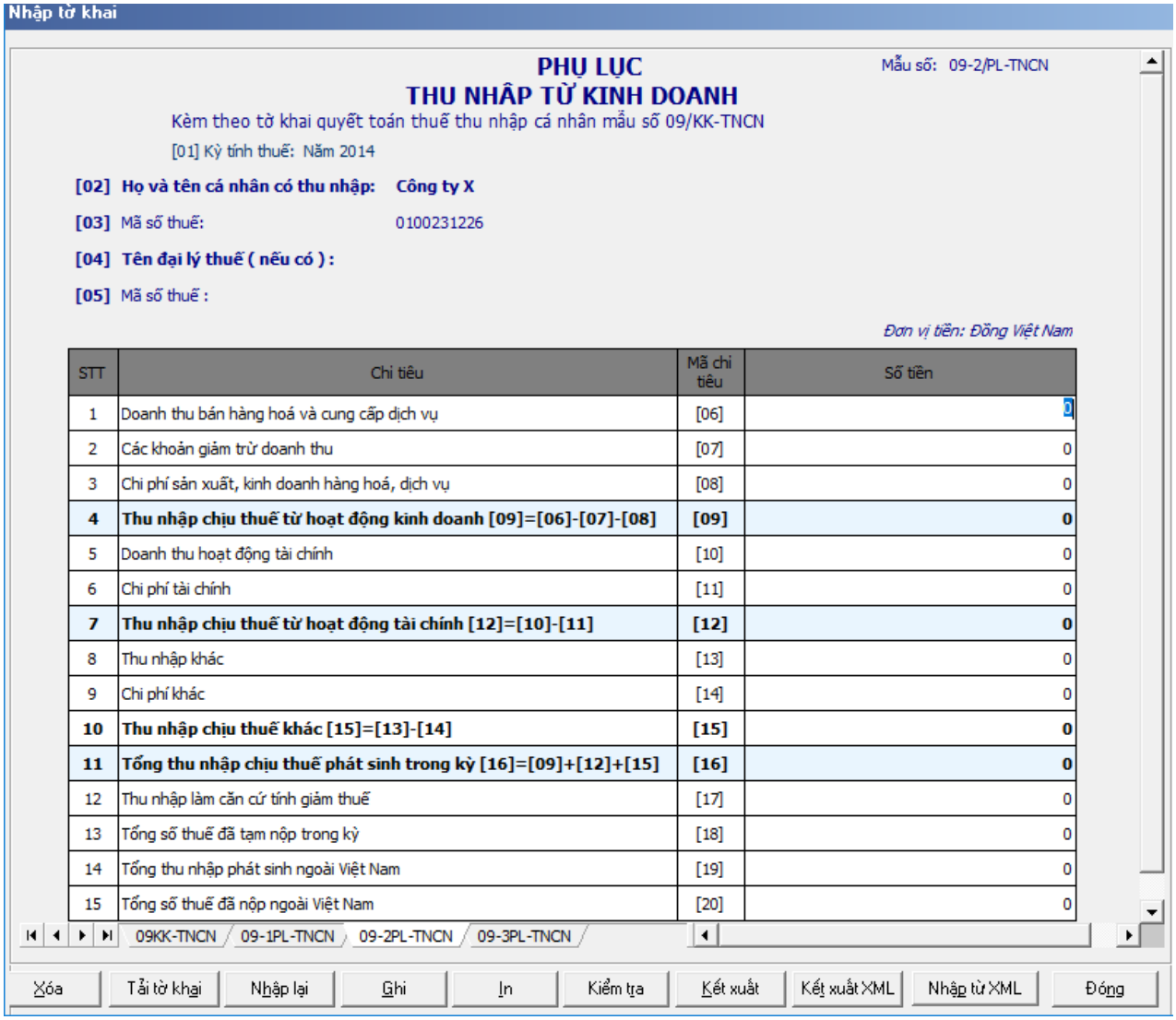

Nhập tờ khai
09/KK-TNCN
TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và cá nhân có thu nhập từ kinh doanh)
Kỳ tính thuế: Năm 2014 Từ tháng : 01/2014 Đến tháng: 12/2014
[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1
[04] Tên người nộp thuế:(*) Công ty X
[05] Mã số thuế:(*) 0100231226
[06] Địa chỉ: (*) Lò Đúc
[07] Quận/huyện:(*) Hai Bà Trung
[08] Tỉnh/ Thành Phố:(*) Hà Nội
[09] Điện thoại:
[10] Fax:
[11] Email:
[12] Số tài khoản ngân hàng (nếu có):
[12a] Mở tại:
[13] Tên đại lý thuế (nếu có):
[14] Mã số thuế:
[15] Địa chỉ:
[16] Quận/huyện:
[17] Tỉnh/ Thành Phố:
[18] Điện thoại:
[19] Fax:
[20] Email:
[21] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:
[42] Cơ quan thuế cấp cục: (*) TBI - Cục Thuế Tỉnh Thái Bình
[43] Cơ quan thuế quản lý: (*) Chi cục Thuế Thành phố Thái Bình
STT
Chỉ tiêu
Mã chỉ
Số tiền
09KK-TNCN
09-1PL-TNCN
09-2PL-TNCN
09-3PL-TNCN
Xóa
Tải tờ khai
Nhập lại
Ghi
In
Kiểm tra
Kết xuất
Kết xuất XML
Nhập từ XML
Đóng

Phụ lục 09-1/TNCN: Phụ lục thu nhập từ tiền lương, tiền công



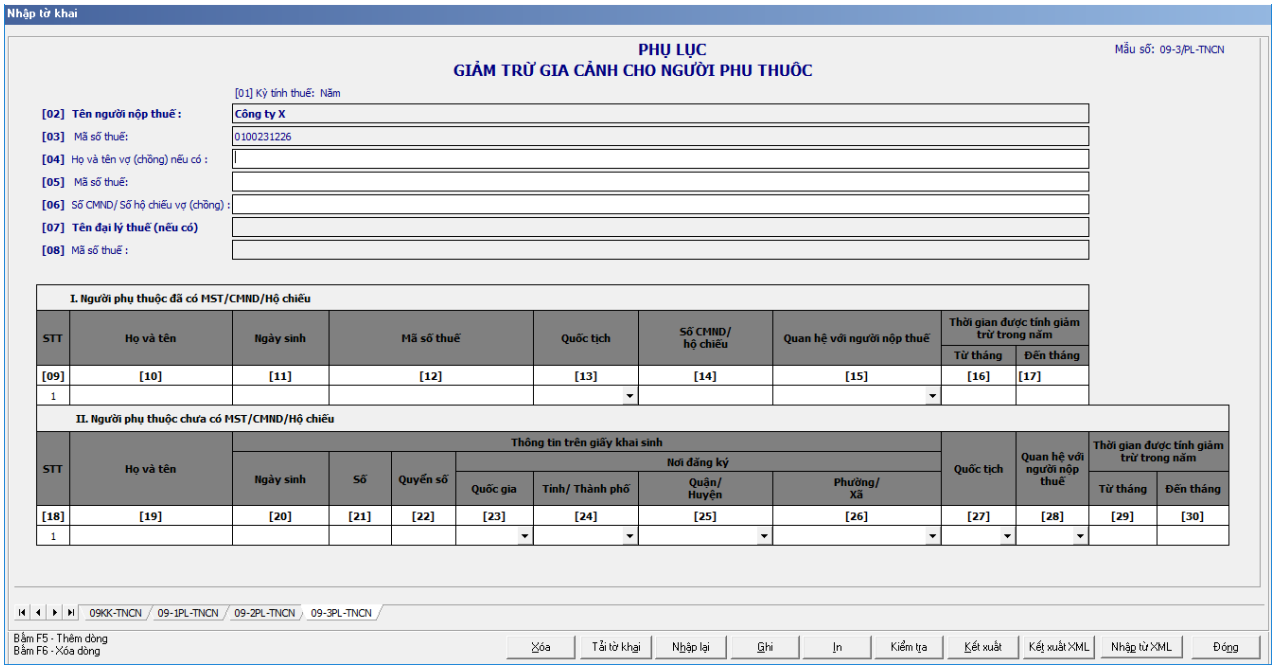
- Các chỉ tiêu cần nhập:
  - + Nhập các chỉ tiêu [07], [08], [09], [10], [12], [13] dạng số, không âm, mặc định là 0.
  - + Kiểm tra [08] + [09] <= [07], nếu khác thì cảnh báo đỏ
  - + Nhập chỉ tiêu [14] < [07], nếu khác thì cảnh báo vàng
  - + Nhập chỉ tiêu [15] < [10], nếu khác thì cảnh báo vàng
- Các chỉ tiêu tính toán
  - + Chỉ tiêu [06] =[07] + [10], không cho phép sửa
  - + Chỉ tiêu [11] = [12] + [13], kiểm tra [11] < [07]

Phụ lục 09-2/TNCN: Phụ lục thu nhập từ kinh doanh



- Các chỉ tiêu cần nhập:
  - + Các chỉ tiêu [06], [07], [08], [10], [11], [13], [14], [18], [19], [20] nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0.
  - + Chỉ tiêu [17]: Nhập kiểu số, kiểm tra [17] <= [16], nếu [16] < 0 thì [17] = 0
- Các chỉ tiêu tính toán
  - + Chỉ tiêu [09] = [06] – [07] –[08], không cho sửa (kết quả có thể âm)
  - + Chỉ tiêu [12] = [10] – [11], không cho sửa (kết quả có thể âm)
  - + Chỉ tiêu [15] = [13] – [14], có thể sửa, có thể nhập giá trị âm
  - + Chỉ tiêu [16] = [09] + [12] + [15], không cho sửa (kết quả có thể âm)

Phụ lục 09-3/TNCN: Phụ lục giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc



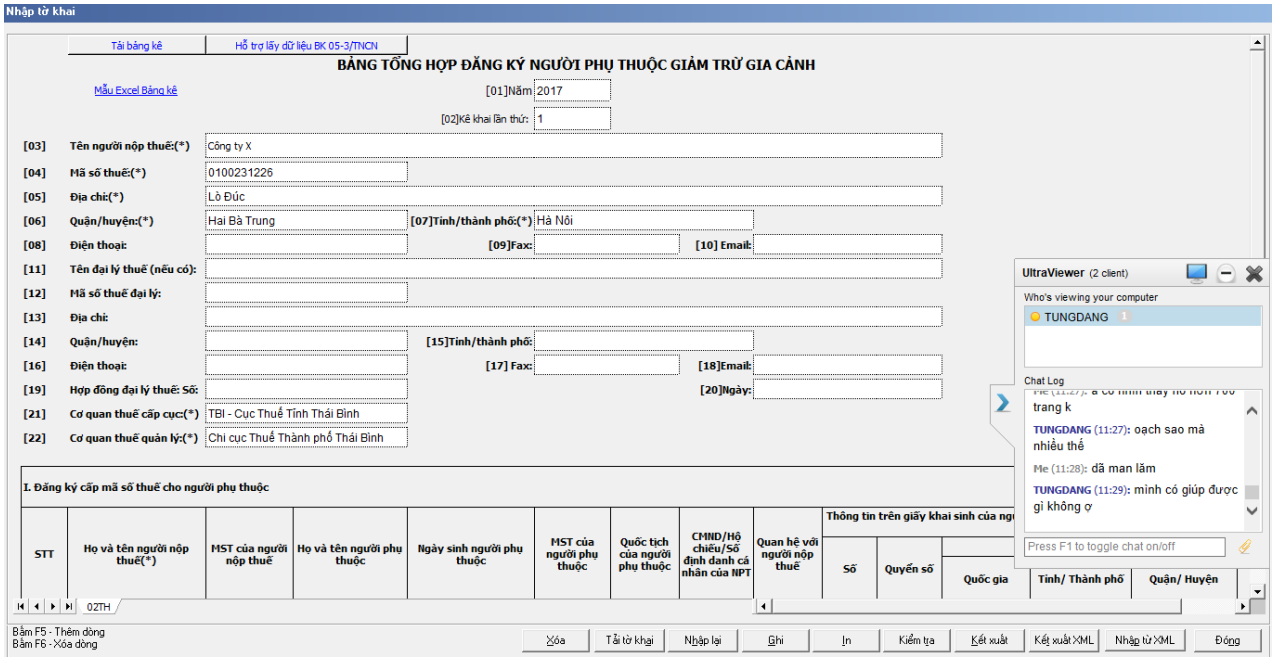
+ Chỉ tiêu [04]: Nhập kiểu text
+ Chỉ tiêu [05]: Nhập kiểu số, tối đa 10 chữ số. Kiểm tra đúng cấu trúc MST quy định
+ Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu text. Kiểm tra không cho nhập dấu cách
+ Chỉ tiêu [10]: Họ và tên: Bắt buộc nhập kiểu text
+ Chỉ tiêu [11]: Bắt buộc nhập theo định dạng DD/MM/YYYY, không được lớn hơn ngày hiện tại và phải trước Từ tháng giảm trừ
+ Chỉ tiêu [12]: Nhập đúng cấu trúc MST, kiểm tra ko dc trùng nhau
+ Chỉ tiêu [13]: Cho phép chọn hộp chọn gồm "Việt Nam" hoặc "Khác", mặc định là "Việt Nam"
+ Chỉ tiêu [14]: Bắt buộc nhập CMT. Kiểm tra CMT không được trùng nhau. Nếu NPT > 15 tuổi (Tính tuổi NPT theo nguyên tắc năm hiện tại – năm sinh) thì bắt buộc nhập chỉ tiêu [14] , nếu không UD đưa ra thông báo " NPT trên 15 tuổi bắt buộc phải nhập CMT/ Hộ chiếu"
+ Chỉ tiêu [15]: Cho phép NSD chọn trong hộp chọn gồm: Con (mã 01), Vợ/chồng (mã 02), Cha/mẹ (mã 03), Khác (mã 04)
+ Chỉ tiêu [16] Từ tháng: thời gian được tính giảm trừ trong năm (tháng/năm): Bắt buộc nhập kiểm tra phải nằm trong kỳ tính thuế
+ Chỉ tiêu [17] Đến tháng: thời gian được tính giảm trừ trong giam(tháng/năm):
    - Kiểm tra chỉ tiêu [17] >= chỉ tiêu [16]
    - Kiểm tra chỉ tiêu [17] < (Đến tháng) của kỳ quyết toán
+ Chỉ tiêu [19]: Bắt buộc nhập dạng text

+ Chỉ tiêu [20]: Bắt buộc nhập theo định dạng DD/MM/YYYY. Kiểm tra không được lớn hơn ngày hiện tại và phải trước Từ tháng giảm trừ
+ Chỉ tiêu [21]: Nhập tối đa 50 ký tự
+ Chỉ tiêu [22]: Nhập tối đa 50 ký tự
+ Chỉ tiêu [23]: Mặc định là "Việt Nam". Cho phép sửa chọn trong hộp chọn gồm Việt Nam và Khác
+ Chỉ tiêu [24]: Tỉnh/thành phố
  - Nếu chỉ tiêu [23] là "Việt Nam" thì UD hỗ trợ NSD chọn Tỉnh/thành phố trực thuộc của Việt Nam, bắt buộc nhập, không cho phép chọn giá trị "Khác"
  - Nếu chỉ tiêu [23] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác", không cho sửa
+ Chỉ tiêu [25]: Quận/Huyện
  - Nếu chỉ tiêu [23] là "Việt Nam" thì UD hỗ trợ NSD chọn Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành phố đã nhập, bắt buộc nhập, không cho chọn giá trị "Khác"
  - Nếu chỉ tiêu [23] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác", không cho sửa
+ Chỉ tiêu [26]: Phường/Xã
  - Nếu chỉ tiêu [23] là "Việt Nam" thì UD hỗ trợ NSD chọn Phường/xã thuộc Quận/Huyện đã nhập, bắt buộc nhập, không cho chọn giá trị "Khác"
  - Nếu chỉ tiêu [23] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác", không cho sửa
+ Chỉ tiêu [27]: Mặc định là "Việt Nam". Cho phép sửa chọn trong hộp chọn gồm Việt Nam và Khác
+ Chỉ tiêu [28]: Cho phép NSD chọn trong hộp chọn gồm: Con (mã 01), Vợ/chồng (mã 02), Cha/mẹ (mã 03), Khác (mã 04)
+ Chỉ tiêu [29] Từ tháng: thời gian được tính giảm trừ trong năm (tháng/năm): Bắt buộc nhập kiểm tra phải nằm trong kỳ tính thuế
+ Chỉ tiêu [30] Đến tháng: thời gian được tính giảm trừ trong giam(tháng/năm):
  - Kiểm tra chỉ tiêu [30] >= chỉ tiêu [29]
  - Kiểm tra chỉ tiêu [30] < (Đến tháng) của kỳ quyết toán

3.5.18 Bảng tổng hợp đăng ký người phụ thuộc

Cách gọi:

- Từ menu chức năng chọn "Kê khai/ Quyết toán thuế thu nhập cá nhân" chọn Bảng tổng hợp đăng ký NPT và chọn năm kê khai khi đó sẽ hiển thị ra màn hình như sau:



- Phần I: Đăng ký cấp mã cho người phụ thuộc: Nhập các thông tin tương tự như phụ lục 05-3/BK-TNCN
  - Chỉ tiêu [06] tự tăng khi thêm dòng
  - Chỉ tiêu [07] – Họ và tên người nộp thuế: cho phép NSD tự nhập kiểu text
    - Bắt buộc nhập
    - Nhập tối đa 100 ký tự
  - Chỉ tiêu [08] – MST của người nộp thuế:
    - Bắt buộc nhập tối đa 10 ký tự
    - Kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế
    - Kiểm tra MST của NNT không được trùng với MST của doanh nghiệp, nếu ko thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "MST cá nhân của người nộp thuế trùng với MST cơ quan chi trả"
  - Chỉ tiêu [09] – Họ và tên người phụ thuộc: cho phép NSD tự nhập kiểu text
    - Bắt buộc nhập
    - Nhập tối đa 100 ký tự
  - Chỉ tiêu [10] – Ngày sinh người phụ thuộc: NSD nhập kiểu dd/mm/yyyy. Kiểm tra ngày sinh không được sau kỳ tính thuế và phải nhỏ hơn hoặc bằng Từ tháng (chỉ tiêu [16])
  - Chỉ tiêu [11] - Mã số thuế của người phụ thuộc: Khóa không cho nhập
  - Chỉ tiêu [12] – Quốc tịch người phụ thuộc: Chọn trong combobox gồm

Việt Nam và Khác, mặc định là trống (lưu vào mã vạch Việt Nam là 01, Khác là 02). Nếu là người nước ngoài thì không bắt buộc nhập các thông tin trên giấy khai sinh

- Chỉ tiêu [13] – CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân của NPT
  - Nhập tối đa 50 ký tự
  - Không được nhập dấu cách trong chuỗi ký tự nhập
- Chỉ tiêu [14] – Quan hệ với người nộp thuế: Cho phép NSD chọn trong combobox gồm:
  - Con (mã 01)
  - Vợ/chồng (mã 02)
  - Cha/mẹ (mã 03
  - Khác (mã 04)
- Chỉ tiêu [15] - Số: Nhập tối đa 50 ký tự
- Chỉ tiêu [16] - Quyển số: Nhập tối đa 50 ký tự
- Chỉ tiêu [17] - Quốc gia: Chọn trong combobox gồm Việt Nam và Khác, mặc định là trống (lưu vào mã vạch Việt Nam là 01, Khác là 02).
- Chỉ tiêu [18] - Tỉnh/Thành phố:
  - Nếu chỉ tiêu [17] là "Việt Nam" thì UD bắt buộc chọn trong danh mục Tỉnh/Thành phố, hỗ trợ tìm theo thông tin đã nhập
  - Nếu chỉ tiêu [17] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác" (có mã hóa cho "Khác")
- Chỉ tiêu [19] - Quận/Huyện:
  - Nếu chỉ tiêu [17] là "Việt Nam" thì UD bắt buộc chọn trong danh mục Quận/Huyện, hỗ trợ hiển thị theo Tỉnh/Thành phố đã nhập
  - Nếu chỉ tiêu [17] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác" (có mã hóa cho "Khác")
- Chỉ tiêu [20] - Phường/Xã:
  - Nếu chỉ tiêu [17] là "Việt Nam" thì UD bắt buộc chọn trong danh mục Phường/Xã, hỗ trợ hiển thị theo Quận/Huyện đã nhập, cho phép tìm kiếm theo ABC
  - Nếu chỉ tiêu [17] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác" (có mã hóa cho "Khác")
- Chỉ tiêu [21] Từ tháng: Bắt buộc nhập kiểu mm/yyyy.
- Chỉ tiêu [22] Đến tháng: Nhập kiểu mm/yyyy, kiểm tra Đến tháng >= từ tháng

Các điều kiện kiểm tra:

- Nếu NPT <= 15 và không có thông tin về CMND/ hộ chiếu hay không thì không bắt buộc nhập các thông tin trên giấy khai sinh

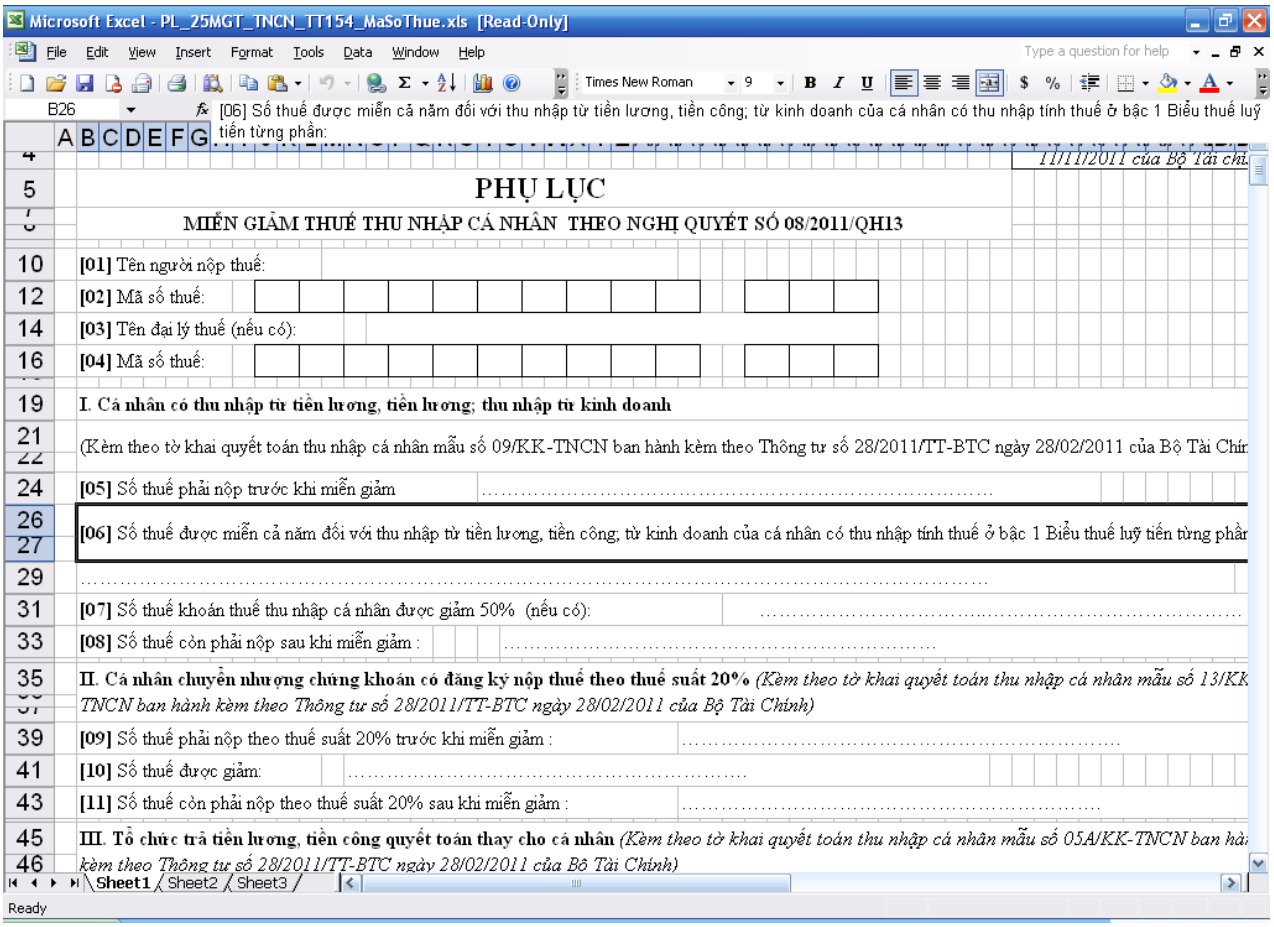
- Nếu NPT > 15 tuổi (Tính tuổi NPT theo nguyên tắc năm hiện tại – năm sinh) thì bắt buộc nhập chỉ tiêu CMT/ hộ chiếu
- Nếu Quốc gia là Việt Nam thì Tỉnh, huyện, xã không được phép chọn giá trị "Khác", nếu Quốc gia là Khác thì Tỉnh, huyện, xã mặc định là Khác và không cho sửa

- Phần II: Đăng ký thay đổi về người phụ thuộc
  + Họ tên NNT, MST NNT, Họ tên NPT: nhập kiểu text
  + Ngày sinh người phụ thuộc: Khóa không cho nhập
  + Mã số thuế của người phụ thuộc: Nhập tối đa 10 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
  + Quốc tịch người phụ thuộc: Khóa không cho nhập
  + CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân của NPT: Khóa không cho nhập
  + Quan hệ với người nộp thuế: Cho phép NSD chọn trong hộp chọn gồm:
    - Con (mã 01)
    - Vợ/chồng (mã 02)
    - Cha/mẹ (mã 03
    - Khác (mã 04)
  + Số: Khóa không cho nhập
  + Quyển số: Khóa không cho nhập
  + Quốc gia: Khóa không cho nhập
  + Tỉnh/Thành phố: Khóa không cho nhập
  + Quận/Huyện: Khóa không cho nhập
  + CPhường/Xã: Khóa không cho nhập
  + Từ tháng: Bắt buộc nhập kiểu mm/yyyy.
  + Đến tháng: Nhập kiểu mm/yyyy, kiểm tra Đến tháng >= từ tháng
- Chức năng Tải bảng kê: Tương tự như tải phụ lục 01-1/GTGT
- Chức năng " Hỗ trợ lấy dữ liệu BK 05-3/BK-TNCN": Chức năng này hỗ trợ NNT lấy dữ liệu từ bảng kê 05-3/BK-TNCN lên Bảng tổng hợp đăng ký NPT

3.5.19 Phụ lục miễn giảm thuế TNCN theo nghị quyết 08/2011/QH13

Cách gọi:

- Từ menu chức năng chọn "Kê khai/ Quyết toán thuế thu nhập cá nhân" chọn Phụ lục 25/MGT – TNCN. Khi đó sẽ hiển thị file word Phụ lục miễn giảm thuế TNCN:

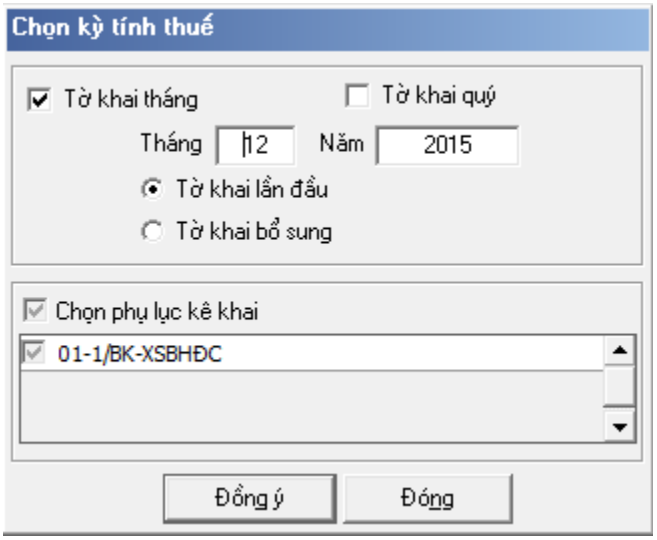


- NSD chọn Save As để tải file word Phụ lục miễn giảm thuế TNCN về máy và nhập các chỉ tiêu trong phụ lục. Sau đó in ra đính kèm với các tờ QT thu nhập cá nhân nộp cho Cơ quan thuế

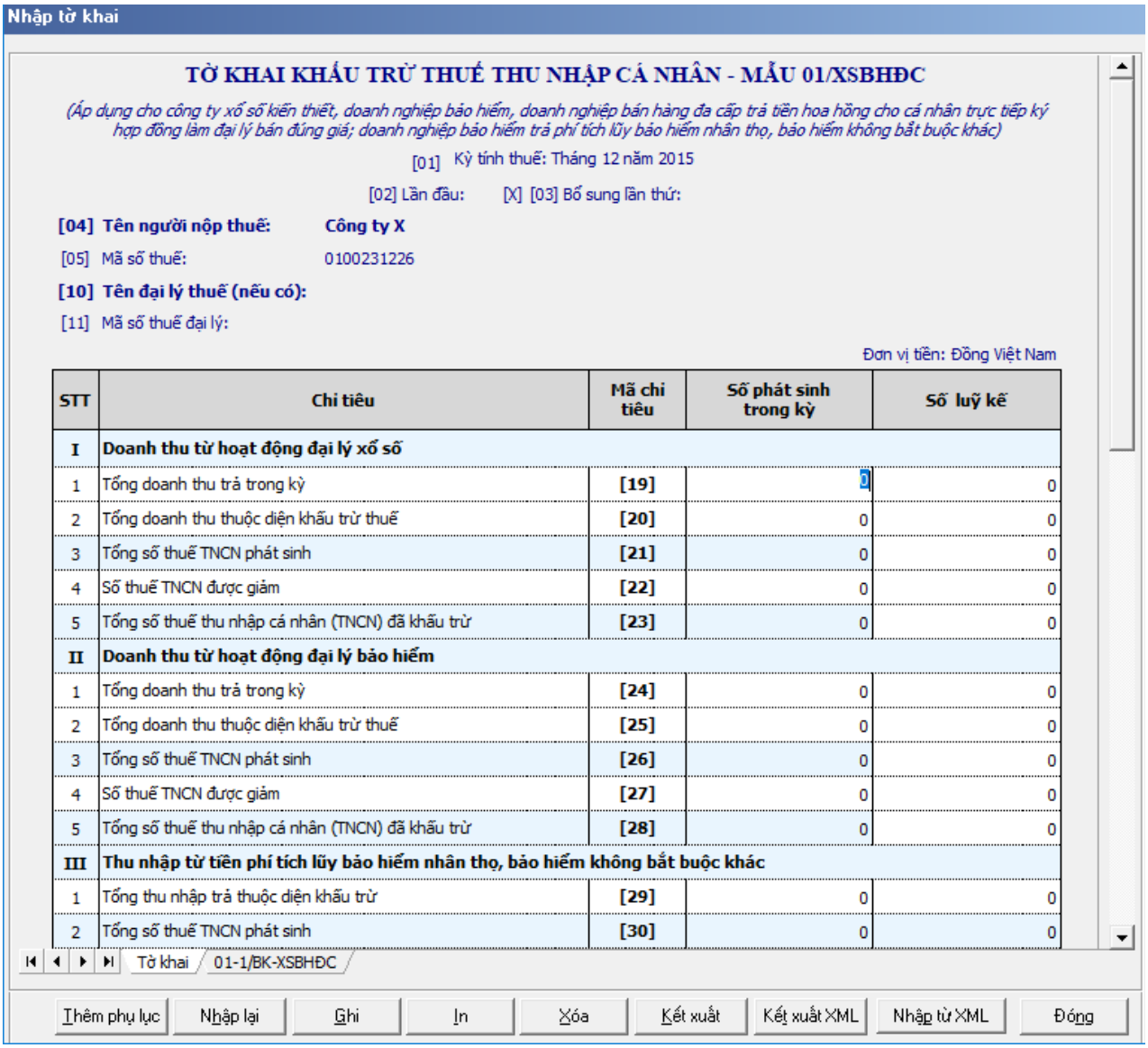
3.5.20 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 01/XSBHDC theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "01/XSBHĐC Tờ khai cho công ty XS,BH (TT92/2015).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng/quý hiện tại -1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được nhập kỳ tính thuế lớn hơn tháng hiện tại
  + Nếu chọn kỳ tính thuế là Quý 4 hoặc tháng 12 thì mặc định là có phụ lục kèm theo và không cho phép xóa phụ lục, còn nếu chọn các tháng/ quý khác mặc định là không kèm phụ lục, cho phép chọn thêm phụ lục để khai trong trường hợp giải thể, phá sản trong năm
  + Kiểm tra không cho phép kê khai đồng thời tờ khai tháng, quý trùng nhau
  + Hiệu lực tờ khai: Tờ khai kỳ tính thuế tháng từ tháng 7/2015, tờ khai kỳ tính thuế quý từ quý 3/2015
  + Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 01/XSBHDC như sau:



Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

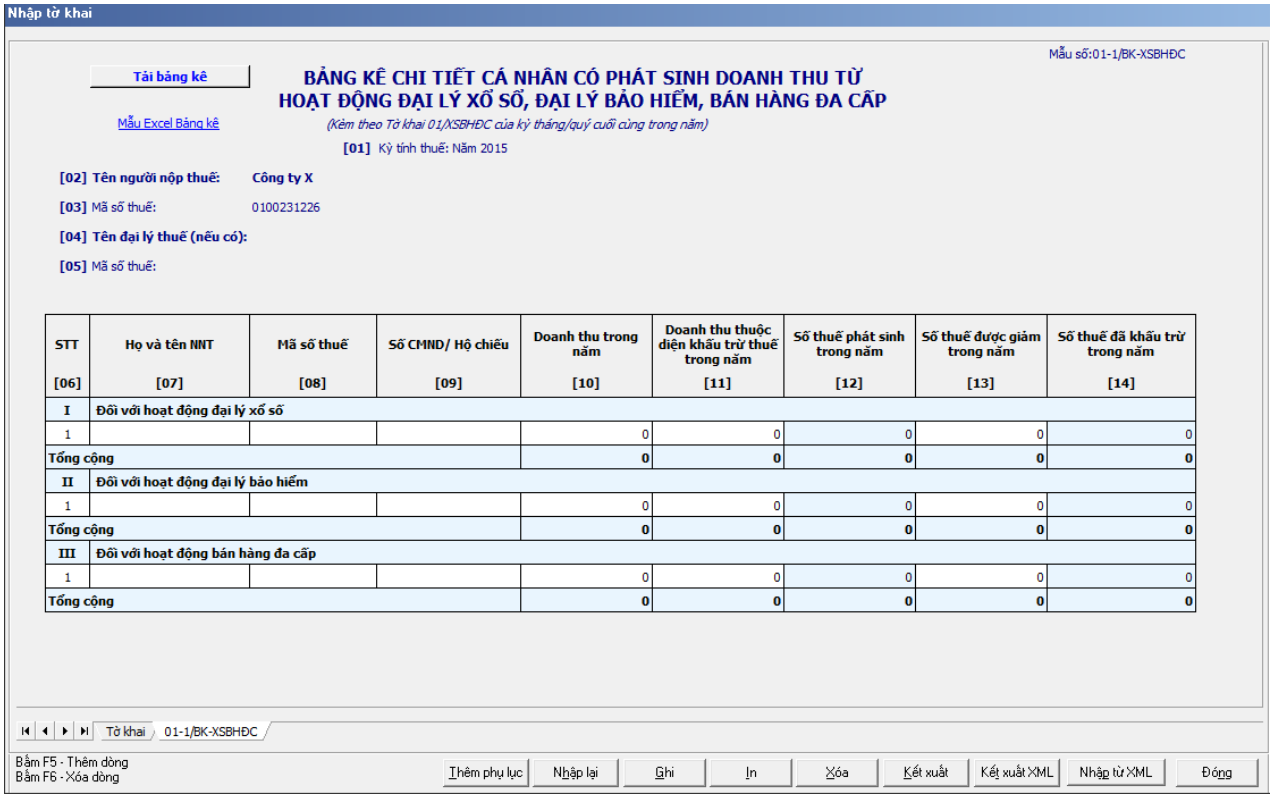
- Cột Số phát sinh trong kỳ :
  - + Chỉ tiêu [19], [20], [24], [25], [29], [33], [34], : Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0.
  - + Kiểm tra chỉ tiêu [20] <= [19], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [20] phải <= chỉ tiêu [19]
  - + Kiểm tra chỉ tiêu [25] <= [24], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [25] phải <= chỉ tiêu [24]
  - + Kiểm tra chỉ tiêu [34] <= [33], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [34] phải <= chỉ tiêu [33]
  - + Chỉ tiêu [21] = [20] * 5%
  - + Chỉ tiêu [22]: Cho phép nhập số không âm, kiểm tra chỉ tiêu [22] <= chỉ tiêu [21] * 50%, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [22] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [21] * 50%"

+ Chỉ tiêu [23] = [21] – [22]
+ Chỉ tiêu [26] = [25] * 5%
+ Chỉ tiêu [27]: Mặc định là 0, cho phép nhập số không âm, kiểm tra chỉ tiêu [27] <= chỉ tiêu [26] * 50%, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [27] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [26] * 50%"
+ Chỉ tiêu [28] = [26] – [27]
+ Chỉ tiêu [30] = [29] * 10%
+ Chỉ tiêu [31]: Nhập dạng số không âm, kiểm tra [31] <= [30] * 50%, nếu ko thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [31] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [30] * 50%
+ Chỉ tiêu [32] = [30] – [31]
+ Chỉ tiêu [35] = [34] * 5%
+ Chỉ tiêu [36]: Nhập dạng số không âm, kiểm tra [36] <= [35] * 50%, nếu ko thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [36] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [35] * 50%
+ Chỉ tiêu [37] = [35] – [36]
+ Chỉ tiêu [38] = [23]+[28]+[32]+[37]

- Cột Số lũy kế
  + Chỉ tiêu [19] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [19] phải bằng chỉ tiêu [15] (tổng cột [10] phần I) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
  + Chỉ tiêu [20] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [20] phải bằng chỉ tiêu [16] (tổng cột [11] phần I) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
  + Chỉ tiêu [21] =(Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [21] phải bằng chỉ tiêu [17] (tổng cột [12] phần I) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
  + Chỉ tiêu [22] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [22] phải bằng chỉ tiêu [18] (tổng cột [13] phần I) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
  + Chỉ tiêu [23] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [23] phải bằng chỉ tiêu [19] (tổng cột [14] phần I) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
  + Chỉ tiêu [24] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [24] phải bằng chỉ tiêu [20] (tổng cột [10] phần II) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
  + Chỉ tiêu [25] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [25] phải bằng chỉ tiêu [21] (tổng cột [11] phần II) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng

+ Chỉ tiêu [26] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [26] phải bằng chỉ tiêu [22] (tổng cột [12] phần II) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
+ Chỉ tiêu [27] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [27] phải bằng chỉ tiêu [23] (tổng cột [13] phần II) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
+ Chỉ tiêu [28] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [28] phải bằng chỉ tiêu [24] (tổng cột [14] phần II) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
+ Chỉ tiêu [29] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, nếu khác giá trị tự tính thì UD đưa ra cảnh báo vàng "Số lũy kế kỳ này khác (số phát sinh trong kỳ + số lũy kế kỳ trước)"
+ Chỉ tiêu [30] = [29] * 10%
+ Chỉ tiêu [31] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [31] <= [30] * 50%, nếu ko thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [31] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [30] * 50%
+ Chỉ tiêu [32] = [30] – [31]
+ Chỉ tiêu [33] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [33] phải bằng chỉ tiêu [25] (tổng cột [10] phần III) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
+ Chỉ tiêu [34] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [34] phải bằng chỉ tiêu [26] (tổng cột [11] phần III) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
+ Chỉ tiêu [35] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [35] phải bằng chỉ tiêu [27] (tổng cột [12] phần III) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
+ Chỉ tiêu [36] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [36] phải bằng chỉ tiêu [28] (tổng cột [13] phần III) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
+ Chỉ tiêu [37] = (Cột số phát sinh trong kỳ + số lũy kế của kỳ trước), cho sửa, kiểm tra [37] phải bằng chỉ tiêu [29] (tổng cột [14] phần III) trên bảng kê 01-1/BK-XSBHĐC, cảnh báo vàng
+ Chỉ tiêu [38] = [23]+[28]+[32]+[37]

Phụ lục 01-1/BK-XSBHĐC: Bảng kê chi tiết cá nhân có phát sinh doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số, đại lý bảo hiểm, bán hàng đa cấp



Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập:

+ Chỉ tiêu [07] (Họ và tên NNT) :
  - Nhập dạng text
  - Bắt buộc nhập
  - Nhập tối đa 200 ký tự
+ Chỉ tiêu [08] (Mã số thuế) :
  - Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [09] trống
  - Nhập tối đa 10 ký tự
  - Đúng cấu trúc mã số thuế
  - Không cho nhập trùng mã số thuế cá nhân trong cùng một hoạt động, nếu không thỏa mãn UD đưa ra cả báo đỏ "Mã số thuế của đại lý bị trùng với MST của đại lý khác"
+ Chỉ tiêu [09] (Số CMND/ Hộ chiếu) :
  - Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu [08] trống
  - Nhập tối đa 50 ký tự
  - Không cho nhập dấu cách
  - UD cảnh báo vàng khi NSD nhập trùng số CMND/ Hộ chiếu trong kỳ tính thuế có cùng mã số thuế của cơ quan chi trả thì UD đưa ra cảnh báo vàng "Số CMND/hộ chiếu của đại lý bị

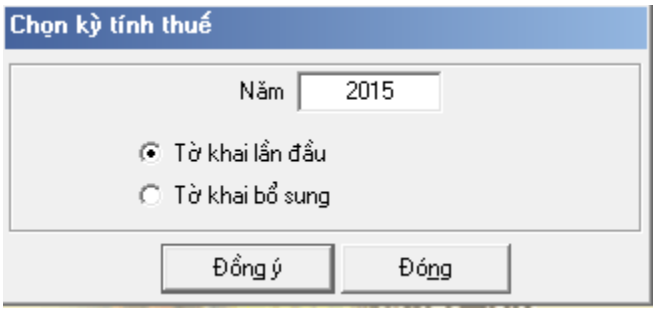
trùng với số CMND/Hộ chiếu của đại lý khác"

+ Chỉ tiêu [10] (Doanh thu trong năm) :
  - Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
+ Chỉ tiêu [11] (Doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế trong năm): Nhập kiểu số, không âm, tối đa 15 chữ số, mặc định là 0, kiểm tra [11] <= [10], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [11] phải <= [10]".
+ Chỉ tiêu [12] (Số thuế phát sinh trong năm): [12] = [11] * 5%
+ Chỉ tiêu [13] (Số thuế được giảm trong năm): Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra [13] <= [12] * 50%, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [13] phải <= [12] * 50%"
+ Chỉ tiêu [14] (Số thuế đã khấu trừ trong năm): [14] = [12] – [13]
+ Tổng cộng: UD hỗ trợ tính tổng các dòng trong từng phần

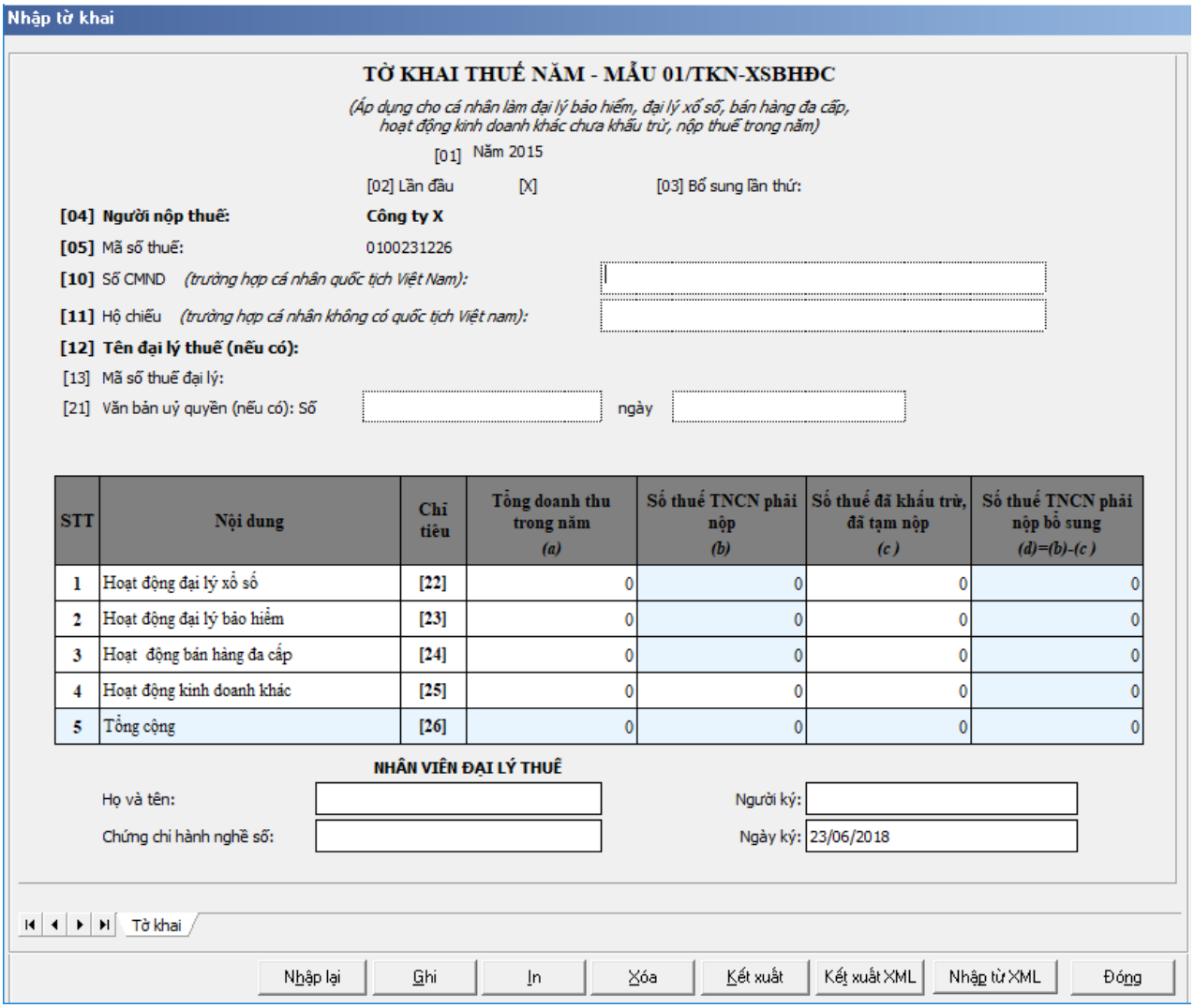
3.5.21 Tờ khai thuế năm cho cá nhân làm đại lý xổ số, bảo hiểm mẫu 01/TKN-XSBHDC theo thông tư số 92/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "01/TKN-XSBHĐC Tờ khai năm cho cá nhân làm đại lý XS,BH (TT92/2015).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng năm hiện tại - 1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn năm hiện tại
  + Hiệu lực tờ khai: Tờ khai có hiệu lực từ kỳ tính thuế năm 2015
  + Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 01/TKN-XSBHDC như sau:



Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

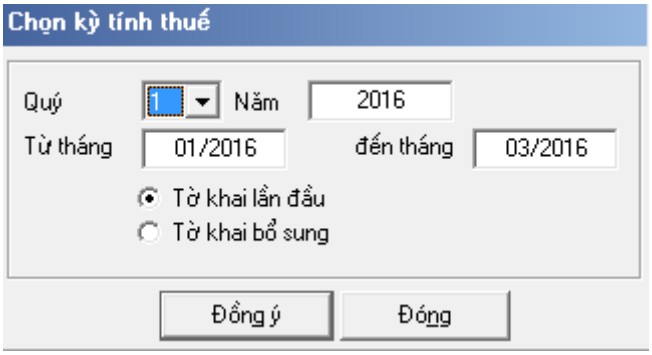
- Chỉ tiêu [22a], [23a], [24a], [25a], [22c], [23c], [24c], [25c]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0.
- Chỉ tiêu [22b] = [22a] * 5%
- Chỉ tiêu [23b] = [23a] * 5%
- Chỉ tiêu [24b] = [24a] * 5%
- Chỉ tiêu [25b]: Cho phép nhập số không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [22d] = [22b] - [22c], nếu kết quả âm thì đưa ra cảnh báo vàng "Số thuế TNCN phải nộp bổ sung không đúng. Đề nghị xem lại các chỉ tiêu liên quan"
- Chỉ tiêu [23d] = [23b] - [23c], nếu kết quả âm thì đưa ra cảnh báo vàng "Số thuế TNCN phải nộp bổ sung không đúng. Đề nghị xem lại các chỉ tiêu liên quan"
- Chỉ tiêu [24d] = [24b] - [24c], nếu kết quả âm thì đưa ra cảnh báo vàng "Số thuế TNCN phải nộp bổ sung không đúng. Đề nghị xem lại các chỉ tiêu liên quan"

- Chỉ tiêu [25d] = [25b] - [25c], nếu kết quả âm thì đưa ra cảnh báo vàng "Số thuế TNCN phải nộp bổ sung không đúng. Đề nghị xem lại các chỉ tiêu liên quan"
- Chỉ tiêu [26a] = [22a] + [23a] + [24a] + [25a]
- Chỉ tiêu [26b] = [22b] + [23b] + [24b] + [25b]. Kiểm tra nếu [26a] <= 100 triệu [26b] = 0
- Chỉ tiêu 26c] = [22c] + [23c] + [24c] + [25c]
- Chỉ tiêu [26d] = [22d] + [23d] + [24d] + [25d]

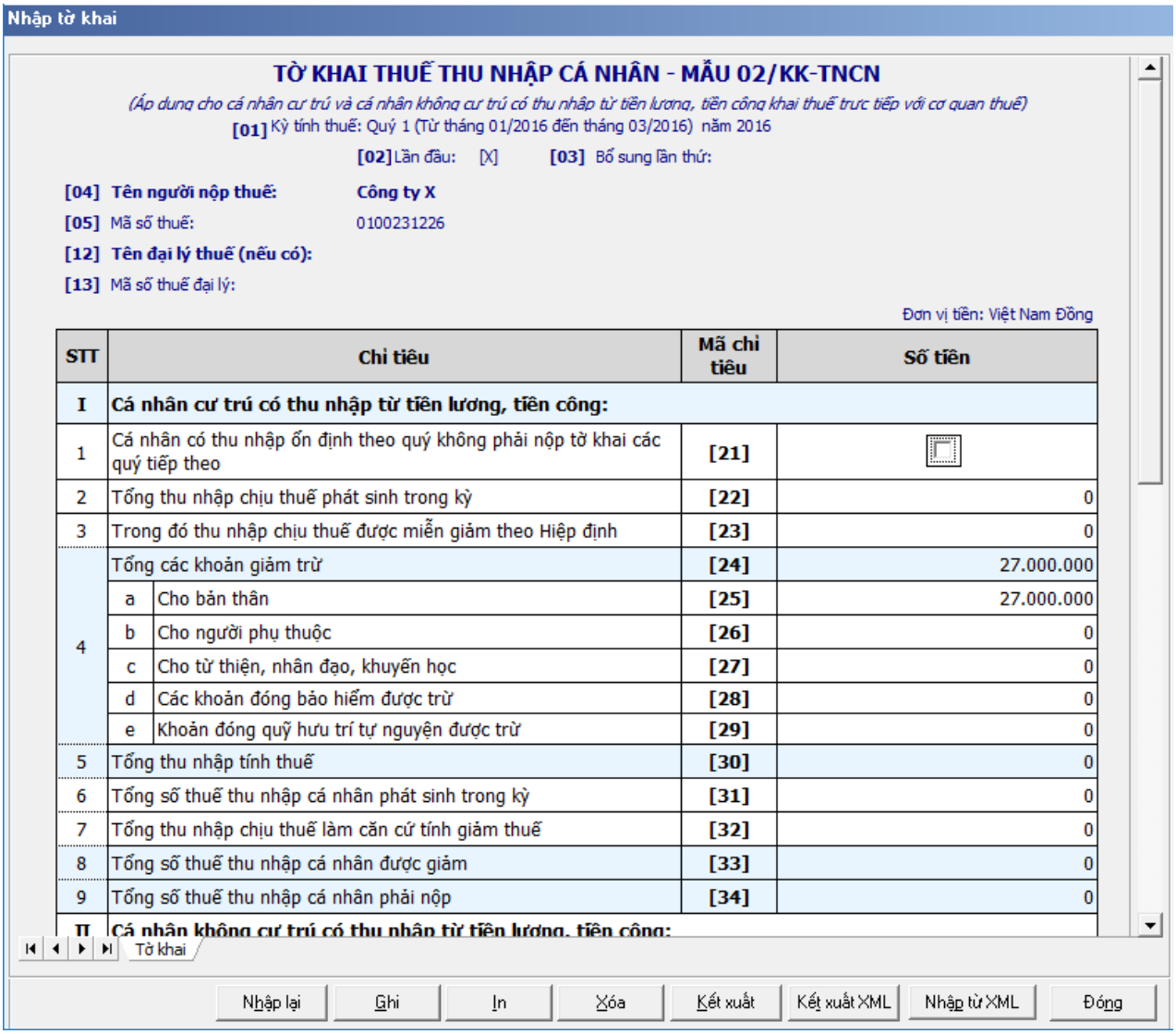
3.5.22 Tờ khai dành cho cá nhân khai trực tiếp với cơ quan thuế mẫu 02/KK-TNCN theo thông tư số 92/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "02/KK-TNCN Tờ khai cho cá nhân khai trực tiếp (TT92/2015).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng quý hiện tại -1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế mà nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn quý hiện tại
  + Hiệu lực tờ khai: Tờ khai có hiệu lực từ kỳ tính thuế quý 3/2015
  + Trạng thái tờ khai gồm tờ khai là Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 02/KK-TNCN như sau:



Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

- Chỉ tiêu [21] cho phép NSD có thể đánh dấu x hoặc để trống.
- Các chỉ tiêu nhập: [22], [23], [27], [28], [29], [35], dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [23] kiểm tra <= chỉ tiêu [22]
- Chỉ tiêu [24]= [25] + [26] + [27] + [28] + [29]
- Chỉ tiêu [25]: Mặc định là số tháng * 9.000.000, cho sửa, kiểm tra giá trị sửa phải bằng một trong các số 0; 9.000.000; 18.000.000; 27.000.000
- Chỉ tiêu [26] cho phép NSD nhập, kiểm tra giá trị nhập là bội của 3,6 triệu, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Số tiền giảm trừ cho người phụ thuộc là 3.600.000/ 1 người/ 1 tháng"
- Chỉ tiêu [29] kiểm tra <= 1 000 000 * số tháng, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ tối đa 1.000.000/ 1 tháng"
- Chỉ tiêu [30] = [22] – [23] -[24], nếu [22] – [23] - [24] < 0 thì [30] = 0

- Chỉ tiêu [31] =([30] / số tháng) * biểu thuế lũy tiến * số tháng, cho phép sửa
- Chỉ tiêu [32] cho phép NSD nhập,kiểm tra <= chỉ tiêu [22], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng thu nhập chịu thuế làm căn cứ tính giảm thuế phải nhỏ hơn hoặc bằng Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ (chỉ tiêu [22])".
- Chỉ tiêu [33]= [31] x {[32] / ([22]-[23])} x 50%.
- Chỉ tiêu [34] = [31] - [33]
- Chỉ tiêu [36] mặc định là 20%, cho sửa
- Chỉ tiêu [37] = [35] * [36], cho phép sửa

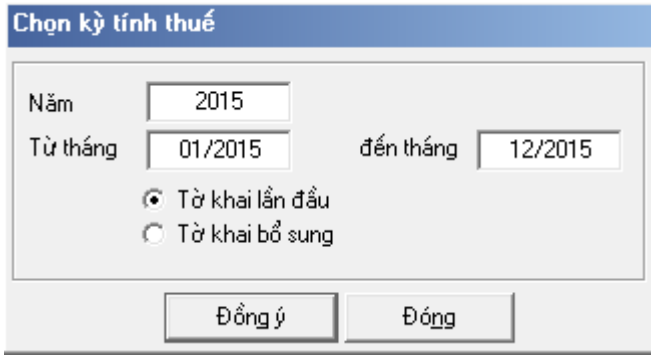
Kiểm tra các ràng buộc:

+ Nếu có số liệu kê khai trong mục I (chỉ tiêu [21] - [34]) thì không được có số liệu tại mục II. Và ngược lại có thông tin ở II thì không có ở phần I. Nếu không thỏa mãn UD đưa ra thông báo "Đề nghị xem lại. Nếu là cá nhân cư trú thì không kê khai phần II. Nếu là cá nhân không cư trú thì không kê khai phần I."

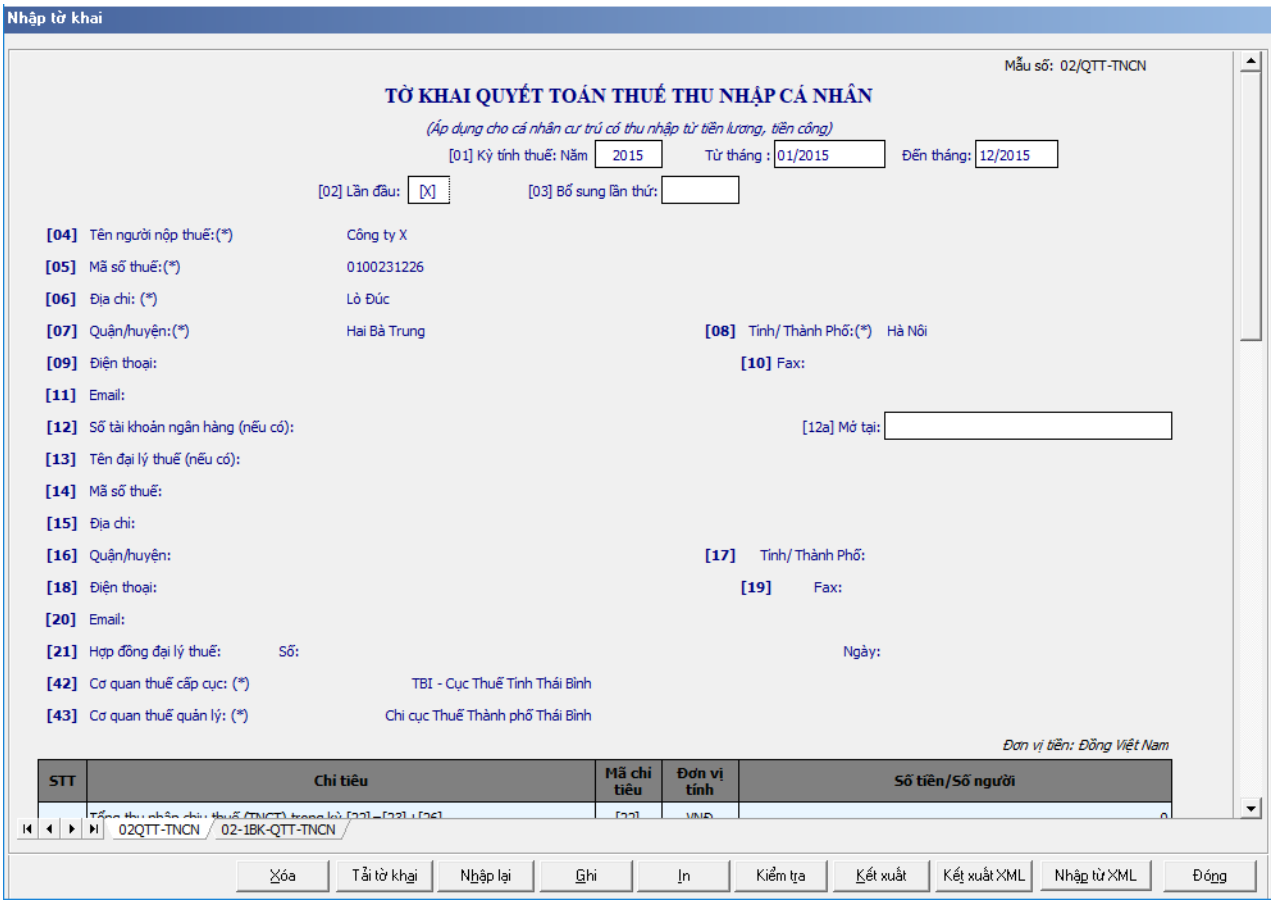
3.5.23 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 02/QTT-TNCN theo thông tư số 92/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Quyết toán thuế thu nhập cá nhân" chọn "02/QTT-TNCN Tờ khai quyết toán của cá nhân (TT92/2015).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng năm hiện tại - 1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn năm hiện tại
  + Hiệu lực tờ khai: Tờ khai có hiệu lực từ kỳ tính thuế năm 2015
  + Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 02/QTT-TNCN như sau:



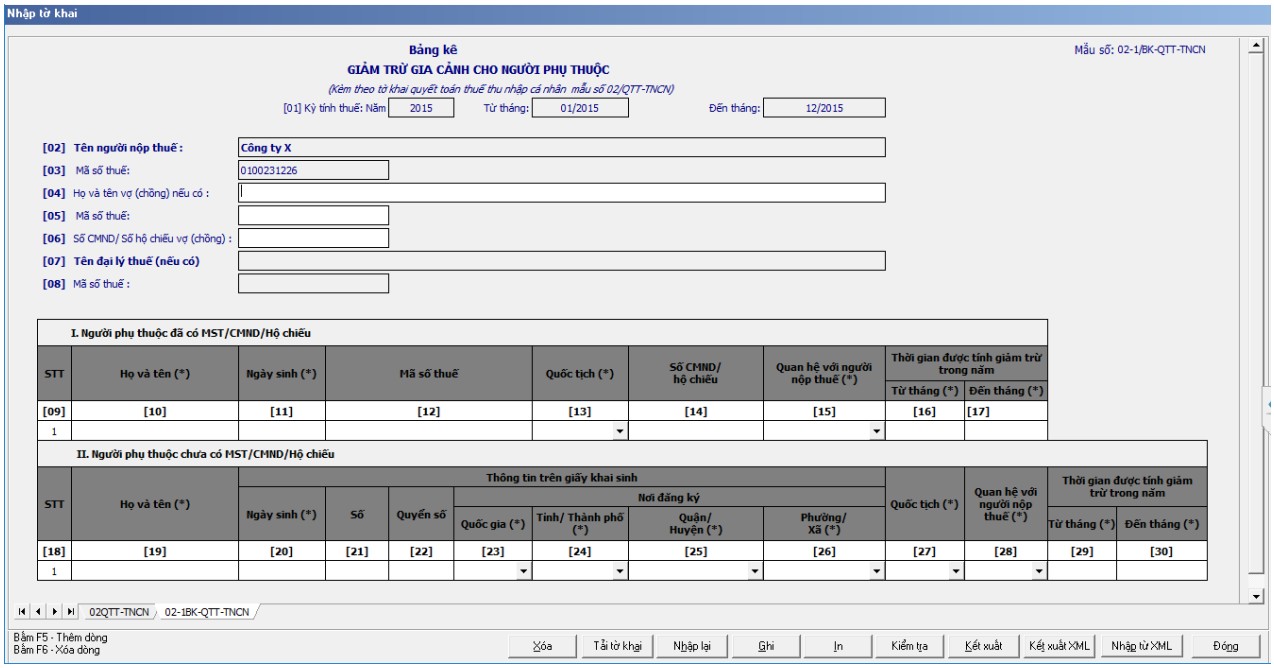
Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

- Chỉ tiêu [22] = [23] + [26], không sửa.
- Chỉ tiêu [23]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra [23] >= [24] + [25], nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [23] phải lớn hơn hoặc bằng chỉ tiêu [24] + [25]"
- Chỉ tiêu [24]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [25]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [26]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra [26] <= [22]], nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [26] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [22]"
- Chỉ tiêu [27]: Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cách đếm số dòng trên phụ lục 02-1/BK-QTT-TNCN
- Chỉ tiêu [28] = [29]+[30]+[31]+[32]+[33]
- Chỉ tiêu [29]: Hỗ trợ tính [29] = (Đến tháng -Từ tháng +1)*9.000.000, không cho sửa
- Chỉ tiêu [30]: Hỗ trợ tính, không cho sửa:
- [30] = Tổng cộng số tiền giảm trừ trên phụ lục 02-1/BK-QTT-TNCN (trong đó Số tiền giảm trừ trên từng dòng = (Đến tháng -Từ tháng +1)*3.600.000

- Chỉ tiêu [31]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra [31] <= [28] nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [31] phải <= [28]"
- Chỉ tiêu [32]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra [32] <= [28] nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [32] phải <= [28]"
- Chỉ tiêu [33]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra [33] <= 1.000.000 * Số tháng. Nếu khác, UD cảnh báo đỏ " Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện không được lớn hơn 1.000.000/ 1 tháng"
- Chỉ tiêu [34]:
  - Nếu [22] - [25] - [28] > 0 thì [34]= [22] – [25] - [28], không cho phép sửa
  - Nếu [22] - [25] - [28] < = 0 thì [34] = 0 , không cho phép sửa.
- Chỉ tiêu [35]: Hỗ trợ tính = [34]/ (Đến tháng – Từ tháng +1) * Biểu thuế lũy tiến tháng * (Đến tháng – Từ tháng+1),không cho phép sửa. Kiểm tra nếu chỉ tiêu [34] <= 0 thì chỉ tiêu [35] = 0
- Chỉ tiêu [36] = [37]+[38]+[39]-[40], không sửa, kiểm tra [36] >=0. Nếu khác thì UD cảnh báo đỏ.
- Chỉ tiêu [37]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [38]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [39]: Nhập dạng số, không âm, kiểm tra [39] <= ([35] x {[26]/([22] – [25])}x 100%), nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "số thuế đã nộp ở nước ngoài được xác định tối đa bằng số thuế phải nộp tương ứng với tỷ lệ thu nhập nhận được từ nước ngoài so với tổng thu nhập nhưng không vượt quá số thuế là [35] x {[26]/([22] –[25])}x 100%."
- Chỉ tiêu [40]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0.
- Chỉ tiêu [41]=[42]+[43], không sửa
- Chỉ tiêu [42] = [35] x {[24] / ([22]-[25])} x 50%, nếu kết quả âm thì set =0
- Chỉ tiêu [43]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra [43] <= [41] , nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [43] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [41]"
- Chỉ tiêu [44]=[35]-[36]-[41] nếu [35]-[36]-[41] >= 0
- Chỉ tiêu [45]= trị tuyệt đối của ([35]-[36]-[41]) nếu [35]-[36]-[41] < 0
- Chỉ tiêu [46] = [47]+[48], kiểm tra [46] <= [45] nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ " Số thuế đề nghị hoàn không được lớn hơn số nộp thừa trong kỳ"
- Chỉ tiêu [47]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra [47] <= [46] , nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [47] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [46]"
- Chỉ tiêu [48]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, kiểm tra [48] <= [46] , nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [48] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [46]"

- Chỉ tiêu [49]=[45]-[46], không sửa

Phụ lục 02-1/QTT-TNCN: Phụ lục giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc



+ Chỉ tiêu [04]: Nhập kiểu text
+ Chỉ tiêu [05]: Nhập kiểu số, tối đa 10 chữ số. Kiểm tra đúng cấu trúc MST quy định
+ Chỉ tiêu [06]: Nhập kiểu text. Kiểm tra không cho nhập dấu cách
+ Chỉ tiêu [10]: Họ và tên: Bắt buộc nhập kiểu text
+ Chỉ tiêu [11]: Bắt buộc nhập theo định dạng DD/MM/YYYY, không được lớn hơn ngày hiện tại và phải trước Từ tháng giảm trừ
+ Chỉ tiêu [12]: Nhập đúng cấu trúc MST, kiểm tra ko dc trùng nhau
+ Chỉ tiêu [13]: Cho phép chọn hộp chọn gồm "Việt Nam" hoặc "Khác", mặc định là "Việt Nam"
+ Chỉ tiêu [14]: Bắt buộc nhập CMT. Kiểm tra CMT không được trùng nhau. Nếu NPT > 15 tuổi (Tính tuổi NPT theo nguyên tắc năm hiện tại – năm sinh) thì bắt buộc nhập chỉ tiêu [14] , nếu không UD đưa ra thông báo " NPT trên 15 tuổi bắt buộc phải nhập CMT/ Hộ chiếu"
+ Chỉ tiêu [15]: Cho phép NSD chọn trong hộp chọn gồm: Con (mã 01), Vợ/chồng (mã 02), Cha/mẹ (mã 03), Khác (mã 04)
+ Chỉ tiêu [16] Từ tháng: thời gian được tính giảm trừ trong năm (tháng/năm): Bắt buộc nhập kiểm tra phải nằm trong kỳ tính thuế
+ Chỉ tiêu [17] Đến tháng: thời gian được tính giảm trừ trong giam(tháng/năm):
    - Kiểm tra chỉ tiêu [17] >= chỉ tiêu [16]

- Kiểm tra chỉ tiêu [17] < (Đến tháng) của kỳ quyết toán

+ Chỉ tiêu [19]: Bắt buộc nhập dạng text
+ Chỉ tiêu [20]: Bắt buộc nhập theo định dạng DD/MM/YYYY. Kiểm tra không được lớn hơn ngày hiện tại và phải trước Từ tháng giảm trừ
+ Chỉ tiêu [21]: Nhập tối đa 50 ký tự
+ Chỉ tiêu [22]: Nhập tối đa 50 ký tự
+ Chỉ tiêu [23]: Mặc định là "Việt Nam". Cho phép sửa chọn trong hộp chọn gồm Việt Nam và Khác
+ Chỉ tiêu [24]: Tỉnh/thành phố
  - Nếu chỉ tiêu [23] là "Việt Nam" thì UD hỗ trợ NSD chọn Tỉnh/thành phố trực thuộc của Việt Nam, bắt buộc nhập, không cho phép chọn giá trị "Khác"
  - Nếu chỉ tiêu [23] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác", không cho sửa
+ Chỉ tiêu [25]: Quận/Huyện
  - Nếu chỉ tiêu [23] là "Việt Nam" thì UD hỗ trợ NSD chọn Quận/Huyện thuộc Tỉnh/Thành phố đã nhập, bắt buộc nhập, không cho chọn giá trị "Khác"
  - Nếu chỉ tiêu [23] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác", không cho sửa
+ Chỉ tiêu [26]: Phường/Xã
  - Nếu chỉ tiêu [23] là "Việt Nam" thì UD hỗ trợ NSD chọn Phường/xã thuộc Quận/Huyện đã nhập, bắt buộc nhập, không cho chọn giá trị "Khác"
  - Nếu chỉ tiêu [23] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác", không cho sửa
+ Chỉ tiêu [27]: Mặc định là "Việt Nam". Cho phép sửa chọn trong hộp chọn gồm Việt Nam và Khác
+ Chỉ tiêu [28]: Cho phép NSD chọn trong hộp chọn gồm: Con (mã 01), Vợ/chồng (mã 02), Cha/mẹ (mã 03), Khác (mã 04)
+ Chỉ tiêu [29] Từ tháng: thời gian được tính giảm trừ trong năm (tháng/năm): Bắt buộc nhập kiểm tra phải nằm trong kỳ tính thuế
+ Chỉ tiêu [30] Đến tháng: thời gian được tính giảm trừ trong giam(tháng/năm):
  - Kiểm tra chỉ tiêu [30] >= chỉ tiêu [29]
  - Kiểm tra chỉ tiêu [30] < (Đến tháng) của kỳ quyết toán

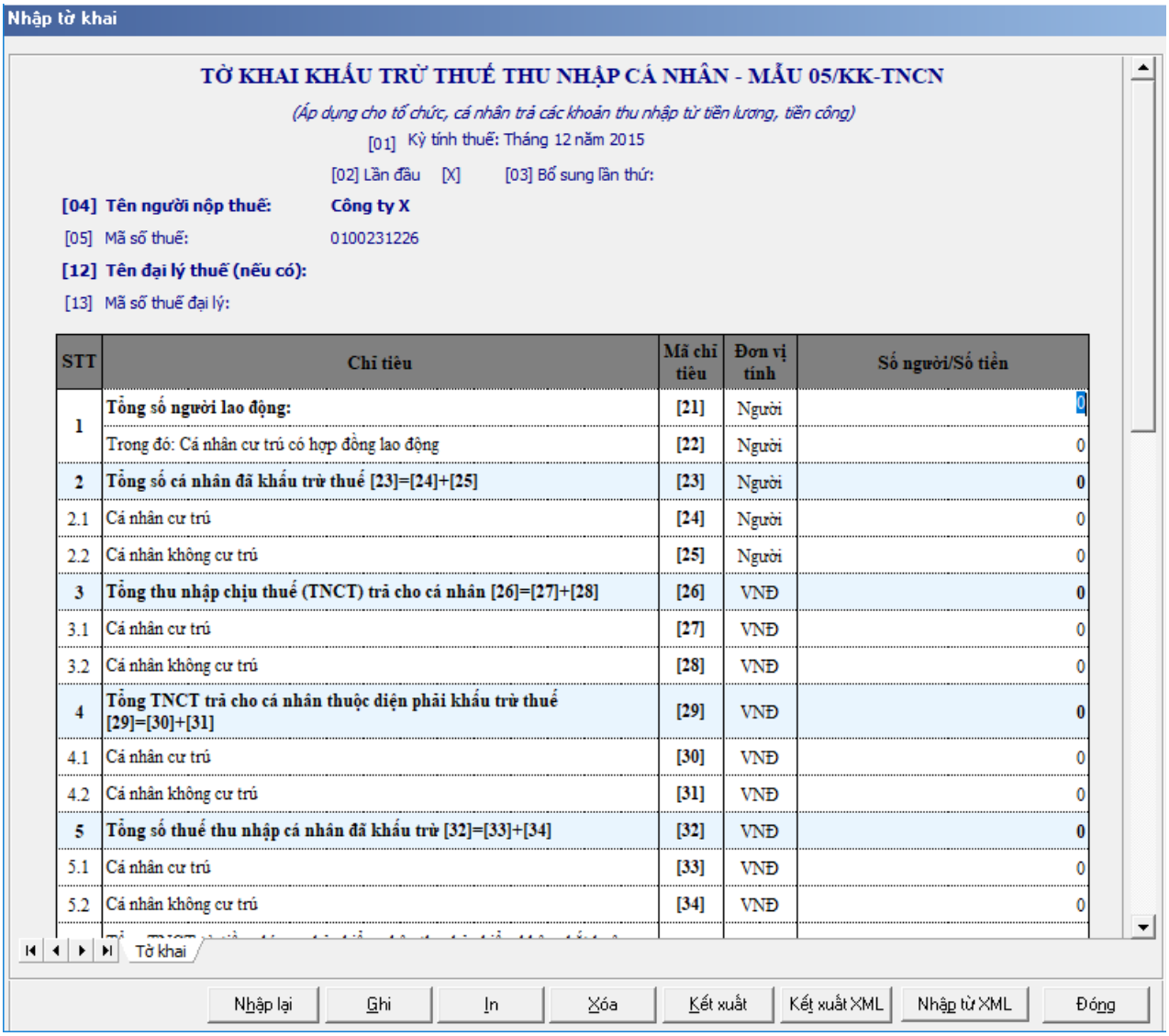
3.5.24 Tờ khai thuế thu nhập cá nhân mẫu 05/KK-TNCN theo thông tư số 92/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "05/KK-TNCN Tờ khai khấu trừ thuế TNCN (TT92/2015).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế bạn cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng/quý hiện tại -1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế mà muốn kê khai nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng/ quý hiện tại
  + Hiệu lực tờ khai: Tờ khai có hiệu lực từ kỳ tính thuế tháng 7/2015 và quý 3/2015
  + Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 05/KK-TNCN như sau:



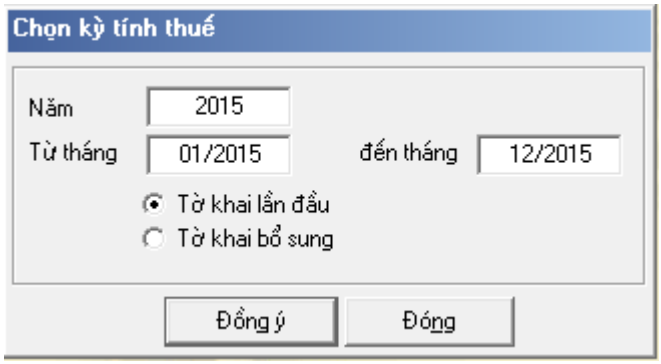
Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

- Chỉ tiêu [21], [22], [24], [25], [27], [28], [30], [31], [33], [34], [35]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [21], [22], [24], [25] nhập tối đa 13 ký tự
- Chỉ tiêu [22]: Kiểm tra <= [21], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [22] phải <= [21]"
- Chỉ tiêu [23] = [24]+[25], kiểm tra [23] <= [21], nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [23] phải <= [21]
- Chỉ tiêu [26]=[27]+[28]
- Chỉ tiêu [29]=[30]+[31]
- Chỉ tiêu [32]=[33]+[34]
- Chỉ tiêu [36] = [35]*10%
- Kiểm tra các điều kiện sau: [24] <= [21]; [25] <= [[21], [30] <= [27], [31] <= [28], [33] <= [30], [34] <= [31], cảnh báo vàng

3.5.25 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu 05/QTT-TNCN theo thông tư số 92/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "05/QTT-TNCN Tờ khai quyết toán thuế TNCN (TT92/2015).



- Chương trình mặc định chọn các phụ lục cần kê khai. Chọn "Tờ khai lần đầu", sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai Quyết toán thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công (05/QTT-TNCN) với hộp chọn "Chính thức" được đánh dấu "X"
- Đối với trường hợp quyết toán không tròn năm thì NSD đánh dấu x vào ô check Quyết toán không tròn năm và bắt buộc nhập Lý do quyết toán không tròn năm

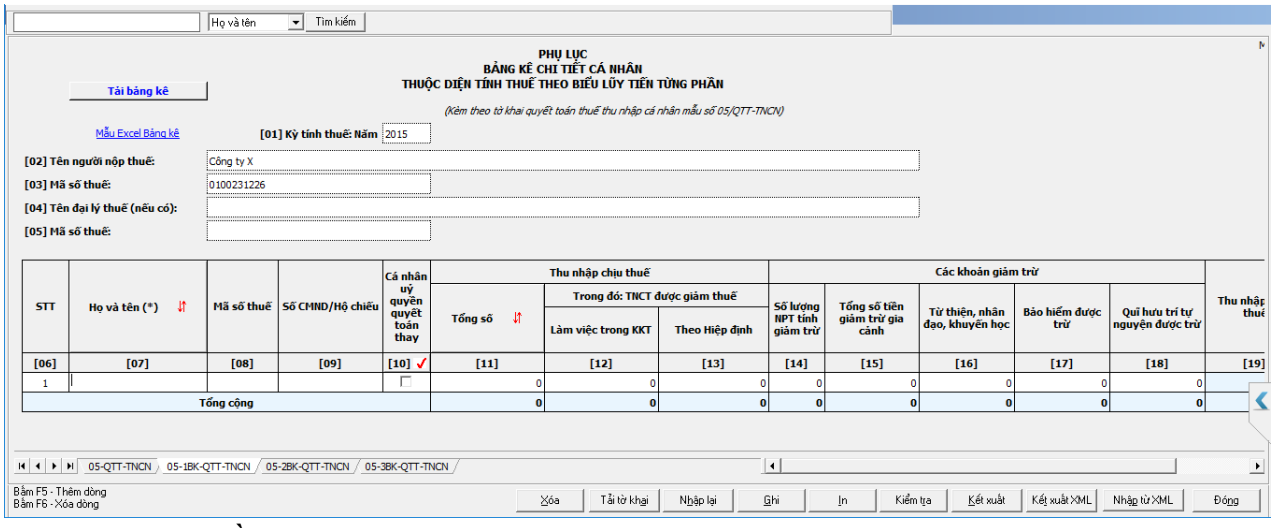


- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [21]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 13 ký tự.
  + Chỉ tiêu [22]: Bằng tổng số dòng trên bảng kê 05-1/QTT-TNCN, cho sửa, kiểm tra [22] <= [21] , nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [22] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [21]"
  + Chỉ tiêu [23] =[24]+[25]
  + Chỉ tiêu [24] = bằng tổng số dòng tại chỉ tiêu [20] trên bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN > 0 cộng với tổng số dòng tại chỉ tiêu [15] trên bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 mà có chỉ tiêu [10] bỏ trống, cho sửa, tối đa 13 ký tự.
  + Chỉ tiêu [25] bằng tổng số dòng tại chỉ tiêu [15] trên bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 mà có chỉ tiêu [10] đánh dấu "x", không cho sửa
  + Chỉ tiêu [26] bằng tổng số dòng tại chỉ tiêu [13] trên bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN > 0 cộng với tổng số dòng tại chỉ tiêu [14] trên bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN > 0, cho sửa, tối đa 13 ký tự.
  + Chỉ tiêu [27] bằng tổng cột [14] trên bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN, không cho sửa
  + Chỉ tiêu [28] = [29] + [30]

+ Kiểm tra nếu chỉ tiêu [28] và [40] = 0 thì không cho in/kết xuất tờ khai đồng thời đưa ra cảnh báo: "Tổ chức không phát sinh trả thu nhập thì không phải khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân"
+ Chỉ tiêu [29] = chỉ tiêu [25] (tổng cột 11) Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN + tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [11] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống – tổng các giá trị các dòng tại chỉ tiêu [12] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống, cho phép sửa trong mọi trường hợp
+ Chỉ tiêu [30] bằng tổng giá trị các dòng ở cột chỉ tiêu [11] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với dòng chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN có đánh dấu “x” – tổng các giá trị các dòng tại chỉ tiêu [12] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCNcó đánh dấu “x” , cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [31] = [32] + [33]
+ Chỉ tiêu [32] = tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [11] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN ứng với chỉ tiêu [20] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN > 0 + tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [11] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống và chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 - tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [12] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống và chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0, cho phép sửa trong mọi trường hợp
+ Chỉ tiêu [33] = tổng giá trị các dòng tại chi tiêu [11] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN có đánh dấu “x” và chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 - tổng giá trị các dòng tại chi tiêu [12] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN có đánh dấu “x” và chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0, cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [34] = [35] + [36]
+ Chỉ tiêu [35] bằng chỉ tiêu [34] Mẫu số 05-1/BK-QTT-TNCN > 0 + tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống - tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [16] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN bỏ trống, cho phép sửa trong mọi trường hợp.

+ Chỉ tiêu [36] = tổng giá trị các dòng tại Chỉ tiêu [15] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN đánh dấu "x" - tổng giá trị các dòng tại Chỉ tiêu [16] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN ứng với chỉ tiêu [10] Mẫu số 05-2/BK-QTT-TNCN đánh dấu "x, cho phép sửa nếu (Đến tháng – từ tháng +1) < 12 tháng, nếu (Đến tháng – từ tháng +1) = 12 tháng thì không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [37] = [38] + [39]
+ Chỉ tiêu [38] bằng chỉ tiêu [35] (tổng cột [21]) trên bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN cộng với tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [17] trên bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN mà có chỉ tiêu [10] bỏ trống, cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [39] bằng tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [17] trên bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN > 0 mà có chỉ tiêu [10] đánh dấu "x", không cho sửa
+ Chỉ tiêu [40] bằng chỉ tiêu [19] (tổng cột [12]) trên bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN, cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [41] = [40] * 10%, cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [42] bằng tổng số dòng trên bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN mà có chỉ tiêu [10] đáng dấu "x".
+ Chỉ tiêu [43] bằng tổng giá trị các dòng tại Chỉ tiêu [20] trên bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN mà có chỉ tiêu [10] đánh dấu "x", không cho sửa.
+ Chỉ tiêu [44] bằng chỉ tiêu [36] (tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [22]) trên bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN
+ Chỉ tiêu [45] = [44] - [43] nếu [45] = ([44] - [43]) > 0
+ Chỉ tiêu [46]= [43] - [44] nếu [46]= ([43] - [44]) > 0

Bảng kê 05-1/QTT-TNCN: Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu thuế lũy tiến từng phần



- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Chỉ tiêu [06] tự động tăng giảm

+ Chỉ tiêu [07] (Họ và tên) :
  - Nhập kiểu text
  - Bắt buộc nhập
  - Nhập tối đa 100 ký tự
+ Chỉ tiêu [08] (Mã số thuế) :
  - Bắt buộc nhập khi có đánh dấu quyết toán thay
  - Nhập đúng cấu trúc của mã số thuế 10 ký tự
  - Không được nhập trùng MST cá nhân đã được nhập trong kỳ tính thuế có cùng MST cơ quan chi trả của cùng bảng kê
  - Nếu cá nhân ủy quyền quyết toán thì không được nhập trùng MST cá nhân đã được nhập trong kỳ tính thuế giữa hai PL 05-1/BK-QTT-TNCN và 05-2/BK-QTT-TNCN, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng "Mã số thuế này đã có trên bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN"
+ Chỉ tiêu [09] (Số CMND/Hộ chiếu) :
  - Nhập tối đa 60 ký tự
  - Bắt buộc nhập thông tin này nếu không nhập thông tin MST
  - Không được nhập dấu cách trong chuỗi ký tự nhập
  - UD cảnh báo vàng nếu NNT nhập trùng số CMT/Hộ chiếu giữa 2 PL 05-1/Bk-TNCN và 05-2/BK-TNCN
+ Chỉ tiêu [10] cho phép NSD đánh dấu x nếu có ủy quyền quyết toán thay, để trống nếu không có.
+ Chỉ tiêu [11] (Tổng số thu nhập chịu thuế) :
  - Nhập kiểu số, không âm
  - Lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
+ Chỉ tiêu [12] (TNCT làm căn cứ tính giảm thuế làm việc trong KKT) :
  - Nhập kiểu số
  - Lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
  - Kiểm tra [12] + [13] phải Nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [11] (Thu nhập chịu thuế), nếu ko thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " TNCT được giảm thuế không được lớn hơn Tổng số TNCT"
+ Chỉ tiêu [13] (TNCT được giảm thuế theo Hiệp định)
  - Nhập kiểu số
  - Lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
  - Kiểm tra [12] + [13] phải Nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [11] (Thu

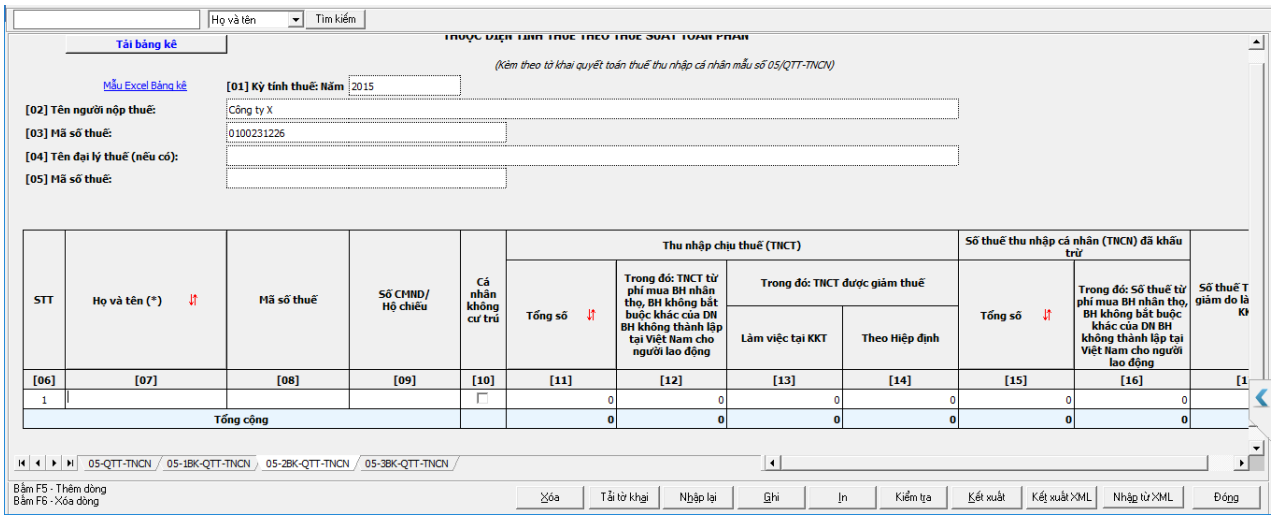
nhập chịu thuế), nếu ko thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " TNCT được giảm thuế không được lớn hơn Tổng số TNCT"

+ Chỉ tiêu [14] (Số lượng NPT tính giảm trừ)
  - Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  - Tối đa 2 chữ số
+ Chỉ tiêu [15] (Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh) :
  - Nhập kiểu số
  - Lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
  - Kiểm tra nếu [14] > 0 thì [15] cũng phải >0, cảnh báo đỏ
  - Kiểm tra [15] phải nhập số chẵn đến hàng trăm nghìn đồng. Nếu khác thì cảnh báo đỏ.
+ Chỉ tiêu [16] (Từ thiện, nhân đạo, khuyến học) :
  - Nhập kiểu số
  - Lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
+ Chỉ tiêu [17] (Bảo hiểm được trừ) :
  - Nhập kiểu số
  - Lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
+ Chỉ tiêu [18] (Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ)
  - Nhập kiểu số
  - Lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
  - Kiểm tra <= (Đến tháng – từ tháng + 1) *1 000 000, nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ không được quá 1.000.000 đồng / 1 tháng"
+ Chỉ tiêu [19] = [11] - [13] - [15] - [16] - [17] - [18] nếu <0 thì [19] = 0
+ Chỉ tiêu [20] (Số thuế TNCN đã khấu trừ) :
  - Nhập kiểu số
  - Lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
  - Nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [11] (Thu nhập chịu thuế), nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng "Số thuế TNCN đã khấu trừ không được lớn hơn Tổng số thu nhập chịu thuế"
+ Chỉ tiêu [21] (Số thuế TNCN được giảm do làm việc trong KKT) :[21] = ([19]/12 * biểu thuế * 12 * {[12]/([11] – [13])} x 50%), cho phép

sửa kiểm tra giá trị sửa <= [12]

+ Bổ sung chỉ tiêu "Cá nhân nước ngoài ủy quyền quyết toán dưới 12 tháng/năm": Mặc định không check chọn, cho phép sửa. Nếu NNT check chọn thì UD cho phép sửa các chỉ tiêu [22], [23], [24]; ngược lại thì không sửa.
+ Chỉ tiêu [22]: UD chỉ tính ra chỉ tiêu [22] = ([19] x thuế suất biểu thuế lũy tiến) – [21] khi NSD lựa chọn " Cá nhân ủy quyền quyết toán thay", nếu kết quả âm thì set = 0,không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [23] = [20] –[22] nếu [22] – [20] <0
+ Chỉ tiêu [24] = [22] – [20] nếu [22] – [20] >0

Bảng kê 05-2/BK-QTT-TNCN: Bảng kê chi tiết cá nhân thuộc diện tính thuế theo biểu thuế toàn phần



- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Chỉ tiêu [06] tự tăng khi thêm dòng
  + Chỉ tiêu [06] tự tăng khi thêm dòng
  + Chỉ tiêu [07] (Họ và tên) :
    - Bắt buộc nhập
    - Nhập tối đa 100 ký tự
  + Chỉ tiêu [08] (Mã số thuế) :
    - Nhập tối đa 10 ký tự
    - Kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế
    - Không được nhập trùng MST cá nhân đã được nhập trong kỳ tính thuế có cùng MST cơ quan chi trả của cùng bảng kê
    - Nếu cá nhân ủy quyền quyết toán thì không được nhập trùng MST cá nhân đã được nhập trong kỳ tính thuế giữa hai PL 05-1/BK-QTT-

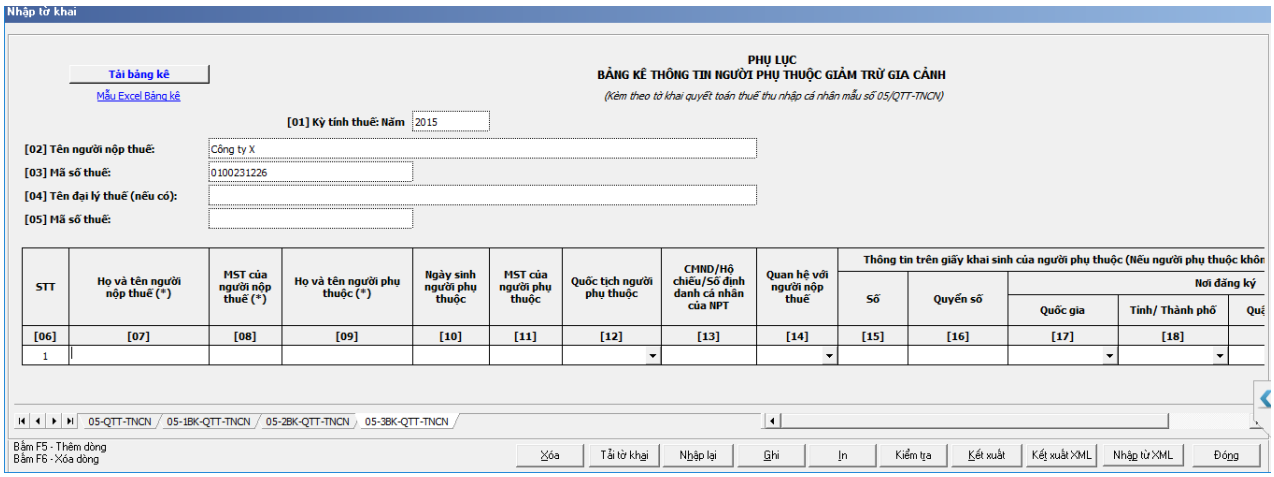
TNCN và 05-2/BK-QTT-TNCN, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng "Mã số thuế này đã có trên bảng kê 05-1/BK-QTT-TNCN"

+ Chỉ tiêu [09] (Số CMND/Hộ chiếu(nếu chưa có MST)) :
  - Nhập tối đa 60 ký tự
  - Bắt buộc nhập một trong hai chỉ tiêu MST hoặc CMND
  - Không được nhập dấu cách trong chuỗi ký tự nhập
+ Chỉ tiêu [10]: Dạng checkbox, cho phép NSD đánh dấu x
+ Chỉ tiêu [11] (Tổng số)
  - Phải lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
+ Chỉ tiêu [12] (TNCT từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động)
  - Phải lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
  - Kiểm tra [12] + [13] + [14] nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [11] (Thu nhập chịu thuế), nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng các chỉ tiêu [12] + [13] + [14] không được lớn hơn chỉ tiêu [11]"
+ Chỉ tiêu [13] (TNCT được giảm thuế làm việc tại KKT) :
  - Phải lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
  - Kiểm tra [12] + [13] + [14] nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [11] (Thu nhập chịu thuế), nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng các chỉ tiêu [12] + [13] + [14] không được lớn hơn chỉ tiêu [11]"
+ Chỉ tiêu [14] (TNCT được giảm thuế theo hiệp định)
  - Phải lớn hơn hoặc bằng 0
  - Nhập tối đa 15 chữ số
  - Kiểm tra [12] + [13] + [14] nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [11] (Thu nhập chịu thuế), nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng các chỉ tiêu [12] + [13] + [14] không được lớn hơn chỉ tiêu [11]"
+ Chỉ tiêu [15] (Số thuế TNCN đã khấu trừ): Hỗ trợ công thức tính:
  - Nếu ct [10] không tích chọn → [15] = ([11] - [14])*10% - [17]
  - Nếu ct [10] tích chọn → [15] = ([11] - [14])* 20% - [17]
  - Phải nhỏ hơn chỉ tiêu [11] (Thu nhập chịu thuế), nếu khác thì UD

cảnh báo đỏ

+ Chỉ tiêu [16] (Số thuế từ phí mua BH nhân thọ, BH không bắt buộc khác của DN BH không thành lập tại Việt Nam cho người lao động). Hỗ trợ tính [16] = [12] * 10%,, cho sửa, kiểm tra giá trị sửa [16]<=[15], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [16] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [15]"
+ Chỉ tiêu [17]: Hỗ trợ tính, cho sửa:
  - Nếu có chọn [10] thì [17] = [13]* 20%*50%
  - Nếu không chọn [10] thì [17] = [13]* 10%*50%
  - Kiểm tra giá trị sửa [17] <= [13], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [17] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [13]"
+ Các chỉ tiêu tổng cộng được tính bằng tổng các dòng trong cột tương ứng.

Bảng kê 05-3/QTT-TNCN: Bảng kê thông tin người phụ thuộc giảm trừ gia cảnh



- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Chỉ tiêu [07] – Họ và tên người nộp thuế: cho phép NSD tự nhập kiểu text
  + Chỉ tiêu [08] – MST của người nộp thuế: Bắt buộc nhập tối đa 10 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế và phải thuộc bảng kê 05-1/QTT-TNCN hoặc 05-2/QTT-TNCN
  + Chỉ tiêu [09] – Họ và tên người phụ thuộc: cho phép NSD tự nhập kiểu text
  + Chỉ tiêu [10] – Ngày sinh người phụ thuộc: NSD nhập kiểu dd/mm/yyyy. Kiểm tra ngày sinh không được lớn hơn ngày hiện tại và phải nhỏ hơn hoặc bằng từ tháng giảm trừ

+ Chỉ tiêu [11] - Mã số thuế của người phụ thuộc: Nhập tối đa 10 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế và không được trùng với MST của cơ quan chi trả
+ Chỉ tiêu [12] – Quốc tịch người phụ thuộc: Chọn trong hộp chọn gồm Việt Nam và Khác, mặc định là trắng
+ Chỉ tiêu [13] – CMND/Hộ chiếu/Số định danh cá nhân của NPT: Nhập tối đa 50 ký tự, kiểm tra không được nhập dấu cách trong chuỗi ký tự nhập.
+ Chỉ tiêu [14] – Quan hệ với người nộp thuế: Cho phép NSD chọn trong danh mục (Con, Vợ/chồng, Cha/mẹ, Khác)
+ Chỉ tiêu [15] - Số: Bắt buộc nhập tối đa 50 ký tự
+ Chỉ tiêu [16] - Quyển số: Nhập tối đa 50 ký tự
+ Chỉ tiêu [17] - Quốc gia: Chọn trong hộp chọn gồm Việt Nam và Khác, mặc định là trống
+ Chỉ tiêu [18] - Tỉnh/Thành phố:
  - Nếu chỉ tiêu [17] là "Việt Nam" thì UD bắt buộc chọn trong danh mục Tỉnh/Thành phố, hỗ trợ tìm theo thông tin đã nhập, không cho phép chọn "Khác"
  - Nếu chỉ tiêu [17] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác" (có mã hóa cho "Khác") và không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [19] - Quận/Huyện:
  - Nếu chỉ tiêu [17] là "Việt Nam" thì UD bắt buộc chọn trong danh mục Quận/Huyện, hỗ trợ tìm theo thông tin Tỉnh/Thành phố đã nhập, không cho phép chọn "Khác"
  - Nếu chỉ tiêu [17] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác" (có mã hóa cho "Khác") và không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [20] - Phường/Xã:
  - Nếu chỉ tiêu [17] là "Việt Nam" thì UD bắt buộc chọn trong danh mục Phường/Xã, hỗ trợ tìm theo thông tin Quận/Huyện đã nhập
  - Nếu chỉ tiêu [17] khác "Việt Nam" thì UD mặc định là "Khác" (có mã hóa cho "Khác") và không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [21] Từ tháng: thời gian tính giảm trừ (tháng/năm): Bắt buộc nhập kiểu mm/yyyy. Kiểm tra [21]<= [22]
+ Chỉ tiêu [22] Đến tháng: thời gian tính giảm trừ (tháng/năm):
  - Bắt buộc nhập, kiểu mm/yyyy
  - Kiểm tra chỉ tiêu [22] >= chỉ tiêu [21]
  - Kiểm tra chỉ tiêu [22] < (Đến tháng) của kỳ quyết toán

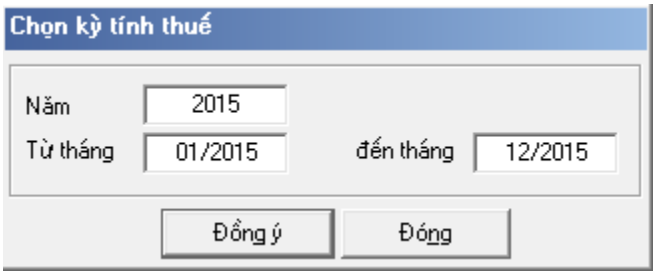
Các điều kiện kiểm tra:

+ Nếu [17] là Việt Nam thì [18], [19], [20] không được phép chọn giá trị "Khác", nếu [17] là Khác thì [18], [19], [20] mặc định là Khác và không cho sửa

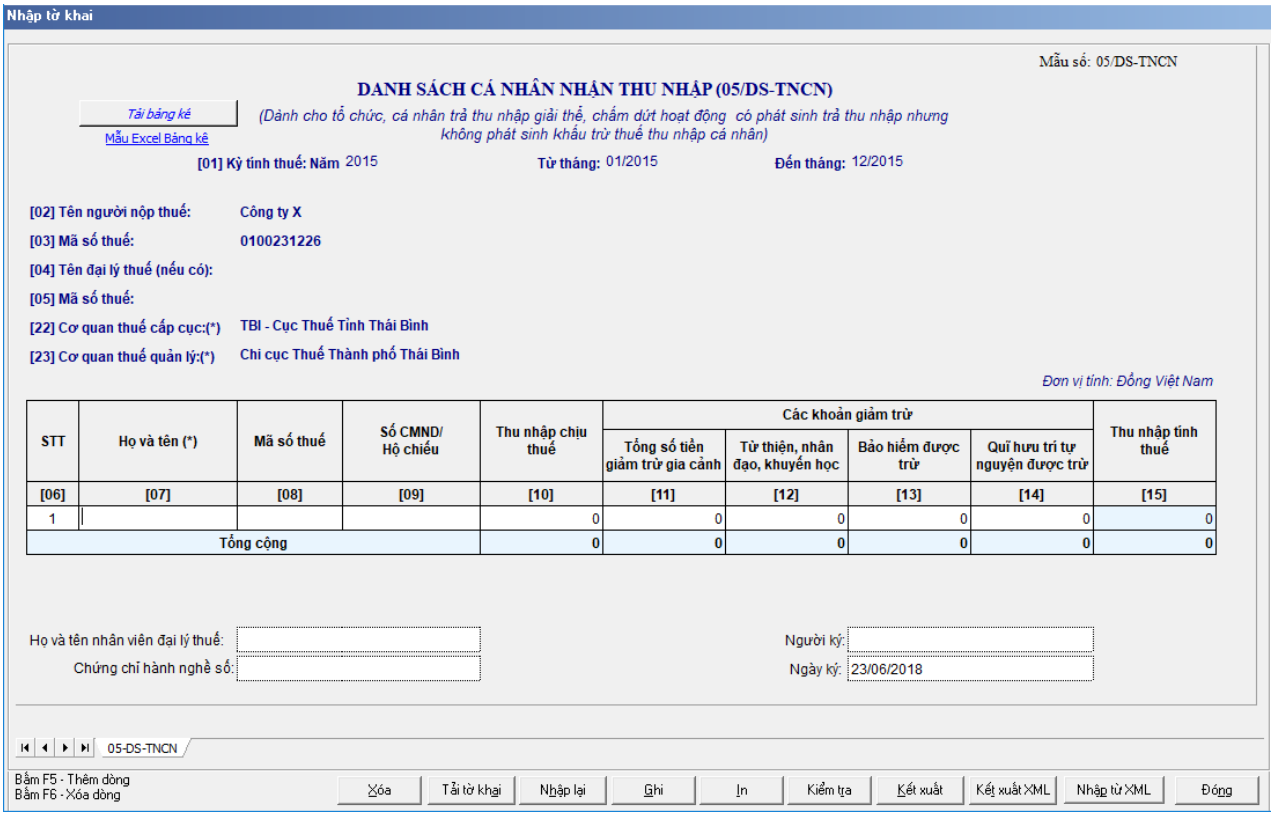
3.5.26 Danh sách cá nhân nhận thu nhập mẫu 05/DS-TNCN theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Quyết toán Thuế thu nhập cá nhân" chọn "05/DS-TNCN Danh sách cá nhân nhận thu nhập từ TCTL (TT92/2015).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng năm hiện tại - 1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn năm hiện tại
  + Hiệu lực tờ khai: Tờ khai có hiệu lực từ kỳ tính thuế năm 2015
  + Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung
  + Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 05/DS-TNCN như sau:



Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

- Chỉ tiêu [07] (Họ và tên) :
  + Nhập dạng text
  + Bắt buộc nhập
  + Nhập tối đa 200 ký tự
- Chỉ tiêu [08] (Mã số thuế) :
  + Nhập tối đa 10 ký tự
  + Đúng cấu trúc mã số thuế
  + Kiểm tra MST các cá nhân không được trùng nhau, nếu trúng UD đưa ra cảnh báo đỏ "Mã số thuế của cá nhân bị trùng với cá nhân khác"
  + Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu CMND/ Hộ chiếu trống, nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Bắt buộc phải nhập Mã số thuế hoặc CMND/ Hộ chiếu"
- Chỉ tiêu [09] (Số CMND/ Hộ chiếu) :
  + Nhập tối đa 50 ký tự
  + Không cho nhập dấu cách
  + Kiểm tra số CMND/ Hộ chiếu các cá nhân không được trùng nhau, nếu trúng UD đưa ra cảnh báo đỏ "số CMND/ Hộ chiếu của cá nhân bị trùng với cá nhân khác"
  + Bắt buộc nhập nếu chỉ tiêu MST trống, nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Bắt buộc phải nhập Mã số thuế hoặc CMND/ Hộ chiếu"
- Chỉ tiêu [10] (Thu nhập chịu thuế) :

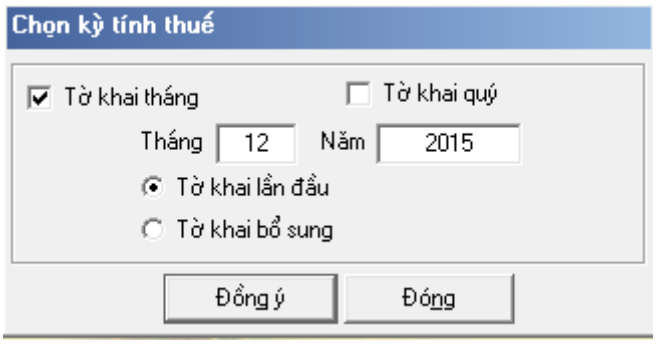
+ Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
+ Nhập tối đa 15 chữ số

- Chỉ tiêu [11] (Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh) :
  + Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  + Nhập tối đa 15 chữ số
  + Kiểm tra phải nhập số chẵn đến hàng trăm nghìn đồng. Nếu khác thì cảnh báo đỏ
- Chỉ tiêu [12] (Từ thiện, nhân đạo, khuyến học) :
  + Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  + Nhập tối đa 15 chữ số
- Chỉ tiêu [13] (Bảo hiểm được trừ) :
  + Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  + Nhập tối đa 15 chữ số
- Chỉ tiêu [14] (Quĩ hưu trí tự nguyện được trừ) :
  + Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  + Nhập tối đa 15 chữ số
  + Kiểm tra [14] <= (đến tháng – từ tháng + 1) *1.000.000, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ tối đa 1.000.000/ 1 tháng"
- Chỉ tiêu [15] (Thu nhập tính thuế): [15] = [10] - [11] - [12] - [13] - [14], nếu công thức <0 thì set = 0, nếu [15] >0 thì UD đưa ra cảnh báo đỏ "Thu nhập tính thuế >0. Đề nghị NNT nộp tờ khai quyết toán"

3.5.27 Tờ khai khấu trừ thuế thu nhập cá nhân mẫu 06/TNCN theo thông tư 92/2015/TT-BTC

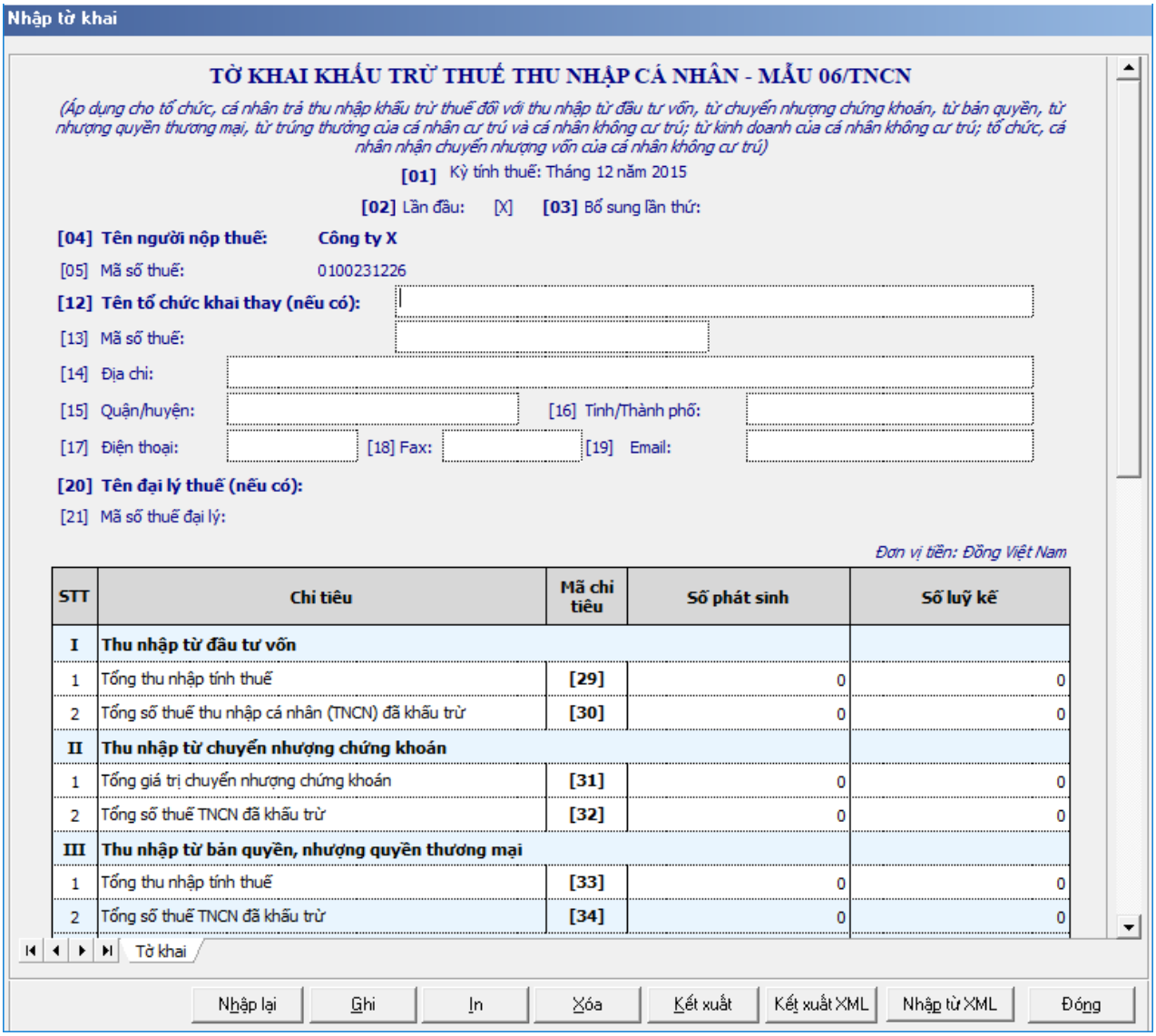
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế thu nhập cá nhân" chọn "06/TNCN Tờ khai khấu trừ từ CNV,CK ... (TT92/2015).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như:

+ Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng/quý hiện tại -1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng/ quý hiện tại
+ Hiệu lực tờ khai: Tờ khai có hiệu lực kỳ tính thuế từ tháng 7/2015 và quý 3/2015 trở đi
+ Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 06/TNCN như sau:



Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

- Thông tin tổ chức khai thay: NNT tự nhập
  + Chỉ tiêu [12], [13], [15], [16], [17], [18], [19]: Nhập dạng text
  + Chỉ tiêu [13]: Nhập dạng text, kiểm tra cấu trúc MST
  + Kiểm tra nếu không nhập [12], [13] thì không cho nhập các chỉ tiêu [15] đến [19]

- Phần thông tin chi tiết tại cột Số phát sinh và số lũy kế

Các chỉ tiêu cần kê khai

+ Cột số phát sinh Nhập các chỉ tiêu [29], [31], [33], [35], [37], [38], [39] dạng số ,không âm, mặc định là 0. Cột số lũy kế = (số phát sinh trong kỳ + số lũy kế kỳ trước), cho phép sửa, nếu khác giá trị tự tính thì UD đưa ra cảnh báo vàng
+ Nhập chỉ tiêu [38], kiểm tra <= 5%* [37]

Các chỉ tiêu tự tính: Ứng dụng hỗ trợ tính toán theo công thức:

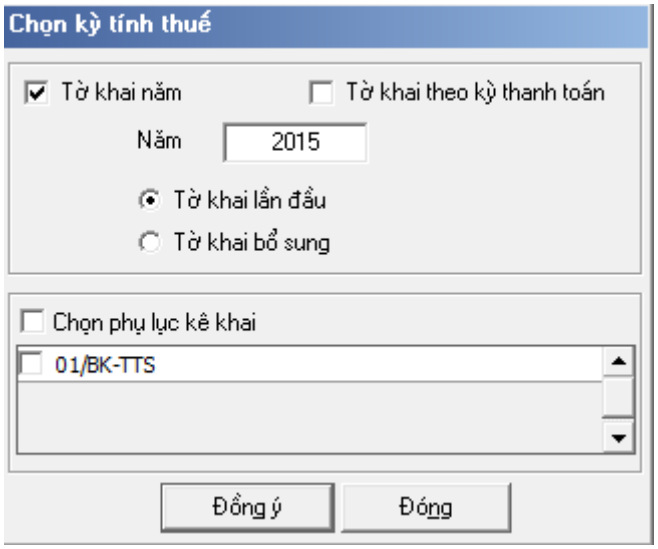
+ Chỉ tiêu [30]= 5% * chỉ tiêu [29], cho phép sửa nếu vượt quá [29] thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [30] không được vượt quá chỉ tiêu [29]"
+ Chỉ tiêu [32]= 0,1% * chỉ tiêu [31], cho phép sửa nếu vượt quá [31] thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [32] không được vượt quá chỉ tiêu [31]"
+ Chỉ tiêu [34] = 5%* chỉ tiêu [33]
+ Chỉ tiêu [36] = 10% * chỉ tiêu [35]
+ Chỉ tiêu [40] = 0,1% * [39], cho phép sửa

3.6 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Khoán và cho thuê tài sản

3.6.1 Tờ khai đối với hoạt động cho thuê tài sản mẫu số 01/TTS theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Khoán và thuê tài sản" chọn "01/TTS Tờ khai đối với hoạt động cho thuê tài sản (TT92/2015).

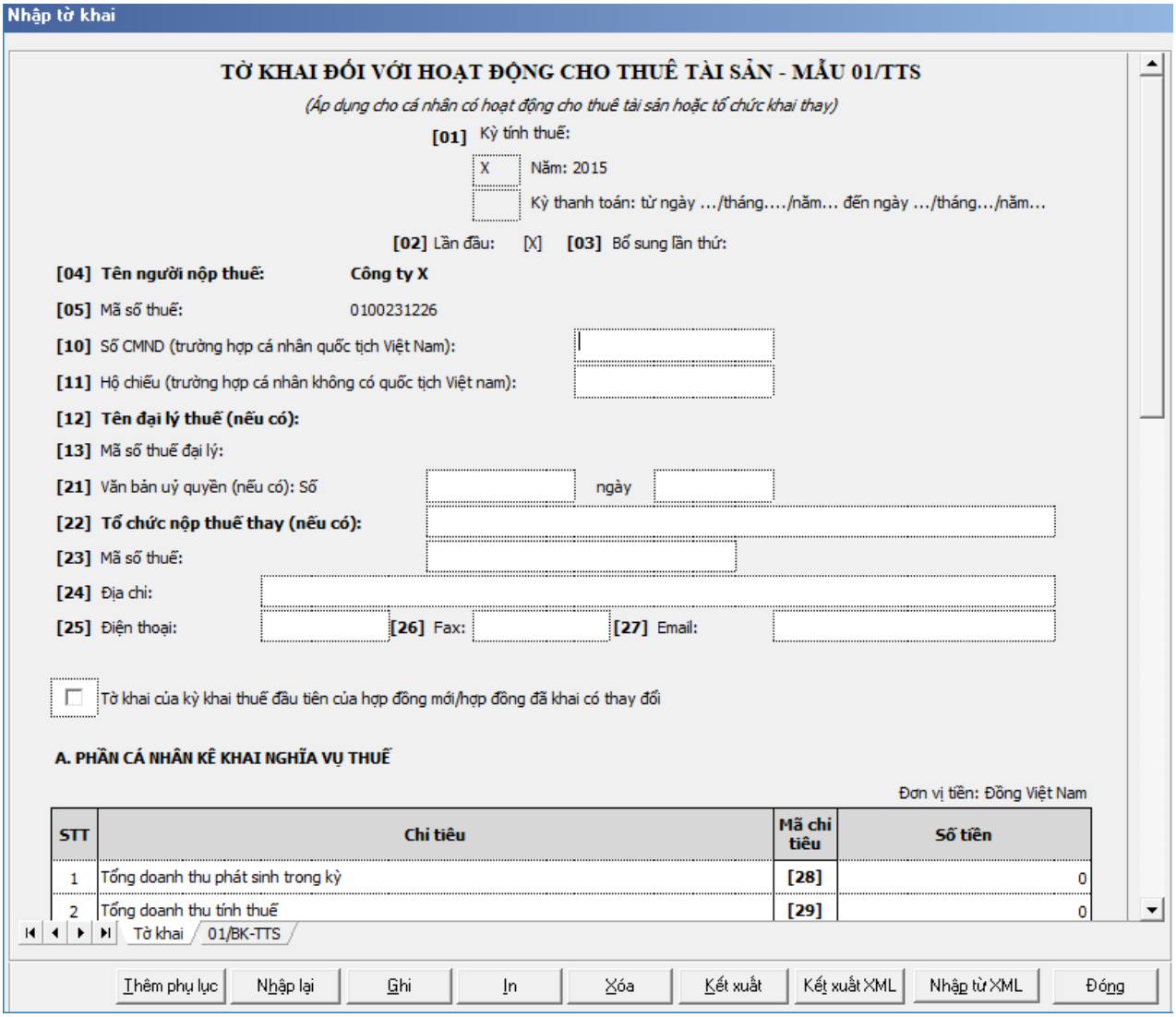


- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:

+ Nhập kỳ tính thuế: Cho phép NSD chọn kỳ tính thuế theo năm hoặc theo Kỳ thanh toán

- Kỳ tính thuế theo năm: mặc định là năm hiện tại -1, cho phép sửa, nhưng không được lớn hơn năm hiện tại.
- Kỳ tính thuế theo kỳ thanh toán: Từ ngày/ tháng/ năm …. Đến ngày/ tháng/ năm: nhập theo đúng dạng DD/MM/YYYY, kiểm tra Từ ngày không được lớn hơn ngày hiện tại và Đến ngày >= từ ngày
- Kiểm tra ràng buộc: Phải có ít nhất 1 kỳ thanh toán trên bảng kê trùng khớp với kỳ kê khai trên tờ khai

+ Kê khai tờ khai theo mọi kỳ tính thuế
+ Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai 01/TTS như sau:



Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Thông tin người nộp thuế:

- Chỉ tiêu [10]: Số CMND: Nhập dạng text, tối đa 50 ký tự
- Chỉ tiêu [11]: Hộ chiếu: Nhập dạng text, tối đa 50 ký tự
- Chỉ tiêu [21]: Văn bản ủy quyền: cho phép nhập dạng text và date

+ Tổ chức nộp thuế thay: NSD tự nhập, nếu là tổ chức nộp thay thì bắt buộc nhập các chỉ tiêu [22], [23], [24]
+ Chỉ tiêu "Tờ khai của kỳ khai thuế đầu tiên của hợp đồng mới/hợp đồng đã khai có thay đổi", Nếu tờ khai là Tờ khai của kỳ khai thuế đầu tiên của hợp đồng mới hoặc hợp đồng đã khai có thay đổi thì bắt buộc nhập phụ lục đính kèm
+ Chỉ tiêu "Mã hợp đồng": Chỉ tiêu này chỉ hiển thị khi tờ khai kê khai theo Kỳ thanh toán. Nếu là tờ khai Năm thì ẩn đi.
+ Chỉ tiêu "Tờ khai của kỳ khai thuế đầu tiên của hợp đồng mới/hợp đồng đã khai có thay đổi", nếu NSD tích chọn chỉ tiêu này thì ứng dụng bắt buộc nhập phụ lục, còn nếu không chọn thì không bắt buộc nhập phụ lục
    - Nếu NSD tích chọn vào "Tờ khai của kỳ khai thuế đầu tiên của hợp đồng mới/hợp đồng đã khai có thay đổi" thì ứng dụng hỗ trợ đưa Mã hợp đồng được sinh ra từ phụ lục lên
    - Nếu NSD không chọn "Tờ khai của kỳ khai thuế đầu tiên của hợp đồng mới/hợp đồng đã khai có thay đổi" thì chỉ tiêu này bắt buộc nhập dạng text, tối đa 32 ký tự và kiểm tra theo đúng cấu trúc Mã hợp đồng theo nguyên tắc sinh mã tại phụ lục 01-1/TTS
+ Chỉ tiêu "Hợp đồng khai, nộp thuế một lần": Chỉ cho chọn trong trường hợp kê khai theo kỳ thanh toán. Nếu hợp đồng là hợp đồng thanh toán 1 lần hoặc trường hợp hợp đồng thanh toán nhiều lần nhưng NNT muốn khai, nộp thuế 1 lần thì chọn chỉ tiêu này. Kiểm tra: nếu NSD tích chọn chỉ tiêu này thì ứng dụng bắt buộc nhập phụ lục, còn nếu không chọn thì không bắt buộc nhập phụ lục

• Phần Thông tin chi tiết: Phần A

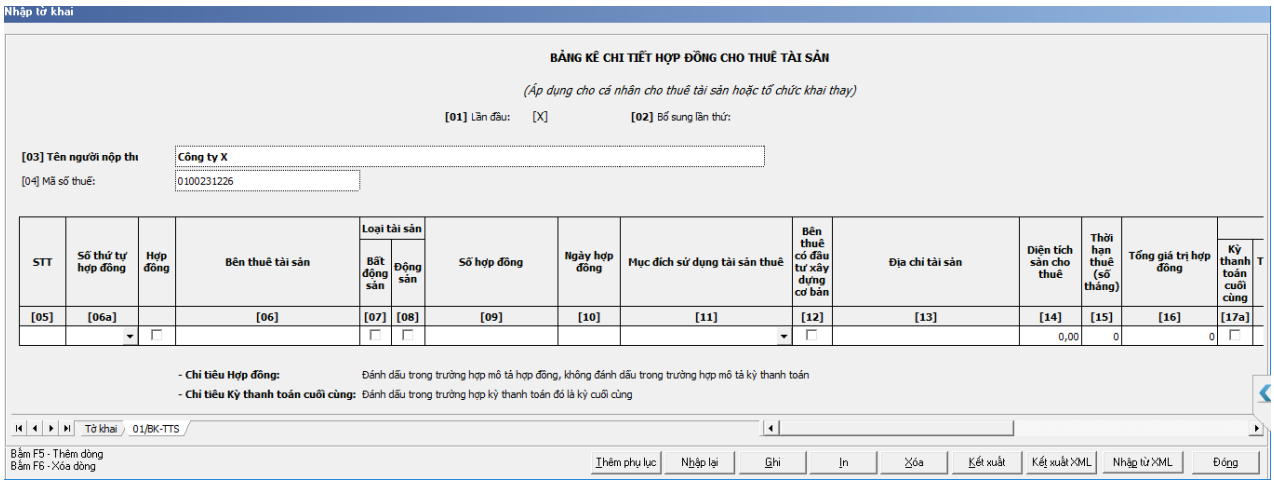
+ Chỉ tiêu [28] – Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ: Ứng dụng hỗ trợ tự tính, cho sửa dạng số không âm, tối đa 15 ký tự:
    - Đối với tờ khai theo Kỳ thanh toán:
        - Nếu trên tờ khai có chọn "Hợp đồng khai, nộp thuế một lần" thì [28] = Tổng chỉ tiêu [20a] trên bảng kê 01-1/BK-TTS của tất cả các năm
        - Nếu trên tờ khai không chọn "Hợp đồng khai, nộp thuế một lần" thì [28] = Chỉ tiêu [20a] trên bảng kê 01-1/BK-TTS mà có kỳ thanh toán thuộc kỳ thanh toán trên tờ khai
    - Đối với tờ khai theo năm: [28] = Tổng chỉ tiêu [20a] trên bảng kê mà có năm tính thuế cùng với năm kê khai của tất cả các hợp đồng

+ Chỉ tiêu [29] – Tổng doanh thu tính thuế: Ứng dụng hỗ trợ tự tính, cho sửa dạng số không âm, tối đa 15 ký tự:
  - Đối với tờ khai theo Kỳ thanh toán:
    - Nếu trên tờ khai có chọn "Hợp đồng trả tiền 1 lần" thì [29] = tổng chỉ tiêu [21] trên bảng kê 01-1/BK-TTS (của tất cả các năm)
    - Nếu trên tờ khai không chọn "Hợp đồng trả tiền 1 lần" thì [29] = chỉ tiêu [21] trên bảng kê mà có kỳ thanh toán cùng kỳ kê khai
  - Đối với tờ khai theo năm: [29] = Tổng chỉ tiêu [21] trên bảng kê 01-1/BK-TTS mà có năm tính thuế cùng với năm kê khai
+ Cho sửa, kiểm tra [29] <= [28], cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [30] – Tổng số thuế GTGT phải nộp: Ứng dụng hỗ trợ tính [30] = [29] * 5%, cho sửa dạng số không âm, tối đa 15 ký tự
+ Chỉ tiêu [31] – Tổng số thuế TNCN phải nộp: Ứng dụng hỗ trợ tính [31] = [29] * 5%, cho sửa dạng số không âm, tối đa 15 ký tự
+ Chỉ tiêu [32] – Doanh thu làm căn cứ tính giảm thuế: Nhập dạng số không âm, mặc định là 0, tối đa 15 ký tự. Kiểm tra [32] <= [29], cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [33] – Số thuế TNCN được giảm: Ứng dụng hỗ trợ tính [33]=[31] x ([32]/[29]) x 50%, cho sửa dạng số không âm, tối đa 15 ký tự. Kiểm tra giá trị sửa <= [31] * 50%, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [33] phải <= [31] * 50%"
+ Chỉ tiêu [34] - Tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thoả thuận tại hợp đồng (nếu có): Nhập dạng số không âm, mặc định là 0, tối đa 15 ký tự
+ Chỉ tiêu [35] - Tổng số thuế TNCN phải nộp từ tiền nhận bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng (nếu có): Nhập dạng số không âm, mặc định là 0, tối đa 15 ký tự
+ Chỉ tiêu [36] - Tổng số thuế TNCN phải nộp: Ứng dụng hỗ trợ tính [36]=[31]-[33]+[35], Cho sửa >=0, tối đa 15 ký tự.

Phần Thông tin chi tiết: Phần B

+ Chỉ tiêu [37] – Nhập text, tối đa 200 ký tự
+ Chỉ tiêu [38]: - Nhập text, tối đa 50 ký tự
+ KBNN: Nhập text, 200 ký tự
+ Cơ quan thuế quản lý khoản thu: Chọn trong danh mục CQT quản lý
+ Tổng số thuế phải nộp NSNN = [30] + [36]
+ Số thuế GTGT = [30]
+ Số thuế TNCN = [36]

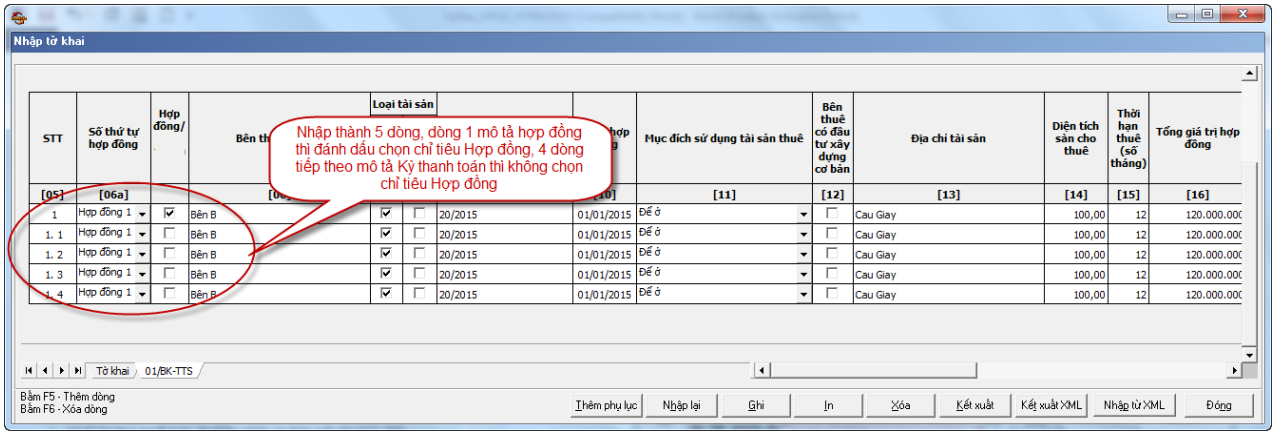
Phụ lục 01-1/TTS. Bảng kê chi tiết hợp đồng cho thuê tài sản

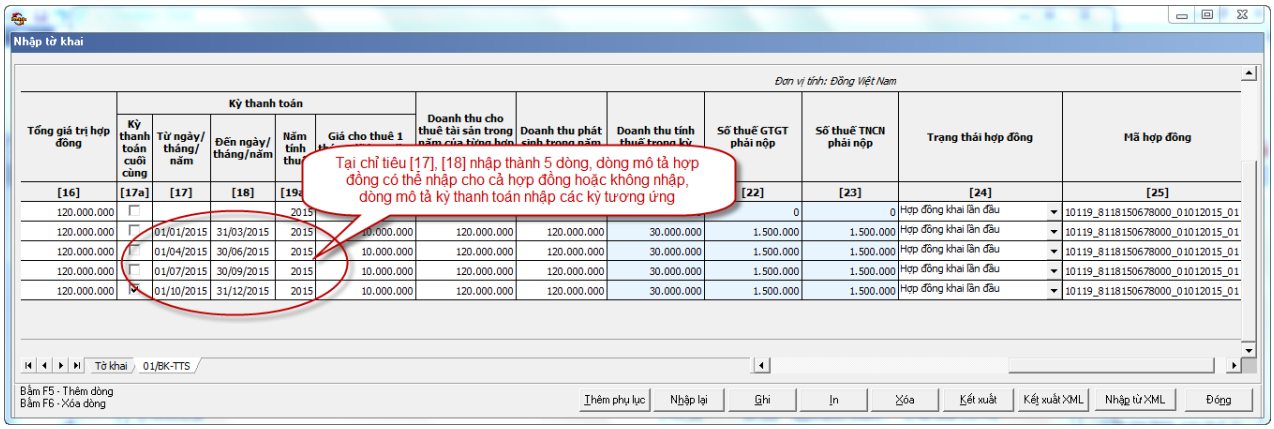


+ Số thứ tự: Ứng dụng hỗ trợ tự tăng theo nguyên tắc
  - Dòng mô tả hợp đồng: Danh mục cấp 1, ví dụ: 1,2,3,…..
  - Dòng mô tả kỳ thanh toán: Danh mục cấp 2, ví dụ: 1.2, 1.2, 1.3, …..
+ Chỉ tiêu [06a] – Số thứ tự hợp đồng: Chọn trong combobox danh mục gồm 20 hợp đồng, bắt buộc nhập, kiểm tra trong cùng 1 hợp đồng các kỳ thanh toán phải kê khai liền kề nhau
+ Chỉ tiêu Hợp đồng: Dạng checkbox, nếu có check là Hợp đồng, không check là Kỳ thanh toán. Kiểm tra phải có hợp đồng mới cho nhập Kỳ thanh toán

  Lưu ý: Đối với mỗi hợp đồng NNT sẽ phải kê cả dòng mô tả hợp đồng và dòng mô tả kỳ thanh toán.

  Ví dụ: Ông A có hợp đồng cho thuê nhà là 1 năm (từ ngày 1/1/2015 đến ngày 31/12/2015), thanh toán làm 4 lần tương ứng với 4 quý thì ông A cần kê khai thành 5 dòng như sau:





+ Chỉ tiêu [06] - Bên thuê tài sản: Nhập dạng text tối đa 200 ký tự, bắt buộc nhập với dòng mô tả hợp đồng
+ Chỉ tiêu [07] – Bất động sản: Dạng checkbox, bắt buộc nhập [07] hoặc [08] với dòng mô tả hợp đồng
+ Chỉ tiêu [08] – Động sản: Dạng checkbox, bắt buộc nhập [07] hoặc [08] với dòng mô tả hợp đồng
+ Chỉ tiêu [09] – Số hợp đồng: Nhập text, tối đa 50 ký tự, bắt buộc nhập với dòng mô tả hợp đồng, cảnh báo vàng
+ Chỉ tiêu [10] – Ngày hợp đồng: Nhập dạng dd/mm/yyyy, bắt buộc nhập với dòng mô tả hợp đồng
+ Chỉ tiêu [11] – Mục đích sử dụng tài sản cho thuê: Chọn trong danh mục sau: (bắt buộc nhập với dòng mô tả hợp đồng) và chỉ tiêu [07] được đánh dấu

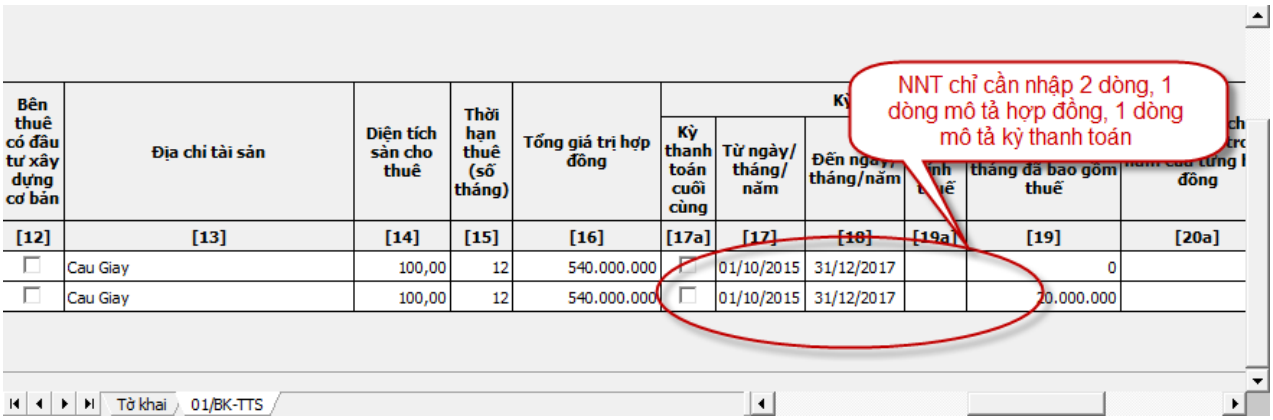
Mã số	Mục đích sử dụng	Mã số	Mục đích sử dụng
01	Kinh doanh nhà hàng	07	Cửa hàng
02	Kinh doanh khách sạn	08	Kho tàng, bến bãi
03	Kinh doanh dịch vụ	09	Đặt biển quảng cáo, đặt trạm thiết bị
04	Siêu thị	10	Địa điểm sản xuất
05	Văn phòng	11	Xây dựng
06	Để ở	12	Khác

+ Chỉ tiêu [12] – Bên thuê có đầu tư xây dựng cơ bản: Dạng checkbox
+ Chỉ tiêu [13] – Địa chỉ tài sản: Nhập text, tối đa 200 ký tự, bắt buộc nhập với dòng mô tả hợp đồng
+ Chỉ tiêu [14] – Diện tích sàn cho thuê: Nhập dạng xx,xx, bắt buộc nhập với dòng mô tả hợp đồng và chỉ tiêu [07] được đánh dấu
+ Chỉ tiêu [15] – Thời hạn cho thuê: Hỗ trợ công thức tính [15] = [18] - [17]

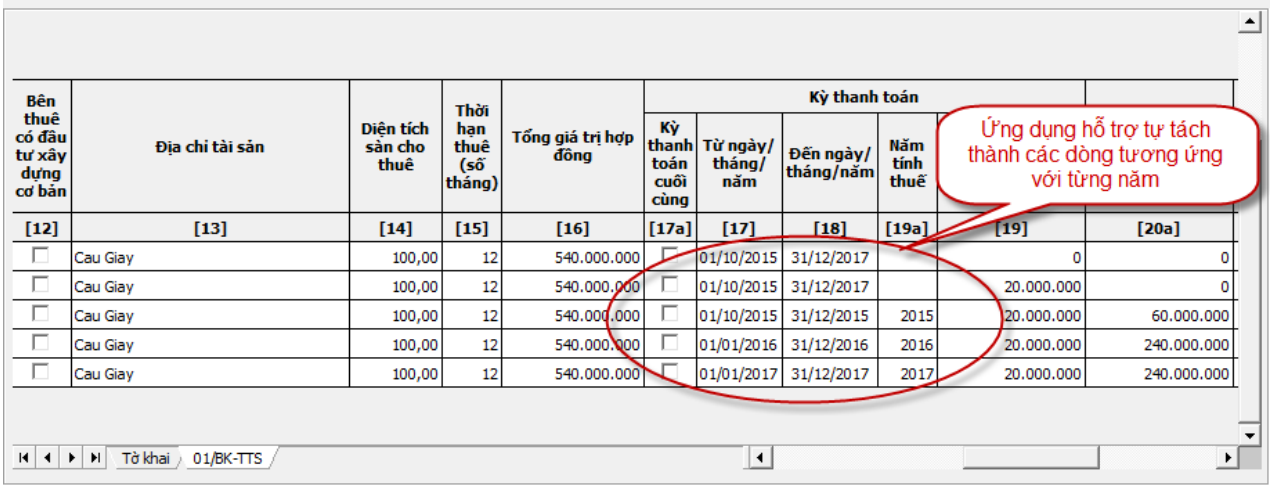
trên dòng đầu tiên của hợp đồng, Kiểm tra nếu lẻ 15 trở xuống thì tròn xuống. Nếu lẻ 15 trở lên thì tròn lên (theo nguyên tắc số học)

+ Chỉ tiêu [16] – Tổng giá trị hợp đồng: Ứng dụng hỗ trợ tự tính bằng Tổng giá trị các kỳ thanh toán của hợp đồng, trong đó giá trị 1 kỳ thanh toán = Số tháng * [19], cho phép sửa dạng số không âm, mặc định là 0
+ Kỳ thanh toán
    - Bổ sung Chỉ tiêu [17a] – Kỳ thanh toán cuối cùng: Dạng checkbox. Nếu NSD chọn là Kỳ thanh toán cuối cùng thì đến hợp đồng tiếp theo chỉ tiêu Số thứ tự hợp đồng không cho chọn hợp đồng đã kê khai nữa
    - Chỉ tiêu [17] – Từ ngày/ tháng/ năm: Nhập dạng dd/mm/yyyy, bắt buộc nhập với dòng mô tả kỳ thanh toán. Kiểm tra từ ngày/ tháng/ năm của dòng tiếp theo phải liên tiếp với Đến ngày/ tháng/ năm của dòng trước đó, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Trong cùng một hợp đồng các kỳ thanh toán phải liên tiếp nhau"
    - Chỉ tiêu [18] – Đến ngày/ tháng/ năm: Nhập dạng dd/mm/yyyy, bắt buộc nhập với dòng mô tả kỳ thanh toán, kiểm tra Đến ngày/ tháng/ năm >= Từ ngày/ tháng/ năm, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Đến ngày/ tháng/ năm phải >= Từ ngày/ tháng/ năm"
    - Bổ sung chỉ tiêu [19a] – Năm tính thuế: Ứng dụng tự sinh năm
        - 1. Trường hợp không vắt năm: Ứng dụng tự sinh lấy theo năm của cột 17, 18.
        - 2. Trường hợp vắt năm: giữ nguyên dòng NNT nhập vào (để trống cột 19a) và sinh các dòng theo từng năm (tự động sinh năm cho cột 19a)
    - Chỉ tiêu [19] – Giá cho thuê 1 tháng đã bao gồm thuế: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, bắt buộc nhập. Trường hợp vắt năm: chỉ cho nhập giá trị cho dòng NNT nhập vào, các dòng tách dòng thì không cho nhập giá trị cột 19. Bắt buộc nhập với dòng mô tả kỳ thanh toán
    - Khi Ghi dữ liệu kiểm tra nếu thấy có kỳ thanh toán vắt năm thì ứng dụng hỗ trợ tự động tách dòng của kỳ thanh toán, mỗi dòng tương ứng với 1 năm (không giữ lại dòng NNT nhập, chỉ hiển thị trên dòng hợp đồng đầu tiên)

Ví dụ: Ông B có hợp đồng cho thuê từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2017 và là hợp đồng thanh toán 1 lần thì khi kê khai NNT chỉ cần kê 2 dòng như sau:



Sau đó chọn Ghi thì UD sẽ hỗ trợ tự tách ra thành 3 dòng như sau:



+ Bổ sung thêm chỉ tiêu [20a] (Doanh thu cho thuê tài sản trong năm của từng hợp đồng): Hỗ trợ tính bằng tổng doanh thu của các kỳ thanh toán trong năm theo từng hợp đồng, cho sửa, trong đó: Doanh thu theo từng kỳ thanh toán của từng hợp đồng được tính như sau:
    - TH1: Nếu kỳ thanh toán là tròn từ tháng, tròn đến tháng: [20a] = [(tháng đến – tháng từ) + 1] * [19]
    - TH2: Nếu kỳ thanh toán là lẻ từ tháng, lẻ đến tháng và (Từ tháng - Đến tháng = 1): [20a] = (Đến tháng - Từ tháng) * [19]
    - TH3: Khi tách năm của kỳ thanh toán do kỳ thanh toán vắt năm, tổng thời gian kỳ thanh toán là tròn số tháng:
        - Nếu kỳ thanh toán là lẻ từ tháng, tròn đến tháng: [20a] = {(tháng đến– tháng từ) + [(ngày cuối tháng từ - ngày tháng từ + 1)/ [(ngày cuối tháng từ của năm đầu - ngày tháng từ của năm đầu +1) + (ngày tháng đến của năm cuối)]} * [19]
        - Nếu kỳ thanh toán là tròn từ tháng, lẻ đến tháng: [20a] = {(tháng đến – tháng từ) + [ngày tháng đến/(ngày cuối tháng từ của năm đầu - ngày tháng từ của năm đầu +1) +

(ngày tháng đến của năm cuối)]} * [19]

- TH4: Nếu kỳ thanh toán là lẻ từ tháng, lẻ đến tháng và [số ngày của (Từ tháng - Đến tháng) > 1]: [20a] = {(tháng đến – tháng từ) - [(ngày tháng từ - ngày tháng đến - 1)/ngày cuối tháng đến]} * [19]
- TH5: Nếu kỳ thanh toán là lẻ Từ tháng, lẻ Đến tháng và [số ngày của (Từ tháng - Đến tháng) < 1]: [20a] = {(tháng đến – tháng từ) + [(ngày tháng đến - ngày tháng từ + 1)/ngày cuối tháng đến]} * [19]
- TH6.1: Lẻ tháng từ, tròn tháng đến, và [(ngày tháng từ - ngày tháng đến) < 1: [20a] = {(tháng đến – tháng từ +1) + [(ngày tháng đến – ngày tháng từ)/ngày cuối tháng đến]}* [19]
- TH6.2: Tròn tháng từ, lẻ tháng đến, và [(ngày tháng từ - ngày tháng đến) > 1: [20a] = {(tháng đến – tháng từ) + (ngày tháng đến/ngày cuối tháng đến)}* [19]
- Làm tròn đến đơn vị đồng.

+ Chỉ tiêu [20] – Doanh thu cho thuê tài sản trong năm của các hợp đồng trên toàn quốc: Hỗ trợ tính bằng tổng của chỉ tiêu [20a] trong năm, cho phép sửa dạng số, không âm
+ Chỉ tiêu [21] – Doanh thu tính thuế trong kỳ: Hỗ trợ tính theo công thức, không cho sửa
    - Nếu chỉ tiêu [20]<=100 triệu thì [21] = 0
    - Nếu chỉ tiêu [20] > 100 triệu thì 21] = Doanh thu theo từng kỳ thanh toán của từng hợp đồng (công thức xác định tại chỉ tiêu 20a)
+ Chỉ tiêu [22] – Số thuế GTGT phải nộp: Ứng dụng hỗ trợ tính [22] = [21] * 5%, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [23] – Số thuế TNCN phải nộp: Ứng dụng hỗ trợ tính [23] = [21] * 5%, không cho sửa
+ Khi tách dòng yêu cầu hỗ trợ tính tổng của chỉ tiêu [21], [22], [23] bằng tổng các dòng tách
+ Bổ sung thêm chỉ tiêu [24] – Trạng thái hợp đồng: bắt buộc chọn 1 trong 3 trạng thái:
    - Hợp đồng khai lần đầu
    - Hợp đồng đã khai có thay đổi
    - Hợp đồng đã khai không thay đổi
+ Bổ sung thêm chỉ tiêu [25] – Mã hợp đồng:
    - Nếu Trạng thái hợp đồng là Hợp đồng đã khai có thay đổi hoặc Hợp đồng đã khai không thay đổi thế thì UD bắt buộc nhập mã

hợp đồng, kiểm tra cấu trúc Mã hợp đồng

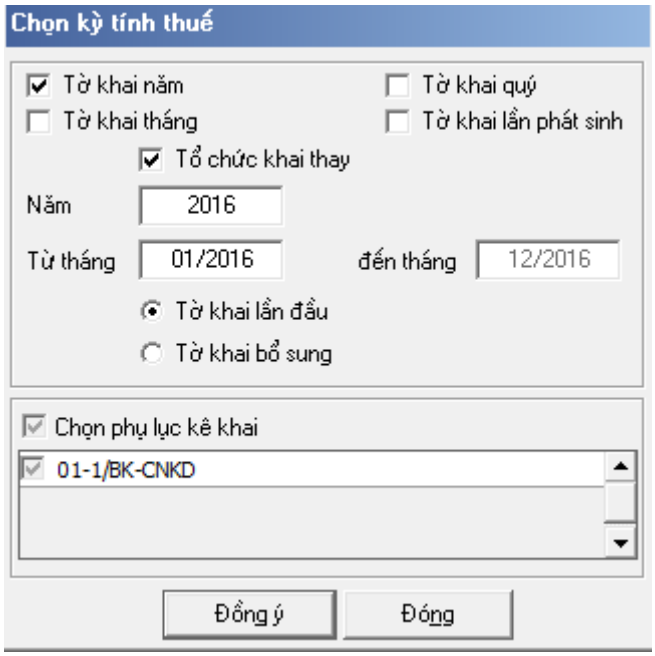
- Nếu trạng thái hợp đồng là Hợp đồng khai lần đầu thì ứng dụng hỗ trợ tự động sinh mã hợp đồng theo nguyên tắc: Mã hợp đồng = M1M2M3M4M5_N1N2N3N4N5N6N7N8N9N10N11N12N13_DDMMYYYY_L1L2. Trong đó:
  - M1M2M3M4M5 là Mã CQT quản lý
  - N1N2N3N4N5N6N7N8N9N10N11N12N13 là MST cá nhân (với mã 10 số thì thêm 3 số 0 ở cuối).
  - DDMMYYYY là Kỳ thanh toán từ: Là Kỳ thanh toán từ ngày/tháng/năm nhỏ nhất của hợp đồng.
  - L1L2: Tương ứng với thứ tự hợp đồng

- Kiểm tra ràng buộc
  - Nếu tờ khai kê khai theo Kỳ thanh toán thì trên bảng kê chỉ cho phép kê khai 1 hợp đồng duy nhất, nếu NNT kê khai > 1 hợp đồng thì ứng dụng đưa ra thông báo " Trường hợp có nhiều hợp đồng thì kê khai theo tờ khai năm" và không cho phép kê khai theo kỳ thanh toán
  - Nếu kê khai tờ khai theo năm thì trên bảng kê cho phép kê khai 1 hoặc nhiều hợp đồng
  - Chức năng "Chuyển sang tờ khai năm" để hỗ trợ NNT trong trường hợp NNT đang kê khai tờ khai theo kỳ thanh toán và muốn chuyển sang kê khai theo năm thì UD hỗ trợ chuyển dữ liệu đã kê khai của kỳ thanh toán sang thành dữ liệu của tờ khai năm (lấy năm của từ ngày/tháng/ năm kỳ thanh toán). Khi chuyển sang tờ khai năm UD kiểm tra xem đã tồn tại tờ khai năm đó chưa nếu đã tồn tại thì đưa ra thông báo "Tờ khai năm này đã tồn tại, bạn có muốn ghi thay thế không?"

3.6.2 Tờ khai cá nhân kinh doanh mẫu số 01/CNKD theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC

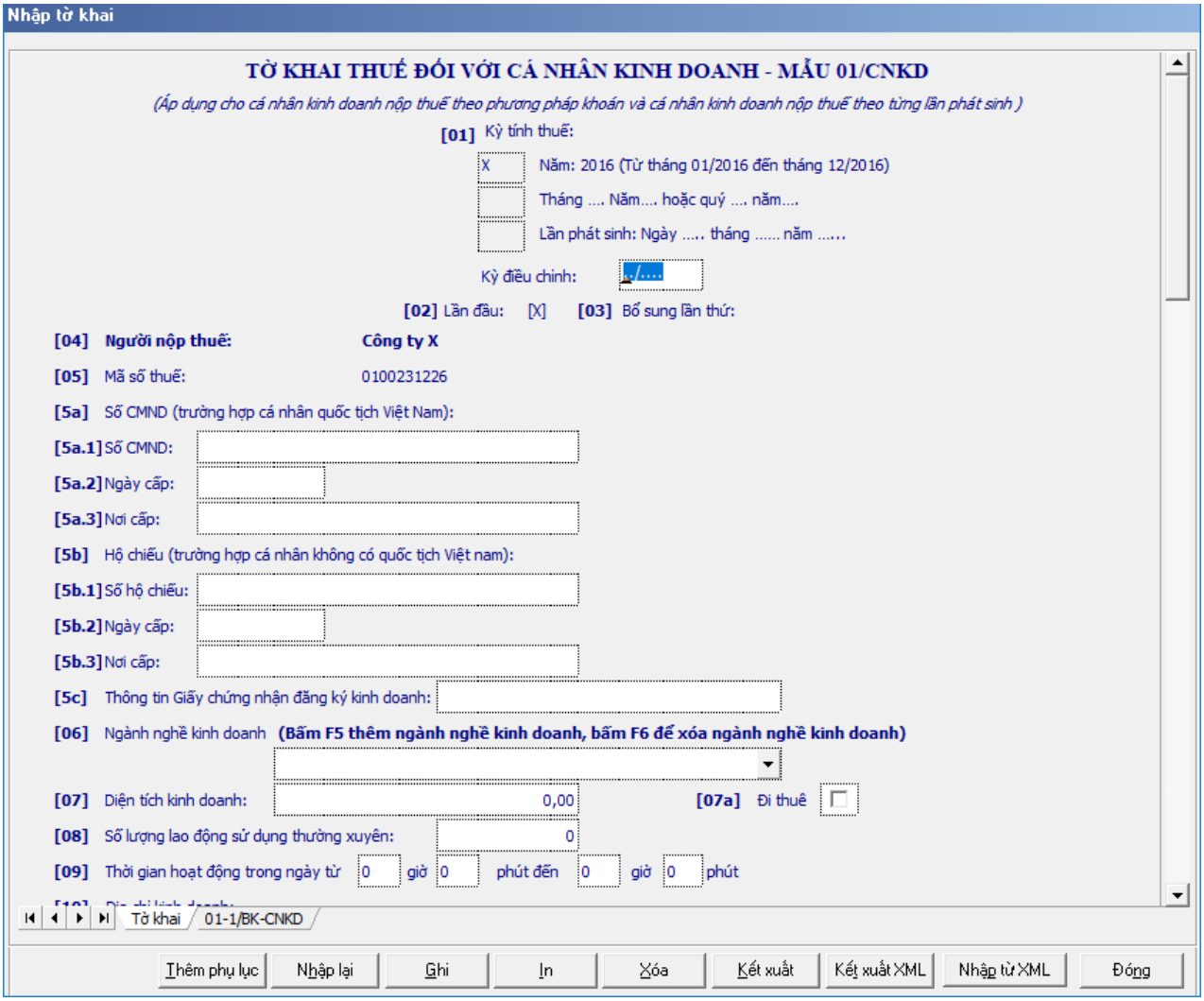
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Khoán và thuê tài sản" chọn "01/CNKD Tờ khai cá nhân kinh doanh (TT92/2015).



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế:
    - Kỳ tính thuế theo năm (từ tháng – đến tháng): Năm mặc định là năm hiện tại – 1
    - Từ tháng – đến tháng: mặc định là từ tháng 1 đến tháng 12, đến tháng không cho sửa, từ tháng cho sửa. Kiểm tra từ tháng <= đến tháng
    - Kỳ tính thuế theo tháng/ quý: Mặc định là tháng/ quý hiện tại – 1. Kiểm tra không cho phép kê khai đồng thời tờ khai tháng, quý trùng nhau.
    - Kỳ tính thuế theo lần phát sinh: Mặc định là ngày hiện tại, cho sửa
    - Hiệu lực tờ khai năm từ năm 2016, tờ khai kỳ tính thuế tháng từ tháng 1/2016, tờ khai kỳ tính thuế quý từ quý 1/2016, tờ khai kỳ tính thuế lần phát sinh từ 1/1/2016
    - Tất cả các kỳ cho phép kê khai cả trường hợp kỳ > kỳ hiện tại
    - Trường hợp khai theo kỳ tính thuế năm thì bổ sung thêm chỉ tiêu Kỳ điều chỉnh: Nhập dạng MM/YYYY, Kỳ điều chỉnh phải thuộc khoảng Từ tháng … đến tháng, kỳ điều chỉnh >= "từ tháng" và không được lớn hơn tháng hiện tại
  + Tổ chức khai thay: Trường hợp là tổ chức khai thay thì đánh dấu chọn vào chỉ tiêu "Tổ chức khai thay", trường hợp cá nhân tự khai thì không chọn chỉ tiêu này
  + Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.

+ Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế 01/CNKD như sau:



Chi tiết các chỉ tiêu như sau:

+ Thông tin người nộp thuế: Các chỉ tiêu NNT tự nhập
+ Chỉ tiêu [05a]: Tách thành 3 chỉ tiêu
    - Chỉ tiêu [05a.1]: Số CMND: Nhập tối đã 50 ký tự
    - Chỉ tiêu [05a.2]: Ngày cấp: Nhập dạng dd/mm/yyyy
    - Chỉ tiêu [05a.3]: Nơi cấp: Nhập text tối đa 100 ký tự
+ Chỉ tiêu [05b]: Hộ chiếu: Tách thành 3 chỉ tiêu
    - Chỉ tiêu [05b.1]: Số Hộ chiếu: Nhập tối đã 50 ký tự
    - Chỉ tiêu [05b.2]: Ngày cấp: Nhập dạng dd/mm/yyyy
    - Chỉ tiêu [05b.3]: Nơi cấp: Nhập text tối đa 100 ký tự
+ Chỉ tiêu [05c]: Thông tin giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Nhập dạng text, tối đa 200 ký tự
+ Chỉ tiêu [06]: Ngành nghề kinh doanh: Chọn trong Danh mục ngành nghề

kinh doanh, Cho phép chọn nhiều ngành nghề

+ Chỉ tiêu [07]: Diện tích kinh doanh: Nhập dạng xx,xx
+ Chỉ tiêu [07a]: Đi thuê: Checkbox
+ Chỉ tiêu [08]: Số lượng sử dụng lao động thường xuyên: Nhập số nguyên dương
+ Chỉ tiêu [09]: Thời gian hoạt động trong ngày từ…… giờ….phút đến……..giờ……phút
    - Tách giờ: Nhập số nguyên dương từ 0 – 23
    - Tách phút: Nhập số nguyên dương từ 0 – 59
+ Chỉ tiêu [10]: Địa chỉ kinh doanh: Tách chi tiết theo phường, xã, quận, huyện
+ Chỉ tiêu [07]: Diện tích kinh doanh
    - Địa chỉ: Tối đa 100 ký tự
    - [10.1] Phường/xã: Chọn tronh danh mục
    - [10.2] Quận/Huyện: Chọn trong danh mục
    - [10.3] Tỉnh/TP: Chọn trong danh mục
+ Chỉ tiêu [21]: Văn bản ủy quyền: cho phép nhập dạng text 400 ký tự và date

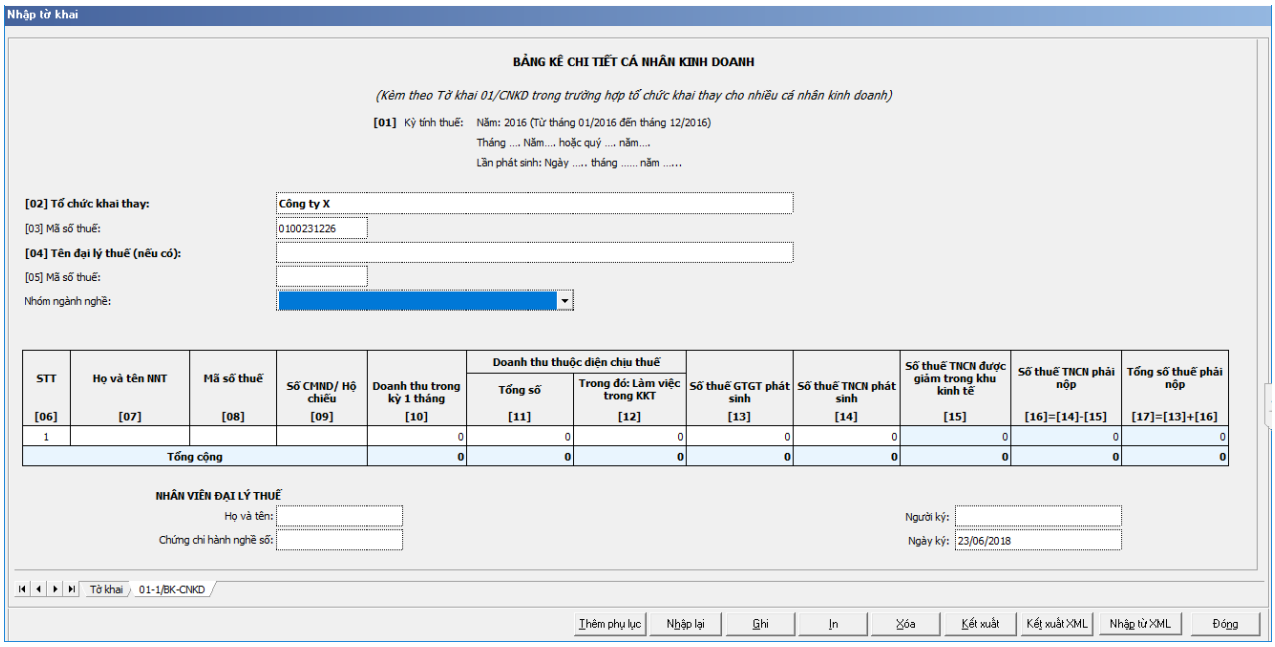
- Thông tin chi tiết: Phần A. KÊ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT), THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)
    + Trường hợp không có bảng kê đính kèm thì Chỉ tiêu [30a], [30c], [31a], [31c], [32a], [32c], [33a], [33c]: Nhập dạng số không âm, mặc định là 0. Trường hợp có bảng kê đính kèm thì UD hỗ trợ đưa tổng cột (11) lên cột a, c của các dòng tương ứng với nhóm ngành trên bảng kê, cho phép sửa nếu khác cảnh báo vàng.
    + Kiểm tra giá trị tại cột (c) phải >= cột (a), nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ “"Doanh thu tính thuế TNCN phải lớn hơn hoặc bằng doanh thu tính thuế GTGT"
    + Chỉ tiêu [30b] = [30a] * 1%
    + Chỉ tiêu [30d] = [30c] * 0,5%
    + Chỉ tiêu [31b] = [31a] * 5%
    + Chỉ tiêu [31d] = [31c] * 2%
    + Chỉ tiêu [32b] = [32a] * 3%
    + Chỉ tiêu [32d] = [32c] * 1,5%
    + Chỉ tiêu [33b] = [33a] * 2%
    + Chỉ tiêu [33d] = [33c] * 1%

+ Chỉ tiêu [34]: Bằng tổng cộng của các nhóm ngành tương ứng. *Kiểm tra chỉ tiêu [34b](Tổng số thuế GTGT phát sinh) = chỉ tiêu [21](Tổng cột Số thuế GTGT phát sinh) Phụ lục 01-1/BK-CNKD*, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng số thuế GTGT phát sinh trên tờ khai phải bằng Tổng số thuế GTGT phát sinh trên phụ lục 01-1/BK-CNKD"
+ Chỉ tiêu [35]: Nếu không có bảng kê thì nhập số nguyên dương, kiểm tra [35] <=[34c]. Nếu có bảng kê thì hỗ trợ [35] = chỉ tiêu [20] (tổng cột [12]) trên bảng kê" và kiểm tra [35] <= [34c]
+ Chỉ tiêu [36] = ([35]/[34c])*[34d] * 50%. Nếu có bảng kê thì kiểm tra [36] = [23] trên bảng kê, nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [36] phải bằng chỉ tiêu [23] trên bảng kê 01-1/BK-CNKD"
+ Chỉ tiêu [37] =[34d]-[36], nếu có bảng kê thì kiểm tra [37] = chỉ tiêu [24] Phụ lục 01-1/BK-CNKD, nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [37] phải bằng chỉ tiêu [24] trên bảng kê 01-1/BK-CNKD"

- Thông tin chi tiết: Phần B. KÊ KHAI THUẾ TTĐB
  + Cột STT: UD hỗ trợ tự tăng
  + Cột (2): Chọn trong combobox Danh mục thuế TTĐB
    - Đối với kỳ kê khai từ tháng 7/2016 trở về trước thì các hàng hóa dịch vụ TTĐB được lấy từ đăng ký danh mục có sẵn từ trước
    - Đối với kỳ kê khai từ tháng 7/2016 trở đi thì các hàng hóa dịch vụ TTĐB được lấy theo Luật 106/2016/QH13 và các mặt hàng nhập khẩu để bán trong nước theo Công văn 2159
  + Cột (4): Nhập text, 20 ký tự
  + Cột (5): Nhập dạng số không âm, mặc định là 0
  + Cột (6): Hiển thị theo hàng hóa
  + Cột (7) = (5) * (6)
  + Dòng Tổng cộng: Hỗ trợ tính tổng cột (5), (7)
- Thông tin chi tiết: Phần C. KÊ KHAI THUẾ/PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOẶC THUẾ TÀI NGUYÊN
  + Khai thuế tài nguyên
    - Cột STT: UD hỗ trợ tự tăng
    - Cột (2): Chọn trong combobox Danh mục thuế tài nguyên: theo danh mục TT324/2016/TT-BTC
    - Cột (4): Hiển thị theo tên tài nguyên
    - Cột (5): Nhập dạng xx,xxx
    - Cột (6): Nhập dạng xx,xx
    - Cột (7): Hiển thị theo tên tài nguyên
    - Cột (8) = (5) * (6) * (7)
    - Dòng Tổng cộng: Hỗ trợ tính tổng cột (8)

+ Khai thuế bảo vệ môi trường
    - Cột STT: UD hỗ trợ tự tăng
    - Cột (2): Chọn trong combobox Danh mục thuế bảo vệ môi trường: theo danh mục TT324/2016/TT-BTC
    -
    - Cột (4): Hiển thị theo tên hàng hóa
    - Cột (5): Nhập dạng xx,xxx
    - Cột (6): Nhập dạng sô không âm, mặc định là 0
    - Cột (7): Khóa không cho nhập
    - Cột (8) = (5) * (6)
    - Dòng Tổng cộng: Hỗ trợ tính tổng cột (8)
+ Khai phí bảo vệ môi trường
    - Cột STT: UD hỗ trợ tự tăng
    - Cột (2): Chọn trong combobox Danh mục thuế tài nguyên: theo danh mục TT324/2016/TT-BTC
    - Cột (4): Hiển thị theo tên tài nguyên
    - Cột (5): Nhập dạng xx,xxx
    - Cột (6): Nhập dạng sô không âm, mặc định là 0
    - Cột (7): Khóa không cho nhập
    - Cột (8) = (5) * (6), cho phép sửa
    - Dòng Tổng cộng: Hỗ trợ tính tổng cột (8)

Phụ lục 01-1/BK-CNKD: Bảng kê chi tiết cá nhân kinh doanh



- Chỉ tiêu Nhóm ngành nghề: Bắt buộc chọn trong combobox gồm 1 trong 4 nhóm ngành sau:

Mã ngành	Nhóm ngành	Tỷ lệ thuế GTGT	Tỷ lệ thuế TNCN
01	Phân phối, cung cấp hàng hóa	1%	0,5%
02	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu	5%	2%
03	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu	3%	1,5%
04	Hoạt động kinh doanh khác	2%	1%

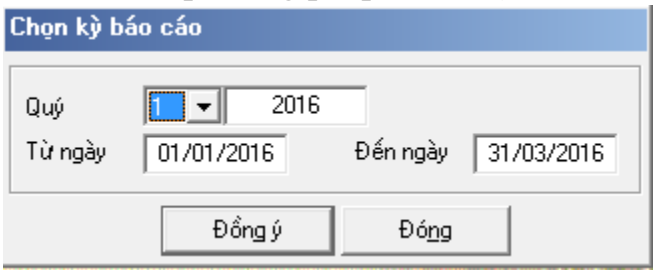
- Phần Thông tin chi tiết:
  - Số thứ tự: UD hỗ trợ tự tăng
  - Chỉ tiêu [7] – Họ và tên NNT: Nhập text, tối đa 200 ký tự, bắt buộc nhập
  - Chỉ tiêu [8] – Mã số thuế: Bắt buộc nhập, kiểm tra cấu trúc MST, kiểm tra MST cá nhân tại các dòng không được trùng nhau
  - Chỉ tiêu [9] – Số CMND/ hộ chiếu: Nhập text, tối đa 50 ký tự
  - Chỉ tiêu [10] – Doanh thu trong kỳ 1 tháng: Nhập kiểu số không âm, mặc định là 0. TH tờ khai theo năm Kiểm tra chỉ tiêu [10] * số tháng phát sinh < = 100 triệu thì khóa không cho nhập các chỉ tiêu từ [11] đến [17]
  - Chỉ tiêu [11] – Tổng số: Nhập kiểu số không âm, mặc định là 0, TH tờ khai năm kiểm tra [11] <= [10] * số tháng
  - Chỉ tiêu [12] – Doanh thu thuộc diện chịu thuế làm việc trong khu kinh tế: Nhập kiểu số không âm, mặc định là 0. Kiểm tra [12] <= [11], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [12] không được lớn hơn chỉ tiêu [11]"
  - Chỉ tiêu [13] – Số thuế GTGT phát sinh: Ứng dụng hỗ trợ tính bằng [11] * tỷ lệ nhóm ngành tương ứng, cho phép sửa (cho trường hợp dưới ngưỡng <= 100tr), kiểm tra giá trị sửa bằng giá trị UD tự tính hoặc bằng 0, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Giá trị sửa bằng giá trị UD tự tính hoặc bằng 0"
  - Chỉ tiêu [14] – Số thuế TNCN phát sinh: Ứng dụng hỗ trợ tính bằng [11] * tỷ lệ nhóm ngành tương ứng, cho phép sửa cho phép sửa (cho trường hợp dưới ngưỡng <= 100tr), kiểm tra giá trị sửa bằng giá trị UD tự tính hoặc bằng 0, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Giá trị sửa bằng giá trị UD tự tính hoặc bằng 0"
  - Chỉ tiêu [15] - Số thuế TNCN được giảm trong khu kinh tế: Ứng dụng hỗ trợ tính [15] = ([12]/[11])*[14]*50%

- Chỉ tiêu [16] – Số thuế TNCN phải nộp: Ứng dụng hỗ trợ tính [16] = [14] – [15]
- Chỉ tiêu [17] – Tổng số thuế phải nộp: Ứng dụng hỗ trợ tính [17] = [13] + [16]
- Chỉ tiêu [18] = Tổng cột [10]
- Chỉ tiêu [19] = Tổng cột [11]
- Chỉ tiêu [20] = Tổng cột [12]
- Chỉ tiêu [21] = Tổng cột [13]
- Chỉ tiêu [22] = Tổng cột [14]
- Chỉ tiêu [23] = Tổng cột [15]
- Chỉ tiêu [24] = Tổng cột [16]
- Chỉ tiêu [25] = Tổng cột [17]

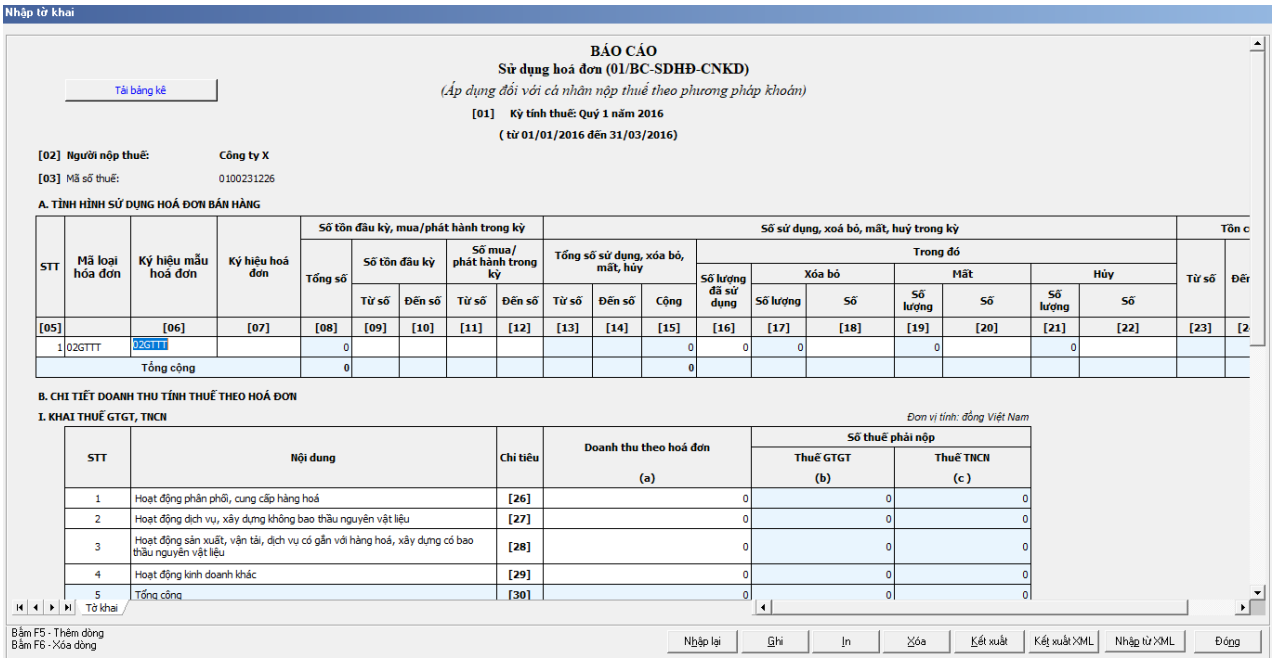
3.6.3 Báo cáo sử dụng hóa đơn mẫu 01/BC-SDHD-CNKD theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế khoán và thuê tài sản" chọn "BC SDHĐ dành cho CNKD theo phương pháp khoán (TT92/2015).



- NNT chọn "Kỳ báo cáo" theo quý và có thể chọn các phụ lục cần kê khai rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình báo cáo sẽ hiển thi ra như sau:



Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Phần A: Tình hình sử dụng hóa đơn bán hàng: Nhập tương tự như mẫu Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn –BC26/AC

Phần B. CHI TIẾT DOANH THU TÍNH THUẾ THEO HOÁ ĐƠN

I. KHAI THUẾ GTGT, TNCN

+ Chỉ tiêu [26a], [27a], [28a], [29a]: Nhập kiểu số, không âm, ,mặc định là 0
+ Chỉ tiêu [26b] = [26a] * 1%
+ Chỉ tiêu [27b] = [27a] * 5%
+ Chỉ tiêu [28b] = [28a] * 3%
+ Chỉ tiêu [29b] = [29a] * 2%
+ Chỉ tiêu [26c] = [26a] * 0,5%
+ Chỉ tiêu [27c] = [27a] * 2%
+ Chỉ tiêu [28c] = [28a] * 1,5%
+ Chỉ tiêu [29c] = [29a] * 1%
+ Chỉ tiêu [30a] =[26a]+[27a]+[28a]+[29a]
+ Chỉ tiêu [30b] =[26b]+[27b]+[28b]+[29b]
+ Chỉ tiêu [30c] =[26c]+[27c]+[28c]+[29c]

II. KHAI CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

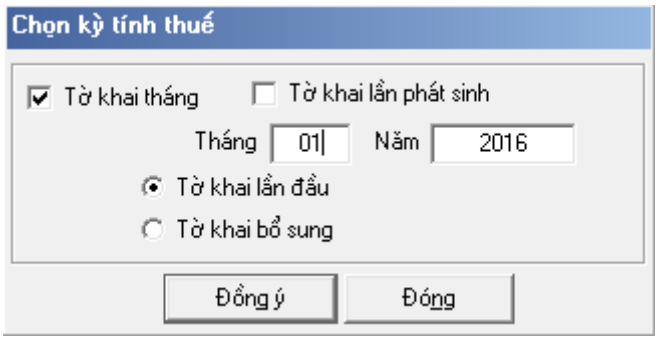
+ Chỉ tiêu [31a], [32a], [33a], [34a] : Nhập dạng xx,xxxx nhưng khi in thì cắt số 0 ở bên phải đằng sau dấu phảy
+ Chỉ tiêu [31b], [32b], [33b], [34b]: Nhập số không âm, mặc định là 0

3.7 *Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tài nguyên*

3.7.1 Tờ khai thuế tài nguyên mẫu số 01/TAIN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

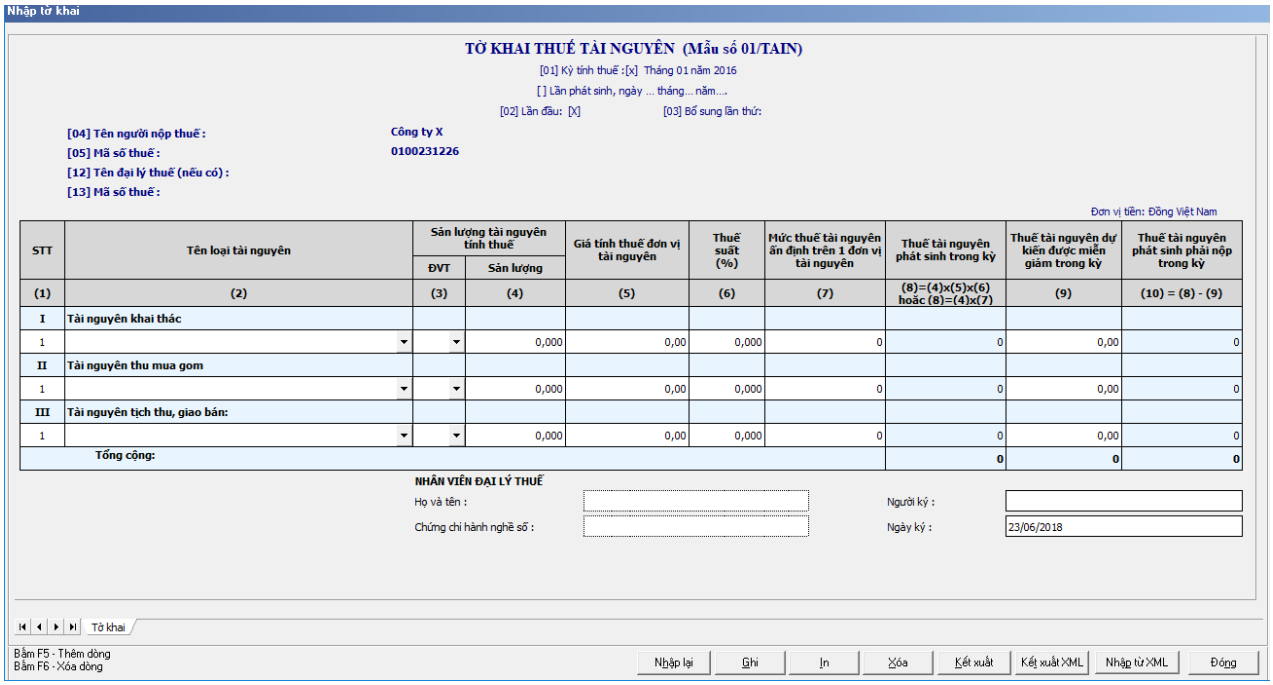
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tài Nguyên" chọn "Tờ khai thuế tài nguyên mẫu số (01/TAIN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập

+ Các cột chi tiết từ cột [4] đến cột [10] nhận giá trị mặc định là số 0.
+ Cột [2] Tên loại tài nguyên không được nhập trực tiếp trên bàn phím mà được chọn trong danh mục các mặt hàng chịu thuế tài nguyên đã đăng ký trong chức năng "Đăng ký danh mục".

- Đối với kỳ kê khai từ tháng 6/2010 trở về trước thì các loại tài nguyên được lấy theo nghị định 05/2009/NĐ–CP .
- Đối với kỳ kê khai từ tháng 7/2010 trở đi thì các loại tài nguyên được lấy theo Nghị định 50/2010/NĐ–CP.
- Đối với kỳ kê khai từ tháng 2/2014 trở đi thì các loại tài nguyên được lấy theo Nghị quyết 712/2013/UBTVQH13
- Đối với kỳ kê khai từ tháng 7/2016 trở đi thì các loại tài nguyên được lấy theo Nghị quyết 1084/2015/UBTVQH13
- Cập nhật theo Danh mục thuế tài nguyên (Theo TT324/2016/TT-BTC).

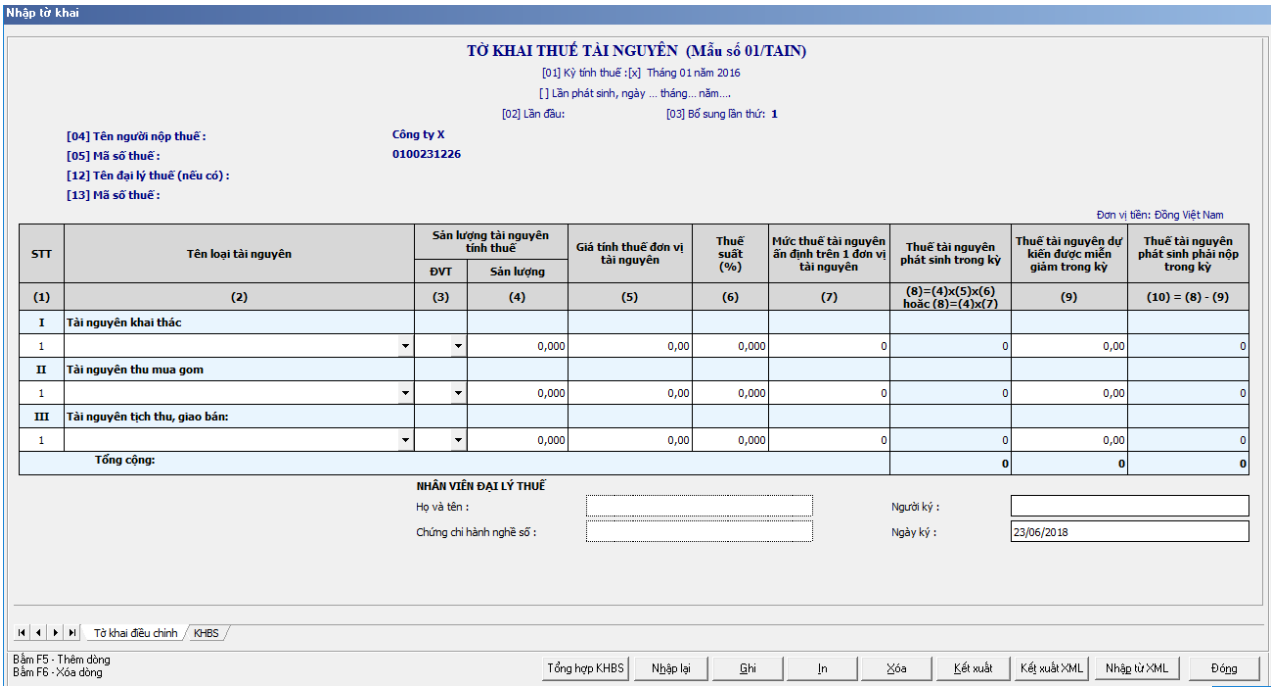
+ Cột [3] Đơn vị tính tự động hiển thị theo cột [2] và cho phép chọn lại.
+ Cột [6] Thuế suất tự động hiển thị theo cột [2] và chỉ cho phép sửa với ba loại tài nguyên là Tài nguyên khác, Dầu mỏ và Khí đốt. Cột [6] được hỗ trợ theo định dạng xx,xxxx%.
+ Nhập số dương trên các cột [4], [5], [7], [9].
+ Khi nhập cột [5] thì đặt cột [7] = 0, giữ nguyên cột [6] và ngược lại nếu nhập cột [7] thì đặt cột [5] = 0 và cột [6] = 0.
+ Cột [8] và cột [10] được tự động tính theo công thức.
+ Chương trình hỗ trợ tính tự động hàng Tổng cộng của các cột [8], [9], [10].
+ Giá tính thuế đơn vị tài nguyên là số thập phân, không âm, hai chữ số sau dấu phẩy

Các điều kiện kiểm tra công thức

+ Cột [8] = Cột [4] * Cột [5] * Cột [6], hoặc Cột [8] = Cột [4] * Cột [7].
+ Các cột chi tiết từ cột [4] đến cột [10] nhận giá trị mặc định là số 0.
+ Cột [9] <= Cột [8].
+ Cột [10] = Cột [8] - Cột [9].

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS".


Nhập tờ khai

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN (Mẫu số 01/TAIN)

[01] Kỳ tính thuế :[x] Tháng 01 năm 2016

[ ] Lần phát sinh, ngày ... tháng... năm....

[02] Lần đầu: [03] Bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên người nộp thuế : Công ty X

[05] Mã số thuế : 0100231226

[12] Tên đại lý thuế (nếu có) :

[13] Mã số thuế :

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên loại tài nguyên	Sản lượng tài nguyên tính thuế		Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế suất (%)	Mức thuế tài nguyên ấn định trên 1 đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ	Thuế tài nguyên dự kiến được miễn giảm trong kỳ	Thuế tài nguyên phát sinh phải nộp trong kỳ
		ĐVT	Sản lượng						
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)x(5)x(6) hoặc (8)=(4)x(7)	(9)	(10) = (8) - (9)
I	Tài nguyên khai thác								
1			0,000	0,00	0,000	0	0	0,00	0
II	Tài nguyên thu mua gom								
1			0,000	0,00	0,000	0	0	0,00	0
III	Tài nguyên tịch thu, giao bán:								
1			0,000	0,00	0,000	0	0	0,00	0
	Tổng cộng:						0	0	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

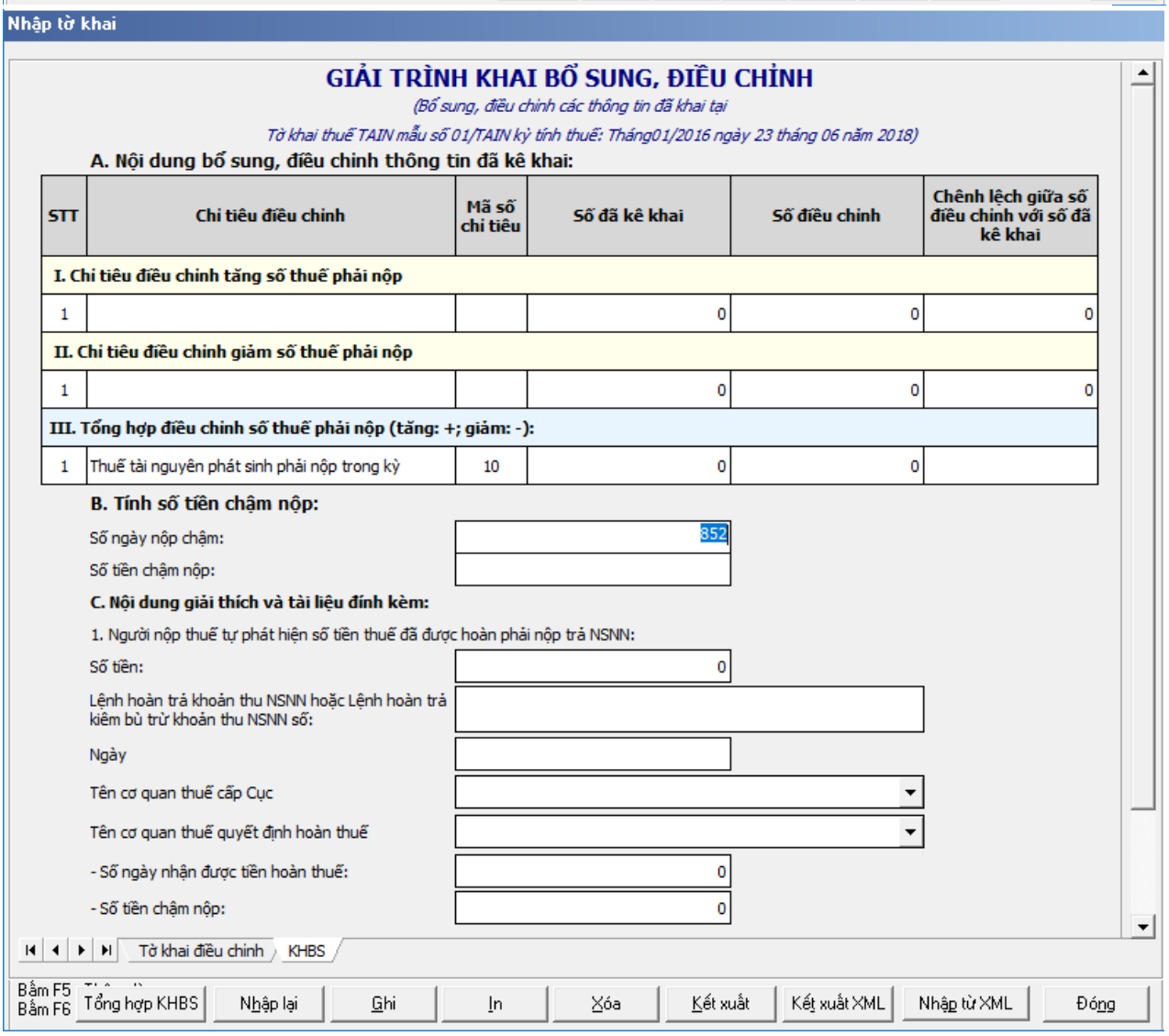
Họ và tên : Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số : Ngày ký : 23/06/2018

Tờ khai điều chỉnh | KHBS

Bấm F5 - Thêm dòng
Bấm F6 - Xóa dòng

Tổng hợp KHBS | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Kết xuất XML | Nhập từ XML | Đóng


Nhập tờ khai

GIẢI TRÌNH KHAI BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH

(Bổ sung, điều chỉnh các thông tin đã khai tại

Tờ khai thuế TAIN mẫu số 01/TAIN kỳ tính thuế: Tháng01/2016 ngày 23 tháng 06 năm 2018)

A. Nội dung bổ sung, điều chỉnh thông tin đã kê khai:

STT	Chỉ tiêu điều chỉnh	Mã số chỉ tiêu	Số đã kê khai	Số điều chỉnh	Chênh lệch giữa số điều chỉnh với số đã kê khai
I. Chỉ tiêu điều chỉnh tăng số thuế phải nộp					
1			0	0	0
II. Chỉ tiêu điều chỉnh giảm số thuế phải nộp					
1			0	0	0
III. Tổng hợp điều chỉnh số thuế phải nộp (tăng: +; giảm: -):					
1	Thuế tài nguyên phát sinh phải nộp trong kỳ	10	0	0	

B. Tính số tiền chậm nộp:

Số ngày nộp chậm: 852

Số tiền chậm nộp:

C. Nội dung giải thích và tài liệu đính kèm:

1. Người nộp thuế tự phát hiện số tiền thuế đã được hoàn phải nộp trả NSNN:

Số tiền: 0

Lệnh hoàn trả khoản thu NSNN hoặc Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu NSNN số:

Ngày

Tên cơ quan thuế cấp Cục

Tên cơ quan thuế quyết định hoàn thuế

- Số ngày nhận được tiền hoàn thuế: 0

- Số tiền chậm nộp: 0

Tờ khai điều chỉnh | KHBS

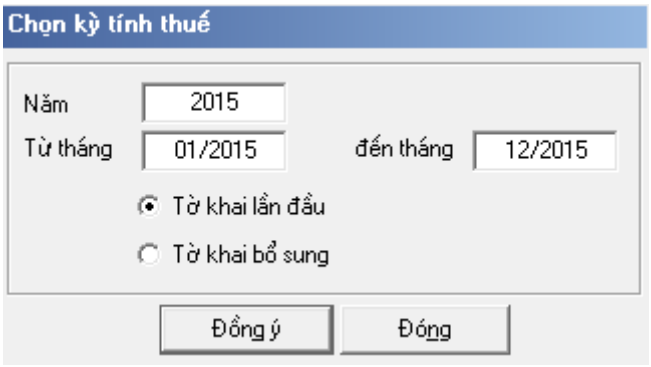
Bấm F5 Bấm F6 Tổng hợp KHBS | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Kết xuất XML | Nhập từ XML | Đóng

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu cột (8), (9), (10) cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.7.2 Tờ khai Quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 02/TAIN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

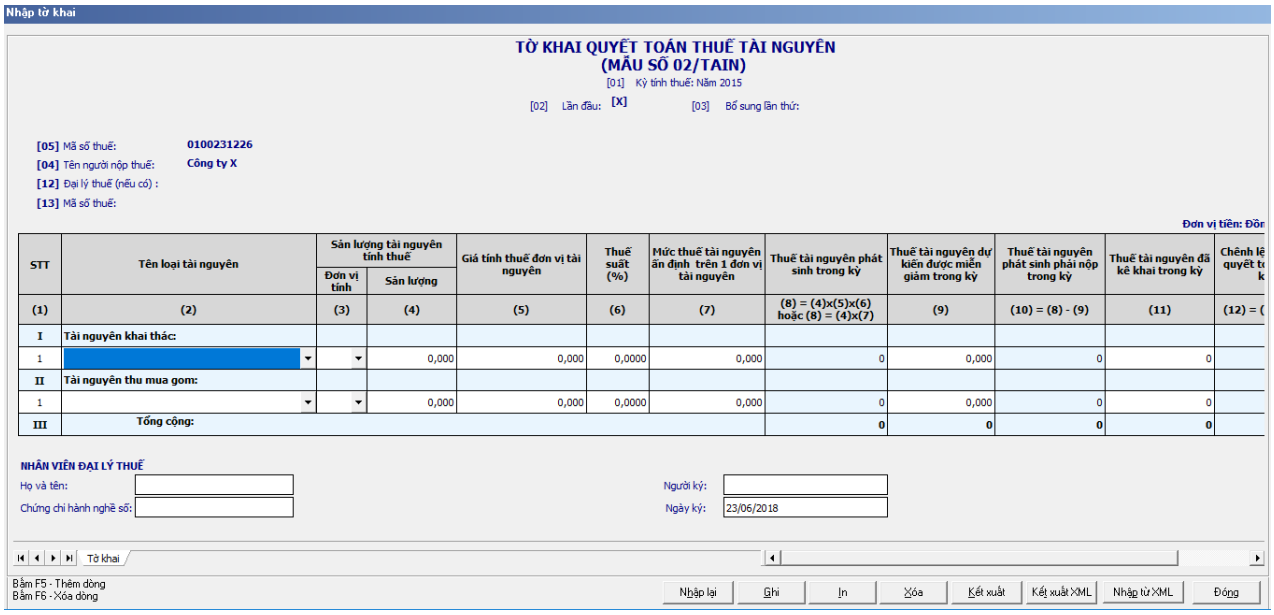
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tài Nguyên" chọn "Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số (02/TAIN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Cột [2] Tên loại tài nguyên không được nhập trực tiếp trên bàn phím mà được chọn trong danh mục các mặt hàng chịu thuế tài nguyên đã đăng ký trong chức năng "Đăng ký danh mục".

- Đối với quyết toán các năm trước năm 2008 thì biểu thuế tài nguyên sẽ theo danh mục cũ trước tháng 05/2008
- Đối với quyết toán năm 2008 sẽ có hai biểu thuế tài nguyên (từ 05/2008 trở về trước và sau tháng 05/2008). Vì vậy biểu thuế sau tháng 05/2008 sẽ có thêm từ (Theo QĐ 16) phía sau các loại tài nguyên
- Đối với các quyết toán năm 2009 thì sẽ theo danh mục tài nguyên hiệu lực từ tháng 05/2008
- Đối với các quyết toán năm 2010 sẽ có hai biểu thuế tài nguyên (từ tháng 06/2010 trở về trước và từ tháng 7/2010 trở đi). Vì vậy biểu thuế từ tháng 7/2010 trở đi sẽ có thêm từ (50_2010/NĐ-CP) phía sau các loại tài nguyên.
- Đối với các quyết toán năm 2014 thì UD hỗ trợ hiển thị hai biểu thuế trước 1/2/2014 và sau 1/2/2014 (theo nghị quyết 712/2013/UBTVQH13) theo đó những tài nguyên theo biểu thuế trước 1/2/2014 sẽ có thêm thuế suất kèm theo
- Đối với quyết toán năm 2016 sẽ có 2 biểu thuế (từ tháng 7/2016 trở về trước và từ tháng 07/2016 trở đi). Vì vậy biểu thuế từ tháng 7/2016 trở về trước sẽ được lấy theo nghị quyết 712/2013/UBTVQH13; còn biểu thuế từ tháng 7/2016 trở đi sẽ được lấy theo Nghị quyết 1084/2015/UBTVQH13
- Cập nhật theo Danh mục thuế tài nguyên(Theo Cập nhật theo Danh mục thuế tài nguyên(Theo TT324/2016/TT-BTC).

+ Cột [3] Đơn vị tính tự động hiển thị theo chỉ tiêu được chọn trên cột [2] và cho phép chọn lại đơn vị tính.
+ Các cột (4), (5), (7), (9), (11) nhập kiểu số, không âm, cho phép nhập sau phần thập phân 3 chữ số, nhận giá trị mặc định là số 0.
+ Cột [6] tự động hiển thị theo cột [2] và chỉ cho phép sửa với ba loại tài nguyên là Tài nguyên khác, Dầu mỏ và Khí đốt. Cột [6] được hỗ trợ theo định dạng xx,xxxx%.
+ Khi nhập cột [5] thì đặt cột [7] = 0, giữ nguyên cột [6] và ngược lại nếu nhập [7] thì đặt cột [5] = 0 và cột [6] = 0.
+ Cột [9] <= Cột [8].

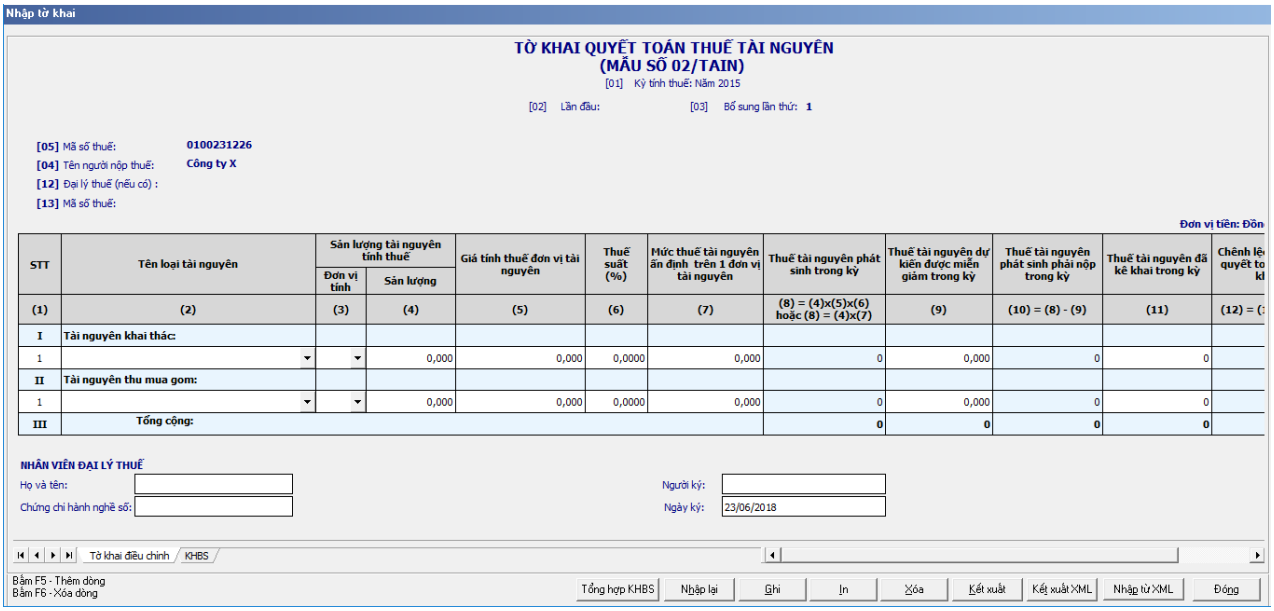
- Các chỉ tiêu tính toán:

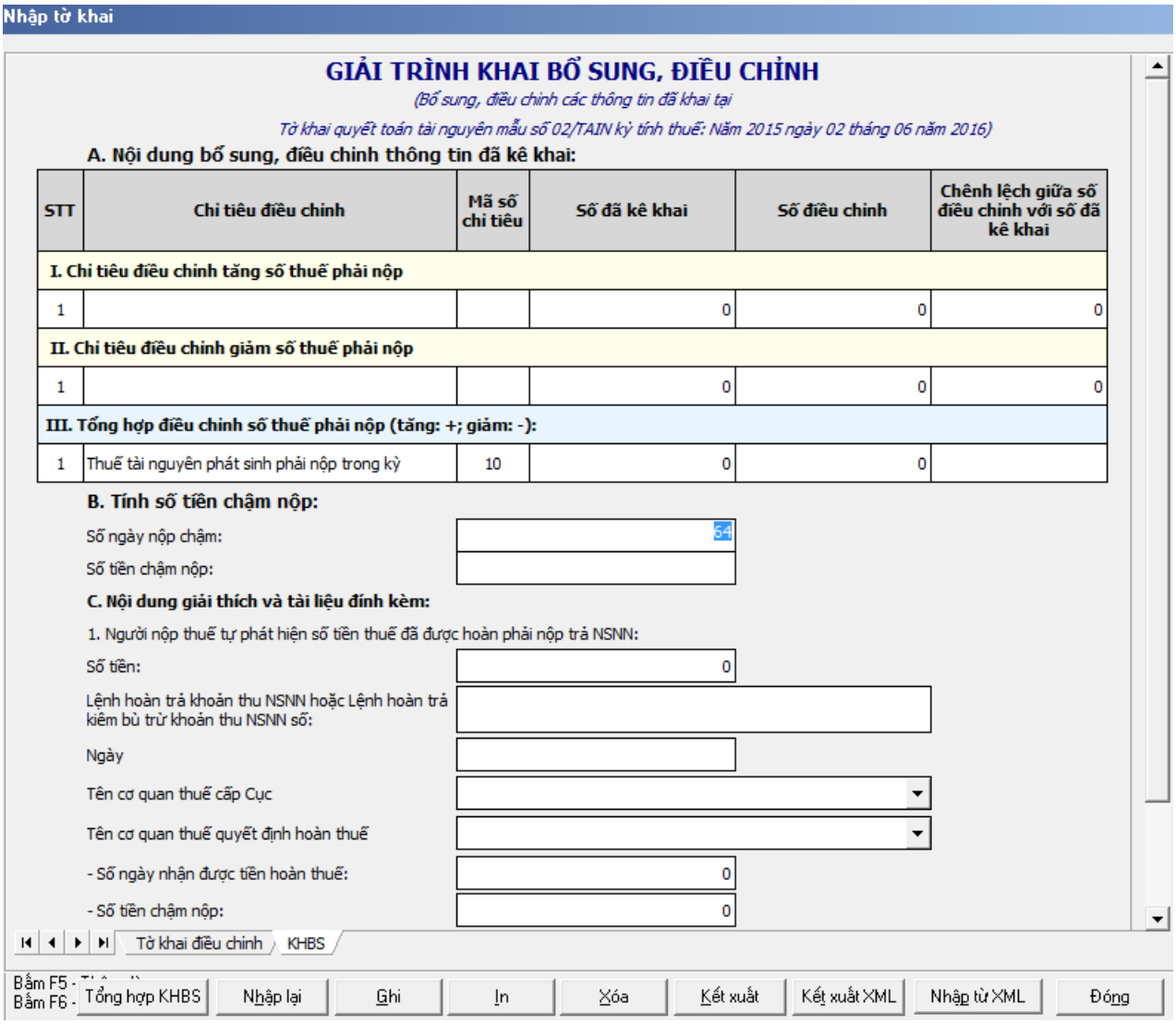
+ Cột [8] = Cột [4] * Cột [5] * Cột [6], hoặc Cột [8] = Cột [4] * Cột [7].
  - Đối với kỳ tính thuế từ năm 2013 trở về trước, UD hỗ trợ tự tính theo công thức và không cho phép sửa.
  - Đối với kỳ tính thuế từ năm 2014 trở đi, UD hỗ trợ tự tính theo công thức và cho phép sửa.

+ Cột [10] = Cột [8] - Cột [9].
+ Cột [12] = Cột [10] - cột [11], có thể âm.
+ Chương trình hỗ trợ tính tự động hàng Tổng cộng của các cột [8], [9], [10], [11], [12]

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"





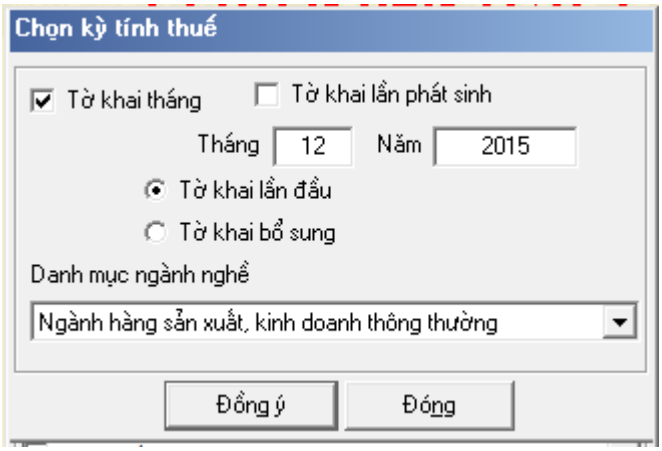
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [8], [9], [10] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.8 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Tiêu thụ đặc biệt

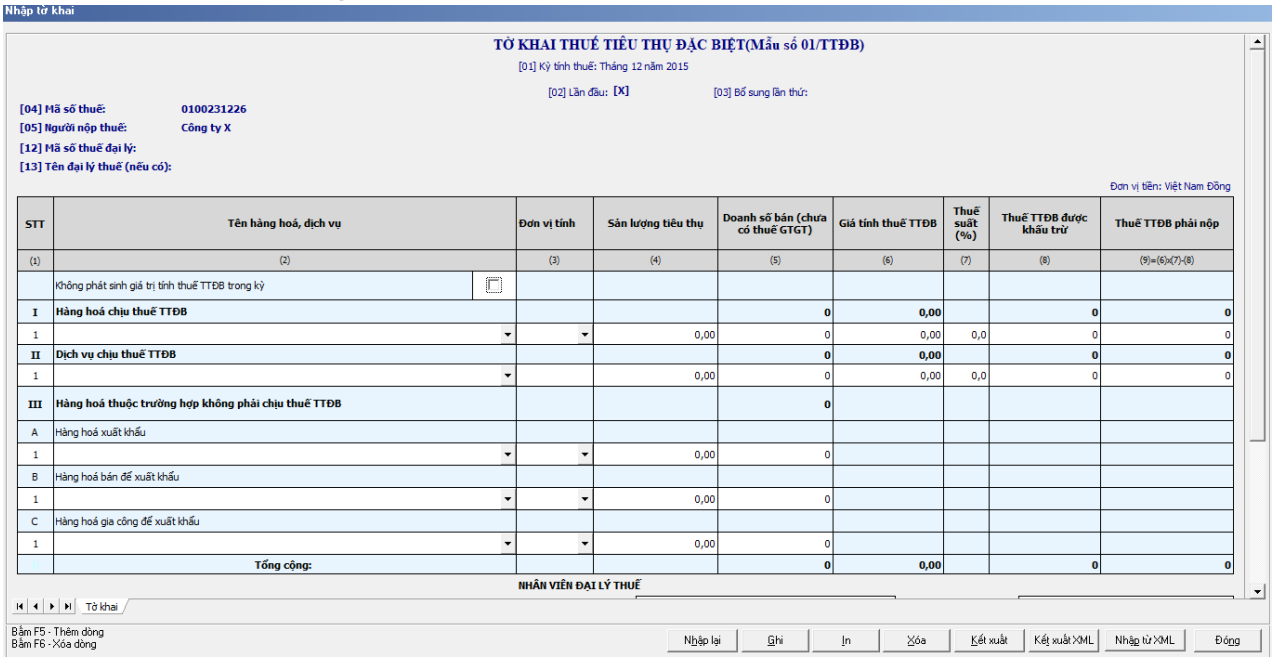
3.8.1 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tiêu Thụ Đặc Biệt" chọn "Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (01/TTĐB)".
- Đối với Tờ khai thuế 01/TTĐB UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"
- Trên form "Chọn kỳ kê khai" chọn Tờ khai tháng khi đó màn hình kê khai ô check "Tờ khai tháng" sẽ bị mờ đi như sau:



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hiện tại - 1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hiện tại
  + Tờ khai hết hiệu lực kỳ tính thuế từ ngày 1/1/2016 trở đi
  + Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Chọn ngành nghề kinh doanh: Chọn ngành nghề kinh doanh của đơn vị mình trong Danh mục ngành nghề kinh doanh gồm có 2 loại ngành nghề:
    - Ngành hàng sản xuất kinh doanh thông thường
    - Từ hoạt động xổ số kiến thiết của các công ty xổ số kiến thiết
- Việc kê khai tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung tương tự như tờ 01/GTGT, màn hình giao diện tờ khai 01/TTĐB như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập:

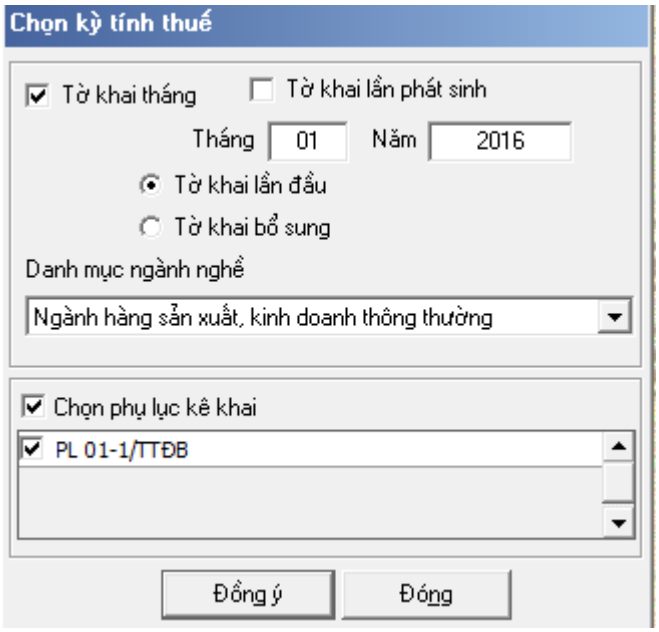
+ Chỉ tiêu (2) – Tên hàng hóa, dịch vụ cho phép NNT chọn trong danh mục hàng hóa
+ Chỉ tiêu [04], [05], [06], [08] cho phép NNT tự nhập kiểu số không âm, mặc định là 0
+ Nếu đánh dấu chỉ tiêu "không phát sinh giá trị tính thuế TTĐB trong kỳ"
    - Tất cả các Cột từ [3] đến cột [7] của phần I và II sẽ bị khoá không cho nhập, đồng thời đặt lại giá trị cho các trường này bằng giá trị mặc định.
    - Nếu các cột này đã kê khai thì hiển thông báo "Các số liệu đã có trong các chỉ tiêu phát sinh trong kỳ sẽ bị xoá bằng 0. Có đồng ý không?", cho chọn "Có" hoặc "Không". Nếu chọn "Có" thì thực hiện khoá chỉ tiêu trên các cột từ [3] đến cột [7] và đặt lại giá trị mặc định là 0, nếu chọn "Không" quay lại màn hình kê khai.
+ Nếu không đánh dấu chỉ tiêu "không phát sinh giá trị tính thuế TTĐB trong kỳ"
    - Nếu chỉ tiêu (không phát sinh giá trị tính thuế TTĐB trong kỳ) không được chọn mà có kê khai phần I, II thì các cột [5], [6] bắt buộc phải nhập, nếu không nhập sẽ có báo lỗi tương ứng đối với cột [5], [6] "Giá tính thuế TTĐB bắt buộc nhập.", "Doanh số bán (chưa có thuế GTGT) bắt buộc nhập.", riêng phần III không bắt buộc nhập cột [5].
    - Cột [2] Tên hàng hóa dịch vụ không nhập trực tiếp trên bàn phím mà được chọn trong danh mục các mặt hàng có sẵn đã được đăng ký từ trước trong chức năng "Đăng ký danh mục".
    - Các mặt hàng trong danh mục luôn hiển thị trong khoảng thời gian hiệu lực. Và mặc định nếu theo ngày mặc định của hệ thống thì sẽ là bộ danh mục mới nhất, được áp dụng trong kỳ hiệu lực hiện tại.
    - Nếu nhập hai mặt hàng giống nhau thì yêu cầu phải khác đơn vị tính, nếu nhập trùng tên mặt hàng và đơn vị tính sẽ hiện thông báo lỗi "Tên hàng hoá dịch vụ đã được chọn".
    - Không được nhập tên dịch vụ giống nhau.
    - Trong trường hợp nhập tờ khai của năm trước thì hiện toàn bộ danh mục của năm trước để NNT chọn.
+ Cột [3] Đơn vị tính hiện ra theo cột [2] và cho phép sửa.
+ Cột [7] Thuế suất hiện ra đồng thời theo cột [2] và không cho sửa, định dạng theo xx,xx%.
+ Cột [4] : Sản lượng tiêu thụ được nhập cả 2 số sau phần thập phân.
+ Các cột [5], [8] chỉ nhập các giá trị không âm.

- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Cột [6]: Ứng dụng hỗ trợ tự tính theo công thức Cột [6] = Cột [5]/(1 + Cột [7]), cho phép sửa nhưng không được lớn hơn Doanh số bán (chưa có thuế GTGT). Giá trị trên cột [6] < Giá trị trên cột [5].
  + Cột [9] tính toán theo công thức ([9] = [6] * [7] – [8]), kiểm tra nếu chỉ tiêu [09] < 0 thì cảnh báo đỏ trên cột chỉ tiêu [08] "Thuế TTĐB được khâu trừ (cột 8) không được lớn hơn tổng số thuế TTĐB đã điều chỉnh ([6] * [7] – [9])".
  + Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của các cột (5), (6), (8), (9)
  + Dòng Tổng cột [5] = (Chỉ tiêu I + Chỉ tiêu II + Chỉ tiêu III)
  + Dòng Tổng cột [6] = (Chỉ tiêu I + Chỉ tiêu II)
  + Dòng Tổng cột [8] = (Chỉ tiêu I + Chỉ tiêu II), kiểm tra giá trị này bằng tổng cột (7) phần II trên phụ lục 01_2/TTĐB
  + Dòng Tổng cột [9] = (Chỉ tiêu I + Chỉ tiêu II).
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho cột chỉ tiêu cột (9)cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

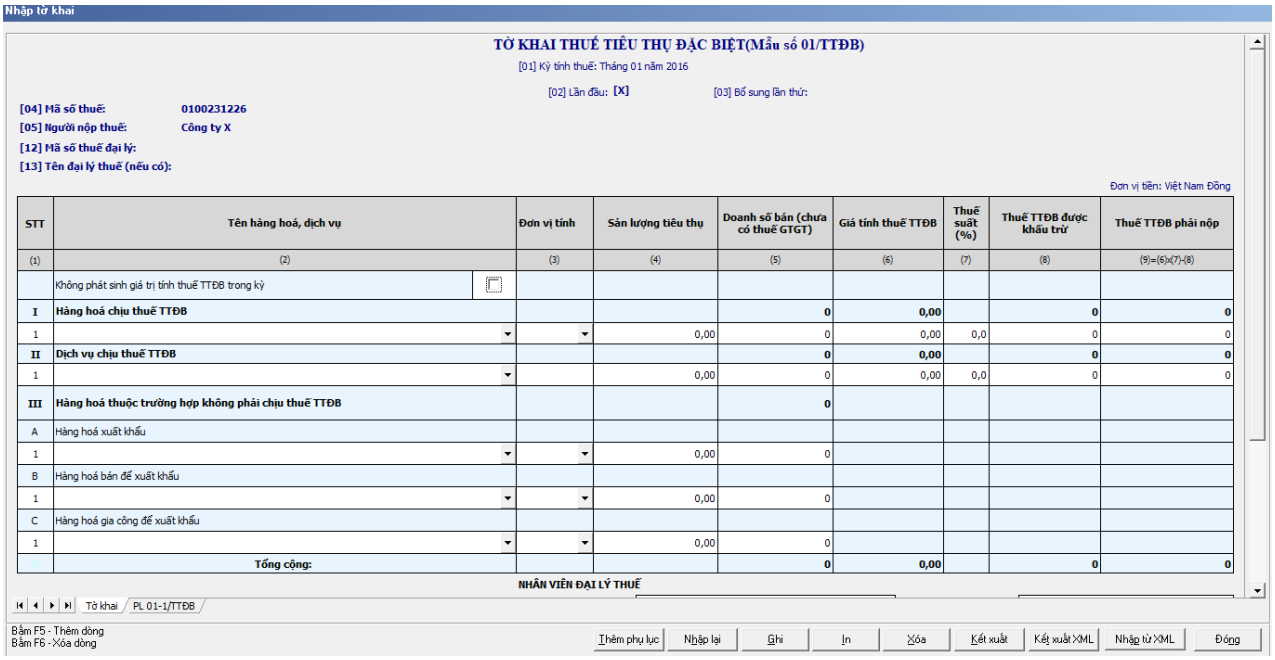
3.8.2 Tờ khai thuế Tiêu thụ đặc biệt mẫu số 01/TTĐB theo Thông tư số 195/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Tiêu Thụ Đặc Biệt" chọn "01/TTĐB Tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt (TT195/2015)".
- Đối với Tờ khai thuế 01/TTĐB UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"
- Trên form "Chọn kỳ kê khai" chọn Tờ khai tháng khi đó màn hình kê khai ô check "Tờ khai tháng" sẽ bị mờ đi như sau:



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hiện tại - 1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hiện tại
  + Đối với tờ khai theo Lần phát sinh thì không cần kê khai phụ lục đính kèm
  + Trạng thái tờ khai gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Chọn ngành nghề kinh doanh: Chọn ngành nghề kinh doanh của đơn vị mình trong Danh mục ngành nghề kinh doanh gồm có 2 loại ngành nghề:
    - Ngành hàng sản xuất kinh doanh thông thường
    - Từ hoạt động xổ số kiến thiết của các công ty xổ số kiến thiết
  + Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn thêm phụ lục để khai trong trường hợp cần kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế tiêu thụ đặc biệt mẫu 01/TTĐB.
- Việc kê khai tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung tương tự như tờ 01/GTGT, cho phép đính kèm phụ lục 01-1/TTĐB khi khai bổ sung màn hình giao diện tờ khai 01/TTĐB như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Nếu đánh dấu chỉ tiêu "không phát sinh giá trị tính thuế TTĐB trong kỳ"

  - Tất cả các Cột từ [3] đến cột [7] của phần I và II và phụ lục 01-1/TTĐB sẽ bị khoá không cho nhập, đồng thời đặt lại giá trị cho các trường này bằng giá trị mặc định.

  - Nếu các cột từ [3] đến cột [7] của phần I và II và phụ lục 01-1/TTĐB đã kê khai thì hiển thông báo "Các số liệu đã có trong các chỉ tiêu phát sinh trong kỳ sẽ bị xoá bằng 0. Có đồng ý không?", cho chọn "Có" hoặc "Không". Nếu chọn "Có" thì thực hiện khoá chỉ tiêu trên các cột từ [3] đến cột [7] và phụ lục 01-1/TTĐB đã và đặt lại giá trị mặc định là 0, nếu chọn "Không" quay lại màn hình kê khai.

+ Nếu không đánh dấu chỉ tiêu "không phát sinh giá trị tính thuế TTĐB trong kỳ"

  - Nếu chỉ tiêu (không phát sinh giá trị tính thuế TTĐB trong kỳ) không được chọn mà có kê khai phần I, II thì các cột [5], [6] bắt buộc phải nhập, nếu không nhập sẽ có báo lỗi tương ứng đối với cột [5], [6] "Giá tính thuế TTĐB bắt buộc nhập.", "Doanh số bán (chưa có thuế GTGT) bắt buộc nhập.", riêng phần III không bắt buộc nhập cột [5].

+ Cột [2] Tên hàng hóa dịch vụ không nhập trực tiếp trên bàn phím mà được chọn trong danh mục các mặt hàng có sẵn đã được đăng ký từ trước trong chức năng "Đăng ký danh mục".

  - Đối với kỳ kê khai từ tháng 7/2016 trở về trước thì các hàng hóa dịch vụ TTĐB được lấy từ đăng ký danh mục có sẵn từ trước

- Đối với kỳ kê khai từ tháng 7/2016 trở đi thì các hàng hóa dịch vụ TTĐB được lấy theo Luật 106/2016/QH13 và các mặt hàng nhập khẩu để bán trong nước theo Công văn 2159
- Đối với kỳ kê khai từ 01/01/2017 , 01/01/2018, 01/01/2019 thì các hàng hóa dịch vụ TTĐB được lấy theo Luật số 70/2014/Qh13 : Cụ thể, đối với thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá, thuế suất thuế TTĐB tăng từ 65% lên 70% từ ngày 01/01/2016 và 75% từ ngày 01/01/2019; với rượu dưới 20 độ, thuế suất thuế TTĐB là 30% từ ngày 01/01/2016 và 35% từ ngày 01/01/2018. Đối với rượu từ 20 độ trở lên và bia, thuế suất thuế TTĐB cũng tăng thêm 5% lên 55% từ ngày 01/01/2016, 60% từ ngày 01/01/2017 và 65% từ ngày 01/01/2018. Tương tự, mức thuế suất thuế TTĐB đối với dịch vụ kinh doanh casino, trò chơi điện tử có thưởng cũng chính thức tăng lên 35% từ ngày 01/01/2016, tăng thêm 5% so với trước đây.”
- Cập nhật theo Phụ lục 10 danh mục thuế TTĐB(theo TT300).
- Các mặt hàng trong danh mục luôn hiển thị trong khoảng thời gian hiệu lực. Và mặc định nếu theo ngày mặc định của hệ thống thì sẽ là bộ danh mục mới nhất, được áp dụng trong kỳ hiệu lực hiện tại.
- Cho phép nhập trùng hai mặt hàng giống nhau nhưng phải khác đơn vị tính. Nếu nhập trùng tên mặt hàng và đơn vị tính sẽ hiện thông báo lỗi “Tên hàng hoá dịch vụ đã được chọn”.
- Không cho phép nhập trùng 2 dịch vụ.
- Trong trường hợp nhập tờ khai của năm trước thì hiện toàn bộ danh mục của năm trước để NSD chọn.

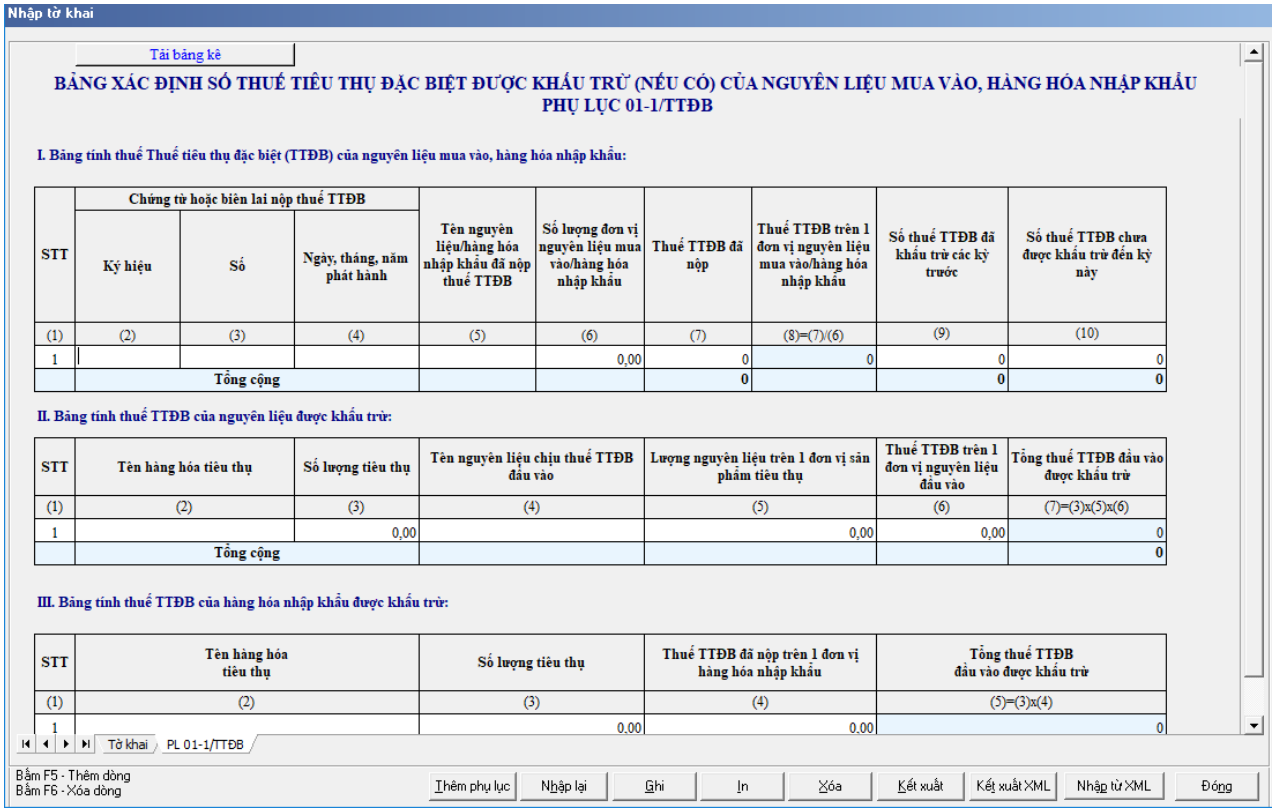
+ Cột [3] Đơn vị tính hiện ra theo cột [2]
+ Cột [4] : Sản lượng tiêu thụ được nhập cả 2 số sau phần thập phân.
+ Các cột [5], [8] chỉ nhập các giá trị không âm.
+ Cột [6]: Ứng dụng hỗ trợ tự tính theo công thức Cột [6] = Cột [5]/(1 + Cột [7]), cho phép sửa nhưng không được lớn hơn Doanh số bán (chưa có thuế GTGT)
+ Cột [7] Thuế suất hiện ra đồng thời theo cột [2] và không cho sửa, định dạng theo xx,xx%.
+ Cột [9] tính toán theo công thức ([9] = [6] * [7] – [8]), kiểm tra nếu chỉ tiêu [9] < 0 thì cảnh báo đỏ trên cột chỉ tiêu [08] “Thuế TTĐB được khấu trừ (cột 8) không được lớn hơn tổng số thuế TTĐB đã điều chỉnh ([6] * [7] – [9])”.
+ Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của các cột (5), (6), (8), (9)

Các điều kiện kiểm tra/ công thức

+ Giá trị trên cột [6] < Giá trị trên cột [5].

+ Dòng Tổng cột [5] = (Chỉ tiêu I + Chỉ tiêu II + Chỉ tiêu III)
+ Dòng Tổng cột [6] = (Chỉ tiêu I + Chỉ tiêu II)
+ Dòng Tổng cột [8] = (Chỉ tiêu I + Chỉ tiêu II), kiểm tra giá trị này bằng tổng cột (7) phần II trên phụ lục 01_1/TTĐB
+ Dòng tổng cộng [9] = (Chỉ tiêu I + Chỉ tiêu II).

Bảng kê 01-1/TTĐB: Bảng kê hóa đơn hàng hóa,dịch vụ bán ra chịu thuế tiêu thụ đặc biệt



I.Bảng tính thuế TTĐB của nguyên liệu mua vào :

- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Nhập chi tiết các cột [2], [3], [5] dạng text
  + Nhập cột [4] dạng DD/MM/YYYY, kiểm tra đúng theo định dạng dd/mm/yyyy, Và ngày tháng năm phải nhỏ hơn hoặc bằng kỳ tính thuế.
  + Nhập chi tiết cột [6] dạng số và cho phép nhập sau phần thập phân là 2 số, mặc định ban đầu là số 0, không âm
  + Nhập chi tiết các cột [7], [9] dạng số, mặc định ban đầu là số 0, không âm
- Các chỉ tiêu tính toán: Ứng dụng hỗ trợ tự tính theo công thức
  + Cột [8] = cột [7] / cột [6]
  + Cột (10) = Cột (7) – cột (9), cho phép sửa
  + Tự tính dòng tổng cộng đối với các cột (7), (9), (10) .

II.Bảng tính thuế TTĐB của nguyên liệu được khấu trừ

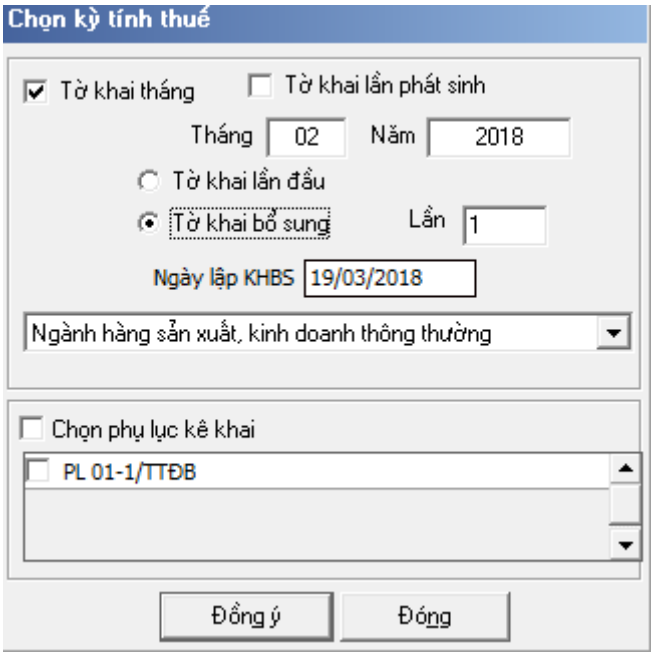
- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Nhập chi tiết các cột [2], [4] dạng text
  + Nhập chi tiết các cột [3], [5], [6] dạng số và cho phép nhập sau phần thập phân là 2 số, mặc định ban đầu là số 0,không âm
- Các chỉ tiêu tính toán
  + Cột [7] = [3] x [5] x [6]
  + Tự tính dòng tổng cộng đối với cột (7), kiểm tra giá trị này không được lớn hơn tổng cột (10) phần I, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Tổng giá trị cột 7 không được lớn hơn tổng giá trị cột (10) phần I"

III.Bảng tính thuế TTĐB của hàng hóa nhập khẩu được khấu trừ

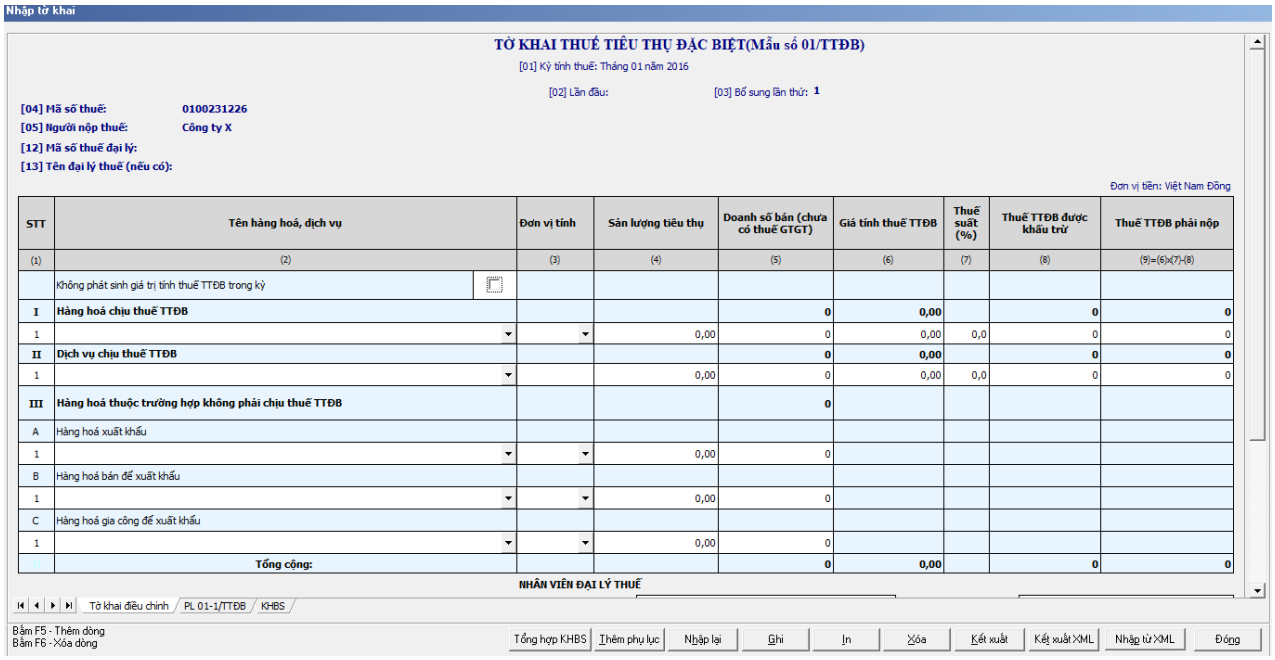
- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Nhập chi tiết các cột [2]: Nhập dạng text
  + Nhập chi tiết các cột [3], [4]: Nhập dạng số và cho phép nhập sau phần thập phân là 2 số, mặc định ban đầu là số 0,không âm
- Các chỉ tiêu tính toán
  + Cột [5] = [3] x [4]
  + Tự tính dòng tổng cộng đối với cột (5)
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho cột chỉ tiêu cột (9)cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

B.Trường hợp khi tờ khai bổ sung

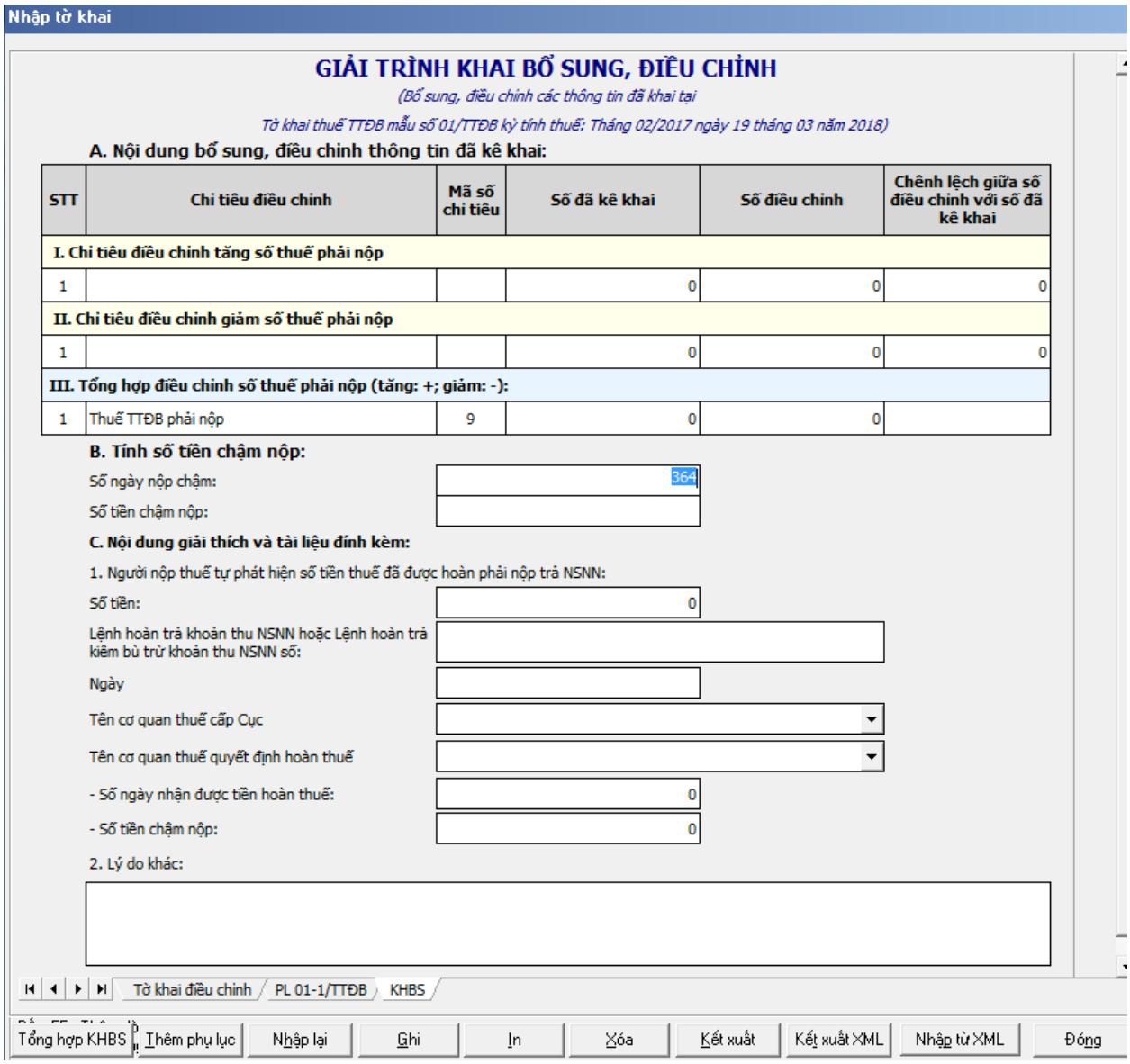
- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" NNT phải nhập thêm các thông tin về lần bổ sung, ngày lập tờ khai bổ sung và cho phép đính kèm phụ lục 01-1/TTDB như sau:
  + Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục 01-1/TTDB thì ở Tờ khai bổ sung/ bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó. Trường hợp ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1 chưa kê khai phụ lục 01-1/TTDB, cho phép NNT đính kèm thêm phụ lục khi khai bổ sung.



- Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet "Tờ khai điều chỉnh", phụ lục 01-1/TTDB (nếu tích chọn) và "KHBS"



- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [28], [29] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.



3.9 *Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai thuế Nhà thầu*

3.9.1 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 01/NTNN theo Thông tư số 103/2014/TT-BTC

Cách gọi:

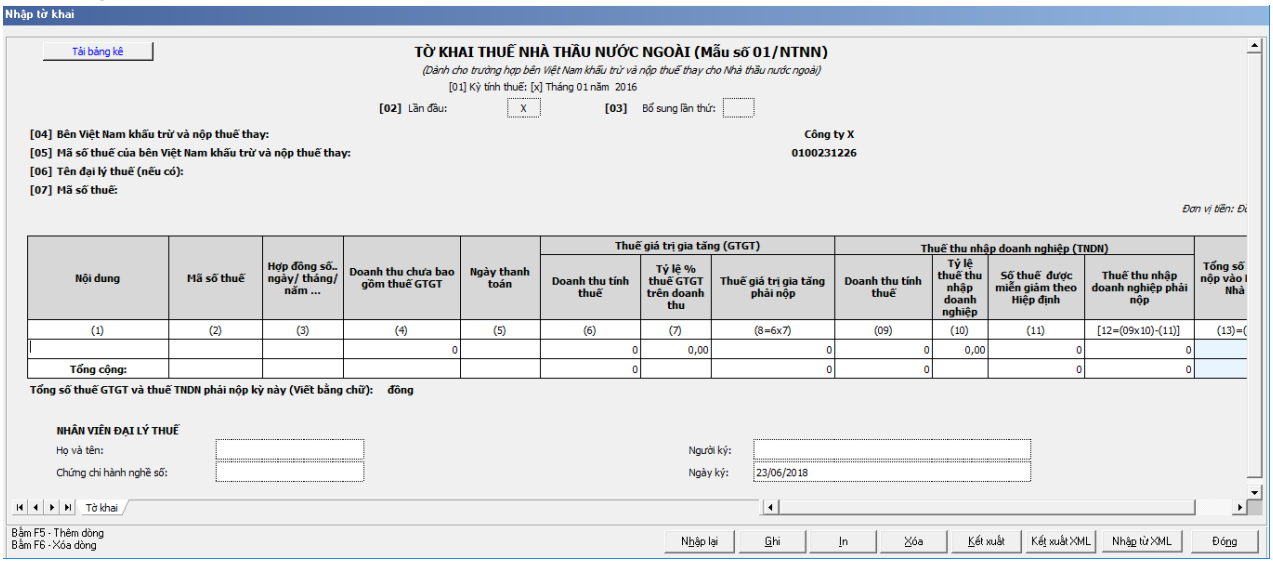
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế nhà thầu" chọn "Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (01/NTNN)".
- Đối với Tờ khai thuế 01/NTNN, UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"

A. Đối với tờ khai tháng

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn Tờ khai tháng khi đó màn hình kê khai ô check "Tờ khai tháng" sẽ bị mờ đi.



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hiện tại - 1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hiện tại
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 01/NTNN.
- Việc kê khai tờ khai lần đầu và tờ khai bổ sung tờ khai 01/NTNN, màn hình giao diện tờ khai 01/NTNN như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Cột (1): Cho phép NSD chọn F5 để nhập nhóm ngành, kiểu text
  + Cột (2): Cho phép NSD tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST, không bắt buộc
  + Cột (3): NSD tự nhập kiểu text, độ dài tối đa 50 ký tự
  + Cột (4), (6), (12): NSD tự nhập, kiểu số không âm, mặc định là 0
  + Cột (9): NSD tự nhập, kiểu số, có thể âm, mặc định là 0. Nếu cột (9) < 0 thì cột (111) và (12) = 0.

+ Cột (5): NSD tự nhập dạng ngày tháng, kiểm tra ngày thanh toán phải nằm trong kỳ tính thuế, nếu không thỏa mãn thì ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng.
+ Cột (7), (10): NSD tự nhập, dạng xx,xx%
+ Dòng tổng cột (6), (8): NSD tự nhập dạng số, không âm, ứng dụng không hỗ trợ tự động tính.
+ Dòng tổng cột (8), (12): NSD tự nhập dạng số, không âm. Bắt buộc nhập

- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức

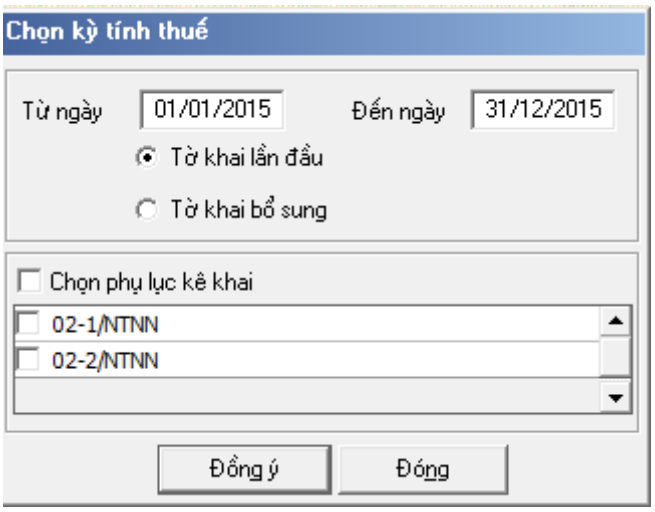
+ Cột (8) = (6) * (7), cho phép sửa
+ Cột (12) = (9) * (10) – (11), nếu (9) * (10) – (11) < 0 thì (12) = 0, cho phép sửa
+ Cột (13) = (8) + (12)
+ Tại dòng Tổng: Cột (13) = (8) + (12)

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho cột chỉ tiêu cột (8), (12), (13) cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT. Việc kê khai bổ sung chỉ áp dụng đối với tờ khai theo tháng

3.9.2 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 02/NTNN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

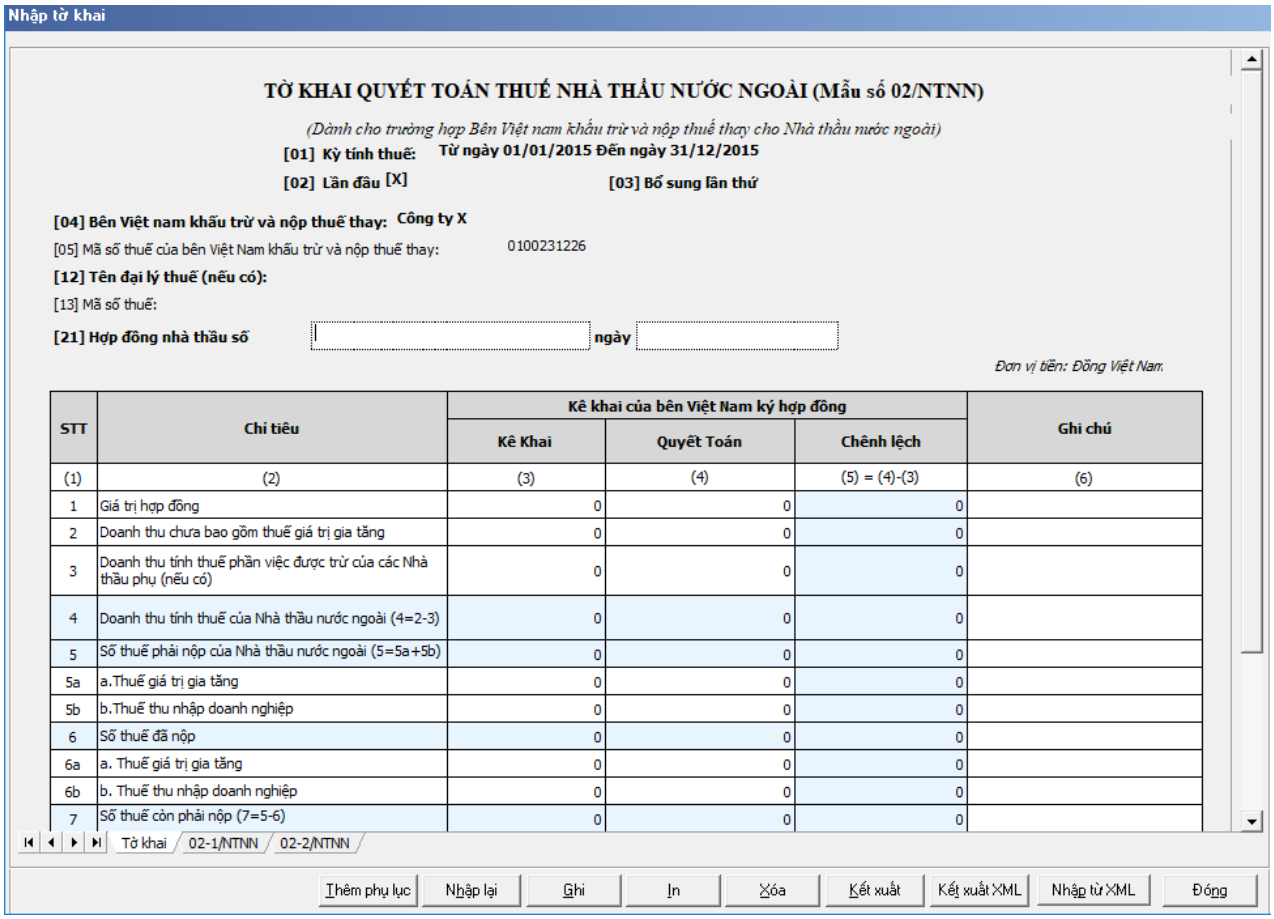
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số 02/NTNN" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 02/NTNN

A.Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



STT	Chỉ tiêu	Kê khai của bên Việt Nam ký hợp đồng			Ghi chú
		Kê Khai	Quyết Toán	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)	(6)
1	Giá trị hợp đồng	0	0	0	
2	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng	0	0	0	
3	Doanh thu tính thuế phần việc được trừ của các Nhà thầu phụ (nếu có)	0	0	0	
4	Doanh thu tính thuế của Nhà thầu nước ngoài (4=2-3)	0	0	0	
5	Số thuế phải nộp của Nhà thầu nước ngoài (5=5a+5b)	0	0	0	
5a	a.Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	
5b	b.Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	
6	Số thuế đã nộp	0	0	0	
6a	a. Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	
6b	b. Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	
7	Số thuế còn phải nộp (7=5-6)	0	0	0	

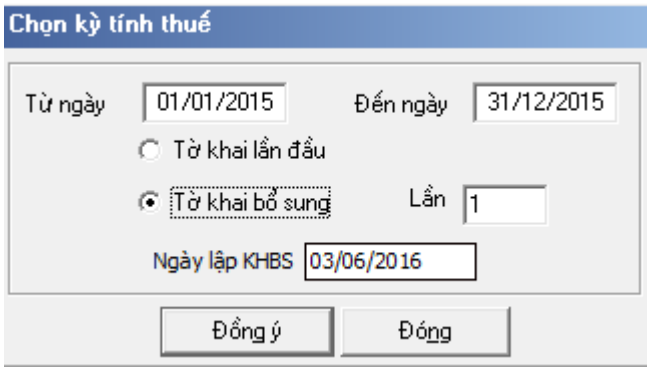
- Các chỉ tiêu cần nhập:
  - + Cột [2]- Chỉ tiêu: Ứng dụng hiển thị danh sách các nội dung công việc
  - + Cột (3)- Kê khai:
    - Chỉ tiêu [1]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
    - Chỉ tiêu [2]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
    - Chỉ tiêu [3]: Cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
    - Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], kết quả có thể âm
    - Chỉ tiêu [5a], [5b]- Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
    - Chỉ tiêu [5] = [5a] + [5b]
    - Chỉ tiêu [6a], [6b]: Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
    - Chỉ tiêu [6] = [6a] + [6b]
    - Chỉ tiêu [7] = [5] - [6], nếu kết quả âm thì thiết lập =0

- Chỉ tiêu [7a] = [5a] - [6a], nếu kết quả âm thì thiết lập =0
- Chỉ tiêu [7b] = [5b] - [6b], nếu kết quả âm thì thiết lập =0

+ Cột (4)- Quyết toán:
  - Chỉ tiêu [1]: UD hỗ trợ tự động lấy từ tổng cột (10b) trên PL 02-1/NTNN + tổng cột (9b) trên PL 02-2/NTNN, cho phép sửa
  - Chỉ tiêu [2]: Tự động lấy tổng cột (11b) rên PL 02-1/NTNN, cho phép sửa.
  - Chỉ tiêu [3]: Tự động lấy từ tổng cột (10b) trên PL 02_2/NTNN, cho phép sửa
  - Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], kết quả có thể âm
  - Chỉ tiêu [5a], [5b]- Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
  - Chỉ tiêu [5] = [5a] + [5b]
  - Chỉ tiêu [6a], [6b]: Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
  - Chỉ tiêu [6] = [6a] + [6b]
  - Chỉ tiêu [7] = [5] - [6], nếu kết quả âm thì thiết lập =0
  - Chỉ tiêu [7a] = [5a] - [6a], nếu kết quả âm thì thiết lập =0
  - Chỉ tiêu [7b] = [5b] - [6b], nếu kết quả âm thì thiết lập =0
+ Cột [5] = cột (4) – cột (3), kết quả có thể âm
+ Cột [6]: NSD tự nhập, dạng text, tối đa 300 ký tự

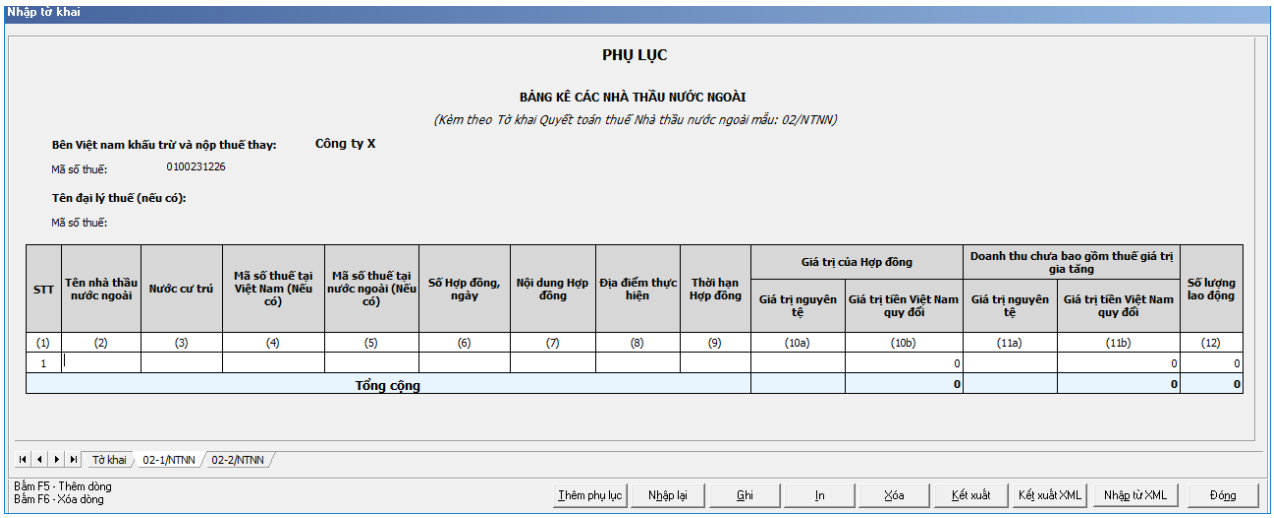
B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



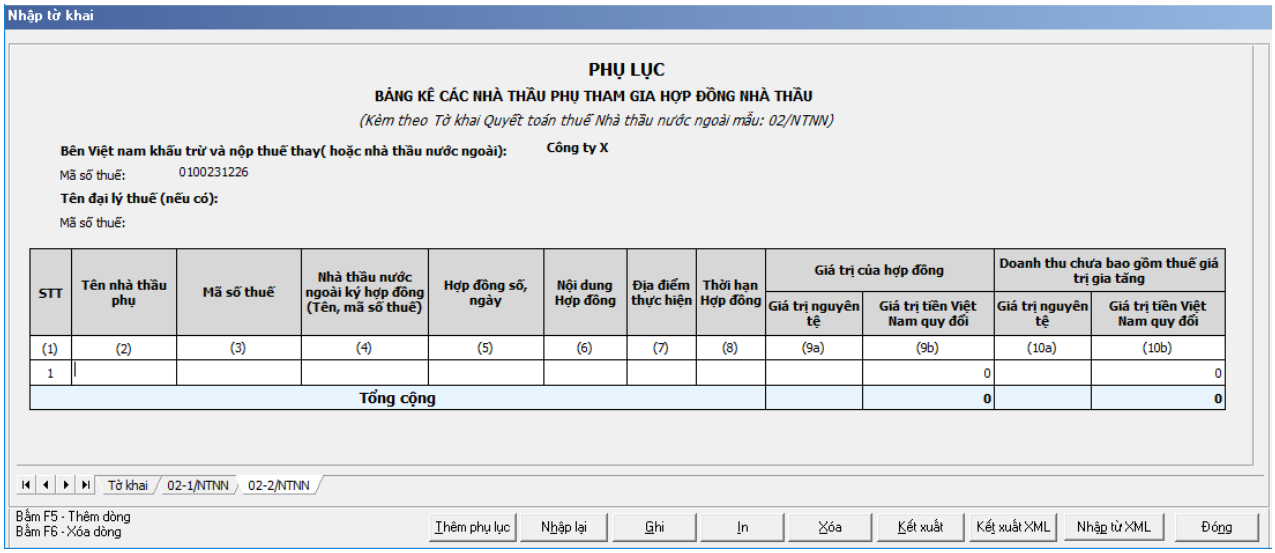
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [7a], [7b], [7] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

Phụ lục 02-1/NTNN: Bảng kê các nhà thầu nước ngoài



- Các thông tin cần nhập:
  + Cột (1): Ứng dụng tự hỗ trợ tăng.
  + Cột (2), (8): NNT nhập text, tối đa 200 ký tự
  + Cột (3): UD hỗ trợ NSD chọn trong danh mục
  + Cột (4): cho phép NNT tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
  + Cột (5): cho phép NNT tự nhập text, tối đa 30 ký tự, không kiểm tra gì.
  + Cột (6), (7): NNT nhập text, tối đa 100 ký tự
  + Cột (9), (10a), (11a): Cho phép NNT tự nhập text, tối đa 50 ký tự
  + Cột (10b), (11b):cho phép NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
  + Cột (12): Cho phép NNT tự nhập số , tối đa 10 chữ số
- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức
  + Dòng Tổng cộng (10b) = Tổng các dòng của cột (10b)
  + Dòng Tổng cột (11b) = Tổng các dòng của cột (11b)
- Các chỉ tiêu tự động đưa lên hoặc kiểm tra với tờ khai 02/NTNN:
  + Dòng tổng cột (10b) của bảng kê đưa lên cột (4) chỉ tiêu [1] của tờ khai
  + Dòng tổng cột (11b) của bảng kê đưa lên cột (4) chỉ tiêu [2] của tờ khai

Phụ lục 02-2/NTNN: Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu

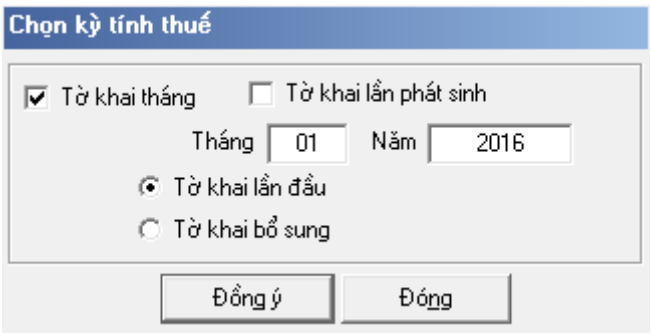


- Các thông tin cần nhập
  + Cột (1): Ứng dụng hỗ trợ tăng
  + Cột (2), (4), (7): cho phép NNT tự nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự
  + Cột (5), (6): NNT tự nhập dạng text, tối đa 100 ký tự
  + Cột (3): Bắt buộc NNT tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
  + Cột (8), (9a), (10a): NNT nhập theo dạng text, tối đa 50 ký tự
  + Cột (9b), (10b): cho phép NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức
  + Dòng Tổng cộng cột (9b) = Tổng các dòng của cột (9b)
  + Dòng Tổng cộng cột (10b) = Tổng các dòng của cột (10b)
- Các chỉ tiêu tự động đưa lên hoặc kiểm tra với tờ khai 02/NTNN:
  + Dòng tổng cột (9b) của bảng kê đưa lên cột (4) chỉ tiêu [1] của tờ khai
  + Dòng tổng cột (10b) của bảng kê đưa lên cột (4) chỉ tiêu [3] của tờ khai

3.9.3 Tờ khai thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu 03/NTNN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

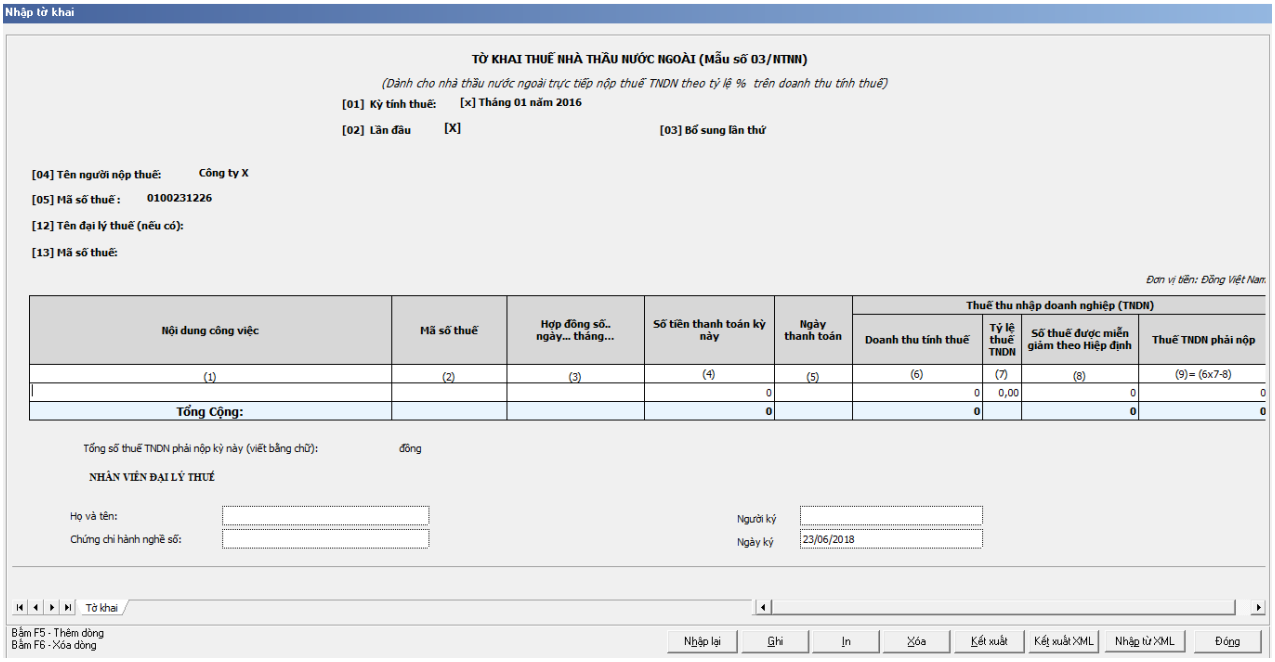
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế nhà thầu" chọn "Tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài (03/NTNN)".
- Đối với Tờ khai thuế 03/NTNN UD, cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"



A.Đối với tờ khai tháng

- Trên form "Chọn kỳ kê khai" chọn Tờ khai tháng. Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  - + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hiện tại - 1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hiện tại
  - + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hay Tờ khai bổ sung.
  - + Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 03/NTNN.



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Cột (1): Cho phép NSD nhập text, tối đa 250 ký tự.
  - + Cột (2): Cho phép NSD tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST
  - + Cột (3): NSD tự nhập kiểu text, độ dài tối đa 100 ký tự
  - + Cột (4), (8): NSD tự nhập, kiểu số không âm, mặc định là 0
  - + Cột (6) : NSD tự nhập, kiểu số, cho phép nhập âm, mặc định là 0. Nếu cột (6) < 0 thì cột (8) = cột (9) = 0

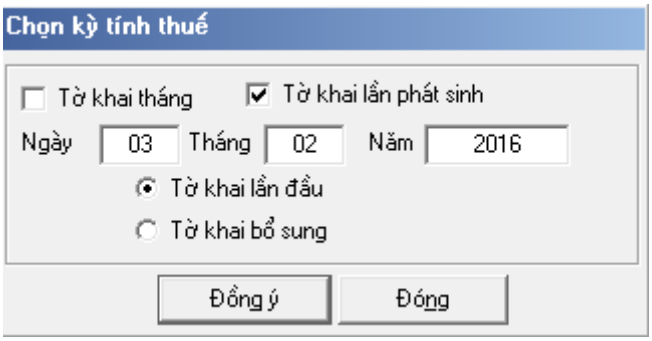
+ Cột (5): NSD tự nhập dạng DD/MM/YYYY, kiểm tra Ngày thanh toán phải nhỏ hơn hoặc bằng kỳ tính thuế
+ Cột (7): NSD nhập dạng xx,xx%

- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức

+ Cột (9) = (6) * (7) -(8), kiểm tra nếu kết quả âm thì (9) = 0, cho phép sửa, nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng
+ Dòng tổng cột (6), (8), (9) = tổng các dòng của các cột (6), (8), (9)
+ Đối với tờ khai bổ sung thì kê khai tương tự như tờ 01/GTGT. Kê khai điều chỉnh bổ sung đối với chỉ tiêu [09]

B.Đối với tờ khai từng lần phát sinh

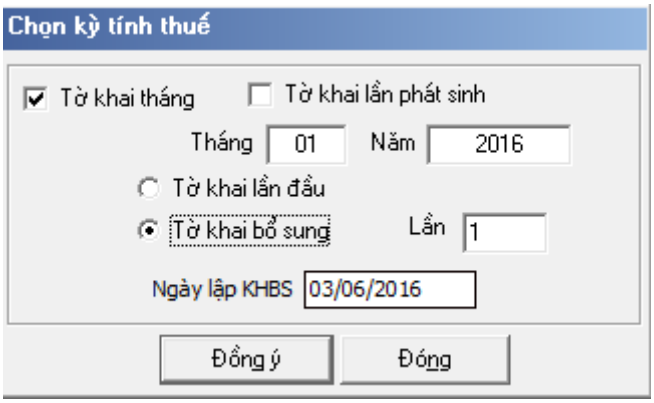
- Trên form "Chọn kỳ kê khai" chọn Tờ khai lần phát sinh như sau:



- Để bắt đầu kê khai tờ khai, chọn thông tin về kỳ kê khai sau đó nhấn nút "Đồng ý" để vào màn hình kê khai chính và kê khai các chỉ tiêu như tờ khai tháng.
- Đối với tờ khai lần phát sinh thì không có kê khai bổ sung.

C. Đối với tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" .

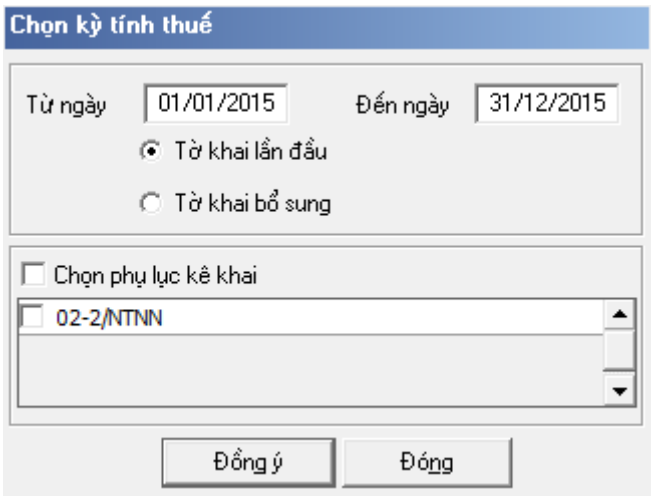


- Đối với trường hợp kê khai bổ sung thì kê khai tương tự như tờ 01/GTGT. Kê khai điều chỉnh bổ sung cho cột chỉ tiêu cột (8), (9)

3.9.4 Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 04/NTNN theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

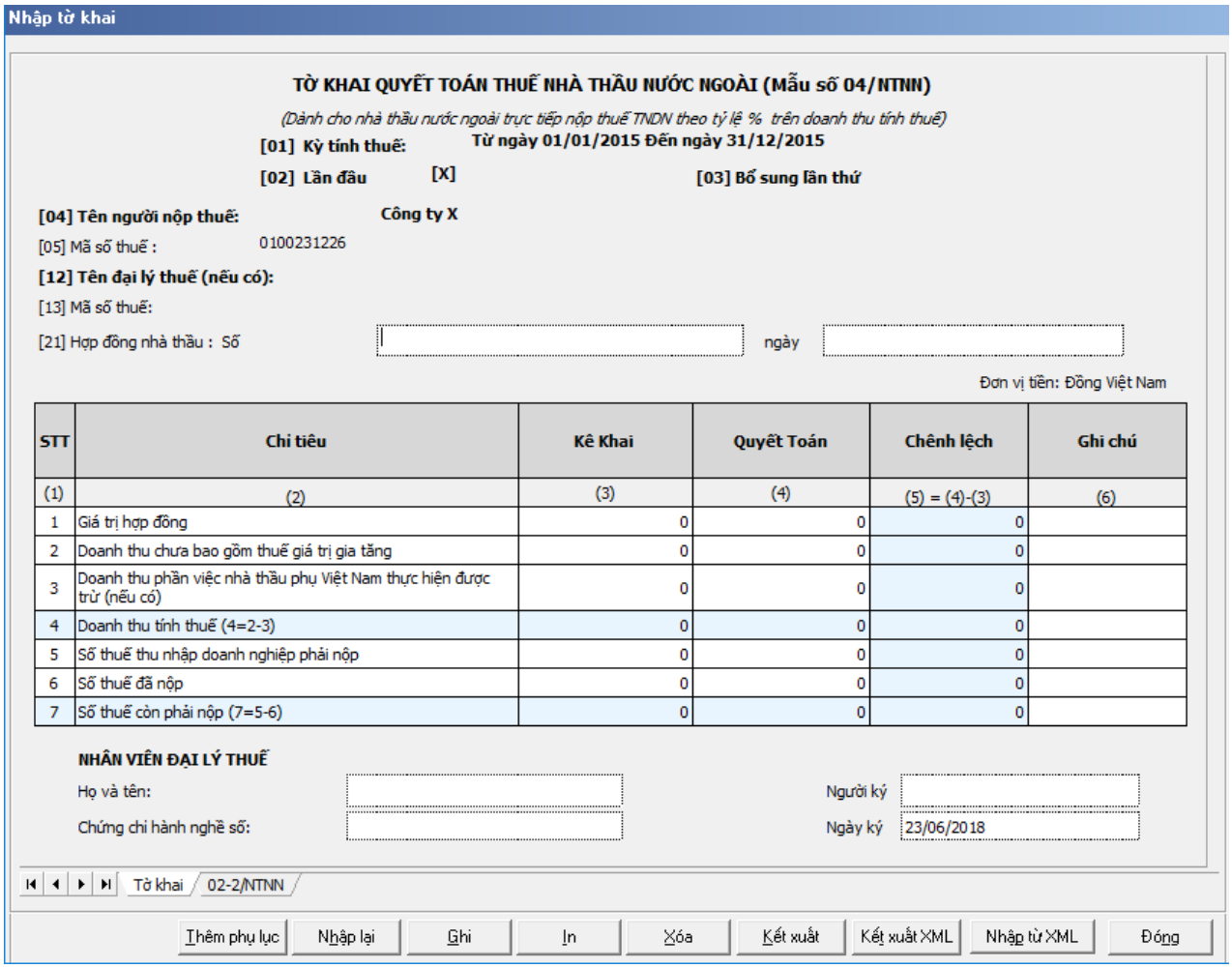
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế Nhà thầu nước ngoài" chọn "Tờ khai quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu số 04/NTNN" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung) và chọn các phụ lục cần kê khai sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ quyết toán thuế nhà thầu nước ngoài mẫu 04/NTNN

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



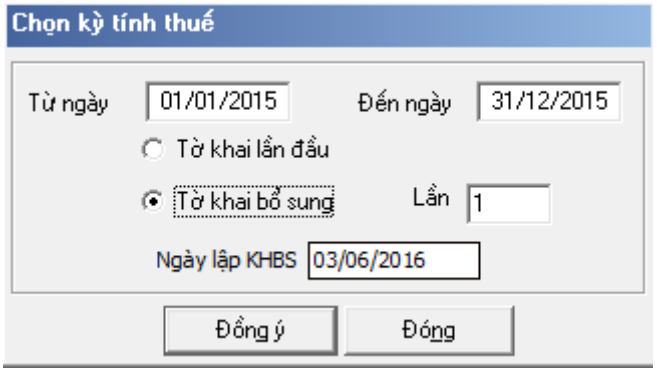
- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Cột [2]- Chỉ tiêu: Ứng dụng hiển thị danh sách các nội dung công việc
  + Cột (3)- Kê khai:
    - Chỉ tiêu [1]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
    - Chỉ tiêu [2]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
    - Chỉ tiêu [3]: Cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
    - Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], kết quả có thể âm
    - Chỉ tiêu [5]- Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
    - Chỉ tiêu [6]: Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
    - Chỉ tiêu [7] = [5] - [6], nếu kết quả âm thì thiết lập =0
  + Cột (4)- Quyết toán:

- Chỉ tiêu [1]: UD hỗ trợ tự động lấy từ tổng cột (9b) trên PL 02-2/NTNN, cho phép sửa
- Chỉ tiêu [2]: Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
- Chỉ tiêu [3]: Tự động lấy từ tổng cột (10b) trên PL 02_2/NTNN, cho phép sửa
- Chỉ tiêu [4] = [2] – [3], kết quả có thể âm
- Chỉ tiêu [5]- Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
- Chỉ tiêu [6]: Cho phép NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
- Chỉ tiêu [7] = [5] - [6], nếu kết quả âm thì thiết lập =0

+ Cột [5] = cột (4) – cột (3), kết quả có thể âm
+ Cột [6]: NSD tự nhập, dạng text, tối đa 300 ký tự

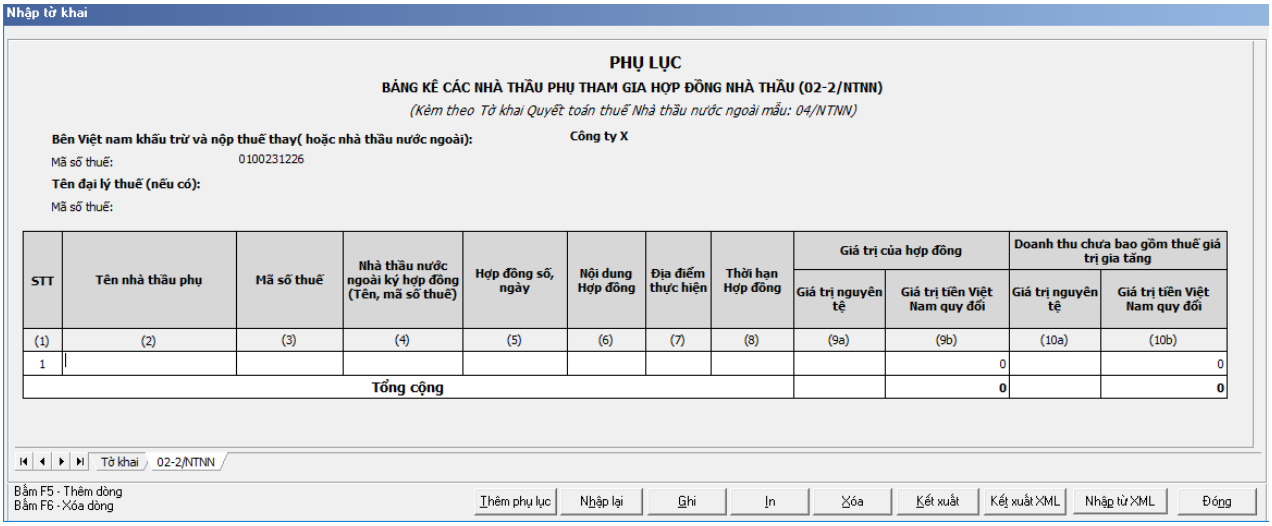
B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [5], [6], [7] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

Bảng kê 02-2/NTNN: Bảng kê các nhà thầu phụ tham gia hợp đồng nhà thầu



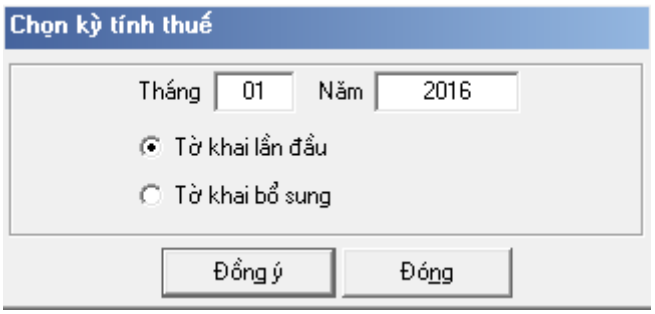
- Các thông tin cần nhập
  + Cột (1): Ứng dụng hỗ trợ tăng
  + Cột (2), (4), (7): cho phép NNT tự nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự
  + Cột (5), (6): NNT tự nhập dạng text, tối đa 100 ký tự
  + Cột (3): Bắt buộc NNT tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc MST
  + Cột (8), (9a), (10a): NNT nhập theo dạng text, tối đa 50 ký tự
  + Cột (9b), (10b): cho phép NNT tự nhập, dạng số, không âm, mặc định là 0, tối đa 20 chữ số
- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức
  + Dòng Tổng cộng cột (9b) = Tổng các dòng của cột (9b)
  + Dòng Tổng cộng cột (10b) = Tổng các dòng của cột (10b)
- Các chỉ tiêu tự động đưa lên hoặc kiểm tra với tờ khai 04/NTNN:
  + Dòng tổng cột (9b) của bảng kê đưa lên cột (4) chỉ tiêu [1] của tờ khai
  + Dòng tổng cột (10b) của bảng kê đưa lên cột (4) chỉ tiêu [3] của tờ khai

3.10 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Phí, lệ phí

3.10.1 Tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu số 01/BVMT theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

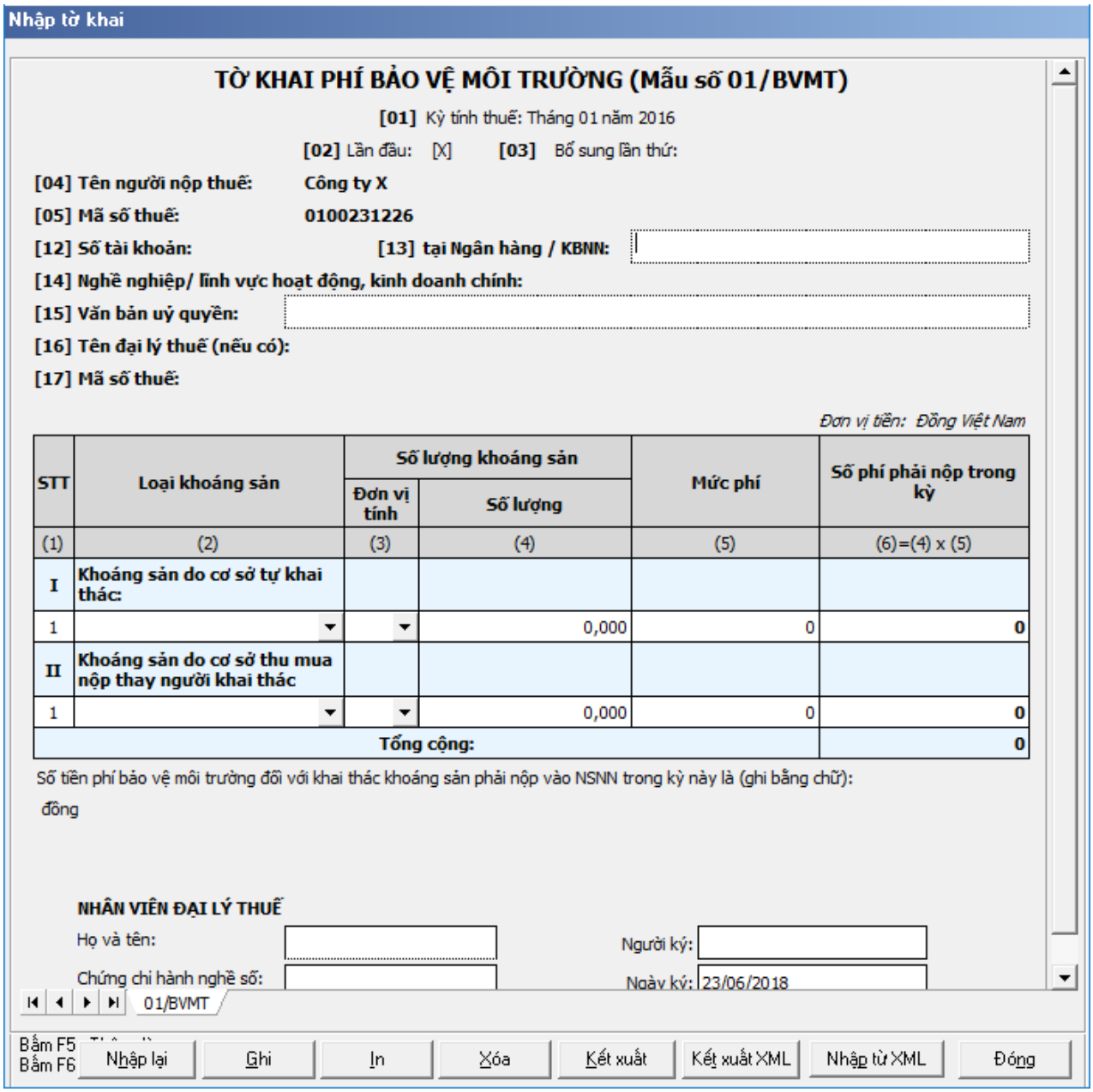
- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu số 01/BVMT" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu 01/BVMT

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

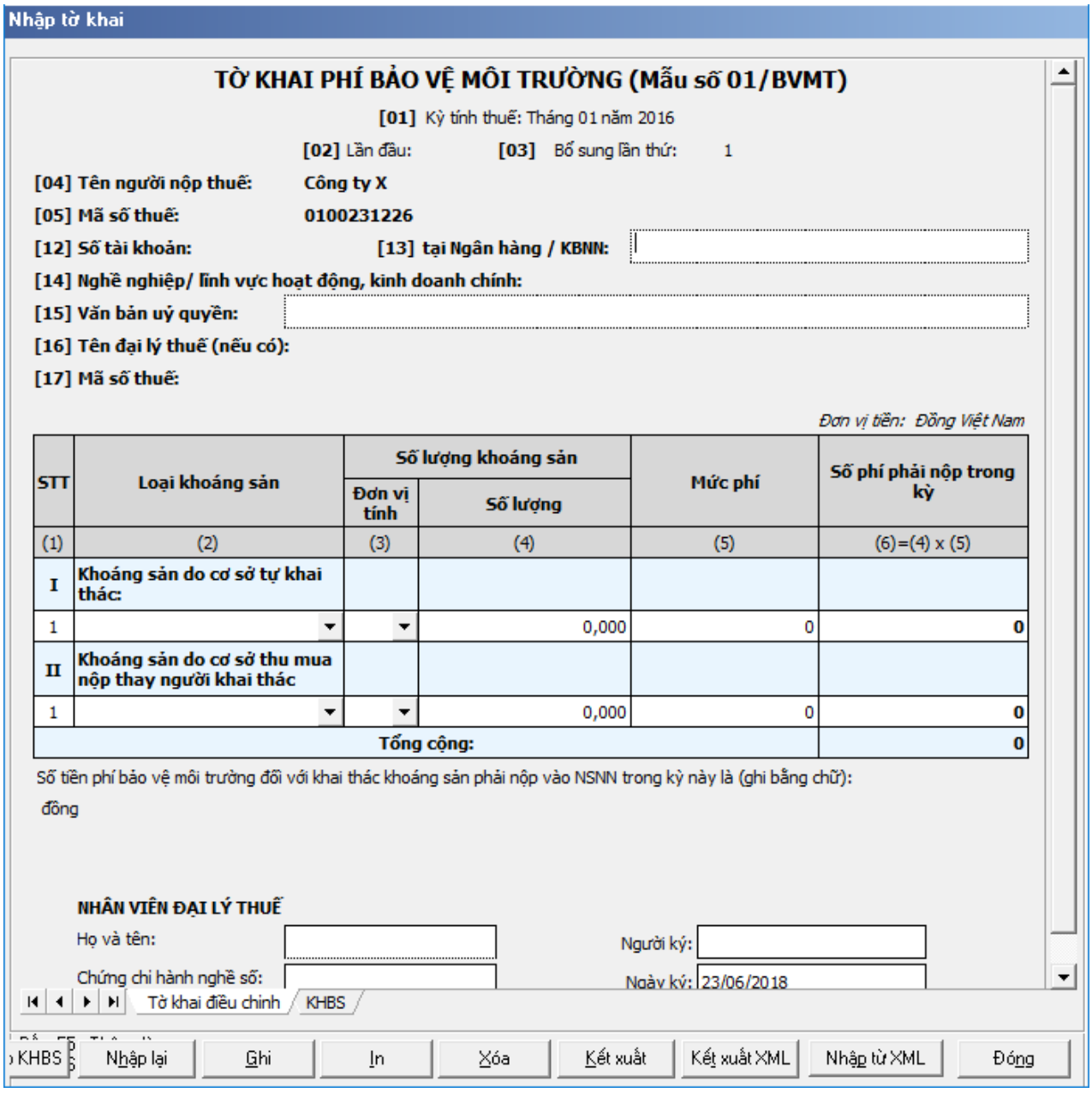


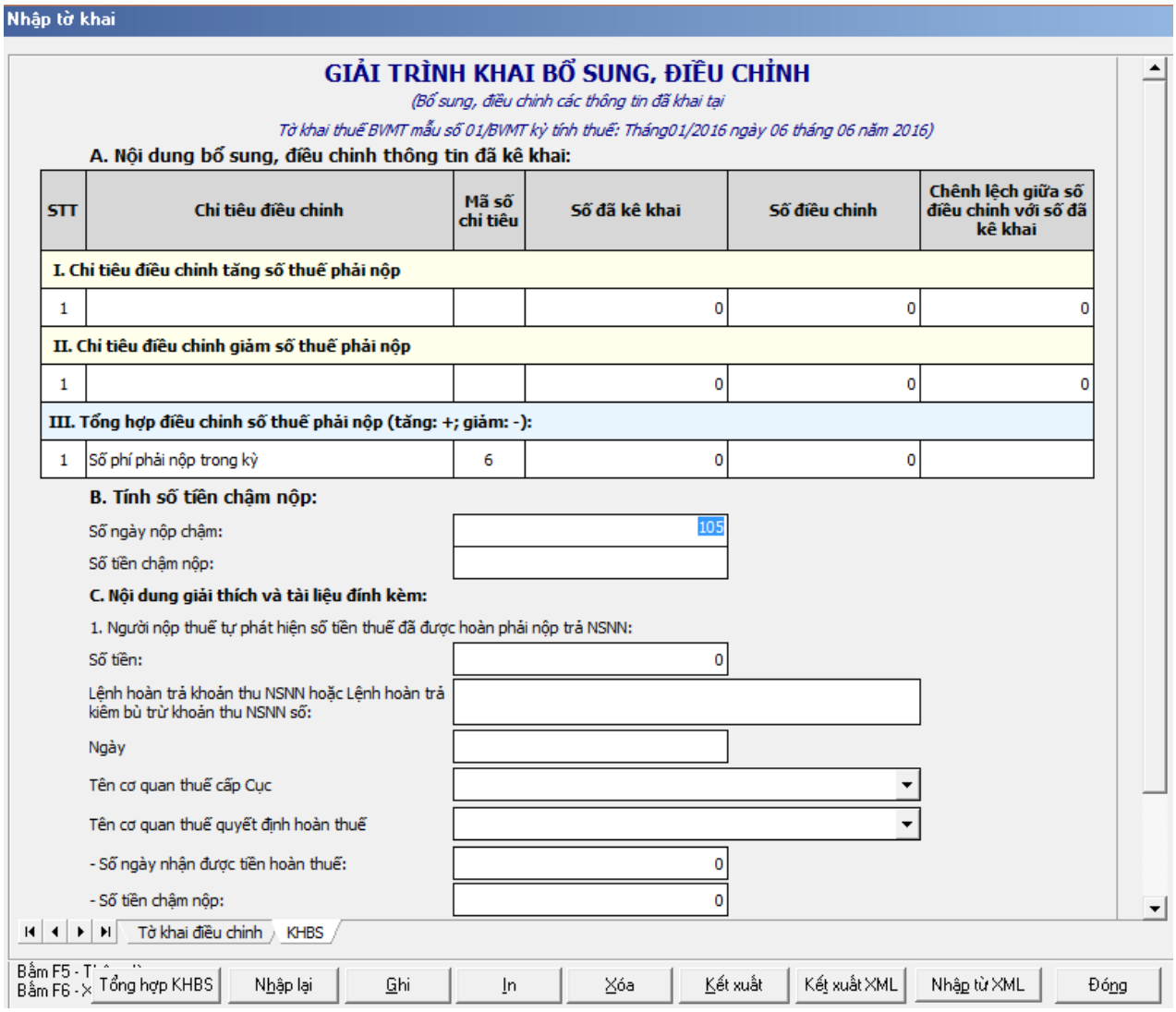
- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  + Chỉ tiêu [13]: tại Ngân hàng/KBNN nhập dạng text
  + Chỉ tiêu [15]: Văn bản ủy quyền nhập dạng text
  + Cột (2) Loại khoáng sản: Chọn trong danh mục các loại khoáng sản
  + Cột (3) Đơn vị tính tự động hiển thị theo cột [2] và cho phép sửa.
  + Cột (4) : NNT tự nhập dạng xx,xxx
  + Cột (5): Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Chi tiết chỉ tiêu tính toán:
  + Cột (6) = (4) * (5), cho phép sửa

+ Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (6)

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



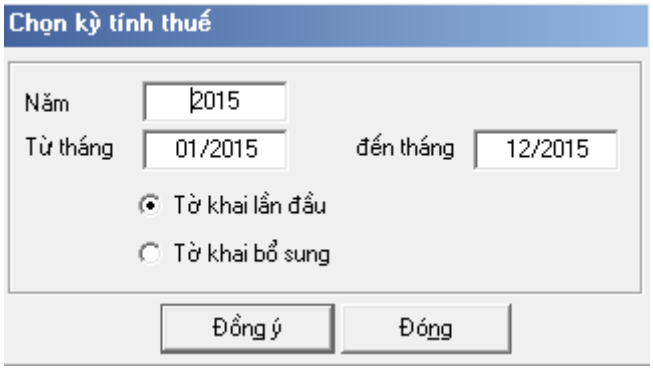


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho cột (6) cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.10.2 Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu số 02/BVMT theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

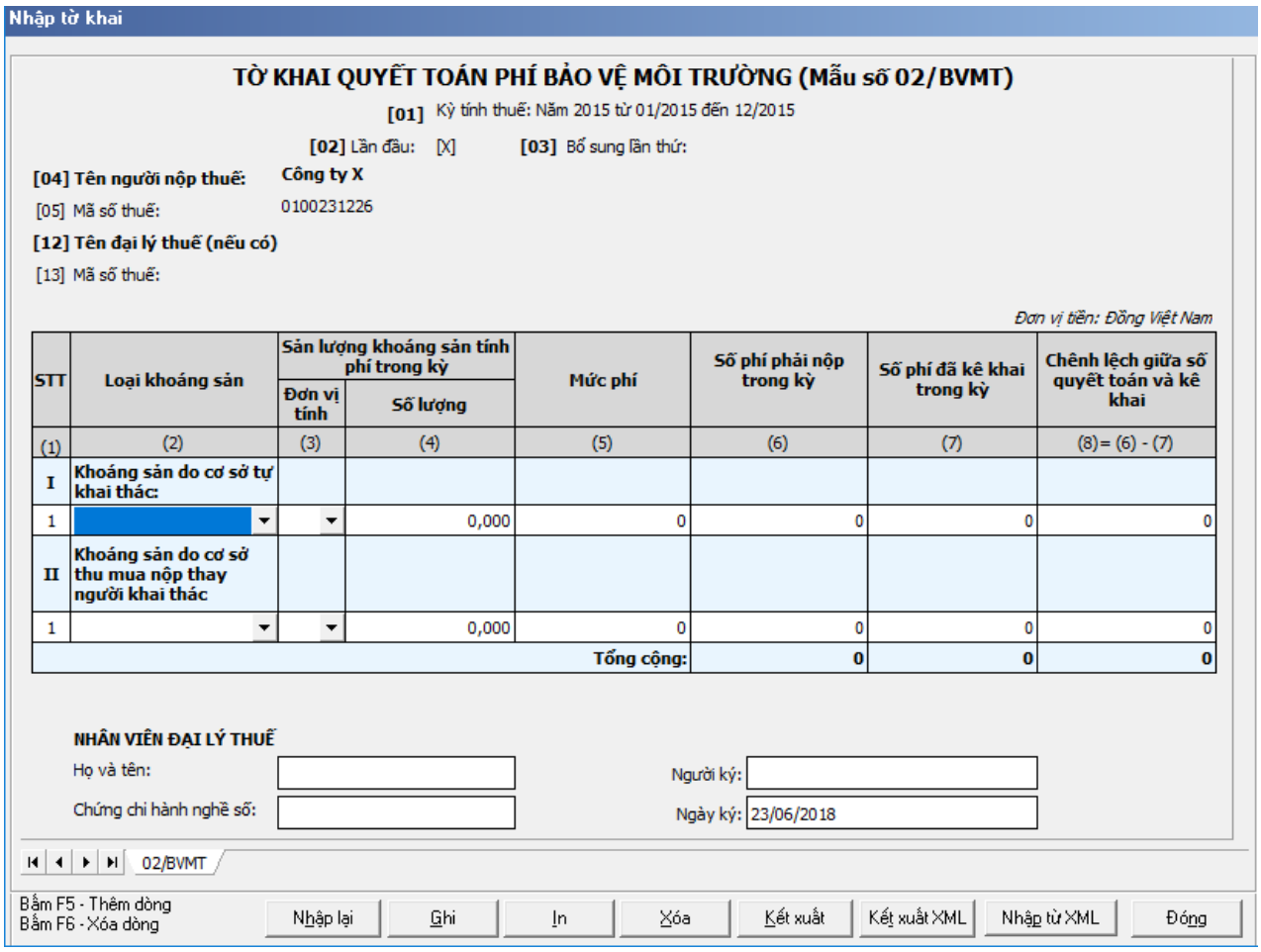
- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu số (02/BVMT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu 02/BVMT

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  + Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng

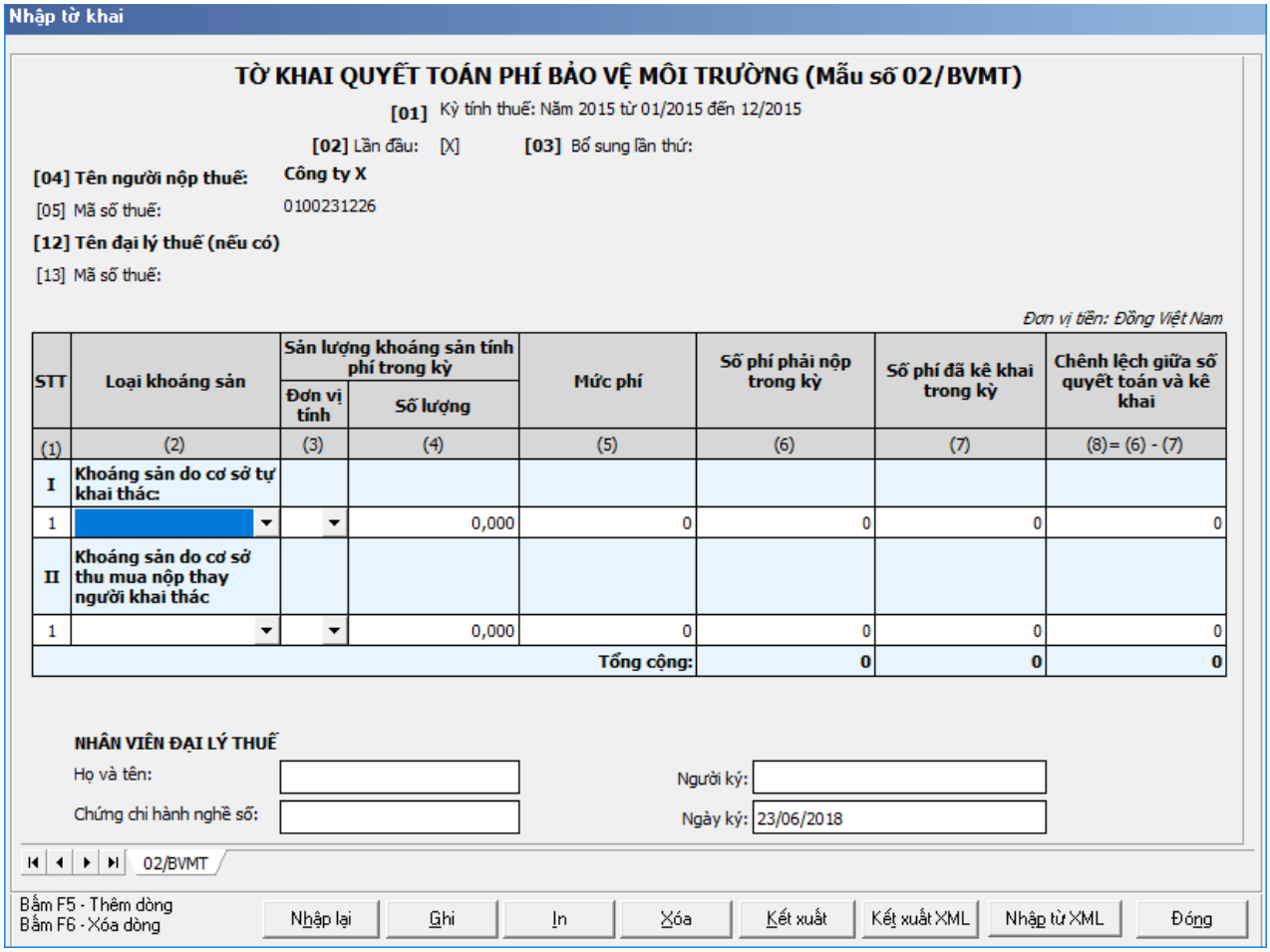
+ Cột (2) Loại khoáng sản: Chọn trong danh mục mã tài nguyên khoáng sản. Cho phép chọn 1 loại khoáng sản trên nhiều dòng
+ Cột (3) Đơn vị tính tự động hiển thị theo cột [2] và cho phép sửa.
+ Cột (4) : NNT tự nhập dạng xx,xxx
+ Cột (5), (7): Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

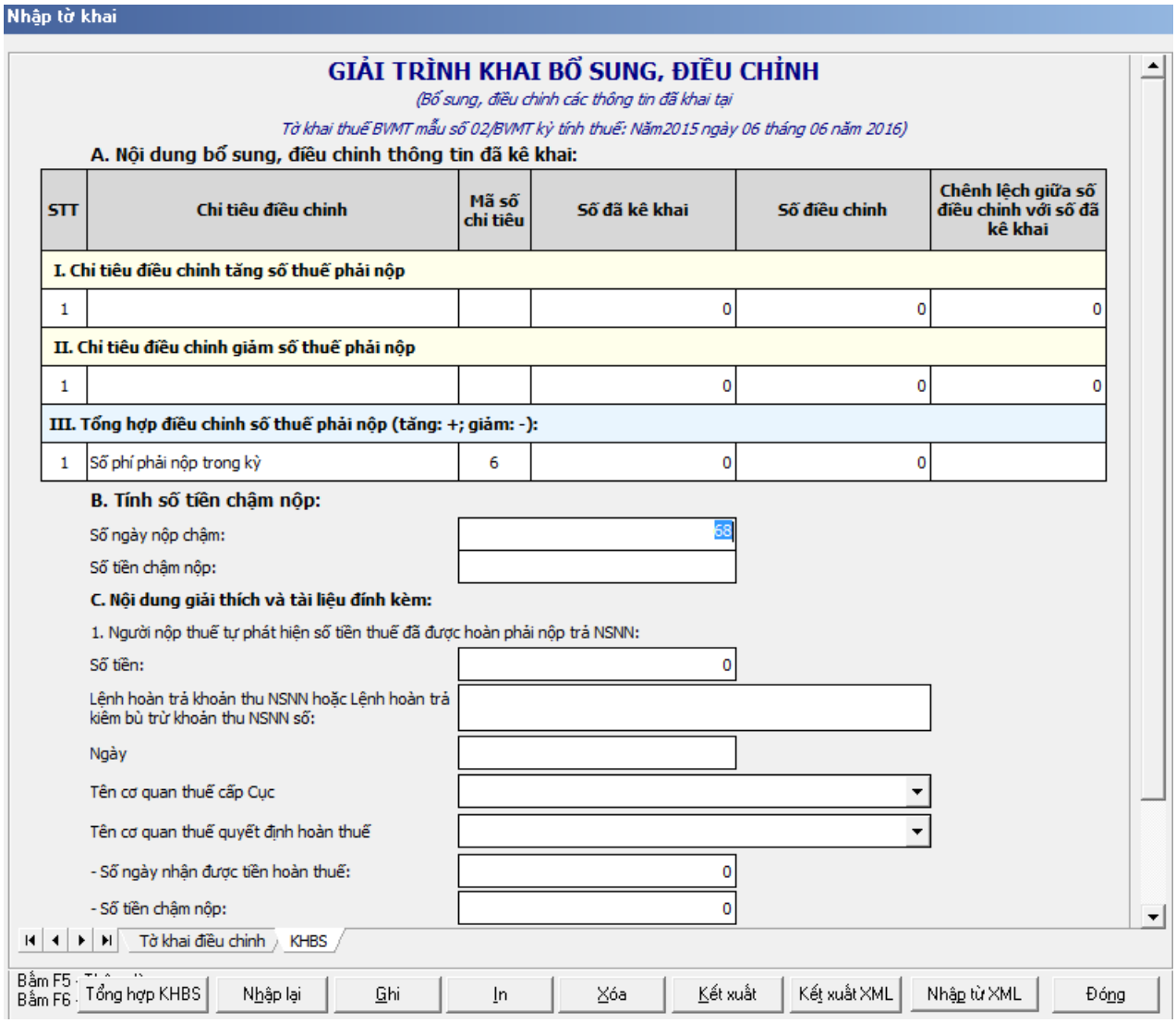
- Chi tiết các chỉ tiêu cần tính toán

+ Cột (6) = (4) * (5), cho phép sửa
+ Cột (8) = cột (6) - cột (7), nếu kết quả âm thì (8) = 0
+ Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (6), (7), (8)

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:



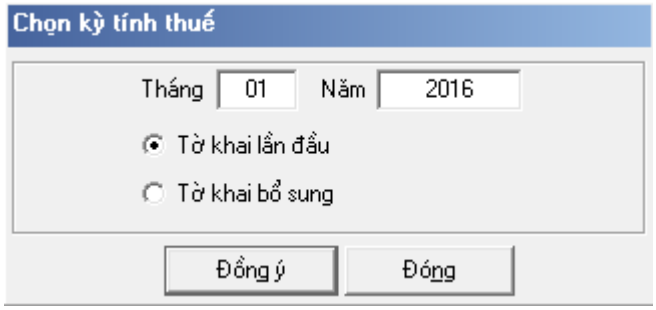


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho cột (6) cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.10.3 Tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu số 01/PHLP theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

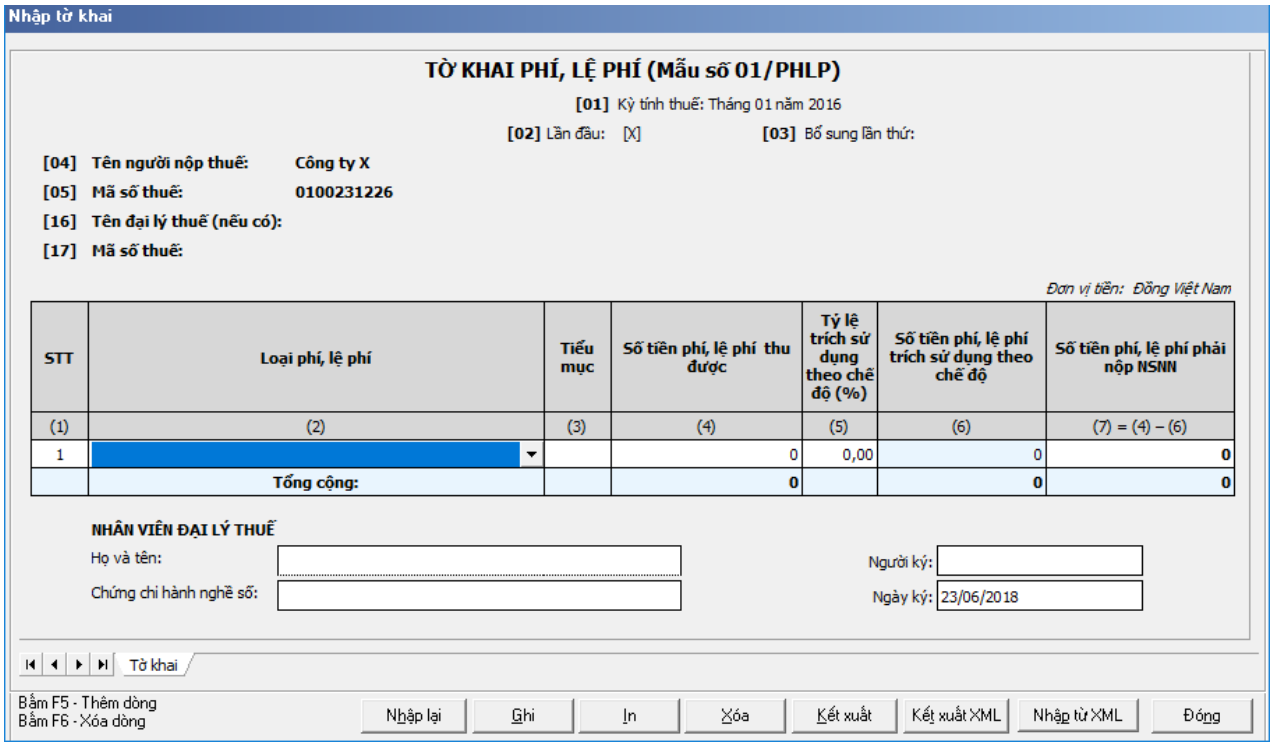
- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai phí lệ phí (01/PHLP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai phí bảo vệ môi trường mẫu 01/PHLP

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

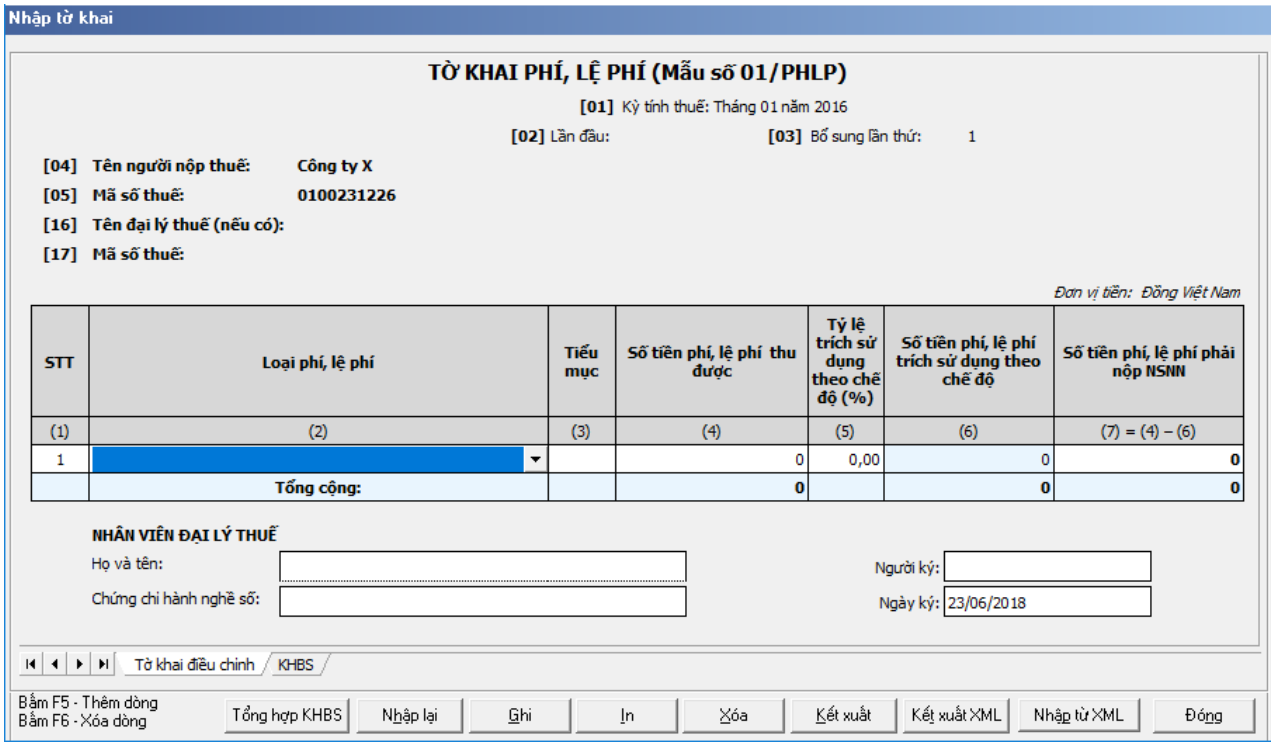
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

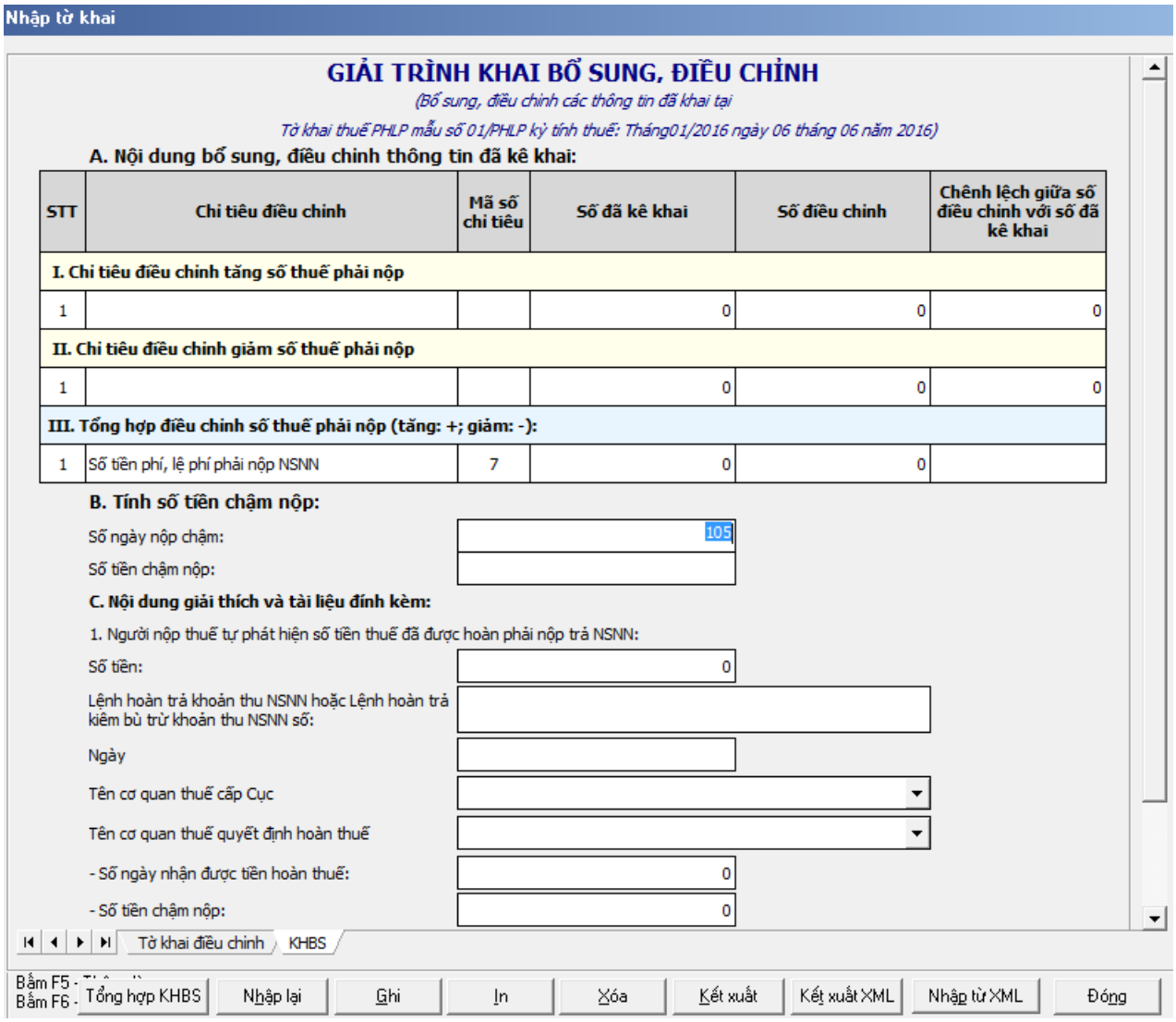


- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  - + Cột (1) STT: UD tự tăng giảm dòng
  - + Cột (2) Loại phí, lệ phí: Chọn trong danh mục các loại phí, lệ phí theo TT324/2016/TT-BTC
  - + Cột (3) Tiểu mục thu: tự động hiển thị theo cột [2] và không sửa
  - + Cột (4) Số tiền phí, lệ phí thu được: NNT tự nhập dạng số không âm, mặc định là 0
  - + Cột (5) - Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%): Cho phép nhập dạng xx,xx%.
  - + Cột (6) - Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ: Hỗ trợ tính = (4) * (5)
  - + Cột (7) = cột (4) - cột (6), nếu kết quả âm thì (7) = 0, cho sửa
  - + Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (4), (6), (7)

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



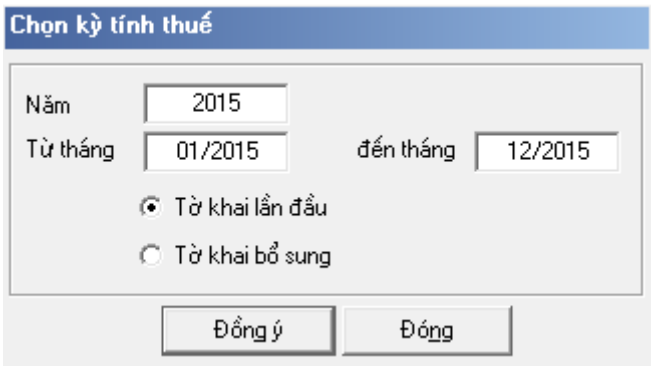


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho cột (4), (6), (7) cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.10.4 Tờ khai quyết toán phí, lệ phí mẫu số 02/PHLP theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

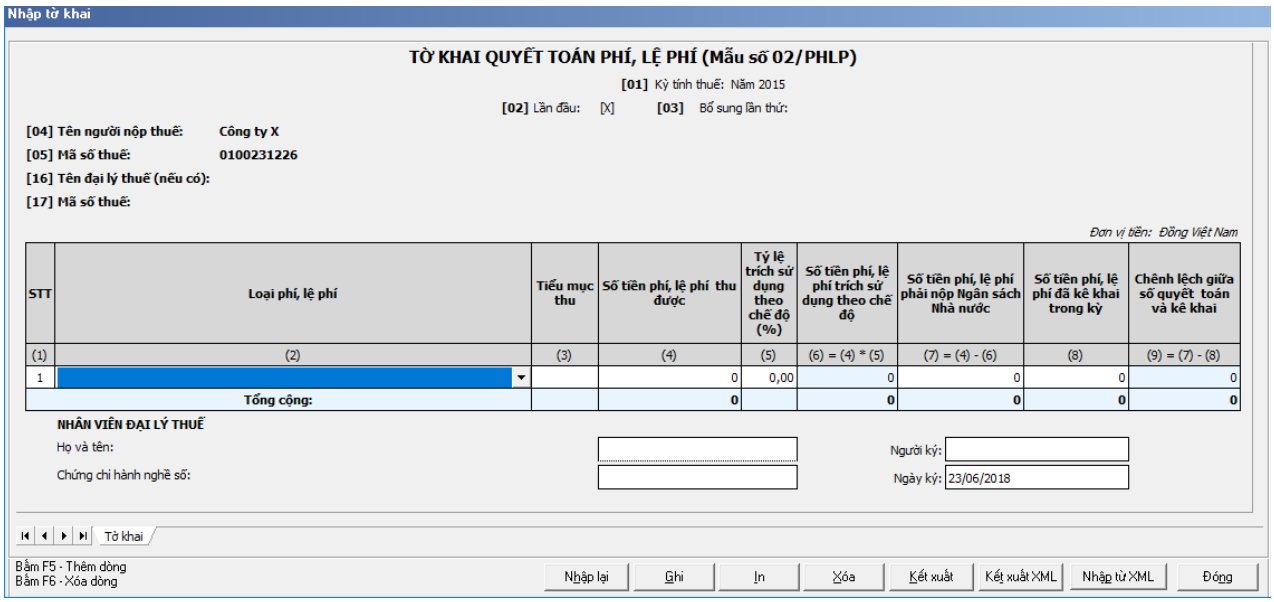
- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai quyết toán phí, lệ phí mẫu số (02/PHLP)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chọn loại tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường mẫu 02/PHLP

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

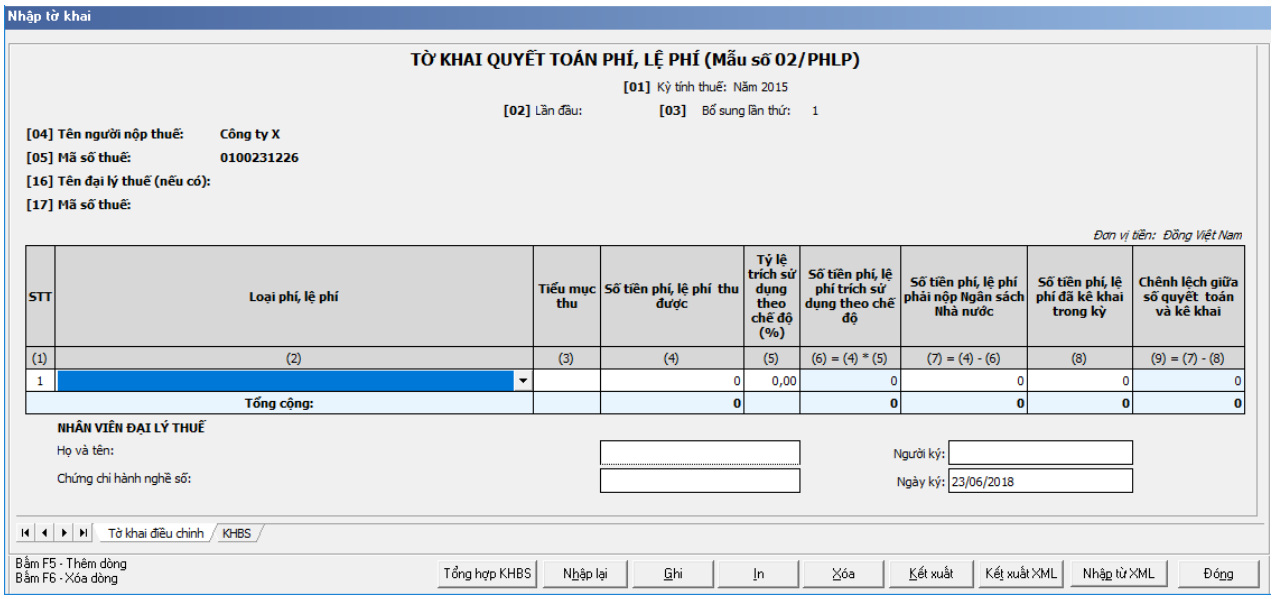


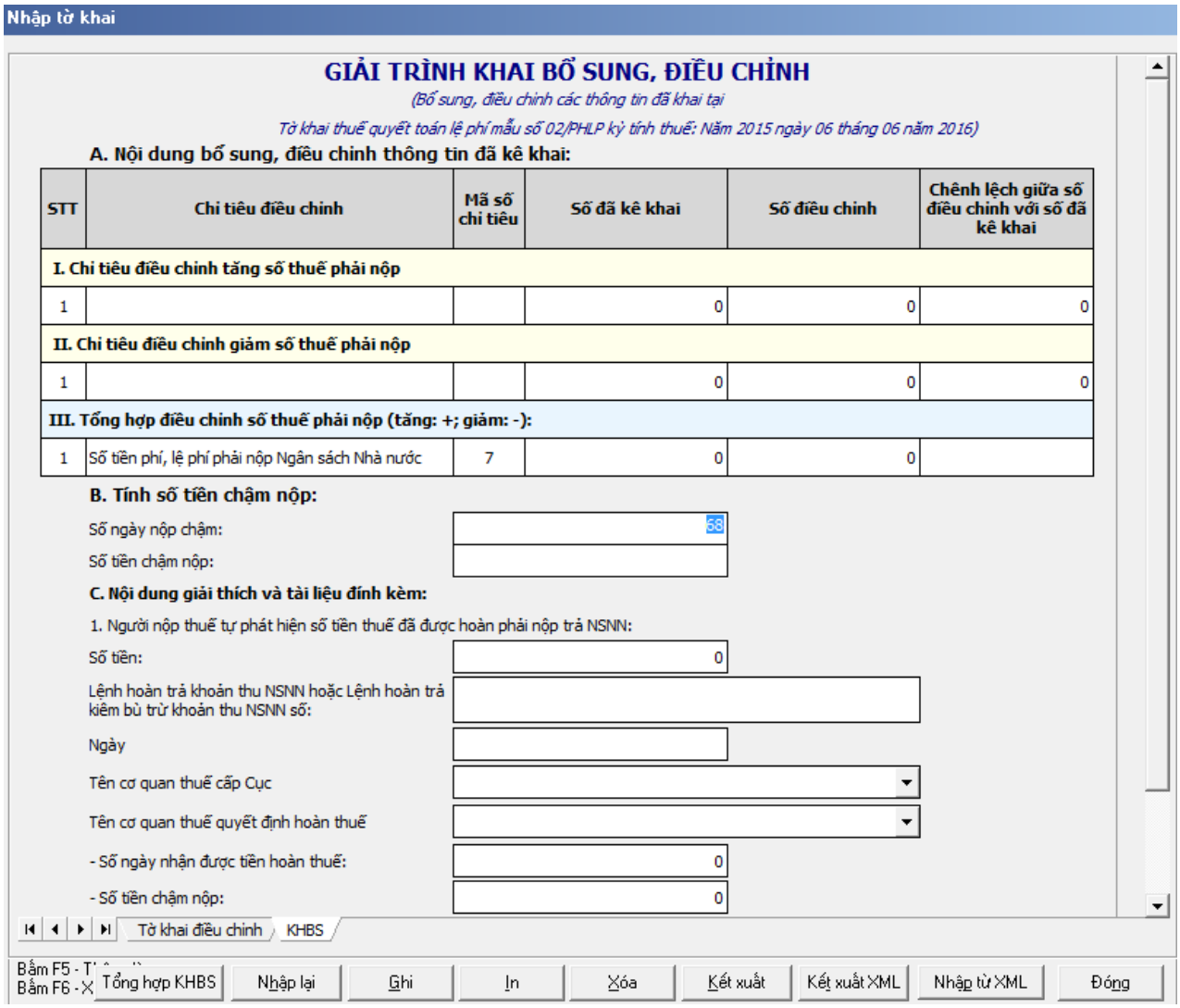
- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  - + Cột (1) – STT: UD tự tăng giảm dòng
  - + Cột (2) Loại phí, lệ phí: Chọn trong danh mục phí, lệ phí:
  - + Cột (3) Tiểu mục thu: tự động hiển thị theo cột [2] và không sửa.
  - + Cột (4) Số tiền phí, lệ phí thu được : Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
  - + Cột (5) Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%): Nhập dạng xx,xx%
  - + Cột (8) - Số tiền phí, lệ phí đã kê khai trong kỳ: Cho phép nhập dạng số không âm, mặc định là 0, tối đa 15 chữ số
- Chi tiết các chỉ tiêu cần tính toán
  - + Cột (6) = (4) * (5), làm tròn đến đồng, không sửa

+ Cột (7) - Số tiền phí, lệ phí đã kê khai trong kỳ = (4) – (6), nếu âm thì thiết lập cột (7) = 0, cho sửa
+ Cột (9) – Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai = (7) – (8), kết quả có thể âm.
+ Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (4), (6), (7), (8), (9)

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:





- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho cột (4), (6), (7) cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.10.5 Tờ khai lệ phí môn bài mẫu số 01/MBAI theo Nghị định 139/2016/ND-CP

Cách gọi:

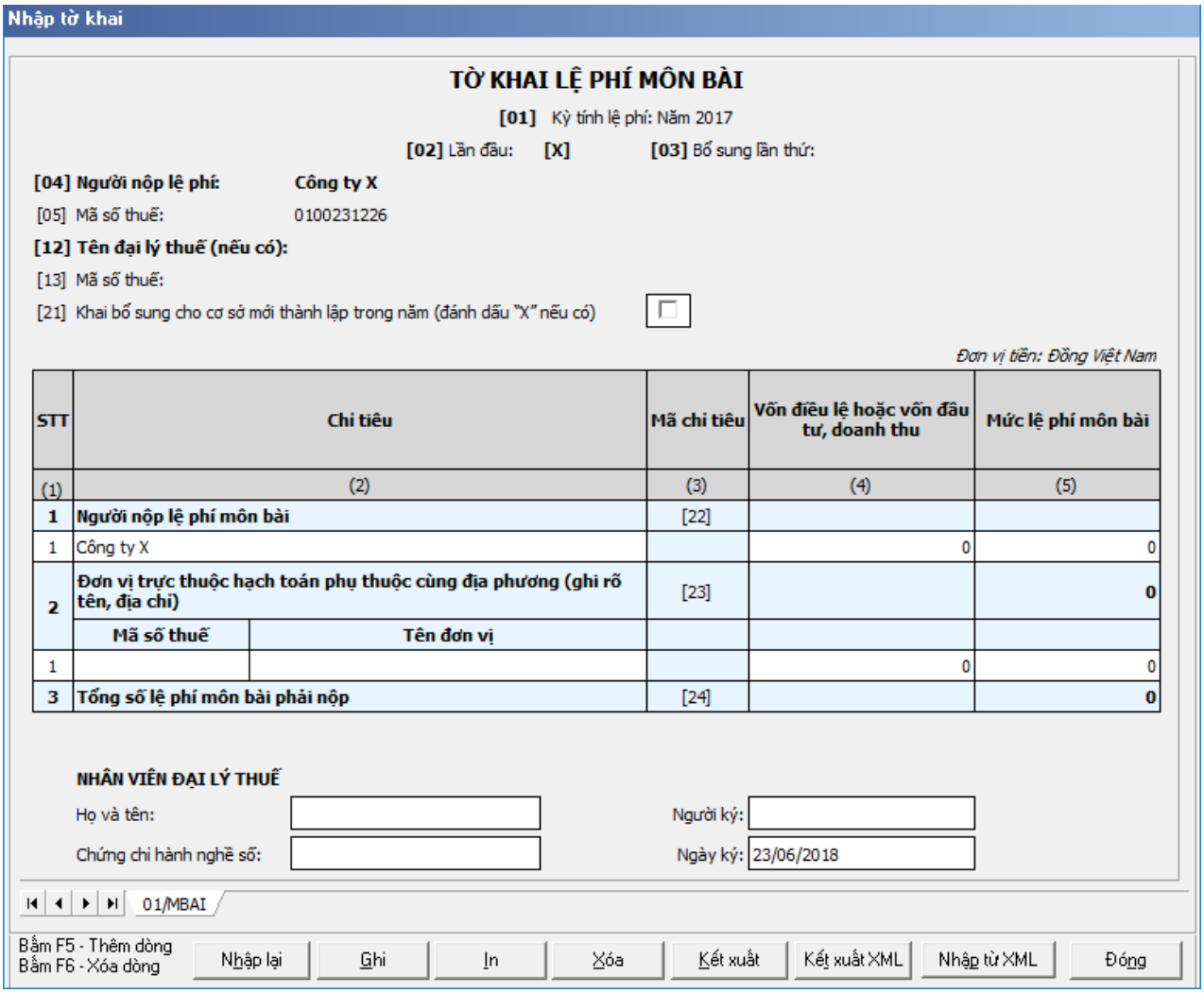
- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí, lệ phí" chọn "Tờ khai lệ phí môn bài mẫu số 01/MBAI (NĐ139/2016)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Nhập kỳ tính thuế theo Năm: Mặc định là Năm hiện tại, cho phép sửa.
- Hiệu lực kỳ tính thuế của tờ khai từ năm 2017 trở đi.
- Trường hợp kê khai tờ khai từ trước năm 2017, NNT kê khai tờ khai lệ phí môn bài sẽ vào mục "Kê khai/Tờ khai thuế môn bài", chọn "Tờ khai thuế môn bài – 01/MBAI"
- [Cơ sở mới thành lập]: Cho phép tích chọn, nếu chọn thì hiển thị chỉ tiêu [Ngày phát sinh].
- [Ngày phát sinh]: Nhập dạng DD/MM/YYYY, kiểm tra thuộc kỳ tính thuế và không được lớn hơn ngày hiện tại. Chỉ hiển thị và cho phép nhập nếu chọn [Cơ sở mới thành lập]
- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" Bạn nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế môn bài mẫu 01/MBAI

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



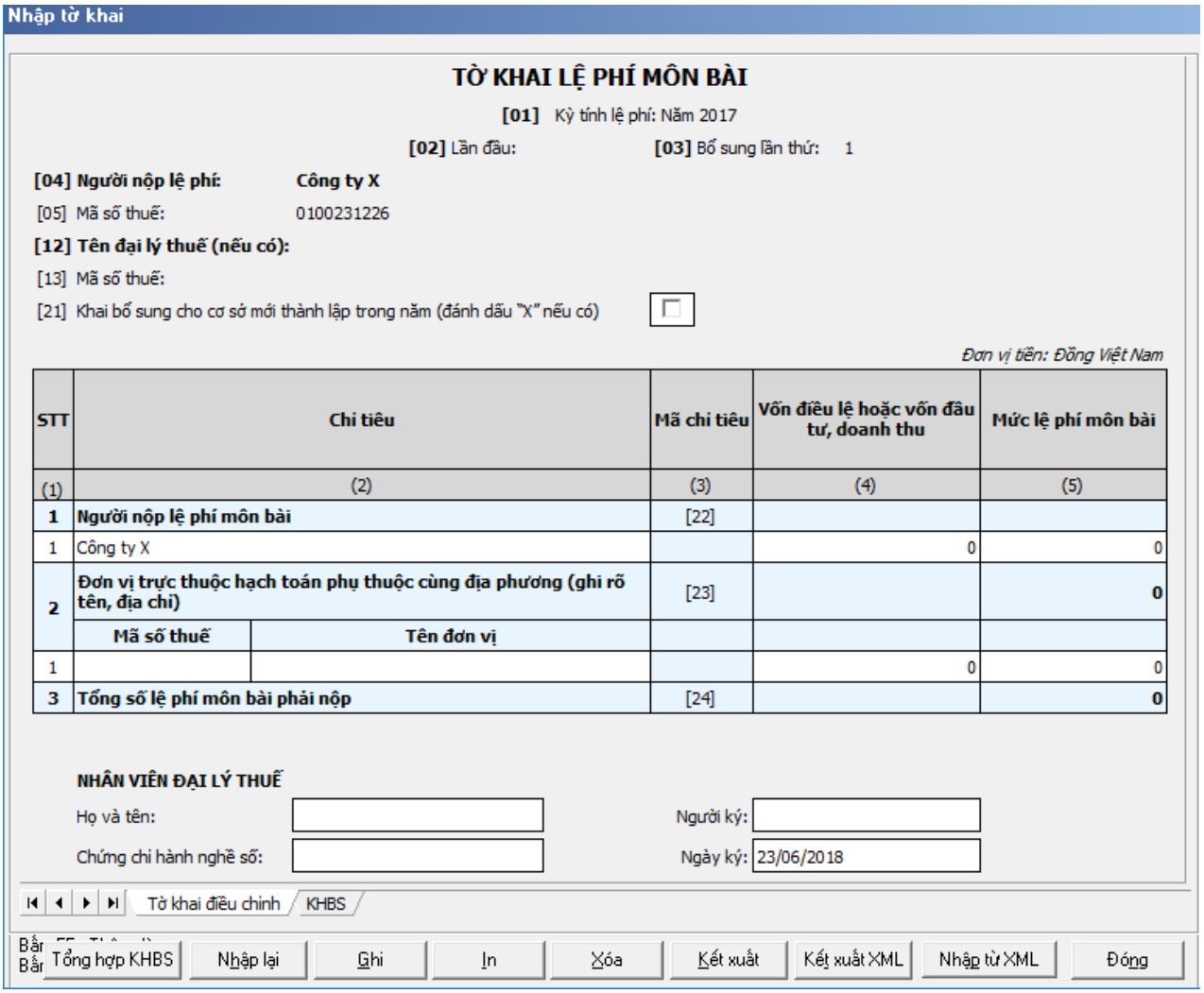
- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [22]:
    - Cột (2): Dòng 1 - Người nộp lệ phí môn bài: Hỗ trợ đưa tên người nộp thuế từ thông tin chung lên
    - Cột (4): Nhập dạng số không âm, mặc định là 0, tối đa 14 chữ số
    - Cột (5): UD hiển thị theo mức lệ phí theo vốn điều lệ/doanh thu, cho sửa
      - Cột (4) > 10 tỷ đồng: thì cột (5) = 3.000.000
      - Cột (4) <= 10 tỷ đồng: thì cột (5) = 2.000.000
  - + Chỉ tiêu [23]
    - Cột (2) – Dòng 2 Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc cùng địa phương: UD hỗ trợ tách 2 cột Mã số thuế và Tên
      - Mã số thuế: Cho phép NSD nhập MST, tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST, không bắt buộc nhập
      - Tên: Nhập dạng text, tối đa 250 ký tự, bắt buộc nhập
    - Cột (4): Nhập dạng số không âm, mặc định là 0, tối đa 14 chữ số

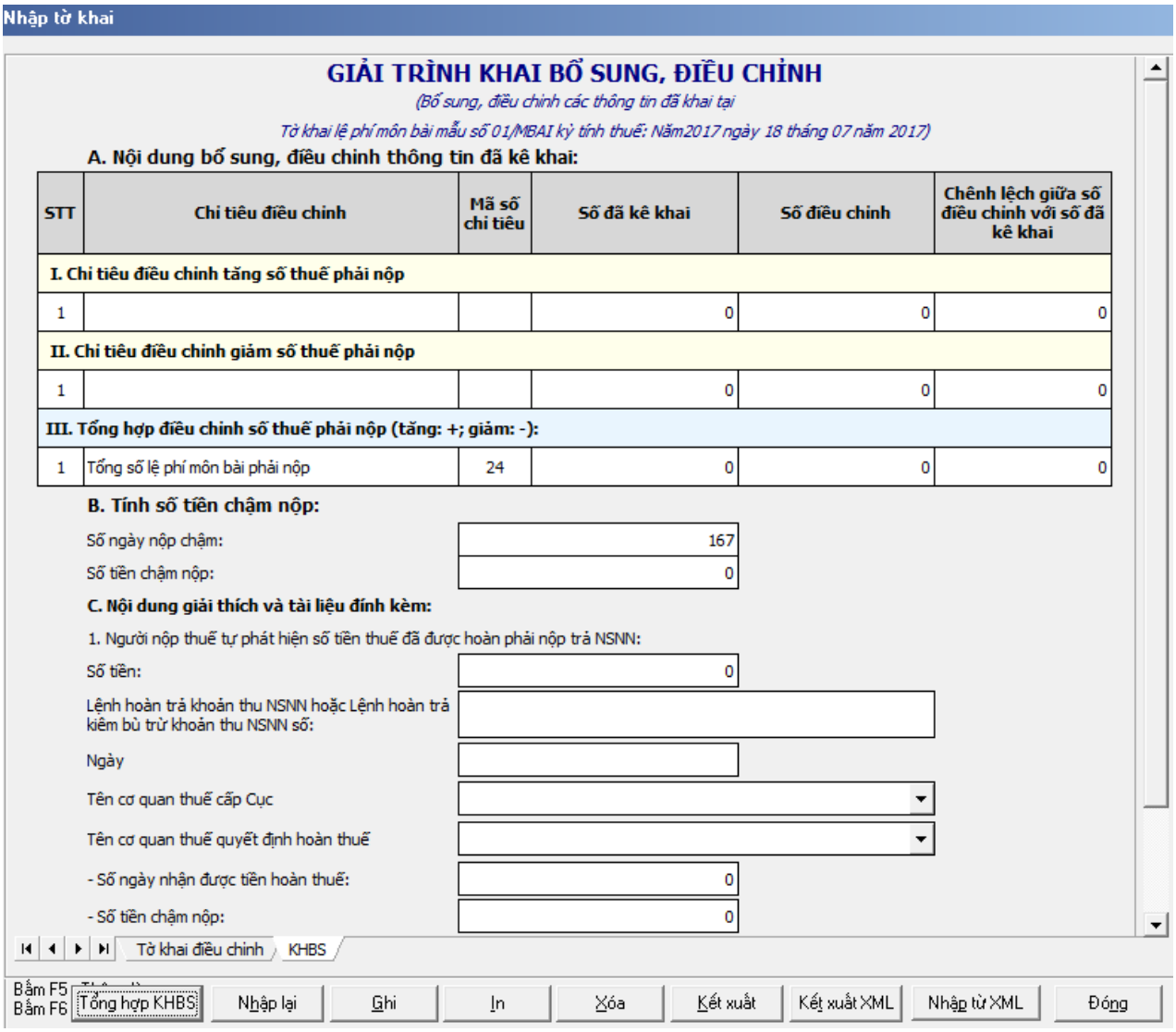
- Cột (5): UD hỗ trợ tự động hiển thị = 1.000.000, cho sửa.

+ Chỉ tiêu [24] - Tổng số lệ phí môn bài phải nộp
  - Cột (5): UD hỗ trợ công thức tính: [24] = [22] + [23], không cho sửa.
+ *Trên mẫu in hỗ trợ phần ghi chú ở cuối tờ khai:*
  - Đối với Doanh nghiệp:
    - Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư trên 10 tỷ đồng thì nộp vào tiểu mục 2862
    - Tổ chức có vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư từ 10 tỷ đồng trở xuống thì nộp vào tiểu mục 2863
    - Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế khác thì nộp vào tiểu mục 2864
  - Đối với cá nhân kinh doanh:
    - Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 500 triệu đồng/năm thì nộp vào tiểu mục 2862
    - Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 300 đến 500 triệu đồng/năm thì nộp vào tiểu mục 2863
    - Cá nhân, nhóm cá nhân, hộ gia đình có doanh thu trên 100 đến 300 triệu đồng/năm thì nộp vào tiểu mục 2864

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:


Nhập tờ khai
TỜ KHAI LỆ PHÍ MÔN BÀI
[01] Kỳ tính lệ phí: Năm 2017
[02] Lần đầu:
[03] Bổ sung lần thứ: 1
[04] Người nộp lệ phí: Công ty X
[05] Mã số thuế: 0100231226
[12] Tên đại lý thuế (nếu có):
[13] Mã số thuế:
[21] Khai bổ sung cho cơ sở mới thành lập trong năm (đánh dấu "X" nếu có)
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam
STT
Chỉ tiêu
Mã chỉ tiêu
Vốn điều lệ hoặc vốn đầu tư, doanh thu
Mức lệ phí môn bài
(1)
(2)
(3)
(4)
(5)
1 Người nộp lệ phí môn bài [22]
1 Công ty X 0 0
2 Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc cùng địa phương (ghi rõ tên, địa chỉ) [23] 0
Mã số thuế
Tên đơn vị
1 0 0
3 Tổng số lệ phí môn bài phải nộp [24] 0
NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Người ký:
Chứng chỉ hành nghề số:
Ngày ký: 23/06/2018
Tờ khai điều chỉnh
KHBS
Tổng hợp KHBS
Nhập lại
Ghi
In
Xóa
Kết xuất
Kết xuất XML
Nhập từ XML
Đóng



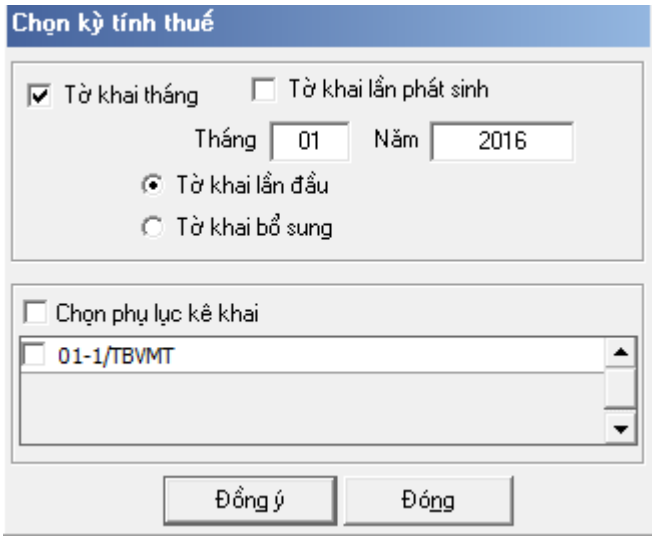
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [24] cột (5) cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.11 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thuế bảo vệ môi trường

3.11.1 Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số 01/TBVMT theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

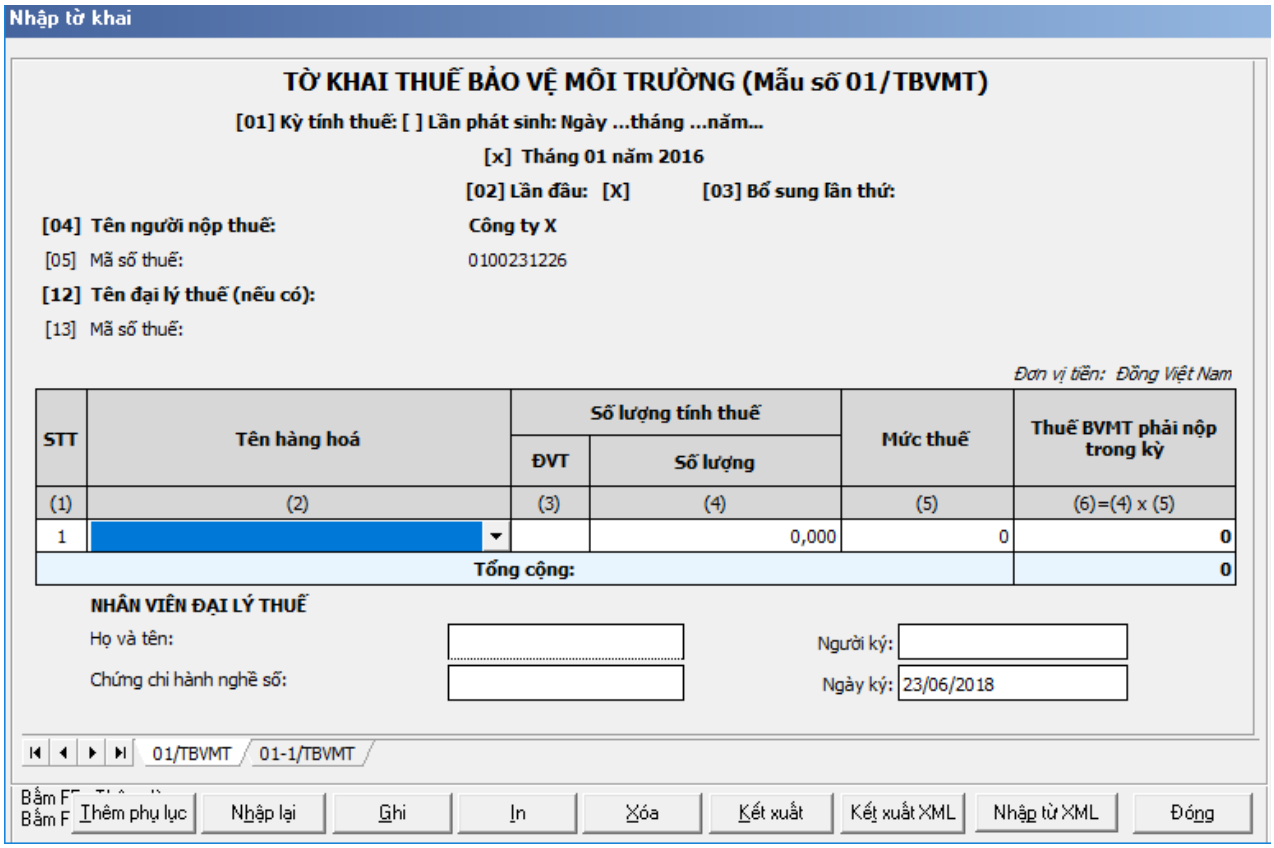
- Từ menu chức năng "Kê khai/Phí – Lệ phí" chọn "Tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu số (01/TBVMT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.
- Đối với Tờ khai thuế 01/TBVMT, UD cho phép NNT chọn một trong hai loại tờ khai là "Tờ khai theo tháng" hoặc "Tờ khai lần phát sinh"



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế bảo vệ môi trường mẫu 01/TBVMT

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  + Cột (1): Ứng dụng hỗ trợ tự tăng

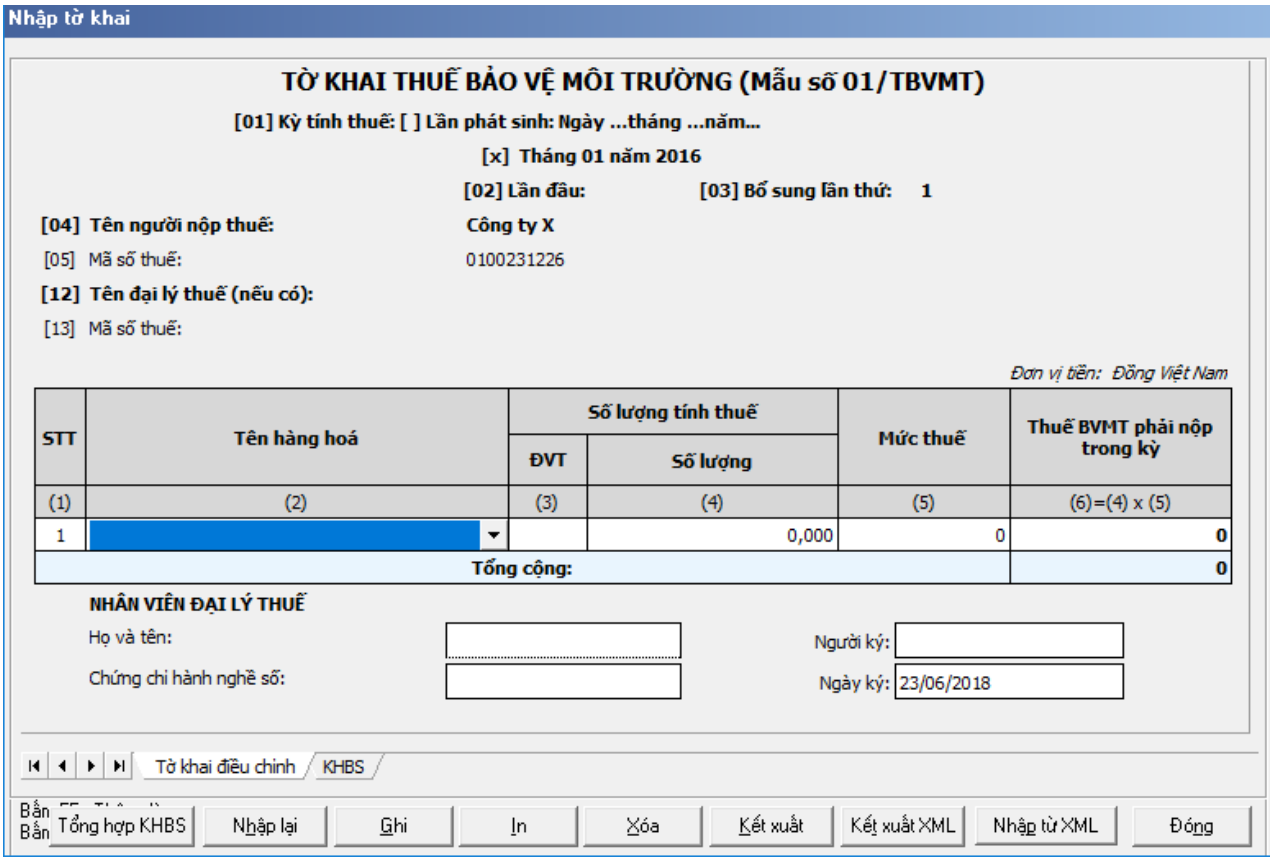
+ Cột (2): Tên hàng hóa. Chọn trong Danh mục hàng hóa (theo danh mục thuế bảo vệ môi trường đáp ứng TT324/2016/TT-BTC)
+ Cột (3): Đơn vị tính hiện theo theo cột (2)
+ Cột (4) : NSD tự nhập dạng xx,xxx

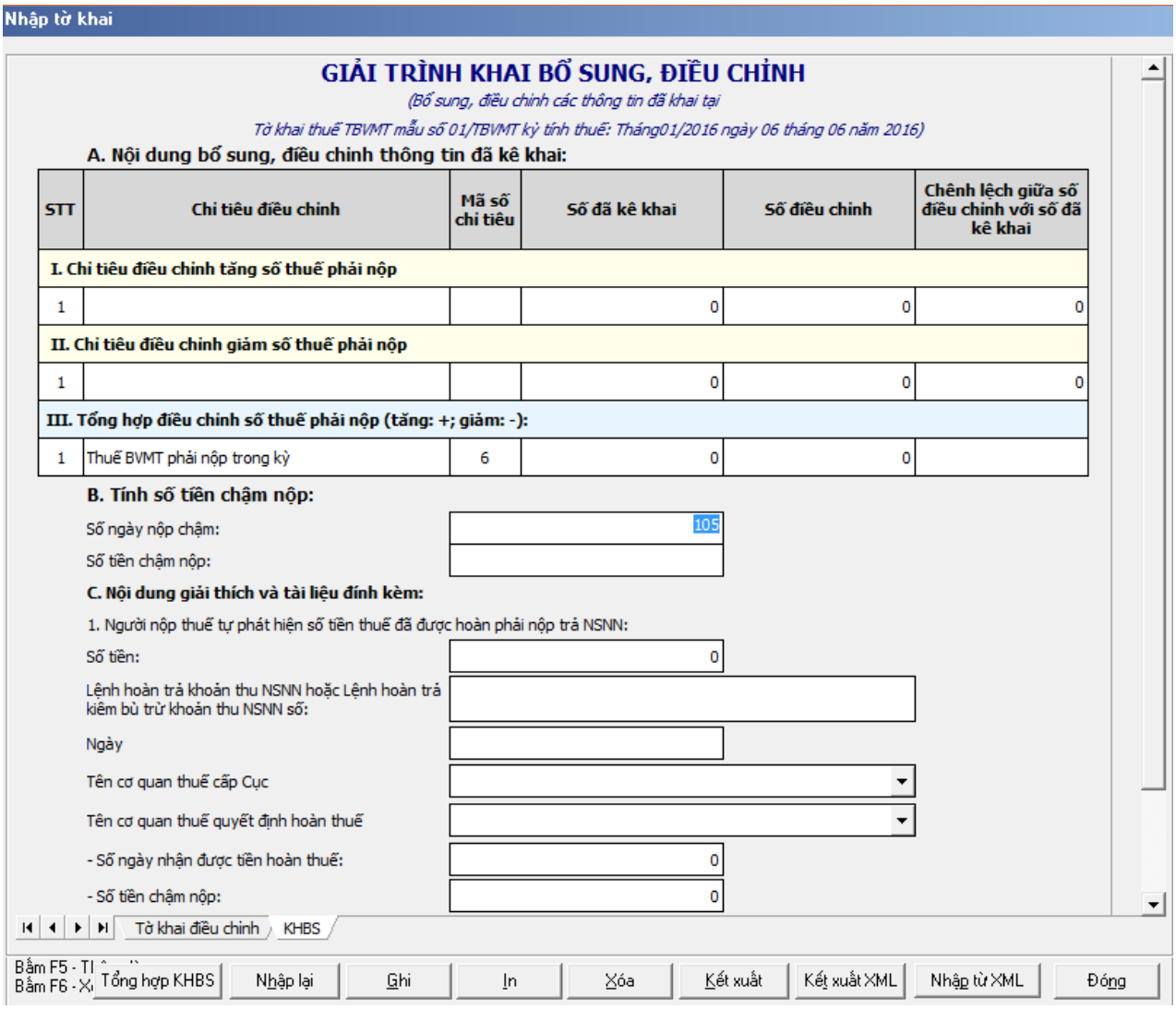
- Chi tiết các chỉ tiêu tính toán:

+ Cột (5): Hiển thị theo cột (2)
+ Cột (6) = (4) * (5), cho phép sửa
+ Dòng tổng cộng: Lấy dòng tổng cộng của cột (6)

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

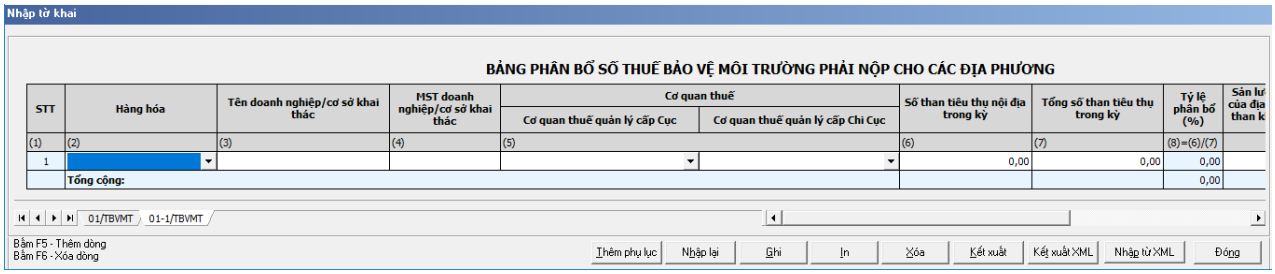
- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:





- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho cột (6) cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

Phụ lục 01-1/TBVMT (Bảng phân bổ số thuế bảo vệ môi trường phải nộp cho các địa phương)



+ Cột (1) - STT : Chương trình tự động tăng lên khi thêm dòng
+ Cột (2) – Hàng hóa: Chọn trong Danh mục hàng hóa
+ Cột (3) - Tên doanh nghiệp/cơ sở khai thác: Nhập kiểu text, tối đa 100 ký tự

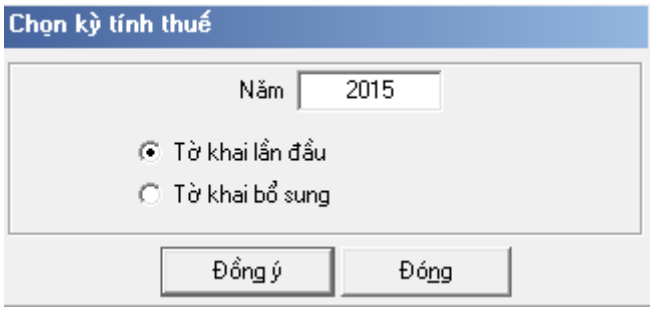
+ Cột (4) – Mã số thuế doanh nghiệp/cơ sở khai thác: NSD tự nhập, kiểm tra cấu trúc MST
+ Cột (5) – Cơ quan thuế trực tiếp quản lý: UD hỗ trợ tách thành 2 cột Cơ quan thuế quản lý cấp Cục và Cơ quan thuế quản lý cấp Chi Cục. NSD chọn trong danh mục cơ quan thuế quản lý
+ Cột (6) – Số than tiêu thụ nội địa trong kỳ (tấn): NSD tự nhập kiểu số, không âm.
+ Cột (7) – Số than tiêu thụ nội địa trong kỳ (tấn): NSD tự nhập kiểu số, không âm.
+ Cột (8) – Tỷ lệ phân bổ: Hệ thống hỗ trợ tính theo công thức [8]=[6]/[7]
+ Cột (9) – sản lượng than mua của địa phương nơi có than khai thác trong kỳ: NSD tự nhập kiểu số, không âm.
+ Cột (10) – Mức thuế BVMT: Tự động hiển thị theo tên hàng hóa
+ Cột (11) – Số thuế phát sinh phải nộp: Hệ thống hỗ trợ tính theo công thức: (11)=(8)*(9)*(10)
+ Tổng cộng cột (8) = Tổng của các dòng cột (8). Kiểm tra tổng bằng 100%, nếu không thỏa mãn thì hiển thị cảnh báo đỏ "Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%".

3.12 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Thuế môn bài

3.12.1 Tờ khai thuế môn bài mẫu số 01/MBAI theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

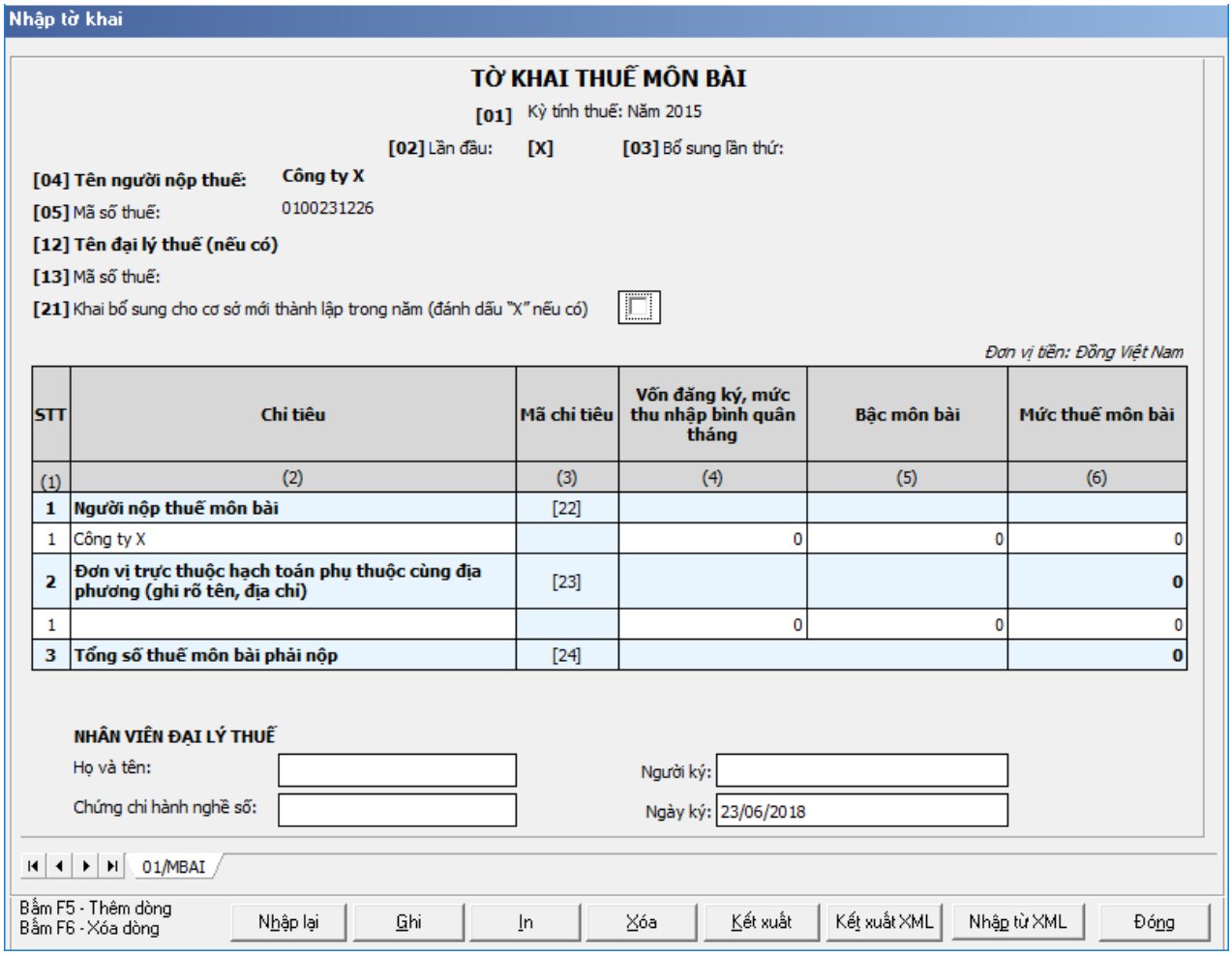
- Từ menu chức năng "Kê khai/Thuế môn bài" chọn "Tờ khai thuế môn bài mẫu số (01/MBAI)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chọn trạng thái tờ khai (tờ khai lần đầu hoặc tờ khai bổ sung), sau đó nhấn nút lệnh "Đồng ý" Bạn nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế môn bài mẫu 01/MBAI
- Tờ khai có hiệu lực đến năm 2016
- Từ năm 2017, NNT kê khai tờ khai thuế môn bài thì vào mục "Kê khai/ Phí – lệ phí", chọn "Tờ khai lệ phí môn bài – 01/MBAI (NĐ139/2016)"

A.Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [21]: NSD check chọn
  - + Chỉ tiêu [22]:
    - + Cột (2): Dòng 1 - Người nộp thuế môn bài: Hỗ trợ đưa tên người nộp thuế từ thông tin chung lên
    - + Cột (4): Nhập dạng số không âm, mặc định là 0
    - + Cột (5): Mặc định hiển thị theo vốn đăng ký ở cột (4), không cho sửa
      - Bậc 1: Trên 10 tỷ
      - Bậc 2: Từ 5 tỷ đến 10 tỷ
      - Bậc 3: Từ 2 tỷ đến dưới 5 tỷ
      - Bậc 4: Dưới 2 tỷ
    - + Cột (6):Tự động hiển thị theo bậc môn bài ở cột (5), cho sửa. Kiểm tra giá trị sửa chỉ bằng 1 hoặc ½ mức hiển thị: VD bậc 1 là 3tr thì giá trị sửa chỉ là 3tr hoặc 1,5tr:

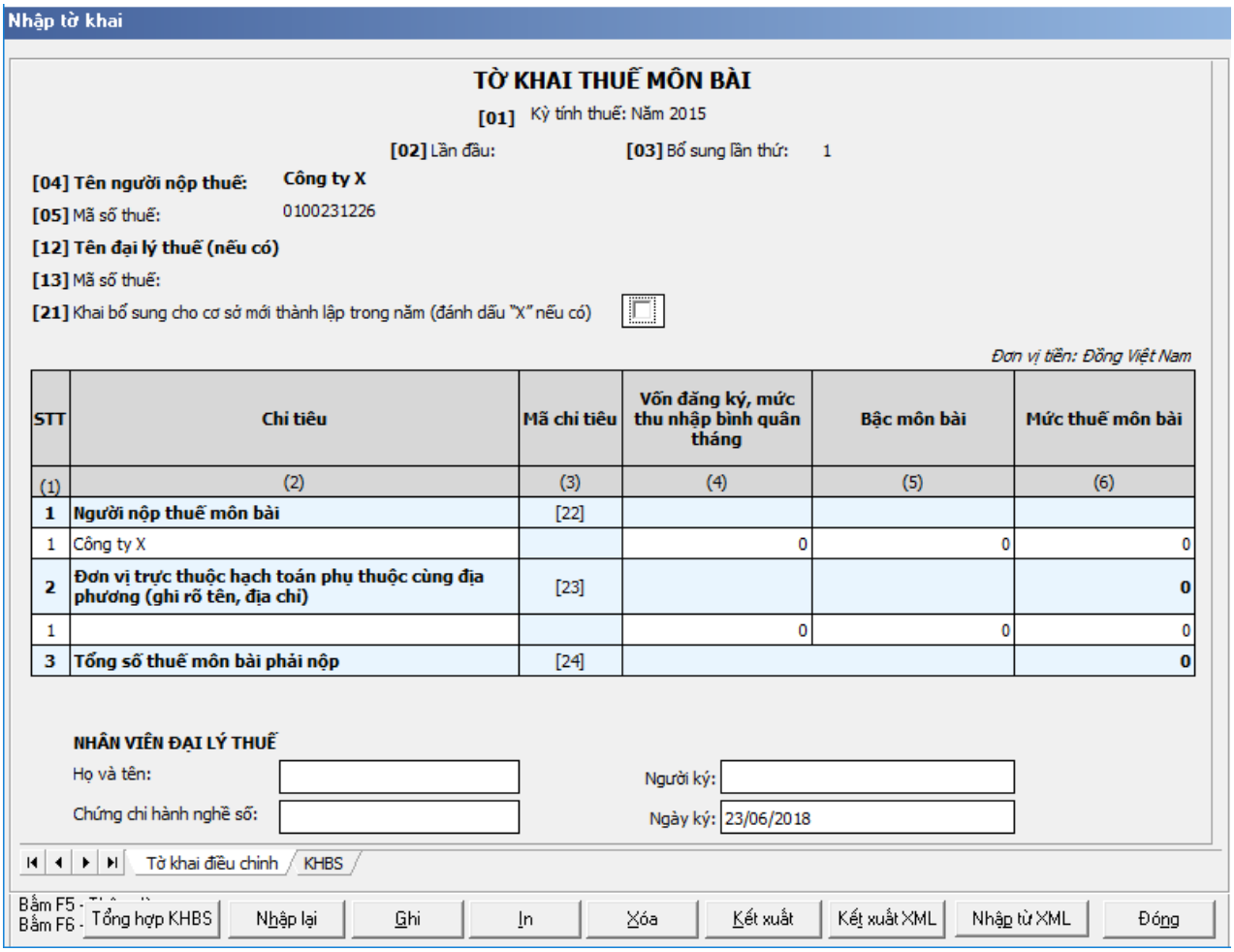
- Bậc 1: 3.000.000
- Bậc 2: 2.000.000
- Bậc 3: 1.500.000
- Bậc 4: 1.000.000

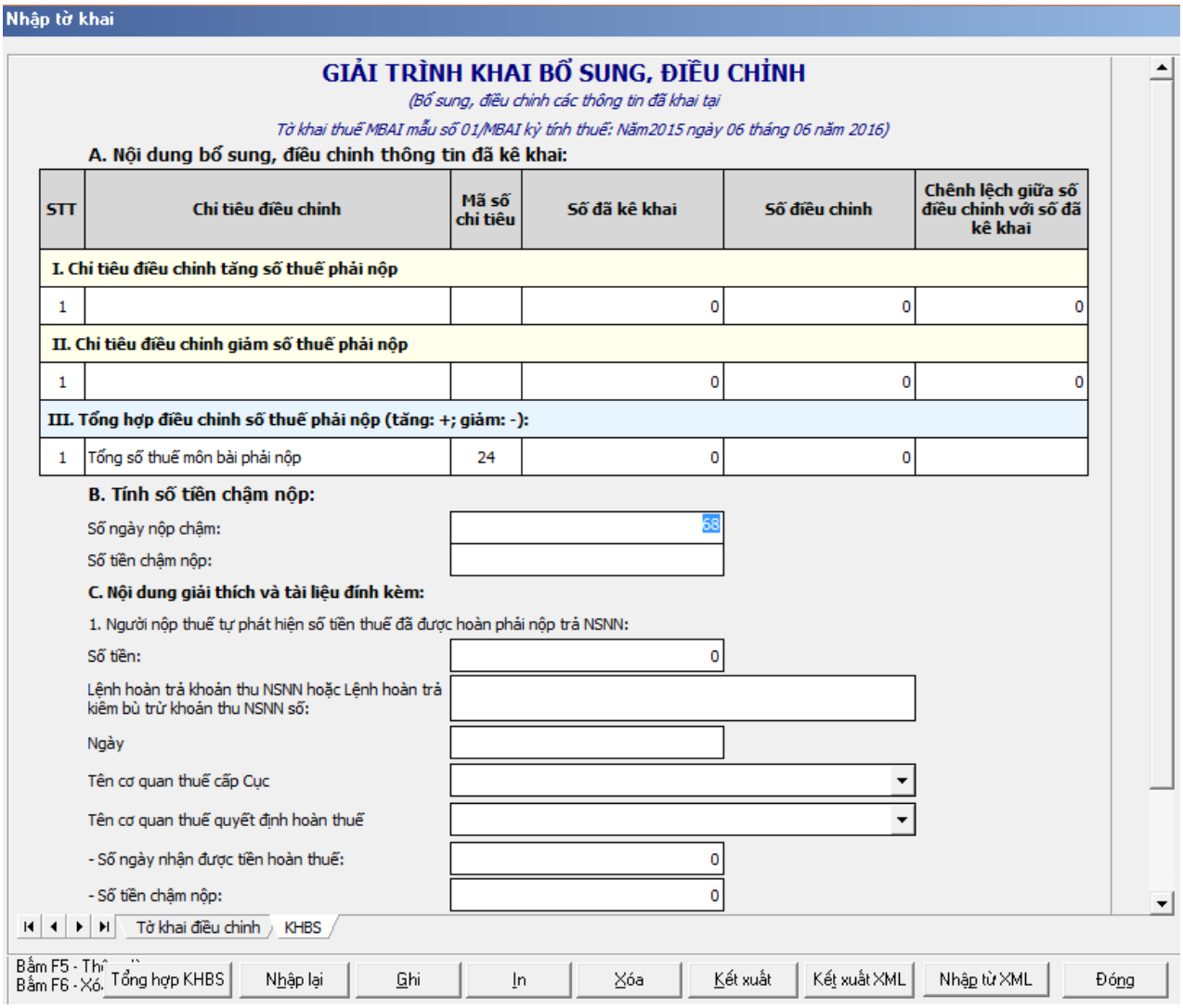
+ Chỉ tiêu [23]:
  + Cột (2): Nhập dạng text, tối đa 250 ký tự, bắt buộc nhập
  + Cột (4): Nhập dạng số không âm, mặc định là 0
  + Cột (5): Mặc định bậc 4, ko sửa
  + Cột (6): Mặc định là 1.000.000, cho sửa, kiểm tra giá trị sửa chỉ bằng 1.000.000 hoặc 500.000

- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức
  + Cột [6] dòng 2 (chỉ tiêu [23]) = tổng các dòng chi tiết
  + Dòng 3, cột (6): Tổng số thuế môn bài phải nộp [24] = [22] + [23]

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" như sau:


Nhập tờ khai
TỜ KHAI THUẾ MÔN BÀI
[01] Kỳ tính thuế: Năm 2015
[02] Lần đầu:
[03] Bổ sung lần thứ: 1
[04] Tên người nộp thuế: Công ty X
[05] Mã số thuế: 0100231226
[12] Tên đại lý thuế (nếu có)
[13] Mã số thuế:
[21] Khai bổ sung cho cơ sở mới thành lập trong năm (đánh dấu "X" nếu có)
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam
STT | Chỉ tiêu | Mã chỉ tiêu | Vốn đăng ký, mức thu nhập bình quân tháng | Bậc môn bài | Mức thuế môn bài
(1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6)
1 | Người nộp thuế môn bài | [22] | | | |
1 | Công ty X | | 0 | 0 | 0
2 | Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc cùng địa phương (ghi rõ tên, địa chỉ) | [23] | | | 0
1 | | | 0 | 0 | 0
3 | Tổng số thuế môn bài phải nộp | [24] | | | 0
NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:
Người ký:
Ngày ký: 23/06/2018
Tờ khai điều chỉnh
KHBS
Bấm F5 -
Bấm F6 -
Tổng hợp KHBS
Nhập lại
Ghi
In
Xóa
Kết xuất
Kết xuất XML
Nhập từ XML
Đóng



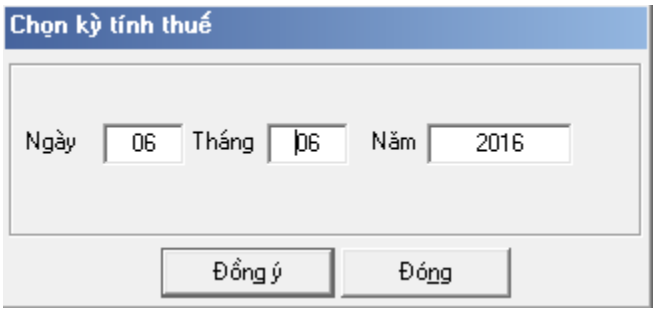
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho tổng cột (6) cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.13 Hướng dẫn thực hiện chức năng tạo các mẫu Hoá đơn

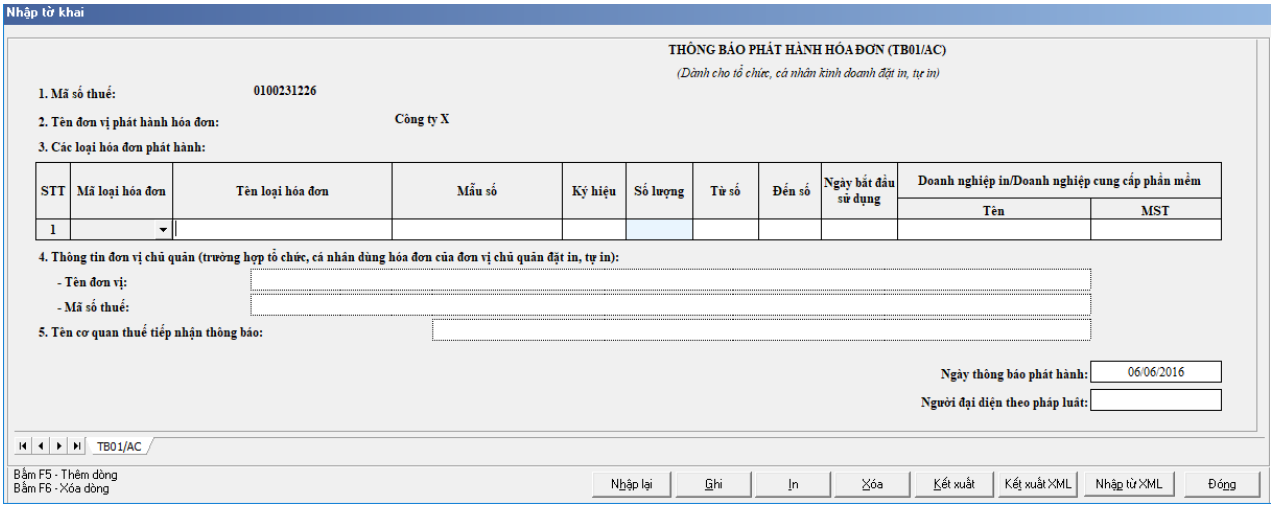
3.13.1 Thông báo phát hành hóa đơn – Mẫu TB01/AC theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoá đơn" chọn "Thông báo phát hành hóa đơn (TB01/AC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau



- Chọn "Kỳ báo cáo" theo ngày rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình báo cáo sẽ hiển thi ra như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
  - Tên đơn vị phát hành hóa đơn
  - Mã số thuế
  - Địa chỉ, trụ sở chính
  - Điện thoại
  - Thông tin Đơn vị chủ quản:
    - Tên đơn vị chủ quản
    - Mã số thuế đơn vị chủ quản.
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
  - Tên cơ quan thuế tiếp nhận thông báo: Kiểu text
  - Ngày thông báo phát hành: Mặc định là ngày của kỳ báo cáo, không cho phép sửa, ngày thông báo phát hành phải trước ngày bắt đầu sử dụng 2 ngày
  - Người đại diện theo pháp luật: Kiểu text, bắt buộc nhập

Thông tin chi tiết

+ STT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Mã hóa đơn: NNT chọn trong combobox, khi NNT chọn Mã hóa đơn thì ứng dụng sẽ tự động đưa Tên loại hóa đơn tương ứng lên cột "Tên loại hóa đơn" đồng thời bên cột "Mẫu số" cũng sẽ tự động lưu lại các ký tự tương ứng của cột "Mã hóa đơn".
+ Tên loại hóa đơn, mẫu số, ký hiệu:
    - Đối với các loại hóa đơn theo TT153/2010/TT-BTC
        - Khi NNT chọn Mã hóa đơn thì ứng dụng đã lưu lại Tên loại hóa đơn và NNT có thể sửa Tên loại hóa đơn với độ dài tối đa 200 ký tự
        - Mẫu số: NNT nhập Mẫu số theo đúng cấu trúc được quy định trong thông tư với độ dài tối đa 20 ký tự, và bắt buộc nhập 11 ký tự đầu theo đúng cấu trúc quy định trong thông tư (trừ tem, vé, thẻ) gồm:
            - 6 ký tự đầu là mặc định theo Tên loại hóa đơn
            - Ký tự thứ 7 là số liên nhập dạng số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 2 và nhỏ hơn hoặc bằng 9. Đối với hóa đơn điện tử thì NNT có thể nhập giá trị từ 0 đến 9
            - Ký tự thứ 8 phải là dấu "/"
            - ký tự tiếp theo là STT của mẫu trong một loại hóa đơn
            - Đối với các loại hóa đơn của Bưu điện thì thêm chữ BD hoặc IV vào sau ký hiệu mẫu

    Chú ý:

    - Đối với tem, vé, thẻ kiểm tra cấu trúc 3 hoặc 6 kí tự đầu phải là các ký tự như ở trong phụ lục 01 đính kèm, các kí tự tiếp theo cho phép NNT tự nhập
    - Ký hiệu: NNT nhập Ký hiệu theo đúng cấu trúc quy định trong thông tư với độ dài gồm 6 kí tự, Trong đó
        - Ký tự đầu phải là hai chữ cái trong 20 chữ cái in hoa của bảng chữ cái tiếng Việt bao gồm: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y
        - Ký tự tiếp theo phải là dấu "/"
        - 2 ký tự tiếp theo thể hiện năm thông báo phát hành hóa đơn
        - Ký tự cuối cùng phải là E, T hoặc P, trong đó
            - E: Hóa đơn điện tử
            - T: Hóa đơn tự in
            - P: Hóa đơn đặt in

Hoặc NNT có thể nhập 5 ký tự, không cần nhập ký tự (/) ứng dụng sẽ hỗ trợ tự động sinh ký tự này vào đúng vị trí thứ 3 của Ký hiệu.

- Đối với hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số có 6 ký tự đầu là 01GTKT) thì cho phép nhập thêm ký hiệu với cấu trúc gồm 8 ký tự như sau:
  - 05 ký tự đầu gồm: NN/XC
  - 02 ký tự tiếp theo là năm phát hành hóa đơn
  - 1 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in
    - T: là ký hiệu hóa đơn tự in
    - P: là ký hiệu hóa đơn đặt in

Ví dụ: Muốn nhập Ký hiệu hóa đơn có ký hiệu là AA, năm thông báo phát hành là 2011 và hóa đơn là loại hóa đơn điện tử thì cách nhập như sau:

- Nhập 2 ký tự đầu là AA
- Ký tự tiếp theo là dấu "/"
- 2 ký tự tiếp theo là 11
- Ký tự cuối cùng là E

Hoặc NNT có thể nhập 5 ký tự lần lượt là AA11E. Lúc đó ta sẽ có **Ký hiệu hóa đơn cần nhập là : AA/11E**

- Để nhập các loại hóa đơn cũ ngoài thông tư 153 trên cột Mã hóa đơn bạn chọn Mã hóa đơn là "TT120" khi đó NNT tự nhập các chỉ tiêu Tên loại hóa đơn, mẫu số, ký hiệu. Trong đó:
  - Cột Tên loại hóa đơn NNT nhập kiểu text độ dài tối đa 200 ký tự
  - Cột Mẫu số: Nhập kiểu text, độ dài tối đa 20 ký tự và phân biệt chữ hoa chữ thường
  - Cột Ký hiệu: Bắt buộc nhập, kiểu text, độ dài tối đa 8 ký tự

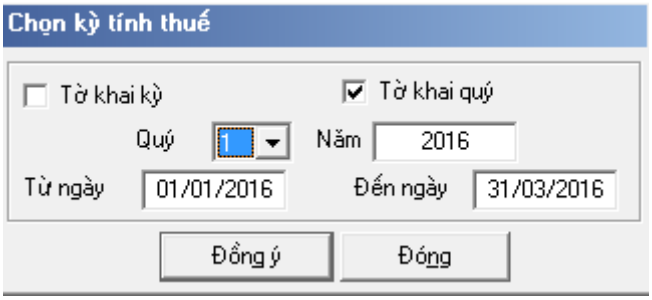
+ Số lượng: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa
+ Từ số: NNT tự nhập.
  - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
  - Từ số không âm <= Đến số
+ Đến số: NNT tự nhập
  - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
  - Đến số >= Từ số

+ Ngày bắt đầu sử dụng: NNT tự nhập, Ngày bắt đầu sử dụng phải sau ngày thông báo phát hành ít nhất 2 ngày
+ Doanh nghiệp in
    - Tên: NNT tự nhập. Nếu trong phần Ký hiệu mà ký tự cuối cùng là P (Doanh nghiệp đặt in) thì bắt buộc nhập các thông tin về Doanh nghiệp in và Hợp đồng đặt in.
    - MST: NNT tự nhập theo đúng cấu trúc 10 hoặc 13 ký tự.

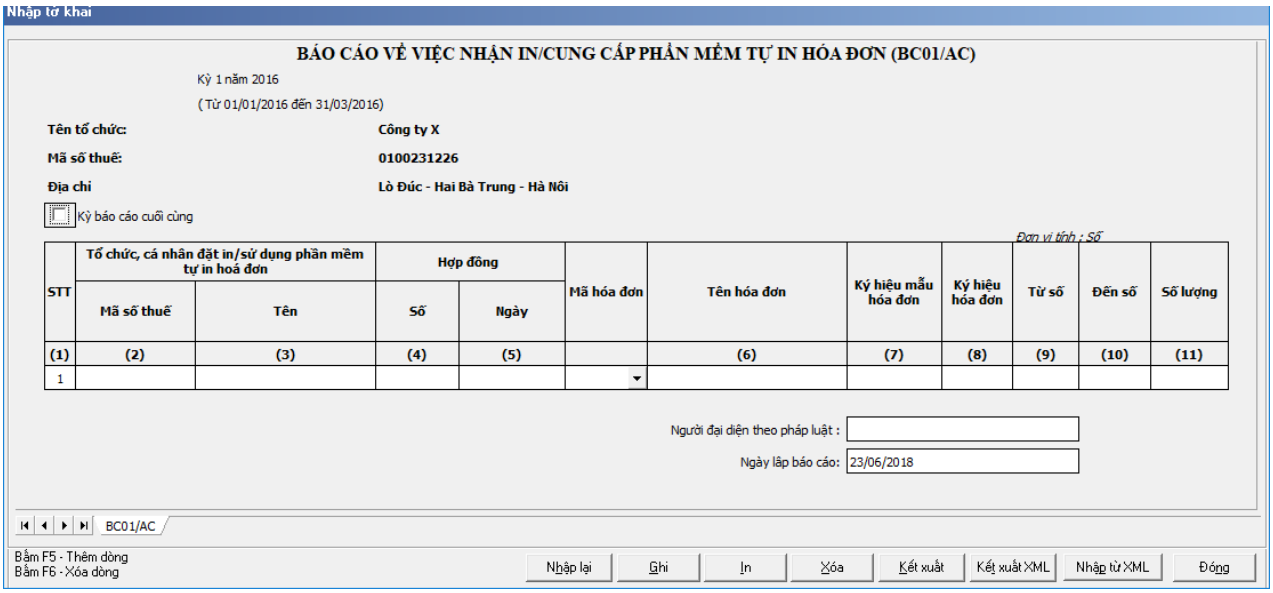
3.13.2 Báo cáo tình hình nhận in hóa đơn– Mẫu BC01/AC theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoá đơn" chọn "Báo cáo tình hình nhận in hóa đơn (BC01/AC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chọn kỳ báo cáo theo kỳ hoặc quý (nếu kỳ kê khai trước tháng 7/2014 thì kê khai theo kỳ, từ quý 3/2014 thì kê khai theo quý) và click vào nút "Đồng ý", màn hình báo cáo sẽ hiển thị như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
    - Tên tổ chức
    - Mã số thuế
    - Địa chỉ
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
    - Người đại diện theo pháp luật: Nhập kiểu text
    - Ngày lập báo cáo: mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa
    - Kỳ báo cáo cuối cùng: Nếu báo cáo là kỳ báo cáo cuối cùng thì NNT chọn ô check Kỳ báo cáo cuối cùng

Thông tin chi tiết

+ STT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Tổ chức, cá nhân đặt in
    - Mã số thuế: NNT tự nhập theo đúng quy định về cấu trúc mã số thuế (10 hoặc 13 ký tự)
    - Tên: NNT tự nhập
+ Hợp đồng
    - Số: NNT tự nhập, kiểu text
    - Ngày: NNT tự nhập kiểu ngày tháng. Ngày hợp đồng phải nằm trong kỳ báo cáo
+ Các cột Mã hóa đơn, Tên loại hóa đơn, Mẫu số: Nhập tương tự như trên Thông báo phát hành hóa đơn. Tuy nhiên tại báo cáo BC01/AC thì chỉ được nhập các hóa đơn theo TT153.
+ Ký hiệu hóa đơn: Đối với hóa đơn tự in, đặt in thì nhập tương tự như ở Thông báo phát hành. Riêng đối với hóa đơn do cục thuế phát hành thì thêm 02 ký tự đầu ký hiệu (gọi là mã hoá đơn do Cục Thuế in, phát hành) (Danh sách Mã hóa đơn của Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát hành theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC)

Ví dụ : Muốn nhập Ký hiệu hóa đơn do Cục thuế Hà Nội đặt in, phát hành năm 2011 và có ký hiệu là AA thì cách nhập như sau:

- Nhập 2 ký tự đầu là 01
- Nhập 2 ký tự tiếp theo là AA
- Ký tự tiếp theo là dấu "/"
- 2 ký tự tiếp theo là 11
- Ký tự cuối cùng là E

Hoặc NNT có thể nhập 7 ký tự lần lượt là 01AA11E. Lúc đó ta sẽ có **Ký hiệu**

hóa đơn cần nhập là : 01AA/11E

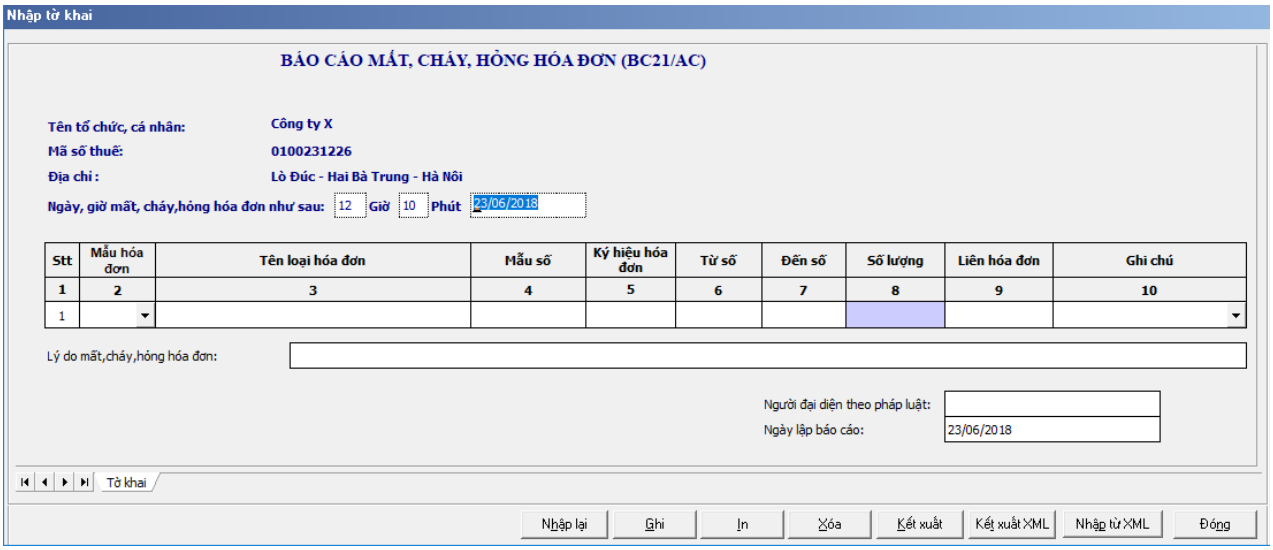
+ Từ số: NNT tự nhập.
  - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
  - Từ số không âm <= Đến số
+ Đến số: NNT tự nhập
  - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
  - Đến số >= Từ số
+ Số lượng: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa

Chú ý: Đối với tổ chức cung ứng phần mềm tự in hóa đơn không cần báo cáo các cột từ cột (7) trở đi

3.13.3 Báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn– Mẫu BC21/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoá đơn" chọn "Báo cáo mất, cháy, hỏng hóa đơn (BC21/AC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
  - Tên tổ chức, cá nhân làm mất, cháy, hỏng hóa đơn
  - Mã số thuế
  - Địa chỉ

+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
    - Ngày, tháng, năm phát hiện bị mất, cháy, hỏng hóa đơn: NNT tự nhập theo định dạng ngày tháng. (Tổ chức, cá nhân) được lấy tự động từ Tên tổ chức, cá nhân làm mất, cháy, hỏng hóa đơn từ trên xuống.
    - Người đại diện theo pháp luật: nhập kiểu text, bắt buộc nhập
    - Ngày lập báo cáo: mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa
    - Lý do mất, cháy, hỏng hoá đơn

Thông tin chi tiết

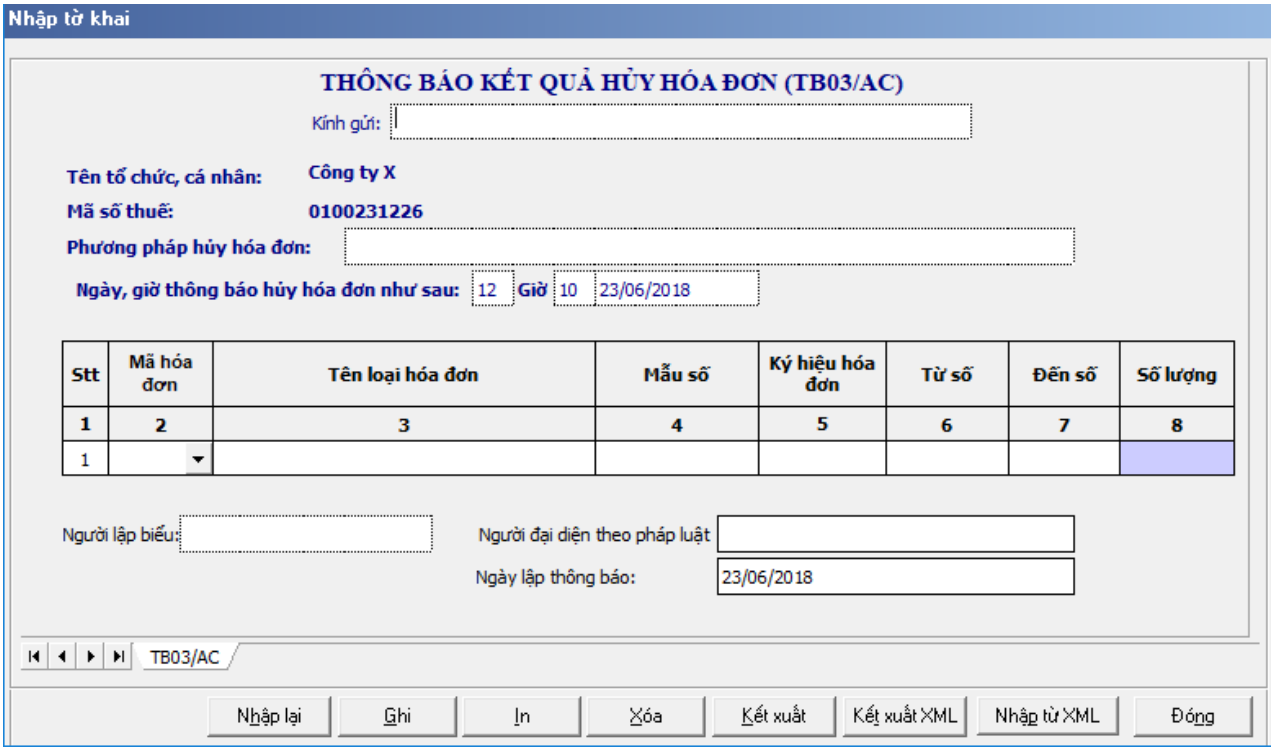
+ STT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Các cột Mã hóa đơn, Tên loại hóa đơn, Mẫu số: Nhập tương tự như trên Thông báo phát hành hóa đơn.
+ Ký hiệu hóa đơn: Đối với hóa đơn tự in, đặt in thì nhập tương tự như ở Thông báo phát hành. Riêng đối với hóa đơn do cục thuế phát hành thì thêm 02 ký tự đầu ký hiệu (gọi là mã hoá đơn do Cục Thuế in, phát hành) (Danh sách Mã hóa đơn của Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát hành theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC).
+ Từ số: NNT tự nhập.
    - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Từ số không âm <= Đến số
+ Đến số: NNT tự nhập
    - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Đến số >= Từ số
+ Số lượng: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa
+ Liên hoá đơn: NNT tự nhập, chỉ cho nhập số và cách nhau bằng dấu chấm phảy (;), kiểm tra không được nhập hai dấu ;; liền nhau: Ví dụ: Nếu hóa đơn bị mất các liên 2;5;6 thì nhập giá trị tại cột Liên hóa đơn là 2;5;6
+ Ghi chú: Cho phép NSD chọn trong combobox, mặc định là để trống nhưng khi Ghi dữ liệu thì kiểm tra nếu trường "Ghi chú" nếu để trống thì UD đưa ra cảnh báo đỏ. Giá trị trong combobox gồm các giá trị sau:
    - 01: Mất hóa đơn chưa TBPH
    - 02: Mất hóa đơn chưa sử dụng
    - 03: Mất hóa đơn đã viết chưa báo cáo sử dụng

- 04: Mất hóa đơn đã viết và đã báo cáo sử dụng kỳ trước
- 05: Mất hóa đơn mua hàng

3.13.4 Thông báo kết quả hủy hóa đơn– Mẫu TB03/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoá đơn" chọn "Thông báo kết quả hủy hóa đơn (TB03/AC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
  - Tên tổ chức, cá nhân
  - Mã số thuế
  - Địa chỉ
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
  - Kính gửi: NNT tự nhập kiểu text
  - Phương pháp hủy hóa đơn: NNT tự nhập kiểu text
  - Hồi, giờ, Ngày, tháng, năm thông báo hủy hóa đơn: NNT tự nhập theo định dạng ngày tháng. (Tổ chức, cá nhân) lấy tự động từ Tên tổ chức, cá nhân từ trên xuống
  - Người đại diện theo pháp luật: NNT tự nhập kiểu text, bắt buộc

nhập

- Ngày lập báo cáo: mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa
- Người lập biểu: NNT tự nhập kiểu text

Thông tin chi tiết

+ STT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Các cột Mã hóa đơn, Tên loại hóa đơn, Mẫu số: Nhập tương tự như trên Thông báo phát hành hóa đơn.
+ Ký hiệu hóa đơn: Đối với hóa đơn tự in, đặt in thì nhập tương tự như ở Thông báo phát hành. Riêng đối với hóa đơn do cục thuế phát hành thì thêm 02 ký tự đầu ký hiệu (gọi là mã hoá đơn do Cục Thuế in, phát hành) (Danh sách Mã hóa đơn của Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát hành theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC).
+ Từ số: NNT tự nhập.
    - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Từ số không âm <= Đến số
+ Đến số: NNT tự nhập
    - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Đến số >= Từ số
+ Số lượng: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa

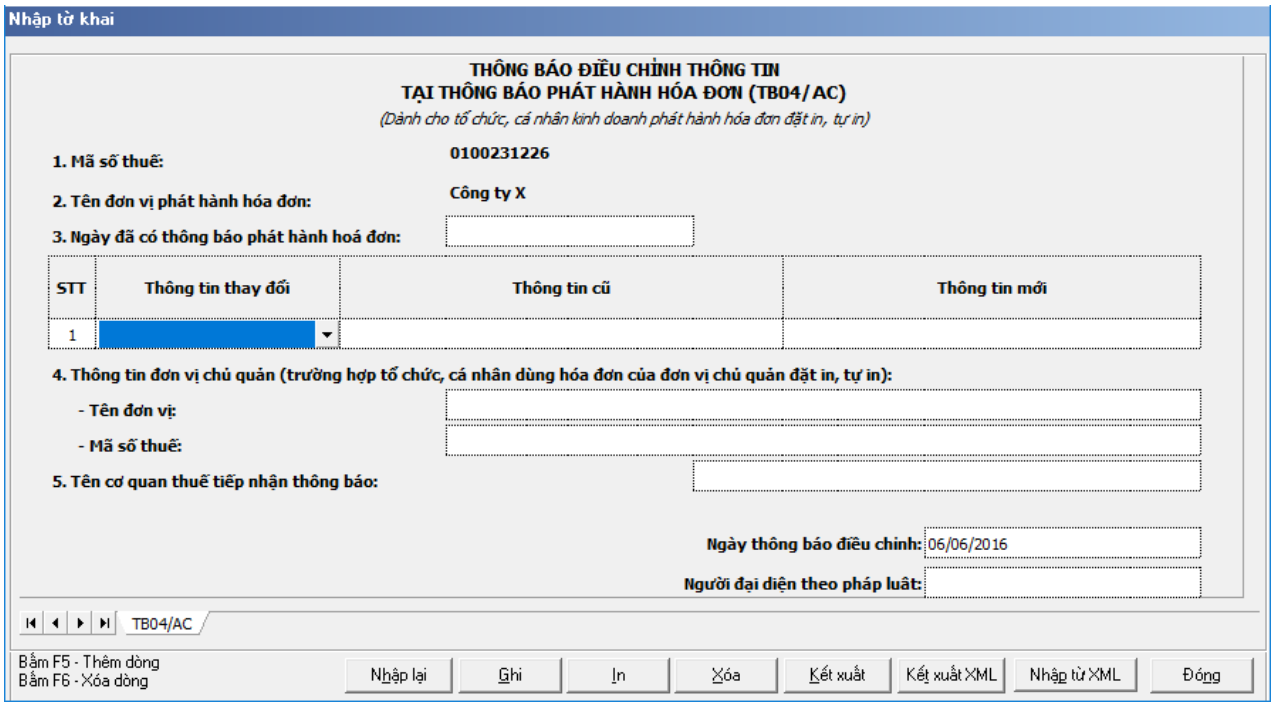
3.13.5 Thông báo điều chỉnh thông tin – Mẫu: TB04/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoá đơn" chọn "Mẫu thông báo điều chỉnh thông tin (TB04/AC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chọn "Kỳ báo cáo" theo ngày rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình báo cáo sẽ hiển thi ra như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
    - Tên đơn vị phát hành hóa đơn
    - Mã số thuế
    - Địa chỉ, trụ sở chính
    - Điện thoại
    - Tên đơn vị chủ quản
    - Mã số thuế đơn vị chủ quản:
+ Các thông tin NSD tự nhập gồm các thông tin sau:
    - Tên cơ quan thuế tiếp nhận thông báo: Kiểu text, độ dài tối đa 200 ký tự
    - Ngày … tháng…. Năm…. Đã có thông báo phát hành: Kiểu date, kiểm tra phải trước ngày lập thông báo điều chỉnh
    - Người đại diện theo pháp luật: Kiểu text, độ dài tối đa 45 ký tự

Thông tin chi tiết

+ STT: Kiểu số, ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Thông tin thay đổi: Chọn trong combobox, kiểm tra không cho chọn trùng thông tin thay đổi gồm các thông tin:
    - Tên đơn vị phát hành hóa đơn

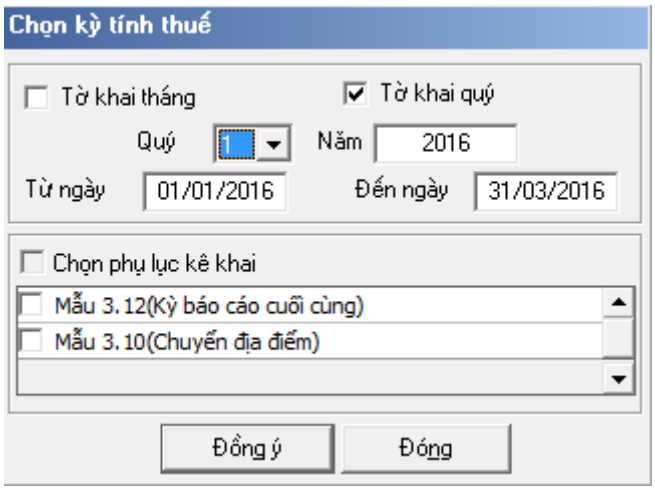
- Địa chỉ trụ sở chính
- Điện thoại

+ Thông tin cũ: Nhập kiểu text tối đa 200 ký tự
+ Thông tin mới: Nhập kiểu text tối đa 200 ký tự

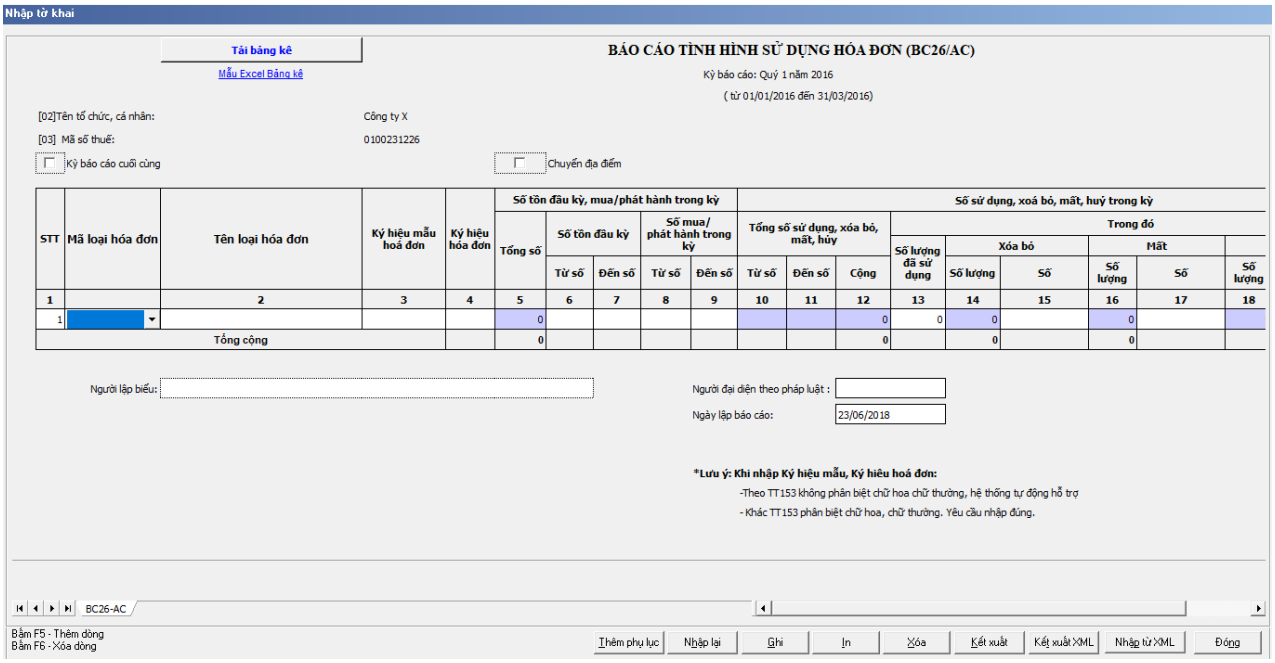
3.13.6 Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn– Mẫu BC26/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoá đơn" chọn "Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn (BC26/AC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chọn "Kỳ báo cáo" theo tháng hoặc quý và có thể chọn các phụ lục cần kê khai rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình báo cáo sẽ hiển thi ra như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
    - Tên tổ chức, cá nhân
    - Mã số thuế
    - Địa chỉ
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
    - Người đại diện theo pháp luật: NNT nhập kiểu text
    - Ngày lập báo cáo: mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn ngày hiện tại
    - Người lập biểu: NNT tự nhập kiểu text
    - Kỳ báo cáo cuối cùng: Nếu báo cáo là kỳ báo cáo cuối cùng thì NNT chọn ô check Kỳ báo cáo cuối cùng
    - Chuyển địa điểm: NNT chọn ô check CQT có trong trường hợp chuyển địa điểm hay không

Thông tin chi tiết

+ STT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Các cột Mã hóa đơn, Tên loại hóa đơn, Mẫu số: Nhập tương tự như trên Thông báo phát hành hóa đơn.
+ Ký hiệu hóa đơn: Đối với hóa đơn tự in, đặt in thì nhập tương tự như ở Thông báo phát hành. Riêng đối với hóa đơn do cục thuế phát hành thì thêm 02 ký tự đầu ký hiệu (gọi là mã hoá đơn do Cục Thuế in, phát hành) (Danh sách Mã hóa đơn của Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát hành theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC).
+ Số tồn đầu kỳ: Nếu là lần đầu tiên chạy ứng dụng thì NNT tự nhập số tồn đầu kỳ của kỳ đầu, từ kỳ thứ 2 trở đi thì ứng dụng sẽ tự chuyển số tồn cuối kỳ của kỳ trước lên, cho phép sửa.

Chú ý: Nếu trên cùng một dòng thì Từ số - Đến số phải kê khai liên tiếp, nếu không liên tiếp thì phải tách dòng.

- Chỉ tiêu [5] (Tổng số): Tự tính theo công thức [5] = (([7] - [6]) + 1) + (([9] - [8]) + 1), không cho phép sửa
- Chỉ tiêu [6], [7]: NNT tự nhập kiểu số.
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Từ số [6] không âm và <= Đến số [7]
- Chỉ tiêu [7]: Đến số: Kiểu số, NNT tự nhập kiểu số

- Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
- Đến số [7] >= Từ số [6]

+ Số mua/phát hành trong kỳ
  - Chỉ tiêu [8]: NNT tự nhập kiểu số.
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Từ số [8] không âm và <= Đến số [9]
  - Chỉ tiêu [9]: NNT tự nhập kiểu số
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Đến số [9] >= Từ số [8]

Chú ý: Nếu trong cùng một loại hóa đơn, cùng mẫu số, cùng ký hiệu mà có nhiều khoảng số lượng tồn đầu kỳ (Khoảng [06] đến [07]) thì phải nhập giá trị của số mua/ phát hành trong kỳ ở dòng mà có giá trị của chỉ tiêu [07] lớn nhất và giá trị Từ số [08] phải bằng giá trị của chỉ tiêu [07] + 1

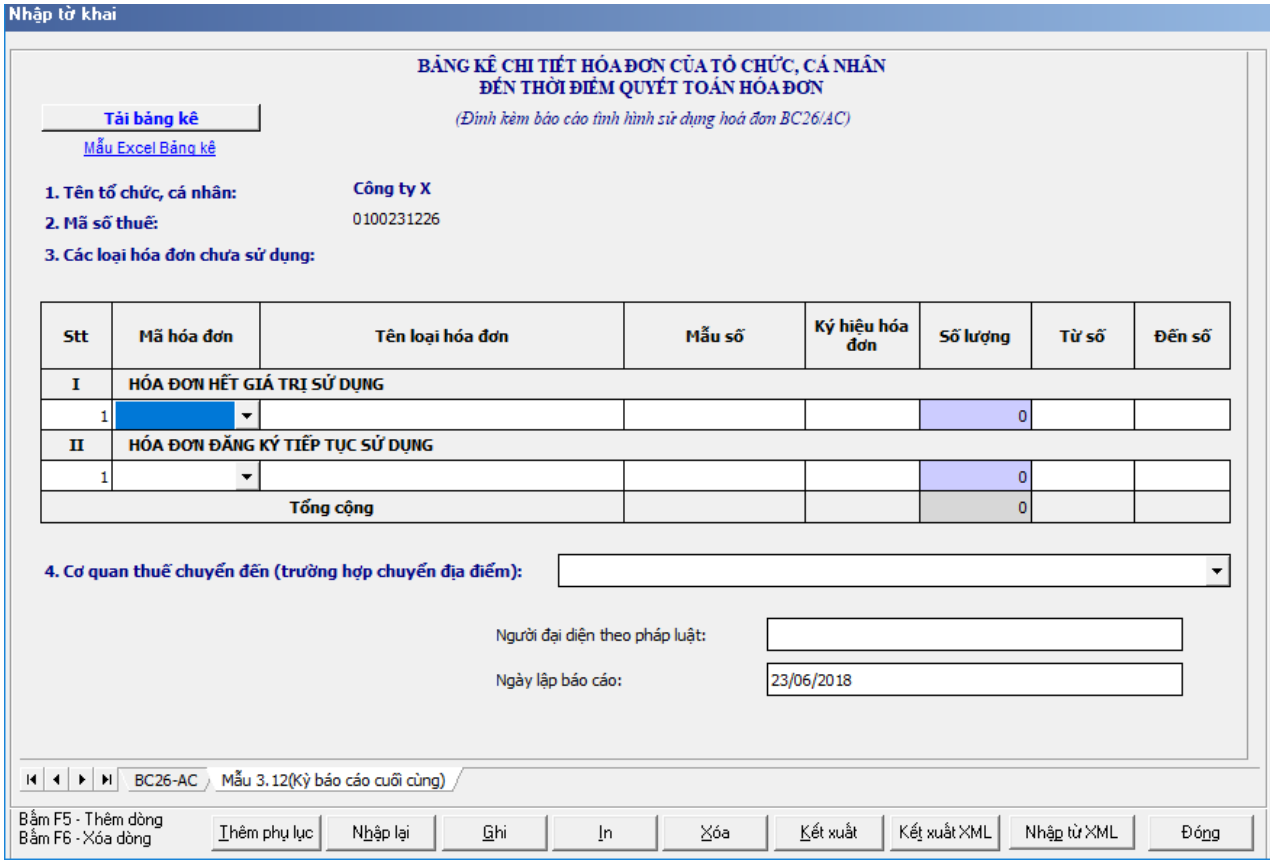
+ Chỉ tiêu [13](Số lượng đã sử dụng): NNT tự nhập kiểu số và nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [5] (Tổng số tồn đầu kỳ, mua/phát hành trong kỳ)
+ Các chỉ tiêu [15], [17], [19]: NNT tự nhập kiểu text và các số này phải nằm trong khoảng {[10], [11]} và không được trùng nhau, không giao nhau
  - Trong cùng một loại hóa đơn, mẫu hóa đơn và ký hiệu hóa đơn thì các dòng không được giao nhau, trùng nhau.
  - Nếu là các Số không liên tiếp kê khai dưới dạng liệt kê thì được ngăn cách nhau bằng dấu (;): VD: 8;12;22 (3 số)
  - Nếu là các số liên tiếp trong 1 khoảng thì kê khai dưới dạng khoảng và sử dụng dấu (-). VD: 51-100 (50 số)

- Các chỉ tiêu tự tính: Xét 3 trường hợp
  + Trường hợp 1: Chỉ tiêu [6] = 0 và [7] = 0 và [8] và [9] <> 0. Khi đó
    - Chỉ tiêu [5] = ([9] – [8]) + 1
    - Chỉ tiêu [10] = chỉ tiêu [8]
    - Chỉ tiêu [11] = [10] + [12] – 1 và [11] nhỏ hơn hoặc bằng [9]
    - Chỉ tiêu [12] = [13] + [14] + [16] + [18].
    - Chỉ tiêu [14], [16], [18] tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [15], [17], [19]
    - Tồn cuối kỳ

- Nếu [5] = [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì các chỉ tiêu [20], [21], [22] đều bằng 0
- Nếu [5] > [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì chỉ tiêu [20] = [11] + 1; chỉ tiêu [21] = [9]
- Chỉ tiêu [22] = ([21] – [20]) +1
- Nếu [13] + [14] + [16] + [18] = 0 thì ([20] = [8] ; [21] = [9])

+ Trường hợp 2: Chỉ tiêu [8] = 0 và [9] = 0 và [6] và [7] <> 0. Khi đó
  - Chỉ tiêu [5] = ([7] – [6]) + 1
  - Chỉ tiêu [10] = chỉ tiêu [6]
  - Chỉ tiêu [11] = [10] + [12] – 1 và [11] nhỏ hơn hoặc bằng [7]
  - Chỉ tiêu [12] = [13] + [14] + [16] + [18].
  - Chỉ tiêu [14], [16], [18] tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [15], [17], [19]
  - Tồn cuối kỳ
    - Nếu [5] = [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì các chỉ tiêu [20], [21], [22] đều bằng 0
    - Nếu [5] > [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì chỉ tiêu [20] = [11] + 1; chỉ tiêu [21] = [7]
    - Chỉ tiêu [22] = ([21] – [20]) +1
    - Nếu [13] + [14] + [16] + [18] = 0 thì ([20] = [6] ; [21] = [7])
+ Trường hợp 3: Chỉ tiêu [6]<> 0, [7] <> 0, [8] và [9] <> 0. Khi đó
  - Kiểm tra bắt buộc Chỉ tiêu [8]= chỉ tiêu [7]+1
  - Chỉ tiêu [5] = (([7] – [6]) + 1) + (([9] – [8]) + 1) hoặc [5]= [9]-[6]+1
  - Chỉ tiêu [10] = chỉ tiêu [6]
  - Chỉ tiêu [11] = [10] + [12] – 1 và [11] nhỏ hơn hoặc bằng [9]
  - Chỉ tiêu [12] = [13] + [14] + [16] + [18] và [12] <= [5].
  - Chỉ tiêu [14], [16], [18] tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [15], [17], [19]
  - Tồn cuối kỳ
    - Nếu [5] = [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì các chỉ tiêu [20], [21], [22] đều bằng 0
    - Nếu [5] > [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì chỉ tiêu [20] = [11] + 1; chỉ tiêu [21] = [9]
    - Chỉ tiêu [22] = ([21] – [20]) +1
    - Nếu [13] + [14] + [16] + [18] = 0 thì ([20] = [6] ; [21] = [9])

Bảng kê chi tiết hóa đơn của tổ chức, cá nhân đến thời điểm quyết toán hóa đơn



Thông tin chung

- Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần báo cáo lên và không cho phép sửa gồm các thông tin sau:
  - Tên tổ chức, cá nhân
  - Mã số thuế
  - Người đại diện theo pháp luật
  - Ngày lập bảng kê
- Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
  - Cơ quan chuyển đến: NNT chọn mã cơ quan thuế trong danh mục cơ quan thuế, bắt buộc nhập nếu tích chọn chuyển địa điểm trên tờ khai chính.

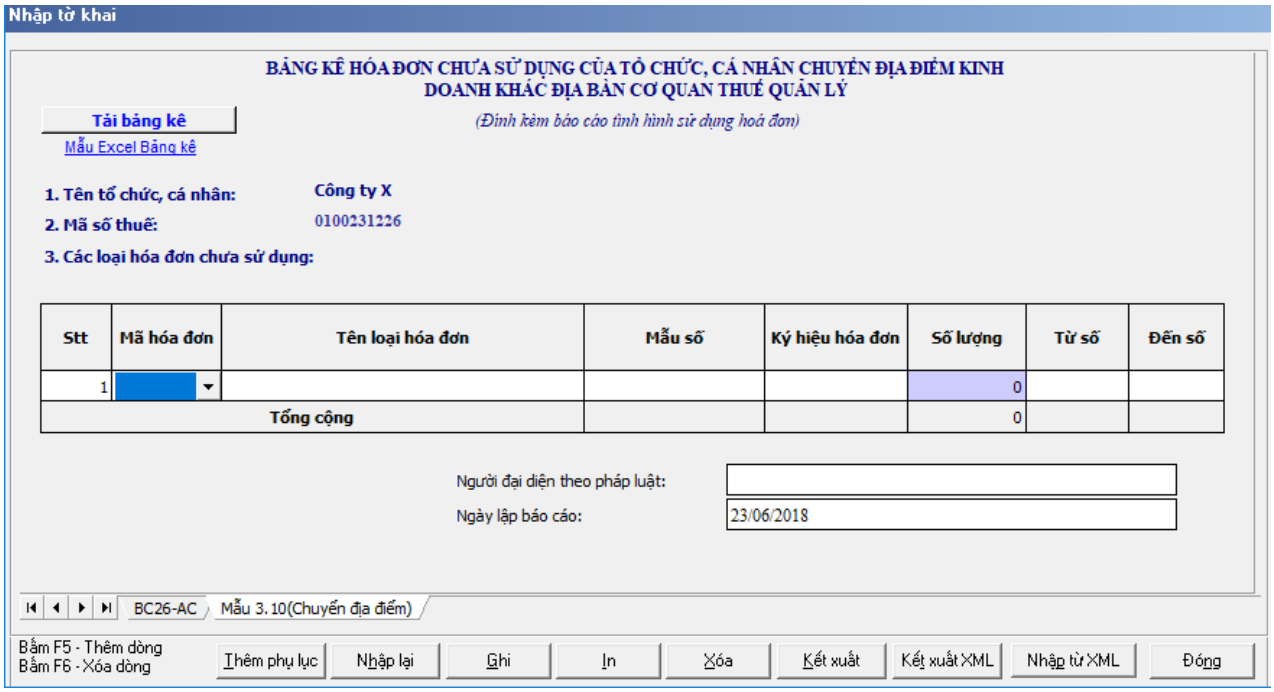
Thông tin chi tiết

- Các chỉ tiêu NNT tự nhập
  - Tên loại hóa đơn, Ký hiệu mẫu, Ký hiệu hóa đơn: Nhập như trên tờ khai
  - Từ số: Kiểu số, NNT tự nhập.

- Đến số: Kiểu số, NNT tự nhập

- Các chỉ tiêu tính toán:
  - Số lượng: Kiểu số, hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa

Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng của tổ chức, cá nhân chuyển đía điểm kinh doanh khác địa bàn cơ quan thuế quản lý



Thông tin chung

- Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần báo cáo lên và không cho phép sửa gồm các thông tin sau:
  - Tên tổ chức, cá nhân
  - Mã số thuế
  - Người đại diện theo pháp luật
  - Ngày lập bảng kê

Thông tin chi tiết

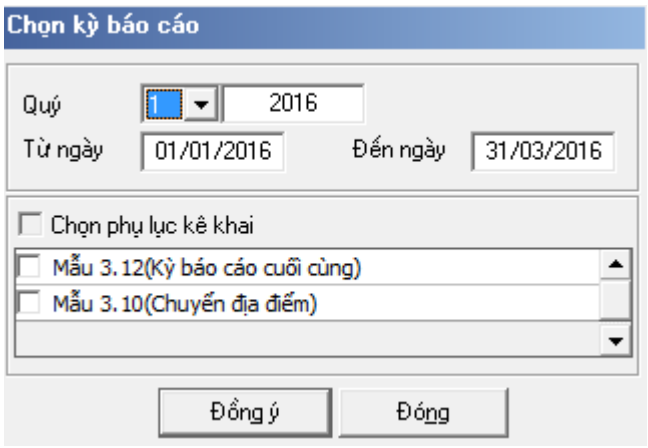
- Các chỉ tiêu NNT tự nhập
  - Tên loại hóa đơn, Ký hiệu mẫu, Ký hiệu hóa đơn: Nhập như trên tờ khai
  - Từ số: Kiểu số, NNT tự nhập.
  - Đến số: Kiểu số, NNT tự nhập
- Các chỉ tiêu tính toán:
  - Số lượng: Kiểu số, hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1,

không cho phép sửa

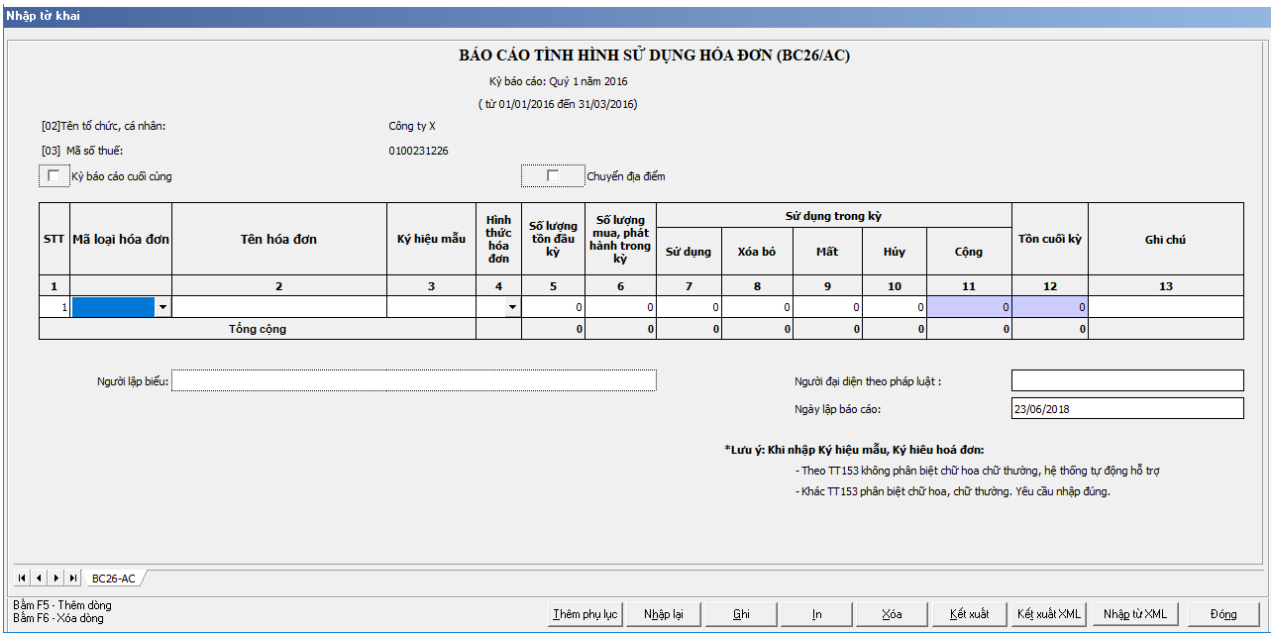
3.13.7 Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo số lượng– Mẫu BC26/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoá đơn" chọn "Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn theo số lượng (BC26/AC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



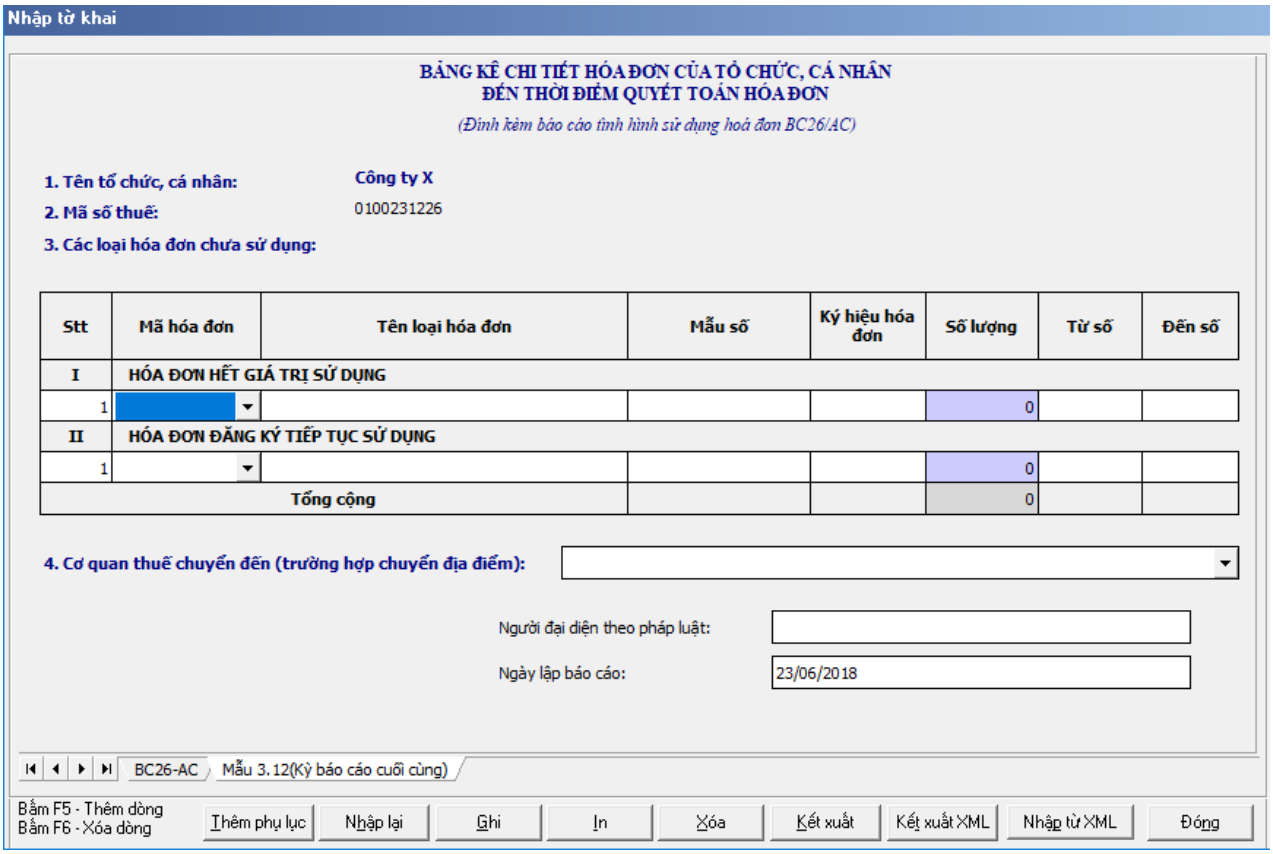
- Chọn "Kỳ báo cáo" theo quý và có thể chọn các phụ lục cần kê khai rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình báo cáo sẽ hiển thi ra như sau:



- Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
  + Người đại diện theo pháp luật: NNT nhập kiểu text
  + Ngày lập báo cáo: mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn ngày hiện tại
  + Người lập biểu: NNT tự nhập kiểu text

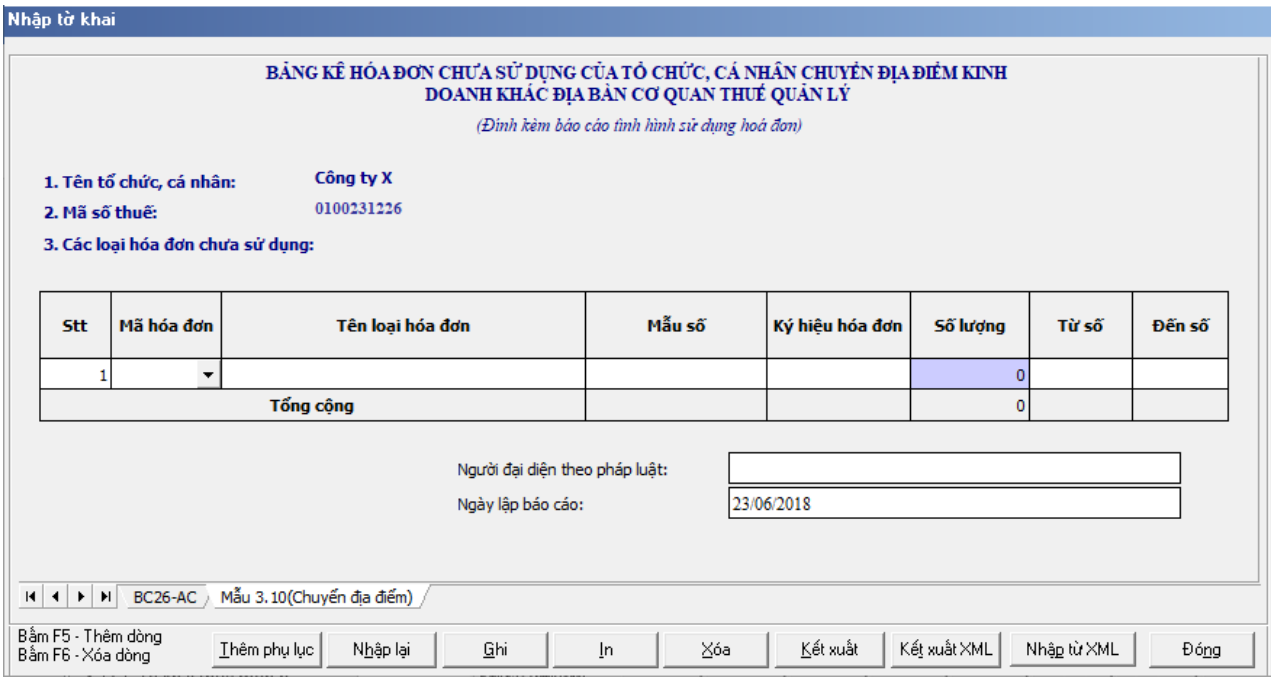
+ Kỳ báo cáo cuối cùng: Nếu báo cáo là kỳ báo cáo cuối cùng thì NNT chọn ô check Kỳ báo cáo cuối cùng
+ Chuyển địa điểm: NNT chọn ô check CQT có trong trường hợp chuyển địa điểm hay không
+ STT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Các cột Mã hóa đơn, Tên loại hóa đơn, Mẫu số: Nhập tương tự như trên Thông báo phát hành hóa đơn.
+ Ký hiệu hóa đơn: Đối với hóa đơn tự in, đặt in thì nhập tương tự như ở Thông báo phát hành. Riêng đối với hóa đơn do cục thuế phát hành thì thêm 02 ký tự đầu ký hiệu (gọi là mã hoá đơn do Cục Thuế in, phát hành) (Danh sách Mã hóa đơn của Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát hành theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC).
+ Chỉ tiêu [4]- Hình thức hóa đơn: NSD chọn trọng combobox gồm 3 ký tự T, P, E
+ Số tồn đầu kỳ: Cho phép NSD nhập lần đầu tiên, từ lần thứ 2 trở đi thì ứng dụng sẽ tự chuyển số tồn cuối kỳ của kỳ trước lên, cho phép sửa nhưng có cảnh báo vàng "Số lượng tồn đầu kỳ này khác với số lượng tồn cuối kỳ trước. Đề nghị xem lại".
+ Số mua/phát hành trong kỳ: NSD tự nhập kiểu số, tối đa 9 ký tự
+ Sử dụng trong kỳ:
    - Chỉ tiêu [7] - Sử dụng: NSD tự nhập, kiểu số tối đa 9 ký tự
    - Chỉ tiêu [8] - Xóa bỏ: NSD tự nhập, kiểu số tối đa 9 ký tự
    - Chỉ tiêu [9] – Mất: NSD tự nhập, kiểu số tối đa 9 ký tự
    - Chỉ tiêu [10] – Hủy: NSD tự nhập, kiểu số tối đa 9 ký tự
    - Chỉ tiêu [11] – Cộng: UD hỗ trợ tính = [7] + [8] + [9] + [10], Kiểm tra [11] không được lớn hơn [5] + [6], nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng số hóa đơn sử dụng trong kỳ không được lớn hơn số tồn đầu kỳ cộng số phát hành trong kỳ"
+ Chỉ tiêu [12]- Tồn cuối kỳ: UD hỗ trợ tính = [5] + [6] – [11]
+ Các chỉ tiêu [13] – Ghi chú: NSD tự nhập kiểu text

Bảng kê chi tiết hóa đơn của tổ chức, cá nhân đến thời điểm quyết toán hóa đơn



- Các chỉ tiêu NNT tự nhập
  + Tên loại hóa đơn, Ký hiệu mẫu, Ký hiệu hóa đơn: Nhập như trên tờ khai
  + Từ số: Kiểu số, NNT tự nhập.
  + Đến số: Kiểu số, NNT tự nhập
  + Cơ quan chuyển đến: NNT chọn mã cơ quan thuế trong danh mục cơ quan thuế, bắt buộc nhập nếu tích chọn chuyển địa điểm trên tờ khai chính.
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Số lượng: Kiểu số, hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa

Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng của tổ chức, cá nhân chuyển đía điểm kinh doanh khác địa bàn cơ quan thuế quản lý

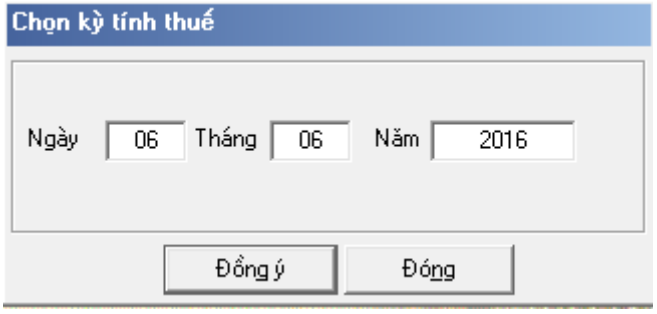


- Các chỉ tiêu NNT tự nhập
  + Tên loại hóa đơn, Ký hiệu mẫu, Ký hiệu hóa đơn: Nhập như trên tờ khai
  + Từ số: Kiểu số, NNT tự nhập.
  + Đến số: Kiểu số, NNT tự nhập
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Số lượng: Kiểu số, hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa

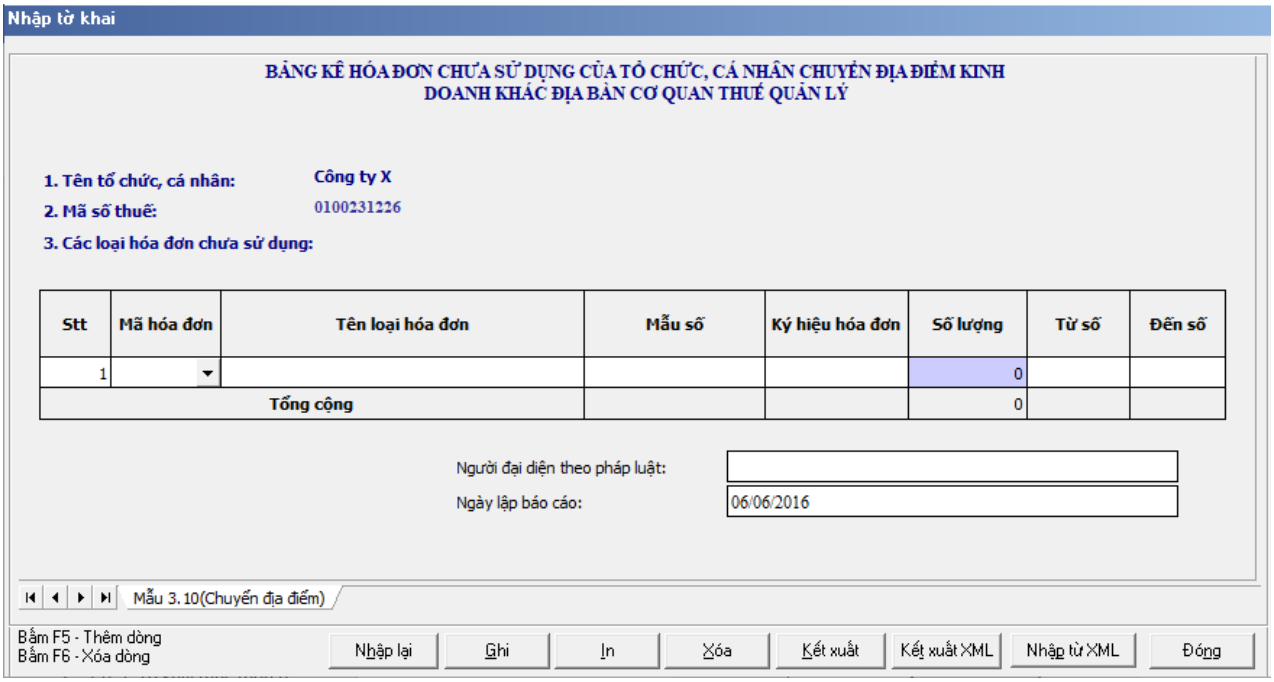
3.13.8 Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng của tổ chức, cá nhân chuyển đía điểm kinh doanh khác địa bàn cơ quan thuế quản lý – Mẫu BK01/AC theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoá đơn" chọn "Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng của tổ chức, cá nhân (BK01/AC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- NNT chọn "Kỳ báo cáo" theo ngày rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình báo cáo sẽ hiển thi ra như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu:

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
  - Tên tổ chức, cá nhân
  - Mã số thuế
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
  - Người đại diện theo pháp luật: NNT nhập kiểu text
  - Ngày lập báo cáo: mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn ngày hiện tại

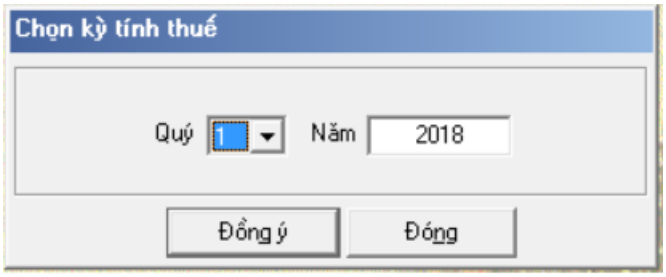
Thông tin chi tiết

- Các chỉ tiêu NNT tự nhập
  + Tên loại hóa đơn, Ký hiệu mẫu, Ký hiệu hóa đơn: Nhập tương tự như Thông báo phát hành hóa đơn
  + Từ số: Kiểu số, NNT tự nhập.
  + Đến số: Kiểu số, NNT tự nhập
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Số lượng: Kiểu số, hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa

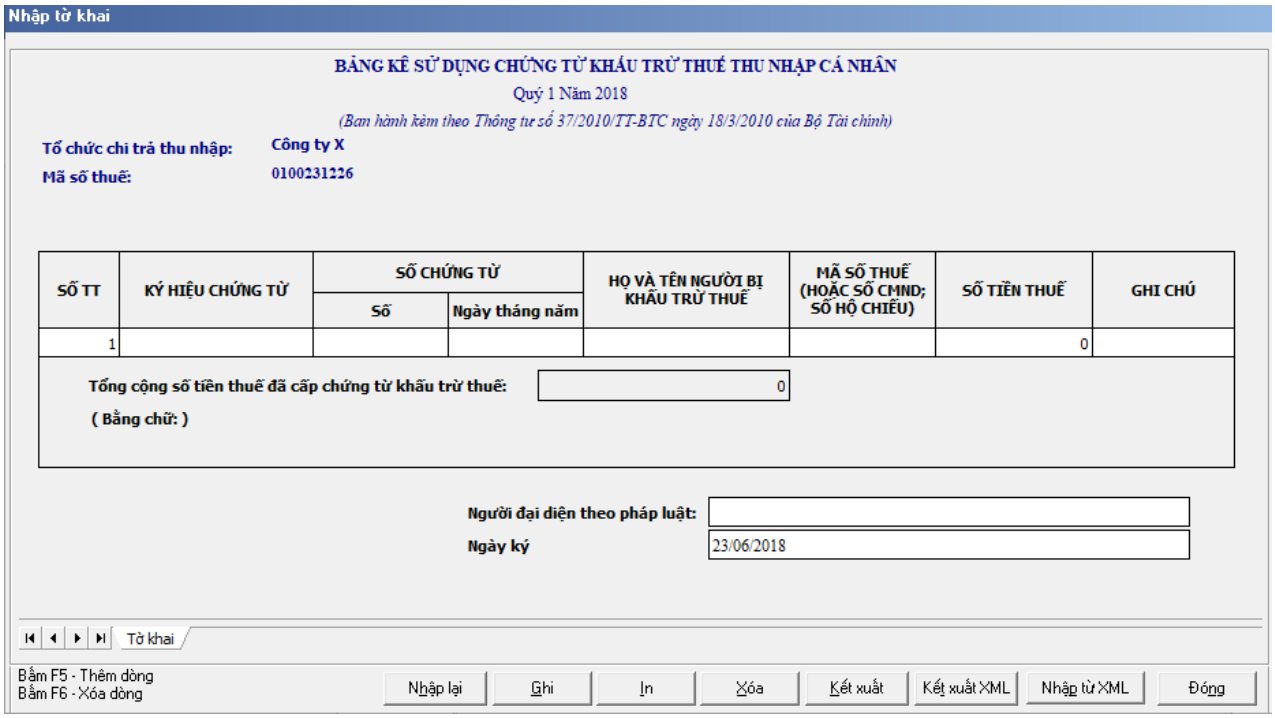
3.13.9 Bảng kê sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN theo Thông tư số 33/2010/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hóa đơn" chọn "Bảng kê sử dụng chứng từ khấu trừ thuế TNCN" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Chọn kỳ báo cáo theo Ngày rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình báo cáo sẽ hiển thi ra như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
  - Tổ chức chi trả thu nhập
  - Mã số thuế
  - Địa chỉ
  - Điện thoại

- *Thông tin chi tiết*

+ STT: UD tự tăng, giảm dòng
+ Ký hiệu chứng từ: Bắt buộc nhập, tối đa 9 ký tự. Kiểm tra đúng cấu trúc ký hiệu chứng từ, bao gồm:
    - 2 ký tự đầu là các chữ cái trong 20 chữ cái tiếng Việt in hoa (A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y)
    - Ký tự tiếp theo là dấu "/"
    - 4 ký tự tiếp theo là năm phát hành
    - Ký tự tiếp theo là dấu "/"
    - Ký tự cuối cùng là T: chứng từ tự in
+ Số chứng từ
    - Số: Bắt buộc nhập dạng số tự nhiên, mặc định là 0, tối đa 7 chữ số
    - Ngày tháng năm: Bắt buộc nhập theo dạng DD/MM/YYYY. Ứng dụng cảnh báo vàng nếu Ngày thàng năm không thuộc Kỳ kê khai
+ Họ và tên người bị khấu trừ thuế: Bắt buộc nhập dạng text, tối đa 250 ký tự
+ Mã số thuế (hoặc số CMND, Số hộ chiếu): Bắt buộc nhập dạng text, tối đa 20 ký tự
    - Số tiền thuế: Không bắt buộc nhập, cho phép nhập dạng số >= 0, tối đa 15 chữ số
+ Ghi chú: Nhập dạng text, tối đa 4000 ký tự
+ Tổng số tiền: Hỗ trợ tính= Tổng (Số tiền thuế)
+ Tổng số tiền bằng chữ: Hỗ trợ đọc số tổng số tiền thành chữ

3.14 Hướng dẫn thực hiện chức năng tạo các mẫu biên lai thu phí, lệ phí

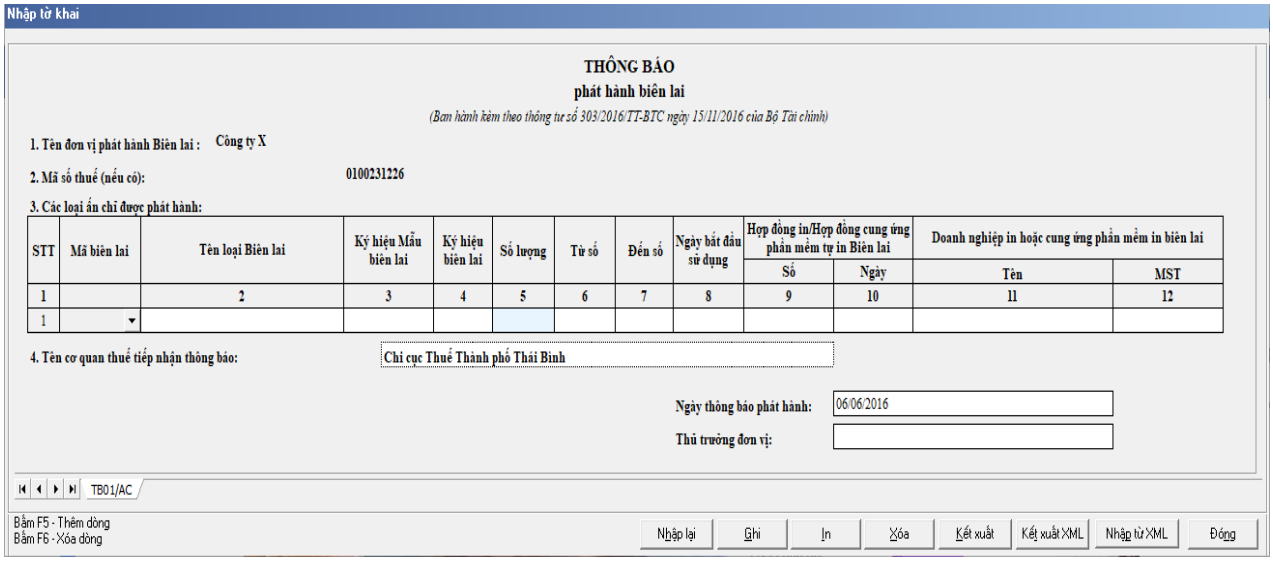
3.14.1 Thông báo phát hành biên lai thu phí, lệ phí theo Thông tư số 303/2016/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Biên lai thu phí, lệ phí" chọn "Thông báo phát hành biên lai" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau



- Chọn kỳ báo cáo theo Ngày rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình báo cáo sẽ hiển thi ra như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
    - Tên đơn vị phát hành biên lai thu phí, lệ phí
    - Mã số thuế
    - Địa chỉ, trụ sở chính
    - Điện thoại
    - Thông tin Đơn vị chủ quản: gồm Tên đơn vị chủ quản , Mã số thuế đơn vị chủ quản.
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
    - Tên cơ quan thuế tiếp nhận thông báo: mặc định lấy từ cơ quan thuế từ thông tin chung sang cho phép sửa và bắt buộc nhập, nếu ko cảnh báo đỏ "Dữ liệu bắt buộc nhập"
    - Ngày thông báo phát hành: Mặc định là ngày của kỳ báo cáo, không cho phép sửa
    - Người đại diện theo pháp luật: Kiểu text, bắt buộc nhập

Thông tin chi tiết

+ STT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Trên màn hình nhập báo cáo: Thêm cột "Mã biên lai", chọn trong combobox gồm có 2 mã biên lai là 01 và 02, khi in không in ra cột này. Khi chọn Mã biên lai thì ứng dụng sẽ tự động đưa Tên biên lai tương ứng lên cột "Tên loại biên lai" đồng thời bên cột "Ký hiệu mẫu biên lai" cũng sẽ tự động lưu lại các ký tự tương ứng của cột "Mã biên lai".

Mã biên lai	Tên biên lai thu phí, lệ phí	Ký hiệu mẫu biên lai
01	Biên lai thu phí, lệ phí không có mệnh giá	01BLP
02	Biên lai thu phí, lệ phí có mệnh giá	02BLP

+ Tên loại biên lai: Ứng dụng tự động lấy lên theo Mã biên lai và cho phép sửa, độ dài tối đa 200 ký tự
+ Ký hiệu mẫu: Kiểu text, bắt buộc nhập gồm 10 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc
    - 2 ký tự đầu là: 01 hoặc 02
    - 3 ký tự tiếp theo là BLP
    - 01 ký tự tiếp theo thể hiện số liên của biên lai thu phí, lệ phí từ 1 -9
    - 01 ký tự tiếp theo là "-" để phân biệt số liên với số thứ tự của mẫu trong một loại biên lai thu phí, lệ phí.
    - 03 ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại biên lai thu phí, lệ phí từ 0 - 9
+ Ký hiệu: NSD tự nhập, kiểu text, bắt buộc nhập, độ dài 6 kí tự đối với biên lai của các tổ chức cá nhân tự in, đặt in và 8 ký tự đối với cơ quan thuế. Kiểm tra đúng cấu trúc
    - Nếu chọn Mã biên lai thu phí, lệ phí là 01/BLP thì kiểm tra ký hiệu theo cấu trúc 6 hoặc 8 ký tự như sau
        - 02 ký tự đầu là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo hướng dẫn tại mục 4 Phụ lục này và chỉ áp dụng đối với Biên lai do Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đặt in để bán cho các cơ quan thu phí, lệ phí.
        - 02 ký tự tiếp theo phân biệt ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí, chọn trong danh sách 20 chữ cái tiếng việt: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.
        - 01 ký tự tiếp theo là dấu (-)
        - 02 ký tự tiếp theo là năm in biên lai thu phí, lệ phí.
        - 01 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in:
            - T: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí tự in
            - P: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí đặt in
        - Đối với biên lai có ký hiệu 6 ký tự thì không có hai ký tự đầu của mã tỉnh, thành phố
    - Nếu chọn Mã biên lai thu phí, lệ phí là 02/BLP thì kiểm tra ký hiệu theo cấu trúc 6 ký tự như sau

- 02 ký tự đầu phân biệt ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí, chọn trong danh sách 20 chữ cái tiếng việt: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.
- 01 ký tự tiếp theo là dấu (-)
- 02 ký tự tiếp theo là năm in biên lai thu phí, lệ phí.
- 01 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in:
  - T: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí tự in
  - P: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí đặt in

+ Số lượng: Kiểu số, hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa. Trường hợp NSD nhập giá trị Từ số - đến số là 0 đến 0 thì số lượng = 0
+ Từ số: Kiểu số, NSD tự nhập.
  - Ứng dụng hỗ trợ tự sinh dạng 7 ký tự
  - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
  - Từ số không âm và <= Đến số
  - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đó với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng ký hiệu"
  - Bắt buộc nhập
+ Đến số: Kiểu số, NSD tự nhập
  - Ứng dụng hỗ trợ tự sinh dạng 7 ký tự
  - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
  - Đến số >= Từ số
  - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đó với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng ký hiệu"
  - Bắt buộc nhập
+ Ngày bắt đầu sử dụng: Kiểu date, bắt buộc nhập.
  - Đối với biên lại của tổ chức kinh doanh (06 ký hiệu): Ngày bắt đầu sử dụng phải lớn hơn hoặc bằng Ngày thông báo phát hành 5 ngày, không thỏa mãn thì cảnh báo đỏ "Ngày bắt đầu sử dụng phải sau Ngày thông báo phát hành 5 ngày"
  - Đối với biên lai của cơ quan Thuế (08 ký hiệu): Ngày bắt đầu sử dụng phải lớn hơn hoặc bằng Ngày thông báo phát hành, không thỏa mãn thì cảnh báo đỏ ""Ngày bắt đầu sử dụng phải lớn hơn hoặc bằng Ngày thông báo phát hành"

+ Hợp đồng in/ Hợp đồng cung ứng phần mềm tự in Biên lai số…ngày…:
  - Số: Kiểu text, độ dài tối đa 100
  - Ngày: Kiểu date, Ngày in phải <= Ngày thông báo phát hành, nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo đỏ " Ngày in phải trước ngày thông báo phát hành" (chỉ kiểm tra với trường hợp biên lai đặt in (P))

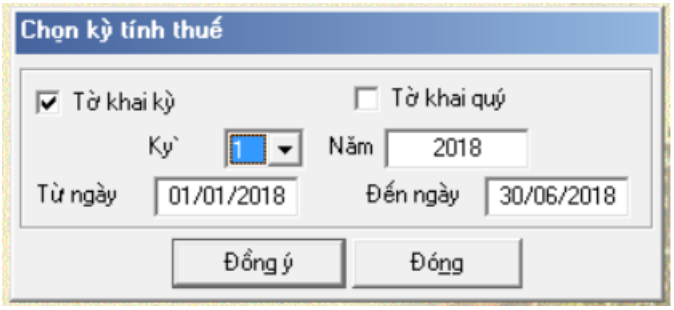
+ Doanh nghiệp in hoặc cung ứng phần mềm in biên lai
  - Tên: NSD tự nhập: Kiểu text, độ dài tối đa 250 ký tự, bắt buộc nhập
  - MST: Kiểu text, độ dài tối đa 13 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST. Bắt buộc nhập

+ Nếu Ký hiệu biên lai có ký tự cuối cùng là P (Doanh nghiệp đặt in) và không có 02 ký tự đầu là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (là Biên lai do Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đặt in) thì bắt buộc nhập các thông tin về Doanh nghiệp in và Hợp đồng đặt in, nếu để trống thì ứng dụng đưa ra cảnh báo "Tổ chức, cá nhân đặt in biên lai thu phí, lệ phí bắt buộc phải nhập thông tin Doanh nghiệp in và Hợp đồng đặt in"

3.14.2 Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in biên lai/cung cấp giải pháp biên lai điện tử theo Thông tư số 303/2016/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Biên lai thu phí, lệ phí" chọn "Báo cáo tình hình nhận in biên lai thu phí, lệ phí" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

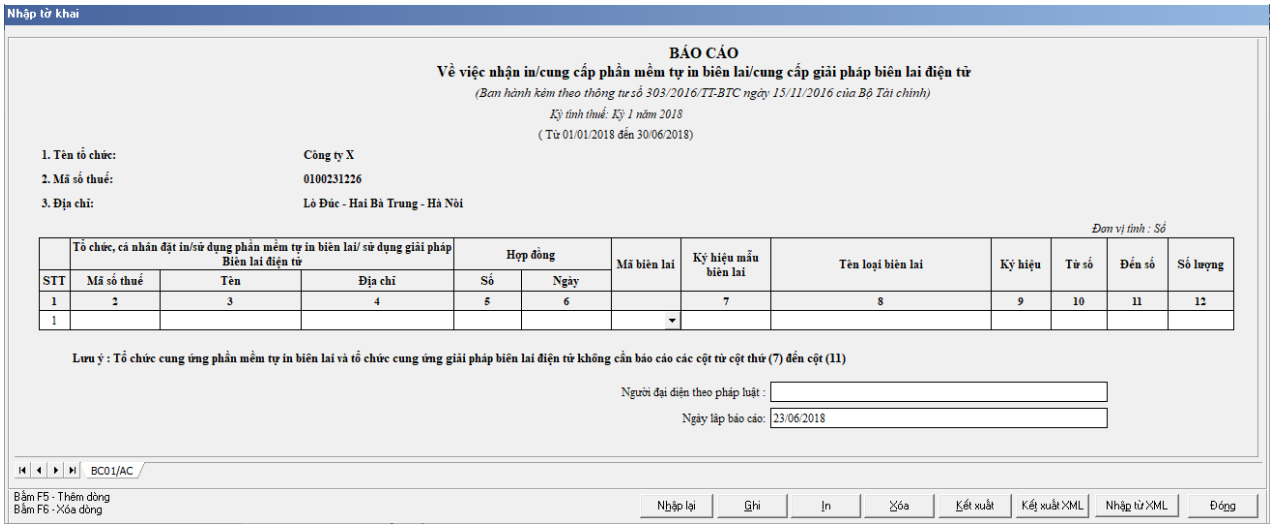


- Chọn kỳ báo cáo:

+ Từ trước 2017, cho phép chọn loại Tờ khai quý, hiển thị Từ ngày, Đến ngày tương ứng với Quý được chọn. Nếu chọn loại Tờ khai: Kỳ thì ứng dụng hiển thị thông báo:"Tờ khai chỉ được kê khai theo Kỳ với các kỳ kê khai từ 2017 trở đi"

+ Từ 2017, cho phép chọn Tờ khai kỳ gồm 2 kỳ : Kỳ 1 và Kỳ 2, và hiển thị Từ ngày, Đến ngày tương ứng với Kỳ được chọn (Kỳ 1: 01/01/2017 đến 30/06/2017; Kỳ 2: 01/07/2017 đến 31/12/2017). Nếu chọn loại Tờ khai: Quý thì ứng dụng hiển thị thông báo:"Bạn phải thực hiện kê khai theo Kỳ từ kỳ 2017"

- Chọn kỳ báo cáo và click vào bút "Đồng ý", màn hình báo cáo sẽ hiển thị như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu:

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
    - Tên tổ chức
    - Mã số thuế
    - Địa chỉ
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
    - Người đại diện theo pháp luật: Nhập kiểu text
    - Ngày lập báo cáo: mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa
    - Kỳ báo cáo cuối cùng: Nếu báo cáo là kỳ báo cáo cuối cùng thì NNT chọn ô check Kỳ báo cáo cuối cùng

Thông tin chi tiết

+ Số thứ tự: Kiểu số tự nhiên, chương trình tự động tăng
+ Tổ chức, cá nhân đặt in/sử dụng phần mềm tự in biên lai/ sử dụng giải pháp Biên lai điện tử:
    - Mã số thuế: Cho phép NSD tự nhập tối đa 13 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc mã số thuế. Bắt buộc nhập
    - Tên: Cho phép NSD tự nhập kiểu text, tối đa 200 ký tự

- Địa chỉ: Tự nhập, kiểu text, tối đa 200 ký tự

+ Hợp đồng
  - Số: Cho phép NSD tự nhập, kiểu text, tối đa 100 ký tự. Bắt buộc nhập
  - Ngày: Cho phép NSD tự nhập kiểu ngày tháng. Ngày hợp đồng phải nằm trong kỳ báo cáo, nếu không nằm trong kỳ báo cáo thì ứng dụng đưa ra cảnh báo vàng "Ngày hợp đồng phải nằm trong kỳ báo cáo. Đề nghị xem lại". Bắt buộc nhập
+ Ký hiệu mẫu: Kiểu text, bắt buộc nhập gồm 10 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc
  - 2 ký tự đầu là: 01 hoặc 02
  - 3 ký tự tiếp theo là BLP
  - 01 ký tự tiếp theo thể hiện số liên của biên lai thu phí, lệ phí từ 1 -9
  - 01 ký tự tiếp theo là "-" để phân biệt số liên với số thứ tự của mẫu trong một loại biên lai thu phí, lệ phí.
  - 03 ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại biên lai thu phí, lệ phí.
+ Trên màn hình nhập báo cáo: Thêm cột "Mã biên lai", chọn trong combobox gồm có 2 mã biên lai là 01 và 02, khi in không in ra cột này. Khi chọn Mã biên lai thì ứng dụng sẽ tự động đưa Tên biên lai tương ứng lên cột "Tên loại biên lai" đồng thời bên cột "Ký hiệu mẫu biên lai" cũng sẽ tự động lưu lại các ký tự tương ứng của cột "Mã biên lai".

Mã biên lai	Tên biên lai thu phí, lệ phí	Ký hiệu mẫu biên lai
01	Biên lai thu phí, lệ phí không c mệnh giá	01BLP
02	Biên lai thu phí, lệ phí có mệnh giá	02BLP

+ Tên loại biên lai: Ứng dụng tự động lấy lên theo Mã biên lai và cho phép sửa, độ dài tối đa 200 ký tự
+ Ký hiệu: NSD tự nhập, kiểu text, bắt buộc nhập, độ dài 6 kí tự đối với biên lai của các tổ chức cá nhân tự in, đặt in và 8 ký tự đối với cơ quan thuế. Kiểm tra đúng cấu trúc
  - Nếu chọn Mã biên lai thu phí, lệ phí là 01/BLP thì kiểm tra ký hiệu theo cấu trúc 6 hoặc 8 ký tự như sau
    - 02 ký tự đầu là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo hướng dẫn tại mục 4 Phụ lục này và chỉ áp dụng đối với Biên lai do Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đặt in để bán cho các cơ quan thu phí, lệ phí.

  - 02 ký tự tiếp theo phân biệt ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí, chọn trong danh sách 20 chữ cái tiếng việt: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.
  - 01 ký tự tiếp theo là dấu (-)
  - 02 ký tự tiếp theo là năm in biên lai thu phí, lệ phí.
  - 01 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in:
    - T: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí tự in
    - P: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí đặt in
  - Đối với biên lai có ký hiệu 6 ký tự thì không có hai ký tự đầu của mã tỉnh, thành phố
- Nếu chọn Mã biên lai thu phí, lệ phí là 02/BLP thì kiểm tra ký hiệu theo cấu trúc 6 ký tự như sau
  - 02 ký tự đầu phân biệt ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí, chọn trong danh sách 20 chữ cái tiếng việt: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.
  - 01 ký tự tiếp theo là dấu (-)
  - 02 ký tự tiếp theo là năm in biên lai thu phí, lệ phí.
  - 01 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in:
    - T: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí tự in
    - P: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí đặt in

+ Từ số: Kiểu số, NSD tự nhập.
  - Ứng dụng hỗ trợ tự sinh dạng 7 ký tự
  - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu, cùng MST
  - Từ số không âm và <= Đến số
  - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo “Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng ký hiệu, cùng MST”
  - Bắt buộc nhập
+ Đến số: Kiểu số, NSD tự nhập
  - Ứng dụng hỗ trợ tự sinh dạng 7 ký tự
  - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu, cùng MST
  - Đến số >= Từ số
  - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo

"Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng ký hiệu, cùng MST"

- Bắt buộc nhập

+ Số lượng: Kiểu số, hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa. Trường hợp NSD nhập giá trị Từ số - đến số là 0 đến 0 thì số lượng = 0

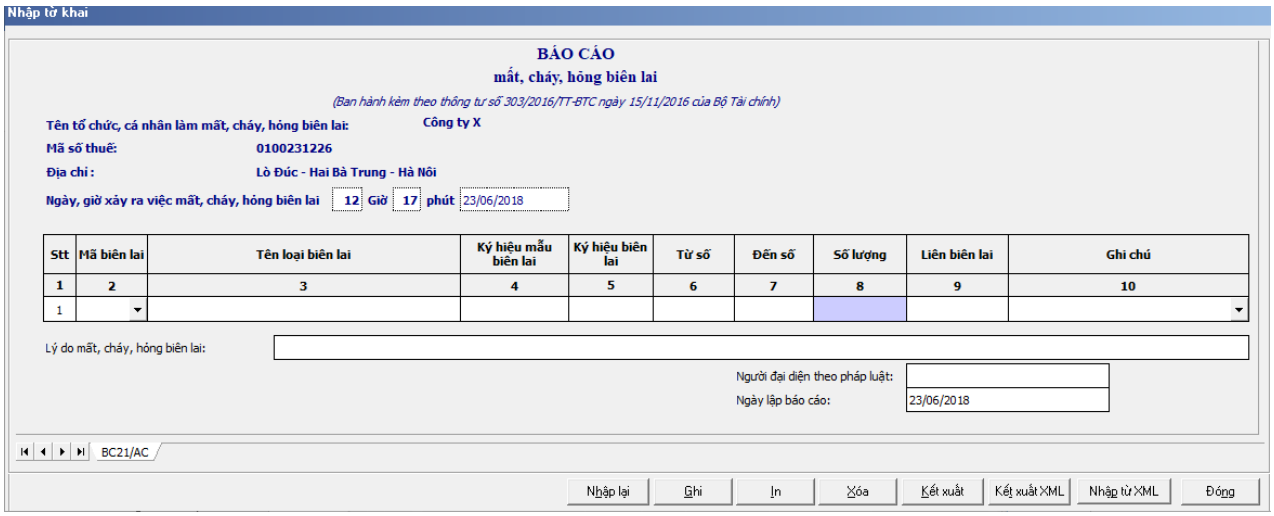
- Trường hợp kiểm tra:

+ Nếu NSD chọn cột "Mã biên lai" thì UD bắt buộc nhập các cột "Tên loại biên lai", "Ký hiệu mẫu biên lai", "Ký hiệu biên lai", "Từ số', "Đến số". Ngược lại, UD không bắt buộc, vẫn cho phép in bình thường.

3.14.3 Báo cáo mất, cháy, hỏng biên lai theo Thông tư số 303/2016/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Biên lai thu phí, lệ phí" chọn "Báo cáo mất, cháy, hỏng biên lai thu phí, lệ phí" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
  - Tên tổ chức, cá nhân làm mất, cháy, hỏng biên lai thu phí, lệ phí
  - Mã số thuế
  - Địa chỉ

+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
  - Hồi .... giờ.... ngày.... tháng... năm...., (tổ chức, cá nhân) xảy ra việc mất, cháy, hỏng biên lai như sau: bổ sung cho phép nhập cả

thông tin hh:mm

- Bắt buộc nhập thông tin hh:mm và dd/mm/yyyy
- Kiểm tra: 01/01/2011 <= Ngày mất <= Ngày báo cáo.
- (Tổ chức, cá nhân) lấy tự động từ Tên tổ chức, cá nhân làm mất, cháy, biên lai thu phí, lệ phí từ trên xuống.

- Người đại diện theo pháp luật: nhập kiểu text, bắt buộc nhập
- Ngày lập báo cáo: mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa
- Lý do mất, cháy, hỏng biên lai

Thông tin chi tiết

+ STT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Trên màn hình nhập báo cáo: Thêm cột "Mã biên lai", chọn trong combobox gồm có 2 mã biên lai là 01 và 02, khi in không in ra cột này. Khi chọn Mã biên lai thì ứng dụng sẽ tự động đưa Tên biên lai tương ứng lên cột "Tên loại biên lai" đồng thời bên cột "Ký hiệu mẫu biên lai" cũng sẽ tự động lưu lại các ký tự tương ứng của cột "Mã biên lai".

Mã biên lai	**Tên biên lai thu phí, lệ phí**	**Ký hiệu mẫu biên lai**
01	Biên lai thu phí, lệ phí không có mệnh giá	01BLP
02	Biên lai thu phí, lệ phí có mệnh giá	02BLP

+ Tên loại biên lai: Ứng dụng tự động lấy lên theo Mã biên lai và cho phép sửa, độ dài tối đa 200 ký tự
+ Ký hiệu mẫu: Kiểu text, bắt buộc nhập gồm 10 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc
    - 2 ký tự đầu là: 01 hoặc 02
    - 3 ký tự tiếp theo là BLP
    - 01 ký tự tiếp theo thể hiện số liên của biên lai thu phí, lệ phí từ 1 -9
    - 01 ký tự tiếp theo là "-" để phân biệt số liên với số thứ tự của mẫu trong một loại biên lai thu phí, lệ phí.
    - 03 ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại biên lai thu phí, lệ phí.
+ Ký hiệu: NSD tự nhập, kiểu text, bắt buộc nhập, độ dài 6 kí tự đối với biên lai của các tổ chức cá nhân tự in, đặt in và 8 ký tự đối với cơ quan thuế. Kiểm tra đúng cấu trúc
    - Nếu chọn Mã biên lai thu phí, lệ phí là 01/BLP thì kiểm tra ký hiệu theo cấu trúc 6 hoặc 8 ký tự như sau

- 02 ký tự đầu là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo hướng dẫn tại mục 4 Phụ lục này và chỉ áp dụng đối với Biên lai do Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đặt in để bán cho các cơ quan thu phí, lệ phí.
- 02 ký tự tiếp theo phân biệt ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí, chọn trong danh sách 20 chữ cái tiếng việt: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.
- 01 ký tự tiếp theo là dấu (-)
- 02 ký tự tiếp theo là năm in biên lai thu phí, lệ phí.
- 01 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in:
  - T: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí tự in
  - P: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí đặt in
- Đối với biên lai có ký hiệu 6 ký tự thì không có hai ký tự đầu của mã tỉnh, thành phố

- Nếu chọn Mã biên lai thu phí, lệ phí là 02/BLP thì kiểm tra ký hiệu theo cấu trúc 6 ký tự như sau
  - 02 ký tự đầu phân biệt ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí, chọn trong danh sách 20 chữ cái tiếng việt: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.
  - 01 ký tự tiếp theo là dấu (-)
  - 02 ký tự tiếp theo là năm in biên lai thu phí, lệ phí.
  - 01 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in:
    - T: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí tự in
    - P: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí đặt in

+ Từ số: Kiểu số, NSD tự nhập.
  - Ứng dụng hỗ trợ tự sinh dạng 7 ký tự
  - Khoảng "Từ số - Đến số" không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
  - Từ số không âm và <= Đến số
  - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng ký hiệu"
  - Bắt buộc nhập
+ Đến số: Kiểu số, NSD tự nhập
  - Ứng dụng hỗ trợ tự sinh dạng 7 ký tự
  - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
  - Đến số >= Từ số

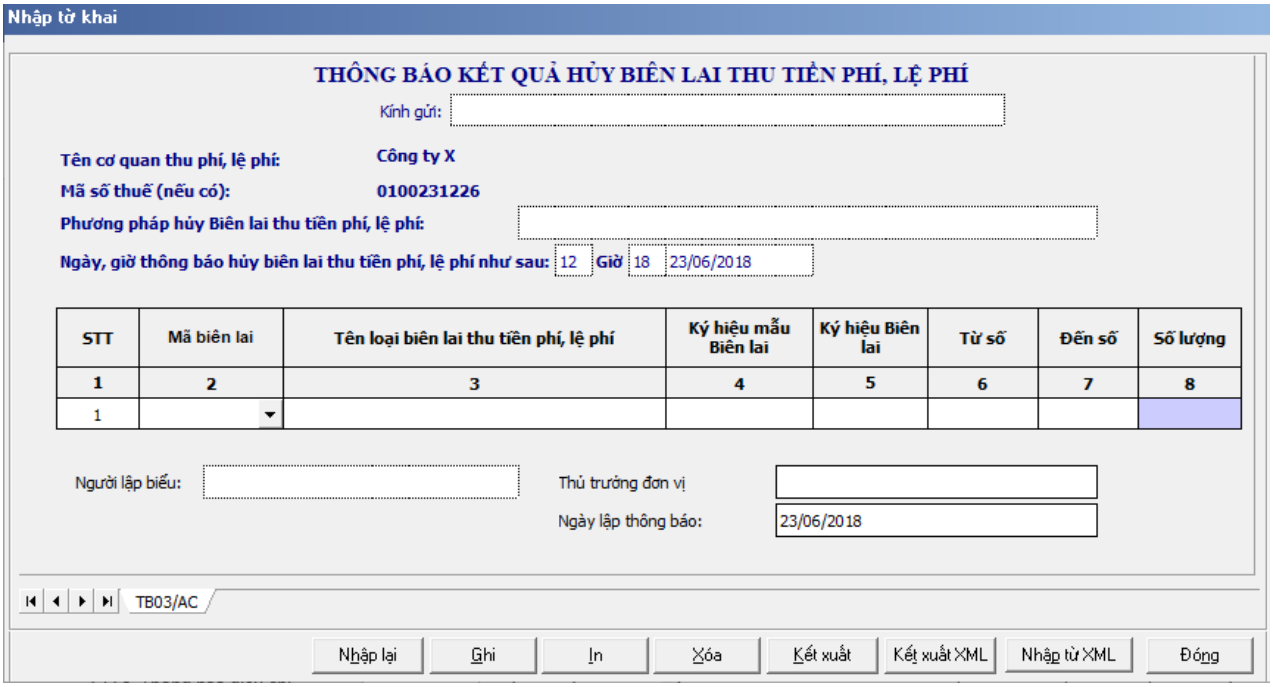
- Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng ký hiệu"
- Bắt buộc nhập

+ Số lượng: Kiểu số, hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa. Trường hợp NSD nhập giá trị Từ số - đến số là 0 đến 0 thì số lượng = 0
+ Liên biên lai thu phí, lệ phí: Tự nhập, kiểu text
+ Ghi chú: Cho phép NSD chọn trong combobox, mặc định là để trống nhưng khi Ghi dữ liệu thì kiểm tra nếu trường "Ghi chú" nếu để trống thì UD đưa ra cảnh báo đỏ. Giá trị trong combobox gồm các giá trị sau:
  - Chưa sử dụng
  - Đã viết nhưng chưa báo cáo sử dụng
  - Đã viết và đã báo cáo sử dụng

3.14.4 Thông báo kết quả hủy biên lai thu phí, lệ phí theo Thông tư số 303/2016/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Biên lai thu phí, lệ phí" chọn "Thông báo kết quả hủy biên lai thu phí, lệ phí" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
    - Tên tổ chức, cá nhân
    - Mã số thuế
    - Địa chỉ
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
    - Kính gửi: NNT tự nhập kiểu text
    - Phương pháp hủy biên lai thu phí, lệ phí: NNT tự nhập kiểu text
    - Hồi, giờ, Ngày, tháng, năm thông báo hủy biên lai thu phí, lệ phí: NNT tự nhập theo định dạng ngày tháng. (Tổ chức, cá nhân) lấy tự động từ Tên tổ chức, cá nhân từ trên xuống
    - Người đại diện theo pháp luật: NNT tự nhập kiểu text, bắt buộc nhập
    - Ngày lập báo cáo: mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa
    - Người lập biểu: NNT tự nhập kiểu text

Thông tin chi tiết

+ Trên màn hình nhập báo cáo: Thêm cột "Mã biên lai", chọn trong combobox gồm có 2 mã biên lai là 01 và 02, khi in không in ra cột này. Khi chọn Mã biên lai thì ứng dụng sẽ tự động đưa Tên biên lai tương ứng lên cột "Tên loại biên lai" đồng thời bên cột "Ký hiệu mẫu biên lai" cũng sẽ tự động lưu lại các ký tự tương ứng của cột "Mã biên lai".

Mã biên lai	Tên biên lai thu phí, lệ phí	Ký hiệu mẫu biên lai
01	Biên lai thu phí, lệ phí không có mệnh giá	01BLP
02	Biên lai thu phí, lệ phí có mệnh giá	02BLP

+ Tên loại biên lai: Ứng dụng tự động lấy lên theo Mã biên lai và cho phép sửa, độ dài tối đa 200 ký tự
+ Ký hiệu mẫu: Kiểu text, bắt buộc nhập gồm 10 ký tự, kiểm tra theo đúng cấu trúc
    - 2 ký tự đầu là: 01 hoặc 02
    - 3 ký tự tiếp theo là BLP
    - 01 ký tự tiếp theo thể hiện số liên của biên lai thu phí, lệ phí từ 1 -9
    - 01 ký tự tiếp theo là "-" để phân biệt số liên với số thứ tự của mẫu trong một loại biên lai thu phí, lệ phí.
    - 03 ký tự tiếp theo là số thứ tự của mẫu trong một loại biên lai thu phí, lệ phí.

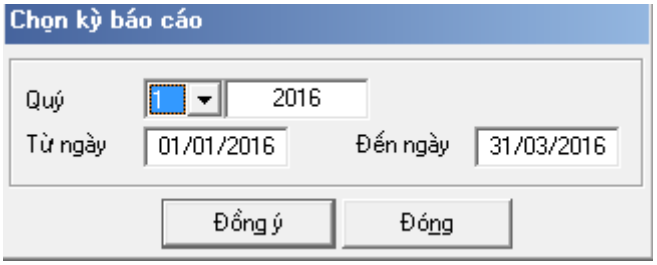
+ Ký hiệu: NSD tự nhập, kiểu text, bắt buộc nhập, độ dài 6 kí tự đối với biên lai của các tổ chức cá nhân tự in, đặt in và 8 ký tự đối với cơ quan thuế. Kiểm tra đúng cấu trúc
    - Nếu chọn Mã biên lai thu phí, lệ phí là 01/BLP thì kiểm tra ký hiệu theo cấu trúc 6 hoặc 8 ký tự như sau
        - 02 ký tự đầu là mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo hướng dẫn tại mục 4 Phụ lục này và chỉ áp dụng đối với Biên lai do Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đặt in để bán cho các cơ quan thu phí, lệ phí.
        - 02 ký tự tiếp theo phân biệt ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí, chọn trong danh sách 20 chữ cái tiếng việt: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.
        - 01 ký tự tiếp theo là dấu (-)
        - 02 ký tự tiếp theo là năm in biên lai thu phí, lệ phí.
        - 01 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in:
            - T: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí tự in
            - P: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí đặt in
    - Đối với biên lai có ký hiệu 6 ký tự thì không có hai ký tự đầu của mã tỉnh, thành phố
    - Nếu chọn Mã biên lai thu phí, lệ phí là 02/BLP thì kiểm tra ký hiệu theo cấu trúc 6 ký tự như sau
        - 02 ký tự đầu phân biệt ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí, chọn trong danh sách 20 chữ cái tiếng việt: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.
        - 01 ký tự tiếp theo là dấu (-)
        - 02 ký tự tiếp theo là năm in biên lai thu phí, lệ phí.
        - 01 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in:
            - T: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí tự in
            - P: là ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí đặt in
+ Từ số: Kiểu số, NSD tự nhập.
    - Ứng dụng hỗ trợ tự sinh dạng 7 ký tự
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Từ số không âm và <= Đến số
    - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng ký hiệu"
    - Bắt buộc nhập

+ Đến số: Kiểu số, NSD tự nhập
    - Ứng dụng hỗ trợ tự sinh dạng 7 ký tự
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Đến số >= Từ số
    - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng ký hiệu"
    - Bắt buộc nhập
+ Số lượng: Kiểu số, hỗ trợ tính theo công thức = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa. Trường hợp NSD nhập giá trị Từ số - đến số là 0 đến 0 thì số lượng = 0

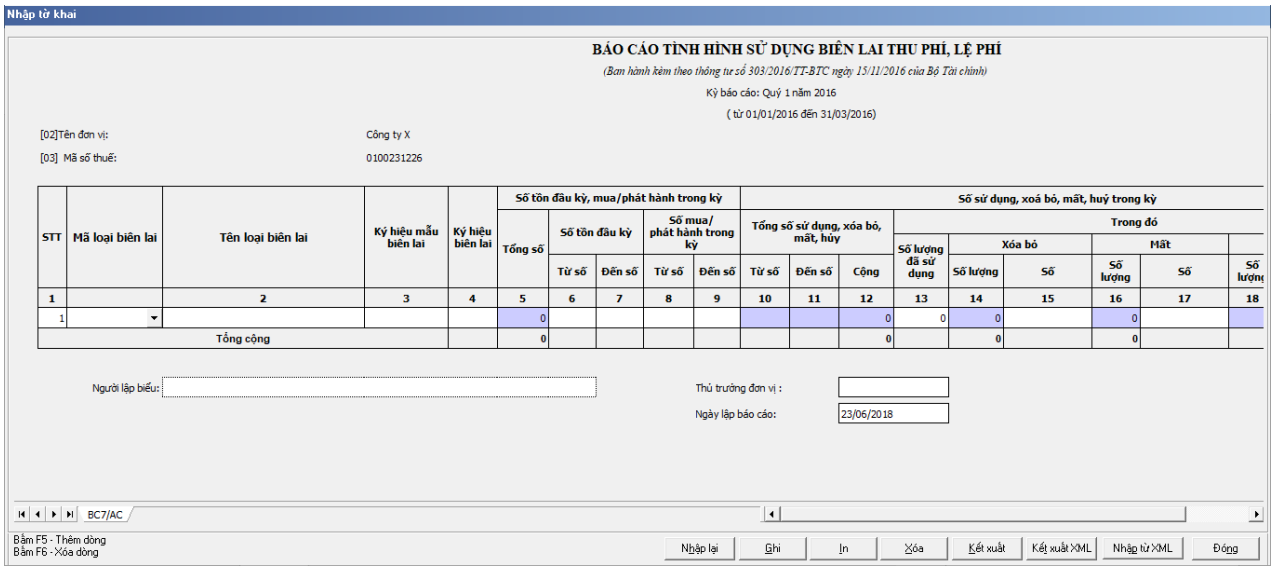
3.14.5 Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí theo Thông tư số 303/2016/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Biên lai thu phí, lệ phí" chọn "Báo cáo tình hình sử dụng biên lai thu phí, lệ phí" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Chọn kỳ báo cáo theo Quý và có thể chọn các phụ lục cần kê khai rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình báo cáo sẽ hiển thi ra như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
    - Tên tổ chức, cá nhân
    - Mã số thuế
    - Địa chỉ
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
    - Người đại diện theo pháp luật: NNT nhập kiểu text
    - Ngày lập báo cáo: mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn ngày hiện tại
    - Người lập biểu: NNT tự nhập kiểu text, bắt buộc nhập.
    - Kỳ báo cáo cuối cùng: Nếu báo cáo là kỳ báo cáo cuối cùng thì NNT chọn ô check Kỳ báo cáo cuối cùng
    - Chuyển địa điểm: NNT chọn ô check CQT có trong trường hợp chuyển địa điểm hay không

Thông tin chi tiết

+ STT: Ứng dụng hỗ trợ tự động tăng
+ Các cột Mã biên lai thu phí, lệ phí, Tên loại biên lai thu phí, lệ phí, Mẫu số: Nhập tương tự như trên Thông báo phát hành biên lai thu phí, lệ phí.
+ Ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí: Đối với biên lai thu phí, lệ phí tự in, đặt in thì nhập tương tự như ở Thông báo phát hành. Riêng đối với biên lai thu phí, lệ phí do cục thuế phát hành thì thêm 02 ký tự đầu ký hiệu (gọi là mã hoá đơn do Cục Thuế in, phát hành) (Danh sách Mã biên lai thu phí, lệ phí của Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phát hành theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 153/2010/TT-BTC).
+ Số tồn đầu kỳ: Nếu là lần đầu tiên chạy ứng dụng thì NNT tự nhập số tồn đầu kỳ của kỳ đầu, từ kỳ thứ 2 trở đi thì ứng dụng sẽ tự chuyển số tồn cuối kỳ của kỳ trước lên, cho phép sửa.

Chú ý: Nếu trên cùng một dòng thì Từ số - Đến số phải kê khai liên tiếp, nếu không liên tiếp thì phải tách dòng.

- Chỉ tiêu [5] (Tổng số): Tự tính theo công thức [5] = (([7] - [6]) + 1) + (([9] - [8]) + 1), không cho phép sửa
- Chỉ tiêu [6], [7]: NNT tự nhập kiểu số.
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Từ số [6] không âm và <= Đến số [7]
- Chỉ tiêu [7]: Đến số: Kiểu số, NNT tự nhập kiểu số

  - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
  - Đến số [7] >= Từ số [6]

+ Số mua/phát hành trong kỳ
  - Chỉ tiêu [8]: NNT tự nhập kiểu số.
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Từ số [8] không âm và <= Đến số [9]
  - Chỉ tiêu [9]: NNT tự nhập kiểu số
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Đến số [9] >= Từ số [8]

Chú ý: Nếu trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, cùng mẫu số, cùng ký hiệu mà có nhiều khoảng số lượng tồn đầu kỳ (Khoảng [06] đến [07]) thì phải nhập giá trị của số mua/ phát hành trong kỳ ở dòng mà có giá trị của chỉ tiêu [07] lớn nhất và giá trị Từ số [08] phải bằng giá trị của chỉ tiêu [07] + 1

+ Chỉ tiêu [13](Số lượng đã sử dụng): NNT tự nhập kiểu số và nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [5] (Tổng số tồn đầu kỳ, mua/phát hành trong kỳ)
+ Các chỉ tiêu [15], [17], [19]: NNT tự nhập kiểu text và các số này phải nằm trong khoảng {[10], [11]} và không được trùng nhau, không giao nhau
  - Trong cùng một loại biên lai thu phí, lệ phí, mẫu biên lai thu phí, lệ phí và ký hiệu biên lai thu phí, lệ phí thì các dòng không được giao nhau, trùng nhau.
  - Nếu là các Số không liên tiếp kê khai dưới dạng liệt kê thì được ngăn cách nhau bằng dấu (;): VD: 8;12;22 (3 số)
  - Nếu là các số liên tiếp trong 1 khoảng thì kê khai dưới dạng khoảng và sử dụng dấu (-). VD: 51-100 (50 số)

- Các chỉ tiêu tự tính: Xét 3 trường hợp
  + Trường hợp 1: Chỉ tiêu [6] = 0 và [7] = 0 và [8] và [9] <> 0. Khi đó
    - Chỉ tiêu [5] = ([9] – [8]) + 1
    - Chỉ tiêu [10] = chỉ tiêu [8]
    - Chỉ tiêu [11] = [10] + [12] – 1 và [11] nhỏ hơn hoặc bằng [9]
    - Chỉ tiêu [12] = [13] + [14] + [16] + [18].
    - Chỉ tiêu [14], [16], [18] tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [15], [17], [19]
    - Tồn cuối kỳ

- Nếu [5] = [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì các chỉ tiêu [20], [21], [22] đều bằng 0
- Nếu [5] > [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì chỉ tiêu [20] = [11] + 1; chỉ tiêu [21] = [9]
- Chỉ tiêu [22] = ([21] – [20]) +1
- Nếu [13] + [14] + [16] + [18] = 0 thì ([20] = [8] ; [21] = [9])

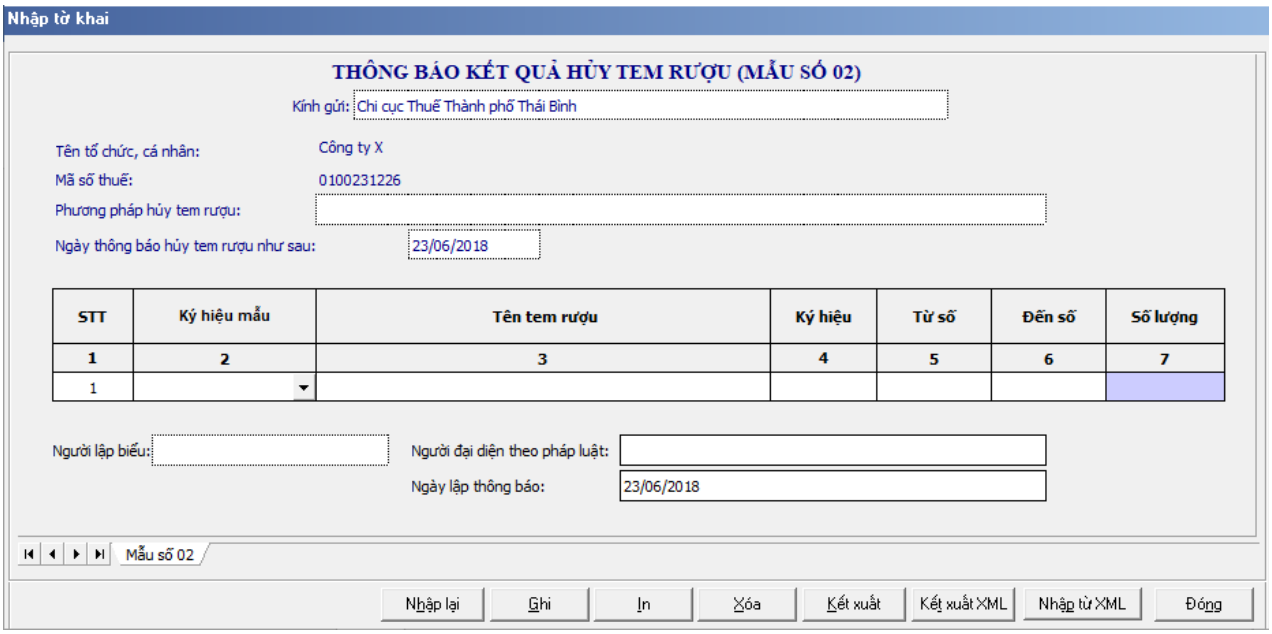
+ Trường hợp 2: Chỉ tiêu [8] = 0 và [9] = 0 và [6] và [7] <> 0. Khi đó
  - Chỉ tiêu [5] = ([7] – [6]) + 1
  - Chỉ tiêu [10] = chỉ tiêu [6]
  - Chỉ tiêu [11] = [10] + [12] – 1 và [11] nhỏ hơn hoặc bằng [7]
  - Chỉ tiêu [12] = [13] + [14] + [16] + [18].
  - Chỉ tiêu [14], [16], [18] tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [15], [17], [19]
  - Tồn cuối kỳ
    - Nếu [5] = [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì các chỉ tiêu [20], [21], [22] đều bằng 0
    - Nếu [5] > [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì chỉ tiêu [20] = [11] + 1; chỉ tiêu [21] = [7]
    - Chỉ tiêu [22] = ([21] – [20]) +1
    - Nếu [13] + [14] + [16] + [18] = 0 thì ([20] = [6] ; [21] = [7])
+ Trường hợp 3: Chỉ tiêu [6]<> 0, [7] <> 0, [8] và [9] <> 0. Khi đó
  - Kiểm tra bắt buộc Chỉ tiêu [8]= chỉ tiêu [7]+1
  - Chỉ tiêu [5] = (([7] – [6]) + 1) + (([9] – [8]) + 1) hoặc [5]= [9]-[6]+1
  - Chỉ tiêu [10] = chỉ tiêu [6]
  - Chỉ tiêu [11] = [10] + [12] – 1 và [11] nhỏ hơn hoặc bằng [9]
  - Chỉ tiêu [12] = [13] + [14] + [16] + [18] và [12] <= [5].
  - Chỉ tiêu [14], [16], [18] tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [15], [17], [19]
  - Tồn cuối kỳ
    - Nếu [5] = [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì các chỉ tiêu [20], [21], [22] đều bằng 0
    - Nếu [5] > [12] và [13] + [14] + [16] + [18] <> 0 thì chỉ tiêu [20] = [11] + 1; chỉ tiêu [21] = [9]
    - Chỉ tiêu [22] = ([21] – [20]) +1
    - Nếu [13] + [14] + [16] + [18] = 0 thì ([20] = [6] ; [21] = [9])

3.15 Hướng dẫn thực hiện chức năng tạo các mẫu tem rượu

3.15.1 Thông báo kết quả hủy tem rượu – Mẫu 02 theo Thông tư số 160/2013/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tem rượu" chọn "Thông báo kết quả hủy tem rượu (mẫu 02)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra màn hình tờ khai như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
  - Tên tổ chức, cá nhân
  - Mã số thuế
  - Địa chỉ
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
  - Kính gửi: UD hỗ trợ lấy thông tin Cơ quan thuế quản lý từ thông tin chung lên, không sửa
  - Phương pháp hủy hóa đơn:
    - NSD tự nhập kiểu text
    - Nhập tối đa 200 ký tự
    - Bắt buộc nhập
  - Ngày, tháng, năm thông báo hủy hóa đơn:
    - Cho phép NSD tự nhập theo định dạng dd/mm/yyyy

  - Kiểm tra ngày hủy không được lớn hơn ngày hiện tại, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Ngày hủy hóa đơn không được lớn hơn ngày hiện tại"
  - Kiểm tra ngày hủy phải lớn hơn hoặc bằng ngày 01/01/2014, nếu không thỏa mãn ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Ngày hủy hóa đơn phải lớn hơn hoặc bằng ngày 01/01/2014"
  - Bắt buộc nhập
- (Tổ chức, cá nhân) lấy tự động từ Tên tổ chức, cá nhân từ trên xuống
- Người đại diện theo pháp luật: mặc định thông tin người ký từ Thông tin chung, cho phép sửa kiểu text, bắt buộc nhập
- Ngày lập thông báo:
  - Mặc định là ngày hiện tại, cho phép sửa
  - Kiểm tra: Ngày hủy <= ngày lập thông báo<= ngày hiện tại. Nếu không thỏa mãn thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ "Ngày lập thông báo hủy phải lớn hơn hoặc bằng ngày hủy và không được lớn hơn ngày hiện tại"
  - Bắt buộc nhập
- Người lập biểu: Bắt buộc nhập kiểu text

Thông tin chi tiết

+ Chỉ tiêu [1] – STT: tự động tăng giảm
+ Chỉ tiêu [2]- Ký hiệu mẫu: Cho phép chọn trong danh sách tem rượu TCT phát hành đang đăng ký sử dụng theo quy định thông tư 160/2013/TT-BTC, 4 ký tự đầu bắt buộc gồm:
+ TR01…(TR01T, TR01C, TR01R)
+ TR02…(TR02T, TR02C)
+ Chỉ tiêu [3]- Tên tem: Ứng dụng tự hiển thị tên tem tương ứng với ký hiệu mẫu tem rượu được chọn

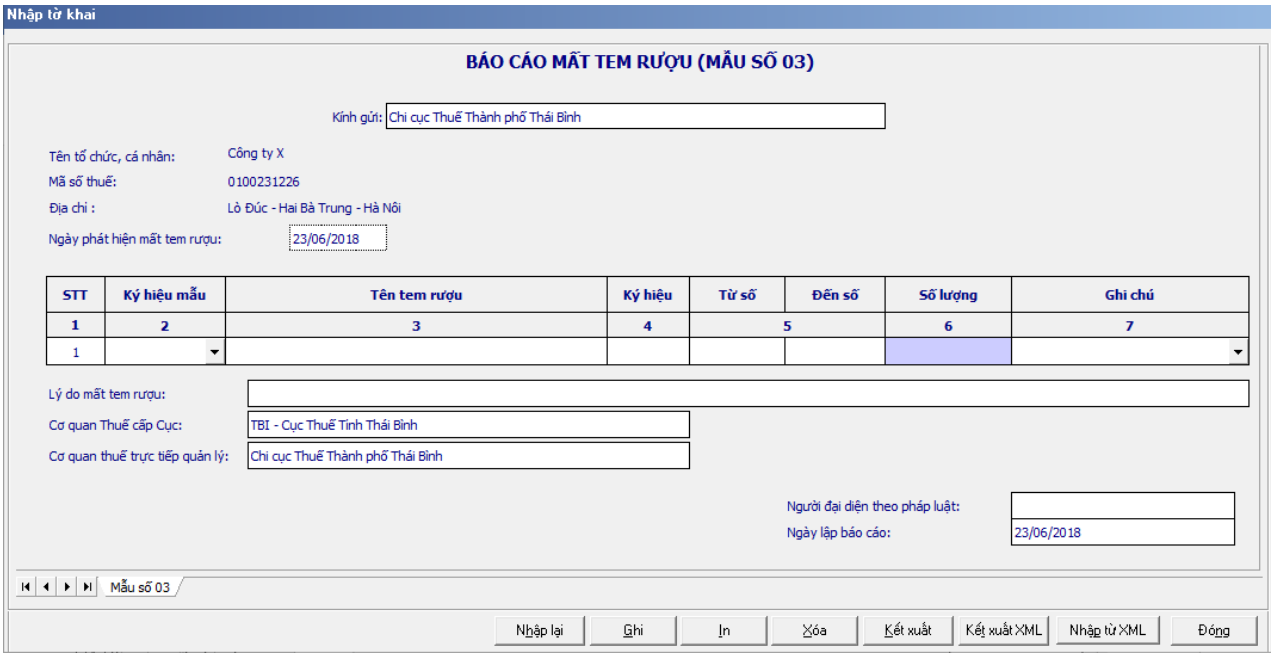
STT	Loại tem rượu	Ký hiệu
1	Tem rượu SX trong nước >= 20 độ dùng cho dán bằng tay	TR01T
2	Tem rượu SX trong nước >= 20 độ dùng cho dán bằng máy tốc độ cao	TR01R
3	Tem rượu SX trong nước >= 20 độ dùng cho dán bằng máy tốc độ thấp	TR01C
4	Tem rượu SX trong nước < 20 độ dùng cho dán bằng tay	TR02T
5	Tem rượu SX trong nước < 20 độ dán bằng máy tốc độ thấp	TR02C

+ Chỉ tiêu [4]- Ký hiệu: NSD tự nhập, kiểu text, gồm 6 ký tự, bắt buộc nhập, Kiểm tra cấu trúc tem rượu, cụ thể như sau:
    - 02 ký tự đầu phân biệt ký hiệu tem rượu, chọn trong danh sách 20 chữ cái tiếng việt: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.
    - 01 ký tự tiếp theo là dấu (/)
    - 02 ký tự tiếp theo là năm in tem rượu.
    - 01 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in:
        - P: là ký hiệu tem rượu đặt in
+ Chỉ tiêu [5]- Từ số: Hệ thống tự sinh 7 chữ số cho phép NSD nhập (Số thứ tự tem rượu theo TT 160 từ số 0.000.001 đến số 9.999.999)
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu
    - Kiểm tra Từ số [5] <= Đến số [6]
    - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu"
+ Chỉ tiêu [6]- Đến số: Hệ thống tự sinh 7 chữ số cho phép NSD nhập (Số thứ tự tem rượu theo TT 160 từ số 0.000.001 đến số 9.999.999)
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu
    - Kiểm tra Từ số [5] <= Đến số [6]
    - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu"
+ Chỉ tiêu [7] - Số lượng = (Đến số [6] - Từ số [5]) + 1, không cho phép sửa. Trường hợp NSD nhập giá trị Từ số - đến số là 0 đến 0 thì số lượng = 0

3.15.2 Báo cáo mất tem rượu – Mẫu 03 theo Thông tư số 160/2013/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tem rượu" chọn "Báo cáo mất tem rượu (mẫu 03)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra màn hình tờ khai như sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
    - Tên tổ chức, cá nhân
    - Mã số thuế
    - Địa chỉ
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:
    - Kính gửi: UD hỗ trợ lấy thông tin Cơ quan thuế quản lý từ thông tin chung lên, không sửa
    - Cơ quan thuế cấp Cục: UD hỗ trợ lấy từ thông tin chung lên, không sửa
    - Cơ quan thuế trực tiếp quản lý: UD hỗ trợ lấy từ thông tin chung lên, không sửa
    - Ngày tháng năm mất tem rượu: Cho phép nhập kiểu DD/MM/YYYY. Kiểm tra: 01/01/2014 <= ngày tháng năm mất tem rượu <= ngày báo cáo
    - Người đại diện theo pháp luật: Kiểu text, độ dài tối đa 45 ký tự,

bắt buộc nhập

- Lý do mất tem rượu: Bắt buộc nhập kiểu text, tối đa 200 ký tự

Thông tin chi tiết

+ Chỉ tiêu [1] – STT: tự động tăng giảm
+ Chỉ tiêu [2]- Ký hiệu mẫu: Cho phép chọn trong danh sách tem rượu TCT phát hành đang đăng ký sử dụng theo quy định thông tư 160/2013/TT-BTC, 4 ký tự đầu bắt buộc gồm:
+ TR01…(TR01T, TR01C, TR01R)
+ TR02…(TR02T, TR02C)
+ Chỉ tiêu [3]- Tên tem: Ứng dụng tự hiển thị tên tem tương ứng với ký hiệu mẫu tem rượu được chọn

STT	Loại tem rượu	Ký hiệu
1	Tem rượu SX trong nước >= 20 độ dùng cho dán bằng tay	TR01T
2	Tem rượu SX trong nước >= 20 độ dùng cho dán bằng máy tốc độ cao	TR01R
3	Tem rượu SX trong nước >= 20 độ dùng cho dán bằng máy tốc độ thấp	TR01C
4	Tem rượu SX trong nước < 20 độ dùng cho dán bằng tay	TR02T
5	Tem rượu SX trong nước < 20 độ dán bằng máy tốc độ thấp	TR02C

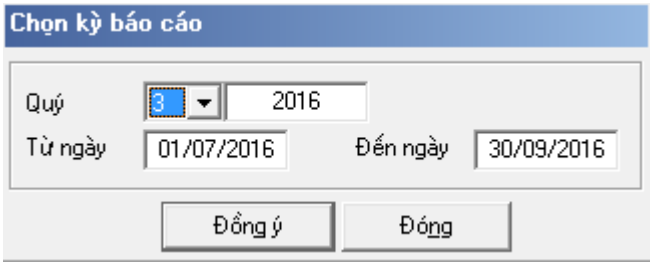
+ Chỉ tiêu [4]- Ký hiệu: NSD tự nhập, kiểu text, gồm 6 ký tự, bắt buộc nhập, Kiểm tra cấu trúc tem rượu, cụ thể như sau:
    - 02 ký tự đầu phân biệt ký hiệu tem rượu, chọn trong danh sách 20 chữ cái tiếng việt: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.
    - 01 ký tự tiếp theo là dấu (/)
    - 02 ký tự tiếp theo là năm in tem rượu.
    - 01 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in:
        - P: là ký hiệu tem rượu đặt in
+ Chỉ tiêu [5]- Từ số - Đến số: Hệ thống tự sinh 7 chữ số cho phép NSD nhập (Số thứ tự tem rượu theo TT 160 từ số 0.000.001 đến số 9.999.999)
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu
    - Kiểm tra Từ số <= Đến số
    - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu"

+ Chỉ tiêu [6]- Số lượng = (Đến số - Từ số) + 1, không cho phép sửa. Trường hợp NSD nhập giá trị Từ số - đến số là 0 đến 0 thì số lượng = 0
+ Chỉ tiêu [7] - Ghi chú: Cho phép chọn 1 trong 3 loại sau:
    - Chưa sử dụng
    - Đã dùng nhưng chưa báo cáo sử dụng
    - Đã dùng nhưng đã báo cáo sử dụng

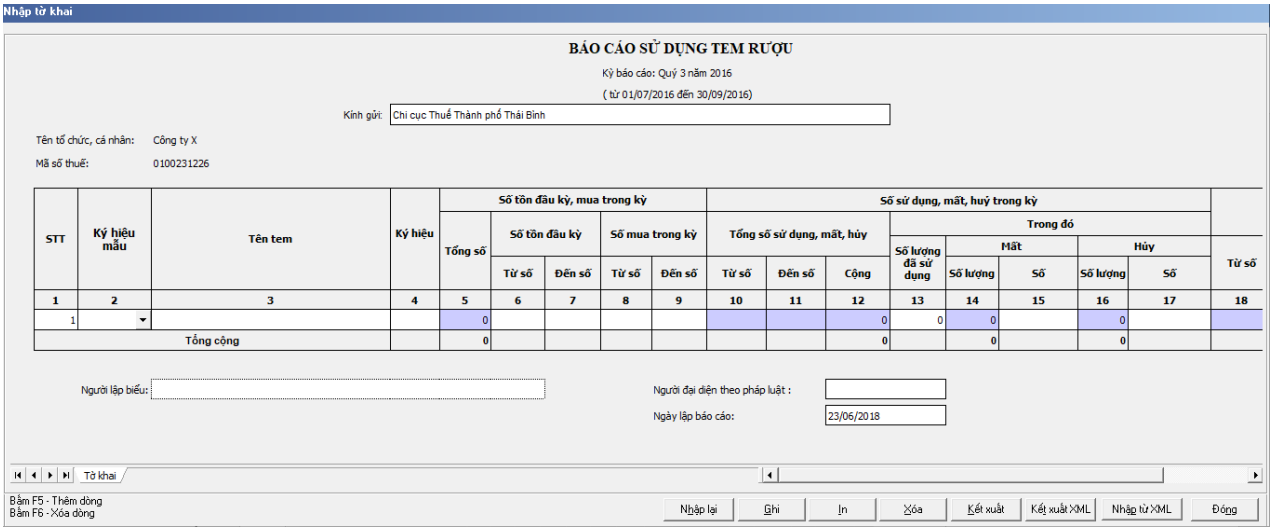
3.15.3 Báo cáo sử dụng tem rượu – Mẫu 06 theo Thông tư số 160/2013/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Tem rượu" chọn "Báo cáo sử dụng tem rượu (mẫu 06)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình tờ khai sau:



- Hướng dẫn nhập dữ liệu :

Thông tin chung

+ Các thông tin được lấy dữ liệu từ phần Thông tin chung được kê khai trong chức năng "Thông tin doanh nghiệp" gồm các thông tin sau:
    - Tên tổ chức, cá nhân
    - Mã số thuế
+ Các thông tin NNT tự nhập gồm các thông tin sau:

- Kính gửi: UD hỗ trợ lấy thông tin Cơ quan thuế quản lý từ thông tin chung lên, không sửa
- Người đại diện theo pháp luật: Kiểu text, độ dài tối đa 45 ký tự, bắt buộc nhập
- Người lập biểu: Bắt buộc nhập kiểu text

Thông tin chi tiết

+ Chỉ tiêu [1] – STT: tự động tăng giảm
+ Chỉ tiêu [2]- Ký hiệu mẫu: Cho phép chọn trong danh sách tem rượu TCT phát hành đang đăng ký sử dụng theo quy định thông tư 160/2013/TT-BTC, 4 ký tự đầu bắt buộc gồm:
  - TR01…(TR01T, TR01C, TR01R)
  - TR02…(TR02T, TR02C)
+ Chỉ tiêu [3]- Tên tem: Ứng dụng tự hiển thị tên tem tương ứng với ký hiệu mẫu tem rượu được chọn

STT	Loại tem rượu	Ký hiệu
1	Tem rượu SX trong nước >= 20 độ dùng cho dán bằng tay	TR01T
2	Tem rượu SX trong nước >= 20 độ dùng cho dán bằng máy tốc độ cao	TR01R
3	Tem rượu SX trong nước >= 20 độ dùng cho dán bằng máy tốc độ thấp	TR01C
4	Tem rượu SX trong nước < 20 độ dùng cho dán bằng tay	TR02T
5	Tem rượu SX trong nước < 20 độ dán bằng máy tốc độ thấp	TR02C

+ Chỉ tiêu [4]- Ký hiệu: NSD tự nhập, kiểu text, gồm 6 ký tự, bắt buộc nhập, Kiểm tra cấu trúc tem rượu, cụ thể như sau:
  - 02 ký tự đầu phân biệt ký hiệu tem rượu, chọn trong danh sách 20 chữ cái tiếng việt: A, B, C, D, E, G, H, K, L, M, N, P, Q, R, S, T, U, V, X, Y.
  - 01 ký tự tiếp theo là dấu (/)
  - 02 ký tự tiếp theo là năm in tem rượu.
  - 01 ký tự tiếp theo phân biệt hình thức in:
    - P: là ký hiệu tem rượu đặt in
+ Số tồn đầu kỳ: Cho phép NSD nhập lần đầu tiên, từ lần thứ 2 trở đi thì ứng dụng sẽ tự chuyển số tồn cuối kỳ của kỳ trước lên, cho phép sửa nhưng có cảnh báo vàng "Số lượng tồn đầu kỳ này khác với số lượng tồn cuối kỳ trước. Đề nghị xem lại".

Nguyên tắc chung: Trên cùng một dòng thì Từ số - Đến số phải kê khai liên tiếp, nếu không liên tiếp thì phải tách dòng.

+ Chỉ tiêu [5] (Tổng số): Tự tính theo công thức [5] = (([7] - [6]) + 1) + (([9] - [8]) + 1), không cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [6]: Từ số: Cho phép NSD nhập dạng số>0 , tối đa 7 ký tự
    - Bắt buộc nhập nếu có giá trị Đến số
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu
    - Từ số [6] và <= Đến số [7]
    - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu"
+ Chỉ tiêu [7]: Đến số: Cho phép NSD nhập dạng số>0 , tối đa 7 ký tự
    - Bắt buộc nhập nếu có giá trị Từ số
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu
    - Đến số [7] >= Từ số [6]
    - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu"
+ Chỉ tiêu [8]: Từ số: Cho phép NSD nhập dạng số>0 , tối đa 7 ký tự
    - Bắt buộc nhập nếu có giá trị Đến số
    - Kiểm tra nếu [6], [7] <>0, [8], [9] <>0 → [8] = [7] + 1, nếu khác thì cảnh báo đỏ
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu
    - Từ số [8] không âm và <= Đến số [9]
    - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu"
+ Chỉ tiêu [9]: Đến số: Cho phép NSD nhập dạng số >0, tối đa 7 ký tự
    - Bắt buộc nhập nếu có giá trị Từ số
    - Khoảng (Từ số - Đến số) không được giao nhau trong cùng một loại tem rượu, cùng mẫu số, cùng kí hiệu
    - Đến số [9] >= Từ số [8]
    - Tất cả các dòng giao nhau thì đều báo đỏ với câu cảnh báo "Khoảng (Từ số - đến số) không được giao nhau trong cùng một mẫu tem rượu, cùng ký hiệu"

+ Chỉ tiêu [13]- Số lượng đã sử dụng: Cho phép NSD tự nhập kiểu số và nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [5] (Tổng số tồn đầu kỳ, mua/phát hành trong kỳ)
+ Các chỉ tiêu [15], [17]: Cho phép NSD tự nhập kiểu text và kiểm tra các số này phải nằm trong khoảng {[10], [11]} và không được trùng nhau, không giao nhau. Nếu không thỏa mãn điều kiện này thì ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Các số xóa bỏ, mất phải nằm trong khoảng {[10], [11]} và không được trùng nhau, giao nhau ".
    - Trong cùng một mẫu tem rượu và ký hiệu tem rượu thì các dòng không được giao nhau, trùng nhau. Nếu không thỏa mãn điều kiện này thì ứng dụng sẽ đưa ra cảnh báo đỏ "Trong cùng một mẫu tem rượu và ký hiệu tem rượu thì các dòng không được giao nhau, trùng nhau"
    - Nếu là các Số không liên tiếp kê khai dưới dạng liệt kê thì được ngăn cách nhau bằng dấu (;): VD: 8;12;22 (3 số)
    - Nếu là các số liên tiếp trong 1 khoảng thì kê khai dưới dạng khoảng và sử dụng dấu (-). VD: 51-100 (50 số)

Các chỉ tiêu tự tính: Xét 3 trường hợp

+ Trường hợp 1: Chỉ tiêu [6] = 0 và [7] = 0 và [8] và [9] <> 0. Khi đó
    - Chỉ tiêu [5] = ([9] – [8]) + 1
    - Chỉ tiêu [10] = chỉ tiêu [8]
    - Chỉ tiêu [11] = [10] + [12] – 1 và [11] nhỏ hơn hoặc bằng [9]
    - Chỉ tiêu [12] = [13] + [14] + [16]. Nếu không thỏa mãn điều kiện này thì ứng dụng cho báo đỏ tất cả các dòng [12], [13], [14], [16] với câu cảnh báo " Tổng các chỉ tiêu [13], [14], [16] phải bằng chỉ tiêu [12]".
    - Chỉ tiêu [14] tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [15]
    - Chỉ tiêu [16] tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [17]
    - Tồn cuối kỳ
        - Nếu [5] = [12] và [13] + [14] + [16] <> 0 thì các chỉ tiêu [18], [19], [20] đều bằng 0
        - Nếu [5] > [12] và [13] + [14] + [16] <> 0 thì chỉ tiêu [18] = [11] + 1; chỉ tiêu [19] = [9], chỉ tiêu [20] = ([19] – [18]) +1
        - Nếu [13] + [14] + [16] = 0 thì ([19] = [8] ; [20] = [9])
    - Đề nghị hỗ trợ cập nhật Số tồn đầu kỳ sau = Số tồn cuối kỳ trước chuyển sang

+ Trường hợp 2: Chỉ tiêu [8] = 0 và [9] = 0 và [6] và [7] <> 0. Khi đó
    - Chỉ tiêu [5] = ([7] – [6]) + 1
    - Chỉ tiêu [10] = chỉ tiêu [6]
    - Chỉ tiêu [11] = [10] + [12] – 1 và [11] nhỏ hơn hoặc bằng [7]
    - Chỉ tiêu [12] = [13] + [14] + [16]. Nếu không thỏa mãn điều kiện này thì ứng dụng cho báo đỏ tất cả các dòng [12], [13], [14], [16] với câu cảnh báo " Tổng các chỉ tiêu [13], [14], [16] phải bằng chỉ tiêu [12]".
    - Chỉ tiêu [14] tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [15]
    - Chỉ tiêu [16] tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [17]
    - Tồn cuối kỳ
        - Nếu [5] = [12] và [13] + [14] + [16] <> 0 thì các chỉ tiêu [18], [19], [20] đều bằng 0
        - Nếu [5] > [12] và [13] + [14] + [16] <> 0 thì chỉ tiêu [18] = [11] + 1; chỉ tiêu [19] = [7], chỉ tiêu [20] = ([19] – [18]) +1
        - Nếu [13] + [14] + [16] = 0 thì ([18] = [6] ; [19] = [7])
    - Đề nghị hỗ trợ cập nhật Số tồn đầu kỳ sau = Số tồn cuối kỳ trước chuyển sang
+ Trường hợp 3: Chỉ tiêu [6]<> 0, [7] <> 0, [8] và [9] <> 0. Khi đó
    - Kiểm tra bắt buộc Chỉ tiêu [8]= chỉ tiêu [7]+1
    - Chỉ tiêu [5] = (([7] – [6]) + 1) + (([9] – [8]) + 1)
    - Chỉ tiêu [10] = chỉ tiêu [6]
    - Chỉ tiêu [11] = [10] + [12] – 1 và [11] nhỏ hơn hoặc bằng [9]
    - Chỉ tiêu [12] = [13] + [14] + [16] và [12] <= [5]. Nếu không thỏa mãn điều kiện này thì ứng dụng cho báo đỏ tất cả các dòng [12], [13], [14], [16] với câu cảnh báo " Tổng các chỉ tiêu [13], [14], [16] phải bằng chỉ tiêu [12]".
    - Chỉ tiêu [14 tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [15]
    - Chỉ tiêu [16] tự động tính bằng cách đếm hoặc trừ từ chỉ tiêu [17]
    - Tồn cuối kỳ
        - Nếu [5] = [12] và [13] + [14] + [16] <> 0 thì các chỉ tiêu [18], [19], [20] đều bằng 0
        - Nếu [5] > [12] và [13] + [14] + [16] <> 0 thì chỉ tiêu [18] = [11] + 1; chỉ tiêu [19] = [9], chỉ tiêu [20] = ([19] – [18]) +1
        - Nếu [13] + [14] + [16] + [18] = 0 thì ([18] = [6] ; [19] = [9])

- Đề nghị hỗ trợ cập nhật Số tồn đầu kỳ sau = Số tồn cuối kỳ trước chuyển sang

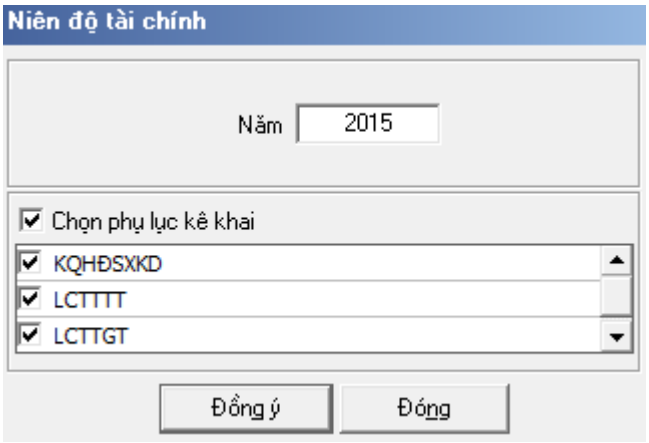
+ *Ràng buộc giữa bảng kê với báo cáo:*
  - Thêm dòng Tổng cộng: Lấy tổng của cột số lượng.

3.16 Hướng dẫn thực hiện chức năng lập báo cáo tài chính

3.16.1 Lập Bộ Báo cáo tài chính theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC

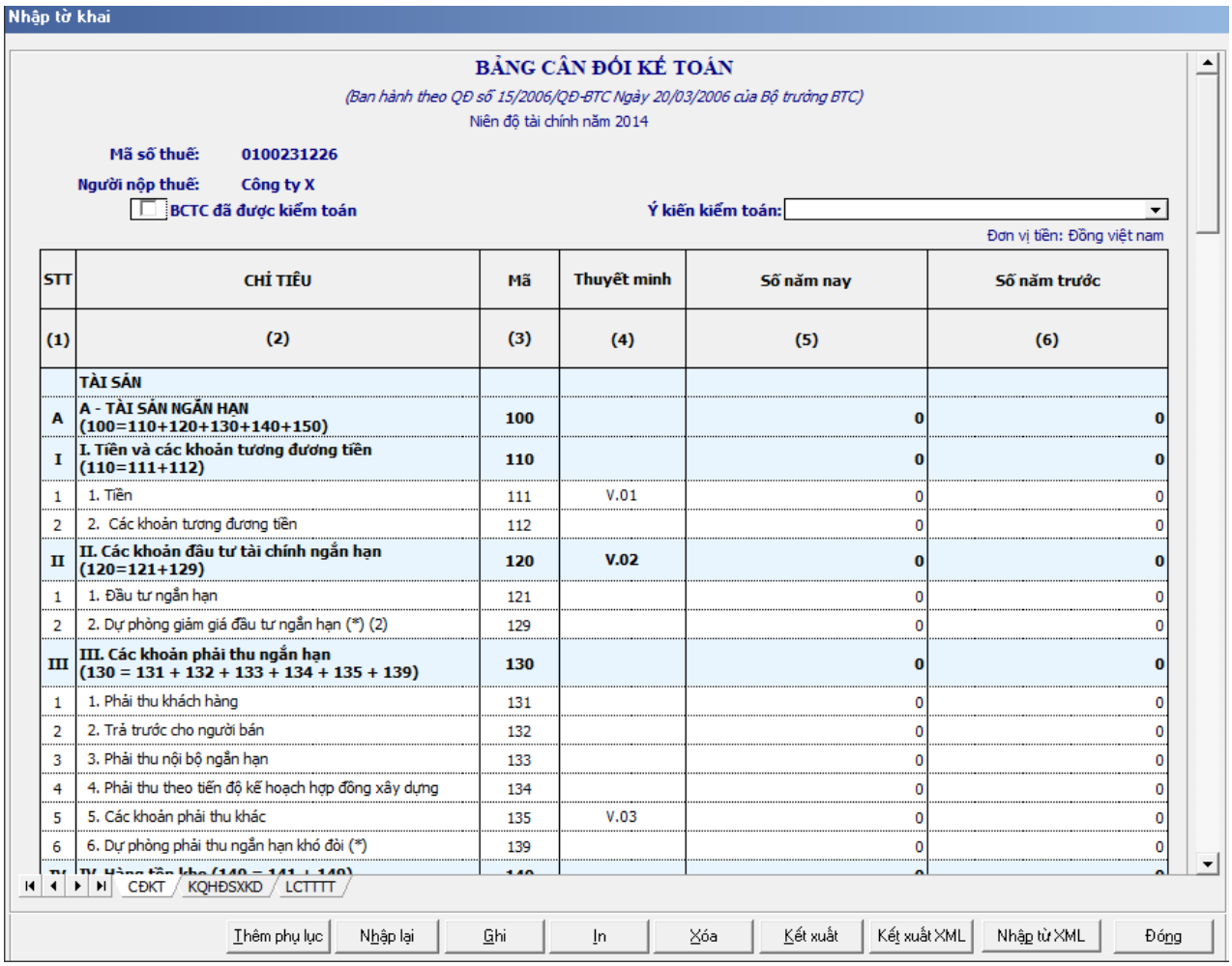
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính (QĐ 15/2006-BTC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT. Bạn có chắc chắn nhận cả hai phụ lục này không?" Nếu chọn "Có" ứng dụng vẫn cho phép kê khai đồng thời hai phụ lục, nếu chọn " Không" thì ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.1.1 Bảng cân đối kế toán cho DN theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC



STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TÀI SẢN				
A	**A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)**	**100**		**0**	**0**
I	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110=111+112)**	**110**		**0**	**0**
1	1. Tiền	111	V.01	0	0
2	2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn (120=121+129)**	**120**	**V.02**	**0**	**0**
1	1. Đầu tư ngắn hạn	121		0	0
2	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129		0	0
III	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 + 133 + 134 + 135 + 139)**	**130**		**0**	**0**
1	1. Phải thu khách hàng	131		0	0
2	2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5	5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	0	0
6	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		0	0

- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  - + Bổ sung thêm nút checkbox "BCTC đã được kiểm toán"
    - Cho phép check chọn hoặc bỏ check, không bắt buộc.
    - Mặc định là không check
  - + Combobox “Ý kiến kiểm toán”: không chọn được nếu không check chọn “BCTC đã được kiểm toán”, bắt buộc chọn nếu check chọn “BCTC đã được kiểm toán” gồm 04 giá trị:
    - Ý kiến trái ngược
    - Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến
    - Ý kiến ngoại trừ
    - Ý kiến chấp nhận toàn phần

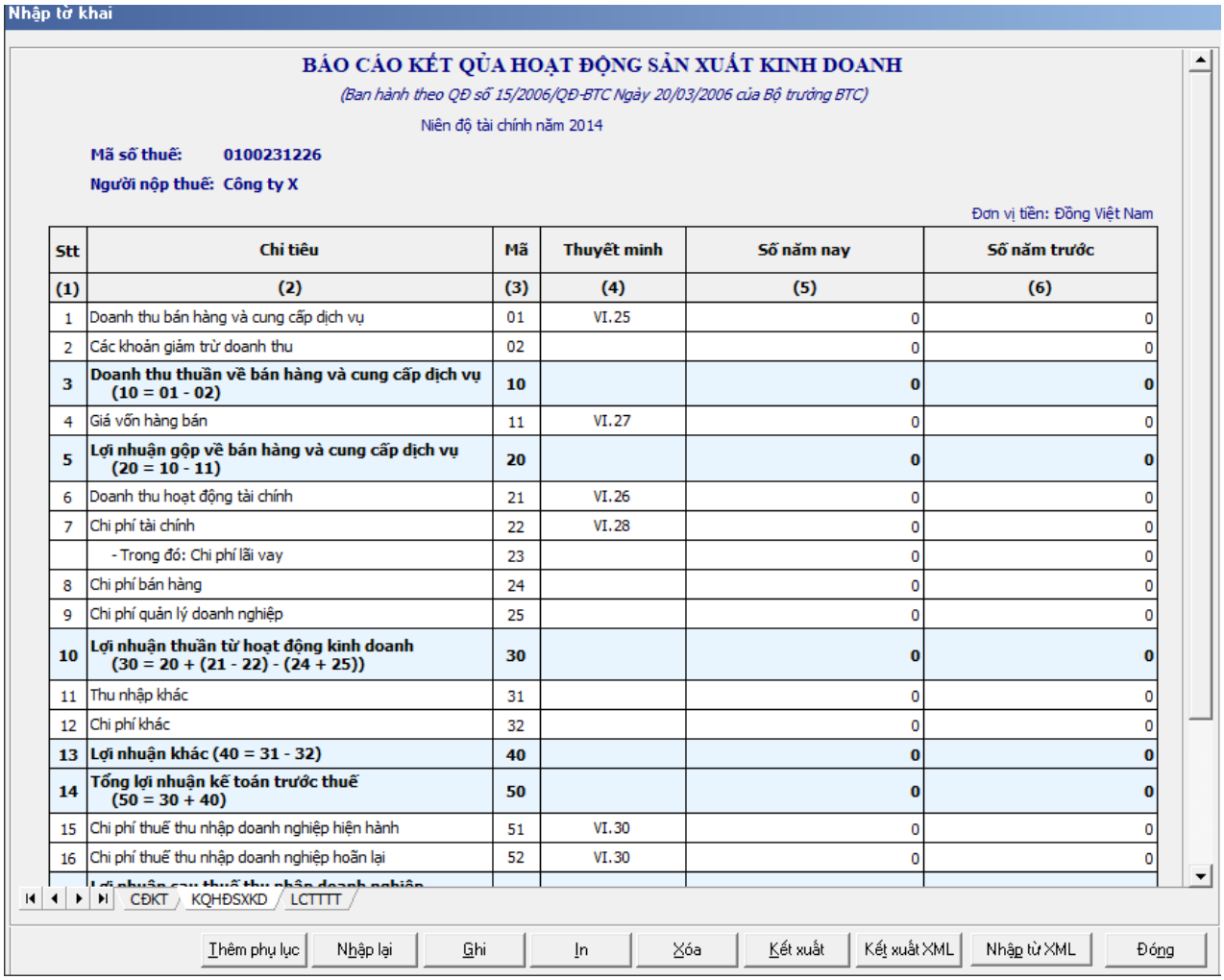
+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
+ Tất cả các chỉ tiêu đều nhận giá trị mặc định là 0.
+ Các cột phải nhập: cột [Số năm nay], [Số năm trước]
+ Các chỉ tiêu phải nhập: [111], [112], [121], [131], [132], [133], [134], [135], [141], [151], [152], [154], [158], [211], [212], [213], [218], [222], [225], [228], [230], [241], [251], [252], [258], [261], [262], [268], [311], [312], [313], [314], [315], [316], [317], [318], [319], [323], [320], [331], [332], [333], [334], [335], [336], [337], [338], [339], [411], [412], [413], [415], [416], [417], [418], [419], [420], [421], [422], [431], [432], [433], [… Các chỉ tiêu ngoài bảng] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và cho phép nhập số âm.
+ Các chỉ tiêu phải nhập: [129], [139], [149], [219], [223], [226], [229], [242], [259], [414] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và cho phép nhập âm.

- Các chỉ tiêu tính toán
  + Chỉ tiêu [100] = [110] + [120] + [130] + [140] + [150]
  + Chỉ tiêu [110] = [111] + [112]
  + Chỉ tiêu [120] = [121] + [129]
  + Chỉ tiêu [130] = [131] + [132] + [133] + [134] + [135] + [139]
  + Chỉ tiêu [140] = [141] + [149]
  + Chỉ tiêu [150] = [151] + [152] + [154] + [158]
  + Chỉ tiêu [200] = [210] + [220] + [240] + [250] + [260]
  + Chỉ tiêu [210] = [211] + [212] + [213] + [218] + [219]
  + Chỉ tiêu [220] = [211] + [224] + [227]
  + Chỉ tiêu [221] = [222] + [223]
  + Chỉ tiêu [224] = [225] + [226]
  + Chỉ tiêu [227] = [228] + [229]
  + Chỉ tiêu [240] = [241] + [242]
  + Chỉ tiêu [250] = [251] + [252] + [258] + [259]
  + Chỉ tiêu [260] = [261] + [262] + [268]
  + Chỉ tiêu [270] = [100] + [200]
  + Chỉ tiêu [300] = [310] + [330]
  + Chỉ tiêu [310] = [311] + [312] + … + [319] + [320] + [323]
  + Chỉ tiêu [330] = [331] + [332] + … + [336] + [337] + [338] + [339]
  + Chỉ tiêu [400] = [410] + [430]

+ Chỉ tiêu [410] = [411] + [412] + … + [420] + [421] + [422]
+ Chỉ tiêu [430] = [432] + [433]
+ Chỉ tiêu [440] = [300] + [400]
+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

- Các điều kiện kiểm tra công thức
  + Chỉ tiêu [100] + [200] = Chỉ tiêu [300] + [400]
  + Chỉ tiêu [270] = Chỉ tiêu [440]
  + Tại cột <Năm nay>: Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nguồn vốn" [440] (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nguồn vốn cuối kỳ phải khác 0", không cho kết xuất, in báo cáo tài chính

3.16.1.2 Báo cáo kết quả HĐ SXKD cho DN theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC



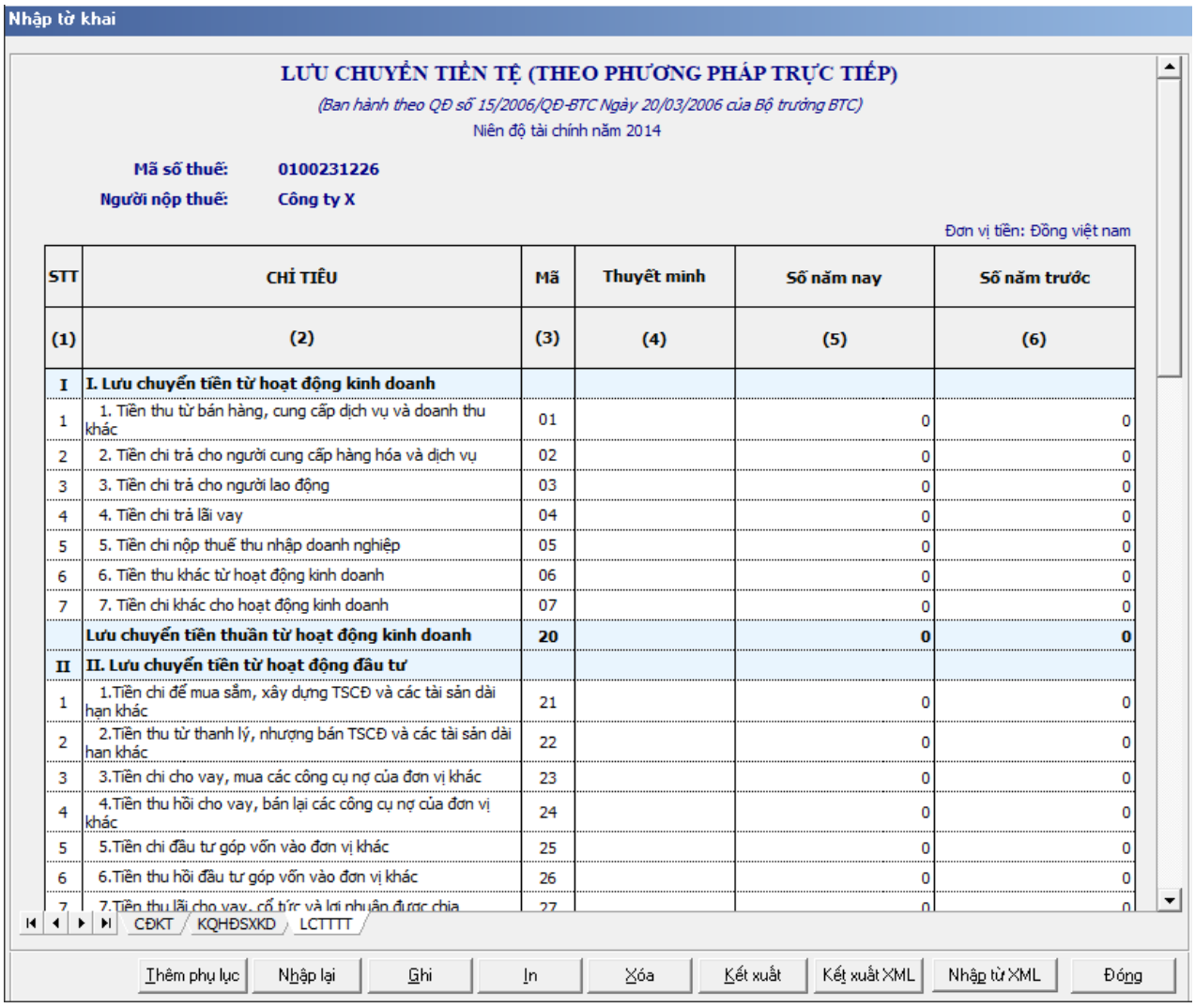
Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	0	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**10**		**0**	**0**
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	0	0
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**	**20**		**0**	**0**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	0	0
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	0	0
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí bán hàng	24		0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		0	0
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))**	**30**		**0**	**0**
11	Thu nhập khác	31		0	0
12	Chi phí khác	32		0	0
13	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**		**0**	**0**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**		**0**	**0**
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.30	0	0
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30	0	0

- Hướng dẫn nhập dữ liệu:

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.

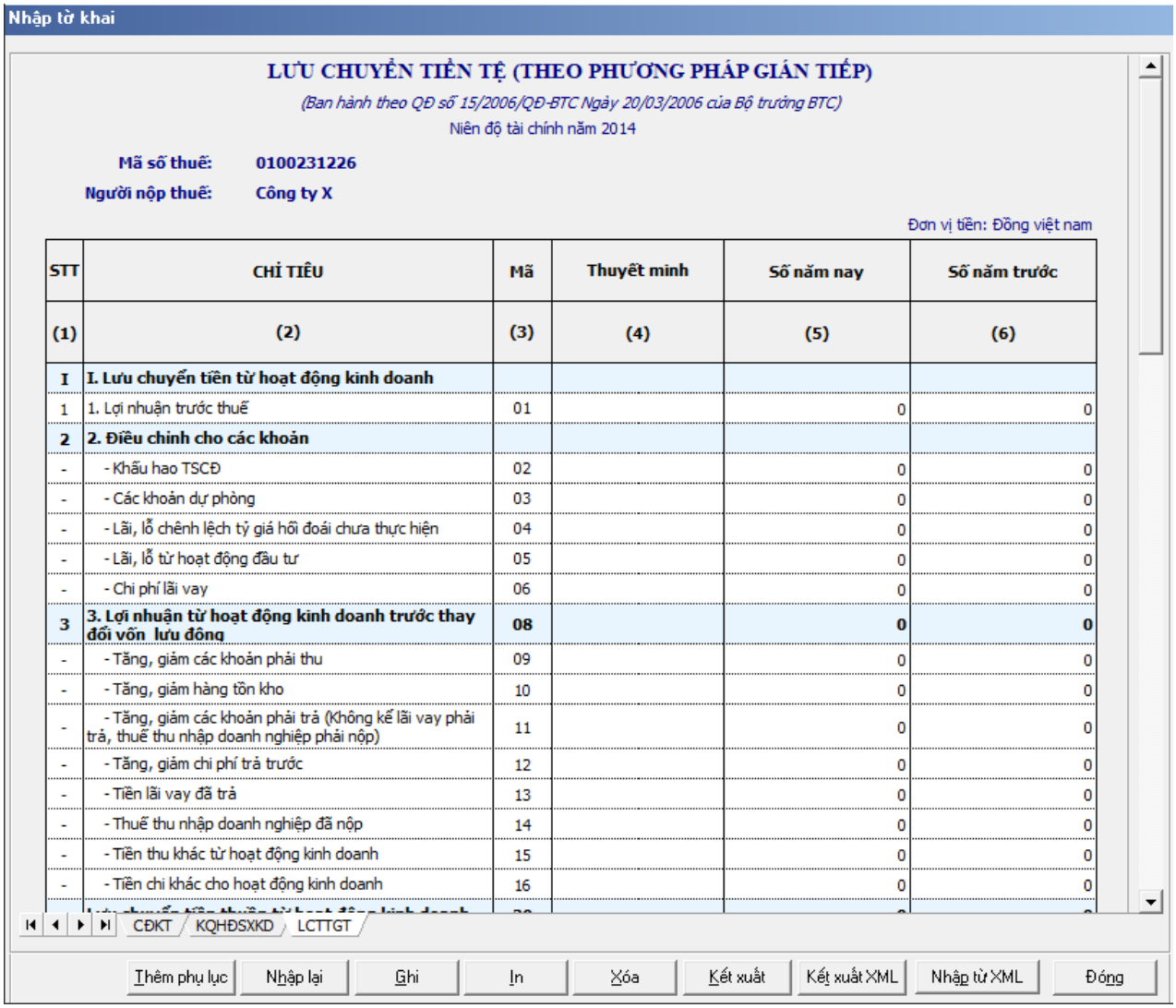
- Các chỉ tiêu cần nhập và tính toán:
  + Các chỉ tiêu được phép nhập trong cột Số năm nay và Số năm trước gồm 01, 02, 11, 21, 22, 23, 24, 25, 31, 32, 51, 52 đều nhận giá trị mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu được đánh dấu bằng mầu xanh sẽ được tự động tính toán và không phải nhập. Các chỉ tiêu này đã được ghi rất rõ công thức từ các chỉ tiêu khác trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
    - Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.1.3 Báo cáo LCTT (Trực tiếp) cho DN theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC



- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
- Các chỉ tiêu phải nhập
  - [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [21], [22], [23], [24], [25], [26], [27], [31], [32], [33], [34], [35], [36], [60] [61] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và cho phép nhập âm dương.
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [20] = [01] + [02] + … + [06] + [07]
  + Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + …+ [26] + [27]
  + Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + …+ [36]
  + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]
  + Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.1.4 Báo cáo LCTT (Gián tiếp) cho DN theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC



STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1	1. Lợi nhuận trước thuế	01		0	0
2	**2. Điều chỉnh cho các khoản**				
-	- Khấu hao TSCĐ	02		0	0
-	- Các khoản dự phòng	03		0	0
-	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	0
-	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		0	0
-	- Chi phí lãi vay	06		0	0
3	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**08**		**0**	**0**
-	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		0	0
-	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		0	0
-	- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		0	0
-	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		0	0
-	- Tiền lãi vay đã trả	13		0	0
-	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		0	0
-	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		0	0
-	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		0	0

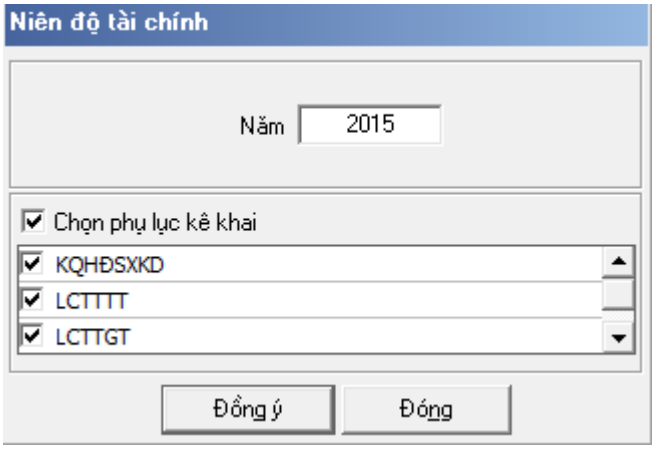
- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  - + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
  - + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0 và cho phép nhập âm dương.
- Các chỉ tiêu tính toán:
  - + Chỉ tiêu [08] = [01] + [02] + … + [06]
  - + Chỉ tiêu [20] = [08] + [09] + [10] + … + [16]
  - + Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + …+ [26] + [27]
  - + Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + …+ [36]
  - + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]

+ Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]
+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.2 Lập Bộ Báo cáo tài chính theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

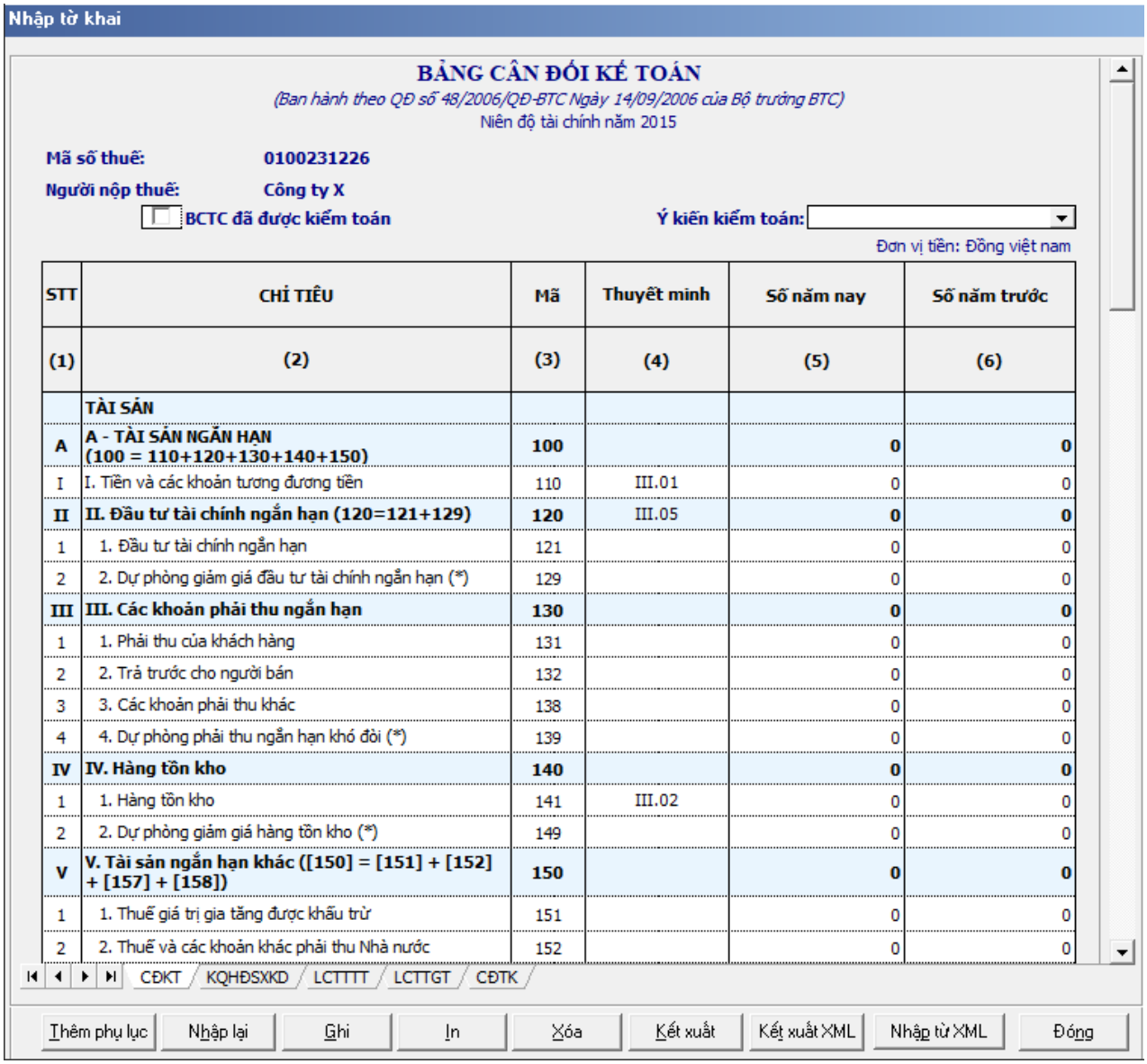
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính (QĐ 48/2006-BTC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT. Bạn có chắc chắn nhận cả hai phụ lục này không?" Nếu chọn "Có" ứng dụng vẫn cho phép kê khai đồng thời hai phụ lục, nếu chọn " Không" thì ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.2.1 *Bảng cân đối kế toán cho DN theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC*



STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	TÀI SẢN				
A	**A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)**	**100**		**0**	**0**
I	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.01	0	0
II	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120=121+129)**	**120**	III.05	**0**	**0**
1	1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		0	0
2	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129		0	0
III	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**0**	**0**
1	1. Phải thu của khách hàng	131		0	0
2	2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3	3. Các khoản phải thu khác	138		0	0
4	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		0	0
IV	**IV. Hàng tồn kho**	**140**		**0**	**0**
1	1. Hàng tồn kho	141	III.02	0	0
2	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V	**V. Tài sản ngắn hạn khác ([150] = [151] + [152] + [157] + [158])**	**150**		**0**	**0**
1	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151		0	0
2	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		0	0

- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  - + Bổ sung thêm nút checkbox "BCTC đã được kiểm toán"
    - Cho phép check chọn hoặc bỏ check, không bắt buộc.
    - Mặc định là không check
  - + Combobox “Ý kiến kiểm toán”: không chọn được nếu không check chọn “BCTC đã được kiểm toán”, bắt buộc chọn nếu check chọn “BCTC đã được kiểm toán” gồm 04 giá trị:
    - Ý kiến trái ngược
    - Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến
    - Ý kiến ngoại trừ

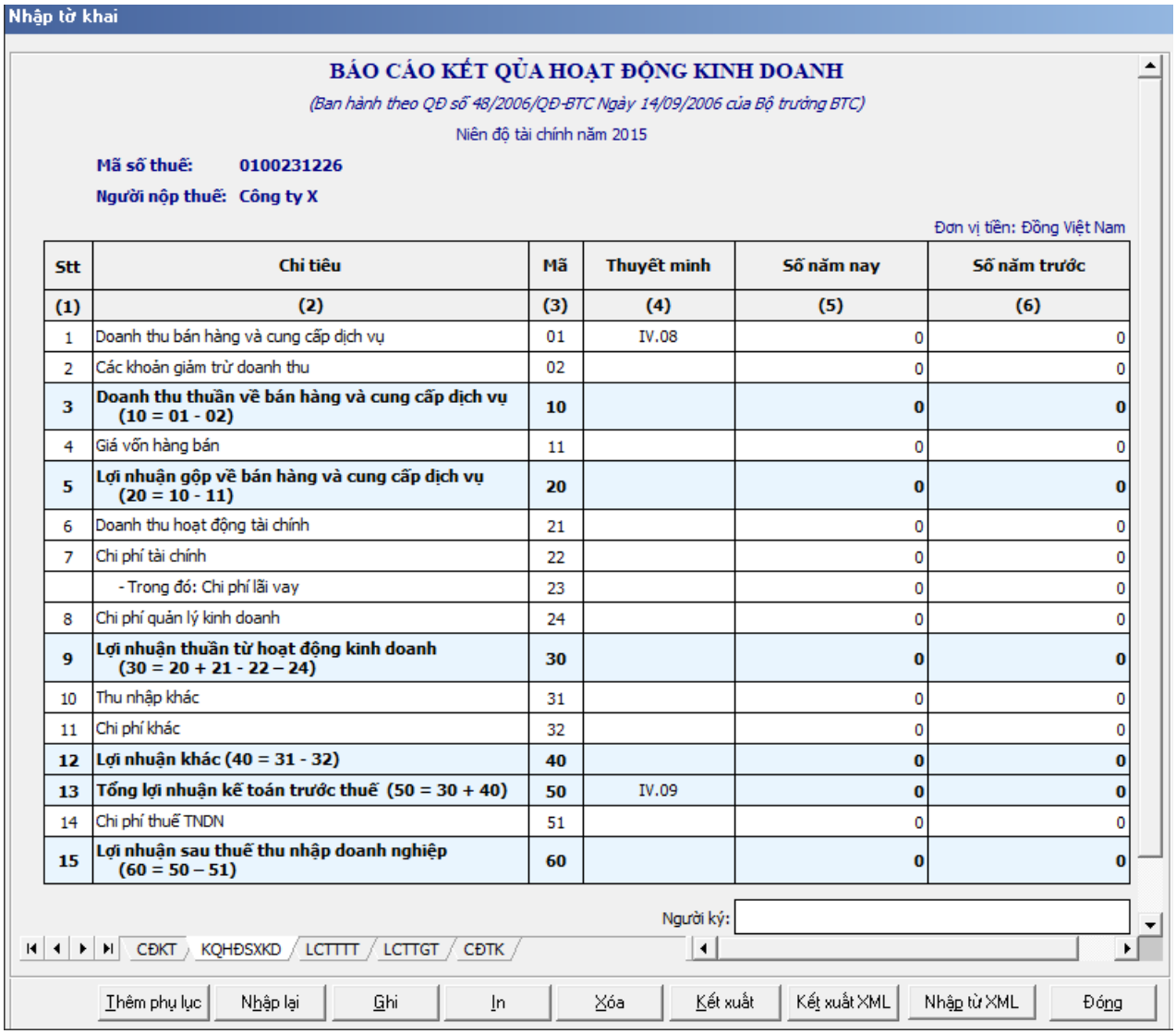
- Ý kiến chấp nhận toàn phần

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
+ Các cột phải nhập: cột [Số năm nay], [Số năm trước]

- Các chỉ tiêu phải nhập
  + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu phải nhập dạng số, mặc định là 0: [110], [121], [131], [132], [138], [141], [151], [152], [157] , [158], [211], [213], [221], [231], [240], [241], [248], [311], [312], [313], [314], [315], [316], [318], [323], [327], [328], [329], [331], [332], [334], [336], [338], [339], [411], [412], [413], [414], [415], [416], [417]
  + Các chỉ tiêu nhập dạng số, mặc định là 0, cho phép nhập số âm: [129], [139], [149], [212], [222], [239], [249]
  + Các chỉ tiêu ngoài bảng: mặc định là 0,cho phép nhập số âm.
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [100] = [110] + [120] + [130] + [140] + [150]
  + Chỉ tiêu [120]= [121] + [129]
  + Chỉ tiêu [130] = [131] + [132] + [138] + [139]
  + Chỉ tiêu [140] = [141] + [149]
  + Chỉ tiêu [150] = [151] + [152] + [157] + [158]
  + Chỉ tiêu [200] = [210] + [220] + [230] + [240]
  + Chỉ tiêu [210] = [211] + [212] + [213]
  + Chỉ tiêu [220] = [221] + [222]
  + Chỉ tiêu [230] = [231] + [239]
  + Chỉ tiêu [240] = [241] + [248] + [249]
  + Chỉ tiêu [250] = [100] + [200]
  + Chỉ tiêu [300] = [310] + [330]
  + Chỉ tiêu [310] = [311] + [312] + [313] + [314] + [315] + [316] + [318] + [323] + [327] + [328]+ [329]
  + Chỉ tiêu [330] = [331] + [332] +[334] + [336] + [338] + [339]
  + Chỉ tiêu [400] = [410]
  + Chỉ tiêu [410] = [411] + [412] + [413] + [414] + [415] + [416] + [417]
  + Chỉ tiêu [440] = [300] + [400]
  + Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.
  + Đối với các chỉ tiêu ngoài bảng: UD hỗ trợ thêm dòng khi nhấn F5

- Kiểm tra công thức:
  + Chỉ tiêu [250] = Chỉ tiêu [300] = Chỉ tiêu [440]
  + Tại cột <Năm nay>: Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nguồn vốn" [440] (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nguồn vốn cuối kỳ phải khác 0", không cho kết xuất, in báo cáo tài chính

3.16.2.2 Báo cáo kết quả HĐ SXKD cho DN theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

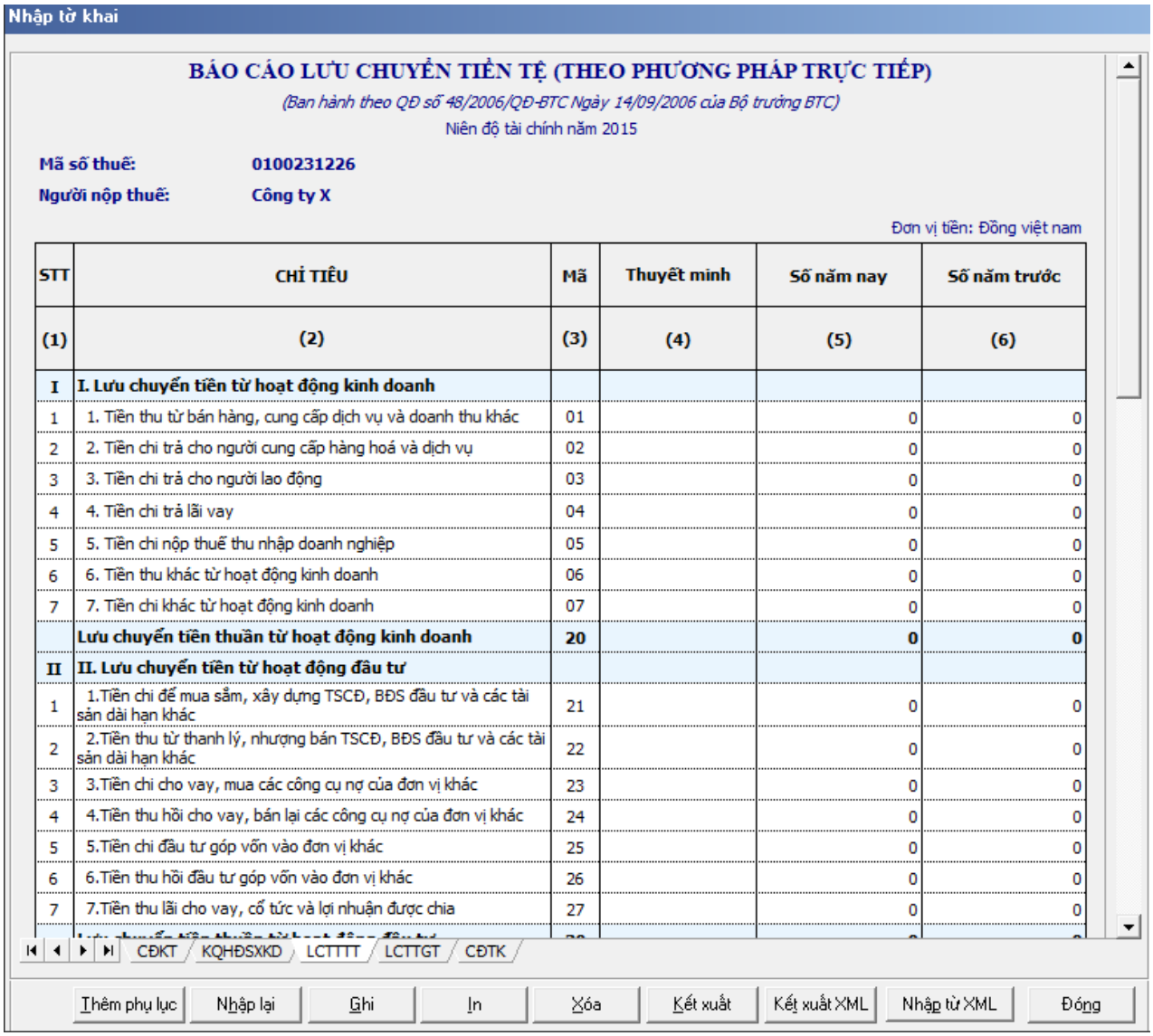


Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	0	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**10**		**0**	**0**
4	Giá vốn hàng bán	11		0	0
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**	**20**		**0**	**0**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		0	0
7	Chi phí tài chính	22		0	0
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		0	0
9	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 – 24)**	**30**		**0**	**0**
10	Thu nhập khác	31		0	0
11	Chi phí khác	32		0	0
12	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**		**0**	**0**
13	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**	IV.09	**0**	**0**
14	Chi phí thuế TNDN	51		0	0
15	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)**	**60**		**0**	**0**

- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.

- Các chỉ tiêu cần nhập và tính toán
  + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu được đánh dấu bằng mầu xanh sẽ được tự động tính toán và không phải nhập. Các chỉ tiêu này đã được ghi rất rõ công thức từ các chỉ tiêu khác trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
  + Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.2.3 Báo cáo LCTT (Trực tiếp) cho DN theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

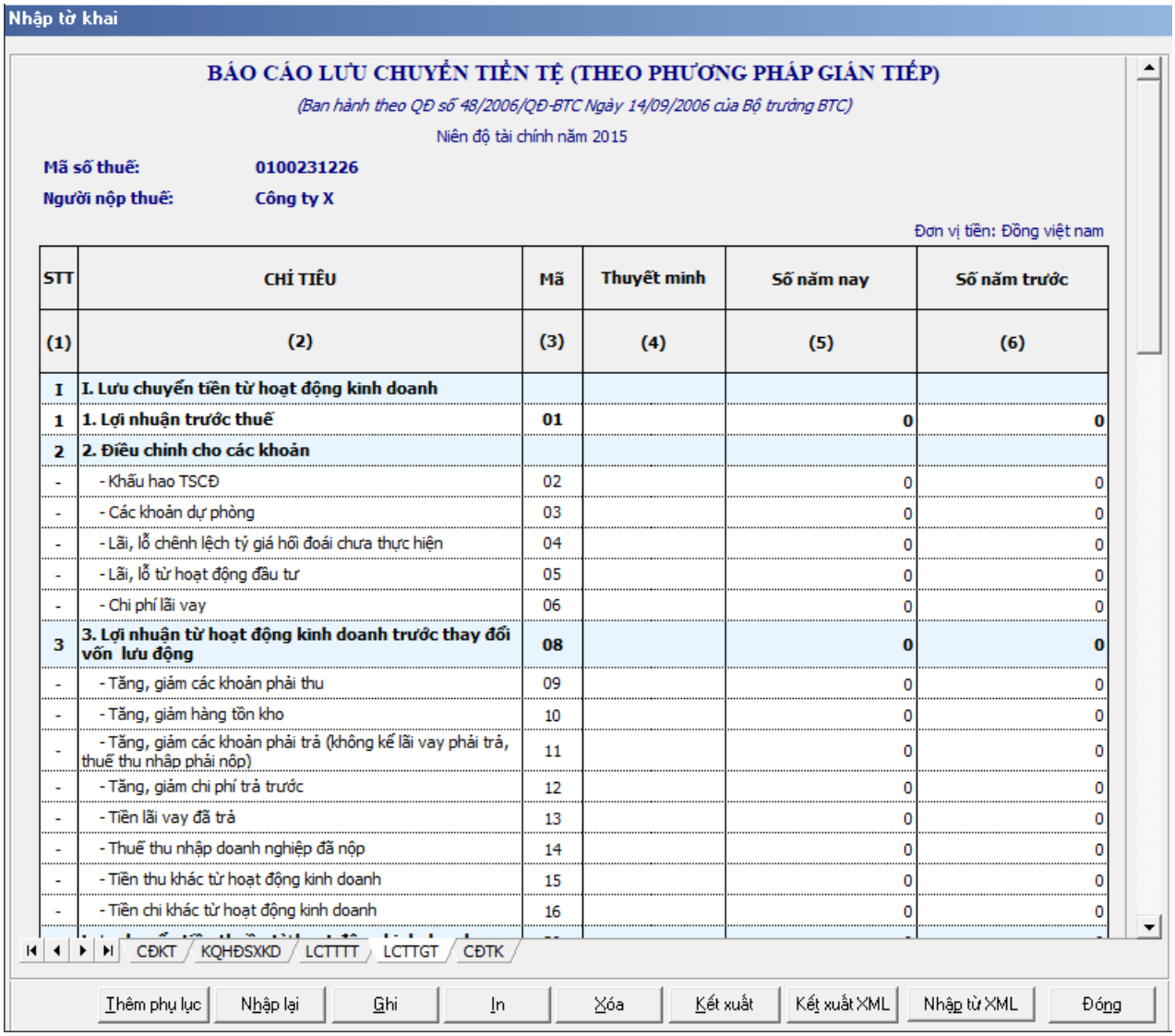


- Hướng dẫn nhập dữ liệu:

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
+ Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0 và cho phép nhập âm dương.

- Các chỉ tiêu phải tính toán
  + Chỉ tiêu [20] = [01] + [02] + … + [06] + [07]
  + Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + …+ [26] + [27]
  + Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + …+ [36]
  + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]
  + Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.2.4 Báo cáo LCTT (Gián tiếp) cho DN theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC

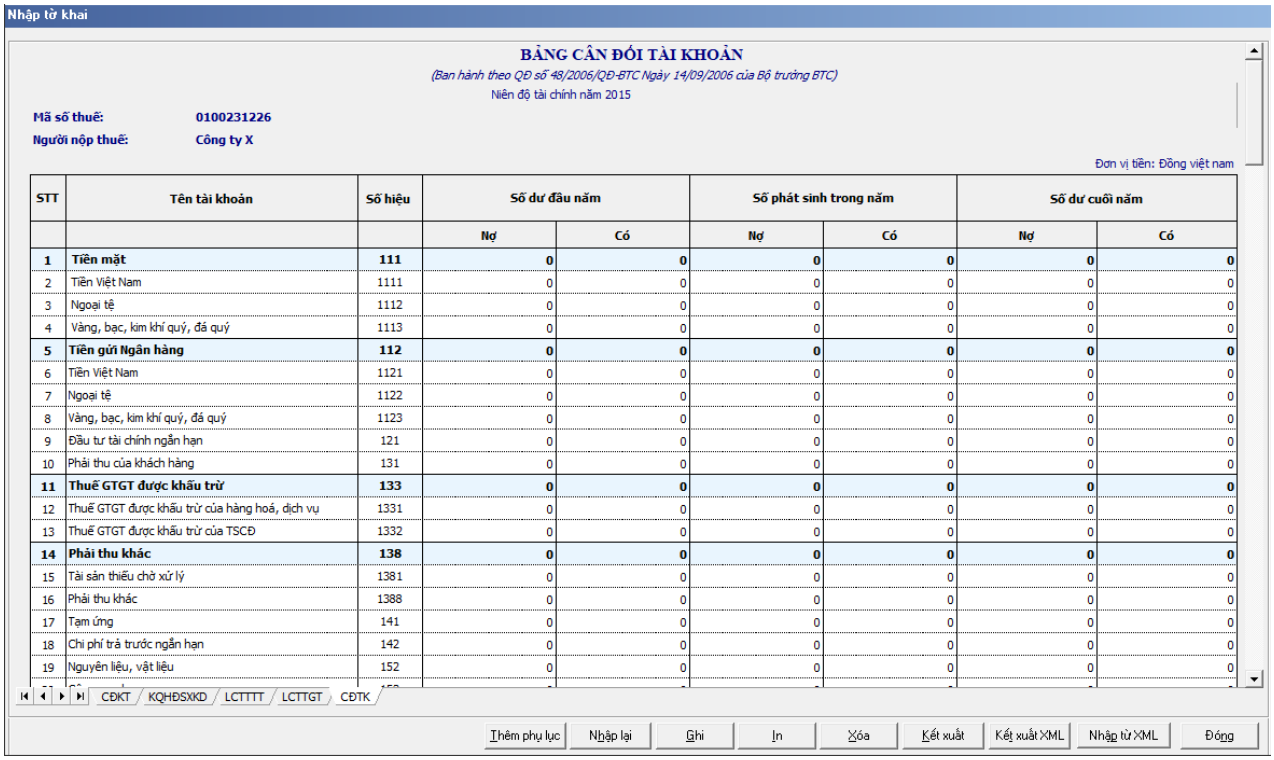


STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh**				
1	**1. Lợi nhuận trước thuế**	**01**		**0**	**0**
2	**2. Điều chỉnh cho các khoản**				
-	- Khấu hao TSCĐ	02		0	0
-	- Các khoản dự phòng	03		0	0
-	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		0	0
-	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		0	0
-	- Chi phí lãi vay	06		0	0
3	**3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**	**08**		**0**	**0**
-	- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		0	0
-	- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		0	0
-	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		0	0
-	- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		0	0
-	- Tiền lãi vay đã trả	13		0	0
-	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		0	0
-	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		0	0
-	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0

- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  - + + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
  - + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0 và cho phép nhập âm dương.
- Các chỉ tiêu tính toán:
  - + Chỉ tiêu [08] = [01] + [02] + … + [06]
  - + Chỉ tiêu [20] = [08] + [09] + [10] + … + [16]
  - + Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + …+ [26] + [27]
  - + Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + …+ [36]

+ Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
+ Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]
+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.2.5 Kê khai Bảng cân đối tài khoản theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC



STT	Tên tài khoản	Số hiệu	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	**Tiền mặt**	**111**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
2	Tiền Việt Nam	1111	0	0	0	0	0	0
3	Ngoại tệ	1112	0	0	0	0	0	0
4	Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý	1113	0	0	0	0	0	0
5	**Tiền gửi Ngân hàng**	**112**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
6	Tiền Việt Nam	1121	0	0	0	0	0	0
7	Ngoại tệ	1122	0	0	0	0	0	0
8	Vàng, bạc, kim khí quý, đá quý	1123	0	0	0	0	0	0
9	Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	0	0	0	0	0	0
10	Phải thu của khách hàng	131	0	0	0	0	0	0
11	**Thuế GTGT được khấu trừ**	**133**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
12	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá, dịch vụ	1331	0	0	0	0	0	0
13	Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	1332	0	0	0	0	0	0
14	**Phải thu khác**	**138**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
15	Tài sản thiếu chờ xử lý	1381	0	0	0	0	0	0
16	Phải thu khác	1388	0	0	0	0	0	0
17	Tạm ứng	141	0	0	0	0	0	0
18	Chi phí trả trước ngắn hạn	142	0	0	0	0	0	0
19	Nguyên liệu, vật liệu	152	0	0	0	0	0	0

- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Các cột phải nhập: Nhập các giá trị Nợ, Có cho các cột [Số dư đầu năm], [Số phát sinh trong năm]. Các chỉ tiêu phải nhập dạng số: [1111], [1112], [1113], [1121], [1122], [1123], [121], [131], [1331], [1332], [1381], [1388], [141], [142], [152] …..[157], [1591], [1592], [1593], [171], [2111], [2112], [2113], [2141], [2142], [2143], [2147], [217], [2212], [2213], [2218], [229], [2411], [2412], [2413], [242], [244], [311], [315], [331], [33311], [33312], [3332] ….[3339], [334], [335], [3381] ….[3388], [3389], [3411], [3412], [34131] ..[34133], [3414], [351], [352], [3531], [3532], [3353], [3354], [3561], [3532], [4111], [4112], [4118], [418], [419], [4211], [4212], [4311], [4312], [5111], [5112], [5113], [5118], [515], [5211] …[5213], [611], [631], [632], [635], [6421], [6422], [711], [811], [821], [911] và các chỉ tiêu ngoài bảng. Riêng chỉ tiêu "Ngoại tệ các loại" cho phép nhập theo dạng xx,xx
  + Các cột phải nhập: Nhập các giá trị Nợ, Có cho các cột [Số dư đầu năm], [Số phát sinh trong năm]. Các chỉ tiêu phải nhập dạng số: [2141], [2142], [2143], [2147].

- Các chỉ tiêu tính toán
  + Chỉ tiêu [111] = [1111] + [1112] + [1113]
  + Chỉ tiêu [112] = [1121] + [1122] + [1123]
  + Chỉ tiêu [133] = [1331] + [1332]
  + Chỉ tiêu [138] = [1381] + [1382]
  + Chỉ tiêu [159] = [1591] + [1592] + [1593]
  + Chỉ tiêu [211] = [2111] + [2112] + [2113]
  + Chỉ tiêu [214] = [2141] + [2142] + [2143] + [2147]
  + Chỉ tiêu [221] = [2212] + [2213] + [2218]
  + Chỉ tiêu [241] = [2411] + [2412] + [2413]
  + Chỉ tiêu [333] = [3331] + [3332] + ….+ [3339]
  + Chỉ tiêu [3331] = [33311] + [33312]
  + Chỉ tiêu [338] = [3381] + … + [3384]+ [3386] + …[3388] + [3389]
  + Chỉ tiêu [341] = [3411] + [3412] + [3413] + [3414]
  + Chỉ tiêu [3413] = [34131] + [34132] + [34133]
  + Chỉ tiêu [353] = [3531] + [3532] + [3533] + [3534]
  + Chỉ tiêu [356] = [3561] + [3562]
  + Chỉ tiêu [411] = [4111] + [4112] + [4118]
  + Chỉ tiêu [421] = [4211] + [4212]
  + Chỉ tiêu [511] = [5111] + [5112] + [5113] + [5118]
  + Chỉ tiêu [521] = [5211] + [5212] + [5213]
  + Chỉ tiêu [642] = [6421] + [6422]
- Công thức tính toán đối với cột Số dư cuối năm
  + Đối với tài khoản đầu 1, 2: Dư nợ cuối kỳ = Dư nợ đầu kỳ - Dư có đầu kỳ + ps nợ - ps có, nếu dương để bên dư nợ, nếu âm chuyển sang dư có, cho phép sửa khác công thức thì cảnh báo vàng " Dư nợ cuối kỳ khác (nợ đầu kỳ - có đầu kỳ+ ps nợ - ps có). Đề nghị xem lại" (trừ 131, 1381, 1388, 331, các tài khoản con của 338,141, 333 và các tài khoản cấp con của 333).
  + Đối với tài khoản đầu 3, 4: Dư có cuối kỳ = Dư có đầu kỳ - Dư nợ đầu kỳ + ps có trong kỳ - ps nợ trong kỳ, nếu kết quả dương để bên dư có, kết quả âm chuyển sang dự nợ, cho phép sửa khác thì cảnh báo vàng " Dư có cuối kỳ khác (Dư có đầu kỳ - Dư nợ đầu kỳ + ps có trong kỳ - ps nợ trong kỳ). Đề nghị xem lại" (trừ 131, 1381, 1388, 331, các tài khoản con của 338, 141, 333 và các tài khoản cấp con của 333)
  + Riêng đối với tài khoản lưỡng tính như 131, 1381, 1388, 331, các tài khoản con của 338, 141, 333 và các tài khoản cấp con của 333 thì
    - Số dư đầu năm: Cho phép nhập cả dư nợ, dư có

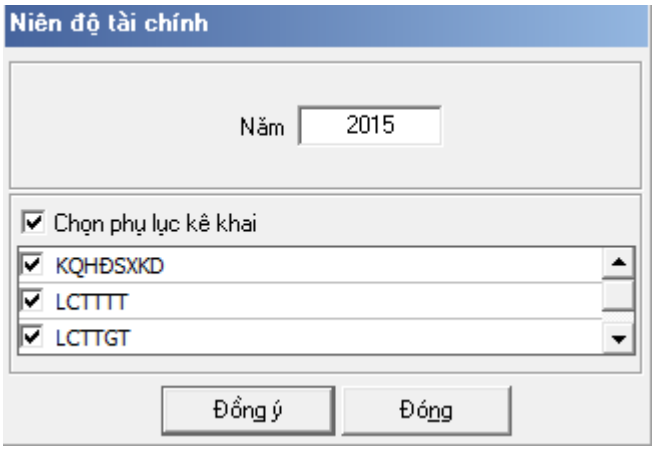
- Số phát sinh trong năm: cho phép nhập cả dư nợ và dư có đồng thời.
- Số dư cuối năm: cho phép nhập dạng số

- Các điều kiện kiểm tra
  + Đối với các tài khoản đầu 1, đầu 2, đầu 3, đầu 4: Tại phần Số dư đầu kỳ Chỉ cho nhập 1 trong 2 bên dư nợ hoặc dư có, nếu NSD nhập cả dư nợ và dư có thì hệ thống cảnh báo đỏ (trừ các tài khoản lưỡng tính)
  + Đối với các tài khoản đầu 5, 6, 7, 8, 9 thì không cho nhập giá trị tại cột Số dư cuối kỳ (cả bên Nợ và bên Có)
  + Bổ sung thêm dòng Tổng cộng sau tài khoản 911: Kiểm tra tại các cột Số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ, Số dư cuối kỳ tổng bên Nợ phải bằng bên Có, nếu khác thì UD đưa ra cảnh báo vàng "Tổng số dư bên nợ phải bằng tổng số dư bên có"

3.16.3 Lập Bộ Báo cáo tài chính theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN

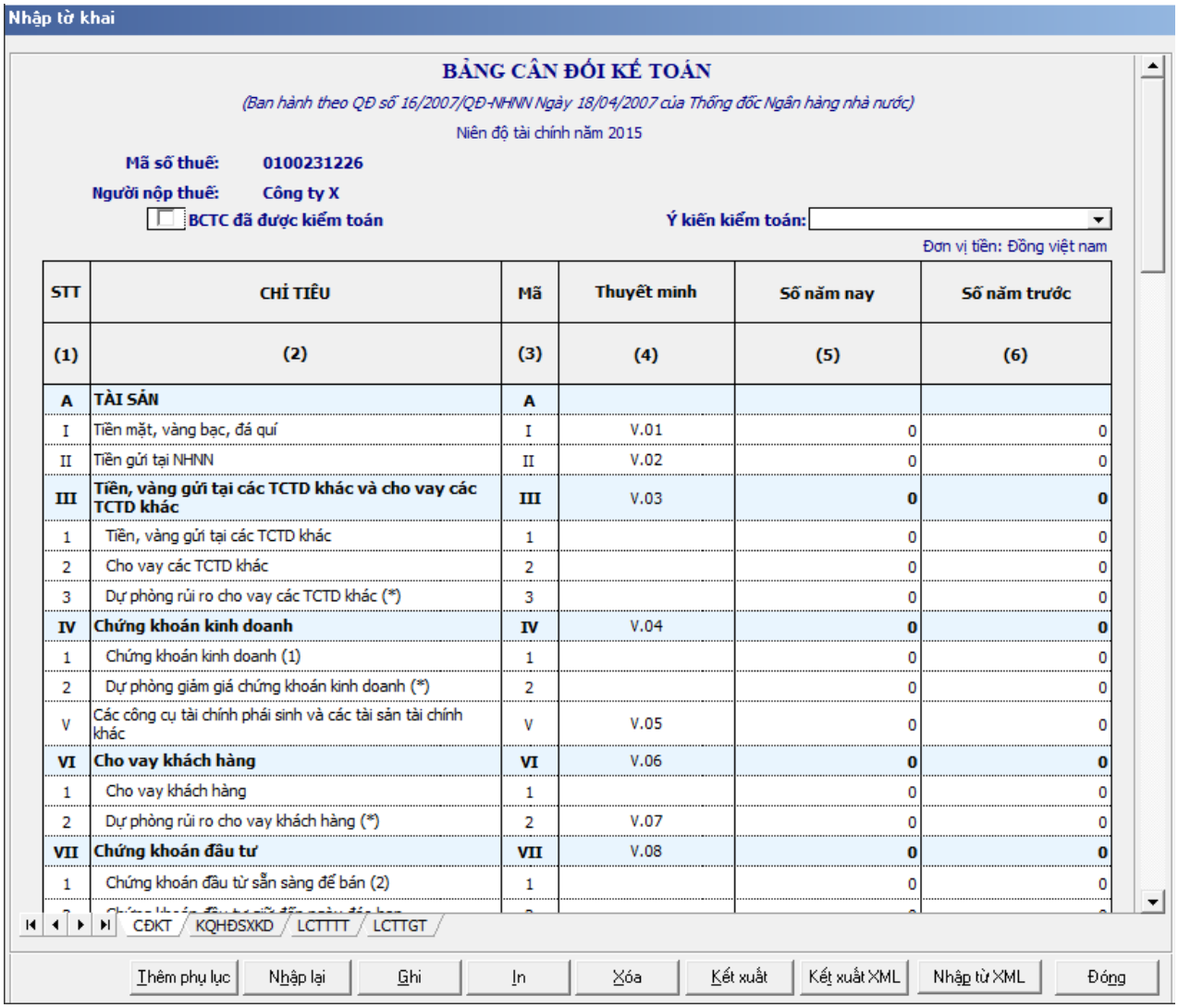
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính (QĐ 16/2007/QĐ-NHNN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT. Bạn có chắc chắn nhận cả hai phụ lục này không?" Nếu chọn "Có" ứng dụng vẫn cho phép kê khai đồng thời hai phụ lục, nếu chọn " Không" thì ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.3.1 *Bảng CĐKT cho ngân hàng theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN*



STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
A	**TÀI SẢN**	A			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quí	I	V.01	0	0
II	Tiền gửi tại NHNN	II	V.02	0	0
III	**Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác**	III	V.03	**0**	**0**
1	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác	1		0	0
2	Cho vay các TCTD khác	2		0	0
3	Dự phòng rủi ro cho vay các TCTD khác (*)	3		0	0
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	IV	V.04	**0**	**0**
1	Chứng khoán kinh doanh (1)	1		0	0
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	2		0	0
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V	V.05	0	0
VI	**Cho vay khách hàng**	VI	V.06	**0**	**0**
1	Cho vay khách hàng	1		0	0
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (*)	2	V.07	0	0
VII	**Chứng khoán đầu tư**	VII	V.08	**0**	**0**
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (2)	1		0	0

- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  - + Bổ sung thêm nút checkbox "BCTC đã được kiểm toán"
    - Cho phép check chọn hoặc bỏ check, không bắt buộc.
    - Mặc định là không check
  - + Combobox “Ý kiến kiểm toán”: không chọn được nếu không check chọn “BCTC đã được kiểm toán”, bắt buộc chọn nếu check chọn “BCTC đã được kiểm toán” gồm 04 giá trị:
    - Ý kiến trái ngược
    - Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến
    - Ý kiến ngoại trừ
    - Ý kiến chấp nhận toàn phần

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
+ Các cột phải nhập: cột [Số năm nay], [Số năm trước]

- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0 và cho phép nhập âm dương

Phần A:

+ [III] = III.[1] + III.[2] + III.[3]
+ [IV] = IV.[1] + IV.[2]
+ [VI] = VI.[1] + VI.[2]
+ [VII] = VII.[1] + VII.[2] + VII.[3]
+ [VIII] = VIII.[1] + VIII.[2] + VIII.[3] + VIII.[4] + VIII.[5]
+ [IX] = IX.[1] + IX.[2] + IX.[3]
+ IX.[1] = IX.[1.a] + IX.[1.b]
+ IX.[1] = IX.[2.a] + IX.[2.b]
+ IX.[1] = IX.[3.a] + IX.[3.b]
+ [X] = X.[a] + X.[b]
+ [XI] = XI.[1] + X1.[2] + XI.[3] + X1.[4] + XI.[5]

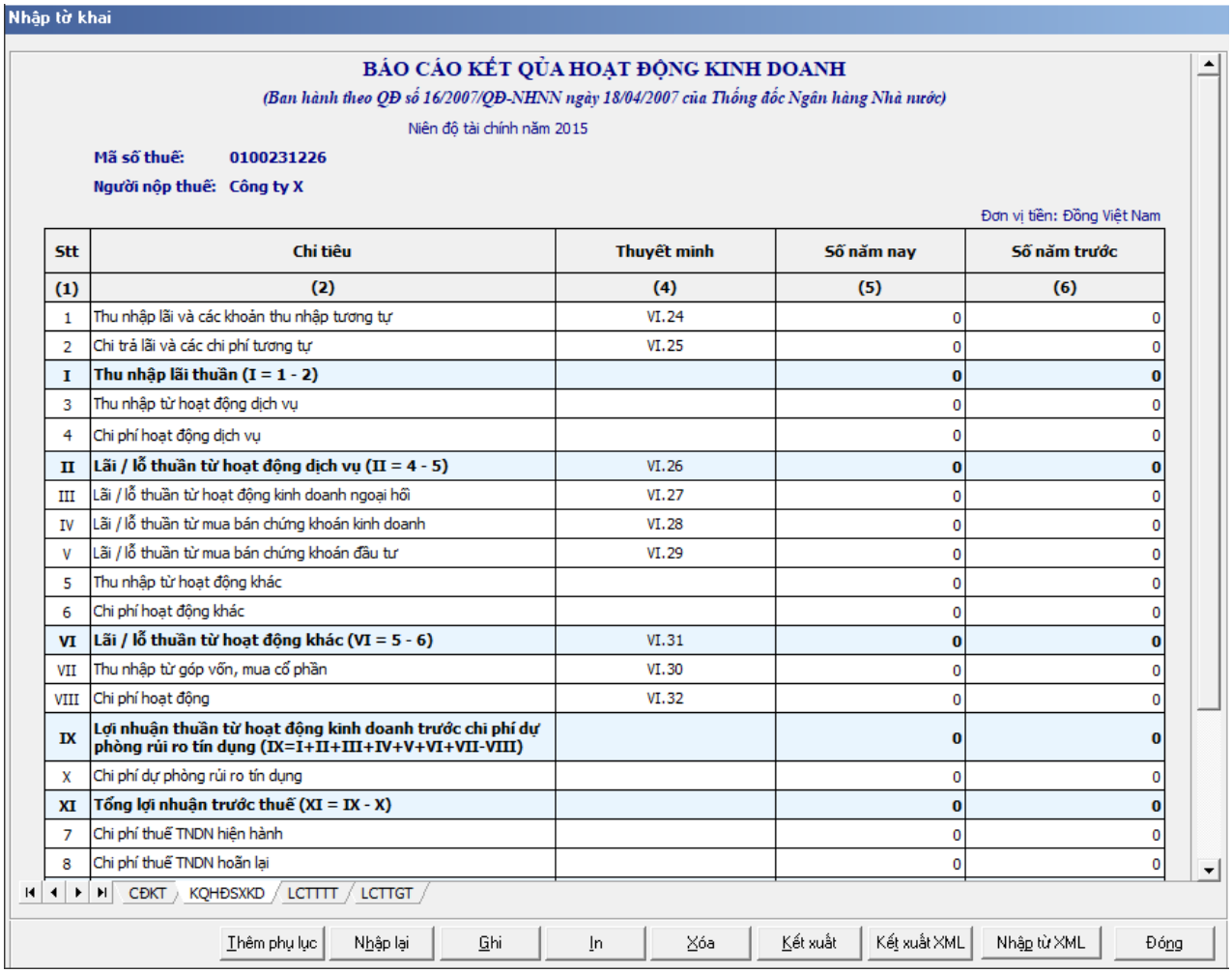
Phần B:

+ [II] = II.[1] + II.[2]
+ [VII] = VII.[1] + VII.[2] + VII.[3] + VII.[4]
+ [VIII] = VIII.[1] + VIII.[2] + VIII.[3] + VIII.[4] + VIII.[5]
+ VIII[1] = VIII.[1.a] + VIII.[1.b] + VIII.[1.c] + VIII.[1.d] + VIII.[1.e] + VIII.[1.g]

Chỉ tiêu ngoài bảng:

+ [I] = I.[1] + I.[2] + I.[3]
+ Chỉ tiêu XI.[4] >= Chỉ tiêu Xi.[4. - Lợi thế thương mại]
+ Tại cột <Năm nay>: Kiểm tra chỉ tiêu “Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu” (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ “Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu phải khác 0”, không cho kết xuất, in báo cáo tài chính.
+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

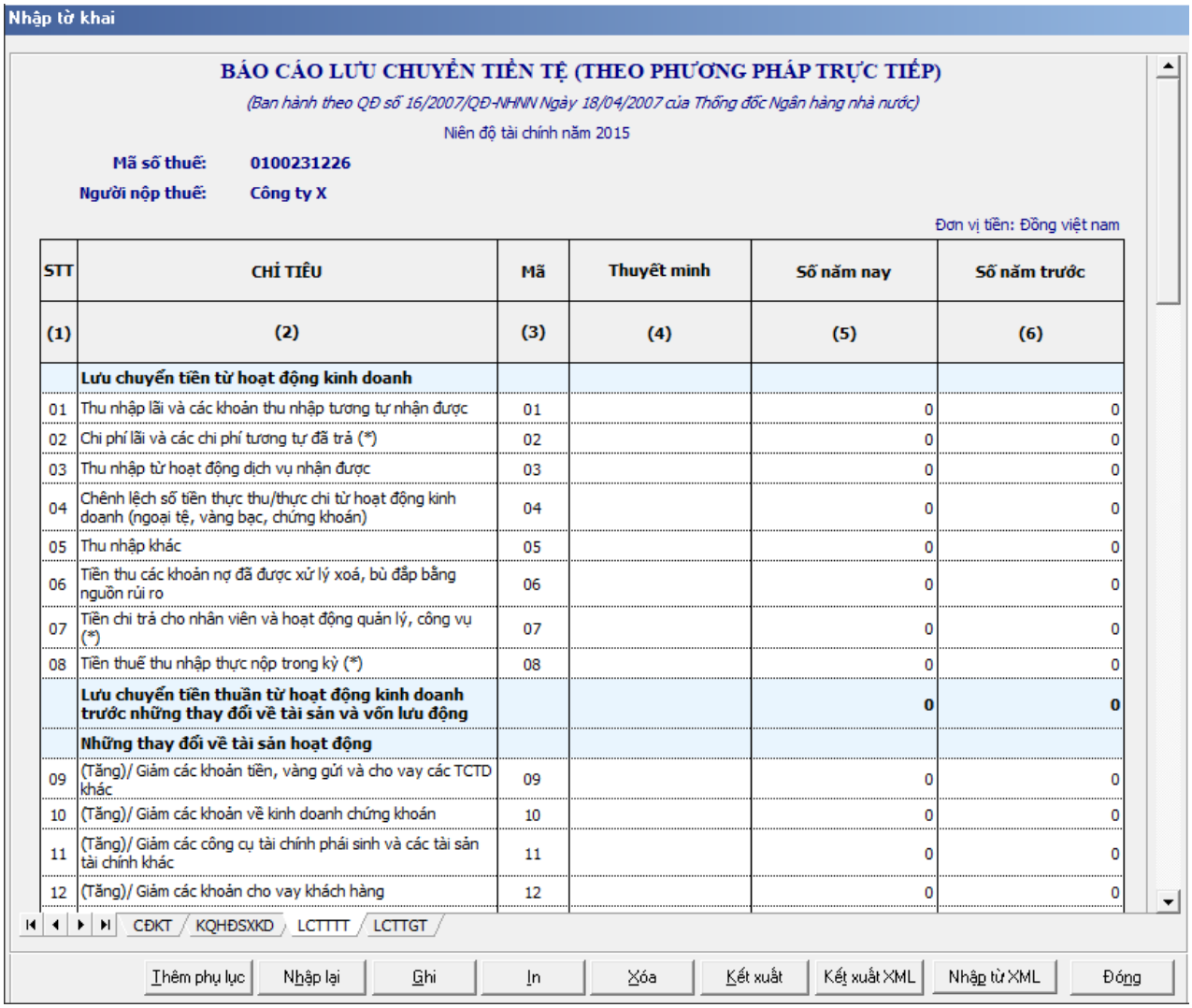
3.16.3.2 Báo cáo KQ HĐ SXKD cho NH theo quyết định 16/2007/QĐ-NHNN



Stt	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.24	0	0
2	Chi trả lãi và các chi phí tương tự	VI.25	0	0
I	**Thu nhập lãi thuần (I = 1 - 2)**		**0**	**0**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		0	0
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		0	0
II	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (II = 4 - 5)**	VI.26	**0**	**0**
III	Lãi / lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	VI.27	0	0
IV	Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	VI.28	0	0
V	Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	VI.29	0	0
5	Thu nhập từ hoạt động khác		0	0
6	Chi phí hoạt động khác		0	0
VI	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động khác (VI = 5 - 6)**	VI.31	**0**	**0**
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	VI.30	0	0
VIII	Chi phí hoạt động	VI.32	0	0
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (IX=I+II+III+IV+V+VI+VII-VIII)**		**0**	**0**
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		0	0
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế (XI = IX - X)**		**0**	**0**
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		0	0
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	0

- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  - + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
  - + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0 và cho phép nhập âm dương
  - + Các chỉ tiêu được đánh dấu bằng mầu xanh sẽ được tự động tính toán và không phải nhập. Các chỉ tiêu này đã được ghi rất rõ công thức từ các chỉ tiêu khác trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
  - + Các chỉ tiêu cần ràng buộc kiểm tra tính logic gồm chỉ tiêu ngày ký.
  - + Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.3.3 *Báo cáo LCTT (Trực tiếp) cho NH theo QĐ 16/2007/QĐ-NHNN*

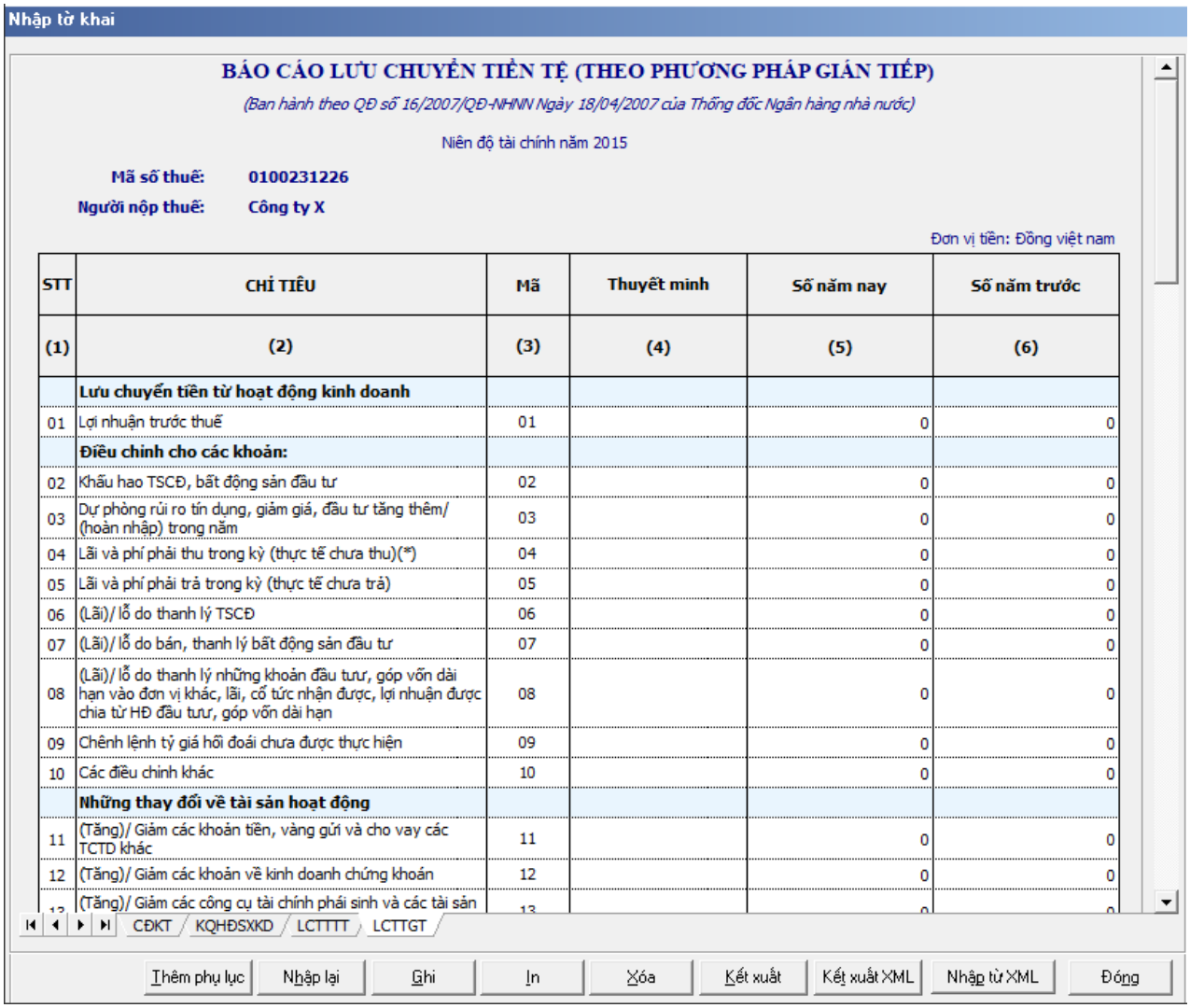


STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	01		0	0
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả (*)	02		0	0
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	03		0	0
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	04		0	0
05	Thu nhập khác	05		0	0
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro	06		0	0
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ (*)	07		0	0
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ (*)	08		0	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động			**0**	**0**
	Những thay đổi về tài sản hoạt động				
09	(Tăng)/ Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	09		0	0
10	(Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	10		0	0
11	(Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	11		0	0
12	(Tăng)/ Giảm các khoản cho vay khách hàng	12		0	0

- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  - + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
- Các chỉ tiêu cần phải nhập
  - + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0 và cho phép nhập âm dương
  - + Chỉ tiêu [Lưu chuyển thuần từ HĐKD trước thay đổi về tài sản và vốn lưu động = [01] + [02] + … + [07] + [08]
  - + Chỉ tiêu [I] = [01] + [02] + … + [21] + [22]
  - + Chỉ tiêu [II] = I.[01] + I.[02] + … + I.[08] + I.[09]
  - + Chỉ tiêu [III] = II.[01] + II.[02] + … + II.[06]
  - + Chỉ tiêu [IV] = [I] + [II] + [III]

+ Chỉ tiêu [VII] = [IV] + [V] + [VI]
+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.3.4 Báo cáo LCTT (Gián tiếp) cho NH theo QĐ 16/2007/QĐ-NHNN



STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Lợi nhuận trước thuế	01		0	0
	Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư	02		0	0
03	Dự phòng rủi ro tín dụng, giảm giá, đầu tư tăng thêm/ (hoàn nhập) trong năm	03		0	0
04	Lãi và phí phải thu trong kỳ (thực tế chưa thu)(*)	04		0	0
05	Lãi và phí phải trả trong kỳ (thực tế chưa trả)	05		0	0
06	(Lãi)/ lỗ do thanh lý TSCĐ	06		0	0
07	(Lãi)/ lỗ do bán, thanh lý bất động sản đầu tư	07		0	0
08	(Lãi)/ lỗ do thanh lý những khoản đầu tư, góp vốn dài hạn vào đơn vị khác, lãi, cổ tức nhận được, lợi nhuận được chia từ HĐ đầu tư, góp vốn dài hạn	08		0	0
09	Chênh lệnh tỷ giá hối đoái chưa được thực hiện	09		0	0
10	Các điều chỉnh khác	10		0	0
	Những thay đổi về tài sản hoạt động				
11	(Tăng)/ Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác	11		0	0
12	(Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán	12		0	0
13	(Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản	13		0	0

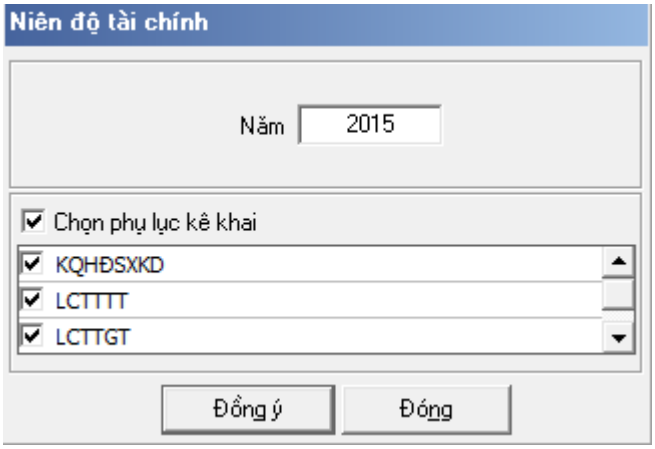
- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
- Các chỉ tiêu cần phải nhập
  + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0 và cho phép nhập âm dương
  + Chỉ tiêu [Lưu chuyển thuần từ HĐKD trước thuế thu nhập] = [01] + [02] + … + [24] + [25]
  + Chỉ tiêu [I] = [26] + [27]

+ Chỉ tiêu [II] = I.[01] + I.[02] + … + I.[08] + I.[09]
+ Chỉ tiêu [III] = II.[01] + II.[02] + … + II.[06]
+ Chỉ tiêu [IV] = [I] + [II] + [III]
+ Chỉ tiêu [VII] = [IV] + [V] + [VI]
+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.4 Lập Bộ báo cáo tài chính theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 162/2010/TT-BTC

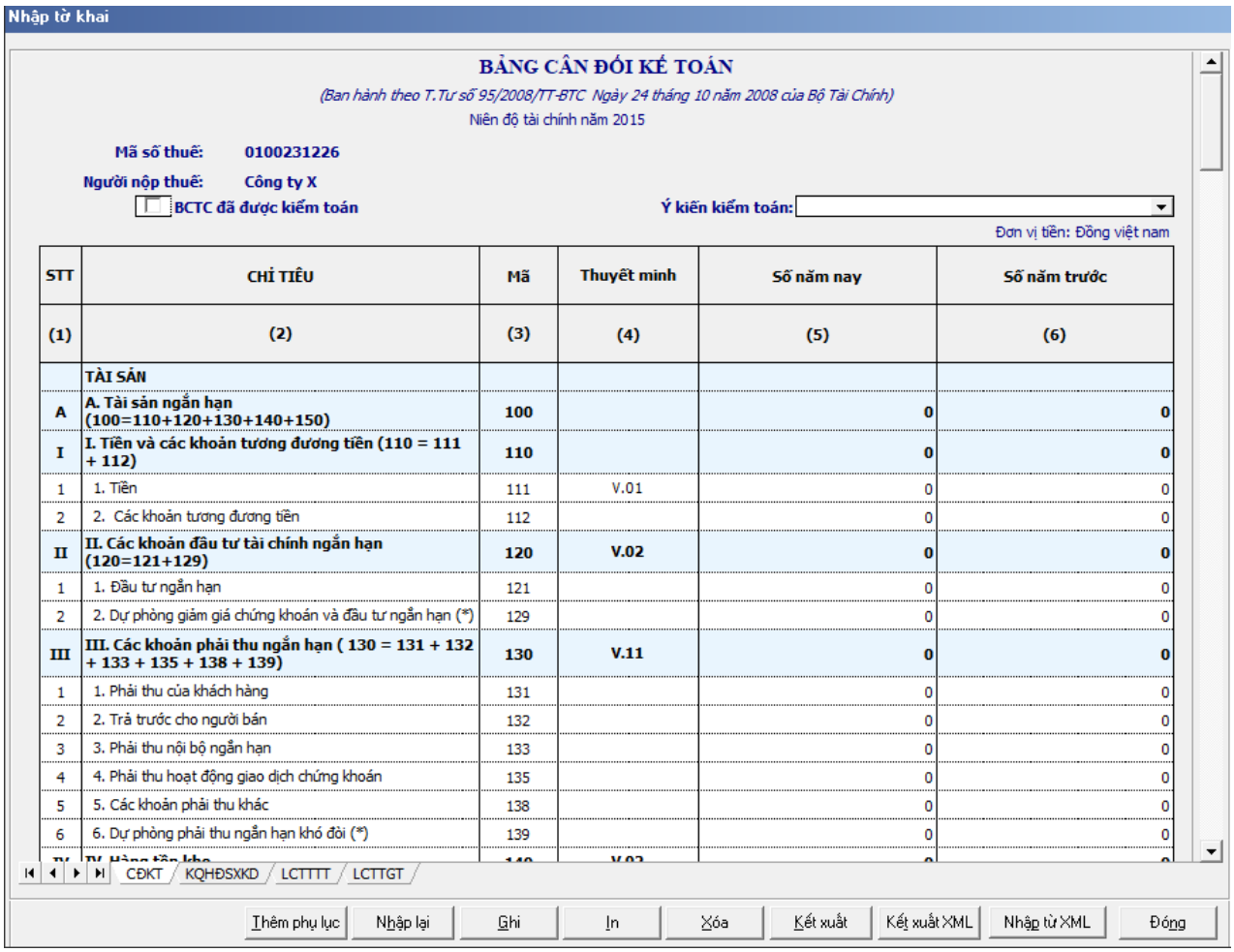
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính 95/2008/TT-BTC" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT. Bạn có chắc chắn nhận cả hai phụ lục này không?" Nếu chọn "Có" ứng dụng vẫn cho phép kê khai đồng thời hai phụ lục, nếu chọn " Không" thì ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.4.1 *Bảng cân đối kế toán cho CTCK theo Thông tư 95/2008/TT-BTC*

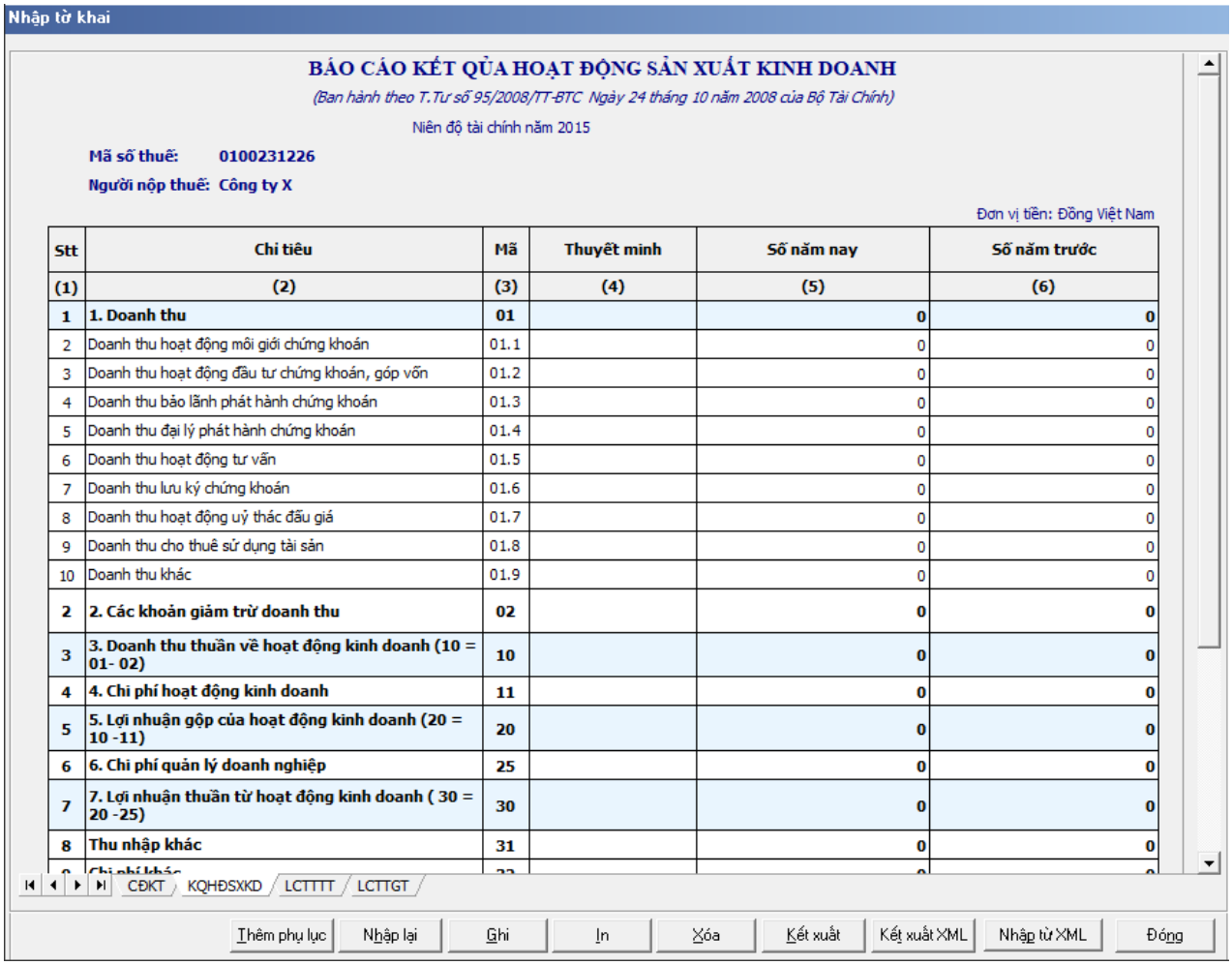


- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  + Bổ sung thêm nút checkbox "BCTC đã được kiểm toán"
    - Cho phép check chọn hoặc bỏ check, không bắt buộc.
    - Mặc định là không check
  + Combobox “Ý kiến kiểm toán”: không chọn được nếu không check chọn “BCTC đã được kiểm toán”, bắt buộc chọn nếu check chọn “BCTC đã được kiểm toán” gồm 04 giá trị:
    - Ý kiến trái ngược
    - Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến
    - Ý kiến ngoại trừ
    - Ý kiến chấp nhận toàn phần
  + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, cho phép nhập tối đa 50 kí tự.

- Các chỉ tiêu cần phải nhập
  + Các cột phải nhập: cột [Số cuối quý], [Số đầu năm]
  + Các chỉ tiêu phải nhập dạng số, mặc định là 0: [111], [112], [121], [131], [132], [133], [135], [138], [140], [151], [152], [154], [157], [158], [211], [212], [213], [218], [222], [225], [228], [230], [241], [245], [251], [252], [254], [255], [258], [261], [262], [263], [268], [311], [312], [313], [314], [315], [316], [317], [319], [320], [321], [322], [323], [327], [328], [329], [331], [332], [333], [334], [335], [336], [337], [338], [339], [359], [411], [412], [413], [415], [416], [417], [418], [419], [420]
  + Các chỉ tiêu ngoài bảng nhập dạng số, mặc định là 0: [001], [002], [003], [004], [005], [006], [007], [008], [009], [010], [011], [012], [013], [014], [015], [016], [017], [018], [019], [020], [021], [022], [027], [032], [037], [042], [047], [050], [082], [083], [084]
  + Các chỉ tiêu phải nhập dạng số, mặc định là 0: [129], [139], [219], [223], [226], [229], [242], [259], [414].
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [100] = [110] + [120] + [130] + [140] + [150]
  + Chỉ tiêu [110] = [111] + [112]
  + Chỉ tiêu [120] = [121] + [129]
  + Chỉ tiêu [130] = [131] + [132] + [133] + [135] + [138] + [139]
  + Chỉ tiêu [150] = [151] + [152] + [154] + [157] + [158]
  + Chỉ tiêu [200] = [210] + [220] + [240] + [250] + [260]
  + Chỉ tiêu [210] = [211] + [212] + [213] + [218] + [219]
  + Chỉ tiêu [220] = [221] + [224] + [227] + [230]
  + Chỉ tiêu [221] = [222] + [223]
  + Chỉ tiêu [224] = [225] + [226]
  + Chỉ tiêu [227] = [228] + [229]
  + Chỉ tiêu [240] = [241] + [242]
  + Chỉ tiêu [250] = [251] + [252] + [253] + [258] + [259]
  + Chỉ tiêu [253] = [254] + [255]
  + Chỉ tiêu [260] = [261] + [262] + [263] + [268]
  + Chỉ tiêu [270] = [100] + [200]
  + Chỉ tiêu [300] = [310] + [330]
  + Chỉ tiêu [310] = [311] + [312] + [313] + [314] + [315] + [316] + [317] + [319] + [320] + [321] + [322] +[323] + [327] + [328] + [329]
  + Chỉ tiêu [330] = [331] + [332] + … + [336] + [337] + [338] + [339] + [359]
  + Chỉ tiêu [400] = [410]

+ Chỉ tiêu [410] = [411] + [412] + … + [419] + [420]
+ Chỉ tiêu [440] = [300] + [400]
+ Chỉ tiêu [270] = Chỉ tiêu [440]
+ Tại cột <Năm nay>: Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nguồn vốn" [440] (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nguồn vốn cuối kỳ phải khác 0", không cho kết xuất, in báo cáo tài chính
+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.4.2 Báo cáo KQ HĐ SXKD cho CTCK theo Thông tư 95/2008/TT-BTC



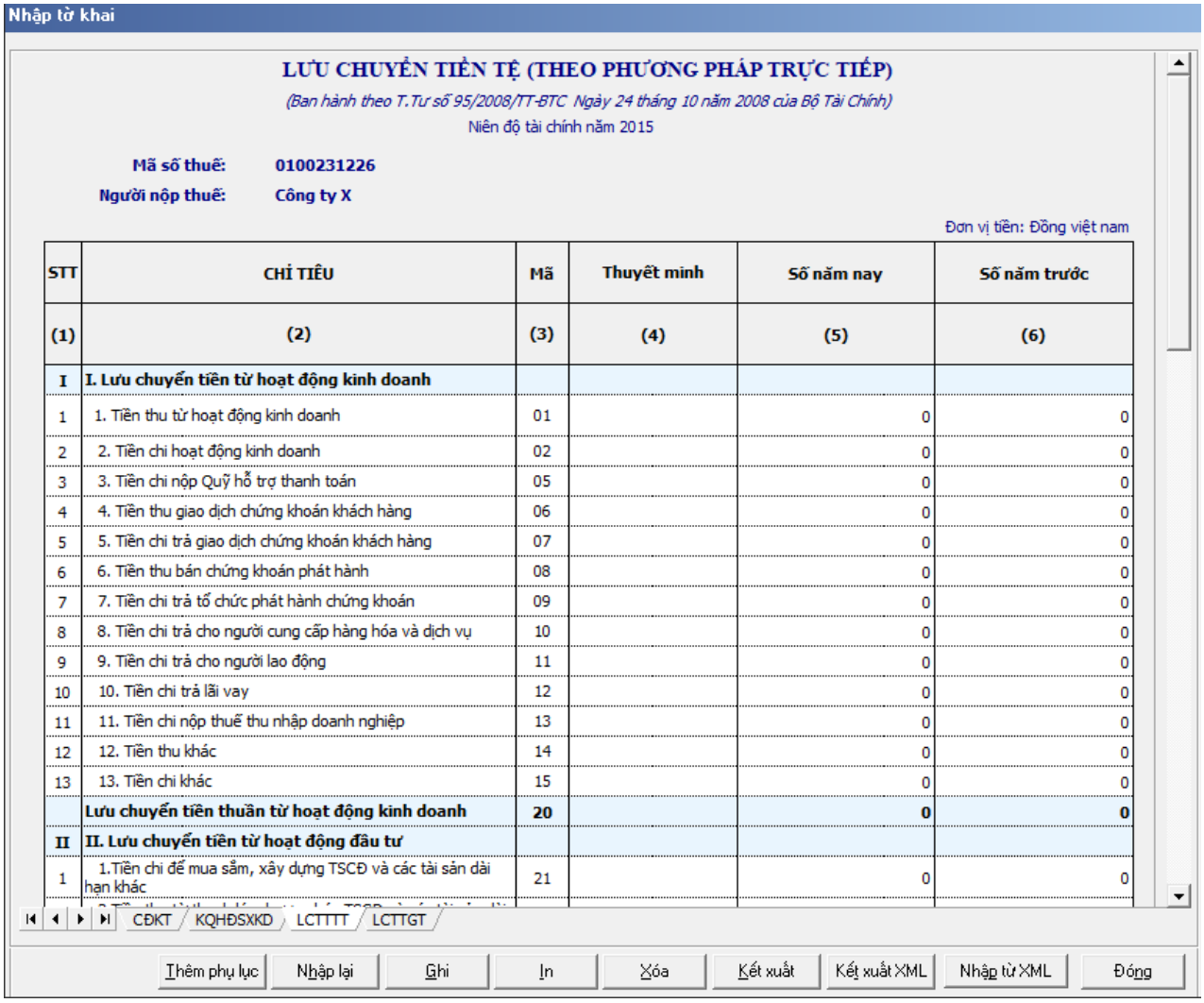
Stt	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	**1. Doanh thu**	01		0	0
2	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		0	0
3	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		0	0
4	Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		0	0
5	Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		0	0
6	Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		0	0
7	Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		0	0
8	Doanh thu hoạt động uỷ thác đấu giá	01.7		0	0
9	Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		0	0
10	Doanh thu khác	01.9		0	0
2	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	02		0	0
3	**3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01- 02)**	10		0	0
4	**4. Chi phí hoạt động kinh doanh**	11		0	0
5	**5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 -11)**	20		0	0
6	**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	25		0	0
7	**7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 -25)**	30		0	0
8	**Thu nhập khác**	31		0	0

- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Các cột phải nhập: cột [Số năm nay], [Số năm trước]
  + Các chỉ tiêu phải nhập dạng số: [01.1], [01.2], [01.3], [01.4], [01.5], [01.6], [01.7], [01.8], [01.9], [02], [11], [25], [31], [32], [51], [52], [70] và ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0.
- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [01] = [01.1] + [01.2] + [01.3] + [01.4] + [01.5] + [01.6] + [01.7] + [01.8] + [01.9]
+ Chỉ tiêu [10] = [01] – [02]
+ Chỉ tiêu [20] = [10] – [11]
+ Chỉ tiêu [30] = [20] - [25]
+ Chỉ tiêu [40] = [31] – [32]
+ Chỉ tiêu [50] = [30] + [40]
+ Chỉ tiêu [60] = [50] – [51] - [52]

- Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.4.3 Báo cáo LCTT (Trực tiếp) cho CTCK theo Thông tư 95/2008/TT-BTC

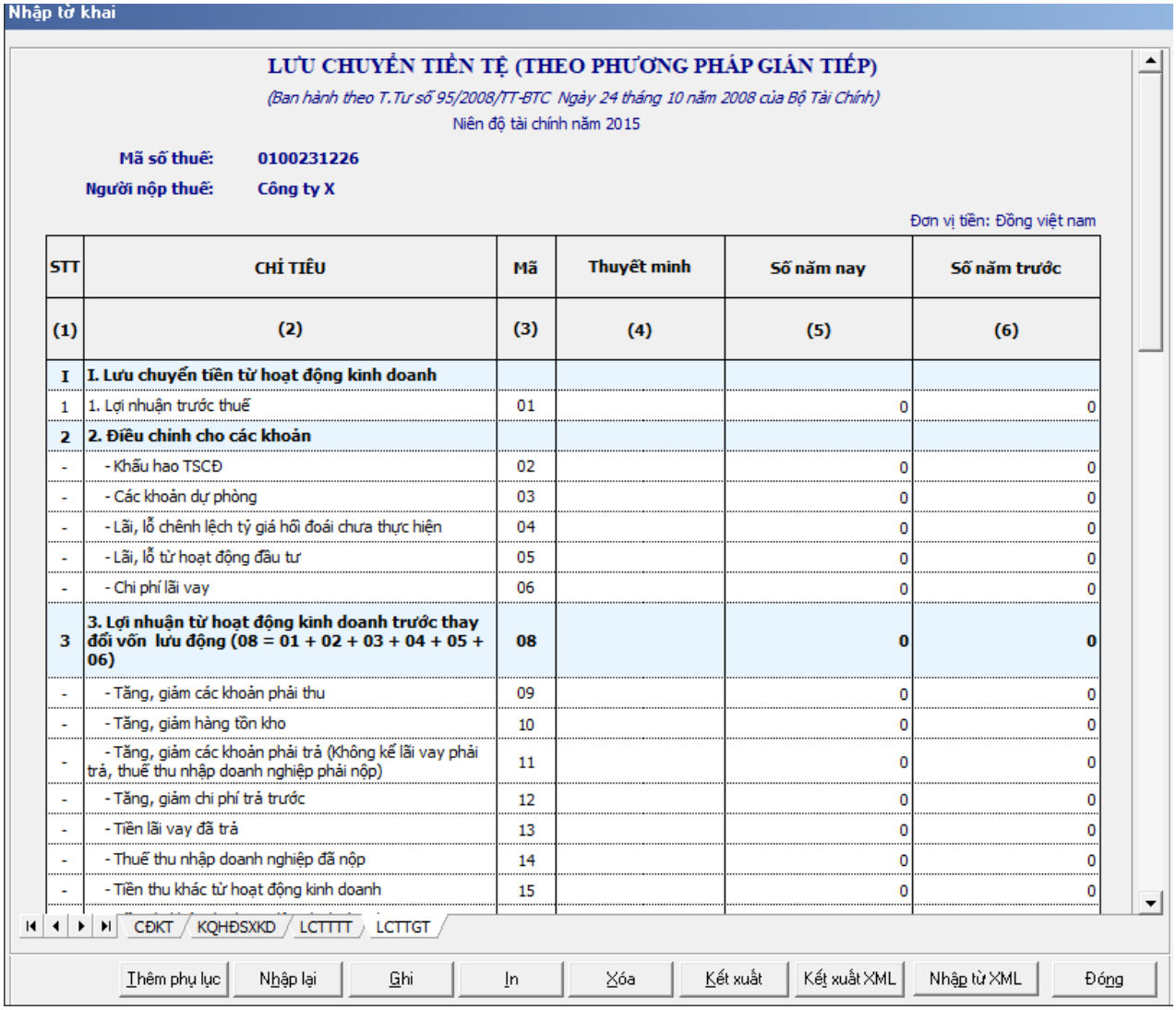


- Hướng dẫn nhập dữ liệu:

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, cho phép nhập tối đa 50 kí tự.

- Các chỉ tiêu cần phải nhập
  + Các chỉ tiêu phải nhập: [01], [02], [05], [06], [07], [08], [09], [10], [11], [12], [13], [14], [15], [21], [22], [23], [24], [25], [26], [27], [31], [32], [33], [34], [35], [36], [60] [61] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và không cho phép nhập âm dương.
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [20] = [01] + [02] + … + [14] + [15]
  + Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + …+ [26] + [27]
  + Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + …+ [36]
  + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]
  + Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.4.4 Báo cáo LCTT (Gián tiếp) cho CTCK theo Thông tư 95/2008/TT-BTC



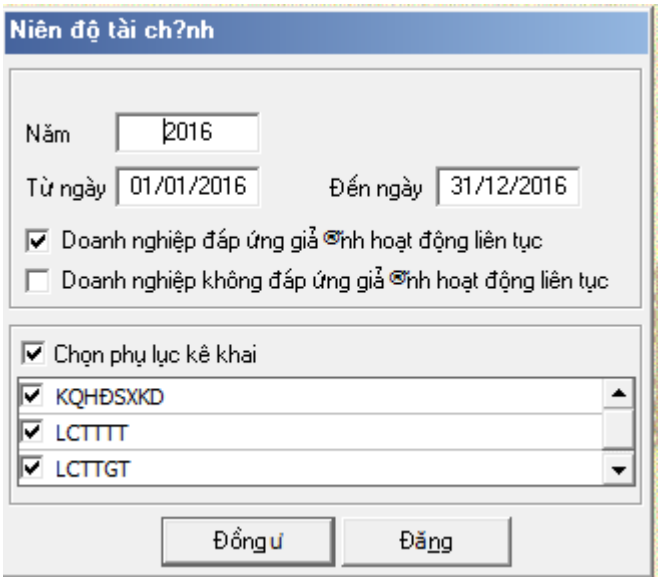
- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
- Các chỉ tiêu cần phải nhập
  + Các chỉ tiêu phải nhập: [01], [02], [06], [13], [14], [15], [16], [21], [22], [23], [24], [25], [26], [27], [31], [32], [33], [34], [35], [36], [60] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và không cho phép nhập âm dương.
  + Các chỉ tiêu phải nhập: [03], [04], [05], [09], [10], [11], [12], [61] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và cho phép nhập âm dương.
- Các chỉ tiêu tính toán
  + Chỉ tiêu [08] = [01] + [02] + … + [06]

+ Chỉ tiêu [20] = [09] + [10] + … + [16]
+ Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + …+ [26] + [27]
+ Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + …+ [36]
+ Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
+ Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]
+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.5 Lập Bộ Báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính (TT 200/2014/TT-BTC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2015 trở đi
- Bổ sung thêm Từ ngày … Đến ngày, mặc định theo năm tài chính, cho sửa.
  + Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
  + Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
  + Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)
- Nếu năm tài chính trùng năm dương lịch (từ 01/01 đến 31/12) thì
  + Kiểm tra thông tin từ kỳ, đến kỳ phải nằm trong khoảng kỳ tính thuế.
- Nếu năm tài chính khác năm dương lịch:
  + Năm tài chính 01/04/X -> 31/03/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X

+ Năm tài chính 01/07/X -> 30/06/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
+ Năm tài chính 01/10/X -> 30/09/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X

- Nếu trường hợp NNT quyết toán 15 tháng:

+ NNT mới ra kinh doanh (số tháng trong năm ra kinh doanh <=3 tháng): kỳ tính thuế thuộc năm tiếp theo

VD: NNT ra kinh doanh tháng 10/X. Khi kê khai quyết toán BCTC là năm X+1, từ ngày 01/10/X đến ngày 31/12/X+1

+ NNT giải thể phá sản: quyết toán theo kỳ tính thuế xin giải thể phá sản, cụ thể như sau:

- Nếu tháng giải thể > tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm giải thể

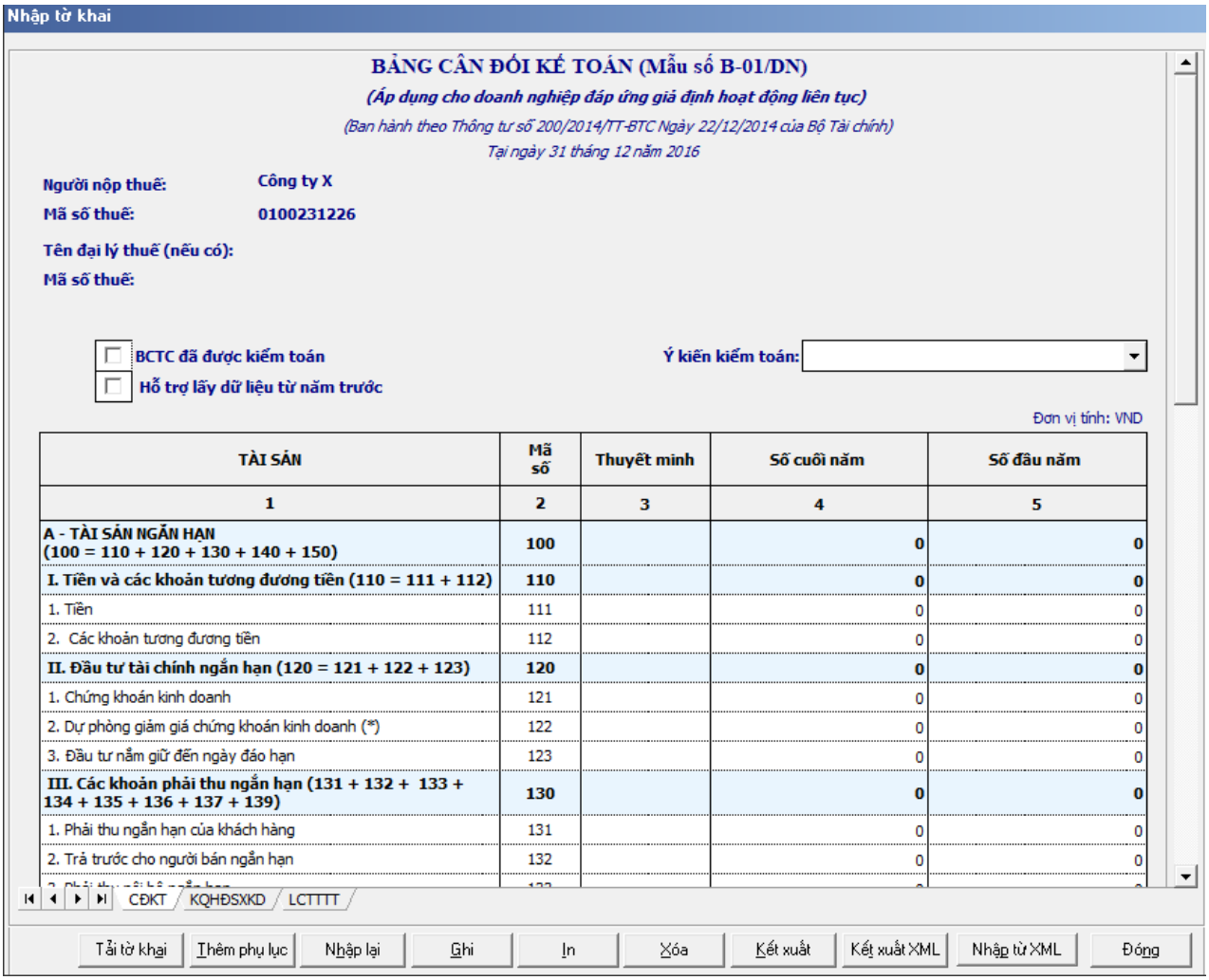
VD: NNT giải thể phá sản tháng 07/X thì kỳ tính thuế là X và kỳ tính thuế từ 01/01/X đến 01/07/X

- Nếu tháng giải thể <= tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm trước năm giải thể

VD: Tháng 02/2017 DN phá sản, được phép gộp BCTC vào năm 2016 (01/01/2016 – 28/2/2017).

- Bổ sung thêm nút check "Doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục" và "Doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục". Nếu chọn "Doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục" thì hiển thị bảng Cân đối kế toán Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục"
- Nếu chọn "Doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục" thì ứng dụng hiển thị Bảng cân đối kế toán Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục
- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh “Đồng ý” màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo “Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT” và ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.5.1 Bảng CĐKT theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  + Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính
  + Ngày lập: Mặc định ngày hiện tại của hệ thống, cho phép sửa, kiểm tra phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại của hệ thống
  + Bổ sung thêm nút checkbox "BCTC đã được kiểm toán"
    - Cho phép check chọn hoặc bỏ check, không bắt buộc.
    - Mặc định là không check
  + Combobox “Ý kiến kiểm toán”: không chọn được nếu không check chọn “BCTC đã được kiểm toán”, bắt buộc chọn nếu check chọn “BCTC đã được kiểm toán” gồm 04 giá trị:
    - Ý kiến trái ngược

- Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến
- Ý kiến ngoại trừ
- Ý kiến chấp nhận toàn phần

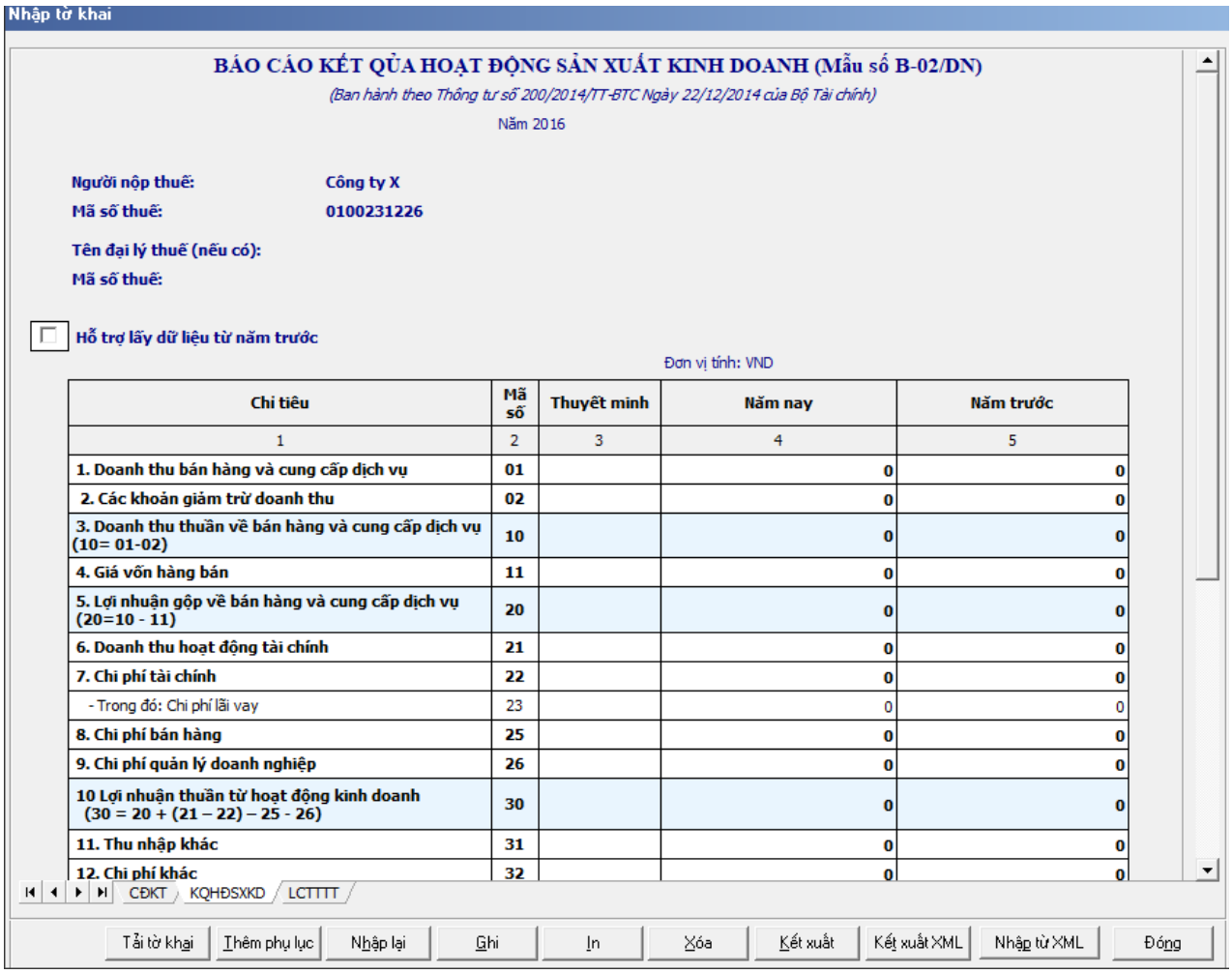
+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.

- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Người lập biểu: Nhập dạng text
  + Số chứng chỉ hành nghề: Nhập dạng text
  + Kế toán trưởng: Nhập dạng text
  + Giám đốc: Lấy thông tin Người ký trên thông tin chung, cho sửa
  + Ngày lập: Mặc định ngày hiện tại của hệ thống, cho sửa nhưng không được lớn hơn ngày hiện tại
  + Các cột phải nhập: cột [Số cuối năm], [Số đầu năm]
  + Hỗ trợ lấy dữ liệu Số cuối năm của năm trước sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
  + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0Các chỉ tiêu [111], [112], [121], [123], [131], [132], [133], [134], [135], [141], [151], [153], [155], [211], [212], [213], [214], [215], [216], [222], [225], [228], [231], [241], [242], [251], [252], [253], [255], [261], [262], [263], [268], [311], [312], [317], [318], [320], [321], [324], [331], [332], [333], [334], [335], [336], [338], [339], [340], [341], [342], [343], [411a], [411b], [413], [414], [418], [419], [422], [432]: Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu [136], [139], [154], [152], [313], [314], [315], [316], [319], [322], [323], [337], [412], [416], [417], [420], [421a], [421b], [431]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu [122], [137], [149], [219], [223], [226], [229], [232], [254], [415]: Nhập kiểu số âm, mặc định là 0
  + Các công thức tính toán:
    - Chỉ tiêu [100] = [110] + [120] + [130] + [140] + [150]
    - Chỉ tiêu [110] = [111] + [112]
    - Chỉ tiêu [120] = [121] + [122] + [123]
    - Chỉ tiêu [130] = [131] + [132] + [133] + [134] + [135] + [136] + [137] + [139]
    - Chỉ tiêu [140] = [141] + [149]
    - Chỉ tiêu [150] = [151] + [152] + [153] + [154] + [155]
    - Chỉ tiêu [200] = [210] + [220] + [230] + [240] + [250] + [260]
    - Chỉ tiêu [210] = [211] + [212] + [213] + [214] + [215] + [216] + [219]

- Chỉ tiêu [220] = [221] + [224] + [227]
- Chỉ tiêu [221] = [222] + [223]
- Chỉ tiêu [224] = [225] + [226]
- Chỉ tiêu [227] = [228] + [229]
- Chỉ tiêu [230] = [231] + [232]
- Chỉ tiêu [240] = [241] + [242]
- Chỉ tiêu [250] = [251] + [252] + [253] + [254] + [255]
- Chỉ tiêu [260] = [261] + [262] + [263] + [268]
- Chỉ tiêu [270] = [100] + [200]
- Chỉ tiêu [300] = [310] + [330]
- Chỉ tiêu [310] = [311] + [312] + … + [322] + [323] + [324]
- Chỉ tiêu [330] = [331] + [332] + … + [342] + [343]
- Chỉ tiêu [400] = [410] + [430]
- Chỉ tiêu [410] = [411] + [412] + … + [420] + [421] + [422]
- Chỉ tiêu [411] = [411a] + [411b]
- Chỉ tiêu [421] = [421a] + [421b]
- Chỉ tiêu [430] = [431] + [432]
- Chỉ tiêu [440] = [300] + [400]

+ Các điều kiện kiểm tra:
  - Kiểm tra chỉ tiêu [411]:
    - Cho phép nhập >= 0, ngược lại cảnh báo vàng.
    - Nếu chỉ tiêu ([411a] + [411b]) <> 0 thì UD không cho phép sửa ct [411].
    - Nếu chỉ tiêu ([411a] + [411b]) = 0 thì UD cho phép sửa ct [411] không âm.
  - Chỉ tiêu [270] = Chỉ tiêu [440]
  - Tại cột <Số cuối năm>: Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nguồn vốn" [440] (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nguồn vốn cuối kỳ phải khác 0", không cho kết xuất, in báo cáo tài chính

3.16.5.2 Báo cáo KQ HĐ SXKD theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

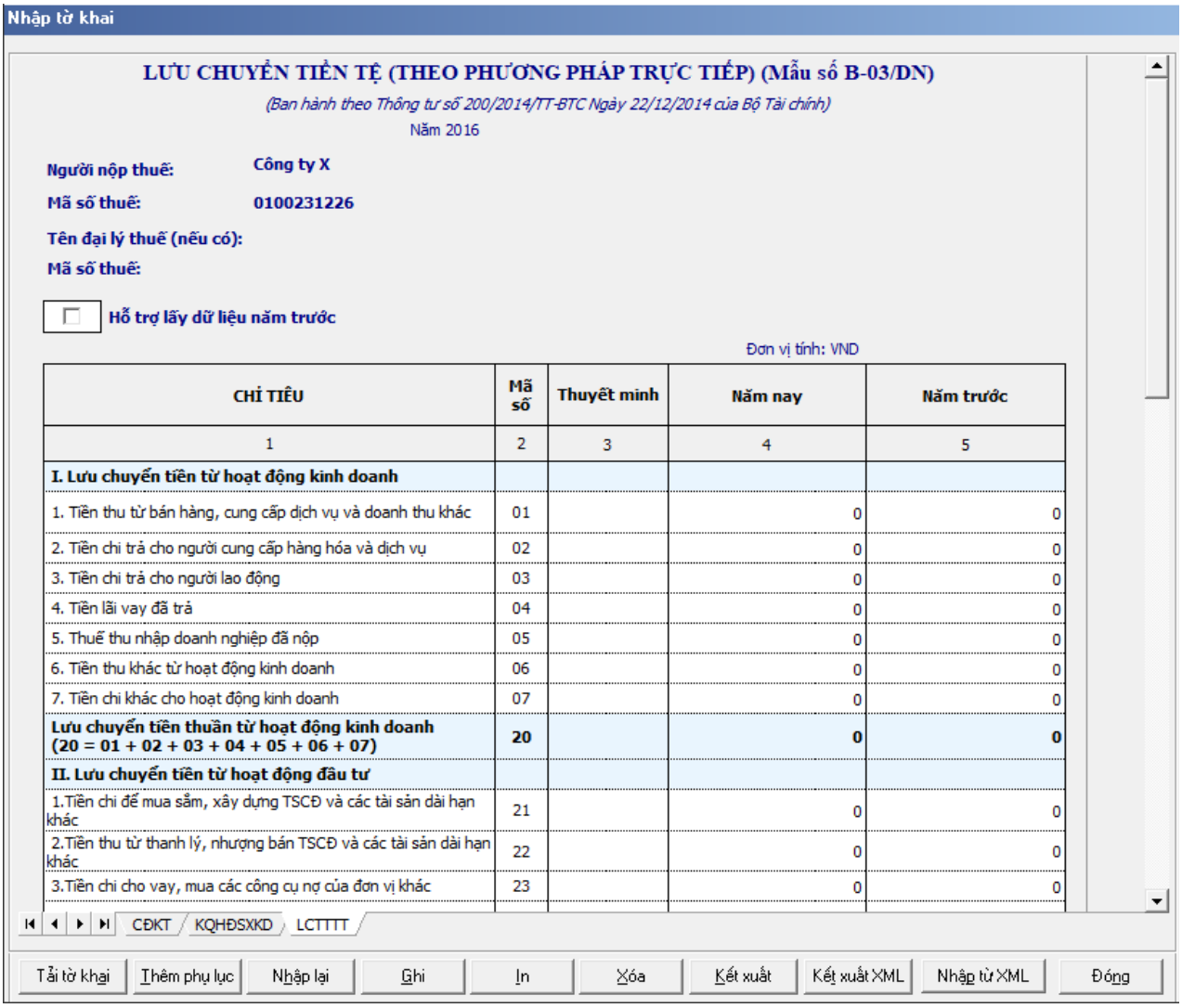


- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  - + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0
  - + Các cột phải nhập: cột [Năm nay], [Năm trước]
  - + Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm trước] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
  - + Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
  - + Các chỉ tiêu [01], [02], [21], [31], [32]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
  - + Các chỉ tiêu [11], [22], [23], [25], [26], [51], [52]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0
  - + Các chỉ tiêu [70], [71]; Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0
  - + Các chỉ tiêu tính toán:
    - Chỉ tiêu [10] = [01] – [02]
    - Chỉ tiêu [20] = [10] – [11]

- Chỉ tiêu [30] = [20] + ([21] – [22]) – [25] - [26]
- Chỉ tiêu [40] = [31] – [32]
- Chỉ tiêu [50] = [30] + [40]
- Chỉ tiêu [60] = [50] – [51] – [52]

+ Các chỉ tiêu cần ràng buộc kiểm tra tính logic gồm chỉ tiêu ngày ký.
+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.5.3 Báo cáo LCTT (Trực tiếp) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



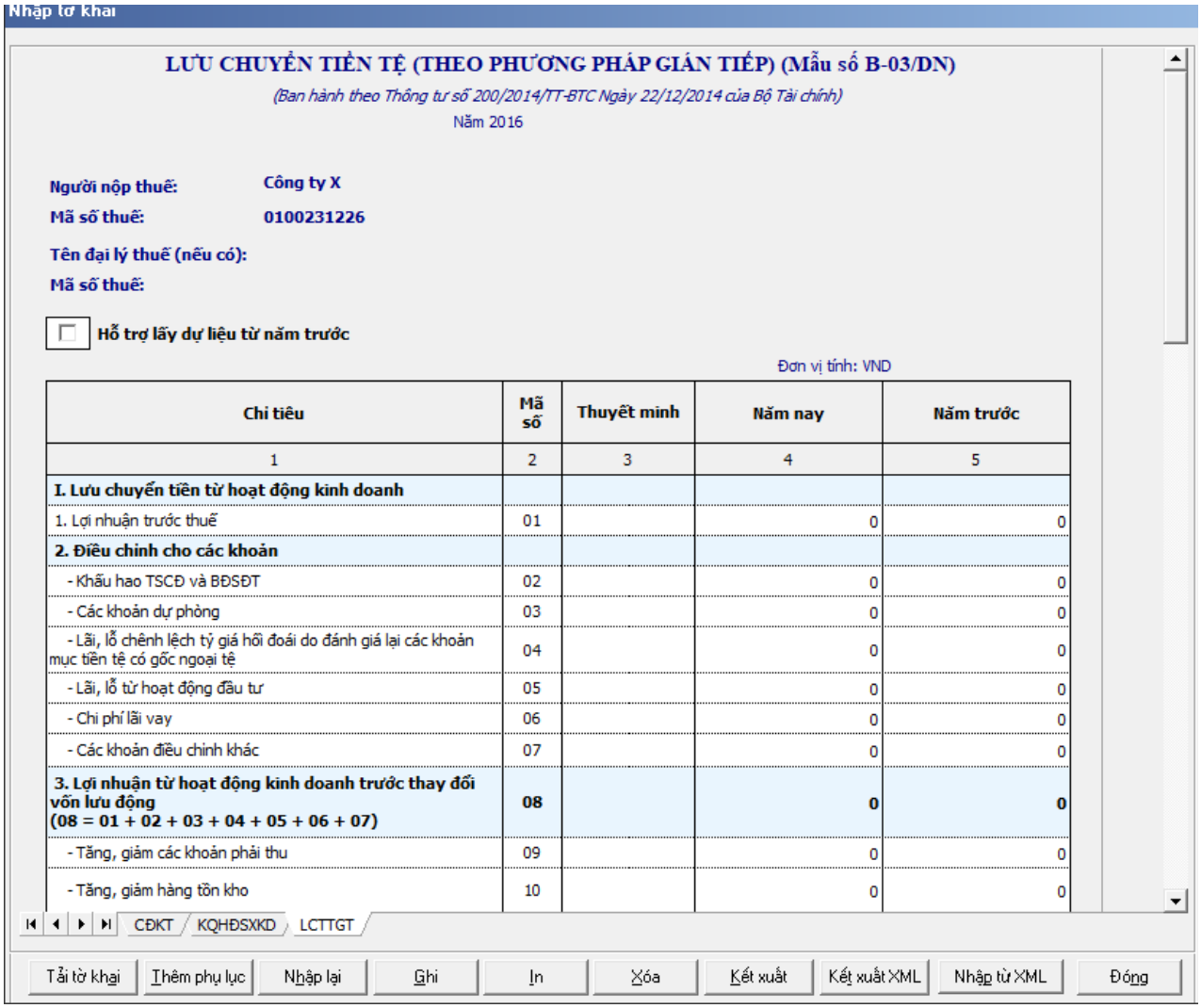
- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  + Các cột phải nhập: cột [Năm nay], [Năm trước]
  + Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm trước] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
  + Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.

+ Các chỉ tiêu: [01], [05], [06], [22], [24], [26], [27], [31], [33], [60]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
+ Các chỉ tiêu [02], [03], [04], [07], [21], [23], [25], [32], [34], [35], [36], [61]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tính:
  - Chỉ tiêu [20] = [01] + [02] + [03], + [04] + [05] + [06] + [07]
  - Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + [23] + [24] + [25] + [26] + [27]
  - Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + [33] + [34] + [35] + [36]
  - Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
  - Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]

+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.5.4 Báo cáo LCTT (Gián tiếp) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



- Hướng dẫn nhập dữ liệu:

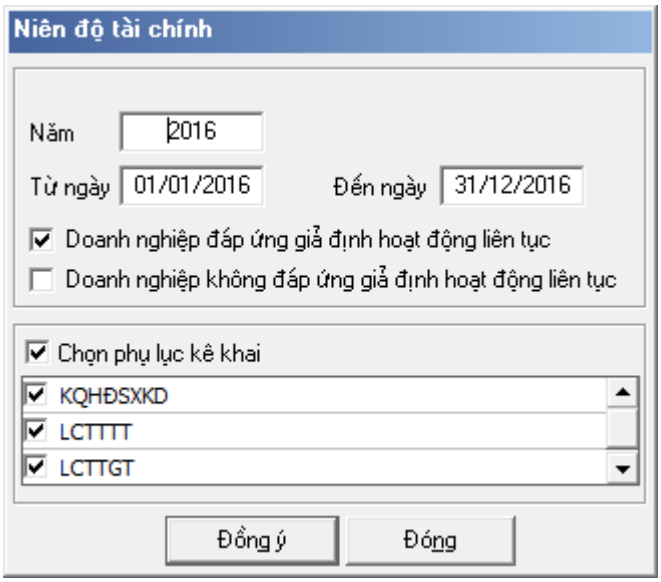
+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
+ Các cột phải nhập: cột [Năm nay], [Năm trước]
+ Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm trước] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"

- Các chỉ tiêu cần phải nhập
  + Các chỉ tiêu [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [09], [10], [11], [12], [13], [14], [15], [32], [34], [35], [36], [61]: Nhập số âm dương, mặc định là 0
  + Các chi tiêu [16], [22], [24], [26], [27], [31], [33], [60]: Nhập số dương, mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu [17], [21], [23], [25]: Nhập số âm, mặc định là 0
- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tính
  + Chỉ tiêu [08] = [01] + [02] + [03] + [04] + [05] + [06] + [07]
  + Chỉ tiêu [20] = [08] + [09] + [10] + … + [16] + [17]
  + Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + …+ [26] + [27]
  + Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + [33] + [34] + [35] + [36]
  + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]
  + Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế

3.16.6 Lập Bộ Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính hợp nhất (TT 200/2014/TT-BTC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2015 trở đi
- Bổ sung thêm Từ ngày … Đến ngày, mặc định theo năm tài chính, cho sửa.
  + Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
  + Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
  + Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)
- Nếu năm tài chính trùng năm dương lịch (từ 01/01 đến 31/12) thì
  + Kiểm tra thông tin từ kỳ, đến kỳ phải nằm trong khoảng kỳ tính thuế.
- Nếu năm tài chính khác năm dương lịch:
  + Năm tài chính 01/04/X -> 31/03/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
  + Năm tài chính 01/07/X -> 30/06/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
  + Năm tài chính 01/10/X -> 30/09/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
- Nếu trường hợp NNT quyết toán 15 tháng:
  + NNT mới ra kinh doanh (số tháng trong năm ra kinh doanh <=3 tháng): kỳ tính thuế thuộc năm tiếp theo

VD: NNT ra kinh doanh tháng 10/X. Khi kê khai quyết toán BCTC là năm X+1, từ ngày 01/10/X đến ngày 31/12/X+1

  + NNT giải thể phá sản: quyết toán theo kỳ tính thuế xin giải thể phá sản, cụ thể như sau:
- Nếu tháng giải thể > tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm giải thể

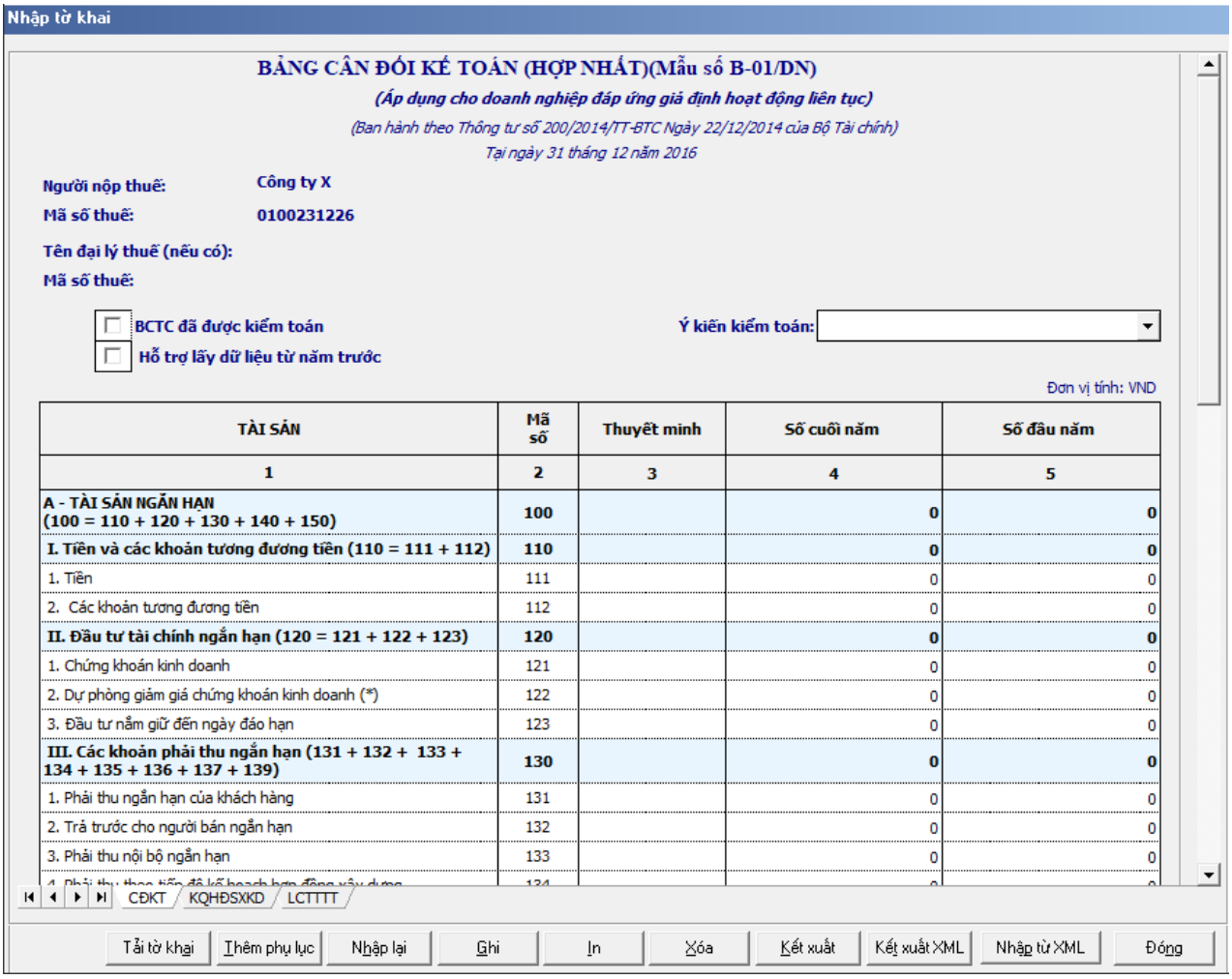
VD: NNT giải thể phá sản tháng 07/X thì kỳ tính thuế là X và kỳ tính thuế từ 01/01/X đến 01/07/X

- Nếu tháng giải thể <= tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm trước năm giải thể

VD: Tháng 02/2017 DN phá sản, được phép gộp BCTC vào năm 2016 (01/01/2016 – 28/2/2017).

- Bổ sung thêm nút check "Doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục" và "Doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục". Nếu chọn "Doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục" thì hiển thị bảng Cân đối kế toán Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục"
- Nếu chọn "Doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục" thì ứng dụng hiển thị Bảng cân đối kế toán Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục
- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh “Đồng ý” màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo “Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT” và ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.6.1 Bảng CĐKT hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục) theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  - + Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính
  - + Ngày lập: Mặc định ngày hiện tại của hệ thống, cho phép sửa, kiểm tra phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại của hệ thống
  - + Bổ sung thêm nút checkbox "BCTC đã được kiểm toán"
    - Cho phép check chọn hoặc bỏ check, không bắt buộc.
    - Mặc định là không check
  - + Combobox “Ý kiến kiểm toán”: không chọn được nếu không check chọn “BCTC đã được kiểm toán”, bắt buộc chọn nếu check chọn “BCTC đã được kiểm toán” gồm 04 giá trị:
    - Ý kiến trái ngược
    - Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến

- Ý kiến ngoại trừ
- Ý kiến chấp nhận toàn phần

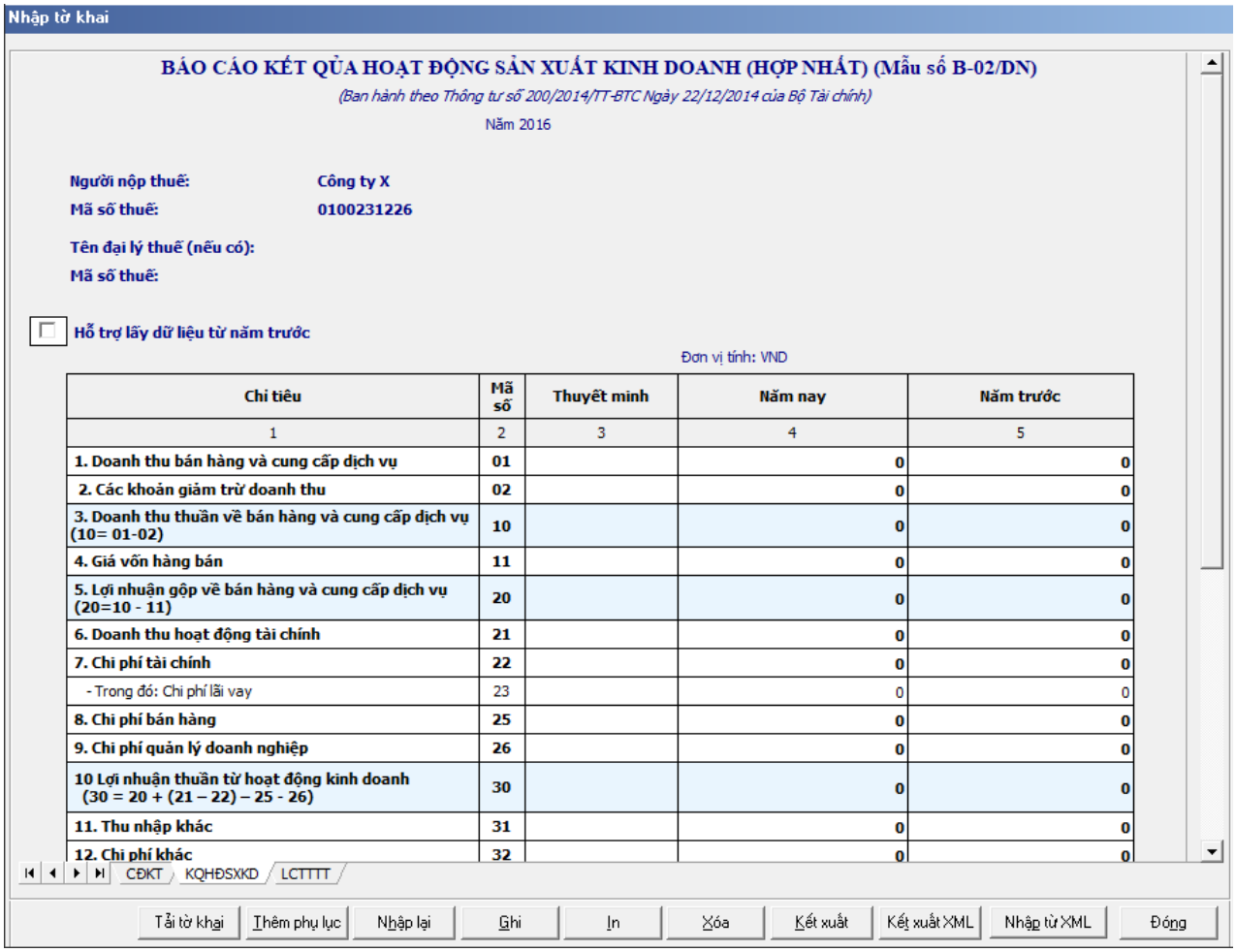
+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.

- Các chỉ tiêu cần nhập
  + Người lập biểu: Nhập dạng text
  + Số chứng chỉ hành nghề: Nhập dạng text
  + Kế toán trưởng: Nhập dạng text
  + Giám đốc: Lấy thông tin Người ký trên thông tin chung, cho sửa
  + Ngày lập: Mặc định ngày hiện tại của hệ thống, cho sửa nhưng không được lớn hơn ngày hiện tại
  + Các cột phải nhập: cột [Số cuối năm], [Số đầu năm]
  + Hỗ trợ lấy dữ liệu Số cuối năm của năm trước sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
  + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0. Các chỉ tiêu [111], [112], [121], [123], [131], [132], [133], [134], [135], [141], [151], [153], [155], [211], [212], [213], [214], [215], [216], [222], [225], [228], [231], [241], [242], [251], [252], [253], [255], [261], [262], [263], [268], [311], [312], [317], [318], [320], [321], [324], [331], [332], [333], [334], [335], [336], [338], [339], [340], [341], [342], [343], [411a], [411b], [413], [414], [418], [419], [422], [432]: Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu [136], [139], [154], [152], [313], [314], [315], [316], [319], [322], [323], [337], [412], [416], [417], [420], [421a], [421b], [431]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu [122], [137], [149], [219], [223], [226], [229], [232], [254], [415]: Nhập kiểu số âm, mặc định là 0
  + Các công thức tính toán:
    - Chỉ tiêu [100] = [110] + [120] + [130] + [140] + [150]
    - Chỉ tiêu [110] = [111] + [112]
    - Chỉ tiêu [120] = [121] + [122] + [123]
    - Chỉ tiêu [130] = [131] + [132] + [133] + [134] + [135] + [136] + [137] + [139]
    - Chỉ tiêu [140] = [141] + [149]
    - Chỉ tiêu [150] = [151] + [152] + [153] + [154] + [155]
    - Chỉ tiêu [200] = [210] + [220] + [230] + [240] + [250] + [260]
    - Chỉ tiêu [210] = [211] + [212] + [213] + [214] + [215] + [216] + [219]

- Chỉ tiêu [220] = [221] + [224] + [227]
- Chỉ tiêu [221] = [222] + [223]
- Chỉ tiêu [224] = [225] + [226]
- Chỉ tiêu [227] = [228] + [229]
- Chỉ tiêu [230] = [231] + [232]
- Chỉ tiêu [240] = [241] + [242]
- Chỉ tiêu [250] = [251] + [252] + [253] + [254] + [255]
- Chỉ tiêu [260] = [261] + [262] + [263] + [268]
- Chỉ tiêu [270] = [100] + [200]
- Chỉ tiêu [300] = [310] + [330]
- Chỉ tiêu [310] = [311] + [312] + … + [322] + [323] + [324]
- Chỉ tiêu [330] = [331] + [332] + … + [342] + [343]
- Chỉ tiêu [400] = [410] + [430]
- Chỉ tiêu [410] = [411] + [412] + … + [420] + [421] + [422]
- Chỉ tiêu [411] = [411a] + [411b]
- Chỉ tiêu [421] = [421a] + [421b]
- Chỉ tiêu [430] = [431] + [432]
- Chỉ tiêu [440] = [300] + [400]

+ Các điều kiện kiểm tra:
  - Kiểm tra chỉ tiêu [411]:
    - Cho phép nhập >= 0, ngược lại cảnh báo vàng.
    - Nếu chỉ tiêu ([411a] + [411b]) <> 0 thì UD không cho phép sửa ct [411].
    - Nếu chỉ tiêu ([411a] + [411b]) = 0 thì UD cho phép sửa ct [411] không âm.
  - Chỉ tiêu [270] = Chỉ tiêu [440]
  - Tại cột <Số cuối năm>: Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nguồn vốn" [440] (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nguồn vốn cuối kỳ phải khác 0", không cho kết xuất, in báo cáo tài chính

3.16.6.2 *Báo cáo KQHĐSXKD hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

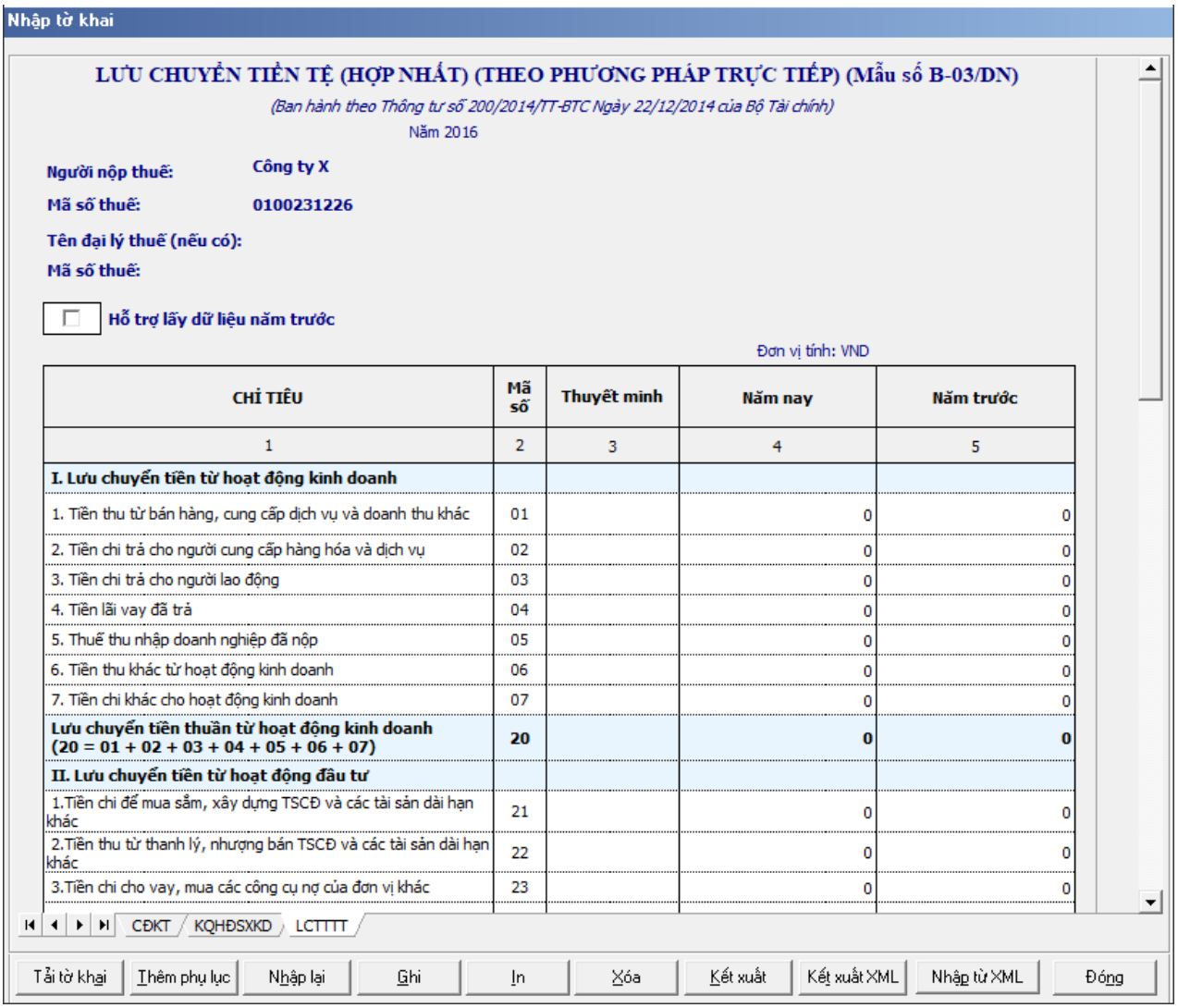


- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0
  + Các cột phải nhập: cột [Năm nay], [Năm trước]
  + Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm trước] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
  + Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
  + Các chỉ tiêu [01], [02], [21], [31], [32]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu [11], [22], [23], [25], [26], [51], [52]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu [70], [71]; Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu tính toán:
    - Chỉ tiêu [10] = [01] – [02]
    - Chỉ tiêu [20] = [10] – [11]
    - Chỉ tiêu [30] = [20] + ([21] – [22]) – [25] - [26]

- Chỉ tiêu [40] = [31] – [32]
- Chỉ tiêu [50] = [30] + [40]
- Chỉ tiêu [60] = [50] – [51] – [52]

+ Các chỉ tiêu cần ràng buộc kiểm tra tính logic gồm chỉ tiêu ngày ký.
+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.6.3 Báo cáo LCTT (Trực tiếp) hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



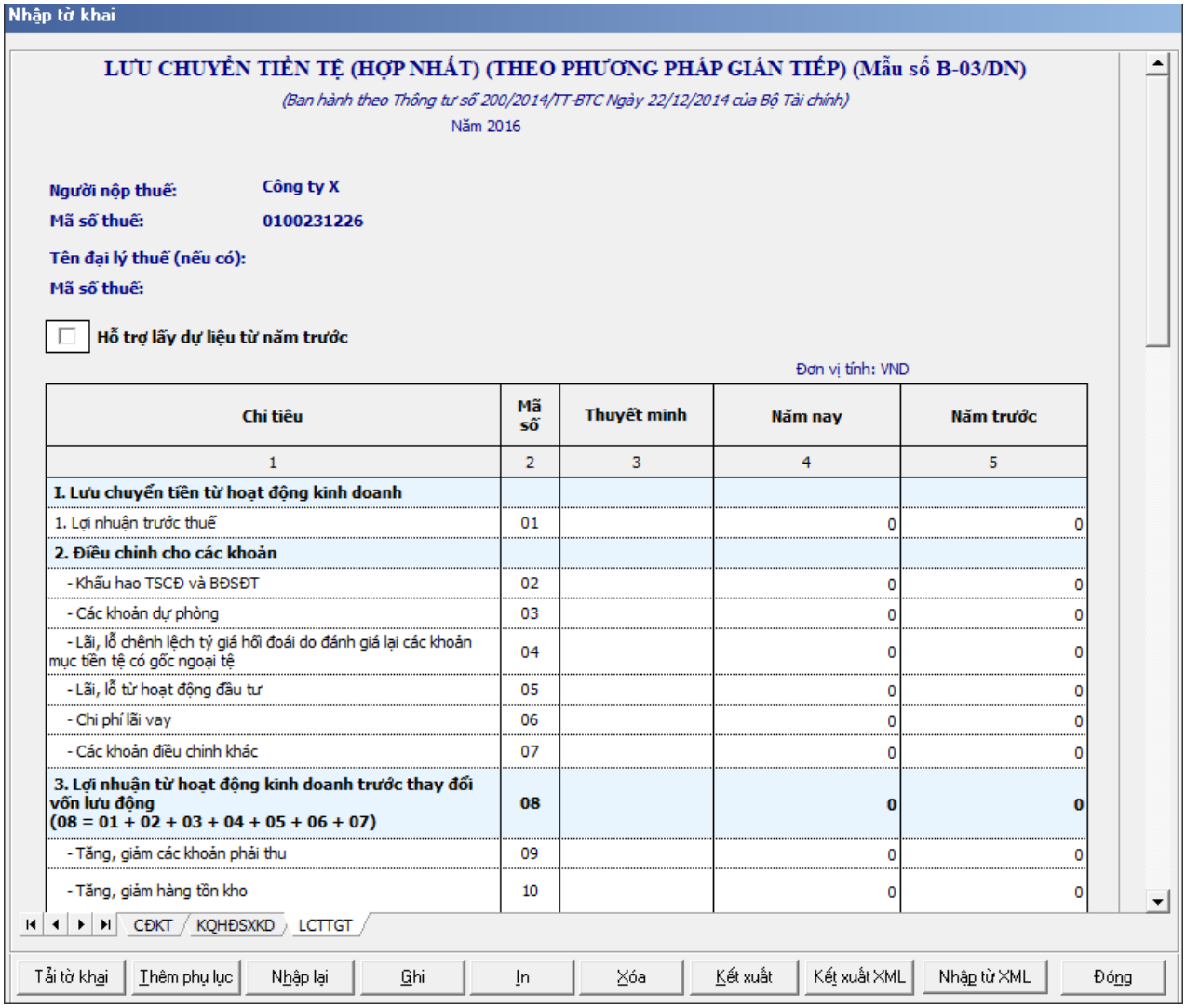
- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  + Các cột phải nhập: cột [Năm nay], [Năm trước]
  + Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm trước] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"

+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
+ Các chỉ tiêu: [01], [05], [06], [22], [24], [26], [27], [31], [33], [60]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
+ Các chỉ tiêu [02], [03], [04], [07], [21], [23], [25], [32], [34], [35], [36], [61]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tính:
  - Chỉ tiêu [20] = [01] + [02] + [03], + [04] + [05] + [06] + [07]
  - Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + [23] + [24] + [25] + [26] + [27]
  - Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + [33] + [34] + [35] + [36]
  - Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
  - Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]

+ Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế.

3.16.6.4 *Báo cáo LCTT (Gián tiếp) hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*



- Hướng dẫn nhập dữ liệu:
  - + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
  - + Các cột phải nhập: cột [Năm nay], [Năm trước]
  - + Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm trước] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
- Các chỉ tiêu cần phải nhập
  - + Các chỉ tiêu [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [09], [10], [11], [12], [13], [14], [15], [32], [34], [35], [36], [61]: Nhập số âm dương, mặc định là 0

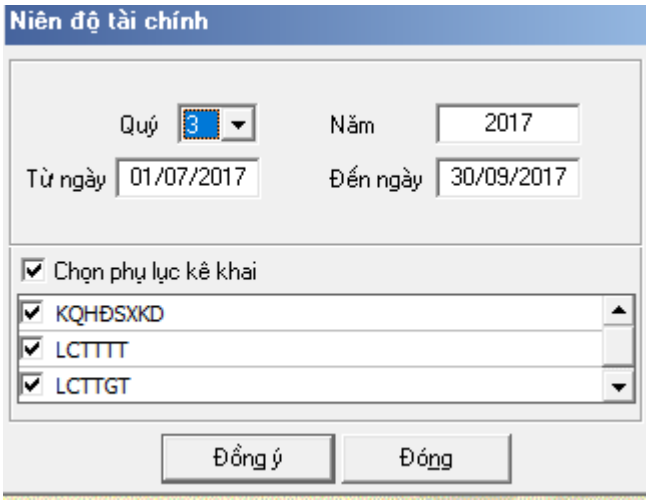
+ Các chi tiêu [16], [22], [24], [26], [27], [31], [33], [60]: Nhập số dương, mặc định là 0
+ Các chỉ tiêu [17], [21], [23], [25]: Nhập số âm, mặc định là 0

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tính
  + Chỉ tiêu [08] = [01] + [02] + [03] + [04] + [05] + [06] + [07]
  + Chỉ tiêu [20] = [08] + [09] + [10] + … + [16] + [17]
  + Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + …+ [26] + [27]
  + Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + [33] + [34] + [35] + [36]
  + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]
  + Đối với ngày ký, đây là ngày bắt buộc phải có trên mọi tờ khai hoặc báo cáo tài chính theo quy định của cơ quan thuế

3.16.7 Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ (TT 200/2014/TT-BTC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:

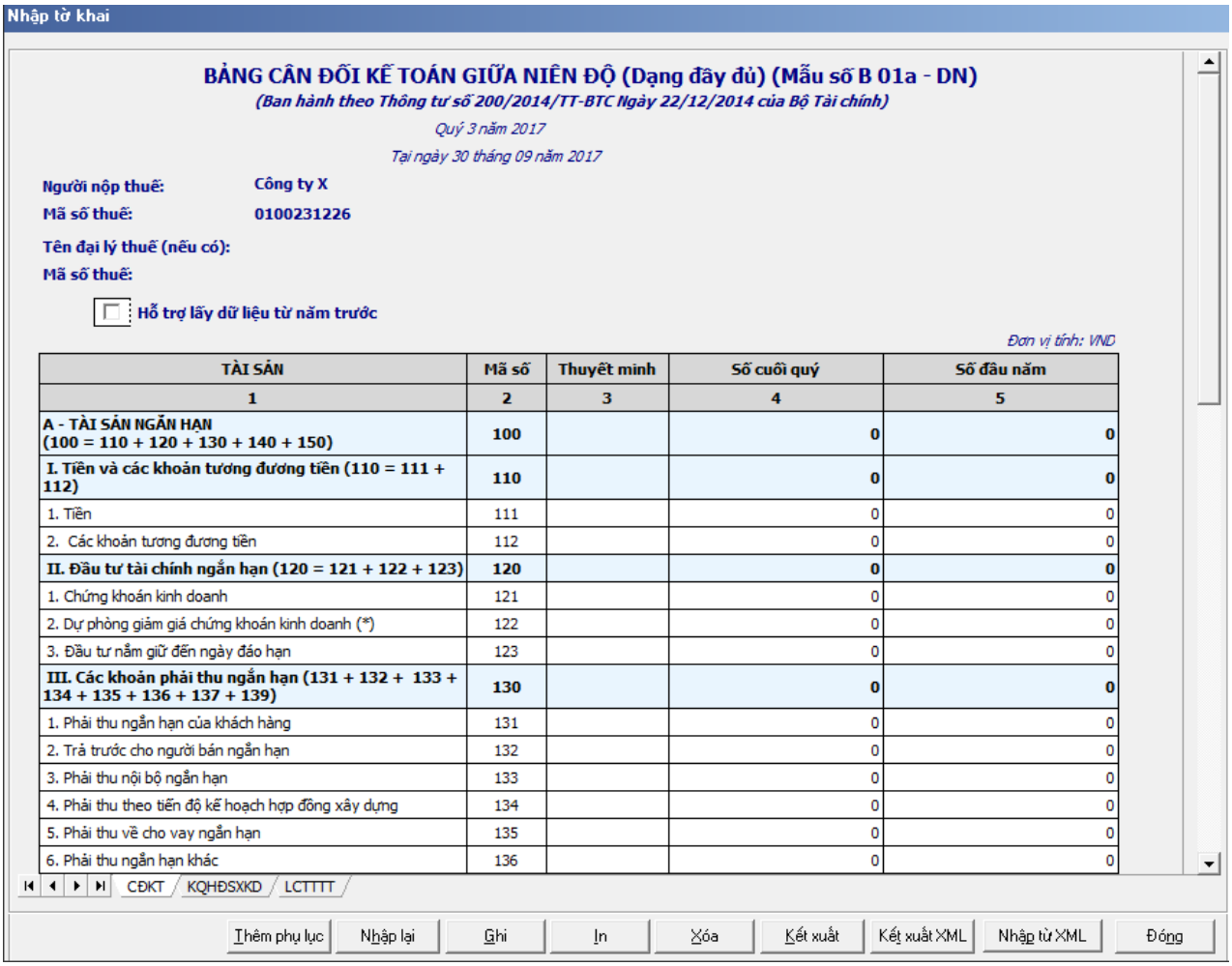


- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2015 trở đi
- Nhập niên độ tài chính: Người sử dụng nhập niên độ tài chính là Quý
- Bổ sung thêm Từ ngày tháng năm … Đến ngày tháng năm, mặc định theo Quý hiện tại -1, cho sửa, không nhập lớn hơn ngày hiện tại.
  + Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
  + Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
  + Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến

ngày)

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT" và ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.7.1 Lập Bảng cân đối kế toán (giữa niên độ dạng đầy đủ) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 200/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Các chỉ tiêu cần nhập**

+ Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính
+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
+ Người lập biểu: Nhập dạng text
+ Số chứng chỉ hành nghề: lấy theo thông tin chung
+ Kế toán trưởng: Nhập dạng text
+ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán: Lấy theo thông tin đại lý thuế
+ Giám đốc: Lấy thông tin Người ký trên thông tin chung, cho sửa
+ Ngày lập: hiển thị theo ngày hiện tại, cho phép sửa.

- Các cột phải nhập: cột [Số cuối quý], [Số đầu năm]

+ [Số cuối quý] (là số tại thời điểm ngày cuối quý của năm tài chính): NNT nhập số theo ràng buộc dưới đây

+ [Số đầu năm] (là số tại thời điểm ngày đầu tiên của năm tài chính): cho phép nhập hoặc hỗ trợ lấy dữ liệu năm trước. Hỗ trợ lấy dữ liệu từ cột [Số cuối năm] trên Bảng cân đối kế toán (năm) của năm trước liền kề (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo năm trước) sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"

- Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Các chỉ tiêu [111], [112], [121], [123], [131], [132], [133], [134], [135], [141], [151], [153], [155], [211], [212], [213], [214], [215], [216], [222], [225], [228], [231], [241], [242], [251], [252], [253], [255], [261], [262], [263], [268], [311], [312], [317], [318], [324], [331], [332], [333], [334], [335], [336], [338], [339], [340], [341], [342], [343], [411a], [411b], [413], [414], [418], [419], [420], [422], [432]: Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0

+ Các chỉ tiêu [136], [139], [154], [152], [313], [314], [315], [316], [319], [320], [321], [322], [323], [337], [412], [416], [417], [421a], [421b], [431] : Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

+ Các chỉ tiêu [122], [137], [149], [219], [223], [226], [229], [232], [254], [415]: Nhập kiểu số âm dương, sau khi nhập UD hỗ trợ hiển thị trong ngoặc đơn thành giá trị âm, mặc định là 0

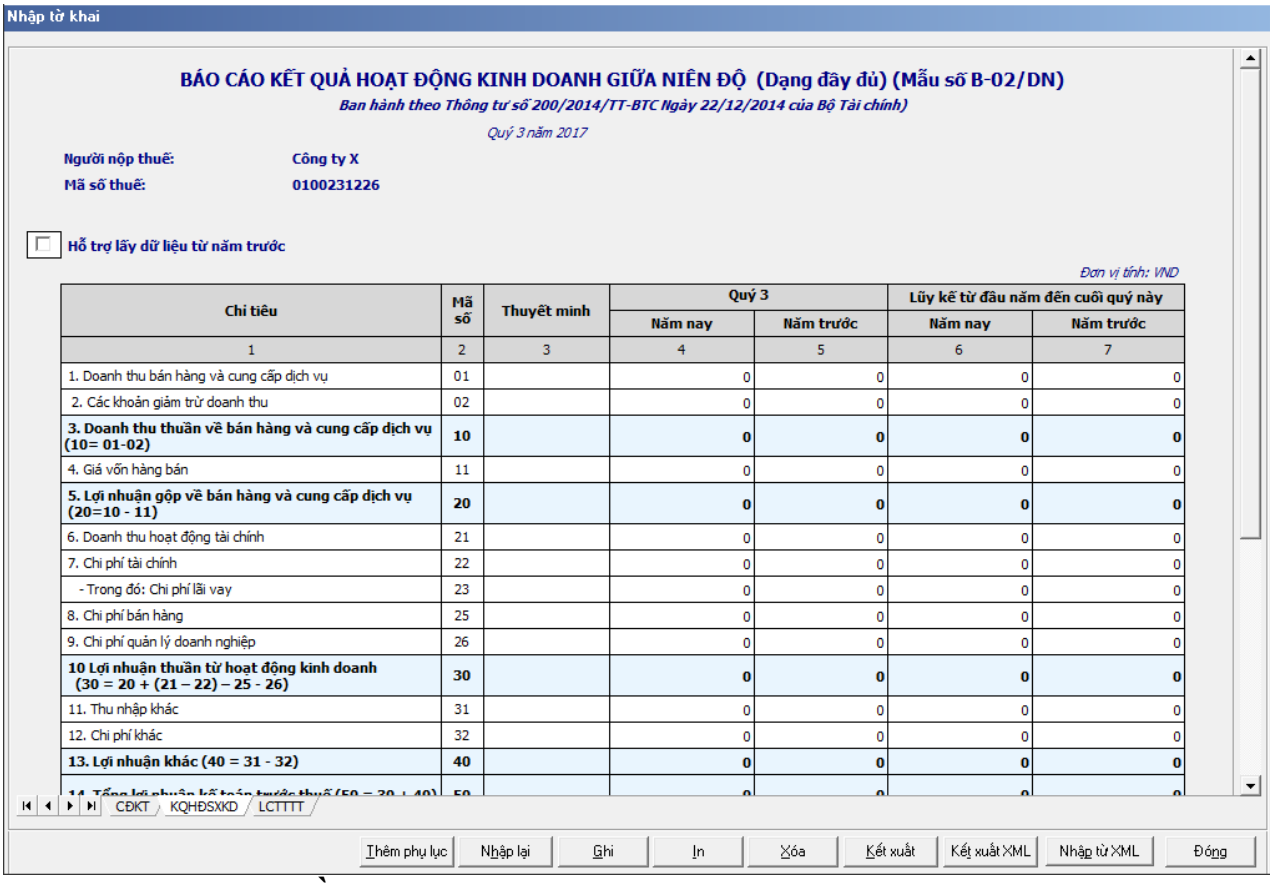
- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tính, không cho sửa
+ Chỉ tiêu [100] = [110] + [120] + [130] + [140] + [150]
+ Chỉ tiêu [110] = [111] + [112]
+ Chỉ tiêu [120] = [121] + [122] + [123]

+ Chỉ tiêu [130] = [131] + [132] + [133] + [134] + [135] + [136] + [137] + [139]
+ Chỉ tiêu [140] = [141] + [149]
+ Chỉ tiêu [150] = [151] + [152] + [153] + [154] + [155]
+ Chỉ tiêu [200] = [210] + [220] + [230] + [240] + [250] + [260]
+ Chỉ tiêu [210] = [211] + [212] + [213] + [214] + [215] + [216] + [219]
+ Chỉ tiêu [220] = [221] + [224] + [227]
+ Chỉ tiêu [221] = [222] + [223]
+ Chỉ tiêu [224] = [225] + [226]
+ Chỉ tiêu [227] = [228] + [229]
+ Chỉ tiêu [230] = [231] + [232]
+ Chỉ tiêu [240] = [241] + [242]
+ Chỉ tiêu [250] = [251] + [252] + [253] + [254] + [255]
+ Chỉ tiêu [260] = [261] + [262] + [263] + [268]
+ Chỉ tiêu [270] = [100] + [200]
+ Chỉ tiêu [300] = [310] + [330]
+ Chỉ tiêu [310] = [311] + [312] + … + [322] + [323] + [324]
+ Chỉ tiêu [330] = [331] + [332] + … + [342] + [343]
+ Chỉ tiêu [400] = [410] + [430]
+ Chỉ tiêu [410] = [411] + [412] + … + [420] + [421] + [422]
+ Chỉ tiêu [411] = [411a] + [411b]
+ Chỉ tiêu [421] = [421a] + [421b]
+ Chỉ tiêu [430] = [431] + [432]
+ Chỉ tiêu [440] = [300] + [400]

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**
  + Kiểm tra chỉ tiêu [411]:
    - Cho phép nhập >= 0, không thỏa mãn thì cảnh báo vàng.
    - Nếu chỉ tiêu ([411a] + [411b]) <> 0 thì UD không cho phép sửa công thức [411].
    - Nếu chỉ tiêu ([411a] + [411b]) = 0 thì UD cho phép sửa công thức [411] không âm.
  + Chỉ tiêu [270] = Chỉ tiêu [440], không thỏa mãn thì cảnh báo đỏ
  + Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nguồn vốn" [440] (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ

"Tổng nguồn vốn cuối kỳ phải khác 0", không cho kết xuất, in báo cáo tài chính

3.16.7.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (giữa niên độ dạng đầy đủ) dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự

+ Tên chỉ tiêu [Quý …]: Tự động hiển thị quý theo giá trị mà NNT nhập khi chọn kỳ báo cáo

+ Cột Năm nay (4): NNT nhập kiểu số theo ràng buộc chi tiết từng chỉ tiêu.

+ Cột Năm trước (5): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (4) của quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý đó), cho phép sửa.

+ **Cột [Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này]:**

  - Cột Năm nay (6): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý trước liền kề trong cùng 01 năm tài chính (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước liền kề trong cùng 1 năm tài chính) + cột (4) trong

báo cáo quý này cho phép sửa. (Nếu Quý 1 của năm tài chính 01/01 đến 31/12 thì cột (6) = cột (4).

- Cột Năm trước (7): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước), cho phép sửa

+ Hỗ trợ lấy dữ liệu cùng kỳ của năm trước sang năm nay, của cột (5), cột (7), cho phép tick chọn.

+ Các chỉ tiêu [01], [02], [21], [31], [32]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

+ Các chỉ tiêu [11], [22], [23], [25], [26], [51], [52]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu [70], [71]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu [10] = [01] – [02]

+ Chỉ tiêu [20] = [10] – [11]

+ Chỉ tiêu [30] = [20] + ([21] – [22]) – [25] - [26]

+ Chỉ tiêu [40] = [31] – [32]

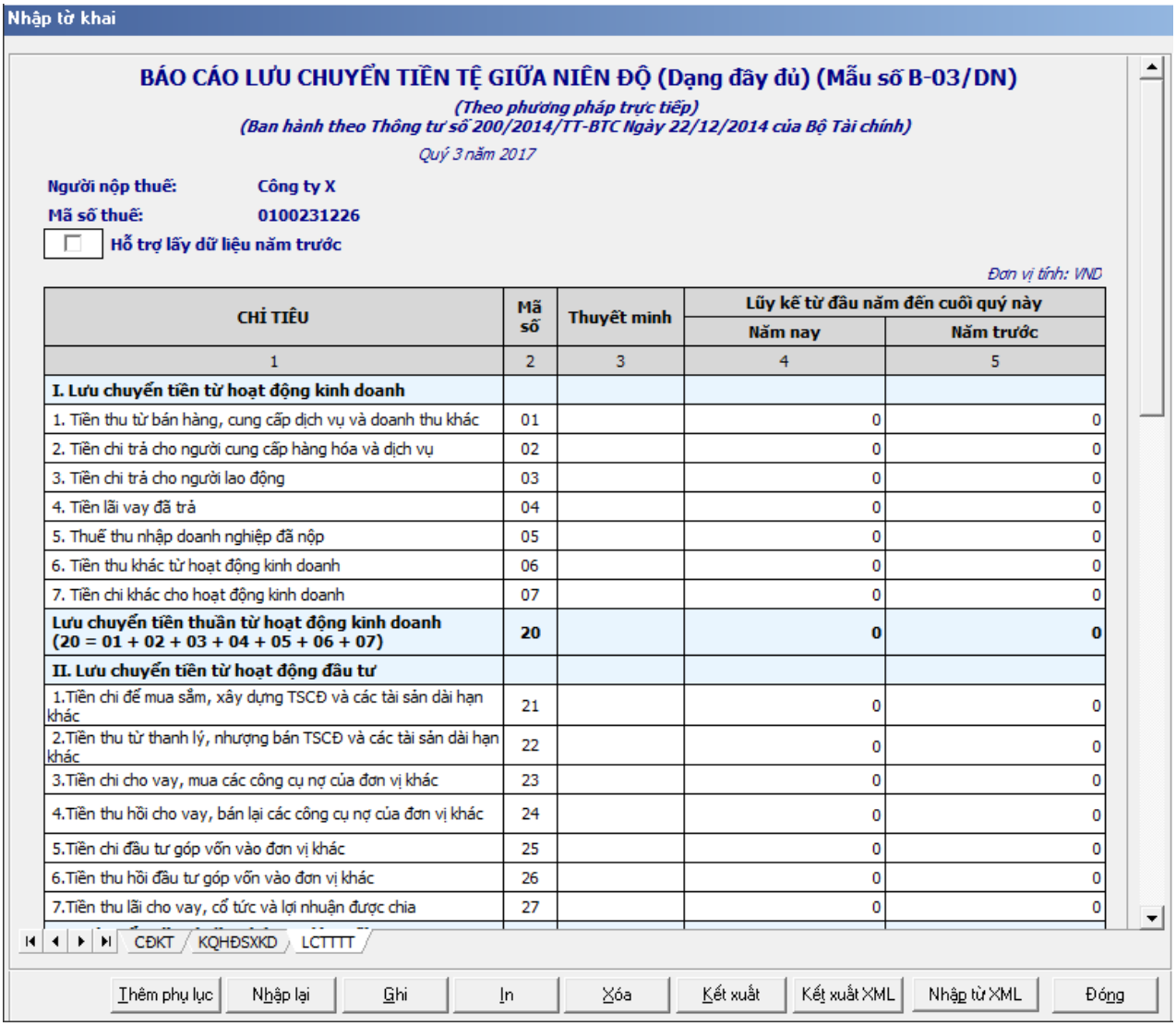
+ Chỉ tiêu [50] = [30] + [40]

+ Chỉ tiêu [60] = [50] – [51] – [52]

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**

+ Chỉ tiêu [02] <= Chỉ tiêu [01]

3.16.7.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp (giữa niên độ dạng đầy đủ) dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



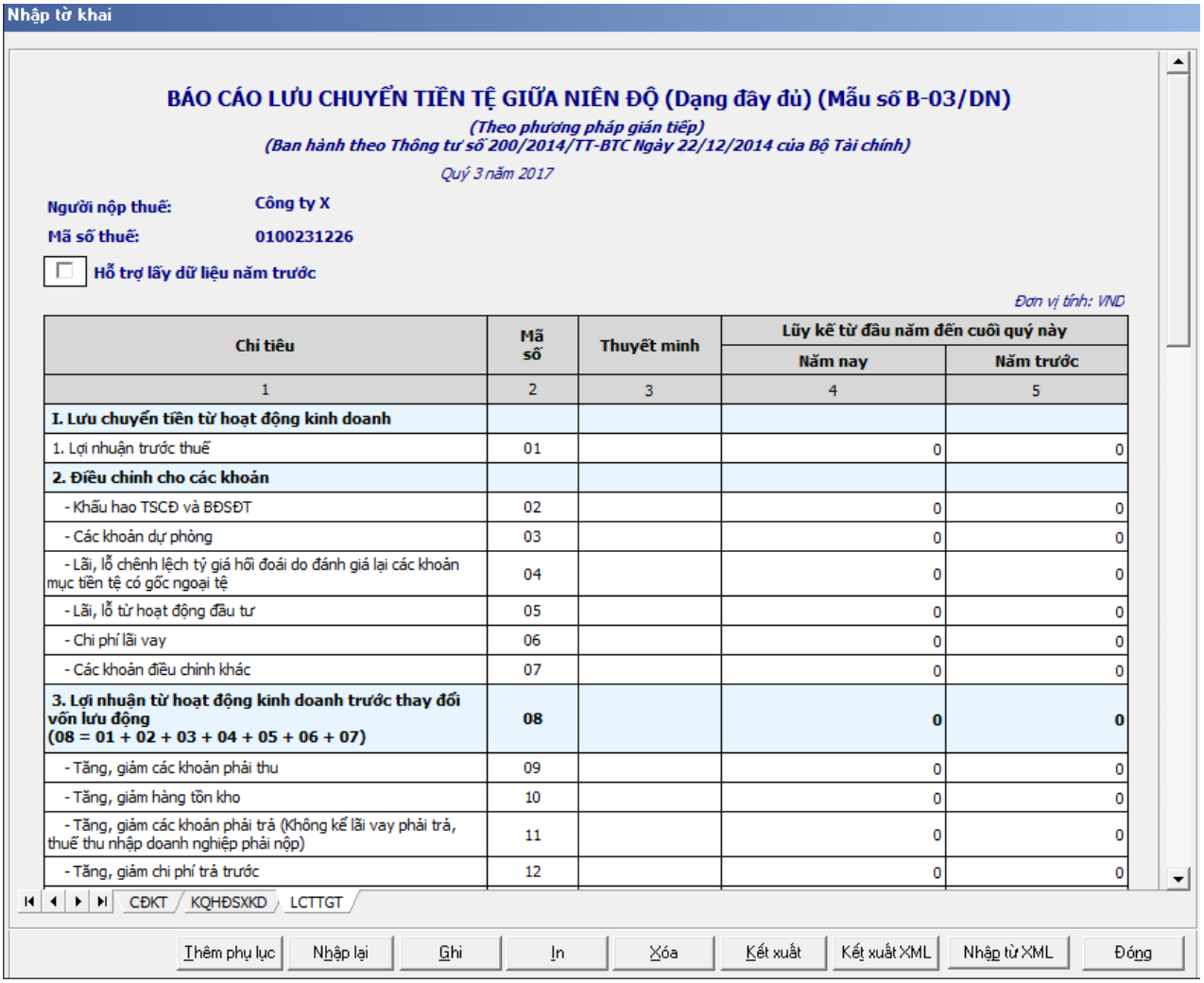
- **Các dữ liệu cần nhập:**
  - + Các cột phải nhập: cột [Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này]: [Năm nay], [Năm trước]
  - + Hỗ trợ lấy dữ liệu Số cuối năm của năm trước sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa.
  - + Bổ sung chọn kỳ báo cáo: Quý … năm …
  - + Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
  - + Cột Năm nay (4): NNT nhập số theo ràng buộc theo từng chỉ tiêu chi tiết
  - + Cột Năm trước (5): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (4) trên báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã có báo cáo đó), cho phép

sửa

+ Các chỉ tiêu: [01], [06], [22], [24], [26], [27], [31], [33], [60]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
+ Các chỉ tiêu [02], [03], [04], [05], [07], [21], [23], [25], [32], [34], [35], [36], [61]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**
  + Chỉ tiêu [20] = [01] + [02] + [03] + [04] + [05] + [06] + [07]
  + Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + [23] + [24] + [25] + [26] + [27]
  + Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + [33] + [34] + [35] + [36]
  + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]

3.16.7.4 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp (giữa niên độ dạng đầy đủ) dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



- **Các dữ liệu cần nhập:**
  - + Các cột phải nhập: cột [Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này]: [Năm nay], [Năm trước]
  - + Hỗ trợ lấy dữ liệu Số cuối năm của năm trước sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa.
  - + Bổ sung chọn kỳ báo cáo: Quý … năm …
  - + Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
  - + Cột Năm nay (4): NNT nhập số theo ràng buộc theo từng chỉ tiêu chi tiết
  - + Cột Năm trước (5): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (4) trên báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã có báo cáo đó), cho phép sửa
  - + Các chỉ tiêu [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [09], [10], [11], [12],

[13], [14], [15], [21], [22], [24], [26], [27], [23], [25], [32], [34], [35], [36], [61]: Nhập số âm dương, mặc định là 0

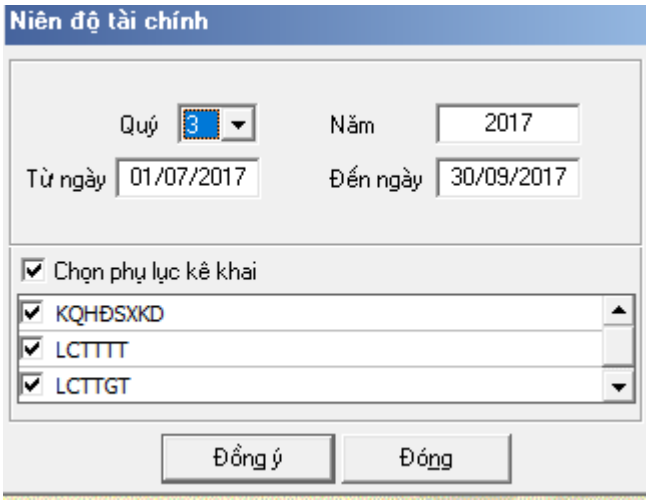
+ Các chi tiêu [16], [31], [33], [60]: Nhập số dương, mặc định là 0
+ Các chỉ tiêu [17]: Nhập số âm, mặc định là 0
+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tính
  + Chỉ tiêu [08] = [01] + [02] + [03] + [04] + [05] + [06] + [07]
  + Chỉ tiêu [20] = [08] + [09] + [10] + … + [16] + [17]
  + Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + …+ [26] + [27]
  + Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + [33] + [34] + [35] + [36]
  + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]
  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]

3.16.8 Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ hợp nhất (TT 200/2014/TT-BTC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.

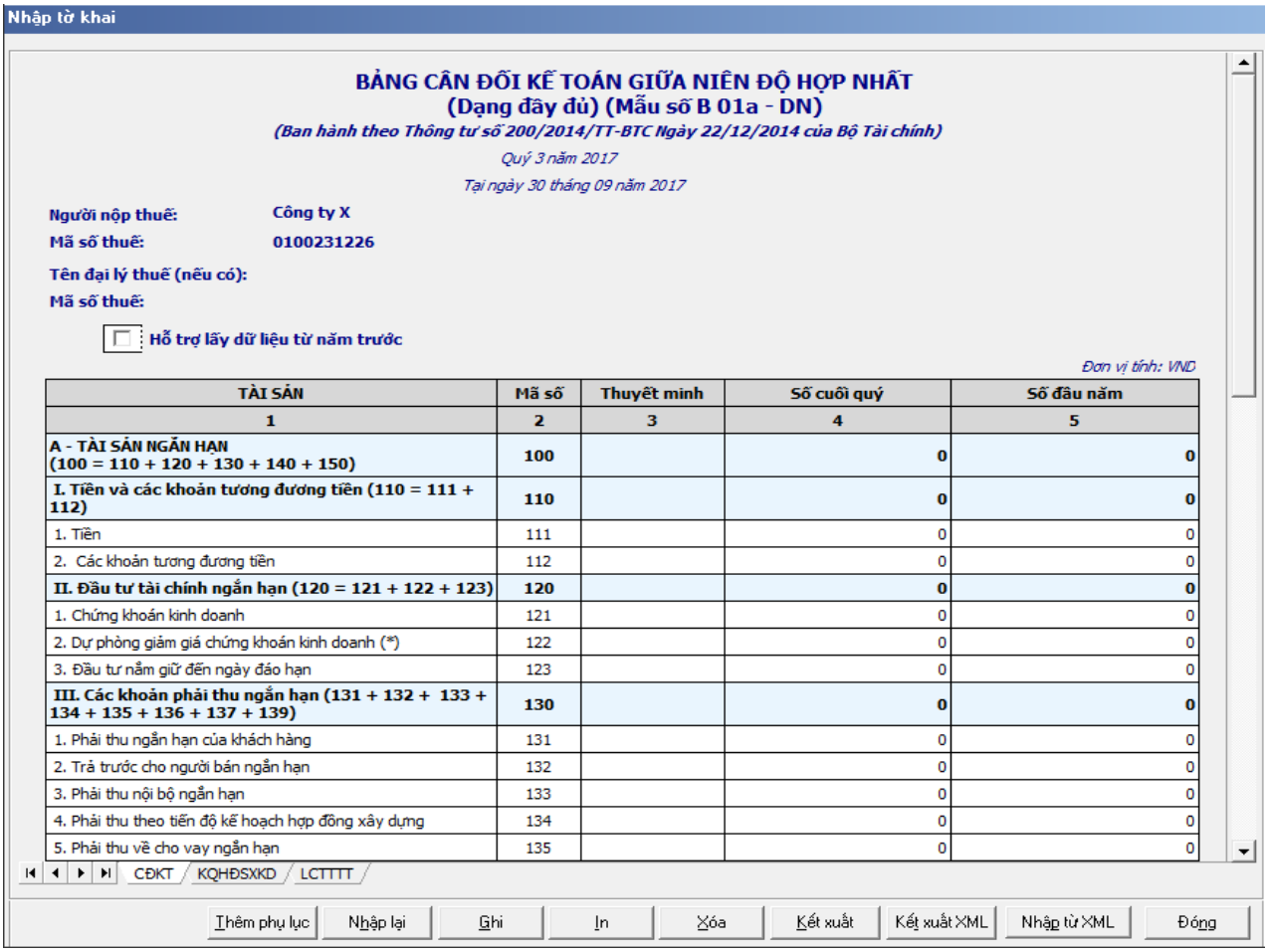


- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2015 trở đi
- Nhập niên độ tài chính: Người sử dụng nhập niên độ tài chính là Quý
- Bổ sung thêm Từ ngày tháng năm … Đến ngày tháng năm, mặc định theo Quý hiện tại -1, cho sửa, không nhập lớn hơn ngày hiện tại.

+ Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
+ Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
+ Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT" và ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.8.1 Lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ dạng đầy đủ hợp nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 200/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Hướng dẫn nhập dữ liệu:**
  + Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính
  + Ngày lập: Mặc định hiển thị theo ngày hiện tại của hệ thống, cho phép sửa, kiểm tra phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại của hệ thống
- **Các chỉ tiêu cần nhập**
  + Người lập biểu: Nhập dạng text
  + Số chứng chỉ hành nghề: lấy theo thông tin chung
  + Kế toán trưởng: Nhập dạng text
  + Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán: Lấy theo thông tin đại lý thuế
  + Giám đốc: Lấy thông tin Người ký trên thông tin chung, cho sửa
  + Ngày lập: hiển thị theo ngày hiện tại, cho phép sửa.
  + Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
  + Các cột phải nhập: cột [Số cuối quý], [Số đầu năm]
  + [Số cuối quý] (là số tại thời điểm ngày cuối quý của năm tài chính): NNT nhập số theo ràng buộc dưới đây
  + [Số đầu năm] (là số tại thời điểm ngày đầu tiên của năm tài chính): cho phép nhập hoặc hỗ trợ lấy dữ liệu năm trước. Hỗ trợ lấy dữ liệu từ cột [Số cuối năm] trên Bảng cân đối kế toán (năm) của năm trước liền kề (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo năm trước) sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
  + Các chỉ tiêu [111], [112], [121], [123], [131], [132], [133], [134], [135], [141], [151], [153], [155], [211], [212], [213], [214], [215], [216], [222], [225], [228], [231], [241], [242], [251], [252], [253], [255], [261], [262], [263], [268], [311], [312], [317], [318], [324], [331], [332], [333], [334], [335], [336], [338], [339], [340], [341], [342], [343], [411a], [411b], [413], [414], [418], [419], [420], [422], [432]: Nhập kiểu số, không âm, mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu [136], [139], [154], [152], [313], [314], [315], [316], [319], [320], [321], [322], [323], [337], [412], [416], [417], [421a], [421b], [431] : Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0
  + Các chỉ tiêu [122], [137], [149], [219], [223], [226], [229], [232], [254], [415]: Nhập kiểu số âm dương, sau khi nhập UD hỗ trợ hiển thị trong ngoặc đơn thành giá trị âm, mặc định là 0
- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tính, không cho sửa
  + Chỉ tiêu [100] = [110] + [120] + [130] + [140] + [150]

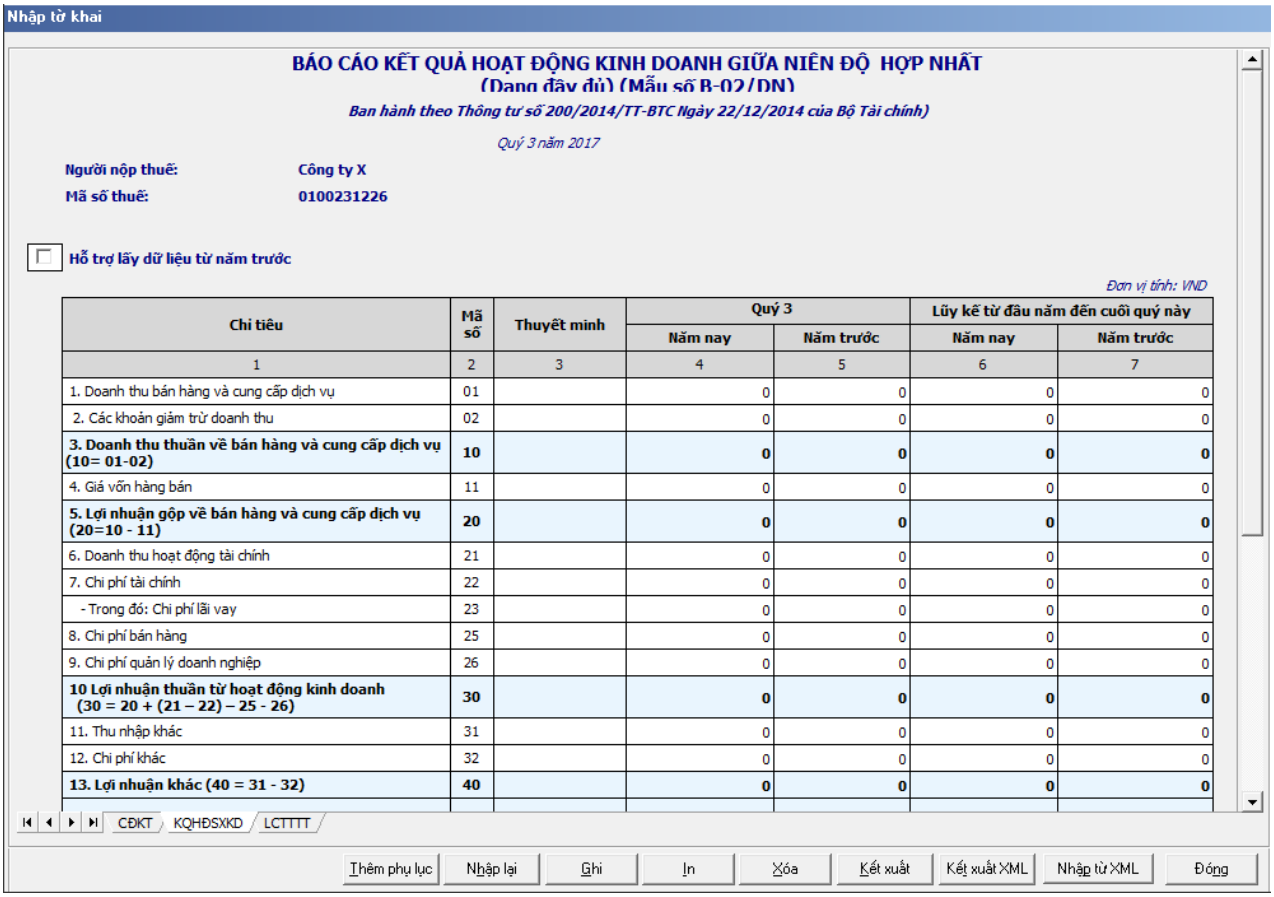
+ Chỉ tiêu [110] = [111] + [112]
+ Chỉ tiêu [120] = [121] + [122] + [123]
+ Chỉ tiêu [130] = [131] + [132] + [133] + [134] + [135] + [136] + [137] + [139]
+ Chỉ tiêu [140] = [141] + [149]
+ Chỉ tiêu [150] = [151] + [152] + [153] + [154] + [155]
+ Chỉ tiêu [200] = [210] + [220] + [230] + [240] + [250] + [260]
+ Chỉ tiêu [210] = [211] + [212] + [213] + [214] + [215] + [216] + [219]
+ Chỉ tiêu [220] = [221] + [224] + [227]
+ Chỉ tiêu [221] = [222] + [223]
+ Chỉ tiêu [224] = [225] + [226]
+ Chỉ tiêu [227] = [228] + [229]
+ Chỉ tiêu [230] = [231] + [232]
+ Chỉ tiêu [240] = [241] + [242]
+ Chỉ tiêu [250] = [251] + [252] + [253] + [254] + [255]
+ Chỉ tiêu [260] = [261] + [262] + [263] + [268]
+ Chỉ tiêu [270] = [100] + [200]
+ Chỉ tiêu [300] = [310] + [330]
+ Chỉ tiêu [310] = [311] + [312] + … + [322] + [323] + [324]
+ Chỉ tiêu [330] = [331] + [332] + … + [342] + [343]
+ Chỉ tiêu [400] = [410] + [430]
+ Chỉ tiêu [410] = [411] + [412] + … + [420] + [421] + [422]
+ Chỉ tiêu [411] = [411a] + [411b]
+ Chỉ tiêu [421] = [421a] + [421b]
+ Chỉ tiêu [430] = [431] + [432]
+ Chỉ tiêu [440] = [300] + [400]

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**
  + Kiểm tra chỉ tiêu [411]:
    - Cho phép nhập >= 0, không thỏa mãn thì cảnh báo vàng.
    - Nếu chỉ tiêu ([411a] + [411b]) <> 0 thì UD không cho phép sửa công thức [411].
    - Nếu chỉ tiêu ([411a] + [411b]) = 0 thì UD cho phép sửa công thức [411] không âm.

+ Chỉ tiêu [270] = Chỉ tiêu [440], không thỏa mãn thì cảnh báo đỏ

+ Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nguồn vốn" [440] (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nguồn vốn cuối kỳ phải khác 0", không cho kết xuất, in báo cáo tài chính

3.16.8.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ dạng đầy đủ hợp nhất dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC.



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự

+ Tên chỉ tiêu [Quý …]: Tự động hiển thị quý theo giá trị mà NNT nhập khi chọn kỳ báo cáo

  - Cột Năm nay (4): NNT nhập kiểu số theo ràng buộc chi tiết từng chỉ tiêu.
  - Cột Năm trước (5): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (4) của quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý đó), cho

phép sửa

+ Cột [Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này]:
  - Cột Năm nay (6): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý trước liền kề trong cùng 01 năm tài chính (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước liền kề trong cùng 1 năm tài chính) + cột (4) trong báo cáo quý này cho phép sửa. (Nếu Quý 1 của năm tài chính 01/01 đến 31/12 thì cột (6) = cột (4).
  - Cột Năm trước (7): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước), cho phép sửa

+ Hỗ trợ lấy dữ liệu cùng kỳ của năm trước sang năm nay, của cột (5), cột (7), cho phép tick chọn.

+ Các chỉ tiêu [01], [02], [21], [31], [32]: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

+ Các chỉ tiêu [11], [22], [23], [25], [26], [51], [52]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu [70], [71]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu [10] = [01] – [02]

+ Chỉ tiêu [20] = [10] – [11]

+ Chỉ tiêu [30] = [20] + ([21] – [22]) – [25] - [26]

+ Chỉ tiêu [40] = [31] – [32]

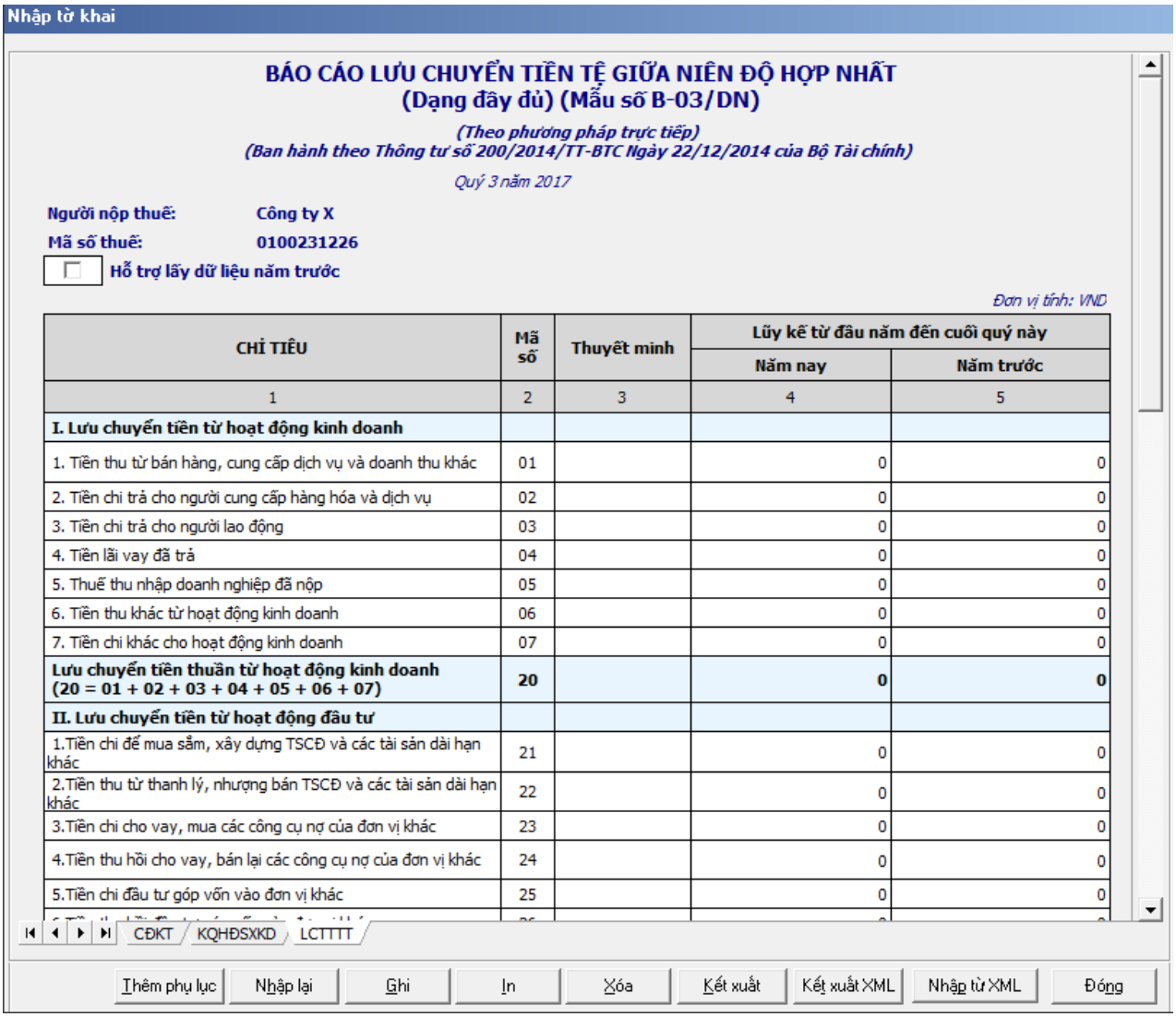
+ Chỉ tiêu [50] = [30] + [40]

+ Chỉ tiêu [60] = [50] – [51] – [52]

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**

+ Chỉ tiêu [02] <= Chỉ tiêu [01]

3.16.8.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp giữa niên độ dạng đầy đủ hợp nhất dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



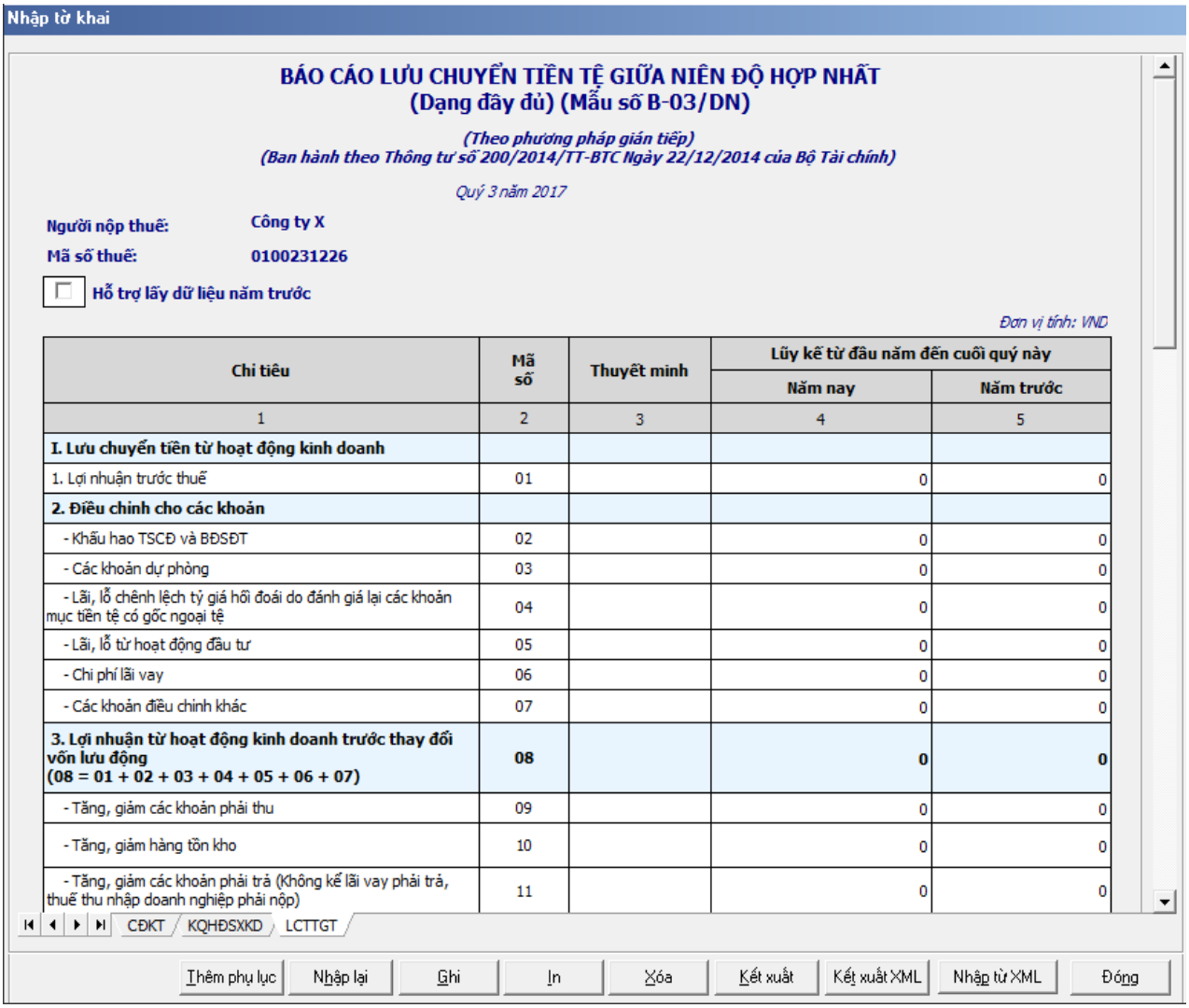
- **Các dữ liệu cần nhập:**
  - + Các cột phải nhập: cột [Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này]: [Năm nay], [Năm trước]
  - + Hỗ trợ lấy dữ liệu Số cuối năm của năm trước sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa.
  - + Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
  - + Cột Năm nay (4): NNT nhập số theo ràng buộc theo từng chỉ tiêu chi tiết
  - + Cột Năm trước (5): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (4) trên báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã có báo cáo đó), cho phép sửa
  - + Các chỉ tiêu: [01], [06], [22], [24], [26], [27], [31], [33], [60]: Nhập dạng

số, không âm, mặc định là 0

+ Các chỉ tiêu [02], [03], [04], [05], [07], [21], [23], [25], [32], [34], [35], [36], [61]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**
  + Chỉ tiêu [20] = [01] + [02] + [03] + [04] + [05] + [06] + [07]
  + Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + [23] + [24] + [25] + [26] + [27]
  + Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + [33] + [34] + [35] + [36]
  + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]

3.16.8.4 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp giữa niên độ dạng đầy đủ hợp nhất dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



- **Các dữ liệu cần nhập:**
  + Các cột phải nhập: cột [Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này]: [Năm nay], [Năm trước]
  + Hỗ trợ lấy dữ liệu Số cuối năm của năm trước sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa.
  + Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
  + Cột Năm nay (4): NNT nhập số theo ràng buộc theo từng chỉ tiêu chi tiết
  + Cột Năm trước (5): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (4) trên báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã có báo cáo đó), cho phép sửa

+ Các chỉ tiêu [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [09], [10], [11], [12], [13], [14], [15], [21], [22], [24], [26], [27], [23], [25], [32], [34], [35], [36], [61]: Nhập số âm dương, mặc định là 0

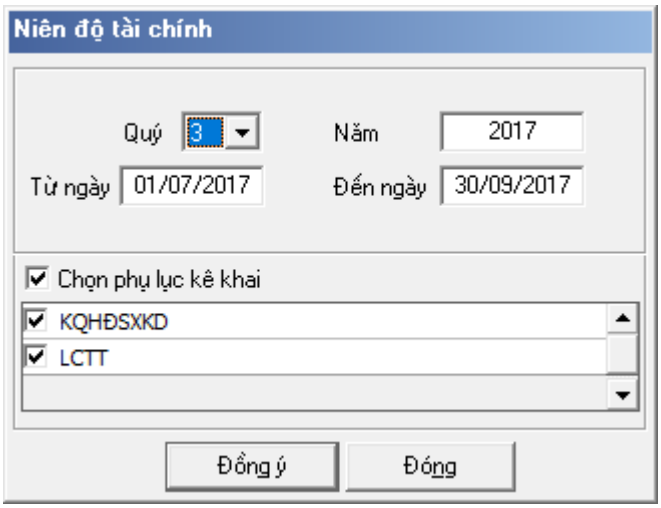
+ Các chi tiêu [16], [31], [33], [60]: Nhập số dương, mặc định là 0
+ Các chỉ tiêu [17]: Nhập số âm, mặc định là 0
+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.

- Các chỉ tiêu UD hỗ trợ tính
  + Chỉ tiêu [08] = [01] + [02] + [03] + [04] + [05] + [06] + [07]
  + Chỉ tiêu [20] = [08] + [09] + [10] + … + [16] + [17]
  + Chỉ tiêu [30] = [21] + [22] + …+ [26] + [27]
  + Chỉ tiêu [40] = [31] + [32] + [33] + [34] + [35] + [36]
  + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]
  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]
  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61]

3.16.9 Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

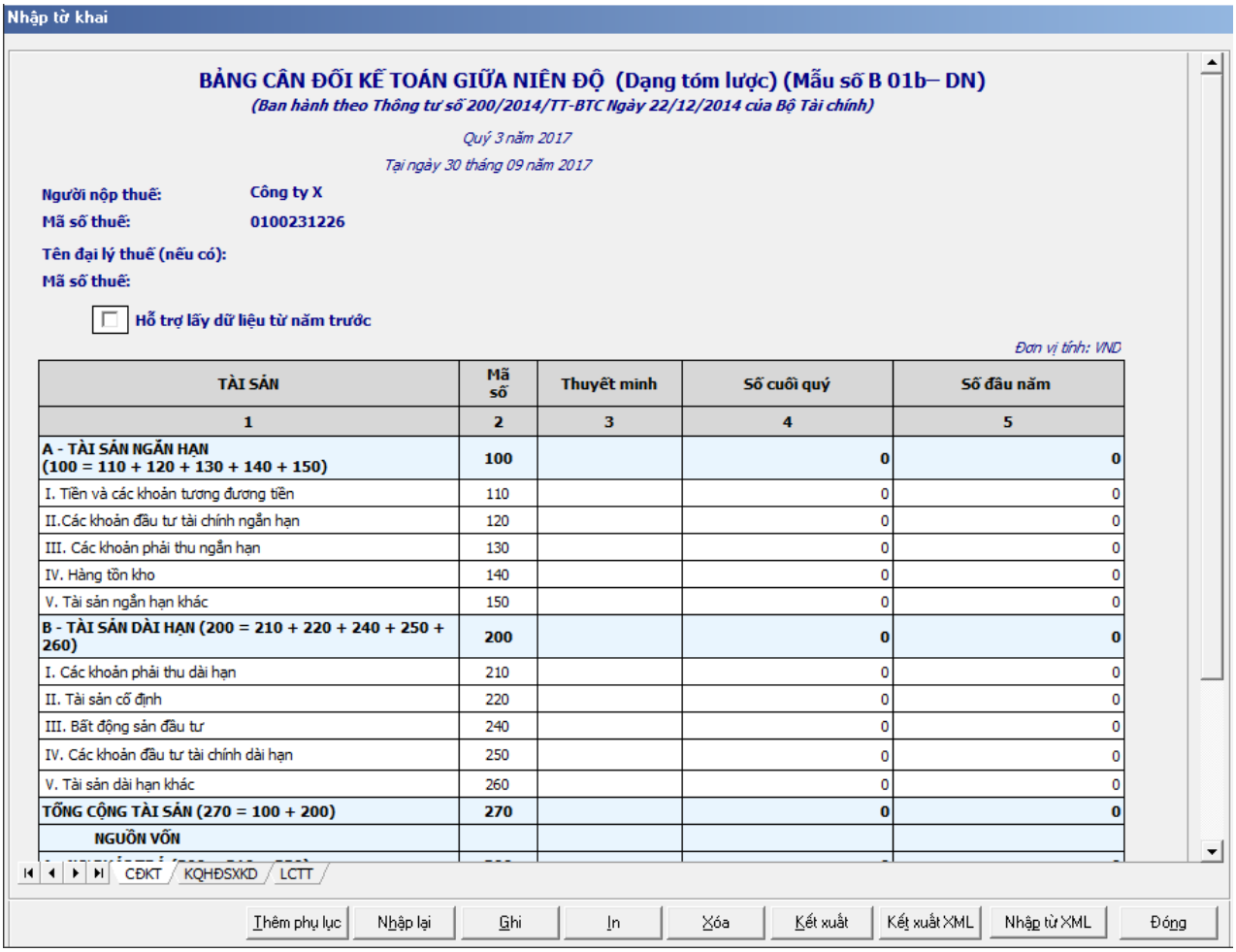
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ tóm lược (TT 200/2014/TT-BTC)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2015 trở đi
- Nhập niên độ tài chính: Người sử dụng nhập niên độ tài chính là Quý
- Bổ sung thêm Từ ngày tháng năm … Đến ngày tháng năm, mặc định theo Quý hiện tại -1, cho sửa, không nhập lớn hơn ngày hiện tại.
  + Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
  + Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
  + Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)
- Chọn phụ lục kê khai: Chọn “KQHĐSXKD”, “LCTT”.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.9.1 Lập Bảng cân đối kế toán (giữa niên độ dạng tóm lược) dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



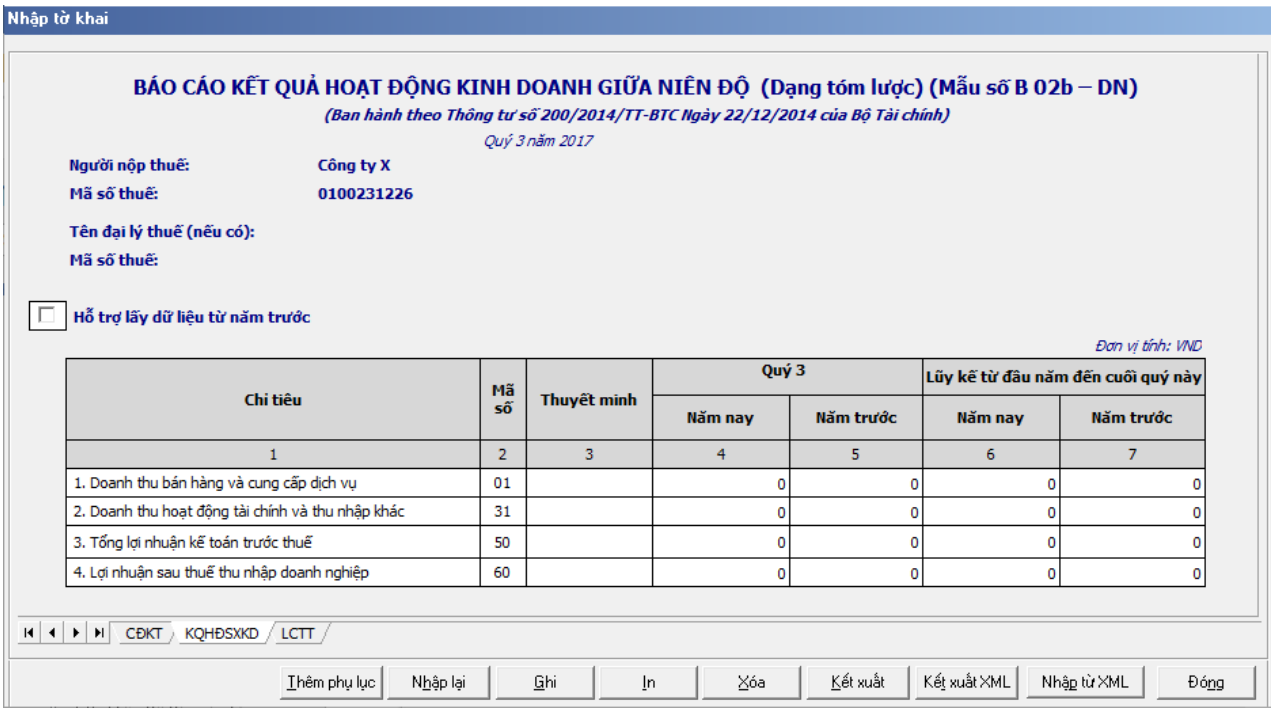
- **Hướng dẫn nhập dữ liệu:**
  + Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính
  + Ngày lập: Mặc định hiển thị theo ngày hiện tại của hệ thống, cho phép sửa, kiểm tra phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại của hệ thống
- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
  + Người lập biểu: Nhập dạng text
  + Số chứng chỉ hành nghề: Nhập dạng text
  + Kế toán trưởng: Nhập dạng text
  + Giám đốc: Lấy thông tin Người ký trên thông tin chung, cho sửa
  + Các cột phải nhập: cột [Số cuối quý], [Số đầu năm]
  + Hỗ trợ lấy dữ liệu từ cột [Số cuối năm] trên Bảng cân đối kế toán (năm) của năm trước liền kề (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo năm trước) sang [Số đầu năm] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo

vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"

+ Các chỉ tiêu [110], [120], [130], [140], [150], [210], [220], [230], [250], [260], [310], [330], [410], [430]: Mặc định là 0 và cho phép nhập số âm dương

- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tính, không cho sửa
  + Chỉ tiêu [100] = [110] + [120] + [130] + [140] + [150]
  + Chỉ tiêu [200] = [210] + [220] + [230] + [250] + [260]
  + Chỉ tiêu [270] = [100] + [200]
  + Chỉ tiêu [300] = [310] + [330]
  + Chỉ tiêu [400] = [410] + [430]
  + Chỉ tiêu [440] = [300] + [400]
- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**
  + Chỉ tiêu [270] = Chỉ tiêu [440], nếu khác thì cảnh báo đỏ "Tổng tài sản [270] phải bằng tổng nguồn vốn [440]"
  + Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nguồn vốn" [440] (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nguồn vốn cuối kỳ phải khác 0", không cho kết xuất, in báo cáo tài chính

3.16.9.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (giữa niên độ dạng tóm lược) dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột Năm nay (4): NNT nhập kiểu số theo ràng buộc nêu trên

+ Cột Năm trước (5): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (4) của quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý đó), cho phép sửa

+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.

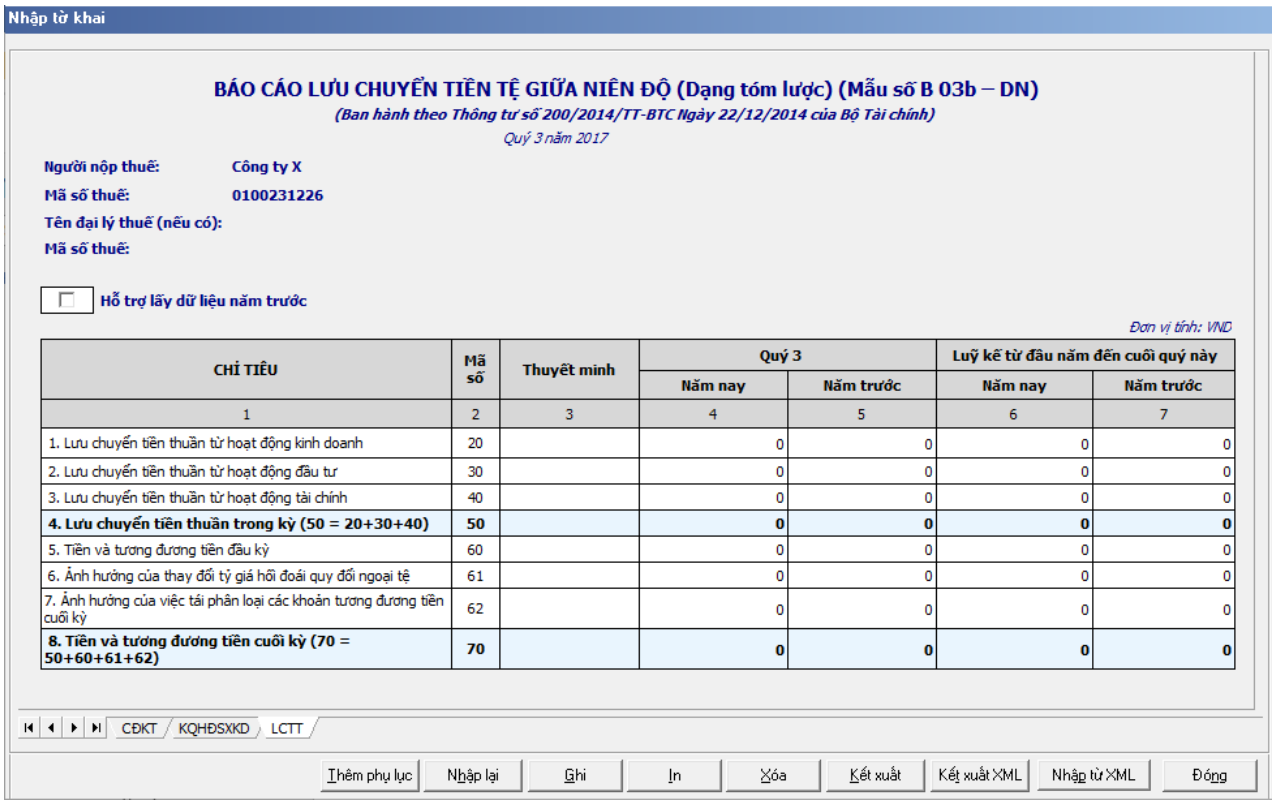
+ Cột Năm nay (6): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý trước liền kề trong cùng 01 năm tài chính (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước liền kề trong cùng 1 năm tài chính) + cột (4) trong báo cáo quý này, cho phép sửa. (Nếu Quý 1 của năm tài chính 01/01 đến 31/12 thì cột (6) = cột (4))

+ Cột Năm trước (7): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước), cho phép sửa

+ Hỗ trợ lấy dữ liệu Số cuối năm của năm trước sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa

- Các chỉ tiêu [01], [31], [50], [60]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

3.16.9.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (giữa niên độ dạng tóm lược) dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.

+ Cột Năm nay (6): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý trước liền kề trong cùng 01 năm tài chính (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước liền kề trong cùng 1 năm tài chính) + cột (4) trong báo cáo quý này, cho phép sửa. (Nếu Quý 1 của năm tài chính 01/01 đến 31/12 thì cột (6) = cột (4))

+ Cột Năm trước (7): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước), cho phép sửa

- Các chỉ tiêu cần nhập

+ Các chỉ tiêu [20], [30], [40], [60], [61], [62]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

- Các chỉ tiêu tính toán:

+ Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]

+ Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61] + [62]

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**

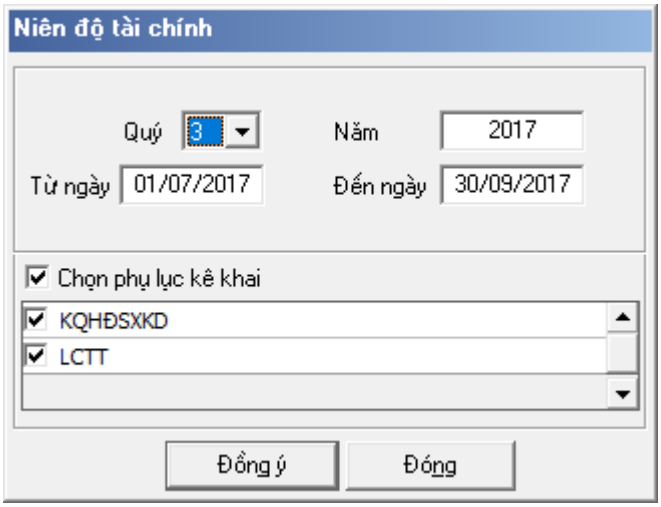
+ Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]

+ Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61] + [62]

3.16.10 Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược hợp nhất theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Cách gọi:

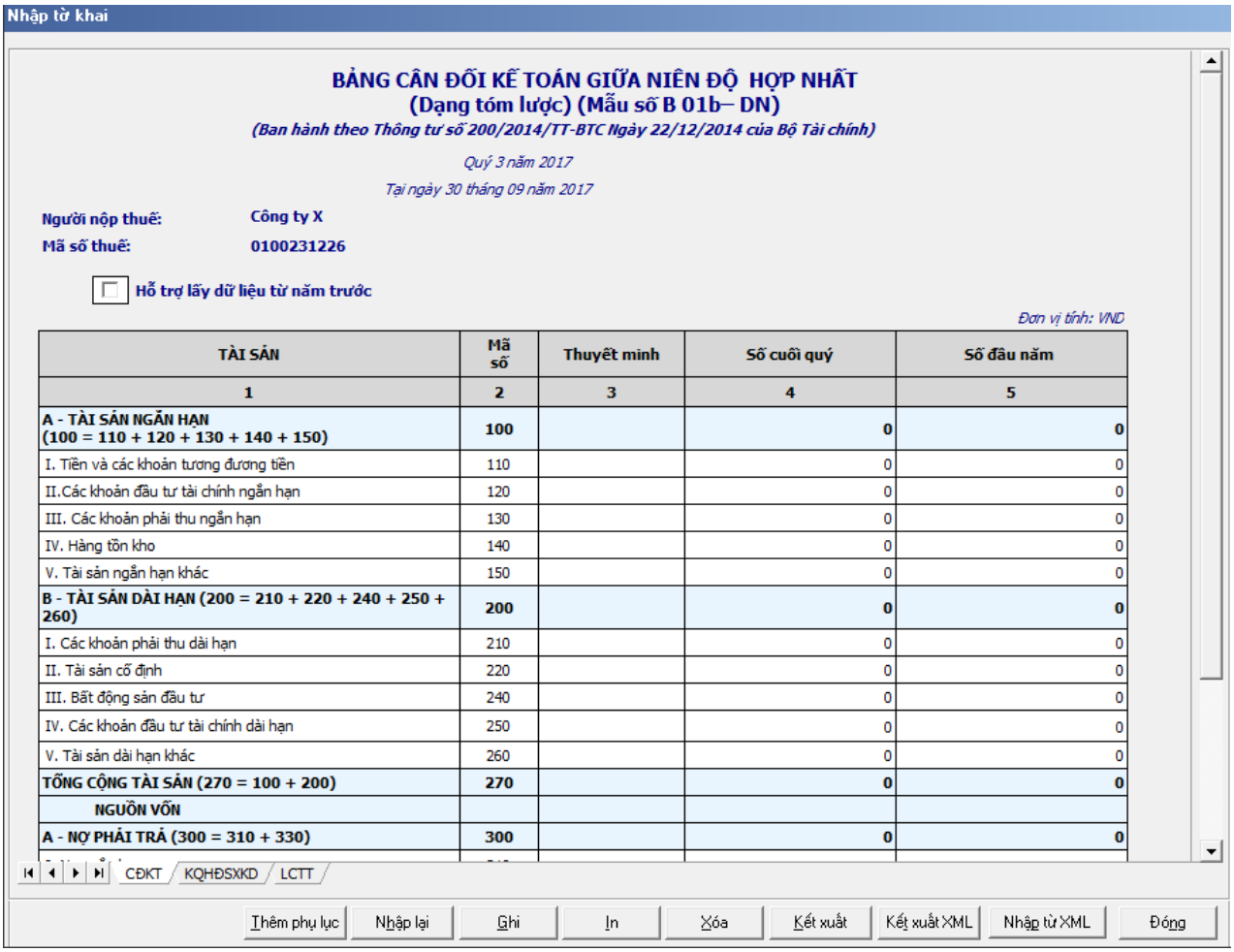
- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "**Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ tóm lược hợp nhất (TT 200/2014/TT-BTC)**" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2015 trở đi
- Nhập niên độ tài chính: Người sử dụng nhập niên độ tài chính là Quý

- Bổ sung thêm Từ ngày tháng năm … Đến ngày tháng năm, mặc định theo Quý hiện tại -1, cho sửa, không nhập lớn hơn ngày hiện tại.
  + Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
  + Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
  + Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)
- Chọn phụ lục kê khai: Chọn "KQHĐSXKD", "LCTT".
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.10.1 Lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ dạng tóm lược hợp nhất dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

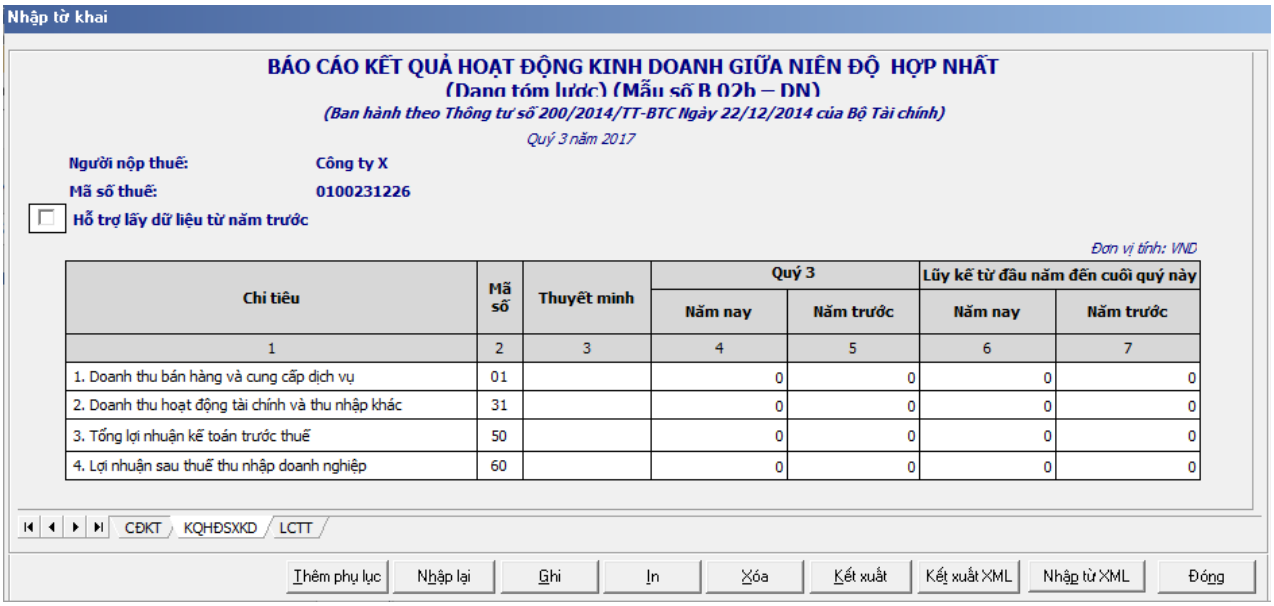


- **Hướng dẫn nhập dữ liệu:**
  + Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính

+ Ngày lập: Mặc định hiển thị theo ngày hiện tại của hệ thống, cho phép sửa, kiểm tra phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại của hệ thống

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
  + Người lập biểu: Nhập dạng text
  + Số chứng chỉ hành nghề: Nhập dạng text
  + Kế toán trưởng: Nhập dạng text
  + Giám đốc: Lấy thông tin Người ký trên thông tin chung, cho sửa
  + Các cột phải nhập: cột [Số cuối quý], [Số đầu năm]
  + Hỗ trợ lấy dữ liệu từ cột [Số cuối năm] trên Bảng cân đối kế toán (năm) của năm trước liền kề (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo năm trước) sang [Số đầu năm] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
  + Các chỉ tiêu [110], [120], [130], [140], [150], [210], [220], [230], [250], [260], [310], [330], [410], [430]: Mặc định là 0 và cho phép nhập số âm dương
- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tính, không cho sửa
  + Chỉ tiêu [100] = [110] + [120] + [130] + [140] + [150]
  + Chỉ tiêu [200] = [210] + [220] + [230] + [250] + [260]
  + Chỉ tiêu [270] = [100] + [200]
  + Chỉ tiêu [300] = [310] + [330]
  + Chỉ tiêu [400] = [410] + [430]
  + Chỉ tiêu [440] = [300] + [400]
- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**
  + Chỉ tiêu [270] = Chỉ tiêu [440], nếu khác thì cảnh báo đỏ "Tổng tài sản [270] phải bằng tổng nguồn vốn [440]"
  + Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nguồn vốn" [440] (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nguồn vốn cuối kỳ phải khác 0", không cho kết xuất, in báo cáo tài chính

3.16.10.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ dạng tóm lược hợp nhất dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Cột Năm nay (4): NNT nhập kiểu số theo ràng buộc nêu trên

+ Cột Năm trước (5): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (4) của quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý đó), cho phép sửa

+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.

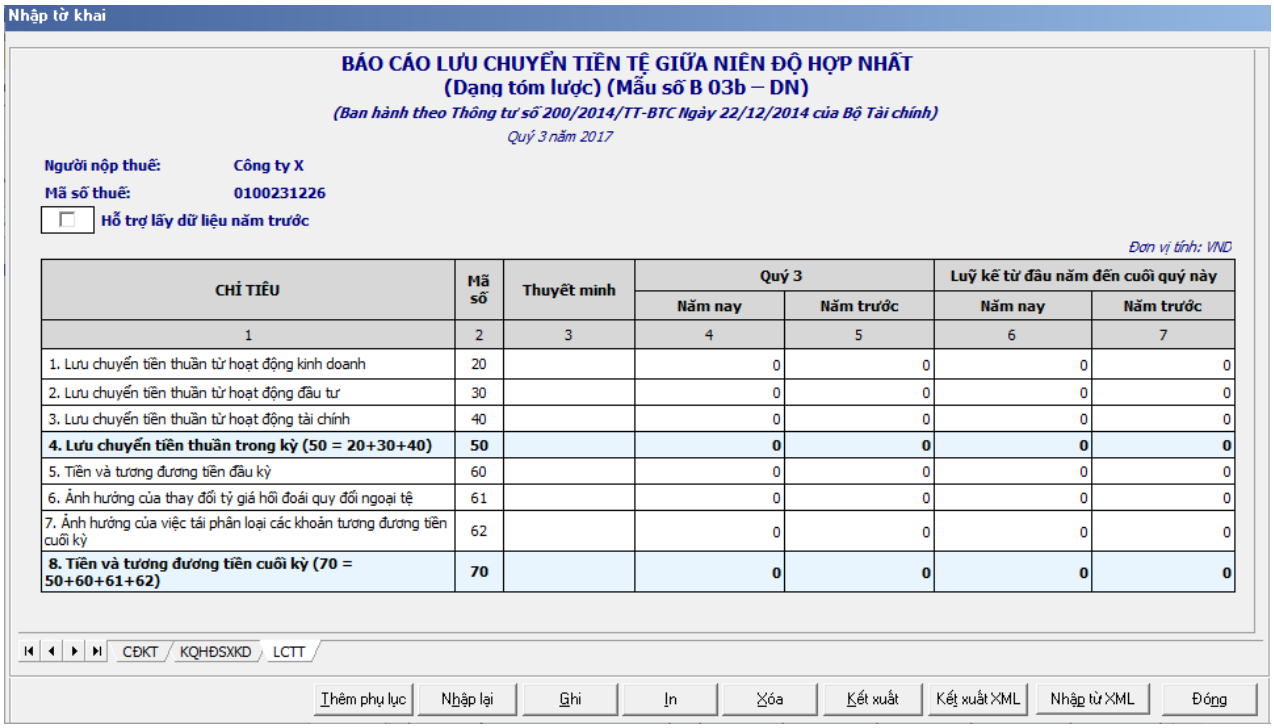
+ Cột Năm nay (6): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý trước liền kề trong cùng 01 năm tài chính (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước liền kề trong cùng 1 năm tài chính) + cột (4) trong báo cáo quý này, cho phép sửa. (Nếu Quý 1 của năm tài chính 01/01 đến 31/12 thì cột (6) = cột (4))

+ Cột Năm trước (7): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước), cho phép sửa

+ Hỗ trợ lấy dữ liệu Số cuối năm của năm trước sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa

- Các chỉ tiêu [01], [31], [50], [60]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

3.16.10.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ dạng tóm lược hợp nhất dành cho doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

  + Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.

  + Cột Năm nay (6): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý trước liền kề trong cùng 01 năm tài chính (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước liền kề trong cùng 1 năm tài chính) + cột (4) trong báo cáo quý này, cho phép sửa. (Nếu Quý 1 của năm tài chính 01/01 đến 31/12 thì cột (6) = cột (4))

  + Cột Năm trước (7): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (6) trong báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước), cho phép sửa

- Các chỉ tiêu cần nhập

  + Các chỉ tiêu [20], [30], [40], [60], [61], [62]: Nhập dạng số âm dương, mặc định là 0

- Các chỉ tiêu tính toán:

  + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]

  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61] + [62]

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**

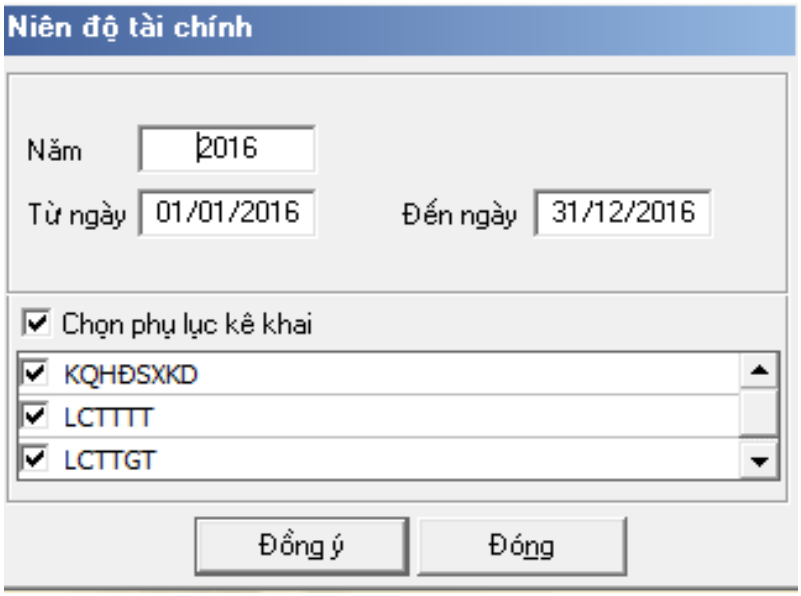
  + Chỉ tiêu [50] = [20] + [30] + [40]

  + Chỉ tiêu [70] = [50] + [60] + [61] + [62]

3.16.11 Lập Bộ Báo cáo tài chính theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

Cách gọi :

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính (TT 49/2014/TT-NHNN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2016 trở đi.
- Bổ sung thêm Từ ngày … Đến ngày, mặc định theo năm tài chính, cho sửa.
- Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
- Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
- Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)

  + Nếu năm tài chính trùng năm dương lịch (từ 01/01 đến 31/12) thì
- Kiểm tra thông tin từ kỳ, đến kỳ phải nằm trong khoảng kỳ tính thuế.

  + Nếu năm tài chính khác năm dương lịch:
- Năm tài chính 01/04/X -> 31/03/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
- Năm tài chính 01/07/X -> 30/06/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
- Năm tài chính 01/10/X -> 30/09/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X

  + Nếu trường hợp NNT quyết toán 15 tháng:
- NNT mới ra kinh doanh (số tháng trong năm ra kinh doanh <=3 tháng): kỳ tính thuế thuộc năm tiếp theo

VD: NNT ra kinh doanh tháng 10/X. Khi kê khai quyết toán BCTC là năm X+1, từ ngày 01/10/X đến ngày 31/12/X+1

- NNT giải thể phá sản: quyết toán theo kỳ tính thuế xin giải thể phá sản, cụ thể như sau:

+ Nếu tháng giải thể > tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm giải thể

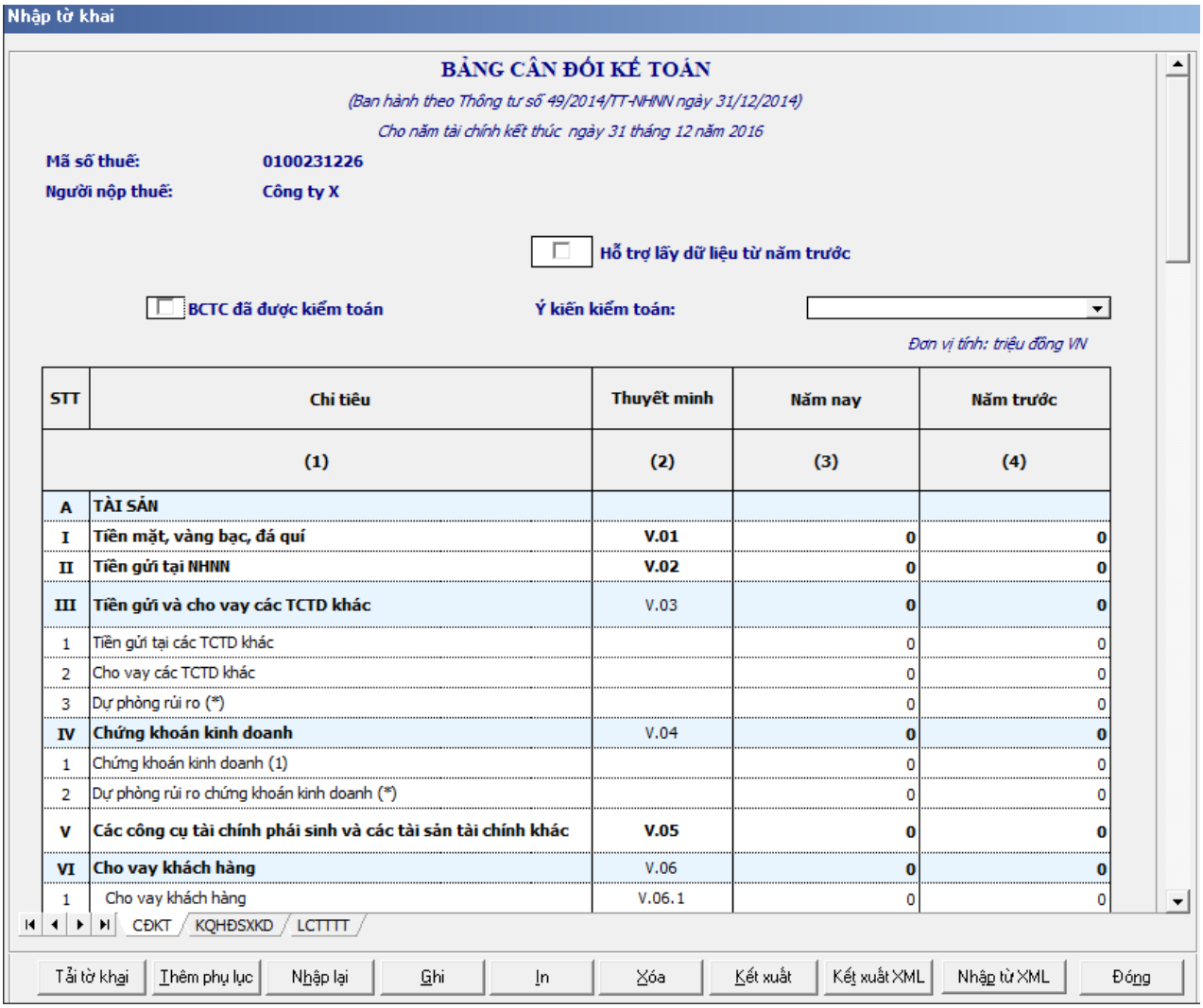
VD: NNT giải thể phá sản tháng 07/X thì kỳ tính thuế là X và kỳ tính thuế từ 01/01/X đến 01/07/X

+ Nếu tháng giải thể <= tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm trước năm giải thể

VD: Tháng 02/2017 DN phá sản, được phép gộp BCTC vào năm 2016 (01/01/2016 – 28/2/2017).

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT" và ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.11.1 Lập Bảng cân đối kế toán (năm) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Hướng dẫn nhập dữ liệu:**
  + Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính
  + Ngày lập: Mặc định hiển thị theo ngày hiện tại của hệ thống, cho phép sửa, kiểm tra phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại của hệ thống
  + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.
- **Các chỉ tiêu cần nhập :**
  + Bổ sung thêm nút checkbox "BCTC đã được kiểm toán"
    - Cho phép check chọn hoặc bỏ check, không bắt buộc.
    - Mặc định là không check
  + Combobox “Ý kiến kiểm toán”: không chọn được nếu không check chọn “BCTC đã được kiểm toán”, bắt buộc chọn nếu check chọn “BCTC đã

được kiểm toán" gồm 04 giá trị:

- Ý kiến trái ngược
- Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến
- Ý kiến ngoại trừ
- Ý kiến chấp nhận toàn phần

+ Người lập biểu: Nhập dạng text
+ Kế toán trưởng: Nhập dạng text
+ Người đại diện theo pháp luật: Lấy thông tin Người ký trên thông tin chung, cho sửa
+ Ngày lập: Lấy theo ngày hiện tại.
+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
+ Các cột phải nhập: cột [Số năm nay], [Số năm trước]
+ Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm nay] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
+ Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0
+ **Các chỉ tiêu phải nhập phần A:**
  - I, II, III.[1], III.[2], IV.[1], VI.[1], VIII.[1], VIII.[2], IX.[1], IX.[2], IX.[3], IX.[4], X.[1.a], X.[2.a], X.[3.a], XI.[a], XII.[1], XII.[2], XII.[3], XII.[4]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập dương
  - Chỉ tiêu "Trong đó: Lợi thế thương mại": ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập dương. Kiểm tra: phải nhỏ hơn hoặc bằng Tài sản Có khác XII.[4], nếu không thì UD cảnh báo đỏ.
  - V, VII.[1]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
  - III.[3], IV.[2], VI.[2], VII.[2], VIII.[3], IX.[5], X.[1b], X.[2b], X.[3b], XI.[b], XII.[5]: nhập số âm, UD hỗ trợ nhập âm dương sau đó hiển thị thành số trong dấu ngoặc đơn (số âm).
+ **Các chỉ tiêu phải nhập phần B:**
  - I, II.[1], II.[2], III, IV, V, VI, VII.[1], VII.[2], VII.[3], VIII.[1.a], VIII.[1.b], VIII.[1.e], VIII.[1.g], VIII.[2]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập dương
  - VII [4], VIII.[1.c], VIII.[3], VIII.[4], VIII.[5],VIII.[6] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
  - VIII.[1.d]: nhập số âm, UD hỗ trợ nhập âm dương sau đó hiển thị

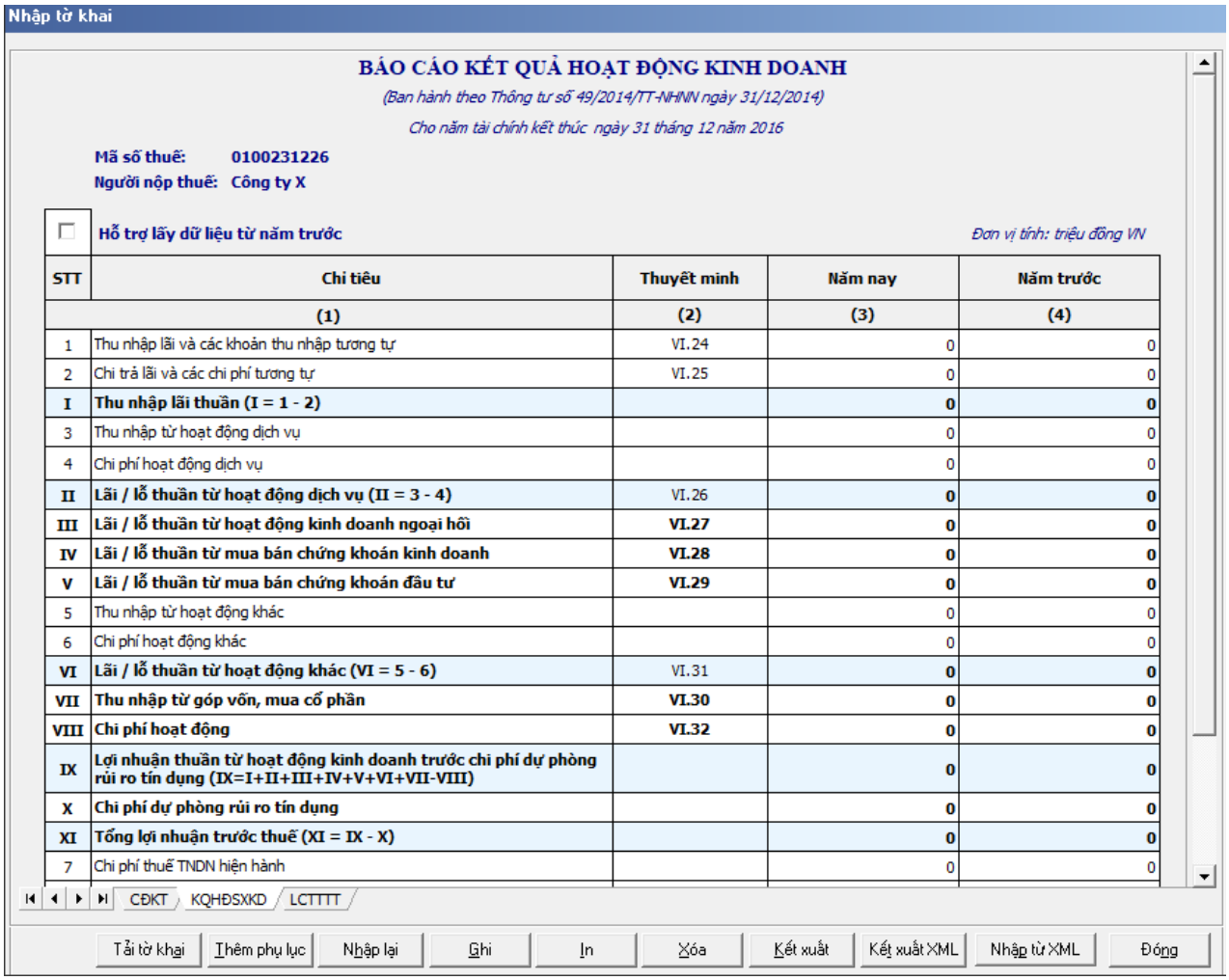
thành số trong dấu ngoặc đơn (số âm).

+ Các chỉ tiêu phải nhập Ngoài bảng: [1], [2.1], [2.2], [2.3], [2.4], [2.5], [3], [4], [5], [6] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương.
+ ***Phần A:***
  - [III] = III.[1] + III.[2] + III.[3]
  - [IV] = IV.[1] + IV.[2]
  - [VI] = VI.[1] + VI.[2]
  - [VII] = VII.[1] + VII.[2]
  - [VIII] = VIII.[1] + VIII.[2] + VIII.[3]
  - [IX] = IX.[1] + IX.[2] + IX.[3]+ IX.[4] + IX.[5]
  - [X] = X.[1] + X.[2] + X.[3]
  - X.[1] = X.[1.a] + X.[1.b]
  - X.[2] = X.[2.a] + X.[2.b]
  - X.[3] = X.[3.a] + X.[3.b]
  - [XI] = XI.[a] + XI.[b]
  - [XII] = XII.[1] + XII.[2] + XII.[3] + XII.[4] + XII.[5]
  - Tổng tài sản có = A.I + A.II + A.III + A.IV + A.V + A.VI + A.VII + A.VIII + A.IX + A.X + A.XI + A.XII
+ ***Phần B:***
  - [II] = II.[1] + II.[2]
  - [VII] = VII.[1] + VII.[2] + VII.[3] + VII.[4]
  - Tổng nợ phải trả = B.I + B.II + B.III + B.IV + B.V + B.VI + B.VII
  - [VIII] = VIII.[1] + VIII.[2] + VIII.[3] + VIII.[4] + VIII.[5] + VIII.[6]
  - VIII[1] = VIII.[1.a] + VIII.[1.b] + VIII.[1.c] + VIII.[1.d] + VIII.[1.e] + VIII.[1.g]
  - Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu = B.I + B.II + B.III + B.IV + B.V + B.VI + B.VII + B.VIII
+ **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**
  - Kiểm tra [Tổng tài sản Có] = [Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu], ngược lại thì cảnh báo đỏ
  - Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu" (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu phải khác 0",

không cho kết xuất, in báo cáo tài chính.

- Kiểm tra chỉ tiêu [VIII] phải lớn hơn 0. Nếu [VIII] = 0 thì UD cảnh báo vàng "Chỉ tiêu vốn chủ sở hữu phải lớn hơn 0". Trường hợp DN mới thành lập giữa năm thì có thể = 0

3.16.11.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (năm) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.

+ Các cột phải nhập: cột [Năm nay], [Năm trước]

+ Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm nay] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"

+ Các chỉ tiêu phải nhập: [1], [2], [3], [4], [5], [6], [VII], [VIII], [7] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0, nhập dương

+ Các chỉ tiêu phải nhập: [III], [IV], [V], [X], [XIV], [XV], [8] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0, nhập âm dương

- Các công thức tính toán

+ Chỉ tiêu [I] = [1] – [2]

+ Chỉ tiêu [II] = [3] – [4]

+ Chỉ tiêu [VI] = [5] – [6]

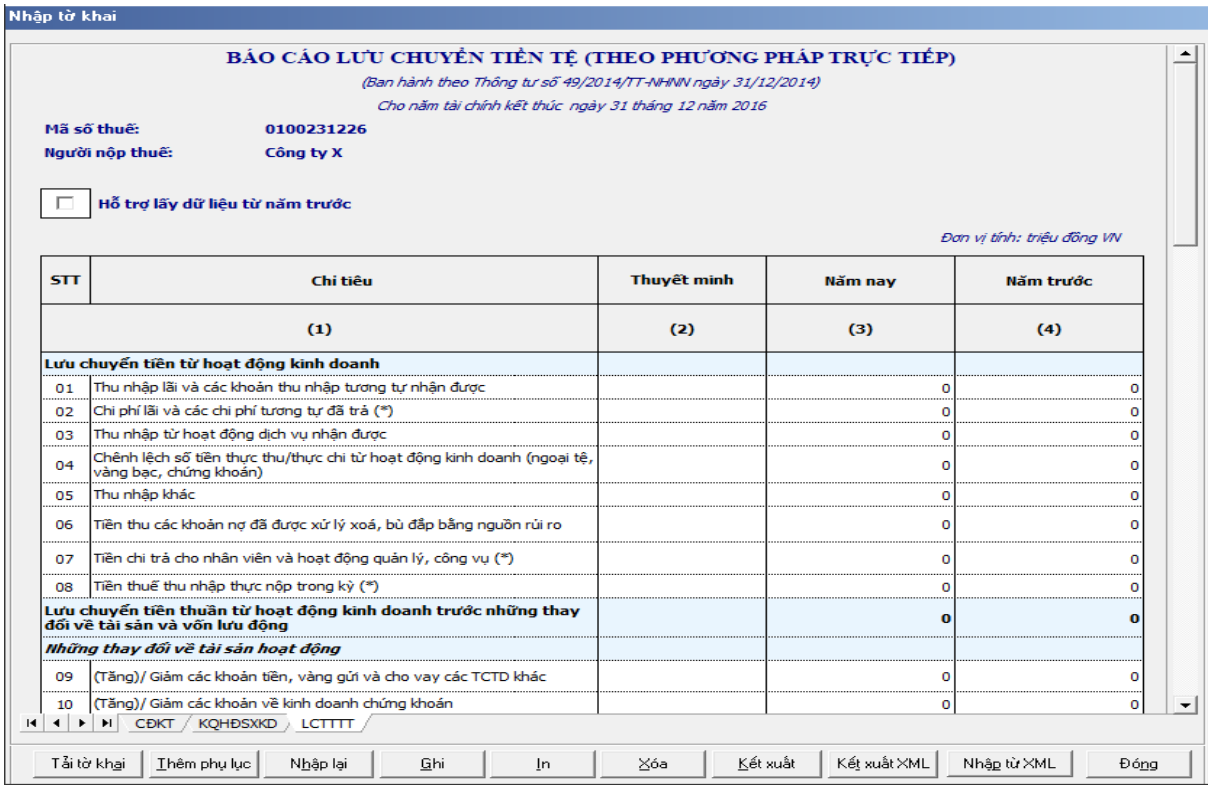
+ Chỉ tiêu [IX]= [I] + [II] + [III] + [IV] + [V] + [VI] + [VII] - [VIII]

+ Chỉ tiêu [XI] = [IX] – [X]

+ [XII] = [7] + [8]

+ [XIII] = [XI] – [XII]

3.16.11.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp (năm) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.

- **Các chỉ tiêu phải nhập tại mục I:**

+ Chỉ tiêu [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08], [09], [10], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [17], [18], [19], [20], [21], [22]: nhập số âm dương, mặc định là 0

- **Các chỉ tiêu phải nhập tại mục II:**

+ [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08], [09]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

- **Các chỉ tiêu phải nhập tại mục III:**

+ [01], [02], [03], [04], [05], ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

+ [06]: nhập số dương, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu [V]. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ: nhập số dương, mặc định là 0

+ [VI]. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

- Các điều kiện kiểm tra/ công thức

+ Chỉ tiêu [I]. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh = [01] + [02] + … + [21] + [22]

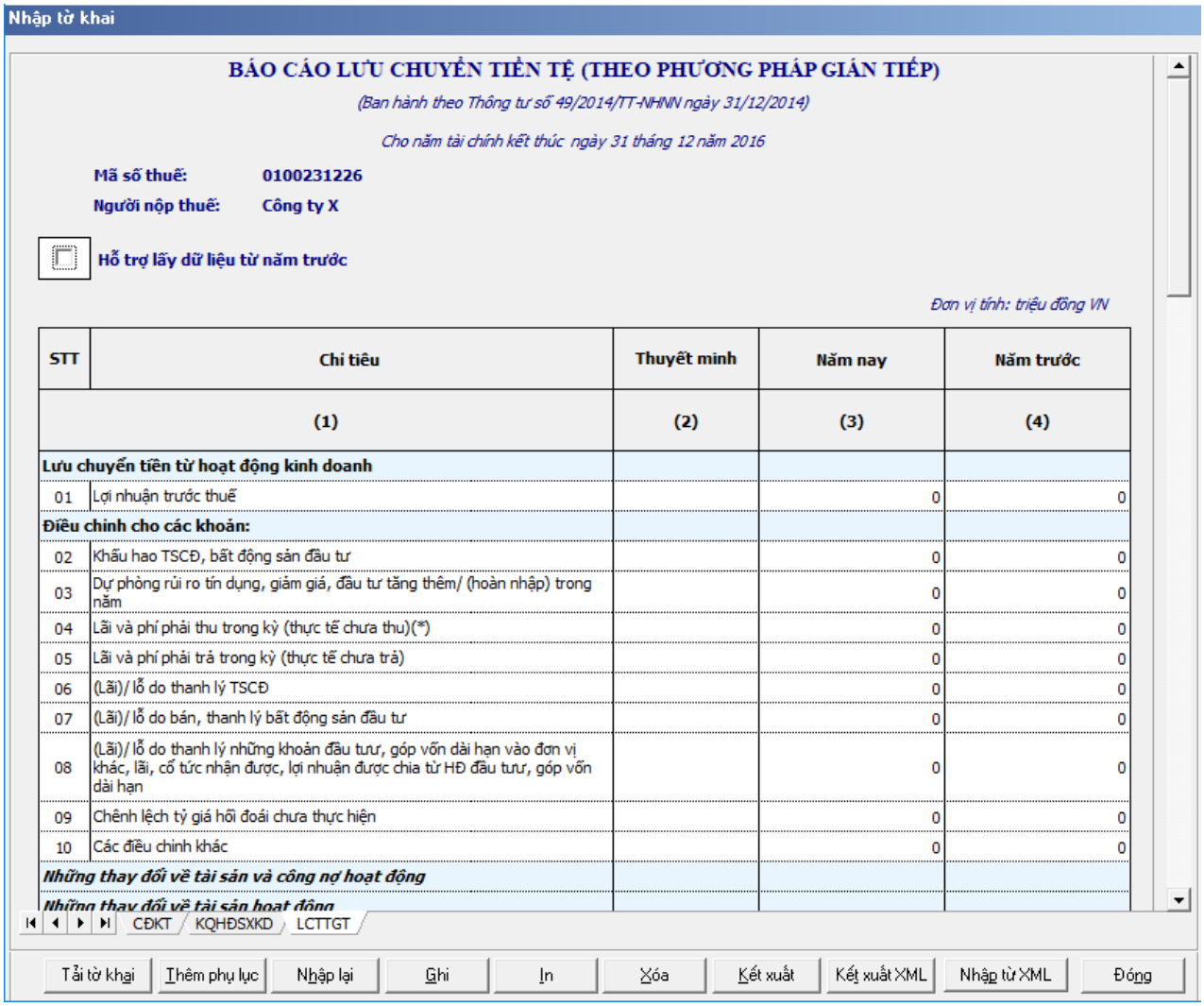
+ Chỉ tiêu [II] Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư = I.[01] + I.[02] + … + I.[08] + I.[09]

+ Chỉ tiêu [III]. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính = II.[01] + II.[02] + … + II.[06]

+ Chỉ tiêu [IV]. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ = [I] + [II] + [III]

+ Chỉ tiêu [VII]. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ = [IV] + [V] + [VI]

3.16.11.4 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp (năm) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.

- Các cột phải nhập: cột [Năm nay], [Năm trước]

- Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm nay] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"

- Các chỉ tiêu phải nhập tại mục I: [01], [02], [03], [05], [06], [07], [08], [09],

[10], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [17], [18], [19], [20], [21], [22], [23], [24], [25]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

- Các chỉ tiêu phải nhập tại mục II: [02], [05], [08], [09]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- Các chỉ tiêu phải nhập tại mục III: [01], [02], [06]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- [V], [VI]: nhập số âm dương, mặc định là 0
- Các điều kiện kiểm tra/ công thức

+ Chỉ tiêu [Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập] = [01] + [02] + … + [24] + [25]

+ Chỉ tiêu [I] = I.[01] + I.[02] + … + I.[26] + I.[27]

+ Chỉ tiêu [II] = II.[01] + II.[02] + … + II.[08] + II.[09]

+ Chỉ tiêu [III] = III.[01] + III.[02] + … + III.[06]

+ Chỉ tiêu [IV] = [I] + [II] + [III]

+ Chỉ tiêu [VII] = [IV] + [V] + [VI]

- ***Các điều kiện kiểm tra/công thức:***

+ Chỉ tiêu [Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập] = [01] + [02] + … + [24] + [25]

+ Chỉ tiêu [I] = I.[01] + I.[02] + … + I.[26] + I.[27]

+ Chỉ tiêu [II] = II.[01] + II.[02] + … + II.[08] + II.[09]

+ Chỉ tiêu [III] = III.[01] + III.[02] + … + III.[06]

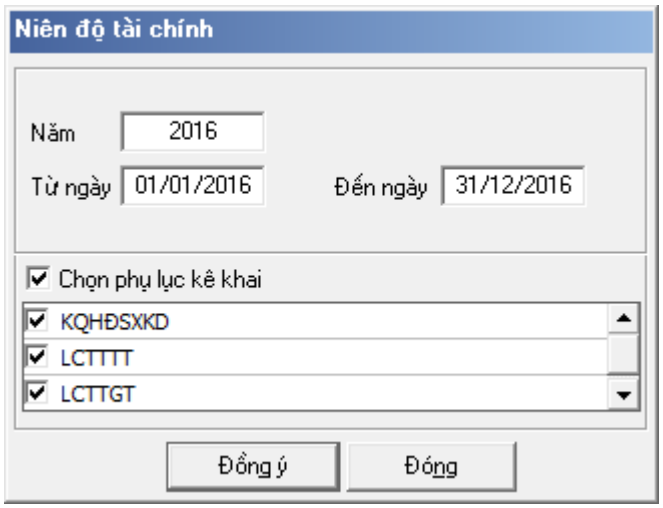
+ Chỉ tiêu [IV] = [I] + [II] + [III]

+ Chỉ tiêu [VII] = [IV] + [V] + [VI]

3.16.12 Lập Bộ Báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

Cách gọi :

- Từ menu chức năng “Báo cáo tài chính” chọn “Bộ Báo cáo tài chính hợp nhất (TT 49/2014/TT-NHNN)” khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2016 trở đi.
- Bổ sung thêm Từ ngày … Đến ngày, mặc định theo năm tài chính, cho sửa.
- Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
- Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
- Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)
  + Nếu năm tài chính trùng năm dương lịch (từ 01/01 đến 31/12) thì
- Kiểm tra thông tin từ kỳ, đến kỳ phải nằm trong khoảng kỳ tính thuế.
  + Nếu năm tài chính khác năm dương lịch:
- Năm tài chính 01/04/X -> 31/03/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
- Năm tài chính 01/07/X -> 30/06/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
- Năm tài chính 01/10/X -> 30/09/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
  + Nếu trường hợp NNT quyết toán 15 tháng:
- NNT mới ra kinh doanh (số tháng trong năm ra kinh doanh <=3 tháng): kỳ tính thuế thuộc năm tiếp theo

VD: NNT ra kinh doanh tháng 10/X. Khi kê khai quyết toán BCTC là năm X+1, từ ngày 01/10/X đến ngày 31/12/X+1

- NNT giải thể phá sản: quyết toán theo kỳ tính thuế xin giải thể phá sản, cụ thể như sau:
  + Nếu tháng giải thể > tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm giải thể

VD: NNT giải thể phá sản tháng 07/X thì kỳ tính thuế là X và kỳ tính thuế từ 01/01/X đến 01/07/X

  + Nếu tháng giải thể <= tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm trước năm giải thể

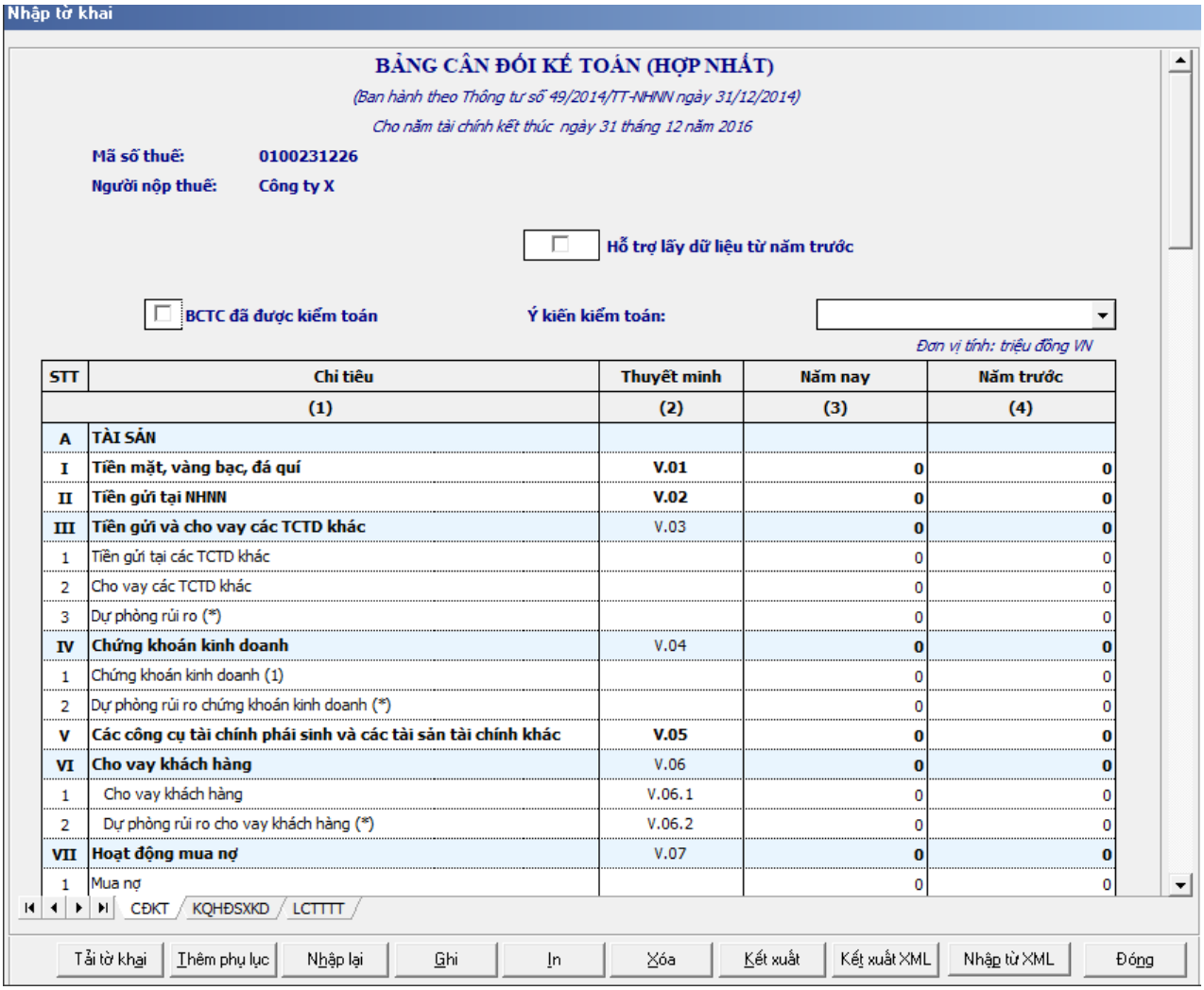
VD: Tháng 02/2017 DN phá sản, được phép gộp BCTC vào năm 2016

(01/01/2016 – 28/2/2017).

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT" và ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.

- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.12.1 Lập Bảng cân đối kế toán (năm) hợp nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	(1)	(2)	(3)	(4)
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quí**	**V.01**	**0**	**0**
II	**Tiền gửi tại NHNN**	**V.02**	**0**	**0**
III	**Tiền gửi và cho vay các TCTD khác**	V.03	**0**	**0**
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		0	0
2	Cho vay các TCTD khác		0	0
3	Dự phòng rủi ro (*)		0	0
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	V.04	**0**	**0**
1	Chứng khoán kinh doanh (1)		0	0
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (*)		0	0
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**V.05**	**0**	**0**
VI	**Cho vay khách hàng**	V.06	**0**	**0**
1	Cho vay khách hàng	V.06.1	0	0
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (*)	V.06.2	0	0
VII	**Hoạt động mua nợ**	V.07	**0**	**0**
1	Mua nợ		0	0

- **Hướng dẫn nhập dữ liệu:**

+ Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính
+ Ngày lập: Mặc định hiển thị theo ngày hiện tại của hệ thống, cho phép sửa, kiểm tra phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại của hệ thống
+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,cho phép nhập tối đa 50 kí tự.

- **Các chỉ tiêu cần nhập :**
  + Bổ sung thêm nút checkbox "BCTC đã được kiểm toán"
    - Cho phép check chọn hoặc bỏ check, không bắt buộc.
    - Mặc định là không check
  + Combobox “Ý kiến kiểm toán”: không chọn được nếu không check chọn “BCTC đã được kiểm toán”, bắt buộc chọn nếu check chọn “BCTC đã được kiểm toán” gồm 04 giá trị:
    - Ý kiến trái ngược
    - Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến
    - Ý kiến ngoại trừ
    - Ý kiến chấp nhận toàn phần
  + Người lập biểu: Nhập dạng text
  + Kế toán trưởng: Nhập dạng text
  + Người đại diện theo pháp luật: Lấy thông tin Người ký trên thông tin chung, cho sửa
  + Ngày lập: Lấy theo ngày hiện tại.
  + Cột “Thuyết minh”: cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
  + Các cột phải nhập: cột [Số năm nay], [Số năm trước]
  + Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm nay] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng “Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước”
  + Tất cả các chỉ tiêu ban đầu nhận giá trị mặc định là 0
  + **Các chỉ tiêu phải nhập phần A:**
    - I, II, III.[1], III.[2], IV.[1], VI.[1], VIII.[1], VIII.[2], IX.[1], IX.[2], IX.[3], IX.[4], X.[1.a], X.[2.a], X.[3.a], XI.[a], XII.[1], XII.[2], XII.[3], XII.[4]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập dương
    - Chỉ tiêu “Trong đó: Lợi thế thương mại”: ban đầu nhận giá trị mặc

định là số 0 và nhập dương. Kiểm tra: phải nhỏ hơn hoặc bằng Tài sản Có khác XII.[4], nếu không thì UD cảnh báo đỏ.

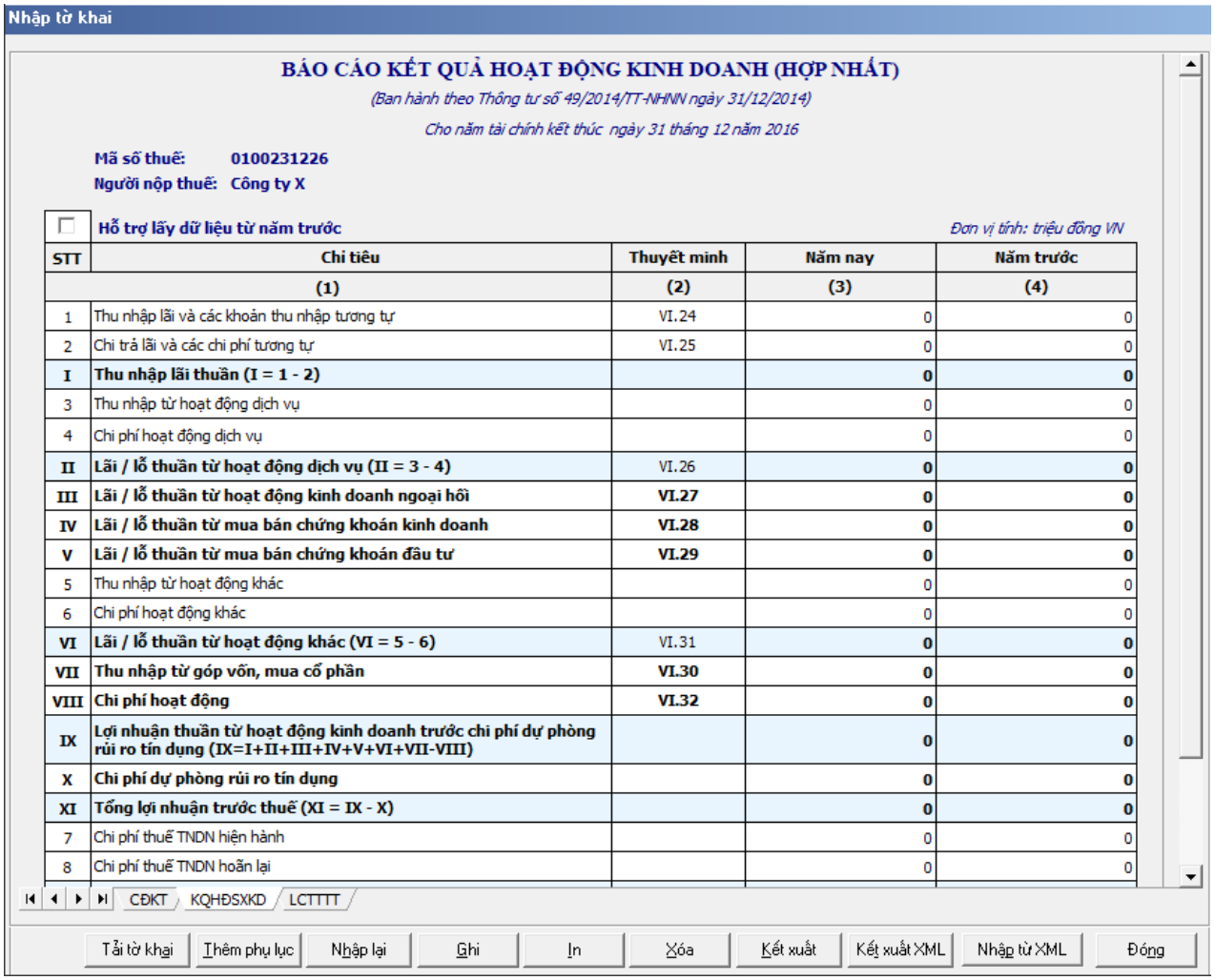
- V, VII.[1]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- III.[3], IV.[2], VI.[2], VII.[2], VIII.[3], IX.[5], X.[1b], X.[2b], X.[3b], XI.[b], XII.[5]: nhập số âm, UD hỗ trợ nhập âm dương sau đó hiển thị thành số trong dấu ngoặc đơn (số âm).

+ **Các chỉ tiêu phải nhập phần B:**
  - I, II.[1], II.[2], III, IV, V, VI, VII.[1], VII.[2], VII.[3], VIII.[1.a], VIII.[1.b], VIII.[1.e], VIII.[1.g], VIII.[2]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập dương
  - VII [4], VIII.[1.c], VIII.[3], VIII.[4], VIII.[5],VIII.[6] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
  - VIII.[1.d]: nhập số âm, UD hỗ trợ nhập âm dương sau đó hiển thị thành số trong dấu ngoặc đơn (số âm).
+ Các chỉ tiêu phải nhập Ngoài bảng: [1], [2.1], [2.2], [2.3], [2.4], [2.5], [3], [4], [5], [6] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương.
+ ***Phần A:***
  - [III] = III.[1] + III.[2] + III.[3]
  - [IV] = IV.[1] + IV.[2]
  - [VI] = VI.[1] + VI.[2]
  - [VII] = VII.[1] + VII.[2]
  - [VIII] = VIII.[1] + VIII.[2] + VIII.[3]
  - [IX] = IX.[1] + IX.[2] + IX.[3]+ IX.[4] + IX.[5]
  - [X] = X.[1] + X.[2] + X.[3]
  - X.[1] = X.[1.a] + X.[1.b]
  - X.[2] = X.[2.a] + X.[2.b]
  - X.[3] = X.[3.a] + X.[3.b]
  - [XI] = XI.[a] + XI.[b]
  - [XII] = XII.[1] + XII.[2] + XII.[3] + XII.[4] + XII.[5]
  - Tổng tài sản có = A.I + A.II + A.III + A.IV + A.V + A.VI + A.VII + A.VIII + A.IX + A.X + A.XI + A.XII
+ ***Phần B:***
  - [II] = II.[1] + II.[2]

- [VII] = VII.[1] + VII.[2] + VII.[3] + VII.[4]
- Tổng nợ phải trả = B.I + B.II + B.III + B.IV + B.V + B.VI + B.VII
- [VIII] = VIII.[1] + VIII.[2] + VIII.[3] + VIII.[4] + VIII.[5] + VIII.[6]
- VIII[1] = VIII.[1.a] + VIII.[1.b] + VIII.[1.c] + VIII.[1.d] + VIII.[1.e] + VIII.[1.g]
- Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu = B.I + B.II + B.III + B.IV + B.V + B.VI + B.VII + B.VIII

+ **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**
  - Kiểm tra [Tổng tài sản Có] = [Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu], ngược lại thì cảnh báo đỏ
  - Kiểm tra chỉ tiêu “Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu” (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ “Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu phải khác 0”, không cho kết xuất, in báo cáo tài chính.
  - Kiểm tra chỉ tiêu [VIII] phải lớn hơn 0. Nếu [VIII] = 0 thì UD cảnh báo vàng "Chỉ tiêu vốn chủ sở hữu phải lớn hơn 0". Trường hợp DN mới thành lập giữa năm thì có thể = 0

3.16.12.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (năm) hợp nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	(1)	(2)	(3)	(4)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	VI.24	0	0
2	Chi trả lãi và các chi phí tương tự	VI.25	0	0
I	**Thu nhập lãi thuần (I = 1 - 2)**		**0**	**0**
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		0	0
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		0	0
II	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (II = 3 - 4)**	VI.26	**0**	**0**
III	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	**VI.27**	**0**	**0**
IV	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	**VI.28**	**0**	**0**
V	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	**VI.29**	**0**	**0**
5	Thu nhập từ hoạt động khác		0	0
6	Chi phí hoạt động khác		0	0
VI	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động khác (VI = 5 - 6)**	VI.31	**0**	**0**
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	**VI.30**	**0**	**0**
VIII	**Chi phí hoạt động**	**VI.32**	**0**	**0**
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (IX=I+II+III+IV+V+VI+VII-VIII)**		**0**	**0**
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		**0**	**0**
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế (XI = IX - X)**		**0**	**0**
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		0	0
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	0

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.

+ Các cột phải nhập: cột [Năm nay], [Năm trước]

+ Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm nay] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"

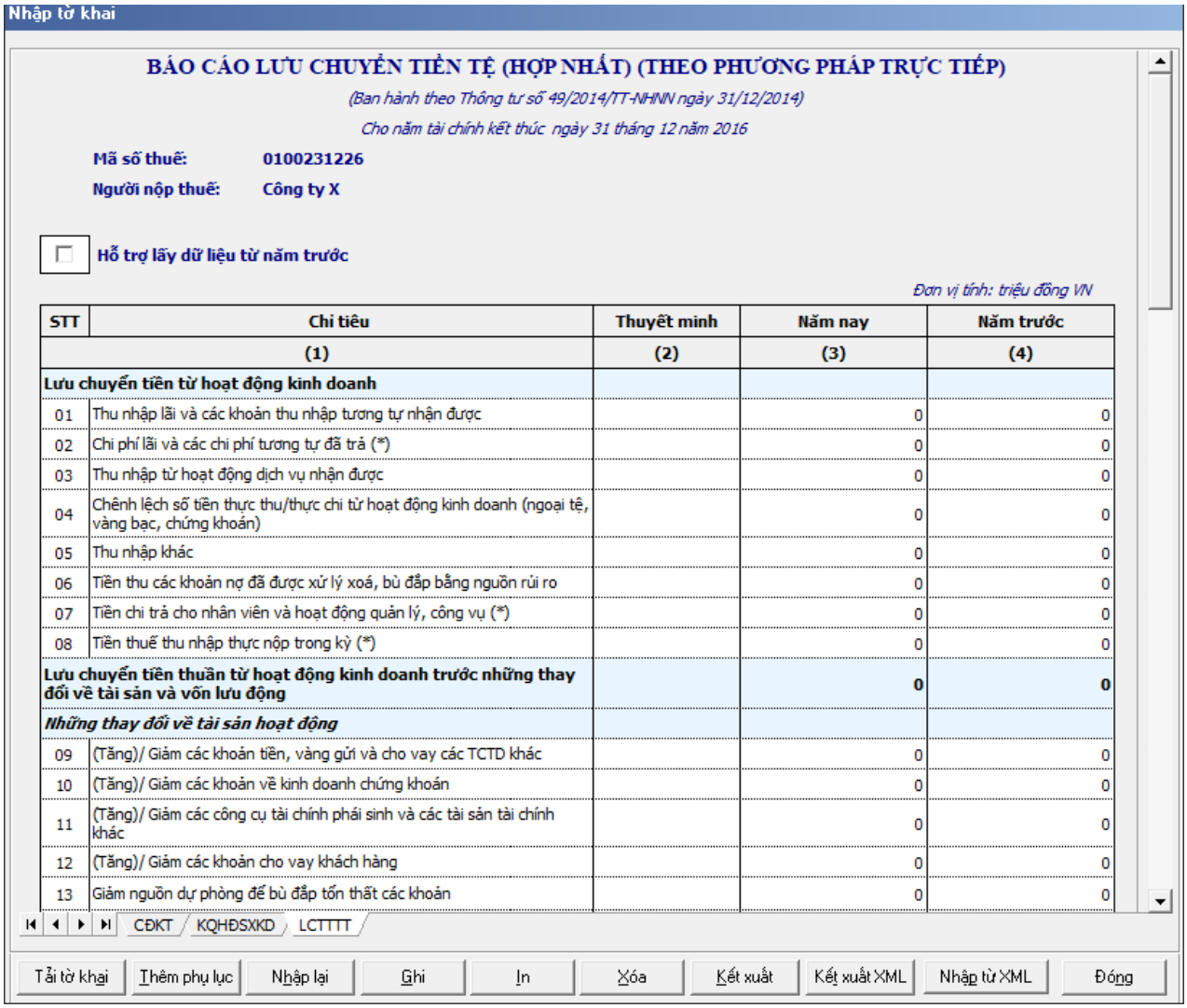
+ Các chỉ tiêu phải nhập: [1], [2], [3], [4], [5], [6], [VII], [VIII], [7] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0, nhập dương

+ Các chỉ tiêu phải nhập: [III], [IV], [V], [X], [XIV], [XV], [8] ban đầu nhận

giá trị mặc định là số 0, nhập âm dương

- Các công thức tính toán
  + Chỉ tiêu [I] = [1] – [2]
  + Chỉ tiêu [II] = [3] – [4]
  + Chỉ tiêu [VI] = [5] – [6]
  + Chỉ tiêu [IX]= [I] + [II] + [III] + [IV] + [V] + [VI] + [VII] - [VIII]
  + Chỉ tiêu [XI] = [IX] – [X]
  + [XII] = [7] + [8]
  + [XIII] = [XI] – [XII]

3.16.12.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp (năm) hợp nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	(1)	(2)	(3)	(4)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		0	0
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả (*)		0	0
03	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		0	0
04	Chênh lệch số tiền thực thu/thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)		0	0
05	Thu nhập khác		0	0
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn rủi ro		0	0
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ (*)		0	0
08	Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ (*)		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động			**0**	**0**
Những thay đổi về tài sản hoạt động				
09	(Tăng)/ Giảm các khoản tiền, vàng gửi và cho vay các TCTD khác		0	0
10	(Tăng)/ Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		0	0
11	(Tăng)/ Giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		0	0
12	(Tăng)/ Giảm các khoản cho vay khách hàng		0	0
13	Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản		0	0

- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.

- **Các chỉ tiêu phải nhập tại mục I:**

+ Chỉ tiêu [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08], [09], [10], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [17], [18], [19], [20], [21], [22]: nhập số âm dương, mặc định là 0

- **Các chỉ tiêu phải nhập tại mục II:**

+ [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08], [09]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

- **Các chỉ tiêu phải nhập tại mục III:**

+ [01], [02], [03], [04], [05], ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

+ [06]: nhập số dương, mặc định là 0

+ Chỉ tiêu [V]. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ: nhập số dương, mặc định là 0

+ [VI]. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

- Các điều kiện kiểm tra/ công thức

+ Chỉ tiêu [I]. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh = [01] + [02] + … + [21] + [22]

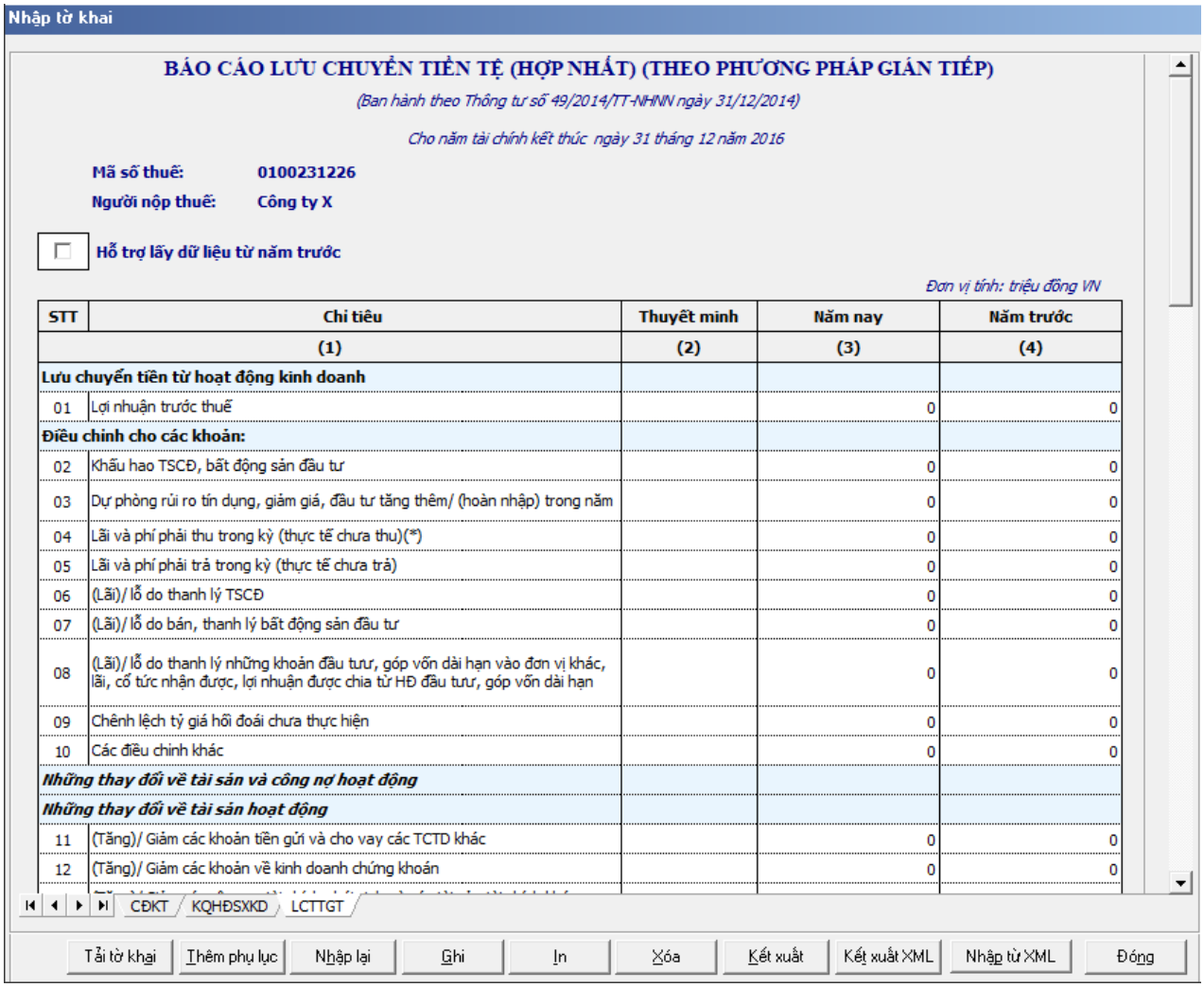
+ Chỉ tiêu [II] Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư = I.[01] + I.[02] + … + I.[08] + I.[09]

+ Chỉ tiêu [III]. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính = II.[01] + II.[02] + … + II.[06]

+ Chỉ tiêu [IV]. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ = [I] + [II] + [III]

+ Chỉ tiêu [VII]. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ = [IV] + [V] + [VI]

3.16.12.4 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp (năm) hợp nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.

- Các cột phải nhập: cột [Năm nay], [Năm trước]

- Hỗ trợ lấy dữ liệu cột [Năm nay] của năm trước sang cột [Năm trước] của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"

- Các chỉ tiêu phải nhập tại mục I: [01], [02], [03], [05], [06], [07], [08], [09],

[10], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [17], [18], [19], [20], [21], [22], [23], [24], [25]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

- Các chỉ tiêu phải nhập tại mục II: [02], [05], [08], [09]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- Các chỉ tiêu phải nhập tại mục III: [01], [02], [06]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- [V], [VI]: nhập số âm dương, mặc định là 0
- Các điều kiện kiểm tra/ công thức

+ Chỉ tiêu [Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập] = [01] + [02] + … + [24] + [25]

+ Chỉ tiêu [I] = I.[01] + I.[02] + … + I.[26] + I.[27]

+ Chỉ tiêu [II] = II.[01] + II.[02] + … + II.[08] + II.[09]

+ Chỉ tiêu [III] = III.[01] + III.[02] + … + III.[06]

+ Chỉ tiêu [IV] = [I] + [II] + [III]

+ Chỉ tiêu [VII] = [IV] + [V] + [VI]

- ***Các điều kiện kiểm tra/công thức:***

+ Chỉ tiêu [Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh trước thuế thu nhập] = [01] + [02] + … + [24] + [25]

+ Chỉ tiêu [I] = I.[01] + I.[02] + … + I.[26] + I.[27]

+ Chỉ tiêu [II] = II.[01] + II.[02] + … + II.[08] + II.[09]

+ Chỉ tiêu [III] = III.[01] + III.[02] + … + III.[06]

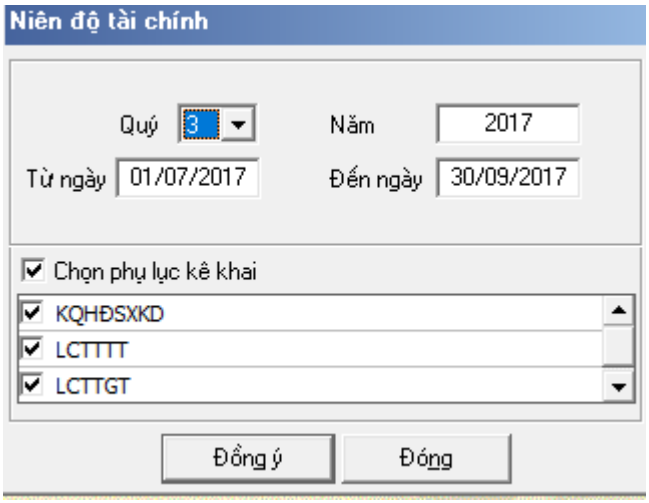
+ Chỉ tiêu [IV] = [I] + [II] + [III]

+ Chỉ tiêu [VII] = [IV] + [V] + [VI]

3.16.13 Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

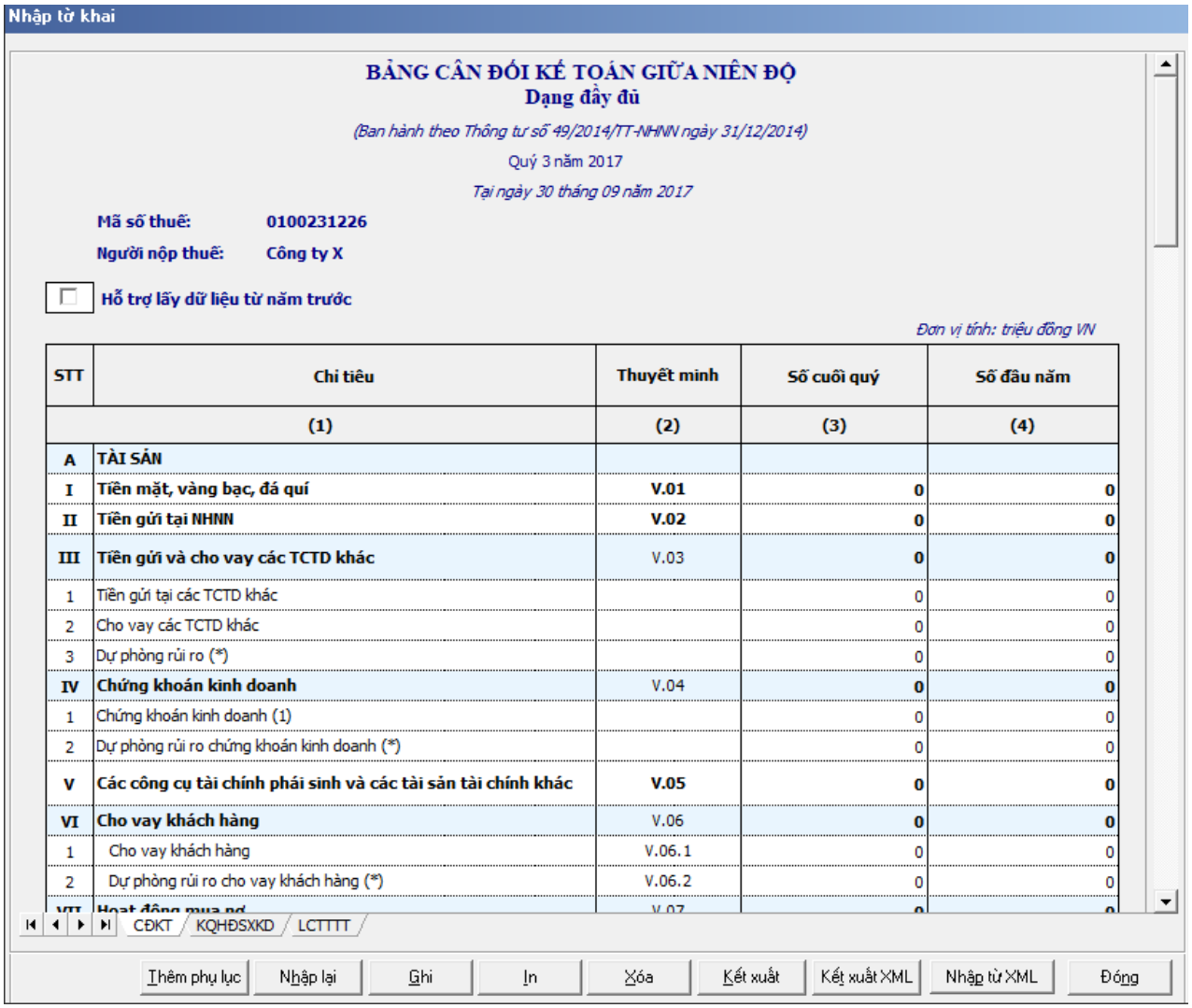
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ (TT 49/2014/TT-NHNN)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2016 trở đi
- Nhập niên độ tài chính: Người sử dụng nhập niên độ tài chính là Quý
- Bổ sung thêm Từ ngày tháng năm … Đến ngày tháng năm, mặc định theo Quý hiện tại -1, cho sửa, không nhập lớn hơn ngày hiện tại.
  + Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
  + Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
  + Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)
- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT" và ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.13.1 Lập Bảng cân đối kế toán (giữa niên độ dạng đầy đủ) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Hướng dẫn nhập dữ liệu :**
  - + Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính.
  - + Ngày lập: Mặc định hiển thị theo ngày hiện tại của hệ thống, cho phép sửa, kiểm tra phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại của hệ thống
- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  - + Người lập biểu: Nhập dạng text.
  - + Kế toán trưởng: Nhập dạng text.
  - + Người đại diện theo pháp luật: Lấy thông tin Người ký trên thông tin chung, cho sửa.
  - + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo

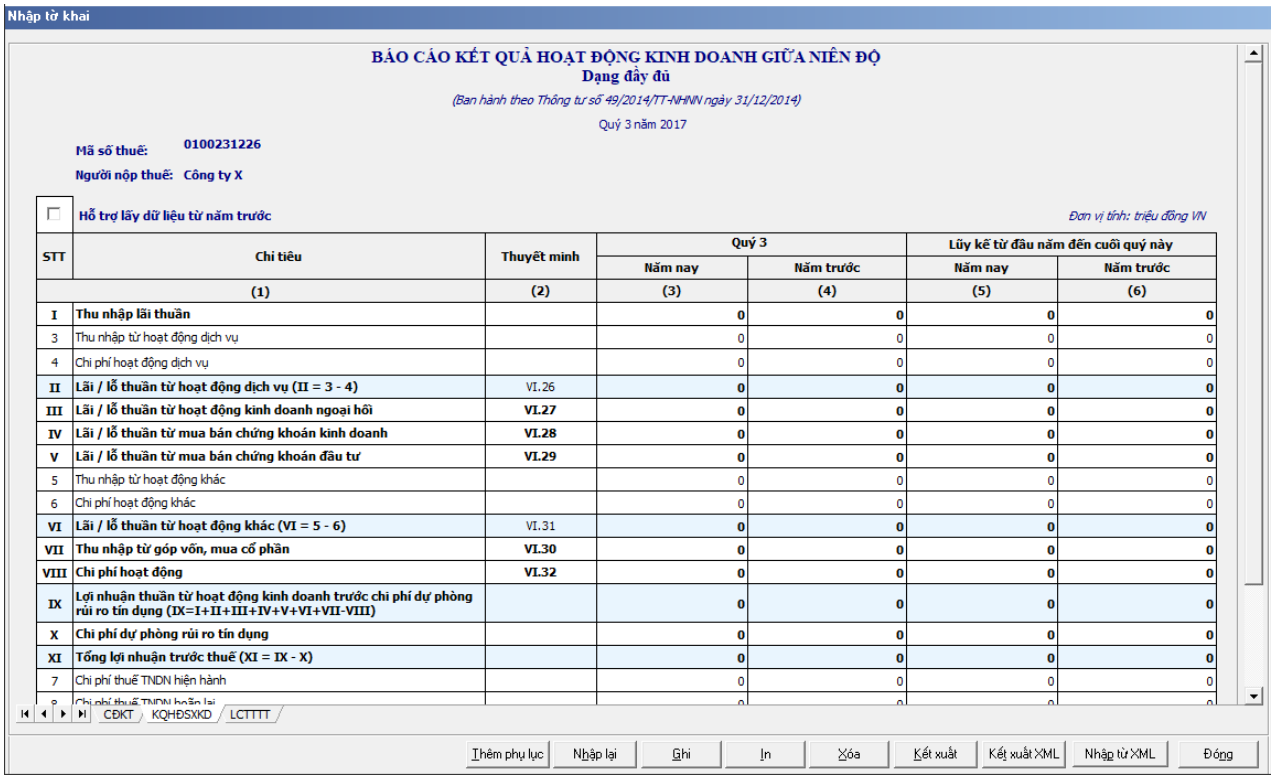
quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.

+ Các cột phải nhập: cột [Số cuối quý], [Số đầu năm]
  - [Số cuối quý] (là số tại thời điểm ngày cuối quý của năm tài chính): NNT nhập số theo ràng buộc dưới đây
  - [Số đầu năm] (là số tại thời điểm ngày đầu tiên của năm tài chính): cho phép nhập hoặc hỗ trợ lấy dữ liệu năm trước. Hỗ trợ lấy dữ liệu từ cột [Số cuối năm] trên Bảng cân đối kế toán (năm) của năm trước liền kề (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo năm trước) sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
+ **Các chỉ tiêu phải nhập phần A:**
  - I, II, III.[1], III.[2], IV.[1], VI.[1], VIII.[1], VIII.[2], IX.[1], IX.[2], IX.[3], IX.[4], X.[1.a], X.[2.a], X.[3.a], XI.[a], XII.[1], XII.[2], XII.[3], XII.[4]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập dương
  - Chỉ tiêu "Trong đó: Lợi thế thương mại": ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập dương. Kiểm tra: phải nhỏ hơn hoặc bằng Tài sản Có khác XII.[4], nếu không thì UD cảnh báo đỏ.
  - V, VII.[1]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
  - III.[3], IV.[2], VI.[2], VII.[2], VIII.[3], IX.[5], X.[1b], X.[2b], X.[3b], XI.[b], XII.[5]: cho phép nhập số âm dương, sau đó UD hỗ trợ hiển thị thành số trong dấu ngoặc đơn (số âm).
+ **Các chỉ tiêu phải nhập phần B:**
  - I, II.[1], II.[2], III, IV, V, VI, VII.[1], VII.[2], VII.[3], VIII.[1.a], VIII.[1.b], VIII.[1.e], VIII.[1.g], VIII.[2]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập dương
  - VII [4], VIII.[1.c], VIII.[3], VIII.[4], VIII.[5a], VIII. [5b],VIII.[6] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
  - VIII.[1.d]: cho phép nhập số âm dương, sau đó UD hỗ trợ hiển thị thành số trong dấu ngoặc đơn (số âm).
+ Các chỉ tiêu phải nhập Ngoài bảng: [1], [2.1], [2.2], [2.3], [2.4], [2.5], [3], [4], [5], [6] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

+ ***Phần A:***
  - [III] = III.[1] + III.[2] + III.[3]
  - [IV] = IV.[1] + IV.[2]
  - [VI] = VI.[1] + VI.[2]
  - [VII] = VII.[1] + VII.[2]
  - [VIII] = VIII.[1] + VIII.[2] + VIII.[3]
  - [IX] = IX.[1] + IX.[2] + IX.[3]+ IX.[4] + IX.[5]
  - [X] = X.[1] + X.[2] + X.[3]
  - X.[1] = X.[1.a] + X.[1.b]
  - X.[2] = X.[2.a] + X.[2.b]
  - X.[3] = X.[3.a] + X.[3.b]
  - [XI] = XI.[a] + XI.[b]
  - [XII] = XII.[1] + XII.[2] + XII.[3] + XII.[4] + XII.[5]
  - Tổng tài sản có = A.I + A.II + A.III + A.IV + A.V + A.VI + A.VII + A.VIII + A.IX + A.X + A.XI + A.XII
+ ***Phần B:***
  - [II] = II.[1] + II.[2]
  - [VII] = VII.[1] + VII.[2] + VII.[3] + VII.[4]
  - Tổng nợ phải trả = B.I + B.II + B.III + B.IV + B.V + B.VI + B.VII
  - [VIII] = VIII.[1] + VIII.[2] + VIII.[3] + VIII.[4] + VIII.[5] + VIII.[6]
  - VIII. [5] = VIII. [5a] + VIII. [5b], cho sửa nhập dạng số âm dương
  - VIII[1] = VIII.[1.a] + VIII.[1.b] + VIII.[1.c] + VIII.[1.d] + VIII.[1.e] + VIII.[1.g]
  - Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu = B.I + B.II + B.III + B.IV + B.V + B.VI + B.VII + B.VIII
+ **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**
  - Kiểm tra [Tổng tài sản Có] = [Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu], ngược lại thì cảnh báo đỏ
  - Kiểm tra chỉ tiêu “Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu” (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ “Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu phải khác 0”, không cho kết xuất, in báo cáo tài chính.
  - Kiểm tra chỉ tiêu [VIII] phải lớn hơn 0. Nếu [VIII] = 0 thì UD cảnh

báo vàng "Chỉ tiêu vốn chủ sở hữu phải lớn hơn 0". Trường hợp DN mới thành lập giữa năm thì có thể = 0.

3.16.13.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (giữa niên độ dạng đầy đủ) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**Thu nhập lãi thuần**		0	0	0	0
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		0	0	0	0
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		0	0	0	0
II	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (II = 3 - 4)**	VI.26	0	0	0	0
III	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	VI.27	0	0	0	0
IV	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	VI.28	0	0	0	0
V	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	VI.29	0	0	0	0
5	Thu nhập từ hoạt động khác		0	0	0	0
6	Chi phí hoạt động khác		0	0	0	0
VI	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động khác (VI = 5 - 6)**	VI.31	0	0	0	0
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	VI.30	0	0	0	0
VIII	**Chi phí hoạt động**	VI.32	0	0	0	0
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (IX=I+II+III+IV+V+VI+VII-VIII)**		0	0	0	0
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		0	0	0	0
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế (XI = IX - X)**		0	0	0	0
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		0	0	0	0
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại					

Các chỉ tiêu cần nhập:

- Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,nhập tối đa 50 kí tự.

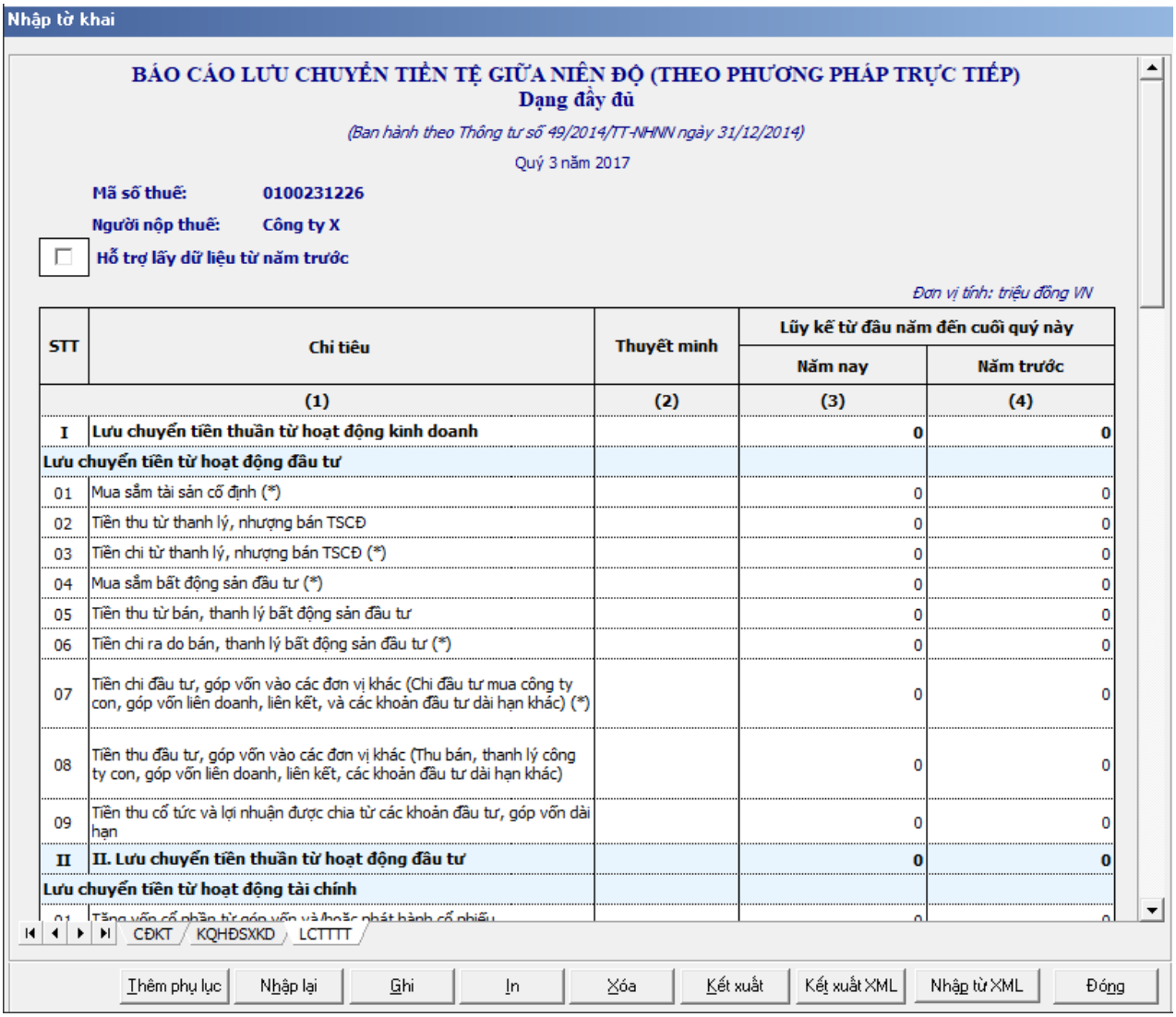
- Các chỉ tiêu : [3], [4], [5], [6], [VII], [VIII], [7] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0, nhập dương

- Các chỉ tiêu: [I], [III], [IV], [V], [X], [XIV], [XV], [8] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0, nhập âm dương

- Các công thức tính toán
  + Chỉ tiêu [II] = [3] – [4]
  + Chỉ tiêu [VI] = [5] – [6]
  + Chỉ tiêu [IX]= [I] + [II] + [III] + [IV] + [V] + [VI] + [VII] - [VIII]

+ Chỉ tiêu [XI] = [IX] – [X]
+ [XII] = [7] + [8]
+ [XIII] = [XI] – [XII]

3.16.13.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp (giữa niên độ dạng đầy đủ) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Các chỉ tiêu phải nhập:**

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,nhập tối đa 50 kí tự.

+ **Chỉ tiêu phải nhập tại mục I:** nhập số âm dương, mặc định là 0

+ **Các chỉ tiêu phải nhập tại mục II:** [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08], [09]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

+ **Các chỉ tiêu phải nhập tại mục III:**

- [01], [02], [03], [04], [05], ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- [06]: nhập số dương, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [V]. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ: nhập số dương, mặc định là 0
- [VI]. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**

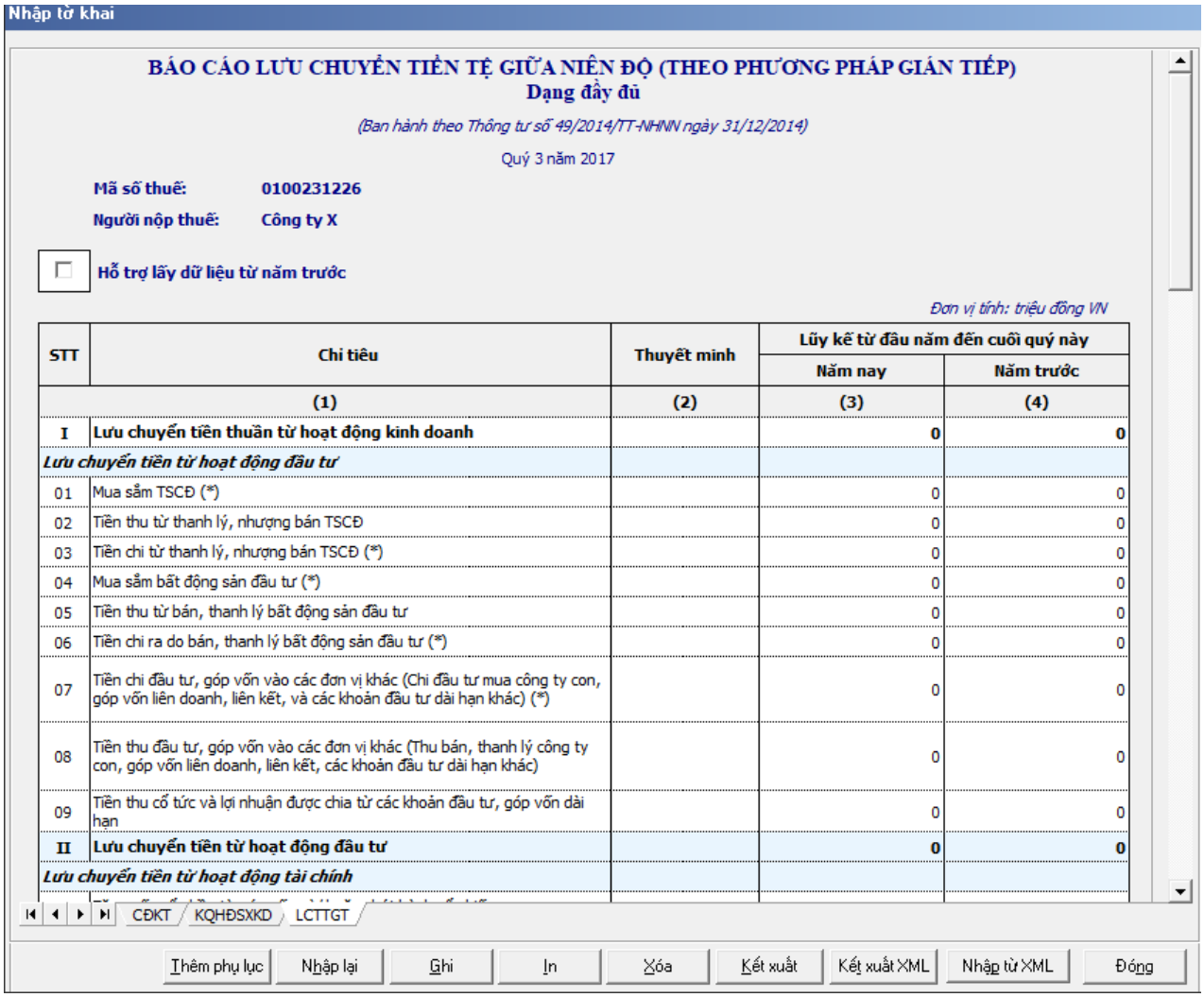
+ Chỉ tiêu [II] Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư = [01] + [02] + … + [08] + [09]

+ Chỉ tiêu [III]. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính = [01] + [02] + … + [06]

+ Chỉ tiêu [IV]. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ = [I] + [II] + [III]

- Chỉ tiêu [VII]. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ = [IV] + [V] + [VI]

3.16.13.4 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp (giữa niên độ dạng đầy đủ) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,nhập tối đa 50 kí tự.

- Chỉ tiêu phải nhập tại mục I: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- Các chỉ tiêu phải nhập tại mục II: [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08], [09]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- Các chỉ tiêu phải nhập tại mục III: [01], [02], [03], [04], [05], [06]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- [V], [VI]: nhập số âm dương, mặc định là 0
- Các điều kiện kiểm tra/ công thức

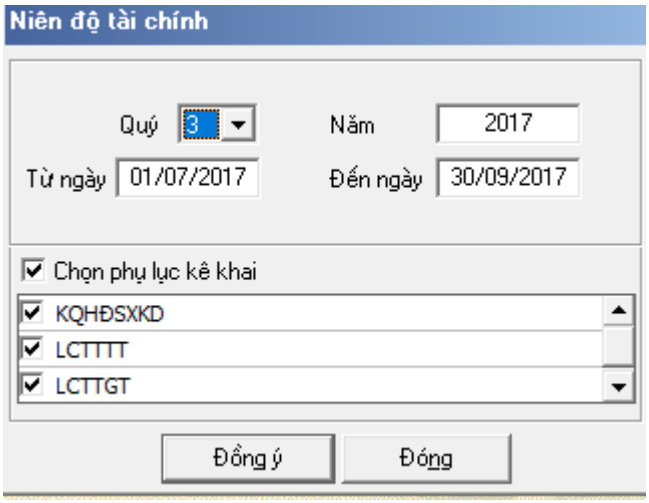
+ Chỉ tiêu [II] = II.[01] + II.[02] + … + II.[08] + II.[09]

+ Chỉ tiêu [III] = III.[01] + III.[02] + … + III.[06]
+ Chỉ tiêu [IV] = [I] + [II] + [III]
+ Chỉ tiêu [VII] = [IV] + [V] + [VI]

3.16.14 Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ hợp nhất theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

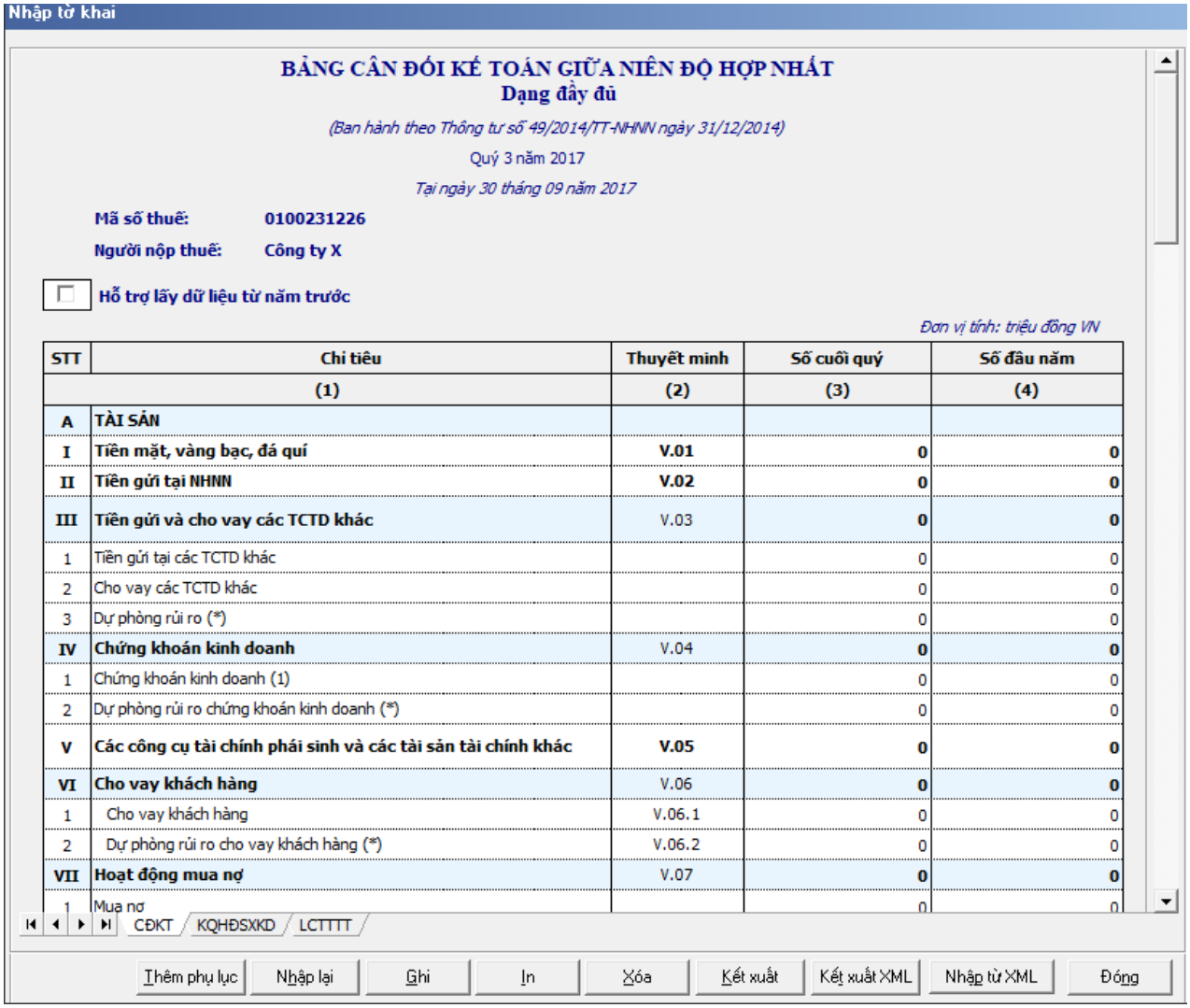
Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "**Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ đầy đủ hợp nhất(TT 49/2014/TT-NHNN)"** khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2016 trở đi
- Nhập niên độ tài chính: Người sử dụng nhập niên độ tài chính là Quý
- Bổ sung thêm Từ ngày tháng năm … Đến ngày tháng năm, mặc định theo Quý hiện tại -1, cho sửa, không nhập lớn hơn ngày hiện tại.
  + Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
  + Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
  + Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)
- Chương trình mặc định chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai. Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phục lục bạn đã chọn. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT" và ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.14.1 Lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ đầy đủ hợp nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung theo Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN)



STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
	(1)	(2)	(3)	(4)
A	**TÀI SẢN**			
I	**Tiền mặt, vàng bạc, đá quí**	**V.01**	**0**	**0**
II	**Tiền gửi tại NHNN**	**V.02**	**0**	**0**
III	**Tiền gửi và cho vay các TCTD khác**	V.03	**0**	**0**
1	Tiền gửi tại các TCTD khác		0	0
2	Cho vay các TCTD khác		0	0
3	Dự phòng rủi ro (*)		0	0
IV	**Chứng khoán kinh doanh**	V.04	**0**	**0**
1	Chứng khoán kinh doanh (1)		0	0
2	Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh (*)		0	0
V	**Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác**	**V.05**	**0**	**0**
VI	**Cho vay khách hàng**	V.06	**0**	**0**
1	Cho vay khách hàng	V.06.1	0	0
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (*)	V.06.2	0	0
VII	**Hoạt động mua nợ**	V.07	**0**	**0**
1	Mua nợ		0	0

- **Hướng dẫn nhập dữ liệu :**
  - + Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính.
  - + Ngày lập: Mặc định hiển thị theo ngày hiện tại của hệ thống, cho phép sửa, kiểm tra phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại của hệ thống
- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  - + Người lập biểu: Nhập dạng text.
  - + Kế toán trưởng: Nhập dạng text.
  - + Người đại diện theo pháp luật: Lấy thông tin Người ký trên thông tin

chung, cho sửa.

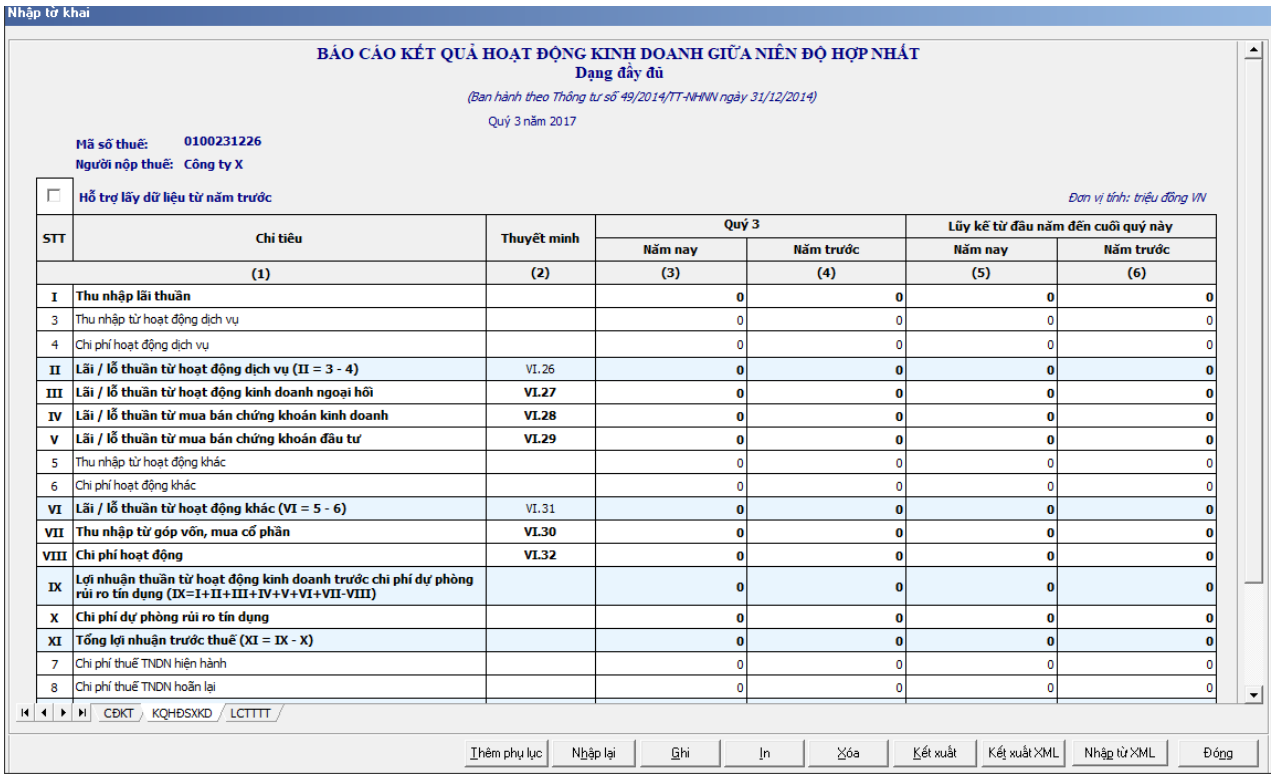
+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.
+ Các cột phải nhập: cột [Số cuối quý], [Số đầu năm]
  - [Số cuối quý] (là số tại thời điểm ngày cuối quý của năm tài chính): NNT nhập số theo ràng buộc dưới đây
  - [Số đầu năm] (là số tại thời điểm ngày đầu tiên của năm tài chính): cho phép nhập hoặc hỗ trợ lấy dữ liệu năm trước. Hỗ trợ lấy dữ liệu từ cột [Số cuối năm] trên Bảng cân đối kế toán (năm) của năm trước liền kề (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo năm trước) sang Số đầu năm của năm nay, cho sửa. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
+ Cột "Thuyết minh": cho phép nhập, tối đa 50 ký tự.
+ **Các chỉ tiêu phải nhập phần A:**
  - I, II, III.[1], III.[2], IV.[1], VI.[1], VIII.[1], VIII.[2], IX.[1], IX.[2], IX.[3], IX.[4], X.[1.a], X.[2.a], X.[3.a], XI.[a], XII.[1], XII.[2], XII.[3], XII.[4]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập dương
  - Chỉ tiêu "Trong đó: Lợi thế thương mại": ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập dương. Kiểm tra: phải nhỏ hơn hoặc bằng Tài sản Có khác XII.[4], nếu không thì UD cảnh báo đỏ.
  - V, VII.[1]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
  - III.[3], IV.[2], VI.[2], VII.[2], VIII.[3], IX.[5], X.[1b], X.[2b], X.[3b], XI.[b], XII.[5]: cho phép nhập số âm dương, sau đó UD hỗ trợ hiển thị thành số trong dấu ngoặc đơn (số âm).
+ **Các chỉ tiêu phải nhập phần B:**
  - I, II.[1], II.[2], III, IV, V, VI, VII.[1], VII.[2], VII.[3], VIII.[1.a], VIII.[1.b], VIII.[1.e], VIII.[1.g], VIII.[2]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập dương
  - VII [4], VIII.[1.c], VIII.[3], VIII.[4], VIII.[5a], VIII. [5b],VIII.[6] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
  - VIII.[1.d]: cho phép nhập số âm dương, sau đó UD hỗ trợ hiển thị thành số trong dấu ngoặc đơn (số âm).

+ Các chỉ tiêu phải nhập Ngoài bảng: [1], [2.1], [2.2], [2.3], [2.4], [2.5], [3], [4], [5], [6] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
+ ***Phần A:***
  - [III] = III.[1] + III.[2] + III.[3]
  - [IV] = IV.[1] + IV.[2]
  - [VI] = VI.[1] + VI.[2]
  - [VII] = VII.[1] + VII.[2]
  - [VIII] = VIII.[1] + VIII.[2] + VIII.[3]
  - [IX] = IX.[1] + IX.[2] + IX.[3]+ IX.[4] + IX.[5]
  - [X] = X.[1] + X.[2] + X.[3]
  - X.[1] = X.[1.a] + X.[1.b]
  - X.[2] = X.[2.a] + X.[2.b]
  - X.[3] = X.[3.a] + X.[3.b]
  - [XI] = XI.[a] + XI.[b]
  - [XII] = XII.[1] + XII.[2] + XII.[3] + XII.[4] + XII.[5]
  - Tổng tài sản có = A.I + A.II + A.III + A.IV + A.V + A.VI + A.VII + A.VIII + A.IX + A.X + A.XI + A.XII
+ ***Phần B:***
  - [II] = II.[1] + II.[2]
  - [VII] = VII.[1] + VII.[2] + VII.[3] + VII.[4]
  - Tổng nợ phải trả = B.I + B.II + B.III + B.IV + B.V + B.VI + B.VII
  - [VIII] = VIII.[1] + VIII.[2] + VIII.[3] + VIII.[4] + VIII.[5] + VIII.[6]
  - VIII. [5] = VIII. [5a] + VIII. [5b], cho sửa nhập dạng số âm dương
  - VIII[1] = VIII.[1.a] + VIII.[1.b] + VIII.[1.c] + VIII.[1.d] + VIII.[1.e] + VIII.[1.g]
  - Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu = B.I + B.II + B.III + B.IV + B.V + B.VI + B.VII + B.VIII
+ **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**
  - Kiểm tra [Tổng tài sản Có] = [Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu], ngược lại thì cảnh báo đỏ
  - Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu" (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu phải khác 0",

không cho kết xuất, in báo cáo tài chính.

- Kiểm tra chỉ tiêu [VIII] phải lớn hơn 0. Nếu [VIII] = 0 thì UD cảnh báo vàng "Chỉ tiêu vốn chủ sở hữu phải lớn hơn 0". Trường hợp DN mới thành lập giữa năm thì có thể = 0.

3.16.14.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ đầy đủ hợp nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



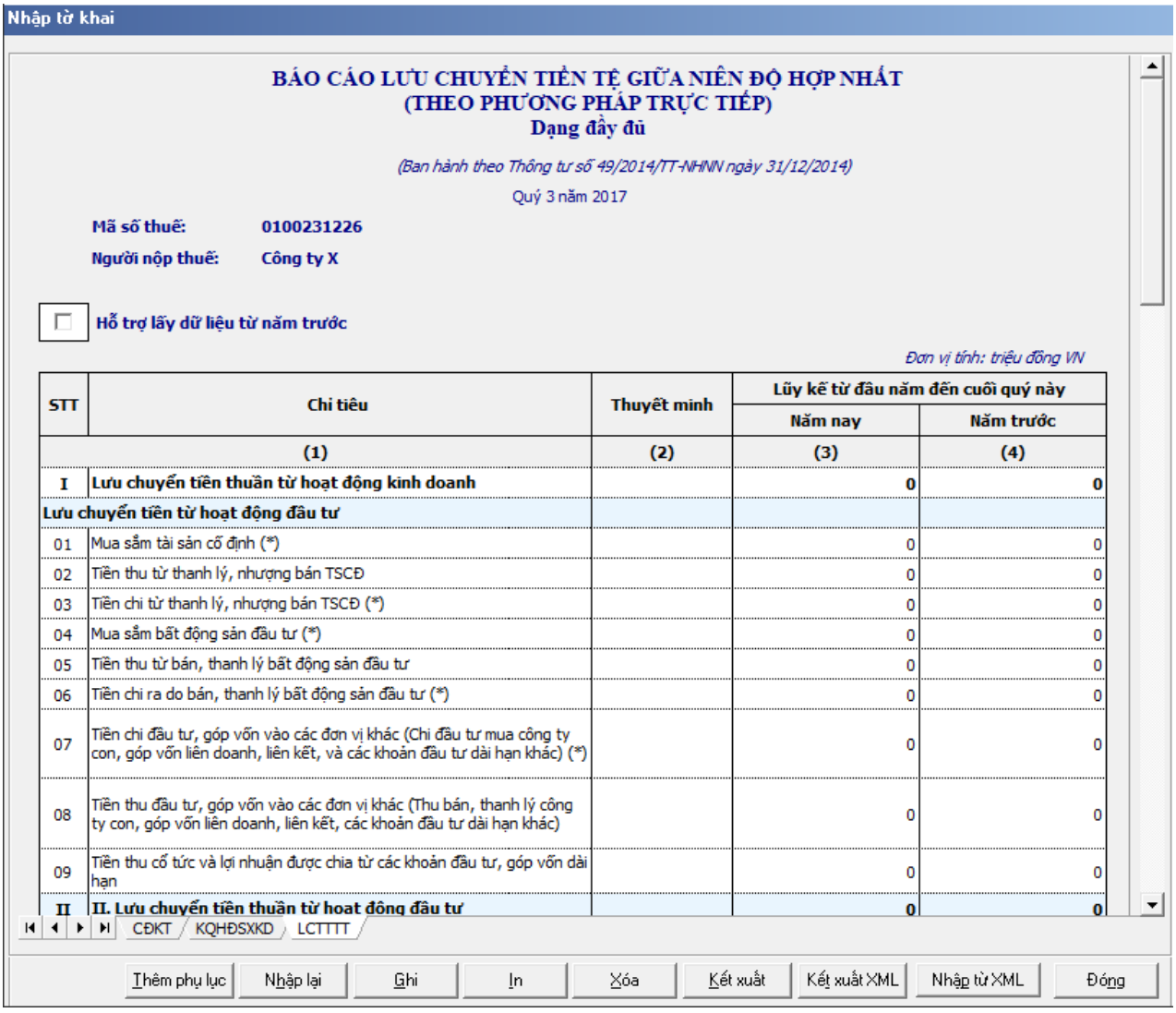
STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**Thu nhập lãi thuần**		0	0	0	0
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		0	0	0	0
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		0	0	0	0
II	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ (II = 3 - 4)**	VI.26	0	0	0	0
III	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối**	VI.27	0	0	0	0
IV	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh**	VI.28	0	0	0	0
V	**Lãi / lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư**	VI.29	0	0	0	0
5	Thu nhập từ hoạt động khác		0	0	0	0
6	Chi phí hoạt động khác		0	0	0	0
VI	**Lãi / lỗ thuần từ hoạt động khác (VI = 5 - 6)**	VI.31	0	0	0	0
VII	**Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần**	VI.30	0	0	0	0
VIII	**Chi phí hoạt động**	VI.32	0	0	0	0
IX	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng (IX=I+II+III+IV+V+VI+VII-VIII)**		0	0	0	0
X	**Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng**		0	0	0	0
XI	**Tổng lợi nhuận trước thuế (XI = IX - X)**		0	0	0	0
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành		0	0	0	0
8	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	0	0	0

Các chỉ tiêu cần nhập:

- Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,nhập tối đa 50 kí tự.
- Các chỉ tiêu : [3], [4], [5], [6], [VII], [VIII], [7] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0, nhập dương
- Các chỉ tiêu: [I], [III], [IV], [V], [X], [XIV], [XV], [8] ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0, nhập âm dương
- Các công thức tính toán

+ Chỉ tiêu [II] = [3] – [4]
+ Chỉ tiêu [VI] = [5] – [6]
+ Chỉ tiêu [IX]= [I] + [II] + [III] + [IV] + [V] + [VI] + [VII] - [VIII]
+ Chỉ tiêu [XI] = [IX] – [X]
+ [XII] = [7] + [8]
+ [XIII] = [XI] – [XII]

3.16.14.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp giữa niên độ đầy đủ hợp nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Các chỉ tiêu phải nhập:**
  + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo

quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,nhập tối đa 50 kí tự.

+ **Chỉ tiêu phải nhập tại mục I:** nhập số âm dương, mặc định là 0

+ **Các chỉ tiêu phải nhập tại mục II:** [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08], [09]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

+ **Các chỉ tiêu phải nhập tại mục III:**

- [01], [02], [03], [04], [05], ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- [06]: nhập số dương, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [V]. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ: nhập số dương, mặc định là 0
- [VI]. Điều chỉnh ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương

- **Các điều kiện kiểm tra/ công thức**

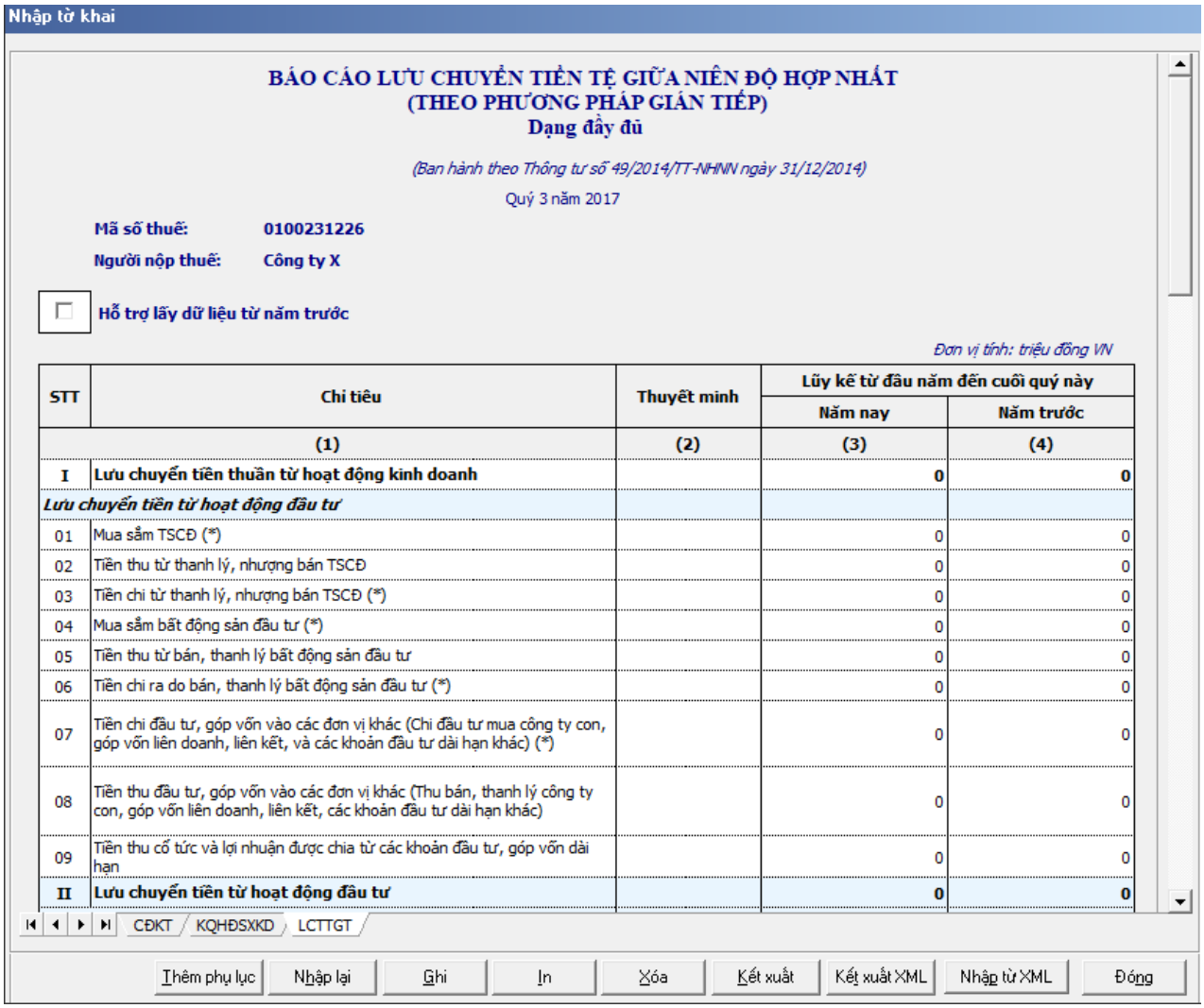
+ Chỉ tiêu [II] Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư = [01] + [02] + … + [08] + [09]

+ Chỉ tiêu [III]. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính = [01] + [02] + … + [06]

+ Chỉ tiêu [IV]. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ = [I] + [II] + [III]

- Chỉ tiêu [VII]. Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ = [IV] + [V] + [VI]

3.16.14.4 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp giữa niên độ đầy đủ hợp nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



Các chỉ tiêu cần nhập:

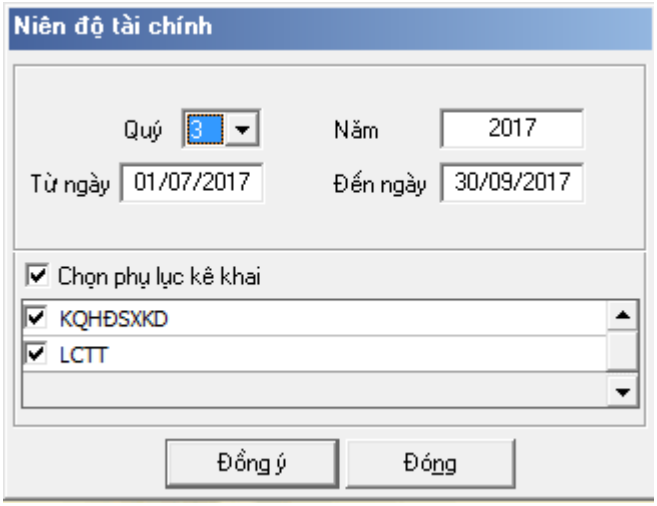
+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh,nhập tối đa 50 kí tự.

- Chỉ tiêu phải nhập tại mục I: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- Các chỉ tiêu phải nhập tại mục II: [01], [02], [03], [04], [05], [06], [07], [08], [09]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- Các chỉ tiêu phải nhập tại mục III: [01], [02], [03], [04], [05], [06]: ban đầu nhận giá trị mặc định là số 0 và nhập âm dương
- [V], [VI]: nhập số âm dương, mặc định là 0
- Các điều kiện kiểm tra/ công thức

+ Chỉ tiêu [II] = II.[01] + II.[02] + … + II.[08] + II.[09]
+ Chỉ tiêu [III] = III.[01] + III.[02] + … + III.[06]
+ Chỉ tiêu [IV] = [I] + [II] + [III]
+ Chỉ tiêu [VII] = [IV] + [V] + [VI]

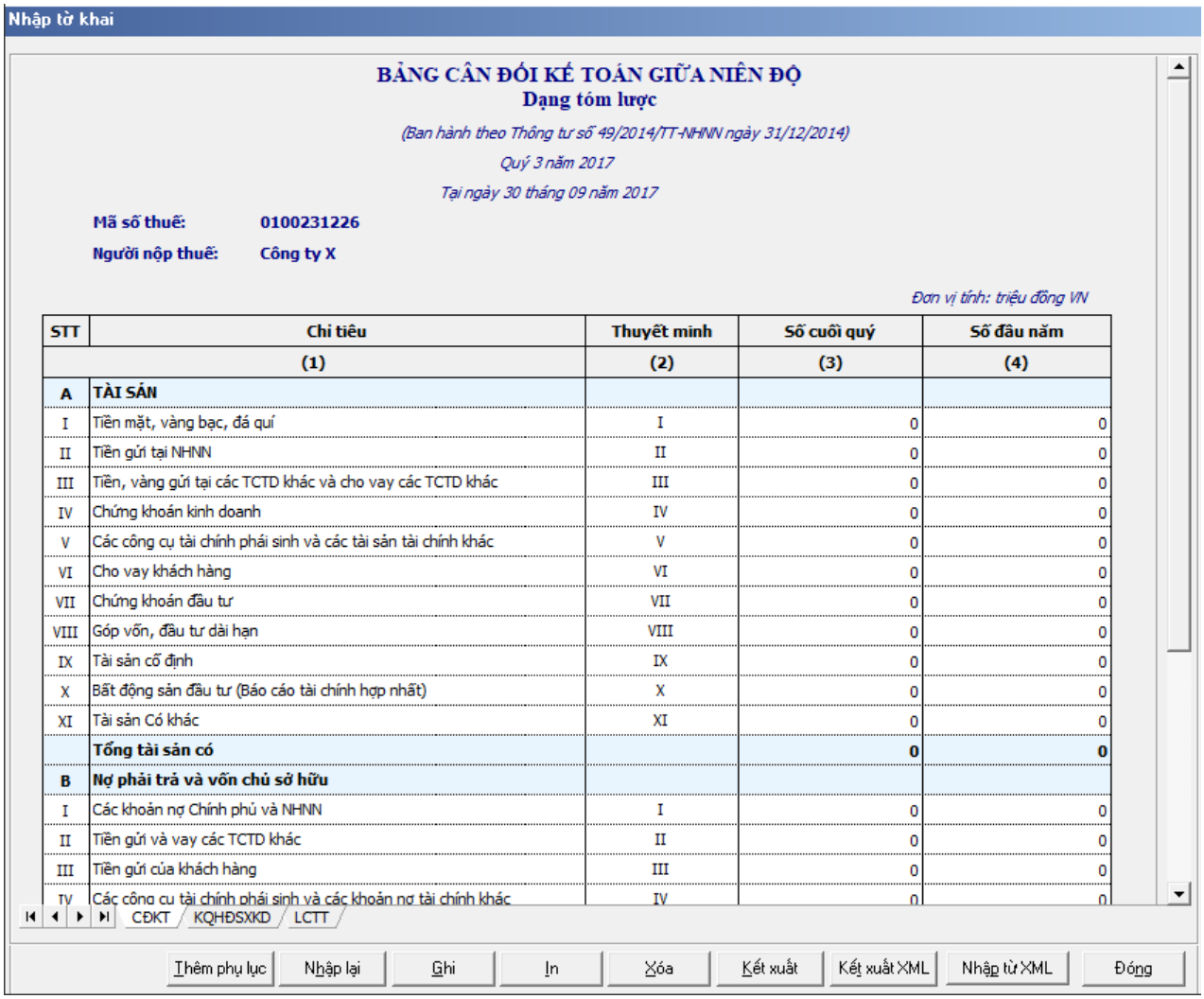
3.16.15 Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

- Cách gọi : Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "**Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ tóm lược (TT 49/2014/TT-NHNN)**" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2016 trở đi
- Nhập niên độ tài chính: Người sử dụng nhập niên độ tài chính là Quý
- Bổ sung thêm Từ ngày tháng năm … Đến ngày tháng năm, mặc định theo Quý hiện tại -1, cho sửa, không nhập lớn hơn ngày hiện tại.
  + Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
  + Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
  + Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)
- Chọn phụ lục kê khai: Chọn "KQHĐSXKD", "LCTT".
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.15.1 Lập Bảng cân đối kế toán (giữa niên độ dạng tóm lược) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Hướng dẫn nhập dữ liệu:**
  + Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính.
- Ngày lập: Mặc định hiển thị theo ngày hiện tại của hệ thống, cho phép sửa, kiểm tra phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại của hệ thống
- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.

+ Người lập biểu: Nhập dạng text.

+ Kế toán trưởng: Nhập dạng text.

+ Người đại diện theo pháp luật: Lấy thông tin Người ký trên thông tin chung, cho sửa.

+ [Số cuối quý] (là số tại thời điểm ngày cuối quý của năm tài chính): NNT nhập số theo ràng buộc dưới đây

- [Số đầu năm] (là số tại thời điểm ngày đầu tiên của năm tài chính): NNT nhập số theo ràng buộc dưới đây

  - Các chỉ tiêu phần A: I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI: Nhập số âm dương, mặc định là 0
  - Các chi tiêu phần B: I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX: Nhập số âm dương, mặc định là 0

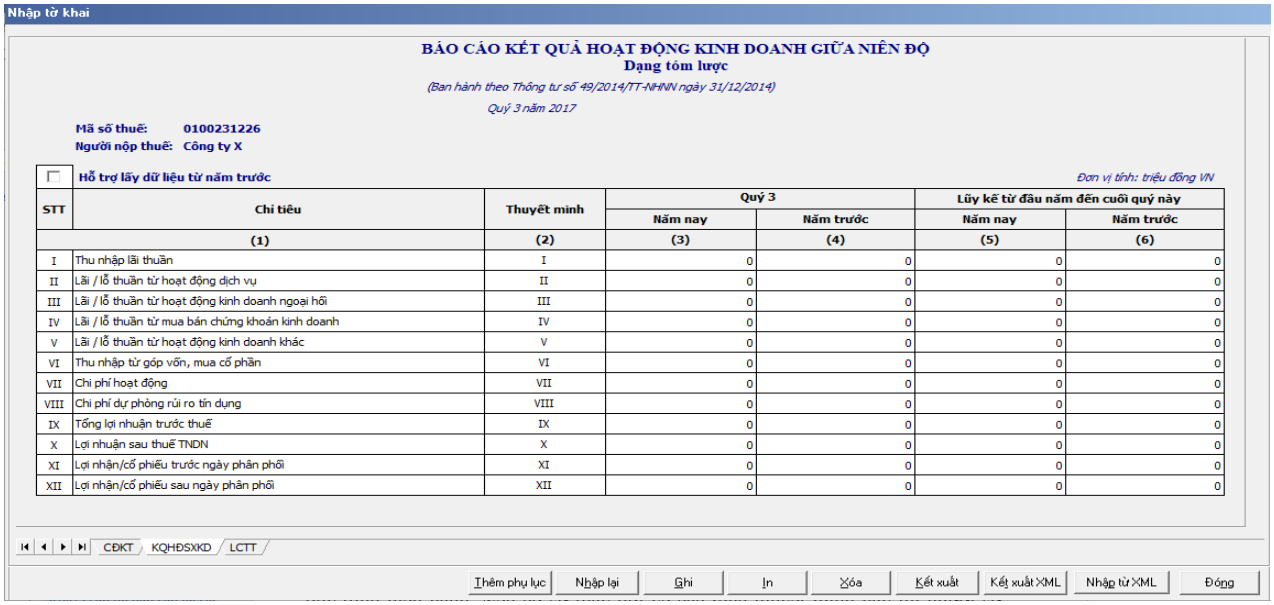
+ *Các công thức tính toán:*

  - Chỉ tiêu A. Tổng tài sản có = A.I + A.II + A.III + A.IV + A.V + A.VI +A. VII + A.VIII + A.IX + A.X + A.XI
  - Chỉ tiêu B. Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu = B.I + B.II + B.III + B.IV + B.V + B.VI + B.VII + B.VIII + B.IX

- Kiểm tra [Tổng tài sản Có] = [Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu], ngược lại thì cảnh báo đỏ

- Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu" (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu phải khác 0", không cho kết xuất, in báo cáo tài chính.

3.16.15.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (giữa niên độ dạng tóm lược) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.

+ Cột Năm nay (3): NNT nhập kiểu số theo ràng buộc chi tiết từng chỉ tiêu.

+ Cột Năm trước (4): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (3) của quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý đó), cho phép sửa

+ Cột Năm nay (5): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (3) trong báo cáo quý trước liền kề trong cùng 01 năm tài chính (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước liền kề trong cùng 1 năm tài chính) + cột (3) trong báo cáo quý này cho phép sửa. (Nếu Quý 1 của năm tài chính 01/01 đến 31/12 thì cột (5) = cột (3).

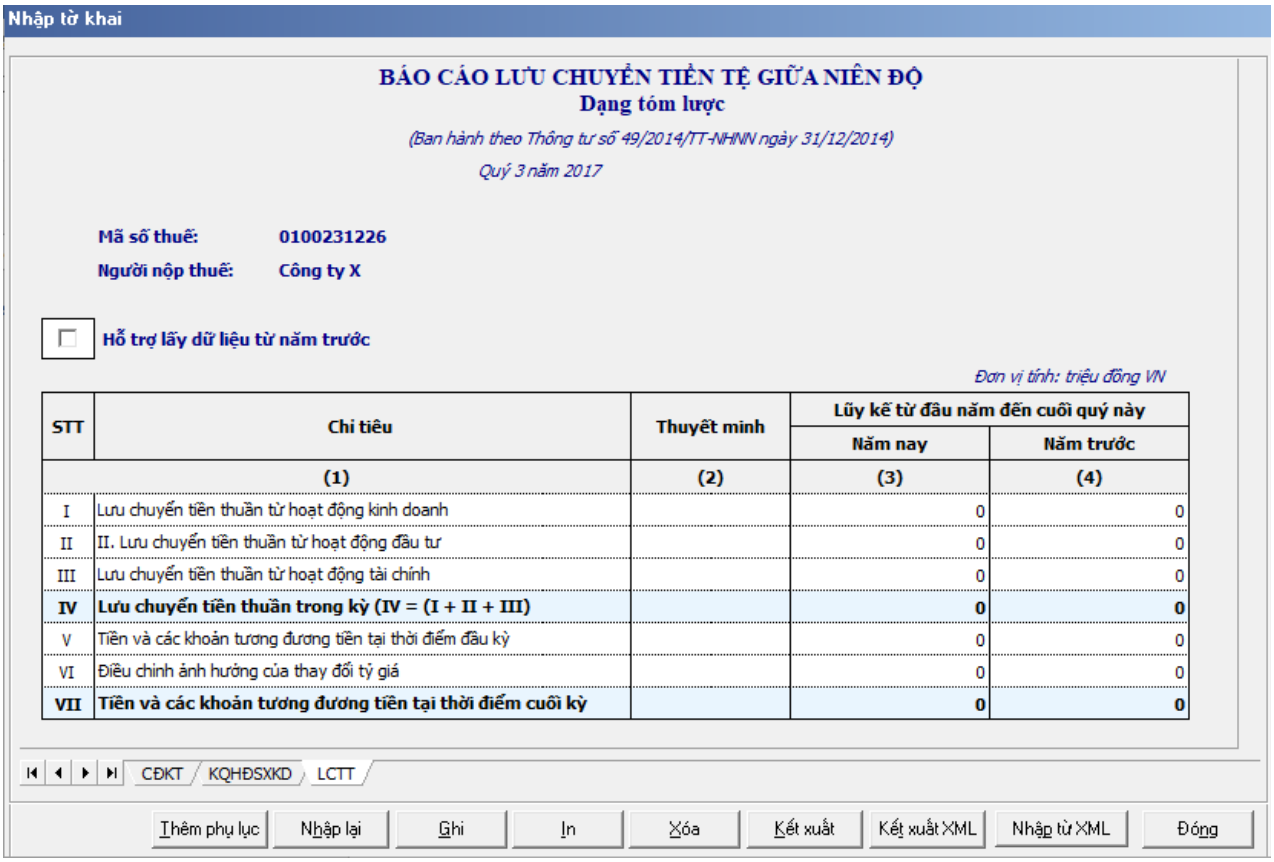
+ Cột Năm trước (6): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (5) trong báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước), cho phép sửa

+ Hỗ trợ lấy dữ liệu cùng kỳ của năm trước sang năm nay, của cột (4), cột (6), cho phép tick chọn

+ Các chỉ tiêu I, II, III, IV, V, VII, VIII, I X, X, XI, XII: ban đầu mặc định là 0, nhập số âm dương

+ Chỉ tiêu VI: ban đầu mặc định là 0, nhập số nguyên dương

3.16.15.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (giữa niên độ dạng tóm lược) dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)

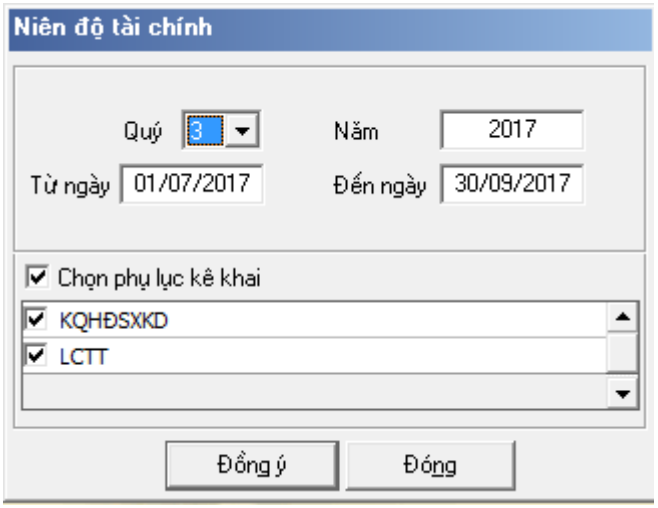


- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Cột Năm nay (3): NNT nhập kiểu số theo ràng buộc chỉ tiêu
  + Cột Năm trước (4): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (3) của quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý đó), cho phép sửa
  + Chỉ tiêu I, II, III, V, VI: ban đầu mặc định là 0, nhập số âm dương
  + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu IV = I + II + III
  + Chỉ tiêu VII = IV + V + VI

3.16.16 Lập Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược hợp nhất hợp

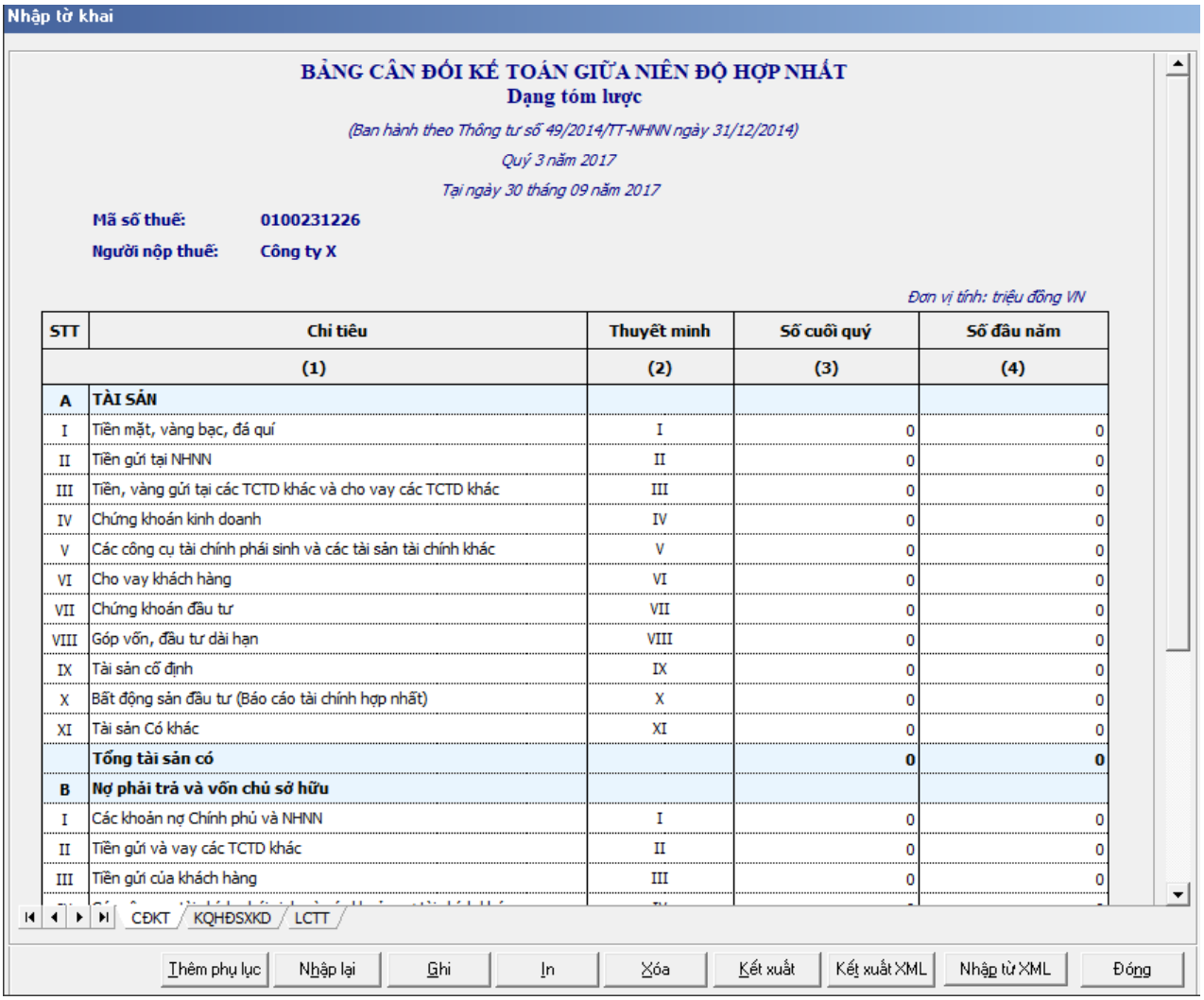
nhất theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN

- Cách gọi : Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "**Bộ Báo cáo tài chính giữa niên độ tóm lược hợp nhất (TT 49/2014/TT-NHNN)**" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2016 trở đi
- Nhập niên độ tài chính: Người sử dụng nhập niên độ tài chính là Quý
- Bổ sung thêm Từ ngày tháng năm … Đến ngày tháng năm, mặc định theo Quý hiện tại -1, cho sửa, không nhập lớn hơn ngày hiện tại.
  + Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
  + Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
  + Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)
- Chọn phụ lục kê khai: Chọn "KQHĐSXKD", "LCTT".
- Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.16.1 Lập Bảng cân đối kế toán giữa niên độ dạng tóm lược hợp nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi bổ sung theo Thông tư số 16/2007/QĐ-NHNN)



STT	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
	(1)	(2)	(3)	(4)
A	**TÀI SẢN**			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quí	I	0	0
II	Tiền gửi tại NHNN	II	0	0
III	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	III	0	0
IV	Chứng khoán kinh doanh	IV	0	0
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	V	0	0
VI	Cho vay khách hàng	VI	0	0
VII	Chứng khoán đầu tư	VII	0	0
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	VIII	0	0
IX	Tài sản cố định	IX	0	0
X	Bất động sản đầu tư (Báo cáo tài chính hợp nhất)	X	0	0
XI	Tài sản Có khác	XI	0	0
	Tổng tài sản có		**0**	**0**
B	**Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu**			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	I	0	0
II	Tiền gửi và vay các TCTD khác	II	0	0
III	Tiền gửi của khách hàng	III	0	0

- **Hướng dẫn nhập dữ liệu:**
  + Tại ngày tháng năm: Lấy từ thông tin đến ngày tháng năm trên form nhập niên độ tài chính.
- Ngày lập: Mặc định hiển thị theo ngày hiện tại của hệ thống, cho phép sửa, kiểm tra phải nhỏ hơn hoặc bằng ngày hiện tại của hệ thống
- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.

+ Người lập biểu: Nhập dạng text.

+ Kế toán trưởng: Nhập dạng text.

+ Người đại diện theo pháp luật: Lấy thông tin Người ký trên thông tin chung, cho sửa.

+ [Số cuối quý] (là số tại thời điểm ngày cuối quý của năm tài chính): NNT nhập số theo ràng buộc dưới đây

- [Số đầu năm] (là số tại thời điểm ngày đầu tiên của năm tài chính): NNT nhập số theo ràng buộc dưới đây

  - Các chỉ tiêu phần A: I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI: Nhập số âm dương, mặc định là 0
  - Các chi tiêu phần B: I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX: Nhập số âm dương, mặc định là 0

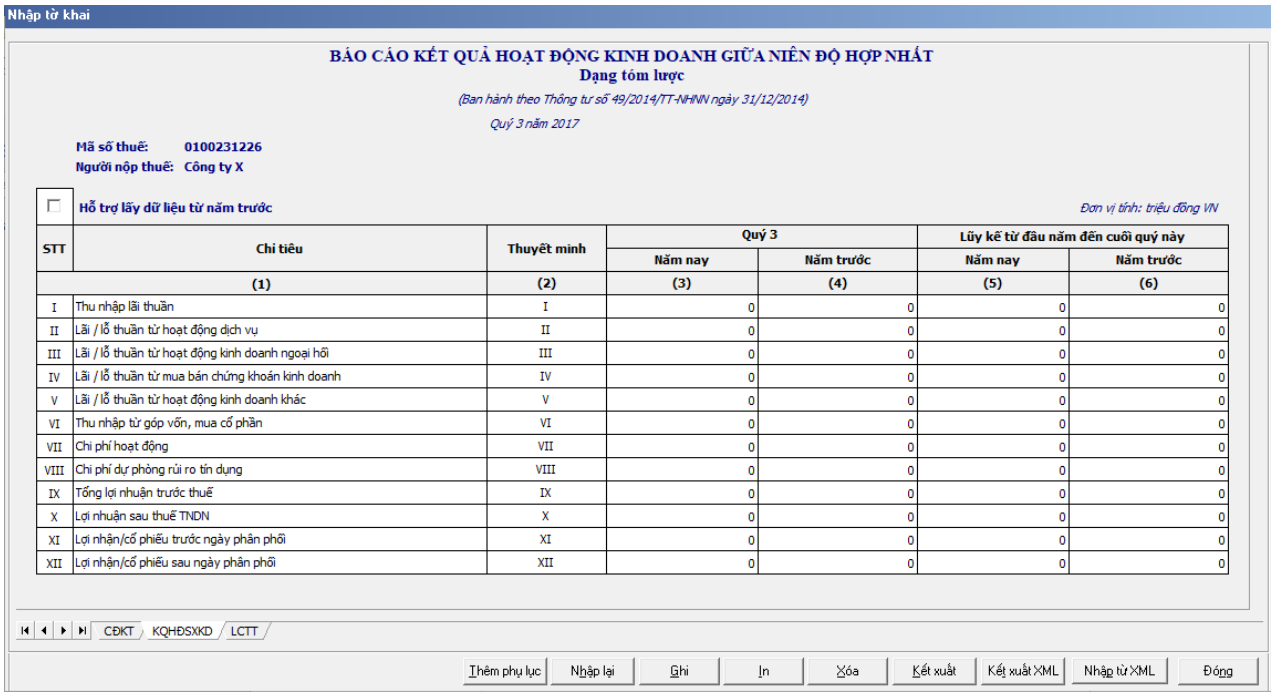
+ *Các công thức tính toán:*

  - Chỉ tiêu A. Tổng tài sản có = A.I + A.II + A.III + A.IV + A.V + A.VI +A. VII + A.VIII + A.IX + A.X + A.XI
  - Chỉ tiêu B. Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu = B.I + B.II + B.III + B.IV + B.V + B.VI + B.VII + B.VIII + B.IX

- Kiểm tra [Tổng tài sản Có] = [Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu], ngược lại thì cảnh báo đỏ

- Kiểm tra chỉ tiêu "Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu" (cuối kỳ) = 0 thì cảnh báo đỏ "Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu phải khác 0", không cho kết xuất, in báo cáo tài chính.

3.16.16.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giữa niên độ dạng tóm lược hợp nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)



- **Các chỉ tiêu cần nhập:**

+ Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.

+ Cột Năm nay (3): NNT nhập kiểu số theo ràng buộc chi tiết từng chỉ tiêu.

+ Cột Năm trước (4): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (3) của quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý đó), cho phép sửa

+ Cột Năm nay (5): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (3) trong báo cáo quý trước liền kề trong cùng 01 năm tài chính (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước liền kề trong cùng 1 năm tài chính) + cột (3) trong báo cáo quý này cho phép sửa. (Nếu Quý 1 của năm tài chính 01/01 đến 31/12 thì cột (5) = cột (3).

+ Cột Năm trước (6): Ứng dụng hỗ trợ tính bằng cột (5) trong báo cáo quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý trước), cho phép sửa

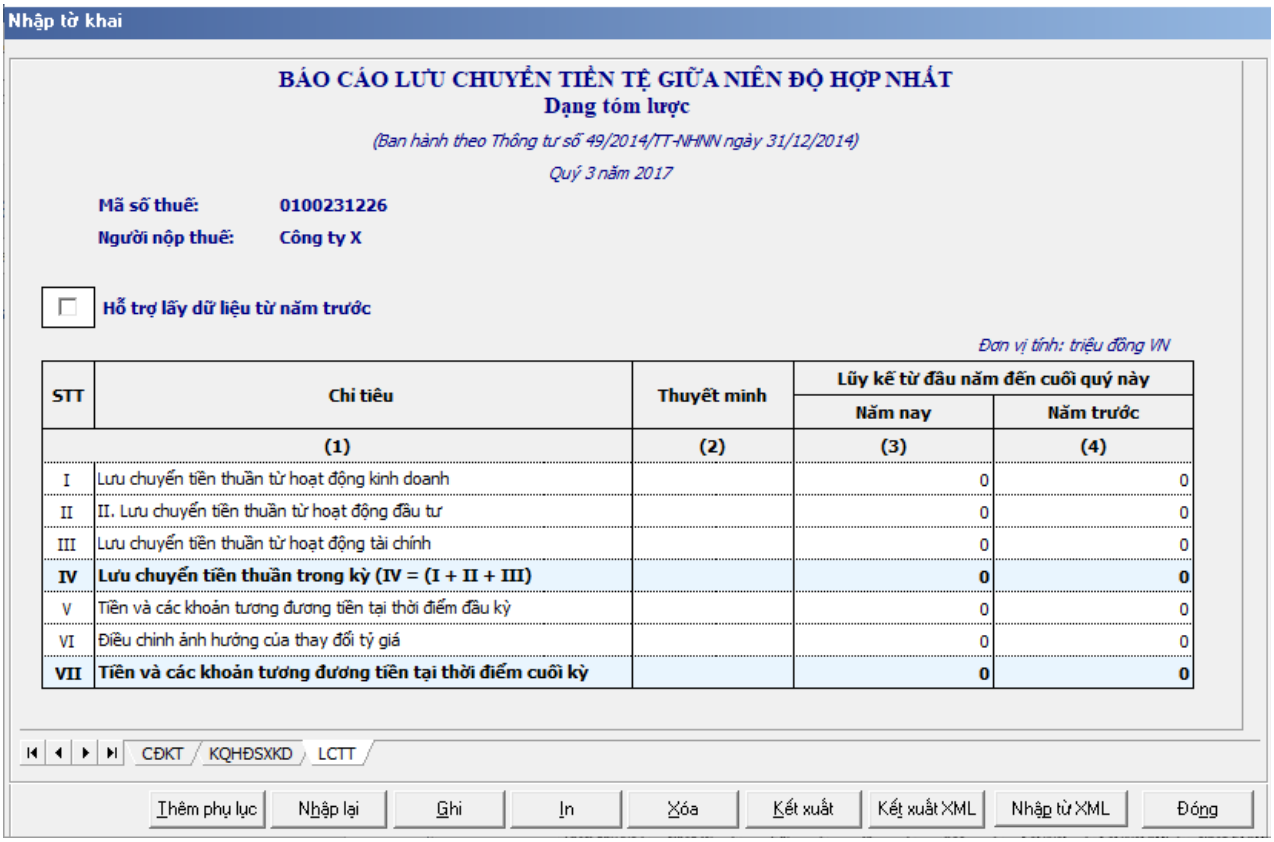
+ Hỗ trợ lấy dữ liệu cùng kỳ của năm trước sang năm nay, của cột (4), cột (6), cho phép tick chọn

+ Các chỉ tiêu I, II, III, IV, V, VII, VIII, I X, X, XI, XII: ban đầu mặc định là 0, nhập số âm dương

+ Chỉ tiêu VI: ban đầu mặc định là 0, nhập số nguyên dương

3.16.16.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ dạng tóm lược hợp

nhất dành cho tổ chức tín dụng theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN (sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN)

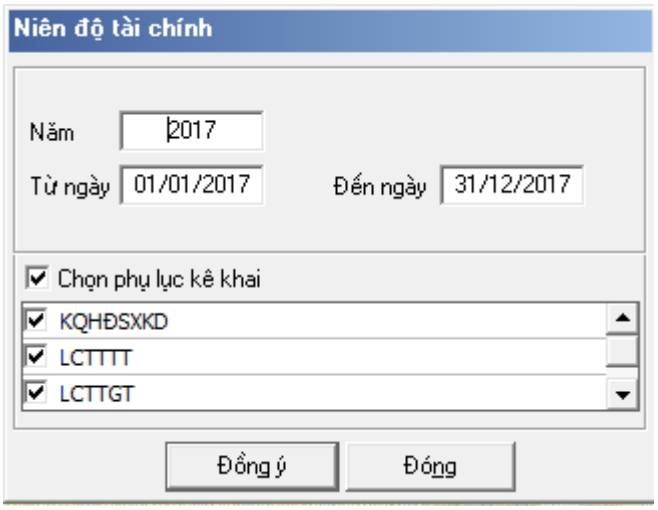


- **Các chỉ tiêu cần nhập:**
  + Cột Năm nay (3): NNT nhập kiểu số theo ràng buộc chỉ tiêu
  + Cột Năm trước (4): Ứng dụng hỗ trợ hiển thị dữ liệu cột (3) của quý cùng kỳ năm trước (nếu trong hệ thống đã tồn tại báo cáo quý đó), cho phép sửa
  + Chỉ tiêu I, II, III, V, VI: ban đầu mặc định là 0, nhập số âm dương
  + Mặc định các chỉ tiêu có chỉ dẫn đến các mục trong bản thuyết minh theo quy định hiện hành. Nếu có sự thay đổi về các mục thuyết minh này thì người sử dụng sẽ sửa lại. Và người sử dụng được phép sửa tất cả các chỉ tiêu trong cột thuyết minh, tối đa 50 ký tự.
- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu IV = I + II + III
  + Chỉ tiêu VII = IV + V + VI

3.16.17 Lập Bộ Báo cáo tài chính (theo bộ mẫu số B01a - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính B01a - DNN (TT133/TT-BTC) " khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2017 trở đi
- Từ ngày … Đến ngày, mặc định theo năm tài chính, cho sửa.
- Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
- Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
- Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)
  + Nếu năm tài chính trùng năm dương lịch (từ 01/01 đến 31/12) thì
    Kiểm tra thông tin từ kỳ, đến kỳ phải nằm trong khoảng kỳ tính thuế.
  + Nếu năm tài chính khác năm dương lịch:
    Năm tài chính 01/04/X -> 31/03/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
    Năm tài chính 01/07/X -> 30/06/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
    Năm tài chính 01/10/X -> 30/09/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
  + Nếu trường hợp NNT quyết toán 15 tháng:
  + NNT mới ra kinh doanh (số tháng trong năm ra kinh doanh <=3 tháng): kỳ tính thuế thuộc năm tiếp theo

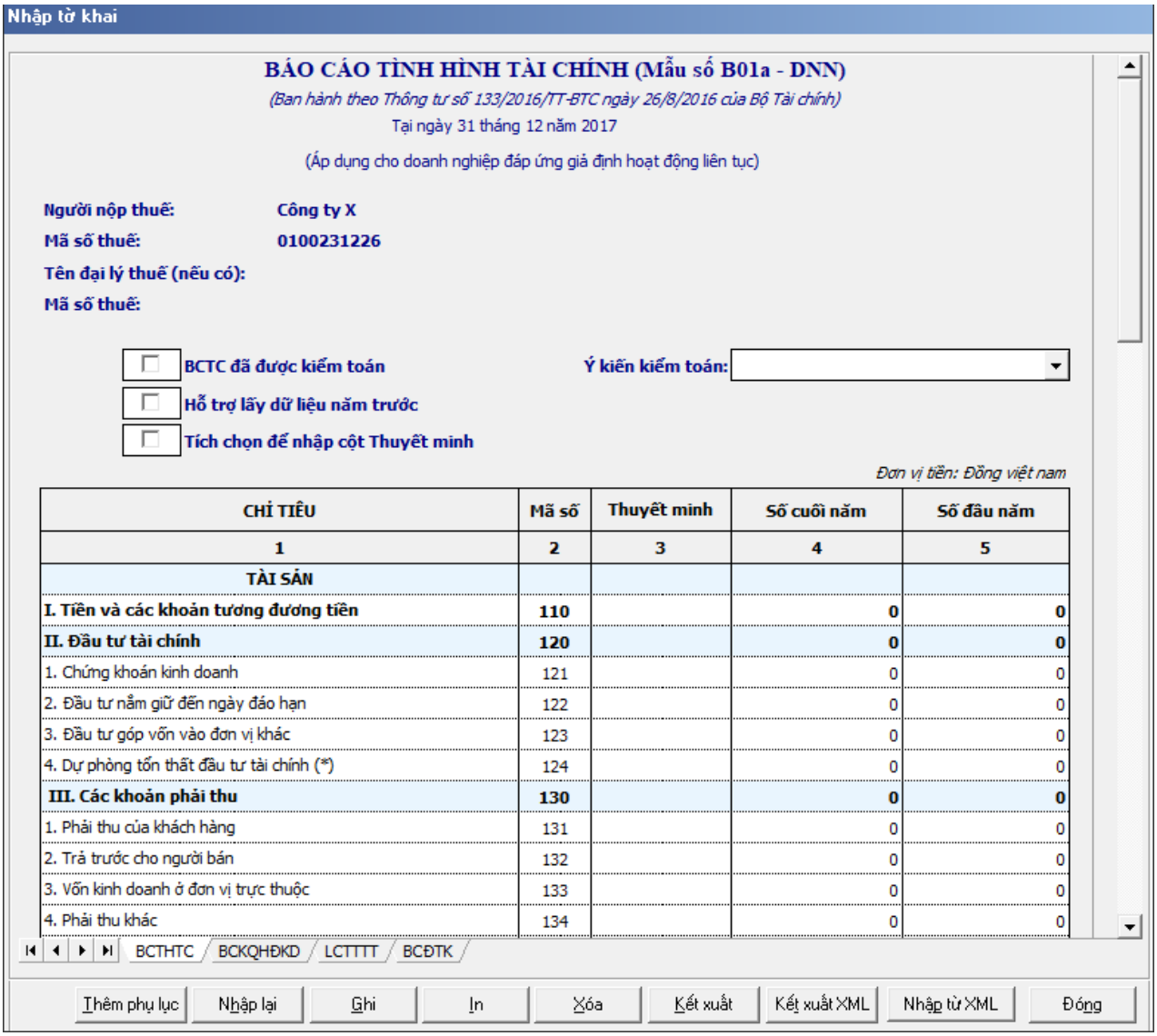
  VD: NNT ra kinh doanh tháng 10/X. Khi kê khai quyết toán BCTC là năm X+1, từ ngày 01/10/X đến ngày 31/12/X+1
  + NNT giải thể phá sản: quyết toán theo kỳ tính thuế xin giải thể phá sản, cụ thể như sau:

- Nếu tháng giải thể > tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm giải thể

  VD: NNT giải thể phá sản tháng 07/X thì kỳ tính thuế là X và kỳ tính thuế từ 01/01/X đến 01/07/X
- Nếu tháng giải thể <= tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm trước năm giải thể

  VD: Tháng 02/2018 DN phá sản, được phép gộp BCTC vào năm 2017 (01/01/2017 – 28/2/2018).
- Chương trình mặc định chọn các phụ lục. Bắt buộc phải kê khai phụ lục: *Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo KQHĐKD; Bảng cân đối tài khoản,* nếu không tích chọn ứng dụng cảnh báo: *"Bộ BCTC áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bắt buộc gồm Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo KQHĐKD; Bảng cân đối tài khoản"*. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT" và ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phụ lục bạn đã chọn. Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.17.1 Lập Báo cáo tình hình tài chính năm (thuộc bộ BCTC mẫu số B01a - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01a-DNN)

Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục

Thông tin chung

Thông tin	Kiểu dữ liệu	Bắt buộc	Mặc định	Ràng buộc
Tại ngày tháng năm	Auto			Tự động hiển thị theo Đến ngày

Người nộp thuế	Auto			Tự động hiển thị theo thông tin chung đã nhập tại menu Hệ thống/ Thông tin doanh nghiệp/ Người nộp thuế. Nếu không tích chọn <Thông tin đại lý> thì các thông tin <Tên đại ký thuế (nếu có) và <Mã số thuế> không hiển thị.
Mã số thuế	Auto			
Tên đại lý thuế (nếu có)	Auto			
Mã số thuế	Auto			
Hỗ trợ lấy dữ liệu từ năm trước	Checkbox	Không	Không check	Cho phép tích chọn. Ứng dụng hỗ trợ lấy dữ liệu từ cột <Số cuối năm> của năm trước liền kề sang cột <Số đầu năm> của năm nay. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
BCTC đã được kiểm toán	Checkbox	Không	Không check	Cho phép check chọn. Nếu chọn, ứng dụng hiển thị combobox <Ý kiến kiểm toán>
Ý kiến kiểm toán	Combobox	Có		Hiển thị nếu tích chọn <BCTC đã được kiểm toán>, chọn một trong 4 giá trị: + Ý kiến trái ngược + Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến + Ý kiến ngoại trừ + Ý kiến chấp nhận toàn phần
Người lập biểu	Text (50)	Không		Cho phép nhập

Kế toán trưởng	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Giám đốc	Text (50)	Có		Ứng dụng hỗ trợ hiển thị theo thông tin chung, cho sửa
Ngày lập	Text	Có	Ngày hiện tại	Cho phép nhập
Số chứng chỉ hành nghề	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Mẫu biểu				
Chỉ tiêu	Auto			Hiển thị theo tên các chỉ tiêu và mã số của Báo cáo tình hình tài chính năm (thuộc bộ BCTC mẫu số B01a - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Mã số	Auto			
Thuyết minh	Auto			Cho phép sửa, tối đa 50 ký tự. Bổ sung checkbox "Tích chọn để nhập cột Thuyết minh", mặc định là Không tích. Nếu không thì khóa không cho nhập, tích chọn thì mở khóa cho nhập cột Thuyết Minh.
Số cuối năm	Number (15)			Cho phép nhập

Số đầu năm	Number (15)			Cho phép nhập

Các chỉ tiêu cần nhập

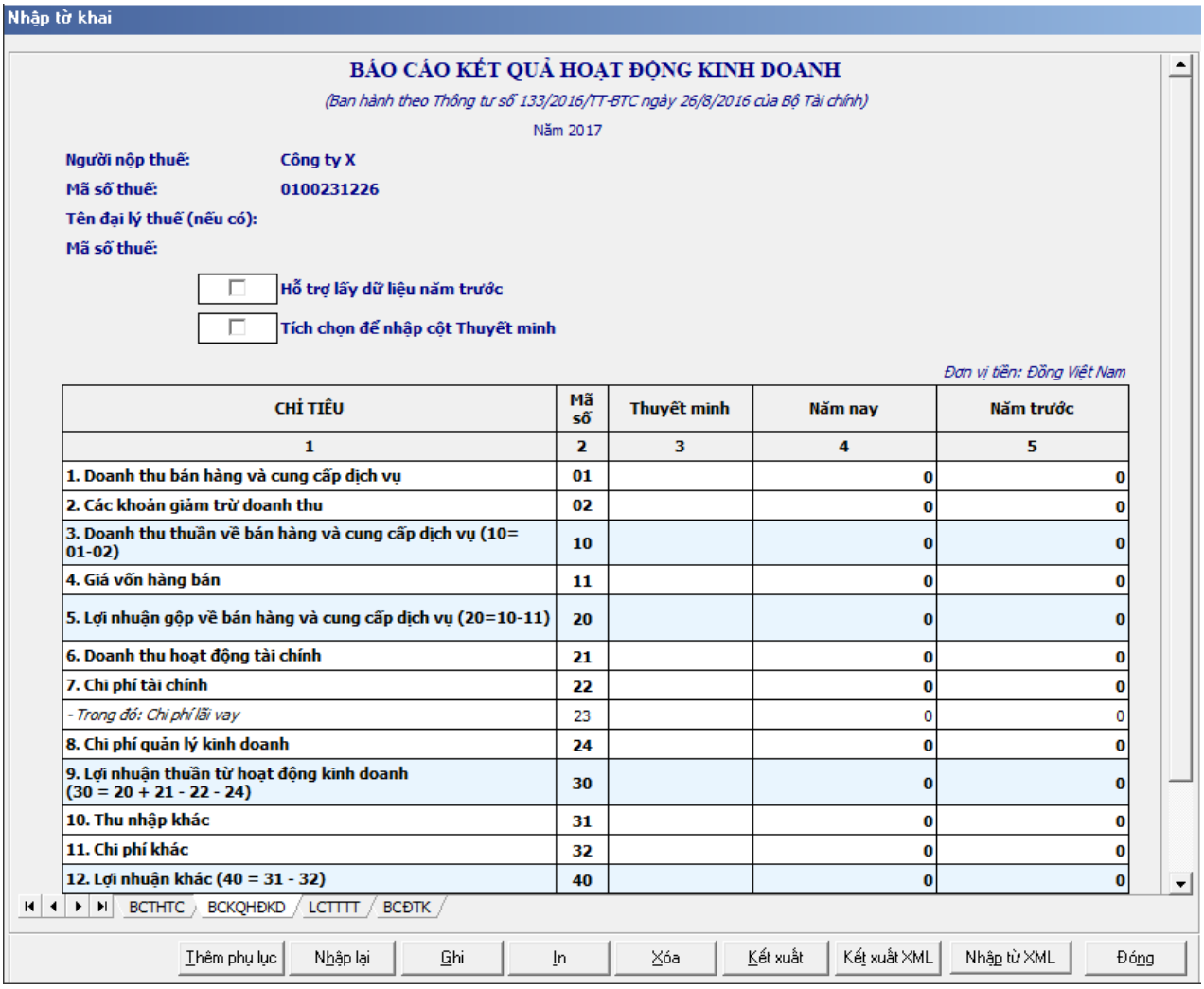
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
1	2	3	4/5
TÀI SẢN			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		Nhập kiểu số >=0
II. Đầu tư tài chính	**120**		Hỗ trợ tính theo công thức [120] = [121] + [122] + [123] + [124], không cho sửa, tổng có thể âm
1. Chứng khoán kinh doanh	121		Nhập kiểu số >=0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		Nhập kiểu số >=0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		Nhập kiểu số >=0
4. Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính (*)	124		Nhập số <=0 hiển thị dưới dạng (...)
III. Các khoản phải thu	**130**		Hỗ trợ tính theo công thức [130] = [131]+ [132] + [133] + [134] + [135] + [136], không cho sửa, tổng có thể âm
1. Phải thu của khách hàng	131		Nhập kiểu số >=0
2. Trả trước cho người bán	132		Nhập kiểu số >=0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		Nhập kiểu số >=0
4. Phải thu khác	134		Nhập kiểu số >=0
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		Nhập kiểu số >=0
6. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	136		Nhập <=0 hiển thị (...)
IV. Hàng tồn kho	**140**		Hỗ trợ tính theo công thức [140] = [141] + [142], không cho sửa

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
1. Hàng tồn kho	141		Nhập kiểu số >=0
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		Nhập <=0 hiển thị (...)
V. Tài sản cố định	**150**		Hỗ trợ tính theo công thức [150]= [151] + [152], không cho sửa
- Nguyên giá	151		Nhập kiểu số >=0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	152		Nhập <=0 hiển thị (...), kiểm tra là |152| <=[151], cảnh báo đỏ "Trị tuyệt đối chỉ tiêu [152] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [151]"
VI. Bất động sản đầu tư	**160**		Hỗ trợ tính theo công thức [160] = [161]+ [162], không cho sửa
- Nguyên giá	161		Nhập kiểu số >=0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	162		Nhập <=0 hiển thị (...), kiểm tra là |162| <=[161], cảnh báo đỏ cảnh báo đỏ "Trị tuyệt đối chỉ tiêu [162] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [161]"
VII. XDCB dở dang	**170**		Nhập kiểu số >=0
VIII. Tài sản khác	**180**		Hỗ trợ tính theo công thức [180] = [181]+ [182], không cho sửa
1. Thuế GTGT được khấu trừ	181		Nhập kiểu số >=0
2. Tài sản khác	182		Nhập kiểu số >=0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=[110+120+130+140+150+160+170+180)	**200**		Hỗ trợ tính theo công thức [200] = **[110]+[120]+[130]+[140]+[150]+[160]+[170]+[180]**, không cho sửa
NGUỒN VỐN			
I. Nợ phải trả	**300**		Công thức [300] = [311] + …+ [320], không cho sửa

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
1. Phải trả người bán	311		Nhập kiểu số >=0
2. Người mua trả tiền trước	312		Nhập kiểu số >=0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		Nhập kiểu số >=0
4. Phải trả người lao động	314		Nhập kiểu số >=0
5. Phải trả khác	315		Nhập kiểu số >=0
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		Nhập kiểu số >=0
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		Nhập kiểu số >=0
8. Dự phòng phải trả	318		Nhập số âm, dương
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		Nhập âm dương, trường hợp nhập âm thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu [319] không được phép âm, đề nghị xem lại"
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		Nhập âm dương, trường hợp nhập âm thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu [320] không được phép âm, đề nghị xem lại"
II. Vốn chủ sở hữu	**400**		Hỗ trợ tính theo công thức [400] = [**411]+…+[417]**, không cho sửa
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		Nhập kiểu số >=0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		Nhập kiểu số âm, dương
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		Nhập kiểu số >=0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		Nhập <= 0 hiển thị (...)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		Nhập kiểu số âm, dương
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		Nhập kiểu số >=0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		Nhập kiểu số âm, dương
TỔNG CỘNG NGUỒN	**500**		Công thức, không cho sửa, kiểm

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
VỐN (500=300+400)			tra chỉ tiêu [500] = chỉ tiêu [200], nếu vi phạm cảnh báo đỏ "Chỉ tiêu [500] phải bằng chỉ tiêu [200]" Kiểm tra chỉ tiêu [500] khác 0 tại cột số cuối năm, nếu vi phạm cảnh báo đỏ "Số cuối năm của chỉ tiêu [500] phải khác 0"

3.16.17.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm (thuộc bộ BCTC - mẫu số B01a - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

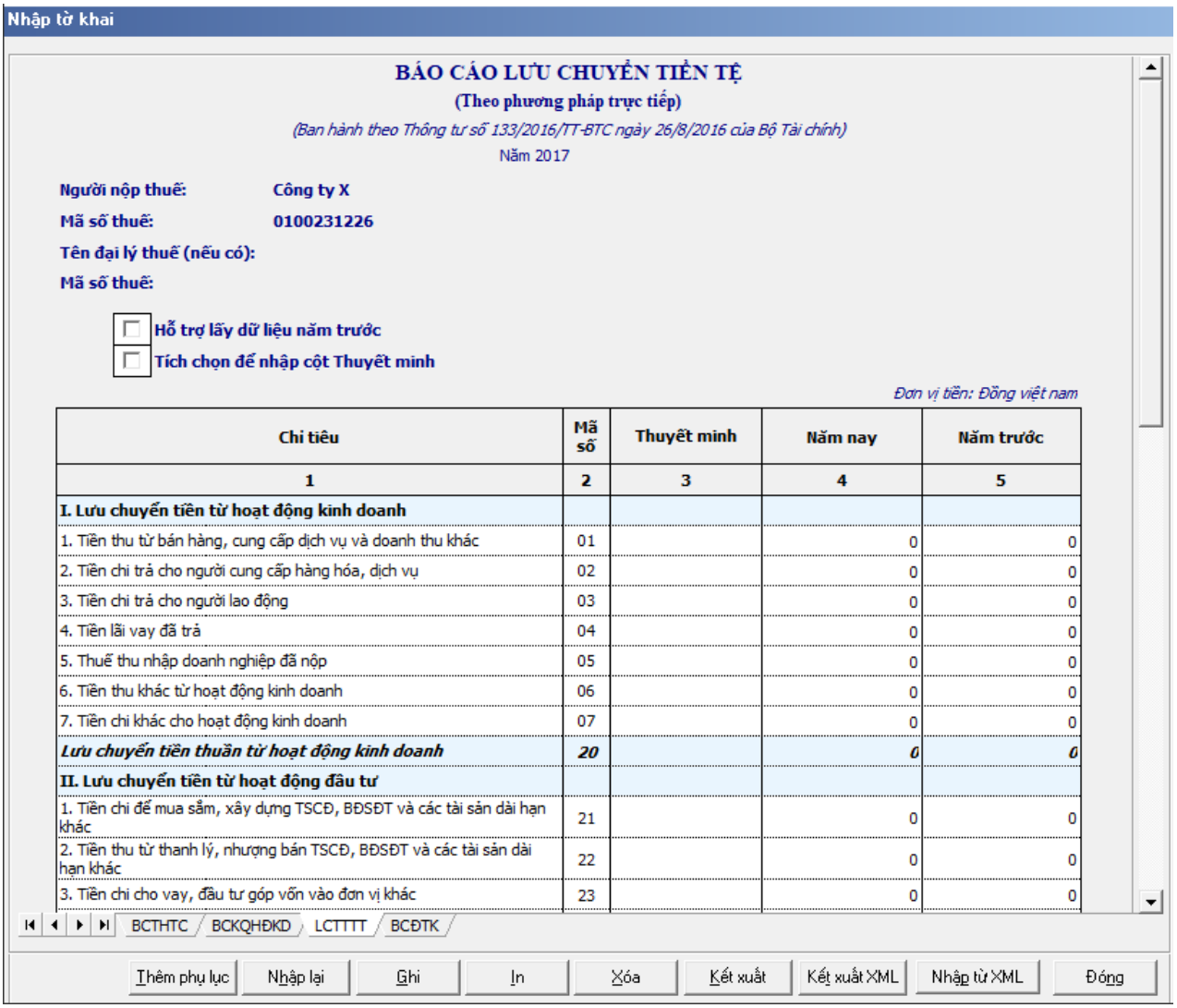


Các chỉ tiêu cần nhập

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1	2	3	4/5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		Nhập kiểu số >=0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		Nhập kiểu số >=0. Kiểm tra chỉ tiêu [02] <= chỉ tiêu [01]. Nếu không thỏa mãn cảnh báo vàng
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		Hỗ trợ tính theo công thức chỉ tiêu [**10]= chỉ tiêu [01]-chỉ tiêu [02]**, không cho sửa, tổng có thể âm
4. Giá vốn hàng bán	**11**		Nhập kiểu số âm dương
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		Hỗ trợ tính theo công thức chỉ tiêu [**20]= chỉ tiêu [10]-chỉ tiêu [11]**, không cho sửa, tổng có thể âm
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		Nhập kiểu số >=0
7. Chi phí tài chính	**22**		Nhập kiểu số âm dương
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		Nhập kiểu số âm dương, kiểm tra chỉ tiêu [23] <= chỉ tiêu [22], cảnh báo đỏ 'Chỉ tiêu [23] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [22]"
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		Nhập âm dương
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		Hỗ trợ tính theo công thức [**30]= [20] + [21] - [22] - [24]**, không cho sửa, tổng có thể âm
10. Thu nhập khác	**31**		Nhập kiểu số >=0
11. Chi phí khác	**32**		Nhập kiểu số >=0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		Hỗ trợ tính theo công thức [**40] = [31] - [32]**, không cho

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
			sửa, tổng có thể âm
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		Hỗ trợ tính theo công thức [**50] = [30] + [40]**, không cho sửa, tổng có thể âm
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		Nhập kiểu số >=0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		Hỗ trợ tính theo công thức [**60]=[50] - [51]**, không cho sửa, tổng có thể âm

3.16.17.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp năm (thuộc bộ BCTC - mẫu số B01a - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



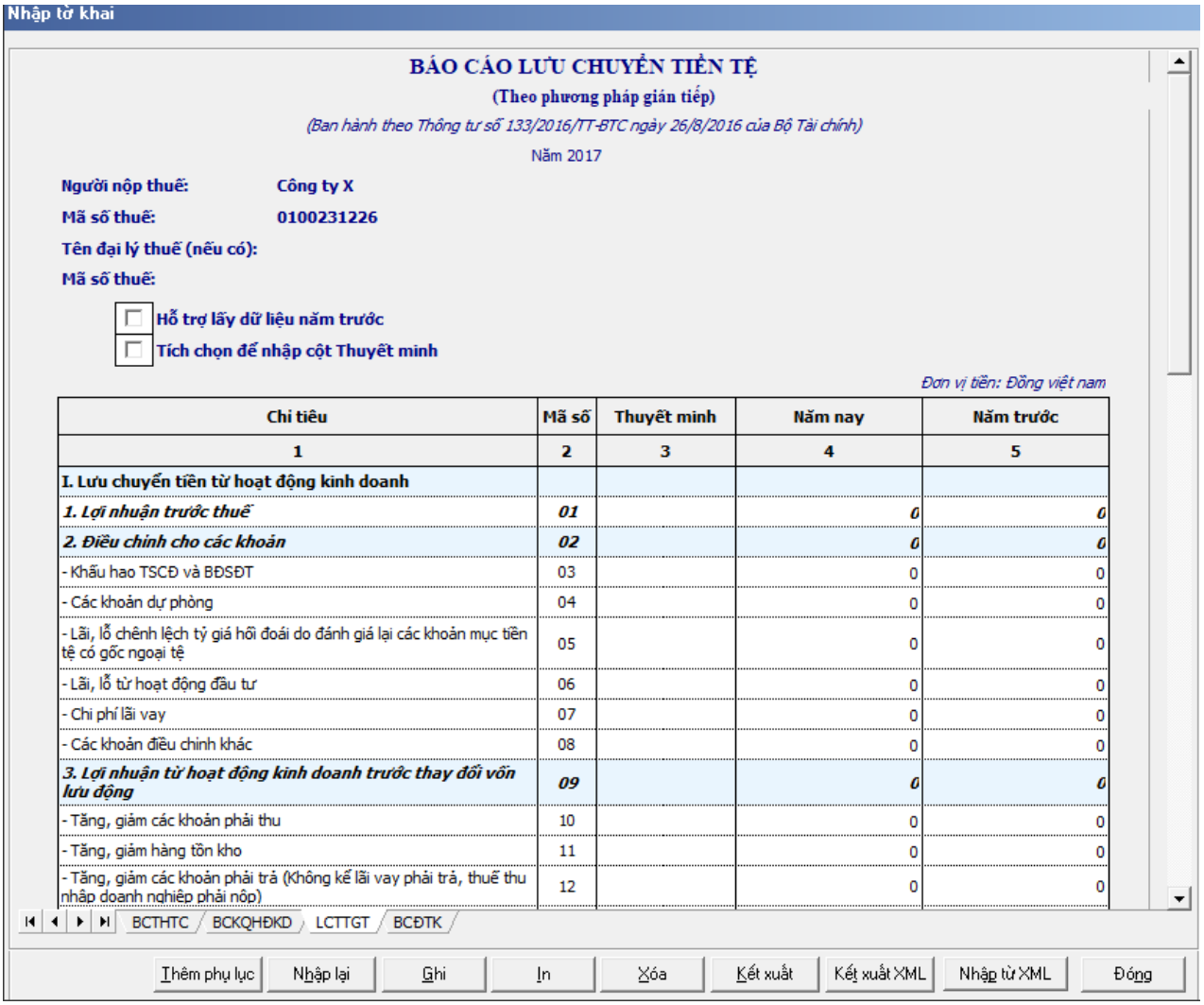
Các chỉ tiêu cần nhập

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1	2	3	4/5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		Nhập kiểu số >=0
2. Tiền chi trả cho người cung	02		Nhập <=0, hiển thị (…)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
cấp hàng hóa, dịch vụ			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		Nhập <=0, hiển thị (…)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		Nhập <=0, hiển thị (…)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		Nhập <=0, hiển thị (…)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		Nhập kiểu số >=0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		Nhập <=0, hiển thị (…)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		Hỗ trợ tính theo công thức [2**0]=[01]+[02]+[03]+[04]+[05]+[06]+[07]**, không cho sửa, tổng có thể âm
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		Nhập <=0, hiển thị (…)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		Nhập âm dương
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		Nhập kiểu số <=0
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		Nhập kiểu số >=0
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		Nhập kiểu số >=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		Hỗ trợ tính theo công thức [3**0]=[21]+[22]+[23]+[24]+[25]**, không cho sửa, tổng có thể âm
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		Nhập kiểu số >=0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		Nhập kiểu số <=0
3. Tiền thu từ đi vay	33		Nhập kiểu số >=0
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34		Nhập kiểu số <=0
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		Nhập kiểu số <=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		Hỗ trợ tính theo công thức [**40**]=**[31]+[32]+[33]+[34]+[35]**, không cho sửa, tổng có thể âm
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		Hỗ trợ tính theo công thức [**50]=[20]+[30]+[40]**, không cho sửa, tổng có thể âm
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		Nhập kiểu số >=0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		Nhập âm, dương
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ([70] = [50]+[60]+[61])	**70**		Hỗ trợ tính theo công thức **[70] = [50]+[60]+[61],** không cho sửa, tổng có thể âm

3.16.17.4 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp năm (thuộc bộ BCTC - mẫu số B01a - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



Các chỉ tiêu cần nhập

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1	2	3	4/5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận	***01***		Nhập âm, dương

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
trước thuế			
2. Điều chỉnh cho các khoản	***02***		Hỗ trợ tính theo công thức **[02]=[03]+[04]+[05]+[06]+[07]+[08]**, không cho sửa, tổng có thể âm
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	03		Nhập >=0
- Các khoản dự phòng	04		Nhập âm dương
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	05		Nhập âm, dương
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06		Nhập âm, dương
- Chi phí lãi vay	07		Nhập >=0
- Các khoản điều chỉnh khác	08		Nhập âm, dương
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***09***		Hỗ trợ tính theo công thức [09]=[10]+[11]+[12]+[13]+[14]+[15]+[16]+[17]+[18], không cho sửa, tổng có thể âm
- Tăng, giảm các khoản phải thu	10		Nhập âm, dương
- Tăng, giảm hàng tồn kho	11		Nhập âm, dương

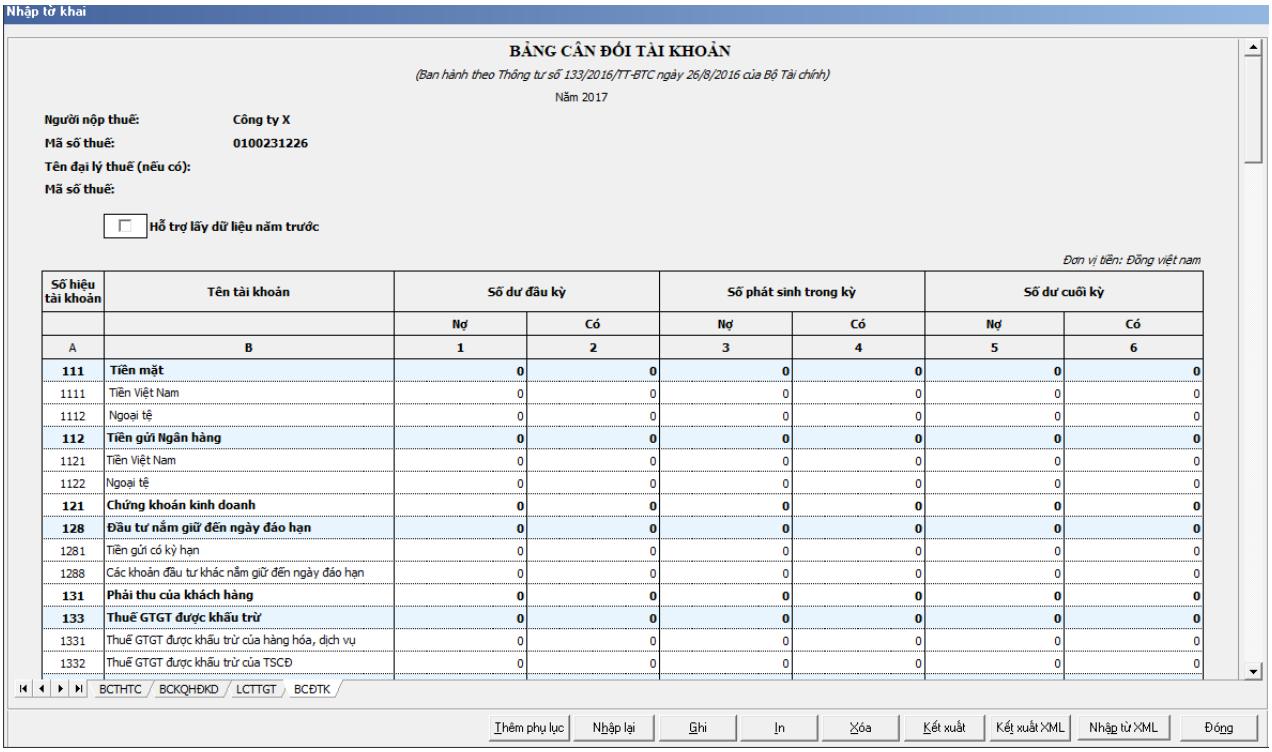
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	12		Nhập âm, dương
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13		Nhập âm, dương
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	14		Nhập âm, dương
- Tiền lãi vay đã trả	15		Nhập kiểu số <=0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16		Nhập kiểu số <=0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17		Nhập kiểu số >=0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18		Nhập kiểu số <=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		Hỗ trợ tính theo công thức [20]=[01]+[02]+[09], không cho sửa, tổng có thể âm
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để	21		Nhập <=0, hiển thị (…)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		Nhập âm dương
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		Nhập <=0, hiển thị (…)
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		Nhập kiểu số >=0
5.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		Nhập kiểu số >=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		Hỗ trợ tính theo công thức [30]=[21]+[22]+[23]+[24]+[25], không cho sửa, tổng có thể âm
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận	31		Nhập kiểu số >=0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
vốn góp của chủ sở hữu			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		Nhập <=0, hiển thị (…)
3. Tiền thu từ đi vay	33		Nhập kiểu số >=0
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính	34		Nhập <=0, hiển thị (…)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		Nhập <=0, hiển thị (…)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		Hỗ trợ tính theo công thức [40]=[31]+[32]+[33]+[34]+[35], không cho sửa, tổng có thể âm
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		Hỗ trợ tính theo công thức [50]=[20]+[30]+[40], không cho sửa, tổng có thể âm
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		Nhập kiểu số >=0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		Nhập âm dương

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ([70] = [50]+[60]+[61])	**70**		Hỗ trợ tính theo công thức [**70**] = **[50]+[60]+[61]**, không cho sửa, tổng có thể âm

3.16.17.5 Lập Bảng cân đối tài khoản năm (thuộc bộ BCTC - mẫu số B01a - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



Các chỉ tiêu cần nhập

Hỗ trợ và kiểm tra công thức cột Số dư cuối kỳ (cột 5,6):

+ Các tài khoản đầu 214 (2141,2142,2143,2147), 229(2291,2292,2293,2294): Dư Có cuối kỳ = Dư Có đầu kỳ + Phát sinh Có - Phát sinh Nợ, công thức cho phép âm dương, nếu = âm thì UD cảnh báo đỏ "Số dư có không âm". Chặn không cho nhập hoặc hiển thị Số dư Nợ.

+ Tài khoản 419: Dư Nợ cuối kỳ = Dư Nợ đầu kỳ + Phát sinh Nợ - Phát sinh Có, công thức cho phép âm dương, nếu = âm thì UD cảnh báo đỏ "Số dư Nợkhông âm". Chặn không cho nhập hoặc hiển thị Số dư Có

+ Tài khoản 413: Chặn không cho nhập Số dư Nợ/ Có cuối kỳ. Cho phép nhập >=0 số dư Nợ/ Có đầu kỳ và số phát sinh Nợ/ Có trong kỳ.

+ Các tài khoản còn lại:

Đối với các tài khoản đầu 1, đầu 2 (Trừ TK lưỡng tính và TK đặc biệt) : tính toán theo CT: sẽ có Số dư bên Nợ, khóa bên Có, cảnh báo đỏ trường hợp dư Nơ âm "Số dư Nợ không âm". (Dư Nợ cuối kỳ = Dư Nợ đầu kỳ - Dư Có đầu kỳ + Phát sinh Nợ - Phát sinh Có.) Đối với các tài khoản đầu 3, đầu 4 (Trừ TK lưỡng tính và TK đặc biệt): sẽ có Số dư bên Có, khóa bên Nợ, cảnh báo đỏ trường hợp dư Nơ âm "Số dư Có không âm" . (Dư Có cuối kỳ = Dư Có đầu kỳ - Dư Nợ đầu kỳ + Phát sinh Có - Phát sinh Nợ)

+ Riêng đối với tài khoản lưỡng tính: 131, 138, 1381, 1386, 1388, 331, 333, 3331, 33311, 33312, 3332, 3333, 3334, 3335, 3336, 3337, 3338, 33381, 33382, 3339, 334, 338, 3381, 3382, 3383, 3384, 3385, 3386, 3387, 3388, 4112, 421, 4211, 4212, thì: Số dư đầu kỳ; Số phát sinh trong kỳ; Số dư cuối kỳ: Cho phép nhập cả dư nợ, dư có.

Hỗ trợ và kiểm tra các điều kiện kiểm tra Số dư đầu kỳ (cột 1,2)

+ Các tài khoản đầu 214 (2141,2142,2143,2147), 229(2291,2292,2293,2294): cho phép nhập số dự Có đầu kỳ, chặn không cho nhập số dư Nợ đầu kỳ

+ Tài khoản 419: cho phép nhập số dự Nợ đầu kỳ, chặn không cho nhập số dư Có đầu kỳ

+ Tài khoản 413: Chặn không cho nhập Số dư Nợ/ Có cuối kỳ. Cho phép nhập >=0 số dư Nợ/ Có đầu kỳ và số phát sinh Nợ/ Có trong kỳ.

+ Các tài khoản còn lại:

- Đối với các tài khoản đầu 1, đầu 2 (Trừ TK lưỡng tính và TK đặc biệt) : Cho nhập cột dư Nợ, khóa bên CóĐối với các tài khoản đầu 3, đầu 4 (Trừ TK lưỡng tính và TK đặc biệt): Cho nhập cột dư Có, khóa bên Nợ

+ Riêng đối với tài khoản lưỡng tính: 131, 138, 1381, 1386, 1388, 331, 333, 3331, 33311, 33312, 3332, 3333, 3334, 3335, 3336, 3337, 3338, 33381, 33382, 3339, 338, 3381, 3382, 3383, 3384, 3385, 3386, 3387, 3388, 421, 4211, 4212, thì: Số dư đầu kỳ; Số phát sinh trong kỳ; Số dư cuối kỳ: Cho phép nhập cả dư nợ, dư có, cho phép sửa cột Số dư cuối kỳ khác công thức mà ứng dụng không cảnh báo.

Hỗ trợ và kiểm tra các điều kiện kiểm tra Số phát sinh trong kỳ (cột 3,4) + Tất cả các đầu tài khoản: Cho phép nhập cả Nợ và Có (yêu cầu nhập
Bổ sung thêm dòng Tổng cộng sau tài khoản 911: Bằng tổng các cột tương ứng. Tổng cộng = [111] + [112] + [121] + [128]+[131] + [133] + [136]+[138] + [141] + [151]+ [152] + [153] + [154] + [155] + [156] + [157] + [211]+ [214] + [217] + [228] + [229] + [241] + [242] + [331] +[333] + [334] + [335] + [336]+[338] + [341] + [352] + [353] + [356] + [411] + [413] + [418] + [419] + [421] + [511] + [515] + [611] + [631] + [632] +[635] + [642] + [711] + [811] + [821] + [911].

Số hiệu tài khoản	**Tên tài khoản**	**Kiểm tra định dạng** Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	**Số dư đầu kỳ**		**Số phát sinh trong kỳ**		**Số dư cuối kỳ**	
			Nợ	**Có**	**Nợ**	**Có**	**Nợ**	**Có**
A	B		1	2	3	4	5	6
111	**Tiền mặt**	**[111] = [1111] + [1112]**						
1111	Tiền Việt Nam	Nhập >=0						
1112	Ngoại tệ	Nhập >=0						
112	**Tiền gửi Ngân hàng**	**[112] = [1121] + [1122]**						
1121	Tiền Việt Nam	Nhập >=0						
1122	Ngoại tệ	Nhập >=0						
121	**Chứng khoán kinh doanh**	Nhập >=0						
128	**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**	**[128] = [1281]+[1288]**						
1281	Tiền gửi có kỳ hạn	Nhập >=0						
1288	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	Nhập >=0						
131	**Phải thu của khách**	Nhập >=0						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
	hàng							
133	**Thuế GTGT được khấu trừ**	**[133]=[1331]+[1332]**						
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	Nhập >=0						
1332	Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	Nhập >=0						
136	**Phải thu nội bộ**	**[136]=[1361]+[1368]**						
1361	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	Nhập >=0						
1368	Phải thu nội bộ khác	Nhập >=0						
138	**Phải thu khác**	**[138]=[1381]+[1386]+[1388]**						
1381	Tài sản thiếu chờ xử lý	Nhập >=0						
1386	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	Nhập >=0						
1388	Phải thu khác	Nhập >=0						
141	**Tạm ứng**	Nhập >=0						
151	**Hàng mua đang đi đường**	Nhập >=0						
152	**Nguyên liệu, vật liệu**	Nhập >=0						
153	**Công cụ, dụng cụ**	Nhập >=0						
154	**Chi phí sản xuất,**	Nhập >=0						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
	kinh doanh dở dang							
155	**Thành phẩm**	Nhập >=0						
156	**Hàng hóa**	Nhập >=0						
157	**Hàng gửi đi bán**	Nhập >=0						
211	**Tài sản cố định**	**[211]=[2111]+[2112]+[2113]**						
2111	TSCĐ hữu hình	Nhập >=0						
2112	TSCĐ thuê tài chính	Nhập >=0						
2113	TSCĐ vô hình	Nhập >=0						
214	**Hao mòn tài sản cố định**	**[214]=[2141]+[2142]+2…+[2147]**						
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	Nhập >=0						
2142	Hao mòn TSCĐ thuê tài chính	Nhập >=0						
2143	Hao mòn TSCĐ vô hình	Nhập >=0						
2147	Hao mòn bất động sản đầu tư	Nhập >=0						
217	**Bất động sản đầu tư**	Nhập >=0						
228	**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**	**[228]=[2281]+[2288]**						
2281	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Nhập >=0						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
2288	Đầu tư khác	Nhập >=0						
229	**Dự phòng tổn thất tài sản**	**[229]=[2291]+[2292]+[2293]+[2294]**						
2291	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	Nhập >=0						
2292	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	Nhập >=0						
2293	Dự phòng phải thu khó đòi	Nhập >=0						
2294	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Nhập >=0						
241	**Xây dựng cơ bản dở dang**	**[241]=[2411]+[2412]+[2413]**						
2411	Mua sắm TSCĐ	Nhập >=0						
2412	Xây dựng cơ bản	Nhập >=0						
2413	Sửa chữa lớn TSCĐ	Nhập >=0						
242	**Chi phí trả trước**	Nhập >=0						
	LOẠI TÀI KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ							
331	**Phải trả cho người bán**	Nhập >=0						
333	**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**	**[333]=[3331]+[3332]+[3333]+[3334]+[3335]+[3336]+[3337]+[3**						

Số hiệu tài khoản	**Tên tài khoản**	**Kiểm tra định dạng** Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	**Số dư đầu kỳ**		**Số phát sinh trong kỳ**		**Số dư cuối kỳ**	
			Nợ	**Có**	**Nợ**	**Có**	**Nợ**	**Có**
A	B		1	2	3	4	5	6
		338]+[3339]						
3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	[3331]=[33311]+[33312]						
33311	*Thuế GTGT đầu ra*	Nhập >=0						
33312	*Thuế GTGT hàng nhập khẩu*	Nhập >=0						
3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Nhập >=0						
3333	Thuế xuất, nhập khẩu	Nhập >=0						
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Nhập >=0						
3335	Thuế thu nhập cá nhân	Nhập >=0						
3336	Thuế tài nguyên	Nhập >=0						
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	Nhập >=0						
3338	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	[3338]=[33381]+[33382]						
33381	*Thuế bảo vệ môi trường*	Nhập >=0						
33382	*Các loại thuế khác*	Nhập >=0						
3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	Nhập >=0						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
334	**Phải trả người lao động**	Nhập >=0						
335	**Chi phí phải trả**	Nhập >=0						
336	**Phải trả nội bộ**	**[336]=[3361]+[3368]**						
3361	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	Nhập >=0						
3368	Phải trả nội bộ khác	Nhập >=0						
338	**Phải trả, phải nộp khác**	**[338]=[3381]+[3382]+[3383]+[3384]+[3385]+[3386]+[3387]+[3388]**						
3381	Tài sản thừa chờ giải quyết	Nhập >=0						
3382	Kinh phí công đoàn	Nhập >=0						
3383	Bảo hiểm xã hội	Nhập >=0						
3384	Bảo hiểm y tế	Nhập >=0						
3385	Bảo hiểm thất nghiệp	Nhập >=0						
3386	Nhận ký quỹ, ký cược	Nhập >=0						
3387	Doanh thu chưa thực hiện	Nhập >=0						
3388	Phải trả, phải nộp khác	Nhập >=0						
341	**Vay và nợ thuê tài chính**	**[341]=[3411]+[3412]**						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
3411	Các khoản đi vay	Nhập >=0						
3412	Nợ thuê tài chính	Nhập >=0						
352	**Dự phòng phải trả**	**[352]=[3521]+[3522]+[3524]**						
3521	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	Nhập >=0						
3522	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	Nhập >=0						
3524	Dự phòng phải trả khác	Nhập >=0						
353	**Quỹ khen thưởng phúc lợi**	**[353]=[3531]+[3532]+[3533]+[3534]**						
3531	Quỹ khen thưởng	Nhập >=0						
3532	Quỹ phúc lợi	Nhập >=0						
3533	Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	Nhập >=0						
3534	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	Nhập >=0						
356	**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**	**[356]=[3561]+[3562]**						
3561	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Nhập >=0						
3562	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	Nhập >=0						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
	LOẠI TÀI KHOẢN VỐN CHỦ SỞ HỮU							
411	**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**	**Dư Có [411]= Dư Có ([4111]+[4112]+[4118]) – Dư Nợ ([4111]+[4112]+[4118])**						
4111	Vốn góp của chủ sở hữu	Nhập >=0						
4112	Thặng dư vốn cổ phần	Nhập >=0						
4118	Vốn khác	Nhập >=0						
413	**Chênh lệch tỷ giá hối đoái**	Nhập >=0						
418	**Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**	Nhập >=0						
419	**Cổ phiếu quỹ**	Nhập >=0						
421	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**	**[421]=[4211]+[4212]**						
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	Nhập >=0						
4212	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	Nhập >=0						
	LOẠI TÀI KHOẢN DOANH							

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
	THU							
511	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[511]=[5111]+[5112]+5…+[5118]**						
5111	Doanh thu bán hàng hóa	Nhập >=0						
5112	Doanh thu bán thành phẩm	Nhập >=0						
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Nhập >=0						
5118	Doanh thu khác	Nhập >=0						
515	**Doanh thu hoạt động tài chính**	Nhập >=0						
	LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH							
611	**Mua hàng**	Nhập >=0						
631	**Giá thành sản xuất**	Nhập >=0						
632	**Giá vốn hàng bán**	Nhập >=0						
635	**Chi phí tài chính**	Nhập >=0						
642	**Chi phí quản lý kinh doanh**	**[642]=[6421]+[6422]**						
6421	Chi phí bán hàng	Nhập >=0						
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Nhập >=0						

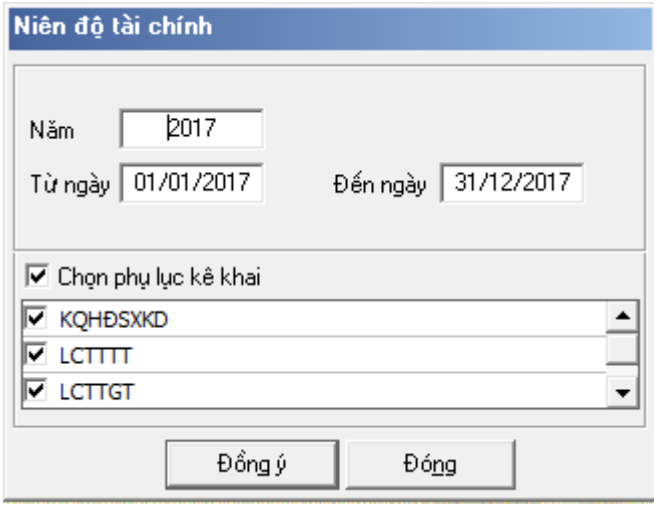
Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
	LOẠI TÀI KHOẢN THU NHẬP KHÁC							
711	**Thu nhập khác**	Nhập >=0						
	LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ KHÁC							
811	**Chi phí khác**	Nhập >=0						
821	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	Nhập >=0						
	TÀI KHOẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH							
911	**Xác định kết quả kinh doanh**	Nhập >=0						
	Tổng cộng		UD tự động tính toán các cột 1,2,3,4,5,6 theo CT: =[111] + [112] + [121] + [128]+[131] + [133] + [136]+[138] + [141] + [151]+ [152] + [153] + [154] + [155] + [156] + [157] + [211]+ [214] + [217] + [228] + [229] + [241] + [242] + [331] +[333] + [334] + [335] + [336]+[338] + [341] + [352] + [353] + [356] + [411] + [413] + [418] + [419] + [421] + [511] +					

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
			[515] + [611] + [631] + [632] +[635] + [642] + [711] + [811] + [821] + [911].					

3.16.18 Lập Bộ Báo cáo tài chính (theo bộ mẫu số B01b - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính B01b - DNN (TT133/TT-BTC) " khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2017 trở đi
- Từ ngày … Đến ngày, mặc định theo năm tài chính, cho sửa.
- Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
- Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
- Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)

  + Nếu năm tài chính trùng năm dương lịch (từ 01/01 đến 31/12) thì
  Kiểm tra thông tin từ kỳ, đến kỳ phải nằm trong khoảng kỳ tính thuế.

+ Nếu năm tài chính khác năm dương lịch:
  Năm tài chính 01/04/X -> 31/03/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
  Năm tài chính 01/07/X -> 30/06/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
  Năm tài chính 01/10/X -> 30/09/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
+ Nếu trường hợp NNT quyết toán 15 tháng:
+ NNT mới ra kinh doanh (số tháng trong năm ra kinh doanh <=3 tháng): kỳ tính thuế thuộc năm tiếp theo

VD: NNT ra kinh doanh tháng 10/X. Khi kê khai quyết toán BCTC là năm X+1, từ ngày 01/10/X đến ngày 31/12/X+1

+ NNT giải thể phá sản: quyết toán theo kỳ tính thuế xin giải thể phá sản, cụ thể như sau:

- Nếu tháng giải thể > tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm giải thể

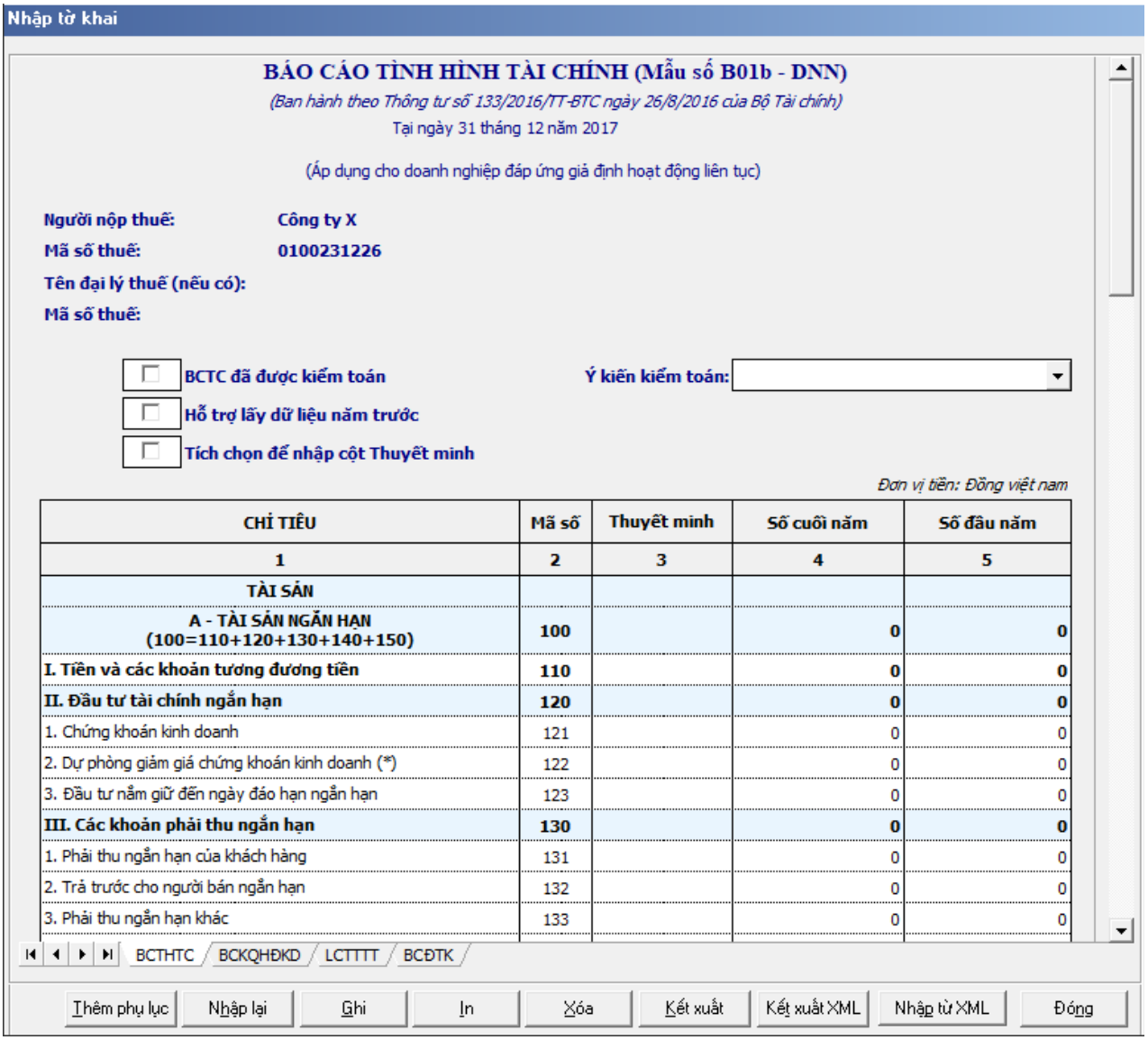
VD: NNT giải thể phá sản tháng 07/X thì kỳ tính thuế là X và kỳ tính thuế từ 01/01/X đến 01/07/X

- Nếu tháng giải thể <= tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm trước năm giải thể

VD: Tháng 02/2018 DN phá sản, được phép gộp BCTC vào năm 2017 (01/01/2017 – 28/2/2018).

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục. Bắt buộc phải kê khai phụ lục: *Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo KQHĐKD; Bảng cân đối tài khoản,* nếu không tích chọn ứng dụng cảnh báo: *"Bộ BCTC áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bắt buộc gồm Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo KQHĐKD; Bảng cân đối tài khoản"*. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT" và ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phụ lục bạn đã chọn. Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.18.1 Lập Báo cáo tình hình tài chính năm (thuộc bộ BCTC mẫu số B01b - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01b-DNN) ***Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục***				
Thông tin chung				
Tại ngày tháng năm	Auto			Tự động hiển thị theo Đến ngày
Người nộp thuế	Auto			Tự động hiển thị theo thông tin chung đã nhập

Mã số thuế	Auto			tại menu Hệ thống/ Thông tin doanh nghiệp/ Người nộp thuế. Nếu không tích chọn <Thông tin đại lý> thì các thông tin <Tên đại ký thuế (nếu có) và <Mã số thuế> không hiển thị.
Tên đại lý thuế (nếu có)	Auto			
Mã số thuế	Auto			
Hỗ trợ lấy dữ liệu từ năm trước	Checkbox	Không	Không check	Cho phép tích chọn. Ứng dụng hỗ trợ lấy dữ liệu từ cột <Số cuối năm> của năm trước liền kề sang cột <Số đầu năm> của năm nay. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
BCTC đã được kiểm toán	Checkbox	Không	Không check	Cho phép check chọn. Nếu chọn, ứng dụng hiển thị combobox <Ý kiến kiểm toán>
Ý kiến kiểm toán	Combobox	Có		Hiển thị nếu tích chọn <BCTC đã được kiểm toán>, chọn một trong 4 giá trị: + Ý kiến trái ngược + Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến + Ý kiến ngoại trừ + Ý kiến chấp nhận toàn phần
Người lập biểu	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Kế toán trưởng	Text (50)	Không		Cho phép nhập

Giám đốc	Text (50)	Có		Ứng dụng hỗ trợ hiển thị theo thông tin chung, cho sửa
Ngày lập	Text	Có	Ngày hiện tại	Cho phép nhập
Số chứng chỉ hành nghề	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Mẫu biểu				
Chỉ tiêu	Auto			Hiển thị theo tên các chỉ tiêu và mã số của Báo cáo tình hình tài chính năm (thuộc bộ BCTC - mẫu số B01b - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Mã số	Auto			
Thuyết minh	Auto			Cho phép sửa, tối đa 50 ký tự. Bổ sung checkbox "Tích chọn để nhập cột Thuyết minh", mặc định là Không tích. Nếu không thì khóa không cho nhập, tích chọn thì mở khóa cho nhập cột Thuyết Minh.
Số cuối năm	Number (15)			Cho phép nhập
Số đầu năm	Number (15)			Cho phép nhập

Các chỉ tiêu cần nhập

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
1	2	3	4/5
TÀI SẢN			
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	**100**		Hỗ trợ tính theo công thức [**100]=[110]+[120]+[130]+[140]+[150]**, không cho sửa, tổng có thể âm
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		Nhập kiểu số >=0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		Hỗ trợ tính theo công thức [**120]=[121]+[122]+[123]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Chứng khoán kinh doanh	121		Nhập kiểu số >=0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		Nhập <= 0 hiển thị (...)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		Nhập kiểu số >=0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		Hỗ trợ tính theo công thức [**130]=[131]+[132]+[133]+[134]+[135]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		Nhập kiểu số >=0
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		Nhập kiểu số >=0
3. Phải thu ngắn hạn khác	133		Nhập kiểu số >=0
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	134		Nhập kiểu số >=0
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	135		Nhập <= 0 hiển thị (...)
IV. Hàng tồn kho	**140**		Hỗ trợ tính theo công thức [**140]=[141]+[142]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Hàng tồn kho	141		Nhập kiểu số >=0

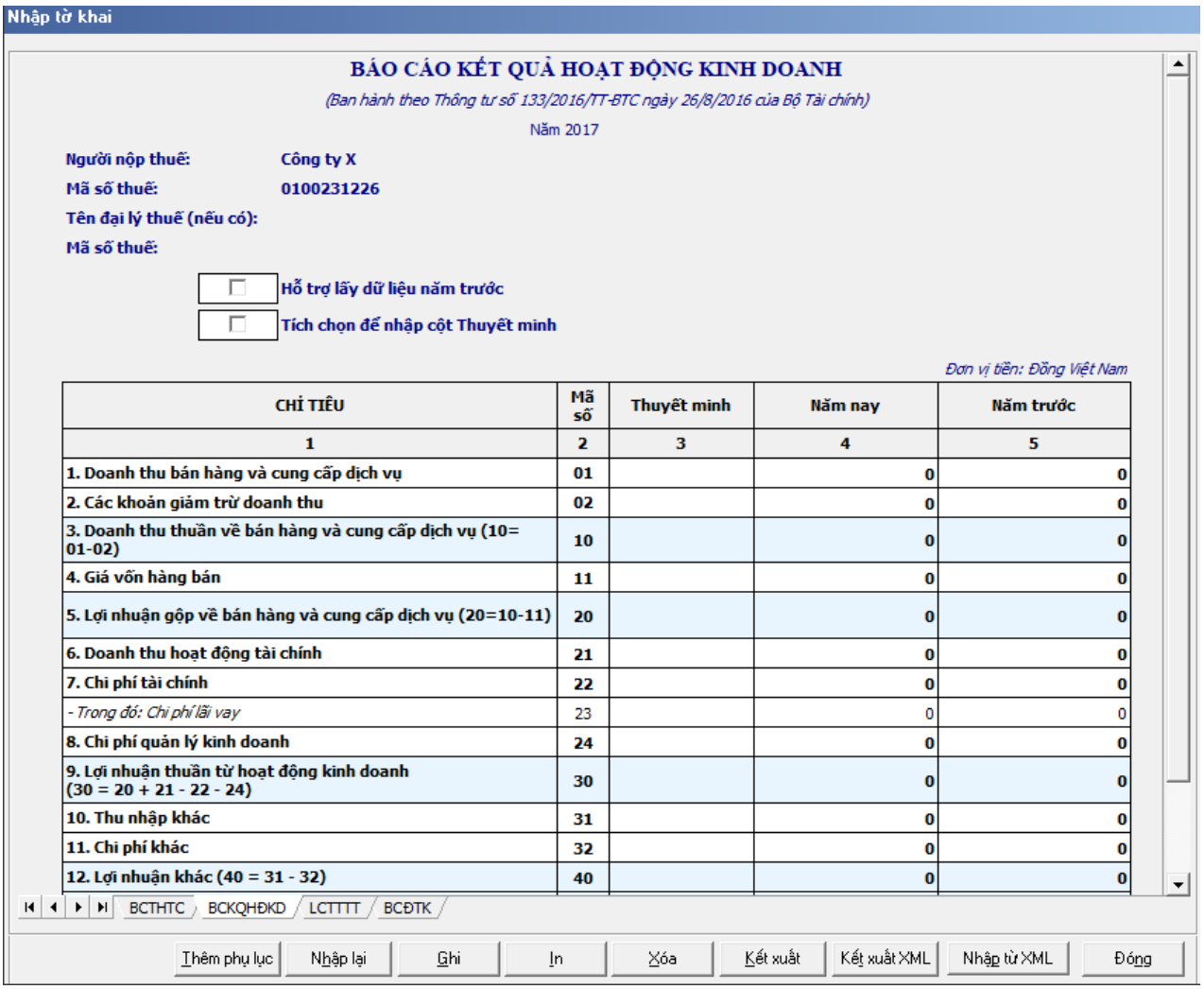
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		Nhập <= 0 hiển thị (...)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		Hỗ trợ tính theo công thức [**150]=[151]+[152]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Thuế GTGT được khấu trừ	151		Nhập kiểu số >=0
2. Tài sản ngắn hạn khác	152		Nhập kiểu số >=0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	**200**		Hỗ trợ tính theo công thức [**200]=[210]+[220]+[230]+[240]+[250]+[260]**, không cho sửa, tổng có thể âm
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		Hỗ trợ tính theo công thức [**210]=[211]+[212]+[213]+[214]+[215]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		Nhập kiểu số >=0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		Nhập kiểu số >=0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		Nhập kiểu số >=0
4. Phải thu dài hạn khác	214		Nhập kiểu số >=0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	215		Nhập <= 0 hiển thị (...)
II. Tài sản cố định	**220**		Hỗ trợ tính theo công thức [**220]=[221]+[222]**, không cho sửa, tổng có thể âm
- Nguyên giá	221		Nhập kiểu số >=0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222		Nhập <=0 hiển thị (...), kiểm tra là |222| <=[221], cảnh báo đỏ
III. Bất động sản đầu tư	**230**		Hỗ trợ tính theo công thức [**230]=[231]+[232]**, không cho sửa, tổng có thể âm

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
- Nguyên giá	231		Nhập kiểu số >=0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		Nhập <=0 hiển thị (...), kiểm tra là |232| <=[231], cảnh báo đỏ
IV. Xây dựng cơ bản dở dang	**240**		Nhập kiểu số >=0
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		Hỗ trợ tính theo công thức **[250]=[251]+[252]+[253]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	251		Nhập kiểu số >=0
2. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (*)	252		Nhập <= 0 hiển thị (...)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	253		Nhập kiểu số >=0
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		Nhập kiểu số >=0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (300=100+200)	**300**		Hỗ trợ tính theo công thức **[300]=[100]+[200]**, không cho sửa, tổng có thể âm
NGUỒN VỐN			
C- NỢ PHẢI TRẢ (400=410+420)	**400**		Hỗ trợ tính theo công thức **[400]=[410]+[420]**, không cho sửa, tổng có thể âm
I. Nợ ngắn hạn	**410**		Hỗ trợ tính theo công thức **[410]=[411]+[412]+[413]+[414]+[415]+[416]+[417]+[418]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Phải trả người bán ngắn hạn	411		Nhập kiểu số >=0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	412		Nhập kiểu số >=0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	413		Nhập kiểu số >=0

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
4. Phải trả người lao động	414		Nhập kiểu số >=0
5. Phải trả ngắn hạn khác	415		Nhập kiểu số >=0
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	416		Nhập kiểu số >=0
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	417		Nhập âm, dương
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	418		Nhập âm dương, trường hợp nhập âm thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu [418] không được phép âm, đề nghị xem lại"
II. Nợ dài hạn	**420**		Hỗ trợ tính theo công thức **[420]=[421]+[422]+[423]+[424]+[425]+[426]+[427]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Phải trả người bán dài hạn	421		Nhập kiểu số >=0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	422		Nhập kiểu số >=0
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	423		Nhập kiểu số >=0
4. Phải trả dài hạn khác	424		Nhập kiểu số >=0
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	425		Nhập kiểu số >=0
6. Dự phòng phải trả dài hạn	426		Nhập âm, dương
7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	427		Nhập âm dương, trường hợp nhập âm thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu [427] không được phép âm, đề nghị xem lại"
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (500=511+512+513+514+515+516+517)	**500**		Hỗ trợ tính theo công thức **[500]=[511]+[512]+[513]+[514]+[515]+[516]+[517]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Vốn góp của chủ sở hữu	511		Nhập kiểu số >=0

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
2. Thặng dư vốn cổ phần	512		Nhập kiểu số âm dương
3. Vốn khác của chủ sở hữu	513		Nhập kiểu số >=0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	514		Nhập <= 0 hiển thị (...)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	515		Nhập âm, dương
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	516		Nhập kiểu số >=0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	517		Nhập âm, dương
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=400+500)	**600**		Công thức, không cho sửa, kiểm tra [600] = [300], cảnh báo đỏ Kiểm tra [600]=[300] và khác 0 tại cột số cuối năm, cảnh báo đỏ

3.16.18.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm (thuộc bộ BCTC - mẫu số B01b - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

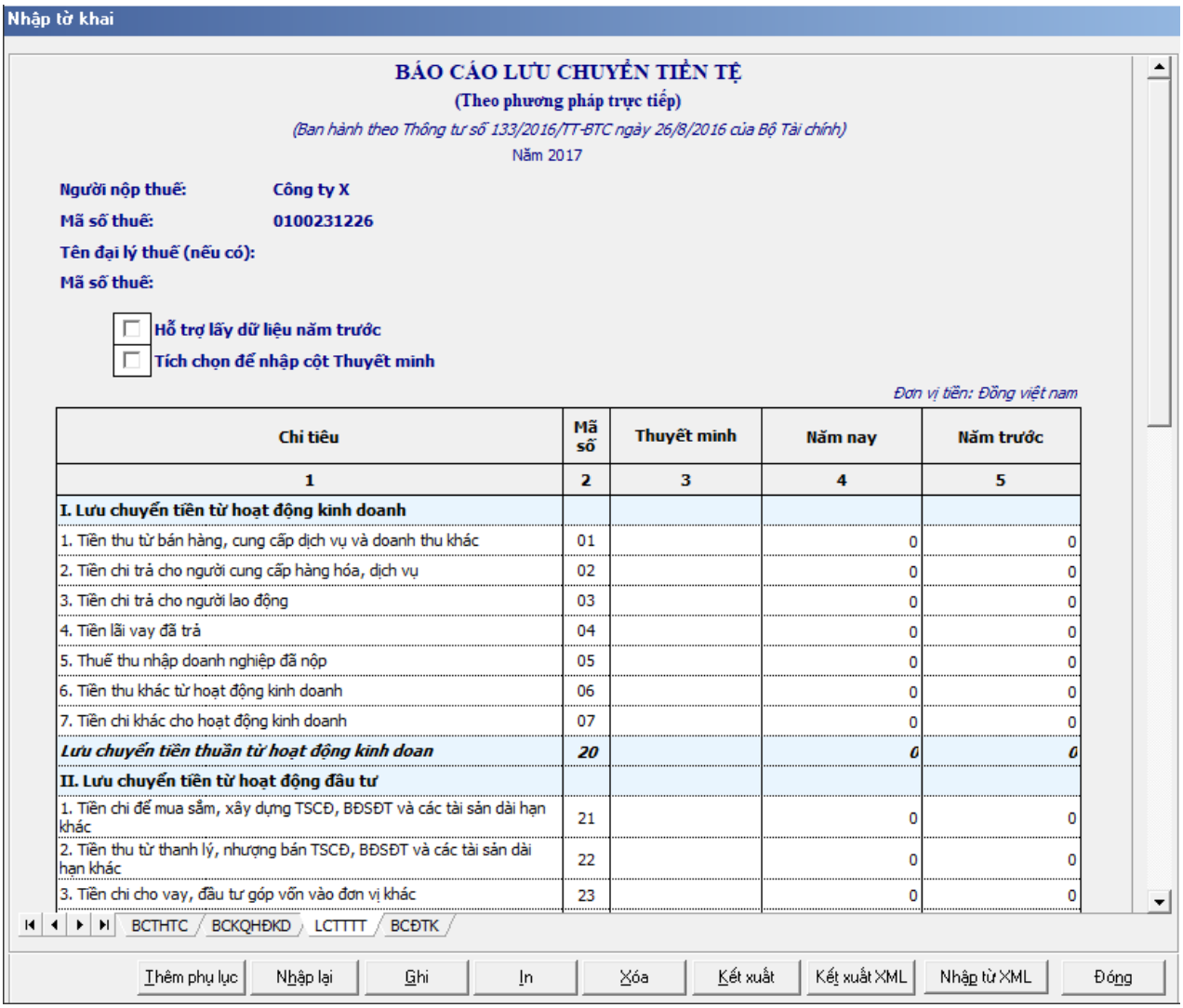


Các chỉ tiêu cần nhập

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1	2	3	4/5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		Nhập kiểu số >=0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		Nhập kiểu số >=0. Kiểm tra chỉ tiêu [02] <= chỉ tiêu [01]. Nếu không thỏa mãn cảnh báo vàng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		Hỗ trợ tính theo công thức chỉ tiêu [**10]= chỉ tiêu [01]- chỉ tiêu [02]**, không cho sửa, tổng có thể âm
4. Giá vốn hàng bán	**11**		Nhập kiểu số âm dương
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		Hỗ trợ tính theo công thức chỉ tiêu [**20]= chỉ tiêu [10]- chỉ tiêu [11]**, không cho sửa, tổng có thể âm
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		Nhập kiểu số >=0
7. Chi phí tài chính	**22**		Nhập kiểu số âm dương
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		Nhập kiểu số âm dương, kiểm tra chỉ tiêu [23] <= chỉ tiêu [22], cảnh báo đỏ 'Chỉ tiêu [23] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [22]"
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		Nhập âm dương
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		Hỗ trợ tính theo công thức [**30]= [20] + [21] - [22] - [24]**, không cho sửa, tổng có thể âm
10. Thu nhập khác	**31**		Nhập kiểu số >=0
11. Chi phí khác	**32**		Nhập kiểu số >=0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		Hỗ trợ tính theo công thức [**40] = [31] - [32]**, không cho sửa, tổng có thể âm
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		Hỗ trợ tính theo công thức [**50] = [30] + [40]**, không cho sửa, tổng có thể âm
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		Nhập kiểu số >=0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		Hỗ trợ tính theo công thức [**60]=[50] - [51]**, không cho sửa, tổng có thể âm

3.16.18.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp năm (thuộc bộ BCTC - mẫu số B01b - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



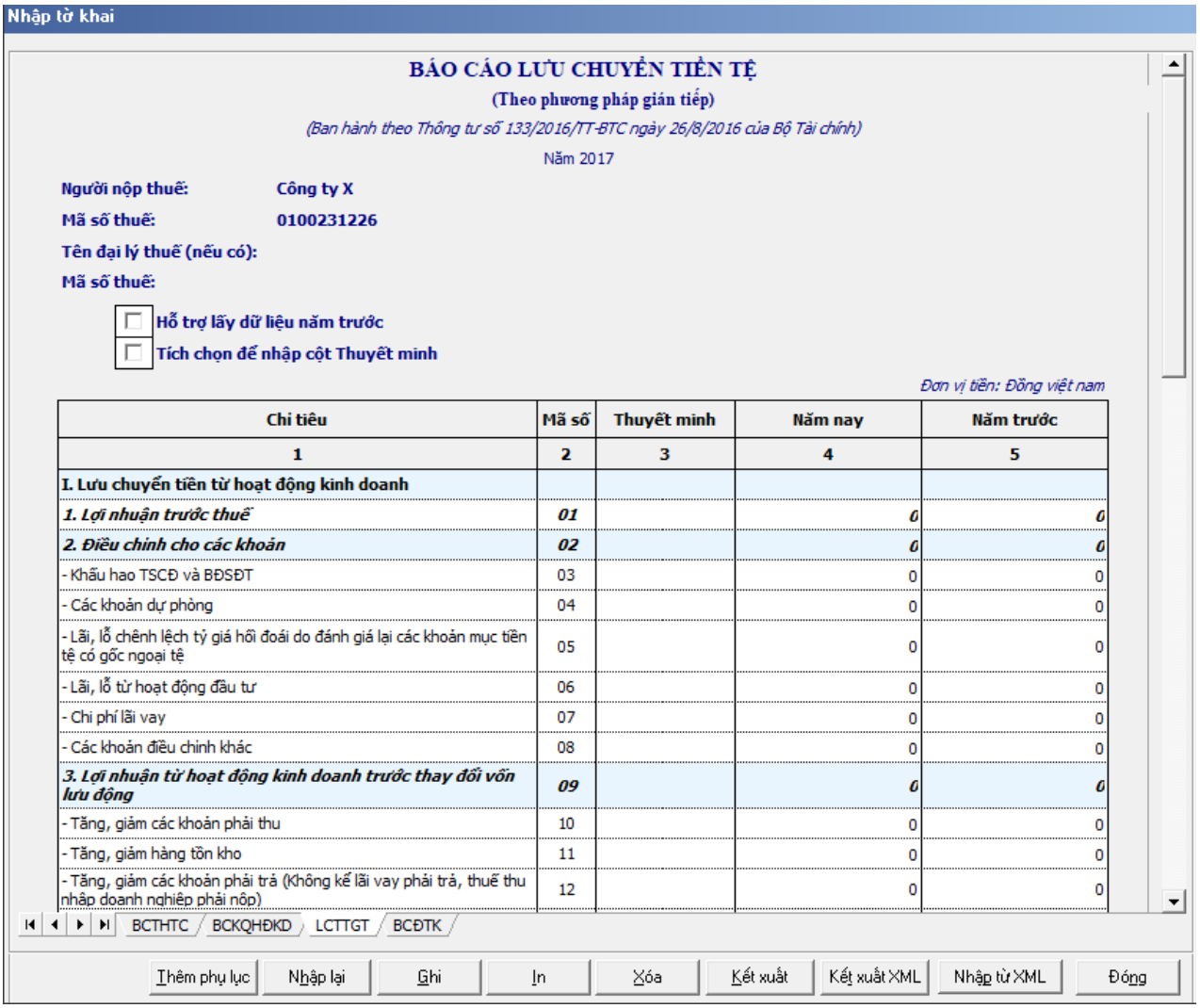
Các chỉ tiêu cần nhập

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1	2	3	4/5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		Nhập kiểu số >=0
2. Tiền chi trả cho người cung	02		Nhập <=0, hiển thị (…)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
cấp hàng hóa, dịch vụ			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		Nhập <=0, hiển thị (…)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		Nhập <=0, hiển thị (…)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		Nhập <=0, hiển thị (…)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		Nhập kiểu số >=0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		Nhập <=0, hiển thị (…)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		Hỗ trợ tính theo công thức [2**0]=[01]+[02]+[03]+[04]+[05]+[06]+[07]**, không cho sửa, tổng có thể âm
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		Nhập <=0, hiển thị (…)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		Nhập âm dương
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		Nhập kiểu số <=0
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		Nhập kiểu số >=0
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		Nhập kiểu số >=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		Hỗ trợ tính theo công thức [3**0]=[21]+[22]+[23]+[24]+[25]**, không cho sửa, tổng có thể âm
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		Nhập kiểu số >=0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		Nhập kiểu số <=0
3. Tiền thu từ đi vay	33		Nhập kiểu số >=0
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34		Nhập kiểu số <=0
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		Nhập kiểu số <=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		Hỗ trợ tính theo công thức [**40**]=**[31]+[32]+[33]+[34]+[35]**, không cho sửa, tổng có thể âm
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		Hỗ trợ tính theo công thức [**50]=[20]+[30]+[40]**, không cho sửa, tổng có thể âm
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		Nhập kiểu số >=0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		Nhập âm, dương
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ([70] = [50]+[60]+[61])	**70**		Hỗ trợ tính theo công thức **[70] = [50]+[60]+[61],** không cho sửa, tổng có thể âm

3.16.18.4 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp năm (thuộc bộ BCTC - mẫu số B01b - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



Các chỉ tiêu cần nhập

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1	2	3	4/5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận	***01***		Nhập âm, dương

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
trước thuế			
2. Điều chỉnh cho các khoản	***02***		Hỗ trợ tính theo công thức **[02]=[03]+[04]+[05]+[06]+[07]+[08]**, không cho sửa, tổng có thể âm
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	03		Nhập >=0
- Các khoản dự phòng	04		Nhập âm dương
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	05		Nhập âm, dương
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06		Nhập âm, dương
- Chi phí lãi vay	07		Nhập >=0
- Các khoản điều chỉnh khác	08		Nhập âm, dương
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***09***		Hỗ trợ tính theo công thức [09]=[10]+[11]+[12]+[13]+[14]+[15]+[16]+[17]+[18], không cho sửa, tổng có thể âm
- Tăng, giảm các khoản phải thu	10		Nhập âm, dương
- Tăng, giảm hàng tồn kho	11		Nhập âm, dương

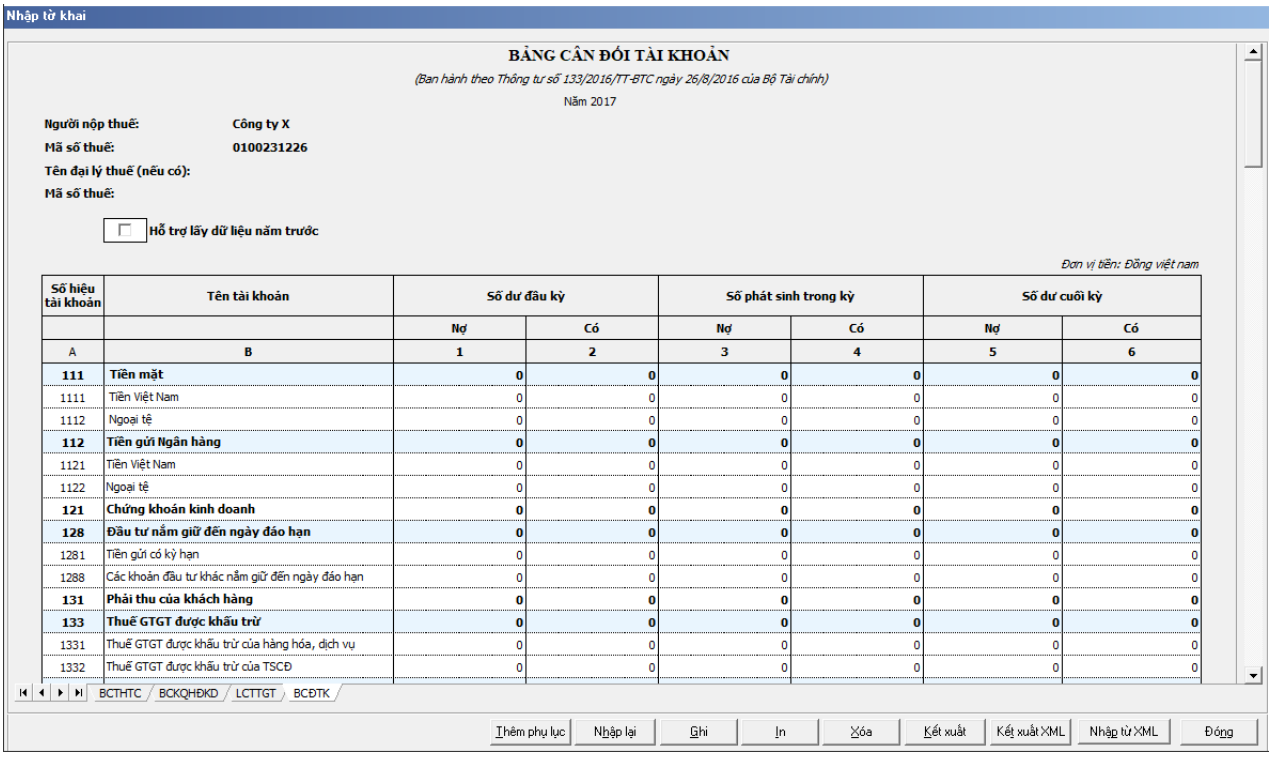
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	12		Nhập âm, dương
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13		Nhập âm, dương
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	14		Nhập âm, dương
- Tiền lãi vay đã trả	15		Nhập kiểu số <=0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16		Nhập kiểu số <=0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17		Nhập kiểu số >=0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18		Nhập kiểu số <=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		Hỗ trợ tính theo công thức [20]=[01]+[02]+[09], không cho sửa, tổng có thể âm
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để	21		Nhập <=0, hiển thị (…)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		Nhập âm dương
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		Nhập <=0, hiển thị (…)
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		Nhập kiểu số >=0
5.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		Nhập kiểu số >=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		Hỗ trợ tính theo công thức [30]=[21]+[22]+[23]+[24]+[25], không cho sửa, tổng có thể âm
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận	31		Nhập kiểu số >=0

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
vốn góp của chủ sở hữu			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		Nhập <=0, hiển thị (…)
3. Tiền thu từ đi vay	33		Nhập kiểu số >=0
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính	34		Nhập <=0, hiển thị (…)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		Nhập <=0, hiển thị (…)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		Hỗ trợ tính theo công thức [40]=[31]+[32]+[33]+[34]+[35], không cho sửa, tổng có thể âm
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		Hỗ trợ tính theo công thức [50]=[20]+[30]+[40], không cho sửa, tổng có thể âm
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		Nhập kiểu số >=0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		Nhập âm dương

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ([70] = [50]+[60]+[61])	**70**		Hỗ trợ tính theo công thức [**70**] = **[50]+[60]+[61]**, không cho sửa, tổng có thể âm

3.16.18.5 Lập Bảng cân đối tài khoản năm (thuộc bộ BCTC - mẫu số B01b - DNN) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



Các chỉ tiêu cần nhập

Hỗ trợ và kiểm tra công thức cột Số dư cuối kỳ (cột 5,6):

+ Các tài khoản đầu 214 (2141,2142,2143,2147), 229(2291,2292,2293,2294): Dư Có cuối kỳ = Dư Có đầu kỳ + Phát sinh Có - Phát sinh Nợ, công thức cho phép âm dương, nếu = âm thì UD cảnh báo đỏ "Số dư có không âm". Chặn không cho nhập hoặc hiển thị Số dư Nợ.

+ Tài khoản 419: Dư Nợ cuối kỳ = Dư Nợ đầu kỳ + Phát sinh Nợ - Phát sinh Có, công thức cho phép âm dương, nếu = âm thì UD cảnh báo đỏ "Số dư Nợkhông âm". Chặn không cho nhập hoặc hiển thị Số dư Có

+ Tài khoản 413: Chặn không cho nhập Số dư Nợ/ Có cuối kỳ. Cho phép nhập >=0 số dư Nợ/ Có đầu kỳ và số phát sinh Nợ/ Có trong kỳ.

+ Các tài khoản còn lại:

Đối với các tài khoản đầu 1, đầu 2 (Trừ TK lưỡng tính và TK đặc biệt) : tính toán theo CT: sẽ có Số dư bên Nợ, khóa bên Có, cảnh báo đỏ trường hợp dư Nơ âm "Số dư Nợ không âm". (Dư Nợ cuối kỳ = Dư Nợ đầu kỳ - Dư Có đầu kỳ + Phát sinh Nợ - Phát sinh Có.) Đối với các tài khoản đầu 3, đầu 4 (Trừ TK lưỡng tính và TK đặc biệt): sẽ có Số dư bên Có, khóa bên Nợ, cảnh báo đỏ trường hợp dư Nơ âm "Số dư Có không âm" . (Dư Có cuối kỳ = Dư Có đầu kỳ - Dư Nợ đầu kỳ + Phát sinh Có - Phát sinh Nợ)

+ Riêng đối với tài khoản lưỡng tính: 131, 138, 1381, 1386, 1388, 331, 333, 3331, 33311, 33312, 3332, 3333, 3334, 3335, 3336, 3337, 3338, 33381, 33382, 3339, 334, 338, 3381, 3382, 3383, 3384, 3385, 3386, 3387, 3388, 4112, 421, 4211, 4212, thì: Số dư đầu kỳ; Số phát sinh trong kỳ; Số dư cuối kỳ: Cho phép nhập cả dư nợ, dư có.

Hỗ trợ và kiểm tra các điều kiện kiểm tra Số dư đầu kỳ (cột 1,2)

+ Các tài khoản đầu 214 (2141,2142,2143,2147), 229(2291,2292,2293,2294): cho phép nhập số dự Có đầu kỳ, chặn không cho nhập số dư Nợ đầu kỳ

+ Tài khoản 419: cho phép nhập số dự Nợ đầu kỳ, chặn không cho nhập số dư Có đầu kỳ

+ Tài khoản 413: Chặn không cho nhập Số dư Nợ/ Có cuối kỳ. Cho phép nhập >=0 số dư Nợ/ Có đầu kỳ và số phát sinh Nợ/ Có trong kỳ.

+ Các tài khoản còn lại:

- Đối với các tài khoản đầu 1, đầu 2 (Trừ TK lưỡng tính và TK đặc biệt) : Cho nhập cột dư Nợ, khóa bên CóĐối với các tài khoản đầu 3, đầu 4 (Trừ TK lưỡng tính và TK đặc biệt): Cho nhập cột dư Có, khóa bên Nợ

+ Riêng đối với tài khoản lưỡng tính: 131, 138, 1381, 1386, 1388, 331, 333, 3331, 33311, 33312, 3332, 3333, 3334, 3335, 3336, 3337, 3338, 33381, 33382, 3339, 338, 3381, 3382, 3383, 3384, 3385, 3386, 3387, 3388, 421, 4211, 4212, thì: Số dư đầu kỳ; Số phát sinh trong kỳ; Số dư cuối kỳ: Cho phép nhập cả dư nợ, dư có, cho phép sửa cột Số dư cuối kỳ khác công thức mà ứng dụng không cảnh báo.

Hỗ trợ và kiểm tra các điều kiện kiểm tra Số phát sinh trong kỳ (cột 3,4) + Tất cả các đầu tài khoản: Cho phép nhập cả Nợ và Có (yêu cầu nhập
Bổ sung thêm dòng Tổng cộng sau tài khoản 911: Bằng tổng các cột tương ứng. Tổng cộng = [111] + [112] + [121] + [128]+[131] + [133] + [136]+[138] + [141] + [151]+ [152] + [153] + [154] + [155] + [156] + [157] + [211]+ [214] + [217] + [228] + [229] + [241] + [242] + [331] +[333] + [334] + [335] + [336]+[338] + [341] + [352] + [353] + [356] + [411] + [413] + [418] + [419] + [421] + [511] + [515] + [611] + [631] + [632] +[635] + [642] + [711] + [811] + [821] + [911].

Số hiệu tài khoản	**Tên tài khoản**	**Kiểm tra định dạng** Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	**Số dư đầu kỳ**		**Số phát sinh trong kỳ**		**Số dư cuối kỳ**	
			Nợ	**Có**	**Nợ**	**Có**	**Nợ**	**Có**
A	B		1	2	3	4	5	6
111	**Tiền mặt**	**[111] = [1111] + [1112]**						
1111	Tiền Việt Nam	Nhập >=0						
1112	Ngoại tệ	Nhập >=0						
112	**Tiền gửi Ngân hàng**	**[112] = [1121] + [1122]**						
1121	Tiền Việt Nam	Nhập >=0						
1122	Ngoại tệ	Nhập >=0						
121	**Chứng khoán kinh doanh**	Nhập >=0						
128	**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**	**[128] = [1281]+[1288]**						
1281	Tiền gửi có kỳ hạn	Nhập >=0						
1288	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	Nhập >=0						
131	**Phải thu của khách**	Nhập >=0						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
	hàng							
133	**Thuế GTGT được khấu trừ**	**[133]=[1331]+[1332]**						
1331	Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ	Nhập >=0						
1332	Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	Nhập >=0						
136	**Phải thu nội bộ**	**[136]=[1361]+[1368]**						
1361	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	Nhập >=0						
1368	Phải thu nội bộ khác	Nhập >=0						
138	**Phải thu khác**	**[138]=[1381]+[1386]+[1388]**						
1381	Tài sản thiếu chờ xử lý	Nhập >=0						
1386	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	Nhập >=0						
1388	Phải thu khác	Nhập >=0						
141	**Tạm ứng**	Nhập >=0						
151	**Hàng mua đang đi đường**	Nhập >=0						
152	**Nguyên liệu, vật liệu**	Nhập >=0						
153	**Công cụ, dụng cụ**	Nhập >=0						
154	**Chi phí sản xuất,**	Nhập >=0						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
	kinh doanh dở dang							
155	**Thành phẩm**	Nhập >=0						
156	**Hàng hóa**	Nhập >=0						
157	**Hàng gửi đi bán**	Nhập >=0						
211	**Tài sản cố định**	**[211]=[2111]+[2112]+[2113]**						
2111	TSCĐ hữu hình	Nhập >=0						
2112	TSCĐ thuê tài chính	Nhập >=0						
2113	TSCĐ vô hình	Nhập >=0						
214	**Hao mòn tài sản cố định**	**[214]=[2141]+[2142]+2…+[2147]**						
2141	Hao mòn TSCĐ hữu hình	Nhập >=0						
2142	Hao mòn TSCĐ thuê tài chính	Nhập >=0						
2143	Hao mòn TSCĐ vô hình	Nhập >=0						
2147	Hao mòn bất động sản đầu tư	Nhập >=0						
217	**Bất động sản đầu tư**	Nhập >=0						
228	**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**	**[228]=[2281]+[2288]**						
2281	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	Nhập >=0						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
2288	Đầu tư khác	Nhập >=0						
229	**Dự phòng tổn thất tài sản**	**[229]=[2291]+[2292]+[2293]+[2294]**						
2291	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	Nhập >=0						
2292	Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	Nhập >=0						
2293	Dự phòng phải thu khó đòi	Nhập >=0						
2294	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	Nhập >=0						
241	**Xây dựng cơ bản dở dang**	**[241]=[2411]+[2412]+[2413]**						
2411	Mua sắm TSCĐ	Nhập >=0						
2412	Xây dựng cơ bản	Nhập >=0						
2413	Sửa chữa lớn TSCĐ	Nhập >=0						
242	**Chi phí trả trước**	Nhập >=0						
	LOẠI TÀI KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ							
331	**Phải trả cho người bán**	Nhập >=0						
333	**Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**	**[333]=[3331]+[3332]+[3333]+[3334]+[3335]+[3336]+[3337]+[3**						

Số hiệu tài khoản	**Tên tài khoản**	**Kiểm tra định dạng** Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	**Số dư đầu kỳ**		**Số phát sinh trong kỳ**		**Số dư cuối kỳ**	
			Nợ	**Có**	**Nợ**	**Có**	**Nợ**	**Có**
A	B		1	2	3	4	5	6
		338]+[3339]						
3331	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	[3331]=[33311]+[33312]						
33311	*Thuế GTGT đầu ra*	Nhập >=0						
33312	*Thuế GTGT hàng nhập khẩu*	Nhập >=0						
3332	Thuế tiêu thụ đặc biệt	Nhập >=0						
3333	Thuế xuất, nhập khẩu	Nhập >=0						
3334	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Nhập >=0						
3335	Thuế thu nhập cá nhân	Nhập >=0						
3336	Thuế tài nguyên	Nhập >=0						
3337	Thuế nhà đất, tiền thuê đất	Nhập >=0						
3338	Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	[3338]=[33381]+[33382]						
33381	*Thuế bảo vệ môi trường*	Nhập >=0						
33382	*Các loại thuế khác*	Nhập >=0						
3339	Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	Nhập >=0						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
334	**Phải trả người lao động**	Nhập >=0						
335	**Chi phí phải trả**	Nhập >=0						
336	**Phải trả nội bộ**	**[336]=[3361]+[3368]**						
3361	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	Nhập >=0						
3368	Phải trả nội bộ khác	Nhập >=0						
338	**Phải trả, phải nộp khác**	**[338]=[3381]+[3382]+[3383]+[3384]+[3385]+[3386]+[3387]+[3388]**						
3381	Tài sản thừa chờ giải quyết	Nhập >=0						
3382	Kinh phí công đoàn	Nhập >=0						
3383	Bảo hiểm xã hội	Nhập >=0						
3384	Bảo hiểm y tế	Nhập >=0						
3385	Bảo hiểm thất nghiệp	Nhập >=0						
3386	Nhận ký quỹ, ký cược	Nhập >=0						
3387	Doanh thu chưa thực hiện	Nhập >=0						
3388	Phải trả, phải nộp khác	Nhập >=0						
341	**Vay và nợ thuê tài chính**	**[341]=[3411]+[3412]**						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
3411	Các khoản đi vay	Nhập >=0						
3412	Nợ thuê tài chính	Nhập >=0						
352	**Dự phòng phải trả**	**[352]=[3521]+[3522]+[3524]**						
3521	Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	Nhập >=0						
3522	Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	Nhập >=0						
3524	Dự phòng phải trả khác	Nhập >=0						
353	**Quỹ khen thưởng phúc lợi**	**[353]=[3531]+[3532]+[3533]+[3534]**						
3531	Quỹ khen thưởng	Nhập >=0						
3532	Quỹ phúc lợi	Nhập >=0						
3533	Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	Nhập >=0						
3534	Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty	Nhập >=0						
356	**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**	**[356]=[3561]+[3562]**						
3561	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Nhập >=0						
3562	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ	Nhập >=0						

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
	LOẠI TÀI KHOẢN VỐN CHỦ SỞ HỮU							
411	**Vốn đầu tư của chủ sở hữu**	**Dư Có [411]= Dư Có ([4111]+[4112]+[4118]) – Dư Nợ ([4111]+[4112]+[4118])**						
4111	Vốn góp của chủ sở hữu	Nhập >=0						
4112	Thặng dư vốn cổ phần	Nhập >=0						
4118	Vốn khác	Nhập >=0						
413	**Chênh lệch tỷ giá hối đoái**	Nhập >=0						
418	**Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**	Nhập >=0						
419	**Cổ phiếu quỹ**	Nhập >=0						
421	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**	**[421]=[4211]+[4212]**						
4211	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	Nhập >=0						
4212	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	Nhập >=0						
	LOẠI TÀI KHOẢN DOANH							

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
	THU							
511	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**[511]=[5111]+[5112]+5…+[5118]**						
5111	Doanh thu bán hàng hóa	Nhập >=0						
5112	Doanh thu bán thành phẩm	Nhập >=0						
5113	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Nhập >=0						
5118	Doanh thu khác	Nhập >=0						
515	**Doanh thu hoạt động tài chính**	Nhập >=0						
	LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH							
611	**Mua hàng**	Nhập >=0						
631	**Giá thành sản xuất**	Nhập >=0						
632	**Giá vốn hàng bán**	Nhập >=0						
635	**Chi phí tài chính**	Nhập >=0						
642	**Chi phí quản lý kinh doanh**	**[642]=[6421]+[6422]**						
6421	Chi phí bán hàng	Nhập >=0						
6422	Chi phí quản lý doanh nghiệp	Nhập >=0						

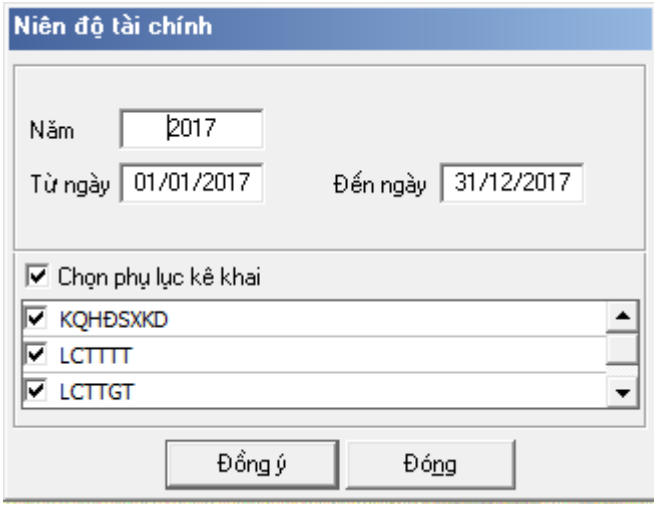
Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
	LOẠI TÀI KHOẢN THU NHẬP KHÁC							
711	**Thu nhập khác**	Nhập >=0						
	LOẠI TÀI KHOẢN CHI PHÍ KHÁC							
811	**Chi phí khác**	Nhập >=0						
821	**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**	Nhập >=0						
	TÀI KHOẢN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH							
911	**Xác định kết quả kinh doanh**	Nhập >=0						
	Tổng cộng		UD tự động tính toán các cột 1,2,3,4,5,6 theo CT: =[111] + [112] + [121] + [128]+[131] + [133] + [136]+[138] + [141] + [151]+ [152] + [153] + [154] + [155] + [156] + [157] + [211]+ [214] + [217] + [228] + [229] + [241] + [242] + [331] +[333] + [334] + [335] + [336]+[338] + [341] + [352] + [353] + [356] + [411] + [413] + [418] + [419] + [421] + [511] +					

Số hiệu tài khoản	Tên tài khoản	Kiểm tra định dạng Cột 1,2,3,4 (Các dòng công thức là UD hỗ trợ, không cho sửa)	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B		1	2	3	4	5	6
			[515] + [611] + [631] + [632] +[635] + [642] + [711] + [811] + [821] + [911].					

3.16.19 Lập Bộ Báo cáo tài chính (theo bộ mẫu số B01-DNNKLT) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính B01 - DNNKLT (TT133/TT-BTC) " khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2017 trở đi
- Từ ngày … Đến ngày, mặc định theo năm tài chính, cho sửa.
- Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
- Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
- Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)

  + Nếu năm tài chính trùng năm dương lịch (từ 01/01 đến 31/12) thì
  Kiểm tra thông tin từ kỳ, đến kỳ phải nằm trong khoảng kỳ tính thuế.

+ Nếu năm tài chính khác năm dương lịch:

  Năm tài chính 01/04/X -> 31/03/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X

  Năm tài chính 01/07/X -> 30/06/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X

  Năm tài chính 01/10/X -> 30/09/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X

+ Nếu trường hợp NNT quyết toán 15 tháng:

+ NNT mới ra kinh doanh (số tháng trong năm ra kinh doanh <=3 tháng): kỳ tính thuế thuộc năm tiếp theo

VD: NNT ra kinh doanh tháng 10/X. Khi kê khai quyết toán BCTC là năm X+1, từ ngày 01/10/X đến ngày 31/12/X+1

+ NNT giải thể phá sản: quyết toán theo kỳ tính thuế xin giải thể phá sản, cụ thể như sau:

- Nếu tháng giải thể > tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm giải thể

VD: NNT giải thể phá sản tháng 07/X thì kỳ tính thuế là X và kỳ tính thuế từ 01/01/X đến 01/07/X

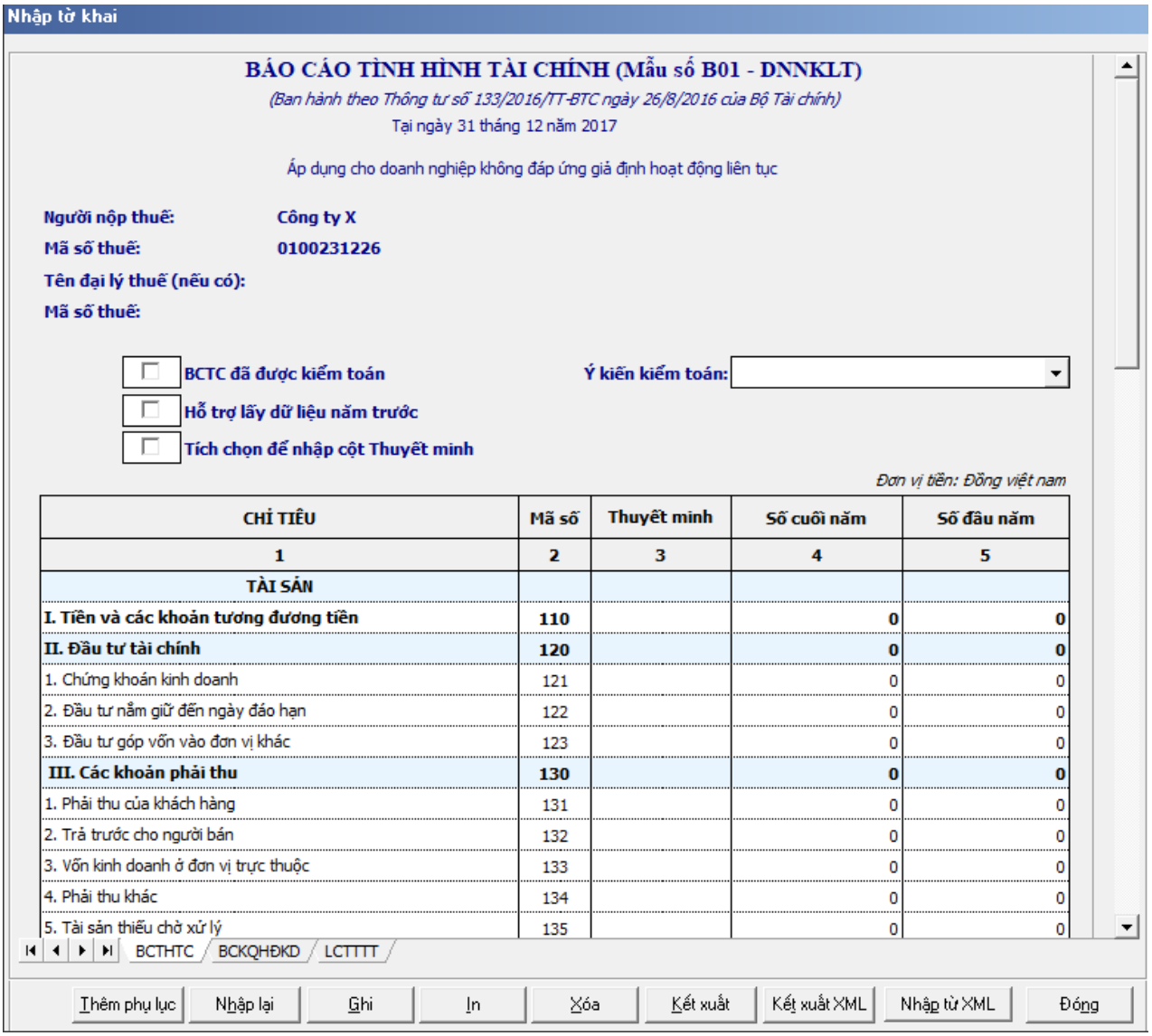
- Nếu tháng giải thể <= tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm trước năm giải thể

VD: Tháng 02/2018 DN phá sản, được phép gộp BCTC vào năm 2017 (01/01/2017 – 28/2/2018).

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục. Bắt buộc phải kê khai phụ lục: *Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo KQHĐKD,* nếu không tích chọn ứng dụng cảnh báo: *"Bộ BCTC áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa bắt buộc gồm Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo KQHĐKD"*. Ứng dụng kiểm tra nếu người nộp thuế chọn đồng thời hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT thì ứng dụng sẽ đưa ra thông báo "Bạn chỉ được chọn một trong hai phụ lục LCTTTT và LCTTGT" và ứng dụng quay lại màn hình chọn kỳ kê khai ban đầu.

- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phụ lục bạn đã chọn. Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.19.1 Lập Báo cáo tình hình tài chính năm (theo bộ mẫu số B01-DNNKLT) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01-DNKLT) ***Áp dụng cho doanh nghiệp không đáp ứng giả định hoạt động liên tục***				
Thông tin chung				
Tại ngày tháng năm	Auto			Tự động hiển thị theo Đến ngày
Người nộp thuế	Auto			Tự động hiển thị theo thông tin chung đã nhập

Mã số thuế	Auto			tại menu Hệ thống/ Thông tin doanh nghiệp/ Người nộp thuế. Nếu không tích chọn <Thông tin đại lý> thì các thông tin <Tên đại ký thuế (nếu có) và <Mã số thuế> không hiển thị.
Tên đại lý thuế (nếu có)	Auto			
Mã số thuế	Auto			
Hỗ trợ lấy dữ liệu từ năm trước	Checkbox	Không	Không check	Cho phép tích chọn. Ứng dụng hỗ trợ lấy dữ liệu từ cột <Số cuối năm> của năm trước liền kề sang cột <Số đầu năm> của năm nay. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
BCTC đã được kiểm toán	Checkbox	Không	Không check	Cho phép check chọn. Nếu chọn, ứng dụng hiển thị combobox <Ý kiến kiểm toán>
Ý kiến kiểm toán	Combobox	Có		Hiển thị nếu tích chọn <BCTC đã được kiểm toán>, chọn một trong 4 giá trị: + Ý kiến trái ngược + Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến + Ý kiến ngoại trừ + Ý kiến chấp nhận toàn phần
Người lập biểu	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Kế toán trưởng	Text (50)	Không		Cho phép nhập

Giám đốc	Text (50)	Có		Ứng dụng hỗ trợ hiển thị theo thông tin chung, cho sửa
Ngày lập	Text	Có	Ngày hiện tại	Cho phép nhập
Số chứng chỉ hành nghề	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Mẫu biểu				
Chỉ tiêu	Auto			Hiển thị theo tên các chỉ tiêu và mã số của Báo cáo tình hình tài chính năm (thuộc bộ BCTC - mẫu số B01 - DNKLT) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Mã số	Auto			
Thuyết minh	Auto			Cho phép sửa, tối đa 50 ký tự. Bổ sung checkbox "Tích chọn để nhập cột Thuyết minh", mặc định là Không tích. Nếu không thì khóa không cho nhập, tích chọn thì mở khóa cho nhập cột Thuyết Minh.
Số cuối năm	Number (15)			Cho phép nhập
Số đầu năm	Number (15)			Cho phép nhập

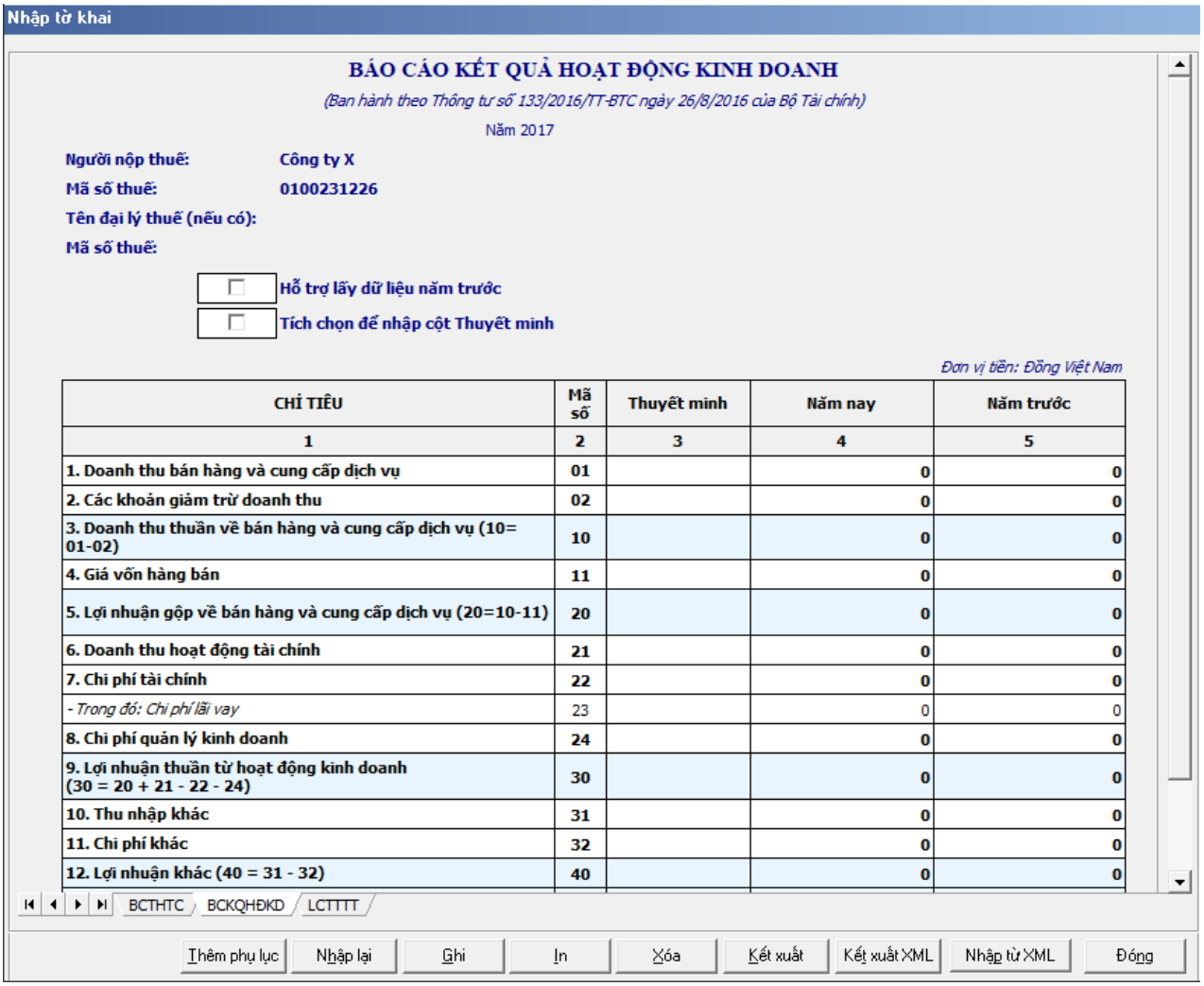
Các chỉ tiêu cần nhập

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
1	2	3	4/5
TÀI SẢN			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		Nhập kiểu số >=0
II. Đầu tư tài chính	**120**		Hỗ trợ tính theo công thức **[120]=[121]+[122]+[123]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Chứng khoán kinh doanh	121		Nhập kiểu số >=0
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	122		Nhập kiểu số >=0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	123		Nhập kiểu số >=0
III. Các khoản phải thu	**130**		Hỗ trợ tính theo công thức **[130]=[131]+[132]+[133]+[134]+[135]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Phải thu của khách hàng	131		Nhập kiểu số >=0
2. Trả trước cho người bán	132		Nhập kiểu số >=0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	133		Nhập kiểu số >=0
4. Phải thu khác	134		Nhập kiểu số >=0
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	135		Nhập kiểu số >=0
IV. Hàng tồn kho	**140**		Nhập kiểu số >=0
V. Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	**150**		Nhập kiểu số >=0
VI. Xây dựng cơ bản dở dang	**160**		Nhập kiểu số >=0
VII. Tài sản khác	**170**		Hỗ trợ tính theo công thức **[170]=[171]+[172]**, không cho sửa, tổng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
			có thể âm
1. Thuế GTGT được khấu trừ	171		Nhập kiểu số >=0
2. Tài sản khác	172		Nhập kiểu số >=0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160+170)	**200**		Hỗ trợ tính theo công thức [**200]=[110]+[120]+[130]+[140]+[150]+[160]+[170]**, không cho sửa, tổng có thể âm
NGUỒN VỐN			
I. Nợ phải trả	**300**		Hỗ trợ tính theo công thức [**300]=[311]+[312]+[313]+[314]+[315]+[316]+[317]+[318]+[319]+[320]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Phải trả người bán	311		Nhập kiểu số >=0
2. Người mua trả tiền trước	312		Nhập kiểu số >=0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		Nhập kiểu số >=0
4. Phải trả người lao động	314		Nhập kiểu số >=0
5. Phải trả khác	315		Nhập kiểu số >=0
6. Vay và nợ thuê tài chính	316		Nhập kiểu số >=0
7. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	317		Nhập kiểu số >=0
8. Dự phòng phải trả	318		Nhập âm dương
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	319		Nhập âm dương, trường hợp nhập âm thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu [319] không được phép âm, đề nghị xem lại"
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	320		Nhập âm dương, trường hợp nhập âm thì cảnh báo vàng "Chỉ tiêu [320] không được phép âm, đề nghị xem lại"

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
II. Vốn chủ sở hữu	**400**		Hỗ trợ tính theo công thức **[400]=[411]+[412]+[413]+[414]+[415]+[416]+[417]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		Nhập kiểu số >=0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		Nhập kiểu số âm dương
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		Nhập kiểu số >=0
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		Nhập <= 0 hiển thị (...)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		Nhập kiểu số âm, dương
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		Nhập kiểu số >=0
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		Nhập kiểu số âm, dương
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	**500**		Hỗ trợ tính theo công thức **[500]=[300]+[400]**, không cho sửa, tổng có thể âm

3.16.19.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm (theo bộ mẫu số B01-DNNKLT) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC

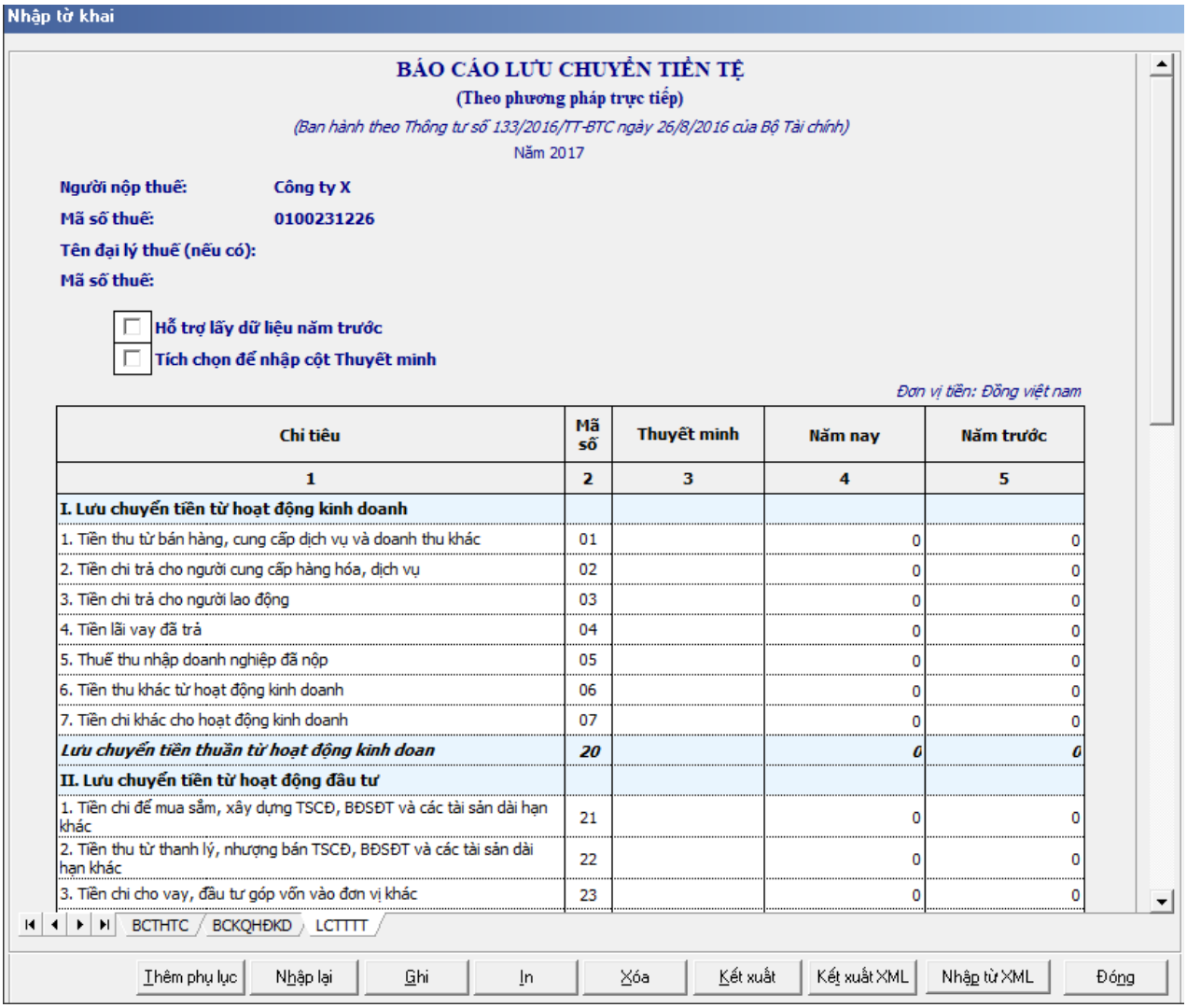


Các chỉ tiêu cần nhập

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1	2	3	4/5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		Nhập kiểu số >=0
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		Nhập kiểu số >=0. Kiểm tra chỉ tiêu [02] <= chỉ tiêu [01]. Nếu không thỏa mãn cảnh báo vàng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	**10**		Hỗ trợ tính theo công thức chỉ tiêu [**10]= chỉ tiêu [01]- chỉ tiêu [02]**, không cho sửa, tổng có thể âm
4. Giá vốn hàng bán	**11**		Nhập kiểu số âm dương
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		Hỗ trợ tính theo công thức chỉ tiêu [**20]= chỉ tiêu [10]- chỉ tiêu [11]**, không cho sửa, tổng có thể âm
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**		Nhập kiểu số >=0
7. Chi phí tài chính	**22**		Nhập kiểu số âm dương
- *Trong đó:* Chi phí lãi vay	23		Nhập kiểu số âm dương, kiểm tra chỉ tiêu [23] <= chỉ tiêu [22], cảnh báo đỏ 'Chỉ tiêu [23] phải nhỏ hơn hoặc bằng chỉ tiêu [22]"
8. Chi phí quản lý kinh doanh	**24**		Nhập âm dương
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	**30**		Hỗ trợ tính theo công thức [**30]= [20] + [21] - [22] - [24]**, không cho sửa, tổng có thể âm
10. Thu nhập khác	**31**		Nhập kiểu số >=0
11. Chi phí khác	**32**		Nhập kiểu số >=0
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		Hỗ trợ tính theo công thức [**40] = [31] - [32]**, không cho sửa, tổng có thể âm
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		Hỗ trợ tính theo công thức [**50] = [30] + [40]**, không cho sửa, tổng có thể âm
14. Chi phí thuế TNDN	**51**		Nhập kiểu số >=0
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	**60**		Hỗ trợ tính theo công thức [**60]=[50] - [51]**, không cho sửa, tổng có thể âm

3.16.19.3 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp năm (theo bộ mẫu số B01-DNNKLT) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		0	0
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		0	0
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		0	0
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		0	0
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		0	0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doan	***20***		***0***	***0***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		0	0

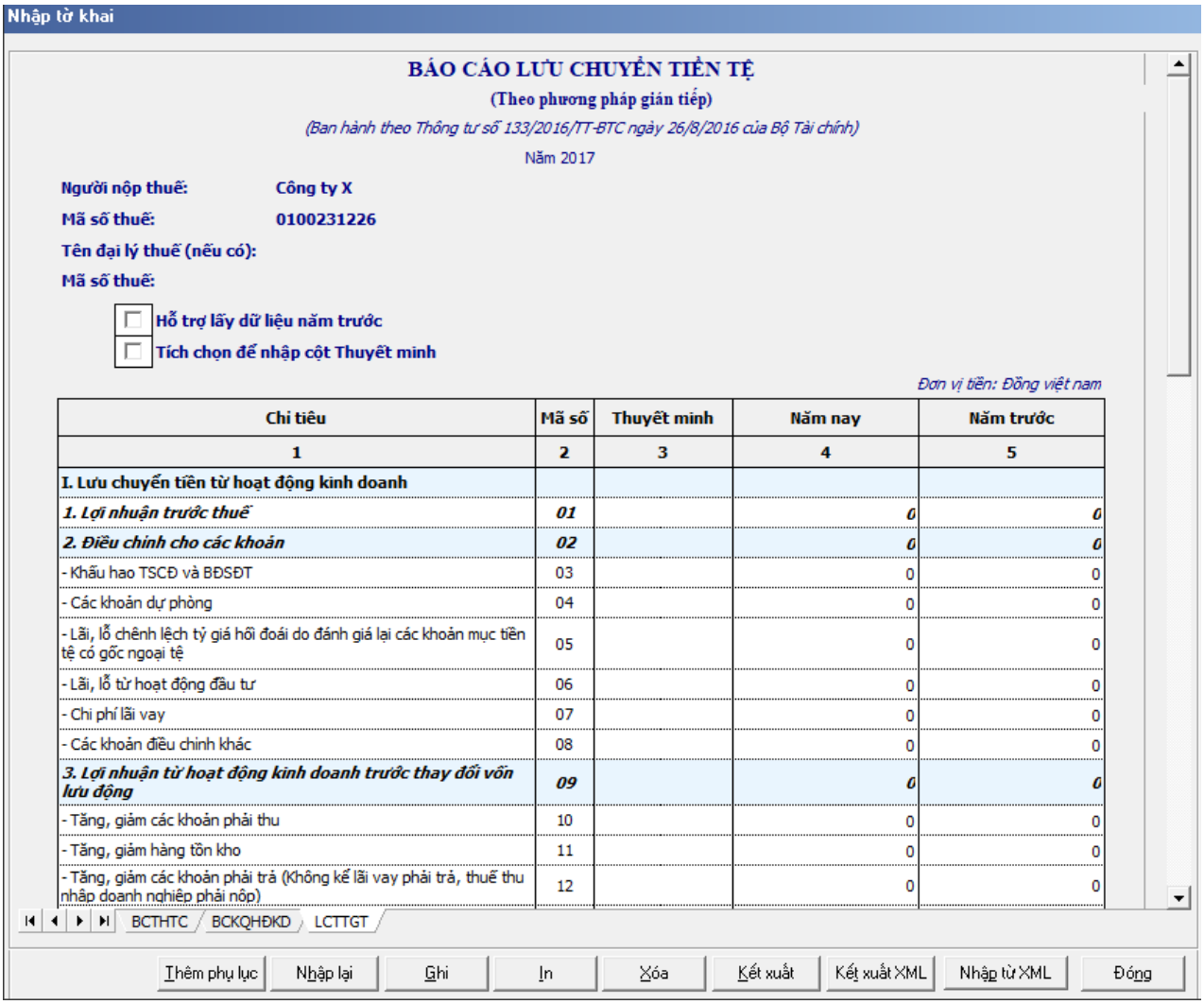
Các chỉ tiêu cần nhập

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1	2	3	4/5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		Nhập kiểu số >=0
2. Tiền chi trả cho người cung	02		Nhập <=0, hiển thị (…)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
cấp hàng hóa, dịch vụ			
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		Nhập <=0, hiển thị (…)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		Nhập <=0, hiển thị (…)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		Nhập <=0, hiển thị (…)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		Nhập kiểu số >=0
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		Nhập <=0, hiển thị (…)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		Hỗ trợ tính theo công thức [2**0]=[01]+[02]+[03]+[04]+[05]+[06]+[07]**, không cho sửa, tổng có thể âm
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	21		Nhập <=0, hiển thị (…)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		Nhập âm dương
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		Nhập kiểu số <=0
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		Nhập kiểu số >=0
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		Nhập kiểu số >=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		Hỗ trợ tính theo công thức [3**0]=[21]+[22]+[23]+[24]+[25]**, không cho sửa, tổng có thể âm
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		Nhập kiểu số >=0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		Nhập kiểu số <=0
3. Tiền thu từ đi vay	33		Nhập kiểu số >=0
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34		Nhập kiểu số <=0
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		Nhập kiểu số <=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		Hỗ trợ tính theo công thức [**40**]=**[31]+[32]+[33]+[34]+[35]**, không cho sửa, tổng có thể âm
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**		Hỗ trợ tính theo công thức [**50]=[20]+[30]+[40]**, không cho sửa, tổng có thể âm
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		Nhập kiểu số >=0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		Nhập âm, dương
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ([70] = [50]+[60]+[61])	**70**		Hỗ trợ tính theo công thức **[70] = [50]+[60]+[61],** không cho sửa, tổng có thể âm

3.16.19.4 Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp gián tiếp năm (theo bộ mẫu số B01-DNNKLT) dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa không đáp ứng giả định hoạt động liên tục theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



Các chỉ tiêu cần nhập

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1	2	3	4/5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***		Nhập âm, dương

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
2. Điều chỉnh cho các khoản	***02***		Hỗ trợ tính theo công thức **[02]=[03]+[04]+[05]+[06]+[07]+[08]**, không cho sửa, tổng có thể âm
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	03		Nhập >=0
- Các khoản dự phòng	04		Nhập âm dương
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	05		Nhập âm, dương
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06		Nhập âm, dương
- Chi phí lãi vay	07		Nhập >=0
- Các khoản điều chỉnh khác	08		Nhập âm, dương
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***09***		Hỗ trợ tính theo công thức [09]=[10]+[11]+[12]+[13]+[14]+[15]+[16]+[17]+[18], không cho sửa, tổng có thể âm
- Tăng, giảm các khoản phải thu	10		Nhập âm, dương
- Tăng, giảm hàng tồn kho	11		Nhập âm, dương
- Tăng, giảm	12		Nhập âm, dương

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)			
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13		Nhập âm, dương
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	14		Nhập âm, dương
- Tiền lãi vay đã trả	15		Nhập kiểu số <=0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16		Nhập kiểu số <=0
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17		Nhập kiểu số >=0
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18		Nhập kiểu số <=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		Hỗ trợ tính theo công thức [20]=[01]+[02]+[09], không cho sửa, tổng có thể âm
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ,	21		Nhập <=0, hiển thị (…)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	22		Nhập âm dương
3. Tiền chi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	23		Nhập <=0, hiển thị (…)
4. Tiền thu hồi cho vay, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	24		Nhập kiểu số >=0
5.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	25		Nhập kiểu số >=0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		Hỗ trợ tính theo công thức [30]=[21]+[22]+[23]+[24]+[25], không cho sửa, tổng có thể âm
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		Nhập kiểu số >=0

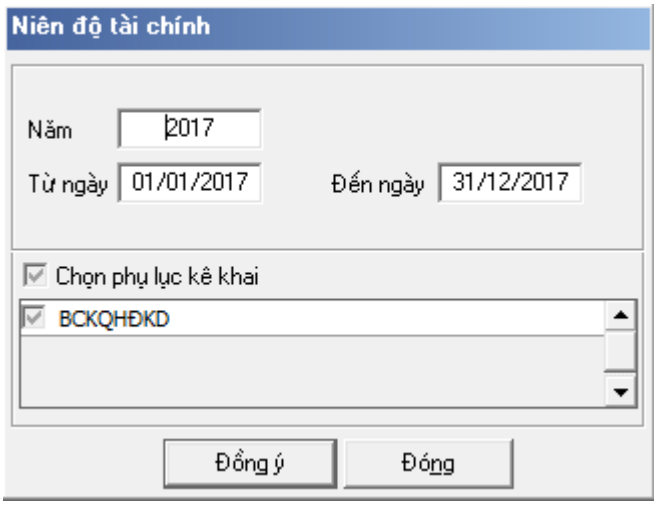
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		Nhập <=0, hiển thị (…)
3. Tiền thu từ đi vay	33		Nhập kiểu số >=0
4. Tiền trả nợ gốc vay và nợ gốc thuê tài chính	34		Nhập <=0, hiển thị (…)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	35		Nhập <=0, hiển thị (…)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		Hỗ trợ tính theo công thức [40]=[31]+[32]+[33]+[34]+[35], không cho sửa, tổng có thể âm
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		Hỗ trợ tính theo công thức [50]=[20]+[30]+[40], không cho sửa, tổng có thể âm
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		Nhập kiểu số >=0
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		Nhập âm dương
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		Hỗ trợ tính theo công thức [**70] = [50]+[60]+[61]**, không cho sửa, tổng có thể âm

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
([70] = [50]+[60]+[61])			

3.16.20 Lập Bộ Báo cáo tài chính dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Báo cáo tài chính" chọn "Bộ Báo cáo tài chính B01 - DNSN (TT133/TT-BTC) " khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau:



- Hiệu lực mẫu biểu từ năm 2017 trở đi
- Từ ngày … Đến ngày, mặc định theo năm tài chính, cho sửa.
- Kiểm tra đến ngày tháng năm >= Từ ngày tháng năm
- Kiểm tra ngày tháng năm không được giao nhau trong cùng 1 năm kê khai
- Kiểm tra ràng buộc năm kê khai phải nằm trong khoảng (Từ ngày - Đến ngày)
  + Nếu năm tài chính trùng năm dương lịch (từ 01/01 đến 31/12) thì
    Kiểm tra thông tin từ kỳ, đến kỳ phải nằm trong khoảng kỳ tính thuế.
  + Nếu năm tài chính khác năm dương lịch:
    Năm tài chính 01/04/X -> 31/03/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
    Năm tài chính 01/07/X -> 30/06/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
    Năm tài chính 01/10/X -> 30/09/X+1: kỳ tính thuế thuộc năm X
  + Nếu trường hợp NNT quyết toán 15 tháng:
  + NNT mới ra kinh doanh (số tháng trong năm ra kinh doanh <=3 tháng): kỳ tính thuế thuộc năm tiếp theo

    VD: NNT ra kinh doanh tháng 10/X. Khi kê khai quyết toán BCTC là năm

X+1, từ ngày 01/10/X đến ngày 31/12/X+1

+ NNT giải thể phá sản: quyết toán theo kỳ tính thuế xin giải thể phá sản, cụ thể như sau:

- Nếu tháng giải thể > tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm giải thể

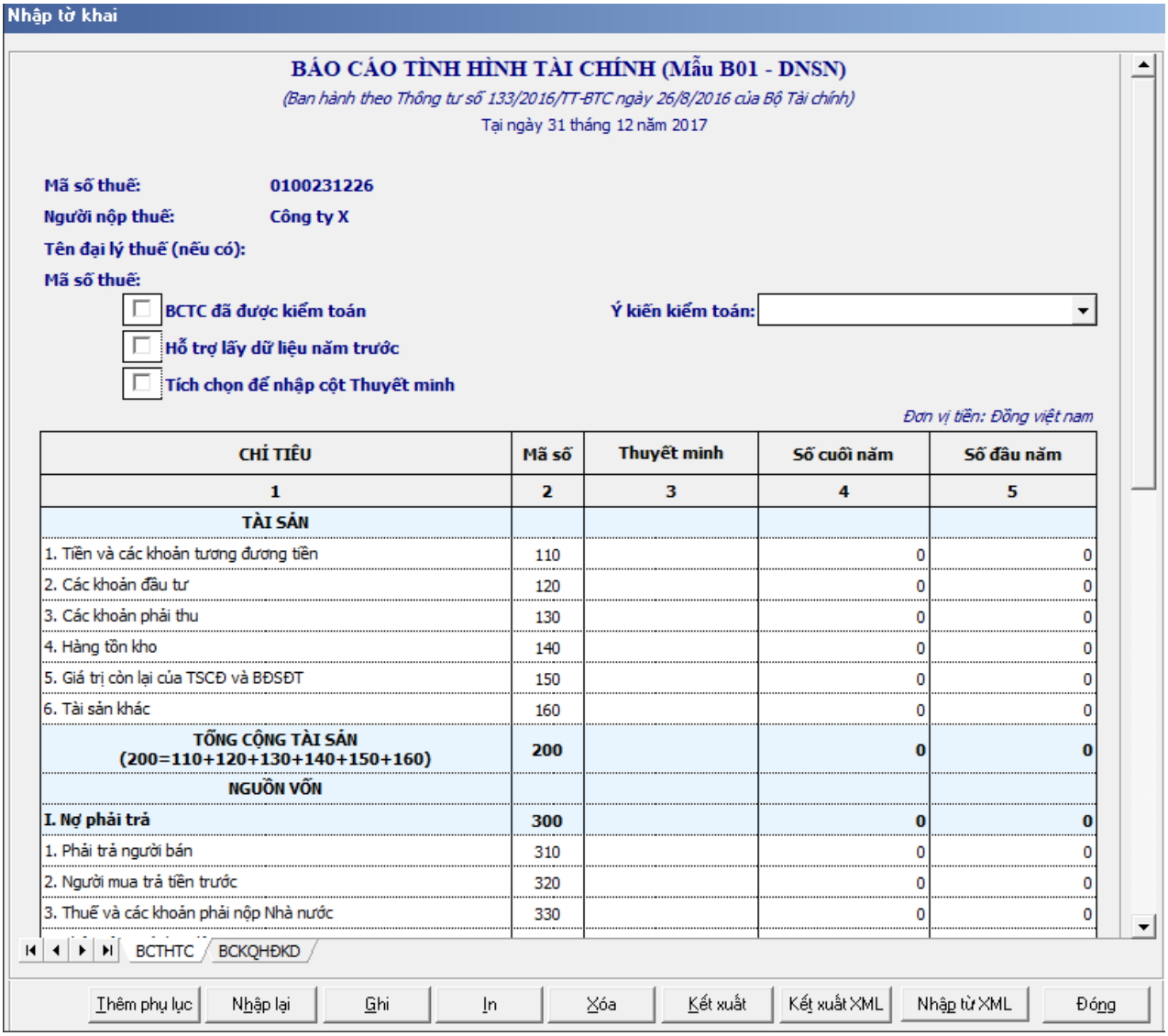
VD: NNT giải thể phá sản tháng 07/X thì kỳ tính thuế là X và kỳ tính thuế từ 01/01/X đến 01/07/X

- Nếu tháng giải thể <= tháng chứa hạn nộp quyết toán năm trước năm giải thể: Kỳ tính thuế là năm trước năm giải thể

VD: Tháng 02/2018 DN phá sản, được phép gộp BCTC vào năm 2017 (01/01/2017 – 28/2/2018).

- Chương trình mặc định chọn các phụ lục. Bắt buộc phải kê khai phụ lục: *Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo KQHĐKD,* nếu không tích chọn ứng dụng cảnh báo: *"Bộ BCTC áp dụng cho doanh nghiệp siêu nhỏ gồm Báo cáo tình hình tài chính; Báo cáo KQHĐKD"*.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" màn hình sẽ hiển thị ra một bảng kê với các phụ lục tương ứng với phụ lục bạn đã chọn. Cách nhập dữ liệu cho các phụ lục như sau:

3.16.20.1 Lập Báo cáo tình hình tài chính năm (theo bộ mẫu số B01-DNSN) dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



Chi tiết mẫu biểu:

Báo cáo tình hình tài chính (Mẫu số B01-DNSN)				
Thông tin chung				
Tại ngày tháng năm	Auto			Tự động hiển thị theo Đến ngày
Người nộp thuế	Auto			Tự động hiển thị theo thông tin chung đã nhập

Mã số thuế	Auto			tại menu Hệ thống/ Thông tin doanh nghiệp/ Người nộp thuế. Nếu không tích chọn <Thông tin đại lý> thì các thông tin <Tên đại ký thuế (nếu có) và <Mã số thuế> không hiển thị.
Tên đại lý thuế (nếu có)	Auto			
Mã số thuế	Auto			
Hỗ trợ lấy dữ liệu từ năm trước	Checkbox	Không	Không check	Cho phép tích chọn. Ứng dụng hỗ trợ lấy dữ liệu từ cột <Số cuối năm> của năm trước liền kề sang cột <Số đầu năm> của năm nay. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Số đầu năm của năm nay khác với Số cuối năm của năm trước"
BCTC đã được kiểm toán	Checkbox	Không	Không check	Cho phép check chọn. Nếu chọn, ứng dụng hiển thị combobox <Ý kiến kiểm toán>
Ý kiến kiểm toán	Combobox	Có		Hiển thị nếu tích chọn <BCTC đã được kiểm toán>, chọn một trong 4 giá trị: + Ý kiến trái ngược + Ý kiến từ chối đưa ra ý kiến + Ý kiến ngoại trừ + Ý kiến chấp nhận toàn phần
Người lập biểu	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Kế toán trưởng	Text (50)	Không		Cho phép nhập

Giám đốc	Text (50)	Có		Ứng dụng hỗ trợ hiển thị theo thông tin chung, cho sửa
Ngày lập	Text	Có	Ngày hiện tại	Cho phép nhập
Số chứng chỉ hành nghề	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán	Text (50)	Không		Cho phép nhập
Mẫu biểu				
Chỉ tiêu	Auto			Hiển thị theo tên các chỉ tiêu và mã số của Báo cáo tình hình tài chính dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC
Mã số	Auto			
Thuyết minh	Auto			Cho phép sửa, tối đa 50 ký tự. Bổ sung checkbox "Tích chọn để nhập cột Thuyết minh", mặc định là Không tích. Nếu không thì khóa không cho nhập, tích chọn thì mở khóa cho nhập cột Thuyết Minh.
Số cuối năm	Number (15)			Cho phép nhập
Số đầu năm	Number (15)			Cho phép nhập

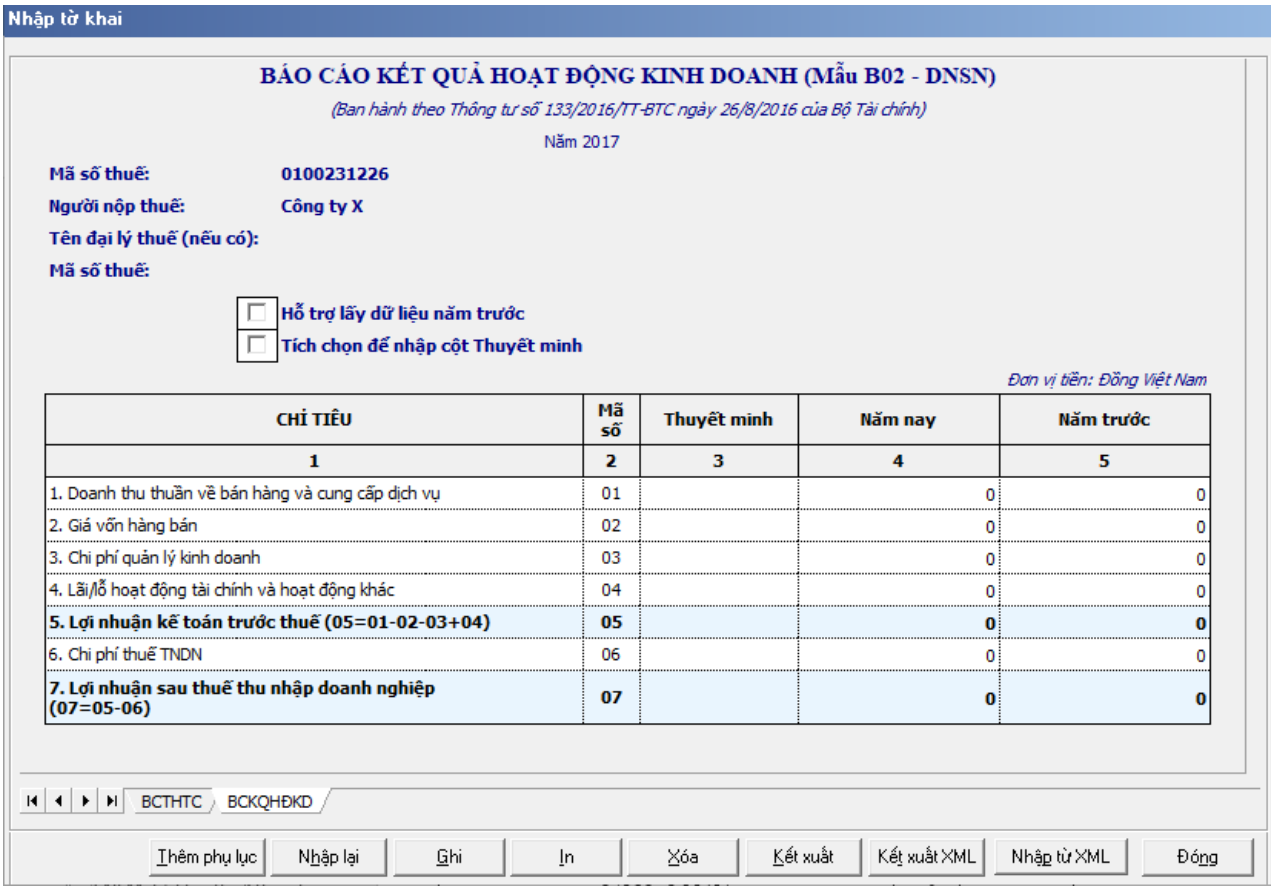
Các chỉ tiêu cần nhập

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
1	2	3	4/5

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
TÀI SẢN			
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		Nhập kiểu số >=0
2. Các khoản đầu tư	120		Nhập kiểu số >=0
3. Các khoản phải thu	130		Nhập kiểu số >=0
4. Hàng tồn kho	140		Nhập kiểu số >=0
5. Giá trị còn lại của TSCĐ và BĐSĐT	150		Nhập kiểu số >=0
6. Tài sản khác	160		Nhập kiểu số >=0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (200=110+120+130+140+150+160)	**200**		Hỗ trợ tính theo công thức **[200]=[110]+[120]+[130]+[140]+[150]+[160]**, không cho sửa, tổng có thể âm
NGUỒN VỐN			
I. Nợ phải trả	**300**		Hỗ trợ tính theo công thức **[300]=[310]+[320]+[330]+[340]+[350]+[360]**, không cho sửa
1. Phải trả người bán	310		Nhập kiểu số >=0
2. Người mua trả tiền trước	320		Nhập kiểu số >=0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	330		Nhập kiểu số >=0
4. Phải trả người lao động	340		Nhập kiểu số >=0
5. Phải trả nợ vay	350		Nhập kiểu số >=0
6. Phải trả khác	360		Nhập kiểu số >=0
II. Vốn chủ sở hữu	**400**		Hỗ trợ tính theo công thức **[400]=[410]+[420]+[430]**, không cho sửa, tổng có thể âm
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	410		Nhập kiểu số >=0
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		Nhập âm dương

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Số cuối năm>/ <Số đầu năm>
3. Các khoản mục khác thuộc vốn chủ sở hữu	430		Nhập âm dương
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (500=300+400)	**500**		Hỗ trợ tính theo công thức **500=300+400**, không cho sửa, tổng có thể âm, kiểm tra chỉ tiêu 500 = 200 và khác 0 tại Số cuối kỳ, cảnh báo đỏ.

3.16.20.2 Lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm (theo bộ mẫu số B01-DNSN) dành cho doanh nghiệp siêu nhỏ theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC



Các chỉ tiêu cần nhập

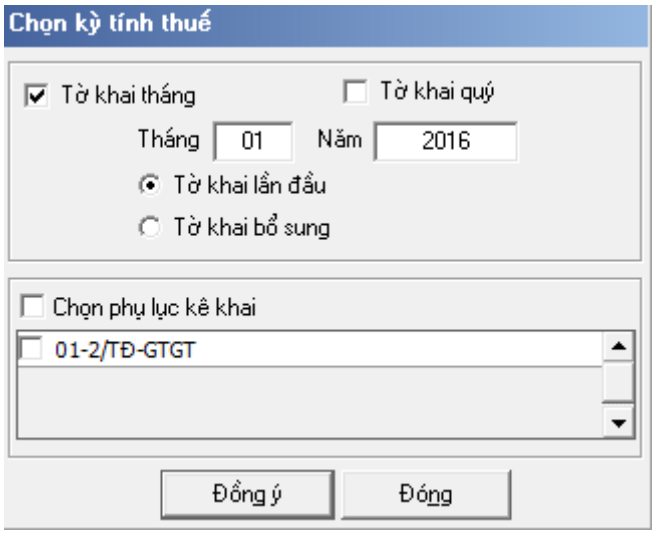
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Định dạng dữ liệu <Năm nay>/ <Năm trước>
1	2	3	4/5
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		Nhập kiểu số >=0
2. Giá vốn hàng bán	02		Nhập kiểu số âm dương
3. Chi phí quản lý kinh doanh	03		Nhập kiểu số âm dương
4. Lãi/lỗ hoạt động tài chính và hoạt động khác	04		Nhập âm dương
5. Lợi nhuận kế toán trước thuế (05=01-02-03+04)	05		Hỗ trợ tính theo công thức [**05]=[01]-[02]-[03]+[04]**, không cho sửa, tổng có thể âm
6. Chi phí thuế TNDN	06		Nhập kiểu số >=0
7. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (07=05-06)	07		Hỗ trợ tính theo công thức [**07]=[05]-[06]**, không cho sửa, tổng có thể âm

3.17 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai các mẫu tờ khai thuế đối với đơn vị Thủy điện

3.17.1 Tờ khai thuế giá trị gia tăng dùng cho các cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN hoặc hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam theo mẫu 01/TĐ – GTGT đáp ứng công văn 4943/TCT-KK

Cách gọi:

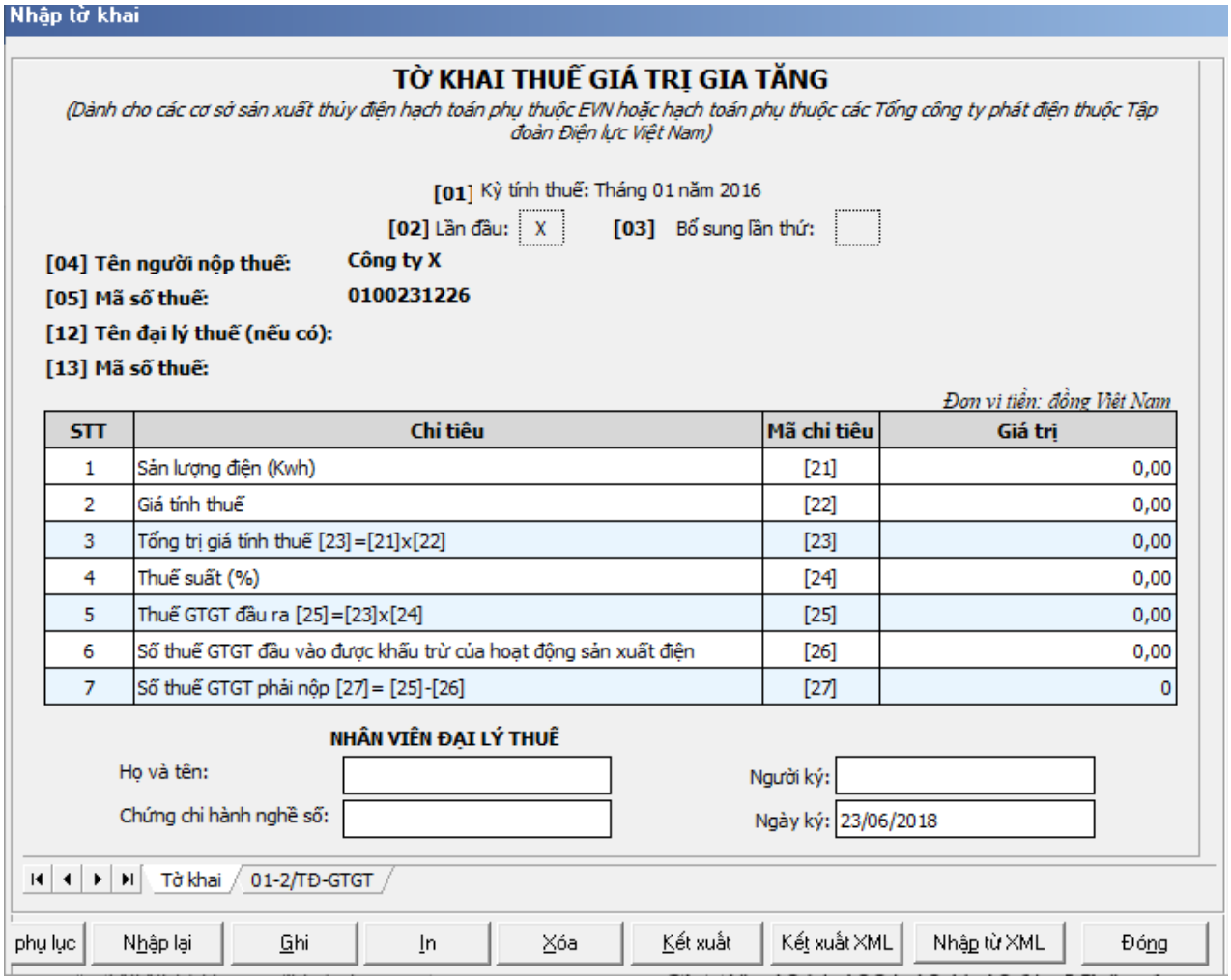
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Thủy điện" chọn "Tờ khai GTGT – 01/TĐ-GTGT".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hoặc quý hiện tại -1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hoặc quý hiện tại.
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hay Tờ khai bổ sung.
  + Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn các phụ lục khi phải kê khai.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai GTGT dành cho thủy điện mẫu 01/TĐ-GTGT.

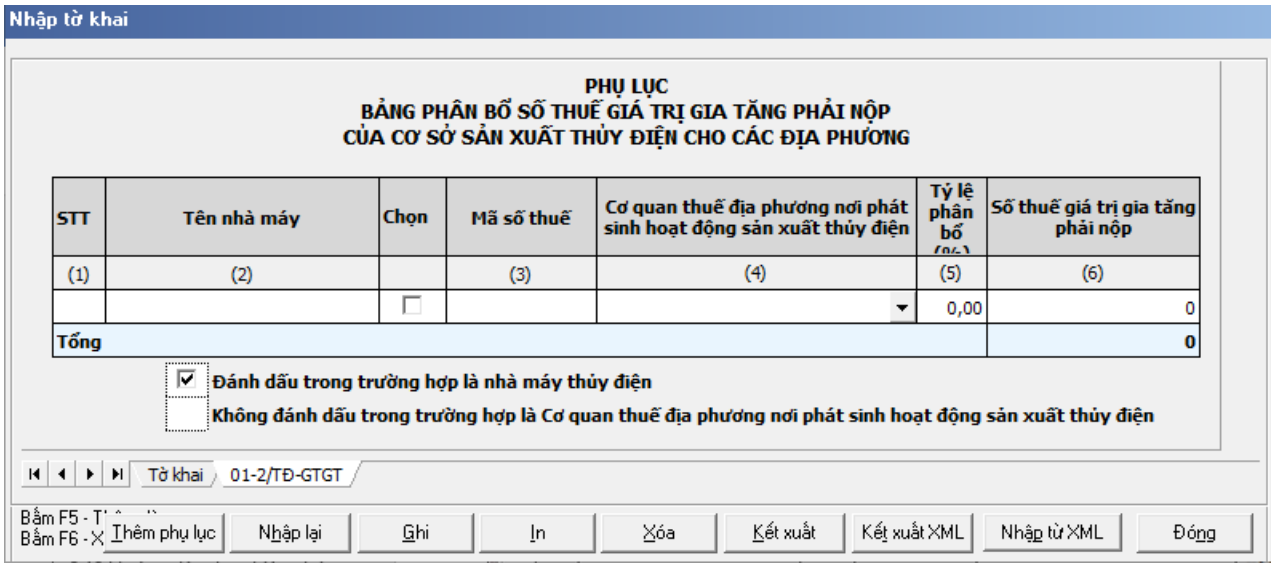
A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [21], [22], [24], [26] : Nhập dạng xx,xx
- Các chỉ tiêu ứng dụng hỗ trợ tự động tính theo công thức
  + Chỉ tiêu [23] = [21] * [22], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [25] = [23] * [24], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [27] = [25] – [26]. Kiểm tra chỉ tiêu [27] = Tổng thuế GTGT trên PL 01-2/TĐ-GTGT, nếu khác thì UD đưa ra cảnh báo đỏ " Chỉ tiêu [27] phải bằng tổng số thuế GTGT trên PL 01-2/TĐ-GTGT"

Phụ lục 01-2/TĐ-GTGT: Bảng phân bổ số thuế giá trị gia tăng phải nộp của CSSX thủy điện cho các địa phương

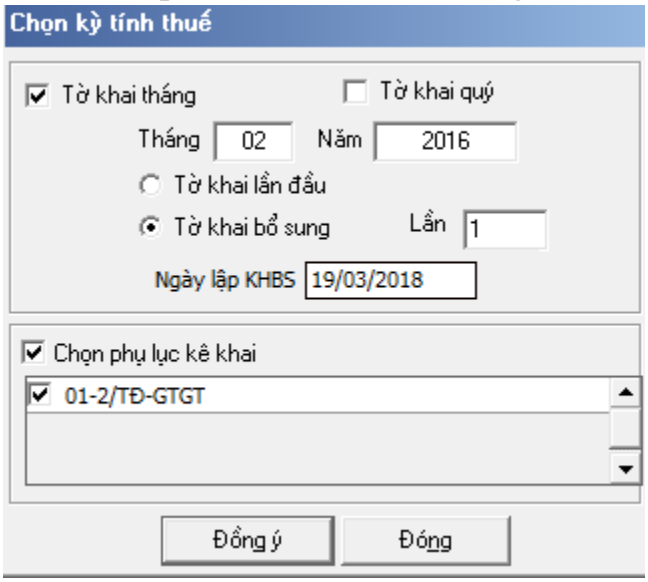


- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Cột (1) - STT: nhập kiểu text
  - + Cột (2) - "Tên nhà máy": NSD tự nhập, kiểu text, tối đa 200 ký tự
  - + Cột (3) - "Mã số thuế": NSD nhập tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
  - + Cột "Chọn": Nếu là Nhà máy thủy điện thì đánh dấu vào ô chọn, còn nếu là Địa phương phân bổ thì để trống và Nếu là nhà máy thủy điện thì Khóa tại cột Cơ quan thuế quản lý, Tỷ lệ phân bổ (%), Số thuế giá trị gia tăng phải nộp.
  - + Cột (4) - "CQT địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện": Chọn trong danh mục Cơ quan thuế quản lý cấp Cục.
  - + Cột (5) - "Tỷ lệ phân bổ (%)": cho phép NSD tự nhập dạng xx,xx
  - + Cột (6) - "Số thuế GTGT phải nộp": cho phép NSD nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
  - + Dòng Tổng cộng số thuế GTGT phải nộp: Cho phép NSD tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0

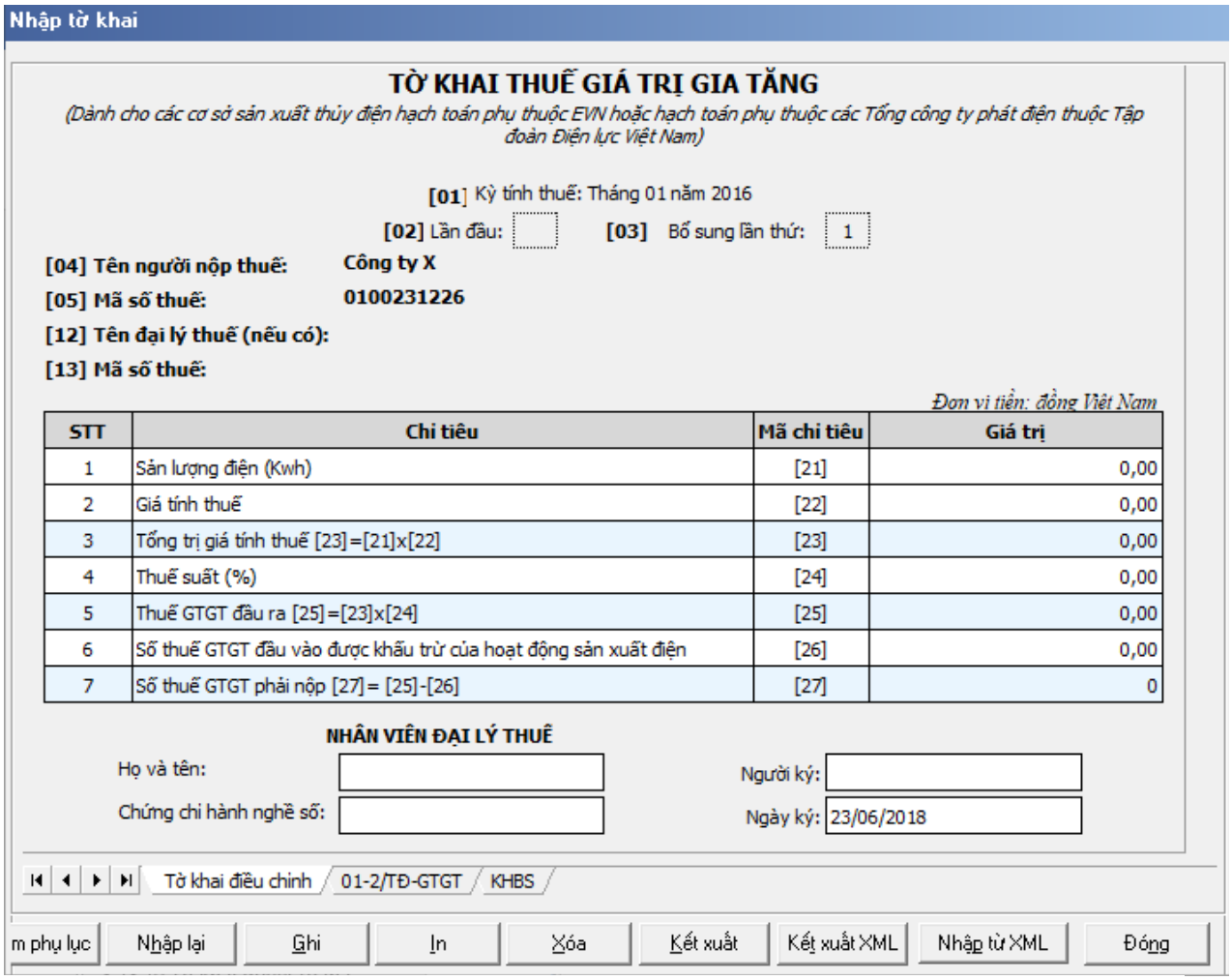
B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" NNT phải nhập thêm các thông tin về lần bổ sung, ngày lập tờ khai bổ sung và cho phép đính kèm phụ lục 01-2/TĐ-GTGT như sau:

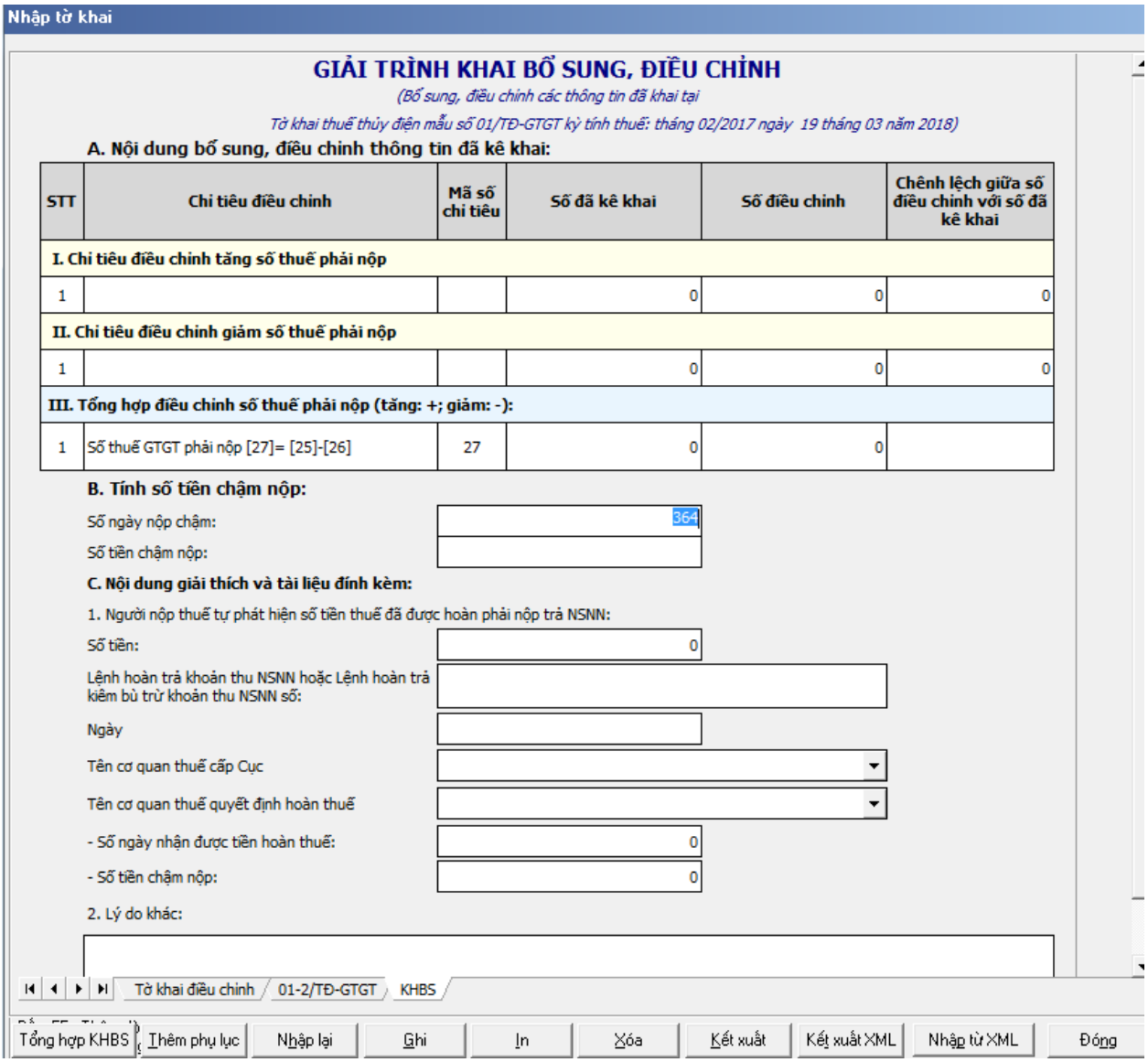
+ Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục 01-2/TĐ-GTGT thì ở Tờ khai bổ sung/ bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó. Trường hợp ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1 chưa kê khai phụ lục 01-2/TĐ-GTGT, cho phép NNT đính kèm thêm phụ lục khi khai bổ sung.



- Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet "Tờ khai điều chỉnh", phụ lục 01-2/TĐ-GTGT và "KHBS"



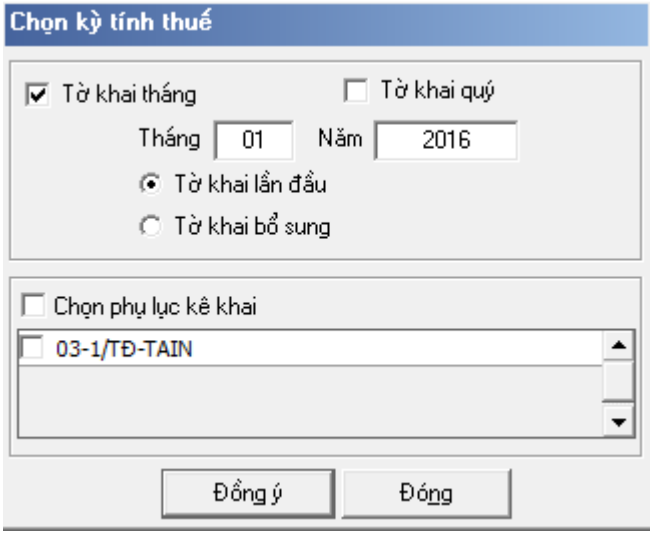
- Kê khai điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu [27] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.



3.17.2 Tờ khai thuế tài nguyên mẫu 03/TĐ-TAIN đáp ứng công văn 4943/TCT-KK

Cách gọi:

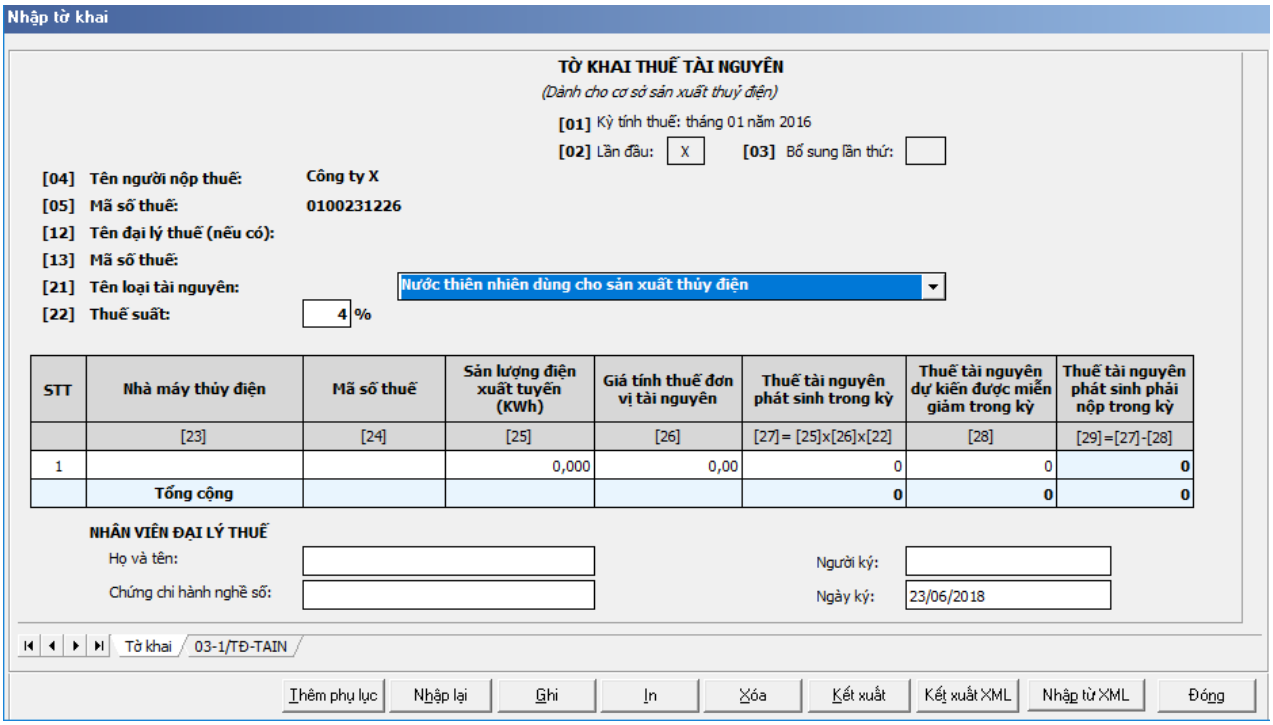
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Thủy điện" chọn "Tờ khai thuế tài nguyên – 03/TĐ-TAIN".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng tháng hoặc quý hiện tại -1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn tháng hoặc quý hiện tại.
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai TAIN dành cho thủy điện mẫu 03/TĐ-TAIN.

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

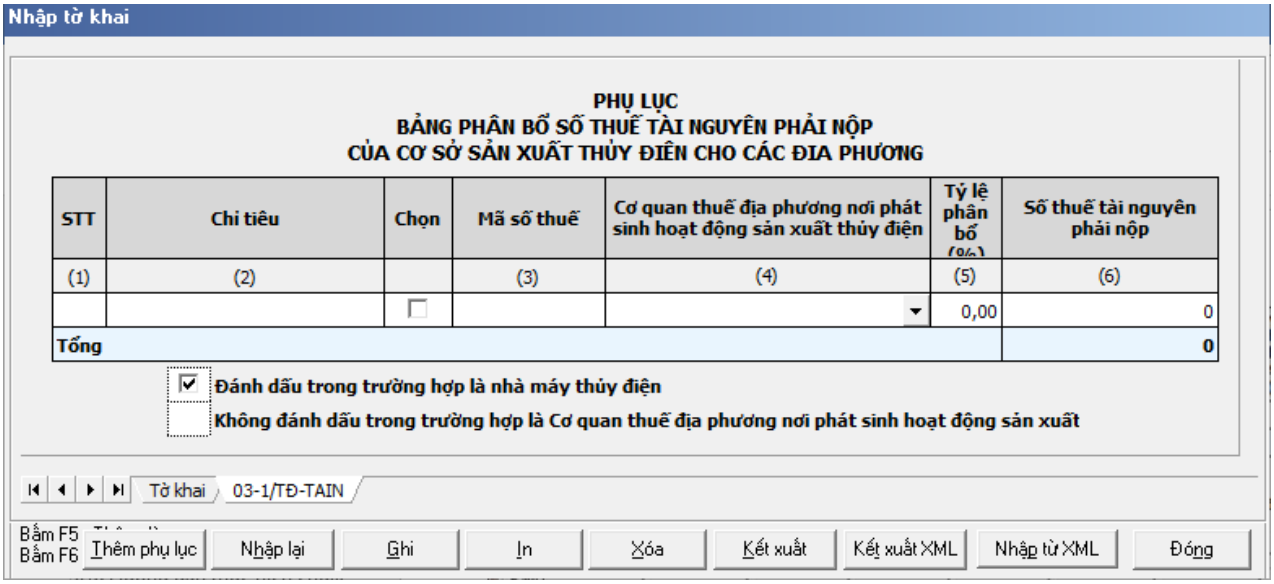
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [21]: Chọn trong danh mục tài nguyên, mặc định là "Tài nguyên nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện", chỉ bao gồm nhóm loại nước tài nguyên.
    - Đối với kỳ kê khai từ tháng 2/2014 trở đi thì các loại tài nguyên được lấy theo Nghị quyết 712/2013/UBTVQH13
    - Đối với kỳ kê khai từ tháng 7/2016 trở đi thì các loại tài nguyên được lấy theo Nghị quyết 1084/2015/UBTVQH13
  - + Chỉ tiêu [22]: Mặc định theo loại tài nguyên, không cho phép sửa
  - + Chỉ tiêu [23] – Nhà máy thủy điện: NSD tự nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự
  - + Chỉ tiêu [24] – Mã số thuế: NSD nhập tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
  - + Chỉ tiêu [25]– Sản lượng điện xuất tuyến (KW/h): NNT tự nhập dạng xx,xxx.
  - + Chỉ tiêu [26] – Giá tính thuế đơn vị tài nguyên: NNT tự nhập dạng xx,xx.
  - + Chỉ tiêu [28] –Thuế TN dự kiến được miễn giảm trong kỳ : NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Các chỉ tiêu tính toán
  - + Chỉ tiêu [27] – Thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức [27] = [25] * [26] * [22], cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [29] – Thuế TN phát sinh phải nộp trong kỳ: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức [29] = [27] – [28], nếu âm thì [29] = 0
+ Dòng Tổng cộng lấy tổng của các chỉ tiêu tương ứng [27], [28], [29]

Phụ lục 03-1/TĐ-TAIN: Bảng kê Bảng phân bổ số thuế Tài nguyên phải nộp của cơ sở sản xuất thủy điện cho các địa phương



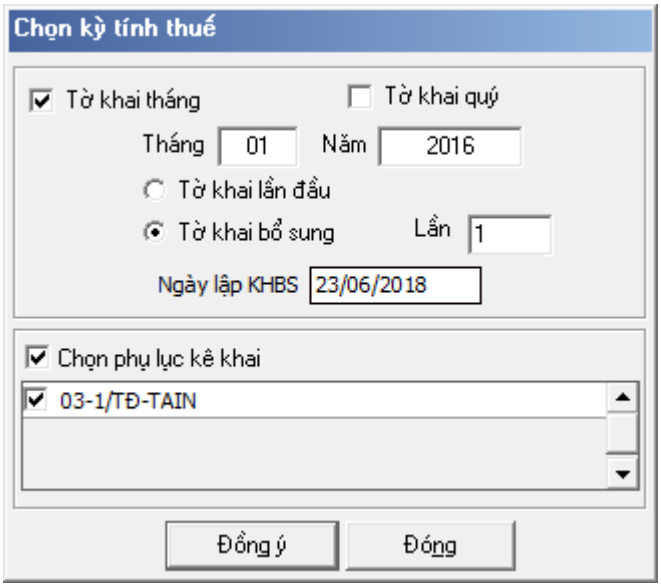
+ STT: cho phép NSD nhập kiểu text , tối đa 10 ký tự
+ Chỉ tiêu: Tự nhập kiểu text, độ dài tối đa 200 ký tự
+ Cột "Chọn": Nếu là Nhà máy thủy điện thì đánh dấu vào ô chọn, còn nếu là Địa phương phân bổ thì để trống và Nếu là nhà máy thủy điện thì Khóa tại cột Cơ quan thuế quản lý, Tỷ lệ phân bổ (%), Số thuế giá trị gia tăng phải nộp.
+ Mã số thuế: Nhập tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
+ CQT địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện: Chọn trong danh mục Cơ quan thuế quản lý cấp Cục.
+ Tỷ lệ phân bổ (%):cho phép NSD tự nhập dạng xx,xx.
+ Số thuế tài nguyên phải nộp: Nhập kiểu số không âm, mặc định là 0
+ Dòng Tổng cộng cột "Số thuế tài nguyên phải nộp": NSD tự nhập

B.Trường hợp khi tờ khai bổ sung

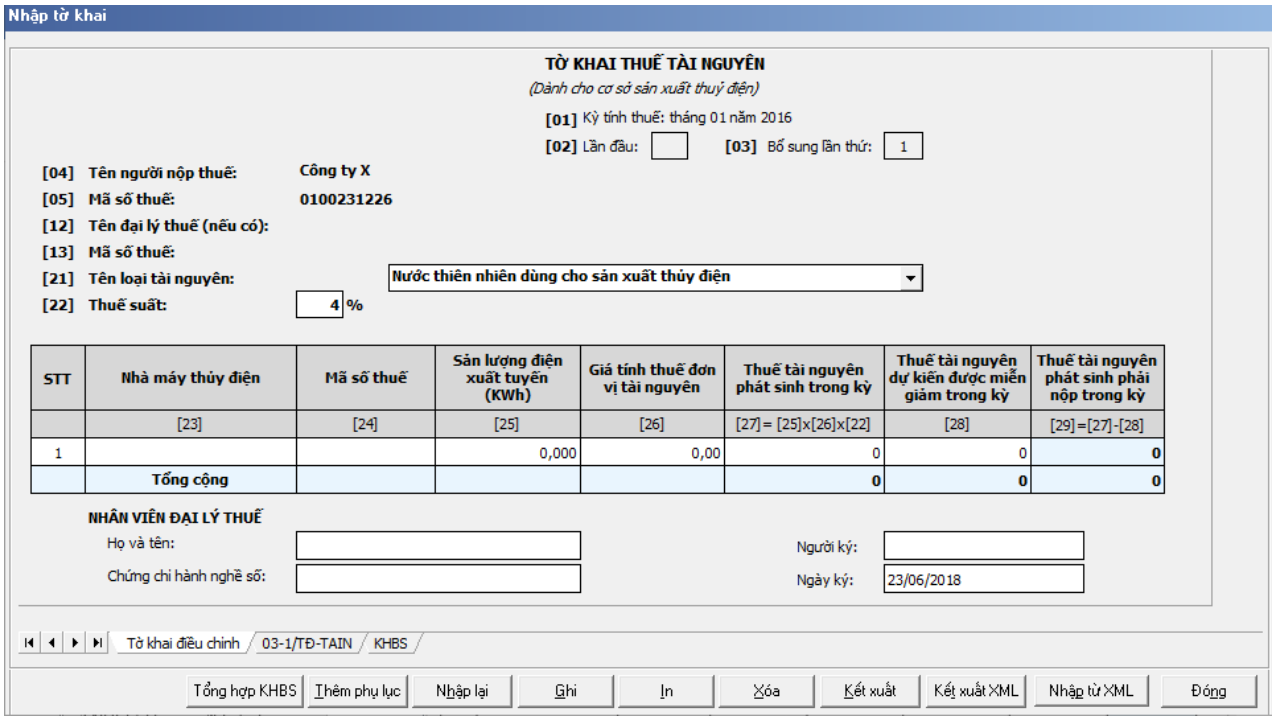
- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" NNT phải nhập thêm các thông tin về lần bổ sung, ngày lập tờ khai bổ sung và cho phép đính kèm phụ lục 03-1/TĐ-TAIN như sau:

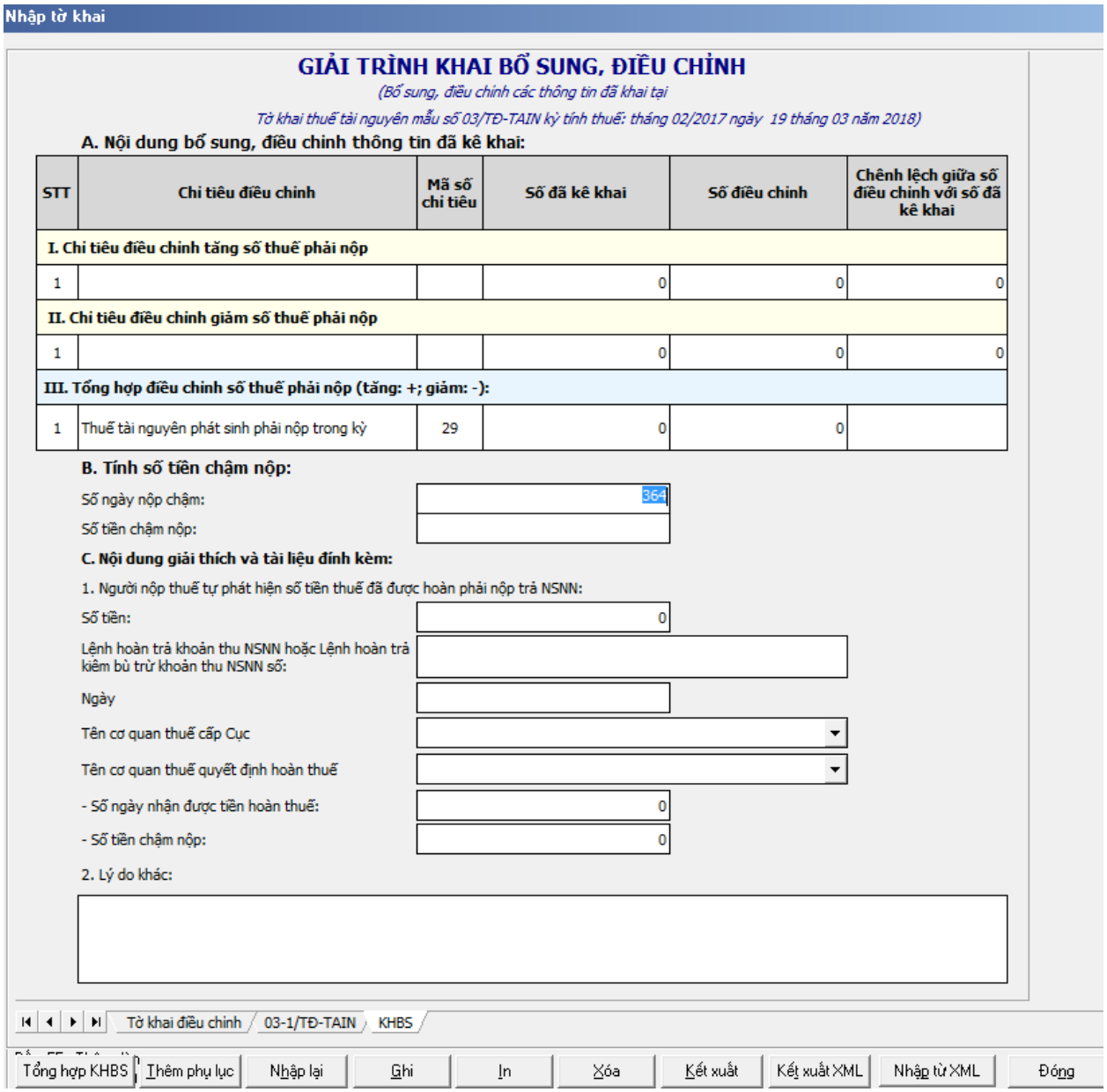
+ Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục 03-1/TĐ-TAIN thì ở Tờ khai bổ sung/ bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó. Trường hợp ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1 chưa kê khai phụ lục 03-1/TĐ-TAIN , cho phép NNT đính kèm thêm phụ lục khi khai bổ sung.

-



- Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet "Tờ khai điều chỉnh", phụ lục 03-1/TĐ-TAIN (nếu tích chọn) và "KHBS"



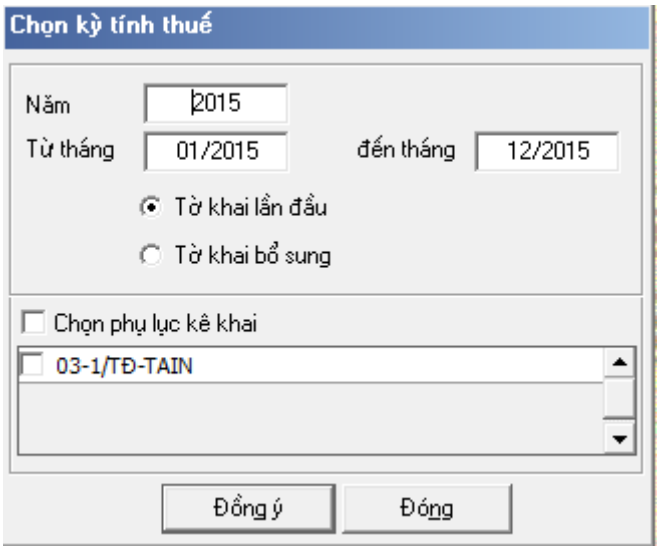


- Kê khai điều chỉnh bổ sung các chỉ tiêu [28], [29] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.17.3 Tờ khai thuế quyết toán thuế tài nguyên dành cho thủy điện mẫu 03A/TĐ-TAIN đáp ứng công văn 4943/TCT-KK

Cách gọi:

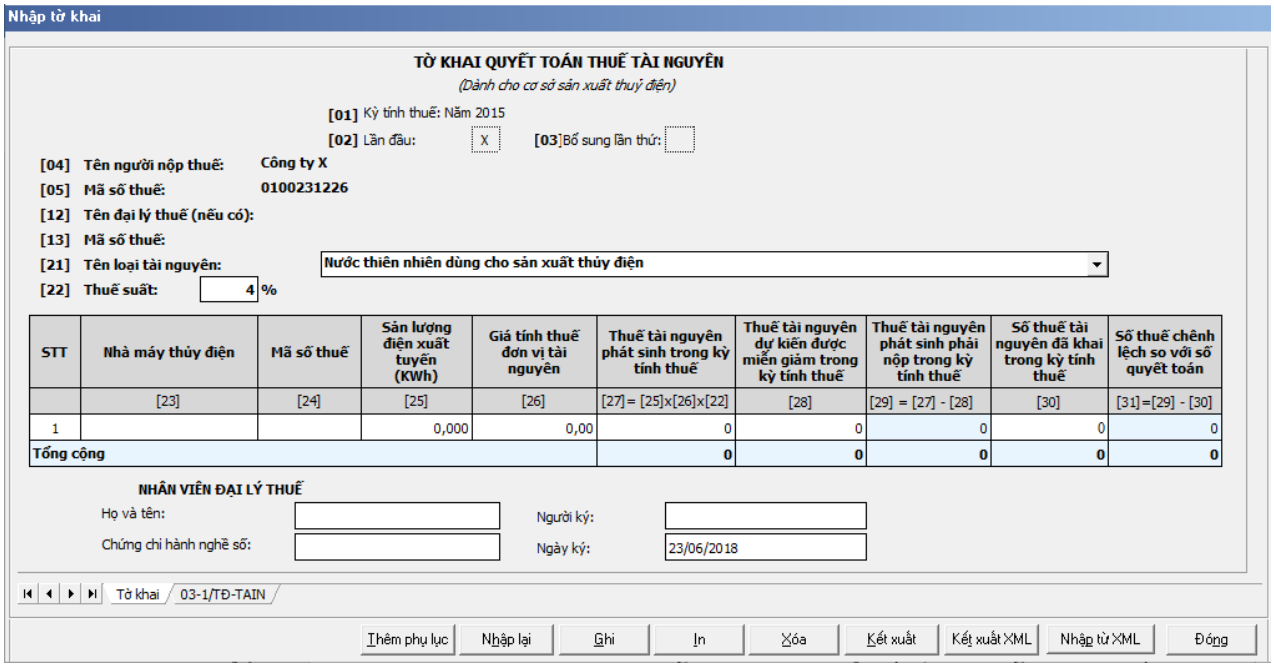
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Thủy điện" chọn "Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên – 03A/TĐ-TAIN".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế bạn cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế: Ứng dụng sẽ để mặc định kỳ tính thuế bằng năm hiện tại - 1, bạn có thể nhập kỳ tính thuế nhưng không được chọn kỳ tính thuế lớn hơn năm hiện tại.
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán thuế TAIN dành cho thủy điện mẫu 03A/TĐ-TAIN.

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

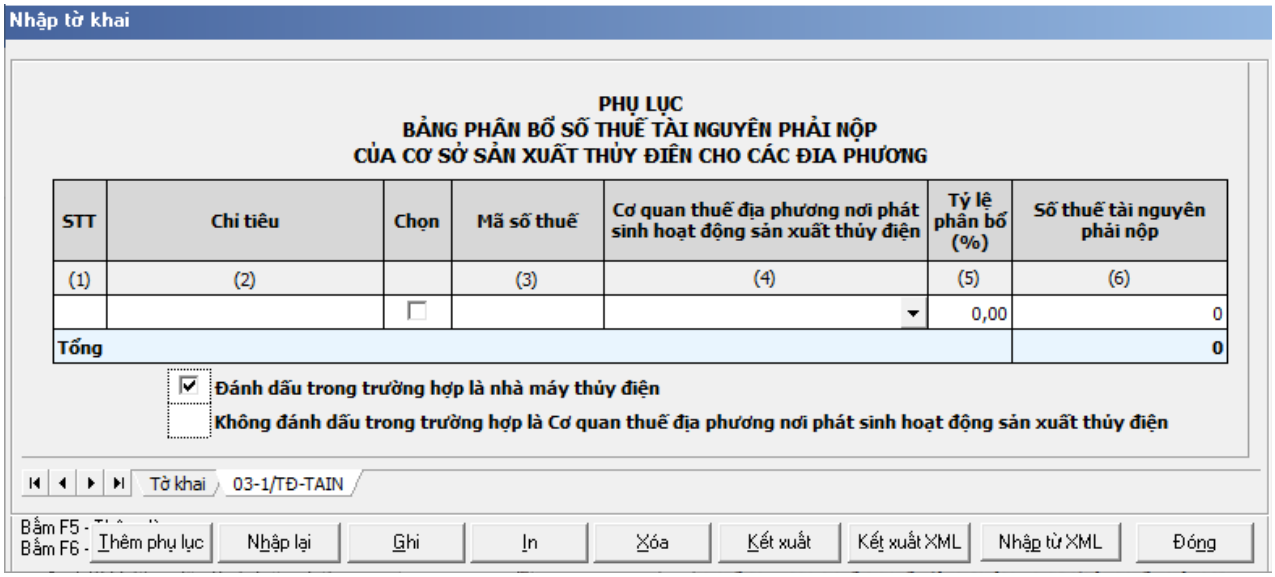
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [21]: Chọn trong danh mục tài nguyên, mặc định là "Tài nguyên nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện", chỉ bao gồm nhóm loại nước tài nguyên.
    - Đối với kỳ kê khai từ tháng 2/2014 trở đi thì các loại tài nguyên được lấy theo Nghị quyết 712/2013/UBTVQH13
    - Đối với kỳ kê khai từ tháng 7/2016 trở đi thì các loại tài nguyên được lấy theo Nghị quyết 1084/2015/UBTVQH13
  - + Chỉ tiêu [22]: Mặc định theo loại tài nguyên, không cho phép sửa
  - + Chỉ tiêu [23] – Nhà máy thủy điện: NSD tự nhập, dạng text, tối đa 200 ký tự
  - + Chỉ tiêu [24] – Mã số thuế: NSD nhập tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
  - + Chỉ tiêu [25]– Sản lượng điện xuất tuyến (KW/h): NNT tự nhập dạng xx,xxx.
  - + Chỉ tiêu [26] – Giá tính thuế đơn vị tài nguyên: NNT tự nhập dạng xx,xx.
  - + Chỉ tiêu [28], [30]: NNT tự nhập dạng số, không âm, mặc định là 0
- Các chỉ tiêu tính toán
  - + Chỉ tiêu [27] – Thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức [27] = [25] * [26] * [22], cho phép sửa
  - + Chỉ tiêu [29] – Thuế TN phát sinh phải nộp trong kỳ: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức [29] = [27] – [28], nếu âm thì [29] = 0

+ Chỉ tiêu [31] – Số thuế chênh lệch so với số quyết toán: Ứng dụng hỗ trợ tính theo công thức [31] = [29] – [30], kết quả có thể âm
+ Dòng Tổng cộng lấy tổng của các chỉ tiêu tương ứng [27], [28], [29], [30], [31]

Phụ lục 03-1/TĐ-TAIN: Bảng kê Bảng phân bổ số thuế Tài nguyên phải nộp của cơ sở sản xuất thủy điện cho các địa phương

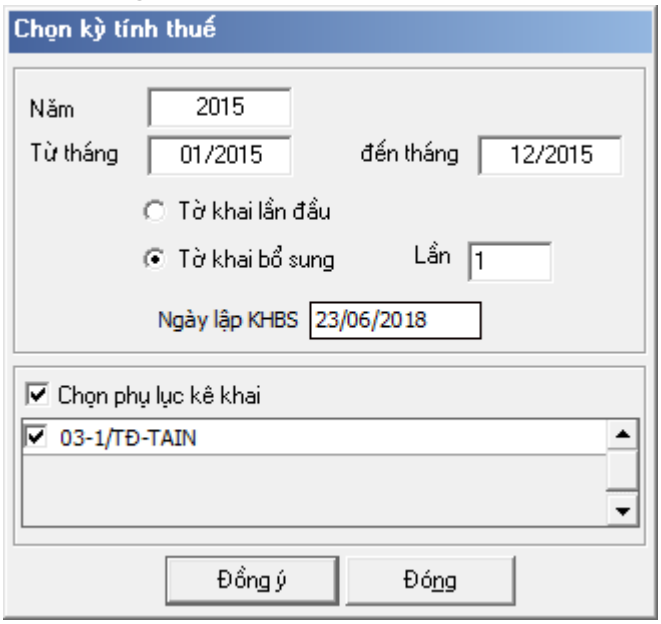


+ STT: cho phép NSD nhập kiểu text , tối đa 10 ký tự
+ Chỉ tiêu: Tự nhập kiểu text, độ dài tối đa 200 ký tự
+ Mã số thuế: Nhập tối đa 14 ký tự, kiểm tra cấu trúc MST
+ Cột "Chọn": Nếu là Nhà máy thủy điện thì đánh dấu vào ô chọn, còn nếu là Địa phương phân bổ thì để trống và Nếu là nhà máy thủy điện thì Khóa tại cột Cơ quan thuế quản lý, Tỷ lệ phân bổ (%), Số thuế giá trị gia tăng phải nộp.
+ CQT địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện: Chọn trong danh mục Cơ quan thuế quản lý cấp Cục.
+ Tỷ lệ phân bổ (%):cho phép NSD tự nhập dạng xx,xx.
+ Số thuế tài nguyên phải nộp: Nhập kiểu số không âm, mặc định là 0
+ Dòng Tổng cộng cột "Số thuế tài nguyên phải nộp": NSD tự nhập

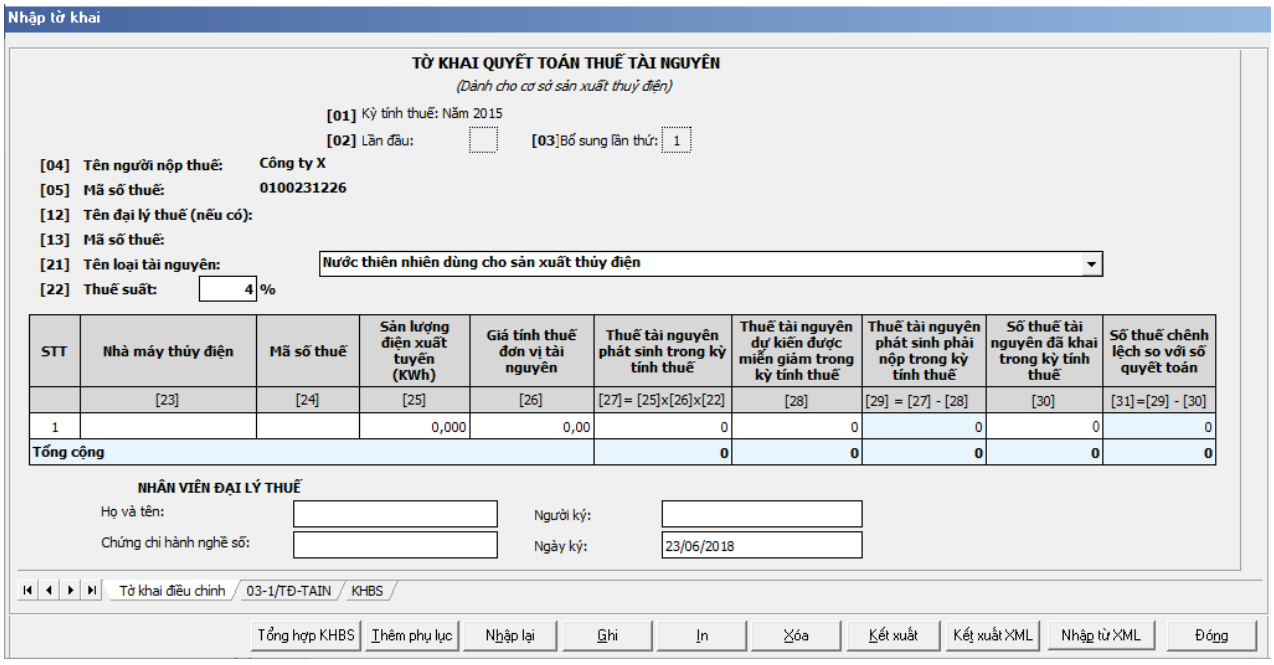
B.Trường hợp khi tờ khai bổ sung

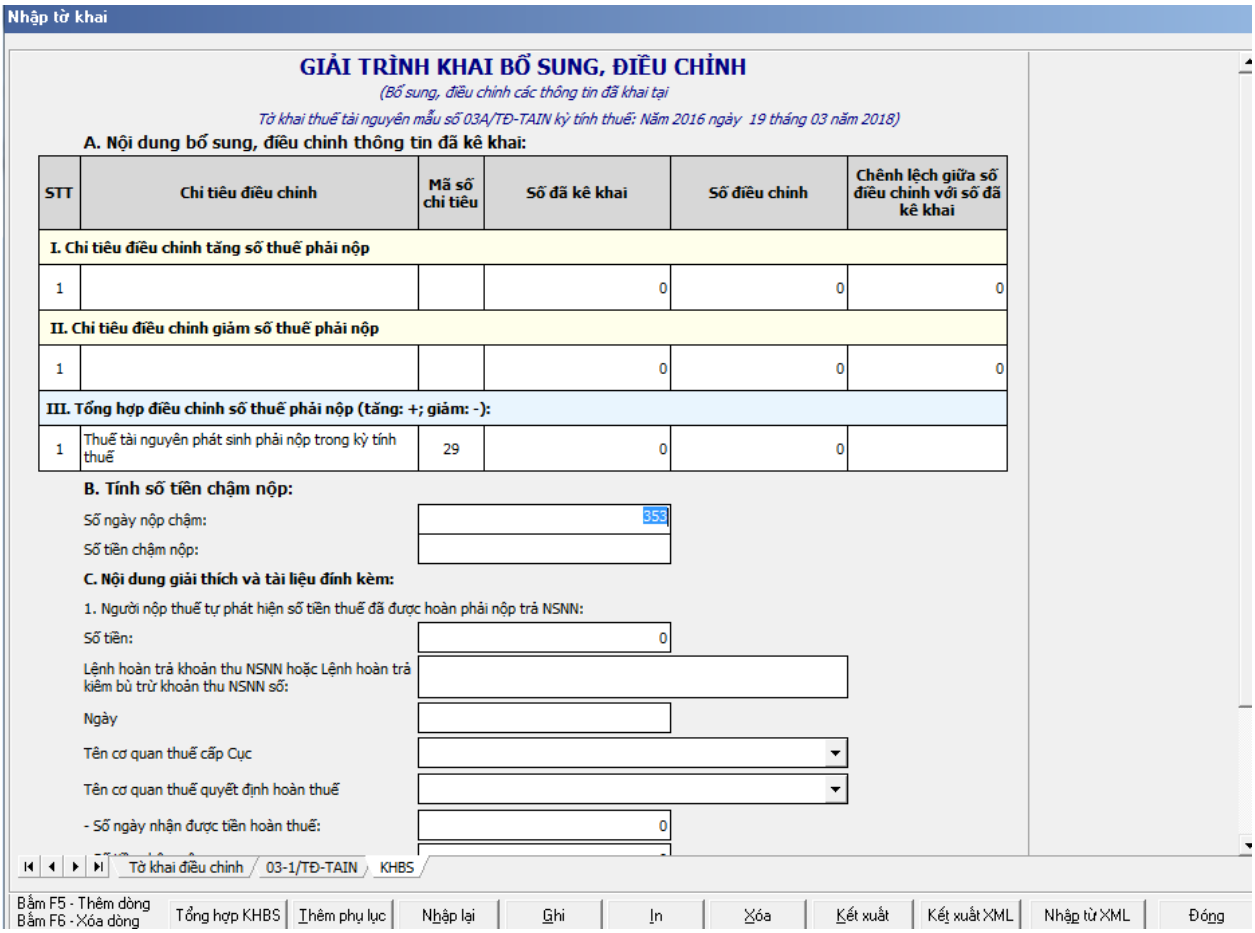
- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" NNT phải nhập thêm các thông tin về lần bổ sung, ngày lập tờ khai bổ sung và cho phép đính kèm phụ lục 03-1/TĐ-TAIN như sau:

+ Nếu ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1, NNT đã kê khai phụ lục 03-1/TĐ-TAIN thì ở Tờ khai bổ sung/ bổ sung lần N, ứng dụng sẽ mặc định tích chọn phụ lục đó. Trường hợp ở tờ khai lần đầu hoặc lần bổ sung N-1 chưa kê khai phụ lục 03-1/TĐ-TAIN , cho phép NNT đính kèm thêm phụ lục khi khai bổ sung.



- Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm sheet "Tờ khai điều chỉnh", phụ lục 03-1/TĐ-TAIN (nếu tích chọn) và "KHBS"





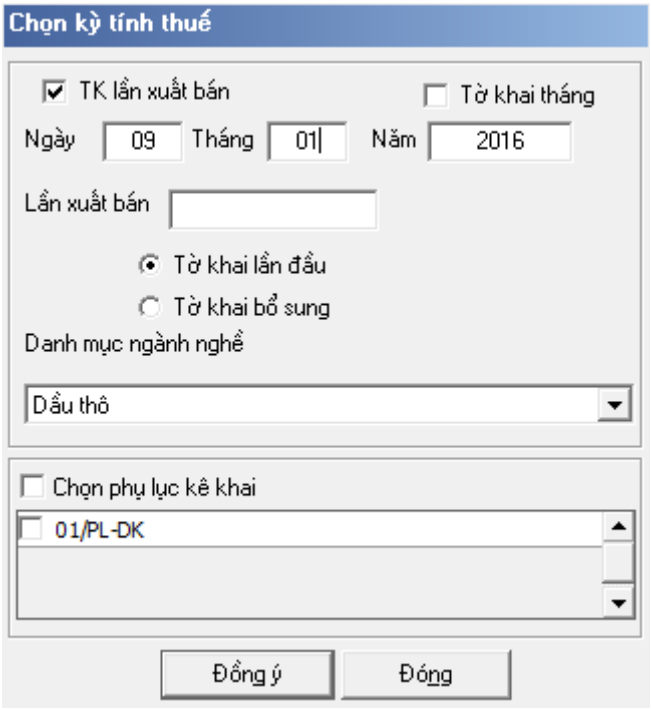
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [28], [29] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai các mẫu tờ khai thuế đối với đơn vị Dầu khí

3.18.1 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí mẫu 01A/TNDN- DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

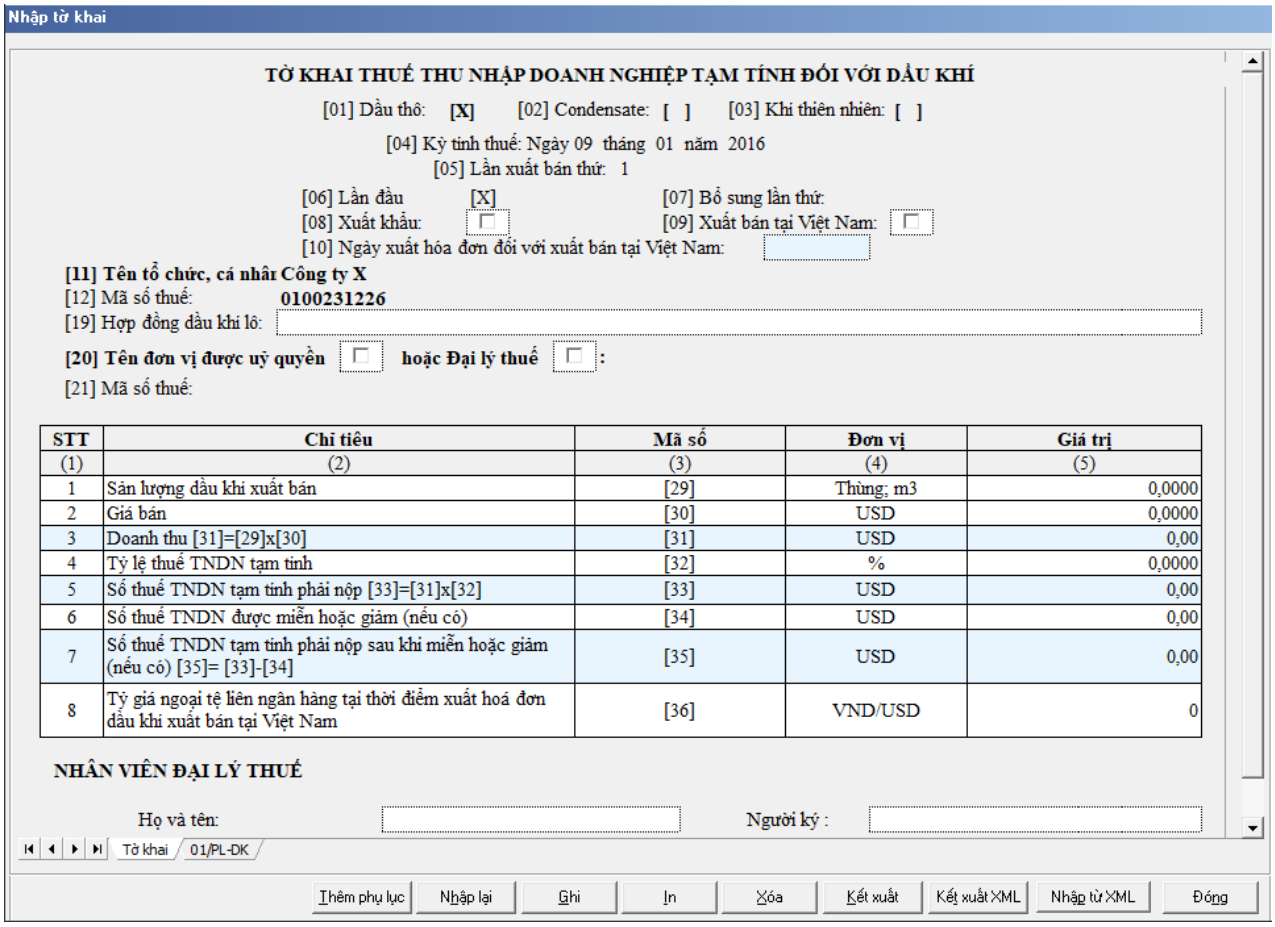
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Tờ khai tạm tính đối với dầu khí – 01A/TNDN-DK".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế theo lần xuất bán:
    - Ngày tháng năm: Mặc định là ngày hiện tại
    - Lần xuất bán: Cho phép NSD tự nhập dạng text, tối đa 10 lý tự
    - Kỳ tính thuế theo lần xuất bán: UD cho phép NSD chọn "Dầu thô" hoặc "Condensate"
  + Kê khai theo tháng, mặc định là Tháng hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn tháng hiện tại của hệ thống
    - Kỳ tính thuế theo tháng: UD cho phép NSD chọn "Khí thiên nhiên"
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí mẫu 01A/TNDN- DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

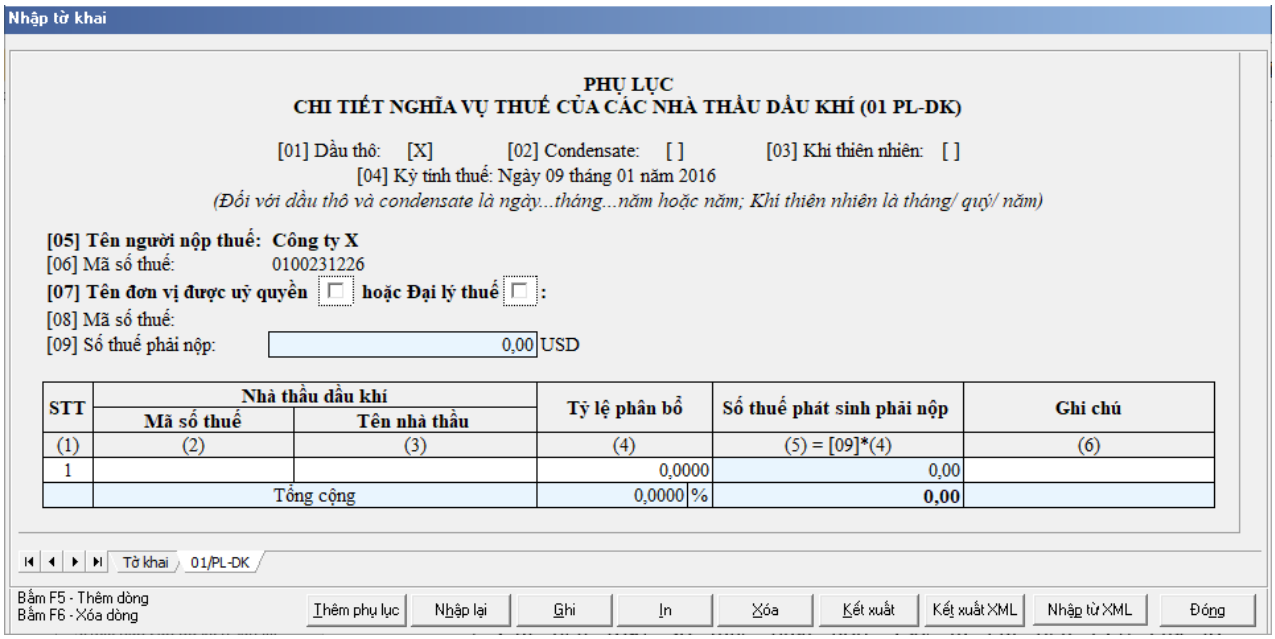
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [01], [02], [03]: tự hiển thị
  - + Chỉ tiêu [08], [09]: UD chỉ cho phép NSD lựa chọn 1 trong 2 chỉ tiêu này.
  - + Chỉ tiêu [10]: Nhập kiểu dd/mm/yyyy, chỉ cho phép nhập khi nhập chỉ tiêu [09]
  - + Chỉ tiêu [19]: Nhập dạng text
  - + Chỉ tiêu [20]: Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Cho phép NSD chọn 1 trong 2 loại. Nếu ở phần Thông tin doanh nghiệp có nhập thông tin đại lý thuế thì khi trên tờ khai sẽ mặc định tích vào ô Đại lý thuế và cho phép sửa. Nếu không nhập thông tin Đại lý thuế ở phần Thông tin doanh nghiệp thì UD không cho check chọn cả hai ô Đại lý thuế và Đại lý ủy quyền.
  - + Chỉ tiêu [29]: Nhập dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [30]: Nhập dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [32]: Nhập theo dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [34] = nhập dạng xx,xx. Kiểm tra chỉ tiêu [34] <= [33]
  - + Chỉ tiêu [36]: UD chỉ bắt buộc Nhập theo dạng số,tối đa 5 chữ số, không âm khi lựa chọn chỉ tiêu [09], mặc định là 0

- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [31] = [29] * [30]
  + Chỉ tiêu [33] = [31] * [32], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, nếu âm thì [33] = 0
  + Chỉ tiêu [35] = [33] – [34], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, nếu âm thì [35] = 0

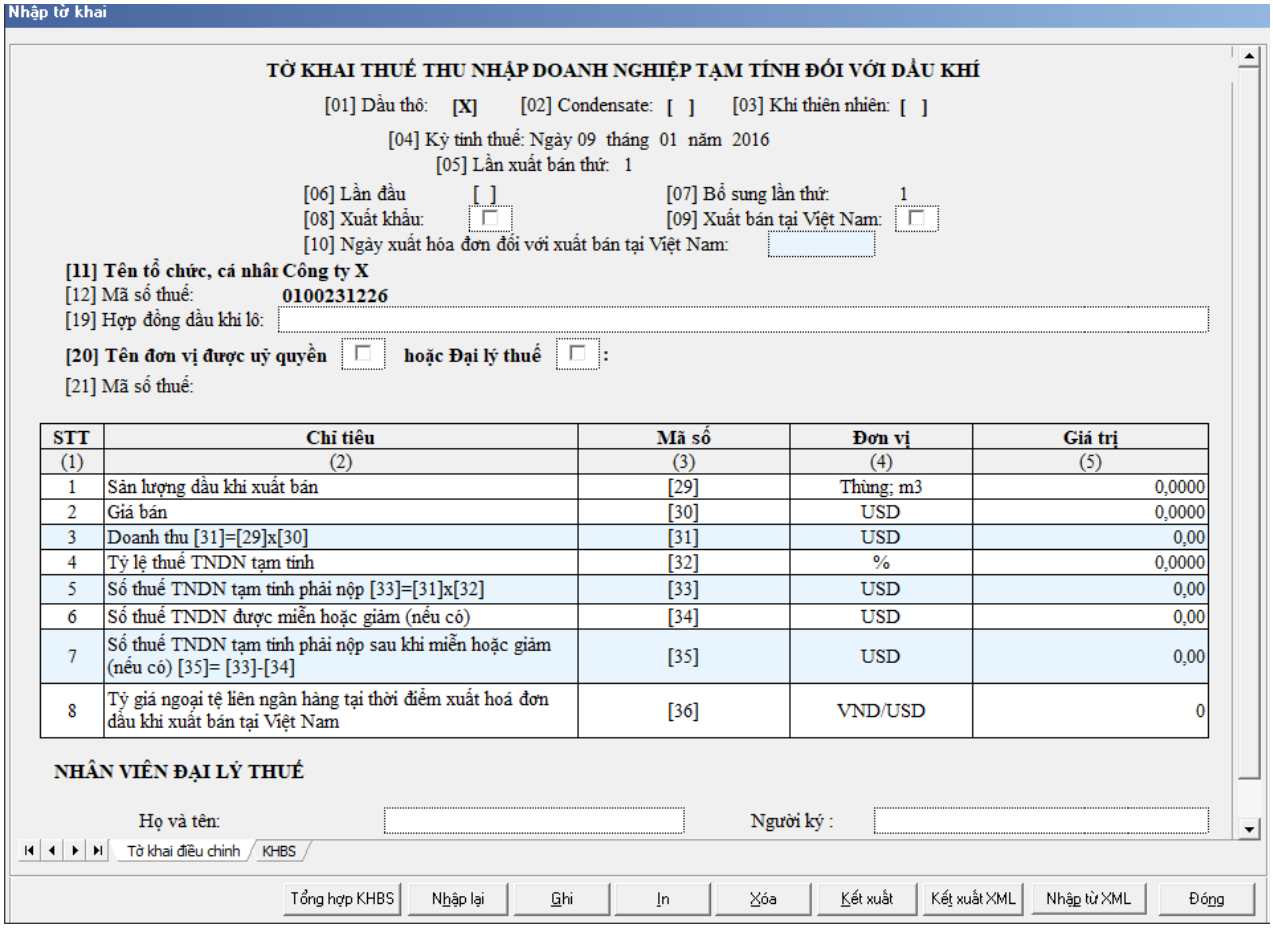
Phụ lục 01/PL-DK: Chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí

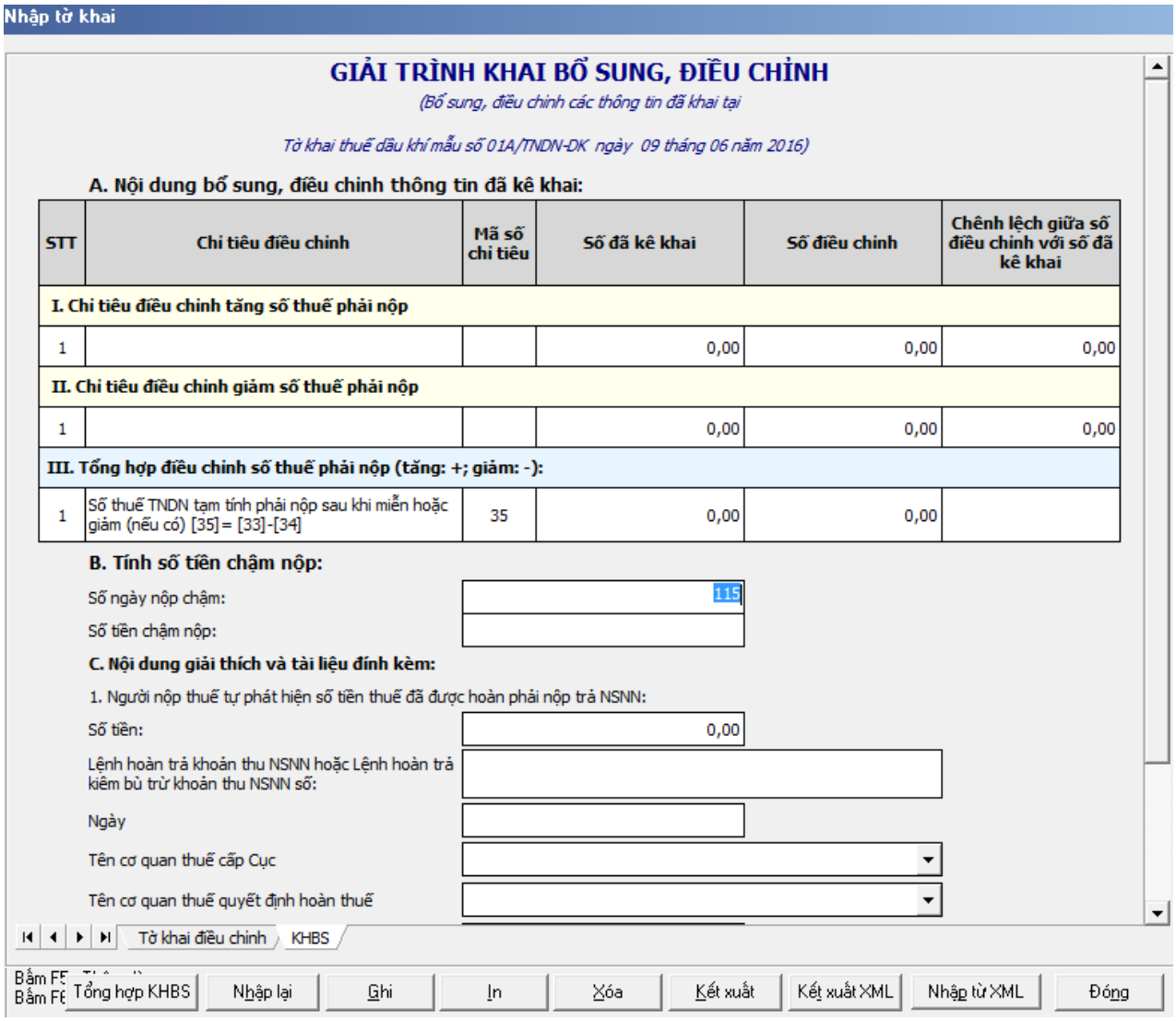


  + Chỉ tiêu [09] Số thuế phải nộp: Lấy từ chỉ tiêu [35] của tờ 01A/TNDN_DK chuyển sang
  + Cột (2) – Mã số thuế của nhà thầu dầu khí: NSD tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST.
  + Cột (3) – Tên nhà thầu: Tự nhập kiểu text
  + Cột (4) – Tỷ lệ phân bổ: cho phép NSD tự nhập dạng xx,xxxx
  + Cột (5) – Số thuế phát sinh phải nộp: (5) = chỉ tiêu [09] * cột (4), làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì set = 0
  + Cột (6) – Ghi chú: NSD tự nhập kiểu text, tối đa 250 ký tự
  + Tổng cộng cột (4): hệ thống tự tính. Kiểm tra tổng cột (4) phải bằng 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo "Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"
  + Tổng cộng cột (5) = tổng các dòng cột (5). Kiểm tra phải bằng chỉ tiêu [09], nếu khác thì hiển thị cảnh báo đỏ "Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

B.Trường hợp khi tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



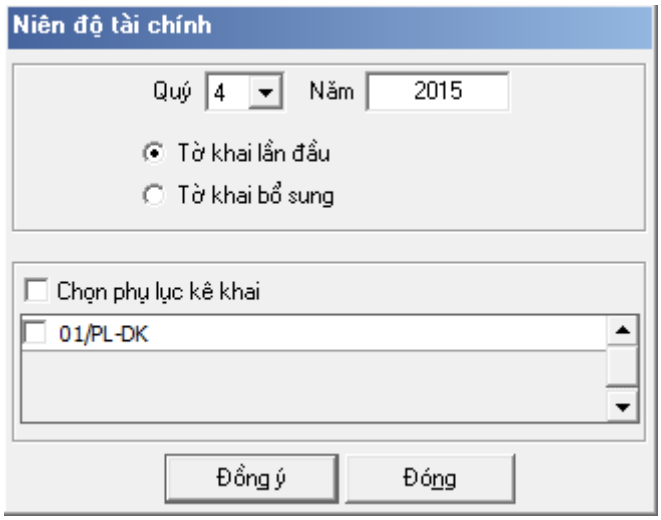


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho các chỉ tiêu [34], [35] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.2 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với khí thiên nhiên mẫu 01B/TNDN- DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

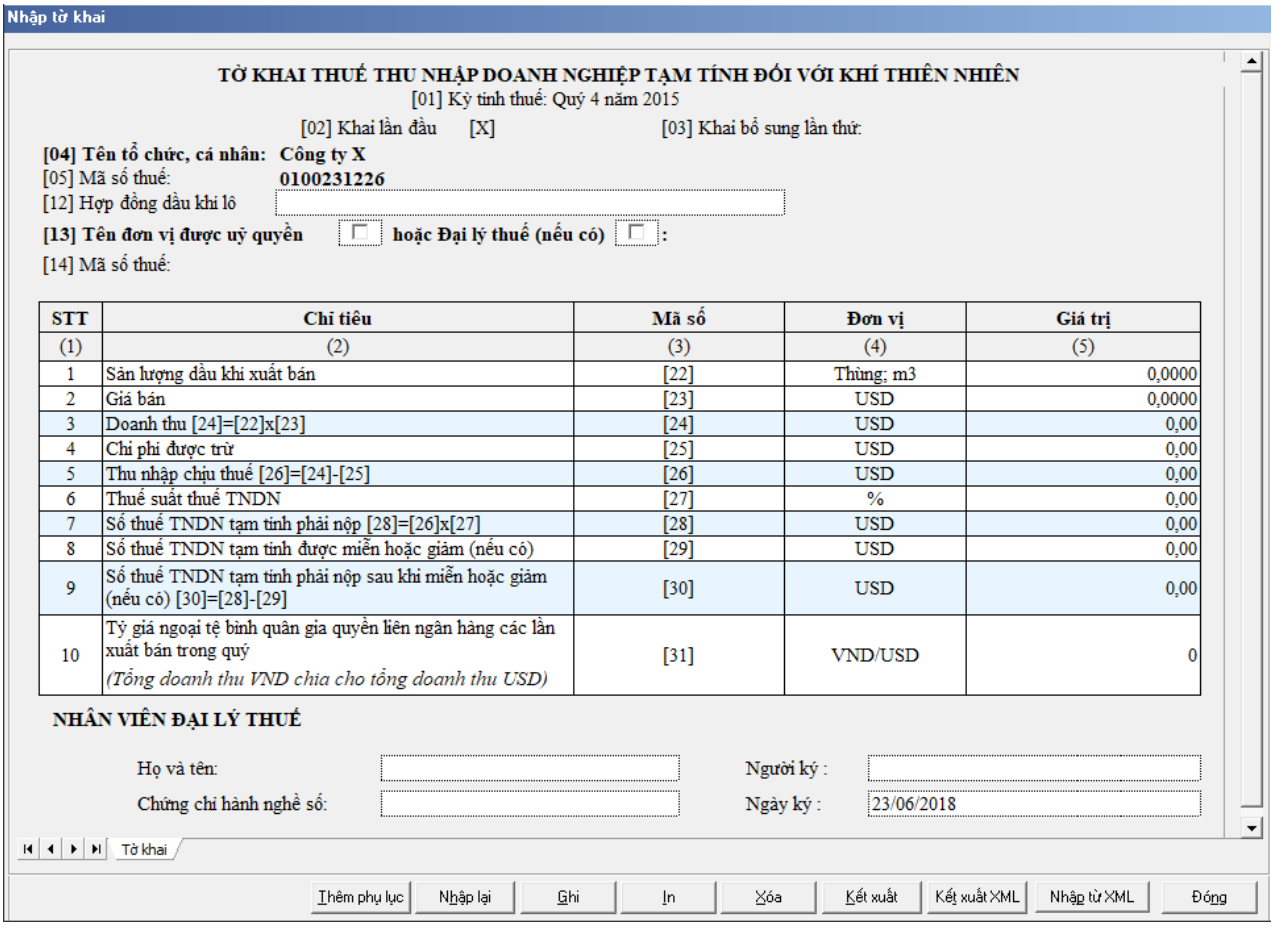
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Tờ khai tạm tính đối với khí thiên nhiên – 01B/TNDN-DK".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Nhập kỳ tính thuế theo quý: Mặc định là quý hiện tại – 1, không cho phép nhập lớn hơn kỳ hiện tại.
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với khí thiên nhiên mẫu 01B/TNDN- DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

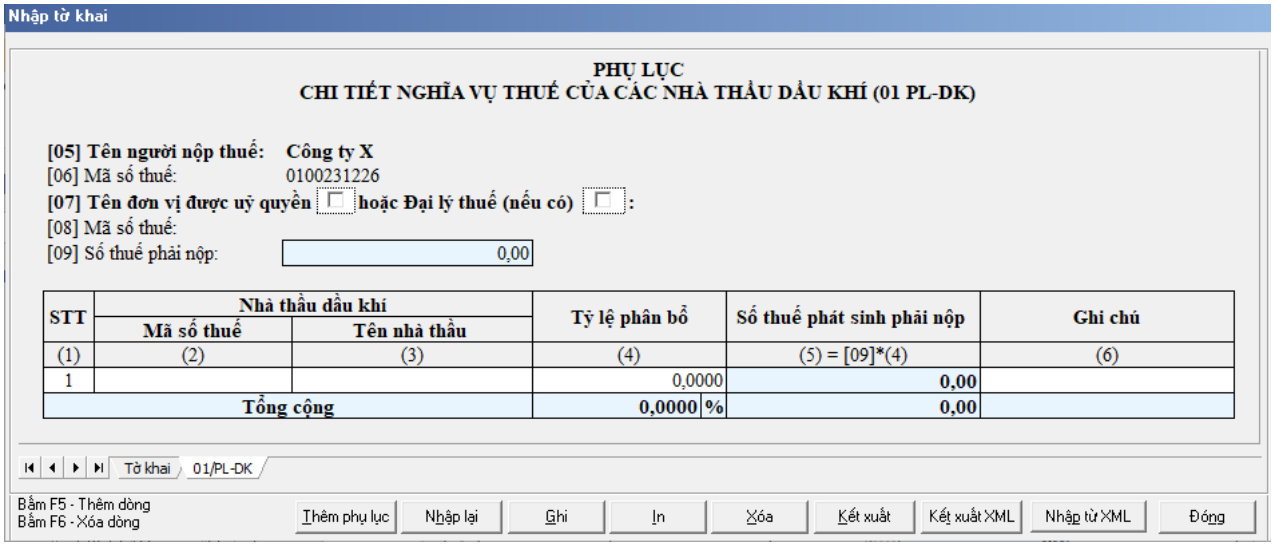
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [13]: Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Cho phép NSD chọn 1 trong 2 loại. Nếu ở phần Thông tin doanh nghiệp có nhập thông tin đại lý thuế thì khi trên tờ khai sẽ mặc định tích vào ô Đại lý thuế và cho phép sửa. Nếu không nhập thông tin Đại lý thuế ở phần Thông tin doanh nghiệp thì UD không cho check chọn cả hai ô Đại lý thuế và Đại lý ủy quyền.
  - + Chỉ tiêu [22]: Nhập dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [25], [27], [29] : Nhập dạng xx, xx. Kiểm tra chỉ tiêu [29] <= [28]
  - + Chỉ tiêu [23]: Nhập dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [27]: Nhập dạng xx,xx%.
  - + Chỉ tiêu [31]: Bắt buộc nhập theo dạng số nguyên đồng, không âm, mặc định là 0, tối đã 5 chữ số.
- Các chỉ tiêu tính toán:
  - + Chỉ tiêu [24] = [22] * [23] , làm tròn đến 2 số sau dấu phảy
  - + Chỉ tiêu [26] = [24] – [25], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy
  - + Chỉ tiêu [28] = [26] * [27] , làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, nếu âm thì [28] = 0

+ Chỉ tiêu [30] = [28] – [29] , làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, nếu âm thì [30] = 0

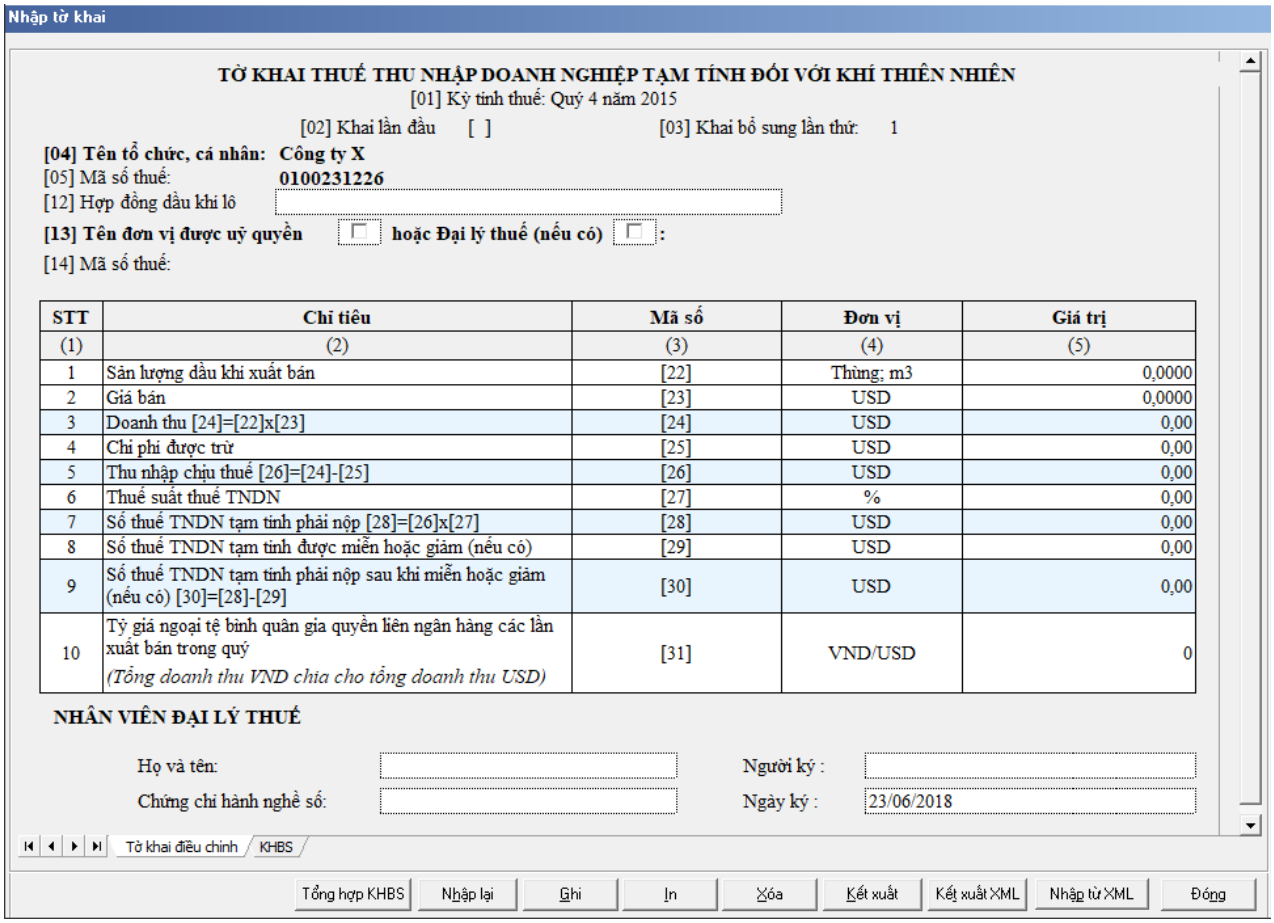
Phụ lục 01/PL-DK: Chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí



+ Chỉ tiêu [09]: Số thuế phải nộp: Lấy từ chỉ tiêu [30] của tờ khai 01B/TNDN-DK chuyển sang
+ Cột (2) – Mã số thuế của nhà thầu dầu khí: NSD tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST.
+ Cột (3) – Tên nhà thầu: Tự nhập kiểu text
+ Cột (4) – Tỷ lệ phân bổ: NSD tự nhập dạng xx,xxxx
+ Cột (5) – Số thuế phát sinh phải nộp: (5) = chỉ tiêu [09] * cột (4), làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, nếu âm thì set = 0
+ Cột (6) – Ghi chú: NSD tự nhập kiểu text, tối đa 250 ký tự
+ Tổng cộng cột (4): hệ thống tự tính. Kiểm tra tổng cột (4) phải bằng 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ " Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"
+ Tổng cộng cột (5) = Tổng các dòng cột (5), kiểm tra phải bằng chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

B.Trường hợp khi tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"


Nhập tờ khai

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH ĐỐI VỚI KHÍ THIÊN NHIÊN

[01] Kỳ tính thuế: Quý 4 năm 2015

[02] Khai lần đầu [ ] [03] Khai bổ sung lần thứ: 1

[04] Tên tổ chức, cá nhân: Công ty X

[05] Mã số thuế: **0100231226**

[12] Hợp đồng dầu khí lô

[13] Tên đơn vị được uỷ quyền ☐ **hoặc Đại lý thuế (nếu có)** ☐ **:**

[14] Mã số thuế:

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[22]	Thùng; m3	0,0000
2	Giá bán	[23]	USD	0,0000
3	Doanh thu [24]=[22]x[23]	[24]	USD	0,00
4	Chi phí được trừ	[25]	USD	0,00
5	Thu nhập chịu thuế [26]=[24]-[25]	[26]	USD	0,00
6	Thuế suất thuế TNDN	[27]	%	0,00
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [28]=[26]x[27]	[28]	USD	0,00
8	Số thuế TNDN tạm tính được miễn hoặc giảm (nếu có)	[29]	USD	0,00
9	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp sau khi miễn hoặc giảm (nếu có) [30]=[28]-[29]	[30]	USD	0,00
10	Tỷ giá ngoại tệ bình quân gia quyền liên ngân hàng các lần xuất bán trong quý *(Tổng doanh thu VND chia cho tổng doanh thu USD)*	[31]	VND/USD	0

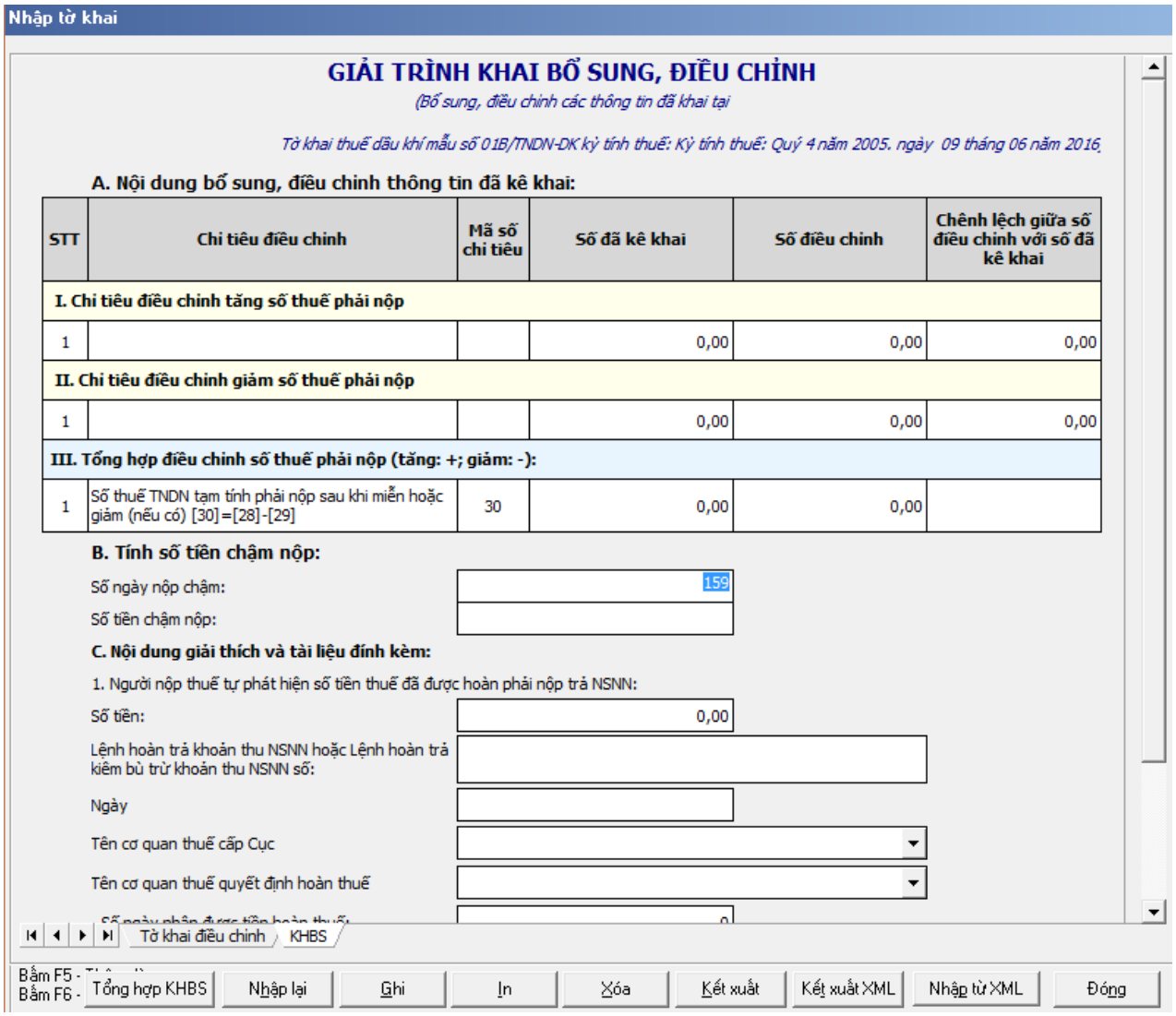
NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên: Người ký :

Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký : 23/06/2018

Tờ khai điều chỉnh | KHBS

Tổng hợp KHBS | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Kết xuất XML | Nhập từ XML | Đóng

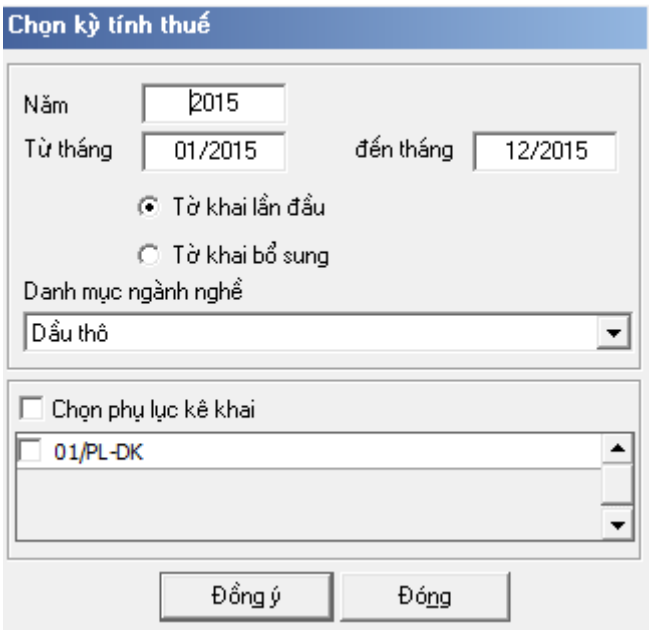


- Kê khai điều chỉnh bổ sung các chỉ tiêu [29], [30] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.3 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí mẫu 02/TNDN- DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

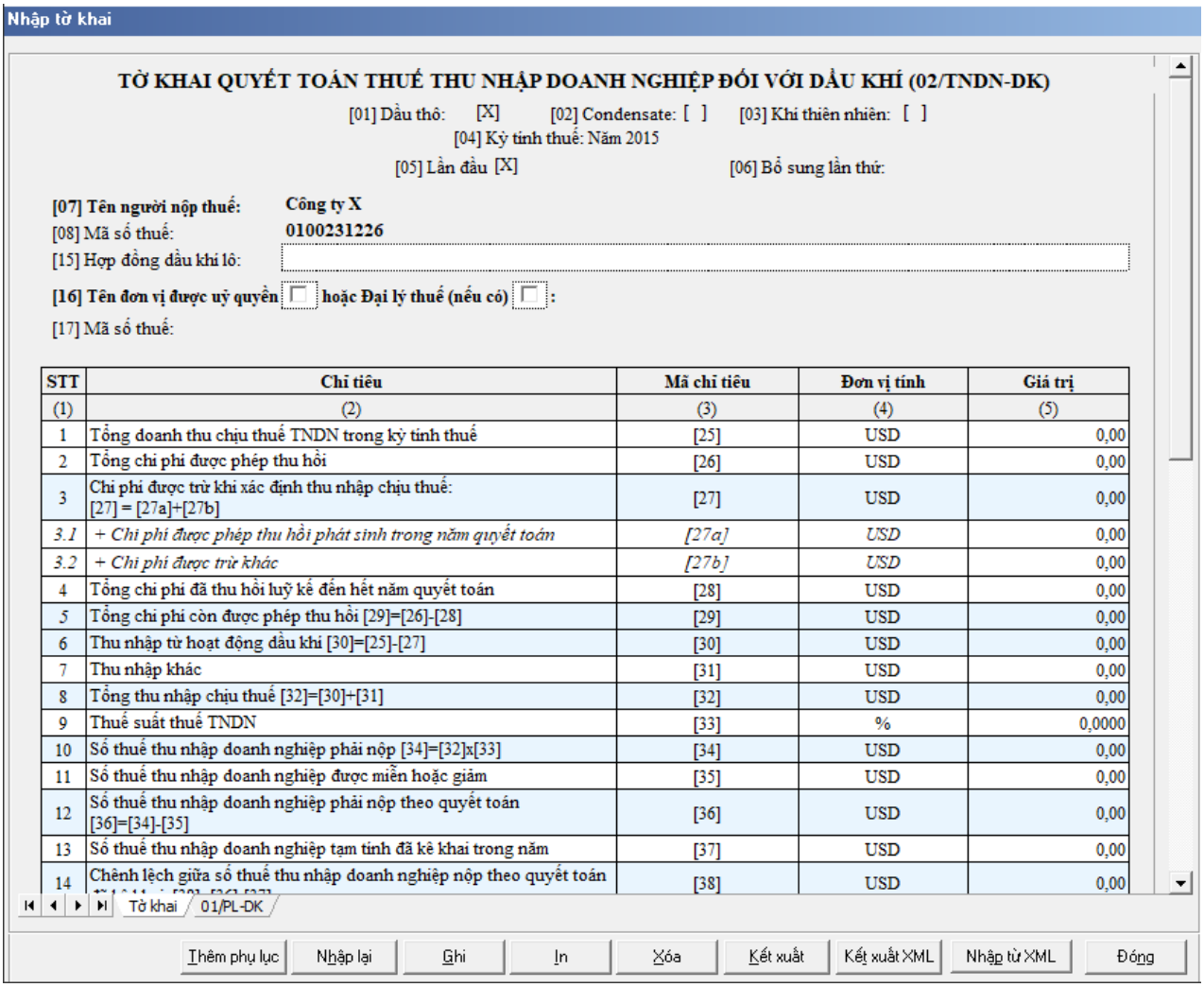
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với Dầu khí – 02/TNDN-DK".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Nhập kỳ tính thuế theo năm: Mặc định là năm hiện tại – 1, không cho phép nhập lớn hơn kỳ hiện tại.
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí mẫu 02/TNDN- DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

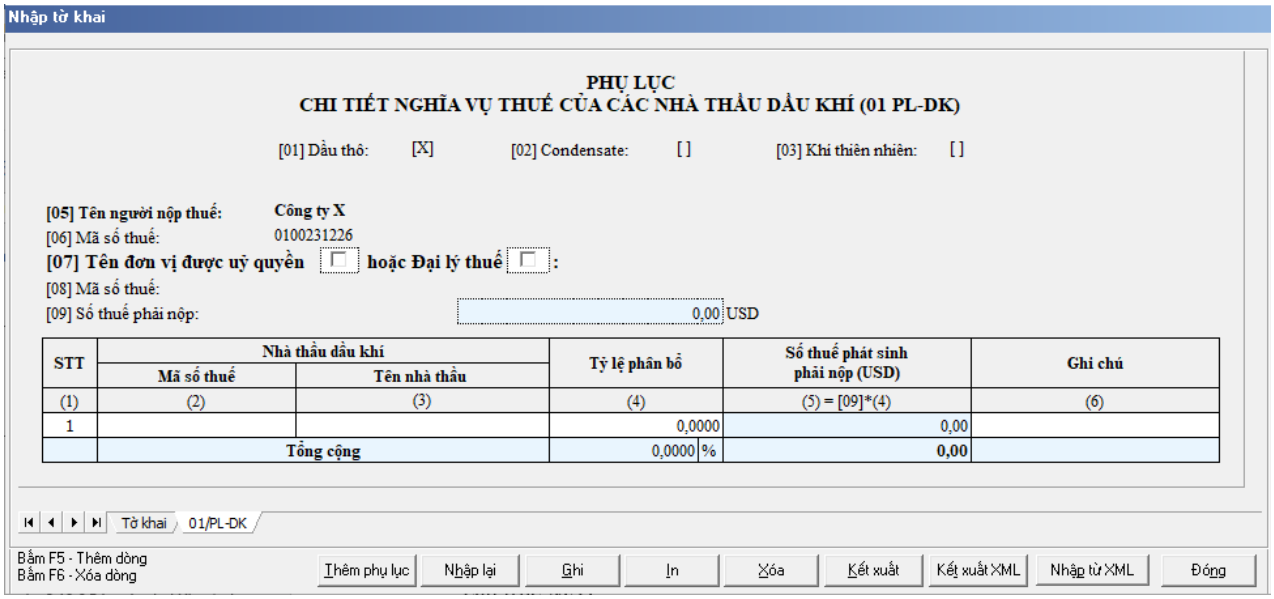
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [01], [02], [03]: tự hiển thị
  - + Chỉ tiêu [15]: Nhập dạng text
  - + Chỉ tiêu [16]: Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Cho phép NSD chọn 1 trong 2 loại. Nếu ở phần Thông tin doanh nghiệp có nhập thông tin đại lý thuế thì khi trên tờ khai sẽ mặc định tích vào ô Đại lý thuế và cho phép sửa. Nếu không nhập thông tin Đại lý thuế ở phần Thông tin doanh nghiệp thì UD không cho check chọn cả hai ô Đại lý thuế và Đại lý ủy quyền.
  - + Chỉ tiêu [25], [26], [27a], [27b], [28], [31], [35], [37] : Nhập dạng xx, xx.
  - + Chỉ tiêu [33]: Nhập dạng xx,xxxx
- Các chỉ tiêu tính toán:
  - + Chỉ tiêu [27] = [27a] + [27b] , làm tròn đến 2 số sau dấu phảy
  - + Chỉ tiêu [29] = [26] - [28], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, có thể âm.
  - + Chỉ tiêu [30] = [25] - [27], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, có thể âm.
  - + Chỉ tiêu [32] = [30] + [31] , làm tròn đến 2 số sau dấu phảy

+ Chỉ tiêu [34] = [32] * [33], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy
+ Chỉ tiêu [36] = [34] – [35] , làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, nếu âm thì [36] = 0
+ Chỉ tiêu [38] = [36] - [37], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, có thể âm.

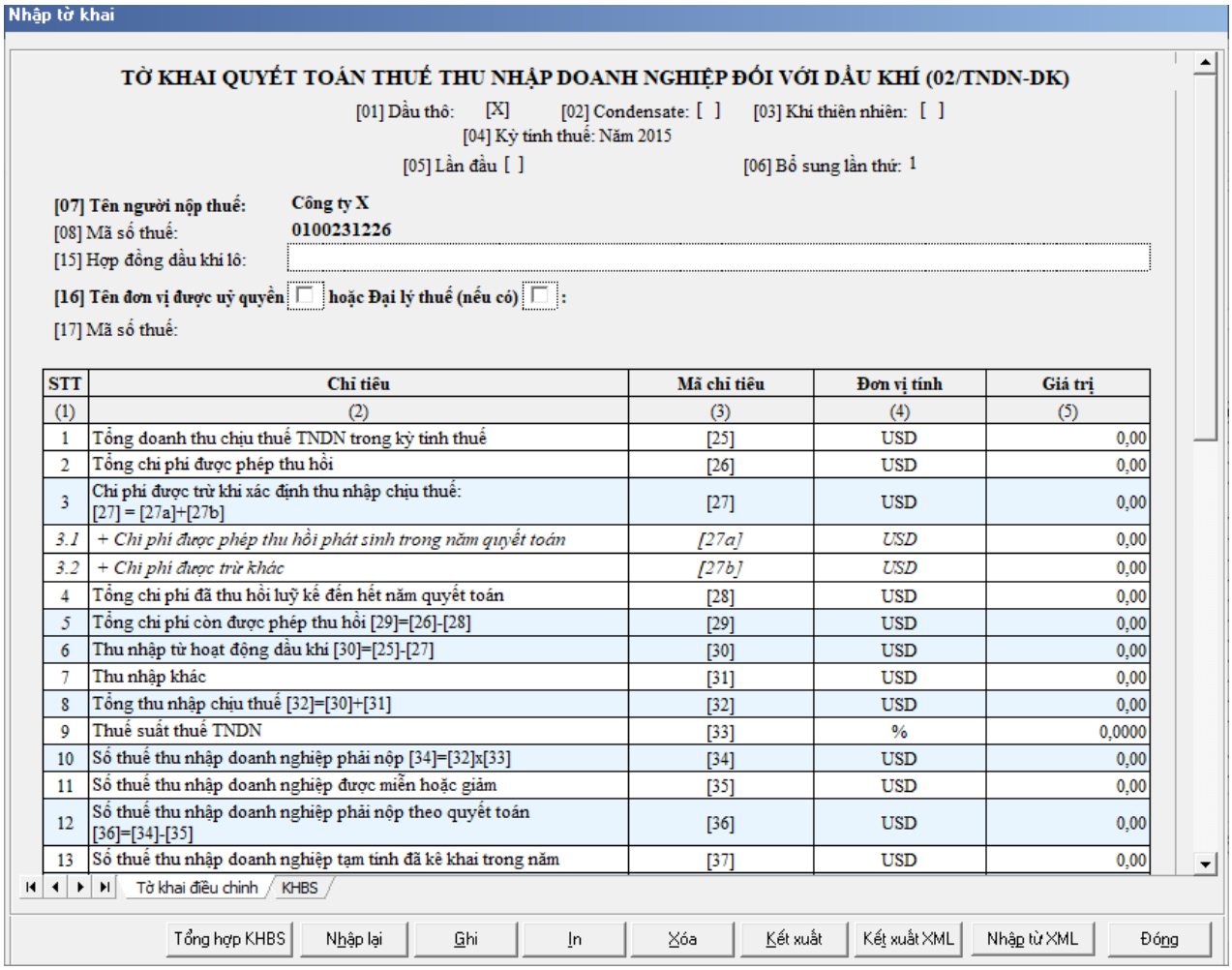
Phụ lục 01/PL-DK: Chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí



+ Chỉ tiêu [09]: Số thuế phải nộp: Lấy từ chỉ tiêu [36] của tờ khai 01B/TNDN-DK chuyển sang
+ Cột (2) – Mã số thuế của nhà thầu dầu khí: NSD tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST.
+ Cột (3) – Tên nhà thầu: Tự nhập kiểu text
+ Cột (4) – Tỷ lệ phân bổ: NSD tự nhập dạng xx,xxxx
+ Cột (5) – Số thuế phát sinh phải nộp: (5) = chỉ tiêu [09] * cột (4), làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, nếu âm thì thiết lập = 0
+ Cột (6) – Ghi chú: NSD tự nhập kiểu text, tối đa 250 ký tự
+ Tổng cộng cột (4): hệ thống tự tính. Kiểm tra tổng cột (4) phải bằng 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ " Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"
+ Tổng cộng cột (5) = Tổng các dòng cột (5), kiểm tra phải bằng chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

B.Trường hợp khi tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



Nhập tờ khai

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: [X] [02] Condensate: [ ] [03] Khí thiên nhiên: [ ]

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2015

[05] Lần đầu [ ] [06] Bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: **Công ty X**

[08] Mã số thuế: **0100231226**

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

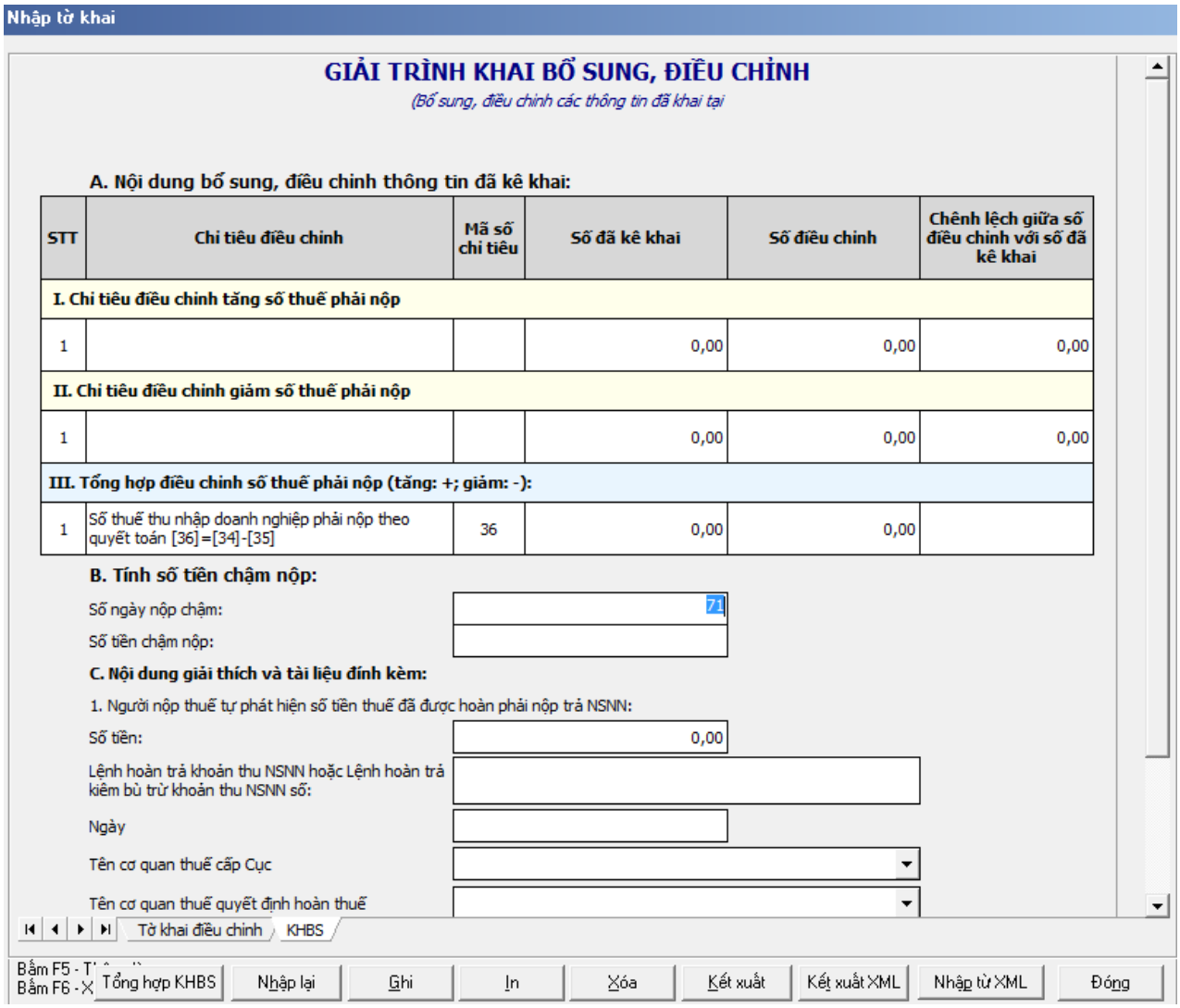
[16] Tên đơn vị được uỷ quyền ☐ **hoặc Đại lý thuế (nếu có)** ☐ **:**

[17] Mã số thuế:

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[25]	USD	0,00
2	Tổng chi phí được phép thu hồi	[26]	USD	0,00
3	Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: [27] = [27a]+[27b]	[27]	USD	0,00
3.1	*+ Chi phí được phép thu hồi phát sinh trong năm quyết toán*	*[27a]*	*USD*	0,00
3.2	*+ Chi phí được trừ khác*	*[27b]*	*USD*	0,00
4	Tổng chi phí đã thu hồi luỹ kế đến hết năm quyết toán	[28]	USD	0,00
5	Tổng chi phí còn được phép thu hồi [29]=[26]-[28]	[29]	USD	0,00
6	Thu nhập từ hoạt động dầu khí [30]=[25]-[27]	[30]	USD	0,00
7	Thu nhập khác	[31]	USD	0,00
8	Tổng thu nhập chịu thuế [32]=[30]+[31]	[32]	USD	0,00
9	Thuế suất thuế TNDN	[33]	%	0,0000
10	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp [34]=[32]x[33]	[34]	USD	0,00
11	Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn hoặc giảm	[35]	USD	0,00
12	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán [36]=[34]-[35]	[36]	USD	0,00
13	Số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đã kê khai trong năm	[37]	USD	0,00

Tờ khai điều chỉnh | KHBS

Tổng hợp KHBS | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Kết xuất XML | Nhập từ XML | Đóng

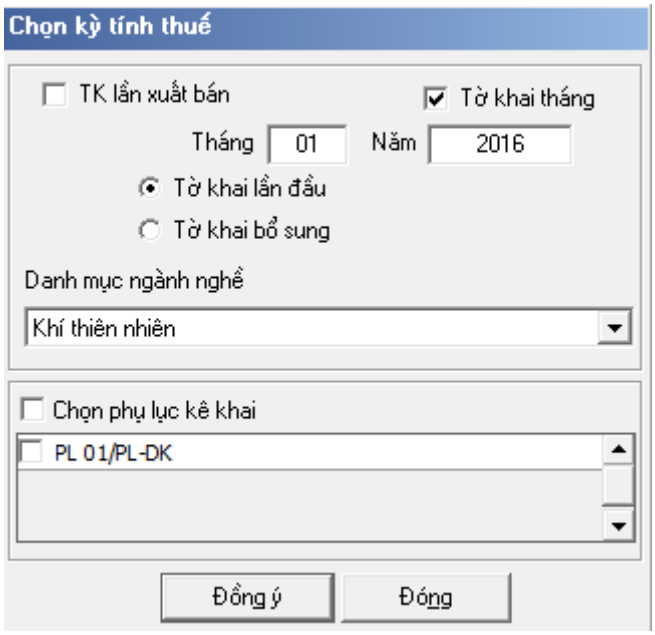


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [34], [35], [36] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.4 Tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí mẫu 01/TAIN- DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

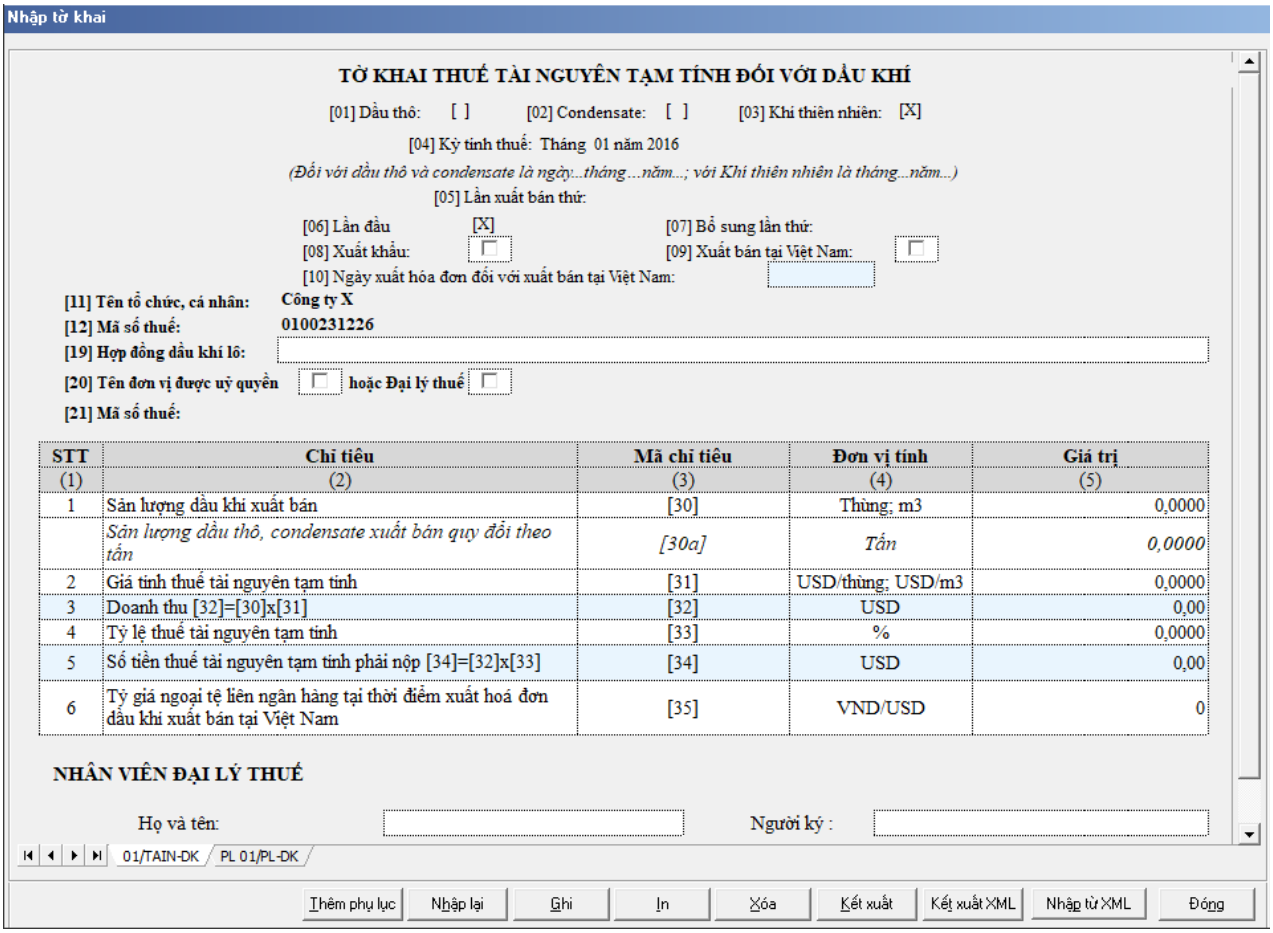
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Tờ khai tạm tính đối với dầu khí – 01/TAIN-DK".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  - + Kỳ tính thuế theo lần xuất bán:
    - o Ngày tháng năm: Mặc định là ngày hiện tại
    - o Lần xuất bán: Cho phép NSD tự nhập dạng text, tối đa 10 lý tự
    - o Kỳ tính thuế theo lần xuất bán: UD cho phép NSD chọn "Dầu thô" hoặc "Condensate"
  - + Kê khai theo tháng, mặc định là Tháng hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn tháng hiện tại của hệ thống
    - o Kỳ tính thuế theo tháng: UD cho phép NSD chọn "Khí thiên nhiên"
  - + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  - + Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí mẫu 01/TAIN- DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

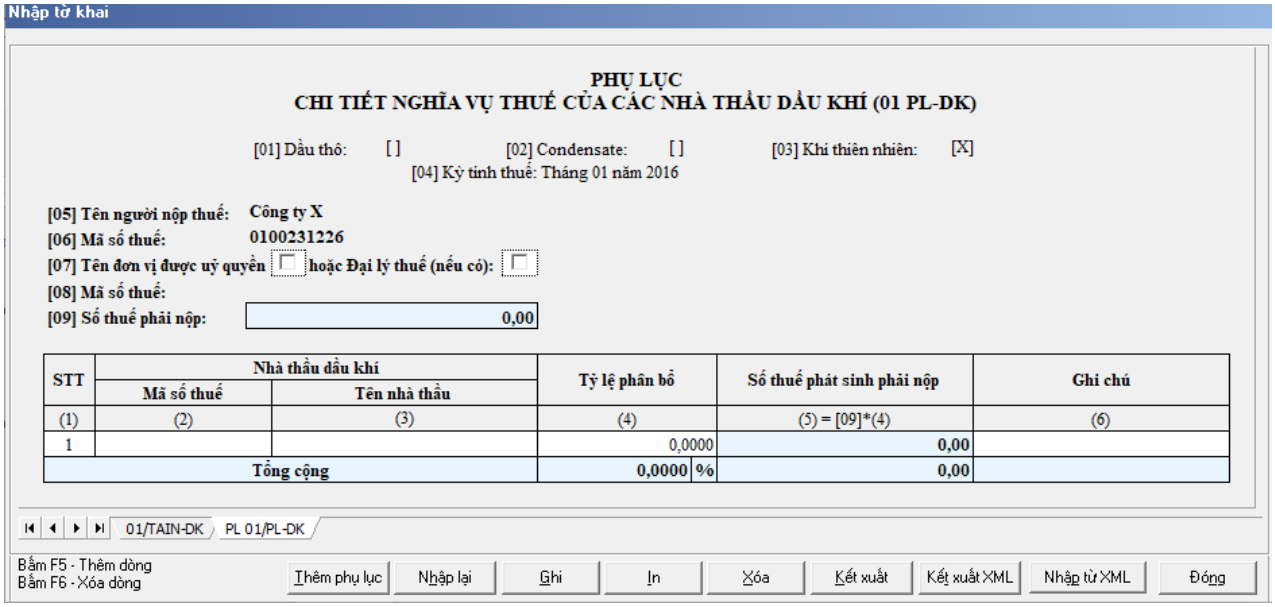
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [01], [02], [03]: tự hiển thị
  - + Chỉ tiêu [08], [09]: UD chỉ cho phép lựa chọn 1 trong 2 chỉ tiêu này.
  - + Chỉ tiêu [05]: tự hiển thị
  - + Chỉ tiêu [10]: Nhập kiểu dd/mm/yyyy, chỉ cho phép nhập khi nhập chỉ tiêu [09]
  - + Chỉ tiêu [19]: Nhập dạng text
  - + Chỉ tiêu [20]: Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý: Cho phép NSD chọn 1 trong 2 loại. Nếu ở phần Thông tin doanh nghiệp có nhập thông tin đại lý thuế thì khi trên tờ khai sẽ mặc định tích vào ô Đại lý thuế và cho phép sửa. Nếu không nhập thông tin Đại lý thuế ở phần Thông tin doanh nghiệp thì UD không cho check chọn cả hai ô Đại lý thuế và Đại lý ủy quyền
  - + Chỉ tiêu [30], [30a]: Nhập dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [31]: Nhập dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [33]: Nhập xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [35]: UD chỉ bắt buộc NSD nhập dạng số không âm khi lựa chọn chỉ tiêu [09], mặc định là 0, tối đa 5 chữ số.

- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [32] = [30] * [31]
  + Chỉ tiêu [34] = [32] * [33], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, nếu kết quả âm thì [34] = 0

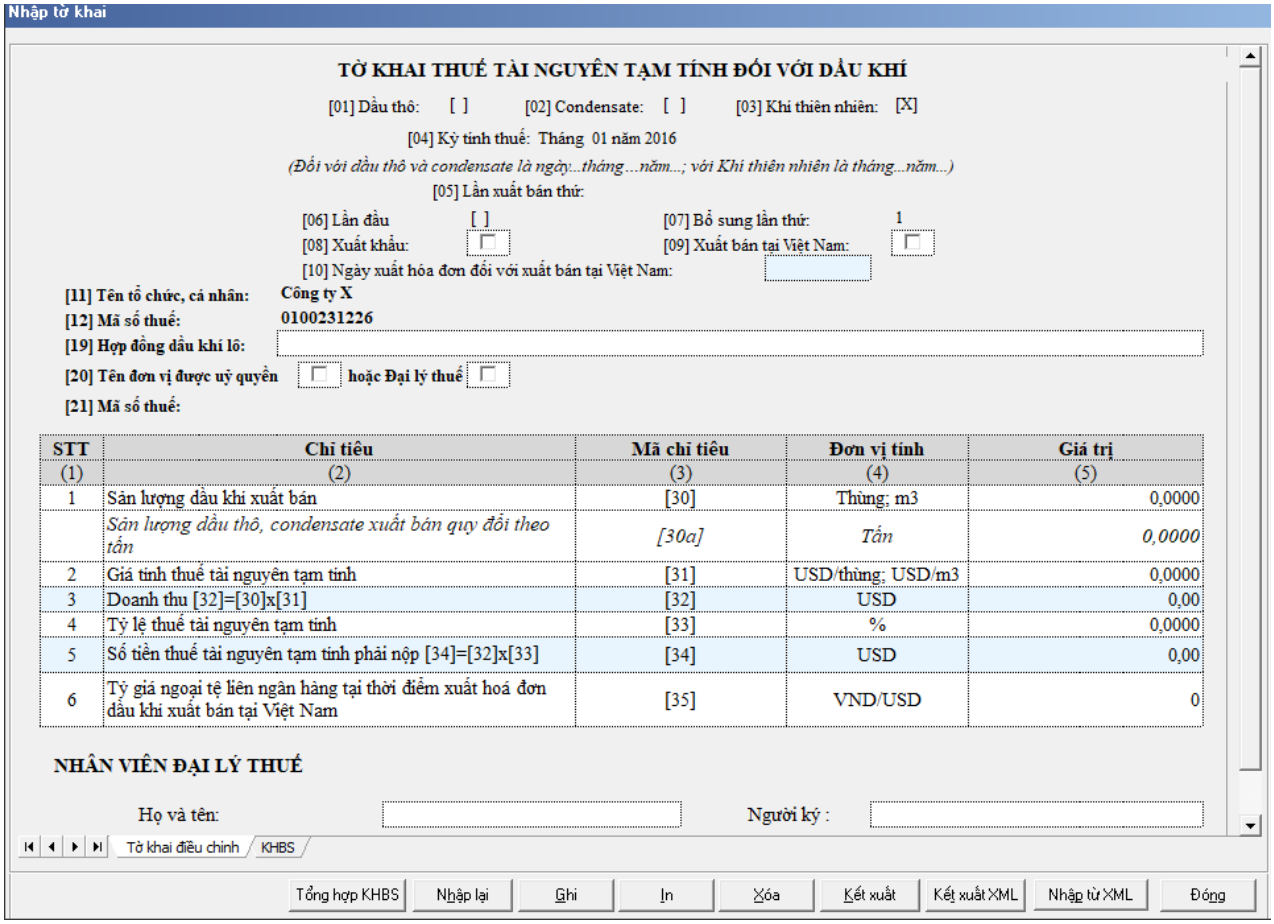
Phụ lục 01/PL-DK: Chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí

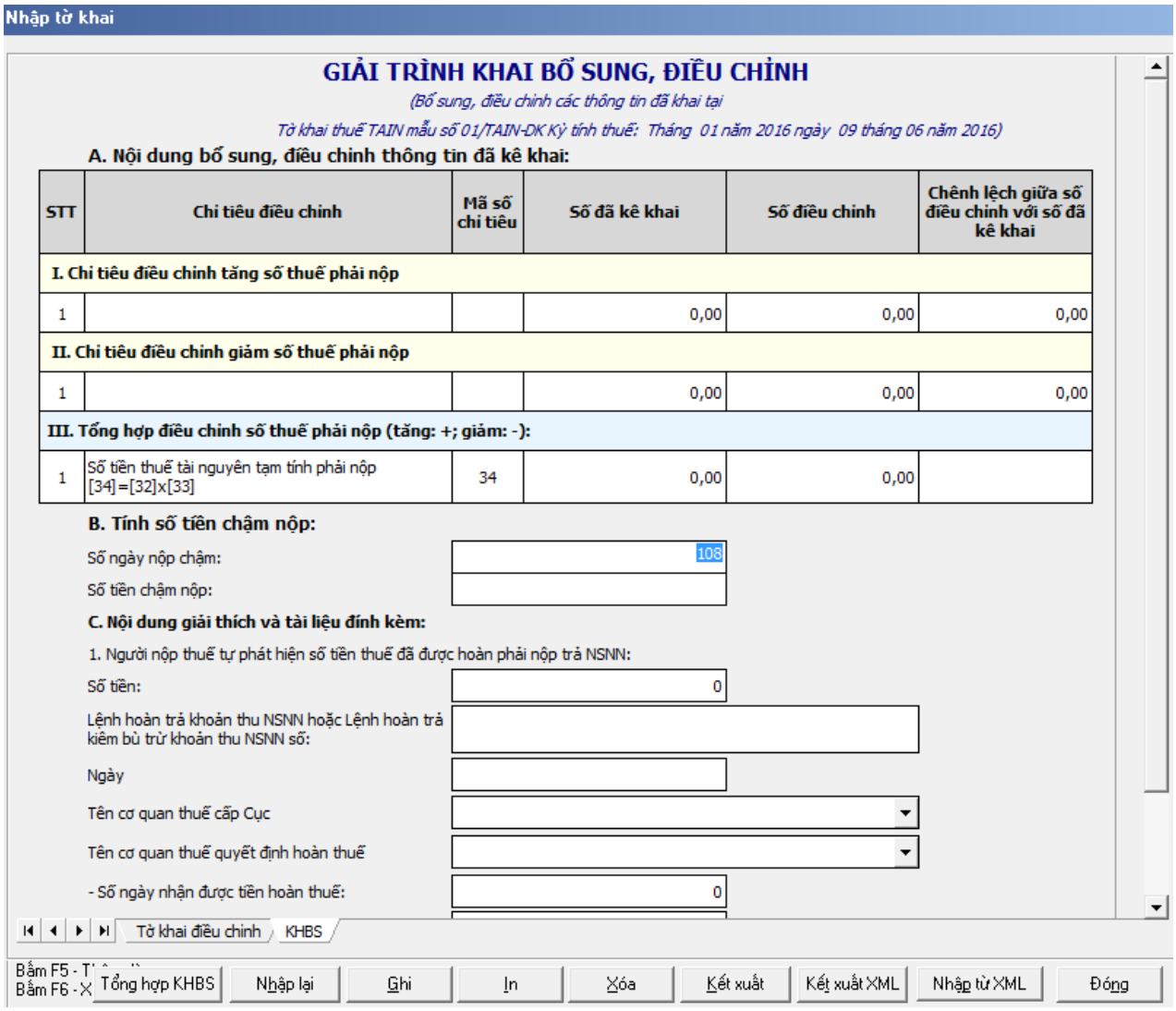


  + Chỉ tiêu [09] Số thuế phải nộp: Lấy từ chỉ tiêu [34] của tờ khai 01/TAIN-DK
  + Cột (1) - STT: Tự tăng khi thêm dòng
  + Cột (2) – Mã số thuế của nhà thầu dầu khí: NSD tự nhập,tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST.
  + Cột (3) – Tên nhà thầu: Tự nhập kiểu text
  + Cột (4) – Tỷ lệ phân bổ: cho phép NSD tự nhập dạng xx,xxxx
  + Cột (5) – Số thuế phát sinh phải nộp: (5) = chỉ tiêu [09] * cột (4), làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì set = 0
  + Cột (6) – Ghi chú: NSD tự nhập kiểu text, tối đa 250 ký tự
  + Tổng cộng cột (4): hệ thống tự tính. Kiểm tra tổng cột (4) phải bằng 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ " Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"
  + Tổng cộng cột (5) = Tổng các dòng cột (5), kiểm tra phải bằng chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

B.Trường hợp khi tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



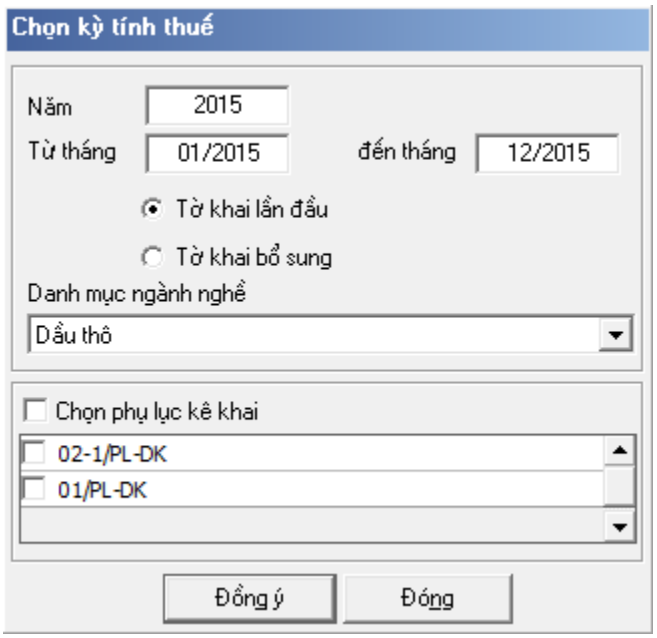


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [34] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.5 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu 02/TAIN- DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

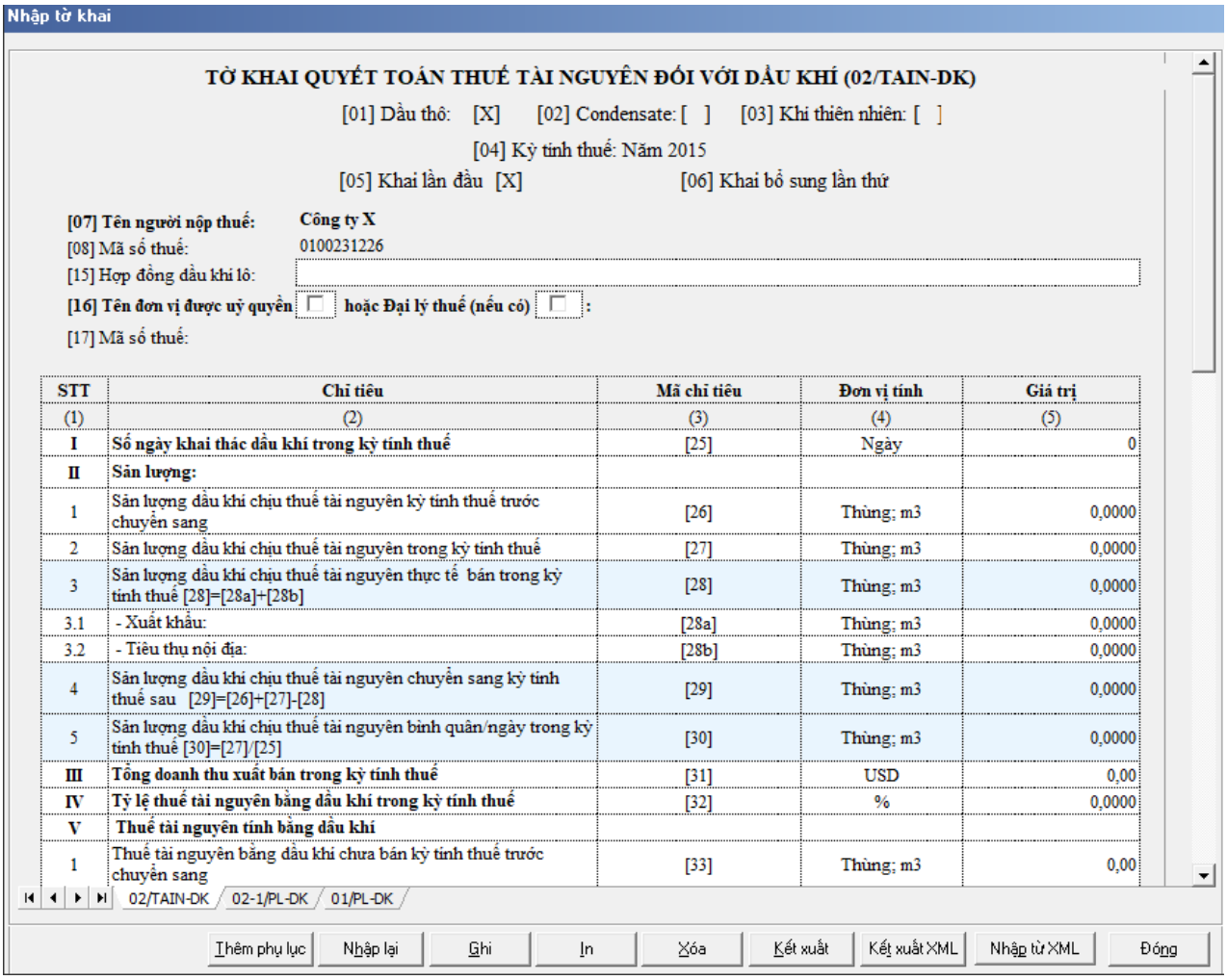
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Tờ khai quyết toán thuế TAIN đối với dầu khí – 02/TAIN-DK".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế theo năm: Mặc định là năm hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn năm hiện tại
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu 02/TAIN- DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

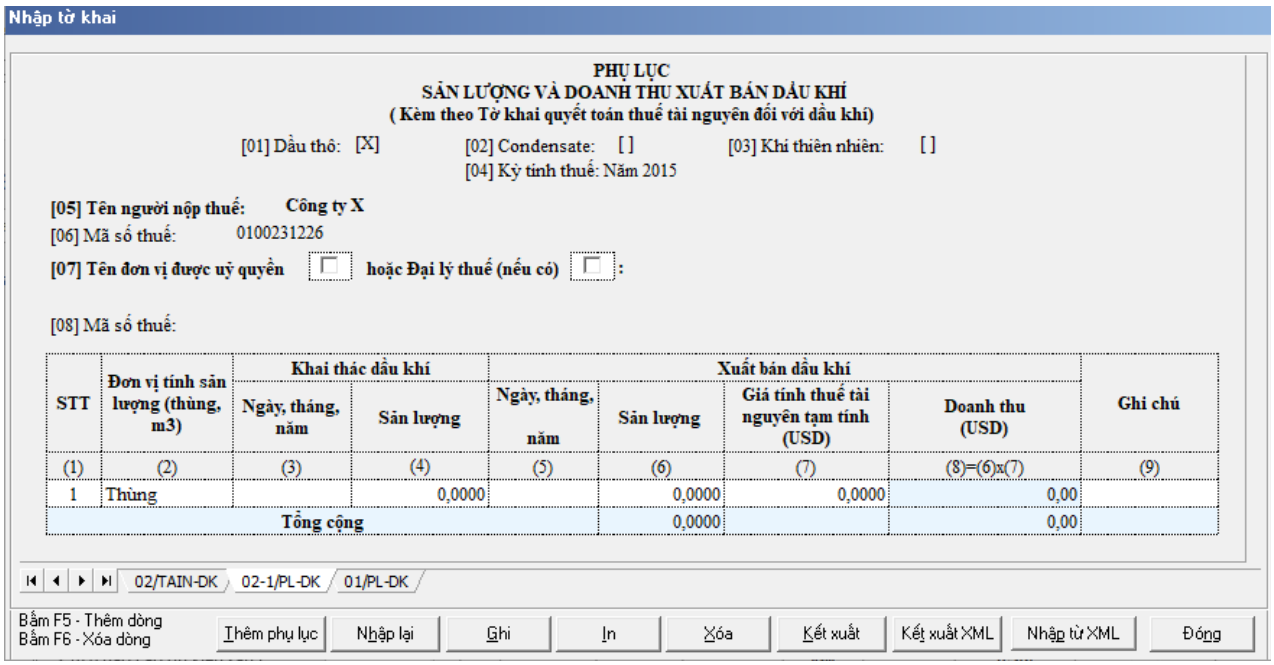


- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [01], [02], [03]: tự hiển thị
  - + Chỉ tiêu [15]: Nhập dạng text
  - + Chỉ tiêu [16]: Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý: Cho phép NSD chọn 1 trong 2 loại. Nếu ở phần Thông tin doanh nghiệp có nhập thông tin đại lý thuế thì khi trên tờ khai sẽ mặc định tích vào ô Đại lý thuế và cho phép sửa. Nếu không nhập thông tin Đại lý thuế ở phần Thông tin doanh nghiệp thì UD không cho check chọn cả hai ô Đại lý thuế và Đại lý ủy quyền
  - + Chỉ tiêu [25]: Nhập dạng số, tối đa 3 chữ số
  - + Chỉ tiêu [26]: UD hỗ trợ tự động lấy chỉ tiêu [29] của kỳ trước chuyển sang, cho phép sửa. Nếu sửa theo dạng xx,xxxx khác thì UD cảnh báo vàng "Chỉ tiêu [26] khác chỉ tiêu [29] của kỳ trước chuyển sang"
  - + Chỉ tiêu [27], [28a], [28b], [32]: Nhập dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [41]: Nhập dạng xx,xx
  - + Chỉ tiêu [31]: UD hỗ trợ tự động lấy tổng cột (8) của PL 02-1/PL-DK chuyển sang, cho phép sửa

+ Chỉ tiêu [33]: UD hỗ trợ tự động lấy từ chỉ tiêu [36] của kỳ trước chuyển sang, cho phép sửa theo dạng xx,xx. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Chỉ tiêu [33] khác với chỉ tiêu [36] của kỳ trước chuyển sang"

- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [32] = [30] * [31]
  + Chỉ tiêu [28] = [28a] + [28b], làm tròn 4 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [29]=[26]+[27]-[28], làm tròn 4 chữ số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì thiết lập =0
  + Chỉ tiêu [30]=[27]/[25], làm tròn 4 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [34]=[27]x[32], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [35]=[28]x[32], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [36]=[33]+[34]-[35], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì thiết lập =0
  + Chỉ tiêu [37]=[31]/[28], làm tròn 4 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [38]=[39]+[40], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [39]=[33]x[37], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [40]=([28]-[26])x[32]x[37], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì thiết lập = 0
  + Chỉ tiêu [42]=[38]-[41], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy, kết quả có thể âm

Phụ lục 02-1/PL-DK: Sản lượng và doanh thu xuất bán dầu khí



Các chỉ tiêu cần nhập:

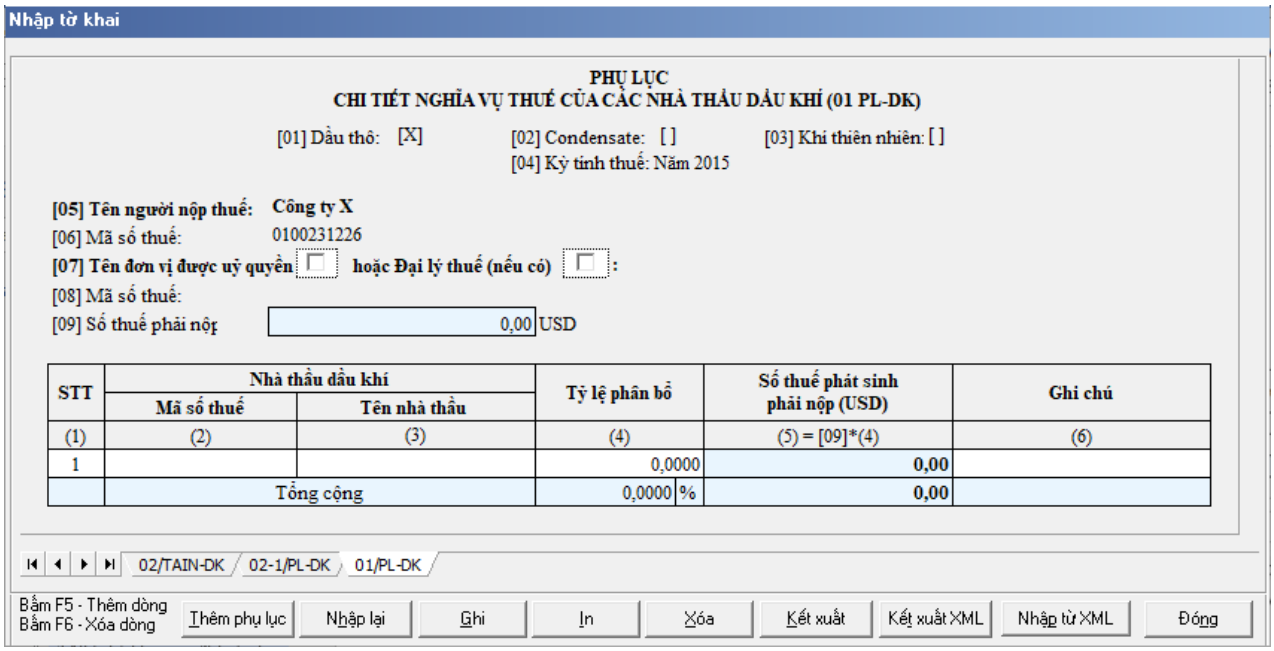
+ Cột (1): Ứng dụng hỗ trợ tự tăng

+ Cột (2): Nếu là "Dầu thô" là thùng. Nếu là "Khí thiên nhiên" và "Condensate" là m3
+ Cột (3), (5): nhập dạng dd/mm/yyyy
+ Cột (4), (6): tự nhập theo dạng xx,xxxx
+ Cột (7): tự nhập theo đúng dạng xx,xxxx
+ Cột (9): tự nhập, dạng text

Các chỉ tiêu tính toán:

+ Cột (8) = (6) * (7), làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
+ UD tự động tự tính tổng các dòng của cột (8)

Phụ lục 01/PL-DK: Chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí

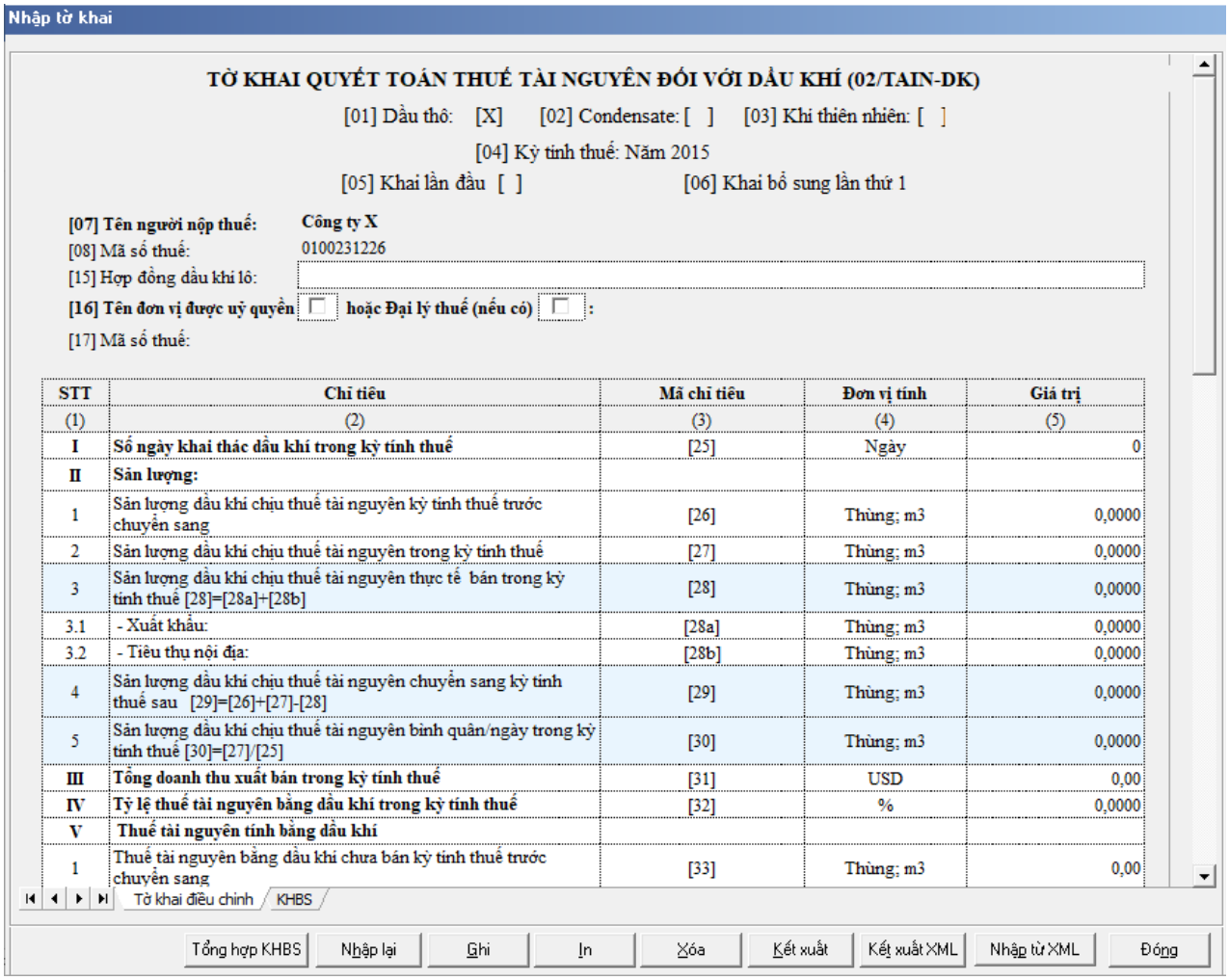


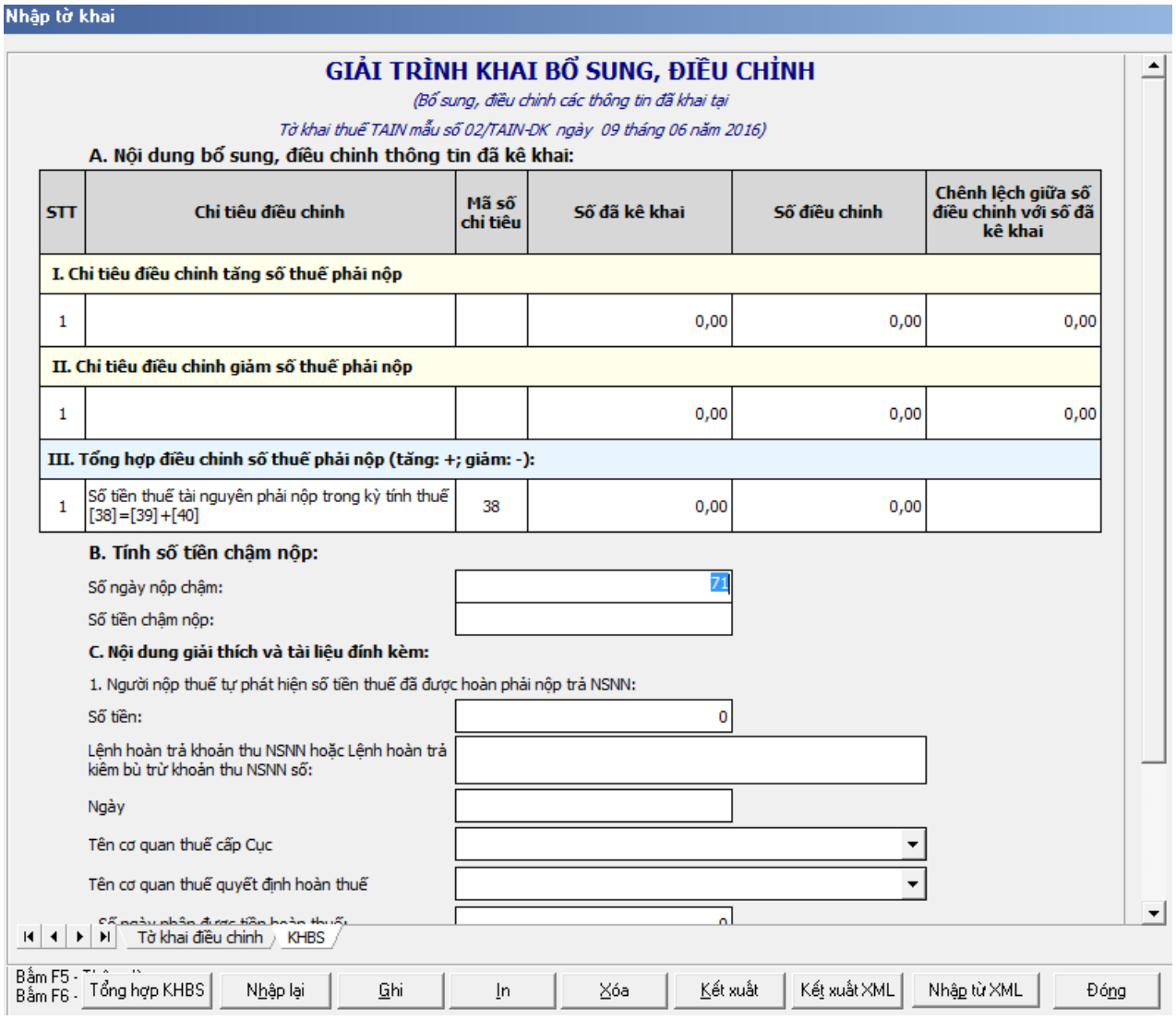
+ Chỉ tiêu [09] Số thuế phải nộp: Lấy từ chỉ tiêu [38] của tờ khai 02/TAIN-DK
+ Cột (1) - STT: Tự tăng khi thêm dòng
+ Cột (2) – Mã số thuế của nhà thầu dầu khí: NSD tự nhập,tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST.
+ Cột (3) – Tên nhà thầu: Tự nhập kiểu text
+ Cột (4) – Tỷ lệ phân bổ: cho phép NSD tự nhập dạng xx,xxxx
+ Cột (5) – Số thuế phát sinh phải nộp: (5) = chỉ tiêu [09] * cột (4), làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì thiết lập = 0
+ Cột (6) – Ghi chú: NSD tự nhập kiểu text, tối đa 250 ký tự
+ Tổng cộng cột (4): hệ thống tự tính. Kiểm tra tổng cột (4) phải bằng 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ " Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"

+ Tổng cộng cột (5) = Tổng các dòng cột (5), kiểm tra phải bằng chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

B. Trường hợp khi tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



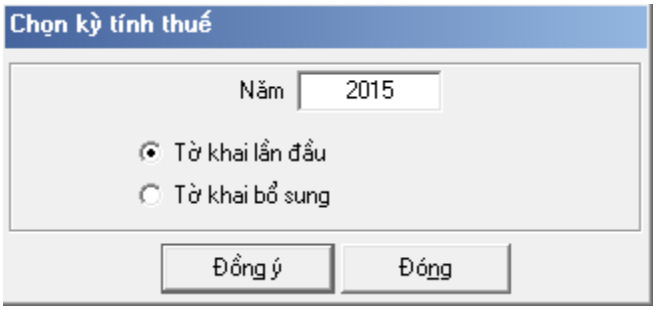


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [38], [39], [40] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.6 Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế mẫu 01/BCTL-DK theo Thông tư 156/2013/TT-BTC

Cách gọi:

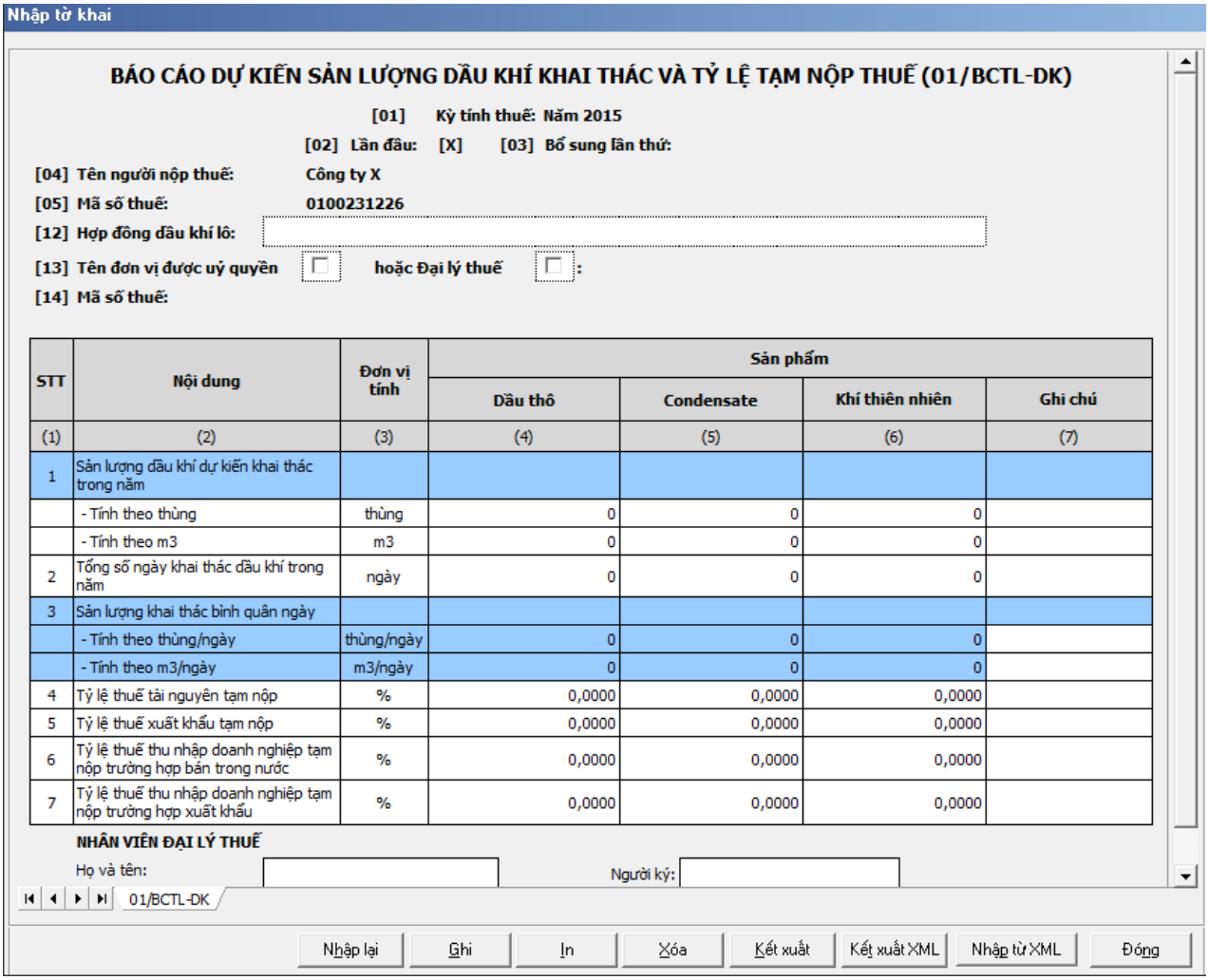
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế – 01/BCTL-DK".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Nhập kỳ tính thuế theo Năm: mặc định là năm hiện tại, cho phép sửa
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế mẫu 01/BCTL-DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



  + Cột (4), (5), (6):
    - Dòng 1: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0. Kiểm tra: Nếu NSD nhập đơn vị là thùng đối với Khí thiên nhiên thì UD cảnh báo vàng "Khí thiên nhiên không nhập đơn vị là thùng"
    - Dòng 2: Nhập dạng số không âm, mặc định là 0. Kiểm tra: Nếu NSD nhập đơn vị là m3 đối với Dầu thô hoặc condensate thì UD cảnh báo vàng "Dầu thô (hoặc Condensate) không nhập đơn vị là

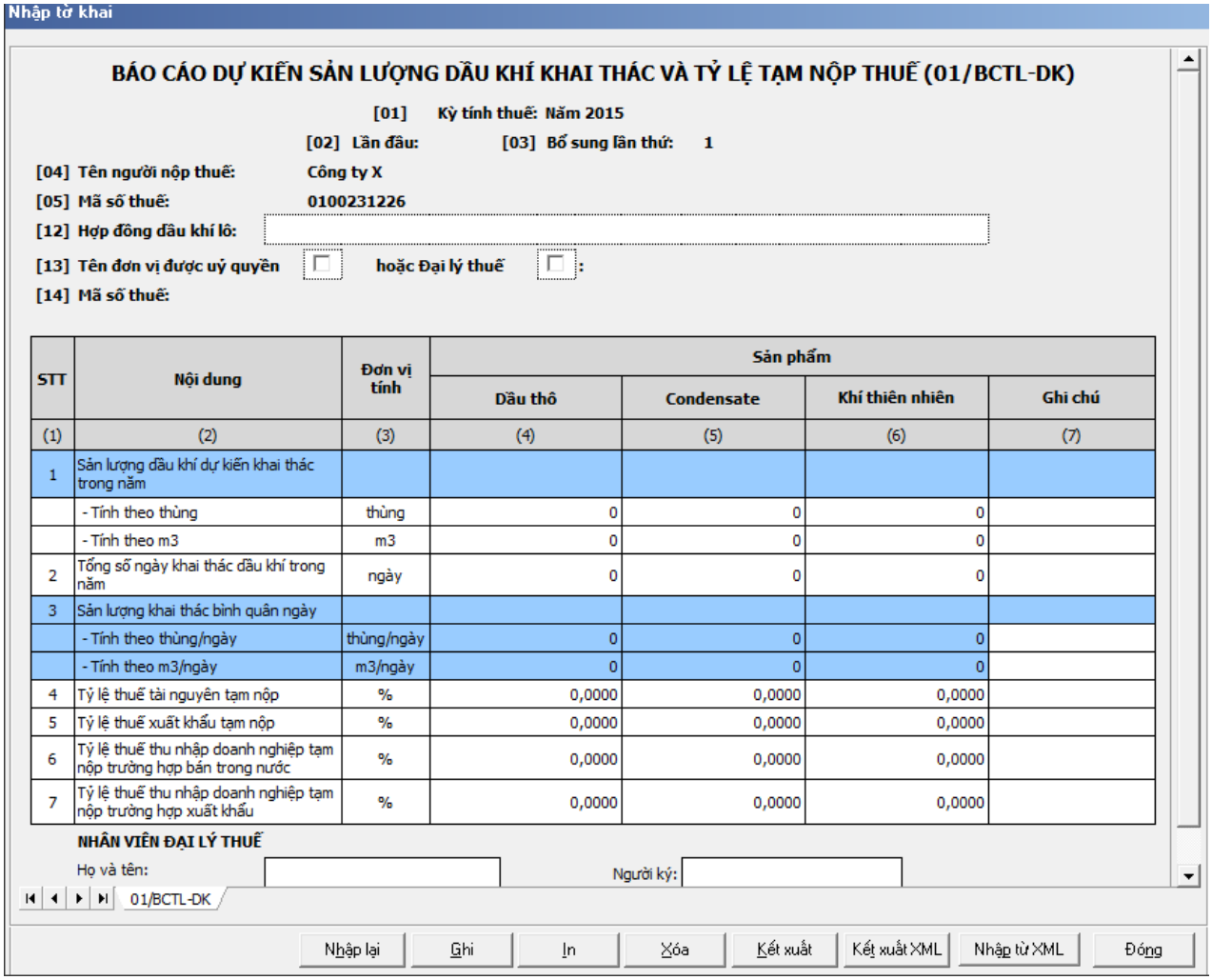
m3”

- Dòng 3: UD tính theo công thức = Dòng 1/Dòng 2 tương ứng
- Dòng 4, 5, 6, 7: NSD nhập dạng xx,xxxx

+ Cột (7): NSD nhập dạng text.

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

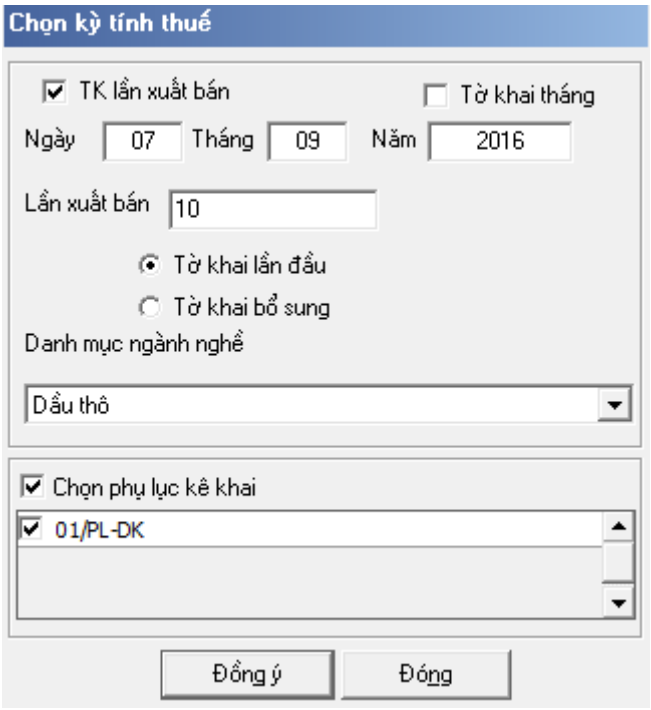
- Chọn “Tờ khai bổ sung” và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh “Đồng ý” để hiển thị ra tờ khai mẫu 01/BCTL-DK theo kỳ năm với hộp chọn “Bổ sung” trên tờ khai được đánh dấu “X” như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu “Lần” thứ mấy.



3.18.7 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí mẫu 01/TNDN- DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC

Cách gọi:

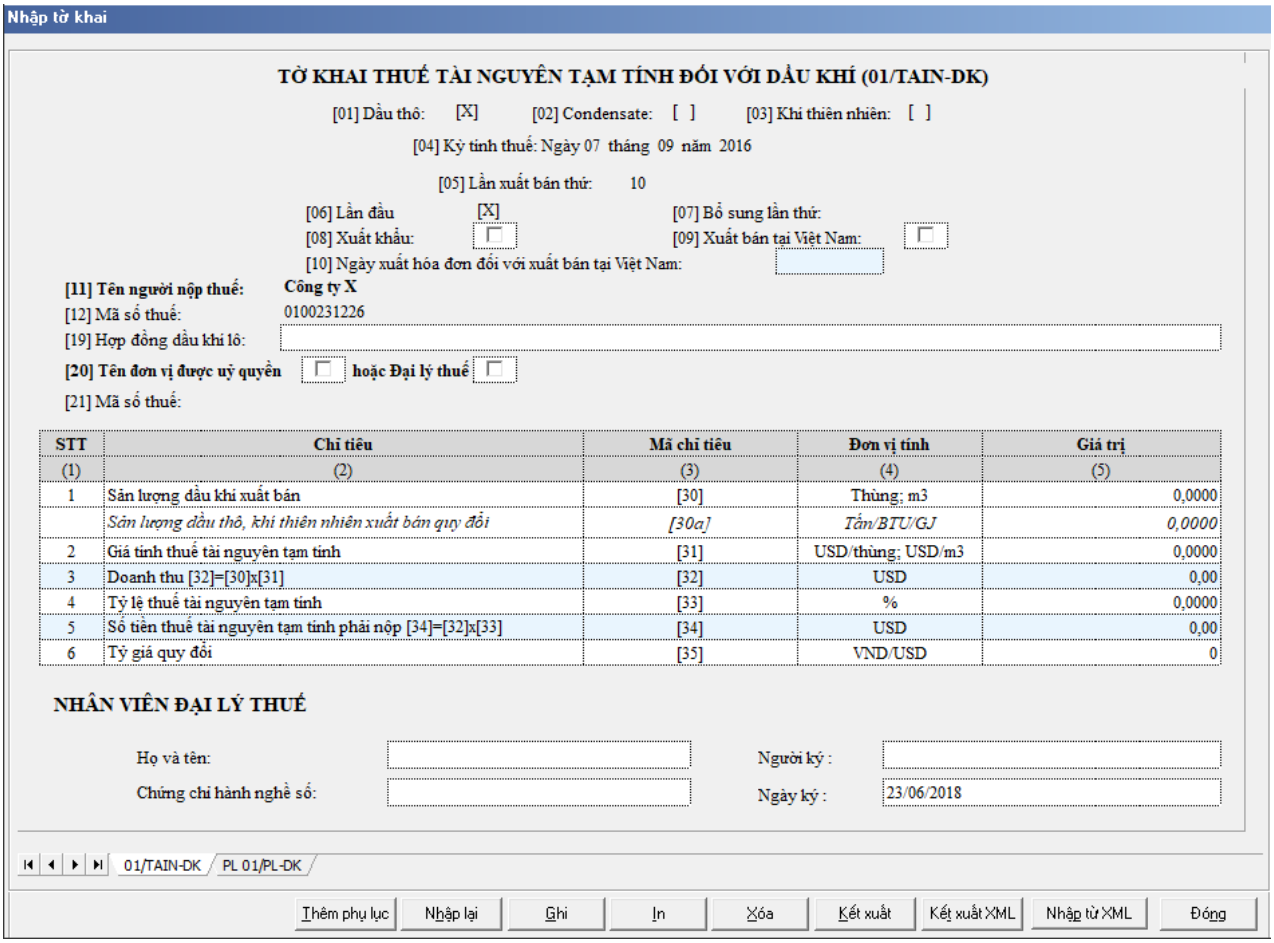
- Từ menu chức năng “Kê khai/Tờ khai Dầu khí” chọn “Tờ khai tạm tính đối với dầu khí – 01/TNDN-DK(TT36/2016)”.



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  - + Kỳ tính thuế theo lần xuất bán:
    - o Ngày tháng năm: Mặc định là ngày hiện tại
    - o Lần xuất bán: Cho phép NSD tự nhập dạng text, tối đa 10 lý tự
    - o Kỳ tính thuế theo lần xuất bán: UD cho phép NSD chọn "Dầu thô" hoặc "Condensate"
  - + Kê khai theo tháng, mặc định là Tháng hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn tháng hiện tại của hệ thống
    - o Kỳ tính thuế theo tháng: UD cho phép NSD chọn "Khí thiên nhiên"
  - + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  - + Hiệu lực tờ khai từ tháng 01/2016 trở đi.
  - + Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đối với dầu khí mẫu 01/TNDN- DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

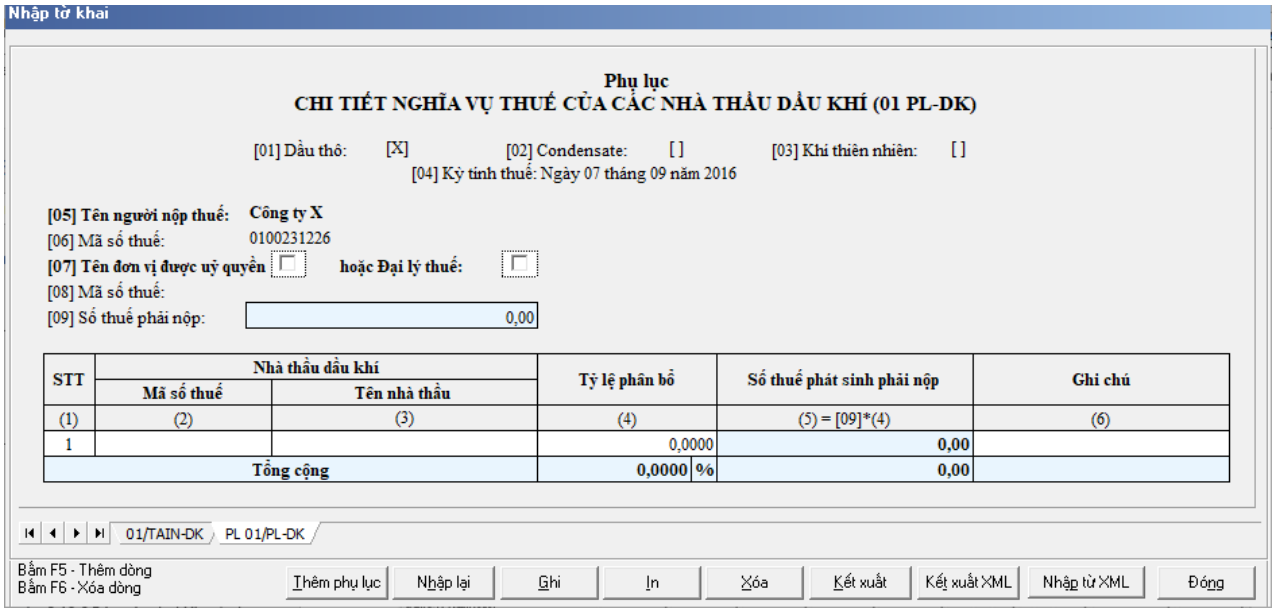


- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [01], [02], [03]: tự hiển thị
  - + Chỉ tiêu [08], [09]: UD chỉ cho phép NSD lựa chọn 1 trong 2 chỉ tiêu này.
  - + Chỉ tiêu [10]: Nhập kiểu dd/mm/yyyy, chỉ cho phép nhập khi nhập chỉ tiêu [09]
  - + Chỉ tiêu [19]: Nhập dạng text
  - + Chỉ tiêu [20]: Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Cho phép NSD chọn 1 trong 2 loại. Nếu ở phần Thông tin doanh nghiệp có nhập thông tin đại lý thuế thì khi trên tờ khai sẽ mặc định tích vào ô Đại lý thuế và cho phép sửa. Nếu không nhập thông tin Đại lý thuế ở phần Thông tin doanh nghiệp thì UD không cho check chọn cả hai ô Đại lý thuế và Đại lý ủy quyền.
  - + Chỉ tiêu [29], [30], [32], [34]: Nhập dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [33]: nhập dạng xx,xx.
  - + Chỉ tiêu [36]: nhập dạng xx,xx. Kiểm tra [36] <= [35], nếu không thỏa mãn UD đưa ra cảnh báo vàng "Số thuế TNDN được miễn giảm không được lớn hơn số thuế TNDN tạm tính phải nộp"

+ Chỉ tiêu [38]: UD chỉ bắt buộc Nhập theo dạng số, tối đa 5 chữ số, không âm khi lựa chọn chỉ tiêu [09], mặc định là 0

- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [31] = [29] * [30], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy,
  + Chỉ tiêu [35] = [31] * [32] + [33] * [34], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy
  + Chỉ tiêu [37] = [35] - [36], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, nếu âm thì [37] = 0
  + Phần ghi chú mục lục ngân sách nhà nước ở cuối mẫu in như sau:
    - Đối với dầu thô: Hạch toán chỉ tiêu [37] vào mục 3750, tiểu mục 3752
    - Đối với Condensate: Hạch toán chỉ tiêu [37] vào mục 3950, tiểu mục 3952
    - Đối với Khí thiên nhiên: Hạch toán chỉ tiêu [37] vào mục 3800, tiểu mục 3802.

Phụ lục 01/PL-DK: Chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí

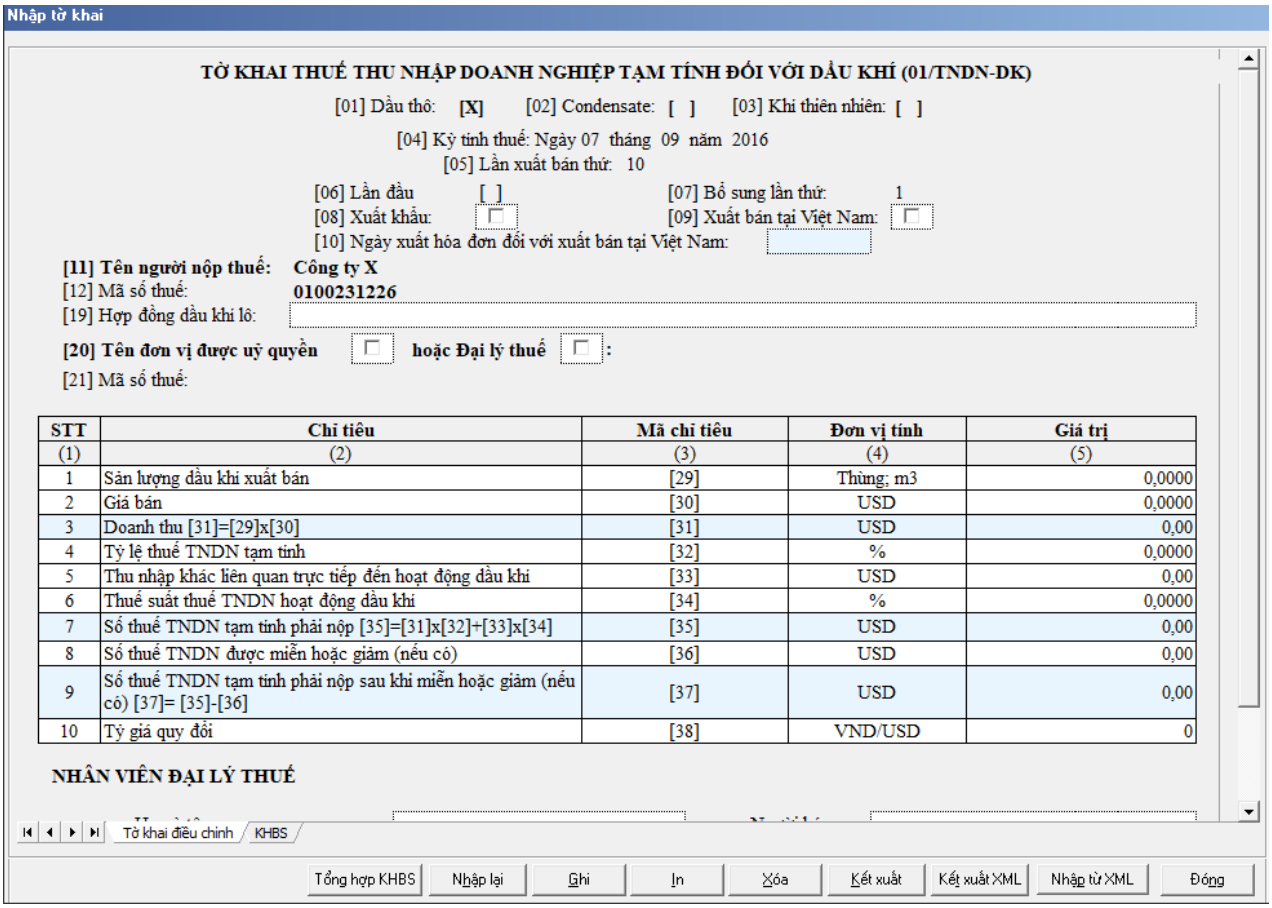


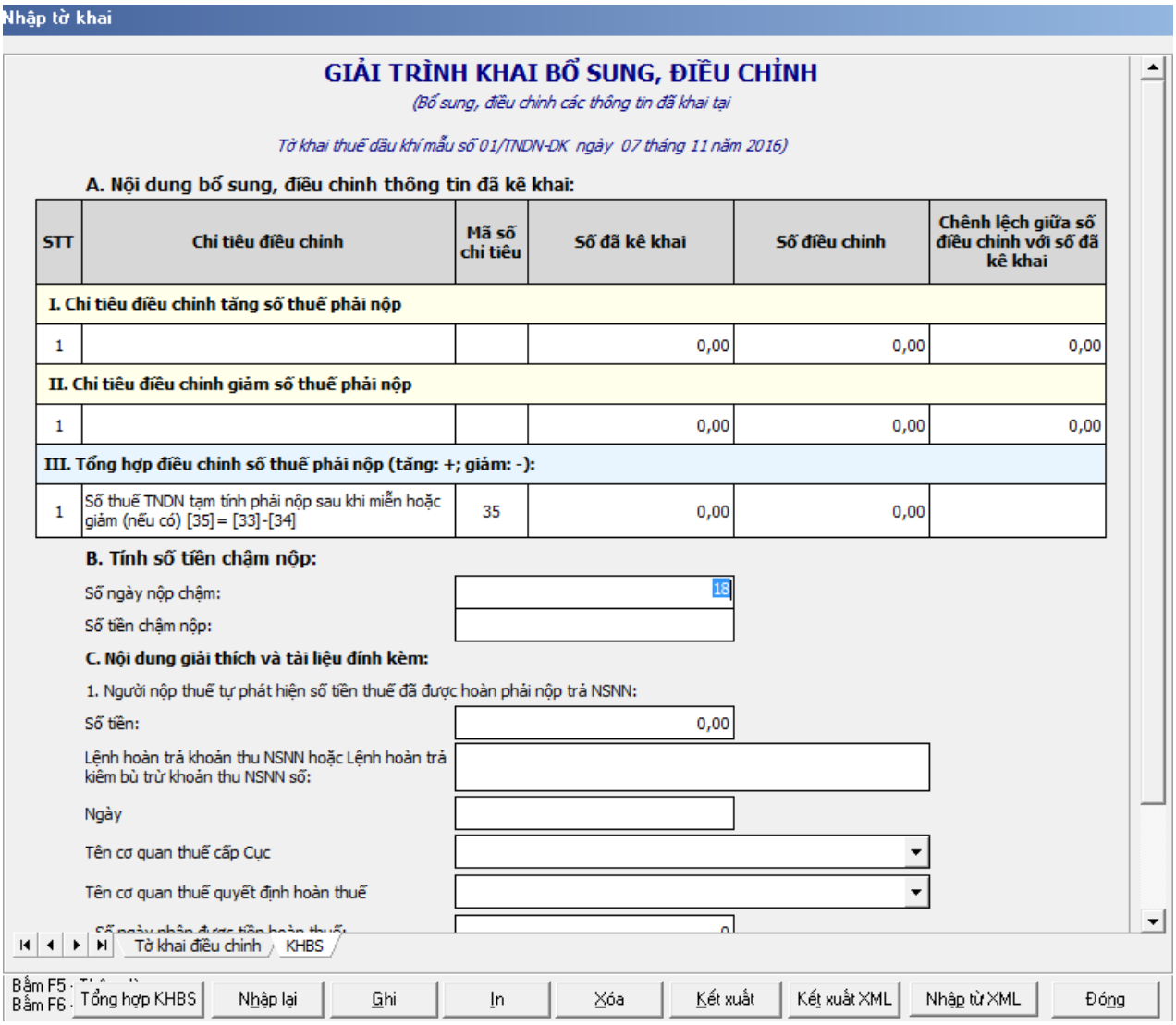
+ Chỉ tiêu [09] Số thuế phải nộp: Lấy từ chỉ tiêu [37] của tờ 01/TNDN_DK chuyển sang
+ Cột (2) – Mã số thuế của nhà thầu dầu khí: NSD tự nhập, tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST.
+ Cột (3) – Tên nhà thầu: Tự nhập kiểu text
+ Cột (4) – Tỷ lệ phân bổ: cho phép NSD tự nhập dạng xx,xxxx
+ Cột (5) – Số thuế phát sinh phải nộp: (5) = chỉ tiêu [09] * cột (4), làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì set = 0
+ Cột (6) – Ghi chú: NSD tự nhập kiểu text, tối đa 250 ký tự

+ Tổng cộng cột (4): hệ thống tự tính. Kiểm tra tổng cột (4) phải bằng 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo "Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"
+ Tổng cộng cột (5) = tổng các dòng cột (5). Kiểm tra phải bằng chỉ tiêu [09], nếu khác thì hiển thị cảnh báo đỏ "Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

B.Trường hợp khi tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



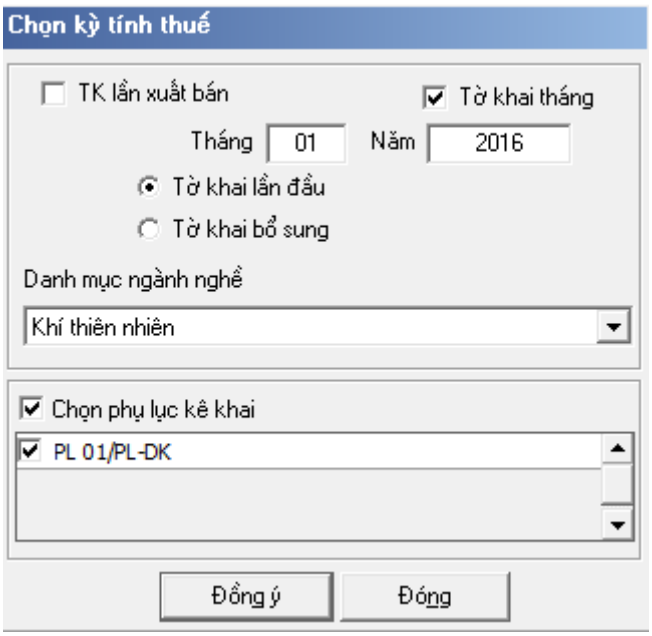


Kê khai điều chỉnh bổ sung cho các chỉ tiêu [36], [37] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.8 Tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí mẫu 01/TAIN- DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC

Cách gọi:

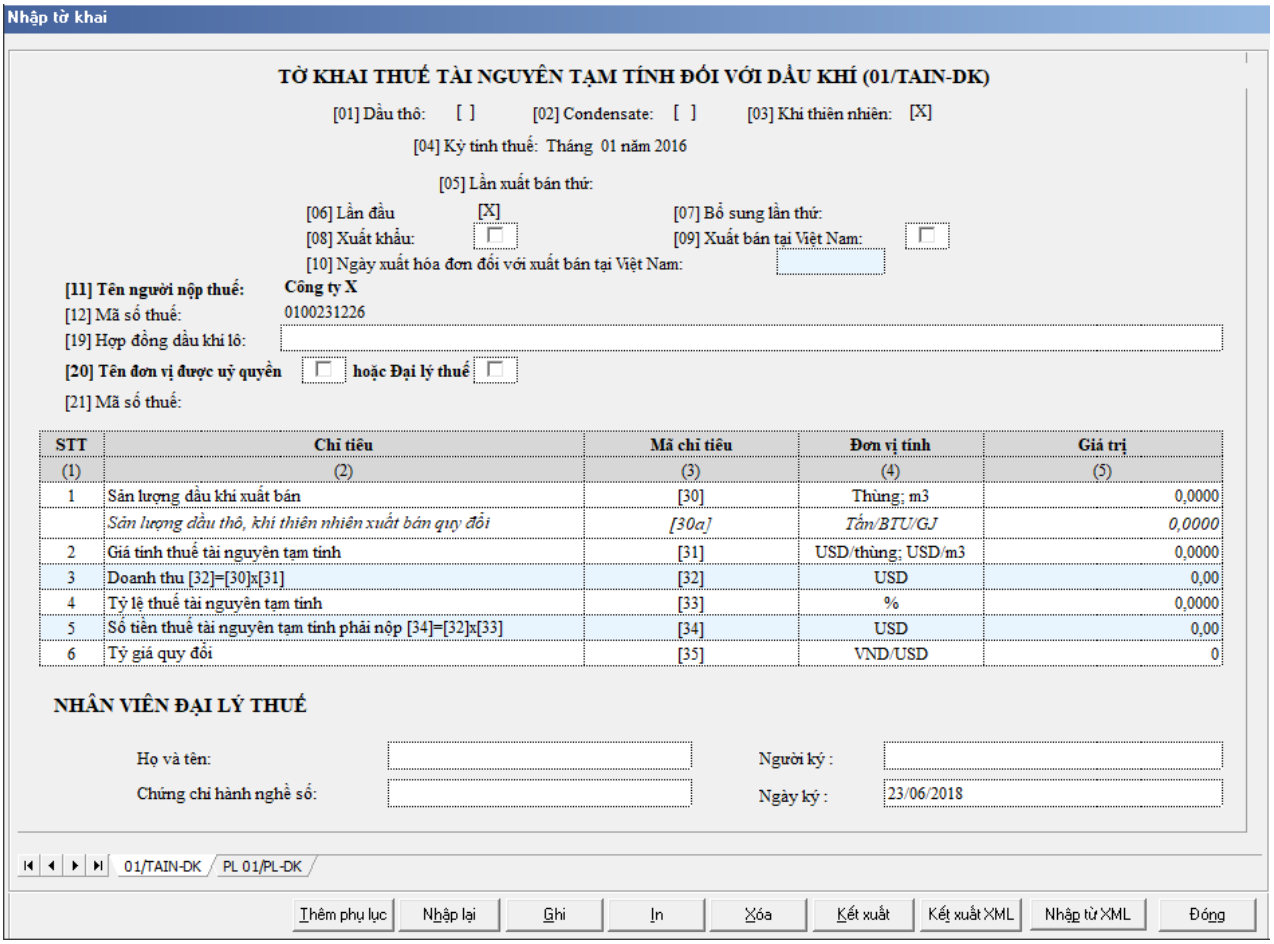
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Tờ khai tạm tính đối với dầu khí – 01/TAIN-DK (TT36/2016)".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  - + Kỳ tính thuế theo lần xuất bán:
    - o Ngày tháng năm: Mặc định là ngày hiện tại
    - o Lần xuất bán: Cho phép NSD tự nhập dạng text, tối đa 10 lý tự
    - o Kỳ tính thuế theo lần xuất bán: UD cho phép NSD chọn "Dầu thô" hoặc "Condensate"
  - + Kê khai theo tháng, mặc định là Tháng hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn tháng hiện tại của hệ thống
    - o Kỳ tính thuế theo tháng: UD cho phép NSD chọn "Khí thiên nhiên"
  - + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  - + Hiệu lực của tờ khai từ 01/2016 trở đi.
  - + Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế tài nguyên tạm tính đối với dầu khí mẫu 01/TAIN- DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

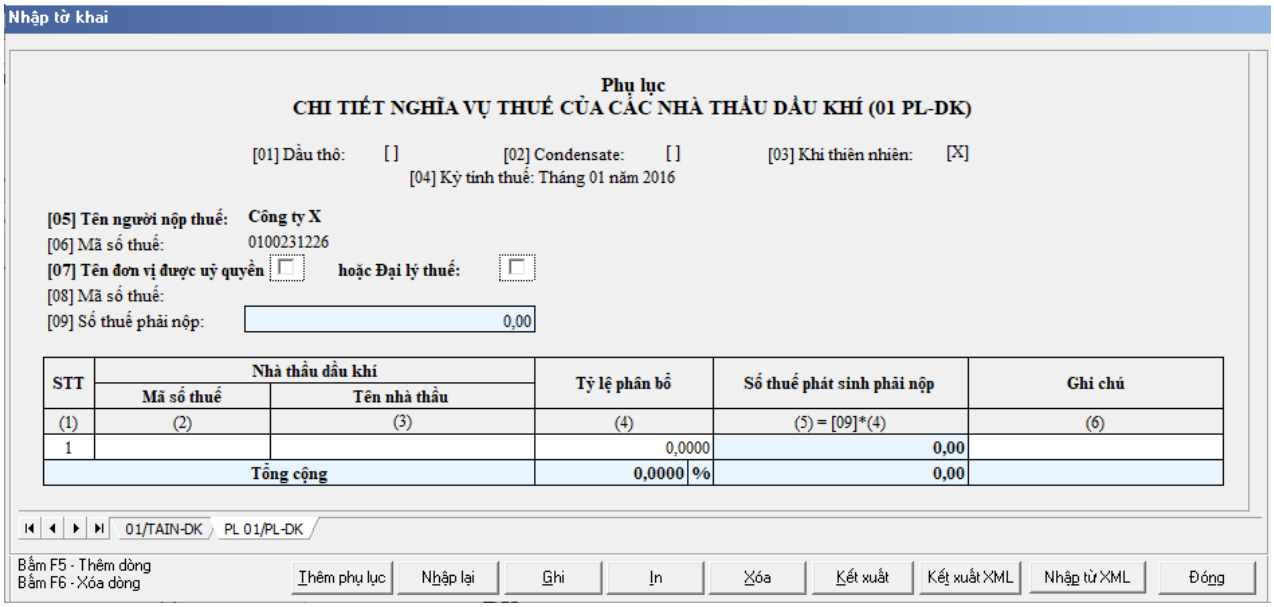
- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [01], [02], [03]: tự hiển thị
  - + Chỉ tiêu [08], [09]: UD chỉ cho phép lựa chọn 1 trong 2 chỉ tiêu này.
  - + Chỉ tiêu [05]: tự hiển thị
  - + Chỉ tiêu [10]: Nhập kiểu dd/mm/yyyy, chỉ cho phép nhập khi nhập chỉ tiêu [09]
  - + Chỉ tiêu [19]: Nhập dạng text
  - + Chỉ tiêu [20]: Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý: Cho phép NSD chọn 1 trong 2 loại. Nếu ở phần Thông tin doanh nghiệp có nhập thông tin đại lý thuế thì khi trên tờ khai sẽ mặc định tích vào ô Đại lý thuế và cho phép sửa. Nếu không nhập thông tin Đại lý thuế ở phần Thông tin doanh nghiệp thì UD không cho check chọn cả hai ô Đại lý thuế và Đại lý ủy quyền
  - + Chỉ tiêu [30], [30a]: Nhập dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [31]: Nhập dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [33]: Nhập xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [35]: UD chỉ bắt buộc NSD nhập dạng số không âm khi lựa chọn chỉ tiêu [09], mặc định là 0, tối đa 5 chữ số.

- Các chỉ tiêu tính toán:
  + Chỉ tiêu [32] = [30] * [31], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy
  + Chỉ tiêu [34] = [32] * [33], làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, nếu kết quả âm thì [34] = 0
  + Phần mục lục ngân sách nhà nước ở cuối mẫu in như sau:
    - Đối với dầu thô: Hạch toán chỉ tiêu [34] vào mục 3750, tiểu mục 3751
    - Đối với Condensate: Hạch toán chỉ tiêu [34] vào mục 3900, tiểu mục 3951
    - Đối với Khí thiên nhiên: Hạch toán chỉ tiêu [34] vào mục 3800, tiểu mục 3801.

Phụ lục 01/PL-DK: Chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí

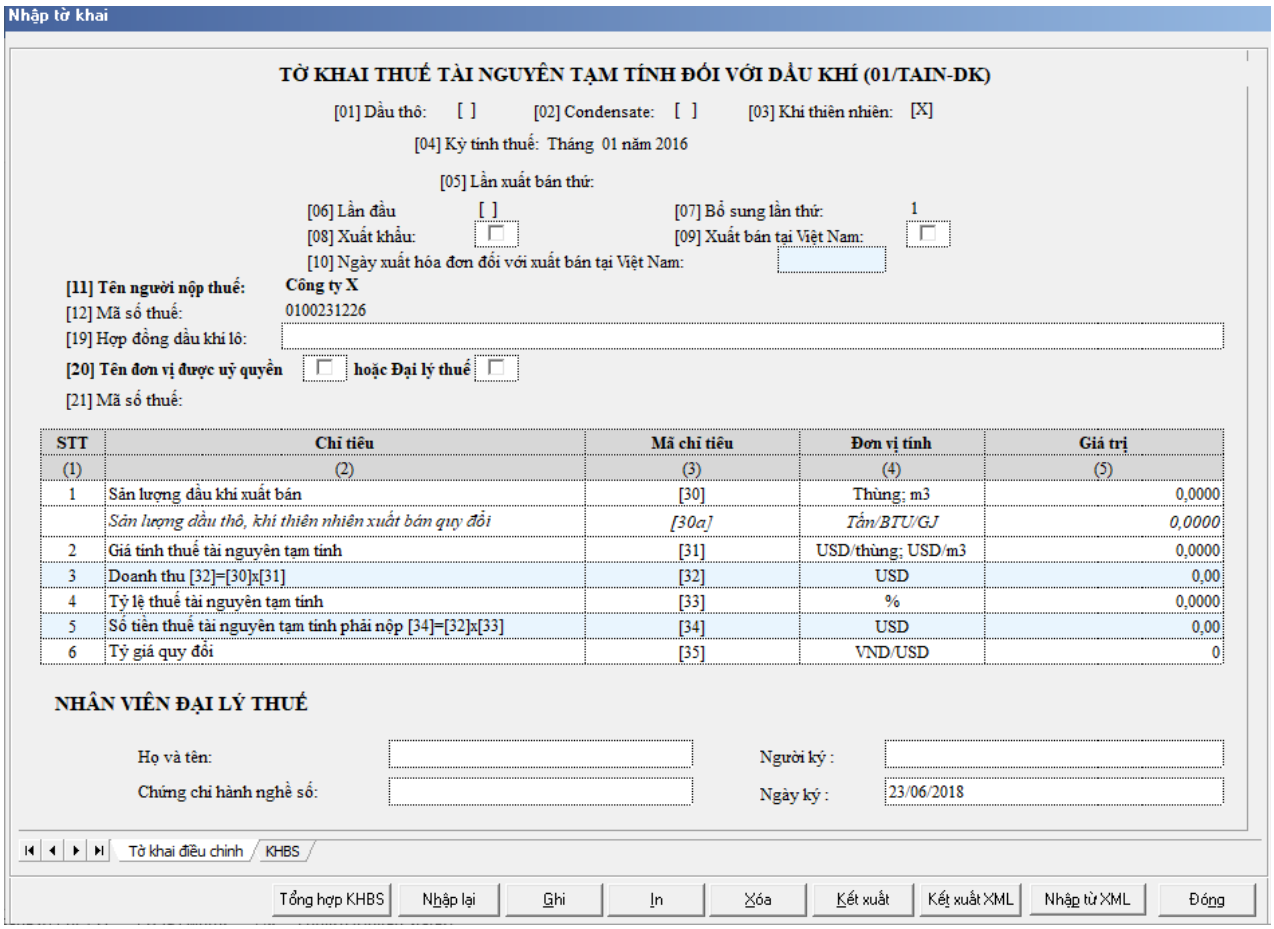


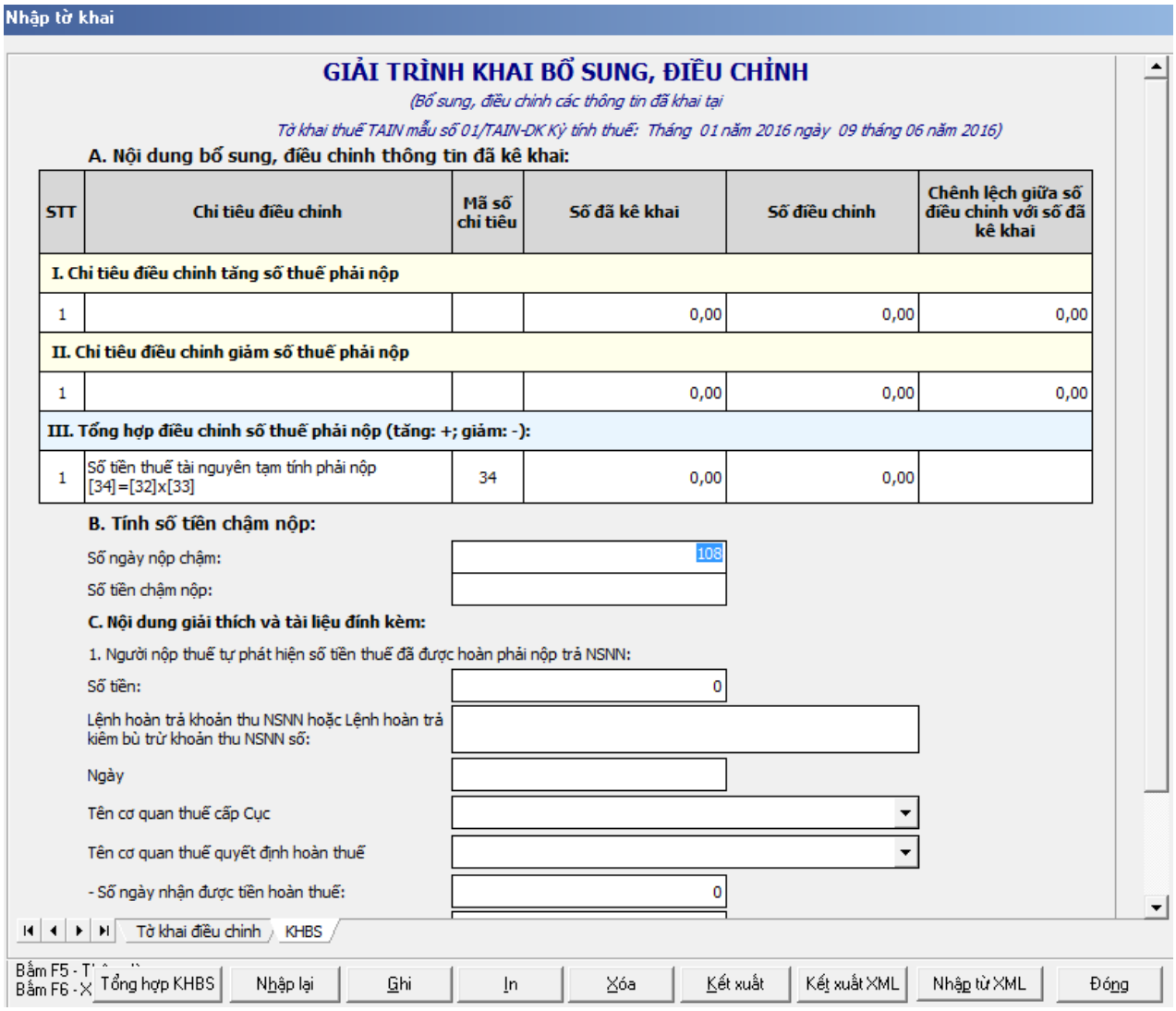
  + Chỉ tiêu [09] Số thuế phải nộp: Lấy từ chỉ tiêu [34] của tờ khai 01/TAIN-DK
  + Cột (1) - STT: Tự tăng khi thêm dòng
  + Cột (2) – Mã số thuế của nhà thầu dầu khí: NSD tự nhập,tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST.
  + Cột (3) – Tên nhà thầu: Tự nhập kiểu text
  + Cột (4) – Tỷ lệ phân bổ: cho phép NSD tự nhập dạng xx,xxxx
  + Cột (5) – Số thuế phát sinh phải nộp: (5) = chỉ tiêu [09] * cột (4), làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì set = 0
  + Cột (6) – Ghi chú: NSD tự nhập kiểu text, tối đa 250 ký tự
  + Tổng cộng cột (4): hệ thống tự tính. Kiểm tra tổng cột (4) phải bằng 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ " Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"

+ Tổng cộng cột (5) = Tổng các dòng cột (5), kiểm tra phải bằng chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

B. Trường hợp khi tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



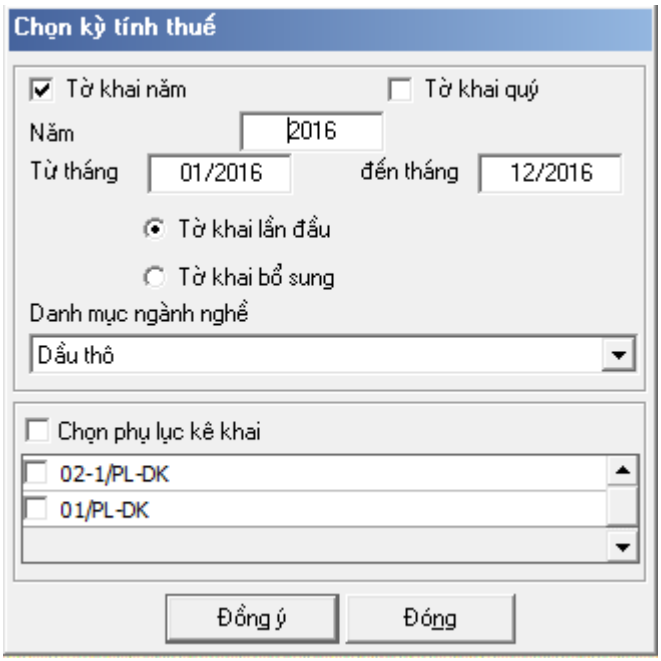


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [34] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.9 Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu 02/TAIN- DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC

Cách gọi:

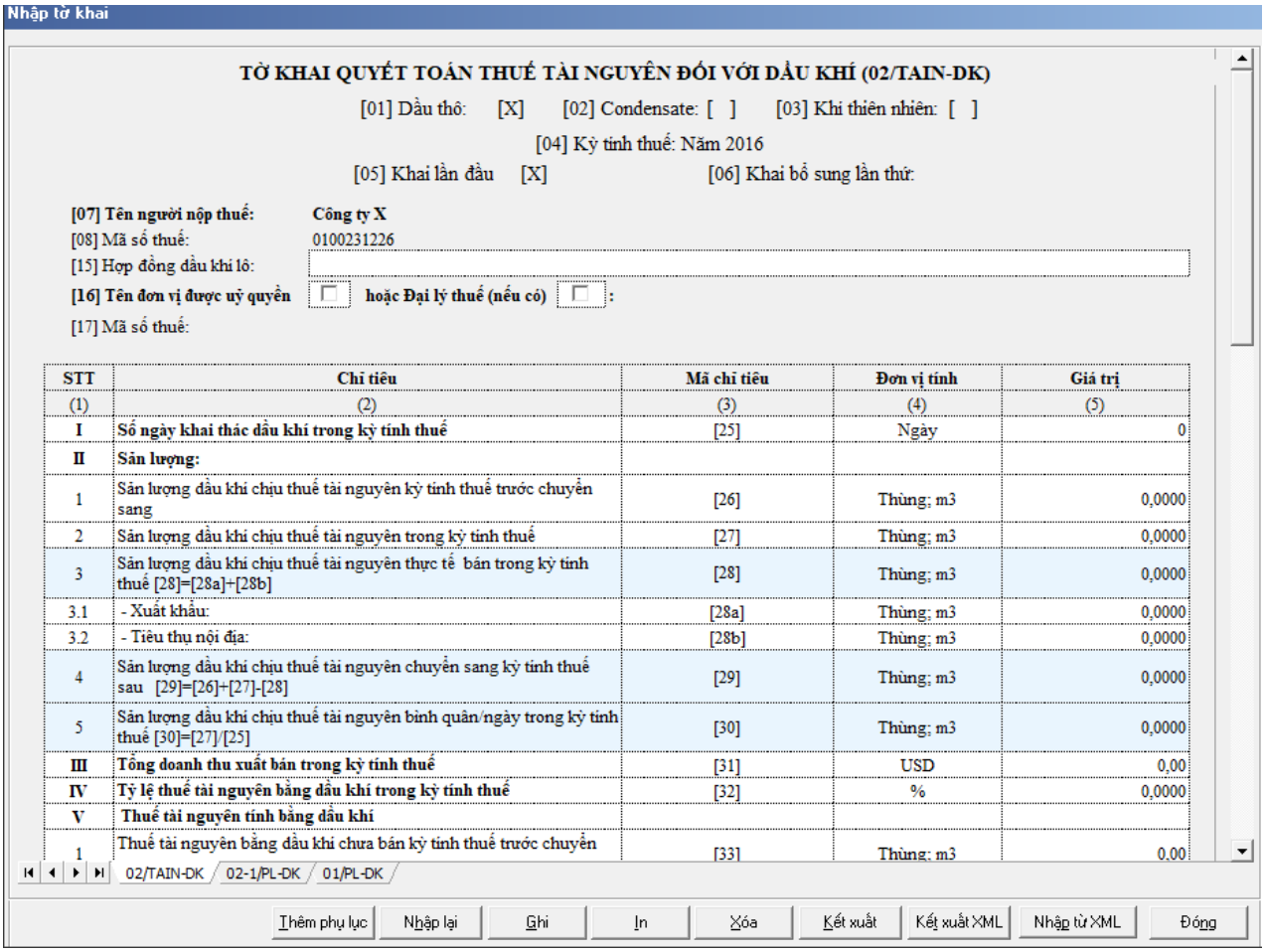
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Tờ khai quyết toán thuế TAIN đối với dầu khí – 02/TAIN-DK".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Kỳ tính thuế theo năm: Mặc định là năm hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn năm hiện tại
  + Kỳ tính thuế theo Quý: Mặc định là Quý hiện tại -1, cho phép sửa nhưng không được lớn hơn quý hiện tại.
  + Hiệu lực của tờ khai Năm từ 2016 trở đi
  + Hiệu lực của tờ khai Quý từ Q4/2016 trở đi
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
- Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí mẫu 02/TAIN- DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

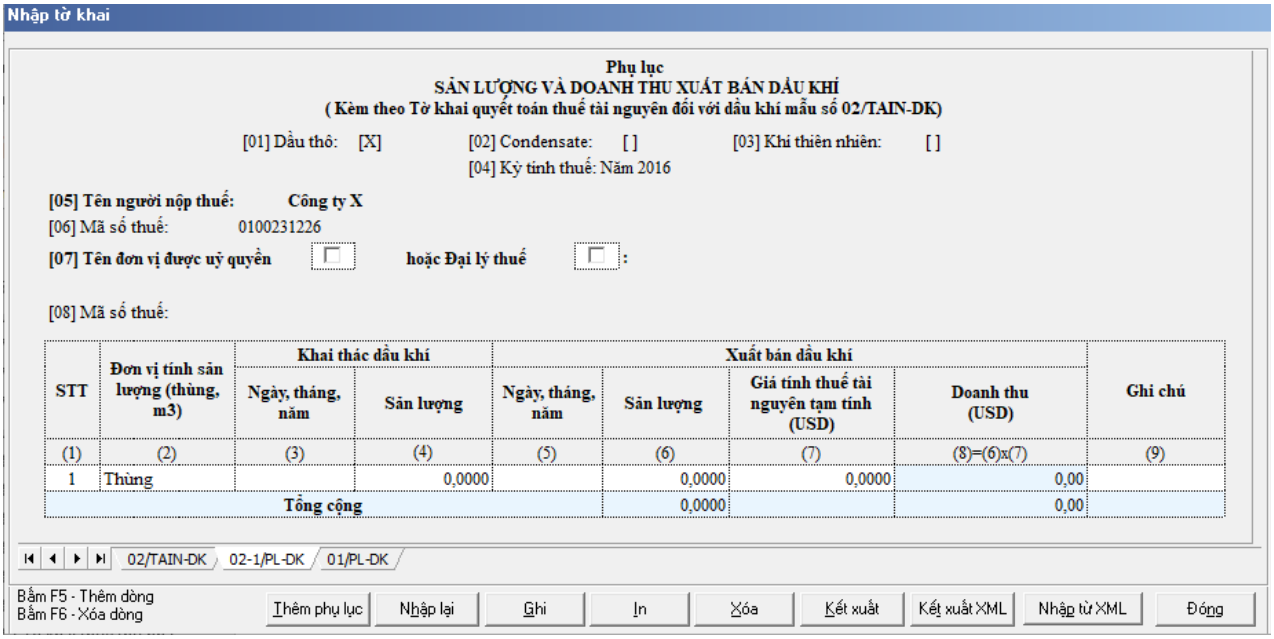


- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [01], [02], [03]: tự hiển thị
  - + Chỉ tiêu [15]: Nhập dạng text
  - + Chỉ tiêu [16]: Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý: Cho phép NSD chọn 1 trong 2 loại. Nếu ở phần Thông tin doanh nghiệp có nhập thông tin đại lý thuế thì khi trên tờ khai sẽ mặc định tích vào ô Đại lý thuế và cho phép sửa. Nếu không nhập thông tin Đại lý thuế ở phần Thông tin doanh nghiệp thì UD không cho check chọn cả hai ô Đại lý thuế và Đại lý ủy quyền
  - + Chỉ tiêu [25]: Cho phép nhập dạng số tối đa 3 chữ số
  - + Chỉ tiêu [26]: UD hỗ trợ tự động lấy chỉ tiêu [29] của kỳ trước chuyển sang (theo nguyên tắc Từ tháng kỳ này = Đến tháng kỳ trước +1, áp dụng cho kiểu kỳ từ Quý_Quý, Năm_Năm, cho phép sửa). Nếu nhập sửa theo dạng xx,xxxx khác thì UD cảnh báo vàng "Chỉ tiêu [26] khác chỉ tiêu [29] của kỳ trước chuyển sang"
  - + Chỉ tiêu [27], [28a], [28b], [32]: Nhập dạng xx,xxxx
  - + Chỉ tiêu [41]: Nhập dạng xx,xx

+ Chỉ tiêu [31]: UD hỗ trợ tự động lấy tổng cột (8) của PL 02-1/PL-DK chuyển sang, cho phép sửa
+ Chỉ tiêu [33]: UD hỗ trợ tự động lấy từ chỉ tiêu [36] của kỳ trước chuyển sang, cho phép sửa theo dạng xx,xx. Nếu sửa khác thì UD cảnh báo vàng "Chỉ tiêu [33] khác với chỉ tiêu [36] của kỳ trước chuyển sang"
+ Chỉ tiêu [43]: Cho phép nhập số không âm, tối đa 5 chữ số.

- *Các chỉ tiêu tự tính*
  + Chỉ tiêu [28] = [28a] + [28b], làm tròn 4 chữ số sau dấu phẩy.
  + Chỉ tiêu [29]=[26]+[27]-[28], làm tròn 4 chữ số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì set =0
  + Chỉ tiêu [30]=[27]/[25], làm tròn 4 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [34]=[27]x[32], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [35]=[33]+([28]-[26])x[32], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì set =0
  + Chỉ tiêu [36]=[33]+[34]-[35], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì set =0
  + Chỉ tiêu [37]=[31]/[28], làm tròn 4 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [38]=[39]+[40], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [39]=[33]x[37], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
  + Chỉ tiêu [40]=([35]-[33])x[37], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì set = 0
  + Chỉ tiêu [42]=[38]-[41], làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy, kết quả có thể âm
- *Các công thức kiểm tra:*
  + Chỉ tiêu [28]:
    - Nếu ko có PL 02-1 đính kèm thì hệ thống ktra [28] >= [26]
    - Nếu có PL 02-1 đính kèm thì hệ thống ktra [28] phải bằng Tổng cột (6) trên PL 02-1/PL-DK. Nếu khác thì cảnh báo vàng.
  + Phần mục lục ngân sách nhà nước ở cuối mẫu in như sau:
    - Đối với dầu thô: Hạch toán chỉ tiêu [42] vào mục 3750 , tiểu mục 3751
    - Đối với Condensate: Hạch toán chỉ tiêu [42] vào mục 3950 , tiểu mục 3951
    - Đối với Khí thiên nhiên: Hạch toán chỉ tiêu [42] vào mục 3800, tiểu mục 3801

Phụ lục 02-1/PL-DK: Sản lượng và doanh thu xuất bán dầu khí



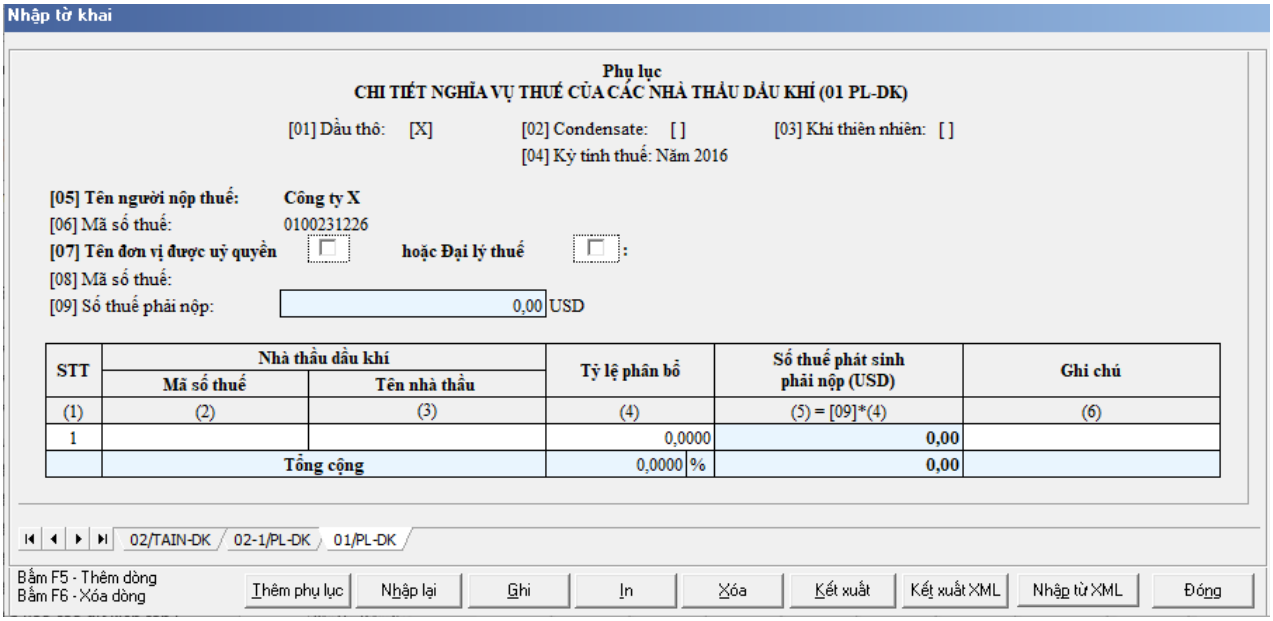
Các chỉ tiêu cần nhập:

+ Cột (1): Ứng dụng hỗ trợ tự tăng
+ Cột (2): Nếu là "Dầu thô" và "Condensate" là thùng. Nếu là "Khí thiên nhiên" là m3
+ Cột (3), (5): nhập dạng dd/mm/yyyy
+ Cột (4), (6): tự nhập theo dạng xx,xxxx
+ Cột (7): tự nhập theo đúng dạng xx,xxxx
+ Cột (9): tự nhập, dạng text

Các chi tiết tính toán:

+ Cột (8) = (6) * (7), làm tròn 2 chữ số sau dấu phẩy
+ UD tự động tự tính tổng các dòng của cột (6), (7), (8).
+ Kiểm tra tổng cột (6) phải bằng chỉ tiêu [28] trên 02/TAIN-DK, nếu không cảnh báo vàng.
+ Tổng cột (8) = ct [31] trên 02/TAIN-DK

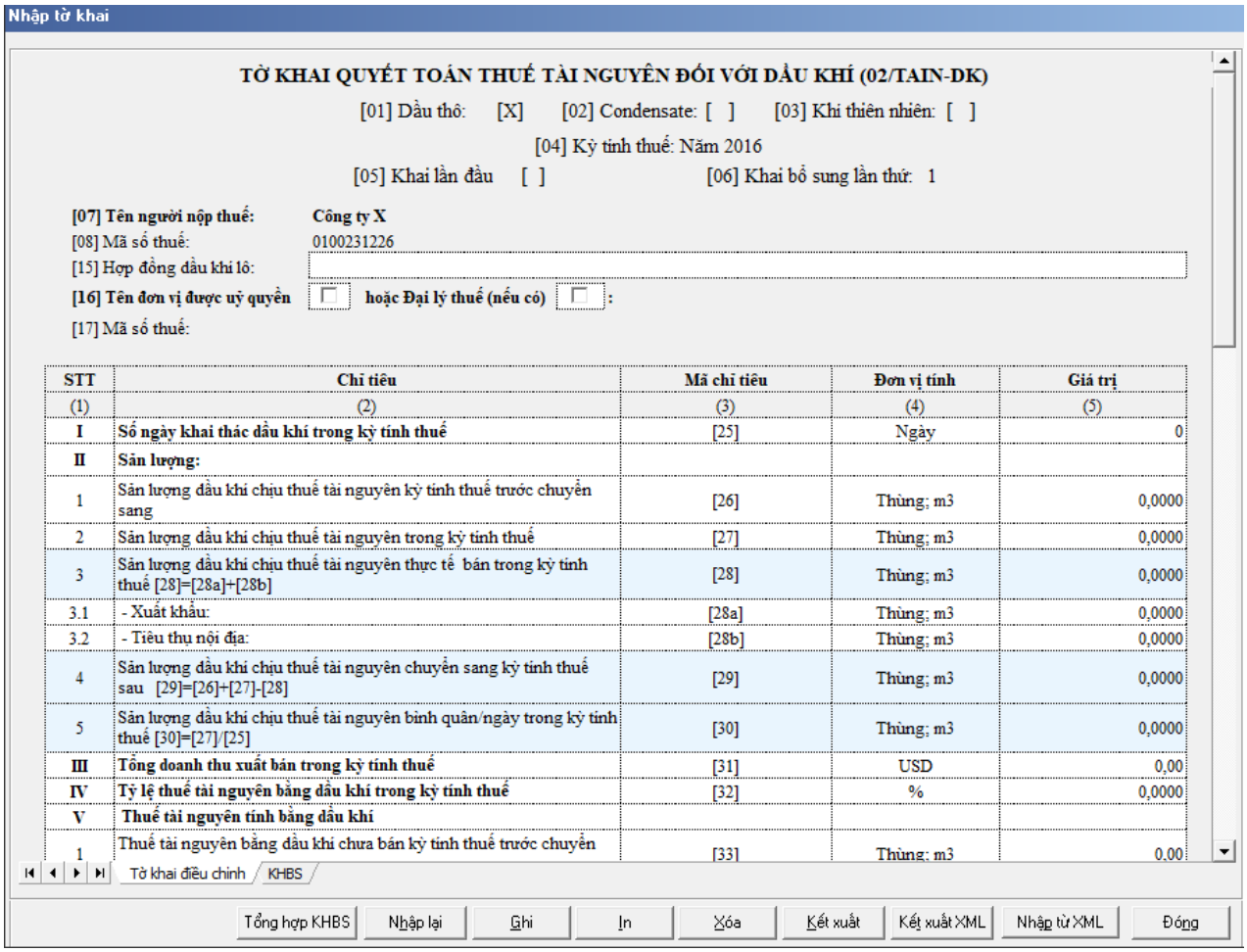
Phụ lục 01/PL-DK: Chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí



+ Chỉ tiêu [09] Số thuế phải nộp: Lấy từ chỉ tiêu [38] của tờ khai 02/TAIN-DK
+ Cột (1) - STT: Tự tăng khi thêm dòng
+ Cột (2) – Mã số thuế của nhà thầu dầu khí: NSD tự nhập,tối đa 14 ký tự, kiểm tra đúng cấu trúc MST.
+ Cột (3) – Tên nhà thầu: Tự nhập kiểu text
+ Cột (4) – Tỷ lệ phân bổ: cho phép NSD tự nhập dạng xx,xxxx
+ Cột (5) – Số thuế phát sinh phải nộp: (5) = chỉ tiêu [09] * cột (4), làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì thiết lập = 0
+ Cột (6) – Ghi chú: NSD tự nhập kiểu text, tối đa 250 ký tự
+ Tổng cộng cột (4): hệ thống tự tính. Kiểm tra tổng cột (4) phải bằng 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ " Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"
+ Tổng cộng cột (5) = Tổng các dòng cột (5), kiểm tra phải bằng chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

B.Trường hợp khi tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



Nhập tờ khai

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ (02/TAIN-DK)

[01] Dầu thô: [X] [02] Condensate: [ ] [03] Khí thiên nhiên: [ ]

[04] Kỳ tính thuế: Năm 2016

[05] Khai lần đầu [ ] [06] Khai bổ sung lần thứ: 1

[07] Tên người nộp thuế: **Công ty X**

[08] Mã số thuế: 0100231226

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

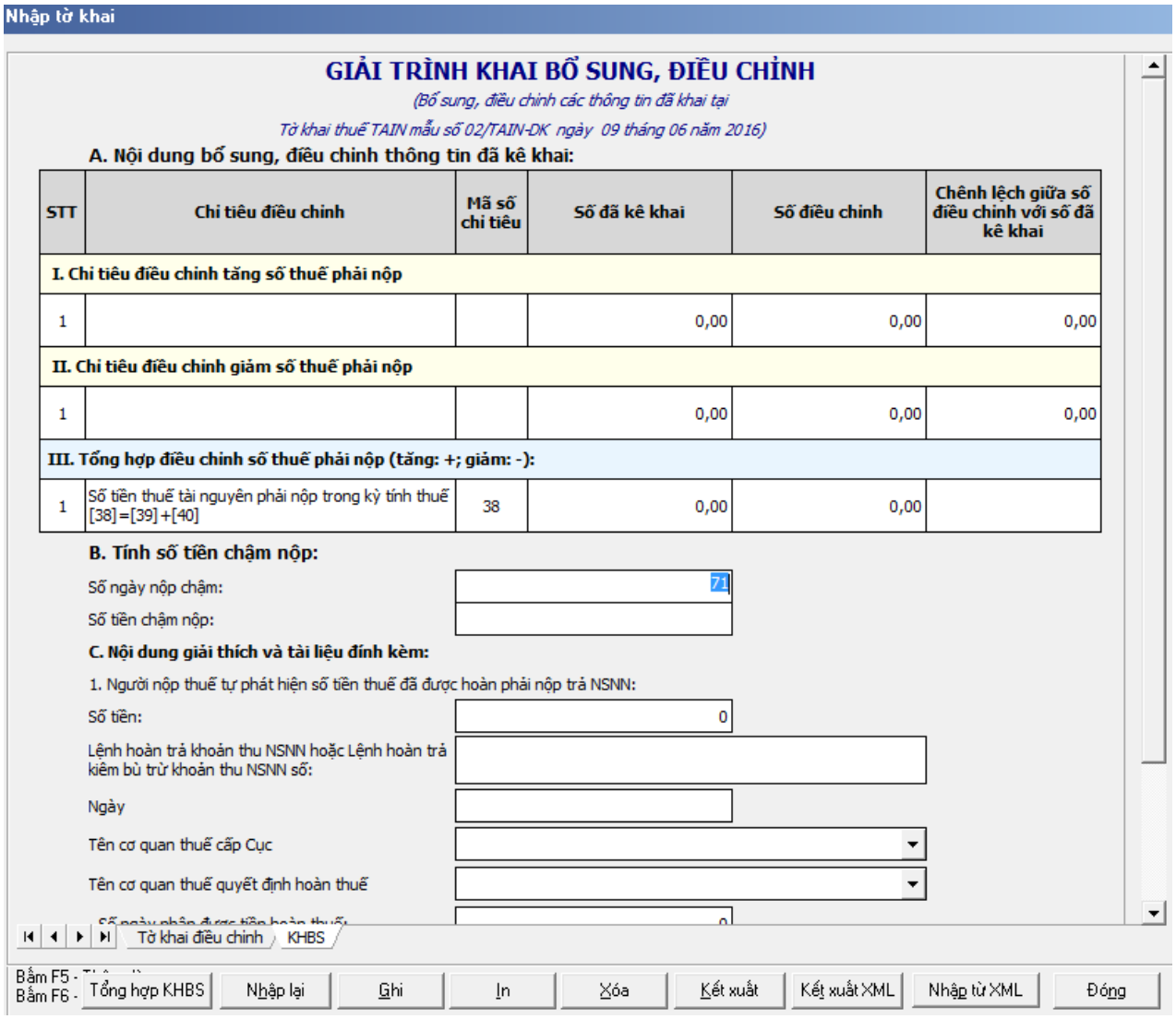
[16] Tên đơn vị được uỷ quyền ☐ **hoặc Đại lý thuế (nếu có)** ☐ :

[17] Mã số thuế:

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế**	[25]	Ngày	0
II	**Sản lượng:**			
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên kỳ tính thuế trước chuyển sang	[26]	Thùng; m3	0,0000
2	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế	[27]	Thùng; m3	0,0000
3	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên thực tế bán trong kỳ tính thuế [28]=[28a]+[28b]	[28]	Thùng; m3	0,0000
3.1	- Xuất khẩu:	[28a]	Thùng; m3	0,0000
3.2	- Tiêu thụ nội địa:	[28b]	Thùng; m3	0,0000
4	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên chuyển sang kỳ tính thuế sau [29]=[26]+[27]-[28]	[29]	Thùng; m3	0,0000
5	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên bình quân/ngày trong kỳ tính thuế [30]=[27]/[25]	[30]	Thùng; m3	0,0000
III	**Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế**	[31]	USD	0,00
IV	**Tỷ lệ thuế tài nguyên bằng dầu khí trong kỳ tính thuế**	[32]	%	0,0000
V	**Thuế tài nguyên tính bằng dầu khí**			
1	Thuế tài nguyên bằng dầu khí chưa bán kỳ tính thuế trước chuyển	[33]	Thùng; m3	0,00

Tờ khai điều chỉnh | KHBS

Tổng hợp KHBS | Nhập lại | Ghi | In | Xóa | Kết xuất | Kết xuất XML | Nhập từ XML | Đóng

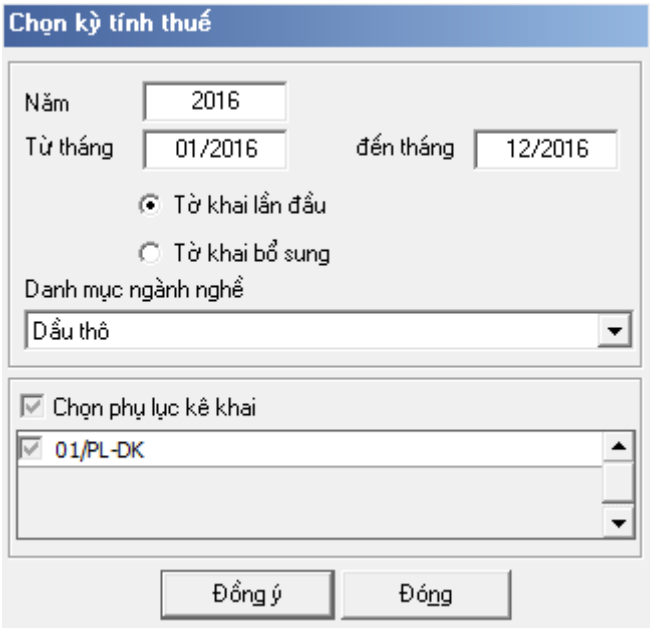


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [38], [39], [40] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.10 Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí mẫu 02/TNDN- DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC

Cách gọi:

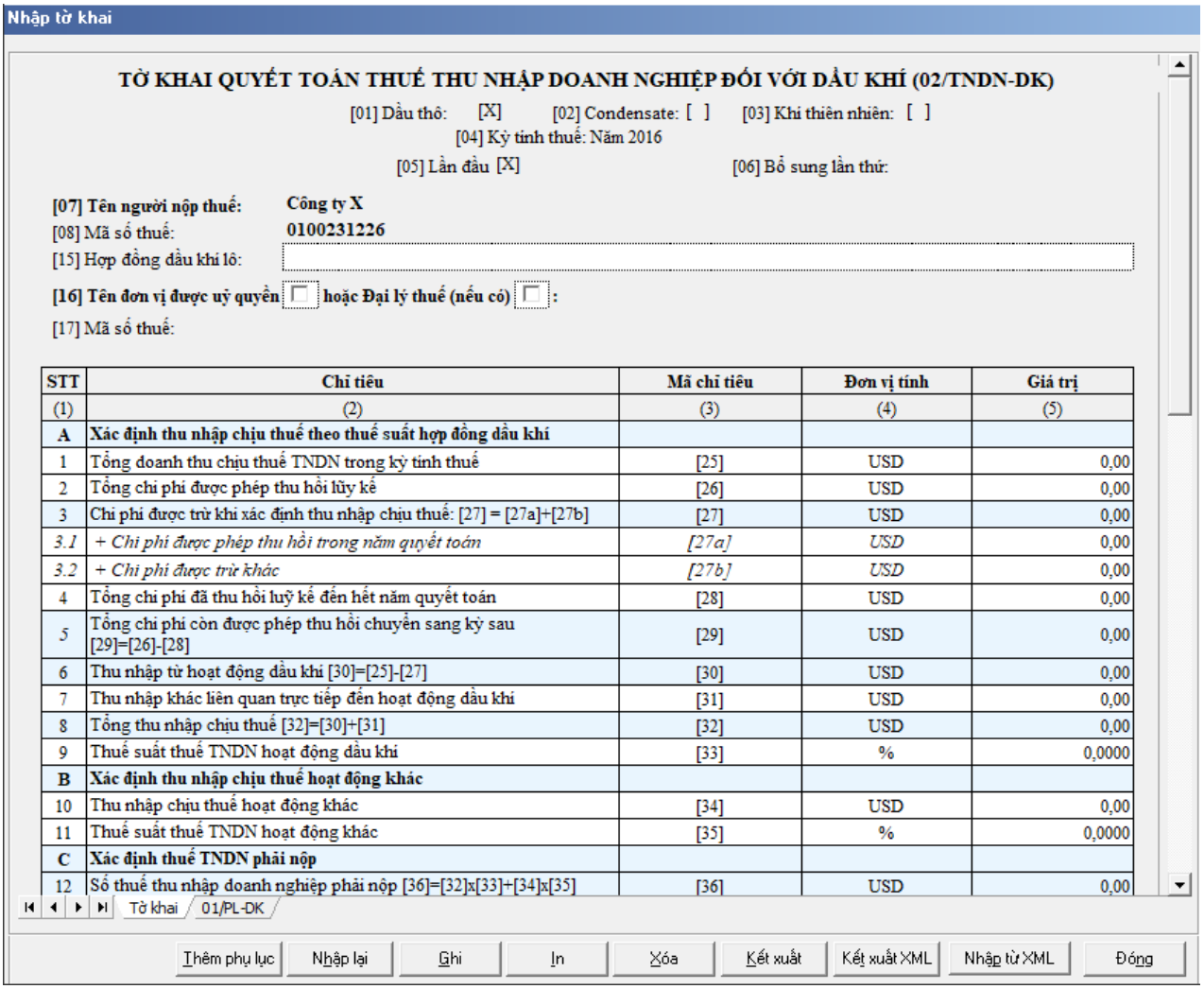
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Tờ khai quyết toán thuế TNDN đối với Dầu khí – 02/TNDN-DK".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Nhập kỳ tính thuế theo năm: Mặc định là năm hiện tại – 1, không cho phép nhập lớn hơn kỳ hiện tại.
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Hiệu lực của tờ khai từ Năm 2016 trở đi
- Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dầu khí mẫu 02/TNDN- DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	**Xác định thu nhập chịu thuế theo thuế suất hợp đồng dầu khí**			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[25]	USD	0,00
2	Tổng chi phí được phép thu hồi lũy kế	[26]	USD	0,00
3	Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: [27] = [27a]+[27b]	[27]	USD	0,00
3.1	*+ Chi phí được phép thu hồi trong năm quyết toán*	*[27a]*	*USD*	0,00
3.2	*+ Chi phí được trừ khác*	*[27b]*	*USD*	0,00
4	Tổng chi phí đã thu hồi luỹ kế đến hết năm quyết toán	[28]	USD	0,00
5	Tổng chi phí còn được phép thu hồi chuyển sang kỳ sau [29]=[26]-[28]	[29]	USD	0,00
6	Thu nhập từ hoạt động dầu khí [30]=[25]-[27]	[30]	USD	0,00
7	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[31]	USD	0,00
8	Tổng thu nhập chịu thuế [32]=[30]+[31]	[32]	USD	0,00
9	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	[33]	%	0,0000
B	**Xác định thu nhập chịu thuế hoạt động khác**			
10	Thu nhập chịu thuế hoạt động khác	[34]	USD	0,00
11	Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	[35]	%	0,0000
C	**Xác định thuế TNDN phải nộp**			
12	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp [36]=[32]x[33]+[34]x[35]	[36]	USD	0,00

- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [01], [02], [03]: tự hiển thị
  - + Chỉ tiêu [15]: Nhập dạng text
  - + Chỉ tiêu [16]: Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Cho phép NSD chọn 1 trong 2 loại. Nếu ở phần Thông tin doanh nghiệp có nhập thông tin đại lý thuế thì khi trên tờ khai sẽ mặc định tích vào ô Đại lý thuế và cho phép sửa. Nếu không nhập thông tin Đại lý thuế ở phần Thông tin doanh nghiệp thì UD không cho check chọn cả hai ô Đại lý thuế và Đại lý ủy quyền.

A. Xác định thu nhập chịu thuế theo thuế suất hợp đồng dầu khí:

- + Chỉ tiêu [25], [26], [27a], [27b], [28], [31]: Nhập dạng xx,xx.
- + Kiểm tra: ct [28] < = ct [26], nếu khác thì UD cảnh báo đỏ.
- + Kiểm tra: ct [27a] <= ct [28], nếu khác thì UD cảnh báo đỏ.
- + Chỉ tiêu [27] = [27a] + [27b], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy
- + Chỉ tiêu [29] = [26] - [28], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì công thức [29] = 0

+ Chỉ tiêu [30] = [25] - [27], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, nếu kết quả âm thì công thức [30] = 0
+ Chỉ tiêu [32] = [30] + [31], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy
+ Chỉ tiêu [33]: Nhập dạng xx,xxxx.

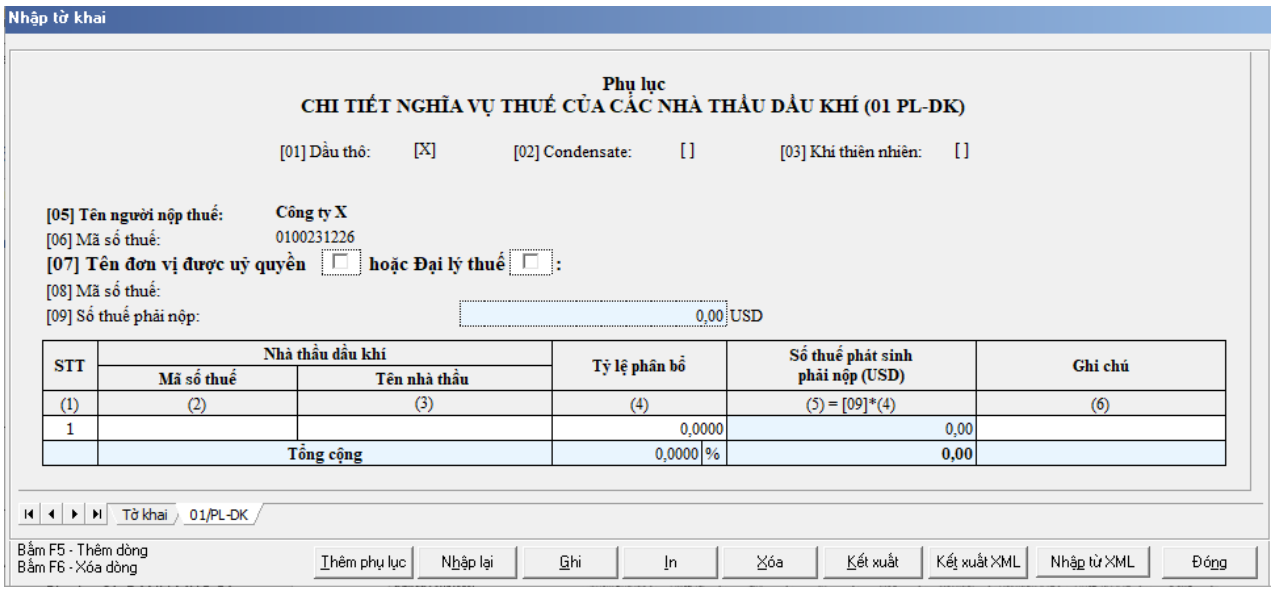
B. Xác định thu nhập chịu thuế hoạt động khác

+ Chỉ tiêu [34]: Nhập dạng xx,xx
+ Chỉ tiêu [35]: Nhập xx,xxxx

C. Xác định thuế TNDN phải nộp

+ Chỉ tiêu [36] = [32] * [33] + [34] * [35], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy
+ Chỉ tiêu [37], [39]: Nhập xx,xx
+ Chỉ tiêu [38] = [36] – [37], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, nếu âm thì [38] = 0
+ Chỉ tiêu [40] = [38] - [39], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, có thể âm.
+ Chỉ tiêu [41]: Nhập dạng số, không âm, tối đa 05 chữ số.
+ Phần ghi chú mục lục ngân sách nhà nước ở cuối mẫu in như sau:
  - Đối với dầu thô: Hạch toán chỉ tiêu [40] vào mục 3750, tiểu mục 3752
  - Đối với Condensate: Hạch toán chỉ tiêu [40] vào mục 3950, tiểu mục 3952
  - Đối với Khí thiên nhiên: Hạch toán chỉ tiêu [40] vào mục 3800, tiểu mục 3802.

Phụ lục 01/PL-DK: Chi tiết nghĩa vụ thuế của các nhà thầu dầu khí

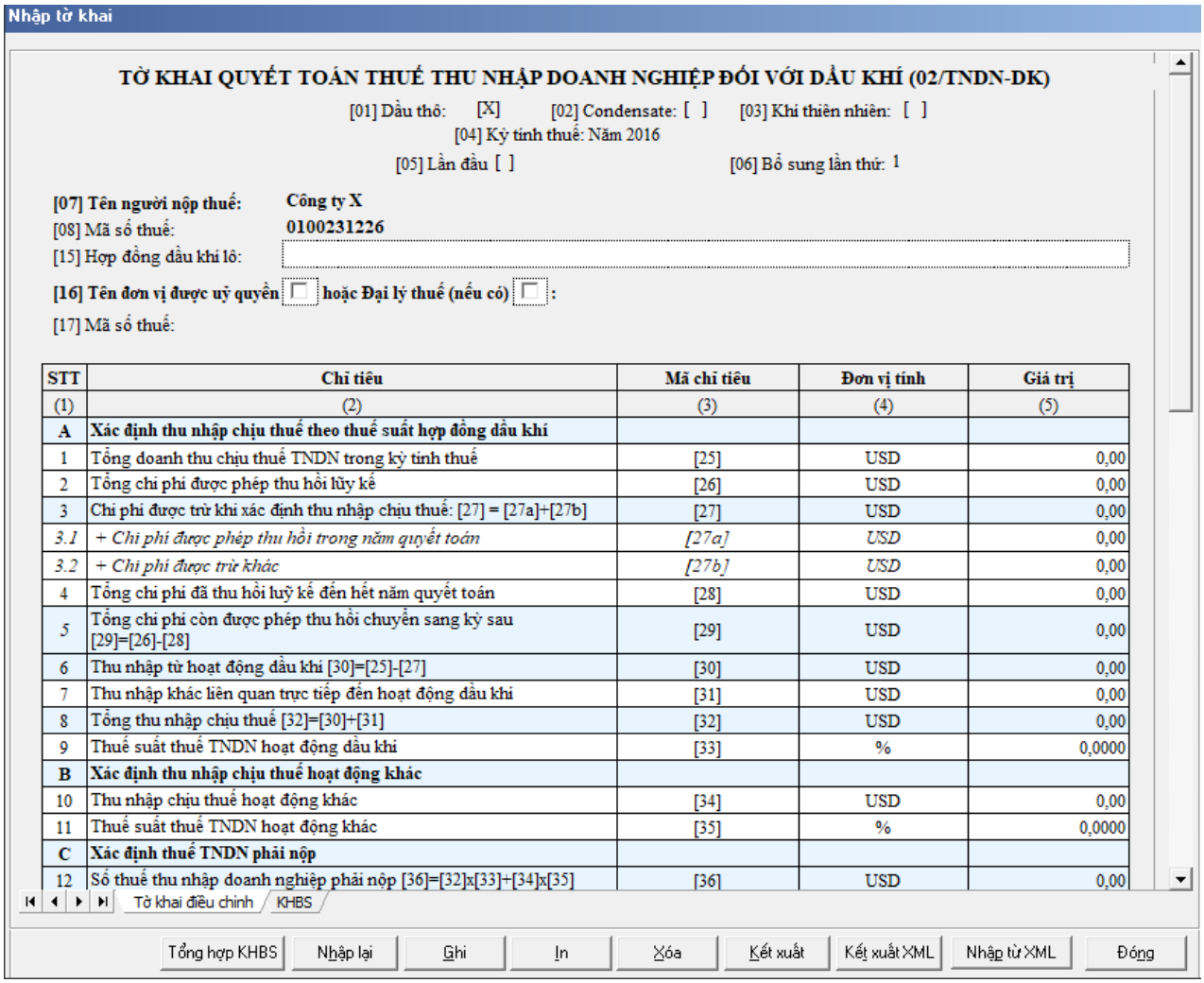


+ Chỉ tiêu [09]: Số thuế phải nộp: Lấy từ chỉ tiêu [38] của tờ khai 02/TNDN-DK chuyển sang

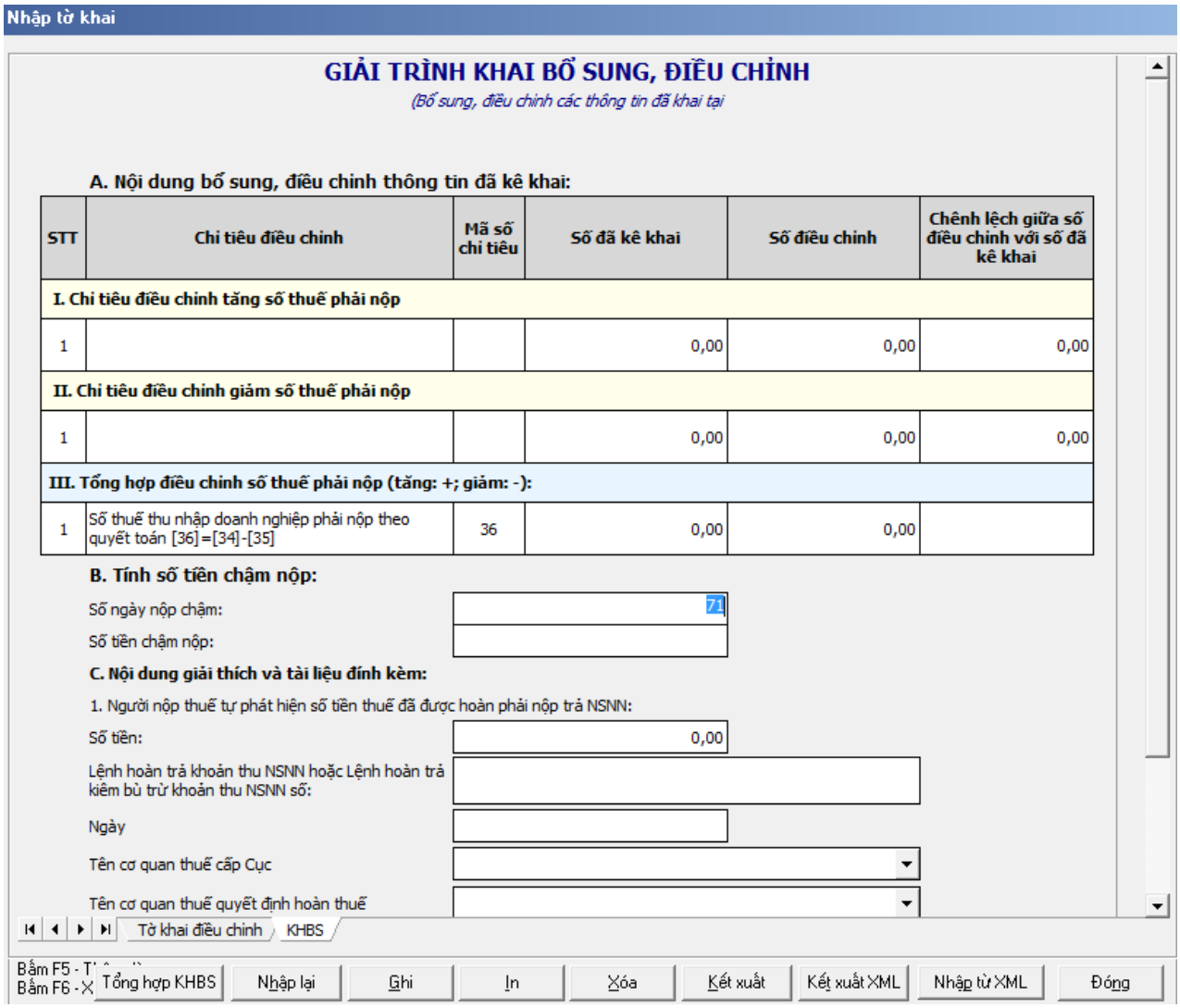
+ Cột (2) – Mã số thuế của nhà thầu dầu khí: NSD tự nhập, kiểm tra đúng cấu trúc MST.
+ Cột (3) – Tên nhà thầu: Tự nhập kiểu text
+ Cột (4) – Tỷ lệ phân bổ: NSD tự nhập dạng xx,xxxx
+ Cột (5) – Số thuế phát sinh phải nộp: (5) = chỉ tiêu [09] * cột (4), làm tròn đến 2 số sau dấu phảy, nếu âm thì thiết lập = 0
+ Cột (6) – Ghi chú: NSD tự nhập kiểu text, tối đa 250 ký tự
+ Tổng cộng cột (4): hệ thống tự tính. Kiểm tra tổng cột (4) phải bằng 100%. Nếu không hệ thống hiển thị cảnh báo đỏ " Tổng tỷ lệ phân bổ phải bằng 100%"
+ Tổng cộng cột (5) = Tổng các dòng cột (5), kiểm tra phải bằng chỉ tiêu [09], nếu khác ứng dụng đưa ra cảnh báo đỏ " Tổng số thuế phát sinh phải nộp phải bằng chỉ tiêu [09]"

B.Trường hợp khi tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"



STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A	**Xác định thu nhập chịu thuế theo thuế suất hợp đồng dầu khí**			
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[25]	USD	0,00
2	Tổng chi phí được phép thu hồi lũy kế	[26]	USD	0,00
3	Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: [27] = [27a]+[27b]	[27]	USD	0,00
3.1	*+ Chi phí được phép thu hồi trong năm quyết toán*	*[27a]*	*USD*	0,00
3.2	*+ Chi phí được trừ khác*	*[27b]*	*USD*	0,00
4	Tổng chi phí đã thu hồi luỹ kế đến hết năm quyết toán	[28]	USD	0,00
5	Tổng chi phí còn được phép thu hồi chuyển sang kỳ sau [29]=[26]-[28]	[29]	USD	0,00
6	Thu nhập từ hoạt động dầu khí [30]=[25]-[27]	[30]	USD	0,00
7	Thu nhập khác liên quan trực tiếp đến hoạt động dầu khí	[31]	USD	0,00
8	Tổng thu nhập chịu thuế [32]=[30]+[31]	[32]	USD	0,00
9	Thuế suất thuế TNDN hoạt động dầu khí	[33]	%	0,0000
B	**Xác định thu nhập chịu thuế hoạt động khác**			
10	Thu nhập chịu thuế hoạt động khác	[34]	USD	0,00
11	Thuế suất thuế TNDN hoạt động khác	[35]	%	0,0000
C	**Xác định thuế TNDN phải nộp**			
12	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp [36]=[32]x[33]+[34]x[35]	[36]	USD	0,00

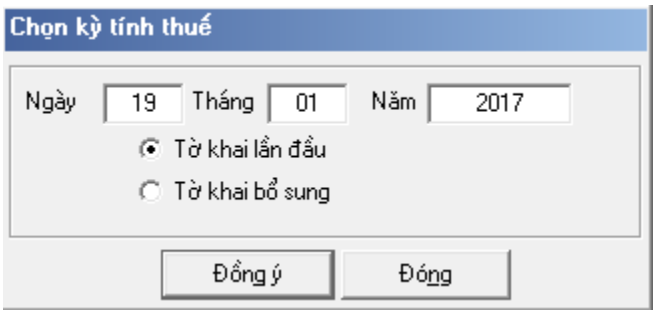


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [36], [37], [38] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.11 Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí mẫu 03/TNDN- DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC

Cách gọi:

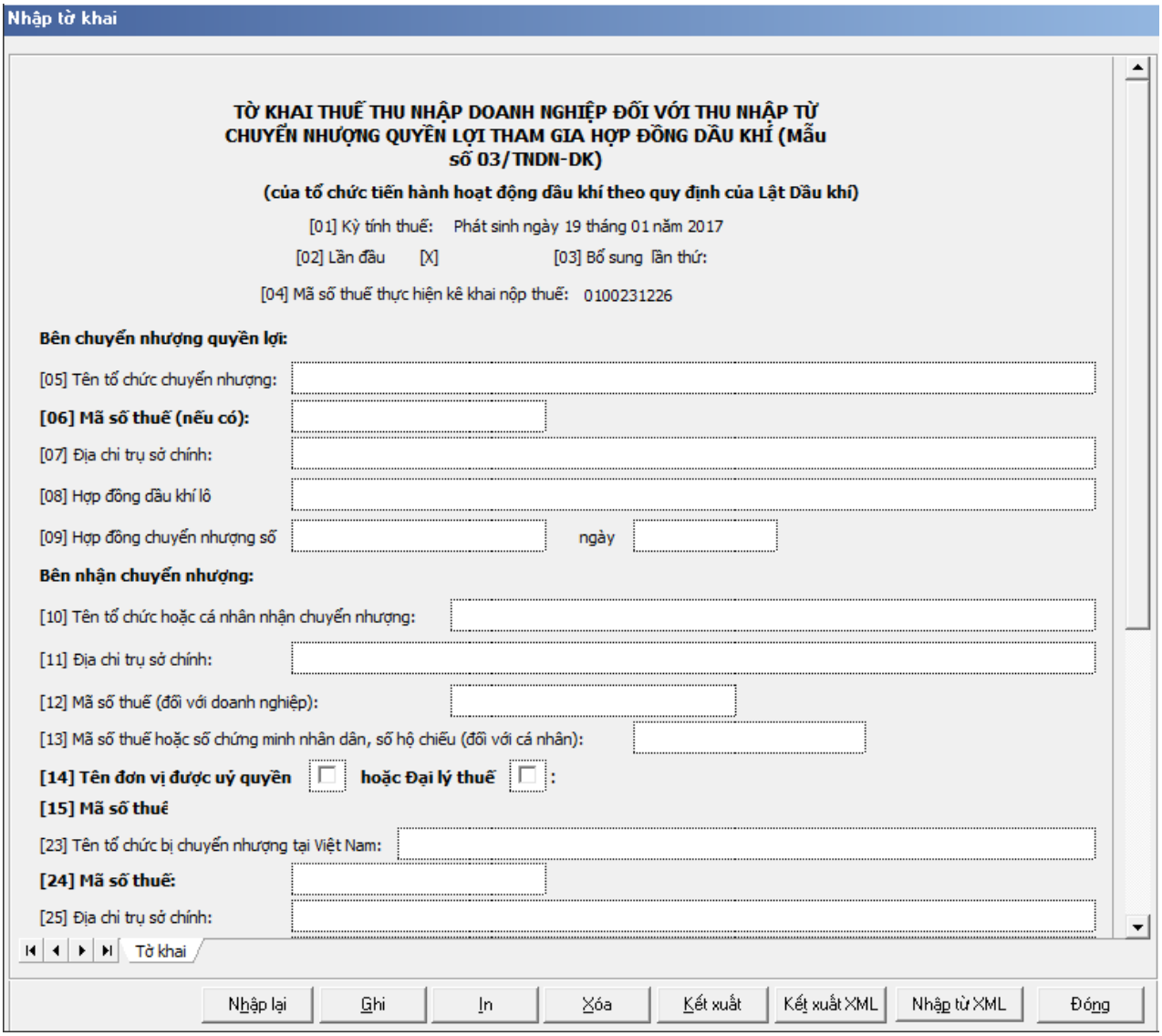
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí mẫu 03/TNDN- DK".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Nhập kỳ tính thuế theo Ngày: Mặc định là Ngày hiện tại, cho phép sửa và kiểm tra không cho phép nhập lớn hơn ngày hiện tại.
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Hiệu lực của tờ khai từ 11/11/2016 trở đi.
- Chọn các phụ lục đi kèm tờ khai: Chương trình mặc định không chọn các phụ lục, cho phép chọn phụ lục khi phải kê khai.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chuyển nhượng quyền lợi tham gia hợp đồng dầu khí mẫu 03/TNDN- DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập
  - + Chỉ tiêu [04]: Mã số thuế thực hiện kê khai nộp thuế: Hiển thị từ thông tin chung
  - + Chỉ tiêu [05]: Tên tổ chức chuyển nhượng: Nhập text, tối đa 250 ký tự
  - + Chỉ tiêu [06]: Mã số thuế: Nhập đúng cấu trúc MST. Kiểm tra UD chỉ cho phép bắt buộc nhập 1 trong 2 chỉ tiêu [06] hoặc [24]. Kiểm tra ct [06] phải trùng với [04] Mã số thuế thực hiện kê khai nộp thuế, nếu khác thì UD cảnh báo đỏ
  - + Chỉ tiêu [07]: Địa chỉ trụ sở chính: Nhập text, tối đa 250 ký tự
  - + Chỉ tiêu [08]: Hợp đồng dầu khí lô: Nhập text, tối đa 250 ký tự
  - + Chỉ tiêu [09]: Hợp đồng chuyển nhượng số:….ngày:…: Nhập tối đa 250 ký tự. Kiểm tra Nếu NNT nhập chỉ tiêu [06] thì UD kiểm tra Ngày hợp đồng phải = kỳ tính thuế [01]

+ Chỉ tiêu [16]: MST nhà điều hành hợp đồng dầu khí: Nhập đúng cấu trúc MST.
+ Chỉ tiêu [10]: Tên tổ chức hoặc cá nhân nhận chuyển nhượng: Nhập text
+ Chỉ tiêu [11]: Địa chỉ trụ sở chính: Nhập text
+ Chỉ tiêu [12]: Mã số thuế (đối với doanh nghiệp): Nhập đúng cấu trúc MST
+ Chỉ tiêu [13]: Mã số thuế hoặc số chứng minh nhân dân, số hộ chiếu) đối với cá nhân: Nhập
+ Chỉ tiêu [14]: Tên đơn vị được uỷ quyền hoặc Đại lý thuế: Cho phép NSD chọn 1 trong 2 loại. Nếu ở phần Thông tin doanh nghiệp có nhập thông tin đại lý thuế thì khi trên tờ khai sẽ mặc định tích vào ô Đại lý thuế và cho phép sửa. Nếu không nhập thông tin Đại lý thuế ở phần Thông tin doanh nghiệp thì UD không cho check chọn cả hai ô Đại lý thuế và Đại lý ủy quyền.
+ Chỉ tiêu [23]: Tên tổ chức bị chuyển nhượng tại Việt Nam: Nhập text, tối đa 250 ký tự
+ Chỉ tiêu [24]: Mã số thuế: Nhập đúng cấu trúc MST. Kiểm tra UD chỉ cho phép bắt buộc nhập 1 trong 2 chỉ tiêu [06] hoặc [24]. Kiểm tra chỉ tiêu [24] phải trùng với ct [04], nếu khác thì UD cảnh báo đỏ
+ Chỉ tiêu [25]:Địa chỉ trụ sở chính: Nhập, tối đa 250 ký tự
+ Chỉ tiêu [26]: Hợp đồng dầu khí lô: Nhập, tối đa 250 ký tự
+ Kiểm tra các chỉ tiêu [06], [12], [15], [24] không được trùng MST. Nếu khác thì cảnh báo vàng.

+ Phần thông tin chi tiết:

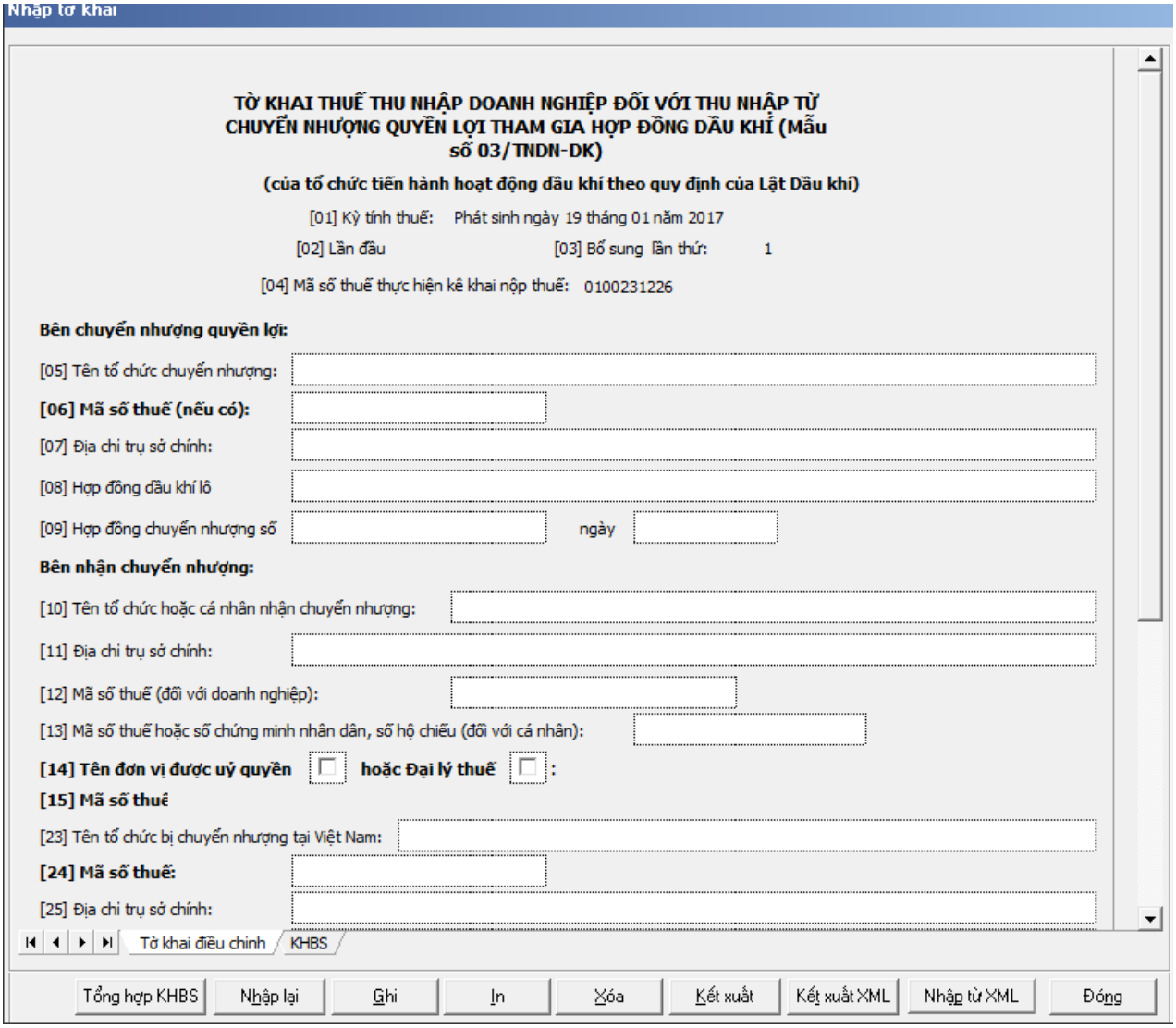
Các chỉ tiêu cần nhập

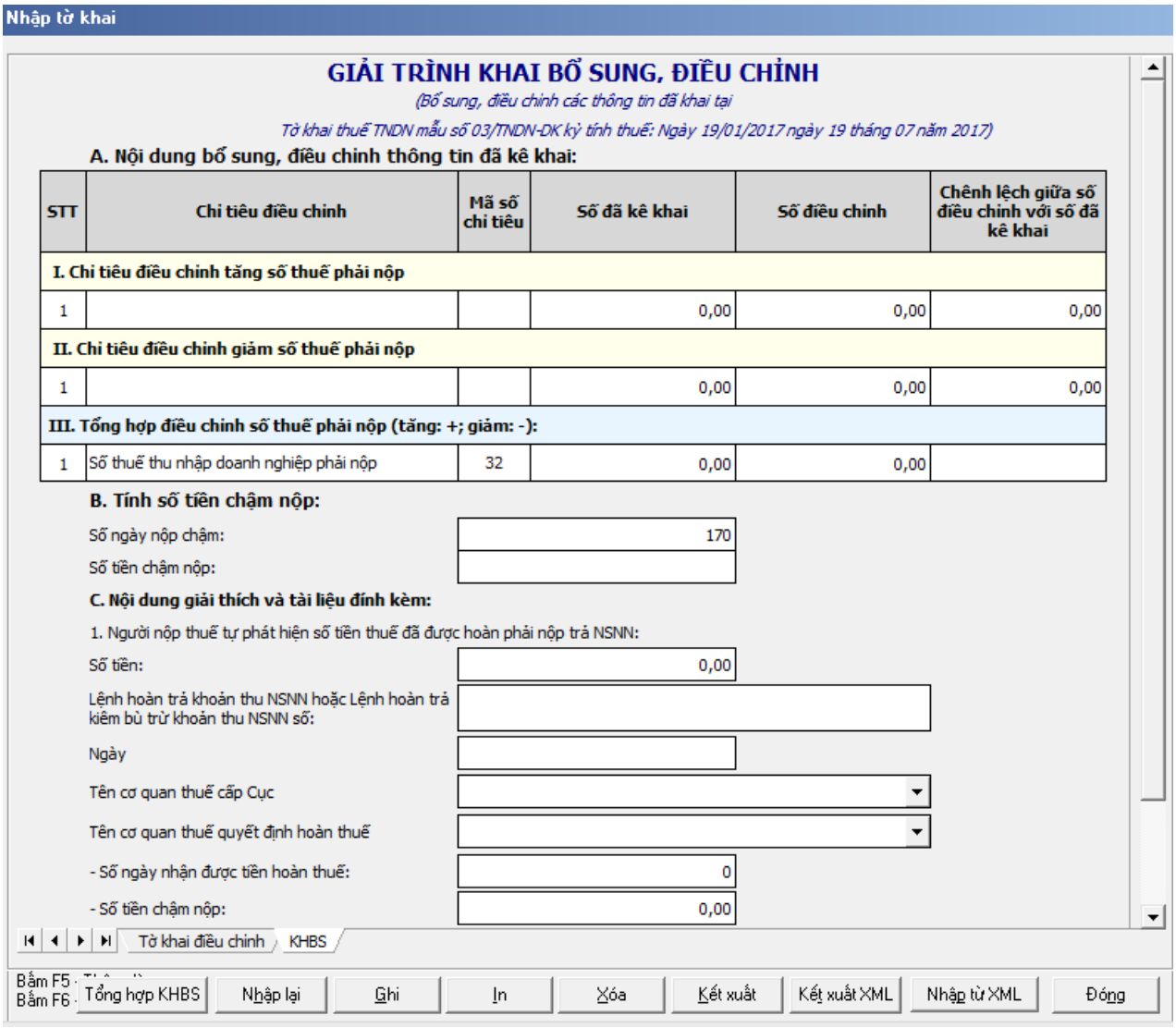
+ Cột (5)
  + Chỉ tiêu [27], [28], [29]: Nhập dạng xx,xx
  + Chỉ tiêu [30] = [27] - [28] - [29], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy, nếu âm thì [30] = 0.
  + Chỉ tiêu [31]: Nhập dạng xx,xxxx%.
  + Chỉ tiêu [32] = [30]* [31], làm tròn đến 2 số sau dấu phẩy
  + Phần mục lục ngân sách nhà nước ở cuối mẫu in như sau:
    - Hạch toán chỉ tiêu [32] vào tiểu mục 1055.

B.Trường hợp khi tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS" .

+ TH1: Nếu chỉ tiêu [04] = chỉ tiêu [06] → hạn nộp tờ khai là sau 10 ngày làm việc





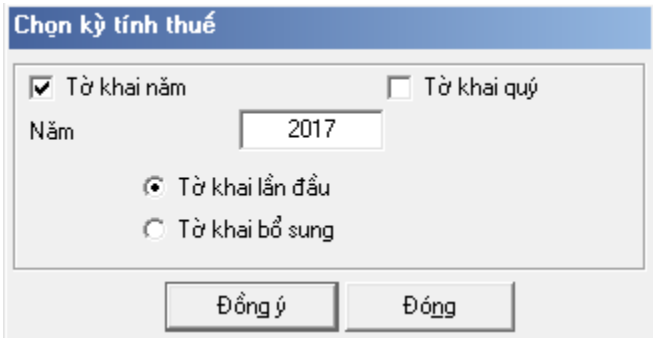
+ TH2: Nếu chỉ tiêu [04] = chỉ tiêu [24] → hạn nộp tờ khai là sau 6 tháng liên tục.

- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [32] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.18.12 Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế mẫu 01/BCTL-DK theo Thông tư 36/2016/TT-BTC

Cách gọi:

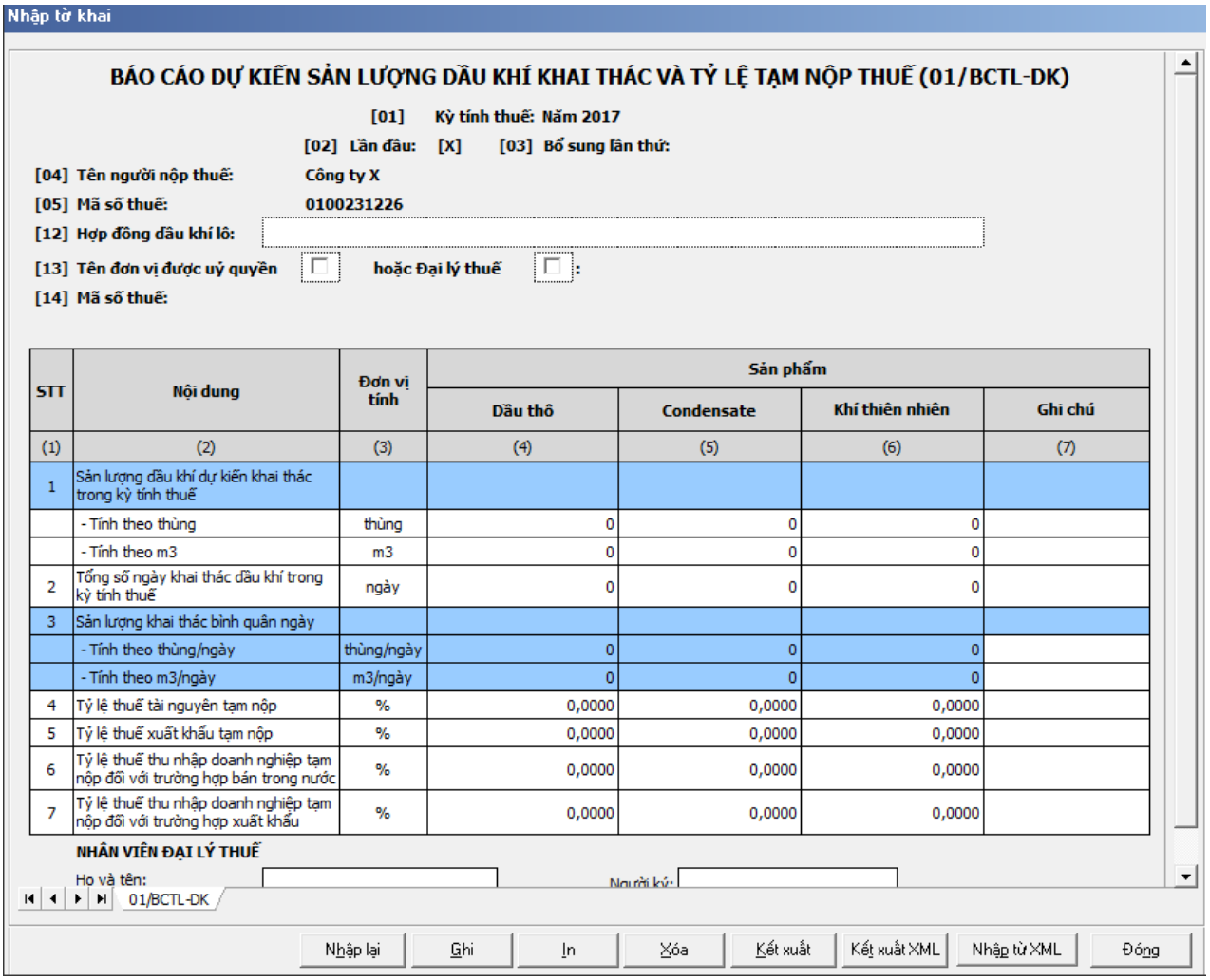
- Từ menu chức năng "Kê khai/Tờ khai Dầu khí" chọn "Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế – 01/BCTL-DK".



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Nhập kỳ tính thuế theo Năm: mặc định là năm hiện tại, cho phép sửa
  + Nhập kỳ tính thuế theo Quý: mặc định là Quý hiện tại, cho phép sửa
  + Hiệu lực của tờ khai theo Năm từ 2016 trở đi
  + Hiệu lực của tờ khai theo Quý từ Q4/2016 trở đi
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ Báo cáo dự kiến sản lượng dầu khí khai thác và tỷ lệ tạm nộp thuế mẫu 01/BCTL-DK

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:

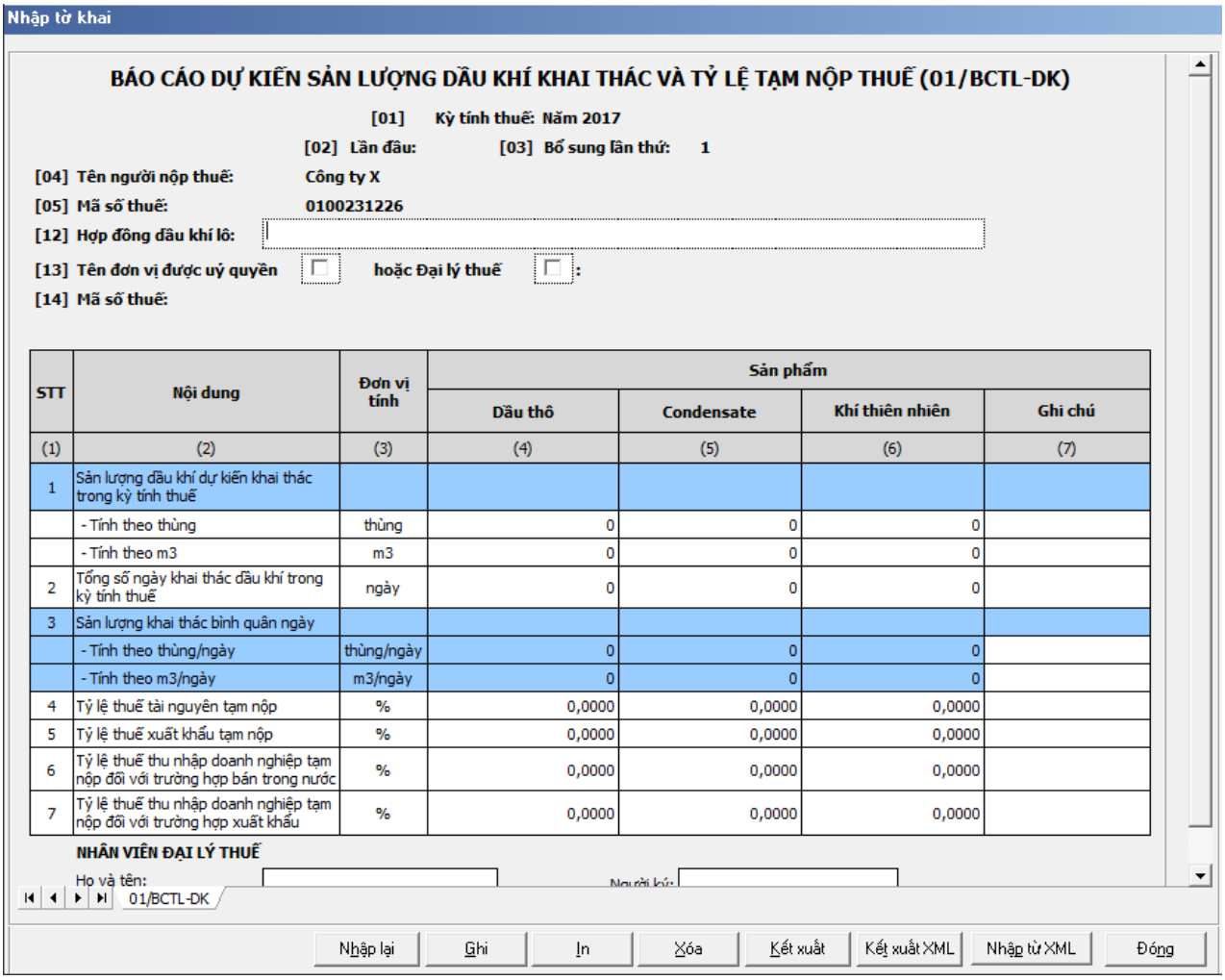


STT	Nội dung	Đơn vị tính	Sản phẩm			
			Dầu thô	Condensate	Khí thiên nhiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sản lượng dầu khí dự kiến khai thác trong kỳ tính thuế					
	- Tính theo thùng	thùng	0	0	0	
	- Tính theo m3	m3	0	0	0	
2	Tổng số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế	ngày	0	0	0	
3	Sản lượng khai thác bình quân ngày					
	- Tính theo thùng/ngày	thùng/ngày	0	0	0	
	- Tính theo m3/ngày	m3/ngày	0	0	0	
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm nộp	%	0,0000	0,0000	0,0000	
5	Tỷ lệ thuế xuất khẩu tạm nộp	%	0,0000	0,0000	0,0000	
6	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp bán trong nước	%	0,0000	0,0000	0,0000	
7	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp xuất khẩu	%	0,0000	0,0000	0,0000	

+ Cột (4), (5), (6):
  - Dòng 1: Nhập dạng số, không âm, mặc định là 0. Kiểm tra: Nếu NSD nhập đơn vị là thùng đối với Khí thiên nhiên thì UD cảnh báo vàng "Khí thiên nhiên không nhập đơn vị là thùng"
  - Dòng 2: Nhập dạng số không âm, mặc định là 0. Kiểm tra: Nếu NSD nhập đơn vị là m3 đối với Dầu thô hoặc condensate thì UD cảnh báo vàng "Dầu thô (hoặc Condensate) không nhập đơn vị là m3"
  - Dòng 3: UD tính theo công thức = Dòng 1/Dòng 2 tương ứng
  - Dòng 4, 5, 6, 7: NSD nhập dạng xx,xxxx
+ Cột (7): NSD nhập dạng text.

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Chọn "Tờ khai bổ sung" và lần bổ sung rồi nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai mẫu 01/BCTL-DK theo kỳ năm với hộp chọn "Bổ sung" trên tờ khai được đánh dấu "X" như hình dưới và lần bổ sung thứ mấy được đánh dấu "Lần" thứ mấy.



3.19 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai các tờ Cổ tức lợi nhuận được chia

3.19.1 Tờ khai cổ tức lợi nhuận được chia cho phần vốn NN tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn nhà nước do Bộ, ngành, địa phương đại diện chủ sở hữu mẫu số 01/CTLNĐC theo Thông tư số 61/2016/TT-BTC

Cách gọi:

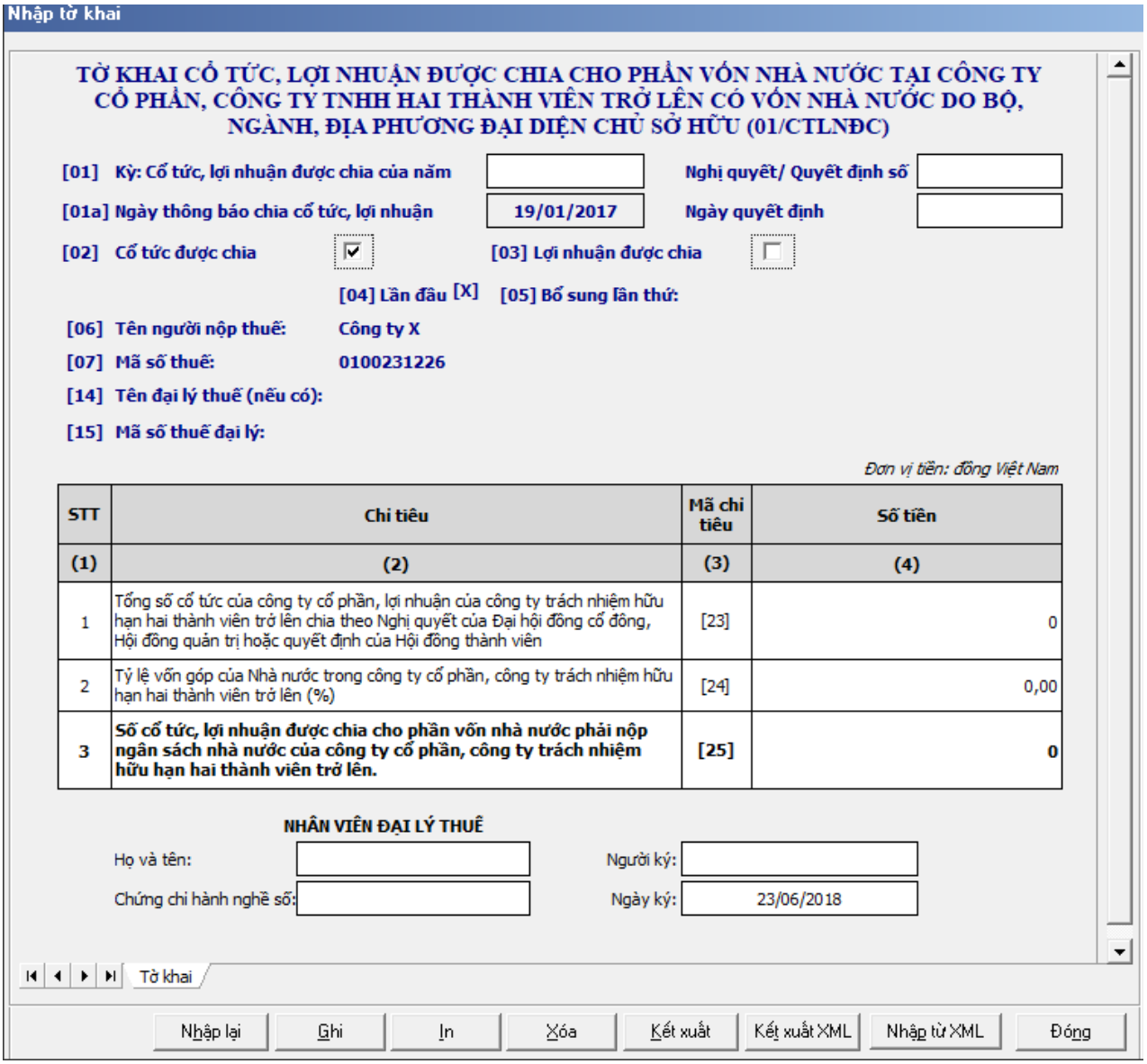
- Từ menu chức năng "Kê khai/Cổ tức lợi nhuận được chia" chọn "Tờ khai cổ tức lợi nhuận được chia cho phần vốn NN tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn nhà nước do Bộ, ngành, địa phương đại diện chủ sở hữu mẫu số 01/CTLNĐC" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Nhập kỳ tính thuế theo Ngày: Mặc định là ngày hiện tại, không cho phép nhập lớn hơn ngày hiện tại.
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
  + Mặc định chọn "Cổ tức được chia", cho phép sửa tích chọn 1 trong 2 "Cổ tức được chia" hoặc "Lợi nhuận được chia"
- Hiệu lực tờ khai từ 01/05/2016 trở đi
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai cổ tức lợi nhuận được chia cho phần vốn NN tại công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn nhà nước do Bộ, ngành, địa phương đại diện chủ sở hữu mẫu số 01/CTLNĐC

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



Chi tiết các chỉ tiêu cần nhập

- Chỉ tiêu [01] Kỳ, cổ tức, lợi nhuận được chia của năm: Nhập dạng text, bắt buộc nhập
- Số: nhập text, bắt buộc nhập
- Ngày quyết định: nhập text, bắt buộc nhập
- Chỉ tiêu [01a] Ngày thông báo chia cổ tức, lợi nhuận: hiển thị theo kỳ tính thuế, ko phép sửa.
- Chỉ tiêu [02]: Cho phép check chọn. Kiểm tra chỉ cho phép check chọn 1 trong 2 chỉ tiêu [02] hoặc chỉ tiêu [03]
- Chỉ tiêu [03]: Cho phép check chọn. Kiểm tra chỉ cho phép check chọn 1 trong 2 chỉ tiêu [02] hoặc chỉ tiêu [03]
- Chỉ tiêu [04], [05]: tự hiển thị

- Phần thông tin chung trên màn hình chi tiết sẽ lấy dữ liệu được kê khai trong

chức năng "Kê khai thông tin chung" và hiển thị các thông tin sau:

- Thông tin người nộp thuế
  - Chỉ tiêu [06]: Tên người nộp thuế
  - Chỉ tiêu [07]: Mã số thuế
  - Chỉ tiêu [08]: Địa chỉ
  - Chỉ tiêu [09]: Quận/ Huyện
  - Chỉ tiêu [10]: Tỉnh/ Thành phố
  - Chỉ tiêu [11]: Điện thoại
  - Chỉ tiêu [12]Fax
  - Chỉ tiêu [13]: Email
- Thông tin đại lý thuế
  - Chỉ tiêu [14]: Tên đại lý thuế (nếu có)
  - Chỉ tiêu [15]: Mã số thuế
  - Chỉ tiêu [16]: Địa chỉ
  - Chỉ tiêu [17]: Quận/ Huyện
  - Chỉ tiêu [18]: Tỉnh/ Thành phố
  - Chỉ tiêu [19]: Điện thoại
  - Chỉ tiêu [20]: Fax
  - Chỉ tiêu [21]: Email
  - Chỉ tiêu [22]: Hợp đồng đại lý thuế, số…ngày…tháng…năm…

- Phần thông tin chi tiết:

Các chỉ tiêu cần nhập

- Chỉ tiêu [23]: Nhập dạng số không âm, mặc định là 0
- Chỉ tiêu [24]: Nhập dạng xx,xx, cho phép nhập 02 chữ số thập phân. Kiểm tra <=100%
- Chỉ tiêu [25]: Cho phép nhập số >= 0, mặc định là 0

+ Hỗ trợ mẫu in: Hạch toán chỉ tiêu [25] vào tiểu mục 4054
+ Các cột chi tiết từ cột [4] đến cột [10] nhận giá trị mặc định là số 0.
+ Cột [2] Tên loại tài nguyên không được nhập trực tiếp trên bàn phím mà được chọn trong danh mục các mặt hàng chịu thuế tài nguyên đã đăng ký trong chức năng “Đăng ký danh mục”.
  - Đối với kỳ kê khai từ tháng 6/2010 trở về trước thì các loại tài nguyên được lấy theo nghị định 05/2009/NĐ–CP .
  - Đối với kỳ kê khai từ tháng 7/2010 trở đi thì các loại tài nguyên được lấy theo Nghị định 50/2010/NĐ–CP.
  - Đối với kỳ kê khai từ tháng 2/2014 trở đi thì các loại tài nguyên được lấy theo Nghị quyết 712/2013/UBTVQH13

- Đối với kỳ kê khai từ tháng 7/2016 trở đi thì các loại tài nguyên được lấy theo Nghị quyết 1084/2015/UBTVQH13

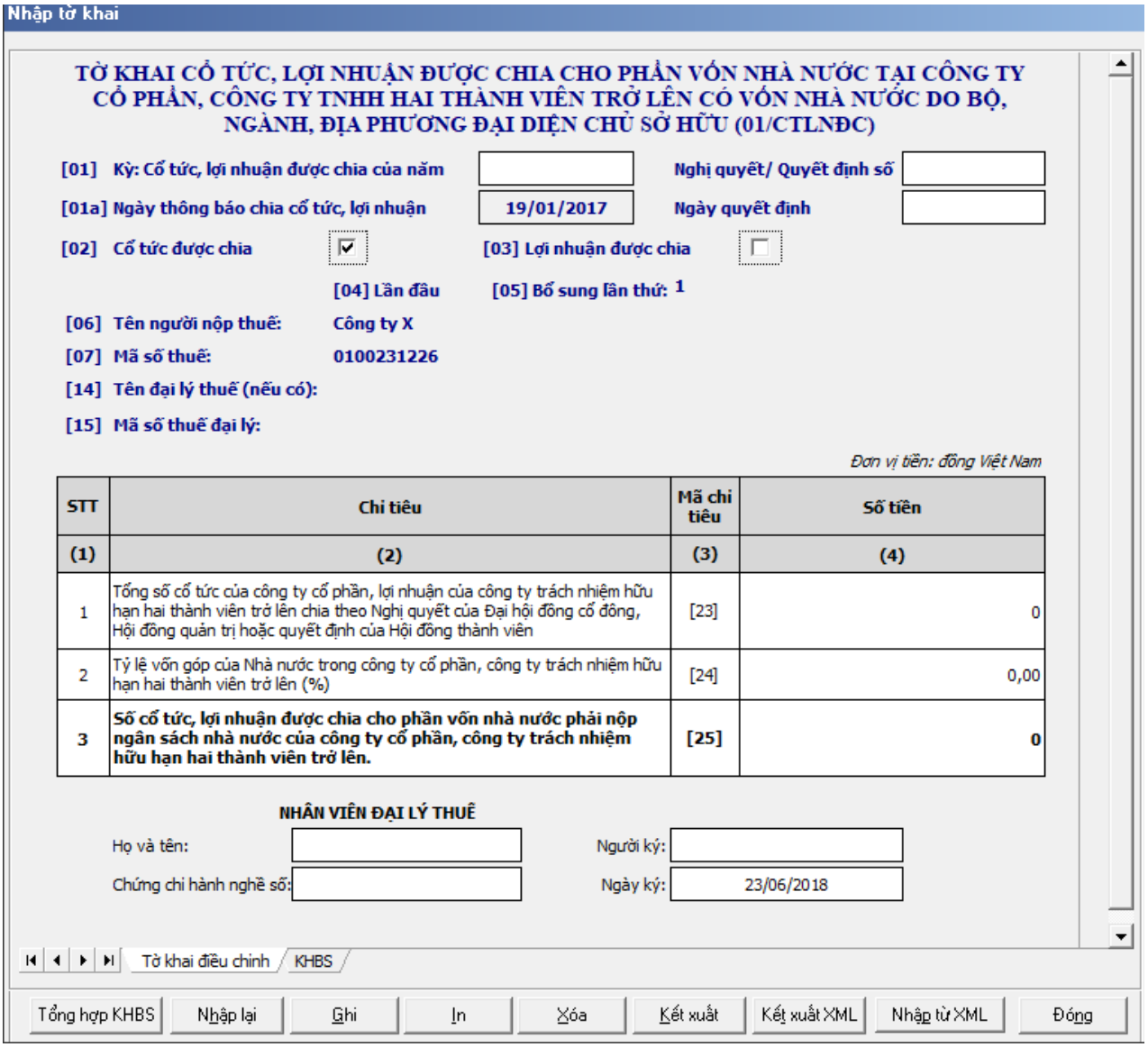
+ Cột [3] Đơn vị tính tự động hiển thị theo cột [2] và cho phép chọn lại.
+ Cột [6] Thuế suất tự động hiển thị theo cột [2] và chỉ cho phép sửa với ba loại tài nguyên là Tài nguyên khác, Dầu mỏ và Khí đốt. Cột [6] được hỗ trợ theo định dạng xx,xxxx%.
+ Nhập số dương trên các cột [4], [5], [7], [9].
+ Khi nhập cột [5] thì đặt cột [7] = 0, giữ nguyên cột [6] và ngược lại nếu nhập cột [7] thì đặt cột [5] = 0 và cột [6] = 0.
+ Cột [8] và cột [10] được tự động tính theo công thức.
+ Chương trình hỗ trợ tính tự động hàng Tổng cộng của các cột [8], [9], [10].
+ Giá tính thuế đơn vị tài nguyên là số thập phân, không âm, hai chữ số sau dấu phẩy

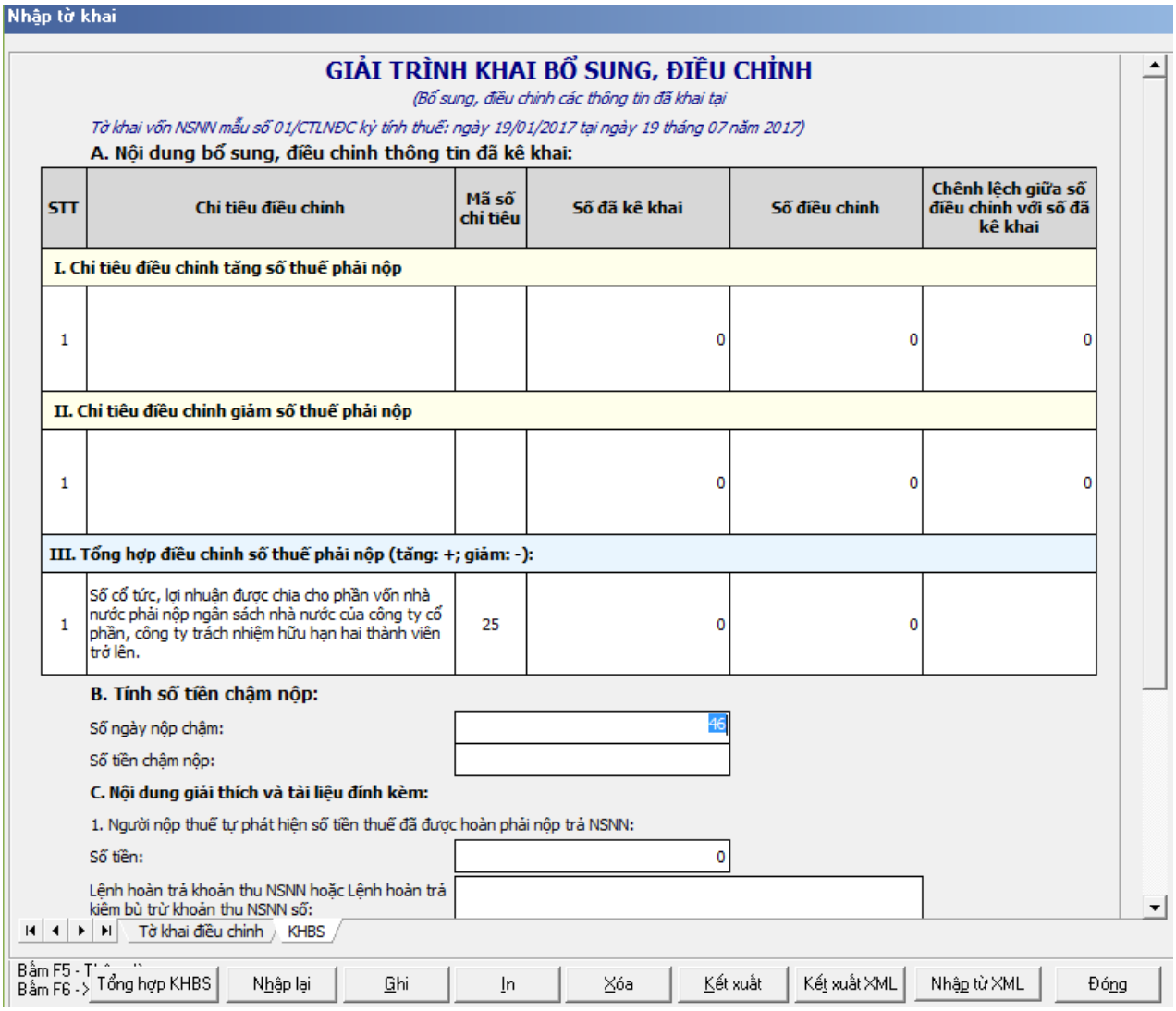
Các điều kiện kiểm tra công thức

+ Cột [8] = Cột [4] * Cột [5] * Cột [6], hoặc Cột [8] = Cột [4] * Cột [7].
+ Các cột chi tiết từ cột [4] đến cột [10] nhận giá trị mặc định là số 0.
+ Cột [9] <= Cột [8].
+ Cột [10] = Cột [8] - Cột [9].

B.Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS".


Nhập tờ khai
TỜ KHAI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN ĐƯỢC CHIA CHO PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN, CÔNG TY TNHH HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN CÓ VỐN NHÀ NƯỚC DO BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU (01/CTLNĐC)
[01] Kỳ: Cổ tức, lợi nhuận được chia của năm
Nghị quyết/ Quyết định số
[01a] Ngày thông báo chia cổ tức, lợi nhuận
19/01/2017
Ngày quyết định
[02] Cổ tức được chia
[03] Lợi nhuận được chia
[04] Lần đầu
[05] Bổ sung lần thứ: 1
[06] Tên người nộp thuế: Công ty X
[07] Mã số thuế: 0100231226
[14] Tên đại lý thuế (nếu có):
[15] Mã số thuế đại lý:
Đơn vị tiền: đồng Việt Nam
STT
Chỉ tiêu
Mã chỉ tiêu
Số tiền
(1)
(2)
(3)
(4)
1
Tổng số cổ tức của công ty cổ phần, lợi nhuận của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chia theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc quyết định của Hội đồng thành viên
[23]
0
2
Tỷ lệ vốn góp của Nhà nước trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (%)
[24]
0,00
3
Số cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước phải nộp ngân sách nhà nước của công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.
[25]
0
NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Người ký:
Chứng chỉ hành nghề số:
Ngày ký:
23/06/2018
Tờ khai điều chỉnh
KHBS
Tổng hợp KHBS
Nhập lại
Ghi
In
Xóa
Kết xuất
Kết xuất XML
Nhập từ XML
Đóng

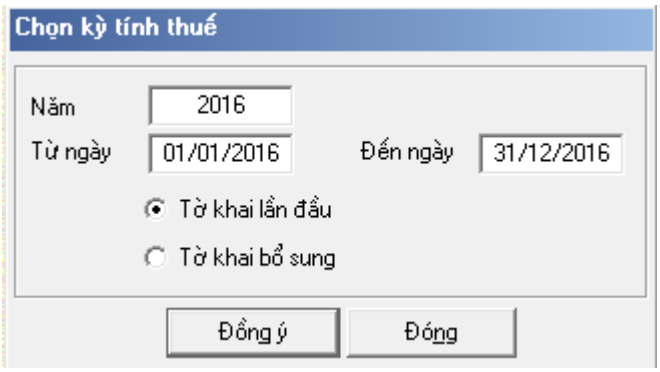


- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [25] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT.

3.19.2 Tờ khai Quyết toán lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN của doanh nghiệp do nhà nước năm giữ 100% vốn điều lệ mẫu số 01/QT-LNCL theo Thông tư số 61/2016/TT-BTC

Cách gọi:

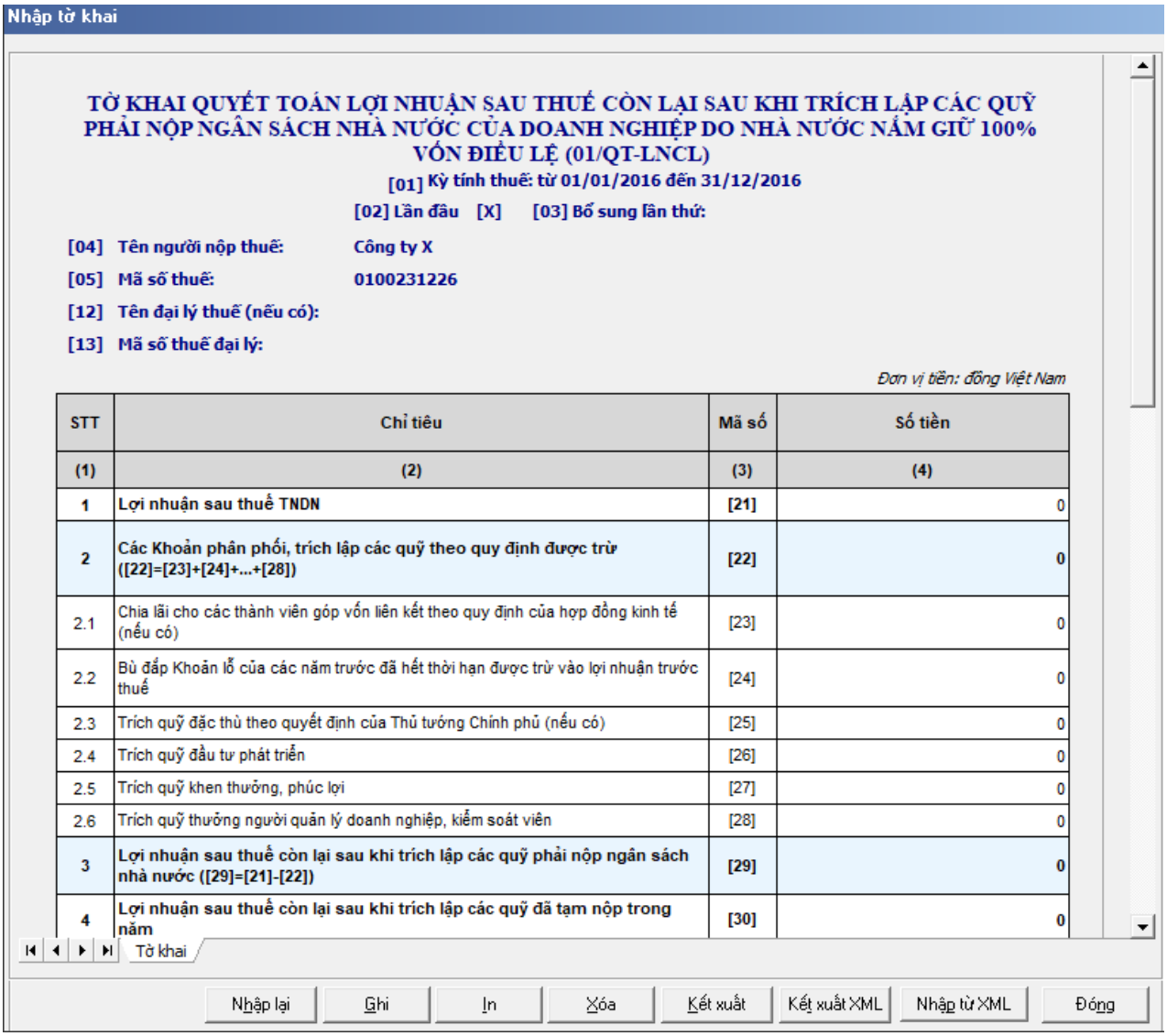
- Từ menu chức năng "Kê khai/Cổ tức lợi nhuận được chia" chọn "Tờ khai quyết toán lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mẫu số 01/QT-LNCL" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Để bắt đầu thực hiện kê khai tờ khai thuế, cần lựa chọn các thông tin đầu vào như sau:
  + Nhập kỳ tính thuế theo năm: Mặc định là năm hiện tại – 1, không cho phép nhập lớn hơn kỳ hiện tại.
  + Cho phép nhập kỳ quyết toán. Mặc định kỳ quyết toán được tính theo năm tài chính dương lịch từ 01/01 đến 31/12 năm quyết toán. NSD có thể thay đổi thông tin về kỳ quyết toán theo nguyên tắc sau:
    - Khoảng cách từ ngày và đến ngày không vượt quá 15 tháng.
    - Các tháng kê khai không được trùng nhau giữa các kỳ kê khai trong cùng 1 năm quyết toán
  + Trạng thái tờ khai: gồm Tờ khai lần đầu hoặc Tờ khai bổ sung.
- Hiệu lực tờ khai từ 01/01/2016 trở đi
- Sau đó nhấn vào nút lệnh "Đồng ý" để hiển thị ra tờ khai quyết toán lợi nhuận còn lại phải nộp NSNN của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mẫu 01/QT-LNCL

A. Trường hợp khai tờ khai lần đầu

- Trên form "Chọn kỳ tính thuế" chọn trạng thái tờ khai là Tờ khai lần đầu, sau đó nhấn nút "Đồng ý", màn hình kê khai hiển thị ra như sau:



- Các chỉ tiêu cần nhập:
  + Chỉ tiêu [01], [02], [03]: tự hiển thị
  + Chỉ tiêu [21]: Nhập dạng số, có thể âm, mặc định là 0. Nếu [21] < 0 thì khóa không cho nhập các chỉ tiêu từ [22] đến [33]
  + Chỉ tiêu [23], [24], [25], [26], [27], [28], [30]: Nhập dạng số không âm, mặc định là 0

Các chỉ tiêu tính toán

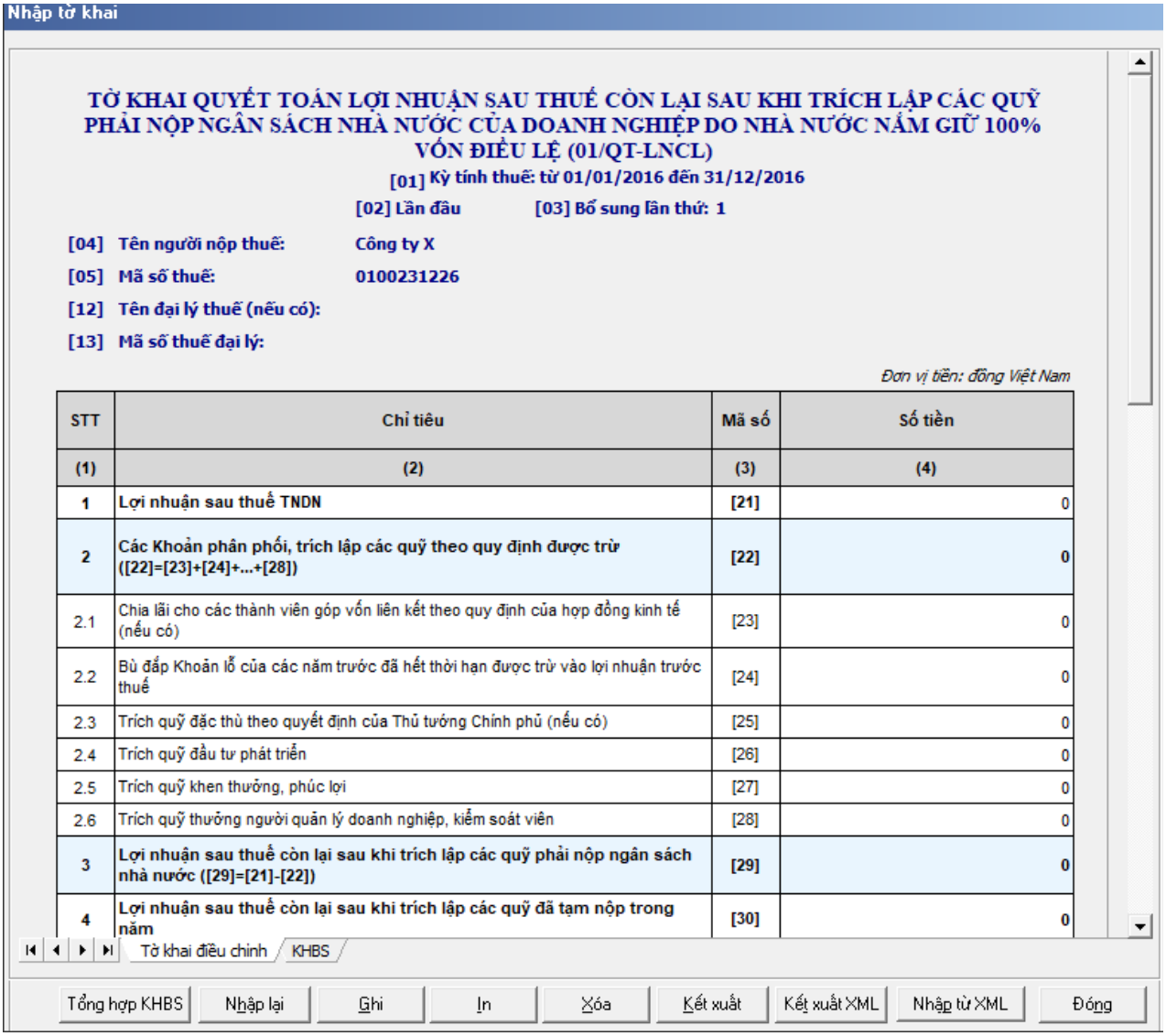
  + Chỉ tiêu [22] = [23] + [24] + [25] + [26] + [27] + [28]
  + Chỉ tiêu [29] = [21] - [22], nếu kết quả âm thì [29] = 0
  + Chỉ tiêu [31] = [29] - [30], có thể âm.
  + Chỉ tiêu [32] = [29] * 20%
  + Chỉ tiêu [33] = [31] - [32], có thể âm. Nếu [33] <0, thì không cho nhập các chỉ tiêu M1, M2.
  + Chỉ tiêu [M1]:

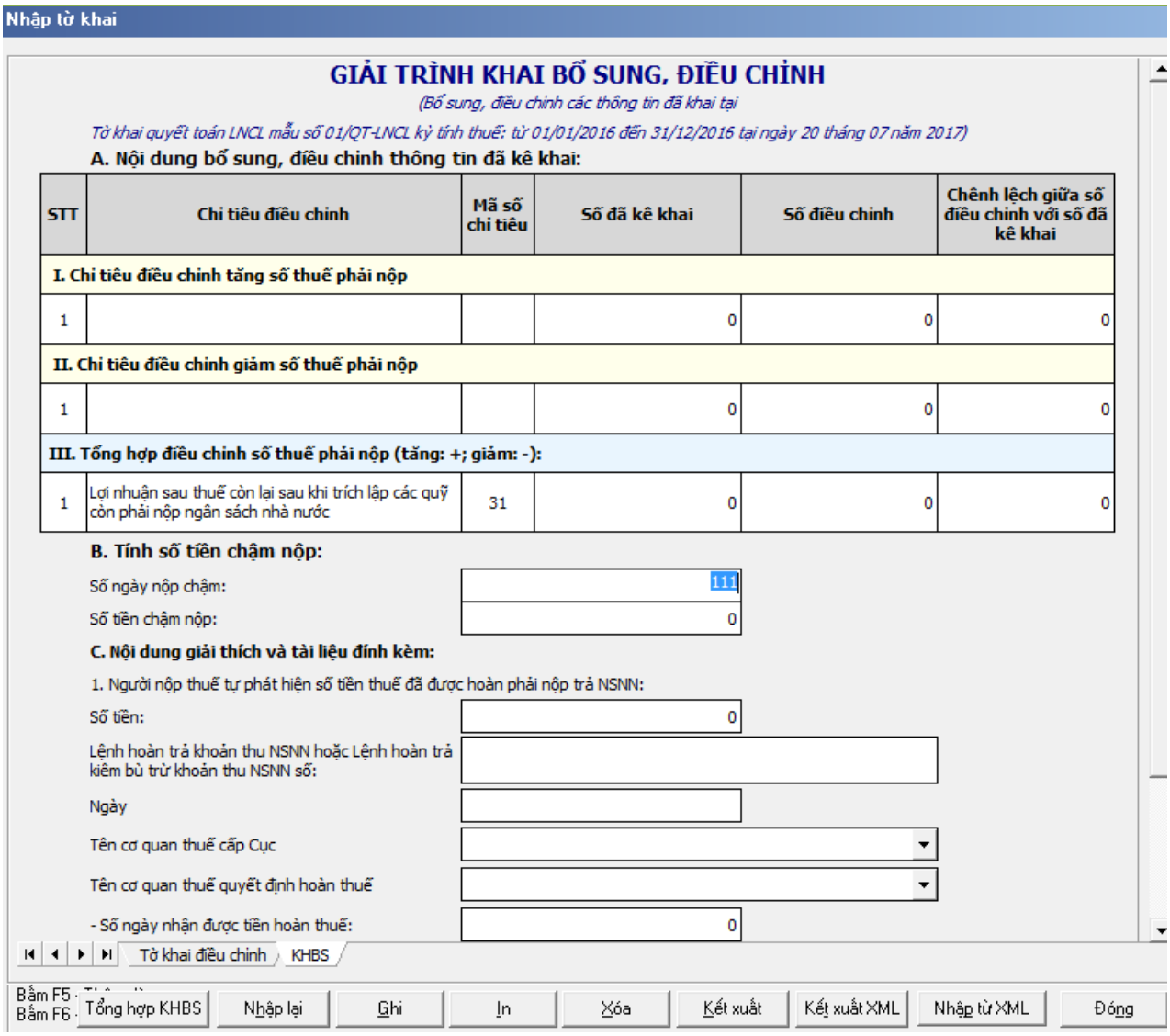
- Số ngày chậm nộp = Đến ngày - Từ ngày +1
- Từ ngày: UD mặc định hiển thị là hạn nộp Quý 4, cho phép sửa DD/MM/YYYY
- đến ngày: Nhập dạng DD/MM/YYYY. Đến ngày >= Từ ngày.

+ Chỉ tiêu [M2] = ct [33] * [M1] * 0.03%, cho phép sửa
+ Hỗ trợ mẫu in: Hạch toán chỉ tiêu [29] vào tiểu mục 1151.

B. Trường hợp khai tờ khai bổ sung

- Nếu chọn trạng thái tờ khai là "Tờ khai bổ sung" thì trên form "Chọn kỳ tính thuế" Ứng dụng cho phép NNT chọn thêm lần bổ sung và ngày lập tờ khai bổ sung. Khi đó trên form nhập dữ liệu sẽ bao gồm 2 sheet "Tờ khai điều chỉnh" và "KHBS"





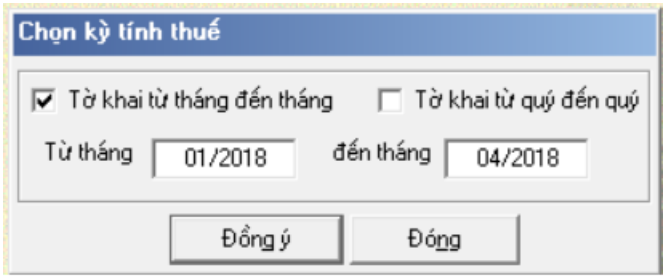
- Kê khai điều chỉnh bổ sung cho chỉ tiêu [21], [23], [24], [25], [26], [27], [28], [30], [31] cách lấy dữ liệu tương tự như tờ 01/GTGT

3.20 Hướng dẫn thực hiện chức năng kê khai Hoàn thuế

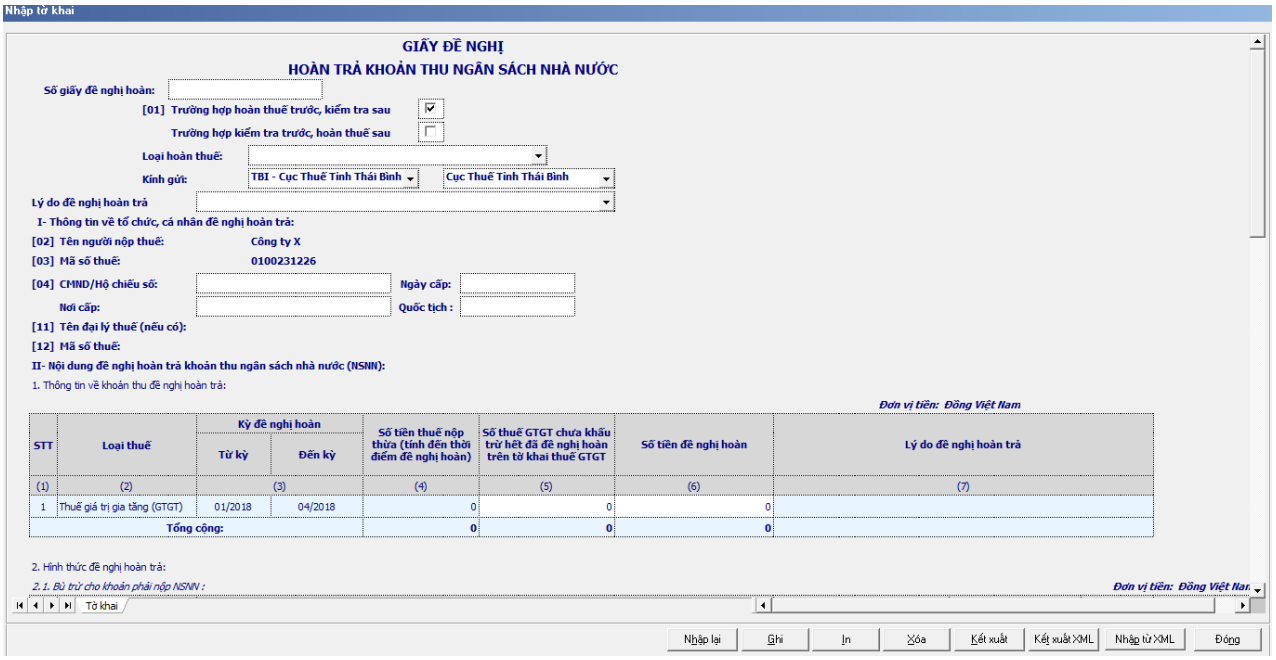
3.20.1 Tờ khai Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (mẫu 01/ĐNHT) (Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài Chính)

Cách gọi:

- Từ menu chức năng "Kê khai/Hoàn Thuế" chọn "Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (01/DNHT - dành cho hoàn thuế GTGT)" khi đó màn hình kê khai sẽ hiển thị ra như sau.



- Kỳ tính thuế: chọn kỳ Tháng hoặc Quý
  + Kỳ tháng: UD hiển thị Từ tháng đến tháng: mm/yyyy
  + Kỳ quý: UD hiển thị Từ quý đến quý: Qx/yyyy
  + Kiểm tra Từ kỳ - Đến kỳ không được lớn hơn kỳ có ngày hiện tại.
  + Kiểm tra trùng kỳ: kiểm tra kỳ từ tháng đến tháng, từ quý đến quý không được trùng nhau, nếu trùng thì UD cảnh báo.
- Sau đó nhấn nút <Đồng ý>, hệ thống hiển thị màn hình kỳ kê khai như sau:



- Chi tiết các chỉ tiêu sau:
  + Chỉ tiêu [Số giấy đề nghị hoàn]: Nhập text, bắt buộc nhập.
  + Chỉ tiêu [Loại hoàn thuế]: Chọn trong danh mục:
    - Hoàn xuất khẩu (mã 0002)
    - Hoàn dự án đầu tư (mã 0039)
  + Lý do đề nghị hoàn trả: Chọn trong danh mục, căn cứ theo [Loại hoàn thuế] để hiển thị đúng loại Lý do đề nghị hoàn trả.
    - Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn xuất khẩu thì [Lý do đề nghị hoàn trả] hiển thị danh mục:

010101: Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu của CSKD thương mại

010102: Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu của CSKD khác

010103: Hoàn thuế GTGT đối với trường hợp xuất khẩu của CSKD trực tiếp sản xuất

- Nếu chọn Loại hoàn thuế là Hoàn dự án đầu tư thì [Lý do đề nghị hoàn trả] hiển thị danh mục:

010201: Hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư khác

010202: Hoàn thuế GTGT đối với CSKD mới thành lập từ dự án đầu tư

010204: Hoàn thuế GTGT đối với CSKD đang hoạt động có dự án đầu tư khác tỉnh/TP

010203: Hoàn thuế GTGT đối với CSKD đang hoạt động có dự án đầu tư cùng tỉnh/TP

+ [01] Trường hợp hoàn thuế trước, kiểm tra sau: Checkbox
+ [01] Trường hợp kiểm tra trước, hoàn thuế sau: Checkbox
+ Kính gửi:
  - 4 cục thuế lớn: Hiển thị tên cơ quan thuê quản lý
  - 59 cục thuế còn lại: Hiển thị tên cục thuế trực thuộc

I- Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị hoàn trả:

+ [04] CMND/Hộ chiếu số: Cho nhập text
+ [04] Ngày cấp: Cho nhập dạng dd/mm/yyyy
+ [04] Nơi cấp: Cho nhập dạng text
+ [04] Quốc tịch : Cho nhập dạng text
+ Các chỉ tiêu [02], [03], [05], [06], [07], [08], [09], [10], [11], [12], [13], [14], [15], [16], [17], [18], [19]: Lấy từ thông tin chung. Trên ứng dụng chỉ hiển thị thông tin [02], [03], [04], [11], [12].

II- Nội dung đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước (NSNN)

1. Thông tin về khoản thu đề nghị hoàn trả

+ Cột (1) STT: Tự động tăng
+ Cột (2) Loại thuế: Mặc định là: Loại thuế giá trị gia tăng (GTGT) (mã 03), không cho sửa.
+ (3) Kỳ tính thuế:
  - Từ kỳ (3a): Tự động lấy thông tin Từ kỳ đề nghị hoàn ở phần header, không cho phép sửa
  - Đến kỳ (3b): Tự động lấy thông tin Đến kỳ đề nghị hoàn ở phần header, không cho phép sửa

+ (4) Số tiền thuế nộp thừa (tính đến thời điểm đề nghị hoàn): Khóa không cho nhập
+ (5) Số thuế GTGT chưa khấu trừ hết đã đề nghị hoàn trên tờ khai thuế GTGT: Nhập số >0. Bắt buộc nhập
+ (6) Số tiền đề nghị hoàn
  - Ràng buộc: 300 triệu <= Số tiền đề nghị hoàn <=Số thuế GTGT chưa khấu trừ đã đề nghị hoàn trên tờ khai thuế GTGT, sai có cảnh báo
  - Bắt buộc nhập
+ (7) Lý do đề nghị hoàn trả: Tự động lấy lý do đề nghị hoàn trả ở phần header, không cho phép sửa
+ Tổng cộng: Tự động tính tổng cột (5), (6)

2. Hình thức đề nghị hoàn trả

2.1. Bù trừ cho khoản phải nộp NSNN

+ (1) STT: Tự động tăng giảm khi thêm hoặc bớt dòng.
+ (2) Khoản phải nộp NSNN (loại thuế, khoản phạt): Lấy từ danh mục: 03 - Thuế giá trị gia tăng



TMuc+Khoan+nop+ nsnn+01DNHT (2).xls

+ Trường hợp có cọn danh mục cột 2 - Khoản phải nộp NSNN thì bắt buộc phải nhập số tiền thuế bù trừ tại cột 11 - số tiền thuế bù trừ và ngược lại
+ (3) Cơ quan thu - Cơ quan thuế: Lấy từ danh mục CQT
+ (4) Cơ quan thu - Cơ quan Hải quan: Nhập text
+ (5) Cơ quan thu - Cơ quan khác: Nhập text
+ (6) Thời gian phát sinh khoản phải nộp (Kỳ tính thuế): Cho phép chọn kỳ tính thuế như màn hình chọn tờ khai, các loại kỳ: tháng, quý, năm, lần phát sinh. Kỳ thuế phải nhỏ hơn hoặc bằng tháng/quý/ năm hiện hành
+ (7) Quyết định thu/ Tờ khai hải quan - Số: Nhập text
+ (8) Quyết định thu/ Tờ khai hải quan - Ngày: Nhập dạng dd/mm/yyyy, kiểm tra không được lớn hơn ngày hiện tại
+ (9) Nộp vào tài khoản - Thu NSNN: Mặc định check, không sửa
+ (10) Nộp vào tài khoản - Tạm thu: Ẩn, không cho nhập
+ (11) Số tiền:

- Nhập số >=0
- Kiểm tra 11<= Số tiền đề nghị hoàn ở cột 7 phần 1, sai có cảnh báo

+ TỔNG CỘNG: Tổng cột (11)
+ Tổng số tiền nộp NSNN ghi bằng chữ: Tự động hiển thị theo số tiền ở tổng cột (11)

2.2. Hoàn trả trực tiếp

+ Số tiền hoàn trả: UD hỗ trợ tính = Số tiền đề nghị hoàn (cột 7 phần 1) - Tổng số tiền nộp ngân sách nhà nước (Tổng cột 11 phần 2.1). Không cho sửa
+ Bằng chữ: Tự động hiển thị theo số tiền

Chuyển khoản: Tài khoản số:.....Tại Ngân hàng (KBNN).....: NNT nhập dạng text

- Chuyển khoản: checkbox, mặc định là tích chọn
- Chủ tài khoản: nhập text, tối đa 200 ký tự, bắt buộc nhập nếu tích chọn "Chuyển khoản"
- Tài khoản số: Nhập text, bắt buộc nhập nếu tích chọn "Chuyển khoản"
- Ngân hàng: Nhập text, bắt buộc nhập nếu tích chọn "Chuyển khoản"

- Tiền mặt: Nơi nhận tiền hoàn thuế: Kho bạc Nhà nước: Khóa không cho chọn

III- Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao): Nhập Text, tối đa 200 ký tự

4 THÔNG TIN HỖ TRỢ

Khi cần giải đáp vướng mắc trong quá trình kê khai thuế, các Doanh nghiệp xin vui lòng liên hệ với Phòng Tuyên truyền/Hỗ trợ NNT của Cục Thuế/Chi cục Thuế địa phương để được giải đáp.

Phụ lục 01: DANH MỤC CÁC KÝ TỰ ĐẦU CỦA MẪU HÓA ĐƠN

STT	Mã hóa đơn	Tên loại hóa đơn	Mẫu số
1	01GTKT	Hoá đơn giá trị gia tăng.	01GTKT
2	02GTTT	Hoá đơn bán hàng.	02GTTT
3	06HDXK	Hoá đơn xuất khẩu.	06HDXK
4	07KPTQ	Hóa đơn bán hàng (dành cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan).	07KPTQ
5	03XKNB	Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển hàng hóa nội bộ;	03XKNB
6	04HGDL	Phiếu xuất kho gửi bán hàng đại lý.	04HGDL
7	01/	Tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn GTGT	01/
8	02/	Tem, vé, thẻ thuộc loại hóa đơn bán hàng	02/
9	TT120	Hóa đơn theo Thông tư 120/2002/TT-BTC	
10	01TEDB	Tem vận tải đường bộ theo pp khấu trừ	01TEDB
11	01VEDB	Vé vận tải đường bộ theo pp khấu trừ	01VEDB
12	01THDB	Thẻ vận tải đường bộ theo pp khấu trừ	01THDB
13	02TEDB	Tem vận tải đường bộ theo pp trực tiếp	02TEDB
14	02VWDB	Vé vận tải đường bộ theo pp trực tiếp	02VWDB
15	02THDB	Thẻ vận tải đường bộ theo pp trực tiếp	02THDB
16	01BHDT	Hóa đơn bán hang dự trữ quốc gia	01BHDT

Phụ lục 02: MÃ HÓA ĐƠN CỦA CỤC THUẾ CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG PHÁT HÀNH

(*Ban hành kèm theo Thông tư số 64/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính)*

Mã	Tỉnh, thành phố	Mã	Tỉnh, thành phố
01	Hà Nội	34	Bình Thuận
02	Hải Phòng	35	Vũng Tàu
03	Hồ Chí Minh	36	Đồng Nai
04	Đà Nẵng	37	Bình Dương
06	Nam Định	38	Bình Phước
07	Hà Nam	39	Tây Ninh
08	Hải Dương	40	Quảng Nam
09	Hưng Yên	41	Bình Định
10	Thái Bình	42	Khánh Hoà
11	Long An	43	Quảng Ngãi
12	Tiền Giang	44	Phú Yên
13	Bến Tre	45	Ninh Thuận
14	Đồng Tháp	46	Thái Nguyên
15	Vĩnh Long	47	Bắc Kạn
16	An Giang	48	Cao Bằng
17	Kiên Giang	49	Lạng Sơn
18	Cần Thơ	50	Tuyên Quang
19	Bạc Liêu	51	Hà Giang
20	Cà Mau	52	Yên Bái
21	Trà Vinh	53	Lào Cai
22	Sóc Trăng	54	Hoà Bình
23	Bắc Ninh	55	Sơn La
24	Bắc Giang	56	Điện Biên
25	Vĩnh Phúc	57	Quảng Ninh
26	Phú Thọ	58	Lâm Đồng

Mã	Tỉnh, thành phố	Mã	Tỉnh, thành phố
27	Ninh Bình	59	Gia Lai
28	Thanh Hoá	60	Đắk Lắk
29	Nghệ An	61	Kon Tum
30	Hà Tĩnh	62	Lai Châu
31	Quảng Bình	63	Hậu Giang
32	Quảng Trị	64	Đắk Nông
33	Thừa Thiên - Huế		

Phụ lục 03: DANH MỤC NGÀNH NGHỀ VÀ TIỂU MỤC HẠCH TOÁN

Mẫu biểu	Danh mục ngành nghề	Tiểu mục hạch toán
01/GTGT	Ngành hàng sản xuất, kinh doanh thông thường	Hạch toán chỉ tiêu [40] vào tiểu mục 1701
	Từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên	Hạch toán chỉ tiêu [40] vào tiểu mục 1704
	Từ hoạt động xổ số kiến thiết của các công ty xổ số kiến thiết	Hạch toán chỉ tiêu [40] vào tiểu mục 1705
01A/TNDN	Ngành hàng sản xuất, kinh doanh thông thường	Hạch toán chỉ tiêu [32] vào mục 1050, tiểu mục 1052
	Từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên	Hạch toán chỉ tiêu [32] vào mục 1050, tiểu mục 1056
	Từ hoạt động xổ số kiến thiết của các công ty xổ số kiến thiết	Hạch toán chỉ tiêu [32] vào mục 1050, tiểu mục 1057
01B/TNDN	Ngành hàng sản xuất, kinh doanh thông thường	Hạch toán chỉ tiêu [31] vào mục 1050, tiểu mục 1052
	Từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên	Hạch toán chỉ tiêu [31] vào mục 1050, tiểu mục 1056
	Từ hoạt động xổ số kiến thiết của các công ty xổ số kiến thiết	Hạch toán chỉ tiêu [31] vào mục 1050, tiểu mục 1057
01/TTĐB	Ngành hàng sản xuất, kinh doanh thông thường	Không hỗ trợ in ghi chú về tiểu mục
	Từ hoạt động xổ số kiến thiết của các công ty xổ số kiến thiết	Hạch toán chỉ tiêu [09] vào tiểu mục 1761
03/TNDN	Ngành hàng sản xuất, kinh doanh thông thường	Hạch toán chỉ tiêu [E] vào mục 1050, tiểu mục 1052

Mẫu biểu	Danh mục ngành nghề	Tiểu mục hạch toán
	Từ hoạt động thăm dò, phát triển mỏ và khai thác dầu, khí thiên nhiên	Hạch toán chỉ tiêu [E] vào mục 1050, tiểu mục 1056
	Từ hoạt động xổ số kiến thiết của các công ty xổ số kiến thiết	Hạch toán chỉ tiêu [E] vào mục 1050, tiểu mục 1057
02/TNDN	Chuyển quyền thuê đất	Hạch toán chỉ tiêu [39] + [44] vào tiểu mục 1053
	Chuyển quyền sử dụng đất	Hạch toán chỉ tiêu [39] + [44] vào tiểu mục 1053
03/NTNN		Hạch toán chỉ tiêu [09] vào tiểu mục 1052
01/NTNN		Hạch toán chỉ tiêu [09] vào tiểu mục 1701 Hạch toán chỉ tiêu [13] vào tiểu mục 1052
01/KK- BH 01/KK - XS		Hạch toán chỉ tiêu [23] vào tiểu mục 1000, tiểu mục 1003
02/KK -TNCN		Hạch toán chỉ tiêu [33] + [34] + [35] vào tiểu mục 1000, tiểu mục 1001
03/KK -TNCN		Hạch toán chỉ tiêu [22] + [24] vào mục 1000, tiểu mục 1004 Hạch toán chỉ tiêu [26] vào mục 1000, tiểu mục 1008 Hạch toán chỉ tiêu [28] vào mục 1000, tiểu mục 1007 Hạch toán chỉ tiêu [30] vào mục 1000, tiểu mục 1003
07/KK -TNCN		Hạch toán chỉ tiêu [32] + [34] mục 1000, tiểu mục 1001 Hạch toán chỉ tiêu [38] mục 1000,

Mẫu biểu	Danh mục ngành nghề	Tiểu mục hạch toán
		tiểu mục 1003

Phụ lục 04: TỶ LỆ % THUẾ TNDN TÍNH TRÊN DOANH THU

STT	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ % thuế TNDN
1	Thương mại: phân phối, cung cấp hàng hóa, nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị gắn với dịch vụ tại Việt Nam	1
2	Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị bảo hiểm	5
3	Xây dựng	2
4	Hoạt động sản xuất, kinh doanh khác, vận chuyển (bao gồm vận chuyển đường biển và vận chuyển hàng không)	2
5	Cho thuê tàu bay, động cơ tàu bay, phụ tùng tàu bay, tàu biển	2
6	Tái bảo hiểm	2
7	Chuyển nhượng chứng khoán	0,1
8	Lãi tiền vay	10
9	Thu nhập bản quyền	10

Phụ lục 05: DANH MỤC NHÓM NGÀNH NGHỀ

STT	Ngành kinh doanh
1	Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản; khai khoáng; công nghiệp chế biến, chế tạo; sản xuất và phân phối điện, khi đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí; cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải.
2	Riêng "sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn"; hoạt động gia công
3	Xây dựng
4	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ôtô, môtô, xe máy và xe có động cơ khác
5	Vận tải kho bãi
6	Dịch vụ ăn uống
7	Dịch vụ lưu trú và các dịch vụ khác

Phụ lục 06: BIỂU THUẾ LŨY TIẾN TỪNG PHẦN

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

Phụ lục 07: DANH MỤC MÃ BIỂU THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

STT	Hàng hóa	Đơn vị tính	Mức thuế(đồng/1 đơn vị hàng hóa)	Mã hàng hóa
I	**Xăng, dầu, mỡ nhờn**			
1	Xăng, trừ etanol	Lít	1.000	101
2	Nhiên liệu bay	Lít	1.000	102
3	Dầu diezel	Lít	500	103
4	Dầu hỏa	Lít	300	104
5	Dầu mazut	Lít	300	105
6	Dầu nhờn	Lít	300	106
7	Mỡ nhờn	Kg	300	107
II	**Than đá**			
1	Than nâu	Tấn	10.000	201
2	Than an - tra - xít (antraxit)	Tấn	20.000	202
3	Than mỡ	Tấn	10.000	203
4	Than đá khác	Tấn	10.000	204
III	**Dung dịch Hydro-chloro-fluoro-carbon (HCFC)**	kg	4.000	300
IV	**Túi ni lông thuộc diện chịu thuế**	kg	40.000	400
V	**Thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng**	kg	500	500
VI	**Thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng**	kg	1.000	600
VII	**Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng**	kg	1.000	700
VIII	**Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng**	kg	1.000	800

Phụ lục 08: DANH MỤC HÀNG HÓA CHỊU THUẾ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị	Mức thuế	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
010101	Xăng sản xuất trong nước (trừ etanol)	Lít	3,000	2001	01/05/2015	
010101	Thu từ xăng sản xuất trong nước	Lít	1,000	2001	01/02/2013	30/04/2015
010102	Nhiên liệu bay sản xuất trong nước	Lít	3,000	2009	01/05/2015	
010102	Thu từ nhiên liệu bay sản xuất trong nước	Lít	1,000	2009	01/02/2013	30/04/2015
010103	Dầu Diezel sản xuất trong nước	Lít	1,500	2002	01/05/2015	
010103	Thu từ dầu diezel sản xuất trong nước	Lít	500	2002	01/02/2013	30/04/2015
010104	Dầu hỏa sản xuất trong nước	Lít	300	2003	01/02/2013	
010105	Dầu mazut sản xuất trong nước	Lít	900	2004	01/05/2015	
010105	Thu từ dầu mazut sản xuất trong nước	Lít	300	2004	01/02/2013	30/04/2015
010106	Dầu nhờn sản xuất trong nước	Lít	900	2004	01/05/2015	
010106	Thu từ dầu nhờn sản xuất trong nước	Lít	300		01/02/2013	30/04/2015
010107	Mỡ nhờn sản xuất trong nước	Kg	900	2004	01/05/2015	
010107	Thu từ mỡ nhờn sản xuất trong nước	Kg	300	2004	01/02/2013	30/04/2015
10108	Xăng E5 Ron 92 sản xuất trong nước (trừ etanol)	Lít		2001	01/09/2014	

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị	Mức thuế	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
010201	Than nâu sản xuất trong nước	Tấn	10,000	2005	01/02/2013	
010202	Than an - tra - xít (antraxit) sản xuất trong nước	Tấn	20,000	2005	01/02/2013	
010203	Than mỡ sản xuất trong nước	Tấn	10,000	2005	01/02/2013	
010204	Than đá khác sản xuất trong nước	Tấn	10,000	2005	01/02/2013	
0103	Dung dịch hydro, chloro, fluoro, carbon sản xuất trong nước	Kg	4,000	2006	01/02/2013	
0104	Túi ni lông sản xuất trong nước	Kg	40,000	2007	01/02/2013	
0105	Thuốc diệt cỏ thuộc loại hạn chế sử dụng sản xuất trong nước	Kg	500	2008	01/02/2013	
0106	Sản phẩm hàng hóa khác sản xuất trong nước			2019	01/02/2013	
0107	Thuốc trừ mối thuộc loại hạn chế sử dụng sản xuất trong nước	Kg	1,000	2011	01/02/2013	
0108	Thuốc bảo quản lâm sản thuộc loại hạn chế sử dụng sản xuất trong nước	Kg	1,000	2012	01/02/2013	
0109	Thuốc khử trùng kho thuộc loại hạn chế sử dụng sản xuất trong nước	Kg	1,000	2013	01/02/2013	

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị	Mức thuế	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
020101	Thu từ xăng nhập khẩu	Lít	1,000	2031	01/02/2013	30/04/2015
020101	Thu từ xăng nhập khẩu	Lít	3,000	2031	01/05/2015	30/04/2017
020102	Thu từ nhiên liệu bay nhập khẩu	Lít	1,000	2032	01/02/2013	30/04/2015
020102	Thu từ nhiên liệu bay nhập khẩu	Lít	3,000	2032	01/05/2015	30/04/2017
020103	Thu từ dầu Diezel nhập khẩu	Lít	500	2033	01/02/2013	30/04/2015
020103	Thu từ dầu Diezel nhập khẩu	Lít	1,500	2033	01/05/2015	30/04/2017
020104	Thu từ dầu hỏa nhập khẩu	Lít	300	2034	01/02/2013	30/04/2017
020105	Thu từ dầu mazut nhập khẩu	Lít	300	2035	01/02/2013	30/04/2015
020105	Thu từ dầu mazut nhập khẩu	Lít	900	2035	01/05/2015	30/04/2017
020106	Thu từ dầu nhờn nhập khẩu	Lít	300	2035	01/02/2013	30/04/2015
020106	Thu từ dầu nhờn nhập khẩu	Lít	900	2035	01/05/2015	30/04/2017
020107	Thu từ mỡ nhờn nhập khẩu	Kg	300	2035	01/02/2013	30/04/2015
020107	Thu từ mỡ nhờn nhập khẩu	Kg	900	2035	01/05/2015	30/04/2017
020108	Thu từ xăng E5 Ron 92 nhập khẩu	Lít	2,850	2031	01/09/2014	30/04/2017
020109	Xăng E5 Ron 92 nhập khẩu bán ra trong nước	Lít		2041	01/09/2014	
020111	Xăng nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	3,000	2041	01/05/2015	
020111	Thu từ xăng nhập khẩu để bán trong nước	Lít	1,000	2041	01/09/2013	30/04/2015

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị	Mức thuế	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
020112	Nhiên liệu bay nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	3,000	2042	01/05/2015	
020112	Thu từ nhiên liệu bay nhập khẩu để bán trong nước	Lít	1,000	2042	01/09/2013	30/04/2015
020113	Diezel nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	1,500	2043	01/05/2015	
020113	Thu từ dầu Diezel nhập khẩu để bán trong nước	Lít	500	2043	01/09/2013	30/04/2015
020114	Dầu hỏa nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	300	2044	01/09/2013	
020115	Dầu mazut nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	900	2045	01/05/2017	
020115	Thu từ dầu mazut, dầu mỡ nhờn nhập khẩu để bán trong nước	Lít	300	2045	01/09/2013	30/04/2015
020115	Thu từ dầu mazut, dầu mỡ nhờn nhập khẩu để bán trong nước	Lít	900	2045	01/05/2015	30/04/2017
020116	Dầu nhờn nhập khẩu bán ra trong nước	Lít	900	2045	01/02/2013	
020117	Mỡ nhờn nhập khẩu bán ra trong nước	Kg	900	2045	01/02/2013	
020118	Than đá nhập khẩu bán ra trong nước	Kg	10,000	2046	01/01/2018	
020120	Sản phẩm hàng hóa trong nước khác			2048	01/01/2018	
020121	Khác			2049	01/01/2018	
020119	Các hàng hóa nhập khẩu khác bán ra trong nước			2047	01/01/2018	

Mã hàng hóa	Tên hàng hóa	Đơn vị	Mức thuế	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
020201	Than nâu nhập khẩu	Tấn	10,000	2036	01/02/2013	30/04/2017
020202	Than an - tra - xít (antraxit) nhập khẩu	Tấn	20,000	2036	01/02/2013	30/04/2017
020203	Than mỡ nhập khẩu	Tấn	10,000	2036	01/02/2013	30/04/2017
020204	Than đá nhập khẩu khác	Tấn	10,000	2036	01/02/2013	30/04/2017
0203	Thu từ dung dịch hydro, chloro, fluoro, carbon nhập khẩu	Kg	4,000	2037	01/02/2013	30/04/2017
0204	Thu từ túi ni lông nhập khẩu	Kg	40,000	2038	01/02/2013	30/04/2017
0205	Thu từ thuốc diệt cỏ nhập khẩu	Kg	500	2039	01/02/2013	30/04/2017
0206	Thu từ các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu khác	Kg	1,000	2049	01/02/2013	30/04/2017

Phụ lục 09: DANH MỤC LỆ PHÍ, LOẠI PHÍ

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
21002106	Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề theo quy định của pháp luật	2106	01/01/2017	
21002107	Phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức	2107	01/01/2017	
21002108	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành sản phẩm, hàng hóa theo quy định của pháp luật	2108	01/01/2017	
21002111	Phí xác minh giấy tờ, tài liệu	2111	01/01/2017	
21002146	Thu nợ phí xăng dầu	2146	01/01/2017	
21002147	Thu nợ phí thuộc lĩnh vực công nghiệp, xây dựng	2147	01/01/2017	
21002148	Thu nợ phí thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo	2148	01/01/2017	
21502151	Phí kiểm dịch (kiểm dịch động vật, thực vật, sản phẩm động vật)	2151	01/01/2009	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
21502152	Phí giám sát khử trùng vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	2152	01/01/2009	
21502153	Phí kiểm soát giết mổ động vật	2153	01/01/2009	
21502154	Phí kiểm nghiệm dư lượng thuốc bảo vệ thực vậtvà sp thực vật	4949	01/01/2009	31/12/2017
21502155	Phí kiểm nghiệm chất lượng thức ăn chăn nuôi	4949	01/01/2009	31/12/2017
21502156	Phí kiểm tra vệ sinh thú y	4949	01/01/2009	31/12/2017
21502157	Phí bảo vệ nguồn lợi thủy sản	2157	01/01/2009	
21502158	Phí kiểm nghiệm thuốc thú y	4949	01/01/2009	31/12/2017
21502161	Phí kiểm định, khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	4949	01/01/2009	31/12/2017
21502162	Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống	2162	01/01/2009	
21502163	Phí phòng, chống dịch bệnh cho động vật	2163	01/01/2017	
21502164	Phí bảo hộ giống trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	2164	01/01/2017	
21502165	Phí kiểm nghiệm an toàn thực phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy	2165	01/01/2017	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
	sản nhập khẩu			
21502166	Phí thẩm định trong lĩnh vực nông nghiệp	2166	01/01/2017	
21502167	Phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá	2167	01/01/2017	
22002201	Phí kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá	2147	01/01/2009	31/12/2016
22002202	Phí thử nghiệm chất lượng sản phẩm, vật tư, nguyên vật liệu	2147	01/01/2009	31/12/2016
22002203	Phí xây dựng	2147	01/01/2009	31/12/2016
22002204	Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính	2147	01/01/2009	31/12/2016
22002205	Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất	2147	01/01/2009	31/12/2016
22002206	Phí xác nhận đăng ký công dân	2206	01/01/2017	
22002207	Phí cấp thị thực và các giấy tờ có liên quan đến xuất nhập cảnh Việt Nam cho người nước ngoài	2207	01/01/2017	
22002208	Phí tiếp nhận và vận chuyển đơn, chứng cứ của công dân và pháp nhân Việt Nam	2208	01/01/2017	
22002211	Phí chứng nhận lãnh sự và hợp pháp hóa lãnh sự	2211	01/01/2017	
22502251	Phí chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	2251	01/01/2009	
22502252	Phí chợ	4949	01/01/2009	31/12/2017
22502253	Phí thẩm định kinh doanh thương mại có điều kiện thuộc các lĩnh vực, các ngành nghề	2265	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
22502254	Phí thẩm định hồ sơ mua bán, thuê, cho thuê tàu, thuyền, tàu bay	2254	01/01/2009	
22502255	Phí thẩm định đầu tư, dự án đầu tư	2255	01/01/2009	
22502256	Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	2628	01/01/2009	31/12/2017
22502257	Phí thẩm định, phân hạng cơ sở lưu trú du lịch	2455	01/01/2009	31/12/2017
22502258	Phí đấu thầu, đấu giá và thẩm định kết quả đấu thầu	4949	01/01/2009	31/12/2017
22502261	Phí giám định hàng hoá xuất nhập khẩu	4949	01/01/2009	31/12/2017
22502262	Phí xử lý vụ việc cạnh tranh	2262	01/01/2017	
22502263	Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	2263	01/01/2017	
22502264	Phí trong lĩnh vực hóa chất	2264	01/01/2017	
22502265	Phí thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn ngành nghề thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại, xây dựng	2265	01/01/2017	
22502266	Phí cung cấp thông tin doanh nghiệp	2266	01/01/2017	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
22502267	Phí sử dụng công trình kết cầu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng trong khu vực cửa khẩu	2267	01/01/2017	
23002301	Phí thuộc lĩnh vực đường bộ (sử dụng đường bộ, sử dụng tạm thời lòng đường, hè phố, sát hạch lái xe)	2301	01/01/2009	
23002302	Phí thuộc lĩnh vực đường thủy nội địa	2302	01/01/2009	
23002303	Phí thuộc lĩnh vực đường biển	2303	01/01/2009	
23002304	Phí qua cầu	2301	01/01/2009	31/12/2017
23002305	Phí qua đò	2302	01/01/2009	31/12/2017
23002306	Phí qua phà	2302	01/01/2009	31/12/2017
23002307	Phí sử dụng cầu, bến, phao neo thuộc khu vực cảng biển	2303	01/01/2009	31/12/2017
23002308	Phí sử dụng cầu, bến, phao neo thuộc cảng, bến thủy nội địa	2302	01/01/2009	31/12/2017
23002311	Phí sử dụng cảng cá	2302	01/01/2009	31/12/2017
23002312	Phí sử dụng vị trí neo, đậu ngoài phạm vi cảng	2302	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
23002313	Phí bảo đảm hàng hải	2303	01/01/2009	31/12/2017
23002314	Phí hoa tiêu, dẫn đường trong lĩnh vực đường biển	4949	01/01/2009	31/12/2017
23002315	Phí hoa tiêu, dẫn đường trong lĩnh vực đường thủy nội địa	4949	01/01/2009	31/12/2017
23002316	Phí thuộc lĩnh vực hàng không	2316	01/01/2009	
23002317	Phí trọng tải tàu, thuyền	2303	01/01/2009	31/12/2017
23002318	Phí luồng, lạch đường thủy nội địa	2302	01/01/2009	31/12/2017
23002321	Phí sử dụng lề đường, bến, bãi, mặt nước	2267	01/01/2009	31/12/2017
23002322	Phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất lượng thiết bị,vật tư	2167	01/01/2009	31/12/2017
23002323	Phí sử dụng kết cấu hạ tầng đường sắt	2323	01/01/2009	
23002324	Phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện	4949	01/01/2014	31/12/2017
23502351	Phí sử dụng tần số vô tuyến điện	2351	01/01/2009	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
23502352	Phí duy trì sử dụng tên miền và địa chỉ Internet	2352	01/01/2009	
23502353	Phí sử dụng mã, số viễn thông	2353	01/01/2009	
23502354	Phí khai thác và sử dụng tài liệu dầu khí	2638	01/01/2009	31/12/2017
23502355	Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai, thăm dò điều tra địa chất và khai thác mỏ, tài nguyên khoáng sản khác	2633	01/01/2009	31/12/2017
23502356	Phí khai thác và sử dụng tài liệu khí tượng thủy văn, môi trường nước và không khí	2633	01/01/2009	31/12/2017
23502357	Phí khai thác, sử dụng tư liệu tại thư viện, bảo tàng, khu di tích lịch sử, văn hoá và tài liệu lưu trữ	4949	01/01/2009	31/12/2017
23502358	Phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính -viễn thông	2362	01/01/2009	31/12/2017
23502361	Phí quyền hoạt động viễn thông	2361	01/01/2017	
23502362	Phí thẩm định điều kiện hoạt động viễn thông	2362	01/01/2017	
23502363	Phí thẩm định điều kiện hoạt động bưu chính	2363	01/01/2017	
23502364	Phí dịch vụ duy trì hệ thống kiểm tra trạng thái chứng thư số	2364	01/01/2017	
23502365	Phí quyền cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền	2365	01/01/2017	
23502366	Phí thẩm định nội dung, kịch bản trò chơi điện tử trên mạng	2366	01/01/2017	
23502367	Phí thẩm định và chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy về an toàn thông	2367	01/01/2017	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
	tin			
23502368	Phí thẩm định cấp giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng	2368	01/01/2017	
24002401	Phí kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	4949	01/01/2009	31/12/2017
24002402	Phí kiểm định kỹ thuật máy móc, thiết bị, vật tư và các chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp	4949	01/01/2009	31/12/2017
24002403	Phí an ninh, trật tự	4949	01/01/2009	31/12/2017
24002404	Phí phòng cháy, chữa cháy	2404	01/01/2009	
24002405	Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	2263	01/01/2009	31/12/2017
24002406	Phí kiểm tra, đánh giá, cấp giấy chứng nhận quốc tế về an ninh tàu biển	2303	01/01/2009	31/12/2017
24002407	Phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, cấp sổ lý lịch tàu biển	2303	01/01/2009	31/12/2017
24002408	Phí thẩm định cấp phép hoạt động cai nghiện ma tuý	4949	01/01/2009	31/12/2017
24002411	Phí thẩm định cấp phép hoạt động hóa chất nguy hiểm, thẩm định báo cáo đánh giá rủi ro hóa chất mới sản xuất, sử dụng ở Việt Nam	2264	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
24002412	Phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân trong nước	2111	01/01/2009	31/12/2017
24002413	Phí xác minh giấy tờ, tài liệu theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân nước ngoài	2111	01/01/2009	31/12/2017
24002414	Phí xử lý hồ sơ cấp Giấy chứng nhận miễn thị thực	2207	01/01/2009	31/12/2017
24002415	Phí thẩm định điều kiện về an ninh trật tự	2418	01/01/2012	31/12/2017
24002416	Phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ	2416	01/01/2012	
24002417	Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô và phí trông giữ phương tiện tham gia giao thông bị tạm giữ do vi phạm pháp luật	4949	01/02/2015	31/12/2017
24002418	Phí thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn hành nghề thuộc lĩnh vực an ninh, quốc phòng	2418	01/01/2017	
24002421	Phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	2421	01/01/2017	
24002422	Phí thẩm định cấp giấy phép sản xuất, kinh doanh sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm mật mã dân sự; giấy chứng nhận hợp quy sản phẩm mật mã dân sự	2422	01/01/2017	
24502451	Phí giám định di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	4949	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
24502452	Phí thăm quan	2452	01/01/2009	
24502453	Phí thẩm định văn hóa phẩm	2453	01/01/2009	
24502454	Phí giới thiệu việc làm	4949	01/01/2009	31/12/2017
24502455	Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch	2455	01/01/2017	
24502456	Phí thư viện	2456	01/01/2017	
24502457	Phí bảo quản ký gửi và sử dụng tài liệu lưu trữ	2457	01/01/2017	
24502458	Phí đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả	2458	01/01/2017	
25002501	Học phí (không bao gồm học phí giáo dục không chính qui)	2148	01/01/2009	31/12/2016
25002502	Phí sát hạch đủ điều kiện cấp văn bằng, chứng chỉ, giấy phép hành nghề	2148	01/01/2009	31/12/2016
25002503	Phí dự thi, dự tuyển	2148	01/01/2009	31/12/2016
25002504	Phí sở hữu trí tuệ	2504	01/01/2017	
25002505	Phí cấp mã số, mã vạch	2505	01/01/2017	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
25002506	Phí sử dụng dịch vụ trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử	2506	01/01/2017	
25002507	Phí thẩm định an toàn phóng xạ, bức xạ, an ninh hạt nhân	2507	01/01/2017	
25002508	Phí thẩm định kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ, hạt nhân	2508	01/01/2017	
25002511	Phí thẩm định điều kiện cấp giấy phép đăng ký dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử	2511	01/01/2017	
25002512	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	2512	01/01/2017	
25002513	Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ	2513	01/01/2017	
25502551	Viện phí và các loại phí khám chữa bệnh	2561	01/01/2009	31/12/2017
25502552	Phí phòng, chống dịch bệnh cho động vật; chẩn đoán thú y	4949	01/01/2009	31/12/2017
25502553	Phí y tế dự phòng	4949	01/01/2009	31/12/2017
25502554	Phí giám định y khoa	2565	01/01/2009	31/12/2017
25502555	Phí kiểm nghiệm mẫu thuốc, nhiên liệu làm thuốc, thuốc, mỹ phẩm	4949	01/01/2009	31/12/2017
25502556	Phí kiểm dịch y tế	4949	01/01/2009	31/12/2017
25502557	Phí kiểm nghiệm trang thiết bị y tế	4949	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
25502558	Phí kiểm tra, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm	4949	01/01/2009	31/12/2017
25502561	Phí thẩm định hoạt động, tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực y tế	2561	01/01/2009	
25502562	Phí thẩm định đăng ký kinh doanh thuốc	2561	01/01/2009	31/12/2017
25502563	Phí thẩm định hồ sơ nhập khẩu thuốc thành phẩm chưa có số đăng ký	2567	01/01/2009	31/12/2017
25502564	Phí cấp, đổi thẻ bảo hiểm y tế	4949	01/11/2011	31/12/2017
25502565	Phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa	2565	01/01/2017	
25502566	Phí thẩm định cấp giấy phép lưu hành, nhập khẩu, xuất khẩu, công bố trang thiết bị y tế	2566	01/01/2017	
25502567	Phí thẩm định cấp phép lưu hành, nhập khẩu, xác nhận, công bố	2567	01/01/2017	
26002602	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	2634	01/01/2009	31/12/2017
26002603	Phí vệ sinh	4949	01/01/2009	31/12/2017
26002604	Phí phòng, chống thiên tai	4949	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
26002605	Phí xét nghiệm, thẩm định, giám định; tra cứu, cung cấp thông tin; cấp các loại bản sao, phó bản, bản cấp lại các tài liệu sở hữu công nghiệp	2504	01/01/2009	31/12/2017
26002606	Phí lập và gửi đơn đăng ký quốc tế về sở hữu công nghiệp	2504	01/01/2009	31/12/2017
26002607	Phí cung cấp dịch vụ để giải quyết khiếu nại về sở hữu công nghiệp	2504	01/01/2009	31/12/2017
26002608	Phí thẩm định, cung cấp thông tin, dịch vụ về văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới	2164	01/01/2009	31/12/2017
26002611	Phí cấp, hướng dẫn và duy trì sử dụng mã số, mã vạch	2505	01/01/2009	31/12/2017
26002612	Phí thẩm định an toàn và sử dụng dịch vụ an toàn bức xạ	2507	01/01/2009	31/12/2017
26002613	Phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học công nghệ, môi trường	2513	01/01/2009	31/12/2017
26002614	Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng và đánh giá trữ lượng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thuỷ lợi	2631	01/01/2009	31/12/2017
26002615	Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất	2631	01/01/2009	31/12/2017
26002616	Phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ	2512	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
26002617	Phí kiểm định phương tiện đo lường	4949	01/01/2009	31/12/2017
26002618	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, khí thải	2618	23/01/2011	
26002621	Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp	2618	23/01/2011	31/12/2017
26002622	Phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	2618	23/01/2011	31/12/2017
26002623	Phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn	4949	23/01/2011	31/12/2017
26002624	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là dầu thô và khí thiên nhiên	2624	23/01/2011	
26002625	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản còn lại	2625	23/01/2011	
26002626	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) sản phẩm, hàng hóa đo đạc và bản đồ khi xuất khẩu, nhập khẩu	2626	01/01/2017	
26002627	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	2627	01/01/2017	
26002628	Phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản	2628	01/01/2017	
26002631	Phí khai thác, sử dụng nguồn nước	2631	01/01/2017	
26002632	Phí thẩm định điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực tài nguyên môi	2632	01/01/2017	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
	trường			
26002633	Phí khai thác, sử dụng tài liệu, dữ liệu tài nguyên và môi trường (không bao gồm Phí khai thác và sử dụng tài liệu dầu khí)	2633	01/01/2017	
26002634	Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung	2634	01/01/2017	
26002635	Phí thẩm định kế hoạch bảo vệ môi trường trong hoạt động phá dỡ tàu biển	2635	01/01/2017	
26002636	Phí khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ	2637	01/01/2017	
26002637	Phí khai thác và sử dụng tài liệu dầu khí	2638	01/01/2017	
26002638	Phí xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất	2636	01/01/2018	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
26502651	Phí cung cấp thông tin về tài chính doanh nghiệp	2266	01/01/2009	31/12/2017
26502652	Phí dịch vụ thanh toán trong hoạt động của Kho bạc nhà nước	2652	01/01/2009	
26502653	Phí phát hành, thanh toán trái phiếu kho bạc	4949	01/01/2009	31/12/2017
26502654	Phí tổ chức phát hành, thanh toán trái phiếu đầu tư huy động vốn cho công trình do ngân sách nhà nước đảm bảo	4949	01/01/2009	31/12/2017
26502655	Phí phát hành, thanh toán trái phiếu đầu tư để huy động vốn cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam theo kế hoạch tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp	4949	01/01/2009	31/12/2017
26502656	Phí bảo quản, cất giữ các loại tài sản quý hiếm và chứng chỉ có giá tại Kho bạc Nhà nước	4949	01/01/2009	31/12/2017
26502657	Phí cấp bảo lãnh của Chính phủ (do Bộ Tài chính hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp)	4949	01/01/2009	31/12/2017
26502658	Phí quản lý cho vay của Ngân hàng Phát triển Việt Nam	4949	01/01/2009	31/12/2017
26502661	Phí sử dụng thiết bị, cơ sở hạ tầng chứng khoán	2664	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
26502662	Phí hoạt động chứng khoán	2664	01/01/2009	31/12/2017
26502664	Phí quản lý, giám sát hoạt động chứng khoán, bảo hiểm, kế toán, kiểm toán	2664	01/01/2017	
26502665	Phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề thuộc lĩnh vực tài chính	2665	01/01/2017	
27002701	Án phí	2701	01/01/2009	
27002702	Phí giám định tư pháp	4949	01/01/2009	31/12/2017
27002703	Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm	2703	01/01/2009	
27002704	Phí cung cấp thông tin về tài sản cho thuê tài chính	4949	01/01/2009	31/12/2017
27002705	Phí cấp bản sao, bản trích lục bản án, quyết định và giấy chứng nhận xoá án	4949	01/01/2009	31/12/2017
27002706	Phí thi hành án dân sự	2706	01/01/2009	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
27002707	Phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự có yếu tố nước ngoài	2707	01/01/2009	
27002708	Phí xuất khẩu lao động	4949	01/01/2009	31/12/2017
27002711	Phí phá sản	4949	01/01/2009	31/12/2017
27002712	Phí thẩm định hồ sơ đề nghị hưởng miễn trừ đối với thoả thuận hạn chế cạnh tranh bị cấm, miễn trừ đối với tập trung kinh tế bị cấm theo pháp luật về cạnh tranh	4949	01/01/2009	31/12/2017
27002713	Phí giải quyết việc nuôi con nuôi đối với người nước ngoài	2773	01/01/2009	31/12/2017
27002714	Phí xử lý vụ việc cạnh tranh	2262	01/01/2009	31/12/2017
27002715	Phí công chứng	2715	01/01/2017	
27002716	Phí chứng thực	2716	01/01/2017	
27002717	Phí thẩm định điều kiện hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp	2717	01/01/2017	
27002718	Phí đăng ký giao dịch bảo đảm	2718	01/01/2017	
27002721	Phí sử dụng thông tin	2721	01/01/2017	
27002722	Phí cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm	2722	01/01/2017	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
27502751	Lệ phí quốc tịch	2751	01/01/2009	
27502752	Lệ phí cấp hộ chiếu	2752	01/01/2009	
27502753	Lệ phí qua lại cửa khẩu biên giới	4949	01/01/2009	31/12/2017
27502754	Lệ phí áp dụng tại cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự ở nước ngoài	4949	01/01/2009	31/12/2017
27502755	Lệ phí nộp đơn yêu cầu Toà án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài	2766	01/01/2009	31/12/2017
27502756	Lệ phí nộp đơn yêu cầu Toà án Việt Nam không công nhận bản án, quyết định dân sự của Toà án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam	2766	01/01/2009	31/12/2017
27502757	Lệ phí nộp đơn yêu cầu Toà án Việt Nam công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài	2766	01/01/2009	31/12/2017
27502758	Lệ phí nộp đơn yêu cầu Toà án kết luận cuộc đình công hợp pháp hoặc bất hợp pháp	2766	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
27502761	Lệ phí kháng cáo	4949	01/01/2009	31/12/2017
27502762	Lệ phí toà án liên quan đến trọng tài	2766	01/01/2009	31/12/2017
27502763	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt nam	2763	01/01/2009	
27502764	Lệ phí cấp phiếu lý lịch tư pháp	4949	01/01/2009	31/12/2017
27502765	Lệ phí cấp thẻ đi lại của doanh nhân APEC	4949	01/01/2009	31/12/2017
27502766	Lệ phí tòa án	2766	01/01/2017	
27502767	Lệ phí đăng ký cư trú	2767	01/01/2017	
27502768	Lệ phí cấp chứng minh nhân dân, căn cước công dân	2768	01/01/2017	
27502771	Lệ phí hộ tịch	2771	01/01/2017	
27502772	Lệ phí cấp phép hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài	2772	01/01/2017	
27502773	Lệ phí đăng ký nuôi con nuôi	2773	01/01/2017	
27502774	Lệ phí cấp phép các tổ chức nuôi con nuôi	2774	01/01/2017	
28002801	Lệ phí trước bạ nhà đất	2801	01/01/2009	
28002802	Lệ phí trước bạ ô tô	2802	01/01/2009	
28002803	Lệ phí trước bạ tàu thủy, thuyền	2803	01/01/2009	
28002804	Lệ phí trước bạ tài sản khác	2804	01/01/2009	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
28002805	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất	2805	01/01/2009	
28002806	Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm	2718	01/01/2009	31/12/2017
28002807	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền tác giả	2831	01/01/2009	31/12/2017
28002808	Lệ phí nộp đơn và cấp văn bằng bảo hộ, đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp	2831	01/01/2009	31/12/2017
28002811	Lệ phí duy trì, gia hạn, chấm dứt, khôi phục hiệu lực văn bằng bảo hộ	2831	01/01/2009	31/12/2017
28002812	Lệ phí đăng bạ, công bố thông tin sở hữu công nghiệp	2831	01/01/2009	31/12/2017
28002813	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề, đăng bạ đại diện sở hữu công nghiệp	2831	01/01/2009	31/12/2017
28002814	Lệ phí đăng ký, cấp, công bố, duy trì hiệu lực văn bằng bảo hộ giống cây trồng mới	4949	01/01/2009	31/12/2017
28002815	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	2815	01/01/2009	
28002816	Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông (không kể phương tiện giao thông đường thuỷ)	2827	01/01/2009	31/12/2017
28002817	Lệ phí đăng ký, cấp biển phương tiện giao thông đường thuỷ	2827	01/01/2009	31/12/2017
28002818	Lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng	2827	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
28002821	Lệ phí cấp chứng chỉ cho tàu bay	2827	01/01/2009	31/12/2017
28002822	Lệ phí cấp biển số nhà	4949	01/01/2009	31/12/2017
28002823	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng	2805	01/01/2009	31/12/2017
28002824	Lệ phí trước bạ xe máy	2824	01/01/2017	
28002825	Lệ phí trước bạ tàu bay	2825	01/01/2017	
28002826	Lệ phí cấp giấy phép quy hoạch	2826	01/01/2017	
28002827	Lệ phí quản lý phương tiện giao thông	2827	01/01/2017	
28002828	Lệ phí trong lĩnh vực hàng hải	2828	01/01/2017	
28002831	Lệ phí sở hữu trí tuệ	2831	01/01/2017	
28502851	Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh, đối với các loại hình tổ chức kinh tế, các hộ kinh doanh	2852	01/01/2009	31/12/2017
28502852	Lệ phí đăng ký khai báo hoá chất nguy hiểm, hoá chất độc hại, máy, thiết bị có yêu cầu an toàn đặc thù chuyên ngành công nghiệp	4949	01/01/2009	31/12/2017
28502860	Lệ phí đăng ký kinh doanh	2852	01/01/2018	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
28502853	Lệ phí về cấp chứng nhận, cấp bằng, cấp chứng chỉ, cấp phép, cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận, điều chỉnh giấy chứng nhận đối với các hoạt động, các ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật	2853	01/01/2009	
28502854	Lệ phí cấp phép đặt chi nhánh, văn phòng đại diện của các tổ chức nước ngoài tại Việt Nam	2854	01/01/2009	
28502855	Lệ phí cấp hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu	4949	01/01/2009	31/12/2017
28502856	Lệ phí cấp và dán tem kiểm soát băng, đĩa có chương trình	2866	01/01/2009	31/12/2017
28502857	Lệ phí độc quyền hoạt động trong ngành dầu khí	4949	01/01/2009	31/12/2017
28502858	Lệ phí độc quyền hoạt động trong một số ngành, nghề tài nguyên khoáng sản khác theo quy định của pháp luật	4949	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
28502859	Lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện	2853	01/10/2013	31/12/2016
28502861	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp	2861	01/01/2017	
28502862	Lệ phí môn bài mức (bậc) 1	2862	01/01/2017	
28502863	Lệ phí môn bài mức (bậc) 2	2863	01/01/2017	
28502864	Lệ phí môn bài mức (bậc) 3	2864	01/01/2017	
28502865	Lệ phí phân bổ kho số viễn thông, tài nguyên Internet	2865	01/01/2017	
28502866	Lệ phí cấp và dán tem kiểm soát băng, đĩa có chương trình	2866	01/01/2017	
28502867	Lệ phí chuyển nhượng chứng chỉ, tín chỉ giảm phát thải khí nhà kính	2867	01/01/2017	
28502868	Lệ phí cấp tên định danh người gửi dùng trong hoạt động quảng cáo trên mạng	2868	01/01/2017	
28502871	Lệ phí trong lĩnh vực tiêu chuẩn, đo lường chất lượng	2871	01/01/2017	
28502872	Lệ phí đăng ký các quyền đối với tàu bay	2872	01/01/2017	
30003001	Lệ phí ra, vào cảng	3001	01/01/2009	
30003002	Lệ phí ra, vào cảng, bến thủy nội địa	3001	01/01/2009	31/12/2017
30003010	Lệ phí đi qua vùng đất, vùng biển	3002	01/01/2018	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
30003003	Lệ phí ra, vào cảng hàng không, sân bay	3001	01/01/2009	31/12/2017
30003004	Lệ phí cấp phép bay	3002	01/01/2009	31/12/2017
30003005	Lệ phí hàng hoá, hành lý, phương tiện vận tải quá cảnh	3002	01/01/2009	31/12/2017
30003006	Lệ phí cấp phép hoạt động khảo sát, thiết kế, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thông tin bưu điện, dầu khí, giao thông vận tải đi qua vùng đất, vùng biển của Việt Nam	3002	01/01/2009	31/12/2017
30003007	Lệ phí hoa hồng chữ ký trong lĩnh vực dầu khí	3007	01/01/2009	
30003008	Lệ phí hoa hồng sản xuất	4949	01/01/2009	31/12/2017
30003009	Lệ phí cấp giấy phép cho hoạt động tàu, thuyền nước ngoài	3002	01/01/2009	31/12/2017
30503051	Lệ phí cấp phép sử dụng con dấu	4949	01/01/2009	31/12/2017
30503052	Lệ phí làm thủ tục hải quan	2663	01/01/2009	31/12/2017
30503054	Lệ phí cấp giấy đăng ký nguồn phóng xạ, máy phát bức xạ	4949	01/01/2009	31/12/2017
30503055	Lệ phí cấp giấy đăng ký địa điểm cất giữ chất thải phóng xạ	4949	01/01/2009	31/12/2017

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
30503056	Lệ phí cấp văn bằng, chứng chỉ	2853	01/01/2009	31/12/2017
30503057	LP chứng thực theo yêu cầu hoặc theo quy định của pháp luật	2716	01/01/2009	31/12/2017
30503058	Lệ phí hợp pháp hoá và chứng nhận lãnh sự	2111	01/01/2009	31/12/2017
30503061	Lệ phí công chứng	3715	01/01/2009	31/12/2017
30503062	Lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	2853	01/01/2009	31/12/2017
30503063	Lệ phí cấp giấy phép quy hoạch	2826	01/01/2009	31/12/2017
38503064	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ thú y; chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường trong nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi	3064	01/01/2017	
38503065	Lệ phí cấp chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn; thủy sản nhập khẩu, quá cảnh, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu	3065	01/01/2017	
38503066	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề luật sư	3066	01/01/2017	
38503067	Lệ phí cấp thẻ công chứng viên	3067	01/01/2017	
38503068	Lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên	3068	01/01/2017	
38503071	Lệ phí cấp giấy chứng nhận thuyết minh viên	3071	01/01/2017	

Mã phí lệ phí	Tên loại phí lệ phí	Tiểu mục	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến
38503072	Lệ phí công nhận chất lượng vật tư nông nghiệp được phép lưu hành tại Việt Nam	3072	01/01/2017	
38503073	Lệ phí cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống, nguồn gen cây trồng nông nghiệp	3073	01/01/2017	
30503074	Lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản	3074	01/01/2018	
38503853	Tiền thuê cơ sở hạ tầng đường sắt	3853	01/01/2009	
49004949	Các khoản thu khác	4949	01/01/2009	

Phụ lục 10: DANH MỤC THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
101		Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm từ cây thuốc lá	01/01/2008	31/12/2999
10100	1753	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	01/01/2016	31/12/2018
10100	1753	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	01/01/2019	31/12/2999
10101	1753	Xì gà	01/01/2008	31/12/2008
10101	1753	Xì gà	01/01/2009	31/07/2009
10101	1753	Xì gà	01/08/2009	31/01/2010
10101	1753	Xì gà	01/02/2010	31/03/2010
10101	1753	Xì gà	01/04/2010	31/12/2012
10101	1753	Xì gà	01/01/2013	31/12/2015
10102	1753	Thuốc lá điếu	01/01/2008	31/12/2008

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10102	1753	Thuốc lá điếu	01/01/2009	31/07/2009
10102	1753	Thuốc lá điếu	01/08/2009	31/01/2010
10102	1753	Thuốc lá điếu	01/02/2010	31/03/2010
10102	1753	Thuốc lá điếu	01/04/2010	31/12/2012
10102	1753	Thuốc lá điếu	01/01/2013	31/12/2015
10103	1753	Các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	01/08/2009	31/01/2010
10103	1753	Các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	01/02/2010	31/03/2010
10103	1753	Các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	01/04/2010	31/12/2012
10103	1753	Các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	01/01/2013	31/12/2015

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10104	1762	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2016	31/12/2018
10104	1762	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2019	31/12/2999
102		Rượu	01/02/2010	31/12/2999
10200	1754	Rượu từ 20 độ trở lên	01/02/2010	31/03/2010
10200	1754	Rượu từ 20 độ trở lên	01/04/2010	31/12/2012
10200	1754	Rượu từ 20 độ trở lên	01/01/2013	31/12/2015
10200	1754	Rượu từ 20 độ trở lên	01/01/2016	31/12/2016
10200	1754	Rượu từ 20 độ trở lên	01/01/2017	31/12/2017
10200	1754	Rượu từ 20 độ trở lên	01/01/2018	31/12/2999
10201	1754	Rượu từ 40 độ trở lên	01/01/2008	31/12/2008

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10201	1754	Rượu từ 40 độ trở lên	01/01/2009	31/07/2009
10201	1754	Rượu từ 40 độ trở lên	01/08/2009	31/01/2010
10202	1754	Rượu từ 20 độ đến dưới 40 độ	01/01/2008	31/12/2008
10202	1754	Rượu từ 20 độ đến dưới 40 độ	01/01/2009	31/07/2009
10202	1754	Rượu từ 20 độ đến dưới 40 độ	01/08/2009	31/01/2010
10203	1754	Rượu dưới 20 độ, rượu hoa quả, rượu thuốc	01/01/2008	31/12/2008
10203	1754	Rượu dưới 20 độ, rượu hoa quả, rượu thuốc	01/01/2009	31/07/2009
10203	1754	Rượu dưới 20 độ, rượu hoa quả, rượu thuốc	01/08/2009	31/01/2010
10203	1754	Rượu dưới 20 độ, rượu hoa quả, rượu thuốc	01/02/2010	31/03/2010
10203	1754	Rượu dưới 20 độ, rượu hoa quả, rượu thuốc	01/04/2010	31/12/2012

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10203	1754	Rượu dưới 20 độ, rượu hoa quả, rượu thuốc	01/01/2013	31/12/2015
10204	1754	Rượu dưới 20 độ	01/01/2016	31/12/2017
10204	1754	Rượu dưới 20 độ	01/01/2018	31/12/2999
10205	1763	Rượu từ 20 độ trở lên nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2016	31/12/2016
10205	1763	Rượu từ 20 độ trở lên nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2017	31/12/2017
10205	1763	Rượu từ 20 độ trở lên nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2018	31/12/2999
10206	1763	Rượu dưới 20 độ nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2016	31/12/2017
10206	1763	Rượu dưới 20 độ nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2018	31/12/2999
103		Bia	01/02/2010	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10300	1754	Bia	01/02/2010	31/03/2010
10300	1758	Bia	01/04/2010	31/12/2012
10300	1758	Bia	01/01/2013	31/12/2015
10300	1758	Bia	01/01/2016	31/12/2016
10300	1758	Bia	01/01/2017	31/12/2017
10300	1758	Bia	01/01/2018	31/12/2999
10301	1754	Bia chai	01/01/2008	31/12/2008
10301	1754	Bia chai	01/01/2009	31/07/2009
10301	1754	Bia chai	01/08/2009	31/01/2010
10302	1754	Bia hơi, bia tươi	01/01/2008	31/12/2008
10302	1754	Bia hơi, bia tươi	01/01/2009	31/07/2009
10302	1754	Bia hơi, bia tươi	01/08/2009	31/01/2010
10303	1754	Bia hộp	01/01/2008	31/12/2008

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10303	1754	Bia hộp	01/01/2009	31/07/2009
10303	1754	Bia hộp	01/08/2009	31/01/2010
10304	1767	Bia nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2016	31/12/2016
10304	1767	Bia nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2017	31/12/2017
10304	1767	Bia nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2018	31/12/2999
104		Ô tô	01/01/2008	31/12/2999
10401	1755	Ô tô 5 chỗ ngồi trở xuống	01/01/2008	31/12/2008
10401	1755	Ô tô 5 chỗ ngồi trở xuống	01/01/2009	31/07/2009
10402	1755	Ô tô từ 6 đến 15 chỗ ngồi	01/01/2008	31/12/2008
10402	1755	Ô tô từ 6 đến 15 chỗ ngồi	01/01/2009	31/07/2009

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10403	1755	Ôtô từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi (Bao gồm cả xe thiết kế vừa trở người vừa trở hàng)	01/01/2008	31/12/2008
10403	1755	Ôtô từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi (Bao gồm cả xe thiết kế vừa trở người vừa trở hàng)	01/01/2009	31/07/2009
10404		Xe ô tô dưới 24 chỗ	01/01/2008	31/12/2999
1040401		Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống	01/01/2008	31/12/2999
104040101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/08/2009	31/01/2010
104040101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/02/2010	31/03/2010
104040101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/04/2010	31/12/2012

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
104040101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/01/2013	30/06/2016
104040102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/08/2009	31/01/2010
104040102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/02/2010	31/03/2010
104040102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/04/2010	31/12/2012
104040102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/01/2013	30/06/2016
104040103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/08/2009	31/01/2010
104040103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/02/2010	31/03/2010
104040103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên	01/04/2010	31/12/2012

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		3.000 cm3		
104040103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/01/2013	30/06/2016
104040104	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống	01/07/2016	31/12/2017
104040104	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống	01/01/2018	31/12/2999
104040105	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3	01/07/2016	31/12/2017
104040105	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3	01/01/2018	31/12/2999
104040106	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3	01/07/2016	31/12/2999
104040107	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	01/07/2016	31/12/2017

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
104040107	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	01/01/2018	31/12/2999
104040108	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 đến 4.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
104040109	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm3 đến 5.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
104040110	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm3 đến 6.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
104040111	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
104040112	1764	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (40%)	01/07/2016	31/12/2017
104040112	1764	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (35%)	01/01/2018	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
104040113	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (45%)	01/07/2016	31/12/2017
104040113	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (40%)	01/01/2018	31/12/2999
104040114	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (50%)	01/07/2016	31/12/2999
104040115	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (55%)	01/07/2016	31/12/2017

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
104040115	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (60%)	01/01/2018	31/12/2999
104040116	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 đến 4.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (90)	01/07/2016	31/12/2999
104040117	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm3 đến 5.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (110%)	01/07/2016	31/12/2999
104040118	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm3 đến 6.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (130%)	01/07/2016	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
104040119	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (150%)	01/07/2016	31/12/2999
1040402	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/08/2009	31/01/2010
1040402	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/02/2010	31/03/2010
1040402	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/04/2010	31/12/2012
1040402	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/01/2013	30/06/2016
1040402	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/07/2016	31/12/2999
104040201	1764	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ nhập khẩu bán ra trong nước (15%)	01/07/2016	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
1040403	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi	01/08/2009	31/01/2010
1040403	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi	01/02/2010	31/03/2010
1040403	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi	01/04/2010	31/12/2012
1040403	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi	01/01/2013	30/06/2016
1040403	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi	01/07/2016	31/12/2999
104040301	1764	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ ngồi nhập khẩu bán ra trong nước (10%)	01/07/2016	31/12/2999
1040404	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/08/2009	31/01/2010

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
1040404	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/02/2010	31/03/2010
1040404	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/04/2010	31/12/2012
1040404	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/01/2013	30/06/2016
104040400		Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/08/2009	31/12/2999
104040401	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm3 trở xuống	01/07/2016	31/12/2999
104040402	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
104040403	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
104040404	1764	Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (15%)	01/07/2016	31/12/2999
104040405	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (20%)	01/07/2016	31/12/2999
104040406	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (25%)	01/07/2016	31/12/2999
1040405		xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện, năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng	01/08/2009	31/12/2999
10404050101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/08/2009	31/01/2010

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10404050101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/02/2010	31/03/2010
10404050101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/04/2010	31/12/2012
10404050101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/01/2013	30/06/2016
10404050102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/08/2009	31/01/2010
10404050102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/02/2010	31/03/2010
10404050102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/04/2010	31/12/2012
10404050102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/01/2013	30/06/2016
10404050103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên	01/08/2009	31/01/2010

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		3.000 cm3		
10404050103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/02/2010	31/03/2010
10404050103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/04/2010	31/12/2012
10404050103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/01/2013	30/06/2016
10404050104	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống	01/07/2016	31/12/2017
10404050104	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống	01/01/2018	31/12/2999
10404050105	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3	01/07/2016	31/12/2017
10404050105	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3	01/01/2018	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10404050106	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404050107	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	01/07/2016	31/12/2017
10404050107	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	01/01/2018	31/12/2999
10404050108	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 đến 4.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404050109	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm3 đến 5.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404050110	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm3 đến 6.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404050111	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10404050112	1764	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (28%)	01/07/2016	31/12/2017
10404050112	1764	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (24.5%)	01/01/2018	31/12/2999
10404050113	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (31.5%)	01/07/2016	31/12/2017
10404050113	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (28%)	01/01/2018	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10404050114	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (35%)	01/07/2016	31/12/2999
10404050115	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (38.5%)	01/07/2016	31/12/2017
10404050115	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (42%)	01/01/2018	31/12/2999
10404050116	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 đến 4.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (63%)	01/07/2016	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10404050117	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm3 đến 5.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (77%)	01/07/2016	31/12/2999
10404050118	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm3 đến 6.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (91%)	01/07/2016	31/12/2999
10404050119	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (105%)	01/07/2016	31/12/2999
104040502	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/08/2009	31/01/2010
104040502	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/02/2010	31/03/2010
104040502	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến	01/04/2010	31/12/2012

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		dưới 16 chỗ		
104040502	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/01/2013	30/06/2016
104040502	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/07/2016	31/12/2999
10404050201	1764	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ nhập khẩu bán ra trong nước (10.5%)	01/07/2016	31/12/2999
104040503	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/08/2009	31/01/2010
104040503	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/02/2010	31/03/2010
104040503	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/04/2010	31/12/2012

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
104040503	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/01/2013	30/06/2016
104040503	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/07/2016	31/12/2999
10404050301	1764	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ nhập khẩu bán ra trong nước (7%)	01/07/2016	31/12/2999
104040504	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/08/2009	31/01/2010
104040504	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/02/2010	31/03/2010
104040504	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/04/2010	31/12/2012
104040504	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/01/2013	30/06/2016

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10404050401	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm3 trở xuống	01/07/2016	31/12/2999
10404050402	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404050403	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404050404	1764	Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (10.5%)	01/07/2016	31/12/2999
10404050405	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (14%)	01/07/2016	31/12/2999
10404050406	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra	01/07/2016	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		trong nước (17.5%)		
1040406		Xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học	01/08/2009	31/12/2999
10404060101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/08/2009	31/01/2010
10404060101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/02/2010	31/03/2010
10404060101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/04/2010	31/12/2012
10404060101	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.000 cm3 trở xuống	01/01/2013	30/06/2016
10404060102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/08/2009	31/01/2010

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10404060102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/02/2010	31/03/2010
10404060102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/04/2010	31/12/2012
10404060102	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 3.000 cm3	01/01/2013	30/06/2016
10404060103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/08/2009	31/01/2010
10404060103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/02/2010	31/03/2010
10404060103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/04/2010	31/12/2012
10404060103	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/01/2013	30/06/2016
10404060104	1755	Loại có dung tích xi lanh từ	01/07/2016	31/12/2017

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		1.500 cm3 trở xuống		
10404060104	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống	01/01/2018	31/12/2999
10404060105	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3	01/07/2016	31/12/2017
10404060105	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3	01/01/2018	31/12/2999
10404060106	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404060107	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	01/07/2016	31/12/2017
10404060107	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	01/01/2018	31/12/2999
10404060108	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 đến 4.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10404060109	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm3 đến 5.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404060110	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm3 đến 6.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404060111	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404060112	1764	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (20%)	01/07/2016	31/12/2017
10404060112	1764	Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (17.5%)	01/01/2018	31/12/2999
10404060113	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước	01/07/2016	31/12/2017

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		(22.5%)		
10404060113	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm3 đến 2.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (20%)	01/01/2018	31/12/2999
10404060114	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm3 đến 2.500 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (25%)	01/07/2016	31/12/2999
10404060115	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (27.5%)	01/07/2016	31/12/2017
10404060115	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	01/01/2018	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		nhập khẩu bán ra trong nước (30%)		
10404060116	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 đến 4.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (45%)	01/07/2016	31/12/2999
10404060117	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm3 đến 5.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (55%)	01/07/2016	31/12/2999
10404060118	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm3 đến 6.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (65%)	01/07/2016	31/12/2999
10404060119	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm3 nhập khẩu bán ra	01/07/2016	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		trong nước (75%)		
104040602	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/08/2009	31/01/2010
104040602	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/02/2010	31/03/2010
104040602	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/04/2010	31/12/2012
104040602	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/01/2013	30/06/2016
104040602	1755	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/07/2016	31/12/2999
10404060201	1764	Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ nhập khẩu bán ra trong nước (7.5%)	01/07/2016	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
104040603	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/08/2009	31/01/2010
104040603	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/02/2010	31/03/2010
104040603	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/04/2010	31/12/2012
104040603	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/01/2013	30/06/2016
104040603	1755	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/07/2016	31/12/2999
10404060301	1764	Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ nhập khẩu bán ra trong nước (5%)	01/07/2016	31/12/2999
104040604	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/08/2009	31/01/2010

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
104040604	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/02/2010	31/03/2010
104040604	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/04/2010	31/12/2012
104040604	1755	Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng	01/01/2013	30/06/2016
10404060401	1755	Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm3 trở xuống	01/07/2016	31/12/2999
10404060402	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404060403	1755	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3	01/07/2016	31/12/2999
10404060404	1764	Loại có dung tích xi lanh từ 2.500 cm3 trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (7.5%)	01/07/2016	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10404060405	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm3 đến 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (10%)	01/07/2016	31/12/2999
10404060406	1764	Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước (12.5%)	01/07/2016	31/12/2999
1040407		Xe ô tô chạy bằng điện	01/08/2009	31/12/2999
104040701	1755	Loại chở người từ 9 chỗ trở xuống	01/08/2009	31/01/2010
104040701	1755	Loại chở người từ 9 chỗ trở xuống	01/02/2010	31/03/2010
104040701	1755	Loại chở người từ 9 chỗ trở xuống	01/04/2010	31/12/2012
104040701	1755	Loại chở người từ 9 chỗ trờ xuống	01/01/2013	30/06/2016

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
104040701	1755	Loại chở người từ 9 chỗ trờ xuống	01/07/2016	31/12/2999
104040702	1755	Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/08/2009	31/01/2010
104040702	1755	Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/02/2010	31/03/2010
104040702	1755	Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/04/2010	31/12/2012
104040702	1755	Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/01/2013	30/06/2016
104040702	1755	Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	01/07/2016	31/12/2999
104040703	1755	Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/08/2009	31/01/2010
104040703	1755	Loại chở người từ 16 đến dưới	01/02/2010	31/03/2010

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		24 chỗ		
104040703	1755	Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/04/2010	31/12/2012
104040703	1755	Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/01/2013	30/06/2016
104040703	1755	Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	01/07/2016	31/12/2999
104040704	1755	Loại thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng	01/08/2009	31/01/2010
104040704	1755	Loại thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng	01/02/2010	31/03/2010
104040704	1755	Loại thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng	01/04/2010	31/12/2012
104040704	1755	Loại thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng	01/01/2013	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
104040705	1764	Loại chở người từ 9 chỗ trờ xuống nhập khẩu bán ra trong nước (15%)	01/07/2016	31/12/2999
104040706	1764	Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ nhập khẩu bán ra trong nước (10%)	01/07/2016	31/12/2999
104040707	1764	Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ nhập khẩu bán ra trong nước (5%)	01/07/2016	31/12/2999
104040708	1764	Loại thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng nhập khẩu bán ra trong nước (10%)	01/01/2013	31/12/2999
1040408	1757	Xe mô-tô-hôm (motorhome) không phân biệt dung tích xi lanh	01/07/2016	31/12/2017
1040408	1757	Xe mô-tô-hôm (motorhome)	01/01/2018	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		không phân biệt dung tích xi lanh		
104040801	1766	Xe mô-tô-hôm (motorhome) không phân biệt dung tích xi lanh nhập khẩu bán ra trong nước (70%)	01/07/2016	31/12/2017
104040801	1766	Xe mô-tô-hôm (motorhome) không phân biệt dung tích xi lanh (NK,75%)	01/01/2018	31/12/2999
10500	1756	Xăng các loại, nap-ta (nap tha), con-đen-sát (condensate), chế phẩm tái hợp (reformade component) và các chế p	01/01/2008	31/12/2008
10500	1756	Xăng các loại, các chế phẩm để pha chế xăng	01/01/2009	31/07/2009

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10500	1756	Xăng các loại, nap-ta, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng	01/08/2009	31/01/2010
10500	1756	Xăng các loại, nap-ta, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng	01/02/2010	31/03/2010
10500	1756	Xăng các loại, nap-ta, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng	01/04/2010	31/12/2012
10500	1756	Xăng các loại, nap-ta, chế phẩm tái hợp và các chế phẩm khác để pha chế xăng	01/01/2013	31/12/2015
10501	1756	Xăng	01/01/2016	31/12/2999
10502	1756	Xăng E5	01/01/2016	31/12/2999
10503	1756	Xăng E10	01/01/2016	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10504	1765	Xăng nhập khẩu bán ra trong nước (10%)	01/01/2016	31/12/2999
10505	1765	Xăng E5 nhập khẩu bán ra trong nước (8%)	01/01/2016	31/12/2999
10506	1765	Xăng E10 nhập khẩu bán ra trong nước (7%)	01/01/2016	31/12/2999
10600	1757	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	01/01/2008	31/12/2008
10600	1757	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	01/01/2009	31/07/2009
10600	1757	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	01/08/2009	31/01/2010
10600	1757	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	01/02/2010	31/03/2010
10600	1757	Điều hoà nhiệt độ công suất từ	01/04/2010	31/12/2012

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		90.000 BTU trở xuống		
10600	1757	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	01/01/2013	31/12/2999
10601	1766	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống nhập khẩu bán ra trong nước (10%)	01/01/2013	31/12/2999
10700	1757	Bài lá	01/01/2008	31/12/2008
10700	1757	Bài lá	01/01/2009	31/07/2009
10700	1757	Bài lá	01/08/2009	31/01/2010
10700	1757	Bài lá	01/02/2010	31/03/2010
10700	1757	Bài lá	01/04/2010	31/12/2012
10700	1757	Bài lá	01/01/2013	31/12/2999
10701	1766	Bài lá nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2013	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10800	1757	Vàng mã, hàng mã	01/01/2008	31/12/2008
10800	1757	Vàng mã, hàng mã	01/01/2009	31/07/2009
10800	1757	Vàng mã, hàng mã	01/08/2009	31/01/2010
10800	1757	Vàng mã, hàng mã	01/02/2010	31/03/2010
10800	1757	Vàng mã, hàng mã	01/04/2010	31/12/2012
10800	1757	Vàng mã, hàng mã	01/01/2013	31/12/2999
10801	1766	Vàng mã, hàng mã nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2013	31/12/2999
10900	1757	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm3	01/08/2009	31/01/2010
10900	1757	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm3	01/02/2010	31/03/2010

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
10900	1757	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm3	01/04/2010	31/12/2012
10900	1757	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm3	01/01/2013	31/12/2999
10901	1766	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm3 nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2013	31/12/2999
11000	1757	Tàu bay	01/08/2009	31/01/2010
11000	1757	Tàu bay	01/02/2010	31/03/2010
11000	1757	Tàu bay	01/04/2010	31/12/2012
11000	1757	Tàu bay	01/01/2013	31/12/2999
11001	1766	Tàu bay nhập khẩu bán ra	01/01/2013	31/12/2999

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
		trong nước		
11100	1757	Du thuyền	01/08/2009	31/01/2010
11100	1757	Du thuyền	01/02/2010	31/03/2010
11100	1757	Du thuyền	01/04/2010	31/12/2012
11100	1757	Du thuyền	01/01/2013	31/12/2999
11101	1766	Du thuyền nhập khẩu bán ra trong nước	01/01/2013	31/12/2999
11200	1761	Xổ số	01/04/2010	31/12/2012
20100	1757	Kinh doanh vũ trường, mát xa, ka-ra-ô-kê	01/01/2008	31/12/2008
20100	1757	Kinh doanh vũ trường, mát xa, ka-ra-ô-kê	01/01/2009	31/07/2009
20101	1757	Kinh doanh vũ trường	01/08/2009	31/01/2010
20101	1757	Kinh doanh vũ trường	01/02/2010	31/03/2010

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
20101	1757	Kinh doanh vũ trường	01/04/2010	31/12/2012
20101	1757	Kinh doanh vũ trường	01/01/2013	31/12/2999
20102	1757	Kinh doanh mát-xa, karaoke	01/08/2009	31/01/2010
20102	1757	Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê	01/02/2010	31/03/2010
20102	1757	Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê	01/04/2010	31/12/2012
20102	1757	Kinh doanh mát-xa, ka-ra-ô-kê	01/01/2013	31/12/2999
20200	1757	Kinh doanh ca-si-nô (casino), trò chơi bằng máy giắc-pót (jackpot)	01/01/2008	31/12/2008
20200	1757	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi bằng máy giắc-pót	01/01/2009	31/07/2009
20200	1757	Kinh doanh ca-si-no, trò chơi điện tử có thưởng	01/08/2009	31/01/2010
20200	1757	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	01/02/2010	31/03/2010

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
20200	1757	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	01/04/2010	31/12/2012
20200	1757	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	01/01/2013	31/12/2015
20200	1757	Kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng	01/01/2016	31/12/2999
20300	1757	Kinh doanh giải trí có đặt cược	01/01/2008	31/12/2008
20300	1757	Kinh doanh giải trí có đặt cược	01/01/2009	31/07/2009
20300	1757	Kinh doanh đặt cược	01/08/2009	31/01/2010
20300	1757	Kinh doanh đặt cược	01/02/2010	31/03/2010
20300	1757	Kinh doanh đặt cược	01/04/2010	31/12/2012
20300	1757	Kinh doanh đặt cược	01/01/2013	31/12/2999
20400	1757	Kinh doanh gôn (golf): bán thẻ hội viên, vé chơi gôn	01/01/2008	31/12/2008

Mã chỉ tiêu	Mã tiểu mục theo TT300	Tên chỉ tiêu	Hiệu lực	
			Từ ngày	Đến ngày
20400	1757	Kinh doanh gôn (golf): bán thẻ hội viên, vé chơi gôn	01/01/2009	31/07/2009
20400	1757	Kinh doanh gôn	01/08/2009	31/01/2010
20400	1757	Kinh doanh gôn	01/02/2010	31/03/2010
20400	1757	Kinh doanh gôn	01/04/2010	31/12/2012
20400	1757	Kinh doanh gôn	01/01/2013	31/12/2999
20500	1761	Kinh doanh xổ số	01/01/2008	31/12/2008
20500	1761	Kinh doanh xổ số	01/01/2009	31/07/2009
20500	1761	Kinh doanh xổ số	01/08/2009	31/01/2010
20500	1761	Kinh doanh xổ số	01/02/2010	31/03/2010
20500	1761	Kinh doanh xổ số	01/04/2010	31/12/2012
20500	1761	Kinh doanh xổ số	01/01/2013	31/12/2999

Phụ lục 11: DANH MỤC THUẾ TÀI NGUYÊN

Mã tài nguyên	Tên tài nguyên	Hiệu lực từ	Hiệu lực đến	Thuế suất	Đơn vị tính	Tiểu mục
01	Khoáng sản kim loại	01/07/2016	31/12/9999			
010101	Sắt	01/07/2016	31/12/9999	14	Tấn	1553
010102	Măng-gan	01/07/2016	31/12/9999	14	Tấn	1553
010103	Ti-tan (titan)	01/07/2016	31/12/9999	18	Tấn	1553
010201	Đất hiếm	01/07/2016	31/12/9999	18	Tấn	1553
010202	Vàng	01/07/2016	31/12/9999	17	Tấn	1553
010206	Vôn-phờ-ram (wolfram), ăng-ti-moan (antimoan)	01/07/2016	31/12/9999	20	Tấn	1553
010207	Chì, kẽm	01/07/2016	31/12/9999	15	Tấn	1553
010208	Nhôm, bô-xít (bouxite)	01/02/2014	31/12/9999	12	Tấn	1553
010209	Đồng	01/07/2016	31/12/9999	15	Tấn	1553
010210	Ni-ken (niken)	01/02/2014	31/12/9999	10	Tấn	1553

010211	Cô-ban (coban), mô-lip-đen (molipden), thủy ngân, ma-nhê (magie), va-na-đi (vanadi)	01/07/2016	31/12/9999	15	Tấn	1553
010212	Bạch kim, bạc, thiếc	01/07/2016	31/12/9999	12	Tấn	1553
010213	Bạc	01/07/2016	31/12/2017	12	Tấn	1553
0103	Khoáng sản kim loại khác	01/07/2016	31/12/9999	15	Tấn	1553
02	Khoáng sản không kim loại	01/07/2016	31/12/9999			
020101	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	01/07/2016	31/12/9999	7	M3	1555
020102	Đá, sỏi	01/07/2016	31/12/9999	10	M3	1555
020103	Đá nung vôi và sản xuất xi măng	01/07/2016	31/12/9999	10	M3	1555
020104	Đá hoa trắng	01/07/2016	31/12/9999	15	M3	1555
020105	Cát	01/07/2016	31/12/9999	15	M3	1555
020106	Cát làm thủy tinh	01/07/2016	31/12/9999	15	M3	1555
020107	Đất làm gạch	01/07/2016	31/12/9999	15	M3	1555
020108	Các loại đất khác	01/02/2014	31/12/2017	10	M3	1555
020201	Gờ-ra-nít (granite)	01/07/2016	31/12/9999	15	M3	1555
020202	Sét chịu lửa	01/07/2016	31/12/9999	13	M3	1555
020203	Đô-lô-mít (dolomite), quắc-zít (quartzite)	01/07/2016	31/12/9999	15	Tấn	1555

020301	Cao lanh	01/07/2016	31/12/9999	13	Tấn	1555
020302	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	01/07/2016	31/12/9999	13	Tấn	1555
020303	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorite)	01/07/2016	31/12/9999	10	Tấn	1555
020304	A-pa-tít (apatit)	01/07/2016	31/12/9999	8	Tấn	1555
020305	Séc-păng-tin (secpentin)	01/07/2016	31/12/9999	6	Tấn	1555
0301	Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò	01/07/2016	31/12/9999	10	Tấn	1555
0302	Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên	01/07/2016	31/12/9999	12	Tấn	1555
0303	Than nâu, than mỡ	01/07/2016	31/12/9999	12	Tấn	1555
0304	Than khác	01/07/2016	31/12/9999	10	Tấn	1555
0401	Kim cương, ru-bi (rubi), sa-phia (sapphire)	01/07/2016	31/12/9999	27	Kg	1555
0402	E-mô-rốt (emerald), a-léch-xan-đờ-rít (alexandrite), ô-pan (opan) quý màu đen	01/07/2016	31/12/9999	25	Kg	1555
0403	Adít, rô-đô-lít (rodolite), py-rốp (pyrope), bê-rin (berin), sờ-pi-nen (spinen), tô-paz (topaz)	01/07/2016	31/12/9999	18	Kg	1555

0404	Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam; cờ-ri-ô-lít (cryolite); ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ l	01/07/2016	31/12/9999	18	Tấn	1555
0405	Khoáng sản không kim loại khác	01/07/2016	31/12/9999	10	M3	1555
05	Sản phẩm của rừng tự nhiên	01/02/2014	31/12/9999			
050101	Gỗ nhóm I	01/02/2014	31/12/9999	35	M3	1557
050102	Gỗ nhóm II	01/02/2014	31/12/9999	30	M3	1557
050104	Gỗ nhóm V, VI, VII, VIII và các loại gỗ khác	01/07/2016	31/12/9999	12	M3	1557
050105	Gỗ nhóm III	01/07/2016	31/12/9999	20	M3	1557
050106	Gỗ nhóm IV	01/07/2016	31/12/9999	18	M3	1557
050201	Cành, ngọn, gốc, rễ	01/02/2014	31/12/9999	10	M3	1557
050202	Củi	01/02/2014	31/12/9999	5	M3	1557
0503	Tre, trúc, nứa, mai, giang, tranh, vầu, lồ ô	01/02/2014	31/12/9999	10	Cây	1557
050401	Trầm hương, kỳ nam	01/02/2014	31/12/9999	25	Kg	1557
050402	Hồi, quế, sa nhân, thảo quả	01/02/2014	31/12/9999	10	Kg	1557
0505	Sản phẩm khác của rừng tự nhiên	01/02/2014	31/12/9999	5		1557

6	Hải sản tự nhiên	01/02/2014	31/12/9999			
0601	Ngọc trai, bào ngư, hải sâm	01/02/2014	31/12/9999	10	Kg	1556
0602	Hải sản tự nhiên khác	01/02/2014	31/12/9999	2	Kg	1556
07	Nước thiên nhiên		31/12/9999			
0701	Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp	01/07/2016	31/12/9999	10	M3	1558
0702	Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện	01/07/2016	31/12/9999	5	KWh	1552
0703	Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất, kinh doanh trừ nước quy định tại Điểm 1 và Điểm 2 Nhóm này		31/12/9999			
07030101	Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất nước sạch	01/02/2014	31/12/9999	1	M3	1558
07030102	Nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác	01/02/2014	31/12/9999	3	M3	1558

07030201	Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất nước sạch (Nước dưới đất)	01/07/2016	31/12/9999	5	M3	1558
07030202	Nước thiên nhiên dùng cho mục đích khác (Nước dưới đất)	01/07/2016	31/12/9999	8	M3	1558
08	Dầu, condensate	01/02/2014	31/12/9999			
080101	Sản lượng đến 20.000 thùng/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999	7	Thùng	1551
080102	Sản lượng trên 20.000 thùng đến 50.000 thùng/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999	9	Thùng	1551
080103	Sản lượng trên 50.000 thùng đến 75.000 thùng/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999	11	Thùng	1551

080104	Sản lượng trên 75.000 thùng đến 100.000 thùng/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999	13	Thùng	1551
080105	Sản lượng trên 100.000 thùng đến 150.000 thùng/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999	18	Thùng	1551
080106	Sản lượng trên 150.000 thùng/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999	23	Thùng	1551
080201	Sản lượng đến 20.000 thùng/ngày (đối với Dự án khác)	01/02/2014	31/12/9999	10	Thùng	1551
080202	Sản lượng trên 20.000 thùng đến 50.000 thùng/ngày (đối với Dự án khác)	01/02/2014	31/12/9999	12	Thùng	1551
080203	Sản lượng trên 50.000 thùng đến 75.000 thùng/ngày (đối với Dự án khác)	01/02/2014	31/12/9999	14	Thùng	1551
080204	Sản lượng trên 75.000 thùng đến 100.000 thùng/ngày (đối với Dự án khác)	01/02/2014	31/12/9999	19	Thùng	1551
080205	Sản lượng trên 100.000	01/02/2014	31/12/9999	24	Thùng	1551

	thùng đến 150.000 (đối với Dự án khác)					
080206	Sản lượng trên 150.000 thùng/ngày (đối với Dự án khác)	01/02/2014	31/12/9999	29	Thùng	1551
09	Khí thiên nhiên, khí than	01/02/2014	31/12/9999			
0901	Khí thiên nhiên, khí than (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999		M3	
090101	Khí thiên nhiên - Sản lượng đến 5 triệu m3/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999	1	M3	1562
090102	Khí thiên nhiên - Sản lượng trên 5 triệu m3 đến 10 triệu m3/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999	3	M3	1562
090103	Khí thiên nhiên - Sản lượng trên 10 triệu m3/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999	6	M3	1562
090104	Khí than - Sản lượng đến 5 triệu m3/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999	1	M3	1563
090105	Khí than- Sản lượng trên 5	01/02/2014	31/12/9999	3	M3	1563

	triệu m3 đến 10 triệu m3/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)					
090106	Khí than - Sản lượng trên 10 triệu m3/ngày (đối với Dự án khuyến khích đầu tư)	01/02/2014	31/12/9999	6	M3	1563
0902	Khí thiên nhiên, khí than (đối với Dự án khác)	01/02/2014	31/12/9999		M3	
090201	Khí thiên nhiên - Sản lượng đến 5 triệu m3/ngày (đối với Dự án khác)	01/02/2014	31/12/9999	2	M3	1562
090202	Khí thiên nhiên - Sản lượng trên 5 triệu m3 đến 10 triệu m3/ngày (đối với Dự án khác)	01/02/2014	31/12/9999	5	M3	1562
090203	Khí thiên nhiên - Sản lượng trên 10 triệu m3/ngày (đối với Dự án khác)	01/02/2014	31/12/9999	10	M3	1562
090204	Khí than - Sản lượng đến 5 triệu m3/ngày (đối với Dự án khác)	01/02/2014	31/12/9999	2	M3	1563
090205	Khí than - Sản lượng trên 5 triệu m3 đến 10 triệu m3/ngày (đối với Dự án	01/02/2014	31/12/9999	5	M3	1563

	khác)					
090206	Khí than - Sản lượng trên 10 triệu m3/ngày (đối với Dự án khác)	01/02/2014	31/12/9999	10	M3	1563
10	Yến sào thiên nhiên	01/02/2014	31/12/9999			
1001	Yến sào thiên nhiên	01/02/2014	31/12/9999	20	Kg	1561
11	Tài nguyên khoáng sản khác	01/02/2014	31/12/9999			
1101	Tài nguyên khoáng sản khác	01/02/2014	31/12/9999	10	Kg	1599
010102	Sắt	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	
010103	Măng-gan	01/07/2010	31/01/2014	11	Kg	
010104	Ti-tan (titan)	01/07/2010	31/01/2014	11	Kg	
010207	Vàng	01/07/2010	31/01/2014	15	Kg	1553
010203	Đất hiếm	01/07/2010	31/01/2014	15	Kg	
010208	Bạch kim	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	
010209	Bạc	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	1553
010210	Thiếc	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	
010211	Vôn-phờ-ram (wolfram), ăng-ti-moan (antimoan)	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	
010212	Chì, kẽm	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	
010213	Nhôm, bô-xít (bouxite)	01/07/2010	31/01/2014	12	Kg	
010214	Đồng, ni-ken (niken)	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	
010215	Cô-ban (coban), mô-lip-đen (molipden), thuỷ ngân, ma-nhê (magie), va-na-đi	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	

	(vanadi)					
0103	Khoáng sản kim loại khác	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	
020101	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	01/07/2010	31/01/2014	4	M3	
020102	Đá, sỏi	01/07/2010	31/01/2014	6	M3	
020103	Đá nung vôi và sản xuất xi măng	01/07/2010	31/01/2014	7	M3	
020104	Cát	01/07/2010	31/01/2014	10	M3	
020105	Cát làm thuỷ tinh	01/07/2010	31/01/2014	11	M3	
020106	Đất làm gạch	01/07/2010	31/01/2014	7	M3	
020202	Gờ-ra-nít (granite)	01/07/2010	31/01/2014	10	M3	
020203	Sét chịu lửa	01/07/2010	31/01/2014	10	M3	
020204	Đô-lô-mít (dolomite), quắc-zít (quartzite)	01/07/2010	31/01/2014	12	M3	
020303	Cao lanh	01/07/2010	31/01/2014	10	M3	
020304	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	01/07/2010	31/01/2014	10	M3	
020305	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorite)	01/07/2010	31/01/2014	7	M3	
020302	A-pa-tít (apatit), séc-păng-tin (secpentin)	01/07/2010	31/01/2014	3	M3	
0301	Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò	01/07/2010	31/01/2014	5	Tấn	

0302	Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên	01/07/2010	31/01/2014	7	Tấn	
0303	Than nâu, than mỡ	01/07/2010	31/01/2014	7	Tấn	
0304	Than khác	01/07/2010	31/01/2014	5	Tấn	
0401	Kim cương, ru-bi (rubi), sa-phia (sapphire)	01/07/2010	31/01/2014	22	M3	1555
0405	E-mô-rốt (emerald), a-lếch-xan-đờ-rít (alexandrite), ô-pan (opan) quý màu đen	01/07/2010	31/01/2014	20	M3	1555
0406	A-dít, rô-đô-lít (rodolite), py-rốp (pyrope), bê-rin (berin), sờ-pi-nen (spinen), tô-paz (topaz)	01/07/2010	31/01/2014	15	M3	1555
0407	Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam; cờ-ri-ô-lít (cryolite); ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ l	01/07/2010	31/01/2014	15	M3	1555
0404	Khoáng sản không kim loại khác	01/07/2010	31/01/2014	5	M3	
05	Sản phẩm của rừng tự nhiên	01/06/2010	31/01/2014	0	Tấn	
050101	Đến 20.000 thùng/ngày		31/01/2014	7	Tấn	
050102	Trên 20.000 thùng đến 50.000 thùng/ngày	01/07/2010	31/01/2014	9	Tấn	
050103	Trên 50.000 thùng đến	01/07/2010	31/01/2014	11	Tấn	

	75.000 thùng/ngày					
050104	Trên 75.000 thùng đến 100.000 thùng/ngày	01/07/2010	31/01/2014	13	Tấn	
050105	Trên 100.000 thùng đến 150.000 thùng/ngày	01/07/2010	31/01/2014	18	Tấn	
050106	Trên 150.000 thùng/ngày	01/07/2010	31/01/2014	23	Tấn	
050201	Đến 20.000 thùng/ngày đối với DA khác	01/07/2010	31/01/2014	10	Tấn	
050202	Trên 20.000 thùng đến 50.000 thùng/ngày đối với DA khác	01/07/2010	31/01/2014	12	Tấn	
050203	Trên 50.000 thùng đến 75.000 thùng/ngày đối với DA khác	01/07/2010	31/01/2014	14	Tấn	
050204	Trên 75.000 thùng đến 100.000 thùng/ngày đối với DA khác	01/07/2010	31/01/2014	19	Tấn	
050205	Trên 100.000 thùng đến 150.000 thùng/ngày đối với DA khác	01/07/2010	31/01/2014	24	Tấn	
050206	Trên 150.000 thùng/ngày đối với DA khác	01/07/2010	31/01/2014	29	Tấn	
060101	Đến 5 triệu m3/ngày đối với DAKKĐT	01/07/2010	31/01/2014	1	M3	

060102	Trên 5 triệu m3 đến 10 triệu m3/ngày đối với DAKKĐT	01/07/2010	31/01/2014	3	M3	
060103	Trên 10 triệu m3/ngày đối với DAKKĐT	01/07/2010	31/01/2014	6	M3	
060201	Đến 5 triệu m3/ngày đối với DA khác	01/07/2010	31/01/2014	2	M3	
060202	Trên 10 triệu m3/ngày đối với DA khác	01/07/2010	31/01/2014	5	M3	
060203	Trên 10 triệu m3/ngày đối với đối với DA khác	01/07/2010	31/01/2014	10	M3	
070101	Gỗ nhóm I	01/07/2010	31/01/2014	35	M3	
070102	Gỗ nhóm II	01/07/2010	31/01/2014	30	M3	
070103	Gỗ nhóm III, IV	01/07/2010	31/01/2014	20	M3	
070104	Gỗ nhóm V, VI, VII, VIII và các loại gỗ khác	01/07/2010	31/01/2014	15	M3	
070601	Cành, ngọn, gốc, rễ	01/07/2010	31/01/2014	10	M3	
070602	Củi	01/07/2010	31/01/2014	5	M3	
0707	Tre, trúc, nứa, mai, giang, tranh, vầu, lồ ô	01/07/2010	31/01/2014	10	M3	
070801	Trầm hương, kỳ nam	01/07/2010	31/01/2014	25	Kg	
070802	Hồi, quế, sa nhân, thảo quả	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	
0709	Sản phẩm khác của rừng tự nhiên	01/07/2010	31/01/2014	5	Kg	
0801	Ngọc trai, bào ngư, hải sâm	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	

0802	Hải sản tự nhiên khác	01/07/2010	31/01/2014	2	Kg	
0901	Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp	01/07/2010	31/01/2014	8	M3	
0902	Nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện	01/07/2010	31/01/2014	2	KWh	
09030101	Sử dụng nước mặt làm nguyên liệu	01/07/2010	31/01/2014	3	M3	
09030102	Sử dụng nước dưới đất làm nguyên liệu	01/07/2010	31/01/2014	5	M3	
09030201	Sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất	01/07/2010	31/01/2014	1	M3	
09030202	Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất	01/07/2010	31/01/2014	3	M3	
09040101	Sử dụng nước mặt khai thác dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, xây dựng, khai khoán	01/07/2010	31/01/2014	3	M3	
09040102	Sử dụng nước dưới đất dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, xây dựng, khai khoáng	01/07/2010	31/01/2014	6	M3	

09040201	Sử dụng nước mặt khai thác dùng vào mục đích khác	01/07/2010	31/01/2014	1	M3	
09040202	Sử dụng nước dưới đất khai thác dùng vào mục đích khác	01/07/2010	31/01/2014	3	M3	
1001	Yến sào thiên nhiên	01/07/2010	31/01/2014	20	Kg	
1101	Tài nguyên khác	01/07/2010	31/01/2014	10	Kg	
010101	Sắt	01/02/2014	30/06/2016	12	Kg	
010102	Măng-gan	01/02/2014	30/06/2016	11	Kg	
010103	Ti-tan (titan)	01/02/2014	30/06/2016	16	Kg	
010201	Đất hiếm	01/02/2014	30/06/2016	15	Kg	
010202	Vàng	01/02/2014	30/06/2016	15	Kg	1553
010203	Bạch kim	01/02/2014	30/06/2016	10	Kg	
010204	Bạc, thiếc	01/02/2014	30/06/2016	10	Kg	1553
010205	Thiếc	01/02/2014	30/06/2016	10	Kg	
010206	Vôn-phờ-ram (wolfram), ăng-ti-moan (antimoan)	01/02/2014	30/06/2016	18	Kg	
010207	Chì, kẽm	01/02/2014	30/06/2016	10	Kg	
010209	Đồng	01/02/2014	30/06/2016	13	Kg	
010211	Cô-ban (coban), mô-lip-đen (molipden), thủy ngân, ma-nhê (magie), va-na-đi (vanadi)	01/02/2014	30/06/2016	10	Kg	
0103	Khoáng sản kim loại khác	01/02/2014	30/06/2016	10	Kg	
020101	Đất khai thác để san lấp, xây	01/02/2014	30/06/2016	4	M3	

	dựng công trình					
020102	Đá, sỏi	01/02/2014	30/06/2016	7	M3	
020103	Đá nung vôi và sản xuất xi măng	01/02/2014	30/06/2016	7	M3	
020104	Đá hoa trắng	01/02/2014	30/06/2016	9	M3	
020105	Cát	01/02/2014	30/06/2016	11	M3	
020106	Cát làm thủy tinh	01/02/2014	30/06/2016	13	M3	
020107	Đất làm gạch	01/02/2014	30/06/2016	10	M3	
020201	Gờ-ra-nít (granite)	01/02/2014	30/06/2016	10	M3	
020202	Sét chịu lửa	01/02/2014	30/06/2016	10	M3	
020203	Đô-lô-mít (dolomite), quắc-zít (quartzite)	01/02/2014	30/06/2016	12	M3	
020301	Cao lanh	01/02/2014	30/06/2016	10	M3	
020302	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	01/02/2014	30/06/2016	10	M3	
020303	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorite)	01/02/2014	30/06/2016	7	M3	
020304	A-pa-tít (apatit)	01/02/2014	30/06/2016	5	M3	
020305	Séc-păng-tin (secpentin)	01/02/2014	30/06/2016	3	M3	
0301	Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò	01/02/2014	30/06/2016	7	Tấn	
0302	Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên	01/02/2014	30/06/2016	9	Tấn	
0303	Than nâu, than mỡ	01/02/2014	30/06/2016	9	Tấn	

0304	Than khác	01/02/2014	30/06/2016	7	Tấn	
0401	Kim cương, ru-bi (rubi), sa-phia (sapphire)	01/02/2014	30/06/2016	22	M3	1555
0402	E-mô-rốt (emerald), a-lếch-xan-đờ-rít (alexandrite), ô-pan (opan) quý màu đen	01/02/2014	30/06/2016	20	M3	1555
0403	Adít, rô-đô-lít (rodolite), py-rốp (pyrope), bê-rin (berin), sờ-pi-nen (spinen), tô-paz (topaz)	01/02/2014	30/06/2016	15	M3	1555
0404	Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam; cờ-ri-ô-lít (cryolite); ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ l	01/02/2014	30/06/2016	15	M3	1555
0405	Khoáng sản không kim loại khác	01/02/2014	30/06/2016	5	M3	
050103	Gỗ nhóm III, IV	01/02/2014	30/06/2016	20	M3	
050104	Gỗ nhóm V, VI, VII, VIII và các loại gỗ khác	01/02/2014	30/06/2016	15	M3	
0701	Nước khoáng thiên nhiên, nước nóng thiên nhiên, nước thiên nhiên tinh lọc đóng chai, đóng hộp	01/02/2014	30/06/2016	8	M3	
0702	Nước thiên nhiên dùng cho	01/02/2014	30/06/2016	4	KWh	

	sản xuất thủy điện					
07030201	Nước dùng cho sản xuất nước sạch (Nước dưới đất)	01/02/2014	30/06/2016	3	M3	
07030202	Nước dùng cho mục đích khác (Nước dưới đất)	01/02/2014	30/06/2016	5	M3	
05	Dầu thô	01/07/2010	31/01/2014	0	Tấn	
06	Khí thiên nhiên, khí than	01/07/2010	31/01/2014			